

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



VĂN KIẾN
ĐẠI HỘI ĐẢNG
THỜI KỲ ĐỔI MỚI
PHẦN I
(ĐẠI HỘI VI, VII, VIII, IX)

ST

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
ThS. PHẠM THỊ THỊNH

Biên tập nội dung:	ThS. PHẠM NGỌC BÍCH TS. HOÀNG MẠNH THẮNG ThS. NGUYỄN THANH HƯƠNG TRẦN PHAN BÍCH LIỄU
Trình bày bìa:	PHẠM THÚY LIỄU
Chế bản vi tính:	LÂM THỊ HƯƠNG
Đọc sách mẫu:	THANH HƯƠNG VIỆT HÀ

VĂN KIẾN
ĐẠI HỘI ĐẢNG
THỜI KỲ ĐỔI MỚI
PHẦN I
(ĐẠI HỘI VI, VII, VIII, IX)

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



VĂN KIẾN
ĐẠI HỘI ĐẢNG
THỜI KỲ ĐỔI MỚI
PHẦN I
(ĐẠI HỘI VI, VII, VIII, IX)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2019

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng diễn ra vào tháng 12-1986 là một sự kiện chính trị đặc biệt quan trọng của đất nước, đánh dấu bước ngoặt lịch sử trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, định hướng cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc để tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.

Sau hơn 30 năm đổi mới, từ năm 1986 đến nay, chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu hết sức to lớn và có ý nghĩa lịch sử trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trong đó phải kể đến sự thay đổi cơ bản và toàn diện nền kinh tế. Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới, kinh tế Việt Nam đã chuyển mình mạnh mẽ, đưa nước ta thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, tốc độ tăng trưởng cao, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh. Cơ cấu kinh tế của Việt Nam đã bước đầu chuyển dịch theo hướng hiện đại. Đời sống tinh thần và vật chất của người dân được cải thiện rõ rệt. An sinh xã hội và phúc lợi xã hội cơ bản được đảm bảo và phát triển khá đồng bộ. Bên cạnh đó, hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường, góp phần quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, xã hội. Quốc phòng, an ninh được giữ vững. Vị thế đất nước không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế. Từ đó, sức mạnh tổng hợp quốc gia tăng lên nhanh chóng, tạo điều kiện thuận lợi cho nước ta tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới mà Đảng và Nhà nước đã khởi xướng theo chiều sâu.

Nhằm mục đích hệ thống hóa các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, đáp ứng nhu cầu học tập, tìm hiểu, nghiên cứu của các cấp, các ngành, các địa phương, của cán bộ, đảng viên và nhân dân, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn ***Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới***. Cuốn sách được chia làm hai phần: Phần I (Đại hội VI, VII, VIII, IX); Phần II (Đại hội X, XI, XII), bao gồm các bài diễn văn khai mạc, báo cáo chính trị, nghị quyết, phương hướng và mục tiêu phát triển đất nước, Điều lệ Đảng và diễn văn bế mạc được trình bày trong các kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 6 năm 2019

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

VĂN KIẾN
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ VI

**DIỄN VĂN KHAI MẠC
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ VI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

(Do đồng chí Nguyễn Văn Linh,
Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng
khoá V trình bày,
ngày 15 tháng 12 năm 1986)

*Kính thưa Đoàn Chủ tịch,
Thưa các vị khách quý,
Thưa các đồng chí đại biểu thân mến,*

Mở đầu phiên họp trọng thể này, thay mặt Đoàn Chủ tịch, tôi xin gửi lời chào mừng nồng nhiệt nhất đến các đồng chí đại biểu, những đảng viên ưu tú được đại hội các đảng bộ trực thuộc Trung ương bầu ra, tiêu biểu sức mạnh đoàn kết và trí tuệ tập thể của Đảng, mang đến Đại hội toàn quốc ý chí và nguyện vọng của toàn Đảng và toàn dân ta.

Đại hội chúng ta nhiệt liệt chào mừng đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Liên Xô do đồng chí E.K. Ligachốp, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ủy ban Trung ương Đảng dẫn đầu, đoàn đại biểu Đảng Nhân dân cách mạng Lào do đồng chí Cayxôn Phômvihản, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng dẫn đầu, đoàn đại biểu Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia do đồng chí Hêng Xomrin, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng dẫn đầu.

Chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh các đoàn đại biểu các đảng anh em và bè bạn, mang lại cho chúng ta tình hữu nghị thắm thiết và tình đoàn kết phấn đấu vì những sự nghiệp cách mạng, tiến bộ xã hội và bảo vệ hoà bình thế giới.

Đại hội chúng ta thành kính hướng về Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, vị lãnh tụ kính yêu mà tư tưởng và đạo đức sống mãi trong sự nghiệp của nhân dân ta với sức giáo dục và động viên đặc biệt sâu xa và nóng hổi, đòi hỏi chúng ta nhìn thẳng vào sự thật và rút ra những kết luận đích đáng, như đã được nêu lên trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày.

Đại hội chúng ta tưởng nhớ đồng chí Lê Duẩn, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiều năm là Tổng Bí thư của Đảng, đã cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, người chiến sĩ quốc tế trong sáng được kính trọng trong phong trào cộng sản quốc tế và trên thế giới, người cộng sản kiên cường suốt đời phục vụ nhân dân.

Đại hội chúng ta tưởng nhớ các đồng chí Nguyễn Duy Trinh, Trần Quốc Hoàn, Xuân Thuỷ, Hoàng Văn Thái, Lê Trọng Tấn, tưởng nhớ các đồng chí Ủy viên trung ương khác cùng biết bao đảng viên, đồng bào và chiến sĩ yêu quý đã hy sinh vì sự nghiệp cách mạng từ Đại hội lần thứ V của Đảng đến nay.

(Đề nghị Đại hội để một phút mặc niệm).

Những năm qua, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc đã thu được những thành tựu và thắng lợi quan trọng. Ở nhiều nơi trong cả nước, xuất hiện những mầm non đầy hứa hẹn, những điển hình quản lý tốt, những

đơn vị tiên tiến. Đó là những bông hoa của chủ nghĩa xã hội nảy nở ngày càng nhiều trên đất nước ta. Từ nhiều tháng nay, đã dấy lên phong trào của các đảng bộ, các tầng lớp nhân dân trong cả nước và Việt kiều ở ngoài nước hướng về Đại hội, góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo chính trị của Trung ương, thi đua lập thành tích mừng Đại hội. Vui mừng trước những thành quả đó, chúng ta càng phải thấy rõ mặt trái của tình hình, nhất là về kinh tế - xã hội, sự trì trệ về sản xuất, sự rối ren về phân phối, lưu thông, những khó khăn trong đời sống nhân dân, những hiện tượng tiêu cực trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống, sự giảm sút niềm tin của nhân dân lao động. Đó là những điều mà Đảng ta cũng như nhân dân ta không thể chấp nhận được. Nhất định, chúng ta phải tạo cho được sự chuyển biến của tình hình, nhất là làm cho kinh tế và xã hội ổn định, lành mạnh và tiến lên.

Để làm chuyển biến tình hình, Đại hội lần thứ VI này phải đánh dấu sự đổi mới của Đảng ta về tư duy, phong cách, tổ chức và cán bộ. Đó là đòi hỏi bức thiết của đất nước. Đó cũng là đặc tính của cách mạng, nhất là cách mạng xã hội chủ nghĩa, là bản chất sâu xa của chủ nghĩa Mác - Lênin, là xu thế tất yếu của thời đại, được thể hiện nổi bật trong những tư tưởng lớn của Đại hội lần thứ XXVII Đảng Cộng sản Liên Xô, Đảng của Lênin vĩ đại.

Chỉ có đổi mới thì mới thấy đúng và thấy hết sự thật, thấy những nhân tố mới để phát huy, những sai lầm để sửa chữa, nhằm vận dụng tốt chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh nước ta, phát huy truyền thống lịch sử và cách mạng của dân tộc, động viên tính năng động, sáng tạo và khả năng vô tận của nhân dân lao động làm chủ tập thể để đồng thời đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Như vậy là giữ vững bản chất cao quý đáng

tự hào của Đảng ta, dân tộc ta, chế độ ta, đồng thời phát huy bản chất ấy phong phú hơn, đẹp đẽ hơn, khai hoa kết quả trong những thành tựu mới, đáp ứng yêu cầu của nhân dân ta, hoà nhịp với những đổi thay của thời đại. Muốn thế, phải đấu tranh chống cái cũ, chống bảo thủ trì trệ, chống giáo điều rập khuôn, chống chủ quan nóng vội, chống tha hoá biến chất, chống những thói quen lỗi thời dai dẳng. Đây là cuộc đấu tranh cách mạng gian khổ diễn ra trên mọi lĩnh vực và trong bản thân từng người chúng ta.

Các báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội đã cố gắng tập hợp trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, cụ thể hoá đường lối đúng của Đảng đã được vạch ra từ Đại hội IV và Đại hội V, đề ra các chủ trương, biện pháp chuyển biến và đổi mới, tập trung vào ba chương trình kinh tế lớn - lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu - và cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng, làm trong sạch và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước, đẩy lùi và xoá bỏ các hiện tượng tiêu cực, làm lành mạnh các quan hệ xã hội và thực hiện công bằng xã hội.

Đại hội chúng ta sẽ thảo luận và thông qua các báo cáo của Trung ương và bầu Ban Chấp hành Trung ương mới, thể hiện truyền thống đoàn kết nhất trí, ý chí đổi mới, quyết tâm tiến lên của Đảng ta nhằm bảo đảm lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết mà Đại hội đề ra.

Chuyển biến toàn bộ sự nghiệp cách mạng theo hướng đổi mới là một quá trình lâu dài. Chúng ta còn phải tiếp tục kiên trì suy nghĩ, tìm tòi, thử nghiệm, từng bước hình thành cái mới một cách tích cực và vững chắc.

Tình hình đất nước đòi hỏi Đảng ta phải lớn lên, tăng cường đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, khôi phục,

củng cố lòng tin và niềm phấn khởi của nhân dân, động viên phong trào cách mạng của quần chúng.

Nhân dân lao động nước ta, dân tộc Việt Nam ta rất giàu nhiệt tình cách mạng, dũng cảm, thông minh và sáng tạo. Nhất định nhân dân ta sẽ vui mừng đón nhận Nghị quyết của Đại hội, biến Nghị quyết thành hành động cách mạng, ra sức phấn đấu đạt hiệu quả thiết thực trên mọi lĩnh vực của đời sống.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, trong các cuộc kháng chiến, chúng ta đã làm nên sự nghiệp có ý nghĩa lịch sử và tầm vóc thời đại. Mười năm qua, chúng ta đã trả giá đắt để thu được những hiểu biết và kinh nghiệm ngày nay, và chúng ta đã có bước trưởng thành. Nhất định trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, thực hiện hai nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta và nhân dân ta sẽ làm nên sự nghiệp vĩ đại ngang tầm sứ mệnh lịch sử của dân tộc, vì lợi ích của nhân dân ta, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng, hoà bình và hữu nghị giữa các dân tộc ở khu vực này và trên thế giới.

Trong niềm tin tưởng đó, tôi tuyên bố khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng.

**BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA V TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ VI CỦA ĐẢNG**

(Do đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V,
Chủ tịch Hội đồng Nhà nước trình bày,
ngày 15 tháng 12 năm 1986)

Thưa các đồng chí,

Sau khi đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, hoàn thành sự nghiệp giải phóng Tổ quốc, thực hiện thống nhất nước nhà, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân cả nước tiến vào giai đoạn cách mạng mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Năm năm qua là một đoạn đường đầy thử thách. Bên cạnh những thắng lợi giành được, chúng ta đã mắc một số khuyết điểm và sai lầm. Cách mạng nước ta có những nhân tố thuận lợi mới nhưng cũng đang đứng trước nhiều khó khăn gay gắt.

Trong quá trình chuẩn bị đại hội, các đồng chí trong toàn Đảng, đồng bào trong cả nước và ở nước ngoài đã góp nhiều ý kiến thẳng thắn vào bản dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương và nêu nhiều kiến nghị đầy tâm huyết. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đang theo dõi, trông đợi Đại hội lần thứ VI của Đảng đánh giá đúng tình hình,

tổng kết được những kinh nghiệm quý báu, xác định những nhiệm vụ, mục tiêu, chính sách và biện pháp để ổn định tình hình, đưa sự nghiệp cách mạng tiếp tục tiến lên.

Đại hội chúng ta có nhiệm vụ làm hết sức mình để đáp ứng lòng mong mỏi chính đáng của đồng bào và đồng chí.

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH VÀ NHIỆM VỤ

Thưa các đồng chí,

Thái độ của Đảng ta trong việc đánh giá tình hình là *nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật*. Cùng với việc đánh giá đúng những thành tích đã đạt được, ở Đại hội này, chúng ta chú trọng kiểm điểm những mặt yếu kém, phân tích sâu sắc những sai lầm và khuyết điểm, vạch rõ nguyên nhân, nêu ra biện pháp khắc phục, xác định nhiệm vụ và mục tiêu phấn đấu trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ.

Năm năm qua, cách mạng nước ta diễn ra trong bối cảnh quốc tế và trong nước có những thuận lợi cơ bản, nhưng cũng có nhiều mặt phức tạp.

Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, nhân dân ta tiếp tục nhận được sự giúp đỡ to lớn và sự hợp tác nhiều mặt của Liên Xô vĩ đại và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, cũng như sự cổ vũ, ủng hộ của nhiều nước bầu bạn và nhân dân yêu chuộng tự do trên thế giới. Cùng với sự cải thiện thế chiến lược chung của cách mạng ba nước Đông Dương, quan hệ hợp tác toàn diện giữa Việt Nam, Lào và Campuchia đã tạo thêm những nhân tố thuận lợi cho công cuộc xây dựng cuộc sống mới ở mỗi nước.

Song, đất nước ta cùng với Lào và Campuchia phải thường xuyên đối phó với những hành động xâm lược, phá hoại và bao vây kinh tế của các thế lực thù địch. Những biến động bất lợi trên thị trường thế giới cũng gây thêm cho chúng ta không ít khó khăn.

Từ điểm xuất phát rất thấp về kinh tế, lại chịu hậu quả của chiến tranh lâu dài, nhân dân ta phải thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược, vừa thực hiện nhiệm vụ dân tộc, vừa làm nghĩa vụ quốc tế, phải đáp ứng cùng một lúc những yêu cầu vừa cơ bản, vừa cấp bách là ổn định và cải thiện đời sống, tích lũy để xây dựng chủ nghĩa xã hội và củng cố quốc phòng.

Về tình hình kinh tế - xã hội trong nước, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, sự giảm sút của sản xuất vào cuối những năm 70 cùng với những sai lầm trong bố trí cơ cấu kinh tế, nhất là bố trí đầu tư và xây dựng cơ bản của 5 năm 1976 - 1980, đã để lại hậu quả nặng nề.

Thực hiện những nhiệm vụ và mục tiêu do Đại hội lần thứ V của Đảng vạch ra, nhân dân ta anh dũng phấn đấu, khắc phục khó khăn, vượt qua trở ngại, đã đạt được *những thành tựu quan trọng* trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong *sản xuất nông nghiệp và công nghiệp*, đã ngăn chặn được đà giảm sút của những năm 1979 - 1980, từ năm 1981 đến nay, đạt được nhiều tiến bộ rõ rệt.

Nông nghiệp tăng bình quân hằng năm 4,9% so với 1,9% hằng năm của thời kỳ 1976 - 1980. Sản xuất lương thực có bước phát triển quan trọng, mức bình quân hằng năm từ 13,4 triệu tấn trong thời kỳ 1976 - 1980 đã tăng lên 17 triệu tấn trong thời kỳ 1981 - 1985. Sản xuất công nghiệp tăng bình

quân hằng năm 9,5% so với 0,6% hằng năm trong thời kỳ 1976 - 1980. Thu nhập quốc dân tăng bình quân hằng năm 6,4% so với 0,4% trong 5 năm trước.

Về *xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật*, trong 5 năm 1981 - 1985, đã hoàn thành mấy trăm công trình tương đối lớn và hàng nghìn công trình vừa và nhỏ, trong đó có một số cơ sở quan trọng về điện, dầu khí, xi măng, cơ khí, dệt, đường, thuỷ lợi, giao thông... Về năng lực sản xuất, tăng thêm 456 nghìn kilôoát điện, 2,5 triệu tấn than, 2,4 triệu tấn xi măng, 33 nghìn tấn sợi, 58 nghìn tấn giấy; thêm 309 nghìn hécta được tưới nước, 186 nghìn hécta được tiêu úng, 241 nghìn hécta được khai hoang đưa vào sản xuất; dầu mỏ bắt đầu được khai thác. Các công trình thủy điện Hoà Bình, Trị An đang được xây dựng, chuẩn bị đưa vào hoạt động trong những năm tới.

Công cuộc *cải tạo xã hội chủ nghĩa* đã tiến thêm một bước, đại bộ phận nông dân Nam Bộ đi vào con đường sản xuất tập thể, đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên có tiến bộ trong sự nghiệp xây dựng cuộc sống mới. Cùng với việc áp dụng những thành tựu về khoa học, kỹ thuật, việc thực hiện rộng rãi phương thức khoán sản phẩm cuối cùng đến người lao động trong nông nghiệp, tuy chưa hoàn thiện và còn nhiều thiếu sót, đã góp một phần quan trọng tạo nên bước phát triển của sản xuất nông nghiệp, mở ra phương hướng đúng đắn cho việc củng cố quan hệ kinh tế tập thể ở nông thôn.

Nhà nước và nhân dân ta cố gắng chăm lo *bảo đảm các nhu cầu của quốc phòng và an ninh*, thi hành chính sách hậu phương quân đội.

Chăm lo *đời sống của nhân dân* là một nhiệm vụ thường xuyên và hết sức khó khăn của Đảng và Nhà nước ta trong

hoàn cảnh nền kinh tế còn yếu kém, thiên tai dồn dập, dân số tăng nhanh. Các ngành kinh tế quốc dân đã thu hút thêm 4 triệu lao động. Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao, văn học, nghệ thuật phát triển và có những đóng góp nhất định vào việc xây dựng nền văn hoá mới, con người mới. Các hoạt động khoa học, kỹ thuật được triển khai, góp phần thúc đẩy sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp.

Trong cả nước, đã xuất hiện nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh khá, nhiều đơn vị chiến đấu giỏi, nhiều huyện làm ăn tốt; một số địa phương và ngành có cách làm năng động, sáng tạo đã đạt những thành tích đáng phấn khởi. Thực tiễn sinh động của các cơ sở, các địa phương, các ngành cung cấp kinh nghiệm quý báu cho sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Cũng trong 5 năm qua, cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh chính trị và làm nghĩa vụ quốc tế của nhân dân và các lực lượng vũ trang ta đã giành thêm những *thắng lợi to lớn*.

Chúng ta đã làm thất bại thêm một bước quan trọng âm mưu của bọn bá quyền chống nước ta, củng cố hơn nữa khả năng quốc phòng của đất nước.

Trên vùng biên giới phía bắc, quân và dân ta đã xây dựng thế trận phòng thủ ngày càng vững chắc, chiến đấu dũng cảm và có hiệu quả, ngăn chặn địch lấn chiếm.

Chúng ta đã làm thất bại một bước chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, tiêu diệt và làm tan rã một bộ phận lớn bọn phản động FULRO ở vùng Tây Nguyên, bắt gọn nhiều nhóm phản động khác và bọn gián điệp, thám báo, đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Công cuộc xây dựng nền quốc phòng toàn dân đạt được những kết quả đáng kể trên một số mặt: củng cố thế trận chiến tranh nhân dân, củng cố cơ sở chính trị ở những địa

bàn xung yếu, xây dựng lực lượng dự bị. Quân đội ta đã có một bước phát triển theo hướng chính quy, hiện đại; sức mạnh chiến đấu được nâng cao. Lực lượng dân quân, tự vệ được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, huy động lực lượng quân đội tham gia xây dựng kinh tế đã đạt một số kết quả, nhất là xây dựng các công trình công nghiệp và giao thông.

Quân và dân ta tiếp tục thực hiện *ngũ pháp quốc tế đối với Lào và Campuchia*, củng cố liên minh chiến lược với hai nước láng giềng anh em, cùng nhau tăng cường thế và lực của cách mạng ở cả ba nước.

Những thành tựu đạt được trong việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, sự tăng cường quan hệ đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô, Lào, Campuchia, với các nước anh em khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, việc phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước độc lập dân tộc, các lực lượng tiến bộ và hoà bình đã tạo cho sự nghiệp cách mạng nước ta *những nhân tố mới để tiếp tục tiến lên*.

Những thành tựu ấy bắt nguồn từ đường lối chung và đường lối kinh tế được xác định tại Đại hội lần thứ IV và Đại hội lần thứ V, gắn liền với những chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

Những thành tựu đã đạt được làm nổi bật tinh thần lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm của quân và dân ta. Trong điều kiện sản xuất, chiến đấu và đời sống hết sức khó khăn, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa và các lực lượng vũ trang nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần làm chủ tập thể, đã sáng tạo ra một khối lượng sản phẩm nhiều hơn rõ rệt so với 5 năm trước, chiến đấu rất kiên cường, thông minh, dũng cảm, lập nhiều chiến công.

Những thành tựu ấy không tách rời sự giúp đỡ và ủng hộ quý báu của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, các nước bạn và nhiều tổ chức quốc tế, đặc biệt là sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô, sự hợp tác và tình đoàn kết, chiến đấu của Lào và Campuchia.

Khẳng định những thành tựu đã đạt được, chúng ta đồng thời thấy rõ rằng, tình hình kinh tế - xã hội nước ta đang có nhiều khó khăn:

- Sản xuất tuy có tăng, nhưng tăng chậm so với khả năng sẵn có và công sức bỏ ra, so với yêu cầu cần nhanh chóng ổn định đời sống của nhân dân, có tích lũy để công nghiệp hoá và củng cố quốc phòng. Một số chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch 5 năm vừa qua như sản xuất lương thực, than, xi măng, gỗ, vải, hàng xuất khẩu... không đạt đã ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động kinh tế và đời sống của nhân dân lao động.

- Hiệu quả sản xuất và đầu tư thấp. Các xí nghiệp nói chung chỉ sử dụng được khoảng một nửa công suất thiết kế, năng suất lao động giảm, chất lượng sản phẩm sút kém.

- Tài nguyên của đất nước chưa được khai thác tốt, lại bị sử dụng lãng phí, nhất là đất nông nghiệp và tài nguyên rừng; môi trường sinh thái bị phá hoại.

- Lưu thông không thông suốt, phân phối rối ren, vật giá tăng nhanh đang tác động tiêu cực đến sản xuất, đời sống và xã hội.

- Những mất cân đối lớn trong nền kinh tế giữa cung và cầu về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, năng lượng, nguyên liệu, vận tải..., giữa thu và chi, xuất khẩu và nhập khẩu chậm được thu hẹp, có mặt còn gay gắt hơn trước.

- Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chậm được củng cố. Vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh suy yếu. Các thành

phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa chưa được sử dụng và cải tạo tốt.

- Đời sống của nhân dân, nhất là công nhân, viên chức còn nhiều khó khăn. Nhiều người lao động chưa có và chưa đủ việc làm. Nhiều nhu cầu chính đáng tối thiểu của nhân dân về đời sống vật chất và văn hoá chưa được bảo đảm. Nông thôn thiếu hàng tiêu dùng thông thường và thuốc men; nhà ở, điều kiện vệ sinh, sinh hoạt văn hoá ở nhiều nơi còn thiếu thốn, nghèo nàn.

- Hiện tượng tiêu cực trong xã hội phát triển. Công bằng xã hội bị vi phạm. Pháp luật, kỷ cương không nghiêm. Những hành vi lạm quyền, tham nhũng của một số cán bộ và nhân viên nhà nước, những hoạt động của bọn làm ăn phi pháp... chưa bị trừng trị nghiêm khắc và kịp thời.

Thực trạng nói trên làm giảm lòng tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của các cơ quan nhà nước.

Nhìn chung, chúng ta *chưa thực hiện được mục tiêu do Đại hội lần thứ V đề ra là về cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống của nhân dân.*

Vì sao có tình hình như vậy?

Chúng ta không đánh giá thấp những khó khăn khách quan; những khó khăn đó rất lớn. Song điều quan trọng là phân tích sâu sắc *những nguyên nhân chủ quan*, nêu rõ những sai lầm, khuyết điểm trong hoạt động của Đảng và Nhà nước.

1. Về đánh giá tình hình, xác định mục tiêu và bước đi

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trên cơ sở nhận định đúng những đặc điểm cơ bản của tình

hình cách mạng nước ta, Đảng ta đã kịp thời quyết định thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, đề ra đường lối chung và đường lối kinh tế trong cả thời kỳ quá độ. Nhưng việc đánh giá tình hình cụ thể về các mặt kinh tế, xã hội của đất nước, đã có nhiều thiếu sót. Do đó, trong mười năm qua, đã phạm nhiều sai lầm trong việc xác định mục tiêu và bước đi về xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, cải tạo xã hội chủ nghĩa và quản lý kinh tế.

Do chưa nhận thức đầy đủ rằng thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình lịch sử tương đối dài, phải trải qua nhiều chặng đường, và do tư tưởng chỉ đạo chủ quan, nóng vội, muốn bỏ qua những bước đi cần thiết, Đại hội lần thứ IV chưa xác định những mục tiêu của chặng đường đầu tiên. Trong 5 năm 1976 - 1980, trên thực tế, chúng ta đã chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hoá trong khi chưa có đủ các tiền đề cần thiết, mặt khác, chậm đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đã lỗi thời.

Đại hội lần thứ V, cùng với việc khẳng định hai nhiệm vụ chiến lược, đã cụ thể hoá một bước đường lối kinh tế trong chặng đường trước mắt, đề ra những mục tiêu tổng quát, các chính sách lớn về kinh tế, xã hội. Nhưng trong chỉ đạo thực hiện đã không quán triệt những kết luận quan trọng nói trên, chưa kiên quyết khắc phục tư tưởng nóng vội và bảo thủ thể hiện chủ yếu trong các chủ trương về cơ cấu kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và cơ chế quản lý kinh tế.

2. Về bố trí cơ cấu kinh tế

Trong việc bố trí cơ cấu kinh tế, trước hết là cơ cấu sản xuất và đầu tư, thường chỉ xuất phát từ lòng mong muốn đi nhanh, không tính tới điều kiện và khả năng thực tế, không kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu công nghiệp với nông nghiệp

thành một cơ cấu hợp lý, chưa sử dụng có hiệu quả những khả năng mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài.

Trong 5 năm 1976 - 1980, đã đề ra những chỉ tiêu kế hoạch quá cao về xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất, không coi trọng đúng mức việc khôi phục và sắp xếp lại nền kinh tế, thiên về xây dựng công nghiệp nặng và những công trình quy mô lớn, không tập trung sức giải quyết về căn bản vấn đề lương thực, thực phẩm, phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Kết quả là đầu tư nhiều, nhưng hiệu quả rất thấp.

Trên cơ sở xác định lại bước đi của công nghiệp hoá, Đại hội lần thứ V chủ trương trong 5 năm 1981 - 1985 phải vừa phát triển, vừa sắp xếp lại sản xuất, bố trí lại xây dựng cơ bản để nâng cao hiệu quả đầu tư, nhằm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân, tạo tiền đề đẩy mạnh công nghiệp hoá.

Nhưng chúng ta đã không thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết của Đại hội lần thứ V. Nông nghiệp chưa thật sự được coi là mặt trận hàng đầu, không được bảo đảm những điều kiện cần thiết để phát triển, nhất là vật tư, tiền vốn và các chính sách khuyến khích. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, kể cả tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, vẫn bị coi nhẹ về tổ chức, đầu tư, chính sách. Công nghiệp nặng không phục vụ kịp thời nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Một khuyết điểm lớn là đã hầu như không sắp xếp lại các cơ sở sản xuất để khắc phục sự chồng chéo, bất hợp lý, không tập trung được nguồn năng lượng, nguyên liệu, vật tư có hạn vào những cơ sở trọng điểm nhằm khai thác tốt nhất năng lực sản xuất hiện có. Mặt khác, trong xây dựng cơ bản, tuy đã đình, hoãn một số công trình tương đối lớn, tập trung hơn cho các trọng điểm, nhưng về căn bản, vẫn chưa điều chỉnh hợp

lý, không kiên quyết đình, hoãn những công trình chưa thật cấp bách và kém hiệu quả, còn ham xây dựng nhiều công trình quy mô lớn. Khối lượng xây dựng dở dang quá nhiều, khiến cho vốn bị đọng quá lâu. Các địa phương và các ngành còn xây thêm nhiều công trình ngoài kế hoạch, làm tăng thêm sự phân tán về tiền vốn và vật tư.

3. Về cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố quan hệ sản xuất mới, sử dụng các thành phần kinh tế

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, đi đôi với việc ra sức xây dựng những cơ sở và lực lượng kinh tế mới, phải rất coi trọng cải tạo và sử dụng tốt các cơ sở và lực lượng kinh tế sẵn có bằng những hình thức và bước đi thích hợp. Nhưng chúng ta chưa xác định rõ ràng, nhất quán những quan điểm, chủ trương và chính sách chỉ đạo công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Đã có những biểu hiện nóng vội muốn xoá bỏ ngay các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, nhanh chóng biến kinh tế tư bản tư nhân thành quốc doanh. Đối với kinh tế tiểu sản xuất hàng hoá, ít chú ý những đặc điểm về tính chất của từng ngành, từng nghề, để lựa chọn hình thức tổ chức thích hợp, có xu hướng muốn tổ chức ngay các hợp tác xã quy mô lớn, không tính đến khả năng trang bị kỹ thuật, trình độ quản lý và năng lực của cán bộ. Về nội dung cải tạo, thường nhấn mạnh việc thay đổi quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất mà không coi trọng giải quyết các vấn đề tổ chức quản lý và chế độ phân phối. Cách làm thường theo kiểu chiến dịch, gò ép, chạy theo số lượng, coi nhẹ chất lượng và hiệu quả; sau những đợt làm nóng vội, lại buông lỏng. Do đó, không ít tổ chức kinh tế được gọi là công tư hợp doanh, hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất, chỉ có hình thức, không có thực chất của quan hệ sản xuất mới.

Việc chưa sắp xếp lại các ngành và các cơ sở sản xuất, chậm thay đổi cơ chế quản lý kinh tế đã dẫn tới làm suy yếu vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, làm cho kinh tế tập thể chậm được củng cố, hạn chế việc sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế khác. Thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán chưa được mở rộng, ít tiến bộ về tổ chức và phương thức kinh doanh để làm chủ thị trường; một bộ phận bị lôi cuốn vào những hoạt động tiêu cực, tuần hàng cho tư thương. Thương nghiệp tư nhân chậm được cải tạo. Chúng ta cũng chưa đánh trúng và nghiêm trị bọn đầu cơ, buôn lậu, bọn địch phá hoại thị trường.

Trong nhận thức cũng như hành động, chúng ta chưa thật sự thừa nhận cơ cấu kinh tế nhiều thành phần ở nước ta còn tồn tại trong một thời gian tương đối dài, chưa nắm vững và vận dụng đúng quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất.

4. Về cơ chế quản lý kinh tế

Từ Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương (khoá IV) năm 1979 đến nay, nhiều nghị quyết của Trung ương, nhiều quyết định của Đảng và Nhà nước về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đã được ban hành, đặc biệt Nghị quyết Tám của Trung ương (khoá V) và Nghị quyết 306 (dự thảo) của Bộ Chính trị có ý nghĩa đổi mới sâu sắc. Một số ngành và nhiều địa phương, cơ sở đã tiến hành những cuộc thử nghiệm, tìm tòi về cách làm ăn mới nhằm khai thác khả năng tiềm tàng của nền kinh tế để phát triển sản xuất, cải tiến lưu thông, phân phối, đáp ứng nhu cầu đời sống nhân dân. Đó là một nhân tố trực tiếp tạo nên thành tựu kinh tế trong 5 năm qua.

Song, cho tới nay, cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp về căn bản chưa bị xoá bỏ. Cơ chế mới chưa được thiết lập đồng

bộ. Nhiều chính sách, thể chế đã lỗi thời chưa được thay đổi, một số thể chế quản lý mới còn chắp vá, không ăn khớp, thậm chí trái ngược nhau. Tình trạng tập trung quan liêu còn nặng, đồng thời những hiện tượng vô tổ chức, vô kỷ luật cũng khá phổ biến.

Việc chậm đổi mới cơ chế và bộ máy quản lý, việc điều hành không nhạy bén, là những nguyên nhân quan trọng dẫn tới hành động không thống nhất từ trên xuống dưới. Một số người và cơ sở đã lợi dụng những sơ hở của cơ chế quản lý để mưu lợi ích cá nhân và lợi ích cục bộ.

Chúng ta mới nêu ra được phương hướng chủ yếu của cơ chế mới, còn nội dung, hình thức, bước đi, cách làm cụ thể, thì còn nhiều vấn đề chưa giải đáp được thoả đáng cả về lý luận và thực tiễn.

Rõ ràng là chúng ta còn thiếu hiểu biết và ít kinh nghiệm quản lý, lại chưa chú trọng tổng kết kinh nghiệm. Hiện nay cần phải khắc phục cả hai khuynh hướng: bảo thủ, trì trệ, không muốn đổi mới; và nóng vội, giản đơn, muốn giải quyết xong mọi vấn đề trong một thời gian ngắn.

5. Về phân phối, lưu thông

Suốt 5 năm qua, lĩnh vực phân phối, lưu thông luôn luôn căng thẳng và rối ren. Các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đã dành nhiều thời giờ vào công việc này, nhưng các giải pháp đưa ra chưa thật sự có hiệu quả.

Tình hình nói trên là hậu quả tổng hợp của nhiều yếu tố cùng tác động trong nền kinh tế và đời sống xã hội.

Trước hết, đó là những sai lầm trong bố trí cơ cấu kinh tế và trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, là tác hại của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp tồn tại nhiều năm trong quản lý kinh tế, dẫn tới sản xuất chậm phát triển, mâu thuẫn giữa cung và

cầu ngày càng gay gắt. Trong lúc đó, lại chưa cảnh giác đầy đủ, thiếu những biện pháp có hiệu lực ngăn chặn những phần tử xấu và kẻ thù lợi dụng sơ hở của ta để phá hoại.

Chúng ta chưa có chính sách cơ bản về tài chính gắn liền với chính sách đúng đắn về giá cả, tiền tệ - tín dụng, tiền lương. Nhà nước không điều tiết đúng mức thu nhập của tư thương, không tước đoạt những nguồn thu nhập bất chính, không bảo vệ tốt tài sản quốc gia, chưa tập trung những nguồn thu quan trọng vào ngân sách và phân phối đúng các nguồn vốn, vật tư, hàng hoá có trong tay. Các khoản chi của ngân sách mang nặng tính bao cấp và trong một thời gian dài vượt quá nguồn thu. Việc sử dụng các nguồn vốn vay và viện trợ kém hiệu quả. Chúng ta đã tiêu dùng cả một phần quan trọng nguồn vốn từ bên ngoài và quỹ khấu hao cơ bản. Tất cả những cái đó gây ra thâm hụt ngân sách, là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến lạm phát trầm trọng.

Việc giải quyết vấn đề giá, lương, tiền đã phạm sai lầm. Thiếu biện pháp đồng bộ, có hiệu quả để Nhà nước nắm được hàng và tiền. Các giải pháp cụ thể về định mức giá và quản lý giá, về định mức lương và quản lý quỹ lương, về đổi tiền và bước đi trong việc điều chỉnh giá, lương, tiền được tiến hành thiếu chuẩn bị chu đáo, không phù hợp với tình hình thực tế.

Sai lầm trong lĩnh vực phân phối, lưu thông là sai lầm rất nghiêm trọng trong lãnh đạo và quản lý kinh tế 5 năm qua.

6. Về thực hiện chuyên chính vô sản

Tình trạng *buông lỏng chuyên chính vô sản* thể hiện ở nhiều khuyết điểm trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, quản lý kinh tế, xã hội, đấu tranh tư tưởng, văn hoá và trong việc chống lại những âm mưu, thủ đoạn phá hoại của kẻ thù.

Chưa sử dụng đầy đủ sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản để thiết lập và giữ vững trật tự xã hội chủ nghĩa trong các lĩnh vực của đời sống kinh tế và xã hội, đã để cho pháp luật và kỷ cương của Nhà nước bị vi phạm ngày càng phổ biến.

Thưa các đồng chí,

Những sai lầm nói trên là những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, *sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện.*

Khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm ấy, đặc biệt là những sai lầm về chính sách kinh tế, là *bệnh chủ quan, duy ý chí*, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan, là khuynh hướng buông lỏng trong quản lý kinh tế, xã hội, không chấp hành nghiêm chỉnh đường lối và nguyên tắc của Đảng. Đó là tư tưởng tiểu tư sản, vừa “tả” khuynh vừa “hữu” khuynh.

Đúng như Đại hội lần thứ V nhận định, chúng ta vừa chủ quan nóng vội, vừa bảo thủ trì trệ, trong thực tế hai mặt đó cùng tồn tại và đều cản trở bước tiến của cách mạng.

Những sai lầm và khuyết điểm trong lãnh đạo kinh tế, xã hội bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động *tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ* của Đảng. Đây là nguyên nhân của mọi nguyên nhân.

Trong lĩnh vực tư tưởng và tổ chức, Đảng ta đã làm được một số việc có kết quả tốt, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ có một bước trưởng thành, đã có nhiều kinh nghiệm mới về xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền. Nhưng phải thẳng thắn thừa nhận rằng, trước những biến động và thử thách của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, hoạt động tư

tưởng và tổ chức của Đảng đã không theo kịp yêu cầu của cách mạng.

Trong lĩnh vực *tư tưởng*, đã bộc lộ sự lạc hậu về nhận thức lý luận và vận dụng các quy luật đang hoạt động trong thời kỳ quá độ; đã mắc bệnh duy ý chí, giản đơn hoá, muốn thực hiện nhanh chóng nhiều mục tiêu của chủ nghĩa xã hội trong điều kiện nước ta mới ở chặng đường đầu tiên. Chúng ta đã có những thành kiến không đúng, trên thực tế, chưa thật sự thừa nhận những quy luật của sản xuất hàng hoá đang tồn tại khách quan; do đó, không chú ý vận dụng chúng vào việc chế định các chủ trương, chính sách kinh tế. Chưa chú ý đầy đủ việc tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của mình và nghiên cứu kinh nghiệm của các nước anh em.

Trong *công tác tổ chức*, khuyết điểm lớn nhất là sự trì trệ, chậm đổi mới công tác cán bộ. Việc lựa chọn, bố trí cán bộ vào các cơ quan lãnh đạo và quản lý các cấp còn theo một số quan niệm cũ kỹ và tiêu chuẩn không đúng đắn, mang nặng tính hình thức, không xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ chính trị và yêu cầu của công việc; cách làm lại thiếu quy hoạch, chưa chú ý lắng nghe ý kiến của quần chúng. Công tác giáo dục và quản lý cán bộ, đảng viên thiếu chặt chẽ.

Phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc mang nặng chủ nghĩa quan liêu, lời nói không đi đôi với việc làm, không tuân thủ quy trình làm việc và ra quyết định. Việc chỉ đạo, điều hành thường không tập trung, thiếu kiên quyết và nhất quán. Trong các đảng bộ và các cấp uỷ có sự vi phạm nguyên tắc leninist trong sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thiếu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, toàn Đảng phục tùng Trung ương.

Về mặt tổ chức, đã để cho bộ máy nhà nước, bộ máy của Đảng và các đoàn thể phình ra quá lớn, chồng chéo và phân tán.

Những sai lầm và khuyết điểm trong công tác lãnh đạo của Đảng trước hết thuộc về trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng. Cần nhấn mạnh rằng, việc chậm bố trí đúng sự chuyển tiếp hạt nhân lãnh đạo là một nguyên nhân trực tiếp làm cho sự lãnh đạo của Đảng trong những năm gần đây không đáp ứng những đòi hỏi của tình hình mới. Ban Chấp hành Trung ương xin tự phê bình nghiêm túc về những khuyết điểm của mình trước Đại hội.

Từ thực tiễn cách mạng trong những năm qua, chúng ta có thể rút ra những bài học kinh nghiệm sau đây:

Một là, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động.

Đảng ta không có mục đích nào khác là đấu tranh vì hạnh phúc của nhân dân. Quần chúng là người làm nên lịch sử.

Nhân dân ta rất cách mạng, có những phẩm chất rất quý báu, trải qua trên nửa thế kỷ chiến đấu liên tục, chịu đựng biết bao hy sinh, gian khổ, luôn luôn nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm vì độc lập, tự do của Tổ quốc và vì chủ nghĩa xã hội. Trong hoàn cảnh Đảng có sai lầm, khuyết điểm, nhân dân vẫn thiết tha mong đợi Đảng khắc phục sai lầm, đưa đất nước tiến lên. Đảng ta không thể phụ lòng mong đợi đó của nhân dân.

Bài học lớn rút ra từ những năm qua là trong điều kiện đảng cầm quyền, phải đặc biệt chăm lo củng cố sự liên hệ giữa Đảng và nhân dân; tiến hành thường xuyên cuộc đấu

tranh ngăn ngừa và khắc phục chủ nghĩa quan liêu. Mỗi đảng viên cộng sản phải thật sự vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và khả năng của nhân dân lao động, phải khơi dậy được sự đồng tình, hưởng ứng của quần chúng. Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng, đi ngược lại lợi ích của nhân dân là làm suy yếu sức mạnh của Đảng.

Hai là, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Năng lực nhận thức và hành động theo quy luật là điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

Để khắc phục được khuyết điểm, chuyển biến được tình hình, Đảng ta trước hết phải thay đổi nhận thức, đổi mới tư duy. Phải nhận thức đúng đắn và hành động phù hợp với hệ thống quy luật khách quan, trong đó các quy luật đặc thù của chủ nghĩa xã hội ngày càng chi phối mạnh mẽ phương hướng phát triển chung của xã hội.

Tiêu chuẩn đánh giá sự vận dụng đúng đắn các quy luật thông qua chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước là sản xuất phát triển, lưu thông thông suốt, đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân từng bước được ổn định và nâng cao, con người mới xã hội chủ nghĩa ngày càng hình thành rõ nét, xã hội ngày càng lành mạnh, chế độ xã hội chủ nghĩa được củng cố. Mọi chủ trương, chính sách gây tác động ngược lại là biểu hiện sự vận dụng không đúng quy luật khách quan, phải được sửa đổi hoặc bãi bỏ.

Ba là, phải biết kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới. Nước ta có thể từ một nền sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa là vì cuộc cách

mạng ở nước ta diễn ra trong thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Nhân dân ta có sự giúp đỡ to lớn và hợp tác toàn diện của Liên Xô, của các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, có sự liên minh và hợp tác toàn diện của hai nước láng giềng anh em Lào và Campuchia. Sự giúp đỡ và hợp tác ấy là điều kiện vô cùng quan trọng để nhân dân ta xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nhân dân ta còn có sự ủng hộ, giúp đỡ của nhiều nước bầu bạn khác, của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên toàn thế giới. Sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật ngày nay và xu thế mở rộng phân công, hợp tác giữa các nước, kể cả các nước có chế độ kinh tế - xã hội khác nhau, cũng là những điều kiện rất quan trọng đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta. Trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của mình, chúng ta phải đặc biệt coi trọng kết hợp các yếu tố dân tộc và quốc tế, các yếu tố truyền thống và thời đại, sử dụng tốt mọi khả năng mở rộng quan hệ thương mại, hợp tác kinh tế và khoa học, kỹ thuật với bên ngoài để phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, và luôn luôn làm tròn nghĩa vụ quốc tế của mình đối với các nước anh em và bầu bạn.

Bốn là, phải xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị của một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Để bảo đảm cho Đảng ta làm tròn sứ mệnh lịch sử vẻ vang đó, vấn đề cấp bách là tăng cường sức chiến đấu và nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng. Phải giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng cũng như trong lãnh đạo kinh tế, xã hội. Không ngừng trau dồi và nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của đảng viên, thực hiện thường xuyên tự phê bình và phê bình trong

Đảng và trước quần chúng. Trong Đảng, phải tăng cường sự đoàn kết nhất trí, sự thống nhất ý chí và hành động, nêu cao tính tổ chức và tính kỷ luật, lời nói đi đôi với việc làm.

Đại hội lần thứ VI phải là Đại hội đánh dấu một bước ngoặt có ý nghĩa quyết định trong việc tăng cường sức mạnh của Đảng, nâng cao uy tín của Đảng trong quần chúng, bảo đảm cho Đảng vươn lên ngang tầm những nhiệm vụ mới. Đảng ta phải trở thành một đảng lãnh đạo vững mạnh trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Thưa các đồng chí,

Những nhiệm vụ mới to lớn và nặng nề đang đặt ra trước mắt chúng ta.

Trên mười năm lãnh đạo đất nước ta đi vào chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, Đảng ta đã có điều kiện để nhận thức sâu sắc hơn những đặc điểm của chặng đường đó. Nền sản xuất nhỏ với những nhược điểm vốn có của nó, hậu quả của những cuộc chiến tranh lâu dài trước đây và cả của cuộc chiến tranh mới, tàn dư của chế độ cũ, đang là những trở ngại trên con đường phát triển của nước ta. Bằng những thành tựu đã đạt được trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã khắc phục một bước sự phân tán và lạc hậu của nền kinh tế, cải biến một phần cơ cấu kinh tế - xã hội, đặt những cơ sở đầu tiên cho bước phát triển mới. Nhưng chúng ta chưa tiến xa được mấy so với điểm xuất phát quá thấp. Những sai lầm và khuyết điểm đã mắc phải càng làm cho tình hình thêm khó khăn.

Thực trạng kinh tế, xã hội phức tạp đòi hỏi Đảng ta phải có những quyết sách xoay chuyển tình hình, tạo ra một bước ngoặt cho sự phát triển.

Trong những năm tới, cách mạng nước ta tiếp tục phát triển trong *bối cảnh quốc tế* có nhiều sự biến đổi.

Các lực lượng cách mạng của thời đại đang không ngừng mạnh lên và rõ ràng ở thế chủ động, tiến công. Lực lượng mọi mặt của *hệ thống xã hội chủ nghĩa, do Liên Xô làm trụ cột*, ngày càng được tăng cường. Đại hội lần thứ XXVII Đảng Cộng sản Liên Xô mở ra một giai đoạn mới có tính chất bước ngoặt, giai đoạn phát triển năng động trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội trên đất nước Xô viết. Với chiến lược đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội, nền kinh tế Xô viết đang chuyển mạnh sang hướng phát triển theo chiều sâu nhằm thực hiện những mục tiêu to lớn trong những năm còn lại của thế kỷ XX.

Hệ thống xã hội chủ nghĩa tiến vào giai đoạn phát triển mới với chất lượng mới. Những thành tựu mọi mặt của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, sức mạnh phối hợp về chính trị, kinh tế, khoa học, kỹ thuật, văn hoá và quốc phòng của cả cộng đồng là nhân tố quyết định thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống chính trị - xã hội đối lập trên thế giới. Đó cũng là bảo đảm quan trọng hàng đầu của cả loài người trong cuộc đấu tranh chung bảo vệ hoà bình, ngăn ngừa và đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân huỷ diệt.

Phong trào độc lập dân tộc phát triển với những đặc điểm mới, xu thế độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, chống chủ nghĩa đế quốc ngày càng mạnh. Bọn đế quốc câu kết với các thế lực phản động quốc tế khác một mặt đe dọa quân sự từ bên ngoài, kết hợp với bao vây phá hoại về kinh tế, chính trị, thực hiện diễn biến hoà bình và lật đổ từ bên trong, mặt khác, tiến hành các cuộc chiến tranh trực tiếp hoặc qua tay người khác chống các nhà nước cách mạng và tiến bộ.

Với sự ra đời của hàng loạt nước mới giành được độc lập dân tộc, *Phong trào không liên kết* tập hợp trên một trăm nước đã trở thành một lực lượng chính trị rộng lớn, có vai trò ngày càng quan trọng trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, bảo vệ độc lập và hoà bình.

Hố ngăn cách giữa các nước tư bản phát triển và các nước đang phát triển ngày càng sâu rộng. Sự bóc lột ngày càng nặng nề của các nước đế quốc chủ nghĩa khiến nhiều nước Á, Phi, Mỹ Latinh ngày càng bần cùng và nợ nần chồng chất. Cuộc đấu tranh phá bỏ trật tự kinh tế thế giới cũ, thiết lập một trật tự kinh tế thế giới mới công bằng ngày càng có sức lôi cuốn.

Ở các nước tư bản chủ nghĩa, *phong trào đấu tranh của công nhân* có bước phát triển mới gắn liền với cuộc khủng hoảng ngày càng trầm trọng của chủ nghĩa đế quốc, với phong trào dân chủ và hoà bình chống chủ nghĩa đế quốc và nguy cơ chiến tranh hạt nhân.

Một đặc điểm nổi bật của thời đại là cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đang diễn ra mạnh mẽ, tạo thành bước phát triển nhảy vọt của lực lượng sản xuất và đẩy nhanh quá trình quốc tế hoá các lực lượng sản xuất. Cuộc cách mạng này làm gay gắt thêm những mâu thuẫn của thời đại. Trên thế giới đang hình thành một thị trường, trong đó hai hệ thống kinh tế đối lập đấu tranh với nhau quyết liệt, mặt khác, sự hợp tác kinh tế là yêu cầu phát triển tất yếu của cả hai hệ thống.

Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực kinh tế có ý nghĩa chính trị ngày càng quan trọng đối với kết cục của cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống. Các nước xã hội chủ nghĩa phát huy tính ưu việt của chế độ mới, sử dụng ngày càng có hiệu quả hơn những thành tựu của cách mạng khoa học - kỹ thuật, đang

thay đổi cơ cấu sản xuất, cơ chế quản lý, bằng một cuộc cải tổ rộng lớn, có ý nghĩa cách mạng sâu sắc, chắc chắn sẽ tạo ra những biến đổi to lớn trong một thời gian không xa.

Nền kinh tế của chủ nghĩa tư bản vẫn chưa hết khả năng phát triển, nhưng cách mạng khoa học - kỹ thuật và lực lượng sản xuất càng phát triển, càng làm cho các mâu thuẫn cơ bản trong hệ thống tư bản chủ nghĩa sâu sắc thêm, trước hết là mâu thuẫn giữa lao động và tư bản. Sự phát triển của lực lượng sản xuất cũng đưa tới những đảo lộn lớn trong quan hệ kinh tế giữa các nước tư bản chủ nghĩa với nhau, nhất là giữa ba trung tâm Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản. Các nước tư bản chủ nghĩa mâu thuẫn và cạnh tranh với nhau, đồng thời chúng cố tìm mọi phương pháp và phương tiện, lợi dụng cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật để phát triển, để hoà hoãn những mâu thuẫn bên trong và liên minh với nhau chống các lực lượng cách mạng.

Nắm trong tay những lực lượng kinh tế và quân sự to lớn, chủ nghĩa đế quốc, trước hết là đế quốc Mỹ và các thế lực phản động quốc tế khác, vẫn rất ngoan cố bám giữ những mục tiêu của chúng. Chúng không từ bỏ chính sách chạy đua vũ trang, nhất là vũ trang hạt nhân, và gây ra những cuộc xung đột cục bộ, phản kích các lực lượng cách mạng và hoà bình. Chưa bao giờ nguy cơ chiến tranh hạt nhân do chủ nghĩa đế quốc gây ra lại lớn như hiện nay. Các tập đoàn tư bản lũng đoạn Mỹ, mà các lực lượng chủ yếu của chúng là các tổ hợp quân sự - công nghiệp, thu lợi lớn trong việc làm cho tình hình quốc tế căng thẳng. Chúng dựa vào đó để biện hộ cho chi phí quân sự khổng lồ, cho những tham vọng toàn cầu và sự can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác, cho việc tiến công vào quyền lợi của chính nhân dân lao động Mỹ.

Sự phản kích quyết liệt của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế, tuy có gây tổn thất và trở ngại cho hoà bình và cách mạng, nhưng cuộc đấu tranh mạnh mẽ của các lực lượng cách mạng và hoà bình mà Liên Xô là trụ cột đã làm thất bại một bước những âm mưu của chúng. Việc Liên Xô và Mỹ ngồi vào đàm phán ở cấp cao làm cho hình thái đấu tranh trong cùng tồn tại hoà bình giữa hai hệ thống xã hội đối lập được củng cố và phát triển. Cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình thế giới đang tập hợp những lực lượng đông đảo của tất cả các nước. Đấu tranh cho hoà bình và đấu tranh cách mạng là hai mũi tiến công cùng đánh mạnh và làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc.

Loài người đang đứng trước sự lựa chọn về nhiều vấn đề mới có tính toàn cầu. Chiến tranh hạt nhân chỉ dẫn đến sự huỷ diệt cho tất cả các bên tham chiến và cho sự sống trên trái đất. Giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau, sự lựa chọn duy nhất đúng đắn là thi đua về kinh tế, về lối sống. Các bên cần phối hợp với nhau giải quyết những vấn đề toàn cầu đang đặt ra trước tất cả các dân tộc và cộng đồng nhân loại, như các vấn đề: bùng nổ dân số, lương thực, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường... Các nước xã hội chủ nghĩa đã khẳng định dứt khoát sự lựa chọn của mình là con đường thi đua về kinh tế, về lối sống và cuộc thi đua này chỉ có thể thực hiện trong hoàn cảnh hoà bình được bảo đảm vững chắc.

Ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương cũng đang diễn ra những biến đổi quan trọng. Các lực lượng cách mạng và hoà bình tiếp tục lớn mạnh. Nền kinh tế khu vực tiếp tục phát triển với nhịp độ nhanh. Châu Á - Thái Bình Dương là một trung tâm đấu tranh gay gắt giữa cách mạng và phản cách mạng, đồng thời ở khu vực này, quan hệ giữa các nước có chế

độ chính trị khác nhau cũng ở trong xu thế chung là đấu tranh trong hình thái cùng tồn tại hoà bình. Chiến lược châu Á - Thái Bình Dương mà các thế lực hiếu chiến Mỹ đang ráo riết triển khai thực chất là chiến lược tập hợp lực lượng mới nhằm phục vụ lợi ích đế quốc chủ nghĩa của chúng chia mũi nhọn chống Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa khác và các lực lượng yêu chuộng hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ trong khu vực.

Đối với Đông Dương, thế lực bá quyền và chủ nghĩa đế quốc chưa từ bỏ âm mưu lâu dài làm suy yếu, hòng khuất phục nhân dân ba nước. Các thế lực ấy có thể tiếp tục kéo dài chính sách đối đầu, dùng uy hiếp quân sự và bao vây, cô lập, hòng làm cho chúng ta chảy máu, không tập trung sức xây dựng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân. Nhưng rõ ràng chúng đã thất bại và nhất định sẽ thất bại hoàn toàn. Nhân dân ta đã có những khả năng mới để giữ vững hoà bình, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc phát triển kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Tại Đại hội này, chúng ta khẳng định: *Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm đem hết tinh thần và lực lượng tiếp tục thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*, đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Nhân dân ta quyết tâm tiếp tục làm hết sức mình để *tăng cường tình đoàn kết chiến đấu, nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác; củng cố và phát triển liên minh đặc biệt với hai nước Lào và Campuchia*, coi đó là nghĩa vụ quốc tế thiêng liêng, là nhiệm vụ có tầm quan trọng chiến lược gắn liền với

lợi ích sống còn của độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội ở nước ta và trên toàn bán đảo Đông Dương.

Vì sự nghiệp *bảo vệ Tổ quốc*, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước và xã hội, quyết đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt, đồng thời có kế hoạch sẵn sàng đối phó thắng lợi với mọi tình huống do kẻ thù gây ra.

Chúng ta phải thấu suốt và thực hiện đúng quan điểm “Toàn dân xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc”, “Toàn quân bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước”, kiên trì chấp hành và cụ thể hoá đường lối quân sự của Đảng trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chuyên chính vô sản, sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, kết hợp chặt chẽ kinh tế, quốc phòng và an ninh, đẩy mạnh công cuộc xây dựng nền quốc phòng và an ninh toàn dân, xây dựng hậu phương đất nước một cách toàn diện.

Xây dựng Quân đội nhân dân chính quy, ngày càng hiện đại, có chất lượng tổng hợp ngày càng cao, có tổ chức hợp lý, cân đối, gọn và mạnh, có kỷ luật chặt chẽ, có trình độ sẵn sàng chiến đấu và sức chiến đấu cao. Tổ chức tốt việc bảo vệ chủ quyền và giữ vững an ninh các tuyến biên giới, vùng trời, vùng biển và hải đảo, xây dựng và củng cố bộ đội biên phòng vững mạnh. Tiếp tục phát triển dân quân, tự vệ với số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ mới. Tăng cường xây dựng lực lượng dự bị. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển nền khoa học và nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Phối hợp cố gắng của Nhà nước, nhân dân và các lực lượng vũ trang để bảo đảm những nhu cầu của nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, những nhu cầu thiết yếu về đời sống vật chất và tinh thần của các lực lượng vũ trang.

Thực hiện đầy đủ các chính sách hậu phương quân đội. Từng bước phát triển công nghiệp quốc phòng đi đôi với tăng cường tiềm lực kinh tế của đất nước. Trên cơ sở bảo đảm nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu và sản xuất quốc phòng, huy động một phần lực lượng quân đội, sử dụng một phần năng lực công nghiệp quốc phòng vào việc xây dựng kinh tế.

Thực hiện đúng cơ chế Đảng lãnh đạo đối với quân đội và sự nghiệp quốc phòng.

Công cuộc bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội cần được tiến hành bằng sức mạnh của mọi lực lượng vũ trang và không vũ trang và bằng mọi phương tiện cần thiết. Cuộc đấu tranh này cần được tổ chức chặt chẽ và thường xuyên trong từng địa bàn, ở tất cả mọi đơn vị trong cả nước dưới sự lãnh đạo tập trung và thống nhất của các cấp uỷ đảng. Thực hiện có nền nếp công tác quản lý hộ khẩu; xây dựng xí nghiệp, cơ quan, trường học, bệnh viện... phường, xã, quận, huyện an ninh và trật tự, hình thành các khu vực, các tuyến an toàn ở các địa phương; xây dựng nội bộ trong sạch, vững mạnh; ngăn ngừa và trừng trị những hành động phá hoại về kinh tế, chính trị, tư tưởng và các hoạt động tình báo, gián điệp của địch.

Là lực lượng vũ trang cách mạng nòng cốt của cuộc đấu tranh trọng yếu này, Công an nhân dân phải được xây dựng thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy và tiến lên hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và nhân dân, có cơ sở vững chắc trong quần chúng, có trình độ nghiệp vụ ngày càng cao, thật sự là công cụ tin cậy, sắc bén của Đảng và Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Thắng lợi của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc phải được bảo đảm bằng sức mạnh tổng hợp của chế độ mới. Trong khi không ngừng chăm lo nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, Đảng và nhân dân ta

tiếp tục *đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội*, xây dựng chế độ làm chủ tập thể, nền kinh tế mới, nền văn hoá mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Đại hội lần thứ VI của Đảng khẳng định tiếp tục thực hiện đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa do các Đại hội lần thứ IV và lần thứ V của Đảng xác định. Tập trung trí tuệ toàn Đảng và toàn dân, Đại hội chúng ta tổng kết những kinh nghiệm sáng tạo phong phú của các ngành, các cấp và các đơn vị cơ sở, giải quyết một số vấn đề quan trọng về lý luận và thực tiễn, phát triển đường lối và nâng cao năng lực chỉ đạo thực hiện của Đảng.

Ngày nay đã có những điều kiện để hiểu biết đầy đủ hơn về con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội phải trải qua thời kỳ quá độ là một tất yếu khách quan, và độ dài của thời kỳ đó phụ thuộc vào điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội của mỗi nước. Thời kỳ quá độ ở nước ta, do tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, đương nhiên phải lâu dài và rất khó khăn. Đó là một thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc, toàn diện, triệt để nhằm xây dựng từ đầu một chế độ xã hội mới cả về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng. Đó là một thời kỳ đấu tranh giai cấp phức tạp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội nhằm giải quyết vấn đề “ai thắng ai”. Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng ta. Sau Đại hội này, với tinh thần cách

mạng và khoa học, tiếp tục phát triển đường lối đã được xác định, Đảng ta cần xúc tiến *xây dựng một cương lĩnh hoàn chỉnh cho toàn bộ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ*. Trên cơ sở cương lĩnh đó, sẽ xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển khoa học - kỹ thuật, v.v..

Thảo ra một cương lĩnh cách mạng hoàn chỉnh và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội là sự kiện chính trị có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với sự chỉ đạo cách mạng trong một thời kỳ tương đối dài, đặt nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và xã hội.

Chặng đường đầu tiên là một bước quá độ nhỏ trong bước quá độ lớn. V.I. Lênin nói: “Suốt cả thời kỳ đó (thời kỳ quá độ), trong chính sách của chúng ta, lại chia ra thành nhiều bước quá độ nhỏ hơn nữa. Và tất cả cái khó khăn của nhiệm vụ chúng ta phải làm, tất cả cái khó khăn của chính sách và tất cả sự khéo léo của chính sách là ở chỗ biết tính đến những nhiệm vụ đặc thù của từng bước quá độ đó”¹.

Đảng ta đã nhiều lần chỉ rõ nhiệm vụ chủ yếu của chặng đường đầu tiên là xây dựng những tiền đề chính trị, kinh tế, xã hội cần thiết để triển khai công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trên quy mô lớn.

Chúng ta đã đạt được một số thành tựu đáng kể trong việc xây dựng những tiền đề đó. Đáng tiếc là những việc đã làm không đồng bộ, có nhiều mặt thiếu sót, gây ra đảo lộn. Vì vậy, trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên, phải thực hiện những biện pháp có hiệu quả để nhanh chóng ổn định tình hình kinh tế - xã hội, đưa mọi mặt hoạt động vào

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tiếng Việt, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.40, tr. 119-120.

quỹ đạo phát triển bình thường và tiến hành những cuộc cải cách về tổ chức, quản lý, thiết lập cơ cấu sản xuất và cơ chế mới quản lý kinh tế - xã hội. Đại hội lần thứ VI xác định *nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo.*

Ổn định tình hình kinh tế - xã hội bao gồm cả ổn định sản xuất, ổn định phân phối, lưu thông, ổn định đời sống vật chất và văn hoá, tăng cường hiệu lực của tổ chức quản lý, lập lại trật tự, kỷ cương và thực hiện công bằng xã hội.

Ổn định và phát triển gắn liền với nhau trong quá trình vận động tiến lên, ổn định để phát triển và có phát triển mới ổn định được.

Xuất phát từ nhiệm vụ bao trùm và mục tiêu tổng quát, Đại hội xác định *những mục tiêu cụ thể về kinh tế - xã hội* sau đây cho những năm còn lại của chặng đường đầu tiên:

1. Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy. Hướng mọi cố gắng vào việc đáp ứng những nhu cầu cấp bách và thiết yếu của xã hội, dần dần ổn định và tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân. Cụ thể là bảo đảm ăn đủ no, có thêm dinh dưỡng, mặc đủ ấm; đáp ứng tốt hơn các nhu cầu về bảo vệ sức khoẻ và chữa bệnh, đi lại, học hành và hưởng thụ văn hoá, tăng thêm đồ dùng thiết yếu của các gia đình, khắc phục một bước khó khăn về nhà ở, nhất là tại các thành phố và khu công nghiệp tập trung. Đó chính là yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội trong những điều kiện hiện nay.

Ổn định đời sống nhân dân phải đi đôi với bảo đảm yêu cầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân để đủ sức tiếp

nhận và đưa vào tái sản xuất mở rộng vốn vay và viện trợ của nước ngoài.

2. Bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất. Để làm đủ ăn và có tích lũy, phải ra sức phát triển sản xuất, giảm tỷ lệ sinh đẻ, và để sản xuất phát triển, phải xây dựng được *một cơ cấu kinh tế hợp lý*, trước hết là cơ cấu các ngành kinh tế, phù hợp với tính quy luật về sự phát triển các ngành sản xuất vật chất, phù hợp với khả năng của đất nước và phù hợp với sự phân công lao động và hợp tác quốc tế. Cơ cấu kinh tế đó bảo đảm cho nền kinh tế phát triển cân đối với nhịp độ tăng trưởng ổn định. Phải thông qua việc sắp xếp lại sản xuất đi đôi với việc xây dựng thêm một số cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết, tạo ra cho được một cơ cấu kinh tế hợp lý, hướng vào việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là lương thực, thực phẩm, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

3. Xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. củng cố thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa bao gồm cả khu vực quốc doanh và khu vực tập thể một cách toàn diện, cả về chế độ sở hữu, chế độ quản lý, chế độ phân phối, làm cho thành phần kinh tế này giữ vai trò chi phối trong nền kinh tế quốc dân, thể hiện tính ưu việt về năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, thu nhập của người lao động và tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hoá. Bằng những biện pháp thích hợp, sử dụng mọi khả năng của các thành phần kinh tế khác trong sự liên kết chặt chẽ và dưới sự chỉ đạo của thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa theo nguyên tắc bảo đảm phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế và tăng thu nhập cho người lao động. Hình thành đồng bộ hệ

thống mới về quản lý kinh tế, lấy kế hoạch hoá làm khâu trung tâm, thực hiện hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Phát huy hiệu quả của cơ chế mới quản lý kinh tế nhằm khai thác tốt năng lực của các cơ sở sản xuất, củng cố trật tự, kỷ cương trong quản lý kinh tế.

4. Tạo ra chuyển biến tốt về mặt xã hội. Giải quyết một phần quan trọng việc làm cho người lao động và bảo đảm về cơ bản phân phối theo lao động. Thực hiện công bằng xã hội phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta. Loại bỏ các nguồn thu nhập do làm ăn phi pháp mà có. Trong sự nghiệp xây dựng nền văn hoá mới, đặc biệt chú ý xây dựng quan hệ xã hội và lối sống lành mạnh, khắc phục các hiện tượng tiêu cực; giữ gìn và phát huy tinh thần dân chủ, nhân đạo, chủ nghĩa anh hùng và những giá trị văn hoá khác của truyền thống dân tộc và cách mạng. Mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa. Nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật của nhân dân, củng cố kỷ cương xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự công cộng, thực hiện nguyên tắc: mọi người sống và làm việc theo pháp luật.

5. Bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh. Quốc phòng và an ninh được xây dựng và củng cố ngày càng vững mạnh bảo đảm điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng kinh tế. Trên cơ sở phát triển kinh tế, đáp ứng ngày càng đầy đủ và ổn định các nhu cầu đời sống vật chất và tinh thần của các lực lượng vũ trang; củng cố thể trận bảo vệ Tổ quốc cả về quốc phòng và an ninh; bảo đảm cơ sở vật chất - kỹ thuật và từng bước trang bị cho các lực lượng vũ trang; bảo đảm vật tư, tài chính cho sản xuất quốc phòng.

Những mục tiêu trên đây sẽ được cụ thể hoá, định lượng thành các chỉ tiêu cụ thể của các kế hoạch kinh tế, xã hội.

Cái mốc đánh dấu chặng đường đầu tiên kết thúc là đạt được năm mục tiêu nói trên. Độ dài của chặng đường đầu tiên tuy thuộc một phần quan trọng vào việc vận dụng những bài học đã rút ra từ thực tiễn mười năm qua, để đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, xã hội trong thời gian tới.

Phần thứ hai

**NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG CƠ BẢN
CỦA CHÍNH SÁCH KINH TẾ, XÃ HỘI**

Thưa các đồng chí,

Chúng ta có những khả năng trong tầm tay để thực hiện những nhiệm vụ, mục tiêu đề ra cho chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Muốn biến những khả năng đó thành hiện thực, điều quan trọng hàng đầu là đổi mới chính sách kinh tế, chính sách xã hội, nhằm phát huy vai trò làm chủ và nhiệt tình của người lao động, tạo nên phong trào quần chúng hăng hái thực hiện đồng thời cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật và cách mạng tư tưởng - văn hoá.

Các *chính sách kinh tế* phải nhằm khai thác nhanh và có hiệu quả mọi khả năng hiện có và tiềm tàng của nền kinh tế. Đó là khoảng một nửa công suất thiết bị chưa được sử dụng; là ruộng đất còn nhiều khả năng thâm canh; là rừng, biển và các tài nguyên khác chưa được khai thác tốt; là sức lao động dồi dào, lực lượng khoa học, kỹ thuật chưa được tận dụng; là khả năng tiết kiệm năng lượng, vật tư, và huy động mọi nguồn vốn vào việc phát triển sản xuất... Những lực lượng sản xuất ấy đang bị kìm hãm vì những sai lầm, thiếu sót

trong việc bố trí cơ cấu kinh tế, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và trong cơ chế quản lý.

Tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch và các chính sách kinh tế là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng chỉ đạo đó thể hiện trong các chính sách và biện pháp lớn dưới đây:

1. Bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư

Muốn đưa nền kinh tế sớm thoát khỏi tình trạng rối ren, mất cân đối, phải *dứt khoát sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân theo cơ cấu hợp lý*, trong đó các ngành, các vùng, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất có quy mô và trình độ kỹ thuật khác nhau phải được bố trí cân đối, liên kết với nhau, phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển ổn định. Để thực hiện sự sắp xếp đó, trước hết phải bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư.

Trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên, trước mắt là trong kế hoạch 5 năm 1986 - 1990, phải thật sự tập trung sức người, sức của vào việc thực hiện cho được ba chương trình mục tiêu về *lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu*, để đến khi kết thúc chặng đường đầu tiên đạt được kết quả như sau:

- Về lương thực, thực phẩm: bảo đảm lương thực đủ ăn cho toàn xã hội và có dự trữ. Đáp ứng một cách ổn định nhu cầu thiết yếu về thực phẩm. Mức tiêu dùng lương thực, thực phẩm phải bảo đảm tái sản xuất sức lao động.

- Về hàng tiêu dùng: sản xuất đáp ứng được nhu cầu bình thường của nhân dân thành thị và nông thôn về những sản phẩm công nghiệp thiết yếu.

- Về hàng xuất khẩu: tạo được một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực; đạt kim ngạch xuất khẩu đáp ứng được phần lớn nhu cầu nhập khẩu vật tư, máy móc, phụ tùng và những hàng hoá cần thiết.

Các chương trình mục tiêu trên cụ thể hoá nội dung chính của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên đã được Đại hội lần thứ V của Đảng xác định.

Yêu cầu cấp bách về lương thực, thực phẩm, về nguyên liệu sản xuất hàng tiêu dùng, về hàng xuất khẩu quyết định *vị trí hàng đầu của nông nghiệp*. Phải đưa nông nghiệp tiến một bước theo hướng sản xuất lớn, nhằm yêu cầu chủ yếu là tăng nhanh khối lượng và tỷ suất hàng hoá nông sản. Nông nghiệp phải được ưu tiên đáp ứng những nhu cầu về đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, về vật tư, về lao động kỹ thuật; những nguồn đầu tư ấy phải được sử dụng có hiệu quả. Đầu tư cho nông nghiệp phải đồng bộ từ sản xuất đến chế biến, vận chuyển, bảo quản để có nhiều sản phẩm cuối cùng. Mở rộng và hoàn chỉnh các hệ thống thuỷ lợi; ứng dụng rộng rãi những thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ sinh học, đưa vào sử dụng phổ biến và ổn định các loại giống mới; đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu về phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc thú y; tăng thêm sức kéo, bảo đảm đủ công cụ thường và công cụ cải tiến, thực hiện từng bước và có trọng điểm việc cơ giới hoá; hạ thấp mức hư hao nông sản trong các khâu thu hoạch, bảo quản, vận chuyển, chế biến; chủ động phòng, chống lụt bão.

Phương châm phát triển nông nghiệp là kết hợp chuyên môn hoá với phát triển toàn diện, cân đối giữa trồng trọt và

chăn nuôi, lúa và màu, cây lương thực và cây công nghiệp. Phát triển mạnh cây công nghiệp ngắn ngày; việc mở rộng diện tích cây công nghiệp dài ngày phải chú trọng chất lượng, thâm canh ngay từ đầu. Phát triển nông nghiệp phải lấy thâm canh, tăng vụ là chính, đồng thời mở rộng diện tích một cách vững chắc và có hiệu quả. Sửa đổi, bổ sung các chính sách về đất ruộng và các loại đất khác để quản lý, sử dụng có hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên đất.

Phát triển *lâm nghiệp* theo hướng bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên rừng, tăng thêm vốn rừng, phát triển có trọng điểm việc trồng rừng tập trung chuyên canh, đẩy nhanh nhịp độ phủ xanh đất trống, đồi núi trọc theo phương thức nông - lâm kết hợp; ngăn chặn nạn phá rừng, cháy rừng; phát triển rộng khắp phong trào trồng cây, chú ý cả cây lấy gỗ, cây làm nguyên liệu và làm củi. Tiến hành tích cực việc định canh, định cư, giao đất, giao rừng cho các đơn vị tập thể và nhân dân sử dụng lâu dài để làm chủ đất rừng như làm chủ đất ruộng. Xây dựng các khu kinh tế tổng hợp lâm - nông - công nghiệp; khai thác, bảo quản, chế biến, sử dụng gỗ và các loại lâm sản khác với hiệu quả kinh tế ngày càng cao.

Hải sản và thủy sản nước ngọt, nước lợ là một nguồn lợi lớn. Coi trọng cả đánh bắt và nuôi trồng, đi đôi với giải quyết tốt việc chế biến, vận chuyển để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và tăng nhanh hàng xuất khẩu. Tăng đầu tư và bổ sung chính sách nhằm tận dụng mọi diện tích mặt nước có thể nuôi trồng thủy sản. Những diện tích mặt nước mà các cơ sở quốc doanh và tập thể quản lý không sử dụng hết, thì giao cho nhân dân mượn hoặc nhận khoán để mở rộng sản xuất.

Công nghiệp nhẹ và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp đáp ứng cho được nhu cầu của nhân dân về những loại hàng

thông thường, bảo đảm yêu cầu chế biến nông, lâm, thủy sản, tăng nhanh việc làm hàng gia công xuất khẩu và các mặt hàng xuất khẩu khác, đồng thời mở rộng mặt hàng đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng. Khai thác triệt để mọi nguồn nguyên liệu; tận dụng các loại phế liệu; tranh thủ nguồn nguyên liệu gia công của nước ngoài.

Phát triển công nghiệp nhẹ trước hết dựa vào việc tổ chức lại sản xuất, đầu tư chiều sâu và đầu tư đồng bộ để tận dụng công suất thiết bị của các cơ sở hiện có; coi trọng các cơ sở có năng lực và hiệu suất chế biến cao. Sử dụng hợp lý khả năng sản xuất hàng tiêu dùng của các xí nghiệp công nghiệp nặng, xí nghiệp quốc phòng. Có chính sách đúng đắn huy động rộng rãi nguồn vốn và kỹ thuật của nhân dân, kể cả của Việt kiều, để phát triển các cơ sở làm ra nguyên liệu và cơ sở chế biến dưới nhiều hình thức. Phát triển và củng cố các cơ sở kinh tế quốc doanh trong những khâu chi phối quá trình sản xuất và lưu thông.

Các cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng phải gắn chặt với thị trường, nắm chắc nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng. Các tổ chức thương nghiệp xã hội chủ nghĩa vươn lên làm đúng vai trò đại diện cho người tiêu dùng, đặt hàng và ký hợp đồng với cơ sở sản xuất. Áp dụng hình thức đấu thầu để ưu tiên đặt hàng và cung cấp nguyên liệu cho các cơ sở làm ra sản phẩm tốt, giá rẻ, không phân biệt đó là cơ sở quốc doanh hay tập thể. Các cơ sở làm ăn kém cỏi mà không vươn lên được, thì phải thay đổi phương hướng sản xuất, thu hẹp sản xuất hoặc giải thể.

Việc phát triển *công nghiệp nặng* và xây dựng *kết cấu hạ tầng* phải nhằm phục vụ các mục tiêu kinh tế, quốc phòng trong chặng đường đầu tiên, và theo khả năng thực tế, chuẩn bị tiền đề cho sự phát triển kinh tế trong chặng đường tiếp

theo. Ưu tiên phát triển công nghiệp *năng lượng* (điện than, dầu khí). Ngành *công nghiệp cơ khí* của tất cả các bộ và các địa phương phải được sắp xếp lại, đồng bộ hoá, chuyên môn hoá, từng bước đổi mới thiết bị. Trong *công nghiệp sản xuất nguyên liệu, vật liệu*, chú ý đến nguyên liệu khoáng sản và các nguyên liệu khác để sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc thú y; sử dụng hết năng lực hiện có và phát triển thêm một số cơ sở nhỏ về vật liệu xây dựng, hoá chất, kim loại. Sản phẩm nào mà công nghiệp nặng nhất thiết phải tạo ra trong nước để phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, thì cố gắng làm với quy mô và kỹ thuật thích hợp. Những sản phẩm nào trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất chưa đủ, thì thông qua xuất khẩu để nhập khẩu. Nông nghiệp và các ngành công nghiệp nhẹ phải tạo ra sản phẩm xuất khẩu đáp ứng được nhu cầu nhập khẩu của mình và đóng góp ngoại tệ cho Nhà nước. Không bố trí xây dựng công nghiệp nặng vượt quá điều kiện và khả năng thực tế, ngay cả để phục vụ nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

Về *kết cấu hạ tầng*, chú trọng phát triển *giao thông vận tải và thông tin liên lạc*: bảo dưỡng, nâng cấp, đồng bộ hoá và chấn chỉnh tổ chức quản lý để sử dụng có hiệu quả những cái đã có, chọn lọc xây dựng thêm những cơ sở cần thiết bảo đảm cho sản xuất, lưu thông hàng hoá, phục vụ đời sống nhân dân và chuẩn bị cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá. Ưu tiên phát triển giao thông vận tải đường thuỷ, tăng tỷ trọng vận tải đường sắt, sắp xếp hợp lý vận tải đường bộ, phát triển vận tải đường không. Động viên các tổ chức kinh tế tập thể và nhân dân góp sức, góp vốn mở mang đường giao thông nông thôn, miền núi, phát triển các phương tiện vận tải, nhất là phương tiện thô sơ, nửa cơ giới. Khắc phục sự ách tắc trong vận tải hàng hoá, cải thiện một bước sự đi lại của nhân dân.

Nâng cao năng lực, chất lượng phục vụ và giảm nhẹ tình trạng lạc hậu về thông tin liên lạc, hiện đại hoá những khâu có điều kiện.

Đi đôi với việc tăng thêm nguồn điện, cần xây dựng cân đối mạng lưới dẫn điện. Các thành phố và thị xã phải xây dựng và cải tạo mạng lưới cấp nước, thoát nước và hệ thống cống rãnh.

Phát triển rộng rãi các loại hoạt động *dịch vụ*: kỹ thuật, phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

Theo phương hướng nêu trên, ba chương trình mục tiêu về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu phải được xây dựng khẩn trương để triển khai thực hiện trong kế hoạch 1986 - 1990 như nhiệm vụ trung tâm về kinh tế - xã hội của tất cả các ngành và các cấp.

Các chương trình này phải hiện thực, bảo đảm cân đối giữa mục tiêu, phương tiện, biện pháp, chính sách. Đối với mỗi loại sản phẩm, phải tính đến tất cả các yếu tố của chu trình tái sản xuất, từ điều kiện sản xuất đến chế biến, bảo quản, vận chuyển và tiêu thụ, phải giải quyết đồng bộ cả về kỹ thuật, tổ chức sản xuất và chính sách kinh tế.

Cả ba chương trình phải kết hợp kinh tế với quốc phòng, coi trọng việc phân bố lực lượng sản xuất trên các vùng lãnh thổ, nhằm phát huy thế mạnh của các vùng trong mối quan hệ liên kết, bổ sung cho nhau theo quan điểm phát triển kinh tế hàng hoá, mở rộng trao đổi trong nước và với nước ngoài, khắc phục khuynh hướng tự cấp, tự túc. Kết hợp chặt chẽ giữa nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, giữa sản xuất và lưu thông, dịch vụ trên địa bàn từng huyện, từng tỉnh, từng vùng kinh tế. *Kinh tế trên địa bàn huyện* có vị trí quan trọng trong việc xây

dựng và thực hiện ba chương trình mục tiêu. Phương hướng xây dựng huyện không phải là tạo ra một bộ máy quản lý hành chính - kinh tế nặng nề, mà phải phát triển, củng cố, sắp xếp, liên kết các đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế khác nhau nhằm khai thác tốt nhất lao động, đất đai, rừng, biển, ngành nghề trên địa bàn huyện.

Theo phương hướng bố trí lại cơ cấu kinh tế, phải *điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư xây dựng cơ bản* của Nhà nước nhằm tập trung cho việc thực hiện ba chương trình mục tiêu nói trên và bảo đảm phát huy hiệu quả. Việc xác định hiệu quả đầu tư phải chú ý tới yêu cầu tốn ít vốn, tạo ra nhiều việc làm, đưa công trình vào sử dụng nhanh.

Phải soát xét thật chặt chẽ các công trình xây dựng dở dang, kể cả công trình trên hạn ngạch và dưới hạn ngạch, của cả trung ương và địa phương, trong tất cả các ngành, cũng như các công trình chưa khởi công, nhưng đã ký nhập thiết bị toàn bộ của nước ngoài. Kiên quyết giãn tiến độ hoặc đình hẵn việc xây dựng những công trình chưa thật sự cấp bách hoặc làm xong sẽ không đủ điều kiện sử dụng có hiệu quả, hoặc xét trong khả năng cân đối chung, cần dành ưu tiên cho các công trình khác. Tập trung sức hoàn thành nhanh và đồng bộ một số công trình trọng điểm. Cùng với việc lựa chọn chặt chẽ các công trình chuyển tiếp, cần *ưu tiên đầu tư đồng bộ và đầu tư chiều sâu cho các cơ sở hiện có*. Việc xây dựng thêm công trình mới chỉ đặt ra khi các cơ sở hiện có, dù được mở rộng thêm, cũng không đáp ứng được yêu cầu, và phải nhằm đúng phương hướng, mục tiêu đã định, làm quy mô nhỏ và vừa là chính, tranh thủ kỹ thuật tiên bộ, bảo đảm xây dựng nhanh, đưa vào sử dụng kịp thời từng phần công trình.

Phương châm chỉ đạo này cũng phải được thấu suốt trong việc xây dựng các cơ sở về khoa học - kỹ thuật, giáo dục, y tế, văn hoá. Đầu tư có trọng điểm để giải quyết vấn đề nhà ở cho công nhân, viên chức, chú ý sửa chữa nhà cửa cũ, đồng thời tạo điều kiện cho nhân dân xây dựng thêm ở cả thành thị và nông thôn.

Việc đầu tư cho sự nghiệp phát triển kinh tế trong chặng đường tiếp theo phải được chuẩn bị chu đáo, trước hết là đối với các công trình gối đầu.

Đi đôi với việc điều chỉnh phương hướng và cơ cấu đầu tư, phải quy định lại chế độ, thể lệ đầu tư nhằm nêu cao trách nhiệm trong việc xây dựng phương án và quyết định chủ trương đầu tư, đặc biệt là đối với các công trình lớn do Trung ương quyết định. Tránh xét duyệt riêng rẽ từng công trình tách khỏi các quan hệ cân đối chung. Gắn trách nhiệm và lợi ích vật chất của đơn vị chủ đầu tư với hiệu quả đầu tư. Kiểm soát chặt chẽ toàn bộ các công trình xây dựng cơ bản của khu vực nhà nước, bất kể thuộc nguồn vốn nào. Thực hiện chế độ đấu thầu xây dựng theo tiêu chuẩn bảo đảm thời hạn huy động, chất lượng công trình và giảm chi phí xây lắp.

Muốn dứt khoát chuyển hướng trong việc bố trí cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư, phải đổi mới cách nghĩ và cách làm, dám thừa nhận và thay đổi những quyết định sai lầm, dám xử lý kiên quyết những trường hợp phức tạp. Tất cả các ngành, các địa phương và đơn vị cơ sở phải chủ động, quyết tâm sắp xếp lại sản xuất và xây dựng trong phạm vi của mình, cùng với Trung ương thực hiện việc điều chỉnh lớn cơ cấu sản xuất và đầu tư trong cả nước, quyết giành lại thể chủ động để ổn định tình hình kinh tế - xã hội.

2. Xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế

Muốn phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, đi đôi với việc bố trí lại cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư theo ngành và theo vùng, phải xác định đúng cơ cấu thành phần kinh tế.

Trong xã hội ta, còn nhiều người có sức lao động chưa có việc làm và chưa sử dụng hết thời gian lao động. Khả năng thu hút sức lao động của khu vực nhà nước trong những năm trước mắt còn có hạn. Cũng không thể đưa tất cả những người làm ăn cá thể vào các tổ chức kinh tế tập thể trong một thời gian ngắn. Có những ngành, nghề đưa vào làm ăn tập thể chưa bảo đảm hiệu quả. Trong khi nguồn vốn của Nhà nước và của tập thể còn eo hẹp, thì nguồn vốn còn dư trong nhân dân hầu như chỉ đưa vào tiêu dùng hoặc cất giữ và mua hàng tích trữ. Phải có chính sách mở đường cho người lao động tự tạo ra việc làm, kích thích mọi người đưa vốn vào sản xuất, kinh doanh, tiết kiệm tiêu dùng để tích lũy, mở rộng tái sản xuất trên quy mô toàn xã hội.

Xuất phát từ sự đánh giá những tiềm năng tuy phân tán nhưng rất quan trọng trong nhân dân, cả về sức lao động, kỹ thuật, tiền vốn, khả năng tạo việc làm, chúng ta chủ trương: đi đôi với việc phát triển kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, tăng cường nguồn tích lũy tập trung của Nhà nước và tranh thủ vốn ngoài nước, cần có *chính sách sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế khác*.

Chính sách đó cho phép sử dụng nhiều hình thức kinh tế với quy mô và trình độ kỹ thuật thích hợp trong từng khâu của quá trình sản xuất và lưu thông nhằm khai thác mọi khả năng của các thành phần kinh tế liên kết với nhau, trong đó

kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Đó là một giải pháp có ý nghĩa chiến lược, góp phần giải phóng và khai thác mọi khả năng để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý.

Giải pháp đó xuất phát từ thực tế của nước ta và là sự vận dụng quan điểm của Lênin coi *nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ*. Ở nước ta, các thành phần đó là:

- Kinh tế xã hội chủ nghĩa bao gồm khu vực quốc doanh và khu vực tập thể, cùng với bộ phận kinh tế gia đình gắn liền với thành phần đó.

- Các thành phần kinh tế khác gồm: kinh tế tiểu sản xuất hàng hoá (thợ thủ công, nông dân cá thể, những người buôn bán và kinh doanh dịch vụ cá thể); kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức, mà hình thức cao là công tư hợp doanh; kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc trong một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và các vùng núi cao khác.

Chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa phải xuất phát từ đặc trưng nói trên mà đề ra những chủ trương và biện pháp đúng đắn.

Theo quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa phải có bước đi và hình thức thích hợp. Kinh nghiệm thực tế chỉ rõ: lực lượng sản xuất bị kìm hãm không chỉ trong trường hợp quan hệ sản xuất lạc hậu, mà cả khi quan hệ sản xuất phát triển không đồng bộ, có những yếu tố đi quá xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Tình hình thực tế của nước ta đòi hỏi phải coi trọng những hình thức kinh tế trung gian, quá độ từ thấp lên cao, từ quy mô nhỏ lên quy mô lớn. Trong mỗi bước

đi của quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa, phải đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, tạo ra lực lượng sản xuất mới; trên cơ sở đó tiếp tục đưa quan hệ sản xuất lên hình thức và quy mô mới thích hợp để thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng quan hệ sản xuất mới bao gồm cả ba mặt: xây dựng chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, chế độ quản lý và chế độ phân phối xã hội chủ nghĩa. Tuy chế độ công hữu về tư liệu sản xuất là nền tảng của quan hệ sản xuất mới, nhưng khi chế độ quản lý và chế độ phân phối không phù hợp, thì ngay cả các tổ chức kinh tế thuộc sở hữu toàn dân, được trang bị kỹ thuật cao hơn, cũng làm ăn kém hiệu quả. Xây dựng quan hệ sản xuất mới về cả ba mặt, làm cho nó thật sự mang bản chất xã hội chủ nghĩa, gắn với mỗi bước phát triển của lực lượng sản xuất, là công việc to lớn, không thể làm xong trong một thời gian ngắn.

Mười năm qua, hai kỳ đại hội Đảng đều ghi vào nghị quyết nhiệm vụ căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nhiệm kỳ đại hội đó, song đều chưa thực hiện được. Cuộc sống cho ta một bài học thấm thía là không thể nóng vội làm trái quy luật. Nay phải sửa lại cho đúng như sau: *đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, với những hình thức và bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, luôn luôn có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất.*

Trong những năm trước mắt, để tiến hành vững chắc công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát huy tác dụng tích cực của cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, *điều quan trọng nhất* là củng cố và phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa, trước hết là

làm cho kinh tế quốc doanh thật sự giữ vai trò chủ đạo, chi phối được các thành phần kinh tế khác.

Phải đổi mới cơ chế quản lý, bảo đảm cho các đơn vị *kinh tế quốc doanh* có quyền tự chủ, thật sự chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, lập lại trật tự, kỷ cương trong hoạt động kinh tế. Sắp xếp lại sản xuất, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật và đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Trên cơ sở đó, ổn định và từng bước nâng cao tiền lương thực tế của công nhân, viên chức, tăng tích lũy cho xí nghiệp và cho Nhà nước. Kinh tế quốc doanh chủ động mở rộng liên kết với các thành phần kinh tế khác, hướng các thành phần đó vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội.

Để củng cố *kinh tế tập thể*, phải nâng cao trình độ tổ chức, quản lý và tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật đi đôi với thực hiện quan hệ trao đổi và liên kết với kinh tế quốc doanh, kinh tế gia đình, trước hết là về mặt cung ứng vật tư, nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm. Trong nông nghiệp, giải quyết đúng đắn quan hệ giữa Nhà nước, kinh tế quốc doanh với hợp tác xã, đồng thời cải tiến quản lý nội bộ hợp tác xã, hoàn thiện phương thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động, gắn liền việc xây dựng quan hệ sản xuất mới, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật với xây dựng nông thôn mới. Các tập đoàn sản xuất ở Nam Bộ phải được củng cố theo đúng tính chất tổ chức kinh tế tập thể. Việc đưa các tập đoàn sản xuất lên hợp tác xã bậc cao, quy mô lớn phải căn cứ vào các điều kiện cụ thể đã chín muồi, không làm vội vã.

Kinh tế gia đình có vị trí quan trọng và khả năng dồi dào, cần được khuyến khích và giúp đỡ phát triển trong mối quan hệ hỗ trợ và gắn bó với kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể.

Trên nguyên tắc bảo đảm trách nhiệm và nghĩa vụ đối với nhà nước và tập thể, gia đình công nhân, viên chức, gia đình xã viên có thể mở rộng sản xuất bằng lao động của gia đình mình, kinh doanh trong các ngành nghề theo đúng pháp luật và chính sách. Thu nhập của kinh tế gia đình không những góp phần cải thiện đời sống, mà còn là một nguồn tích lũy để tái sản xuất mở rộng.

Nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đặt ra cho chặng đường đầu tiên là *kinh tế xã hội chủ nghĩa với khu vực quốc doanh làm nòng cốt phải giành được vai trò quyết định trong nền kinh tế quốc dân*, cụ thể là chiếm tỷ trọng lớn cả trong sản xuất và lưu thông, thể hiện được tính ưu việt và chi phối được các thành phần kinh tế khác thông qua liên kết kinh tế.

Đối với *kinh tế tiểu sản xuất hàng hoá*, Nhà nước thừa nhận sự cần thiết của bộ phận kinh tế này trong thời kỳ quá độ, hướng dẫn và giúp đỡ nó sản xuất, kinh doanh, liên kết với kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể. Vận động những người lao động cá thể đi vào làm ăn tập thể theo nguyên tắc tự nguyện và cùng có lợi. Không nên có thành kiến, phân biệt đối xử, gây khó khăn cho những người lao động cá thể chưa muốn tham gia các tổ chức kinh tế tập thể hoặc xin rút ra khỏi các tổ chức đó.

Đối với tiểu thương, thông qua nhiều hình thức tùy theo ngành hàng, để sắp xếp, cải tạo và sử dụng họ thành lực lượng bổ sung cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, giúp đỡ số người không cần thiết trong lĩnh vực lưu thông chuyển sang sản xuất và dịch vụ.

Nhà nước cho phép những nhà *tư sản nhỏ* sử dụng vốn, kiến thức kỹ thuật và quản lý của họ để tổ chức sản xuất, kinh doanh trong một số ngành, nghề thuộc khu vực sản

xuất và dịch vụ ở những nơi cần thiết trong cả nước. Quy mô và phạm vi hoạt động của các cơ sở kinh tế tư bản tư nhân được quy định tùy theo ngành nghề và mặt hàng. Hoạt động của kinh tế tư bản tư nhân được hướng dẫn đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội bằng nhiều hình thức của kinh tế tư bản nhà nước, thông qua sự kiểm soát của Nhà nước và sự liên kết với kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể. *Kinh tế tư bản nhà nước* là hình thức kinh tế quá độ, có thể được tổ chức từ thấp đến cao, từ đại lý cung ứng và tiêu thụ hàng hoá, làm gia công, cho đến hợp doanh với Nhà nước.

Trong lĩnh vực lưu thông, phải xoá bỏ thương nghiệp tư bản tư nhân. Đối với một số người buôn bán loại vừa, có tay nghề trong một số ngành hàng tươi sống, Nhà nước dùng hình thức liên doanh để sử dụng họ kinh doanh theo pháp luật và chính sách.

Như vậy, quá trình sử dụng kinh tế tiểu sản xuất hàng hoá và kinh tế tư bản tư nhân luôn luôn gắn liền với quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần đó bằng nhiều hình thức.

Thừa nhận sự tồn tại của kinh tế tiểu sản xuất hàng hoá và kinh tế tư bản tư nhân, thì đương nhiên cũng phải thường xuyên đấu tranh với xu hướng tự phát tư bản chủ nghĩa và những mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế của các thành phần đó. Nhà nước dùng pháp luật và chính sách, dựa vào sức mạnh của kinh tế xã hội chủ nghĩa để kiểm soát và chi phối các thành phần kinh tế đó theo phương châm “sử dụng để cải tạo, cải tạo để sử dụng tốt hơn”.

Cần sửa đổi, bổ sung và công bố rộng rãi chính sách nhất quán đối với các thành phần kinh tế. Những quy định có tính nguyên tắc phải trở thành pháp luật để mọi người yên tâm, mạnh dạn kinh doanh.

Xoá bỏ những thành kiến thiên lệch trong sự đánh giá và đối xử với người lao động thuộc các thành phần kinh tế khác nhau. Nhà nước có chính sách ưu đãi về kinh tế (như chính sách đầu tư, thuế, tín dụng...) đối với thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa; song về pháp luật phải thực hiện nguyên tắc bình đẳng. Những người làm ra của cải và những việc có ích cho xã hội, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và chính sách đều được tôn trọng, được quyền hưởng thu nhập tương xứng với kết quả lao động, kinh doanh hợp pháp của họ. Đối với những kẻ lười biếng, ăn bám, phải phê phán và cưỡng bức lao động. Những kẻ phạm pháp đều bị trừng trị theo pháp luật. Ai vi phạm hợp đồng kinh tế, đều bị xử phạt và phải bồi thường. Đó là chính sách nhất quán đối với mọi công dân, không phân biệt họ thuộc thành phần kinh tế nào. Quan điểm đó phải thấm suốt trong các chính sách cụ thể, trong công tác tuyên truyền, giáo dục và văn hoá, để xây dựng những nhận thức đúng đắn trong nhân dân, tạo nên môi trường tâm lý xã hội thuận lợi cho việc thực hiện chính sách sử dụng và cải tạo nền kinh tế nhiều thành phần.

3. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế

Việc bố trí lại cơ cấu kinh tế phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

Cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp từ nhiều năm nay không tạo được động lực phát triển, làm suy yếu kinh tế xã hội chủ nghĩa, hạn chế việc sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế khác, kìm hãm sản xuất, làm giảm năng suất, chất lượng, hiệu quả, gây rối loạn trong phân phối lưu thông, và đẻ ra nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

Cơ chế đó quản lý nền kinh tế bằng mệnh lệnh hành chính là chủ yếu, với hệ thống chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh chi tiết từ trên giao xuống, không phù hợp với nguyên tắc tập trung dân chủ. Các cơ quan quản lý hành chính - kinh tế can thiệp sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của các đơn vị cơ sở, nhưng lại không chịu trách nhiệm gì về vật chất đối với các quyết định của mình; các đơn vị kinh tế cơ sở vừa không có quyền tự chủ, vừa không bị ràng buộc trách nhiệm với kết quả sản xuất, kinh doanh.

Cơ chế đó chưa chú ý đầy đủ đến quan hệ hàng hoá - tiền tệ, và hiệu quả kinh tế, dẫn tới cách quản lý và kế hoạch hoá thông qua chế độ cấp phát và giao nộp theo quan hệ hiện vật là chủ yếu, hạch toán kinh tế chỉ là hình thức, không ràng buộc trách nhiệm và lợi ích vật chất đối với hiệu quả sử dụng tiền vốn, tài sản, vật tư, lao động, tách rời việc trả công lao động với số lượng và chất lượng lao động.

Cơ chế đó đẻ ra bộ máy quản lý công kênh, với những cán bộ quản lý kém năng động, không thạo kinh doanh, với phong cách quản lý quan liêu, cửa quyền.

Cơ chế cũ gắn liền với tư duy kinh tế dựa trên những quan niệm giản đơn về chủ nghĩa xã hội, mang nặng tính chất chủ quan, duy ý chí.

Phương hướng đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đã được khẳng định là xoá bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế mới phù hợp với quy luật khách quan và với trình độ phát triển của nền kinh tế.

Ngay sau khi giành chính quyền, nắm được những mạch máu kinh tế chủ yếu của đất nước, Nhà nước xã hội chủ nghĩa có điều kiện và nhất thiết phải quản lý nền kinh tế quốc dân theo một kế hoạch thống nhất. *Tính kế hoạch*

là đặc trưng số một của cơ chế quản lý kinh tế ngay từ buổi đầu của thời kỳ quá độ.

Quá trình từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn ở nước ta là quá trình chuyển hoá nền kinh tế còn nhiều tính chất tự cấp, tự túc thành nền kinh tế hàng hoá. Chúng ta đang quản lý có kế hoạch một nền kinh tế sản xuất hàng hoá với những đặc điểm của thời kỳ quá độ. Việc sử dụng đầy đủ và đúng đắn quan hệ hàng hoá - tiền tệ trong kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân là một tất yếu khách quan. *Sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hoá - tiền tệ* là đặc trưng thứ hai của cơ chế mới về quản lý kinh tế mà chúng ta đang xây dựng.

Việc sử dụng quan hệ hàng hoá - tiền tệ đòi hỏi sản xuất phải gắn với thị trường, mọi hoạt động kinh tế phải so sánh chi phí với hiệu quả, các tổ chức và đơn vị kinh tế phải tự bù đắp chi phí và có lãi để tái sản xuất mở rộng, tức là phải thực hiện hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Muốn kế hoạch hoá quá trình tái sản xuất hàng hoá, phải vận dụng tổng hợp hệ thống các quy luật đang tác động lên nền kinh tế. Trong hệ thống các quy luật đó, quy luật kinh tế cơ bản cùng với các quy luật đặc thù khác của chủ nghĩa xã hội ngày càng phát huy vai trò chủ đạo, được vận dụng trong một thể thống nhất với các quy luật của sản xuất hàng hoá, đặc biệt là quy luật giá trị, quan hệ cung cầu... Kế hoạch hoá phải luôn luôn gắn liền với việc sử dụng đúng đắn các đòn bẩy kinh tế. Nền kinh tế phải được *quản lý bằng các phương pháp kinh tế là chủ yếu*, với động lực thúc đẩy là sự kết hợp hài hoà lợi ích của toàn xã hội, lợi ích của tập thể và lợi ích riêng của người lao động. Mức thu nhập của tập thể và của người lao động phải phụ thuộc vào kết quả lao động và hiệu quả kinh tế.

Các đơn vị kinh tế quốc doanh và tập thể là những đơn vị sản xuất hàng hoá xã hội chủ nghĩa, có quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh, tự chủ về tài chính. Các tập thể lao động thật sự có vai trò của người làm chủ trong việc tổ chức và quản lý sản xuất, kinh doanh.

Những điều nêu trên dẫn tới yêu cầu phân cấp kế hoạch hoá và quản lý kinh tế theo nguyên tắc tập trung dân chủ, trên cơ sở phân biệt rõ chức năng quản lý hành chính - kinh tế của các cơ quan nhà nước trung ương và địa phương với chức năng quản lý sản xuất - kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở.

Đi đôi với việc xác định đúng chức năng, nhiệm vụ quản lý của các cấp, các ngành, phải đổi mới cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, đổi mới công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất và năng lực đáp ứng được yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý. Việc bố trí đúng những cán bộ có trách nhiệm chủ yếu trong các cơ quan quản lý kinh tế ở trung ương, địa phương và các cơ sở kinh tế lớn là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với việc xây dựng và vận hành cơ chế quản lý mới.

Thực chất của cơ chế mới về quản lý kinh tế là *cơ chế kế hoạch hoá theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ*.

Đổi mới cơ chế quản lý là một quá trình cải cách có ý nghĩa cách mạng sâu sắc, là cuộc đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, cái tiến bộ và cái lạc hậu. Cuộc đấu tranh để đổi mới không những bị sức mạnh của thói quen níu lại, mà còn vấp phải những đặc quyền, đặc lợi của một số người gắn bó với cơ chế cũ. Đây là cuộc đấu tranh trong nội bộ Đảng và cơ quan nhà nước, đấu tranh giữa những người đồng chí, đấu tranh với chính bản thân mình. Khó khăn, phức tạp là ở chỗ đó.

Chúng ta phải khắc phục trở ngại chính hiện nay là tư tưởng bảo thủ muốn quay trở lại cơ chế cũ đã quen thuộc, do dự không dám giải quyết những vấn đề đã chín muồi.

Phương hướng và nội dung chủ yếu của việc đổi mới cơ chế quản lý đã được xác định. Song điều quan trọng và khó khăn hơn là tìm ra được những hình thức kinh tế cụ thể, bước đi và nội dung đổi mới trong từng bước. Chúng ta còn ít kinh nghiệm; vì thế phải coi trọng việc nghiên cứu, học tập, thử nghiệm, tổng kết thực tiễn. Khuynh hướng nóng vội, giản đơn muốn đổi mới xong xuôi trong một thời gian ngắn là không phù hợp với thực tế.

Trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phải nắm vững những vấn đề có tính nguyên tắc dưới đây:

Thực hiện tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế.

Tình trạng tập trung quan liêu trong công tác quản lý và điều hành còn nặng. Tình trạng phân tán, vô tổ chức trong hoạt động kinh tế cũng phổ biến.

Phải lập lại trật tự, kỷ cương trong quản lý kinh tế, xã hội. Chính cơ chế quản lý còn nặng tính chất tập trung quan liêu, vừa gò bó cấp dưới, vừa làm giảm hiệu lực quản lý tập trung là nguyên nhân trực tiếp làm rối loạn trật tự, kỷ cương. Vì vậy, không thể khắc phục sự rối ren bằng cách quay trở lại cơ chế cũ, mà phải kiên quyết thực hiện phân cấp quản lý theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Việc phân cấp quản lý phải bảo đảm quyền làm chủ của ba cấp: quyền quyết định của trung ương (bao gồm cả các ngành trung ương) đối với những lĩnh vực then chốt, những vấn đề có ý nghĩa chiến lược, bảo đảm cho sự phát triển cân đối của toàn bộ nền kinh tế; quyền chủ động của các địa phương trong việc thực hiện trách nhiệm quản lý kinh tế - xã hội trên địa bàn lãnh thổ; quyền tự chủ sản xuất - kinh

doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở và vai trò làm chủ của các tập thể lao động. Trong sự phân công, phân cấp quản lý, trách nhiệm phải đi đôi với quyền hạn, nghĩa vụ gắn liền với lợi ích.

Yêu cầu cấp bách là thể hiện những nguyên tắc đó trong các lĩnh vực quản lý cụ thể đang có nhiều vướng mắc, như kế hoạch hoá, quản lý vật tư, hàng hoá, xuất khẩu, nhập khẩu, ngoại tệ, đầu tư xây dựng cơ bản, tài chính, tiền tệ, giá cả, lao động, tiền lương.

Vai trò quản lý kinh tế của các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương, nói cho cùng, là nhằm tạo điều kiện cho các cơ sở kinh tế hoạt động có hiệu quả. Nhà nước kiểm soát và điều khiển các xí nghiệp và đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế bằng pháp luật, chính sách kinh tế, chính sách tiến bộ kỹ thuật, thay cho sự can thiệp sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp. Pháp luật quy định những giới hạn mà các xí nghiệp không được vi phạm. Các chính sách buộc các xí nghiệp tự lựa chọn các quyết định về sản xuất, kinh doanh có lợi nhất theo phương hướng của kế hoạch nhà nước. Cần có những quy định bảo đảm sự kiểm tra, giám sát thống nhất của Nhà nước đối với toàn bộ hoạt động của các đơn vị cơ sở. Những hiện tượng giấu giếm, khai man, hạch toán và báo cáo sai sự thật phải bị xử lý.

Việc xây dựng chế độ tự chủ sản xuất, kinh doanh của các xí nghiệp và chế độ làm chủ tập thể của quần chúng lao động ở cơ sở phải được tiếp tục bổ sung, sửa đổi qua thử nghiệm, tổng kết thực tiễn. Trên cơ sở đó mà làm rõ và giải quyết đúng đắn chức năng, nhiệm vụ và sự phân cấp quản lý hành chính - kinh tế giữa trung ương và địa phương, giữa tỉnh và huyện.

Nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế đòi hỏi phải đề cao kỷ luật và pháp luật. Sự chỉ đạo và điều hành từ trên xuống dưới, trước hết là từ các cơ quan trung ương, phải thống nhất theo nghị quyết của Đảng và Nhà nước, theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được xác định. Cấp dưới phải phục tùng cấp trên; cấp trên phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.

Đổi mới kế hoạch hoá.

Kế hoạch kinh tế quốc dân trong những năm tới phải bảo đảm thực hiện phương hướng sắp xếp lại nền kinh tế, bố trí đúng cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư theo các chương trình mục tiêu. Các cân đối kế hoạch được xây dựng từ cơ sở và tổng hợp từ dưới lên, với sự hướng dẫn và điều hoà của trung ương. Kết hợp chặt chẽ kế hoạch hoá theo ngành và kế hoạch hoá trên địa bàn lãnh thổ.

Với quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh, các đơn vị kinh tế cơ sở chủ động tiếp cận nhu cầu của thị trường, khai thác mọi khả năng để phát triển sản xuất, kinh doanh nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch nhà nước. *Hợp đồng kinh tế* giữa các đơn vị sản xuất, kinh doanh vừa là cơ sở để xây dựng kế hoạch vừa là công cụ pháp lý bảo đảm cho việc thực hiện kế hoạch. Cần tăng cường chế độ hợp đồng kinh tế và bảo đảm hiệu lực của nó bằng *chế độ trọng tài kinh tế nhà nước*.

Nhà nước sử dụng các đòn bẩy kinh tế cả trong kế hoạch hoá trực tiếp và kế hoạch hoá gián tiếp để bảo đảm thực hiện những phương hướng, mục tiêu của kế hoạch kinh tế quốc dân. Việc giao kế hoạch pháp lệnh chỉ hạn chế trong một số chỉ tiêu thật cần thiết nhằm bảo đảm những cân đối cơ bản và những nghĩa vụ cam kết với nước ngoài. Phấn đấu xây dựng từng bước lực lượng dự trữ của Nhà nước để chủ động

xử lý những trường hợp bất thường trong quá trình thực hiện kế hoạch.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các cơ quan khác ở trung ương có chức năng quản lý hành chính - kinh tế được giải thoát bớt những công việc sự vụ, phải tập trung nhiều hơn vào việc nghiên cứu chiến lược kinh tế - xã hội, xây dựng kế hoạch dài hạn và trung hạn, bảo đảm các quan hệ cân đối tổng hợp trong nền kinh tế, xây dựng chính sách và luật lệ kinh tế. Đó là những yếu tố quan trọng để từng bước nâng cao chất lượng kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân.

Sử dụng tốt các đòn bẩy kinh tế.

Để kích thích sản xuất phát triển, lập lại trật tự và ổn định thị trường, phải có *chính sách mở rộng giao lưu hàng hoá*, xoá bỏ tình trạng ngăn sông, cấm chợ, chia cắt thị trường theo địa giới hành chính.

Trong nền kinh tế còn nhiều thành phần, bên cạnh sự lưu thông hàng hoá của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, còn có thị trường tự do bao gồm hoạt động mua bán trực tiếp giữa người sản xuất và người tiêu dùng trong dân cư và hoạt động lưu thông, dịch vụ của những người kinh doanh tư nhân ở cả thành thị và nông thôn. Nhà nước sử dụng những biện pháp có hiệu quả để cải tạo và xoá bỏ thương nghiệp tư bản tư nhân, nghiêm trị bọn đầu cơ, buôn lậu. Nhưng không thể xoá bỏ thương nghiệp nhỏ tự do theo ý muốn chủ quan bằng mệnh lệnh hành chính, mà chỉ có thể thu hẹp nó bằng sự thay thế tốt hơn của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và biết sử dụng nó trong những lĩnh vực mà thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chưa thể kinh doanh tốt hoặc chưa cần kinh doanh.

Kinh nghiệm của nhiều địa phương và cơ sở cho thấy: nếu biết kinh doanh, biết vận dụng những biện pháp kinh tế là chủ yếu, kết hợp với biện pháp giáo dục và hành chính, được

sự tham gia trực tiếp của quần chúng nhân dân, thì thương nghiệp xã hội chủ nghĩa hoàn toàn có khả năng thực hiện được độc quyền kinh doanh những mặt hàng thiết yếu và làm chủ được thị trường.

Đối với những mặt hàng hoàn toàn do kinh tế quốc doanh sản xuất hoặc nhập khẩu, đương nhiên, thương nghiệp quốc doanh độc quyền bán trên thị trường và Nhà nước có biện pháp hành chính để bảo đảm sự độc quyền ấy. Nhưng ngay đối với những vật tư, hàng hoá đó, biện pháp kinh tế cũng rất quan trọng. Chính sách giá cả và phương thức mua bán không hợp lý thì không thể ngăn chặn được chúng chạy ra thị trường tự do bằng nhiều con đường ngang tắt.

Đối với những sản phẩm do các thành phần kinh tế ngoài khu vực quốc doanh sản xuất, biện pháp chủ yếu để các tổ chức kinh tế quốc doanh nắm được sản phẩm hàng hoá là có chính sách giá cả và phương thức mua bán thích hợp theo nguyên tắc thoả thuận, chủ yếu là thông qua hợp đồng kinh tế với người sản xuất. Chính sách kinh tế đúng đắn đi đôi với công tác điều tra, phát hiện, trừng trị bọn đầu cơ, buôn lậu là những biện pháp có hiệu quả để xoá bỏ chợ đen. Chính sách ép giá và phương thức mua bán phiến hà, đi đôi với các biện pháp ngăn cấm hay hạn chế nông dân và người sản xuất tiêu thụ hàng hoá trên thị trường sẽ đẩy họ vào thế đối phó với Nhà nước bằng cách giữ hàng không bán, bán lén lút cho tư thương, hoặc thu hẹp sản xuất. Kết quả cuối cùng là sản xuất giảm sút, cung cầu căng thẳng, giá cả bị đẩy lên. Chính sách đó càng tạo điều kiện cho tư thương hoạt động mạnh hơn và làm suy yếu liên minh công - nông.

Chính sách giá cả phải vận dụng tổng hợp nhiều quy luật, trong đó quy luật giá trị có tác động trực tiếp. Giá cả phải phù

hợp với giá trị, đồng thời phù hợp với sức mua của đồng tiền và tính đến quan hệ cung - cầu. Các yêu cầu điều tiết thu nhập, bảo đảm chính sách xã hội, thúc đẩy cải tạo xã hội chủ nghĩa, cần được thực hiện thông qua sử dụng đồng bộ nhiều biện pháp, trong đó có các biện pháp giá cả, tài chính, tín dụng...; chỉ dùng biện pháp giá cả để đáp ứng những yêu cầu đó sẽ đẩy giá cả tới mức thoát ly giá trị.

Muốn ổn định giá cả, chính sách giá cả phải nhằm trước hết kích thích các cơ sở sản xuất và mọi người lao động làm ra nhiều sản phẩm hàng hoá, hạ giá thành, hăng hái bán sản phẩm cho Nhà nước. Không thể ổn định giá cả bằng cách giữ giá một cách cứng nhắc, bất chấp sức mua của đồng tiền, bất chấp quan hệ cung - cầu và sự biến động của các yếu tố hình thành giá cả; mặt khác, phải có biện pháp tích cực khắc phục từng bước tính tự phát của giá cả thị trường tự do.

Phấn đấu thi hành chính sách một giá, đó là giá kinh doanh thương nghiệp. Chính sách một giá gắn liền với cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa có tác dụng kích thích sản xuất và mở rộng lưu thông hàng hoá, tạo điều kiện cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chuyển sang kinh doanh, chiếm lĩnh và làm chủ thị trường, không tạo ra nhu cầu giả tạo, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng thất thoát hàng hoá.

Trong tình hình cụ thể hiện nay, ở những nơi, những lúc nhất định, đối với một số ít mặt hàng thiết yếu mà cung cầu căng thẳng, giá cả biến động mạnh, Nhà nước chưa đủ lực lượng để kìm giá lại, thì tạm thời áp dụng chính sách hai giá trong việc mua nông sản và bán lẻ hàng tiêu dùng.

Để tạo điều kiện cho thương nghiệp quốc doanh thoát khỏi tình trạng khó mua, khó bán, bỏ trống trận địa, cần phải sớm ban hành cơ chế định giá và quản lý giá đúng đắn.

Chính sách tiền lương phải đáp ứng yêu cầu cấp bách là bảo đảm tiền lương thực tế của người ăn lương trong tình hình quỹ hàng của Nhà nước chưa đủ và giá cả chưa ổn định.

Vấn đề cơ bản là phát triển sản xuất, Nhà nước nắm quỹ hàng lương thực, thực phẩm và hàng thiết yếu khác, có phương thức bán thích hợp, bảo đảm cho người ăn lương mua được hàng hoá cần thiết; hết sức hạn chế việc quay trở lại chế độ tem phiếu.

Việc thực hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động đòi hỏi sửa đổi một cách căn bản chế độ tiền lương theo hướng bảo đảm yêu cầu tái sản xuất sức lao động, khắc phục tính chất bình quân, xoá bỏ từng bước phần cung cấp còn lại trong chế độ tiền lương, áp dụng các hình thức trả lương gắn chặt với kết quả lao động và hiệu quả kinh tế. Những vấn đề đó phải được giải quyết cùng với việc thực hiện chế độ hợp đồng lao động, tinh giản bộ máy quản lý hành chính nhà nước và bộ phận quản lý gián tiếp của các tổ chức sản xuất, kinh doanh. Việc thực hiện phải đi từng bước vững chắc, phù hợp với khả năng cân đối tiền - hàng và với nhịp độ tăng năng suất lao động.

Chính sách tài chính, tiền tệ có vai trò trọng yếu trong việc chuyển các hoạt động kinh tế sang cơ chế hạch toán kinh doanh, đấu tranh chống lạm phát, ổn định sức mua của đồng tiền.

Xây dựng và hoàn chỉnh từng bước chính sách tài chính quốc gia theo hướng: bảo đảm quyền tự chủ tài chính của các cơ sở kinh tế, kích thích mạnh mẽ kinh tế quốc doanh và các thành phần kinh tế khác phát triển sản xuất với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, tạo ra nguồn tích lũy ngày càng tăng cho từng đơn vị và cho Nhà nước; điều tiết và phân phối hợp lý các nguồn thu nhập nhằm thực hiện công bằng xã hội

và bảo đảm quan hệ tích lũy và tiêu dùng phù hợp với các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Đổi mới các chính sách, chế độ tài chính, trước hết là *chính sách thuế*. Chấm dứt chế độ bao cấp qua ngân sách, như bù lỗ tràn lan, cấp phát vốn mà không ràng buộc trách nhiệm vật chất với hiệu quả sử dụng vốn; tránh dùng vốn tín dụng không đúng quan điểm hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; sửa đổi một số chế độ phúc lợi vượt quá khả năng của nền kinh tế. Các chế độ tài chính cần quán triệt *chính sách tiết kiệm nghiêm ngặt cả trong sản xuất và tiêu dùng*.

Bội chi ngân sách ngày càng tăng là nguyên nhân quan trọng nhất dẫn tới lạm phát, đẩy giá cả tăng nhanh. Phấn đấu giảm bội chi, tiến tới cân bằng thu chi ngân sách là nhiệm vụ hàng đầu của công tác tài chính trong 5 năm 1986-1990. Bên cạnh những biện pháp cơ bản, thường xuyên trong chính sách tài chính quốc gia, cần có những biện pháp bất thường áp dụng trong một thời gian ngắn để tăng thu, giảm chi, hạn chế, đi tới chấm dứt phát hành để chi cho ngân sách.

Ngân hàng có nhiệm vụ khẩn cấp cùng với hoạt động tài chính và các ngành kinh tế khác phấn đấu giảm lạm phát, điều chỉnh hợp lý khối lượng tiền lưu thông trên cơ sở tăng nhanh vòng quay của đồng tiền và áp dụng phổ biến các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, góp phần tích cực vào việc lập lại cân đối về tiền - hàng, ổn định sức mua của đồng tiền, đáp ứng nhu cầu về tiền cho việc mở rộng sản xuất và lưu thông hàng hoá.

Bên cạnh nhiệm vụ quản lý lưu thông tiền tệ của ngân hàng nhà nước, cần xây dựng hệ thống ngân hàng chuyên nghiệp kinh doanh tín dụng và dịch vụ ngân hàng, hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế. Phải trên cơ sở phục vụ tốt mà

thực hiện chức năng giám sát bằng đồng tiền các hoạt động sản xuất, kinh doanh, chống thái độ cửa quyền. Phát triển rộng rãi các tổ chức tín dụng tập thể trong nhân dân, ngăn chặn nạn tư nhân cho vay nặng lãi.

Chính sách tiết kiệm phải được thấu suốt trong kế hoạch hoá và các đòn bẩy kinh tế. Chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, gắn chặt trách nhiệm và lợi ích vật chất với hiệu quả sử dụng tài sản, tiền vốn, vật tư, lao động là phương hướng chủ yếu để thực hành tiết kiệm trong mọi hoạt động kinh tế. Trong môi trường hạch toán kinh doanh, cần đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học và tiến bộ kỹ thuật, xây dựng và áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật để giảm chi phí sản xuất. Đi đôi với tiết kiệm năng lượng, vật tư, cần nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào việc bảo dưỡng, nâng cao tuổi thọ của máy. Bảo đảm chất lượng sản phẩm là tiết kiệm cả trong sản xuất và tiêu dùng; các chính sách kinh tế phải đi đôi với biện pháp hành chính, giáo dục nhằm khuyến khích làm hàng tốt, ngăn chặn làm hàng xấu, nghiêm trị làm hàng giả.

Khuyến khích mọi người tiết kiệm tiêu dùng, dành vốn để tích lũy, mở rộng sản xuất dưới nhiều hình thức. Chính sách tiết kiệm tiêu dùng phải khuyến khích dùng hàng sản xuất trong nước, hạn chế tiêu dùng những loại hàng có thể dành cho xuất khẩu, ngăn chặn việc nhập hàng xa xỉ. Chống lãng phí trong việc sử dụng tài sản, phương tiện thuộc của công. Nghiêm cấm việc dùng tiền của công để chè chén, biếu xén.

Quá trình đổi mới quản lý kinh tế đặt ra nhiều vấn đề phải giải quyết để chuyển toàn bộ hệ thống các chính sách, chế độ, thể lệ quản lý và tổ chức bộ máy quản lý sang cơ chế mới. Cuộc cải cách có ý nghĩa cách mạng này phải được tiến hành đồng bộ, kết hợp giữa bên trên và bên dưới, giữa sự

đổi mới của các cơ quan quản lý với phong trào quần chúng. Việc sửa đổi và ban hành các chính sách, chế độ quản lý phải xuất phát từ thực tế, tập hợp sáng kiến và kinh nghiệm của các địa phương và cơ sở, không thể chỉ là công việc nghiên cứu của một số ít cán bộ ở bàn giấy.

Trước mắt, thực hành những biện pháp có hiệu quả để hãm bớt lạm phát và tốc độ tăng giá, giảm bớt khó khăn về đời sống của người ăn lương. Có làm được việc đó mới tạo được những tiền đề về kinh tế, xã hội và tâm lý cho việc đẩy mạnh quá trình cải cách. Qua từng bước khẩn trương và vững chắc, phấn đấu đến năm 1990 về cơ bản hình thành được cơ chế quản lý mới và chấn chỉnh bộ máy quản lý, sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ bảo đảm cho cơ chế đó được vận hành thông suốt.

4. Phát huy mạnh mẽ động lực khoa học, kỹ thuật

Trong điều kiện thế giới đang tiến nhanh vào giai đoạn mới của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật và qua tình hình thực tế của nước ta, càng thấy rõ sự bức bách phải làm cho khoa học, kỹ thuật thật sự trở thành một *động lực to lớn* đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Vị trí then chốt của cách mạng khoa học - kỹ thuật trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội phải được thể hiện trong cuộc sống. Trên cơ sở những việc đã làm được, cần xúc tiến và hoàn thành việc xác định *chiến lược phát triển khoa học và kỹ thuật*, làm luận cứ khoa học cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và định hướng cho công tác khoa học, kỹ thuật.

Sự lựa chọn về phương hướng khoa học, kỹ thuật phải thống nhất với sự lựa chọn về mục tiêu, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội. Trong những năm tới, phải lựa chọn và

tổ chức áp dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và kỹ thuật thích hợp, nhằm trước hết phục vụ ba chương trình về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Trong nông nghiệp, áp dụng rộng rãi các thành tựu sinh học và các thành tựu khoa học, kỹ thuật khác làm tăng thêm màu mỡ cho đất canh tác, tăng nhanh năng suất trồng trọt, chăn nuôi, nâng cao hệ số sử dụng đất, giảm hư hao lương thực và nông sản khác. Trong công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, hoạt động khoa học, kỹ thuật phải hướng vào việc cải tiến, đổi mới và hoàn thiện công nghệ, hợp lý hoá tổ chức sản xuất, đổi mới thiết bị, sản xuất nguyên liệu, vật liệu và phụ tùng thay thế, giảm mạnh tiêu hao vật tư, tận dụng nguyên liệu, đổi mới và nâng cao chất lượng sản phẩm, nhất là chất lượng hàng xuất khẩu.

Triển khai một số đề tài được chọn lọc thuộc các hướng *khoa học, kỹ thuật hiện đại*, như công nghệ sinh học, vật liệu và công nghệ mới, điện tử và tin học... Xúc tiến công tác điều tra và đánh giá kinh tế tài nguyên thiên nhiên, điều kiện tự nhiên, dân cư và kinh tế - xã hội, công tác dự báo và nghiên cứu chiến lược, phân vùng quy hoạch và phân bố lực lượng sản xuất, xây dựng các luận chứng kinh tế - kỹ thuật cho các chủ trương lớn về phát triển kinh tế và xã hội, sử dụng tốt nhất đi đôi với bảo vệ có hiệu quả môi trường sinh thái.

Các ngành *khoa học tự nhiên* đẩy mạnh công tác nghiên cứu những đề tài bảo đảm cơ sở khoa học cho việc phát triển các ngành kỹ thuật, cho việc ứng dụng có chọn lọc các thành tựu khoa học và kỹ thuật hiện đại, từng bước hình thành các hướng khoa học, kỹ thuật mũi nhọn.

Thực hiện những biện pháp đồng bộ, có hiệu quả để sớm khắc phục sự chậm trễ của khoa học xã hội. Nhiệm vụ chủ yếu của các ngành *khoa học xã hội* trong những năm tới là

tham gia đắc lực vào công tác lý luận của Đảng, góp phần xây dựng cương lĩnh về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong thời kỳ quá độ, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý kinh tế, quản lý xã hội trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của nước ta và nắm bắt nhanh nhạy những thành tựu lý luận của các nước anh em. Khoa học xã hội phải trở thành công cụ sắc bén trong việc đổi mới nhận thức, đổi mới phương pháp tư duy, xây dựng ý thức xã hội và nhân cách xã hội chủ nghĩa.

Đẩy mạnh sự kết hợp một cách hữu cơ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật. Mỗi phương án phát triển kinh tế đều phải xét đến tất cả các mặt kinh tế, kỹ thuật, xã hội, môi trường. Tập trung lực lượng giải quyết những vấn đề khoa học, kỹ thuật cấp bách, có hiệu quả thiết thực.

Lực lượng khoa học và kỹ thuật cần được tổ chức lại, bố trí và sử dụng có hiệu quả. Có cơ chế, chính sách và biện pháp đúng đắn nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ khoa học, cán bộ kỹ thuật phát huy lao động sáng tạo, hướng về cơ sở sản xuất, về các địa bàn kinh tế đang cần sự có mặt của họ. Đảng và Nhà nước cố gắng tạo những điều kiện thuận lợi để những người làm công tác khoa học, kỹ thuật hoạt động có kết quả, và đòi hỏi mọi người phải có cống hiến cho đất nước bằng những sáng chế, bằng kết quả đưa nhanh tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào sản xuất, bằng việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội.

Các cơ quan khoa học cần được sắp xếp lại và bố trí hợp lý trên các vùng lãnh thổ, theo nguyên tắc *gắn chặt khoa học, kỹ thuật với sản xuất và đời sống*, nhằm sử dụng tiềm lực khoa học, kỹ thuật như một bộ phận cấu thành của lực lượng

sản xuất xã hội, tạo điều kiện rút ngắn quá trình từ nghiên cứu đến sản xuất, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp, tản mạn. Theo nguyên tắc đó, chuyển một số cơ quan nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật chuyên ngành về trực thuộc các liên hiệp xí nghiệp hoặc xí nghiệp lớn. Mở rộng các hình thức liên kết giữa khoa học và sản xuất. Xây dựng các tổ chức liên hiệp khoa học - sản xuất với hình thức và quy mô thích hợp. Tổ chức tốt hoạt động của các trung tâm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Tăng cường các bộ phận sản xuất thử cho các cơ quan nghiên cứu và triển khai. Phát huy hơn nữa vai trò của các trường đại học và trung học chuyên nghiệp trong công tác nghiên cứu triển khai theo nguyên tắc kết hợp chặt chẽ các khâu: khoa học - đào tạo - sản xuất. Thành lập một số trung tâm khoa học - kỹ thuật tổng hợp cho những vùng kinh tế quan trọng. Chuẩn bị điều kiện để thành lập Viện hàn lâm khoa học Việt Nam.

Tăng mức đầu tư cho khoa học, kỹ thuật từ nhiều nguồn khác nhau: ngân sách nhà nước, quỹ tự có của các cơ sở sản xuất, quỹ tập trung của ngành, tín dụng ưu đãi của ngân hàng, v.v.. Coi trọng đầu tư chiều sâu và quản lý tốt để sử dụng có hiệu quả các cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có của các cơ quan khoa học - kỹ thuật.

Mở rộng và nâng cao hiệu quả *hợp tác quốc tế* về khoa học và kỹ thuật. Thông qua hợp tác để nhanh chóng nắm bắt các thành tựu khoa học, kỹ thuật, tránh lãng phí do nghiên cứu trùng lặp. Gắn chặt hợp tác khoa học, kỹ thuật với hợp tác kinh tế. Xây dựng và thực hiện chính sách chuyển giao công nghệ có chọn lọc, kết hợp với công tác nghiên cứu và triển khai trong nước. Tích cực tham gia chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học, kỹ thuật theo các hướng ưu tiên của Hội đồng tương trợ kinh tế đến năm 2000.

Việc phát huy vai trò động lực của khoa học, kỹ thuật tùy thuộc một phần quan trọng ở cơ chế quản lý. Cơ chế quản lý kinh tế, quản lý khoa học - kỹ thuật phải đòi hỏi và khuyến khích việc sáng tạo và ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và kỹ thuật, đưa lại hiệu quả thiết thực. Áp dụng rộng rãi phương thức ký kết hợp đồng nghiên cứu và triển khai giữa các tổ chức khoa học, kỹ thuật với các tổ chức sản xuất, kinh doanh. Chuyển dần một số cơ sở nghiên cứu ứng dụng và triển khai kỹ thuật sang chế độ hạch toán kinh tế. Các cơ sở đó có quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về hoạt động khoa học, kỹ thuật của mình. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện chế độ mua sáng chế và hạch toán vào giá thành sản phẩm. Các chính sách và biện pháp về giá cả, lợi nhuận, thuế, tín dụng, tiền lương, tiền thưởng, quỹ chuyên dùng... phải thật sự thôi thúc các cơ sở sản xuất, kinh doanh tìm đến khoa học, đặt hàng cho khoa học, sử dụng khoa học và kỹ thuật như yếu tố quyết định để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Các chế độ về bản quyền tác giả, khen thưởng việc tạo ra và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật phải được thực hiện đầy đủ. Hội đồng giải thưởng nhà nước về khoa học và kỹ thuật phải hoạt động một cách thiết thực. Xây dựng và phát triển các hoạt động về sở hữu công nghiệp (như bản quyền sáng chế, nhãn hiệu hàng hoá, v.v.).

Tăng cường hoạt động về tiêu chuẩn hoá, bảo đảm đo lường, kiểm nghiệm và quản lý chất lượng sản phẩm; gắn trách nhiệm và lợi ích của người sản xuất với chất lượng sản phẩm, xây dựng kỷ luật sản xuất theo tiêu chuẩn, định mức; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá và chứng nhận chất lượng sản phẩm; thể chế hoá và thực hiện nghiêm ngặt chế độ giám định công nghệ.

Tăng cường hệ thống thông tin kinh tế và khoa học, kỹ thuật, nâng cao năng lực bảo đảm thông tin cho công tác lãnh đạo và quản lý, cho hoạt động nghiên cứu, triển khai và sản xuất. Tạo thuận lợi cho việc tiếp nhận thông tin kinh tế và khoa học, kỹ thuật từ ngoài nước. Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng công tác thông tin đại chúng cả về nội dung và hình thức. Tổ chức tốt công tác lưu trữ; bảo vệ an toàn và sử dụng có hiệu quả tài liệu lưu trữ quốc gia.

Cách mạng khoa học - kỹ thuật là sự nghiệp của quần chúng. Đảng ta thi hành nhất quán chính sách đẩy mạnh *phong trào quần chúng* tiến quân vào khoa học và kỹ thuật. Chính sách đó khuyến khích các sáng kiến, cổ vũ việc phổ biến các kiến thức khoa học và kỹ thuật, tổng kết và áp dụng rộng rãi các kinh nghiệm và điển hình tiên tiến, động viên hàng chục triệu người tham gia các hoạt động khoa học, kỹ thuật thông qua lao động sáng tạo của mình.

Cán bộ lãnh đạo và quản lý các ngành, các cấp có vai trò quan trọng và trách nhiệm to lớn trong việc bảo đảm thực hiện thành công nhiệm vụ phát triển khoa học, kỹ thuật. Nâng cao hơn nữa trình độ của các cán bộ có trách nhiệm cho kịp yêu cầu của bước phát triển mới về khoa học, kỹ thuật.

5. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại

Nhiệm vụ ổn định và phát triển kinh tế trong chặng đường đầu tiên cũng như sự nghiệp phát triển khoa học - kỹ thuật và công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa của nước ta tiến hành nhanh hay chậm, điều đó phụ thuộc một phần quan trọng vào việc mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Muốn kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, nước ta phải tham gia sự phân công lao động quốc tế; trước hết và chủ yếu là mở rộng quan hệ phân công, hợp

tác toàn diện với Liên Xô, Lào và Campuchia, với các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa; đồng thời tranh thủ mở mang quan hệ kinh tế và khoa học - kỹ thuật với các nước thế giới thứ ba, các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi.

Chương trình tổng hợp của Hội đồng tương trợ kinh tế giúp đỡ và hợp tác với Việt Nam đến năm 2000 theo những điều kiện ưu đãi là một thuận lợi lớn cho việc phát triển quan hệ kinh tế đối ngoại và tiến hành công nghiệp hoá, xây dựng cơ cấu kinh tế mới của nước ta. Chúng ta phải chủ động cùng các nước anh em trong Hội đồng tương trợ kinh tế xây dựng chương trình này và làm tròn phần trách nhiệm của mình trong việc thực hiện chương trình. Việc bắt đầu cải tiến một cách cơ bản phương thức hoạt động của Hội đồng tương trợ kinh tế, cải tổ cơ cấu và các hình thức hợp tác kinh tế và khoa học - kỹ thuật giữa các nước thành viên đòi hỏi chúng ta đổi mới cơ chế quản lý, nhất là trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại, cho phù hợp.

Trong toàn bộ công tác kinh tế đối ngoại, khâu quan trọng nhất là đẩy mạnh xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu nhập khẩu.

Chương trình *xuất khẩu* cho những năm tới phải tính toán cụ thể và chính xác hiệu quả kinh tế của từng mặt hàng để lựa chọn các sản phẩm xuất khẩu có lợi nhất, xác định các sản phẩm xuất khẩu chủ lực, vừa có kim ngạch cao, vừa có điều kiện ổn định và phát triển cả về sản xuất và thị trường tiêu thụ. Trên cơ sở đó, có kế hoạch đầu tư đồng bộ từ nguyên liệu đến chế biến, bảo quản, vận chuyển, đi đôi với tổ chức sản xuất và lưu thông hợp lý, đổi mới cơ chế quản lý, sử dụng

các chính sách đòn bẩy để thực hiện cho được chương trình xuất khẩu.

Trong cơ cấu xuất khẩu của những năm trước mắt, các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp chiếm vị trí quan trọng nhất. Tăng nhanh khối lượng sản phẩm, nâng cao trình độ chế biến, phấn đấu hạ giá thành, tăng hiệu suất thu ngoại tệ. Kiên quyết tổ chức tốt việc xuất khẩu nông sản sang vùng Viễn Đông của Liên Xô, giành vị trí ổn định và ngày càng tăng trên thị trường này.

Tận dụng nguồn lao động dồi dào và khéo tay để gia công cho nước ngoài, làm những sản phẩm thủ công, mỹ nghệ và một số hàng xuất khẩu khác, từ những sản phẩm thông thường đến những sản phẩm tinh vi; khai thác khả năng to lớn ấy để hợp tác với các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế.

Đẩy mạnh xuất khẩu các loại khoáng sản có hiệu suất thu ngoại tệ hợp lý.

Việc hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ đã cam kết với nước ngoài, thực hiện đúng các hợp đồng xuất khẩu cả về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng phải được đặt vào vị trí ưu tiên. Dù khó khăn, trở ngại đến đâu cũng nhất thiết phải làm cho được điều đó. Tăng cường kỷ luật giao hàng xuất khẩu theo kế hoạch, đồng thời gắn việc phân phối hàng nhập khẩu với việc thực hiện kế hoạch giao hàng xuất khẩu, không phân phối theo lối bao cấp, bình quân như trước.

Để khắc phục tình trạng kích giá, tranh mua hàng xuất khẩu, đi đôi với biện pháp hành chính và tổ chức, cần có chính sách thuế xuất khẩu, đặc biệt là đối với một số mặt hàng có hiệu suất thu ngoại tệ cao.

Cơ cấu *nhập khẩu* phải phù hợp và phục vụ tốt cho việc bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh cơ cấu đầu tư. Để

khắc phục tình trạng nhập khẩu không hợp lý, ngăn chặn việc nhập hàng xa xỉ, cần ban hành chính sách thuế nhập khẩu. Xử lý đúng và kịp thời giá bán hàng nhập khẩu để chống sử dụng lãng phí, chống thất thoát hàng và khuyến khích sản xuất, sử dụng hàng trong nước thay thế hàng nhập khẩu.

Hoạt động xuất, nhập khẩu phải chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên nguyên tắc nhà nước độc quyền ngoại thương, trung ương thống nhất quản lý xuất, nhập khẩu theo kế hoạch, pháp luật và chính sách. Vấn đề quan trọng hàng đầu là đổi mới cơ chế quản lý đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu. Bên cạnh những quy định chung về quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị cơ sở, cần bổ sung chính sách khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu, tạo điều kiện cho các đơn vị làm hàng xuất khẩu theo sát được nhu cầu, thị hiếu, giá cả và các điều kiện kinh doanh khác trên thị trường thế giới. Các đơn vị sản xuất có quy mô xuất khẩu tương đối lớn được trực tiếp giao dịch với khách hàng nước ngoài, theo sự quản lý của Bộ Ngoại thương.

Sắp xếp hợp lý các tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu, loại bỏ những khâu trung gian và những thủ tục phiền hà; thống nhất đầu mối xuất, nhập khẩu đối với một số mặt hàng quan trọng, khắc phục tình trạng tranh mua trên thị trường trong nước và tranh mua, tranh bán trên thị trường ngoài nước. Các tổ chức kinh doanh được giao nhiệm vụ thống nhất đầu mối xuất, nhập khẩu phải hoạt động theo phương thức kinh doanh, không làm theo lối quan liêu, cửa quyền, bắt bí và gây phiền hà cho người làm hàng xuất khẩu hoặc người cần nhập khẩu. Việc hạch toán và phân chia lợi nhuận xuất khẩu phải sòng phẳng, công khai, để

cho các cơ sở và địa phương thấy xuất khẩu qua tổ chức đầu mối có lợi hơn là tự mình xuất khẩu.

Ngân hàng ngoại thương thống nhất việc quản lý ngoại hối, song phải bảo đảm quyền sử dụng ngoại tệ của các chủ tài khoản ngoại tệ theo đúng chính sách của Nhà nước. Nghiên cứu chế độ mua, bán ngoại tệ qua Ngân hàng ngoại thương để tạo điều kiện áp dụng khi ổn định được giá trị đồng tiền trong nước. Có cơ chế điều chỉnh kịp thời tỷ giá kết toán nội bộ về ngoại tệ, và tỷ giá hối đoái phi mậu dịch, kiều hối, không để lạc hậu so với tình hình thực tế. Có chính sách khuyến khích Việt kiều gửi tiền và vật tư về nước, thay cho việc gửi hàng tiêu dùng.

Cùng với việc mở rộng xuất, nhập khẩu, tranh thủ vốn viện trợ và vay dài hạn, cần vận dụng nhiều hình thức đa dạng để phát triển quan hệ kinh tế đối ngoại.

Mở rộng hơn nữa quan hệ hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, từ các hình thức bạn đưa gia công, liên doanh đến đầu tư trực tiếp; tăng cường quan hệ hợp tác, liên kết trực tiếp trong lĩnh vực sản xuất và khoa học giữa các tổ chức kinh tế, khoa học - kỹ thuật của nước ta với các tổ chức tương ứng của các nước anh em.

Công bố chính sách khuyến khích nước ngoài đầu tư vào nước ta dưới nhiều hình thức, nhất là đối với các ngành và cơ sở đòi hỏi kỹ thuật cao, làm hàng xuất khẩu. Đi đôi với việc công bố Luật đầu tư, cần có các chính sách và biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài và Việt kiều vào nước ta để hợp tác kinh doanh.

Coi trọng việc tổ chức, động viên Việt kiều góp phần xây dựng đất nước bằng nhiều cách, bao gồm cả đầu tư kỹ thuật và vốn; phát huy khả năng của kiều bào trong việc giúp đỡ

mở rộng quan hệ hợp tác với các nước, các công ty, các tổ chức kinh tế ở nước ngoài.

Đẩy mạnh hợp tác khoa học, kỹ thuật và đào tạo cán bộ, công nhân. Tổ chức tốt việc đưa lao động và chuyên gia đi làm việc theo hợp đồng ở nước ngoài dưới nhiều hình thức; chú ý tới hình thức nhận thầu đồng bộ công trình xây dựng và các loại dịch vụ. Nhanh chóng khai thác các điều kiện thuận lợi của đất nước để mở mang du lịch bằng vốn đầu tư trong nước và hợp tác với nước ngoài. Phát triển vận tải quốc tế, dịch vụ cung ứng tàu biển và máy bay...

Trong quan hệ liên minh đặc biệt với Lào và Campuchia về kinh tế, khoa học - kỹ thuật, cần coi trọng hiệu quả thiết thực, bảo đảm cho nền kinh tế của cả ba nước đều có lợi và cùng phát triển. Nhanh chóng đi ngay vào phân công, hợp tác sản xuất, phối hợp đầu tư trong những lĩnh vực có điều kiện; tăng nhanh khối lượng trao đổi hàng hoá, dịch vụ giữa ba nước. Tiếp tục giúp Lào và Campuchia điều tra cơ bản, phân vùng quy hoạch, đào tạo cán bộ.

Việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại sẽ làm nảy sinh những vấn đề phức tạp, cần có biện pháp hạn chế và ngăn ngừa những hiện tượng tiêu cực, song không vì thế mà đóng cửa lại. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về phẩm chất và năng lực kinh doanh cho đội ngũ cán bộ làm kinh tế đối ngoại, kể cả những cán bộ chuyên làm công tác này và những cán bộ ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh có quan hệ giao dịch với nước ngoài.

Thưa các đồng chí,

Dưới đây xin trình bày một số *phương hướng, nhiệm vụ của chính sách xã hội*.

Chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người: điều kiện lao động và sinh hoạt, giáo dục và văn hoá,

quan hệ gia đình, quan hệ giai cấp, quan hệ dân tộc... Cần thể hiện đầy đủ trong thực tế quan điểm của Đảng và Nhà nước về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội, khắc phục thái độ coi nhẹ chính sách xã hội, tức là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế. Ngay trong khuôn khổ của hoạt động kinh tế, chính sách xã hội có ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, là một nhân tố quan trọng để phát triển sản xuất. Do đó, *cần có chính sách xã hội cơ bản, lâu dài và xác định được những nhiệm vụ, mục tiêu phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên.*

Trong việc *phát huy yếu tố con người* và lấy việc *phục vụ con người* làm mục đích cao nhất của mọi hoạt động, cần có kế hoạch chủ động xây dựng cơ cấu giai cấp của xã hội mới, cụ thể hoá và thực hiện đúng chính sách dân tộc và chính sách tự do tín ngưỡng.

Cùng với việc tiến tới xoá bỏ cơ sở kinh tế - xã hội của sự bất công xã hội, phải đấu tranh kiên quyết chống những hiện tượng tiêu cực, làm cho những nguyên tắc công bằng xã hội, và lối sống lành mạnh được khẳng định trong cuộc sống hằng ngày của xã hội ta.

1. Kế hoạch hoá dân số, giải quyết việc làm cho người lao động

Phấn đấu *hạ tỷ lệ phát triển dân số* đến năm 1990 xuống 1,7%. Các cấp đảng, chính quyền và đoàn thể phải chỉ đạo chặt chẽ và thường xuyên cuộc vận động kế hoạch

hoá dân số, coi đó là một điều kiện quan trọng để tăng thu nhập quốc dân bình quân đầu người, thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Đi đôi với đầu tư mở rộng mạng lưới bảo đảm kỹ thuật phục vụ cho việc sinh đẻ có kế hoạch, cần sửa đổi các chính sách, chế độ của Nhà nước, coi trọng các biện pháp giáo dục, văn hoá nhằm thay đổi tâm lý, tập quán của nhân dân, trước nhất là nam nữ thanh niên, đối với việc kế hoạch hoá gia đình. Chỉ đạo thực hiện đúng Luật hôn nhân và gia đình sau khi được Quốc hội thông qua.

Bảo đảm việc làm cho người lao động, trước hết là ở thành thị và cho thanh niên, là nhiệm vụ kinh tế - xã hội hàng đầu trong những năm tới. Nhà nước cố gắng tạo thêm việc làm và có chính sách để người lao động tự tạo ra việc làm bằng cách khuyến khích phát triển kinh tế gia đình, khai thác mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế khác, kể cả thành phần kinh tế tư bản tư nhân. Ban hành và thực hiện Luật lao động.

Phương hướng giải quyết việc làm là mở mang ngành nghề tại chỗ để thu hút số lao động thừa và mới tăng, đi đôi với phân bố lao động đến các địa bàn khác, vừa nhằm vào lĩnh vực nông nghiệp, vừa phát triển thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp, dịch vụ và các ngành sản xuất khác, làm hàng xuất khẩu và gia công.

Mở rộng hợp tác lao động với nước ngoài kết hợp với việc đào tạo tay nghề cho thanh niên và nâng cao trình độ cho chuyên gia; bố trí cơ cấu ngành nghề thích hợp; chọn lựa người đúng tiêu chuẩn; quản lý chặt chẽ về tổ chức và tư tưởng. Cùng với nước sở tại, chăm sóc đời sống vật chất, văn hoá của những người đi lao động ở nước đó; tổ chức chu đáo

việc gửi tiền, hàng hoá về cho gia đình. Sắp xếp việc làm cho những người đã làm việc, học nghề ở nước ngoài về.

Đẩy mạnh công tác định canh, định cư ở miền núi gắn liền với việc quy hoạch, xây dựng kinh tế trên địa bàn huyện. Bổ sung chính sách đối với việc xây dựng các vùng kinh tế mới và công tác định canh, định cư, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, tạo điều kiện cho người mới đến ổn định sản xuất và đời sống.

Trong khu vực nhà nước, giảm mạnh số lao động gián tiếp và quản lý hành chính, chuyển sang sản xuất và dịch vụ.

2. Thực hiện công bằng xã hội, lối sống có văn hoá; bảo đảm an toàn xã hội, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội

Bảo đảm cho người lao động có thu nhập thoả đáng phụ thuộc trực tiếp vào kết quả lao động, có tác dụng khuyến khích nhiệt tình lao động. Tôn trọng lợi ích chính đáng của những hoạt động kinh doanh hợp pháp, có ích cho xã hội. Ngăn chặn và xử lý nghiêm khắc các nguồn thu nhập bất chính. Kết hợp sức mạnh của các cơ quan chức năng và sự đấu tranh của quần chúng, nghiêm trị những kẻ phạm pháp bất kỳ ở cương vị nào. Việc phê bình công khai trên báo là quyền chính đáng của mọi công dân, cần được thực hiện có nền nếp. Bảo đảm sự công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ đối với mọi công dân, chống đặc quyền, đặc lợi.

Xây dựng nền nếp sống và làm việc theo pháp luật, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi hoạt động của Nhà nước và sinh hoạt xã hội; nêu cao tính tự giác, ý thức tự trọng của mỗi người kết hợp với các biện pháp giáo dục và hành chính của các tổ chức xã hội và các cơ quan nhà nước. Sự quan tâm đến con người và thái độ tôn trọng lẫn nhau phải trở

thành một tiêu chuẩn đạo đức trong mọi hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội, nhất là trong các dịch vụ phục vụ đông đảo nhân dân.

3. Chăm lo đáp ứng các nhu cầu giáo dục, văn hoá, bảo vệ và tăng cường sức khoẻ của nhân dân

Trên cơ sở phát triển sản xuất, tăng thêm thu nhập quốc dân, từng bước mở rộng quỹ tiêu dùng xã hội, làm cho nó giữ vị trí ngày càng lớn trong việc phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá và các sự nghiệp phúc lợi khác.

Về sự nghiệp giáo dục.

Giáo dục nhằm mục tiêu hình thành và phát triển toàn diện nhân cách xã hội chủ nghĩa của thế hệ trẻ, đào tạo đội ngũ lao động có kỹ thuật, đồng bộ về ngành nghề, phù hợp với yêu cầu phân công lao động của xã hội. Sự nghiệp giáo dục, nhất là giáo dục đại học và chuyên nghiệp, trực tiếp góp phần vào việc đổi mới công tác quản lý kinh tế và xã hội. Tổng kết kinh nghiệm thực hiện cải cách giáo dục, điều chỉnh, nâng cao chất lượng của cuộc cải cách này. Phát triển có kế hoạch hệ thống giáo dục, từ giáo dục mầm non đến đại học, và trên đại học, bảo đảm chất lượng và hiệu quả đào tạo. Bố trí hợp lý cơ cấu hệ thống giáo dục, thể hiện tính thống nhất của quá trình giáo dục, bao gồm nhiều hình thức: đào tạo và bồi dưỡng, chính quy và không chính quy, tập trung và tại chức. Mục tiêu đào tạo của từng loại hình trường học phải được cụ thể hoá thành các kế hoạch đào tạo và các tiêu chuẩn đánh giá kết quả đào tạo. Cải tiến chế độ thi cử, cấp chứng chỉ, văn bằng và học vị theo hướng bảo đảm chất lượng và sự công minh.

Xây dựng ngành giáo dục mầm non, nâng cao chất lượng nuôi dạy trẻ em, phát triển các lớp mẫu giáo. Xoá bỏ nạn mù

chữ còn lại ở một số địa phương, hoàn thành cơ bản phổ cập cấp I cho trẻ em, phổ cập cấp II ở những nơi có điều kiện, từng bước mở rộng giáo dục phổ thông trung học bằng nhiều hình thức. Các trường phổ thông phải dạy kiến thức phổ thông cơ bản, lao động, kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông. Đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục ở miền núi; thực hiện chủ trương dùng tiếng nói và chữ viết dân tộc cùng với tiếng phổ thông.

Mở rộng và củng cố các trường, các lớp dạy nghề để đào tạo, bồi dưỡng công nhân lành nghề, phát triển các trung tâm dạy nghề rộng rãi cho thanh niên và nhân dân lao động. Sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học và trung học chuyên nghiệp, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lý, nhanh chóng hình thành đội ngũ cán bộ chuyên môn đầu ngành. Đi đôi với việc nâng cao chất lượng đào tạo chuyên môn và năng lực thực hành, coi trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, pháp luật, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng. Kết hợp giảng dạy, học tập với lao động sản xuất, thực nghiệm và nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Chuẩn bị cho thanh niên bước vào cuộc sống lao động sản xuất và chiến đấu, hiểu và làm tốt nghĩa vụ công dân.

Thường xuyên bồi dưỡng phẩm chất và năng lực cho cán bộ giáo dục và giáo viên. Nâng cao vị trí xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của những người dạy học. Có chính sách học bổng hợp lý đối với học sinh các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Kế hoạch phát triển giáo dục phải gắn bó với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở từng địa phương và trong cả nước. Đầu tư đúng mức cho sự nghiệp giáo dục nhằm trước hết bảo đảm đủ sách giáo khoa và cơ sở cần thiết cho dạy và học. Ngoài ngân sách của Nhà nước, cần quy định rõ sự đóng

góp của các ngành và các địa phương, các tổ chức kinh tế, xã hội và các gia đình cho sự nghiệp giáo dục. Tranh thủ sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục. Chuẩn bị ban hành Luật giáo dục.

Về hoạt động văn hoá, văn nghệ.

Công tác văn hoá, văn học, nghệ thuật phải được nâng cao chất lượng. Mỗi hoạt động văn hoá, văn nghệ đều phải tính đến hiệu quả xã hội, tác động tốt đến tư tưởng, tâm lý, tình cảm, nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa và trình độ thẩm mỹ của nhân dân. Quan tâm đáp ứng nhu cầu, thị hiếu lành mạnh của các tầng lớp xã hội và các lứa tuổi.

Đẩy mạnh các hoạt động văn hoá quần chúng thành nền nếp, nhất là trong thanh niên, khắc phục bệnh phô trương, hình thức. Xây dựng và sử dụng các hệ thống thư viện, câu lạc bộ, nhà văn hoá, viện bảo tàng, nhà truyền thống từ trung ương đến cơ sở, ở các ngành và các địa phương. Quản lý chặt chẽ công tác xuất bản, công tác điện ảnh, và công tác phát hành sách, báo, phim ảnh. Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng, nâng cao chất lượng thông tin; đưa đến tận các đơn vị cơ sở những giá trị văn hóa, nghệ thuật của dân tộc và thế giới, những kiến thức phổ thông và hiện đại về khoa học, kỹ thuật. Đưa văn hoá, văn nghệ đến vùng rừng núi và nông thôn hẻo lánh. Coi trọng nghệ thuật kiến trúc vừa dân tộc, vừa hiện đại, giản dị trong việc xây dựng các công trình văn hoá cũng như dân dụng, các khu dân cư.

Cải tiến chính sách đối với người làm công tác nghệ thuật chuyên nghiệp, đãi ngộ xứng đáng lao động nghệ thuật, động viên sáng tạo, khuyến khích tài năng. Kết hợp giữa cơ quan nhà nước với các hội sáng tạo văn học, nghệ thuật và các đoàn thể quần chúng khác, theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo của cá nhân và tập thể văn nghệ sĩ, liên hệ với

quần chúng lao động. Nhà nước cùng với nhân dân xây dựng những cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết cho văn hoá và nghệ thuật, giữ gìn và tôn tạo những di tích lịch sử, văn hoá. Hoàn thành việc sưu tầm vốn văn hoá và nghệ thuật các dân tộc, khuyến khích tìm tòi và thử nghiệm, bảo đảm cho các đơn vị nghệ thuật hoạt động ổn định và ngày một nâng cao chất lượng, ngăn chặn khuynh hướng thương mại và các hiện tượng tiêu cực khác.

Chống những tàn tích văn hoá phong kiến, thực dân, tư sản. Làm thất bại âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch biến văn hoá, văn nghệ thành phương tiện gieo rắc tâm lý bi quan và lối sống sa đọa. Bài trừ mê tín dị đoan, hủ tục.

Về chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ của nhân dân.

Sức khoẻ của nhân dân, tương lai của giống nòi là mối quan tâm thường xuyên của Đảng và Nhà nước ta, là trách nhiệm của tất cả các ngành, các đoàn thể, là trách nhiệm và lợi ích thiết thân của mỗi công dân.

Trên cơ sở tiếp tục quán triệt các quan điểm y học dự phòng, kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền và phương châm “nhà nước và nhân dân cùng làm”, trước mắt tập trung *sức nâng cao chất lượng các hoạt động y tế* và đạt được tiến bộ rõ rệt trong việc chăm sóc sức khoẻ của nhân dân.

Có biện pháp tích cực và chính sách thích hợp nhanh chóng củng cố mạng lưới y tế, nhất là y tế huyện, quận và cơ sở. Phát động rộng rãi phong trào quần chúng và huy động lực lượng các ngành tham gia bảo vệ và làm sạch môi trường, phòng và chống dịch, phòng và chống các bệnh xã hội, nghề nghiệp... Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác khám và chữa bệnh. Tăng cường giáo dục cán bộ, nhân viên y tế về thái độ, tinh thần phục vụ. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, cải cách công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế,

không ngừng nâng cao trình độ của nền y học và y tế nước ta. Cố gắng đầu tư thêm cho công tác y tế và chăm lo tốt hơn đời sống vật chất, văn hoá của đội ngũ cán bộ y tế.

Phát triển sản xuất dược phẩm và thiết bị, dụng cụ y tế. Mở rộng nuôi trồng, chế biến và sử dụng có hiệu quả thuốc ta. Có chính sách đầu tư để hình thành các vùng dược liệu tập trung, tạo nguồn nguyên liệu cho sản xuất dược phẩm và cho xuất khẩu, mở rộng sản xuất hoá dược, xây dựng công nghiệp kháng sinh. Nâng cao năng lực xuất khẩu để nhập khẩu những thứ chưa sản xuất được. Xây dựng ngành công nghiệp dược phẩm.

Tranh thủ sự hợp tác quốc tế và sử dụng đúng các nguồn viện trợ trong lĩnh vực bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

Cùng với công tác y tế, *công tác thể dục, thể thao* góp phần khôi phục và tăng cường sức khoẻ của nhân dân.

Mở rộng và nâng cao chất lượng phong trào thể dục, thể thao quần chúng, từng bước đưa việc rèn luyện thân thể thành thói quen hằng ngày của nhân dân đông đảo, trước hết là của thế hệ trẻ. Nâng cao chất lượng giáo dục thể chất trong các trường học. củng cố và mở rộng hệ thống trường, lớp năng khiếu thể thao, phát triển lực lượng vận động viên trẻ. Lựa chọn và tập trung sức nâng cao thành tích một số môn thể thao. Coi trọng việc giáo dục đạo đức, phong cách thể thao xã hội chủ nghĩa. Cố gắng bảo đảm các điều kiện về cán bộ, về khoa học, kỹ thuật, cơ sở vật chất, và nhất là về tổ chức, quản lý cho công tác thể dục, thể thao.

4. Xây dựng chính sách bảo trợ xã hội

Nước ta vừa trải qua cuộc chiến đấu lâu dài và hiện nay vẫn phải làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và nghĩa vụ quốc tế,

số lượng thương binh, cựu binh, gia đình liệt sĩ rất lớn. Số người về hưu trong xã hội ngày càng đông.

Từng bước xây dựng chính sách bảo trợ xã hội xã hội chủ nghĩa đối với toàn dân, theo phương châm “nhà nước và nhân dân cùng làm”, mở rộng và phát triển các công trình sự nghiệp bảo trợ xã hội, tạo lập nhiều hệ thống và hình thức bảo trợ xã hội cho những người có công với cách mạng và những người gặp khó khăn. Nghiên cứu bổ sung chính sách, chế độ bảo trợ xã hội phù hợp với quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Thực hiện đúng chế độ về hưu. Tổ chức tốt hơn việc phục vụ về xã hội, y tế, văn hoá, thông tin cho người về hưu. Thu hút các cán bộ hoạt động cách mạng lâu năm, các cựu chiến binh, thương binh tham gia hoạt động chính trị, văn hoá, xã hội bằng nhiều hình thức phù hợp với sức khoẻ và kinh nghiệm của mỗi người, nhất là tham gia công tác giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ.

Có kế hoạch và biện pháp thiết thực thu hút những người còn khả năng lao động tham gia các hoạt động sản xuất, dịch vụ, tổ chức dạy nghề và dành những nghề thích hợp cho thương binh. Ưu tiên sắp xếp việc làm, tuyển lao động, tuyển sinh và chăm lo việc học của thương binh, con liệt sĩ, quân nhân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự.

Tổ chức nuôi dưỡng và chăm sóc chu đáo thương binh, bệnh binh nặng, thân nhân liệt sĩ và những người có công với cách mạng già yếu, không nơi nương tựa. Chăm sóc trẻ mồ côi, người tàn tật, người già cô đơn.

Gia đình là tế bào của xã hội, có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, con người mới. Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng cần đề ra phương hướng, chính sách và có biện pháp tổ chức thực

hiện về xây dựng gia đình văn hoá mới, bảo đảm hạnh phúc gia đình. Nâng cao trình độ tự giác xây dựng những quan hệ tình cảm, đạo đức trong từng gia đình, bảo đảm sinh đẻ có kế hoạch và nuôi dạy con ngoan, tổ chức tốt cuộc sống vật chất, văn hoá của gia đình.

Nhà ở là một trong những vấn đề cơ bản trong chính sách xã hội của Nhà nước ta. Xây dựng một chính sách toàn diện về vấn đề nhà ở, huy động nhiều hơn vốn đầu tư của Nhà nước, của các đơn vị tập thể và nhân dân để phát triển vật liệu xây dựng, xây thêm nhà ở. Thực hiện việc phân phối công bằng nhà ở tại các thành phố và thị xã.

5. Thực hiện đúng chính sách giai cấp và chính sách dân tộc

Chính sách giai cấp (bao gồm chính sách đối với mỗi giai cấp và chính sách xử lý mối quan hệ giữa các lợi ích của các giai cấp) và *chính sách dân tộc* luôn luôn là một bộ phận trọng yếu trong chính sách xã hội.

Trong thời kỳ quá độ, cơ cấu giai cấp xã hội cũ dần dần được thay thế bằng cơ cấu giai cấp của xã hội mới. Quá trình đó cần được thực hiện có kế hoạch gắn liền với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội.

Cần có quan điểm đúng đắn và thống nhất, kèm theo những chính sách, biện pháp có hiệu quả xây dựng toàn diện giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa, làm cho nền tảng chính trị - xã hội của xã hội mới ngày càng vững chắc, ưu thế của lực lượng xã hội chủ nghĩa trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường ngày càng được phát huy mạnh mẽ. Tiến hành điều tra cơ bản, nắm chắc cơ cấu giai cấp và xã hội của cả nước và từng địa phương sau hơn mười năm cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã

hội, phát hiện những vấn đề cần được giải quyết về mặt chính sách giai cấp.

Các cấp lãnh đạo phải quan tâm đầy đủ và có sự nhạy cảm đối với dư luận và nguyện vọng của quần chúng để điều chỉnh, bổ sung các chính sách, nhất là trong các vấn đề quan hệ tới lợi ích thiết thân của mỗi giai cấp và tầng lớp xã hội.

Sự nghiệp đẩy mạnh ba cuộc cách mạng ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số đòi hỏi tăng cường công tác nghiên cứu về dân tộc học và công tác điều tra xã hội học, hiểu biết đầy đủ những khác biệt cụ thể của từng vùng, từng dân tộc. Trên cơ sở đó, bổ sung, cụ thể hoá và thực hiện tốt hơn chính sách dân tộc, tránh những sai lầm rập khuôn hoặc chủ quan áp đặt những hình thức tổ chức không phù hợp trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở các vùng dân tộc.

Đầu tư thêm và tập trung sự cố gắng của các ngành, các cấp, kết hợp với động viên tinh thần tự lực, tự cường của nhân dân các dân tộc để khai thác, bảo vệ và phát triển thế mạnh về kinh tế ở các vùng có đồng bào dân tộc thiểu số cư trú. Đẩy mạnh công tác định canh, định cư, ổn định sản xuất và đời sống của đồng bào trước hết ở các vùng cao, biên giới, các vùng căn cứ cũ của cách mạng và kháng chiến.

Trong việc phát triển kinh tế, xã hội ở những nơi có đông đồng bào các dân tộc thiểu số, cần thể hiện đầy đủ chính sách dân tộc, phát triển mối quan hệ tốt đẹp gắn bó giữa các dân tộc trên tinh thần đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ nhau, cùng làm chủ tập thể; kết hợp phát triển kinh tế và phát triển xã hội, đẩy mạnh sản xuất và chăm lo đời sống con người, kể cả những người từ nơi khác đến và dân tại chỗ.

Kế hoạch đưa đồng bào miền xuôi lên miền núi để thực hiện sự phân bố lại lao động xã hội trên phạm vi cả nước, cần

bao gồm cả kế hoạch hình thành cơ cấu giai cấp xã hội mới của vùng các dân tộc. Thực hành những hình thức, biện pháp thích hợp thu hút đồng bào các dân tộc tại chỗ tham gia quá trình phát triển kinh tế với tư cách là người làm chủ thật sự bình đẳng.

Sự phát triển mọi mặt của từng dân tộc đi liền với sự củng cố, phát triển của cộng đồng các dân tộc trên đất nước ta. Sự tăng cường tính cộng đồng, tính thống nhất là một quá trình hợp quy luật, nhưng tính cộng đồng, tính thống nhất không mâu thuẫn, không bài trừ tính đa dạng, tính độc đáo trong bản sắc của mỗi dân tộc. Tình cảm dân tộc, tâm lý dân tộc sẽ còn tồn tại lâu dài và là một lĩnh vực nhạy cảm. Trong khi xử lý các mối quan hệ dân tộc, phải có thái độ thận trọng đối với những gì liên quan đến lợi ích của mỗi dân tộc, tình cảm dân tộc của mỗi người. Chống những thái độ, hành động biểu thị tư tưởng “dân tộc lớn” và những biểu hiện của tư tưởng dân tộc hẹp hòi.

Phần thứ ba

NHIỆM VỤ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA

Một vấn đề có tính quy luật của cách mạng trong thời đại hiện nay là sự kết hợp cuộc đấu tranh của nhân dân mỗi nước với cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới. Thắng lợi của cách mạng mỗi nước cũng là thắng lợi của cả loài người tiến bộ trong cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác.

Thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thể hiện sinh động sự kết hợp sức mạnh của

dân tộc ta với sức mạnh của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Ngày nay sự nghiệp cách mạng của nước ta càng có nhiều điều kiện thuận lợi mở rộng sự hợp tác và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.

Trong những năm tới, *nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước ta trên lĩnh vực đối ngoại là ra sức kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, phấn đấu giữ vững hoà bình ở Đông Dương, góp phần tích cực giữ vững hoà bình ở Đông Nam Á và trên thế giới, tăng cường quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương, tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.*

Hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta phải phục vụ cho cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị, làm thất bại cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, tiếp tục làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với Campuchia và Lào. Chúng ta cần tranh thủ những điều kiện thuận lợi mới về hợp tác kinh tế và khoa học, kỹ thuật, tham gia ngày càng rộng rãi việc phân công và hợp tác trong Hội đồng tương trợ kinh tế, đồng thời tranh thủ mở rộng quan hệ với các nước khác.

Tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô luôn luôn là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Liên Xô - Tổ quốc của V.I. Lênin vĩ đại, quê hương của Cách mạng Tháng Mười mà năm tới chúng ta sẽ kỷ niệm lần thứ 70 - là biểu tượng sáng ngời của sức mạnh và tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội và của chủ

nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa. Đảng ta, một lần nữa, bày tỏ sự ủng hộ hoàn toàn chính sách đối nội và đối ngoại được thông qua tại Đại hội lần thứ XXVII Đảng Cộng sản Liên Xô, ủng hộ hoàn toàn Cương lĩnh (bản viết mới) của Đảng Cộng sản Liên Xô, coi đó là một mẫu mực của sự vận dụng sáng tạo học thuyết mácxít - leninnít. Trên cơ sở Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Xô, chúng ta ra sức phấn đấu, không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác về mọi mặt vì lợi ích của hai nước, đồng thời tăng cường sự phối hợp với Liên Xô và với các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác trong cuộc đấu tranh vì hoà bình và cách mạng trên thế giới, trước hết là ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Các cuộc gặp gỡ cấp cao của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam và Liên Xô, mới đây là cuộc gặp gỡ tháng 11 vừa qua giữa đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh và đồng chí Tổng Bí thư M.X. Goócbachốp thể hiện sự nhất trí cao giữa hai đảng và hai nhà nước, đánh dấu những bước phát triển không ngừng của tình đoàn kết anh em và quan hệ hợp tác toàn diện giữa nước ta với Liên Xô.

Đảng ta nhận thức sâu sắc rằng: phát triển và củng cố mối quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương, đoàn kết và tôn trọng độc lập, chủ quyền của mỗi nước, hợp tác toàn diện, giúp đỡ lẫn nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là quy luật sống còn và phát triển của cả ba dân tộc anh em. Bằng những biện pháp thiết thực và có hiệu quả, chúng ta ra sức phát triển quan hệ giữa nước ta với Lào và Campuchia, làm cho mỗi nước và cả ba nước ngày càng vững mạnh, làm thất bại âm mưu và thủ đoạn chia rẽ của kẻ thù. Trước sau như một, Việt Nam trung thành với nghĩa vụ quốc tế của mình đối với cách mạng Lào và cách mạng Campuchia. Chúng ta coi mỗi thành tựu trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc của hai nước

anh em như thành tựu của chính mình, cũng như mỗi thành tựu của chúng ta đều không tách rời tình đoàn kết, sự ủng hộ và giúp đỡ của Đảng, Nhà nước và nhân dân hai nước anh em.

Chúng ta tiếp tục tăng cường quan hệ hữu nghị và sự hợp tác với các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế: Ba Lan, Bungari, Cuba, Cộng hoà Dân chủ Đức, Hunggari, Mông Cổ, Rumani, Tiệp Khắc. Chúng ta cũng mở rộng quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác: Anbani, Triều Tiên...

Cuộc gặp gỡ các Tổng Bí thư và Bí thư thứ nhất của các đảng các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế vừa qua ở Mátxcơva đánh dấu một bước phát triển mới trong việc nâng cao trình độ hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế, phục vụ sự nghiệp đẩy nhanh tiến bộ của các nước anh em. Điều làm cho chúng ta đặc biệt phấn khởi là các đồng chí lãnh đạo các nước anh em đã nhất trí về sự cần thiết đề ra một chương trình nâng cao hiệu quả hợp tác và giúp đỡ của Hội đồng tương trợ kinh tế đối với Việt Nam, Cuba và Mông Cổ phù hợp với đặc điểm của mỗi nước. Theo khả năng của mình, nước ta cố gắng góp phần vào việc nâng cao hiệu quả của sự hợp tác kinh tế, khoa học, kỹ thuật trong Hội đồng tương trợ kinh tế, cùng các nước anh em củng cố sự thống nhất, tăng cường sức mạnh và phát huy ảnh hưởng của cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta tích cực tham gia chương trình hợp tác tiến bộ khoa học - kỹ thuật giữa các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế. Với ý thức tự lực, tự cường và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, nhân dân ta ra sức khai thác tốt mọi khả năng của đất nước vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời làm tròn nghĩa vụ và những cam kết của mình vì sự nghiệp củng cố và tăng cường sức mạnh chung của cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Là một đội ngũ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Đảng ta tích cực góp phần vào việc tăng cường đoàn kết của phong trào trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, tăng cường sự hợp tác giữa các đảng anh em trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung là hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta ủng hộ một cách nhất quán và triệt để phong trào đấu tranh giải phóng và độc lập dân tộc, lên án chính sách của các giới đế quốc, trước hết là đế quốc Mỹ, tiến hành chống phá hòng xoá bỏ thành quả cách mạng của các nước độc lập trẻ tuổi. Chúng ta đoàn kết với các phong trào giải phóng dân tộc, các lực lượng độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền của mỗi nước và quyền bình đẳng giữa các nước, vì một trật tự kinh tế thế giới mới, chống chủ nghĩa thực dân dưới mọi hình thức, chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa Apácthai, chủ nghĩa Xiôn. Chúng ta ủng hộ mạnh mẽ và nêu cao tình đoàn kết, sự hợp tác với các nước độc lập đã lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa.

Là một thành viên của Phong trào không liên kết, chúng ta phấn khởi trước sự trưởng thành và vai trò ngày càng to lớn của phong trào trong đời sống chính trị quốc tế, trong đó có những đóng góp quan trọng của Cộng hoà Cuba và Cộng hoà Ấn Độ, Chủ tịch phong trào trong hai khoá thứ sáu và thứ bảy đầy khó khăn vừa qua. Chúng ta hoàn toàn tán thành những mục tiêu cao cả là hoà bình, giải trừ quân bị, độc lập dân tộc do Hội nghị cấp cao lần thứ tám của Phong trào không liên kết đề ra và kiên quyết góp phần xứng đáng vào bước phát triển mới của phong trào.

Chúng ta ủng hộ mạnh mẽ cuộc đấu tranh anh dũng của giai cấp công nhân và nhân dân ở các nước tư bản chủ nghĩa

phát triển, chống sự áp bức, bóc lột của chủ nghĩa tư bản
lũng đoạn, chống chạy đua vũ trang hạt nhân, vì hoà bình,
dân chủ, việc làm và cải thiện mức sống. Chúng ta ủng hộ
chính sách đoàn kết, tập hợp mọi lực lượng dân chủ và tiến
bộ của các đảng cộng sản và công nhân anh em.

Đảng và Nhà nước ta ủng hộ chính sách của Liên Xô và
các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu xây dựng một nền hoà
bình và an ninh vững chắc ở châu Âu trên cơ sở tôn trọng
thực trạng lãnh thổ - chính trị đã hình thành từ sau Chiến
tranh thế giới lần thứ hai. Chính sách ấy thể hiện tinh thần
của các hội nghị Henxinki, Xtốckhôm, góp phần vào việc phát
triển quan hệ láng giềng tốt và hợp tác hoà bình giữa các
nước có chế độ kinh tế xã hội khác nhau ở châu Âu.

Là một dân tộc đã từng chịu đựng nhiều hy sinh trong
cuộc đấu tranh lâu dài vì độc lập, tự do, chúng ta thông cảm
sâu sắc và bày tỏ tình đoàn kết chiến đấu, sự ủng hộ mạnh mẽ
đối với nhân dân châu Phi, đặc biệt là nhân dân các nước miền
Nam châu Phi, đang kiên cường đấu tranh chống chủ nghĩa
đế quốc, chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc,
chủ nghĩa Apácthai. Chúng ta luôn luôn đứng bên cạnh nhân
dân các nước Ănggôla, Êtiôpia, Môdămbích trong cuộc đấu
tranh bảo vệ nền độc lập của mình và xây dựng cuộc sống mới.
Cuộc đấu tranh của nhân dân Nam Phi dưới sự lãnh đạo của
Đại hội dân tộc Phi (ANC) chống chế độ cầm quyền độc tài,
của nhân dân Namibia dưới sự lãnh đạo của tổ chức SWAPO
đòi trả lại độc lập, của nhân dân các nước tiên tuyến châu Phi
chống chế độ phân biệt chủng tộc Nam Phi nhất định thắng
lợi. Chúng ta ủng hộ những cố gắng của Dimbabuê, nước tiên
tuyến châu Phi trẻ tuổi, đang đảm nhiệm vai trò Chủ tịch
Phong trào không liên kết và tích cực góp phần vào việc giải
quyết những vấn đề nóng bỏng của châu Phi.

Chúng ta đoàn kết chặt chẽ với nhân dân các nước anh em Angiêri và Cộng hoà dân chủ nhân dân Yêmen đang xây dựng cuộc sống mới. Chúng ta ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Xarauy củng cố và hoàn thành nền độc lập của mình. Chúng ta đòi Mỹ và các nước đế quốc khác phải từ bỏ âm mưu bao vây kinh tế và những hành động chống Libi và Xyri. Chúng ta kịch liệt lên án Ítxraen tiếp tục chiếm đóng một phần lãnh thổ của Libăng, kiên quyết ủng hộ cuộc đấu tranh vì những quyền dân tộc cơ bản thiêng liêng của nhân dân Palextin mà Tổ chức giải phóng Palextin (PLO) là người đại diện; kiên quyết ủng hộ nhân dân các nước Arập khác chống chủ nghĩa Xiôn của Ítxraen được Mỹ giúp sức.

Những người cộng sản và nhân dân ta hết sức vui mừng trước những thắng lợi rực rỡ của nhân dân Cuba trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, của đất nước Nicaragua anh hùng, sục sôi tinh thần chiến đấu, đang bảo vệ những thành quả cách mạng của mình, của nhân dân En Xanvađo dưới sự lãnh đạo của Mặt trận giải phóng dân tộc Pharabundô Mácti trong cuộc đấu tranh bất khuất chống sự can thiệp của chủ nghĩa đế quốc Mỹ và chế độ độc tài phát xít.

Đảng và Nhà nước ta kiên trì thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình và hữu nghị. Chúng ta chủ trương và ủng hộ chính sách cùng tồn tại hoà bình giữa các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau, loại trừ chiến tranh xâm lược và mọi hình thức của chủ nghĩa khủng bố, nhất là chủ nghĩa khủng bố nhà nước mà đế quốc Mỹ coi là quốc sách của họ. Chúng ta ủng hộ những cố gắng không mệt mỏi của Liên Xô nhằm loại trừ vũ khí hạt nhân, thiết lập một hệ thống an ninh quốc tế toàn diện cả về quân sự, chính trị, kinh tế và

xã hội. Chúng ta đòi hỏi phía Mỹ phải có thái độ nghiêm chỉnh trong quan hệ với Liên Xô, cùng Liên Xô thảo luận để tìm ra những biện pháp cụ thể và thực tế nhằm ngăn chặn chạy đua vũ trang, trước mắt là chấm dứt các cuộc thử vũ khí hạt nhân. Chúng ta vạch trần thái độ ngoan cố của Mỹ không chịu từ bỏ cuộc chạy đua vũ trang cả trên trái đất và trong khoảng không vũ trụ, gây thêm tình hình căng thẳng trong các quan hệ quốc tế.

Trong tình hình châu Á đang diễn biến phức tạp, do Mỹ xúc tiến việc hình thành liên minh quân sự kiểu NATO ở phương Đông gây nên, Đảng, Chính phủ và nhân dân ta đánh giá cao và hoàn toàn ủng hộ kế hoạch hoà bình toàn diện về châu Á - Thái Bình Dương do đồng chí Tổng Bí thư Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô M.X. Goócbachốp đưa ra tại Vladivôxtốc.

Đảng và Nhà nước ta đánh giá cao tình đoàn kết và sự hợp tác nhiều mặt giữa Liên Xô và Cộng hoà Ấn Độ mà cuộc đi thăm Ấn Độ của đồng chí Tổng Bí thư M.X. Goócbachốp trong tháng 11 vừa qua đánh dấu một bước phát triển mới tốt đẹp. Đó là một nhân tố rất quan trọng của sự nghiệp hoà bình ở châu Á và trên thế giới. Chúng ta hoan nghênh Tuyên bố Niu Đêli, một văn kiện quan trọng thể hiện ý chí và nguyện vọng của cả loài người đấu tranh cho một thế giới không có vũ khí hạt nhân và không dùng bạo lực trong quan hệ quốc tế.

Chúng ta:

Ủng hộ chính sách của Liên Xô cải thiện quan hệ với Trung Quốc.

Ủng hộ sáng kiến của Mông Cổ về việc tiến tới một hiệp ước không dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực giữa các nước trong

khu vực. Ủng hộ những nỗ lực nhằm biến Ấn Độ Dương thành khu vực hoà bình, những sáng kiến nhằm thiết lập các khu vực phi hạt nhân ở Đông Nam Á. Ủng hộ phong trào độc lập dân tộc và đòi phi hạt nhân của các nước nam Thái Bình Dương và trên bán đảo Triều Tiên.

Ủng hộ những sáng kiến của Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên nhằm làm giảm tình hình căng thẳng và tiến tới thống nhất hai miền đất nước bằng con đường hoà bình và dân chủ.

Ủng hộ những biện pháp kiên quyết của Ápganixtan chống cuộc chiến tranh không tuyên bố của các thế lực đế quốc và tay sai. Nhân dân ta đánh giá cao lập trường đầy thiện chí của Liên Xô trong quyết định rút một bộ phận, đi tới rút toàn bộ các đơn vị quân đội Liên Xô khỏi Ápganixtan khi đạt được một giải pháp chính trị bảo đảm chấm dứt vĩnh viễn sự can thiệp vũ trang từ bên ngoài vào nước này.

Chúng ta mong muốn cuộc xung đột vũ trang giữa hai nước Iran và Irắc sớm chấm dứt.

Chúng ta không ngừng tăng cường và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với Cộng hoà Ấn Độ, nước có vị trí đặc biệt quan trọng ở châu Á và trên thế giới, người bạn lớn đã luôn luôn dành cho nhân dân ta những tình cảm tốt đẹp, sự ủng hộ và giúp đỡ chí tình.

Nhân dân Việt Nam và nhân dân Trung Quốc vốn có quan hệ hữu nghị lâu đời, đã từng đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập, tự do và xây dựng đất nước. Nhân dân hai nước có lợi ích chung là hoà bình, độc lập và phát triển kinh tế. Chính phủ và nhân dân Việt Nam, trước sau như một, quý trọng và nhất định làm hết sức mình để khôi phục tình hữu nghị giữa

nhân dân hai nước, và đã đưa ra nhiều đề nghị nhằm sớm bình thường hoá quan hệ giữa nước ta và Cộng hoà nhân dân Trung Hoa. Lập trường của chúng ta là lấy lợi ích cơ bản và lâu dài của hai nước làm trọng. Chúng ta cho rằng đã đến lúc hai bên cần ngồi lại cùng nhau thương lượng để giải quyết các vấn đề trước mắt cũng như lâu dài trong quan hệ giữa hai nước. Một lần nữa, chúng ta chính thức tuyên bố rằng: Việt Nam sẵn sàng đàm phán với Trung Quốc bất cứ lúc nào, bất cứ cấp nào và bất cứ ở đâu nhằm bình thường hoá quan hệ giữa hai nước, vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hoà bình ở Đông Nam Á và trên thế giới.

Chúng ta hoan nghênh chủ trương hợp tình, hợp lý của Chính phủ Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào nhằm bình thường hoá quan hệ với Cộng hoà nhân dân Trung Hoa trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không xâm lược, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau và cùng tồn tại hoà bình. Chúng ta hoàn toàn đồng tình với Chính phủ Lào sẵn sàng làm hết sức mình để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tăng cường hiểu biết và tin cậy lẫn nhau với Vương quốc Thái Lan, trước hết là nối lại đàm phán nhằm bình thường hoá quan hệ giữa hai nước.

Chúng ta hoàn toàn ủng hộ lập trường của Cộng hoà nhân dân Campuchia sẵn sàng đàm phán với các cá nhân và nhóm đối lập để thực hiện hoà hợp dân tộc trên cơ sở loại trừ bọn tội phạm diệt chủng Pôn Pốt. Chính phủ ta chủ trương tiếp tục rút quân tình nguyện Việt Nam khỏi Campuchia, đồng thời sẵn sàng hợp tác với tất cả các bên để đi tới một giải pháp chính trị đúng đắn về Campuchia.

Chính phủ và nhân dân Việt Nam không ngừng phấn đấu nhằm phát triển mối quan hệ hữu nghị và hợp tác với

Indônêxia và các nước Đông Nam Á khác. Chúng ta mong muốn và sẵn sàng cùng các nước trong khu vực thương lượng để giải quyết các vấn đề ở Đông Nam Á, thiết lập quan hệ cùng tồn tại hoà bình, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, ổn định và hợp tác.

Nhà nước ta chủ trương tăng cường và mở rộng quan hệ hữu nghị với Thụy Điển, Phần Lan, Pháp, Ôxtrâylia, Nhật Bản và với các nước phương Tây khác trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi. Chính phủ ta tiếp tục bàn bạc với Mỹ giải quyết các vấn đề nhân đạo do chiến tranh để lại và sẵn sàng cải thiện quan hệ với Mỹ vì lợi ích của hoà bình, ổn định ở Đông Nam Á.

Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, thấm nhuần những tư tưởng và tình cảm cách mạng trong sáng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, Đảng ta tiếp tục giương cao ngọn cờ hoà bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, giữ vững độc lập tự chủ, tăng cường hợp tác quốc tế, ra sức làm tròn nhiệm vụ dân tộc và làm tốt nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân thế giới.

Phần thứ tư

**PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ
CỦA NHÂN DÂN LAO ĐỘNG, NÂNG CAO HIỆU QUẢ
QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

Bài học “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng” bao giờ cũng quan trọng. Thực tiễn cách mạng chứng minh rằng: ở đâu, nhân dân lao động có ý thức làm chủ và được làm chủ thật sự, thì ở đấy xuất hiện phong trào cách mạng.

Vận dụng bài học này vào giai đoạn cách mạng mới, Đảng ta coi *làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa* là bản chất của chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa cần được thể hiện trong mọi lĩnh vực của đời sống. Chúng ta đã xác định mối quan hệ *Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý* thành cơ chế chung trong quản lý toàn bộ xã hội.

Những thành tựu trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc chứng tỏ nhân dân ta giàu lòng yêu nước, thiết tha với chủ nghĩa xã hội, có nghị lực dồi dào, chịu đựng gian khổ, lao động cần cù và sáng tạo, chiến đấu anh dũng; bộ máy Đảng và Nhà nước có cố gắng trong việc thực hiện chức năng của mình.

Bên cạnh những biểu hiện tốt đẹp ấy, trong xã hội ta đang có những hiện tượng không bình thường: sự thiếu gắn bó chặt chẽ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, tình trạng quan liêu trong các cơ quan lãnh đạo, quản lý và các tổ chức chuyên trách về công tác quần chúng. Nguyên nhân chủ yếu là cơ chế kết hợp hoạt động giữa Đảng, nhân dân và Nhà nước chưa được cụ thể hoá thành thể chế.

Cùng với những hậu quả của cơ chế cũ về quản lý kinh tế, tệ quan liêu trong thái độ, phong cách làm việc của cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành, kể cả ở các đơn vị kinh tế, đơn vị hành chính cơ sở, chưa được phê phán và khắc phục. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là những người có chức quyền, quên những năm tháng cùng nhân dân đồng cam cộng khổ trong chiến tranh giải phóng, đã sống xa dân, không quan tâm giải quyết những vấn đề bức thiết do quần chúng đặt ra. Có những cấp uỷ đảng coi nhẹ công tác quần chúng, không dựa vào nhân dân để chỉ đạo và kiểm tra các tổ chức cơ sở đảng. Không ít cơ quan chính quyền không tôn trọng ý kiến của nhân dân, không làm công tác vận động quần chúng, chỉ quen

dùng các biện pháp hành chính. Đảng chưa phát huy vai trò và chức năng của các đoàn thể trong việc giáo dục, động viên quần chúng tham gia quản lý kinh tế, xã hội. Các đoàn thể chưa tích cực đổi mới phương thức hoạt động đúng với tính chất của tổ chức quần chúng.

Toàn Đảng, từ các đồng chí lãnh đạo đến mọi đảng viên, phải thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ: “Đảng ta đại biểu cho *lợi ích chung* của giai cấp công nhân, của toàn thể nhân dân lao động, chứ không phải mưu cầu *lợi ích riêng* của một nhóm người nào, của cá nhân nào”¹. Ý thức *phục vụ nhân dân* phải được thấu suốt trong hoạt động của cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước. Đó là tiêu chuẩn hàng đầu đánh giá phẩm chất mỗi người.

Quyền làm chủ của nhân dân cần được thể chế hoá bằng pháp luật và tổ chức. Dân chủ đi đôi với kỷ luật, quyền hạn và lợi ích đi đôi với trách nhiệm và nghĩa vụ. Mỗi người đều phải làm chủ lao động của mình, làm việc có kỷ luật, với năng suất và hiệu quả cao, đóng góp xứng đáng cho sự nghiệp xây dựng đất nước. Mọi công dân phải tham gia việc giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, chống địch phá hoại, bảo vệ Tổ quốc, coi đó là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của mình.

Những mục tiêu do Đại hội Đảng đề ra chỉ có thể đạt được bằng hành động cách mạng sáng tạo của hàng triệu quần chúng.

Công tác quản lý không phải việc riêng của những người quản lý chuyên nghiệp, mà là sự nghiệp của nhân dân. Trong công tác quản lý của các cơ quan nhà nước, dù là quản lý

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 9, tr. 288 (B.T).

hành chính hay quản lý sản xuất, kinh doanh, quản lý trật tự, trị an, đều cần có sự tham gia của quần chúng. Việc phát huy vai trò của nhân dân lao động tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội cần được các cơ quan lãnh đạo và quản lý đặt ra và thực hiện đúng ngay từ khi chuẩn bị và quyết định chủ trương, chính sách. Xoá bỏ nhận thức sai lầm coi công tác quần chúng chỉ là biện pháp để tổ chức, động viên nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách. Đối với những chủ trương có quan hệ trực tiếp tới đời sống nhân dân trên phạm vi cả nước cũng như ở các địa phương và đơn vị cơ sở, cấp uỷ đảng hoặc cơ quan chính quyền phải trưng cầu ý kiến nhân dân trước khi quyết định. *Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*, đó là nền nếp hàng ngày của xã hội mới, thể hiện chế độ nhân dân lao động tự quản lý nhà nước của mình.

Động viên quần chúng tham gia rộng rãi và thường xuyên vào công cuộc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Tập thể những người lao động có quyền hạn và nghĩa vụ trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh, bố trí lao động, tuyển lựa cán bộ quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động của cơ quan quản lý. Các cấp uỷ đảng phải lãnh đạo tổ chức các đại hội công nhân, viên chức trong các xí nghiệp, cơ quan, đại hội xã viên trong các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp, tạo điều kiện cho các tập thể lao động thực hiện tốt vai trò của người làm chủ trực tiếp ở đơn vị cơ sở.

Ở các xã, phường và khu dân cư phải phát huy vai trò của công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội nông dân tập thể, Mặt trận Tổ quốc trong việc vận động nhân dân phát triển sản xuất, làm kinh tế gia đình, tổ chức phân phối, lưu thông, dịch vụ, hoạt động văn hoá, giáo dục, bảo vệ sức khoẻ và môi trường, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Cùng với việc chăm lo đời sống nhân dân, các cơ quan nhà nước phải *tôn trọng và bảo đảm những quyền công dân* mà Hiến pháp đã quy định. Tiếp sau việc ban hành Bộ luật hình sự và dự thảo Luật hôn nhân và gia đình, Nhà nước ta còn phải ban hành các luật khác. Chính đốn tổ chức, thi hành những biện pháp có hiệu lực trừ diệt các tệ hối lộ, cửa quyền, loại bỏ và nghiêm trị những phần tử biến chất lợi dụng danh nghĩa Đảng và chính quyền để đục khoét nhân dân, áp bức quần chúng. Các cơ quan toà án, kiểm sát, thanh tra, an ninh... dựa vào nhân dân để phát hiện và xử lý kịp thời những vụ vi phạm quyền công dân.

Việc bài trừ những hành động phạm pháp, bảo vệ sản xuất, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa chỉ có thể thực hiện có hiệu quả nếu thật sự dựa vào sự kiểm tra, giám sát của quần chúng. Ở đây, các đoàn thể quần chúng giữ một vai trò quan trọng. Sự kiểm tra và giám sát của nhân dân đối với các cơ quan nhà nước, muốn đạt kết quả tốt, phải được các đoàn thể quần chúng tổ chức và chỉ đạo. Sử dụng hệ thống kiểm tra nhân dân, tăng cường hệ thống kiểm tra của công nhân, viên chức trong các xí nghiệp, cơ quan, phát triển rộng rãi các hình thức tham gia kiểm tra của đoàn thanh niên, hội phụ nữ và mặt trận. Kỷ luật lao động, kỷ cương xã hội chỉ có thể được củng cố khi có một cơ chế quản lý đúng, có những biện pháp mạnh mẽ mang tính luật pháp cùng với việc giáo dục đạo đức xã hội.

Thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động thực chất là tôn trọng con người, phát huy sức sáng tạo của mọi tầng lớp nhân dân, hướng sự sáng tạo đó vào sự nghiệp xây dựng xã hội mới, và thông qua quá trình xây dựng kinh tế - xã hội mà *đào tạo, rèn luyện con người mới, hình thành*

những tập thể lao động mới. Muốn tạo nên một tập thể vững mạnh, phải xây dựng từng con người, quan tâm *phát hiện và bồi dưỡng nhân tài.* Việc xây dựng nếp sống mới, con người mới có tầm quan trọng đặc biệt trong xã hội ta. Không xây dựng được ý thức tự giác, tự làm chủ của mỗi người, không thể bảo đảm được quyền làm chủ tập thể của mọi người.

Các ngành văn hoá, văn nghệ, giáo dục và thông tin đại chúng vừa phải hiểu rõ nguyện vọng, tâm tư của quần chúng để phục vụ tốt và phản ánh với Đảng, vừa có trách nhiệm tạo cho được những dư luận quần chúng đúng đắn, hỗ trợ đắc lực cho việc thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Khẩu hiệu “dân tin Đảng, Đảng tin dân” phải được thể hiện hằng ngày trong cuộc sống thông qua những việc làm cụ thể.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đảng Dân chủ, Đảng Xã hội và các đoàn thể quần chúng, trước hết là Công đoàn, Hội Liên hiệp Nông dân tập thể, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Phụ nữ, có vai trò to lớn trong việc động viên các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng, quản lý kinh tế và quản lý xã hội. Các cấp, các ngành chính quyền phải tôn trọng các đoàn thể quần chúng và Mặt trận, phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi để các đoàn thể và Mặt trận hoạt động có kết quả thiết thực. Đảng viên, cán bộ chính quyền, bộ đội, công an hằng ngày cũng phải tự mình trực tiếp vận động quần chúng, coi đó là một công việc tất yếu để thực hiện được tốt công tác chuyên môn của mình.

Các cấp uỷ đảng phải lãnh đạo chặt chẽ các đoàn thể, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng đoàn thể mà đề ra nhiệm vụ, mục tiêu hành động và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ các đoàn thể. Nhưng cấp uỷ đảng phải tôn trọng tính độc lập về tổ chức của các đoàn thể, khuyến khích tính chủ

động, sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ cách mạng. Các đoàn thể cũng phải mau chóng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của mình cho phù hợp với những cuộc cải cách về quản lý kinh tế, xã hội. Hoạt động đoàn thể phải chuyển mạnh về cơ sở, thu hút đông đảo quần chúng vào các phong trào cách mạng.

Lợi ích chính đáng của quần chúng đang đặt ra nhiều vấn đề cần phải giải quyết. Trước mắt, tập trung sức giải quyết những vấn đề có thể giải quyết được, phù hợp với từng đối tượng.

Đối với *giai cấp công nhân*, Đảng cần có những biện pháp cụ thể nhằm nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và trình độ hiểu biết về mọi mặt để xứng đáng với vị trí giai cấp tiên phong của cách mạng, đồng thời chăm lo đời sống vật chất và văn hoá, tạo ra những điều kiện cần thiết để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình; có chế độ tiền lương và phúc lợi xã hội hợp lý, bảo đảm đời sống vật chất và văn hoá của công nhân, viên chức và gia đình. Đảng cần tổng kết kinh nghiệm và ra nghị quyết về xây dựng giai cấp công nhân. Nhà nước cần bổ sung Luật công đoàn.

Đối với *nông dân*, phải giải quyết tốt quan hệ giữa nghĩa vụ đóng góp cho đất nước và quyền lợi của nông dân. Nhà nước phải soát lại các chính sách quan hệ đến nông dân, bãi bỏ những chính sách không đúng.

Đối với *trí thức*, điều quan trọng nhất là bảo đảm quyền tự do sáng tạo. Đánh giá đúng năng lực và tạo điều kiện cho năng lực được sử dụng đúng và phát triển. Phá bỏ những quan niệm hẹp hòi, không thấy tầng lớp trí thức ngày nay là những người lao động xã hội chủ nghĩa, được Đảng giáo dục và lãnh đạo, ngày càng gắn bó chặt chẽ với công nhân, nông dân.

Thanh niên phải được bảo đảm việc làm khi bước vào đời và được quan tâm giáo dục về nhân cách, bản lĩnh và lý tưởng theo phương châm “sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Phải có ý thức đầy đủ rằng chính thanh niên là lớp người có sứ mệnh lịch sử xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Mạnh dạn giao trách nhiệm cho thanh niên, và thông qua các hoạt động xã hội mà đào tạo và bồi dưỡng họ. *Thiếu niên và nhi đồng* phải được học tập và chăm sóc trong tình thương của gia đình và xã hội. Các cấp bộ đảng và Đoàn thanh niên phải chăm lo xây dựng *Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh*.

Phụ nữ nói chung, và lao động nữ nói riêng, có những đặc điểm cần được chú ý. Để phát huy vai trò to lớn của phụ nữ trong sự nghiệp cách mạng, cần làm cho đường lối vận động phụ nữ của Đảng được thấu suốt trong cả hệ thống chuyên chính vô sản, được cụ thể hoá thành chính sách, luật pháp. Các cơ quan nhà nước, với sự phối hợp của các đoàn thể, cần có biện pháp thiết thực tạo thêm việc làm, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ nữ, chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em, thực hiện đúng Luật hôn nhân và gia đình. Tạo điều kiện cho phụ nữ kết hợp được nghĩa vụ công dân với chức năng làm mẹ, xây dựng gia đình hạnh phúc.

Đảng cần tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết và đấu tranh cách mạng kiên cường, dũng cảm của *các dân tộc thiểu số* ở nước ta nhằm củng cố và nâng cao thêm một bước khối đoàn kết các dân tộc, hướng vào việc xây dựng miền núi giàu mạnh, thực hiện thắng lợi các mục tiêu và nhiệm vụ cách mạng do Đại hội đề ra. Tăng cường việc giáo dục chính sách dân tộc trong cán bộ, đảng viên, trong quân đội và đồng bào cả nước, nâng cao cảnh giác, kịp thời vạch trần và làm thất bại âm mưu, hành động của kẻ thù chia rẽ dân tộc. Có quy

hoạch và kế hoạch tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số nhất là cán bộ các dân tộc thiểu số ở vùng cao, biên giới và một số vùng ở miền Nam.

Đảng và Nhà nước ta, trước sau như một, thực hành chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng. Lãnh đạo và giúp đỡ *đồng bào theo tôn giáo* đoàn kết xây dựng cuộc sống mới và hăng hái tham gia bảo vệ Tổ quốc. Cảnh giác, kiên quyết và kịp thời chống lại âm mưu, thủ đoạn của bọn đế quốc và phản động chia rẽ đồng bào có đạo với đồng bào không có đạo, giữa đồng bào theo đạo này với đồng bào theo đạo khác.

Người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài đang hình thành một cộng đồng vừa hòa nhập vào xã hội sở tại vừa gắn bó với quê hương. Đảng và Nhà nước ta thông cảm và đánh giá cao lòng yêu nước của đồng bào, sẽ tạo thêm những điều kiện thuận lợi để đồng bào xây dựng khối đoàn kết cộng đồng, tiếp xúc với bà con trong nước, đóng góp ngày càng nhiều hơn vào công cuộc xây dựng Tổ quốc.

Thư các đồng chí,

Nhà nước ta là công cụ của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, do giai cấp công nhân và nhân dân lao động tổ chức thành cơ quan quyền lực chính trị. Trong thời kỳ quá độ, đó là *nhà nước chuyên chính vô sản thực hiện chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa*. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chức năng của Nhà nước là thể chế hóa bằng pháp luật quyền hạn, lợi ích, nghĩa vụ của nhân dân lao động và quản lý kinh tế, xã hội theo pháp luật. Nhà nước ta phải bảo đảm quyền dân chủ thật sự của nhân dân lao động, đồng thời kiên quyết trừng trị những kẻ vi phạm quyền làm chủ của nhân dân.

Tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước là công tác cấp bách, là điều kiện tất yếu bảo đảm huy động lực lượng to lớn

của quần chúng nhân dân để hoàn thành mọi nhiệm vụ chính trị do Đảng đề ra, đáp ứng được yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân.

Bộ máy nhà nước của ta còn công kênh và kém hiệu lực. Cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp là nguyên nhân trực tiếp làm cho bộ máy nặng nề, nhiều tầng, nhiều nấc. Chức năng, nhiệm vụ của tổ chức và chức năng, tiêu chuẩn cán bộ chưa được xác định rõ ràng. Một số ngành ở trung ương và địa phương đang có xu hướng chia tách thành nhiều cơ quan và đơn vị chuyên môn hóa theo lối khép kín; nhiều tổ chức trùng lặp, chồng chéo; nhiều trường hợp bố trí cán bộ, nhân viên không tương xứng với nhiệm vụ. Chế độ trách nhiệm không rõ ràng. Phong cách làm việc nặng về hình thức, giấy tờ, hội họp quá nhiều, mà quyết định thì chậm, thiếu cơ sở khoa học, nhiều khi không dứt khoát, việc tổ chức thực hiện lại yếu.

Để thiết lập cơ chế quản lý mới, cần thực hiện một cuộc cải cách lớn về tổ chức bộ máy của các cơ quan nhà nước theo phương hướng sau đây:

Xây dựng và thực hiện một cơ chế quản lý nhà nước thể hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở tất cả các cấp. Tăng cường bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương và cơ sở thành một hệ thống thống nhất, có sự phân định rành mạch nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm từng cấp theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phân biệt rõ chức năng quản lý hành chính - kinh tế với quản lý sản xuất - kinh doanh, kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội.

Đó là bộ máy nhà nước có đủ năng lực thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu:

- Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành pháp luật, chính sách cụ thể.

- Xây dựng chiến lược kinh tế - xã hội và cụ thể hóa chiến lược đó thành những kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Quản lý hành chính - xã hội và hành chính - kinh tế; điều hành các hoạt động kinh tế, xã hội trong toàn xã hội theo kế hoạch, giữ vững pháp luật, kỷ cương nhà nước và trật tự xã hội, giữ vững quốc phòng và an ninh.

- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của Nhà nước, phát hiện những mất cân đối và đề ra những biện pháp để khắc phục.

- Thực hiện một quy chế làm việc khoa học, có hiệu suất cao.

- Xây dựng bộ máy gọn nhẹ, có chất lượng cao, với một đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị và có năng lực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Nhà nước phải làm tròn nhiệm vụ xây dựng các kế hoạch kinh tế - xã hội, các chương trình tiến bộ khoa học - kỹ thuật, xây dựng hệ thống pháp luật, chính sách, chế độ. Phải nâng cao năng lực quản lý hành chính, bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ quyền lực nhà nước; đồng thời xây dựng hệ thống quản lý kinh tế theo cơ chế quản lý mới, phát huy quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở.

Tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, trước hết là nêu cao vị trí của Quốc hội và Hội đồng nhà nước, vai trò của Hội đồng nhân dân các cấp. Vẫn còn tình trạng các cơ quan dân cử các cấp được lựa chọn, bầu cử và hoạt động một cách hình thức chủ nghĩa. Trong nhiều trường hợp, cấp ủy đảng còn bao biện, làm thay công việc của chính quyền. Việc lựa chọn người bầu vào các cơ quan dân cử ở nhiều nơi còn gò ép.

Nhiều Ủy ban nhân dân chưa thật sự tôn trọng Hội đồng nhân dân.

Các cơ quan dân cử từ Quốc hội đến Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thường xuyên cải tiến và kịp thời tổng kết các mặt hoạt động; nâng cao chất lượng các kỳ họp, bàn và quyết định những vấn đề thiết thực; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và công tác giám sát đối với hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước.

Hội đồng Bộ trưởng và Ủy ban nhân dân các cấp nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành để tổ chức thực hiện có kết quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Vấn đề cấp bách là phải sắp xếp lại các bộ, ủy ban nhà nước, tổng cục và tinh giản bộ máy quản lý hành chính nhà nước của các bộ. Bộ máy quản lý hành chính của bộ không được can thiệp sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của các xí nghiệp. Giảm bớt những tổ chức trung gian như vụ, cục, phòng, ban, chuyển mạnh sang cách làm việc trực tiếp theo lối chuyên gia. Giảm bớt chức phó ở tất cả các cấp và các cơ quan. Theo phương hướng sắp xếp lại bộ máy nhà nước trung ương, bộ máy các ủy ban nhân dân địa phương cũng phải tổ chức lại gọn và tinh, có đủ quyền hạn, nhiệm vụ và năng lực quản lý trên địa bàn lãnh thổ.

Quản lý đất nước bằng pháp luật, chứ không chỉ bằng đạo lý. Pháp luật là thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, thể hiện ý chí của nhân dân, phải được thực hiện thống nhất trong cả nước. Tuân theo pháp luật là chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng. Quản lý bằng pháp luật đòi hỏi phải quan tâm *xây dựng pháp luật*. Từng bước bổ sung và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật để bảo đảm cho bộ máy nhà nước được tổ chức và hoạt động theo pháp luật.

Coi trọng công tác *giáo dục, tuyên truyền, giải thích pháp luật*. Đưa việc dạy pháp luật vào hệ thống các trường của Đảng, của Nhà nước (kể cả các trường phổ thông, đại học), của các đoàn thể nhân dân. Cán bộ quản lý các cấp từ trung ương đến đơn vị cơ sở phải có kiến thức về quản lý hành chính và hiểu biết về pháp luật. Cần sử dụng nhiều hình thức và biện pháp để giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật và làm tư vấn pháp luật cho nhân dân.

Pháp luật phải được chấp hành nghiêm chỉnh, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, mọi cán bộ, bất cứ ở cương vị nào, đều phải sống và làm việc theo pháp luật, gương mẫu trong việc tôn trọng pháp luật. Không cho phép bất cứ ai dựa vào quyền thế để làm trái pháp luật. Mọi vi phạm đều phải được xử lý. Bất cứ ai phạm pháp đều đưa ra xét xử theo pháp luật, không được giữ lại để xử lý “nội bộ”. Không làm theo kiểu phong kiến: dân thì chịu hình pháp, quan thì xử theo “lẽ”. Hiến pháp quy định: “Khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”. Cấm bao che hành động phạm pháp và người phạm pháp dưới bất cứ hình thức nào.

Phải dùng sức mạnh của pháp chế xã hội chủ nghĩa kết hợp với sức mạnh của dư luận quần chúng để đấu tranh chống những hành vi phạm pháp. Các cấp ủy đảng, từ trên xuống dưới, phải thường xuyên lãnh đạo công tác pháp chế, tăng cường cán bộ có phẩm chất và năng lực cho lĩnh vực pháp chế, và kiểm tra chặt chẽ hoạt động của các cơ quan pháp chế.

Đổi mới phong cách làm việc. Để lãnh đạo và quản lý tốt phải ra quyết định đúng, kịp thời và tổ chức thực hiện các quyết định đó. Việc chuẩn bị quyết định và ra quyết định phải tuân theo một quy trình chặt chẽ. Chấm dứt chế độ làm

việc theo lối quan liêu qua nhiều nấc trung gian không cần thiết. Thực hiện phong cách làm việc có điều tra, nghiên cứu, xử lý công việc nhanh chóng, bãi bỏ những thủ tục phức tạp, gây phiền hà cho nhân dân. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm về những quyết định của mình.

Muốn nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, xã hội, phải có một đội ngũ cán bộ giỏi, có năng lực, có kinh nghiệm, có phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng. Cán bộ quản lý hành chính nhà nước (từ bộ trưởng, thứ trưởng, chủ tịch các cấp, cục, vụ trưởng...) đều phải là những người hiểu biết nguyên tắc và chế độ quản lý hành chính, hiểu biết pháp luật, hiểu biết chuyên môn. Có loại cán bộ làm công tác tổng hợp, nhưng không có loại cán bộ được coi như thích hợp với mọi công tác. Để tăng hiệu lực quản lý của Nhà nước, tăng trách nhiệm của cán bộ giữ vị trí chủ chốt ở các ngành, từ nay chấm dứt tình trạng bổ nhiệm cán bộ không có hiểu biết hoặc kém chuyên môn vào các cương vị lãnh đạo và quản lý cơ quan chuyên môn. Thực hiện chế độ bãi miễn đối với các cán bộ vô trách nhiệm, thiếu năng lực.

Để phát triển và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, sắp xếp lại hệ thống các trường đào tạo, có kế hoạch bồi dưỡng cho các đối tượng khác nhau theo những chương trình thích hợp. Các cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cương vị chủ chốt từ trung ương đến tỉnh, huyện, xã, từ tổng giám đốc đến cán bộ quản lý cơ sở, đều phải qua các lớp bồi dưỡng định kỳ có sát hạch, theo chương trình thiết thực và có hệ thống về đường lối, chính sách, cơ chế quản lý và kiến thức quản lý mới, về chuyên môn, nghiệp vụ và về pháp luật.

Tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động trên thực tế là một thể thống nhất. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, tất cả đều do dân

và vì dân, có thật sự do dân mới thật sự vì dân một cách đầy đủ. Nguyên lý cơ bản đó được thực hiện từng bước vững chắc là điều kiện quyết định cho mọi thắng lợi của cách mạng.

Phần thứ năm

NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

Thưa các đồng chí,

Năm năm qua là một thời kỳ hoạt động phong phú và đầy thử thách của Đảng. Từ những thành tựu cũng như những sai lầm, Đảng ta đã trưởng thành một bước trong công tác lãnh đạo. Đại hội này là một cái mốc đánh dấu bước trưởng thành ấy. Song tất cả những gì đã làm được và chưa làm được cũng chứng tỏ rằng sự lãnh đạo của Đảng chưa ngang tầm những nhiệm vụ của giai đoạn mới. Đảng chưa đáp ứng được yêu cầu trong việc giải quyết nhiều vấn đề kinh tế - xã hội, trong phong cách lãnh đạo và cả trong việc rèn luyện phẩm chất cán bộ, đảng viên. Nguồn gốc sâu xa của sự không ngang tầm ấy là ở chỗ, trong nhiều năm, chúng ta đã coi nhẹ và có khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng. Đây là điều mà toàn Đảng, từ Ban Chấp hành Trung ương đến các tổ chức cơ sở và mỗi đảng viên, cần nhận thức đầy đủ với ý thức trách nhiệm cao.

Quy mô rộng lớn và tính chất phức tạp của những nhiệm vụ kinh tế, xã hội trong thời kỳ quá độ, cuộc đấu tranh “ai thắng ai” giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, cuộc đấu tranh giữa nhân dân ta với chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế đang đòi hỏi tăng cường không ngừng năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đảng phải trưởng thành về lãnh đạo chính trị, phát triển và cụ thể hóa đường lối, đề ra những giải pháp đúng đắn đối với những vấn đề mới của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Để tăng cường sức chiến đấu và năng lực tổ chức thực tiễn của mình, Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức; đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác.

Đảng phải chăm lo xây dựng mình vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, để từ đó tác động quyết định đến sự phát triển của cách mạng nước ta.

1. Đổi mới tư duy, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân là nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng

Thế giới ngày nay đang thay đổi nhanh chóng. Chủ nghĩa xã hội đang phấn đấu thể hiện rõ tính ưu việt về mọi mặt so với chủ nghĩa tư bản. Đối với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, đổi mới là con đường vươn lên đáp ứng đòi hỏi của thời đại, đối phó thắng lợi với mọi thử thách, đáp ứng những nhu cầu ngày càng cao của nhân dân. Đối với nước ta, đổi mới đang là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng, là vấn đề có ý nghĩa sống còn. Nhiều năm nay, trong nhận thức của chúng ta về chủ nghĩa xã hội có nhiều quan niệm lạc hậu, nhất là những quan niệm về công nghiệp hóa, về cải tạo xã hội chủ nghĩa, về cơ chế quản lý kinh tế, về phân phối, lưu thông, v.v.. Đó là một nguyên nhân chậm phát triển và cụ thể hóa đường lối chung và đường lối kinh tế trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ. Vì vậy, phải đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy, chúng ta mới có thể vượt qua khó khăn, thực hiện được những mục tiêu do Đại hội lần thứ VI đề ra.

Muốn đổi mới tư duy, Đảng ta phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của đồng chí Lê Duẩn và các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng, tiếp thụ những thành tựu lý luận, những kinh nghiệm mới phong phú của các đảng anh em, những kiến thức khoa học của thời đại. Phải đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết có hệ thống sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, rút ra những kết luận đúng đắn, khắc phục những quan niệm sai lầm hoặc lỗi thời. Đổi mới tư duy không có nghĩa là phủ nhận những thành tựu lý luận đã đạt được, phủ nhận những quy luật phổ biến của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, phủ nhận đường lối đúng đắn đã được xác định, trái lại, chính là bổ sung và phát triển những thành tựu ấy.

Các văn kiện của Đại hội lần thứ VI thể hiện bước đầu sự đổi mới tư duy của Đảng. Mỗi chúng ta, từ người lãnh đạo đến đảng viên thường, dù hoạt động trong lĩnh vực nào cũng cần kiểm tra lại nhận thức của mình, sớm lĩnh hội được những quan niệm mới, kiên quyết gạt bỏ những quan niệm sai lầm. Làm quán triệt các nghị quyết của Đại hội đến từng đảng viên, từng người lao động, tạo nên sự đổi mới về nhận thức, nâng cao nhiệt tình cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân là nhiệm vụ hàng đầu của công tác tư tưởng.

Đổi mới tư duy trong mọi lĩnh vực hoạt động của Đảng và Nhà nước là việc cấp bách, đồng thời là việc thường xuyên, lâu dài. Tính bảo thủ, sức ỳ của những quan niệm cũ là trở ngại không nhỏ, nhất là những quan niệm ấy lại gắn chặt với những người mang nặng chủ nghĩa cá nhân và đầu óc thủ cựu. Cần tạo những điều kiện xã hội thuận lợi cho quá trình đổi mới tư duy: bầu không khí dân chủ trong xã hội, nhất là trong

sinh hoạt đảng, trong nghiên cứu khoa học; tinh thần tôn trọng sự thật, tôn trọng chân lý; hệ thống thông tin chính xác; tự phê bình và phê bình được tiến hành một cách thường xuyên và nghiêm túc, v.v.. Điều quan trọng là phải coi trọng công tác lý luận nhằm cung cấp nội dung khoa học cho việc đổi mới tư duy.

Cùng với việc đổi mới tư duy, công tác tư tưởng phải hướng vào việc *bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức mới*, nâng cao tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần quốc tế vô sản và tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa, khơi dậy ý chí cách mạng của quần chúng. Phẩm chất chính trị của mỗi người phải thể hiện ở lập trường vững vàng trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường, giữa ta và địch, giữa cái lành mạnh và cái hư hỏng; ở ý chí bền bỉ, tính năng động, sáng tạo, ý thức trách nhiệm cao, làm việc có hiệu quả thiết thực; ở lòng tin vào sức mạnh của nhân dân, vào sự lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh thực hiện nhiệm vụ. Tâm trạng bi quan, dao động, mất lòng tin, mất phương hướng, trái với bản chất tốt đẹp của người chiến sĩ cách mạng tiên phong phải được khắc phục. Vấn đề đạo đức xã hội đang được đặt ra một cách cấp bách. Trong xã hội ta đang diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai lối sống: lối sống có lý tưởng, lành mạnh, trung thực, sống bằng lao động của mình, có ý thức tôn trọng và bảo vệ của công, chăm lo lợi ích của tập thể và của đất nước, với lối sống thực dụng, dối trá, ích kỷ, ăn bám, chạy theo đồng tiền. Các lực lượng làm công tác tư tưởng phải tích cực tham gia cuộc đấu tranh này, lên án, vạch trần bản chất thối nát của lối sống cũ, khẳng định mạnh mẽ và truyền bá rộng rãi những giá trị đạo đức mới, thúc đẩy quá trình hình thành lối sống mới.

Trên thế giới và trong nước ta, cuộc đấu tranh giữa hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa và hệ tư tưởng tư sản đang diễn ra gay gắt. Kẻ thù ở ngoài nước và trong nước thường xuyên tìm cách phá chúng ta về tư tưởng. Chúng tung ra đủ loại luận điệu xuyên tạc nhằm phá hoại Đảng và chế độ ta. Những người cộng sản phải nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, nhạy cảm nắm bắt tình hình, kịp thời đập tan mọi luận điệu phản tuyên truyền của chúng. Nhưng thời gian qua, công tác tư tưởng chưa thực sự tiến hành theo hướng đó. Đã có lúc, có nơi, một số đảng viên thụ động, bàng quan, bất lực trước sự lan tràn của những tin đồn nhảm, những dư luận ác ý, tê liệt trước sự tiến công của địch về tư tưởng. Để khắc phục tình trạng không bình thường đó, cần tổ chức lại công tác đấu tranh chống chiến tranh tâm lý của địch, nhất là ở những thành phố lớn.

Hiệu quả công tác tư tưởng phụ thuộc trước hết vào sự lãnh đạo của các tổ chức đảng. Đảng ta lãnh đạo chính quyền, có hệ thống các cơ quan làm công tác tư tưởng, phương tiện tuy chưa hiện đại, nhưng so với trước, đã tăng nhiều, lại có gần hai triệu đảng viên, trên mười vạn chi bộ, nhưng vì sao kết quả công tác tư tưởng lại không tương xứng, trận địa tư tưởng ở nhiều nơi lại bị bỏ trống? Nguyên nhân quan trọng là nhiều tổ chức đảng chưa thật sự lãnh đạo và chưa biết lãnh đạo công tác tư tưởng, nhiều đồng chí được phân công vào các vị trí quan trọng của các cơ quan nhà nước cũng không làm công tác tuyên truyền, giáo dục. Muốn làm chủ trận địa tư tưởng, mỗi cấp ủy phải hiểu rõ tâm trạng của quần chúng, có kế hoạch công tác tư tưởng, biết tổ chức, bồi dưỡng và sử dụng các cơ quan, các cán bộ, đảng viên làm công tác tư tưởng, biến các lực lượng ấy thành một đội quân hùng hậu có sức chiến đấu cao.

Công tác tư tưởng phải đổi mới về nội dung và hình thức, tổ chức và phương pháp, con người và phương tiện.

Phải nâng cao chất lượng sinh hoạt của các tổ chức đảng từ trung ương đến chi bộ. Hiệu quả các cuộc hội nghị phải thể hiện trên hai mặt: đề ra được chủ trương, biện pháp để giải quyết các nhiệm vụ; có tác dụng giúp những người tham gia sinh hoạt nắm vững quan điểm của Đảng, tiếp nhận được thông tin, kinh nghiệm, hiểu biết mới, tăng thêm ý thức trách nhiệm. Các cuộc sinh hoạt có chất lượng của cấp ủy và tổ chức cơ sở đảng là điều kiện đầu tiên để triển khai có hiệu quả công tác tư tưởng.

Các tổ chức đảng phải xây dựng được đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên có phẩm chất cách mạng, có trình độ chính trị và nghiệp vụ ngày càng được nâng cao, thường xuyên bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ ấy trong công tác tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng. Việc chậm hình thành đội ngũ này là do coi nhẹ hình thức tuyên truyền miệng, thiếu nội dung phong phú, hấp dẫn và những phương tiện vật chất cần thiết cho các báo cáo viên.

Các phương tiện thông tin đại chúng có nhiệm vụ truyền bá đường lối, chính sách của Đảng, đi sát thực tế, thông tin kịp thời và phân tích sâu sắc những sự kiện mới; phát hiện và phản ánh trung thực những điển hình tiên tiến, nhiệt tình ủng hộ, cổ vũ những nhân tố mới, dũng cảm đấu tranh chống những hiện tượng lạc hậu, trì trệ và mọi biểu hiện tiêu cực khác; đề cập và chỉ ra phương hướng giải quyết những vấn đề thiết thực mà xã hội quan tâm; xây dựng dư luận xã hội lành mạnh, động viên quần chúng tích cực hoàn thành nhiệm vụ cách mạng.

Báo chí là tiếng nói của Đảng, đồng thời cũng phản ánh tiếng nói của quần chúng. Trình độ mọi mặt của nhân dân ta

ngày càng cao đòi hỏi báo chí và các phương tiện thông tin khác phải bảo đảm tính chân thực, nâng cao chất lượng, tăng cường tính quần chúng và tính chiến đấu, khắc phục tình trạng giản đơn, đơn điệu, hời hợt, sáo rỗng, một chiều.

Nâng cao chất lượng công tác xuất bản cả ở trung ương và địa phương, bảo đảm có nhiều sách bổ ích, kịp thời phát hiện và xử lý những trường hợp vi phạm nguyên tắc và thiếu trách nhiệm dẫn tới xuất bản và phát hành văn hóa phẩm có hại. Cố gắng xuất bản một số sách chính trị, khoa học, kỹ thuật, văn học có chất lượng, với khối lượng tương đối lớn, đủ cung cấp cho mỗi cơ sở một tủ sách hay.

Các tổ chức đảng phải quan tâm chỉ đạo *công tác văn hóa, văn nghệ*.

Không hình thái tư tưởng nào có thể thay thế được văn học và nghệ thuật trong việc xây dựng tình cảm lành mạnh, tác động sâu sắc vào việc đổi mới nếp nghĩ, nếp sống của con người. Văn học, nghệ thuật phải không ngừng nâng cao tính Đảng và tính nhân dân, gắn bó với hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng, nắm bắt nhạy bén hiện thực đang diễn biến phức tạp, sớm phát hiện và biểu dương cái mới, tạo nên những điển hình sống động, khẳng định những mầm non đang nảy sinh trong cuộc sống, mạnh dạn phê phán những mặt tiêu cực cản trở sự đổi mới của xã hội. Tính chân thực, tính tư tưởng và tính nghệ thuật bao giờ cũng là tiêu chuẩn của giá trị tác phẩm hiện thực xã hội chủ nghĩa. Đảng yêu cầu các văn nghệ sĩ thường xuyên trau dồi ý thức trách nhiệm của công dân, chiến sĩ, thực hiện chức trách cao quý: tạo nên những giá trị tinh thần, bồi dưỡng tâm hồn và tình cảm, xây dựng nhân cách và bản lĩnh của các thế hệ công dân, xây dựng môi trường đạo đức trong xã hội. Đẩy mạnh công tác phê bình văn học, nghệ thuật với tinh thần xây

dựng, dũng cảm và vô tư, khắc phục thói nể nang và những khuynh hướng lệch lạc, loại trừ các biểu hiện thô thiển.

Đảng bộ các cấp cần tạo những điều kiện thuận lợi cho việc sáng tác và biểu diễn của những người làm công tác văn hóa, văn nghệ, bồi dưỡng thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng cho văn nghệ sĩ, chú trọng lực lượng trẻ xuất hiện từ phong trào lao động, sản xuất và chiến đấu. Nâng cao trình độ lãnh đạo văn hóa, văn nghệ của cán bộ quản lý các cấp cho phù hợp với tính đặc thù và yêu cầu phát triển của văn hóa, văn nghệ, chống lối gò ép hoặc buông lỏng.

Cải cách toàn diện *công tác của các trường Đảng*, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp.

Hệ thống trường Đảng phải tập trung sức đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận được lựa chọn theo quy hoạch và thường kỳ tổ chức bồi dưỡng cho các cán bộ lãnh đạo và quản lý đương chức. Các cấp ủy phải xây dựng quy hoạch cán bộ để trên cơ sở đó thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ. Đổi mới đội ngũ cán bộ giảng dạy, viết lại sách giáo khoa và đổi mới phương pháp dạy và học.

Mở rộng hình thức học tập tại chức, tổ chức cho hàng triệu cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, v.v. học tập chủ nghĩa Mác - Lênin theo các chương trình đã được quy định, nhằm trang bị cho họ thế giới quan, phương pháp luận khoa học, nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa và đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Sau Đại hội lần thứ VI, phải tổ chức một đợt học tập rộng lớn để quán triệt các nghị quyết, gắn liền với quá trình thực hiện những nhiệm vụ chính trị.

Đào tạo, bồi dưỡng và đổi mới đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng. Tuyển lựa những cán bộ đã trải qua công tác

thực tiễn bổ sung cho đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, giáo dục. Luân phiên đưa các cán bộ này đi làm công tác thực tế một thời gian. Quan tâm đáp ứng những yêu cầu chính đáng về cơ sở vật chất - kỹ thuật của công tác tư tưởng: giấy in, phương tiện nghe nhìn, trường sở, phương tiện dạy và học, điều kiện sinh hoạt và học tập cho học viên các trường Đảng.

2. Đổi mới đội ngũ cán bộ, kiện toàn các cơ quan lãnh đạo và quản lý

Đảng ta đã thay đổi một phần và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, nhưng sự thay đổi còn chậm chạp, chất lượng đội ngũ cán bộ vẫn chưa đáp ứng những yêu cầu mới. Đổi mới cán bộ lãnh đạo các cấp là *mất xích quan trọng nhất* mà Đảng ta phải nắm chắc để thúc đẩy những cuộc cải cách có ý nghĩa cách mạng. Được rèn luyện trong quá trình chiến đấu lâu dài, nhiều thế hệ cán bộ đã trưởng thành, đó là cơ sở để giải quyết vấn đề đổi mới cán bộ.

Trên cơ sở xác định tiêu chuẩn cụ thể, cần đánh giá lại cán bộ một cách có hệ thống, sắp xếp và kiện toàn cho được các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, các cơ quan quản lý các ngành quan trọng về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, các chức vụ chủ chốt của 40 tỉnh, thành, đặc khu, của hơn 400 quận, huyện, các cơ sở trọng yếu của nền kinh tế quốc dân.

Đổi mới đội ngũ cán bộ có nghĩa là đánh giá, lựa chọn, bố trí lại, đi đôi với đào tạo, bồi dưỡng để có một đội ngũ cán bộ có đủ những tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực lãnh đạo, quản lý, ngang tầm nhiệm vụ. Muốn đổi mới đội ngũ cán bộ, trước hết phải đổi mới công tác cán bộ và đội ngũ những người làm công tác tổ chức, cán bộ. Việc đổi mới cán bộ cần

được thực hiện khẩn trương, kiên quyết nhưng phải tránh thay đổi vội vàng. Tránh lối đổi mới một cách hình thức, chỉ căn cứ vào độ tuổi, bằng cấp, hoặc hiểu đổi mới chỉ đơn thuần là thay đổi người, chỉ trọng cán bộ mới, coi nhẹ cán bộ lâu năm có năng lực và phẩm chất.

Để đổi mới đội ngũ cán bộ một cách đúng đắn, cần *đổi mới quan điểm đánh giá cán bộ*. Phải lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị làm thước đo phẩm chất và năng lực, lấy nhu cầu nhiệm vụ làm căn cứ để bố trí cán bộ.

Nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, trước hết là nhiệm vụ xây dựng kinh tế, đang đòi hỏi những cán bộ có phẩm chất và năng lực phù hợp. Đó là những cán bộ có phẩm chất chính trị đã được thử thách, luôn luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, thông suốt và chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, ham học hỏi, năng động, sáng tạo, có kiến thức quản lý kinh tế, xã hội, có tính tổ chức và kỷ luật cao. Đó là những cán bộ có đạo đức cách mạng và phong cách lãnh đạo tốt, trước hết là có ý thức tập thể, dân chủ, đi đôi với tính quyết đoán, có ý thức trách nhiệm, có tác phong sâu sát thực tế, gần gũi quần chúng, quan tâm đến con người, gương mẫu trong lối sống, đoàn kết và động viên được nhiệt tình lao động của cán bộ và nhân dân.

Phải từ lợi ích chung của cách mạng, từ chính sách cán bộ thống nhất của Đảng mà lựa chọn cán bộ một cách công minh. Mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, đầu óc địa vị, tư lợi, chủ nghĩa địa phương, chủ nghĩa cục bộ và bệnh quan liêu trong công tác cán bộ đều gây ra những hậu quả xấu đối với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và sự đoàn kết trong Đảng. Khắc phục tình trạng bố trí cán bộ theo kiểu khép kín

trong từng địa phương, từng ngành, không tiếp nhận cán bộ được điều động từ nơi khác, ngành khác tới.

Đổi mới đội ngũ cán bộ bao hàm ý nghĩa *trẻ hóa*. Trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn, tăng thêm cán bộ trẻ trong các cơ quan lãnh đạo và quản lý, kết hợp đúng cán bộ nhiều tuổi với cán bộ trẻ để tăng cường sức chiến đấu, tính năng động của đội ngũ cán bộ và để bảo đảm sự kế thừa liên tục ở các cơ quan lãnh đạo. Có khắc phục được quan niệm đẳng cấp, tôn ti theo kiểu phong kiến còn khá nặng nề, chúng ta mới có thể phát hiện và cất nhắc được những cán bộ trẻ ưu tú.

Chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế tục là nhiệm vụ thường xuyên của các tổ chức đảng và phải được tiến hành theo quy hoạch. Mọi cán bộ lãnh đạo đều có nhiệm vụ tham gia với tập thể lựa chọn, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ kế tục. Cán bộ nhiều tuổi, giàu kinh nghiệm có nghĩa vụ ủng hộ, giúp đỡ lớp cán bộ kế tục. Nhân tài không phải là sản phẩm tự phát, mà phải được phát hiện và bồi dưỡng công phu. Nhiều tài năng có thể mai một nếu không được phát hiện và sử dụng đúng chỗ, đúng lúc. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải tuân theo một quy trình chặt chẽ. Đó là kết hợp giữa bồi dưỡng kiến thức ở các trường học với rèn luyện trong thực tiễn. Phải căn cứ vào chỗ mạnh, chỗ yếu và triển vọng phát triển của cán bộ mà mạnh dạn bố trí vào những cương vị công tác phù hợp, sau đó, liên tục theo dõi, kiểm tra, bồi dưỡng, tạo điều kiện cho họ trưởng thành. Việc luân chuyển cán bộ theo quy hoạch góp phần đào tạo những cán bộ lãnh đạo có tầm nhìn xa, hiểu biết rộng, có bản lĩnh và năng lực lãnh đạo.

Chống tệ quan liêu, cửa quyền trong công tác lựa chọn, bố trí cán bộ. Dân chủ hóa công tác cán bộ bằng những quy chế rõ ràng. Công tác cán bộ là công việc chung của các cơ quan đảng và nhà nước, không phải chỉ là việc riêng của cơ quan làm công

tác tổ chức, cán bộ, mặc dù công tác của các cơ quan này là quan trọng.

Cơ chế quản lý cán bộ có đúng thì sự đánh giá cán bộ mới chính xác, mới phát hiện, đề bạt được cán bộ tốt, thay đổi những người xấu và yếu kém, loại trừ những yếu tố ngẫu nhiên, may rủi và những động cơ không lành mạnh trong công tác cán bộ.

Xác định chế độ trách nhiệm của các cấp ủy đảng đối với việc quản lý cán bộ chủ chốt ở các cấp, các ngành, coi đây là một chức năng quan trọng không thể thiếu của các cơ quan lãnh đạo của Đảng. Bảo đảm tính tập thể trong các quyết định về cán bộ trên cơ sở dân chủ xem xét đầy đủ ý kiến của các tổ chức và cá nhân có liên quan, đi đôi với nêu cao ý thức trách nhiệm của người đứng đầu; tránh tình trạng người phụ trách không có quyền và nhất là không có trách nhiệm trong việc lựa chọn cán bộ do mình phụ trách. Quy định việc phân công, phân cấp quản lý cán bộ, xác định quyền hạn, trách nhiệm, các mối quan hệ giữa cơ quan đảng và nhà nước, ngành và địa phương, cấp trên và cấp dưới, xác định quy trình lựa chọn, đánh giá, đề bạt, điều động, làm cho việc quản lý cán bộ đi vào quy chế và nền nếp.

3. Đổi mới phong cách làm việc, giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt trong Đảng

Tập trung dân chủ là nguyên tắc quan trọng nhất chỉ đạo mọi hoạt động tổ chức, sinh hoạt nội bộ và phong cách làm việc của chúng ta. Sức mạnh tổ chức to lớn của Đảng là ở sự thực hiện đầy đủ nguyên tắc này. Tình trạng tập trung quan liêu, gia trưởng, độc đoán, không tôn trọng ý kiến cấp dưới, không phát huy trí tuệ tập thể dẫn tới những quyết định sai lầm, làm suy yếu sự đoàn kết trong Đảng. Tình

trạng cục bộ, vô kỷ luật cũng gây ra những hậu quả tai hại, và làm cho sự lãnh đạo của Đảng, việc điều hành của Nhà nước kém hiệu lực.

Lập lại kỷ cương, củng cố kỷ luật trong Đảng và bộ máy nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, nói và làm theo nghị quyết của cấp trên và của tập thể. Mọi cán bộ, đảng viên phải phục tùng kỷ luật. Mọi sự năng động, sáng tạo phải dựa trên cơ sở đường lối, chính sách. Cơ quan lãnh đạo phải nắm vững quyền chỉ đạo tập trung, điều hành thống nhất, không dung túng những việc làm sai trái. Có lập lại kỷ cương trong Đảng, trong cơ quan lãnh đạo các cấp của Nhà nước, mới có sức mạnh lập lại trật tự trong xã hội.

Bất cứ người lãnh đạo nào cũng không được tự đặt mình ra ngoài tổ chức, tự cho mình quyền nói và làm khác quyết định của tập thể. Cấp dưới, dù cho người đứng đầu là ủy viên Trung ương, cũng không thể tự cho mình quyền không thi hành hoặc làm trái chỉ thị của cấp trên.

Tăng cường sự lãnh đạo tập thể, mở rộng sinh hoạt *dân chủ*. Biết bao vấn đề quan trọng và mới mẻ, phức tạp đang đặt ra trước các cơ quan lãnh đạo. Sự hiểu biết và kinh nghiệm của mỗi người đều có hạn. Mọi quyết định chủ quan, độc đoán, đơn giản đều không tránh khỏi sai lầm. Phải nghiên cứu những kinh nghiệm sáng tạo của các cơ sở và địa phương, lắng nghe ý kiến của quần chúng, của các chuyên gia và cán bộ khoa học. Các chủ trương quan trọng đều phải được bàn bạc và quyết định tập thể. Người lãnh đạo phải bình tĩnh lắng nghe những ý kiến trái với ý kiến của mình. Ý kiến khác nhau phải được nói hết, nói thẳng, và trải qua thảo luận dân chủ mà đi đến chân lý.

Nâng cao chất lượng sinh hoạt của các cấp ủy là một yêu cầu quan trọng. Cung cấp những thông tin cần thiết để mỗi cấp ủy viên nắm chắc được tình hình, có điều kiện đóng góp vào quá trình ra các quyết định. Cải tiến cách điều hành hội nghị để bảo đảm thảo luận dân chủ, thẳng thắn, có kết luận rõ ràng, khi cần thì biểu quyết, kể cả bằng phiếu kín, làm cho mỗi nghị quyết được thông qua đều là sản phẩm của trí tuệ tập thể, buộc mọi người phải thực hiện, không ai được quyền tuyên truyền và thực hiện ý kiến riêng đã bị đa số bác bỏ.

Đẩy mạnh tự phê bình và phê bình đúng với ý nghĩa là quy luật phát triển của Đảng, thước đo trình độ sinh hoạt dân chủ trong Đảng và ý thức trách nhiệm của Đảng đối với nhân dân.

Người cộng sản phải dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật. Trong Đảng không thể dung thứ thái độ che giấu khuyết điểm, thổi phồng thành tích, lừa dối cấp trên, thái độ nể nang, hoặc đàn áp, trả thù người phê bình. Cuộc vận động tự phê bình và phê bình trong dịp chuẩn bị đại hội lần này được tiến hành tương đối rộng từ trên xuống dưới, đã phát hiện và sửa chữa một số khuyết điểm, bước đầu củng cố lòng tin của nhân dân. Cần đưa việc tự phê bình và phê bình vào chế độ sinh hoạt thường xuyên của tất cả các tổ chức đảng.

Không được coi tự phê bình và phê bình là một dịp đả kích lẫn nhau, mà phải xem đó là một sinh hoạt đảng bình thường để góp ý kiến giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, củng cố sự đoàn kết nhất trí.

Sửa đổi phong cách làm việc, *đi sâu, đi sát thực tế*.

Cán bộ lãnh đạo phải dành một phần thời giờ thích đáng đi cơ sở, gặp quần chúng tìm hiểu tình hình, nghe ý kiến của

cấp dưới, giải quyết kịp thời tại chỗ những việc cụ thể. Đến những nơi tiên tiến để tổng kết kinh nghiệm, và đến cả những nơi khó khăn, yếu kém để giúp đỡ.

Thiết lập trong toàn Đảng một *chế độ thông tin nhanh chóng và chính xác*. Các cơ quan lãnh đạo của Đảng phải được thông tin đầy đủ về tình hình và nội dung các vấn đề thuộc phạm vi mình phụ trách trước khi ra quyết định.

Kiểm tra là một chức năng lãnh đạo chủ yếu của Đảng, là một khâu quan trọng của tổ chức thực hiện. Đó cũng là biện pháp hiệu nghiệm để khắc phục bệnh quan liêu. Mọi tổ chức, từ cơ quan của Đảng, Nhà nước đến đoàn thể quần chúng, mọi lĩnh vực hoạt động từ kinh tế, xã hội đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, không có ngoại lệ, đều phải đặt dưới sự kiểm tra của tổ chức đảng có thẩm quyền. Trung ương Đảng và các cấp ủy đảng phải nắm chắc công tác kiểm tra, sử dụng kết quả kiểm tra vào việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết. Mỗi cấp ủy, trong từng thời gian, đều phải có chương trình kiểm tra, tập trung vào những công tác chủ yếu, những đơn vị trọng điểm; sử dụng và phát huy vai trò ủy ban kiểm tra và các ban của Đảng, kết hợp chặt chẽ kiểm tra của Đảng với thanh tra của Nhà nước và kiểm tra của quần chúng; kiểm tra phải đi tới kết luận rõ ràng và xử lý đúng đắn.

Chúng ta đã xây dựng bước đầu quy chế làm việc của các tổ chức đảng và nhà nước. Cần rút kinh nghiệm bổ sung và hoàn chỉnh những quy chế đó. Quy định cụ thể và thực hiện một số chế độ công tác và sinh hoạt nội bộ, trước hết là chế độ hội nghị, chế độ kiểm tra, chế độ tự phê bình và phê bình, chế độ tiếp xúc với quần chúng.

4. Nâng cao chất lượng đảng viên, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực

Cùng với việc nâng cao năng lực và rèn luyện phong cách, phải tạo ra một chuyển biến mạnh mẽ trong việc rèn luyện, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên.

Mỗi người cộng sản chúng ta cần phải suốt đời học tập, noi gương đạo đức, tác phong của Bác Hồ, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, ghi nhớ và làm theo lời dạy của Người, nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, xứng đáng là người lãnh đạo và người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Hãy giữ gìn và nêu cao danh hiệu cao quý của người đảng viên cộng sản. Mọi người hãy suy nghĩ và hành động vì lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, vì lợi ích cách mạng, chứ không phải vì địa vị và tư lợi. Lý tưởng ấy phải được thể hiện cụ thể trong lao động, chiến đấu, học tập và trong lối sống của mỗi đảng viên. Trung thực, không giả dối, nói ít làm nhiều, lời nói đi đôi với việc làm, nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật, không giấu giếm khuyết điểm - phẩm chất ấy phải được thường xuyên nhấn mạnh và rèn luyện. Ban hành những quy định ngăn ngừa thói khoa trương, thói phồn thành tích, thi hành kỷ luật những cán bộ, những tổ chức “làm láo, báo cáo hay”, có thái độ nghiêm khắc với những kẻ xu thời, vụ lợi, xu nịnh và với cả người ưa nịnh. Bất kỳ cán bộ, đảng viên nào cũng phải tôn trọng nguyên tắc lãnh đạo tập thể, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân. Những hành động của quyền, hống hách, ức hiếp quần chúng phải bị lên án và thi hành kỷ luật.

Trong tư tưởng cũng như trong hành động, phải *triệt để chống tham nhũng, chống đặc quyền, đặc lợi*. Với lương tâm

của người cộng sản, mỗi cán bộ, đảng viên hãy nghiêm khắc xem xét mình đã sống lành mạnh, sống bằng lao động của mình hay chưa? Tư tưởng và hành động chạy theo đồng tiền, tính ích kỷ, hành vi xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, xâm phạm lợi ích của nhân dân, ăn cắp của công, lấy của công để biếu xén, chè chén, “phân phối nội bộ”, phải bị phê phán và xử lý nghiêm khắc.

Việc giáo dục, rèn luyện phẩm chất của cán bộ, đảng viên phải được thể hiện ở chương trình công tác, ở hoạt động thực tiễn của Trung ương, các cấp ủy, các tổ chức cơ sở của Đảng. Cán bộ lãnh đạo phải gương mẫu trong lối sống. Người có chức vụ càng cao thì yêu cầu về sự gương mẫu càng lớn. Không ai có quyền tự ban cho mình những đặc quyền, đặc lợi. Phải bỏ ngay những chế độ cung cấp, trang bị phương tiện sinh hoạt, v.v. do các ngành, các địa phương tự ý quy định, trái với chế độ chung.

Mỗi cấp ủy phải nắm được cụ thể và chính xác phẩm chất của từng cán bộ thuộc phạm vi quản lý của mình. Chi bộ phải kiểm tra, quản lý đảng viên - kể cả đảng viên là cán bộ lãnh đạo - về những vấn đề thuộc về đạo đức và phong cách.

Mười năm qua, trên 19 vạn đảng viên, trong đó một phần khá lớn là những người phạm sai lầm về phẩm chất, đạo đức, đã bị đưa ra khỏi Đảng; có những người đã phải truy tố trước pháp luật. Việc thi hành kỷ luật vẫn chưa nghiêm, đến nay nhiều người không đủ tư cách đảng viên vẫn còn ở trong Đảng. Phải làm trong sạch Đảng, trước hết loại bỏ ngay những phân tử thoái hóa, biến chất.

Cần đưa công khai trên báo, đài, hoặc qua các cuộc sinh hoạt của các tổ chức đảng và đoàn thể quần chúng những vụ cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cao cấp, mắc sai lầm nghiêm

trọng về phẩm chất. Điều đó chỉ làm tăng lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng.

Các tỉnh ủy, huyện ủy không thể giao cho tổ chức cơ sở, nhất là nơi yếu kém, tự làm việc chọn lọc đảng viên, mà phải chỉ đạo trực tiếp, nhằm trước hết vào những cơ sở nắm của cải của Nhà nước hoặc có quan hệ đến sinh mệnh chính trị và đời sống của quần chúng.

Sau Đại hội Đảng, cần có kế hoạch tiến hành *cuộc vận động làm trong sạch Đảng, khắc phục những hiện tượng hư hỏng trong bộ máy nhà nước, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực trong xã hội*. Một hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương sẽ thảo luận chuyên đề về công tác xây dựng Đảng.

5. Nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở

Việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, nâng cao chất lượng đảng viên... đều tùy thuộc vào sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Những thành tựu đã đạt được, những tiềm năng được khai thác, những kinh nghiệm có giá trị đều bắt nguồn từ sự nỗ lực phấn đấu của quần chúng ở cơ sở mà hạt nhân lãnh đạo là tổ chức đảng. Nhưng mặt khác, sự yếu kém của nhiều tổ chức cơ sở của Đảng đã hạn chế những thành tựu của cách mạng.

Tổ chức cơ sở phải là người nắm vững và bảo đảm cho mọi hoạt động ở cơ sở theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Ở những nơi thực hiện chế độ thủ trưởng, tổ chức cơ sở đảng phải thực hiện đúng chức năng kiểm tra, kể cả kiểm tra người đứng đầu cơ sở. Từng thời gian, đảng ủy phải có chương trình kiểm tra, và biết tổ chức lực lượng, huy động đảng viên, cán bộ chuyên môn và quần chúng tham gia công

tác kiểm tra. Lựa chọn và cử bí thư đảng ủy cơ sở có phẩm chất và năng lực tương đương với thủ trưởng của cơ sở đó.

Công tác quần chúng có vị trí quan trọng trong hoạt động của tổ chức cơ sở. Mỗi chi bộ, đảng viên phải chăm lo giáo dục chính trị, tư tưởng cho quần chúng, và bằng hành động gương mẫu của người cộng sản mà động viên quần chúng phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ lao động sản xuất và chiến đấu. Tạo điều kiện để quần chúng tham gia xây dựng Đảng, góp ý kiến phê bình, nhận xét hoạt động của chi bộ, kiểm tra tư cách đảng viên, phát hiện những người không đủ tư cách đảng viên, và giới thiệu những người ưu tú để xem xét kết nạp vào Đảng. Thực hiện rộng rãi chế độ quần chúng phê bình chi bộ, đảng viên, định kỳ mỗi năm một lần vào dịp tổng kết công tác.

Tổ chức cơ sở đảng, mà trực tiếp là chi bộ, cần chăm lo việc giáo dục, rèn luyện đảng viên. Chi bộ làm tốt việc phân công đảng viên; đảng viên nào cũng được giao công tác, và phải làm tròn nhiệm vụ.

Số đảng viên đã về hưu ngày càng nhiều và chiếm tỷ lệ lớn ở các đảng bộ phường, xã. Cần quan tâm bồi dưỡng những vấn đề thời sự, chính sách và sử dụng các đồng chí về hưu vào những công việc thích hợp với khả năng và sức khỏe mỗi người.

Đi đôi với việc kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách, cần thu hút vào Đảng những người ưu tú xuất hiện trong phong trào cách mạng của quần chúng. Số lượng đảng viên của toàn Đảng tuy đông nhưng phân bố rất không đều. Vì vậy, phải tiếp tục coi trọng việc phát triển đảng viên đi đôi với điều chỉnh, phân bố hợp lý lực lượng đảng viên. Điều quan trọng là bảo đảm chất lượng đảng viên

ngay từ khi lựa chọn, kết nạp. Đối với những cơ sở yếu kém, cấp ủy cấp trên phải chỉ đạo chặt chẽ việc củng cố tổ chức cơ sở này trước khi kết nạp đảng viên mới.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội hậu bị của Đảng. Các tổ chức đảng phải chăm lo giáo dục, rèn luyện đoàn viên, giúp cho mỗi người sống và làm việc theo lý tưởng của Đoàn. Đó là nguồn chủ yếu để phát triển đảng viên mới.

Chú ý tăng thêm thành phần công nhân, phụ nữ, người dân tộc thiểu số trong việc phát triển đảng viên cũng như việc đào tạo cán bộ.

6. Tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng

Đảng ta có truyền thống đoàn kết nhất trí tốt đẹp. Chẳng những lúc cách mạng phát triển bình thường, thuận lợi mà cả lúc sóng gió, ở những bước ngoặt của lịch sử, Đảng luôn luôn là một khối thống nhất về tư tưởng và hành động. Nhờ đó, Đảng đã đoàn kết được đông đảo nhân dân, đưa sự nghiệp cách mạng đến những thắng lợi vẻ vang.

Bên cạnh mặt bản chất của Đảng là đoàn kết nhất trí, chúng ta không thể xem thường tác động của một số nhân tố tiêu cực. Có tình trạng thiếu nhất trí về một số quan điểm và sự thiếu ăn khớp trong phong cách và quan hệ làm việc giữa một số cán bộ lãnh đạo các cấp. Bệnh cục bộ, địa phương còn nặng. Do đặc điểm của quá trình cách mạng ở nước ta, đội ngũ cán bộ ở mỗi miền, mỗi địa phương có sự hình thành và phát triển khác nhau; sự thông cảm và hiểu biết lẫn nhau chưa đầy đủ. Kẻ thù và những phần tử xấu lợi dụng tình hình này để kích động, gây chia rẽ.

Tăng cường đoàn kết, nhất trí về chính trị, tư tưởng và tổ chức trên cơ sở hệ tư tưởng Mác - Lênin, đường lối, quan

điểm và nguyên tắc tổ chức của Đảng luôn luôn là vấn đề sống còn của cách mạng.

Đoàn kết trong Đảng không phải là “bằng mặt mà không bằng lòng”; mà là sự đoàn kết được xây dựng trên cơ sở đấu tranh để bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng. Đoàn kết không có nghĩa là không có ý kiến khác nhau. Thông qua trao đổi, thảo luận sẽ đi đến nhất trí; nếu còn khác nhau, thì quá trình thực tiễn sẽ làm sáng tỏ và đạt đến sự nhất trí cao hơn. Nhưng trong sinh hoạt của Đảng, phải tuân theo nguyên tắc tập trung dân chủ và tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách: thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên, toàn Đảng phục tùng Trung ương.

Chúng ta phải chăm lo giữ gìn sự đoàn kết trong các cơ quan lãnh đạo của Đảng, trên cơ sở đó, tăng cường đoàn kết trong toàn Đảng. Đảng ta quyết làm hết sức mình để giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất của Đảng, thực hiện đúng lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình*”¹.

Thư các đồng chí,

Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đánh dấu sự đổi mới quan trọng của Đảng trong lãnh đạo chính trị, tư tưởng, tổ chức và có ý nghĩa to lớn tăng cường hơn nữa khối đoàn kết, thống nhất của toàn Đảng.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.12, tr.497.

Trước mắt chúng ta có nhiều khó khăn, nhưng Đảng và nhân dân ta có những điều kiện cần thiết để khắc phục những khó khăn ấy, đưa sự nghiệp cách mạng vẻ vang tiếp tục tiến lên.

Đảng ta là đội ngũ chiến đấu đã trưởng thành về chính trị và ngày càng có thêm nhiều kinh nghiệm mới.

Dân tộc ta là một dân tộc cách mạng. Nhân dân ta đã gắn bó với Đảng trong cuộc chiến đấu lâu dài, đánh thắng tất cả các thế lực xâm lược, giải phóng đất nước, thống nhất Tổ quốc.

Truyền thống quý báu của Đảng và nhân dân ta là trước những khó khăn, thử thách, càng đồng tâm nhất trí, anh dũng chiến đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc và vì lý tưởng cao đẹp của chủ nghĩa cộng sản.

Năm 1990, chúng ta sẽ kỷ niệm lần thứ 60 ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, lần thứ 45 Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta hãy hướng về những ngày ấy, tiếp tục thực hiện Di chúc của Người, đẩy lên một phong trào hành động cách mạng sôi động, có hiệu quả, ra sức thi đua hoàn thành kế hoạch 5 năm 1986 - 1990.

Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân!

**PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU CHỦ YẾU
PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI
TRONG 5 NĂM 1986 - 1990**

(Do đồng chí Võ Văn Kiệt, Ủy viên Bộ Chính trị
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V,
Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng trình bày,
ngày 15 tháng 12 năm 1986)

Thưa các đồng chí,

Trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, Đại hội lần thứ VI của Đảng đánh dấu một bước chuyển hướng và đổi mới quan trọng trong sự lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực. Trong lĩnh vực kinh tế, đó là chuyển hướng về bố trí cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, đổi mới các chính sách kinh tế và cơ chế quản lý, nhằm khai thác mọi tiềm năng của đất nước, giải phóng năng lực sản xuất, tăng nhanh sản phẩm xã hội, thực hiện mục tiêu ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đánh giá những thành tựu đạt được trong 5 năm qua, kiểm điểm những mặt yếu kém, phân tích những sai lầm, khuyết điểm, đề ra mục tiêu và nhiệm vụ kinh tế, xã hội cho những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Báo cáo này trình bày những

phương hướng và mục tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế, xã hội trong 5 năm 1986 - 1990, để chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch 5 năm 1986 - 1990.

Bước vào 5 năm này, bên cạnh những thành tựu quan trọng về phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật..., tình hình kinh tế - xã hội nước ta đang còn có khó khăn lớn trên nhiều mặt. Sản xuất tuy có tăng, nhưng tăng chậm so với yêu cầu và khả năng thực tế. Một số chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch 5 năm 1981 - 1985 không đạt. Hàng triệu lao động chưa có việc làm. Tài nguyên chưa được khai thác tốt. Công suất máy móc, thiết bị sử dụng ở mức thấp. Phân phối, lưu thông rối ren kéo dài, của cải xã hội bị lãng phí nghiêm trọng. Những mất cân đối lớn trong nền kinh tế chưa giảm bớt, có mặt lại gay gắt hơn. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chậm được củng cố. Đời sống công nhân, cán bộ và nhân dân lao động còn nhiều khó khăn. Tiêu cực trong xã hội có những biểu hiện nghiêm trọng.

Trong khó khăn chung, đã xuất hiện những nhân tố tích cực mới. Qua thử nghiệm, tìm tòi, ở một số ngành, địa phương và cơ sở đã nảy nở những mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, khai thác các khả năng để phát triển sản xuất, khắc phục khó khăn trong đời sống. Những mô hình đó được tổng kết sẽ góp phần xác định nội dung cụ thể của phương thức làm ăn mới. Trình độ của đông đảo cán bộ về nhận thức và vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng, nắm bắt và đi sâu vào thực tiễn được nâng lên. Qua việc lập sơ đồ phát triển và phân bố lực lượng sản xuất, lập quy hoạch tổng thể của các huyện, chúng ta hiểu rõ hơn tiềm năng của đất nước để đề ra phương hướng khai thác các tiềm năng đó trong thời gian tới. Hàng trăm công trình lớn, nhiều

công trình vừa và nhỏ được xây dựng trong thời gian qua, tuy có những mặt chưa hợp lý, song là những cơ sở vật chất - kỹ thuật rất quan trọng. Đội ngũ công nhân lành nghề và cán bộ khoa học kỹ thuật đã được đào tạo không ít. Nhiều kết quả nghiên cứu khoa học, kỹ thuật đã được kết luận. Những cái đó là vốn quý giúp chúng ta giải quyết các nhiệm vụ kinh tế, xã hội đặt ra trước mắt.

Một nhân tố rất quan trọng là chúng ta luôn luôn nhận được sự hợp tác và giúp đỡ to lớn, chí tình, có hiệu quả của Liên Xô và các nước anh em khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, ngày càng đi vào chiều sâu với quy mô sẽ được mở rộng hơn trong 5 năm tới và những năm tiếp theo.

Những quan điểm và chủ trương mới về kinh tế - xã hội do Đại hội lần này của Đảng quyết định sẽ chỉ rõ con đường đưa nền kinh tế nước ta ra khỏi khó khăn trước mắt và vững bước tiến lên.

Trước những đòi hỏi to lớn, bức xúc của công cuộc cải tạo và phát triển kinh tế, của đời sống nhân dân, nhất thiết Đảng ta phải vươn lên ngang tầm yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ, thống nhất ý chí và hành động với quyết tâm, nỗ lực và sáng tạo mới. Một mặt, chúng ta phải nhận rõ những nhân tố thuận lợi để phát huy tới mức tối đa; mặt khác, phải thấy hết khó khăn trong những năm trước mắt để xác định các chủ trương và biện pháp phù hợp, bố trí bước đi tích cực nhưng vững chắc. Đất nước ta còn nhiều tiềm năng chưa được khai thác, điều đó đã rõ ràng. Song, muốn khai thác được các tiềm năng đó, ngoài việc xác định đúng phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế, đổi mới cơ chế và tổ chức quản lý, phải có vốn đầu tư, vật tư, năng lượng... mà hiện nay và trong thời gian tới vẫn rất có hạn. Việc khắc phục sai

lâm về điều chỉnh giá, lương, tiền, việc kiện toàn bộ máy quản lý và xây dựng cơ chế quản lý mới một cách đồng bộ, tuy cấp bách, nhưng cũng đòi hỏi nhiều thời gian và công sức. Đó là điều cần thấy trước.

Thư các đồng chí,

Báo cáo chính trị đã xác định các mục tiêu chủ yếu về kinh tế, xã hội cho những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là: sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy; bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất; xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; tạo ra chuyển biến tốt về mặt xã hội; bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh, tất cả nhằm ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo.

Thực hiện những mục tiêu đó, phải kết hợp đồng bộ cả ba mặt: sắp xếp, cải tạo và phát triển với những nội dung cụ thể phù hợp với đặc điểm của từng ngành, từng địa phương và cơ sở. Như vậy, ổn định không phải là hạn chế các hoạt động kinh tế, mà là một quá trình vận động tiến lên, vừa phát triển, vừa điều chỉnh các quan hệ tỷ lệ của nền kinh tế quốc dân.

Vấn đề lớn nhất hiện nay là sắp xếp, bố trí lại cơ cấu và bước đi của nền kinh tế phù hợp với phương hướng, mục tiêu của những năm trước mắt, phù hợp với khả năng thực tế của nước ta và sự phân công, hợp tác quốc tế, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển ổn định, vững chắc, với nhịp độ nhanh. Trong những năm tới, chúng ta thật sự lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Công nghiệp nặng, trong bước này,

hướng trước hết và chủ yếu vào phục vụ nông nghiệp, công nghiệp nhẹ với quy mô và trình độ kỹ thuật thích hợp.

Theo hướng đó, nhất thiết phải *sắp xếp lại các cơ sở sản xuất hiện có, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư*, bố trí hợp lý quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo, nhằm khai thác mọi khả năng phát triển sản xuất, nhất là sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp và mở mang dịch vụ.

Chúng ta khẳng định một nhân tố tăng trưởng kinh tế cực kỳ quan trọng là *ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và kỹ thuật*, nhất là những thành tựu về sinh học, về giống cây trồng và vật nuôi, về đổi mới công nghệ và ứng dụng kỹ thuật tiến bộ, nhằm tiêu hao ít năng lượng, nguyên liệu, tạo ra các vật liệu mới, sản phẩm mới từ nguyên liệu trong nước, nâng cao chất lượng sản phẩm...

Tiết kiệm là chính sách lớn phải được thực hiện trong tất cả các hoạt động sản xuất, xây dựng và tiêu dùng xã hội. Chống xa hoa lãng phí, phô trương, hình thức trong bộ máy quản lý nhà nước các cấp và hợp tác xã. Nêu cao lối sống giản dị, lành mạnh, dùng hàng trong nước sản xuất, không chạy theo những thị hiếu tiêu dùng vượt quá khả năng của nền kinh tế.

Để tháo gỡ khó khăn, tạo ra động lực mới, phải *đổi mới cơ chế quản lý kinh tế* với nội dung chủ yếu là xóa bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, sửa đổi các chính sách đòn bẩy kinh tế, hình thành cơ chế kế hoạch hoá theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; thiết lập trật tự, kỷ cương. Khâu quyết định là *bố trí đúng cán bộ*, kiện toàn bộ máy quản lý, đổi mới

phong cách và lề lối làm việc phù hợp với yêu cầu đổi mới cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý.

Đi đôi với công cuộc cải tạo và phát triển kinh tế, chúng ta phải triển khai tích cực, kiên quyết và bền bỉ các hoạt động về *phát triển xã hội*, xây dựng nền văn hoá mới và con người mới, chống các hiện tượng tiêu cực, nhất là tệ tham nhũng, hối lộ, đầu cơ, trục lợi, thiết lập công bằng xã hội.

Trong khi thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, chúng ta luôn luôn coi trọng *bảo đảm các nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh*, trước hết là nhu cầu thường xuyên về đời sống và các hoạt động khác của lực lượng vũ trang; *tổ chức tốt hơn hoạt động sản xuất, xây dựng kinh tế của quân đội*, góp phần xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho quốc phòng và kinh tế, tự bảo đảm một phần nhu cầu của lực lượng vũ trang, góp thêm hàng hoá cho tiêu dùng xã hội và xuất khẩu.

Dưới đây, xin trình bày một số phương hướng và mục tiêu chủ yếu.

I- BA CHƯƠNG TRÌNH LỚN: LƯƠNG THỰC - THỰC PHẨM, HÀNG TIÊU DÙNG, HÀNG XUẤT KHẨU

Thưa các đồng chí,

Báo cáo chính trị đề ra ba chương trình kinh tế lớn: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Ba chương trình này liên quan chặt chẽ với nhau, là cơ sở và tiền đề cho nhau. Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng là những điều kiện vật chất quan trọng nhất để ổn định tình hình kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân; xuất khẩu là một yếu tố có ý nghĩa quyết định để thực hiện hai chương trình đó và các hoạt động kinh tế khác. Ba chương trình lớn là cốt lõi của nhiệm vụ kinh tế, xã hội trong 5 năm 1986 - 1990,

không những có ý nghĩa sống còn trong tình hình trước mắt, mà còn là những điều kiện ban đầu không thể thiếu được để triển khai công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo. Để thực hiện ba chương trình đó, cần động viên và tập trung cao độ mọi khả năng của nền kinh tế quốc dân. Các ngành công nghiệp nặng, giao thông vận tải, các ngành kinh tế, văn hoá, xã hội khác cũng như tất cả các địa phương đều phải dồn mọi lực lượng vật chất, sự lãnh đạo và chỉ đạo trước hết cho ba chương trình này, kiên quyết đình hoãn những nhu cầu khác chưa thật cấp bách. Phục vụ và bảo đảm thắng lợi cho ba chương trình là tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lâu dài của tất cả các ngành và các địa phương trong cả nước.

1. Lương thực - thực phẩm

Trong bước đi hiện nay, nền nông nghiệp nhiệt đới nước ta chứa đựng những tiềm năng to lớn và có vị trí cực kỳ quan trọng. Chính vì vậy, giải phóng năng lực sản xuất, trước hết và chủ yếu là giải phóng năng lực sản xuất của hàng chục triệu lao động với hàng triệu hecta đất đai trong nền nông nghiệp nhiệt đới này.

Những năm qua, nông nghiệp nước ta đã có chuyển biến, đạt được một số thành tựu quan trọng, nhất là về sản xuất lương thực và tạo ra một số vùng chuyên canh cây công nghiệp. Tuy nhiên, sản lượng lương thực tăng không đều và chưa vững chắc; diện tích cây công nghiệp tăng chậm, nhất là cây công nghiệp ngắn ngày; chưa gắn việc phát triển nông, lâm, ngư nghiệp với công nghiệp chế biến; lao động, đất đai, rừng, biển chưa được sử dụng tốt... Đó là do nhận thức về nông nghiệp toàn diện, trong đó lương thực, thực phẩm là trọng tâm số một, chưa được thấu suốt đầy đủ. Đầu tư và

nhất là các chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp chưa được giải quyết thoả đáng. Hiện nay, chúng ta còn khoảng 2 triệu héc-ta đất nông nghiệp chưa được khai thác, hệ số sử dụng ruộng đất còn thấp, 8 triệu héc-ta đất trống đồi trọc chưa được phủ xanh, hàng chục vạn héc-ta mặt nước có khả năng nuôi trồng thuỷ sản cùng với vùng biển rộng lớn có tiềm năng kinh tế phong phú, có nhiều ngư trường quan trọng chưa được khai thác tốt, hàng triệu lao động có khả năng mở mang ngành nghề chưa được sử dụng hết. Trong 5 năm 1986 - 1990, chúng ta tập trung cho mục tiêu số một là sản xuất lương thực và thực phẩm, đồng thời ra sức mở mang cây công nghiệp, nhất là cây công nghiệp ngắn ngày, đi liền với xây dựng đồng bộ công nghiệp chế biến, phát triển mạnh các ngành nghề, gắn lao động với đất đai, rừng, biển, nhằm khai thác đến mức cao nhất những tiềm năng đó.

Nhiệm vụ đặt ra là phải đạt cho được mục tiêu bảo đảm nhu cầu ăn của toàn xã hội và bước đầu có dự trữ. Vấn đề lương thực phải được giải quyết một cách toàn diện, từ sản xuất, chế biến đến phân phối và tiêu dùng, gắn việc bố trí cơ cấu lương thực với việc cải tiến cơ cấu và nâng cao chất lượng bữa ăn phù hợp với đặc điểm từng vùng. Phải dựa vào việc khai thác thế mạnh của từng địa phương đồng bằng, trung du, miền núi, ven biển một cách hợp lý nhất, vừa tăng sản xuất lương thực tại chỗ, vừa tạo ra các nguồn sản phẩm khác để trao đổi lấy lương thực, kể cả thông qua xuất nhập khẩu. Gắn với việc giải quyết lương thực, nhất thiết phải giảm mạnh tỷ lệ tăng dân số.

Phấn đấu năm 1990 sản xuất 22 - 23 triệu tấn lương thực (quy thóc), bình quân mỗi năm trong 5 năm đạt 20 - 20,5 triệu tấn, tăng 3 - 3,5 triệu tấn so với mức bình quân hàng năm trong 5 năm trước.

Hướng chủ yếu đối với lúa là thâm canh, tăng vụ và mở thêm diện tích ở những nơi có điều kiện (nhưng cần chú ý không được phá rừng). Tình hình năng suất không đồng đều giữa các vùng và ngay trong một địa phương nói lên khả năng thâm canh còn rất lớn. Vòng quay ruộng đất hiện nay còn quá thấp chứng minh tầm quan trọng, tính bức xúc và hiệu quả của tăng vụ. Trong những năm tới, chúng ta kiên quyết tập trung các điều kiện vật chất cho các vùng trọng điểm về lương thực hàng hoá. Cần xác định rằng đồng bằng sông Cửu Long là trọng điểm lúa hàng hoá lớn nhất của cả nước; đồng bằng sông Hồng là trọng điểm sản xuất lúa của miền Bắc, có ý nghĩa quyết định đáp ứng nhu cầu của khu vực; các vùng khác cũng có những trọng điểm lúa của mình.

Nhấn mạnh cây lúa, nhưng tuyệt nhiên chúng ta không coi nhẹ màu. Những năm gần đây, diện tích và sản lượng màu giảm sút là một khuyết điểm cần được khắc phục. Mỗi vùng, căn cứ vào điều kiện cụ thể của mình, cần xây dựng một cơ cấu cây màu thích hợp, bao gồm ngô, khoai lang, sắn, khoai tây và các cây có bột khác, trong đó chú trọng cây ngô. Đi đôi với phát triển sản xuất, phải tổ chức tốt việc thu mua và chế biến, dùng màu phổ biến trong cơ cấu bữa ăn.

Để thực hiện mục tiêu lương thực nói trên, cần áp dụng hàng loạt biện pháp đồng bộ. Trước hết, phải nói tới ruộng đất. Những năm qua, chúng ta đã để giảm sút hàng chục vạn hécta đất lúa tốt. Đó là một tình hình không thể kéo dài. Phải hoàn chỉnh quy hoạch sử dụng đất đai, làm tốt công tác quản lý ruộng đất, nhất là ở cơ sở và đối với đất lúa. Chú trọng các biện pháp tổng hợp để vừa tăng độ phì của đất, vừa tăng hệ số sử dụng ruộng đất, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long là nơi mà hệ số này còn rất thấp.

Thuỷ lợi là biện pháp hàng đầu, cần được phát động thành phong trào quần chúng rộng khắp, kết hợp với sự đầu tư đúng mức của Nhà nước. Trong 5 năm này, hoàn thành đồng bộ các công trình thuỷ lợi, tập trung vào những công trình phát huy ngay hiệu quả, nhất là mở mang thuỷ lợi nhỏ để khai thác tối đa công suất của công trình lớn và vừa đã được xây dựng. Xây dựng mới một số công trình để phục vụ ngay cho việc tăng vụ, chuyển vụ và khai hoang mở rộng diện tích. Ở đồng bằng Bắc Bộ, chú trọng củng cố hệ thống đê, kè, cống; duy trì và phát triển thêm các trạm bơm điện; thu hẹp một phần diện tích thường bị ngập úng của lúa mùa. Ở đồng bằng sông Cửu Long, ngoài các công trình đầu mối, chú trọng củng cố và phát triển hệ thống thuỷ lợi nội đồng. Mở rộng diện tích được tưới, tiêu chủ động, trước hết ở các vùng lúa cao sản. Công tác phòng, chống bão lụt cần được đặc biệt chú ý, để hạn chế các thiệt hại, bảo vệ tốt tính mạng và tài sản của nhân dân.

Trong các biện pháp đồng bộ, những năm tới, phân bón nổi lên như là một yếu tố quyết định năng suất và thâm canh, một yêu cầu gay gắt mà chúng ta phải tập trung sức giải quyết. Có chính sách khuyến khích đẩy mạnh phong trào làm phân chuồng, phân xanh và các loại phân hữu cơ khác, bảo đảm một phần đáng kể nhu cầu phân bón. Mở rộng sản xuất phân lân, vôi, phốtphorit. Dành ngoại tệ để nhập đủ phân bón. Nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón bằng các biện pháp kỹ thuật tiến bộ là một khả năng thực tế cần được áp dụng rộng rãi.

Những năm qua, sâu bệnh đã gây cho sản xuất nông nghiệp không ít tổn thất. Làm tốt công tác dự báo phát hiện sâu bệnh, có biện pháp chủ động phòng trừ tổng hợp, kết

hợp biện pháp sinh học với hoá học, là nhiệm vụ thường xuyên của các cơ quan quản lý nông nghiệp và bà con nông dân. Tổ chức tốt dịch vụ bảo hiểm cây trồng trên từng địa bàn; việc nhập đủ và kịp thời thuốc trừ sâu phải được ưu tiên giải quyết.

Tình trạng thiếu sức kéo, thậm chí phải dùng sức người cuốc đất, đang đặt ra cho chúng ta yêu cầu bức xúc cần giải quyết, nhất là ở những vùng tăng vụ, mở rộng diện tích. Trước hết, cần khuyến khích phát triển chăn nuôi trâu, bò cày kéo, mở rộng giao lưu trâu, bò để điều hoà sức kéo giữa các vùng. Đồng thời, cố gắng sản xuất và nhập thêm máy kéo, và quan trọng nhất là cải tiến ngay tổ chức, cơ chế sử dụng máy kéo, có sự điều chỉnh hợp lý để tận dụng máy kéo với công suất cao hơn. Thực hiện việc bán máy kéo nhỏ cho hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp đi đôi với đào tạo thợ, cung ứng phụ tùng sửa chữa. Dứt khoát không để thiếu công cụ thường, công cụ cải tiến với chất lượng tốt trang bị cho lao động nông nghiệp.

Thực tiễn ở nhiều vùng cho thấy cơ cấu giống và giống mới đi liền với cơ cấu mùa vụ hợp lý góp phần quan trọng vào năng suất cây trồng và tính ổn định của mùa màng. Vấn đề đặt ra là tổ chức cho được hệ thống giống từ trung ương đến cơ sở, có chính sách khuyến khích hợp tác xã nhân nhanh giống mới đã được hướng dẫn sử dụng cho từng vùng.

Nhằm giảm bớt mức độ hư hao và mất mát lương thực hiện còn rất lớn, giữ gìn phẩm chất và tăng giá trị sản phẩm, cần chú trọng xây dựng đồng bộ hệ thống bảo quản và chế biến, tổ chức vận chuyển kịp thời lương thực.

Chấn chỉnh hệ thống cung ứng vật tư và dịch vụ, phục vụ kịp thời và có hiệu quả cho cơ sở sản xuất, khắc phục mọi sự

phiên hà và làm thất thoát vật tư Nhà nước. Thực hiện một hệ thống các chính sách thật sự khuyến khích sản xuất lương thực. Hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động. Bảo đảm vật tư cần thiết cùng với ổn định mức khoán hợp lý để tạo điều kiện cho người sản xuất nhận khoán và tự đầu tư thêm để vượt mức khoán. Miễn thuế nông nghiệp trong một thời gian để khuyến khích những nơi tăng vụ hoặc mở thêm diện tích. Ngoài nghĩa vụ thuế, các quan hệ kinh tế giữa Nhà nước và hợp tác xã đều thông qua các hợp đồng mua và bán do các tổ chức kinh doanh Nhà nước đảm nhiệm theo nguyên tắc bình đẳng, ngang giá. Ngoài phần hợp đồng có vật tư bảo đảm, cần thực hiện mua bán theo giá thật sự thoả thuận.

Nhằm tăng chất lượng bữa ăn hằng ngày và cải tiến dần cơ cấu bữa ăn, việc sản xuất thực phẩm cũng phải được coi trọng như sản xuất lương thực. Chúng ta có nhiều khả năng phát triển toàn diện các nguồn thực phẩm động vật và thực vật phong phú, đa dạng trên khắp các miền đất nước. Trước hết, phải đẩy mạnh chăn nuôi, tăng đáng kể đàn gia súc, gia cầm, chú ý các loại không dùng hoặc ít dùng lương thực. Hết sức khuyến khích chăn nuôi gia đình; khôi phục và phát triển chăn nuôi quốc doanh và tập thể ở những nơi có điều kiện. Muốn vậy, phải giải quyết tốt các khâu giống, thức ăn và phòng chống dịch bệnh. Nhà nước chỉ đạo chặt cả ba khâu này, chú ý tăng nguồn thức ăn gia súc qua chế biến. Chính sách tạo giống cho chăn nuôi cũng phải được coi trọng và khuyến khích đúng mức như tạo giống cho sản xuất lương thực.

Rau, đậu các loại, cây có dầu, cây ăn quả là nguồn thực phẩm mà ở đâu cũng có điều kiện phát triển. Xung quanh

các thành phố, khu công nghiệp, nhất là Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, khu mỏ Quảng Ninh, phải tập trung đầu tư đồng bộ để sớm hình thành vành đai thực phẩm, đồng thời khuyến khích các địa phương, các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và người sản xuất cá thể đưa rau, quả, thịt, cá... vào bán trong thành phố. Các nông trường, lâm trường, các đơn vị quân đội đều phải tổ chức chăn nuôi và trồng cây thực phẩm bằng mọi hình thức để tự giải quyết một phần hoặc toàn bộ nhu cầu tại chỗ.

Thủy hải sản là một nguồn thực phẩm không những quan trọng cho nhu cầu tiêu dùng mà còn là một nguồn hàng xuất khẩu lớn rất có giá trị. Đây là một tiềm năng lớn và cũng là một khả năng thực tế. Ở những nơi có mặt nước, phải tổ chức nuôi cá, tôm và các thủy sản khác, kết hợp với chăn nuôi gia súc, gia cầm, áp dụng rộng rãi mô hình “vườn - ao - chuồng”, đặc biệt là tôm nuôi mà chúng ta cần đầu tư để tận lực phát triển. Sắp xếp hợp lý lực lượng lao động ngư nghiệp, khuyến khích nhân dân phát triển nuôi, trồng và đánh bắt thủy sản, mở mang ngành nghề vùng ven biển. Nhà nước đầu tư tăng thêm phương tiện, sửa chữa, khôi phục tàu thuyền và công cụ đánh bắt, xây dựng bến bãi và cơ sở hậu cần. Ngư trường vùng biển Tây Nam nước ta là ngư trường trọng điểm, có ý nghĩa lớn về kinh tế và quốc phòng, an ninh. Nhà nước Trung ương có trách nhiệm đầu tư và tổ chức việc liên kết giữa các địa phương trong việc đánh bắt, nuôi trồng; đồng thời cần có quy chế bảo vệ nguồn lợi hải sản ở vùng này. Các cơ sở quốc doanh làm tốt nhiệm vụ hướng dẫn kỹ thuật, chỉ đạo việc chuyển ngư trường theo thời vụ, tổ chức tốt việc thu mua, bảo quản và chế biến thủy sản. Bảo đảm đủ lương thực, hàng tiêu dùng thiết yếu cho ngư dân; định giá mua hợp lý

để khuyến khích người lao động sản xuất, chấm dứt tình trạng tranh mua, tranh bán thuỷ sản.

Chương trình lương thực - thực phẩm không thể tách rời phát triển nông nghiệp toàn diện. Ngoài những cây, con phục vụ trực tiếp nhu cầu thực phẩm như đã nói trên, chúng ta khuyến khích phát triển mạnh trồng cây công nghiệp, trồng rừng để khai thác những tiềm năng to lớn của nền nông nghiệp nhiệt đới theo thế mạnh của từng vùng, tạo ra nguồn sản phẩm hàng hoá để trao đổi lấy lương thực, khắc phục khuynh hướng giải quyết lương thực theo lối khép kín, đồng thời tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và nhất là tăng nhanh những sản phẩm có giá trị xuất khẩu. Phát triển cây công nghiệp, bảo vệ vốn rừng và trồng rừng còn là lĩnh vực có khả năng thu hút rất nhiều lao động, giải quyết việc làm trong điều kiện nước ta hiện nay.

Những năm tới, bằng việc đổi mới mạnh mẽ các chính sách thu mua, giá cả, cơ chế đầu tư và cung ứng vật tư, lương thực..., chúng ta ưu tiên phát triển cây công nghiệp ngắn ngày, tập trung vào các cây lạc, đỗ tương, mía, thuốc lá, đay, cói... Chú trọng đầu tư cho các vùng chuyên canh, kể cả hình thức tín dụng cho hợp tác xã và kinh tế gia đình; mở rộng trồng xen, trồng gối vụ, trên cả diện tích cây dài ngày mà khả năng còn rất lớn. Chúng ta còn nhiều đất trồng cây công nghiệp dài ngày, nhất là những cây có giá trị như cà phê, chè, cao su, dừa, hồ tiêu...; đây là một đối tượng thu hút nhiều lao động và mở mang hợp tác quốc tế. Trong các cơ sở quốc doanh, trước hết đầu tư thâm canh những diện tích hiện có, để tăng nhanh sản lượng khai thác. Đối với cây trồng mới, phải lấy chất lượng và sản lượng cuối cùng làm mục tiêu phấn đấu, trồng đến đâu thâm canh đến đó, khắc phục khuynh hướng chạy theo diện tích. Trong tình hình nguồn vốn

có hạn, phải tạo vốn bằng phương thức kinh doanh tổng hợp “lấy ngắn nuôi dài”, thực hiện liên kết quốc doanh, tập thể, gia đình, cá thể, tư nhân, nhằm tận dụng lao động và đất đai, khuyến khích kinh tế gia đình trồng các cây có giá trị.

Rừng tiếp tục bị tàn phá, tỷ lệ che phủ đã tụt xuống đến mức quá thấp như hiện nay đang là một nguy cơ lớn. Vì vậy, vấn đề lớn nhất của lâm nghiệp là xây dựng và bảo vệ vốn rừng hiện có, làm cho vốn rừng không ngừng tăng lên, thực hiện các biện pháp toàn diện nhằm chấm dứt nạn phá rừng, cháy rừng. Phân công, phân cấp quản lý để rừng nào cũng có người chịu trách nhiệm bảo vệ và trồng mới, và được hưởng lợi ích tương ứng với công sức đóng góp. Coi trọng công tác định canh, định cư, giúp số đồng bào còn du canh, du cư có đời sống ổn định và tham gia tích cực vào việc bảo vệ và trồng rừng. Đầu tư thích đáng cho việc tu bổ và bảo vệ rừng, trồng rừng vùng cao, rừng đầu nguồn, nhất là đối với các loại cây làm nguyên liệu giấy, gỗ trụ mỏ, cây lấy củi. Giao đất trồng rừng cho hợp tác xã và gia đình, cho các đơn vị kinh tế trồng cây theo quy hoạch và có chính sách lợi ích thỏa đáng; phát động rộng rãi phong trào trồng cây phủ xanh đồi trọc, trồng cây ở thành phố và khắp các vùng nông thôn, trồng cây ven biển, trồng cây lấy củi, thực hiện lâm - nông kết hợp để phát triển đa dạng kinh tế ở các vùng. Quân đội có nhiệm vụ hết sức quan trọng trong việc bảo vệ rừng và trồng cây gây rừng.

Trong 5 năm này, phải có kế hoạch xây dựng, cải tạo một phần rừng tự nhiên thành rừng kinh tế; bảo đảm vật tư kỹ thuật cho yêu cầu khai thác gỗ. Trong việc khai thác, cần đề cao kỷ luật, giữ đúng quy trình kỹ thuật, có tính tới cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường sống. Nhà nước thống nhất quản lý nguyên liệu gỗ và việc chế biến gỗ, phát triển các cơ sở chế

biến tại rừng nhằm tận dụng gỗ cành, ngọn mà hiện đang còn lãng phí lớn.

2. Hàng tiêu dùng

Phát triển sản xuất hàng tiêu dùng là một chương trình lớn, không chỉ có ý nghĩa cấp bách trước mắt, mà còn có ý nghĩa lâu dài và cơ bản. Đó là điều kiện để bảo đảm các nhu cầu đời sống hằng ngày của nhân dân, giải quyết việc làm cho hàng triệu người lao động, tạo nguồn tích lũy và nguồn xuất khẩu quan trọng.

Năm năm qua, sản xuất hàng tiêu dùng có mức phát triển, tuy nhiên còn chậm, nhiều mặt hàng thông thường vẫn khan hiếm, chất lượng hàng tiêu dùng giảm sút đã gây lãng phí lớn về vật tư và gây ra sự bất bình chính đáng trong nhân dân. Trong khi đó, nhiều tiềm năng chưa được khai thác, nhất là lực lượng tiểu, thủ công nghiệp và các nguồn nguyên liệu trong nước. Sắp tới, phải bằng mọi cách giải phóng năng lực to lớn này để đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng trong các ngành, các thành phần kinh tế, với mọi hình thức tổ chức, quy mô và trình độ kỹ thuật. Phải bảo đảm sản xuất nhiều loại hàng tiêu dùng cho nhiều nhu cầu đa dạng của xã hội, phù hợp với từng vùng, từng lứa tuổi, không để thiếu những hàng tiêu dùng thông thường. Việc tăng sản lượng phải đi liền với việc bảo đảm chất lượng, không ngừng đổi mới quy cách, bảo đảm kỹ thuật và mỹ thuật của sản phẩm.

Ưu tiên các điều kiện vật chất để tận dụng công suất của các xí nghiệp hiện có, nhất là các xí nghiệp lớn có năng suất, hiệu quả. Đối với các cơ sở sản xuất đã được xây dựng nhiều năm, máy móc thiết bị đã quá cũ kỹ, hư hỏng, cần từng bước đổi mới kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu về số lượng, chủng loại và

chất lượng sản phẩm. Bằng phương thức bán hoặc cho vay tín dụng, trang bị thêm máy móc, thiết bị cho tiểu, thủ công nghiệp. Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội là những trọng điểm sản xuất hàng tiêu dùng của cả nước cần được tập trung đầu tư; Hải Phòng, Đà Nẵng và một số thành phố khác cũng có những thế mạnh cần được chú ý phát huy.

Để phát triển hàng tiêu dùng, điều có ý nghĩa quyết định là nguyên liệu và chính sách nguyên liệu. Phương hướng chủ yếu là tận lực khai thác các nguồn nguyên liệu trong nước, đồng thời ưu tiên dành ngoại tệ để nhập khẩu những nguyên liệu cần phải nhập. Đối với nguyên liệu từ nông nghiệp, cần bảo đảm đủ diện tích chuyên canh phục vụ các nhà máy chế biến, thực hiện việc liên kết chặt chẽ và trực tiếp giữa nhà máy với vùng nguyên liệu bằng các hợp đồng kinh tế, bảo đảm lợi ích hợp lý của cả hai bên. Giá mua cần được sửa đổi theo hướng khuyến khích người sản xuất nguyên liệu; khuyến khích đúng mức đối với những nguyên liệu có chất lượng cao. Đối với nguyên liệu từ khoáng sản, cần tăng cường đầu tư, phân công, phân cấp hợp lý để đẩy mạnh việc khai thác, nhất là các mỏ nhỏ; đồng thời phát triển những cơ sở hoá chất thông thường.

Cần thấy rằng hiện nay lực lượng tiểu, thủ công nghiệp đang sản xuất khoảng một nửa khối lượng hàng tiêu dùng và còn nhiều khả năng thu hút hàng triệu lao động. Cần xoá bỏ ngay những chính sách, chế độ đang gò bó lực lượng này, bao gồm hợp tác xã, tổ sản xuất, kinh tế gia đình, cá thể, tư nhân. Trước hết, phải dành một phần thích đáng nguyên liệu, năng lượng và tổ chức tốt việc cung ứng đến cơ sở sản xuất; chuyển mạnh sang phương thức bán nguyên liệu, mua sản phẩm theo hợp đồng. Giá gia công cần được sửa đổi để thật sự khuyến khích sản xuất, nâng cao chất lượng sản

phẩm và đổi mới mặt hàng; bảo đảm lương thực cho người sản xuất, cải tiến chính sách thuế đối với tiểu, thủ công nghiệp theo hướng khuyến khích các ngành, nghề cần phát triển. Đặc biệt khuyến khích và tạo mọi điều kiện để phát triển các nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống, sử dụng và đãi ngộ tốt các nghệ nhân, đồng thời đào tạo, bồi dưỡng lực lượng kế thừa, không để mai một những ngành, nghề đã có từ lâu đời trong nhân dân.

Cùng với phát triển sản xuất, phải thực hiện một chính sách tiêu dùng hợp lý, tiết kiệm. Một mặt, chúng ta ra sức phát triển hàng tiêu dùng với chất lượng và mỹ thuật ngày càng được nâng cao, phù hợp với yêu cầu và xu thế phát triển của tiêu dùng xã hội. Mặt khác, nhân dân ta, nhất là cán bộ, đảng viên cần tự giác dùng hàng trong nước, thực hiện đúng chính sách của Đảng và Nhà nước là khuyến khích và bảo vệ sản xuất, xác định tiêu dùng phù hợp với khả năng thực tế của nền kinh tế hiện nay.

Với phương hướng nêu trên, trong 5 năm tới, đưa nhịp độ tăng bình quân hằng năm của sản xuất hàng tiêu dùng lên 13 - 15%. Chúng ta đặc biệt coi trọng đẩy mạnh sản xuất vải, bảo đảm ở mức cần thiết các mặt hàng dệt khác; tăng nhanh sản lượng giấy, bảo đảm đủ giấy viết và giấy in sách giáo khoa. Tăng sản xuất các loại thuốc chữa bệnh thông thường; thường xuyên kiểm tra, quản lý thị trường, nghiêm trị việc sản xuất thuốc giả. Cùng với việc bảo đảm đủ nguyên liệu cho các nhà máy đường quốc doanh, các hợp tác xã, các huyện có điều kiện đều trồng mía và phát triển các cơ sở chế biến nhỏ, để tự giải quyết đủ nhu cầu tại chỗ về đường, mật các loại. Chè, rau, quả hộp, bia, các loại nước giải khát... được bố trí sản xuất hợp lý, vừa hiện đại vừa thủ công, nhằm tạo ra một khối lượng lớn hàng hoá có chất lượng tốt, bảo đảm

nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Riêng về thuốc lá, trước hết phải cung ứng đủ nguyên liệu cho các nhà máy quốc doanh trung ương khai thác hết công suất; sắp xếp lại các cơ sở sản xuất, khắc phục tình trạng phát triển tràn lan hiện nay. Trong việc sản xuất thực phẩm, phải quản lý chặt chẽ chất lượng và tiêu chuẩn vệ sinh.

Các loại hàng kim khí tiêu dùng như xe đạp, quạt máy, máy khâu, đồng hồ, lắp ráp máy thu thanh, máy thu hình... cần được sắp xếp, mở rộng sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Xà phòng, bột giặt là những hàng tiêu dùng không thể thiếu, cần được bảo đảm đủ nguyên liệu cho sản xuất và quản lý chặt chẽ chất lượng.

3. Xuất khẩu

Là mũi nhọn có ý nghĩa quyết định đối với nhiều mục tiêu kinh tế trong 5 năm này, đồng thời cũng là khâu chủ yếu của toàn bộ các quan hệ kinh tế đối ngoại, xuất khẩu phải trở thành mối quan tâm hàng đầu của tất cả các ngành, các cấp; trong thời gian tới, nhất thiết phải đạt được sự chuyển biến xứng đáng với tầm quan trọng và khả năng thực tế của nó. Nhiệm vụ đặt ra là tăng nhanh khối lượng xuất khẩu, đáp ứng được nhu cầu nhập khẩu, khắc phục cung cách làm ăn ít hiệu quả, tình trạng phân tán, lộn xộn, gây thiệt hại cả ở thị trường trong nước lẫn nước ngoài. Mức xuất khẩu phải tăng khoảng 70% so với 5 năm trước, dựa vào các mặt hàng chính là nông sản và nông sản chế biến, hàng công nghiệp nhẹ và tiểu, thủ công nghiệp, thủy sản. Mức xuất khẩu nói trên, tuy là tối thiểu, không thể lùi hơn nữa, nhưng không nên nghĩ rằng chúng ta có thể đạt được một cách dễ dàng. Vì vậy, cần thực hiện những biện pháp tích cực và có hiệu quả.

Trước hết, cần xây dựng một quy hoạch dài hạn và một kế hoạch cụ thể cho từng thời kỳ về sản xuất các mặt hàng xuất khẩu. Trên cơ sở đó, có đầu tư đủ mức, bảo đảm quỹ vật tư cần thiết cho sản xuất, chú trọng các vùng sản xuất tập trung, các mặt hàng chủ lực. Khuyến khích thoả đáng đối với người trực tiếp sản xuất hàng xuất khẩu, như cung ứng đủ lương thực và hàng tiêu dùng cần thiết, có giá mua hợp lý, khen thưởng hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch giao hàng xuất khẩu, nhất là khen thưởng về chất lượng hàng hoá. Giá mua phải thống nhất theo phẩm cấp của từng mặt hàng, cho cả tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Trước mắt, cần sửa ngay và điều chỉnh kịp thời tỷ giá hàng giao xuất khẩu để bảo đảm lợi ích của người sản xuất và các địa phương có nhiều cố gắng giao hàng xuất khẩu cho Trung ương.

Để khắc phục tình trạng tranh mua, tranh bán, thiết lập trật tự, kỷ cương trong lĩnh vực ngoại thương, cần tổ chức lại công tác xuất nhập khẩu một cách hợp lý, nhất là đối với các mặt hàng và nhóm hàng quan trọng. Giảm bớt các khâu trung gian, khắc phục tệ cửa quyền, tùy tiện, xâm phạm lợi ích của người trực tiếp sản xuất hàng xuất khẩu. Cơ sở làm hàng xuất khẩu phải được thông tin kịp thời về thị trường và giá cả, được tiếp xúc với người tiêu thụ để kịp thời cải tiến mặt hàng, nâng cao quy cách và chất lượng hàng hoá phù hợp với yêu cầu khách hàng.

Chúng ta hoan nghênh những tổ chức kinh tế của nước ngoài quan hệ trực tiếp với các tổ chức kinh tế Việt Nam để mở rộng quy mô hợp tác, thoả mãn lợi ích của cả hai bên, theo chính sách và luật pháp của Nhà nước ta.

Đi đôi với đẩy mạnh xuất khẩu hàng hoá, chúng ta hết sức coi trọng và tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển các

hoạt động thu ngoại tệ như du lịch, kiều hối, cung ứng tàu biển, dịch vụ hàng không... Xoá bỏ ngay những chế độ, thể lệ, những thủ tục phiền hà đang gò bó, hạn chế những hoạt động này.

Một hướng khác là tổ chức trên quy mô lớn việc làm gia công hàng xuất khẩu, mở rộng việc đưa lao động và chuyên gia đi làm việc ở các nước bằng nhiều hình thức thích hợp, coi đó là một bộ phận hữu cơ của chương trình lao động nói chung của toàn xã hội, của từng ngành, từng địa phương. Để làm việc này, bảo đảm hiệu quả không chỉ về kinh tế mà cả về xã hội, cần cải tổ căn bản các hoạt động hiện hành, từ việc tuyển chọn ở trong nước, tổ chức quản lý ở nước ngoài cho đến việc sử dụng lao động sau khi họ ở nước ngoài về. Điều có ý nghĩa quyết định là tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý, nhất là cán bộ quản lý lao động ở nước ngoài. Xoá bỏ tiêu cực trong lĩnh vực này, trước hết phải xoá bỏ tiêu cực trong đội ngũ cán bộ quản lý. Đối với anh chị em đi lao động ở nước ngoài, cùng với việc bảo đảm lợi ích thích đáng, cần giáo dục về nghĩa vụ và trách nhiệm đối với công cuộc xây dựng đất nước.

Trong 5 năm này, việc nhập khẩu phải theo hướng tạo điều kiện thực hiện đầy đủ ba chương trình kinh tế lớn, khai thác tốt hơn tiềm năng lao động, đất đai và công suất thiết bị hiện có. Trước yêu cầu rất lớn về nhập khẩu, phải đẩy mạnh xuất khẩu sang cả hai khu vực xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, trước hết là bảo đảm các cam kết quốc tế.

Trong việc sử dụng ngoại tệ do xuất khẩu mang lại, ưu tiên dành phần cần thiết để đầu tư trở lại cho sản xuất để bù đắp được chi phí sản xuất và có phần tái sản xuất mở rộng nguồn hàng xuất khẩu, và để nhập những vật tư thiết yếu đáp

ứng nhu cầu chung của cả nước và trang trải những món nợ đến hạn.

Nghiên cứu ban hành thuế xuất, nhập khẩu nhằm thể hiện chính sách đối với các mặt hàng, thiết lập trật tự và kỷ cương trong lĩnh vực ngoại thương.

Các quan hệ kinh tế đối ngoại phải thúc đẩy sự gắn bó ngày càng chặt chẽ giữa nước ta với cộng đồng xã hội chủ nghĩa, trước hết với Liên Xô, thể hiện ngày càng rõ sự tham gia của nước ta vào quá trình phân công lao động quốc tế và liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa, vừa mở rộng quy mô trao đổi hàng hoá, vừa đẩy mạnh phân công, hợp tác sản xuất. Xây dựng chương trình hợp tác dài hạn với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế, để chủ động tranh thủ nhiều hơn nữa sự hợp tác và giúp đỡ của các nước anh em và nâng cao hiệu quả của kinh tế đối ngoại.

Trong toàn bộ quan hệ kinh tế với nước ngoài, chúng ta luôn luôn nắm vững phương châm cơ bản là không ngừng mở rộng sự hợp tác toàn diện với Liên Xô trên tất cả các lĩnh vực và bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, cũng phải bảo đảm thực hiện đúng các cam kết về giao hàng xuất khẩu. Từng bước hình thành và củng cố sự gắn bó lâu dài không chỉ ở cấp trung ương mà cả giữa các ngành, các đơn vị sản xuất và các địa phương của hai nước.

Chúng ta đặc biệt chú trọng phát triển quan hệ hợp tác kinh tế, văn hoá giữa nước ta và hai nước láng giềng anh em Lào, Campuchia, nhằm khai thác khả năng của mỗi nước bổ sung cho nhau, làm cho mỗi nước và ba nước ngày càng phát triển và vững mạnh. Căn cứ vào mục tiêu chiến lược của mỗi đảng, phối hợp xây dựng các chương trình hợp tác kinh tế, văn

hoá, khoa học kỹ thuật, tiến tới có sự liên kết kinh tế theo một chiến lược chung. Việc hợp tác kinh tế giữa ba nước phải theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, có ưu tiên ưu đãi cho nhau, và phải có những chính sách, phương thức thích hợp, bảo đảm hiệu quả thiết thực. Trong 5 năm này, thực hiện việc phối hợp kế hoạch giữa ba nước, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, phát triển giao thông vận tải; đồng thời tiếp tục giúp bạn về công tác điều tra cơ bản, đào tạo cán bộ, trao đổi chuyên gia...

Đặt nền tảng của chiến lược kinh tế đối ngoại vào sự gắn bó với cộng đồng xã hội chủ nghĩa, trước hết với Liên Xô, đồng thời chúng ta phấn đấu để có những quan hệ ngày càng năng động hơn về kinh tế và khoa học kỹ thuật với các khu vực khác trên thế giới. Ngoài hoạt động xuất, nhập khẩu, với những chính sách và thể chế mới, chúng ta sẽ mở thêm quan hệ hợp tác với nhiều nước đang phát triển, với một số nước hoặc tổ chức tư nhân trong thế giới tư bản chủ nghĩa.

Sự đóng góp của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài về kinh tế và khoa học kỹ thuật là một nhân tố quan trọng và hiện thực, thể hiện tình cảm gắn bó của đồng bào với quê hương, đất nước. Cần sửa những cơ chế, chính sách không hợp lý để đồng bào có điều kiện thật sự tham gia tích cực vào công cuộc xây dựng Tổ quốc.

Làm tốt những việc nêu trên là một bước chuẩn bị để trong những kế hoạch sau, mở rộng và nâng cao hơn nữa hiệu quả của sự hợp tác quốc tế, làm cho nước ta tham gia sâu hơn vào quá trình phân công và liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa, theo hướng khai thác tốt hơn những tiềm năng của nước ta với sự hỗ trợ mạnh mẽ về vốn và kỹ thuật của

các nước anh em, bầu bạn, nhằm đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa của nước ta và tăng thêm sức mạnh của cả cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện thắng lợi các chủ trương của Đảng về quan hệ kinh tế đối ngoại, chúng ta ý thức sâu sắc rằng làm ăn tốt, khai thác mọi khả năng ở trong nước là tiền đề, điều kiện quyết định để mở mang quan hệ kinh tế với nước ngoài. Phải bằng mọi cách ra sức cải tiến sản xuất kinh doanh, phát huy tính năng động, nhanh nhạy để thích ứng kịp thời với những đòi hỏi ngày càng cao của thị trường bên ngoài về số lượng và chất lượng hàng hoá, về thời gian và giá cả trao đổi. Cần nhấn mạnh rằng, việc thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế là trách nhiệm và danh dự của Nhà nước ta mà tất cả các ngành, các cấp và người làm hàng xuất khẩu đều có nghĩa vụ bảo đảm. Chỉ bằng cách đó, chúng ta mới giữ vững được sự tín nhiệm quốc tế và có điều kiện mở rộng hơn nữa quan hệ kinh tế với nước ngoài.

II- CÔNG NGHIỆP NẶNG VÀ KẾT CẤU HẠ TẦNG

Để thực hiện ba chương trình kinh tế lớn nói trên, tạo tiền đề đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo, cần phát triển một số ngành công nghiệp nặng và kết cấu hạ tầng cần thiết phù hợp với khả năng trước mắt. Đó là năng lượng, một số cơ sở cơ khí và nguyên, vật liệu, giao thông vận tải và thông tin bưu điện - những cơ sở vật chất - kỹ thuật tối thiểu trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Như vậy là ngay từ đầu, chúng ta kết hợp chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, bao gồm công nghiệp nhẹ và công nghiệp

nặng, để từng bước hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý. Bằng cách đó, khắc phục khuyết điểm tách rời công nghiệp với nông nghiệp, hướng công nghiệp nặng phục vụ thiết thực và có hiệu quả cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, khắc phục từng bước sự lạc hậu của kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông vận tải trong nền kinh tế nước ta.

Kinh nghiệm thực tế nhiều năm qua cho thấy, trong bước đầu công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, vai trò của năng lượng cực kỳ quan trọng, quyết định nhịp độ phát triển của toàn bộ nền kinh tế. Trong những năm trước mắt, xuất phát từ điều kiện tài nguyên và khả năng các mặt, chúng ta tập trung sức phát triển than, điện và dầu khí, đồng thời tranh thủ sử dụng thêm các nguồn và dạng năng lượng khác như khí mêtan, trấu, sức gió, năng lượng mặt trời.

Than là nhiên liệu chủ yếu không chỉ 5 năm này, mà cả một thời gian dài. Việc khai thác than phải nhằm theo hai hướng. Đối với những mỏ ở khu vực Quảng Ninh, cần tổ chức lại sản xuất và cải tiến mạnh quản lý; giải quyết những khâu không đồng bộ trong dây chuyền sản xuất của từng mỏ; bảo đảm đủ thiết bị, vật tư; đặc biệt là cung ứng kịp thời và ổn định lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng thiết yếu cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của công nhân khu mỏ. Hoàn thành xây dựng một số mỏ quan trọng và khởi công xây dựng một số mỏ mới; cải tạo hệ thống sàng rửa để bảo đảm chất lượng than; xây dựng xong các tuyến đường sắt trong khu mỏ. Đi đôi với hướng chủ yếu nói trên, cần quan tâm khai thác các mỏ than nhỏ tại các địa phương, nhất là đối với nguồn than bùn có trữ lượng khá. Để làm việc này, phải có đầu tư của cả trung ương và địa phương, có chính sách giá hợp lý để khuyến khích sử dụng than địa phương.

Trong những năm qua, chúng ta đã dành nhiều vốn đầu tư để xây dựng các công trình quan trọng về *điện lực*. Trong 5 năm tới, vẫn phải tiếp tục đầu tư mạnh để tạo ra một bước chuyển biến đáng kể trong cân đối năng lượng. Đối với miền Bắc, với việc hoàn thành xây dựng nhà máy nhiệt điện Phả Lại, lắp đặt một số tổ máy của thủy điện Hoà Bình, nguồn điện sẽ bảo đảm đủ nhu cầu và có một phần dành cho các tỉnh miền Trung. Ngoài nguồn điện từ miền Bắc vào, việc tìm biện pháp bổ sung để bảo đảm điện cho các tỉnh Khu V và Tây Nguyên là nhiệm vụ cấp bách của ngành điện. Một mặt, đẩy nhanh xây dựng những cơ sở điện mới đã được xác định, mặt khác, tăng thêm dầu và phụ tùng để sử dụng tốt hơn những cơ sở điện hiện có. Ở miền Nam, tập trung các điều kiện vật chất để bảo đảm hoàn thành xây dựng thủy điện Trị An và thủy điện Drayling. Một hướng quan trọng khác là bằng khả năng của trung ương và địa phương, Nhà nước và nhân dân, ra sức xây dựng nhiều trạm thủy điện nhỏ ở các vùng, nhất là ở Tây Nguyên và miền núi phía Bắc để giải quyết nguồn điện tại chỗ, đáp ứng nguyện vọng thiết tha của đồng bào các dân tộc. Đi đôi với nguồn, cần xây dựng kịp thời và đồng bộ các hệ thống lưới điện, từ cao thế đến trung thế và hạ thế. Hoàn thành cải tạo lưới điện Hà Nội, Hải Phòng; tăng thêm nguồn điện và lưới điện cho đồng bằng sông Cửu Long; tiến hành chuẩn bị cải tạo lưới điện Thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố khác khi có điều kiện. Cải tiến việc phân phối và sử dụng điện, nhằm trước hết bảo đảm một cách ổn định nhu cầu của các trọng điểm về kinh tế và xã hội. Đồng thời, phải tích cực chuẩn bị cho thời kỳ sau năm 1990 xây dựng những công trình đã được quy hoạch như: Yaly, Sông Hinh, Thác Mơ, Đắc Nga 3...

Đẩy mạnh thăm dò và khai thác *dầu khí* ở thêm lục địa phía nam, để đến năm 1990 đạt sản lượng dầu thô đáng kể; có phương án sử dụng tốt lượng khí khai thác được cùng với dầu. Khởi công xây dựng nhà máy lọc dầu với công suất đợt I là 3 triệu tấn/năm. Xúc tiến việc thăm dò dầu khí ở thêm lục địa phía bắc.

Nhanh chóng khắc phục tình trạng phân tán của ngành *cơ khí* bằng cách sắp xếp, tổ chức lại sản xuất trong cả nước trên cơ sở quy hoạch, phân công, hiệp tác giữa các lực lượng cơ khí để đáp ứng những nhu cầu cấp bách về sửa chữa và trang bị công cụ, một phần máy móc, thiết bị và phụ tùng thông thường cho các ngành, các địa phương, trước hết là sản xuất nông cụ, máy kéo và máy nông nghiệp theo sau máy kéo, máy bơm thủy lợi các loại, bơm thuốc trừ sâu; thiết bị chế biến nông sản cỡ vừa và nhỏ, v.v.. Phấn đấu hoàn thành xây dựng một số nhà máy cơ khí; tiến hành đầu tư chiều sâu và đồng bộ hoá cho một số nhà máy quan trọng. Thực hiện chương trình hợp tác với các nước hội viên Hội đồng tương trợ kinh tế về sửa chữa tàu biển và sản xuất một số sản phẩm cơ khí. Khởi công xây dựng nhà máy phụ tùng ô tô, máy kéo vào cuối kỳ kế hoạch.

Phát triển công nghiệp nguyên liệu và vật liệu là một yêu cầu quan trọng để bảo đảm nhu cầu của nền kinh tế quốc dân. Dựa vào nguồn tài nguyên đa dạng, bằng những biện pháp kỹ thuật tiến bộ, những hình thức và quy mô thích hợp, ra sức phấn đấu tăng khả năng sản xuất trong nước để đáp ứng một phần nhu cầu. Về *gang thép*, tận dụng các cơ sở hiện có, phát huy tốt năng lực các lò điện; phát triển các loại thép hợp kim với công suất nhỏ, các loại hợp kim bột, ferô. Nghiên cứu công nghệ luyện kim phù hợp với điều kiện tài nguyên và khả năng kinh tế nước ta. Về *kim loại màu*, khai thác tốt các

mở thiếc hiện có, hoàn thành xây dựng đợt I Liên hiệp thiếc Quỳnh Hợp, mở rộng diện khai thác thiếc sa khoáng quy mô nhỏ bằng kỹ thuật thủ công và nửa cơ giới. Theo kế hoạch hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh thăm dò địa chất các mỏ bôxít miền Nam, hoàn thành luận chứng kinh tế - kỹ thuật và chuẩn bị khai thác vào kế hoạch sau. Xây dựng và đưa vào vận hành xí nghiệp khai thác và tuyển luyện chì, kẽm; nghiên cứu khai thác quặng đồng và tổ chức tuyển luyện với quy mô nhỏ. Xúc tiến việc hợp tác với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế về khai thác và sử dụng đất hiếm.

Về *phân bón hoá học*, huy động hết công suất và cải tạo một phần Nhà máy supe lân Lâm Thao, phát triển sản xuất phân lân nung chảy, phốtphorit. Hoàn thành khôi phục mỏ apatít Lào Cai và tiếp tục xây dựng nhà máy làm giàu quặng. Tích cực khai thác pyrit trong nước để tăng thêm nguyên liệu cho sản xuất phân lân. Chuẩn bị xây dựng nhà máy phân đạm lớn bằng khí thiên nhiên ở miền Nam. Sử dụng tốt các cơ sở xút hiện có, mở rộng và xây dựng một số cơ sở xút nhỏ, phát triển sản xuất đất đèn bằng thiết bị trong nước. Đầu tư kỹ thuật để nâng chất lượng sản phẩm cao su các loại, băng tải, sản phẩm cao su kỹ thuật.

Với nguồn vật liệu phong phú, dồi dào ở các địa phương, phải huy động các nguồn vốn, sử dụng lao động, bằng mọi hình thức, phát triển mạnh sản xuất các loại vật liệu xây dựng phục vụ nhu cầu của Nhà nước và có thêm nguồn hàng bán cho nhân dân, nhất là nông dân. *Xi măng* là loại vật liệu đang có nhu cầu lớn và bức thiết; chúng ta lại đã có nhiều cơ sở chưa sử dụng hết công suất. Vì vậy, cần đầu tư để đồng bộ hoá các nhà máy Hoàng Thạch, Bỉm Sơn, hoàn thành xây dựng nhà máy Hà Tiên, bảo đảm các vật tư kỹ

thuật thiết yếu, để tăng nhanh sản xuất, sử dụng công suất đến mức tối đa. Khai thác các nguồn than địa phương để sản xuất *gạch ngói*. Tận dụng công suất các nhà máy kính ở miền Nam; hoàn thành xây dựng Nhà máy kính Đáp Cầu; khai thác đá ốp trang trí. Đặc biệt chú ý đầu tư để khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn vật liệu xây dựng ở đồng bằng sông Cửu Long, đáp ứng tốt hơn nhu cầu bức xúc về xây dựng ở vùng này.

Trong khi thực hiện những nhiệm vụ quan trọng trên đây, cần xúc tiến chuẩn bị điều kiện để xây dựng một số công trình công nghiệp nặng trong kế hoạch sau.

Tăng cường công tác *điều tra, thăm dò địa chất và khoáng sản*, làm cho công tác này đáp ứng được yêu cầu phát triển của các ngành kinh tế quốc dân. Bên cạnh việc chuẩn bị cho các công trình lớn về công nghiệp nặng, trong những năm trước mắt, đẩy mạnh điều tra phục vụ cho việc khai thác các loại khoáng sản với quy mô nhỏ, chú trọng các nguyên liệu phục vụ sản xuất nông nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Đưa việc quản lý tài nguyên khoáng sản vào nền nếp.

Là một khâu quan trọng nhất của kết cấu hạ tầng, *giao thông vận tải* đáng lẽ phải đi trước một bước để đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế quốc dân, nhưng nhiều năm qua, chúng ta chưa chú ý đúng mức, nên việc vận chuyển hàng hoá có nhiều khó khăn, việc đi lại của nhân dân có nhiều phiền hà, trắc trở. Những năm trước mắt, phải phấn đấu khắc phục một bước sự lạc hậu trong lĩnh vực này. Cùng với việc đầu tư có trọng điểm, phải sắp xếp, tổ chức lại các ngành vận tải, phối hợp tốt giữa các ngành, giữa trung ương và địa phương. Phải vận chuyển hết và kịp thời các mặt hàng chủ yếu, hàng xuất nhập khẩu, vận tải phục vụ

biên giới và giao lưu Bắc - Nam, vận tải cho hai nước bạn Lào và Campuchia.

Phù hợp với điều kiện địa lý và tình hình thực tế hiện nay, chúng ta ưu tiên phát triển vận tải đường thủy, tăng tỷ trọng vận tải đường sắt, sắp xếp hợp lý vận tải đường bộ theo hướng tăng năng lực vận tải công cộng, tận dụng vận tải thô sơ. Trong tổ chức vận tải, chú ý áp dụng vận trù học và thực hiện liên vận giữa các phương tiện vận tải, giữa trung ương và địa phương; tăng tỷ lệ đi thẳng, giảm số lần bốc xếp, phát triển vận tải hai chiều; giải quyết tốt dự trữ chân hàng.

Về giao thông, trước mắt, chủ yếu là đầu tư khôi phục và bảo dưỡng đường sá, cầu cống, động viên khả năng của Nhà nước và nhân dân mở mang giao thông nông thôn, đặc biệt ở miền núi và đồng bằng sông Cửu Long. củng cố các cầu để bảo đảm thông xe an toàn, xây dựng thêm một số cầu mới. Củng cố đường sắt Hà Nội - Lào Cai, đường sắt Bắc - Nam, mở rộng một số cảng, chú trọng hơn nữa nạo vét lòng sông và cửa biển.

Nâng cao chất lượng thông tin bưu điện, xây dựng tuyến viba băng rộng Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh, củng cố và mở rộng thông tin với nước ngoài, mạng thông tin nội hạt của thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Tổ chức quản lý sử dụng mạng thông tin quốc gia và các mạng thông tin chuyên dụng của các ngành một cách hợp lý hơn.

III- GIÁ CẢ, THƯƠNG NGHIỆP, TÀI CHÍNH, TIỀN TỆ

Tình hình giá cả, tài chính, tiền tệ tiếp tục biến động phức tạp là do hàng loạt nguyên nhân mà Báo cáo chính trị đã phân tích. Tình hình này đang được khẩn trương xử lý theo các quyết định của Đảng và Nhà nước. Cần thi hành các

biện pháp đồng bộ về bố trí sản xuất, nắm hàng, cải tạo và quản lý thị trường, về giá cả, tiền lương, tài chính, tiền tệ. Ở đây, chỉ trình bày một số chủ trương lớn về giá cả, thương nghiệp, tài chính và tiền tệ trong 5 năm này.

Trước hết, phải giảm nhịp độ tăng giá, tiến tới ổn định giá cả. Mọi biện pháp giải quyết phải tập trung vào khâu then chốt là giảm tốc độ lạm phát, thu hẹp mất cân đối giữa khối lượng hàng hoá và tiền tệ lưu thông. Một mặt, giải phóng mọi năng lực sản xuất, tập trung sức đẩy mạnh sản xuất một số mặt hàng thiết yếu đang khan hiếm và một số mặt hàng có nguồn thu lớn cho ngân sách, đồng thời, mở rộng giao lưu hàng hoá, bãi bỏ việc ngăn sông cấm chợ, chia cắt thị trường, để tăng nhanh khối lượng hàng hoá lưu thông. Mặt khác, Nhà nước phải quản lý chặt chẽ vật tư, hàng hoá do kinh tế quốc doanh sản xuất và nhập khẩu, có chính sách giá và phương thức mua bán hợp lý để nắm được hàng, nắm được tiền, điều chỉnh khối lượng tiền trong lưu thông, tăng thu, giảm chi, hạn chế nghiêm ngặt đi đến chấm dứt việc phát hành tiền để chi ngân sách. Trung ương cần phân cấp định giá và quản lý giá phù hợp với tình hình. Đối với giá bán vật tư cho khu vực kinh tế quốc doanh, cần nghiên cứu sửa đổi từng bước, từng phần bất hợp lý, tính toán kỹ để không gây xáo động. Đối với giá vật tư nông nghiệp, cần xác định hợp lý, để tạo điều kiện cho Nhà nước cung ứng được đầy đủ, kịp thời cho nông dân mà không bị thất thoát ở những khâu trung gian. Đồng thời, theo đó mà xác định tương ứng giá mua lương thực và nông sản trong hợp đồng kinh tế. Để nắm được phần lớn hàng lương thực và nông sản hàng hoá, Nhà nước dùng vật tư nông nghiệp và các dịch vụ kỹ thuật để mua theo hợp đồng với hệ thống giá vật tư và giá nông sản nói trên. Phần lương thực và nông sản còn lại của

hợp tác xã và nông dân sau khi nộp thuế và bán theo hợp đồng kinh tế, Nhà nước sẽ mua theo giá thoả thuận. Tích cực loại trừ tệ ăn cắp, đầu cơ và làm thất thoát vật tư Nhà nước đưa ra thị trường tự do.

Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải được tăng cường về số lượng và chất lượng, đổi mới phương thức kinh doanh, vươn lên làm chủ thị trường và giá cả. Mạng lưới hợp tác xã mua bán phải được mở rộng để làm chủ thị trường nông thôn, bán phần lớn hàng công nghiệp tiêu dùng thiết yếu cho nông dân. Xoá bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa; sắp xếp, tổ chức lại tiểu thương, chuyển một phần sang lĩnh vực sản xuất và dịch vụ.

Đối với giá bán lẻ hàng tiêu dùng, cần tích cực tạo điều kiện bán theo giá kinh doanh thương nghiệp. Giá kinh doanh thương nghiệp được xây dựng theo nguyên tắc bảo đảm cho xí nghiệp có lãi, Nhà nước có tích lũy, giữ được mối quan hệ hợp lý giữa công nghiệp và nông nghiệp, điều tiết cung cầu, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chi phối được thị trường xã hội. Trong tình hình cụ thể hiện nay, ở những nơi, những lúc nhất định, đối với một số ít hàng thiết yếu mà cung cầu căng thẳng, giá cả biến động mạnh, thì tạm thời áp dụng chính sách bán hai giá.

Tiền lương của công nhân, viên chức phải được điều chỉnh tương ứng với hệ thống giá và mức giá đã hình thành trong thực tế. Nhà nước cần bảo đảm có đủ quỹ hàng hoá bán bình thường cho người hưởng lương. Trong tình hình quỹ hàng của Nhà nước chưa đủ và giá cả chưa ổn định, phải có phương thức bán thích hợp, bảo đảm cho người hưởng lương mua được hàng hoá cần thiết.

Nghiên cứu và ban hành chính sách tài chính quốc gia thống nhất phù hợp với đặc điểm nước ta, giải quyết đúng

đấn việc phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân. Nhà nước Trung ương định lại chế độ phân cấp quản lý thu chi ngân sách cho hợp lý. Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, tăng cường quản lý thị trường, có chính sách khuyến khích đúng mức để tăng mạnh nguồn thu từ nội bộ nền kinh tế, chống thất thu. Mặt khác, phải căn cứ vào nguồn thu mà bố trí chi, không chi vượt quá khả năng thu của ngân sách; triệt để tiết kiệm chi tiêu về mọi mặt. Bằng phương thức kế hoạch hoá gián tiếp, thúc đẩy xí nghiệp phấn đấu giảm giá thành, tăng tích lũy cho Nhà nước. Trên cơ sở giá bán lẻ kinh doanh thương nghiệp được xác định hợp lý mà định giá bán buôn phù hợp, để Nhà nước thu tích lũy tập trung ở khâu sản xuất.

Để bảo đảm được nguồn thu tài chính, Nhà nước tăng cường quản lý thống nhất vật tư, kể cả nguồn nhập khẩu và sản xuất trong nước. Cải tổ hệ thống cung ứng vật tư, có biện pháp kiên quyết chống thất thoát vật tư và hàng hoá. Các đơn vị quốc doanh không được tùy tiện mua bán các loại vật tư do Nhà nước thống nhất quản lý. Cấm tư nhân buôn bán vật tư nhà nước. Thực hiện thu thuế công thương nghiệp theo đúng thời giá; không khoan nhượng đối với những hộ không chấp hành, cố tình không nộp đủ thuế. Xúc tiến nghiên cứu và có sự điều chỉnh hợp lý đối với các loại thuế nông nghiệp, thuế vườn, thuế thủy sản... Mau chóng củng cố tổ chức ngành thuế, loại trừ số nhân viên tiêu cực; thực hiện hệ thống song trùng lãnh đạo.

Thực hiện thường xuyên chế độ thanh tra tài chính, xử lý nghiêm theo pháp luật để nhanh chóng thiết lập trật tự, kỷ cương về tài chính, phát động quần chúng kiểm soát, giám sát để chống tệ tham nhũng, lãng phí.

Cần nhấn mạnh rằng: một nguyên nhân quan trọng của tình hình giá cả leo thang từng tháng là lạm phát đã đến

mức trầm trọng mà chúng ta phải có biện pháp tích cực và đồng bộ để khắc phục. Trước hết, phải tăng cường quản lý tiền mặt. Đối với tiền thu từ bán hàng, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các đơn vị dịch vụ chỉ được giữ tiền mặt theo mức quy định bảo đảm yêu cầu của sản xuất kinh doanh. Thực hiện kiểm tra, kiểm soát thường xuyên và xử lý nghiêm khắc để loại trừ tệ giữ tiền mặt vượt mức quy định trong cơ quan và xí nghiệp. Về phần mình, Ngân hàng phải cải tiến các hoạt động nghiệp vụ, đáp ứng kịp thời các yêu cầu hợp lý của các cơ sở, khắc phục mọi hiện tượng cửa quyền, gây phiền hà, tiêu cực.

Quản lý chặt chẽ vốn tín dụng; ngân hàng chỉ cho vay thêm vốn lưu động sau khi đã kiểm tra mục đích kinh doanh và thật sự thiếu vốn. Việc cho vay đầu tư xây dựng cơ bản chỉ thực hiện trên cơ sở nguồn vốn đã huy động được, có vật tư bảo đảm và có hiệu quả rõ rệt. Mở rộng hoạt động của hợp tác xã tín dụng, để huy động nguồn vốn nhàn rỗi trong nhân dân phục vụ phát triển sản xuất và lưu thông. Đẩy mạnh huy động tiền tiết kiệm trên cơ sở bảo hiểm giá trị tiền gửi bằng hiện vật và có lãi suất thích hợp. Ngân hàng mở rộng việc thanh toán bằng chuyển khoản với phương thức thuận lợi để phục vụ tốt cho sản xuất và lưu thông. Trên cơ sở đó, lập lại vị trí của Ngân hàng là trung tâm thanh toán.

Chuyển biến được tình hình giá cả, tài chính, tiền tệ là một vấn đề phức tạp và khó khăn. Nhưng đây là một đòi hỏi vô cùng bức xúc của tình hình. Các cấp, các ngành đều phải ra sức khôi phục kỷ cương, nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành đúng những quy định của Đảng và Nhà nước, để sớm tạo ra những chuyển biến có ý nghĩa trên lĩnh vực nóng bỏng này, thiết thực góp phần ổn định sản xuất và phân

phối, lưu thông, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân.

IV- KHOA HỌC KỸ THUẬT

Trong những năm qua, hoạt động khoa học và kỹ thuật đã có những thành tựu mới đáng kể, nhất là trong nông nghiệp, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu bức thiết của nền kinh tế, hiệu quả hoạt động khoa học và kỹ thuật chưa cao. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật đã có bước trưởng thành, nhưng tổ chức còn phân tán, chưa thật sự gắn hoạt động khoa học, kỹ thuật với thực tiễn sản xuất. Đầu tư và bảo đảm các điều kiện vật chất cho khoa học kỹ thuật chưa đúng mức, thiếu các chính sách khuyến khích đội ngũ khoa học kỹ thuật lăn lộn với sản xuất, tìm tòi các biện pháp để giải quyết những khó khăn của nền kinh tế.

Khoa học, kỹ thuật là một động lực thúc đẩy phát triển kinh tế và xã hội. Trong những năm tới, phải vận dụng khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật trong việc nghiên cứu chiến lược phát triển kinh tế, xã hội, trong việc xác định các chủ trương, chính sách, trong tổ chức quản lý kinh tế và xã hội. Đặc biệt, cần tập trung lực lượng khoa học kỹ thuật của cả nước nghiên cứu và nhanh chóng áp dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật phục vụ ba chương trình lớn lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Bằng các biện pháp khoa học và kỹ thuật tổng hợp, tạo ra và phổ cập các loại giống cây trồng và vật nuôi mới có năng suất cao, các biện pháp thú y và bảo vệ thực vật có hiệu quả; nâng cao hiệu suất sử dụng phân bón; tưới tiêu khoa học, cải tạo và tăng độ màu mỡ của đất; giảm tỷ lệ hư hao trong vận chuyển và chế biến lương thực; nghiên cứu và phổ biến hệ

canh tác phù hợp với điều kiện sinh thái từng vùng, chú ý đến hệ canh tác khô trên vùng gò đồi, núi thấp. Bằng các giải pháp tiến bộ kỹ thuật, nâng hệ số sử dụng có ích nguyên liệu, vật liệu, giảm tỷ lệ tiêu hao năng lượng; nghiên cứu và mở rộng áp dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác, chế biến các nguồn tài nguyên phong phú của đất nước, nhằm thay thế một phần vật tư nhập khẩu, sử dụng tốt phế liệu, phế phẩm. Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật và kiểm tra chất lượng sản phẩm, nhất là hàng xuất khẩu và các công trình xây dựng. Thể chế hoá và thi hành nghiêm ngặt chế độ giám định công nghệ trong quá trình chuẩn bị đầu tư, nhất là đối với công trình nhập thiết bị toàn bộ của nước ngoài.

Tham gia nghiên cứu các chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học - kỹ thuật của các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế, nhằm tận dụng những thành tựu mới về khoa học, kỹ thuật, để giải quyết tốt hơn những nhiệm vụ cấp bách trước mắt. Tiếp tục mở rộng và có biện pháp nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác hợp tác khoa học, kỹ thuật với nước ngoài, gắn hợp tác khoa học, kỹ thuật với hợp tác kinh tế.

Phát huy vai trò của các ngành khoa học xã hội tham gia đắc lực vào công tác lý luận của Đảng, góp phần xây dựng Cương lĩnh về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong thời kỳ quá độ, làm sáng tỏ các vấn đề lý luận về vận dụng các quy luật kinh tế vào điều kiện cụ thể của nước ta, về cơ cấu kinh tế, sử dụng các thành phần kinh tế, đặc biệt là về quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Sắp xếp lại và kiện toàn các cơ quan nghiên cứu, sáp nhập những viện nghiên cứu có chức năng trùng lặp hoặc hoạt động kém hiệu quả, kiện toàn một cách đồng bộ một số viện đầu ngành quan trọng. Hình thành một số trung

tâm khoa học - kỹ thuật tổng hợp ở một số vùng kinh tế quan trọng như đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên... Chú trọng khâu đưa kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, tăng cường các bộ phận sản xuất thử cho các cơ quan nghiên cứu - triển khai.

Thực hiện các chính sách khuyến khích, tạo điều kiện và giải quyết quyền lợi thích đáng để phát huy trí tuệ và tài năng của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật hiện có, được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau, đều là vốn quý, là những trí thức xã hội chủ nghĩa, làm cho anh chị em hứng thú đi về cơ sở sản xuất để thực hiện công việc nghiên cứu của mình, khắc phục tình trạng cán bộ khoa học kỹ thuật tập trung nhiều ở các cơ quan trung ương, thành phố, tỉnh, trong khi ở cơ sở đang cần và còn rất thiếu. Nghiên cứu ban hành các chính sách thật sự khuyến khích các sáng kiến, sáng chế, động viên hơn nữa lao động sáng tạo.

Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và quản lý khoa học kỹ thuật là vấn đề có ý nghĩa quyết định trong việc đưa nhanh tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Trong khi tiếp tục hoàn thiện phương thức hoạt động theo chương trình, cần mở rộng phương thức hợp đồng với những hình thức và phương pháp đa dạng, linh hoạt, nhằm kết hợp các tổ chức kinh tế và các cơ quan khoa học, phát huy quyền chủ động của các tổ chức đó dưới sự hướng dẫn của một kế hoạch thống nhất. Cơ chế và chính sách quản lý của chúng ta phải làm cho các tổ chức kinh tế, đặc biệt là cơ sở sản xuất đòi hỏi ứng dụng những thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật, đồng thời các tổ chức đó phải đáp ứng những yêu cầu cần thiết của hoạt động khoa học và kỹ thuật.

Các cấp uỷ đảng và chính quyền, từ trung ương đến cơ sở phải coi trọng lãnh đạo công tác khoa học và kỹ thuật, đề

xuất yêu cầu, có đầu tư và bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động khoa học, kỹ thuật. Chú trọng đẩy mạnh phong trào quần chúng phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, kết hợp chặt chẽ giữa cán bộ khoa học với cơ sở sản xuất và người sản xuất.

V- CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI VÀ ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN

Trước mắt, chúng ta quan tâm không chỉ các vấn đề sản xuất và kinh tế mà mỗi người chúng ta còn day dứt hằng ngày bởi nhiều vấn đề xã hội gay gắt. Vì vậy, hơn bao giờ hết, chúng ta phải luôn luôn kết hợp chặt chẽ kinh tế với xã hội, xã hội với kinh tế. Mục tiêu ổn định tình hình, giải phóng năng lực sản xuất không chỉ là phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật mới mà còn là giải quyết các vấn đề xã hội, từ công việc làm đến đời sống vật chất và văn hoá, bồi dưỡng sức dân, xây dựng các quan hệ xã hội tốt đẹp, lối sống lành mạnh, thực hiện công bằng xã hội, với ý thức người lao động là lực lượng sản xuất lớn nhất, là chủ thể của xã hội.

Trong những năm tới, tạo thêm việc làm, sử dụng tốt lực lượng lao động xã hội, kế hoạch hoá phát triển dân số là những yêu cầu kinh tế - xã hội cực kỳ quan trọng. Nhiệm vụ đặt ra là giảm cho được tỷ lệ tăng dân số, giải quyết công việc làm với mức cố gắng lớn nhất, thực hiện phân bố lại lao động, gắn lao động với khai thác đất đai, phát triển ngành, nghề, vận động định canh, định cư, tinh giản biên chế hành chính nhà nước, nhằm phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất xã hội.

Tình hình kinh tế - xã hội của đất nước đòi hỏi giảm tỷ lệ phát triển dân số từ 2,2% hiện nay xuống 1,7% vào năm 1990. Phải thực hiện đồng bộ các biện pháp như: đầu tư xây

dựng các cơ sở dịch vụ y tế xã, các trung tâm hướng dẫn sinh đẻ ở huyện, đồng thời sửa đổi và ban hành các chính sách có liên quan nhằm bảo đảm được kế hoạch phát triển dân số. Phải gây thành ý thức xã hội rộng khắp về thực hiện kế hoạch hoá gia đình; đảng viên và đoàn viên thanh niên phải gương mẫu đi đầu thực hiện.

Trên cơ sở sắp xếp và tổ chức lại sản xuất và công tác, bố trí cho những người đang làm việc có đủ việc làm, có điều kiện làm việc với năng suất cao. Chế độ tiền lương, các thang lương, bậc lương phải được sửa đổi và bổ sung nhằm thực hiện tốt nguyên tắc phân phối theo lao động; mức lương phải được điều chỉnh tương ứng với mức giá hình thành trong thực tế. Đối với lao động xã hội, phải bằng mọi cách, giải quyết việc làm cho phần lớn số lao động mới tăng, nhất là thanh niên và học sinh. Sớm ban hành Luật nghĩa vụ lao động đối với thanh niên.

Yêu cầu cấp bách là sắp xếp lại và tinh giản bộ máy quản lý hành chính nhà nước, đặc biệt là giảm hẳn các tổ chức trung gian, như cục, vụ, phòng, ban, chuyển sang cách làm việc trực tiếp theo lối chuyên gia. Bộ máy các uỷ ban nhân dân địa phương, kể cả tỉnh, thành phố và huyện, cũng phải tổ chức lại gọn và tinh, đủ năng lực quản lý trên lãnh thổ.

Theo hướng sử dụng các thành phần kinh tế, ban hành các chính sách mở đường cho người lao động tự tạo việc làm bằng mọi hình thức, với quy mô và trình độ thích hợp, kể cả hình thức thuê mướn nhân công theo đúng luật pháp Nhà nước.

Ở các thành phố của nước ta, đang còn hàng chục vạn người lao động chưa có việc làm, trong số đó, nhiều người có trình độ văn hoá, có hiểu biết kỹ thuật. Chúng ta phải phát huy thế mạnh của họ, hướng vào khu vực sản xuất công

ngiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và gia công hàng xuất khẩu, phát triển kinh tế gia đình. Đồng thời, gắn với quy hoạch phân bố lại lao động, đưa một bộ phận ra ngoại thành xây dựng vành đai thực phẩm, đưa đi các vùng kinh tế mới; tổ chức các đội lao động nghĩa vụ của thanh niên phục vụ các công trình trọng điểm.

Số lao động tăng thêm ở nông thôn trước hết được sử dụng vào việc đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, khai hoang, trồng rừng, nuôi cá và phát triển ngành, nghề. Nhà nước khuyến khích phát triển kinh tế gia đình, kinh tế vườn theo quy hoạch, thực hiện các chính sách khuyến khích như cho vay vốn, cung cấp giống và tạo các điều kiện thuận lợi về thị trường và giá cả để tiêu thụ sản phẩm.

Tình hình phân bố không đồng đều lao động và dân cư giữa các vùng đang đặt ra cho chúng ta một nhiệm vụ to lớn là phân bố lại lao động và dân cư trên quy mô từng vùng và cả nước. Ở những nơi thừa lao động nhưng thiếu đất, như đồng bằng Bắc Bộ, một mặt, sử dụng hết những diện tích đất đai còn hoang hoá, đồi trọc và phát triển ngành, nghề; mặt khác, đưa một bộ phận dân cư đi các vùng kinh tế mới, chủ yếu là vào Tây Nguyên. Ở những vùng thừa lao động, nhưng còn đất, như các tỉnh khu IV, ven biển miền Trung, trung du miền Bắc thì chủ yếu là thực hiện việc phân bố lại lao động trong phạm vi tỉnh, huyện, để đến cuối 5 năm này, cơ bản sử dụng hết đất đai và lao động trong khu vực. Những vùng nhiều đất, nhưng thiếu lao động (miền núi phía bắc, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ), vừa phải giải quyết những vấn đề lao động trong nội bộ vùng, vừa chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đón nhận lao động và dân cư các nơi khác đến. Ở miền Đông Nam Bộ, việc bổ sung lao động gắn với việc phát triển cây công nghiệp dài ngày. Ở đồng bằng sông Cửu Long,

nơi còn nhiều đất đai phì nhiêu chưa được khai phá, chủ yếu là điều hoà lao động trong nội bộ vùng, có tiếp nhận một phần lao động từ nơi khác đến.

Du canh, du cư vốn là một di sản của lịch sử, đã kéo dài tình trạng lạc hậu và nghèo khổ của đồng bào các dân tộc, làm tiêu hao vốn rừng quốc gia. Đây không chỉ là vấn đề kinh tế, xã hội quan trọng, mà còn là vấn đề an ninh và quốc phòng. Vì vậy, trong những năm tới, đi đôi với việc phân bố lao động, cần đầu tư thoả đáng về lương thực, vật tư, tiền vốn để thực hiện định canh, định cư được phần lớn số đồng bào còn du canh, du cư ở các vùng, chủ yếu là ở các tỉnh miền núi Tây Nguyên.

Như Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xác định, ổn định và cải thiện đời sống là mục tiêu hàng đầu của những năm sắp tới.

Nhiệm vụ hết sức quan trọng của tất cả các ngành, các cấp là bảo đảm được mức cần thiết và ổn định của nhân dân về lương thực và thực phẩm chủ yếu như cá, thịt, rau, nước chấm, dầu thực vật, đường mật... Đối với Hà Nội, khu mỏ Quảng Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh, các công trường xây dựng lớn..., phải tạo cho được vành đai thực phẩm đáp ứng phần lớn nhu cầu tại chỗ. Trên từng địa bàn ở nông thôn, chú ý điều hoà để bảo đảm lương thực cho những nơi còn thiếu như vùng trồng cây công nghiệp, làm hàng xuất khẩu, vùng gặp thiên tai mất mùa. Khắc phục tình trạng ở một số nơi bình quân chung về lương thực thì cao, nhưng vẫn còn một bộ phận dân cư thiếu ăn, làm cho tình hình xã hội thiếu ổn định.

Cơ cấu bữa ăn phải được cải tiến phù hợp với điều kiện từng vùng, tăng thêm chất đạm, chất béo để bữa ăn có thêm dinh dưỡng, bổ sung màu và các loại rau, đậu. Đối với miền

núi và Tây Nguyên, ngoài việc phát triển trồng trọt, chăn nuôi để có nguồn thực phẩm tại chỗ, phải được cung ứng đủ muối, có thêm các loại thực phẩm khô đã qua chế biến. Đối với lực lượng vũ trang, nhất thiết không được để thiếu lương thực và thực phẩm khô, đồng thời, xác định một số vùng và địa phương trực tiếp có trách nhiệm sản xuất và cung ứng những thực phẩm đó cho lực lượng vũ trang, thực hiện hậu cần tại chỗ. Bảo đảm có sữa, đường cho trẻ sơ sinh và người ốm, có thêm thịt, đường... cho công nhân làm việc nặng nhọc và độc hại. Công tác bảo hộ lao động trên các công trường, trong các nhà máy, hầm mỏ phải được thật sự quan tâm.

Từ mức bình quân đầu người quá thấp hiện nay, phấn đấu để tăng dần vải mặc, phù hợp với tính chất lao động của từng ngành, nghề và điều kiện khí hậu của từng vùng, chú ý các vùng dân tộc. Không để thiếu các loại hàng cần thiết khác như quần áo dệt kim, chăn màn, bút tất, ni lông che mưa, quần áo bảo hộ lao động. Ngoài việc đẩy mạnh trồng bông ở những nơi có điều kiện, cần phát triển trồng dâu, nuôi tằm và các cây có sợi khác để có thêm vải phù hợp với tập quán địa phương, có hàng xuất khẩu để nhập nguyên liệu, giải quyết thêm vải mặc cho nhân dân.

Thuốc chữa bệnh đang là một vấn đề xã hội gay gắt. Năm năm tới, phải tăng quỹ thuốc thông thường, thuốc kháng sinh, thuốc chống dịch, thanh toán dần các bệnh sốt rét, bạch hầu, bại liệt, ho gà, sởi... Mạng lưới y tế cơ sở, nơi hàng ngày trực tiếp chăm sóc sức khỏe của người lao động phải được củng cố và chấn chỉnh. Những xã chưa có trạm y tế và nhà hộ sinh, những huyện chưa có bệnh viện thì phải xây dựng. Các chính sách bảo đảm quyền lợi cho cán bộ y tế ở các tuyến, nhất là ở xã, phải được sửa đổi, bổ sung để anh chị em yên tâm làm việc và nâng cao ý thức phục vụ người bệnh.

Khôi phục và tăng thêm số giường bệnh, chủ yếu cho tuyến cơ sở và một số nơi đang quá thiếu ở thành phố, thị trấn, khu công nghiệp; tu bổ và thay đổi dần trang bị cho các bệnh viện lớn. Mỗi xã có vườn dược liệu gắn liền với trạm y tế để phục vụ tại chỗ. Dành một diện tích cần thiết để trồng dược liệu tập trung phục vụ nhu cầu cả nước.

Cải thiện điều kiện vệ sinh ở các thành phố như giải quyết vấn đề cống rãnh, bãi rác, cấp nước sinh hoạt..., ở nông thôn chú ý xây dựng hố xí, giếng nước, nhà tắm hợp vệ sinh, đặc biệt đối với đồng bằng sông Cửu Long, cần có biện pháp giữ sạch nguồn nước.

Đẩy mạnh phong trào tập luyện thể dục, thể thao trong mọi lứa tuổi, nhất là trong thanh niên, học sinh.

Nhà ở cũng đang là một vấn đề cấp bách ở một số vùng. Ngoài số vốn tập trung của Nhà nước, cần huy động vốn tự có của các cơ sở sản xuất và của nhân dân nhằm giảm bớt khó khăn về nhà ở, nhất là tại Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh... Trong 5 năm 1986 - 1990, chú trọng xây thêm nhà ở cho Hà Nội, các khu công nghiệp, nông trường, lâm trường, thanh toán một phần quan trọng tình trạng nhà ở chuột do chế độ cũ để lại ở Thành phố Hồ Chí Minh và một số nơi khác. Trong quỹ vật tư của Nhà nước, hàng năm phải dành một số vật liệu để nhân dân xây dựng nhà cửa. Vùng đồng bằng sông Cửu Long phải có kiểu nhà phù hợp với điều kiện khí hậu và hết sức tận dụng vật liệu thông dụng ở địa phương, tận lực khai thác các nguồn than bùn để nung gạch ngói, vôi làm vật liệu xây dựng. Ở những vùng ven biển thường có bão lớn, cần có các kiểu nhà có khả năng hạn chế tác hại của thiên tai; Nhà nước cố gắng cung ứng một phần vật liệu cần thiết để nhân dân làm nhà vững chắc hơn.

Dầu thắp sáng là một nhu cầu không thể thiếu kéo dài như hiện nay ở các vùng nông thôn, nhất là miền núi, Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long; vấn đề này cần được giải quyết để bảo đảm ánh sáng trong sinh hoạt của nhân dân.

Để cải thiện điều kiện đi lại, cần tăng thêm phương tiện vận chuyển công cộng ở các thành phố, chủ yếu là xe buýt, xe lam. Đẩy mạnh sản xuất xe đạp và phụ tùng với chất lượng tốt hơn, dành nhiều xe đạp bán cho nhân dân nông thôn. Ở đồng bằng sông Cửu Long, chú trọng tu sửa đường sá, làm thêm đường mới, nạo vét kênh lạch, tăng phương tiện đi lại đường bộ và đường thủy. Cần nhấn mạnh rằng, việc tăng cường quản lý, nâng cao ý thức phục vụ của nhân viên ngành vận tải, khắc phục tình trạng gây phiền hà cho hành khách không chỉ nhằm giảm bớt khó khăn trong đi lại của nhân dân, mà còn góp phần làm lành mạnh sinh hoạt xã hội.

Sự nghiệp văn hoá, giáo dục phải được tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng. Hiện nay, còn một số trẻ em ở lứa tuổi đi học phổ thông cơ sở chưa đến trường; vì vậy, bảo đảm cho trẻ em đến tuổi được đi học là trách nhiệm chung của ngành giáo dục, của các cấp uỷ đảng và chính quyền địa phương tạo điều kiện về trường sở, giáo viên, phương tiện giảng dạy và học tập. Đặc biệt quan tâm bồi dưỡng nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm và có chính sách bảo đảm đời sống cho đội ngũ giáo viên.

Phát triển giáo dục mầm non, chú trọng chất lượng nuôi, dạy trẻ em. Phấn đấu hoàn thành về cơ bản phổ cập giáo dục cấp I, hạ tỷ lệ lưu ban, bỏ học. Tiếp tục thực hiện cải cách giáo dục với nội dung thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế về dạy và học, từ đó củng cố chất lượng giảng dạy và học tập. Đối với giáo dục phổ thông trung học, cải

tiến nội dung chương trình theo mục tiêu đào tạo mới, nhất là chú trọng giáo dục kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp và dạy nghề. Kế hoạch phát triển phổ thông trung học phải gắn với kế hoạch đào tạo cán bộ và công nhân lành nghề cho địa phương và cả nước.

Đối với giáo dục chuyên nghiệp, cải tiến việc tuyển sinh theo hướng gắn chặt đào tạo với phân bố, sử dụng. Thực hiện hình thức thi tuyển quốc gia cho nhu cầu phát triển của Nhà nước và hình thức chọn, cử người ở các địa phương vào học các ngành nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp nhẹ, sư phạm, kinh tế, y tế... để bảo đảm nhu cầu cán bộ của các địa phương; chú ý đào tạo cán bộ trung học chuyên nghiệp, nhất là cho đồng bằng sông Cửu Long và miền núi. Cải thiện điều kiện sinh sống của học sinh nội trú để có sức khoẻ học tập. Mở thêm các lớp chuyên tu, tại chức.

Để đáp ứng nhu cầu của một số đông người lao động, cần quan tâm củng cố và phát triển bổ túc văn hoá, nhất là trong các công, nông, lâm trường và khu công nghiệp.

Hệ thống các trường dạy nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học phải sớm được sắp xếp lại cho hợp lý, để tạo điều kiện củng cố và nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học. Việc đóng góp của các tổ chức kinh tế tập thể và của nhân dân vào việc xây dựng cơ sở vật chất cho ngành giáo dục theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” cần được quy định rõ ràng thành chế độ, vừa để huy động hợp lý sự đóng góp của nhân dân, vừa tránh mọi sự lạm dụng.

Phát triển các hoạt động văn hoá, thông tin đang là một nhu cầu lớn trong đời sống nhân dân. Phải tăng nhiều lượng xuất bản sách và một số loại báo hằng ngày quan trọng, bảo đảm đủ sách giáo khoa cho học sinh. Phấn đấu để các xã và

các huyện đều có đài và trạm truyền thanh; cung ứng đủ số pin cần thiết cho các vùng nông thôn để nghe đài. Tạo điều kiện mở rộng mạng lưới truyền hình. Cố gắng bảo đảm các điều kiện vật chất, kỹ thuật để đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, văn nghệ, công tác bảo tồn, bảo tàng.

Công tác bảo trợ xã hội đối với toàn dân phải được tiến hành theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”; trước mắt, sắp xếp lại và phát triển các công trình sự nghiệp bảo trợ xã hội, vận dụng đúng đắn các chính sách phù hợp với từng vùng và tình hình kinh tế - xã hội của đất nước. Tổ chức đảng và chính quyền các cấp có trách nhiệm chăm sóc chu đáo đời sống vật chất và tinh thần của những người nghỉ hưu, những gia đình có công với cách mạng. Chú trọng tạo điều kiện phát huy vai trò của cán bộ về hưu trong việc giáo dục và bồi dưỡng thế hệ trẻ. Nuôi dưỡng tốt thương binh, bệnh binh nặng; thực hiện đầy đủ chính sách đối với thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ, nhất là những thân nhân liệt sĩ neo đơn; chăm sóc trẻ mồ côi, người tàn tật, người già cô đơn. Những việc trên đây, trong thời gian vừa qua, có những địa phương làm chưa tốt; đây là một khuyết điểm cần được khắc phục.

VI- ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG HƯỚNG VÀ CƠ CẤU ĐẦU TƯ

Trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế ở nước ta, yêu cầu về vốn đầu tư luôn luôn được đặt ra một cách gay gắt. Những năm tới, một mặt, phải tranh thủ các nguồn vốn bên ngoài với mức cao nhất; mặt khác, ở trong nước, bằng những chủ trương và chính sách mới, chúng ta phát huy hơn nữa mọi khả năng về nguồn vốn của tất cả các ngành, các địa

phương và cơ sở, của các thành phần kinh tế. Nguồn vốn ấy phải được khai thác từ những thế mạnh hiện có của nền kinh tế là nông, lâm, ngư nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp hiện chiếm khoảng 60% tổng sản phẩm xã hội; từ việc ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật; từ việc triệt để tiết kiệm, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm... Trong tất cả các ngành, các lĩnh vực, lao động được giải phóng trở thành người chủ thật sự của quá trình sản xuất kinh doanh, sẽ vươn lên với sức sáng tạo mới. Đó là nguồn vốn quan trọng và quyết định nhất.

Tuy nhiên, đối với chúng ta hiện nay, vấn đề không chỉ là tạo ra nguồn vốn mà điều đặc biệt quan trọng là sử dụng và quản lý tốt nguồn vốn để có hiệu quả lớn nhất. Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản trong những năm qua đã cho ta nhiều bài học sâu sắc. Đó là việc xây dựng tràn lan, thiếu tập trung; công trình dở dang quá nhiều và càng kéo dài thì vật liệu xây dựng càng mất mát, lãng phí càng lớn. Trong khi chưa đủ trường học cho các cháu, còn thiếu chỗ chữa bệnh cho người ốm, có nơi đã dành vật tư, tiền vốn để xây dựng trụ sở cơ quan, nhà hát, khách sạn, cửa hàng, sân vận động... Những công trình này không phải là không cần thiết, song phải cân nhắc nhu cầu trước, sau, tập trung vào những nhu cầu cấp bách nhất. Trước mắt, để thực hiện chủ trương điều chỉnh kinh tế, bố trí lại cơ cấu đầu tư trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân, phải bố trí vốn tập trung cho ba chương trình kinh tế lớn, nhất thiết không thể dàn đều. Điều khó khăn lớn là chúng ta đã nhất trí về chủ trương chung, nhưng khi bố trí cụ thể, xử lý các công trình thì không ít ngành và địa phương vẫn có xu hướng không muốn điều chỉnh. Cần nhấn mạnh rằng việc tăng, giảm tỷ lệ đầu tư cho một ngành, một địa phương phải đặt trong tổng thể vốn đầu tư chung

của cả nước. Trong khi nguồn vốn có hạn, các ngành và các địa phương phải nắm vững quan điểm cơ bản của Báo cáo chính trị mà chủ động bố trí lại cơ cấu đầu tư của ngành mình, địa phương mình.

Trong nông nghiệp, phải tập trung cho sản xuất lương thực, thực phẩm là trọng tâm số một, bảo đảm nhu cầu đầu tư cho thuỷ lợi, cho bảo quản và chế biến lương thực, thực phẩm, đầu tư cho cây công nghiệp ngắn ngày. Đối với cây dài ngày, cần xem xét kỹ thị trường và hiệu quả, để có chủ trương đầu tư đúng cho cà phê, chè, dừa, cao su...

Trong công nghiệp hàng tiêu dùng, chú trọng đầu tư chiều sâu và đồng bộ hoá để tăng mức sử dụng công suất, xây dựng thêm một số xí nghiệp chế biến đường, chè, dầu dừa...; bảo đảm đủ cơ sở để mở rộng gia công hàng xuất khẩu cho Liên Xô và các nước khác.

Trong công nghiệp nặng, ưu tiên đầu tư cho những công trình có khả năng huy động vào sản xuất trong kỳ kế hoạch như các công trình năng lượng, phân bón, cơ khí...

Trong giao thông vận tải, coi trọng việc củng cố đường sắt Bắc - Nam, các đoạn đường sắt đi vào các khu công nghiệp, các cảng sông, cảng biển và giải quyết một số yêu cầu cấp bách trên các tuyến quan trọng.

Trong lĩnh vực văn hoá, xã hội, trước hết đầu tư để duy trì những cơ sở hiện có, và xây dựng mới ở những nơi thật cần thiết.

Trong những năm tới, một mặt, chúng ta phấn đấu có tích lũy và tăng dần tích lũy từ nội bộ nền kinh tế để tăng thêm vốn đầu tư; mặt khác, hết sức tranh thủ và sử dụng có hiệu quả vốn bên ngoài, sớm chấm dứt việc dùng vốn bên ngoài và vốn khấu hao cơ bản vào tiêu dùng.

Với khả năng vốn đầu tư của 5 năm tới, không thể không kiên quyết thu gọn danh mục công trình xây dựng trên hạn ngạch cũng như dưới hạn ngạch, của trung ương cũng như của địa phương. Những công trình cần thiết phải xây dựng cũng phải giảm bớt khối lượng những hạng mục chưa thật cấp bách, xem xét giảm hẳn các chi phí xây dựng cơ bản khác, tập trung vốn cho những hạng mục chính. Phải rà soát lại những công trình chuẩn bị khởi công, để có sự lựa chọn đúng đắn; giãn tiến độ hoặc đình xây dựng những công trình chưa thật cấp bách hoặc xây xong sử dụng không có hiệu quả.

Cùng với điều chỉnh phương hướng và cơ cấu đầu tư, việc đổi mới cơ chế đầu tư là đặc biệt quan trọng nhằm nâng cao trách nhiệm trong chủ trương đầu tư, ràng buộc trách nhiệm và lợi ích vật chất của chủ đầu tư với hiệu quả đầu tư. Thiết lập trật tự về kế hoạch hoá và quản lý đầu tư đối với mọi nguồn vốn và mọi loại công trình. Các ngành ngân hàng và tài chính phải phát huy chức năng kiểm tra việc sử dụng vốn đầu tư. Đó là những nội dung chủ yếu của cơ chế mới cần nghiên cứu áp dụng để bảo đảm hạ giá thành, nhất là nâng cao chất lượng công trình xây dựng.

VII- ĐỔI MỚI CƠ CHẾ KẾ HOẠCH HÓA

Để bảo đảm thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, xã hội trong 5 năm này, cần đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, coi đây là một động lực mạnh mẽ làm chuyển biến tình hình kinh tế - xã hội, thúc đẩy và tạo điều kiện cho các nhân tố mới phát triển. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương đã xác định phương hướng và nội dung chủ yếu về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Theo phương hướng

đó, công tác kế hoạch hoá phải được đổi mới cả về nội dung và phương pháp.

Nội dung kế hoạch phải thể hiện đúng các quan điểm của Đảng về bố trí cơ cấu kinh tế, giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác các tiềm năng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế, để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, trước hết và quan trọng hơn cả là bảo đảm thực hiện ba chương trình kinh tế lớn. Kế hoạch phải gắn chặt và vận dụng nhuần nhuyễn các chính sách đòn bẩy kinh tế, hướng về cơ sở và người lao động, trực tiếp khuyến khích thoả đáng các hoạt động sản xuất, kinh doanh của họ, cắt bỏ những khâu trung gian không cần thiết, loại trừ những sự xâm phạm của các cấp quản lý bên trên đối với lợi ích chính đáng của người trực tiếp sản xuất.

Một nhiệm vụ rất quan trọng là xây dựng tốt kế hoạch 5 năm 1986 - 1990, kế hoạch hằng năm và triển khai ngay việc nghiên cứu chiến lược kinh tế, xã hội, tổng sơ đồ phát triển và phân bố lực lượng sản xuất và kế hoạch dài hạn.

Nhằm khắc phục một bước rõ rệt bệnh tập trung quan liêu bao cấp trong kế hoạch hoá, cơ chế kế hoạch hoá phải được xây dựng theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, phân biệt rõ và kết hợp tốt chức năng quản lý hành chính - kinh tế của các cơ quan nhà nước trung ương và địa phương với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở; phải vận dụng đúng đắn và rộng rãi quan hệ hàng hoá - tiền tệ, quan hệ thị trường trong công tác kế hoạch hoá.

Kế hoạch cấp trung ương quyết định phương hướng chủ yếu, cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, các mục tiêu then chốt, các công trình trọng điểm, các sản phẩm chủ yếu trực tiếp chi

phối các cân đối lớn của nền kinh tế quốc dân. Các bộ cùng Ủy ban Kế hoạch nhà nước phối hợp xây dựng tốt kế hoạch ngành, nhất là các ngành kinh tế - kỹ thuật then chốt phải có quy hoạch phát triển dài hạn và kế hoạch 5 năm. Các bộ phải làm tốt chức năng quản lý hành chính - kinh tế nhà nước đối với ngành trong cả nước, không can thiệp vào nhiệm vụ quản lý sản xuất, kinh doanh cụ thể của các đơn vị kinh tế cơ sở.

Kế hoạch địa phương (tỉnh - thành phố, quận - huyện) là kế hoạch toàn diện về kinh tế, xã hội trên địa bàn lãnh thổ, bao gồm phần kế hoạch của các cơ sở do địa phương trực tiếp quản lý và một bộ phận kế hoạch của các cơ sở trung ương trên địa bàn lãnh thổ. Theo phương hướng và những chỉ tiêu lớn của kế hoạch nhà nước, ủy ban nhân dân địa phương có quyền chủ động bố trí kế hoạch và cân đối toàn diện phần kinh tế, xã hội do địa phương trực tiếp quản lý và tổng hợp các phần kế hoạch có liên quan của các cơ sở trung ương.

Về quan hệ giữa trung ương và địa phương, cần thực hiện một cơ chế quản lý thể hiện rõ sự gắn bó chặt chẽ giữa trách nhiệm và quyền hạn, nghĩa vụ và lợi ích. Trung ương giao cho địa phương một số chỉ tiêu chủ yếu như: số lượng và chất lượng nông, lâm, thủy sản, sản phẩm công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp, kể cả sản phẩm xuất khẩu mà địa phương cần giao cho trung ương để bảo đảm nhu cầu chung của cả nước trong 5 năm và hằng năm; thuế và các khoản điều tiết cho ngân sách trung ương; lao động mà địa phương cung cấp cho trung ương và chỉ tiêu về phân bố lao động; vốn, vật tư, máy móc, thiết bị, hàng tiêu dùng mà trung ương cung ứng cho địa phương, v.v.. Các chỉ tiêu đó được giao ổn định cho địa phương từng năm trong 5 năm. Các sản phẩm ngoài mức chỉ tiêu này thuộc quyền chi phối của địa phương; trung ương

muốn nắm thêm thì cần có chính sách khuyến khích thoả đáng (qua giá cả hoặc cung ứng thêm vật tư, hàng hóa...). Đây cũng là cơ chế cần áp dụng trong quan hệ giữa tỉnh (thành phố) với huyện (quận).

Kế hoạch của các đơn vị cơ sở phải toàn diện, bao gồm các mặt sản xuất, kỹ thuật, tài chính và xã hội trên cơ sở quyền chủ động sản xuất, kinh doanh, quyền tự chủ tài chính của cơ sở phù hợp với Nghị quyết 306 (dự thảo) của Bộ Chính trị. Trước hết, phải phát huy đầy đủ các nguồn khả năng tại chỗ để cân đối kế hoạch đến mức tối đa, bảo đảm xây dựng kế hoạch từ cơ sở lên một cách tích cực, vững chắc. Kế hoạch của đơn vị kinh tế quốc doanh phải dựa vào sự hướng dẫn của cấp trên, bảo đảm các chỉ tiêu pháp lệnh do cấp trên giao, song đồng thời phải nắm vững nhu cầu của thị trường trong nước và ngoài nước, thông qua các hợp đồng kinh tế mà bảo đảm gắn sản xuất với tiêu thụ. Các hoạt động liên kết đều được phản ánh đầy đủ trong kế hoạch của các cấp. Hợp đồng kinh tế phải thật sự trở thành công cụ pháp lý có hiệu lực để xây dựng và thực hiện kế hoạch theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta khẳng định rằng: các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp, căn cứ vào điều kiện kinh tế, xã hội của mình cũng như theo phương hướng, quy hoạch và kế hoạch của cả nước, của tỉnh và huyện, căn cứ vào nhu cầu trao đổi sản phẩm với Nhà nước và nhu cầu tiêu dùng của xã hội, hoàn toàn có quyền quyết định việc bố trí cơ cấu sản xuất và kế hoạch kinh tế, xã hội của mình. Ngoài nghĩa vụ thuế, các quan hệ kinh tế giữa Nhà nước và hợp tác xã đều thông qua các hợp đồng mua và bán do các tổ chức kinh doanh của Nhà nước đảm nhiệm theo nguyên tắc bình đẳng, ngang giá và thật sự thoả thuận. Ngoài các hàng hoá bán cho

Nhà nước theo hợp đồng và theo giá thoả thuận, các hợp tác xã có quyền liên kết để trao đổi sản phẩm, hoặc trực tiếp tiêu thụ các sản phẩm hàng hoá trên thị trường.

Đối với các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp, Nhà nước thông báo những yêu cầu về sản phẩm chủ yếu để cơ sở có căn cứ xây dựng kế hoạch, tìm khách hàng ký hợp đồng. Điều quan trọng là phải thực hiện các chính sách về cung ứng vật tư, nguyên liệu, năng lượng, lương thực... có tác dụng khuyến khích rõ rệt việc sản xuất hàng tiêu dùng theo quy hoạch và phân công sản xuất. Quan hệ giữa Nhà nước và các hợp tác xã được thực hiện thông qua các hợp đồng kinh tế bán nguyên liệu, mua sản phẩm với giá cả thoả thuận; phần sản phẩm hàng hoá làm thêm bằng các nguyên liệu tự kiếm hoặc bằng tiết kiệm phải được khuyến khích thoả đáng.

Đối với những sản phẩm chủ yếu của nền kinh tế do cơ sở quốc doanh sản xuất, Nhà nước giao nhiệm vụ sản xuất và phân phối cho các cơ sở sản xuất và tiêu thụ. Các cơ sở này dựa vào chỉ tiêu kế hoạch tiến hành ký hợp đồng thực hiện.

Đối với các loại vật tư kỹ thuật, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cùng các bộ lập cân đối trình Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt và giao nhiệm vụ cho cơ quan cung ứng, cho các bộ và các địa phương. Việc sử dụng vật tư phải đúng mục tiêu kế hoạch, không được dùng vật tư Nhà nước cung ứng để liên kết, bán lấy chênh lệch giá hoặc dùng vào mục đích khác. Thực hiện nghiêm túc việc quyết toán vật tư. Để xoá bỏ bao cấp và thực hiện hạch toán kinh tế đúng, Nhà nước thực hiện nguyên tắc mua, bán vật tư với giá cả hợp lý, theo kế hoạch, theo hợp đồng kinh tế và theo định mức kinh tế - kỹ thuật.

Các nguồn vốn đầu tư đều phải được phản ánh trong kế hoạch và được cân đối với nguồn vật tư và lực lượng xây dựng; vốn đầu tư của ngân sách trung ương sẽ tập trung cho các

công trình trọng điểm và các mục tiêu lớn của nền kinh tế quốc dân. Các công trình địa phương, chủ yếu dùng vốn tự có và vốn ngân sách địa phương. Trung ương chỉ trợ cấp vốn cho một số tỉnh, thành phố còn nhiều khó khăn. Các công trình đầu tư chiều sâu, đồng bộ hoá của các đơn vị cơ sở thì chủ yếu dùng vốn tự có.

Về xuất nhập khẩu, cần xác định danh mục và số lượng những mặt hàng thống nhất xuất khẩu, để bảo đảm các cam kết quốc tế, coi đó là chỉ tiêu pháp lệnh Nhà nước. Trung ương bảo đảm cân đối các điều kiện để các ngành, các địa phương và cơ sở thực hiện kế hoạch sản xuất và giao hàng xuất khẩu. Kế hoạch xuất khẩu cần được cân đối ở từng cấp với những nguồn vật chất cần thiết tùy theo khả năng và điều kiện ở từng cấp. Trung ương chịu trách nhiệm và nắm chắc những cân đối chủ yếu thuộc những sản phẩm trọng điểm. Kế hoạch nhập khẩu của tất cả các cấp phải được xét duyệt chặt chẽ và kịp thời, bảo đảm các yêu cầu theo thứ tự ưu tiên, nhằm sử dụng ngoại tệ một cách tiết kiệm và có hiệu quả.

Thư các đồng chí,

Trên đây là những phương hướng, mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế, xã hội trong 5 năm 1986 - 1990. Những phương hướng, mục tiêu đó thể hiện các quan điểm của Đảng về chuyển hướng cơ cấu kinh tế và điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư, về cải tạo xã hội chủ nghĩa và đổi mới cơ chế quản lý phù hợp với đặc điểm nước ta trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Các mục tiêu đề ra đã được tính toán một bước, dựa trên các khả năng trong nước và ngoài nước đã được xác định cho đến nay. Đồng thời, cũng đã nêu ra những biện pháp tích cực

nhằm khai thác và phát huy mọi khả năng hiện có và sẽ được tăng thêm trong 5 năm, chủ yếu là sắp xếp lại sản xuất, điều chỉnh cơ cấu đầu tư, vận dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật, sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế, thực hành tiết kiệm triệt để, đổi mới cơ chế quản lý, v.v.. Trong các mục tiêu, đã có sự kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế.

Thực hiện được những phương hướng, mục tiêu nói trên, đến năm 1990, nền kinh tế và xã hội nước ta sẽ có những chuyển biến đáng kể. Hàng năm thu nhập quốc dân sản xuất sẽ tăng bình quân 6 - 7%. Với 22 - 23 triệu tấn lương thực năm 1990, không những tạm đủ cho tiêu dùng, mà bắt đầu có dự trữ. Với sự phát triển của than, điện và dầu khí, cân đối năng lượng sẽ được cải thiện một bước. Hàng tiêu dùng đáp ứng được những nhu cầu thiết yếu của nhân dân, chủ yếu là những mặt hàng thông thường sản xuất bằng nguyên liệu trong nước.

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và củng cố quan hệ sản xuất mới được thực hiện theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng, kinh tế xã hội chủ nghĩa bao gồm quốc doanh và tập thể sẽ giữ vị trí quyết định trong nền kinh tế. Các thành phần kinh tế khác được cải tạo và sử dụng bằng nhiều hình thức kinh tế quá độ trong sự liên kết với các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Thị trường và giá cả được quản lý chặt chẽ. Đó là một sự chuyển biến quan trọng, sẽ góp phần giải phóng và khai thác mọi khả năng để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý.

Trên cơ sở phát triển mạnh sản xuất hàng hoá xã hội chủ nghĩa, sẽ mở ra triển vọng mới là sản xuất đủ cho tiêu dùng ở mức tối thiểu, bước đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.

Trong 5 năm 1986 - 1990, mặc dù số dân sẽ tăng thêm khoảng 6 triệu người, nhưng một số mức tiêu dùng về lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng thiết yếu tính bình quân đầu người vẫn tăng hơn những năm 1981 - 1985. Cùng với các biện pháp tích cực trên lĩnh vực phân phối, lưu thông được thực hiện có kết quả, đời sống nhân dân lao động sẽ được ổn định dần và có phần cải thiện. Điều quan trọng là công bằng xã hội được thiết lập từng bước, trật tự, kỷ cương ngày càng được bảo đảm.

Đó là những mục tiêu tuy còn thấp so với yêu cầu và phải phấn đấu rất mạnh mới đạt được, song là những mục tiêu nhất thiết phải đạt. Chỉ có như vậy, mới thực hiện được mục tiêu tổng quát là về cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, chuẩn bị tiền đề cho bước phát triển đi lên trong những năm sau.

Cuộc sống đang diễn biến hết sức phức tạp, song cũng rất sinh động. Trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế, chúng ta đã và đang có nhiều địa phương, ngành và nhất là cơ sở làm ăn năng động, sáng tạo, rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu. Đó là sức sáng tạo của nhân dân lao động, một khi nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được thật sự phát huy, thể hiện trong thực tế chứ không chỉ là một khẩu hiệu thì sẽ nảy nở những biện pháp hay, tạo ra sức bật mới. Rất rõ ràng, chúng ta nói nhiều nhưng cũng chưa phải đã nói hết về những tiêu cực, hư hỏng, đó chính là sự thật cần vạch ra để thấy sâu sắc hơn và có quyết tâm khắc phục; song mặt khác, phải khẳng định những nhân tố mới đang phát triển từ lao động và cuộc sống - những nhân tố mới đem lại niềm tin mới. Nhân dân lao động, đông đảo cán bộ, đảng viên đã được rèn luyện, thử thách, là những nhân tố tích cực, là chỗ dựa để khắc phục yếu kém, trì trệ, tiếp tục tiến lên. Đảng ta đã có

bài học “lấy dân làm gốc”; trải qua các thời kỳ chiến đấu, cũng như hiện nay, những địa phương, những ngành và cơ sở nào biết dựa vào dân, tin vào quần chúng, thì rõ ràng là từng bước vượt qua được khó khăn, đạt được nhiều thành tựu. Bài học đó phải được vận dụng xuyên suốt quá trình xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Thưa các đồng chí,

Những giải pháp kinh tế mà chúng ta đang và sẽ tiến hành là nhằm phát huy những khả năng thực tế, trong đó có những khả năng rất hiện thực. Để xoay chuyển tình hình đang diễn biến phức tạp hiện nay, cần tiến hành kiên quyết và nhất quán các biện pháp đặc biệt quan trọng sau đây:

Một là, toàn Đảng nhất trí khẳng định mạnh mẽ và dứt khoát chuyển hướng nền kinh tế theo một cơ cấu phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội trong chặng đường đầu tiên, bố trí vật tư, tiền vốn, kể cả vốn bên trong và vốn bên ngoài vào các sản phẩm chủ yếu và công trình then chốt, với cách làm vững chắc và có hiệu quả.

Hai là, trên cơ sở đó, có sự đổi mới thật sự cách mạng trong lĩnh vực tổ chức và quản lý kinh tế, tổ chức bộ máy và cán bộ; đặc biệt là lựa chọn và bố trí đúng cán bộ, kịp thời thay đổi những cán bộ không thích ứng với cơ chế quản lý mới, đi đôi với đổi mới phong cách và lề lối làm việc...

Ba là, đấu tranh xoá bỏ tập trung quan liêu bao cấp; thiết lập bằng được trật tự, kỷ cương trong các hoạt động kinh tế, xã hội, trong sinh hoạt Đảng và Nhà nước, thực hiện đúng nguyên tắc “mọi đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật Đảng”, “mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật”. Nghiêm trị những kẻ tham nhũng, đầu cơ trục lợi.

Để thực hiện những biện pháp đó, phải tiến hành cuộc vận động có ý nghĩa cực kỳ quan trọng là làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo của Đảng; làm trong sạch và nâng cao hiệu lực của bộ máy Nhà nước; chống tiêu cực, hư hỏng trong xã hội, làm lành mạnh các quan hệ xã hội và thực hiện công bằng xã hội trên các lĩnh vực.

Kết quả của những giải pháp, của cuộc vận động nói trên, cuối cùng, phải tạo ra cho được phong trào cách mạng của quần chúng. Làm như vậy, chính là để thực hiện những lời căn dặn thiêng liêng của Bác Hồ vĩ đại mà toàn Đảng và toàn dân ta sẽ kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Người vào năm 1990 - năm kết thúc kế hoạch 5 năm này.

**ĐẠI HỘI VI TUYÊN DƯƠNG
CÔNG TRẠNG TO LỚN VÌ ĐẢNG, VÌ DÂN
CỦA CÁC ĐỒNG CHÍ TRƯỜNG CHINH,
PHẠM VĂN ĐỒNG, LÊ ĐỨC THỌ**

(Do đồng chí Phạm Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá V,
Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, thay mặt
Đoàn Chủ tịch Đại hội trình bày,
ngày 17 tháng 12 năm 1986)

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Chúng ta sắp bầu các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương mới. Đó là một trách nhiệm cực kỳ quan trọng của Đại hội chúng ta đối với sự nghiệp cách mạng của giai cấp và dân tộc ta.

Trong danh sách đề cử vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI, thể theo đề nghị của đồng chí Trường Chinh, đồng chí Phạm Văn Đồng và đồng chí Lê Đức Thọ, Đoàn Chủ tịch Đại hội nhất trí tôn trọng quyền không ứng cử của ba đồng chí vì tuổi đã cao, sức đã yếu.

Cử chỉ cao đẹp của ba đồng chí làm nổi bật truyền thống quý báu của dân tộc ta, của Đảng ta là: thế hệ trước ân cần dìu dắt thế hệ sau và thế hệ sau kế tục trung thành sự nghiệp của thế hệ trước.

Đồng chí Trường Chinh, đồng chí Phạm Văn Đồng và đồng chí Lê Đức Thọ là những học trò xuất sắc của Bác Hồ kính yêu, là những người bạn chiến đấu gần gũi nhất của đồng chí Lê Duẩn và nhiều chiến sĩ cộng sản tiên bối.

Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng long trọng tuyên dương công trạng to lớn vì Đảng, vì dân của đồng chí Trường Chinh, đồng chí Phạm Văn Đồng và đồng chí Lê Đức Thọ đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng ta và nhân dân ta.

Đại hội nhiệt liệt biểu dương ba đồng chí là tấm gương chí công vô tư, trung với nước, hiếu với dân, là những cán bộ lãnh đạo kiên cường, giàu kinh nghiệm, những chiến sĩ cộng sản trung thực và ưu tú được toàn dân ta yêu quý, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, bạn bè ta trên thế giới kính trọng.

Đại hội nhất trí trao trách nhiệm cao cả cho ba đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ làm Cố vấn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Một lần nữa, Đại hội chúng ta bày tỏ lòng quý trọng và biết ơn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đối với đồng chí Trường Chinh, đồng chí Phạm Văn Đồng, đồng chí Lê Đức Thọ.

Kính chúc ba đồng chí mạnh khỏe, sống lâu, và trong trọng trách mới, tiếp tục cống hiến vào trí tuệ tập thể của Đảng ta.

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VI
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
VỀ BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI MỘT SỐ ĐIỂM CỤ THỂ
TRONG ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Ngày 18 tháng 12 năm 1986

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, sau khi thảo luận Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương đề nghị bổ sung và sửa đổi một số điểm cụ thể trong Điều lệ Đảng, đã nhất trí tán thành những điểm bổ sung và sửa đổi cụ thể trong Điều lệ Đảng như sau:

I- Phần: ĐẢNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN
VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG

Sửa đoạn nói về phương châm xây dựng Đảng: “phải gắn liền việc xây dựng Đảng với việc kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực của Nhà nước và với việc xây dựng, củng cố các tổ chức quần chúng” (Điều lệ, trang 16) như sau:

“Phải gắn liền việc xây dựng Đảng với việc kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực và hiệu lực quản lý của Nhà nước, và với việc xây dựng, củng cố các tổ chức quần chúng, các tập thể lao động”.

II- Chương I: ĐẢNG VIÊN

1. Sửa lại điều 1 nói về điều kiện và tiêu chuẩn đảng viên như sau:

“Điều 1: Những công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, có lao động, không bóc lột, thừa nhận và nguyện tích cực phấn đấu để thực hiện đường lối chính trị và Điều lệ của Đảng, nguyện hoạt động trong một tổ chức cơ sở đảng, phục tùng kỷ luật của Đảng, sẵn sàng nhận mọi nhiệm vụ Đảng giao và đóng đảng phí theo quy định, đều có thể được xét để công nhận là đảng viên.

Người được công nhận là đảng viên phải là người trải qua rèn luyện trong phong trào cách mạng đã chứng tỏ là người ưu tú nhất trong quần chúng, có đủ các tiêu chuẩn sau đây: có giác ngộ về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, có động cơ vào Đảng đúng đắn; trung thành với Tổ quốc, với chủ nghĩa xã hội; gương mẫu và phát huy tác dụng tích cực trong lao động sản xuất, công tác, chiến đấu và học tập; có liên hệ chặt chẽ với quần chúng, được quần chúng tín nhiệm”.

2. Điều 2: Về nhiệm vụ đảng viên:

- Về nhiệm vụ thứ nhất, sửa đoạn nói về vai trò gương mẫu của đảng viên (Điều lệ, trang 20) như sau:

“Phải gương mẫu trong lao động sản xuất, cải tạo và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, gương mẫu trong công tác, chiến đấu và học tập; đi đầu trong tiếp thụ và ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật; tìm mọi cách tăng năng suất lao động, tăng hiệu suất công tác, hiệu quả chiến đấu; tích cực bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, của nhân dân, chống vô trách nhiệm, lãng phí, tham ô”.

- Về nhiệm vụ thứ hai, sửa đoạn nói về sự rèn luyện của đảng viên (Điều lệ, trang 21) như sau:

“Phải thường xuyên tự rèn luyện về mọi mặt, thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, kịp thời sửa chữa những thiếu sót trong công tác và về phẩm chất cách mạng; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chống thoái hoá biến chất và mọi biểu hiện tiêu cực trong lối sống”.

- Về nhiệm vụ thứ ba, sửa đoạn nói về tuyên truyền, vận động quần chúng, và đoạn nói về xây dựng chính quyền (Điều lệ, trang 22) như sau:

“Phải thường xuyên làm công tác tuyên truyền, vận động gia đình và quần chúng thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phát triển ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng, kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, mệnh lệnh, độc đoán, chuyên quyền, xa rời thực tế, xa rời quần chúng.

Phải ra sức xây dựng chính quyền, xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân và các tổ chức quần chúng, nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật Nhà nước, kỷ luật của các đoàn thể cách mạng mà mình tham gia”.

3. Sửa lại Điều 5 về thời kỳ dự bị của đảng viên như sau:

“Điều 5: Về thời kỳ dự bị quy định như sau:

1. Thời gian dự bị là 12 tháng.

2. Thời kỳ dự bị tính từ ngày chi bộ tuyên bố kết nạp vào Đảng.

3... (như cũ)”.

4. Sửa lại Điều 8, đoạn nói về đảng viên xin ra khỏi Đảng (Điều lệ, trang 33) như sau:

“Nếu đảng viên xin ra khỏi Đảng thì chi bộ quyết định cho ra khỏi Đảng và báo cáo lên cấp trên cho đến cấp chuẩn y kết nạp đảng viên để kiểm tra lại”.

III- Chương II: VỀ NGUYÊN TẮC TẬP TRUNG DÂN CHỦ VÀ HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG

1. **Điều 12:** (Điều lệ, trang 39) Bổ sung vào Điều lệ một chương nói về tổ chức sự lãnh đạo của Đảng trong các lực lượng vũ trang nhân dân như sau:

“Chương VI: TỔ CHỨC SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

Điều 37:

Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tập trung thống nhất về mọi mặt của Đảng theo một quy chế chặt chẽ do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam hoạt động theo Điều lệ Đảng và các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Phải thường xuyên chăm lo nâng cao bản chất giai cấp công nhân của Quân đội nhân dân, và Công an nhân dân, xây dựng các lực lượng vũ trang trung thành vô hạn với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, tuyệt đối phục tùng sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết chặt chẽ chung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng, gắn bó mật thiết với nhân dân lao động, nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật Nhà nước, đề cao kỷ luật tự giác, giữ gìn đoàn kết keo sơn trong nội bộ, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, hăng hái lao động xây dựng đất nước và làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Điều 38:

Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam được tổ chức theo hệ thống dọc từ cơ sở đến toàn quân theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương. Ban Chấp hành Trung ương chỉ định Đảng uỷ quân sự Trung ương. Đảng uỷ quân sự Trung ương gồm một số uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong quân đội và ngoài quân đội để lãnh đạo các mặt công tác đối với toàn quân và giúp Trung ương nghiên cứu, đề xuất các vấn đề về đường lối, nhiệm vụ quân sự, xây dựng và củng cố quốc phòng toàn dân... theo sự uỷ nhiệm và quy định cụ thể của Ban Chấp hành Trung ương. Đảng uỷ Quân sự trung ương đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Ban Chấp hành đảng bộ các cấp do dân chủ bầu cử và được đảng uỷ cấp trên chuẩn y. Trong trường hợp đặc biệt, theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương thì do đảng uỷ cấp trên chỉ định.

Đảng uỷ các cấp có trách nhiệm lãnh đạo về mọi mặt các đơn vị thuộc quyền theo phạm vi chức năng và nội dung quy định cho từng cấp. Đảng uỷ quân khu còn có nhiệm vụ chỉ đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân trên địa bàn quân khu. Các bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ trên địa bàn quân khu tham gia đảng uỷ quân khu.

Các cơ quan lãnh đạo của tổ chức đảng phải tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc tập trung dân chủ, lãnh đạo tập thể đi đôi với phân công cá nhân phụ trách, bảo đảm chấp hành nghiêm túc nghị quyết của đảng uỷ, mệnh lệnh, chỉ thị của cơ quan chỉ huy cấp trên. Trên cơ sở bảo đảm sự lãnh đạo tập

thể của tổ chức đảng, thực hiện chế độ một người chỉ huy ở tất cả các cấp trong quân đội.

Các tổ chức đảng và người chỉ huy trong các đơn vị Quân đội nhân dân đóng ở các địa phương phải tôn trọng và giữ mối quan hệ chặt chẽ với cấp uỷ đảng và chính quyền ở địa phương theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Ở mỗi cấp, có cơ quan chính trị và cán bộ chính trị đảm nhiệm công tác tư tưởng và công tác tổ chức của Đảng trong quân đội, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp uỷ cấp mình và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên. Tổng cục Chính trị là cơ quan chính trị của toàn quân, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Ban Bí thư và sự lãnh đạo thường xuyên của Đảng uỷ Quân sự trung ương.

Ban Tổ chức trung ương, Ban Tuyên huấn trung ương và Uỷ ban Kiểm tra trung ương hướng dẫn và kiểm tra công tác xây dựng Đảng, công tác chính trị trong quân đội.

Điều 39:

Tổ chức đảng ở cơ quan quân sự địa phương và các đơn vị bộ đội địa phương thành lập theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương. Tổ chức đảng ở cơ quan quân sự địa phương và đơn vị bộ đội địa phương đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, về mọi mặt của cấp uỷ địa phương, đồng thời chịu sự chỉ đạo của đảng uỷ quân sự cấp trên và sự hướng dẫn của cơ quan chính trị cấp trên theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Điều 40:

Tổ chức sự lãnh đạo của Đảng trong hệ thống an ninh và

cảnh sát, và tổ chức của hệ thống an ninh do Ban Chấp hành Trung ương quy định”¹.

2. Bổ sung vào Điều 13 của Điều lệ (trang 40) nói về bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng một đoạn như sau:

“Việc bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng phải bảo đảm đầy đủ tính chất dân chủ và phải được chuẩn bị chu đáo để việc lựa chọn các thành viên được chính xác. Phải bảo đảm có sự đổi mới và bảo đảm tính kế thừa, tính liên tục trong ban chấp hành”.

IV- Chương III: CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CAO NHẤT CỦA ĐẢNG

Sửa lại Điều 24 (Điều lệ, trang 51) như sau:

“Điều 23: Ban Chấp hành Trung ương họp hội nghị toàn thể cử ra Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đồng thời cử Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương. Số uỷ viên Bộ Chính trị và số bí thư do Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương quyết định. Ngoài số uỷ viên chính thức, Bộ Chính trị có một số uỷ viên dự khuyết.

Bộ Chính trị thay mặt Ban Chấp hành Trung ương lãnh đạo công tác của Đảng giữa hai kỳ Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương trên cơ sở các nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc và của Ban Chấp hành Trung ương.

1. (Do có chương này, nên các điều từ Điều 13 trở đi đến Điều 38 trong Điều lệ sẽ đưa lên một số (ví dụ Điều 13 thành Điều 12, Điều 37 thành Điều 36) và các điều từ Điều 38 trở đi trong Điều lệ phải đổi thành Điều 41 và các số tiếp theo. Các chương từ chương VI trở đi trong Điều lệ sẽ sửa thành các chương VII, VIII, v.v.).

Bộ Chính trị, thường kỳ và theo yêu cầu của Ban Chấp hành Trung ương, báo cáo công việc của mình trước Ban Chấp hành Trung ương.

Ban Bí thư lãnh đạo công việc hằng ngày của Đảng, nhất là công tác cán bộ, công tác đảng viên và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Đảng”.

V- Chương IV: TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG Ở CẤP TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ, HUYỆN, QUẬN

1. Sửa lại Điều 27, đoạn nói về thời gian họp hội nghị toàn thể Ban Chấp hành thành phố, thị xã, huyện, quận (Điều lệ, trang 56) như sau:

“Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành thành phố trực thuộc tỉnh, thị xã, huyện, quận thường lệ ba tháng họp hai lần. Trong trường hợp cần thiết thì có thể họp bất thường”.

2. Sửa lại Điều 29, đoạn nói về nhiệm vụ của bí thư, các phó bí thư (Điều lệ, trang 59) như sau:

“Điều 28: ... Bí thư và các phó bí thư căn cứ vào các nghị quyết của Ban Chấp hành, của ban thường vụ, các chỉ thị của cấp trên, giải quyết công việc hằng ngày của Đảng và tổ chức kiểm tra việc chấp hành các nghị quyết, chỉ thị ấy. Bí thư và các phó bí thư có chế độ làm việc tập thể dựa theo quy định chung của Ban Chấp hành Trung ương”.

VI- Chương V: TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

1. Bổ sung Điều 30, đoạn nói về “Tổ chức cơ sở đảng ở xã bao gồm các tổ chức đảng hoạt động trong phạm vi một xã” ở điều này (Điều lệ, trang 62) như sau:

“Tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, thị trấn, bao gồm các tổ chức đảng hoạt động trong phạm vi một xã, một phường, một thị trấn”.

2. Sửa lại thời gian họp đại hội đại biểu hay đại hội đảng viên của tổ chức cơ sở đảng ở Điều 32 (Điều lệ, trang 64) như sau:

“Đại hội đại biểu hay đại hội đảng viên của tổ chức cơ sở đảng có thành lập đảng uỷ cơ sở được triệu tập 5 năm hai lần ăn khớp với thời gian triệu tập đại hội đại biểu đảng bộ thành phố trực thuộc tỉnh, thị xã, huyện, quận. Giữa hai kỳ đại hội, hằng năm đảng uỷ cơ sở mở hội nghị đại biểu gồm đại biểu do các chi uỷ, các đảng uỷ bộ phận (nếu có) cử ra để quyết định nhiệm vụ của đảng bộ và bầu cử bổ sung đảng uỷ cơ sở nếu cần”.

3. Sửa lại nhiệm kỳ của đảng uỷ và chi uỷ cơ sở (xã, xí nghiệp, v.v.) nói ở Điều 34 (Điều lệ, trang 65) như sau:

“Nhiệm kỳ của đảng uỷ, chi uỷ cơ sở (xí nghiệp, xã, v.v.) được quy định như đối với nhiệm kỳ của cấp uỷ huyện, quận, thành phố trực thuộc tỉnh, thị xã; nhiệm kỳ của đảng uỷ bộ phận và của chi uỷ trực thuộc đảng uỷ cơ sở hoặc trực thuộc đảng uỷ bộ phận là một năm”.

4. Sửa lại Điều 36 đoạn quy định về nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan (Điều lệ, trang 72) như sau:

“Tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan không quyết định nhiệm vụ, chủ trương, biện pháp công tác chuyên môn của cơ quan, nhưng có trách nhiệm kiểm tra cơ quan trong việc thực hiện các chính sách, nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước được thực hiện trong phạm vi cơ quan, kịp thời nêu gương tốt, ngăn chặn các trường hợp vi phạm chính sách, pháp luật trong cơ quan. Phải kiểm tra tình hình đảng viên trong cơ quan, kể cả đảng viên là thủ trưởng, thực hiện đường lối,

chính sách, các nghị quyết của Đảng và pháp luật Nhà nước, kịp thời góp ý kiến với người thủ trưởng về những thiếu sót trong công tác của cơ quan và báo cáo những vấn đề cần thiết với cơ quan cấp trên có trách nhiệm của Đảng...”. Những nhiệm vụ và quyền hạn khác của đảng bộ cơ quan trong việc tham gia ý kiến về tổ chức, cán bộ, đấu tranh chống quan liêu, giữ nguyên như phần còn lại ở Điều 36 của Điều lệ Đảng.

VII- Chương VI: ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

Sửa Điều 39, nói về nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm tra các cấp (Điều lệ, trang 75) như sau:

“Điều 42: Nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm tra các cấp là: kiểm tra đảng viên (kể cả cấp ủy viên cùng cấp) chấp hành Điều lệ Đảng, nhằm vào việc chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, chấp hành kỷ luật của Đảng và pháp luật Nhà nước, tư cách đảng viên; kiểm tra việc thi hành kỷ luật của tổ chức đảng cấp dưới; kiểm tra tài chính của Đảng; giải quyết thư tố cáo đối với đảng viên, v.v. (Đoạn tiếp theo của điều này vẫn giữ nguyên)”.

VIII- Chương IX: VIỆC THI HÀNH KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG

1. Sửa lại Điều 49 quy định về hình thức kỷ luật của Đảng (Điều lệ, trang 87) như sau:

“Tuỳ theo tình hình cụ thể, mức độ và tính chất các sai lầm của đảng viên và của tổ chức đảng, tổ chức có thẩm quyền của Đảng sẽ áp dụng các hình thức kỷ luật như sau:

Đối với đảng viên: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ ra khỏi Đảng.

Đối với tổ chức của Đảng: khiển trách, cảnh cáo, giải tán”.

2. Sửa lại Điều 52 như sau:

“Điều 55: Khi nghị quyết về khai trừ đảng viên ra khỏi Đảng hoặc giải tán một tổ chức đảng chưa được cấp uỷ có thẩm quyền chuẩn y thì đảng viên đó vẫn được tham gia sinh hoạt đảng, tổ chức đó vẫn được hoạt động. Việc tạm đình chỉ sinh hoạt Đảng của đảng viên, tạm đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của một cấp uỷ viên hoặc tạm đình chỉ hoạt động của một tổ chức đảng chỉ được áp dụng trong trường hợp hết sức đặc biệt và phải được cấp uỷ có thẩm quyền do Trung ương quy định chuẩn y”.

3. Sửa lại Điều 54 (Điều lệ, trang 98) như sau:

“Điều 57: Chậm nhất là một năm, sau khi đảng viên bị thi hành kỷ luật, tổ chức đảng đã quyết định kỷ luật hoặc chỉ bộ nơi đảng viên sinh hoạt phải nghe đảng viên báo cáo về tình hình sửa chữa khuyết điểm để có kết luận về việc sửa chữa đó; nếu xét thấy đảng viên thật sự đã sửa chữa và tiến bộ thì quyết định hoặc đề nghị lên cấp trên đã quyết định thi hành kỷ luật công nhận đảng viên đã sửa chữa khuyết điểm. Tổ chức đảng không có định kiến trong việc sử dụng, cất nhắc những đảng viên đó”.

* *

*

Ban Chấp hành Trung ương căn cứ vào Nghị quyết này để bổ sung sửa chữa vào Điều lệ Đảng và tổ chức việc làm quán triệt trong toàn Đảng, bảo đảm cho Điều lệ Đảng được triệt để chấp hành.

ĐIỀU LỆ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV
thông qua, đã được Đại hội đại biểu toàn quốc
lần thứ V và lần thứ VI bổ sung

ĐẢNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG

Ngày 3 tháng 2 năm 1930, một sự kiện lịch sử đã đánh dấu bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Đó là việc thành lập Đảng ta, Đảng Cộng sản Đông Dương, được đổi tên là Đảng Lao động Việt Nam từ năm 1951, và ngày nay là Đảng Cộng sản Việt Nam, đảng quang vinh do Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của giai cấp công nhân và của dân tộc, sáng lập, giáo dục và rèn luyện.

Từ đó đến nay, trải qua hơn nửa thế kỷ, Đảng đã lãnh đạo nhân dân cả nước đoàn kết chiến đấu, vượt qua muôn vàn thử thách, gian lao, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Cách mạng Tháng Tám thành công đã lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ oanh liệt, đã giải

phóng một nửa nước, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và mở đầu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ.

Thắng lợi trọn vẹn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, kết thúc bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đã giải phóng hoàn toàn đất nước, thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đưa nước nhà bước vào kỷ nguyên độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi vĩ đại đó có ảnh hưởng to lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, đã nâng dân tộc Việt Nam lên hàng các dân tộc tiên phong trong cuộc đấu tranh vì lý tưởng cao cả của loài người và báo hiệu sự phá sản hoàn toàn không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới do đế quốc Mỹ đứng đầu.

Thắng lợi có ý nghĩa lịch sử to lớn của nhân dân ta trong hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới tây nam và biên giới phía bắc đã ghi thêm vào lịch sử cách mạng nước ta những chiến công oanh liệt mới...

Những thắng lợi có ý nghĩa quốc tế và có tính chất thời đại trên đây chứng tỏ Đảng ta thật sự là một đảng Mác - Lênin vững mạnh, một đội ngũ kiên cường của phong trào cộng sản quốc tế.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM là đảng của giai cấp công nhân Việt Nam, là đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu có tổ chức và tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân Việt Nam. Đảng đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc; đồng thời Đảng làm tròn nghĩa vụ của mình đối với phong trào cộng sản quốc tế.

Đảng gồm những người ưu tú nhất, có giác ngộ cộng sản chủ nghĩa, gương mẫu, dũng cảm và hy sinh nhất trong giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa và các tầng lớp lao động khác, tự nguyện

đứng trong hàng ngũ Đảng để phấn đấu cho mục đích và lý tưởng của Đảng.

Mục đích của Đảng là thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của mình. Đảng vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam, coi trọng việc tổng kết những kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của Đảng và của dân tộc, tiếp thụ những kinh nghiệm tốt của các đảng anh em, những tinh hoa trí tuệ của thời đại, đề ra đường lối, chính sách một cách độc lập, tự chủ để lãnh đạo thắng lợi cách mạng Việt Nam.

Đảng ra sức giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối, chính sách của Đảng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, làm cho tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin chiếm ưu thế tuyệt đối trong đời sống tinh thần của xã hội và trở thành hệ tư tưởng của toàn dân.

Đảng không ngừng nâng cao trình độ lý luận và thực tiễn, bồi dưỡng kiến thức khoa học, kỹ thuật và quản lý cho cán bộ, đảng viên.

Đảng bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, chống mọi khuynh hướng cơ hội hữu và “tả” và khắc phục mọi biểu hiện của chủ nghĩa kinh nghiệm, chủ nghĩa giáo điều và bệnh chủ quan một chiều.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM là hạt nhân lãnh đạo nền chuyên chính vô sản ở nước ta. Đảng có nhiệm vụ thống nhất lãnh đạo mọi hoạt động của Nhà nước và của xã hội, tập trung nỗ lực của toàn dân, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trong cả nước, bảo vệ độc lập, thống nhất vĩnh viễn của Tổ quốc.

Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải tăng cường đoàn kết, ra sức phấn đấu xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa có công, nông nghiệp hiện đại, quốc phòng vững mạnh, văn hóa và khoa học tiên tiến, có cuộc sống văn minh và hạnh phúc.

Để đạt mục tiêu đó, phải nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM kết hợp một cách đúng đắn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản.

Đảng thường xuyên chăm lo tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác toàn diện giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân ta với Đảng, Nhà nước và nhân dân Liên Xô, Lào, Campuchia, các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô

sản, coi đó là một nguyên tắc trong đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta; làm hết sức mình để góp phần tăng cường sự đoàn kết, thống nhất giữa các đảng cộng sản và công nhân trên thế giới; ra sức ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc và đấu tranh cho quyền bình đẳng giữa các dân tộc chống đế quốc xâm lược, chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới,... chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa apácthai, chủ nghĩa xiôn; ra sức ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước tư bản; xây dựng mối quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nước ta và các nước khác trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền dân tộc, bình đẳng và cùng có lợi.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM chăm lo xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng, phát huy mọi khả năng sáng tạo của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản theo nguyên tắc “Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý”.

Đường lối, chính sách của Đảng phải thể hiện ý chí và nguyện vọng chính đáng của nhân dân, Đảng và mỗi đảng viên phải tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, chăm lo đời sống của nhân dân, đi sâu, đi sát quần chúng, tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng làm tròn nghĩa vụ đối với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đảng kiên quyết đấu tranh chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh, chuyên quyền, độc đoán, xa rời thực tế, xa rời quần chúng.

Đảng coi trọng việc tổ chức cho quần chúng góp ý kiến vào đường lối, chính sách của Đảng, tích cực tham gia sinh hoạt chính trị và quản lý Nhà nước, góp phần kiểm tra sự hoạt động của tổ chức Đảng và Nhà nước, kiểm tra tư cách

của cán bộ, đảng viên. Đảng khuyến khích và hoan nghênh quần chúng phê bình công việc của Đảng, của Nhà nước, phê bình cán bộ, đảng viên và thành khẩn tiếp thụ ý kiến phê bình đúng đắn của quần chúng.

Đảng chăm lo xây dựng và củng cố chính quyền, phát huy một cách có hiệu quả chức năng quản lý của Nhà nước chuyên chính vô sản, Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân, thể hiện quyền làm chủ của nhân dân, và thông qua chính quyền mà thực hiện sự lãnh đạo của Đảng đối với xã hội.

Đảng chăm lo xây dựng và củng cố Đoàn Thanh niên, Công đoàn, Hội Phụ nữ và các đoàn thể cách mạng khác của quần chúng, xây dựng Mặt trận Dân tộc thống nhất trên cơ sở liên minh công nông; ra sức phát huy tính tích cực và tính chủ động của các đoàn thể và Mặt trận trong việc giáo dục, vận động và tổ chức quần chúng thực hiện đường lối của Đảng, tích cực tham gia quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, giải quyết các vấn đề thiết thực về đời sống của quần chúng.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM là một khối thống nhất về ý chí và hành động, được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, lấy tự phê bình và phê bình làm một quy luật phát triển và có kỷ luật nghiêm minh.

Tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng. Nguyên tắc ấy một mặt bảo đảm phát huy tính tích cực và tính sáng tạo của mọi tổ chức của Đảng và đảng viên trong việc tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; mặt khác, bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động của Đảng.

Đảng luôn luôn giữ vững lãnh đạo tập thể là nguyên tắc lãnh đạo cao nhất của Đảng, đồng thời kết hợp chặt chẽ lãnh đạo tập thể với cá nhân phụ trách, phát huy tinh thần trách

nhiệm của cá nhân. Dân chủ và kỷ luật trong Đảng phải được xây dựng thành chế độ chặt chẽ. Đảng chống mọi biểu hiện tập trung quan liêu, độc đoán, dân chủ tập thể hình thức, cũng như chống mọi biểu hiện phân tán, cục bộ, bản vị, địa phương chủ nghĩa, tự do vô kỷ luật, bè phái.

Các tổ chức của Đảng từ Trung ương đến cơ sở và mọi đảng viên phải nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình*; cấp trên phải tự phê bình trước cấp dưới và tổ chức tốt việc phê bình từ dưới lên. Tự phê bình và phê bình phải thành thật, thẳng thắn, và nhằm mục đích hoàn thành nhiệm vụ, xây dựng tổ chức, giúp đỡ nhau tiến bộ. Đảng nghiêm cấm những hành động trấn áp phê bình, trù dập cá nhân, và có thái độ nghiêm khắc đối với bất cứ cán bộ, đảng viên và tổ chức nào phạm các khuyết điểm ấy.

Đảng coi việc giữ gìn *đoàn kết nhất trí* trong Đảng trên cơ sở đường lối chính trị và nguyên tắc tập trung dân chủ là sinh mệnh của Đảng, và kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chống mọi biểu hiện chia rẽ, bè phái trong Đảng. Giữa cán bộ, đảng viên phải xây dựng tình thương yêu đồng chí sâu sắc. “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”¹.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM coi việc không ngừng xây dựng và củng cố Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng là nhiệm vụ quyết định đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng. Phải ra sức xây dựng Đảng vững mạnh về cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Công tác tư tưởng và tổ chức phải kết hợp chặt chẽ với nhau; phải xuất phát từ đường lối và

1. *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (B.T).

nhiệm vụ chính trị, đồng thời bảo đảm cho đường lối và nhiệm vụ chính trị của Đảng được xác định đúng, được thấu suốt và thực hiện đầy đủ. Phải qua phong trào cách mạng của quần chúng, qua việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể của quần chúng mà tiến hành công tác xây dựng Đảng, tổ chức cho quần chúng tham gia xây dựng Đảng. Coi trọng kiện toàn tổ chức; phải gắn liền việc xây dựng Đảng với việc kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực và hiệu lực quản lý của Nhà nước, và với việc xây dựng, củng cố các tổ chức quần chúng, các tập thể lao động. Coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên cả về phẩm chất và năng lực; bố trí, sử dụng cán bộ theo yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, quản lý tốt cán bộ, kết hợp chặt chẽ giữa nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên với nâng cao chất lượng của chi bộ, đảng bộ cơ sở, với việc tăng cường cơ quan lãnh đạo và kiện toàn bộ máy tổ chức ở từng cấp, từng ngành. Trong công tác phát triển Đảng, phải coi trọng chất lượng, chống khuynh hướng chạy theo số lượng đơn thuần; phát triển Đảng luôn luôn đi đôi với củng cố Đảng; một mặt kết nạp những người ưu tú, đủ tiêu chuẩn; mặt khác, kịp thời đưa ra khỏi Đảng những phân tử thoái hóa, biến chất và những người không đủ tư cách đảng viên. Cảnh giác đề phòng những phân tử cơ hội và phản động chui vào Đảng.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM nhận rõ sứ mệnh hết sức nặng nề và rất vẻ vang của mình. Trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân và của dân tộc, với chủ nghĩa quốc tế vô sản, Đảng được giai cấp công nhân, nhân dân cả nước hết sức yêu mến và tin tưởng, được giai cấp công nhân và nhân dân thế giới hết lòng ủng hộ. Cán bộ, đảng viên không được vì thế mà tự mãn; trái lại phải hết sức khiêm tốn, ra sức trau dồi phẩm chất, đạo đức cách mạng và nâng cao năng lực của

mình để thật sự “xứng đáng là người lãnh đạo, là người dày tớ thật trung thành của nhân dân”¹.

Toàn Đảng phải làm cho Đảng vững vàng trước mọi thử thách, qua mọi thế hệ, mãi mãi là một đảng Mác - Lênin chân chính, xứng đáng với đồng chí Hồ Chí Minh, lãnh tụ thiên tài của Đảng, của giai cấp công nhân và nhân dân ta, người anh hùng dân tộc vĩ đại, người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế.

CHƯƠNG I

ĐẢNG VIÊN

Điều 1:

Những công dân Việt Nam từ mười tám tuổi trở lên, có lao động, không bóc lột, thừa nhận và nguyện tích cực phấn đấu để thực hiện đường lối chính trị và Điều lệ của Đảng, nguyện hoạt động trong một tổ chức cơ sở đảng, phục tùng kỷ luật của Đảng, sẵn sàng nhận mọi nhiệm vụ Đảng giao và đóng đảng phí theo quy định, đều có thể được xét để công nhận là đảng viên.

Người được công nhận là đảng viên phải là người trải qua rèn luyện trong phong trào cách mạng đã chứng tỏ là người ưu tú nhất trong quần chúng, có đủ các tiêu chuẩn sau đây: có giác ngộ về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, có động cơ vào Đảng đúng đắn; trung thành với Tổ quốc, với chủ nghĩa xã hội; gương mẫu và phát huy tác dụng tích cực trong lao động sản xuất, công tác, chiến đấu và học tập; có liên hệ chặt chẽ với quần chúng, được quần chúng tín nhiệm.

1. *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (B.T).

Điều 2:

Đảng viên có các nhiệm vụ như sau:

1. *Suốt đời hy sinh phấn đấu vì độc lập và tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản; chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng.*

Phải phấn đấu với nhiệt tình cách mạng và ý thức trách nhiệm cao nhất để thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Đảng và mọi nhiệm vụ Đảng giao cho.

Phải gương mẫu trong lao động sản xuất, cải tạo và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, gương mẫu trong công tác, chiến đấu và học tập; đi đầu trong tiếp thụ và ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật; tìm mọi cách tăng năng suất lao động, tăng hiệu suất công tác, hiệu quả chiến đấu; tích cực bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, của nhân dân, chống vô trách nhiệm, lãng phí, tham ô.

2. *Không ngừng học tập và rèn luyện để nâng cao giác ngộ chính trị, phẩm chất cách mạng và năng lực công tác.*

Mỗi đảng viên phải ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, chính sách của Đảng, học tập văn hóa, khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ, đúc kết kinh nghiệm công tác; không ngừng nâng cao năng lực tổ chức và quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Phải thường xuyên tự rèn luyện về mọi mặt, thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, kịp thời sửa chữa những thiếu sót trong công tác và về phẩm chất cách mạng; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chống thoái hóa biến chất và mọi biểu hiện tiêu cực trong lối sống.

3. *Luôn luôn thắt chặt mối liên hệ với quần chúng, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, hết lòng, hết sức phục vụ quần chúng, đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lên trên lợi ích cá nhân.*

Phải tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, chăm lo đời sống của quần chúng, đoàn kết với quần chúng, học tập quần chúng, tìm hiểu nguyện vọng và lắng nghe ý kiến của quần chúng để phản ánh trung thực cho Đảng và kịp thời giải quyết một cách thích đáng.

Phải ủng hộ sáng kiến, nghiên cứu áp dụng kinh nghiệm sáng tạo của quần chúng.

Phải thường xuyên làm công tác tuyên truyền, vận động gia đình và quần chúng thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phát triển ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng, kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, mệnh lệnh, độc đoán, chuyên quyền, xa rời thực tế, xa rời quần chúng.

Phải ra sức xây dựng chính quyền, xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân và các tổ chức quần chúng, nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật Nhà nước, kỷ luật của các đoàn thể cách mạng mà mình tham gia.

4. Chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; phục tùng nghiêm chỉnh kỷ luật của Đảng.

Mọi đảng viên phải tham gia đều đặn sinh hoạt chi bộ, tích cực góp phần xây dựng đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng, bảo vệ và củng cố sự đoàn kết, thống nhất của Đảng; kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, bè phái.

Phải chấp hành không điều kiện các nghị quyết và sự phân công của Đảng.

Phải tìm những người thật tốt để bồi dưỡng tư tưởng, nâng cao giác ngộ về Đảng, và giới thiệu để chi bộ giúp đỡ và xét việc kết nạp vào Đảng.

Phải tự phê bình và phê bình, kiên quyết đấu tranh chống mọi tư tưởng và hành động có hại đến lợi ích của Đảng, của cách mạng.

Phải chăm lo bảo vệ Đảng, bảo vệ đường lối, chính sách,

bảo vệ tổ chức và uy tín của Đảng, giữ gìn bí mật của Đảng và Nhà nước, cảnh giác với mọi âm mưu phá hoại của kẻ địch.

Phải trung thực với Đảng, không giấu giếm, báo cáo sai sự thật và cũng không dung túng cho ai giấu giếm, báo cáo sai sự thật với Đảng.

5. Nêu cao tinh thần quốc tế vô sản, góp phần làm tròn nghĩa vụ quốc tế của Đảng.

Đảng viên phải chấp hành đúng đường lối quốc tế của Đảng. Phải thể hiện tinh thần quốc tế vô sản trong việc phấn đấu làm tốt trách nhiệm thường xuyên của mình để góp phần làm tròn nghĩa vụ quốc tế của Đảng.

Tất cả các đảng viên chính thức và đảng viên dự bị đều phải thực hiện những nhiệm vụ nói trên.

Điều 3:

Đảng viên chính thức có quyền:

1. Thảo luận một cách dân chủ, thẳng thắn các vấn đề về đường lối, chính sách, về lý luận và công tác thực tiễn của Đảng trong các hội nghị của Đảng.

2. Biểu quyết công việc của Đảng; bầu cử, ứng cử hoặc được đề cử vào các cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng.

3. Phê bình, chất vấn về công tác của cán bộ, đảng viên và tổ chức của Đảng trong phạm vi tổ chức. Đối với những vấn đề xét thấy cần, đều có thể báo cáo, đề đạt ý kiến hoặc khiếu nại lên các cơ quan lãnh đạo của Đảng và yêu cầu được trả lời.

4. Đối với các nghị quyết của Đảng, phải chấp hành không điều kiện, nhưng nếu có điều nào không đồng ý thì vẫn có thể đề đạt ý kiến của mình lên các cơ quan lãnh đạo của Đảng cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc.

5. Được trình bày ý kiến khi tổ chức của Đảng quyết định

kỷ luật đối với mình hay nhận xét để ra quyết định về hoạt động hoặc đạo đức của mình.

Các đảng viên dự bị được hưởng các quyền trên đây, trừ quyền biểu quyết và quyền bầu cử, ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của Đảng.

Điều 4:

Việc kết nạp người vào Đảng phải tiến hành từng người một theo đúng các thủ tục sau đây:

1. Người xin vào Đảng phải hoàn toàn tự nguyện, phải làm đơn xin vào Đảng và phải báo cáo rõ và đúng lý lịch của mình cho chi bộ xét.

2. Phải được hai đảng viên chính thức có ít nhất hai năm tuổi đảng và đã cùng công tác một năm trở lên bảo đảm là có đủ tiêu chuẩn vào Đảng. Đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, nếu được chi đoàn thảo luận và nhận xét là có đủ tiêu chuẩn vào Đảng và được Ban Chấp hành của Đoàn ở cơ sở (xí nghiệp, xã, phường, cơ quan, trường học, v.v.) bảo đảm thì chỉ cần một đảng viên chính thức có đủ điều kiện nói trên bảo đảm.

Trong hoàn cảnh đặc biệt, điều kiện cùng công tác một năm trở lên được miễn áp dụng theo một quy định cụ thể của Ban Chấp hành Trung ương.

Ở nơi có chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, người trong lứa tuổi thanh niên phải là đoàn viên mới được kết nạp vào Đảng.

Người bảo đảm phải báo cáo với Đảng về lý lịch, phẩm chất, năng lực của người mình bảo đảm và chịu trách nhiệm trước Đảng về những lời bảo đảm của mình. Nếu có điểm chưa rõ thì phải báo cáo để tổ chức đảng điều tra, xem xét.

Người vào Đảng không được phạm những điều do Trung ương quy định về lịch sử chính trị.

3. Phải được hội nghị chi bộ xét và quyết định kết nạp vào Đảng từng người một, với sự đồng ý ít nhất của hai phần ba số đảng viên chính thức của chi bộ.

Trước khi chi bộ xét và quyết định kết nạp đảng viên, thì tổ đảng, chi uỷ phải xem xét kỹ lý lịch, trình độ giác ngộ, phẩm chất, năng lực và động cơ của người xin vào Đảng, để bảo đảm là người đó có đủ tiêu chuẩn vào Đảng.

Phải tổ chức lấy ý kiến nhận xét của quần chúng về người định kết nạp vào Đảng, kiểm tra lại công tác tuyên truyền riêng đối với người xin vào Đảng và phải bảo đảm là người đó đã được giải thích kỹ về Điều lệ Đảng, được tuyên truyền, giáo dục kỹ về đường lối, chính sách của Đảng.

Sau khi chi bộ quyết định kết nạp người vào Đảng, phải công bố cho quần chúng biết, trừ trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật.

4. Nghị quyết của chi bộ về kết nạp đảng viên phải được đảng uỷ cơ sở (nếu có) đồng ý và cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở (thị uỷ, huyện uỷ, v.v.) chuẩn y.

Việc chuẩn y kết nạp đảng viên phải tiến hành trên cơ sở xét từng người một sau khi đã thẩm tra lại kỹ lưỡng các kết luận của chi bộ, ý kiến của quần chúng và việc chấp hành các thủ tục kết nạp đảng viên.

5. Người được kết nạp vào Đảng phải trải qua một thời kỳ dự bị. Việc công nhận là đảng viên chính thức phải được ít nhất hai phần ba đảng viên chính thức của chi bộ đồng ý.

Mấy thủ tục đặc biệt:

- Ở những nơi chưa có tổ chức cơ sở đảng, cơ quan lãnh đạo cấp trên của Đảng có thể trực tiếp kết nạp đảng viên, nhưng vẫn phải theo đúng thủ tục: Người muốn vào Đảng

phải tự yêu cầu và làm đơn xin vào Đảng, có hai đảng viên chính thức ít nhất có hai năm tuổi đảng bảo đảm, và do cấp uỷ có trách nhiệm thẩm tra lại kỹ lưỡng trước khi quyết định kết nạp vào Đảng và quyết định công nhận là đảng viên chính thức. Người bảo đảm có thể là đảng viên do cấp uỷ cử về để thẩm tra, tuyên truyền, giáo dục trước khi đề nghị kết nạp.

Nơi đã có tổ chức cơ sở đảng nhưng chưa có đảng viên chính thức có đủ hai năm tuổi đảng thì người bảo đảm có thể là đảng viên có đủ hai năm tuổi đảng do cấp uỷ cấp trên cử về để giúp chỉ bộ thẩm tra, xem xét người xin vào Đảng nếu chỉ bộ đồng ý kết nạp họ vào Đảng.

- Đối với đảng viên của đảng phái khác, Ban Chấp hành Trung ương sẽ tuỳ theo hoàn cảnh mà quyết định chủ trương có kết nạp vào Đảng hay không. Trong trường hợp được kết nạp thì Ban Chấp hành Trung ương sẽ quy định các thủ tục riêng.

Điều 5:

Về thời kỳ dự bị quy định như sau:

1. Thời gian dự bị là mười hai tháng.
2. Thời kỳ dự bị tính từ ngày chỉ bộ tuyên bố kết nạp vào Đảng.
3. Trong thời kỳ dự bị, chỉ bộ cần tiếp tục giáo dục, rèn luyện, thử thách để đảng viên dự bị có đủ điều kiện được công nhận là đảng viên chính thức. Người đảng viên dự bị phải được bồi dưỡng thêm những điều cần thiết về lý luận Mác - Lênin và đường lối, chính sách của Đảng, về nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng, về quan hệ giữa đảng viên và quần chúng, về công tác vận động quần chúng của đảng

viên, v.v., chi bộ cần phân công đảng viên có uy tín, có năng lực giúp đảng viên đó tiến bộ.

Điều 6:

Khi hết thời kỳ dự bị, người đảng viên dự bị phải được xét kịp thời để được công nhận là đảng viên chính thức. Việc này phải do đảng viên dự bị đề nghị, hội nghị chi bộ thảo luận để xét từng người một và biểu quyết như khi xét kết nạp. Nếu xét thấy không đủ tư cách để được công nhận là đảng viên chính thức hoặc nếu chưa hết thời kỳ dự bị mà xét thấy không đủ tư cách đảng viên thì xóa tên trong danh sách đảng viên dự bị.

Nghị quyết của chi bộ về việc công nhận là đảng viên chính thức và việc xóa tên trong danh sách đảng viên dự bị phải được sự chuẩn y của cấp uỷ có thẩm quyền chuẩn y việc kết nạp người vào Đảng.

Tuổi đảng của đảng viên tính từ ngày được chi bộ quyết định công nhận là đảng viên chính thức.

Điều 7:

Việc phát và thu hồi thẻ đảng, quản lý giấy tờ về Đảng của đảng viên do Ban Chấp hành Trung ương quy định. Đảng viên chuyển đi nơi khác phải được cấp uỷ đảng giới thiệu theo đúng thủ tục do Ban Chấp hành Trung ương quy định để tham gia tổ chức đảng nơi đến.

Điều 8:

Nếu đảng viên phạm sai lầm, khuyết điểm thì tổ chức đảng cần kịp thời giáo dục, hoặc thi hành kỷ luật của Đảng. Đối với những người xét không đủ tư cách đảng viên thì phải kịp thời đưa ra khỏi Đảng theo đúng các thủ tục của Đảng.

Nếu đảng viên xin ra khỏi Đảng thì chi bộ quyết định cho ra khỏi Đảng và báo cáo lên cấp trên cho đến cấp chuẩn y kết nạp đảng viên để kiểm tra lại.

Điều 9:

Đảng viên nào bỏ sinh hoạt chi bộ hoặc không đóng đảng phí trong ba tháng liên mà không có lý do chính đáng thì chi bộ quyết định xóa tên trong danh sách đảng viên và báo cáo lên cấp uỷ cấp trên cho đến cấp chuẩn y kết nạp đảng viên để kiểm tra lại.

CHƯƠNG II

**NGUYÊN TẮC TẬP TRUNG DÂN CHỦ
VÀ HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG**

Điều 10:

Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Những điều căn bản của nguyên tắc ấy là:

1. Các cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng đều do bầu cử dân chủ mà lập ra.

2. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc, của các cấp bộ đảng là Đại hội đại biểu các cấp, của các tổ chức cơ sở đảng là Đại hội đại biểu hoặc Đại hội đảng viên. Giữa hai kỳ Đại hội, cơ quan lãnh đạo mỗi cấp là ban chấp hành do Đại hội cùng cấp bầu ra.

Các ban chấp hành phải báo cáo và chịu trách nhiệm trước Đại hội cấp mình, trước cơ quan lãnh đạo cấp trên và đảng bộ cấp dưới.

3. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng phải thực hiện đúng nguyên tắc lãnh đạo tập thể. Lãnh đạo tập thể phải

đi đôi với cá nhân phụ trách, phát huy tinh thần trách nhiệm cá nhân.

4. Các công việc của Đảng đều phải tuân theo tính chất quan trọng của từng vấn đề mà do những cơ quan có đủ thẩm quyền của Đảng giải quyết.

Những vấn đề về đường lối, chính sách cơ bản của Đảng, những vấn đề có tầm quan trọng chung đối với toàn quốc đều phải do cơ quan lãnh đạo toàn quốc của Đảng (Đại hội đại biểu toàn quốc, Ban Chấp hành Trung ương) quyết định. Những vấn đề thuộc trách nhiệm và quyền hạn của địa phương thì các tổ chức đảng có trách nhiệm ở địa phương phải chủ động giải quyết trong phạm vi không trái với đường lối, chính sách của Đảng và các quyết định của cấp trên.

5. Nghị quyết của các hội nghị của Đảng đều phải được biểu quyết theo đa số. Trước khi biểu quyết, các đảng viên đều được trình bày hết ý kiến của mình.

6. Các nghị quyết của Đảng phải được chấp hành không điều kiện. Cá nhân đảng viên phải phục tùng tổ chức và kỷ luật của Đảng, thiểu số phục tùng đa số, tổ chức cấp dưới phục tùng tổ chức có thẩm quyền ở cấp trên; các tổ chức đảng trong toàn quốc phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương. Trong Đảng, tuyệt đối không được bè phái.

Điều 11:

Tổ chức của Đảng được lập ra theo đơn vị hành chính, đơn vị sản xuất hoặc công tác. Thành lập một đảng bộ mới hoặc bãi bỏ một đảng bộ sẵn có phải do cấp trên trực tiếp quyết định báo cáo lên cấp trên nữa để biết.

Trong những trường hợp đặc biệt, các tổ chức đảng ở những đơn vị trực thuộc các bộ, sở hoạt động lưu động và

phân tán trong phạm vi nhiều địa phương, hoặc có những hoàn cảnh đặc biệt, cần giữ bí mật, mà không thể giao về đảng bộ địa phương được, thì có thể được đặt dưới sự chỉ đạo của một ban cán sự do Ban Chấp hành Trung ương hoặc cấp uỷ tỉnh, thành phố trực thuộc chỉ định, hoặc được tổ chức cùng với tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan thành một đảng bộ bộ, sở do đảng uỷ bộ, sở trực tiếp lãnh đạo. Trường hợp đảng viên ở các đơn vị ấy có ít thì nhập vào tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan bộ, sở... để hoạt động.

Ban Chấp hành Trung ương sẽ quy định chặt chẽ điều kiện thành lập, nhiệm vụ, quyền hạn và các mối quan hệ tuỳ thuộc của các tổ chức đảng nói trên, và quy định mối quan hệ giữa các tổ chức đó với cấp uỷ địa phương.

Hệ thống chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh, thành phố trực thuộc sẽ do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

Ở những khu vực hoặc đơn vị có tầm quan trọng đặc biệt về kinh tế, chính trị, v.v., Ban Chấp hành Trung ương có thể lập ra những tổ chức đặc biệt của Đảng và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, cách tổ chức của các tổ chức đó.

Trong trường hợp đặc biệt và rất hạn chế, nếu được Ban Chấp hành Trung ương ra quyết định thì mới được lập tổ chức của Đảng theo hệ thống ngành dọc.

Điều 12:

Việc bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng phải bảo đảm đầy đủ tính chất dân chủ và phải được chuẩn bị chu đáo để việc lựa chọn các thành viên được chính xác. Phải bảo đảm có sự đổi mới và bảo đảm tính kế thừa, tính liên tục trong ban chấp hành.

Danh sách những người ứng cử và những người được đề cử phải được những người bầu cử thảo luận, người bầu cử có quyền nhận xét, chất vấn các vấn đề cần thiết về người ứng cử, bầu hay không bầu đối với mỗi người ứng cử, không một cơ quan hay một đảng viên nào được gò ép. Danh sách những người ứng cử và được đề cử phải được Đại hội thông qua.

Việc bầu cử phải được tiến hành bằng cách bỏ phiếu kín. Đoàn Chủ tịch Đại hội tổ chức và hướng dẫn việc bầu cử theo đúng các nguyên tắc và thủ tục.

Điều 13:

Các đại biểu đi dự Đại hội đại biểu các cấp đều phải do bầu cử từ dưới lên.

Việc chỉ định một số đại biểu đi dự Đại hội chỉ được tiến hành đối với một số đảng bộ hoạt động trong điều kiện đặc biệt không thể mở Đại hội đại biểu để tổ chức bầu cử được, theo quy định cụ thể của Ban Chấp hành Trung ương.

Danh sách các đại biểu đi dự Đại hội đại biểu phải được Đại hội đại biểu thẩm tra và quyết định; cấp uỷ không được bác bỏ tư cách đại biểu do cấp dưới cử ra. Những trường hợp được cử không theo đúng các nguyên tắc bầu cử do Trung ương quy định thì phải tổ chức bầu lại.

Phải có quá hai phần ba số đại biểu chính thức được triệu tập đến tham dự, thay mặt cho quá hai phần ba số đảng viên và quá hai phần ba số đảng bộ trực thuộc thì Đại hội đại biểu mới có giá trị.

Điều 14:

Đại hội đại biểu toàn quốc và Đại hội các cấp phải được triệu tập đúng kỳ hạn. Giữa hai kỳ Đại hội đại biểu, trong trường hợp đặc biệt, khi cần quyết định những vấn đề quan

trọng hoặc bổ sung một số ủy viên ban chấp hành thì Ban Chấp hành Trung ương và các cấp có thể triệu tập Hội nghị đại biểu (Hội nghị đại biểu toàn quốc, Hội nghị đại biểu tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thành phố, thị xã, huyện, quận). Hội nghị đại biểu gồm các ủy viên trong cấp ủy đứng ra triệu tập và các đại biểu do cấp ủy cấp dưới cử lên theo quy định chung của Ban Chấp hành Trung ương.

Nghị quyết của Hội nghị đại biểu phải được cấp ủy triệu tập hội nghị và các đảng bộ cấp dưới chấp hành. Nếu tập thể cấp ủy triệu tập Hội nghị đại biểu có điểm chưa nhất trí với nghị quyết về công tác của Hội nghị đại biểu thì xin ý kiến quyết định của cấp trên. Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc phải được Ban Chấp hành Trung ương thông qua. Những ủy viên được bầu cử bổ sung vào các cấp ủy địa phương phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y.

Điều 15:

Ban chấp hành các cấp từ huyện trở lên và ban chấp hành những tổ chức cơ sở đảng có trên 500 đảng viên, gồm một số ủy viên chính thức và một số ủy viên dự khuyết. Ban chấp hành của các tổ chức cơ sở khác (đảng ủy cơ sở xí nghiệp, xã, cơ quan, trường học, bệnh viện, v.v.) nếu xét cần, được các cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc đồng ý cũng có thể có ủy viên dự khuyết. Các ủy viên dự khuyết được tham dự và thảo luận ở Hội nghị ban chấp hành, nhưng không có quyền biểu quyết.

Khi ủy viên chính thức của ban chấp hành các cấp thiếu thì ban chấp hành chọn trong số ủy viên dự khuyết lên thay. Nếu hết ủy viên dự khuyết mà vẫn thiếu thì Hội nghị đại biểu bầu cử bổ sung hoặc cấp ủy cấp trên chỉ định.

Ban chấp hành cấp dưới phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y.

Ban chấp hành cấp trên, trong trường hợp thật cần thiết có thể điều động hoặc chỉ định một số ủy viên của ban chấp hành cấp dưới. Số ủy viên này không được quá một phần ba số ủy viên do Đại hội cấp dưới đã cử ra.

Đối với các đảng bộ mới thành lập, nếu chưa thể tiến hành Đại hội ngay được thì ban chấp hành cấp trên tạm thời chỉ định ban chấp hành lâm thời các đảng bộ đó và định thời gian chậm nhất trong vòng sáu tháng phải tổ chức Đại hội để bầu cử ban chấp hành chính thức.

Điều 16:

Các cơ quan lãnh đạo của Đảng và cán bộ lãnh đạo cấp trên phải thường xuyên lắng nghe ý kiến của tổ chức cấp dưới và đảng viên, tiếp thu sáng kiến và kinh nghiệm của họ; phải báo cáo và tự phê bình trước cấp dưới, tổ chức cho cấp dưới và đảng viên phê bình, kiểm tra công tác của mình.

Cơ quan lãnh đạo cấp dưới và cán bộ, đảng viên phải tôn trọng sự lãnh đạo tập trung thống nhất của cấp trên; phải chấp hành nghiêm chỉnh, không điều kiện và triệt để các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên, của tập thể; nếu có ý kiến khác thì phải đề đạt với cơ quan có thẩm quyền cùng cấp hoặc cấp trên xét và quyết định, nhưng đồng thời vẫn phải tuyệt đối chấp hành. Gặp các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cấp trên, của tập thể thì đề xuất ý kiến và kịp thời báo cáo, xin chỉ thị. Đồng thời phải hết sức phát huy tính tích cực và tính sáng tạo để giải quyết các vấn đề thuộc trách nhiệm của mình.

Mỗi tổ chức và đảng viên phải nghiêm chỉnh thực hiện chế độ dân chủ nội bộ, sử dụng đúng quyền dân chủ trong

Đảng, đấu tranh chống mọi biểu hiện vi phạm dân chủ, độc đoán; gia trưởng, thẳng thắn phê bình, góp ý kiến với tổ chức và cán bộ lãnh đạo của Đảng. Phải nắm vững nguyên tắc: bộ phận phải phục tùng toàn bộ, không được bản vị, cục bộ, địa phương chủ nghĩa; các địa phương, các ngành, các tổ chức cần phát huy tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa và giúp đỡ nhau trong công tác.

Điều 17:

Các tổ chức của Đảng và đảng viên phải nói và làm theo nghị quyết của Đảng, không được giải thích sai lệch theo quan điểm riêng của mình, không được tuyên truyền ý kiến riêng của mình về các vấn đề đường lối, chính sách, chủ trương thuộc quyền quyết định của cơ quan lãnh đạo cấp trên và cấp mình.

Báo chí của Đảng phải tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, các nghị quyết của Trung ương Đảng, của tổ chức cấp trên và của cấp mình.

Trong các Hội nghị quần chúng và trên các báo chí, cán bộ, đảng viên khi phát biểu ý kiến, đều phải theo đường lối, chính sách và các nghị quyết của Đảng.

Điều 18:

Ban chấp hành các cấp của Đảng, tùy theo sự cần thiết được lập ra các cơ quan (Ban, Tiểu ban, Ban cán sự) giúp việc. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn và cách làm việc của cơ quan này do cấp uỷ lập ra quyết định dựa theo quy định chung của Ban Chấp hành Trung ương.

Gặp những việc đặc biệt, các cấp uỷ có thể lập ra những ban đặc biệt, xong việc rồi thì giải tán.

Các cấp uỷ phải xây dựng và sử dụng tốt các ban, làm cho các ban thật sự là cơ quan tham mưu đắc lực của mình.

CHƯƠNG III

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CAO NHẤT CỦA ĐẢNG

Điều 19:

Đại hội đại biểu toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng, do Ban Chấp hành Trung ương triệu tập, thường lệ 5 năm một lần. Khi có tình hình đặc biệt, Ban Chấp hành Trung ương có thể triệu tập Đại hội sớm hơn hoặc chậm lại một thời gian, không quá một năm. Trong trường hợp phải chậm lại, Ban Chấp hành Trung ương thảo luận tập thể, thông tri rõ lý do cho các cấp bộ đảng biết.

Nếu xét thấy cần, hoặc có quá một phần hai số cấp uỷ trực thuộc yêu cầu, thì Ban Chấp hành Trung ương triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường.

Số đại biểu chính thức và số đại biểu dự khuyết dự Đại hội đại biểu toàn quốc và cách thức ứng cử và bầu cử đều do Ban Chấp hành Trung ương căn cứ vào tình hình chính trị chung, vào số lượng đảng viên và sự quan trọng của mỗi đảng bộ trực thuộc mà quyết định.

Trước khi họp Đại hội đại biểu toàn quốc, Ban Chấp hành Trung ương nêu các vấn đề sẽ bàn ở Đại hội cho các cấp bộ đảng thảo luận.

Điều 20:

Nhiệm vụ của Đại hội đại biểu toàn quốc là: xét và chuẩn y các báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương, định đường lối đối nội, đối ngoại của Đảng và các vấn đề cơ bản

nhất về tình hình và nhiệm vụ của Đảng trong từng thời kỳ; quyết định bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ Đảng; cử Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Điều 21:

Giữa hai kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc, Ban Chấp hành Trung ương là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương Đảng là 5 năm.

Số uỷ viên chính thức và số uỷ viên dự khuyết của Ban Chấp hành Trung ương do Đại hội đại biểu toàn quốc quyết định.

Điều 22:

Nhiệm vụ của Ban Chấp hành Trung ương là: lãnh đạo toàn bộ công tác của Đảng trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc; chấp hành các nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc và Điều lệ của Đảng; quyết định các vấn đề quan trọng về kế hoạch nhà nước và các chính sách đối nội, đối ngoại của Đảng; thay mặt Đảng liên lạc với các đảng anh em trên thế giới; thành lập các cơ quan chuyên môn, các ban cán sự của Đảng, thành lập các đảng đoàn trong các cơ quan dân cử của bộ máy Nhà nước và của các đoàn thể nhân dân có tính chất toàn quốc, và lãnh đạo các cơ quan, các đảng đoàn đó hoạt động; quản lý và phân phối cán bộ; định đảng phí, quản lý và phân phối tài chính của Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương thường lệ sáu tháng họp một lần và cứ sáu tháng một lần báo cáo tình hình chung và công việc đã làm cho cấp dưới, đồng thời nêu các vấn đề cần thiết cho cấp dưới thảo luận và góp ý kiến với Trung ương.

Điều 23:

Ban Chấp hành Trung ương họp hội nghị toàn thể cử ra

Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đồng thời cử Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương. Số ủy viên Bộ Chính trị và số Bí thư do Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương quyết định. Ngoài số ủy viên chính thức, Bộ Chính trị có một số ủy viên dự khuyết.

Bộ Chính trị thay mặt Ban Chấp hành Trung ương lãnh đạo công tác của Đảng giữa hai kỳ Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương trên cơ sở các nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc và của Ban Chấp hành Trung ương.

Bộ Chính trị, thường kỳ và theo yêu cầu của Ban Chấp hành Trung ương, báo cáo công việc của mình trước Ban Chấp hành Trung ương.

Ban Bí thư lãnh đạo công việc hằng ngày của Đảng, nhất là công tác cán bộ, công tác đảng viên và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Đảng.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC ĐẢNG Ở CẤP TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ, HUYỆN, QUẬN

Điều 24:

Đại hội đại biểu tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi tắt là thành phố trực thuộc), do ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc (gọi tắt là tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc) triệu tập 5 năm một lần. Đại hội đại biểu thành phố trực thuộc tỉnh (gọi tắt là thành phố), thị xã, huyện, quận do ban chấp hành các cấp ấy (gọi tắt là thành ủy, thị ủy, huyện ủy, quận ủy) triệu tập thường lệ 5 năm hai lần theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương. Khi có tình hình đặc

biệt, hội nghị toàn thể ban chấp hành các cấp nói trên có thể triệu tập sớm hơn hoặc chậm lại một thời gian, không quá sáu tháng, nhưng phải thông tri rõ lý do cho các đảng bộ cấp dưới biết để trình bày ý kiến và phải được cấp uỷ cấp trên đồng ý. Nếu quá một phần hai số cấp uỷ trực thuộc thấy vẫn cần thiết và có thể mở Đại hội đại biểu thì Hội nghị toàn thể ban chấp hành phải thảo luận để quyết định triệu tập Đại hội đại biểu.

Các cấp uỷ không được vì những khó khăn thông thường mà trì hoãn việc triệu tập Đại hội đại biểu. Nếu xét thấy cần, hoặc quá một phần hai số cấp uỷ trực thuộc yêu cầu mà được ban chấp hành cấp trên đồng ý thì cấp uỷ triệu tập Đại hội đại biểu bất thường. Trước khi tiến hành Đại hội, ban chấp hành phải nêu các vấn đề sẽ bàn ở Đại hội cho các cấp bộ đảng thảo luận.

Điều 25:

Nhiệm vụ của Đại hội đại biểu các cấp nói trên là: xét và chuẩn y báo cáo của ban chấp hành; thảo luận và quyết định nhiệm vụ, các chủ trương công tác quan trọng thuộc phạm vi địa phương, thảo luận các vấn đề do Ban Chấp hành Trung ương hoặc cấp trên đề ra nếu có; cử ban chấp hành và cử đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc hoặc cấp trên nếu có. Số uỷ viên chính thức và số uỷ viên dự khuyết của ban chấp hành do Đại hội đại biểu ấn định dựa theo quy định chung của Ban Chấp hành Trung ương.

Điều 26:

Nhiệm kỳ của cấp uỷ tỉnh, thành phố trực thuộc là 5 năm. Giữa nhiệm kỳ, cấp uỷ triệu tập hội nghị đại biểu với nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định ở điều 14. Ở cấp

huyện, quận, thành phố trực thuộc tỉnh, thị xã thì cứ 5 năm có hai nhiệm kỳ theo thời gian cụ thể do Ban Chấp hành Trung ương hướng dẫn.

Hội nghị toàn thể ban chấp hành tỉnh, thành phố trực thuộc do ban thường vụ triệu tập thường lệ ba tháng một lần. Hội nghị toàn thể ban chấp hành thành phố trực thuộc tỉnh, thị xã, huyện, quận thường lệ ba tháng họp hai lần. Trong trường hợp cần thiết thì có thể họp bất thường.

Điều 27:

Nhiệm vụ của ban chấp hành là: chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng, các nghị quyết của Đại hội đại biểu đảng bộ, các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên, lãnh đạo các tổ chức ở địa phương hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước và mọi nhiệm vụ chính trị của địa phương; không ngừng chăm lo xây dựng, củng cố tổ chức và phát huy vai trò của chính quyền, của các đoàn thể quần chúng, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân; thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng về mọi mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức, nâng cao chất lượng lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng ở địa phương; thành lập các ban, các ban cán sự của cấp uỷ, các đảng đoàn ở địa phương và lãnh đạo các cơ quan ấy hoạt động; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ ở địa phương; căn cứ vào chế độ do Trung ương quy định, quản lý và phân phối cán bộ, quản lý và phân phối tài chính của Đảng; tham gia vào việc xây dựng và cụ thể hoá đường lối, chính sách của Đảng.

Các ban chấp hành phải báo cáo tình hình chung và công tác của mình lên Ban Chấp hành Trung ương hoặc cấp uỷ cấp trên theo đúng kỳ hạn do Trung ương và cấp uỷ cấp trên

quy định; và cứ ba tháng một lần, báo cáo tình hình chung và công việc đã làm cho tổ chức đảng cấp dưới; từng thời gian, ít nhất sáu tháng một lần, nêu các vấn đề cần thiết cho cấp dưới thảo luận để đề đạt ý kiến và phê bình sự lãnh đạo của cấp trên.

Điều 28:

Hội nghị toàn thể tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc, thành uỷ, thị uỷ, huyện uỷ, quận uỷ cử ra ban thường vụ, bí thư và các phó bí thư.

Số uỷ viên trong ban thường vụ và số phó bí thư do Hội nghị toàn thể ban chấp hành quyết định dựa theo một quy định chung của Ban Chấp hành Trung ương.

Bí thư tỉnh, thành phố trực thuộc phải có ít nhất 10 năm tuổi đảng và phải được Ban Chấp hành Trung ương chuẩn y. Bí thư thành uỷ, thị uỷ, huyện uỷ, quận uỷ phải có ít nhất 5 năm tuổi đảng và phải được cấp uỷ cấp trên trực tiếp chuẩn y.

Ban thường vụ là cơ quan thay mặt ban chấp hành lãnh đạo mọi công tác của đảng bộ giữa hai nhiệm kỳ Hội nghị toàn thể ban chấp hành, phải báo cáo tình hình chung và công việc đã làm trước ban chấp hành theo định kỳ, trong các phiên họp thường lệ của ban chấp hành và khi xét thấy cần thiết.

Bí thư và các phó bí thư căn cứ vào các nghị quyết của ban chấp hành, của ban thường vụ, các chỉ thị của cấp trên, giải quyết công việc hằng ngày của Đảng và tổ chức kiểm tra việc chấp hành các nghị quyết, chỉ thị ấy. Bí thư và các phó bí thư có chế độ làm việc tập thể dựa theo quy định chung của Ban Chấp hành Trung ương.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC CƠ SỞ CỦA ĐẢNG

Điều 29:

Các tổ chức cơ sở đảng lập thành nền tảng của Đảng, nối liền Đảng và các cơ quan lãnh đạo cấp trên của Đảng với quần chúng công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp nhân dân lao động khác, là nơi giáo dục, rèn luyện, kết nạp và sàng lọc đảng viên, nơi đào tạo cán bộ cho Đảng, nơi xuất phát để cử ra cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng, nơi trực tiếp đưa đường lối, chính sách của Đảng vào quần chúng và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách ấy.

Trong mỗi đơn vị cơ sở (xí nghiệp, cửa hàng, hợp tác xã, bệnh viện, trường học, đơn vị cơ sở trong Quân đội nhân dân, xã, phường, xí nghiệp liên hợp, viện nghiên cứu khoa học, hoặc công ty được xác định là đơn vị cơ sở, v.v.) nếu có từ ba đảng viên chính thức trở lên thì thành lập một chi bộ hoặc đảng bộ cơ sở gọi chung là tổ chức cơ sở đảng.

Nếu không đủ ba đảng viên chính thức thì ghép các đồng chí ấy vào một tổ chức cơ sở gần đó mà sinh hoạt hoặc thành lập một chi bộ dự bị nếu có đủ ba đảng viên chính thức và dự bị. Chi bộ dự bị bàn biện pháp để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên trong đơn vị mình. Chi bộ dự bị không quyết định thi hành kỷ luật đảng viên, không kết nạp đảng viên, mà chỉ đề đạt ý kiến về những công tác đó với cấp uỷ cấp trên.

Trong trường hợp một bộ phận của xí nghiệp liên hợp (hoặc viện nghiên cứu khoa học, v.v.) ở cách xa nơi đơn vị đóng thì tổ chức đảng ở các bộ phận ấy có thể đặt trực thuộc cấp uỷ địa phương nơi bộ phận ấy hoạt động. Đảng uỷ xí

nghiệp liên hợp... được đặt quan hệ với tổ chức đảng ở bộ phận đó và với cấp uỷ địa phương để phối hợp hoạt động, trao đổi kinh nghiệm.

Tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, thị trấn bao gồm các tổ chức đảng hoạt động trong phạm vi một xã, một phường, một thị trấn.

Điều 30:

Hình thức tổ chức của tổ chức cơ sở đảng, căn cứ vào yêu cầu của công tác lãnh đạo và số lượng đảng viên, được quy định như sau:

a) Tổ chức cơ sở đảng có thể gồm một hoặc nhiều chi bộ. Chi bộ là tổ chức tế bào cơ bản của Đảng, là hạt nhân lãnh đạo và chiến đấu của Đảng trong quần chúng, là trường học giáo dục, rèn luyện mọi đảng viên, nơi kết nạp đảng viên và thi hành kỷ luật đối với đảng viên, phân công và kiểm tra công tác của đảng viên.

b) Tổ chức cơ sở đảng có ba mươi đảng viên trở xuống thì sau khi được cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định, sẽ thành lập một chi bộ và họp Đại hội đảng viên để cử ra ban chấp hành chi bộ (gọi tắt là chi uỷ). Chi bộ có thể được chia ra nhiều tổ đảng.

c) Tổ chức cơ sở đảng có trên ba mươi đảng viên, sau khi được cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định có thể họp Đại hội đại biểu hoặc Đại hội đảng viên để cử ra ban chấp hành của tổ chức cơ sở đảng (gọi tắt là đảng uỷ cơ sở: đảng uỷ xí nghiệp, xã, cơ quan, v.v.). Dưới đảng uỷ cơ sở thì căn cứ theo đơn vị sản xuất, đơn vị công tác hay nơi ở mà thành lập một số chi bộ. Chi bộ họp Đại hội đảng viên cử ra ban chi uỷ.

Trong trường hợp đặc biệt, tổ chức cơ sở đảng chưa có đủ ba mươi đảng viên, nhưng do đặc điểm về sản xuất, công tác

hoặc do địa điểm phân tán, mà xét phải chia ra làm nhiều chi bộ, thì phải được tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc đồng ý. Ngược lại, tổ chức cơ sở đảng tuy đông quá ba mươi đảng viên cho đến năm mươi đảng viên, nhưng xét không cần phải thành lập đảng uỷ cơ sở, nếu được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý thì có thể chỉ gồm một chi bộ.

d) Ở những đơn vị cơ sở lớn mà trong một bộ phận tổ chức của đơn vị ấy (như phân xưởng ở xí nghiệp, khoa ở trường học, cục ở các bộ, hợp tác xã ở các xã có nhiều hợp tác xã, v.v.) có trên ba mươi đảng viên, nếu đảng uỷ cơ sở xét thấy cần thiết và được cấp trên trực tiếp đồng ý thì tổ chức đảng ở bộ phận đó (như tổ chức đảng ở phân xưởng, khoa, cục, hợp tác xã, v.v.) được chia ra làm nhiều chi bộ; tổ chức đảng ở bộ phận hợp Đại hội đảng viên hoặc Đại hội đại biểu để cử ra ban chấp hành của tổ chức đảng ở bộ phận (gọi tắt là đảng uỷ bộ phận như: đảng uỷ phân xưởng, khoa, hợp tác xã, v.v.).

Điều 31:

Đại hội đại biểu hay Đại hội đảng viên của tổ chức cơ sở đảng có thành lập đảng uỷ cơ sở được triệu tập 5 năm hai lần ăn khớp với thời gian triệu tập Đại hội đại biểu đảng bộ thành phố trực thuộc tỉnh, thị xã, huyện, quận. Giữa hai nhiệm kỳ Đại hội, hằng năm đảng uỷ cơ sở mở hội nghị đại biểu gồm đại biểu do các chi uỷ, các đảng uỷ bộ phận (nếu có) cử ra để quyết định nhiệm vụ của đảng bộ và bầu cử bổ sung đảng uỷ cơ sở nếu cần. Đại hội của tổ chức đảng ở các bộ phận và của chi bộ thường lệ mỗi năm họp một lần. Trong trường hợp cần thiết được cấp trên trực tiếp đồng ý hoặc do quá một phần hai số cấp uỷ trực thuộc yêu cầu thì đảng uỷ cơ sở, đảng uỷ bộ phận triệu tập Đại hội bất thường. Chi bộ thường lệ họp mỗi tháng một lần.

Điều 32:

Đại hội đại biểu hay là Đại hội đảng viên của tổ chức cơ sở đảng, của tổ chức đảng ở bộ phận hay của chi bộ, xét và chuẩn y báo cáo của đảng ủy cơ sở, của đảng ủy bộ phận hoặc của chi ủy; thảo luận và quyết định các vấn đề về chủ trương công tác quan trọng trong đơn vị mình; thảo luận các vấn đề do cấp trên đề ra nếu có; đến kỳ hạn cử đảng ủy cơ sở, đảng ủy bộ phận hoặc cử chi ủy và cử đại biểu đi dự Đại hội đại biểu cấp trên nếu có.

Điều 33:

Nhiệm kỳ của đảng ủy, chi ủy cơ sở (xí nghiệp, xã, v.v.) được quy định như đối với nhiệm kỳ của cấp ủy huyện, quận, thành phố trực thuộc tỉnh, thị xã; nhiệm kỳ của đảng ủy bộ phận và của chi ủy trực thuộc đảng ủy cơ sở hoặc trực thuộc đảng ủy bộ phận là một năm. Số lượng ủy viên sẽ do Đại hội đại biểu hay Đại hội đảng viên quyết định, dựa theo quy định chung của Ban Chấp hành Trung ương và sự hướng dẫn của cấp trên.

Đảng ủy cơ sở, đảng ủy bộ phận trong đơn vị cơ sở, chi ủy cử bí thư, phó bí thư. Những đảng ủy cơ sở có từ chín ủy viên chính thức trở lên được cử ra ban thường vụ. Trước khi bầu cử các đảng ủy, chi ủy, tổ chức cơ sở đảng cần lấy ý kiến của quần chúng về những người mà quần chúng xét thấy xứng đáng được bầu vào cấp ủy.

Chi bộ dưới bảy đảng viên chính thức chỉ cử một bí thư, nếu cần thì cử thêm một phó bí thư.

Bí thư đảng ủy cơ sở, bí thư đảng ủy bộ phận phải có ít nhất ba năm tuổi đảng; bí thư đảng ủy cơ sở, bí thư đảng ủy bộ phận, bí thư chi bộ phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y.

Điều 34:

Những nhiệm vụ cơ bản của tổ chức cơ sở đảng là:

1. Theo chức trách lãnh đạo của mình, bảo đảm cho đường lối, chính sách của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên, các chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước được thực hiện ở cơ sở.

Các tổ chức cơ sở đảng nói chung phải đặt trọng tâm sự lãnh đạo của mình vào việc hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước, không ngừng củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa (nơi chưa tiến hành), tăng cường công tác quản lý, củng cố kỷ luật lao động, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật và cải tiến kỹ thuật, đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hoá, nhằm tăng năng suất lao động, hiệu suất công tác, hiệu quả chiến đấu, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của quần chúng.

2. Bảo đảm quyền làm chủ tập thể của quần chúng, thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng, phát huy tính tích cực và tính sáng tạo của quần chúng. Các tổ chức cơ sở đảng phải chăm lo củng cố tổ chức và phát huy vai trò của chính quyền và của các đoàn thể quần chúng, xây dựng và nắm vững lực lượng vũ trang nhân dân và lực lượng an ninh nhân dân của địa phương, đơn vị; không ngừng nâng cao giác ngộ và trình độ mọi mặt của quần chúng, tuyên truyền vận động quần chúng thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, chấp hành pháp luật Nhà nước.

3. Thường xuyên chăm lo xây dựng tổ chức đảng về mọi mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức, ra sức xây dựng các đảng uỷ, các chi bộ thật sự thành hạt nhân lãnh đạo chính trị của Đảng ở cơ sở.

Thường xuyên giáo dục về phẩm chất của người cộng sản cho đảng viên, có biện pháp nâng cao tinh thần cảnh giác, nhiệt tình cách mạng và trình độ mọi mặt của đảng viên; tăng cường đoàn kết nội bộ, thực hiện tự phê bình và phê bình; phân công và kiểm tra công tác của đảng viên, quản lý chặt chẽ đảng viên, kết nạp đảng viên mới, thi hành kỷ luật nghiêm minh của Đảng.

4. Ra sức xây dựng và cùng với cấp trên xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở có phẩm chất, có năng lực, có kiến thức văn hoá, chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ và quản lý tốt đội ngũ cán bộ đó.

5. Thảo luận và tham gia ý kiến vào việc quyết định các vấn đề thuộc về đường lối, chính sách chung của Đảng; tập hợp ý kiến, kinh nghiệm sáng tạo của cán bộ, đảng viên và quần chúng để phản ánh lên cấp trên.

Các tổ chức cơ sở đảng phải theo đúng chế độ, báo cáo tình hình chung và công việc đã làm lên cấp trên, thu đảng phí và nộp tài chính lên trên theo quy định.

Điều 35:

Ở những đơn vị sản xuất, kinh doanh, viện nghiên cứu, bệnh viện, trường học, v.v. thực hiện chế độ thủ trưởng, trong khi thực hiện năm nhiệm vụ chung của tổ chức cơ sở đảng, tổ chức đảng phải phát huy đầy đủ chế độ thủ trưởng.

Tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm kiểm tra hoạt động của cơ quan quản lý và của người thủ trưởng, bảo đảm cho đường lối, chính sách, các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước được quán triệt và thực hiện nghiêm chỉnh, qua kiểm tra cần chỉ ra các ưu điểm, khuyết điểm trong công tác của đơn vị, nêu ra các vấn đề xét cần thiết giúp cho người thủ trưởng nghiên cứu để phát huy hoặc bổ khuyết,

và đấu tranh chống các mặt tiêu cực, uốn nắn những việc làm trái với nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước, tạo điều kiện phát huy sức mạnh tổng hợp của đơn vị và nâng cao hiệu quả quản lý của người thủ trưởng.

Kế hoạch kinh tế - xã hội (hoặc chuyên môn, nghiệp vụ) của đơn vị là do người thủ trưởng nghiên cứu để đề nghị lên cấp trên. Tổ chức đảng phải theo đường lối và quan điểm của Đảng để lãnh đạo giáo dục đảng viên và quần chúng tham gia xây dựng kế hoạch. Người thủ trưởng có trách nhiệm báo cáo dự án kế hoạch để đảng uỷ góp ý kiến và đề xuất các vấn đề xét cần thiết với cấp trên trước khi cấp trên có thẩm quyền quyết định.

Tổ chức đảng không quyết định các chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch và các biện pháp về kinh tế kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ thuộc trách nhiệm quản lý của người thủ trưởng. Người thủ trưởng phải chỉ đạo hàng ngày việc thực hiện kế hoạch theo hệ thống tổ chức quản lý của đơn vị.

Tổ chức cơ sở đảng phải lãnh đạo các tổ chức của Đảng, các đoàn thể trong đơn vị và động viên giáo dục đảng viên, quần chúng làm tốt trách nhiệm của mình để bảo đảm cho kế hoạch của đơn vị, mệnh lệnh của người thủ trưởng được thực hiện đầy đủ.

Phải lãnh đạo phong trào quần chúng thi đua thực hiện kế hoạch nhà nước trên cơ sở bảo đảm sự thống nhất giữa lợi ích của Nhà nước, lợi ích của tập thể và lợi ích của người lao động. Phải lãnh đạo quần chúng làm tốt nghĩa vụ công dân và trách nhiệm đối với đơn vị, phát huy kinh nghiệm sáng tạo của quần chúng, động viên quần chúng phát huy sáng kiến, phát hiện và sử dụng tốt các tiềm năng về lao động, vật tư sẵn có của đơn vị, áp dụng các thành quả khoa học - kỹ thuật và kinh nghiệm tiên tiến vào sản xuất, nâng cao chất lượng sản

phẩm, thực hành tiết kiệm, bảo vệ của công và của tập thể, chống lãng phí, tham ô.

Quyền hạn của đảng uỷ cơ sở trong việc lựa chọn, đề bạt cán bộ do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

Tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan không quyết định nhiệm vụ, chủ trương, biện pháp công tác chuyên môn của cơ quan, nhưng có trách nhiệm kiểm tra cơ quan trong việc thực hiện các chính sách, nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước được thực hiện trong phạm vi cơ quan, kịp thời nêu gương tốt, ngăn chặn các trường hợp vi phạm chính sách, pháp luật trong cơ quan. Phải kiểm tra tình hình đảng viên trong cơ quan, kể cả đảng viên là thủ trưởng, thực hiện đường lối, chính sách, các nghị quyết của Đảng và pháp luật Nhà nước, kịp thời góp ý kiến với người thủ trưởng về những thiếu sót trong công tác của cơ quan và báo cáo những vấn đề cần thiết với cơ quan cấp trên có trách nhiệm của Đảng.

Phải tăng cường kỷ luật công tác, tham gia và động viên cán bộ, công nhân viên tham gia vào việc cải tiến công tác của cơ quan, tích cực đấu tranh chống quan liêu, làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đảng viên và quần chúng. Đảng uỷ, chi uỷ cơ quan tham gia ý kiến vào việc lựa chọn, cất nhắc cán bộ trong cơ quan theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Điều 36:

Các đảng uỷ cơ sở, đảng uỷ bộ phận, chi uỷ có trách nhiệm thay mặt tổ chức đã cử ra mình để thống nhất lãnh đạo các mặt công tác ở đơn vị theo chức năng quy định cho từng loại tổ chức cơ sở đảng; chấp hành các nghị quyết của Đại hội đại biểu, Đại hội và Hội nghị đảng viên ở đơn vị mình và các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên; lãnh đạo các tổ

chức đảng trực thuộc hoạt động; căn cứ vào chế độ do cấp trên quy định mà quản lý tổ chức, quản lý cán bộ, đảng viên và quản lý tài chính của tổ chức đảng; thay mặt tổ chức cơ sở đảng báo cáo lên cấp trên theo quy định.

Đảng uỷ các tổ chức cơ sở đảng có từ 500 đảng viên trở lên, nếu được cấp uỷ tỉnh, thành phố trực thuộc đồng ý, thì được quyền như huyện uỷ đối với việc chuẩn y kết nạp đảng viên và thi hành kỷ luật đảng viên. Những trường hợp đặc biệt khác phải do Trung ương quy định.

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

Điều 37:

Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tập trung thống nhất về mọi mặt của Đảng theo một quy chế chặt chẽ do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam hoạt động theo Điều lệ Đảng và các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Phải thường xuyên chăm lo nâng cao bản chất giai cấp công nhân của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, xây dựng các lực lượng vũ trang trung thành vô hạn với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, tuyệt đối phục tùng sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết chặt chẽ chung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng, gắn bó mật thiết với nhân dân lao động, nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật Nhà nước, đề cao kỷ luật tự giác, giữ gìn đoàn kết keo sơn trong nội bộ, sẵn sàng

chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, hăng hái lao động xây dựng đất nước và làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Điều 38:

Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam được tổ chức theo hệ thống dọc từ cơ sở đến toàn quân, theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương. Ban Chấp hành Trung ương chỉ định Đảng uỷ Quân sự Trung ương. Đảng uỷ Quân sự Trung ương gồm một số uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong quân đội và ngoài quân đội để lãnh đạo các mặt công tác đối với toàn quân và giúp Trung ương nghiên cứu, đề xuất các vấn đề về đường lối, nhiệm vụ quân sự, xây dựng và củng cố quốc phòng toàn dân... theo sự uỷ nhiệm và quy định cụ thể của Ban Chấp hành Trung ương. Đảng uỷ Quân sự Trung ương đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Ban chấp hành đảng bộ các cấp do dân chủ bầu cử và được đảng uỷ cấp trên chuẩn y. Trong trường hợp đặc biệt, theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương thì do đảng uỷ cấp trên chỉ định.

Đảng uỷ các cấp có trách nhiệm lãnh đạo về mọi mặt các đơn vị thuộc quyền theo phạm vi chức năng và nội dung quy định cho từng cấp. Đảng uỷ quân khu còn có nhiệm vụ chỉ đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân trên địa bàn quân khu. Các bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ trên địa bàn quân khu tham gia đảng uỷ quân khu.

Các cơ quan lãnh đạo của tổ chức đảng phải tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc tập trung dân chủ, lãnh đạo tập thể đi đôi với phân công cá nhân phụ trách, bảo đảm chấp hành

ng nghiêm túc nghị quyết của đảng uỷ, mệnh lệnh, chỉ thị của cơ quan chỉ huy cấp trên. Trên cơ sở bảo đảm sự lãnh đạo tập thể của tổ chức đảng, thực hiện chế độ một người chỉ huy ở tất cả các cấp trong quân đội.

Các tổ chức đảng và người chỉ huy trong các đơn vị Quân đội nhân dân đóng ở các địa phương phải tôn trọng và giữ mối quan hệ chặt chẽ với cấp uỷ đảng và chính quyền ở địa phương theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Ở mỗi cấp, có cơ quan chính trị và cán bộ chính trị đảm nhiệm công tác tư tưởng và công tác tổ chức của Đảng trong quân đội, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp uỷ cấp mình và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên. Tổng cục chính trị là cơ quan chính trị của toàn quân, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Ban Bí thư và sự lãnh đạo thường xuyên của Đảng uỷ Quân sự Trung ương.

Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương và Uỷ ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn và kiểm tra công tác xây dựng Đảng, công tác chính trị trong quân đội.

Điều 39:

Tổ chức đảng ở cơ quan quân sự địa phương và các đơn vị bộ đội địa phương thành lập theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương. Tổ chức đảng ở cơ quan quân sự địa phương và đơn vị bộ đội địa phương đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, về mọi mặt của cấp uỷ địa phương, đồng thời chịu sự chỉ đạo của đảng uỷ quân sự cấp trên và sự hướng dẫn của cơ quan chính trị cấp trên theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Điều 40:

Tổ chức sự lãnh đạo của Đảng trong hệ thống an ninh và

cảnh sát, và tổ chức của hệ thống an ninh do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

CHƯƠNG VII

ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

Điều 41:

Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc, thành phố, thị xã, huyện, quận và cấp tương đương cử ra Ủy ban Kiểm tra của cấp mình gồm một số ủy viên trong ban chấp hành và một số ủy viên ngoài ban chấp hành. Ở các tổ chức cơ sở đảng, đảng ủy cơ sở được cử Ủy ban Kiểm tra.

Danh sách Ủy ban Kiểm tra cấp dưới phải được cấp ủy cấp trên chuẩn y.

Điều 42:

Nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm tra các cấp là: kiểm tra đảng viên (kể cả cấp ủy viên cùng cấp) chấp hành Điều lệ Đảng, nhằm vào việc chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, chấp hành kỷ luật của Đảng và pháp luật Nhà nước, tư cách đảng viên; kiểm tra việc thi hành kỷ luật của tổ chức đảng ở cấp dưới; kiểm tra tài chính của Đảng; giải quyết thư tố cáo đối với đảng viên về những vấn đề có quan hệ đến công việc nói trên và thư khiếu nại về thi hành kỷ luật trong Đảng; căn cứ vào quyền hạn quy định ở chương X mà quyết định, chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ kỷ luật đối với đảng viên. Ủy ban Kiểm tra của các tổ chức cơ sở đảng (ở nơi được phép thành lập) không được quyền chuẩn y hoặc xóa bỏ kỷ

luật đảng viên, mà chỉ kiểm tra, xem xét để đề xuất ý kiến về những công tác đó với đảng uỷ cơ sở và Uỷ ban Kiểm tra cấp trên.

Điều 43:

Uỷ ban Kiểm tra các cấp làm việc dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng.

Uỷ ban Kiểm tra cấp trên có quyền kiểm tra công việc của Uỷ ban Kiểm tra cấp dưới, chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ quyết định của Uỷ ban Kiểm tra và của các tổ chức đảng cấp dưới về các vụ kỷ luật đối với đảng viên theo các quy định ở chương X của Điều lệ Đảng.

CHƯƠNG VIII

**SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI
TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC VÀ TỔ CHỨC QUÂN CHÚNG**

Điều 44:

Đảng lãnh đạo Nhà nước một cách toàn diện bằng đường lối và các chính sách của Đảng, bằng các nghị quyết và chỉ thị của Đảng về mục tiêu phấn đấu, chủ trương, biện pháp chủ yếu trên mọi lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và xã hội, và về những vấn đề quan trọng nhất trong công tác tổ chức và cán bộ. Đường lối, chính sách của Đảng phải được thể hiện trong Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. Đảng kiểm tra sự hoạt động của bộ máy Nhà nước, giáo dục, động viên quần chúng, hăng hái xây dựng chính quyền, chấp hành Hiến pháp và pháp luật, thực hiện kế hoạch nhà nước. Đảng bắt buộc các tổ chức đảng và đảng viên tôn trọng quyền hạn, trách nhiệm và các chế độ của cơ quan nhà nước, nghiêm

chính chấp hành pháp luật và các quyết định của Nhà nước, coi đó là kỷ luật của Đảng.

Điều 45:

Đảng không ngừng củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của mình đối với các đoàn thể và tổ chức quần chúng bằng cách làm cho đường lối, chính sách và các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước được quán triệt và biến thành hành động tự giác của quần chúng, thông qua công tác giáo dục, tuyên truyền, vận động, thuyết phục của cán bộ, đảng viên trong các tổ chức đó. Đảng thường xuyên chỉ rõ cho các tổ chức quần chúng những yêu cầu, nhiệm vụ và những công tác quan trọng cần vận động quần chúng thực hiện trong từng thời gian; không ngừng làm cho các tổ chức đảng và tổ chức nhà nước tôn trọng và biết phát huy tính tích cực, tính chủ động và sáng tạo của các tổ chức quần chúng; tổ chức cho quần chúng tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước.

Điều 46:

Trong các cơ quan lãnh đạo của Nhà nước, của các tổ chức quần chúng do bầu cử mà lập ra (như Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, ban chấp hành các đoàn thể quần chúng, trừ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh), Đảng lập ra các đảng đoàn gồm những đảng viên hoặc một số đảng viên hoạt động trong các tổ chức nói trên.

Nhiệm vụ của đảng đoàn là bằng công tác thuyết phục, vận động quần chúng thực hiện đường lối, chính sách và các nghị quyết của Đảng, tăng cường ảnh hưởng của Đảng, tăng cường đoàn kết và mối liên hệ chặt chẽ giữa cán bộ, đảng viên và người ngoài Đảng trong các tổ chức mình hoạt động, nghiên

cứu để đề nghị cấp uỷ quyết định phương hướng, chủ trương công tác đối với tổ chức ấy và quản lý cán bộ theo quy định của Trung ương.

Đảng đoàn có bí thư và nếu cần có thể có phó bí thư; bí thư và phó bí thư đảng đoàn do cấp uỷ chỉ định. Đảng đoàn phục tùng sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng, tập thể ra quyết định và chịu trách nhiệm trước cấp uỷ.

Do sự giới thiệu của các cấp uỷ, đảng đoàn cấp trên và đảng đoàn cấp dưới có thể liên hệ với nhau để trao đổi ý kiến và kinh nghiệm công tác.

Tổ chức, quyền hạn, nhiệm vụ cụ thể của đảng đoàn, sẽ do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

CHƯƠNG IX

ĐẢNG ĐỐI VỚI ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

Điều 47:

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là cánh tay đắc lực và đội hậu bị tin cậy của Đảng, là trường học cộng sản chủ nghĩa của thanh niên.

Đoàn có nhiệm vụ tổ chức thanh niên thành lực lượng xung kích đi đầu trong mọi lĩnh vực hoạt động mới mẻ, khó khăn phức tạp nhất của cách mạng, góp phần tích cực vào việc tuyên truyền, kiểm tra và đấu tranh để thực hiện đúng đắn, có hiệu quả đường lối, chính sách và các nghị quyết của Đảng. Trong khi thực hiện các chính sách và chủ trương của Đảng, tổ chức của Đoàn cần chú ý đề đạt ý kiến và kinh nghiệm của mình với tổ chức đảng.

Đoàn phải giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, chính sách của Đảng, giáo dục về Đảng cho đoàn viên và tầng lớp trẻ, bồi dưỡng những đoàn viên ưu tú thành đảng viên và đào tạo những cốt cán của Đoàn thành cán bộ để cung cấp cho Đảng, cho các yêu cầu của sự nghiệp cách mạng.

Điều 48:

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương và các cấp của Đoàn chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Chấp hành Trung ương và của cấp uỷ đảng cùng cấp. Các tổ chức của Đoàn phải báo cáo tình hình chung và công việc của mình với cấp uỷ đảng cùng cấp.

Điều 49:

Tổ chức các cấp của Đảng có nhiệm vụ lãnh đạo tổ chức các cấp của Đoàn về mọi mặt: trong việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối, chính sách của Đảng cho đoàn viên, trong việc giữ gìn mối liên hệ chặt chẽ giữa Đoàn với đông đảo thanh niên, trong việc xây dựng và củng cố tổ chức, cải tiến hình thức và phương pháp hoạt động của Đoàn, trong việc bồi dưỡng, chọn lọc, cất nhắc cốt cán lãnh đạo của Đoàn...

Trong công tác lãnh đạo của mình, tổ chức đảng phải nắm vững tính chất, vị trí, vai trò, chức năng của Đoàn, chú ý đầy đủ những đặc điểm của quần chúng thanh niên. Phải tích cực phát huy ý thức làm chủ tập thể của thanh niên và tính chủ động, tính sáng tạo của tổ chức đoàn.

Điều 50:

Sau khi đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được kết nạp vào Đảng và được công nhận là đảng viên chính

thức, nếu không làm công tác lãnh đạo hoặc công tác chuyên môn trong tổ chức của Đoàn và nếu xét thật cần thiết thì chỉ bộ mới giải quyết cho đảng viên thôi ở tổ chức của Đoàn.

CHƯƠNG X

VIỆC THI HÀNH KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG

Điều 51:

Kỷ luật của Đảng là để giữ vững sự thống nhất ý chí và hành động của Đảng, tăng cường sức chiến đấu của Đảng. Việc thi hành kỷ luật là để bảo đảm cho kỷ luật của Đảng được nghiêm minh, đồng thời cũng là để giáo dục đảng viên và tổ chức của Đảng đã phạm sai lầm, giáo dục đảng viên, cán bộ khác và giáo dục quần chúng. Mọi biểu hiện buông lỏng kỷ luật của Đảng đều làm yếu Đảng, phá hoại tính chặt chẽ và sự thống nhất về tổ chức của Đảng, làm suy yếu mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng và hiệu lực của hệ thống chuyên chính vô sản. Các tổ chức đảng và đảng viên phải nắm vững phương châm công minh, chính xác, kịp thời và đấu tranh chống mọi biểu hiện lệch lạc trong việc thi hành kỷ luật của Đảng.

Điều 52:

Tùy theo tình hình cụ thể, mức độ và tính chất các sai lầm của đảng viên và của tổ chức đảng, tổ chức có thẩm quyền của Đảng sẽ áp dụng các hình thức kỷ luật như sau:

Đối với đảng viên: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ ra khỏi Đảng.

Đối với tổ chức của Đảng: khiển trách, cảnh cáo, giải tán.

Điều 53:

Về thẩm quyền thi hành kỷ luật:

1. Đối với từng đảng viên:

- Kỷ luật đối với đảng viên phải do Hội nghị chi bộ thảo luận và quyết định. Nếu dùng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng thì phải được ít nhất hai phần ba tổng số đảng viên chính thức biểu quyết đồng ý và được cấp uỷ có thẩm quyền chuẩn y việc kết nạp đảng viên chuẩn y. Uỷ ban Kiểm tra của huyện uỷ và cấp uỷ tương đương được chuẩn y, thay đổi hoặc xoá bỏ việc thi hành kỷ luật của tổ chức cơ sở đảng đối với đảng viên; riêng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng thì phải được cấp uỷ chuẩn y.

- Việc thi hành kỷ luật đối với đảng viên là cán bộ do cấp uỷ cấp trên quản lý, nhưng không phải là uỷ viên hoặc uỷ viên dự khuyết của ban chấp hành các cấp của Đảng, phải tuân theo phạm vi sai lầm (theo quy định của Trung ương) mà do chi bộ hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Trường hợp thuộc phạm vi thi hành kỷ luật của chi bộ thì chi bộ có quyền quyết định các hình thức khiển trách, cảnh cáo. Còn đối với các hình thức kỷ luật cách chức, khai trừ ra khỏi Đảng hoặc đối với các trường hợp phạm sai lầm không thuộc phạm vi thi hành kỷ luật của chi bộ thì chi bộ hoặc tổ chức đảng (ban, đảng đoàn, đảng uỷ) nơi cán bộ đó hoạt động đề nghị với cấp uỷ quản lý cán bộ hoặc với Uỷ ban Kiểm tra của cấp uỷ đó. Uỷ ban Kiểm tra được quyết định các hình thức khiển trách, cảnh cáo trên cơ sở xét đề nghị về thi hành kỷ luật của các tổ chức đảng nói trên.

- Việc thi hành kỷ luật đối với các uỷ viên và uỷ viên dự khuyết ban chấp hành các cấp (kể cả uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng) bằng các hình thức khiển trách,

cảnh cáo và cách chức các chức vụ thuộc quyền quyết định của ban chấp hành phải do Hội nghị toàn thể ban chấp hành quyết định. Nếu xử trí bằng các hình thức cách chức uỷ viên chính thức hoặc uỷ viên dự khuyết, khai trừ ra khỏi Đảng thì phải do Đại hội đại biểu hoặc Đại hội đảng viên quyết định, giữa hai kỳ Đại hội thì do Hội nghị toàn thể ban chấp hành quyết định, với sự đồng ý ít nhất của hai phần ba số uỷ viên chính thức và phải được cấp uỷ cấp trên trực tiếp chuẩn y; đến kỳ Đại hội gần nhất cấp uỷ phải báo cáo với Đại hội.

Đối với uỷ viên hoặc uỷ viên dự khuyết của ban chấp hành các cấp của Đảng, nếu phạm kỷ luật thuộc phạm vi chi bộ thì chi bộ có quyền quyết định hình thức khiển trách, cảnh cáo và báo cáo lên cấp uỷ mà uỷ viên đó là thành viên, chuẩn y; còn đối với các hình thức kỷ luật khác thì chi bộ có quyền đề nghị.

Việc thi hành kỷ luật một chi uỷ viên phải do Hội nghị chi bộ quyết định, nhưng đối với hình thức cách chức chi uỷ viên, thì phải được cấp uỷ cấp trên chuẩn y; nếu khai trừ ra khỏi Đảng thì phải được cấp uỷ có quyền chuẩn y việc khai trừ đảng viên chuẩn y.

- Trong trường hợp xét thấy cần thiết, sau khi đã yêu cầu chi bộ hoặc cấp uỷ cấp dưới xét để quyết định kỷ luật đối với đảng viên (kể cả cấp uỷ viên) mà chi bộ hoặc cấp uỷ đó thi hành kỷ luật chưa đúng mức hoặc không thi hành kỷ luật, thì cấp uỷ cấp trên sau khi đã cân nhắc kỹ lưỡng, có thể quyết định nâng mức kỷ luật hoặc thi hành kỷ luật đảng viên, và theo quy định của Trung ương, báo cáo lên cấp uỷ hoặc Uỷ ban Kiểm tra cấp trên chuẩn y đối với các hình thức kỷ luật thuộc quyền chuẩn y của cấp trên.

- Ngoài các quy định trên đây, Ban Chấp hành Trung ương sẽ quy định cụ thể phạm vi quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra các cấp trong việc chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ quyết định của tổ chức đảng cấp dưới về các vụ thi hành kỷ luật đối với đảng viên.

2. Đối với tổ chức của Đảng:

Việc thi hành kỷ luật một tổ chức của Đảng phải do cơ quan lãnh đạo cấp trên của tổ chức đó quyết định sau khi đã nghe tổ chức đó tự kiểm điểm và trình bày ý kiến về ưu điểm, khuyết điểm của mình.

Việc giải tán một chi bộ hoặc một tổ chức cơ sở đảng phải do Hội nghị toàn thể ban chấp hành tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xét để chuẩn y trên cơ sở đề nghị của thị ủy, huyện ủy, quận ủy hoặc cấp ủy cấp trên của tổ chức cơ sở sau khi đã trực tiếp kiểm tra xem xét kỹ lưỡng. Quyết định đó phải được báo cáo lên Ban Chấp hành Trung ương.

Việc thi hành kỷ luật giải tán một cấp ủy phải do Hội nghị toàn thể ban chấp hành cấp trên trực tiếp quyết định, với sự đồng ý ít nhất của hai phần ba số ủy viên chính thức ban chấp hành và được cấp ủy cấp trên của cấp ủy đã quyết định việc giải tán chuẩn y; đối với tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc trung ương thì do Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

Chỉ giải tán một tổ chức đảng trong các trường hợp sau đây: có từ hai phần ba đảng viên hoặc ủy viên chính thức trở lên phạm sai lầm đến mức cần phải thi hành kỷ luật khai trừ ra khỏi Đảng; tập thể tổ chức đó đã có hành động chống lại đường lối của Đảng một cách có ý thức, hoặc có đủ bằng chứng là không còn đủ tin cậy về mặt chính trị.

Những đảng viên không có khuyết điểm hoặc không phạm sai lầm đến mức phải khai trừ ra khỏi Đảng ở những chi bộ

hoặc tổ chức đảng bị giải tán, được cấp uỷ có thẩm quyền quyết định kỷ luật giải tán cho đảng ký lại vào tổ chức mới được thành lập nếu có, hoặc được giới thiệu sinh hoạt ở một chi bộ khác.

Điều 54:

Việc thi hành kỷ luật của Đảng phải được bảo đảm chặt chẽ, kịp thời. Nhưng khi quyết định kỷ luật đối với đảng viên và tổ chức của Đảng, nhất là khi quyết định khai trừ ra khỏi Đảng hoặc giải tán tổ chức là những hình thức kỷ luật cao nhất của Đảng, các tổ chức có trách nhiệm của Đảng phải hết sức thận trọng; phải điều tra, nghiên cứu kỹ càng, đi sâu tìm hiểu bản chất, tránh chỉ nhìn hiện tượng và phải căn cứ vào những bằng chứng xác thực. Trước khi quyết định kỷ luật, tập thể tổ chức có thẩm quyền phải nghe người phạm kỷ luật hoặc người đại diện cho tổ chức bị thi hành kỷ luật trình bày ý kiến.

Sau khi hình thức kỷ luật đã được chính thức quyết định hoặc chuẩn y, cần giải thích cho người hoặc tổ chức bị thi hành kỷ luật hiểu rõ lý lẽ; nếu người hoặc tổ chức bị thi hành kỷ luật không đồng ý thì trong vòng sáu tháng có quyền yêu cầu tổ chức đã quyết định hoặc chuẩn y kỷ luật đó xét lại và có thể khiếu nại lên cấp uỷ hoặc Uỷ ban Kiểm tra cấp trên của các tổ chức đó. Sau đó nếu xét cần thì có thể khiếu nại cho đến Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Các cơ quan của Đảng, khi nhận được các thư khiếu nại yêu cầu giải quyết hoặc đề nghị chuyển lên cấp trên, cần kịp thời giải quyết hoặc chuyển đi ngay, không được dìm bỏ. Khi nhận được thư khiếu nại, cơ quan có trách nhiệm phải báo cho người gửi thư biết, và chậm nhất là trong vòng một tháng phải tổ chức điều tra nghiên cứu để xem xét. Cấp uỷ

đảng cấp dưới phải theo định kỳ ba tháng một lần, báo cáo lên cấp uỷ cấp trên số lượng và tình hình giải quyết thư khiếu nại về kỷ luật của đảng viên và của tổ chức đảng; cấp uỷ cấp trên phải tổ chức kiểm tra việc giải quyết các thư khiếu nại đó của cấp dưới.

Điều 55:

Khi nghị quyết về khai trừ đảng viên ra khỏi Đảng hoặc giải tán một tổ chức đảng chưa được cấp uỷ có thẩm quyền chuẩn y thì đảng viên đó vẫn được tham gia sinh hoạt đảng, tổ chức đó vẫn được hoạt động. Việc tạm đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, tạm đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của một cấp uỷ viên hoặc tạm đình chỉ hoạt động của một tổ chức đảng chỉ được áp dụng trong trường hợp hết sức đặc biệt và phải được cấp uỷ có thẩm quyền do Trung ương quy định chuẩn y.

Điều 56:

Những đảng viên vi phạm pháp luật của Nhà nước phải chịu thi hành kỷ luật nghiêm minh của Đảng và Nhà nước, không ai được dung túng, bao che.

Trong trường hợp đảng viên bị truy tố trước toà án thì tổ chức đảng có thẩm quyền sẽ kịp thời xét việc thi hành kỷ luật về Đảng và tội trạng của họ sẽ do các cơ quan hành chính hoặc tư pháp xét xử về mặt nhà nước. Nếu đảng viên bị xử tù thì tổ chức đảng phải khai trừ ra khỏi Đảng.

Trong trường hợp đảng viên bị bắt, bị xử trí oan, sau khi đã có đủ bằng chứng để kết luận là bị xử trí sai, tổ chức đảng, tổ chức chính quyền phải minh oan và khôi phục mọi quyền chính đáng đã bị tước.

Điều 57:

Chậm nhất là một năm, sau khi đảng viên bị thi hành kỷ luật, tổ chức đảng đã quyết định kỷ luật hoặc chỉ bộ nơi đảng viên sinh hoạt phải nghe đảng viên báo cáo về tình hình sửa chữa khuyết điểm để có kết luận về việc sửa chữa đó; nếu xét thấy đảng viên thật sự đã sửa chữa và tiến bộ thì quyết định hoặc đề nghị lên cấp trên đã quyết định thi hành kỷ luật công nhận đảng viên đã sửa chữa khuyết điểm. Tổ chức đảng không có định kiến trong việc sử dụng, cất nhắc những đảng viên đó.

CHƯƠNG XI

TÀI CHÍNH CỦA ĐẢNG

Điều 58:

Tài chính của Đảng gồm đảng phí do đảng viên đóng và các khoản thu nhập khác của Đảng do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

Điều 59:

Ban Chấp hành Trung ương ra quyết định về chế độ thu đảng phí theo tỷ lệ từng loại thu nhập cơ bản của đảng viên.

Điều 60:

Tài chính của Đảng phải thống nhất, Ban Chấp hành Trung ương lập ra cơ quan tài chính của Đảng và quy định những nguyên tắc thu, chi và quản lý tài chính của Đảng một cách chặt chẽ. Cơ quan tài chính có quyền kiểm tra nghiệp vụ công tác tài chính của tổ chức đảng ở các cơ quan cùng cấp và của tổ chức đảng cấp dưới, đồng thời chịu sự

kiểm tra tài chính của Ủy ban Kiểm tra cấp trên hoặc Ủy ban Kiểm tra cùng cấp.

Các cấp bộ của Đảng phải nộp tài chính thu được lên cấp trên theo tỷ lệ do Ban Chấp hành Trung ương quy định và phải nghiêm chỉnh tuân theo những nguyên tắc và quy định về tài chính của Đảng.

CHƯƠNG XII

CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Điều 61:

Mọi đảng viên và tổ chức của Đảng đều phải nghiêm cứu kỷ luật và nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng, kịp thời đấu tranh chống mọi hiện tượng vi phạm Điều lệ Đảng.

Điều 62:

Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc mới có quyền sửa đổi Điều lệ này.

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VI
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Ngày 18 tháng 12 năm 1986

Đại hội lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam, sau khi thảo luận Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá V do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày, và Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương về phương hướng, mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế, xã hội 5 năm 1986 - 1990, khẳng định quyết tâm đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng theo tinh thần cách mạng và khoa học.

Đại hội đánh giá cao quá trình dân chủ hoá sinh hoạt chính trị của Đảng và nhân dân ta trong thời gian chuẩn bị và tiến hành Đại hội. Các đồng chí trong toàn Đảng, đồng bào trong cả nước và ở nước ngoài đã đóng góp những ý kiến xây dựng và phong phú vào bản Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương và nêu nhiều kiến nghị xác đáng để Đảng ta đi đến những quyết định đáp ứng được yêu cầu của giai đoạn cách mạng hiện nay.

Đại hội đánh dấu bước chuyển biến quan trọng trong quá trình kế thừa và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tăng cường hơn nữa khối thống nhất trong Đảng và sự gắn bó giữa Đảng với nhân dân.

Đại hội hoàn toàn nhất trí với những kết luận của Ban Chấp hành Trung ương về đánh giá tình hình, tổng kết kinh nghiệm, xác định nhiệm vụ, mục tiêu và phương hướng chính sách để đưa sự nghiệp cách mạng nước ta tiếp tục tiến lên.

Đại hội quyết nghị:

- Thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương. Toàn Đảng phải tuân theo những quan điểm và kết luận nêu trong Báo cáo, phấn đấu thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ đã đề ra.

- Thông qua nội dung chủ yếu Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương về phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội 5 năm 1986 - 1990, coi đó là cơ sở để chỉ đạo việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch 5 năm.

*
* *

Đại hội lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam nhận định: Năm năm qua là một đoạn đường đầy thử thách đối với Đảng và nhân dân ta. Cách mạng nước ta diễn ra trong bối cảnh quốc tế và trong nước có những thuận lợi cơ bản, nhưng cũng có nhiều khó khăn, phức tạp. Thực hiện những nhiệm vụ và mục tiêu do Đại hội lần thứ V của Đảng đề ra, nhân dân ta anh dũng phấn đấu, khắc phục khó khăn, vượt qua trở ngại, đã đạt được những *thành tựu quan trọng* trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, giành *những thắng lợi to lớn* trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế. Trong cả nước đã xuất hiện nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh khá, nhiều đơn vị chiến đấu giỏi; một số địa phương và ngành, với tính năng động, sáng tạo, đã đạt được những thành tích đáng phấn khởi.

Những thành tựu đạt được trong việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, cùng với sự tăng cường quan hệ đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô, Lào, Campuchia, với các nước anh em khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, việc phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước độc lập dân tộc, các lực lượng tiến bộ và hoà bình, đã tạo cho sự nghiệp cách mạng nước ta *những nhân tố mới để tiếp tục tiến lên*.

Những thành tựu ấy bắt nguồn từ đường lối của Đảng được xác định tại Đại hội lần thứ IV và Đại hội lần thứ V, là thành quả phấn đấu bền bỉ, kiên cường của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.

Đại hội nhiệt liệt biểu dương đồng bào các dân tộc trong cả nước, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, trí thức xã hội chủ nghĩa, các tầng lớp nhân dân lao động khác và các lực lượng vũ trang nhân dân, trong những điều kiện hết sức khó khăn, gian khổ, đã nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần làm chủ tập thể, lao động cần cù, sáng tạo, chiến đấu dũng cảm, mưu trí, lập nhiều thành tích và chiến công mới.

Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh đồng bào ta ở nước ngoài luôn hướng về Tổ quốc, tích cực góp phần xây dựng đất nước.

Đại hội bày tỏ lòng biết ơn chân thành của Đảng và nhân dân ta đối với sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô, sự giúp đỡ nhiệt tình của hai nước anh em Lào, Campuchia và của các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, sự đồng tình, ủng hộ của các nước bầu bạn, nhiều tổ chức quốc tế và nhân dân tiến bộ trên thế giới.

Khẳng định những thành tựu đã đạt được, chúng ta đồng thời nhận rõ tình hình kinh tế - xã hội đang có những khó

khăn gay gắt: sản xuất tăng chậm; hiệu quả sản xuất và đầu tư thấp; phân phối, lưu thông có nhiều rối ren; những mất cân đối lớn trong nền kinh tế chậm được thu hẹp, có mặt gay gắt hơn; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chậm được củng cố; đời sống nhân dân lao động còn nhiều khó khăn; hiện tượng tiêu cực xảy ra ở nhiều nơi và có nơi nghiêm trọng.

Nhìn chung, chúng ta *chưa thực hiện được mục tiêu tổng quát do Đại hội lần thứ V đề ra là cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân.*

Không đánh giá thấp những khó khăn khách quan, Đại hội nghiêm khắc chỉ ra rằng nguyên nhân chủ quan của tình hình trên đây là những sai lầm, khuyết điểm trong sự lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước.

Chúng ta có khuyết điểm trong việc đánh giá tình hình cụ thể của đất nước, trong việc xác định mục tiêu và bước đi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong 5 năm 1976 - 1980, trên thực tế đã chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hoá trong khi chưa có đủ các tiền đề cần thiết; vừa nóng vội, vừa buông lỏng trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa; chậm đổi mới cơ chế quản lý kinh tế không còn phù hợp. Trong 5 năm 1981 - 1985, đã không nghiêm chỉnh thực hiện những kết luận đúng đắn của Đại hội lần thứ V của Đảng về cụ thể hoá đường lối kinh tế trong chặng đường đầu tiên, chưa kiên quyết khắc phục chủ quan nóng vội và bảo thủ trì trệ trong bố trí cơ cấu kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và quản lý kinh tế, lại phạm những sai lầm mới, nghiêm trọng trong lĩnh vực phân phối, lưu thông; đã buông lỏng chuyên chính vô sản trong quản lý kinh tế, xã hội, trong đấu tranh tư tưởng, văn hoá, trong việc chống lại những âm mưu, thủ đoạn phá hoại thâm độc của kẻ thù.

Những sai lầm nói trên là sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách lớn, về *chỉ đạo chiến lược và về tổ chức thực hiện*.

Khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm ấy, đặc biệt là những sai lầm về chính sách kinh tế, là bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, là khuynh hướng buông lỏng trong quản lý kinh tế, xã hội, không chấp hành nghiêm chỉnh đường lối và nguyên tắc của Đảng. Đó là những biểu hiện của *tư tưởng tiểu tư sản* vừa “tả” khuynh, vừa hữu khuynh.

Những sai lầm và khuyết điểm trong lĩnh vực kinh tế, xã hội bắt nguồn từ những khuyết điểm trong *công tác tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ* của Đảng.

Trong lĩnh vực tư tưởng, đã bộc lộ sự lạc hậu về nhận thức lý luận và sự yếu kém về vận dụng các quy luật trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Về tổ chức, khuyết điểm lớn nhất là thiếu quy hoạch và chậm đổi mới cán bộ; vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng, phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc mang nặng chủ nghĩa quan liêu; tổ chức bộ máy quá lớn, chồng chéo và kém hiệu lực; giáo dục và quản lý cán bộ, đảng viên thiếu chặt chẽ.

Từ thực tiễn những năm qua, Đảng ta rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu, đặc biệt quan trọng là những bài học sau đây: *Một*, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. *Hai*, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. *Ba*, phải biết kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới. *Bốn*, phải chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một

đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Ban Chấp hành Trung ương khoá VI và tổ chức đảng các cấp, trong hoạt động của mình, phải thấu suốt và vận dụng nghiêm túc những bài học nói trên, nỗ lực vươn lên đáp ứng những đòi hỏi mới của sự nghiệp cách mạng, lãnh đạo nhân dân phát huy thắng lợi, khắc phục khó khăn, tạo ra chuyển biến mạnh mẽ trong sự phát triển của đất nước.

Đại hội khẳng định: *Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm đem hết tinh thần và lực lượng tiếp tục thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*, đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Nhân dân ta tiếp tục làm hết sức mình để tăng cường tình đoàn kết, nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác; không ngừng củng cố và phát triển liên minh đặc biệt với hai nước Lào và Campuchia, coi đó là nghĩa vụ quốc tế thiêng liêng, là nhiệm vụ có tầm quan trọng chiến lược gắn liền với lợi ích sống còn của độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội của ba nước anh em trên bán đảo Đông Dương.

Về nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đại hội xác định: *Nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo.*

Ổn định tình hình kinh tế - xã hội bao gồm ổn định và phát triển sản xuất, ổn định phân phối, lưu thông, ổn định

và cải thiện từng bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, tăng cường hiệu lực tổ chức quản lý, thiết lập trật tự, kỷ cương và thực hiện công bằng xã hội.

Những mục tiêu cụ thể là: sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy; tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất; xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới; tạo ra chuyển biến tốt về mặt xã hội; bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh.

Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đại hội khẳng định: Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đề cao cảnh giác, tăng cường khả năng quốc phòng và an ninh của đất nước, quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, bảo đảm chủ động trong mọi tình huống để bảo vệ Tổ quốc.

Đại hội giao cho Ban Chấp hành Trung ương khoá VI chỉ đạo thực hiện thành công những nhiệm vụ đề ra trong Báo cáo chính trị. Đại hội nhấn mạnh những nhiệm vụ sau đây:

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện ba chương trình về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, nhằm đạt mục tiêu dưới đây khi kết thúc chặng đường đầu tiên:

- Bảo đảm nhu cầu lương thực của xã hội và có dự trữ; đáp ứng một cách ổn định nhu cầu thiết yếu về thực phẩm. Mức tiêu dùng lương thực, thực phẩm đủ tái sản xuất sức lao động.

- Đáp ứng được nhu cầu của nhân dân về những hàng tiêu dùng thiết yếu.

- Tạo được một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực; tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu để đáp ứng được phần lớn nhu cầu nhập khẩu vật tư, máy móc, phụ tùng và những hàng hoá cần thiết.

Ba chương trình mục tiêu là nội dung chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1986 - 1990, phải được tập trung cao độ sức người, sức của để thực hiện. Phải kết hợp việc xây dựng các ngành kinh tế - kỹ thuật với việc phát huy thế mạnh của từng vùng, từng tỉnh, thành phố theo hướng mở rộng sản xuất và lưu thông hàng hoá, chú trọng xây dựng kinh tế trên địa bàn huyện; sử dụng đúng đắn và liên kết các thành phần kinh tế, phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh.

Các chương trình này phải được cân đối giữa mục tiêu, phương tiện và biện pháp; giải quyết đồng bộ cả về tổ chức sản xuất, khoa học - kỹ thuật và chính sách kinh tế.

Ba chương trình này định hướng cho việc sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân theo cơ cấu hợp lý, trước hết là *bố trí lại cơ cấu sản xuất và điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư* nhằm khai thác có hiệu quả khả năng lao động, đất đai và cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có.

Bảo đảm cho nông nghiệp, kể cả lâm nghiệp, ngư nghiệp thật sự là mặt trận hàng đầu, được ưu tiên đáp ứng nhu cầu về vốn đầu tư, về năng lượng, vật tư và lao động kỹ thuật; tập trung trước hết cho những vùng trọng điểm nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao. Ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, đáp ứng cho được nhu cầu về hàng tiêu dùng thông thường, về chế biến nông, lâm, thủy sản, tăng nhanh hàng gia công xuất khẩu và các mặt hàng xuất khẩu khác. Tiếp tục xây dựng một số cơ sở công nghiệp nặng và kết cấu hạ tầng, trước hết là năng lượng và giao thông vận tải, phù hợp với điều kiện thực tế, nhằm phục vụ thiết thực các mục tiêu kinh tế, quốc phòng trong chặng đường đầu tiên, và chuẩn bị tiền đề cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá trong chặng đường tiếp theo. Mở rộng các loại

hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất, lưu thông, đời sống và du lịch.

Tăng cường và kết hợp chặt chẽ hoạt động của các ngành khoa học kỹ thuật, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Tăng mức đầu tư, đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý và tổ chức lại lực lượng khoa học kỹ thuật, làm cho khoa học, kỹ thuật gắn chặt với sản xuất và đời sống, đem lại hiệu quả thiết thực, trở thành một bộ phận của lực lượng sản xuất xã hội. Áp dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và kỹ thuật nhằm trước hết phục vụ ba chương trình mục tiêu.

Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các chính sách kinh tế, đặc biệt là chính sách về cung ứng vật tư, lưu thông hàng hoá, giá, thuế, tín dụng, tiền lương... nhằm khuyến khích các cơ sở và công nhân, nông dân, thợ thủ công hàng hái phát triển sản xuất.

Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Đẩy mạnh xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu nhập khẩu. Tham gia ngày càng rộng rãi vào sự phân công lao động quốc tế, trước hết và chủ yếu là phát triển quan hệ phân công, hợp tác toàn diện với Liên Xô, với Lào và Campuchia, với các nước khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế. Chủ động cùng các nước anh em xây dựng và thực hiện chương trình của Hội đồng tương trợ kinh tế giúp đỡ Việt Nam, chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học - kỹ thuật đến năm 2000 của Hội đồng tương trợ kinh tế. Tích cực phát triển quan hệ kinh tế và khoa học, kỹ thuật với các nước khác, với các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi. Thực hiện nghiêm túc các cam kết của nước ta trong quan hệ kinh tế với nước ngoài.

2. Thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa một cách thường xuyên, với những hình thức và bước đi thích

hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất. Tăng cường kinh tế xã hội chủ nghĩa trên cả ba mặt chế độ sở hữu, chế độ quản lý, chế độ phân phối, làm cho kinh tế quốc doanh phát huy được vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế tập thể giữ vị trí quyết định trong nền kinh tế quốc dân, chi phối được các thành phần kinh tế khác. Khuyến khích phát triển kinh tế gia đình. Sử dụng khả năng tích cực của kinh tế tiểu sản xuất hàng hoá, đồng thời vận động và tổ chức những người lao động cá thể vào các hình thức làm ăn tập thể để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; sắp xếp, cải tạo và sử dụng tiểu thương, giúp đỡ số người không cần thiết trong lĩnh vực lưu thông chuyển sang sản xuất và dịch vụ. Sử dụng kinh tế tư bản tư nhân (tư sản nhỏ) trong một số ngành, nghề, đi đôi với cải tạo họ từng bước bằng nhiều hình thức kinh tế tư bản nhà nước. Xoá bỏ thương nghiệp tư bản tư nhân. Mở rộng nhiều hình thức liên kết giữa các thành phần kinh tế theo nguyên tắc cùng có lợi, bình đẳng trước pháp luật.

3. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nhằm tạo ra động lực thúc đẩy các đơn vị kinh tế và quần chúng lao động hăng hái phát triển sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế. Kiên quyết xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, thiết lập và hình thành đồng bộ cơ chế kế hoạch hoá theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Cơ chế mới lấy kế hoạch hoá làm trung tâm, sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hoá - tiền tệ, quản lý bằng phương pháp kinh tế là chủ yếu kết hợp với biện pháp hành chính, giáo dục, thực hiện phân cấp quản lý theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thiết lập trật tự, kỷ cương trong mọi hoạt động kinh tế.

Việc đổi mới kế hoạch hoá phải nhằm bảo đảm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI về sắp xếp lại nền kinh tế, bố trí lại cơ cấu sản xuất và điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư. Kế hoạch phải được xây dựng từ cơ sở và tổng hợp từ dưới lên với sự hướng dẫn và điều hoà của trung ương, bảo đảm cân đối tích cực và hiện thực. Kết hợp chặt chẽ kế hoạch hoá theo ngành và kế hoạch hoá trên địa bàn lãnh thổ. Hợp đồng kinh tế giữa các đơn vị sản xuất, kinh doanh phải được bảo đảm hiệu lực bằng chế độ trọng tài kinh tế nhà nước.

Sử dụng đầy đủ và đúng đắn các đòn bẩy kinh tế trong kế hoạch hoá và quản lý kinh tế, trên cơ sở kết hợp hài hoà lợi ích của xã hội, lợi ích của tập thể và lợi ích của người lao động. Mức thu nhập của tập thể và của người lao động tuy thuộc vào kết quả lao động và hiệu quả kinh tế. Các chính sách và chế độ quản lý vật tư, lao động, tiêu thụ sản phẩm, giá cả, tài chính, tín dụng, tiền lương, v.v. phải hướng các hoạt động kinh tế vào việc thực hiện các mục tiêu của kế hoạch kinh tế quốc dân, tạo điều kiện và đòi hỏi mọi đơn vị kinh tế thực hiện tốt hạch toán kinh doanh, mọi tổ chức và cá nhân ra sức tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng.

Tiến hành phân cấp quản lý theo nguyên tắc tập trung dân chủ; chống tập trung quan liêu đồng thời chống tự do vô tổ chức, cục bộ, bản vị. Bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh, tự chủ tài chính của các đơn vị kinh tế cơ sở, quyền làm chủ của các tập thể lao động. Các cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến xã, phường phải làm đúng chức năng quản lý hành chính - kinh tế, không can thiệp vào công việc sản xuất - kinh doanh của các đơn vị cơ sở. Bảo đảm hiệu lực quản lý tập trung thống nhất của Trung ương trong những vấn đề có tầm quan trọng đối với cả nước; đồng thời

bảo đảm quyền chủ động của các cấp địa phương trong việc quản lý kinh tế, xã hội trên địa bàn lãnh thổ.

4. Giải quyết cho được những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông bằng những biện pháp chủ yếu dưới đây:

Giải phóng năng lực sản xuất; tập trung sức bảo đảm vật tư và cải tiến các chính sách cụ thể để đẩy mạnh sản xuất những mặt hàng thiết yếu và những mặt hàng tạo nguồn thu lớn cho ngân sách.

Nhà nước quản lý chặt chẽ vật tư, hàng hoá do kinh tế quốc doanh sản xuất và nhập khẩu, có chính sách giá và phương thức mua bán hợp lý để nắm được hàng, nắm được tiền. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa thật sự chuyển sang kinh doanh, nâng cao chất lượng phục vụ để chiếm lĩnh thị trường. Trung ương phân cấp định giá và quản lý giá phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm cho cơ sở sản xuất hoạt động bình thường, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chủ động được trong việc mua và bán.

Để tăng nhanh khối lượng hàng hoá lưu thông, phải mở rộng giao lưu hàng hoá, bãi bỏ các biện pháp cấm đoán, chia cắt thị trường theo địa giới hành chính. Kịp thời phát hiện và nghiêm khắc trừng trị bọn đầu cơ, buôn bán phi pháp.

Tích cực giảm bội chi ngân sách bằng cách tạo ra nguồn thu và tăng thu đúng chính sách. Tiết kiệm chi và đình, hoãn những khoản chi chưa cấp bách, giảm dần đi tới chấm dứt việc phát hành tiền để chi ngân sách. Tăng cường quản lý lưu thông tiền tệ, thu hút tiền nhàn rỗi trong nhân dân, quay nhanh đồng tiền. Mở rộng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, phục vụ tốt sản xuất, kinh doanh.

Bằng nhiều biện pháp, Nhà nước bảo đảm tiền lương thực tế cho người lao động; cung cấp đủ tiêu chuẩn định lượng cho quân đội.

Những biện pháp nói trên phải được thực hiện đồng bộ nhằm từng bước lập lại cân đối giữa khối lượng hàng hoá và khối lượng tiền tệ lưu thông để giải quyết khâu then chốt là giảm dần, đi tới chấm dứt lạm phát. Đó là cơ sở để giảm nhịp độ tăng giá, tiến tới ổn định giá cả và sức mua của đồng tiền, giảm bớt khó khăn và dần dần ổn định đời sống của nhân dân lao động, trước hết là của những người hưởng lương.

Theo phương hướng nói trên, Ban Chấp hành Trung ương khoá VI cần lãnh đạo quyết định sớm các chủ trương, chính sách cụ thể, chỉ đạo các cấp, các ngành chấp hành nghiêm chỉnh, đạt cho được chuyển biến tốt trong một thời gian nhất định.

5. Xây dựng và tổ chức thực hiện một cách thiết thực và có hiệu quả các chính sách xã hội

Chính sách xã hội nhằm phát huy mọi khả năng của con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất. Coi nhẹ chính sách xã hội cũng là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Bảo đảm việc làm cho người lao động, trước hết ở thành thị và cho thanh niên, là nhiệm vụ kinh tế - xã hội hàng đầu trong những năm tới. Nhà nước cố gắng tạo thêm việc làm và có chính sách để người lao động tự tạo ra việc làm chính đáng. Tiến hành phân công và phân bố hợp lý lao động trên từng vùng và trong cả nước. Ban hành và thực hiện Luật lao động. Phấn đấu hạ tỷ lệ phát triển dân số đến năm 1990 xuống 1,7%.

Thực hiện công bằng xã hội phù hợp với điều kiện thực tế; bảo đảm an toàn xã hội, nhanh chóng khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Thực hiện sống và làm việc theo pháp luật. Nghiêm trị các phần tử làm ăn phi pháp.

Nâng cao chất lượng giáo dục nhằm mục tiêu hình thành và phát triển toàn diện nhân cách xã hội chủ nghĩa của thế hệ trẻ, đào tạo đội ngũ lao động có văn hoá, có kỹ thuật, có kỷ luật và giàu tính sáng tạo, đồng bộ về ngành nghề, phù hợp với yêu cầu phân công lao động của xã hội.

Tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá, văn học, nghệ thuật; xây dựng một nền văn hoá, văn nghệ xã hội chủ nghĩa đậm đà bản sắc dân tộc.

Mở rộng mạng lưới và nâng cao chất lượng công tác y tế và thể dục thể thao, nhất là ở cơ sở, đáp ứng tốt hơn nhu cầu bảo vệ sức khoẻ của nhân dân.

Thực hiện tốt chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình cán bộ, chiến sĩ chiến đấu ngoài mặt trận, gia đình có công với cách mạng, công nhân, viên chức về hưu; xây dựng và thực hiện từng bước chính sách bảo trợ xã hội xã hội chủ nghĩa đối với toàn dân theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm.

Đối với công nhân, viên chức, có chế độ tiền lương hợp lý, phúc lợi xã hội cần thiết để bảo đảm đời sống vật chất và văn hoá cho người lao động và gia đình.

Đối với nông dân, giải quyết tốt quan hệ giữa quyền lợi và nghĩa vụ đóng góp cho đất nước. Soát lại các chính sách có liên quan đến nông dân, bãi bỏ những chính sách không đúng.

Đối với trí thức, điều quan trọng nhất là đánh giá đúng năng lực và tạo điều kiện cho các khả năng sáng tạo được sử dụng đúng và phát triển.

Thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng. Tăng cường đầu tư và có chính sách cụ thể về các mặt kinh tế - xã hội để phát huy khả năng của miền núi về xây dựng kinh tế, văn hoá và chăm lo đời sống của đồng bào các dân tộc.

Tạo điều kiện thuận lợi để người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài xây dựng khối đoàn kết cộng đồng vừa hoà nhập vào xã hội sở tại, vừa liên hệ mật thiết, gắn bó với quê hương, góp phần ngày càng nhiều vào công cuộc xây dựng đất nước.

6. Tăng cường khả năng quốc phòng và an ninh của đất nước

Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chuyên chính vô sản, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, đẩy mạnh công cuộc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và hậu phương ngày càng vững mạnh: giáo dục quốc phòng toàn dân, xây dựng Quân đội nhân dân chính quy và ngày càng hiện đại; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị, xây dựng thể trận chiến tranh nhân dân, thực hiện nghiêm chỉnh Luật nghĩa vụ quân sự và các chính sách hậu phương quân đội. Tăng cường tổ chức bảo vệ chủ quyền và giữ vững các tuyến biên giới, vùng trời, vùng biển và hải đảo; xây dựng và củng cố bộ đội biên phòng vững mạnh. Chăm lo đời sống tinh thần và vật chất của bộ đội, tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa quân và dân.

Công cuộc bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội cần được tiến hành bằng sức mạnh của mọi lực lượng, bằng mọi phương tiện cần thiết, trong từng địa bàn, ở tất cả mọi đơn vị. Xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, có cơ sở vững chắc trong quần chúng, có trình độ nghiệp vụ ngày càng cao, tuyệt đối trung thành

với Tổ quốc và nhân dân. Tổ chức phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng xí nghiệp, cơ quan..., phường, xã, quận, huyện an toàn về mọi mặt, hình thành các khu vực, các tuyến an toàn ở các địa phương; xây dựng nội bộ trong sạch vững mạnh. Ngăn ngừa và trừng trị những hành động phá hoại về kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hoá và các hoạt động tình báo, gián điệp của địch.

Phát huy vai trò và hiệu lực lãnh đạo của Đảng, thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng đối với sự nghiệp quốc phòng và an ninh. Các cấp uỷ đảng, các cấp chính quyền phải quán triệt và chỉ đạo thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, coi đó là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của mình.

7. Tăng cường hoạt động trên lĩnh vực đối ngoại

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, vì sự nghiệp dân tộc và nghĩa vụ quốc tế. Đấu tranh giữ vững hoà bình ở Đông Dương, góp phần gìn giữ hoà bình ở Đông Nam Á, ở châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới, chống chính sách của các giới đế quốc chạy đua vũ trang và gây nguy cơ chiến tranh hạt nhân, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Phát triển và củng cố quan hệ đặc biệt giữa ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia; đoàn kết và tôn trọng độc lập, chủ quyền của mỗi nước, hợp tác toàn diện, giúp đỡ lẫn nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta; phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác; góp phần tăng cường sức mạnh và phát huy ảnh hưởng của cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Tăng cường đoàn kết của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản; củng cố sự hợp tác giữa các đảng anh em trong cuộc đấu tranh cho hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Mở rộng quan hệ với các tổ chức quốc tế. Ủng hộ mạnh mẽ phong trào đấu tranh giải phóng và độc lập dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Mở rộng quan hệ với tất cả các nước trên nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình. Trên tinh thần bình đẳng, bảo đảm độc lập, chủ quyền và tôn trọng lẫn nhau, sẵn sàng đàm phán để giải quyết những vấn đề thuộc quan hệ giữa Việt Nam với Trung Quốc, bình thường hoá quan hệ và khôi phục tình hữu nghị giữa hai nước, vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hoà bình ở Đông Nam Á và trên thế giới.

8. Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, củng cố và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng nhất là Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Liên hiệp Nông dân tập thể... Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức quần chúng, hướng mạnh về cơ sở, thu hút đông đảo nhân dân vào các phong trào cách mạng. Xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa, củng cố liên minh công nông và chăm lo giáo dục thế hệ trẻ, tăng cường khối đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc, các tôn giáo. Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, tôn trọng và bảo đảm quyền công dân; chống tệ quan liêu của quyền, ức hiếp quần chúng trong bộ máy lãnh đạo và quản lý

các cấp. Thực hiện có nền nếp khẩu hiệu *dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra; tất cả vì dân và do dân*. Động viên và tổ chức quần chúng tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội, tham gia các hoạt động cải cách kinh tế. Thông qua phong trào thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đào tạo và rèn luyện con người mới, xây dựng những tập thể lao động mới, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài.

Nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước. Nêu cao vị trí và vai trò của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, tạo điều kiện cho các cơ quan dân cử thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Hiến pháp quy định. Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và quản lý xã hội bằng pháp luật. Phân định rành mạch nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan nhà nước từng cấp theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phân biệt rõ chức năng quản lý hành chính - kinh tế với quản lý sản xuất - kinh doanh, kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ. Chấn chỉnh bộ máy quản lý nhà nước theo hướng tinh, gọn, có đủ năng lực thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng thành pháp luật, chính sách cụ thể; xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch nhà nước; quản lý và điều hành có hiệu quả các hoạt động kinh tế, xã hội; giữ vững pháp luật, kỷ cương và trật tự, an toàn xã hội.

9. Xây dựng Đảng thật sự ngang tầm một đảng cầm quyền có trọng trách lãnh đạo toàn dân thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược. Xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, là nhân tố quyết định sự phát triển của cách mạng nước ta. Nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng là đổi mới tư duy trong mọi lĩnh vực hoạt động của Đảng và Nhà nước, trước hết là đổi mới tư duy kinh

tế, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên, bồi dưỡng tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần quốc tế vô sản, khơi dậy ý chí cách mạng của quần chúng. Đổi mới công tác tổ chức và công tác cán bộ của Đảng, đổi mới phong cách làm việc, giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt trong Đảng; nâng cao chất lượng đảng viên; kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên; nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở của Đảng.

Dân chủ hoá công tác cán bộ. Tiến hành thường xuyên việc đánh giá, lựa chọn, bố trí, đi đôi với đào tạo, bồi dưỡng qua học tập và hoạt động thực tiễn để có một đội ngũ cán bộ đủ tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực lãnh đạo, quản lý. Chú ý trẻ hoá đội ngũ cán bộ và chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế tục.

Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng; nâng cao chất lượng sinh hoạt của các cấp uỷ. Đẩy mạnh phê bình và tự phê bình đúng với ý nghĩa là quy luật phát triển của Đảng, là thước đo trình độ sinh hoạt dân chủ trong Đảng và ý thức trách nhiệm của Đảng đối với nhân dân.

Tăng cường công tác giáo dục và công tác kiểm tra của Đảng. Đảng viên phải suy nghĩ và hành động vì lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, vì lợi ích của cách mạng; chống chủ nghĩa cơ hội dưới mọi hình thức, chống chủ nghĩa cá nhân, địa vị và tư lợi, chủ nghĩa cục bộ, địa phương, chống tham nhũng, đặc quyền đặc lợi. Những cán bộ, đảng viên không chăm lo lợi ích của nhân dân mà chỉ thu vén cho lợi ích cá nhân của mình thì không xứng đáng đứng trong hàng ngũ Đảng.

Tăng cường đoàn kết nhất trí về chính trị, tư tưởng và tổ chức trên cơ sở hệ tư tưởng Mác - Lênin và đường lối, quan điểm của Đảng. Chăm lo giữ gìn sự đoàn kết trong các cơ

quan lãnh đạo của Đảng, trên cơ sở đó, tăng cường sự đoàn kết trong toàn Đảng. Giữ gìn sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng như giữ gìn con người của mắt mình.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng xúc tiến việc *xây dựng cương lĩnh hoàn chỉnh* cho toàn bộ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chiến lược phát triển khoa học - kỹ thuật. Bản Cương lĩnh phải thể hiện trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân ta, và sẽ trình Đại hội lần thứ VII của Đảng.

10. Nâng cao hiệu lực chỉ đạo và điều hành

Xuất phát từ yêu cầu thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ do Đại hội đề ra, Ban Chấp hành Trung ương khoá VI phải tiến hành những biện pháp kiên quyết nhằm nâng cao hiệu lực chỉ đạo và điều hành của bộ máy Đảng và Nhà nước. Những khâu quan trọng nhất cần nắm chắc là: xây dựng và ban hành kịp thời các chính sách cụ thể, nhất là các chính sách kinh tế; kiện toàn tổ chức bộ máy từ Trung ương đến cơ sở cho phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ mới; bố trí cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực hoàn thành nhiệm vụ; thiết lập trật tự, kỷ cương trong hoạt động kinh tế, xã hội; phát động phong trào quần chúng hành động cách mạng mạnh mẽ, liên tục.

Ban Chấp hành Trung ương chỉ đạo tiến hành trong toàn Đảng và toàn xã hội *cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng; làm trong sạch và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy Nhà nước; đẩy lùi và xoá bỏ các hiện tượng tiêu cực, làm lành mạnh các quan hệ xã hội và thực hiện công bằng xã hội.*

*

* *

Đại hội lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam biểu thị quyết tâm của Đảng giương cao ngọn cờ chủ nghĩa Mác - Lênin, tiến bước theo con đường do Chủ tịch Hồ Chí Minh vạch ra, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phấn đấu hết sức mình vì độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Những người cộng sản Việt Nam quyết xứng đáng ở vị trí hàng đầu của sự nghiệp cách mạng vẻ vang này.

Đại hội kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đoàn kết chặt chẽ chung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ra sức phát huy những thành tựu đã đạt được, dũng cảm phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thử thách, biến nghị quyết của Đảng thành hiện thực, tạo ra những tiến bộ mới trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội.

Năm 1990 là năm kỷ niệm lần thứ 60 ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, kỷ niệm lần thứ 45 Quốc khánh nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, và kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Hãy đẩy tới một phong trào hành động cách mạng sôi nổi trên mọi miền của đất nước, thi đua hoàn thành kế hoạch 5 năm 1986 - 1990, giành thắng lợi ngày càng to lớn cho sự nghiệp cách mạng của chúng ta!

Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân!

DIỄN VĂN BẾ MẠC
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VI
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Do đồng chí Nguyễn Văn Linh, Tổng Bí thư
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI trình bày,
ngày 18 tháng 12 năm 1986)

Thưa các đồng chí trong Đoàn Chủ tịch,
Thưa các vị khách quý,
Thưa các đồng chí đại biểu thân mến,

Với tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng và nhân dân, sau nhiều ngày làm việc tích cực, khẩn trương, hôm nay Đại hội lần thứ VI của Đảng ta đã hoàn thành công việc một cách tốt đẹp.

Đại hội hoàn toàn nhất trí với những quan điểm, chủ trương đề ra trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương và các văn kiện khác của Trung ương trình ra Đại hội, đã nhất trí thông qua nghị quyết hết sức quan trọng về những quyết sách lớn nhằm làm chuyển biến tình hình, đưa đất nước vượt qua khó khăn, thử thách, vững bước tiến lên.

Các đại biểu từ mọi miền đất nước, từ mọi lĩnh vực hoạt động của Đảng và Nhà nước đã mang tới Đại hội trí tuệ và nguyện vọng thiết tha: Đảng ta có sự đổi mới mạnh mẽ trong công tác lãnh đạo. Sự nhất trí hoàn toàn về những quyết

định đúng đắn tại Đại hội cho phép chúng ta vui mừng khẳng định rằng Đại hội đã đáp ứng lòng mong đợi của toàn Đảng và toàn dân ta.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương khoá VI thể hiện được tính liên tục và tính kế thừa để thực hiện quyết tâm đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, phù hợp với thực tế cách mạng nước ta hiện nay.

Đại hội vô cùng xúc động về đề nghị của ba đồng chí lãnh đạo cao tuổi - đồng chí Trường Chinh, đồng chí Phạm Văn Đồng và đồng chí Lê Đức Thọ - không ứng cử vào Trung ương kỳ này và sẵn sàng gánh vác trọng trách làm cố vấn cho Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị.

Ba đồng chí đã nêu tấm gương cao đẹp về tinh thần tận tụy phục vụ cách mạng và sự trong sáng cộng sản chủ nghĩa. Toàn Đảng, toàn dân hết sức biết ơn công lao to lớn của ba đồng chí, và từ đáy lòng mình, chúng ta chân thành chúc các đồng chí luôn luôn mạnh khoẻ, tiếp tục cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân.

Nhận thức đầy đủ trách nhiệm nặng nề mà Đại hội giao phó, thay mặt các đồng chí vừa được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương, chúng tôi xin hứa đồng tâm hiệp lực, cùng toàn Đảng, toàn dân làm hết sức mình cho sự thực hiện thành công các nghị quyết của Đại hội.

Thư các đồng chí,

Từ Đại hội này, tiếng nói đầy tình cảm thấm thiết của anh em và bầu bạn trên thế giới đã vang dội sâu rộng trên khắp đất nước ta. Các đồng chí đại biểu quốc tế đã mang đến cho những người cộng sản và nhân dân ta tình hữu nghị sắt son, lòng tin cậy và sự ủng hộ mạnh mẽ của Liên Xô vĩ đại - thành trì của hoà bình và cách mạng thế giới, của hai nước

láng giềng anh em gần bó keo sơn Lào, Campuchia, của các nước anh em khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, của nhiều bạn bè thân thiết trên thế giới. Và cũng từ Đại hội này, một lần nữa, chúng ta đã bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc và tình cảm nồng nàn đoàn kết chiến đấu của Đảng và nhân dân ta với các đảng và các nước anh em, với những bầu bạn thân thiết ở khắp năm châu.

Đại hội ta chân thành cảm ơn các đồng chí đại biểu quốc tế đã đến với chúng ta và góp phần quý báu vào thành công của Đại hội. Chúng ta chân thành cảm ơn các đảng anh em, các tổ chức cách mạng ở nhiều nước đã gửi đến Đại hội những bức điện, bức thư chào mừng chứa chan tình cảm quốc tế vô sản.

Chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh đồng bào, chiến sĩ trong cả nước và đồng bào ở nước ngoài đã hướng về Đại hội, lập nhiều thành tích trên mọi lĩnh vực chào mừng Đại hội.

Chúng ta biểu dương cán bộ, công nhân, nhân viên và chiến sĩ đã ngày đêm làm việc tận tụy để phục vụ Đại hội thành công tốt đẹp.

Thư các đồng chí,

Đại hội lần thứ VI của Đảng đánh dấu bước chuyển quan trọng trong quá trình kế thừa và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Thành công của Đại hội là sức mạnh mới, là cơ sở hết sức quan trọng để tăng cường hơn nữa sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng và toàn dân ta. Nhưng chặng đường trước mắt chúng ta còn đầy khó khăn, thử thách mà toàn Đảng và toàn dân ta phải nỗ lực rất nhiều, phấn đấu rất cao mới vượt qua được. Với tinh thần đoàn kết và đổi mới của Đại hội, chúng ta quyết tâm

đem hết tinh thần và sức lực của mình thực hiện thắng lợi mục tiêu do Đại hội đề ra là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục tạo tiền đề cho sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa đất nước.

Hướng tới năm 1990, năm kỷ niệm lần thứ 60 ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, lần thứ 45 Quốc khánh nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, chúng ta quyết thực hiện thắng lợi Di chúc thiêng liêng của Bác Hồ kính yêu:

*“Còn non, còn nước, còn người,
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!”.*

Không một trở lực nào có thể ngăn cản bước tiến của chúng ta về phía trước.

Với niềm tin mãnh liệt đó, tôi xin phép tuyên bố bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của chúng ta.

VĂN KIẾN
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ VII

**DIỄN VĂN KHAI MẠC
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VII
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

(Do đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ Chính trị
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI trình bày,
ngày 24 tháng 6 năm 1991)

Thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội,

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Hôm nay, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII Đảng Cộng sản Việt Nam khai mạc tại Hội trường Ba Đình lịch sử. Về dự Đại hội có 1.176 đồng chí đại biểu nam và nữ đại diện cho hơn hai triệu đảng viên ở các lĩnh vực hoạt động khác nhau từ mọi miền của đất nước hoặc đang công tác ở nước ngoài.

Thay mặt Đoàn Chủ tịch Đại hội và Ban Chấp hành Trung ương khoá VI, tôi nhiệt liệt chào mừng và gửi lời chúc sức khỏe đến các đại biểu ưu tú của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh, Đảng do Bác Hồ sáng lập, giáo dục và rèn luyện.

Đại hội chúng ta nhiệt liệt chào mừng Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Liên Xô do đồng chí Ôlếch Xêmiônôvich

Sênhin, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng dẫn đầu; Đoàn đại biểu Đảng Nhân dân Cách mạng Lào do đồng chí Cayxôn Phômvihản, Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng dẫn đầu; Đoàn đại biểu Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia do đồng chí Hêng Xomrin, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng dẫn đầu; Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Cuba do nữ đồng chí Giôlanda Phêrê, Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị Trung ương Đảng dẫn đầu.

Sự có mặt của các đoàn đại biểu các đảng anh em mang đến cho chúng ta tình hữu nghị thắm thiết và sự ủng hộ quý báu đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng ta và nhân dân ta.

Cùng dự buổi khai mạc Đại hội còn có đồng chí đại diện Đảng Cộng sản Nhật Bản thường trú tại Hà Nội, các vị trong Đoàn ngoại giao, đại diện các tổ chức quốc gia và quốc tế, các tổ chức phi chính phủ tại Hà Nội. Thay mặt Đoàn Chủ tịch Đại hội, tôi xin chào mừng và chân thành cảm ơn sự có mặt của các vị.

Trong buổi khai mạc trọng thể này, Đại hội chúng ta tưởng nhớ đồng chí Trường Chinh, đồng chí Lê Đức Thọ - nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Phạm Hùng - nguyên Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiều năm liền giữ trọng trách trong ban lãnh đạo cao nhất của Đảng ta, đã cống hiến suốt cả cuộc đời cho sự nghiệp cách mạng vì dân, vì nước.

Đại hội chúng ta tưởng nhớ các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã qua đời: đồng chí Vũ Lập, Nguyễn Xuân Hữu, Hoàng Trường Minh và Lâm Văn Thê, cùng nhiều đảng viên, cán bộ, chiến sĩ và đồng bào yêu quý

đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc từ sau Đại hội lần thứ VI của Đảng đến nay.

(Đề nghị Đại hội để một phút mặc niệm).

Thưa các đồng chí đại biểu,

Mỗi Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng đều có ý nghĩa quan trọng trong quá trình phát triển của cách mạng nước ta và Đảng ta.

Hơn bốn năm trước, cũng tại Hội trường Ba Đình này, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện, mở ra bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Mấy năm qua, toàn Đảng và toàn dân ta đã kiên trì phấn đấu không mệt mỏi để đưa đường lối Đại hội VI vào cuộc sống. Đại hội VII lần này có nhiệm vụ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, đánh giá những việc làm được, những việc có thể làm nhưng chưa làm được, những vấn đề mới nảy sinh, chỉ ra những ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân và những kinh nghiệm tiến hành đổi mới trên các lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội. Trên cơ sở đó, Đại hội sẽ đề ra phương hướng, mục tiêu và các nhiệm vụ chủ yếu cho 5 năm tới. Ý nghĩa trọng đại của Đại hội VII còn ở chỗ, đây là lần đầu tiên Đại hội thông qua Cương lĩnh vạch ra những quan niệm và các phương hướng cơ bản về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, thông qua Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000. Những vấn đề này liên quan đến nhiệm vụ hoàn thiện vai trò lãnh đạo chính trị của Đảng đối với xã hội và tăng cường hơn nữa cơ sở khoa học của các quyết định lớn của Đảng.

Cũng như các Đại hội thường lệ, Đại hội VII sẽ tiến hành kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng, vạch ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng, sửa đổi Điều lệ Đảng, bầu ra Ban

Chấp hành Trung ương mới. Ở đây, điều mới mẻ cần nhấn mạnh là công tác xây dựng Đảng và lựa chọn nhân sự cấp cao của Đảng diễn ra trong thời điểm cách mạng nước ta đang đứng trước những thách thức và cả những vận hội mới, trong thời điểm có sự chuyển tiếp lớn các thế hệ lãnh đạo.

Như vậy, tầm quan trọng đặc biệt của Đại hội VII là ở chỗ nó quyết định không những các nhiệm vụ nặng nề trước mắt, mà cả tiền đồ rộng lớn của cách mạng nước ta và của Đảng ta trong những thập niên tới.

Tinh thần đó của Đại hội VII đã được toàn Đảng, toàn dân quán triệt và thể hiện bằng nhiều việc làm tích cực, cụ thể và có hiệu quả nhằm bảo đảm cho Đại hội thành công. Ngay từ tháng 2 năm 1987, tức chỉ sau Đại hội VI vài tháng, Trung ương Đảng đã chỉ đạo việc biên soạn Cương lĩnh, tiếp sau đó là các văn kiện như Chiến lược kinh tế - xã hội, Báo cáo chính trị, Báo cáo xây dựng Đảng và Điều lệ Đảng (sửa đổi). Đại bộ phận đảng viên, đông đảo các tầng lớp nhân dân, các đồng chí lão thành cách mạng, các đoàn viên, hội viên các đoàn thể, các nhà khoa học, các nhân sĩ, trí thức, các phương tiện thông tin đại chúng đã tích cực đóng góp ý kiến vào những văn kiện nói trên do các Tiểu ban Trung ương chuẩn bị. Có nhiều bản kiến nghị của tập thể và cá nhân đầy tâm huyết, công phu, kết quả của một quá trình suy tư sâu sắc gửi về Trung ương. Những hoạt động nói trên đã trở thành cuộc sinh hoạt chính trị có tính quần chúng rộng lớn, phong phú và có chiều sâu nhất ở nước ta trong những năm qua. Sự kiện này, một lần nữa, biểu hiện sức mạnh mới về tinh thần, ý chí đoàn kết thống nhất của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân chung quanh Đảng Cộng sản, nhằm mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân theo con đường xã hội chủ nghĩa mà

Đảng ta và nhân dân ta đã dứt khoát lựa chọn. Những ý kiến lạc lõng, xa lạ với định hướng đó chỉ là của một số rất ít người và không được nhân dân ta chấp nhận.

Việc chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa VII cũng đã được tiến hành nghiêm túc từ dưới lên và từ trên xuống một cách dân chủ và tập thể. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Tiểu ban Nhân sự Trung ương đã lắng nghe nhiều ý kiến, nghiên cứu kỹ những đề nghị của các tổ chức đảng, đoàn thể, tập thể và cá nhân về phương hướng, tiêu chuẩn, cơ cấu và số lượng cũng như về từng người cụ thể dự kiến cấu tạo vào Ban Chấp hành Trung ương khóa VII.

Trên cơ sở những ý kiến đóng góp của đại hội Đảng bộ các cấp và của các tầng lớp nhân dân, Hội nghị lần thứ 12 và 13 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) vừa qua đã tiếp thu, xử lý và hoàn chỉnh lần cuối cùng các văn kiện cũng như danh sách nhân sự Ban Chấp hành Trung ương để trình Đại hội VII quyết định. Tôi xin báo cáo với Đại hội rằng, Hội nghị Trung ương lần thứ 12 và 13 đã *nhất trí về cơ bản* những nội dung lớn trình ra Đại hội. Có thể nói trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân đã được tổng hợp và kết tinh trong các văn kiện trình Đại hội VII. Đó là một nhân tố quan trọng bảo đảm cho sự thành công của Đại hội.

Tôi đề nghị Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh đông đảo đảng viên, cán bộ và đồng bào các giới đã đóng góp tích cực và có hiệu quả vào công việc của Đại hội.

Thưa các đồng chí đại biểu,

Như Trung ương đã nhiều lần nhấn mạnh, Đại hội VII của chúng ta tiến hành trong bối cảnh quốc tế và trong nước phức tạp. Những biến động đã và đang xảy ra trong các nước

xã hội chủ nghĩa, sự tiến công từ nhiều phía vào chủ nghĩa xã hội, vào chủ nghĩa Mác - Lênin và Đảng Cộng sản, những âm mưu và thủ đoạn thâm độc của các thế lực phản động quốc tế hòng xoá sạch chủ nghĩa xã hội hiện thực vào cuối thế kỷ này, sự hoang mang dao động trong một bộ phận những người cộng sản và cách mạng trên thế giới đã hàng ngày tác động không nhỏ đến tư tưởng và tình cảm của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Hơn thế nữa, đất nước ta còn phải trực tiếp đương đầu với các hoạt động phá hoại của kẻ thù, của bọn phản động lưu vong, của các lực lượng thù địch ở trong nước. Nhưng, nhờ những thành tựu bước đầu rất quan trọng của hơn bốn năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, chúng ta đã đứng vững và tiếp tục đi lên. Bằng chứng là tại Đại hội này chúng ta vạch ra kế hoạch củng cố những thành tựu đã đạt được và chuẩn bị cho những bước phát triển mới trong tương lai.

Tuy vậy, không một ai trong chúng ta đã có thể yên tâm với thực trạng tình hình. Chúng ta biết rằng khó khăn còn chồng chất, lực cản còn nhiều, mâu thuẫn cũ được khắc phục, mâu thuẫn mới lại nảy sinh. Cuộc sống là như vậy. Biện chứng của sự phát triển là như vậy. Điều cơ bản bảo đảm cho chúng ta vững bước đi lên, không để cho mình bị chìm ngập trong khó khăn là một mặt, Đảng phải có đường lối chính trị đúng, trên cơ sở đó tập hợp, đoàn kết và phát huy được sức mạnh của toàn dân; mặt khác, Đảng phải trong sạch, vững mạnh, có sức chiến đấu cao. Hơn lúc nào hết, hiện nay hai vấn đề trọng yếu có liên quan với nhau nói trên có tính thời sự cấp bách đặc biệt, đòi hỏi chúng ta phải cố gắng gấp bội để vượt lên tầm cao mới, bảo đảm cho Đảng xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân

tộc. Chính đó là trọng tâm trong chương trình nghị sự mà Đại hội VII của chúng ta phải giải quyết. Vì vậy, để thực hiện yêu cầu này và cũng là để phát huy kết quả đóng góp ý kiến của toàn Đảng, toàn dân cho Đại hội, tôi mong được các đồng chí đại biểu lưu ý một số điểm sau đây:

Một là, các đại biểu sẽ nghiên cứu, thảo luận, tranh luận, đóng góp thêm ý kiến để hoàn chỉnh các văn kiện với chất lượng cao. Việc này tuy các đại biểu đã làm, tuy các đại hội đảng bộ các cấp và các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương đã bàn bạc và thông qua các dự thảo văn kiện, nhưng tôi nghĩ rằng, tư duy để tiếp cận chân lý là một quá trình, không thể nói mọi vấn đề đã hoàn tất. Ở đây, chúng ta không phải thảo luận từ đầu các vấn đề nêu trong các văn kiện, mà tập trung sự chú ý vào những vấn đề cơ bản cần làm rõ thêm hoặc còn có những ý kiến khác nhau lớn. Đoàn Chủ tịch sẽ trình bày với Đại hội những vấn đề trọng tâm đó. Yêu cầu đặt ra là qua thảo luận và tranh luận, Đại hội chúng ta *đạt được sự nhất trí cao hơn nữa* về những quan điểm, nguyên tắc, những nội dung chủ yếu trong các văn kiện. Đó là điều hệ trọng, vì nó bảo đảm sự thống nhất về tư tưởng, chính trị trong Đảng và trong xã hội, là cơ sở để triển khai các hoạt động thực tiễn nhằm thực hiện thành công các nghị quyết của Đại hội VII.

Hai là, Đại hội sẽ sáng suốt lựa chọn Ban Chấp hành Trung ương khoá VII, tiêu biểu về phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, có đủ trí tuệ và năng lực thực tiễn đưa Nghị quyết Đại hội VII vào cuộc sống thắng lợi. Phải bám sát tiêu chuẩn và cơ cấu, số lượng và chất lượng, trong đó vấn đề số một là tiêu chuẩn. Vừa qua, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Tiểu ban Nhân sự đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc lựa chọn nhân sự Trung ương. Kết quả là

hình thành được bản danh sách nhân sự Trung ương khoá tới để trình Đại hội xem xét và quyết định. Các đại biểu sẽ thêm hoặc bớt người trong danh sách dự kiến này, yêu cầu giải đáp những trường hợp mà mình còn chưa rõ trước khi bầu, nhằm lựa chọn được một Ban Chấp hành Trung ương xứng đáng, đủ sức gánh vác các công việc trọng đại mà Đại hội giao cho. Để làm việc này, cần phải có thái độ khách quan, công tâm, đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng lên trên hết, kiên quyết không để lọt vào ban lãnh đạo cao nhất những người cơ hội về chính trị, cá nhân chủ nghĩa, địa phương cục bộ, tham nhũng.

Ba là, thật sự phát huy nguyên tắc tập trung dân chủ trong thảo luận và tranh luận đóng góp ý kiến vào các văn kiện, trong bầu cử và ứng cử, trong việc điều hành công việc của Đại hội, tạo bầu không khí cởi mở, tin cậy lẫn nhau. Đó là cơ sở quan trọng để đạt tới sự thống nhất cao trong các đại biểu về những vấn đề trình ra Đại hội.

Bốn là, triệt để tuân thủ quy chế làm việc của Đại hội VII. Đây là một điều kiện bảo đảm Đại hội diễn ra thông suốt theo kế hoạch dự định.

Thưa các đồng chí đại biểu,

Làm được những điều nói trên, chúng ta tin tưởng chắc chắn rằng Đại hội VII sẽ làm tròn được trách nhiệm trọng đại của mình, sẽ là Đại hội của *trí tuệ - đổi mới - dân chủ - kỷ cương - đoàn kết*, đáp ứng lòng mong đợi của toàn Đảng, toàn dân.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Đại hội lần thứ VII của Đảng và chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

TIẾP TỤC ĐƯA SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI TIẾN LÊN THEO CON ĐƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

(Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI
về các Văn kiện Đại hội VII do đồng chí
Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh trình bày,
ngày 24 tháng 6 năm 1991)

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Đại hội chúng ta phải xem xét 5 văn kiện lớn: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000; Báo cáo chính trị; Báo cáo xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng; Điều lệ Đảng (sửa đổi). Dự thảo các văn kiện trên, kèm theo các tờ trình về việc tiếp thu và xử lý các ý kiến đóng góp của đảng viên và nhân dân, đã gửi tới các đại biểu. Từng đoàn đã tổ chức nghiên cứu. Xét thấy không nên trình bày lại từng văn kiện đó, Ban Chấp hành Trung ương xin báo cáo trước Đại hội một số vấn đề lớn xuyên suốt các văn kiện, những vấn đề mà toàn Đảng, toàn dân góp ý nhiều hoặc còn ý kiến khác nhau.

Để chuẩn bị các văn kiện Đại hội, ngay từ tháng 2 năm 1987, Bộ Chính trị đã thành lập Ban soạn thảo Cương lĩnh và Chiến lược kinh tế - xã hội. Đến tháng 3 năm 1990, xét

thấy cần nâng cao hơn nữa tính tập thể trong việc chuẩn bị các văn kiện Đại hội, Hội nghị Trung ương lần thứ 8 đã quyết định lập ra 5 Tiểu ban của Trung ương. Mỗi Tiểu ban đều lấy được nhiều ý kiến đóng góp của các đồng chí Ủy viên Trung ương, các cán bộ lãnh đạo và quản lý, đại biểu các giới, các đoàn thể và Mặt trận Tổ quốc, các nhà khoa học và các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trên tất cả các lĩnh vực và các vùng của đất nước, kể cả các cán bộ đương chức lẫn các đồng chí đã nghỉ hưu.

Mỗi văn kiện dự thảo đều được thảo luận kỹ và sửa chữa nhiều lần trước khi công bố lấy ý kiến rộng rãi trong toàn Đảng, toàn dân. Tại Hội nghị toàn thể lần thứ 12, trên cơ sở tổng hợp lần cuối cùng ý kiến các đại hội đảng các cấp (vòng 1), Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận, tiếp thu ý kiến đóng góp và sửa chữa lại các dự thảo văn kiện trước khi trình ra Đại hội.

Việc lấy ý kiến toàn Đảng, toàn dân xây dựng các văn kiện Đại hội thực sự trở thành một đợt sinh hoạt chính trị dân chủ rộng lớn, cuốn hút đại bộ phận đảng viên toàn quốc, hàng trăm đồng chí lão thành cách mạng, hàng nghìn nhà khoa học, nhân sĩ, trí thức, hàng triệu đoàn viên, hội viên các đoàn thể và đồng bào các giới ở trong nước cũng như đang sống và làm việc ở nước ngoài. Các hình thức tham gia ý kiến rất phong phú: hội nghị, hội thảo, phát biểu trên các báo, đài, biên thư, trực tiếp gặp và phát biểu với các đồng chí lãnh đạo có trách nhiệm... Trung ương nhận được nhiều thư hoan nghênh chủ trương thực hiện dân chủ của Đảng ta và góp phần xây dựng các văn kiện Đại hội. Sự trưởng thành về chính trị, mối quan tâm sâu sắc tới vận mệnh của đất nước, tiềm năng trí tuệ to lớn của cán bộ, đảng viên và nhân dân, đó là những đặc điểm nổi bật qua đợt góp ý kiến xây dựng các văn kiện Đại hội. Được như vậy là nhờ có thực

tiến đổi mới mấy năm qua, có kinh nghiệm quốc tế, kể cả kinh nghiệm thành công và không thành công, có sự trăn trở, suy tư của mỗi người với ý thức trách nhiệm cao đối với hiện tại và tương lai đất nước.

Đương nhiên giữa các ý kiến đóng góp có sự khác nhau, đó là điều bình thường. Có thể phân ra mấy loại chính: loại ý kiến thứ nhất, chiếm đa số, nhất trí về cơ bản với các quan điểm của các dự thảo; loại ý kiến thứ hai, khá đông, có nhiều kiến nghị bổ sung, sửa chữa quan trọng; loại ý kiến thứ ba, không nhiều, nhưng đáng chú ý, đó là những ý kiến còn khác nhau lớn, cần nghiên cứu, chất lọc, tiếp thu những khía cạnh hợp lý trong mỗi ý kiến; loại ý kiến thứ tư, rất cá biệt, đó là những quan điểm xa lạ với Đảng ta, nhân dân ta. Nhìn tổng quát thì xu hướng chung là nhất trí về cơ bản và góp phần bổ sung, sửa chữa, nâng cao chất lượng các văn kiện dự thảo. Trong các ý kiến đóng góp, nhiều ý kiến đã được tiếp thu đưa vào các văn kiện, có những ý kiến chỉ đưa vào được một phần, không ít ý kiến tốt nhưng đưa vào các văn kiện Đại hội thì không thích hợp, sẽ được Ban Chấp hành Trung ương khoá VII sử dụng trong lãnh đạo thực hiện những nghị quyết Đại hội VII.

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Kết quả đột sinh hoạt góp ý kiến xây dựng các văn kiện Đại hội đã khẳng định sự thống nhất về chính trị trong Đảng và giữa Đảng với nhân dân; khẳng định sự nghiệp đổi mới của chúng ta là đúng đắn và cần phải tiếp tục đẩy mạnh; khẳng định quyết tâm không gì lay chuyển nổi của nhân dân ta đi theo con đường xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Từ diễn đàn trọng thể này, Đại hội chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh và cảm ơn các tập thể và cá nhân ở trong Đảng

và trong nhân dân, ở trong nước và nước ngoài đã đóng góp những ý kiến đầy tâm huyết xây dựng các văn kiện Đại hội.

I- KIẾN TRÌ CON ĐƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA LÀ SỰ LỰA CHỌN DUY NHẤT ĐÚNG ĐẮN

Thưa các đồng chí,

Cuộc khủng hoảng toàn diện, sâu sắc của các nước xã hội chủ nghĩa đặt chủ nghĩa xã hội trước sự phê phán gay gắt chưa từng thấy, từ nhiều hướng. Đáng tiếc là ngay trong hàng ngũ những người cộng sản cũng có hiện tượng dao động về lập trường, những khuynh hướng phủ định các thành tựu, từ đó dẫn đến phủ định con đường xã hội chủ nghĩa.

Trong bối cảnh phức tạp như vậy, điều đặc biệt có ý nghĩa là qua đợt góp ý xây dựng các dự thảo văn kiện Đại hội, hầu hết ý kiến đều nhất trí khẳng định mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn, khẳng định toàn Đảng, toàn dân ta quyết tâm theo đuổi đến cùng con đường dẫn tới mục tiêu ấy.

Thật vậy, đối với nước ta, không còn con đường nào khác để có độc lập dân tộc thực sự và tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Cần nhấn mạnh rằng đây là sự lựa chọn của chính lịch sử, sự lựa chọn đã dứt khoát từ năm 1930 với sự ra đời của Đảng ta trong lúc các phong trào cứu nước từ lập trường Cần Vương đến lập trường tư sản, tiểu tư sản, qua khảo nghiệm lịch sử đều lần lượt thất bại. Nhân dân ta, dưới ngọn cờ của Đảng, phát huy cao độ truyền thống anh hùng bất khuất của dân tộc, đã chiến đấu hy sinh ròng rã mấy chục năm trời, hoàn thành về cơ bản những nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân tộc - dân chủ nhân dân, đã chuyển sang thực hiện những nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, không có lý

gì nay lại rẽ sang con đường khác ngược với mục tiêu đã lựa chọn. Chẳng lẽ bao nhiêu thành quả cách mạng giành được bằng xương máu của biết bao thế hệ người Việt Nam lại đem trao vào tay những lực lượng đưa đất nước đi vào con đường tư bản chủ nghĩa, con đường chắc chắn không thể bảo đảm độc lập thật sự cho dân tộc, tự do hạnh phúc thật sự cho tuyệt đại đa số nhân dân. Cũng không có lý do gì để chúng ta phải “lùi lại” giai đoạn dân chủ nhân dân, mà lịch sử đã vượt qua. Nếu có những việc của giai đoạn trước chưa làm xong hoặc chưa làm tốt thì chúng ta tiếp tục giải quyết nốt trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chính vì vậy nhân dân ta quyết không chấp nhận con đường nào khác ngoài con đường xã hội chủ nghĩa.

Vậy quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta như thế nào? Liệu có được một quan niệm chính xác về điều đó hay không khi mà chủ nghĩa xã hội đang khủng hoảng cả về lý luận, cả trong hiện thực? Do còn băn khoăn trước những câu hỏi lớn như vậy nên một số ít đồng chí nêu vấn đề liệu Đảng có thể ra Cương lĩnh trong tình hình này hay không?

Quả là đang có những hạn chế nhất định về lý luận và thực tiễn khi chúng ta bắt tay xây dựng Cương lĩnh. Nhưng đó không phải là trở ngại không thể vượt qua. Chủ nghĩa xã hội đã có lịch sử hơn 70 năm, có thành công và có thất bại, đó là nguồn kinh nghiệm vô giá. Lại có cả kinh nghiệm đổi mới, cải tổ, cải cách những năm qua gợi mở cho thấy nhiều vấn đề quan trọng, từ mặt thành tựu và cả từ những vấp vấp. Đó là những cơ sở thực tiễn để có thể rút ra những kết luận cần thiết dưới sự chỉ dẫn của phương pháp luận Mác - Lênin được vận dụng một cách sáng tạo. Dự thảo Cương lĩnh cố gắng đi theo hướng đó và với trí tuệ đóng góp của toàn Đảng, toàn dân, *quan niệm về chủ nghĩa xã hội và về con đường đi*

lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã có thể hình thành trên những đường nét chủ yếu. Đương nhiên, những gì mà nhận thức chúng ta đạt tới hôm nay sẽ còn được bổ sung, phát triển cùng với sự phát triển sau này của thực tiễn và của tư duy lý luận. Song, ở thời điểm hiện nay, đó là những quan niệm đúng. Ở đây xin lưu ý mấy điểm trong đoạn nói về những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta định xây dựng và về những phương hướng cơ bản nhằm đạt tới một xã hội như thế.

So với dự thảo đưa ra lấy ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân, trên cơ sở tiếp thu nhiều ý kiến đóng góp, trong dự thảo lần này quan niệm về xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng đã được sáng rõ hơn. Đó là xã hội:

- Do nhân dân lao động làm chủ.
- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.
- Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.
- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Những phương hướng cơ bản chỉ đạo quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng là kết quả sự dày công suy nghĩ và sự đóng góp trí tuệ rộng rãi của toàn Đảng, toàn dân trên cơ sở tính đến những kinh nghiệm thành công và không thành công trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta và các nước khác. Các phương hướng đó vừa mang tính nguyên

tắc bảo đảm không chệch hướng xã hội chủ nghĩa, vừa quán triệt tinh thần đổi mới cho phép không lặp lại những sai lầm cũ. Ví dụ: trước đây khi chỉ đạo cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất, chúng ta chủ trương sớm xoá bỏ nền kinh tế nhiều thành phần, sớm có chế độ công hữu chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế quốc dân; phủ nhận về thực chất sản xuất hàng hoá, chậm xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp. Nhưng trong dự thảo lần này, quan điểm chỉ đạo cuộc cách mạng quan hệ sản xuất vừa toát lên tinh thần đổi mới, vừa bảo đảm hướng đi lên chủ nghĩa xã hội với nội dung sau đây: “phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu. Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu”.

Ở đây xin nói một điểm quan trọng là *vấn đề chuyên chính vô sản*. Theo chúng ta hiểu, nội dung cơ bản của chuyên chính vô sản là chính quyền thuộc về nhân dân, trước hết là giai cấp công nhân và nhân dân lao động (chân tay và trí óc); chính quyền đó theo đường lối của giai cấp công nhân mà đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản. Vận dụng nội dung ấy vào điều kiện Việt Nam, dự thảo Cương lĩnh viết: “... xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã

hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân”.

Cũng cần nói thêm một điểm mới trong đoạn văn vừa trích dẫn về vấn đề Nhà nước. Cái mới là ở chỗ Cương lĩnh lần này nói đến không chỉ liên minh công - nông mà nói *liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức*. Cũng có một số đồng chí chưa tán thành nhưng đa số ý kiến tán thành quan điểm đó, coi là một điểm bổ sung rất đúng và cần thiết. Thật vậy, trong cách mạng dân tộc dân chủ, vai trò giới trí thức đã quan trọng, trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, vai trò giới trí thức càng quan trọng. Giai cấp công nhân nếu không có đội ngũ trí thức của mình và nếu bản thân công - nông không được nâng cao kiến thức, không dần dần được trí thức hoá, thì không thể xây dựng được chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt, chúng ta đang sống trong một thời đại mà cùng với quá trình cách mạng xã hội, đang diễn ra cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại có tác động mạnh mẽ và toàn diện đến đời sống các dân tộc, đến quá trình phát triển kinh tế thế giới, đến bản thân các quá trình cách mạng cải biến xã hội. Vì vậy, vai trò tầng lớp trí thức ngày càng quan trọng.

Tất nhiên, điều đó không hạ thấp chút nào vai trò công - nông và sẽ phạm sai lầm nghiêm trọng nếu từ chỗ thấy vai trò ngày càng tăng lên của trí thức đi đến hạ thấp vai trò công - nông - hai giai cấp cơ bản của xã hội.

Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức nước ta vốn gắn bó khăng khít. Đó là vì cùng chung cảnh ngộ mất nước trước đây, vì đa số trí thức là con em công - nông, được đào tạo dưới chế độ xã hội chủ nghĩa; có nhiều trí thức xuất thân từ các giai cấp khác nhưng trong quá trình cách mạng đã tự nguyện đứng về lập trường công nhân; trí

thức nước ta có lòng yêu nước nồng nàn và nhiệt thành cống hiến cho sự nghiệp dân giàu, nước mạnh. Sự nghiệp xã hội chủ nghĩa đòi hỏi mở rộng nền tảng của khối liên minh, từ liên minh công - nông thành liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.

II- VỀ NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN TRONG CHÍNH SÁCH KINH TẾ

Phát triển kinh tế theo con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình giải phóng sức sản xuất, khơi dậy mọi tiềm năng, động viên và tạo điều kiện cho mọi người Việt Nam phát huy ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước. *Sự nghiệp phát triển kinh tế đặt con người vào vị trí trung tâm, thống nhất tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội.*

Trong thập kỷ 90, phải khắc phục những khó khăn, thử thách gay gắt, ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, cải thiện đời sống nhân dân; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao năng lực khoa học và công nghệ đáp ứng nhu cầu của những năm 90 và chuẩn bị cho tương lai; củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; bảo đảm môi trường hoà bình, ổn định, hợp tác cho sự phát triển kinh tế. Những mục tiêu đó đòi hỏi phải tăng tổng sản phẩm trong nước đến năm 2000 khoảng gấp đôi so với năm 1990.

Để đạt những mục tiêu đó, chúng ta chủ trương thực hiện *nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa*. Mọi người được tự do kinh

doanh theo pháp luật, được bảo hộ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp. Các hình thức sở hữu có thể hỗn hợp, đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh doanh đa dạng. Các doanh nghiệp, không phân biệt quan hệ sở hữu đều tự chủ kinh doanh, hợp tác và cạnh tranh với nhau, bình đẳng trước pháp luật.

Kinh tế quốc doanh được củng cố và phát triển trong những ngành và lĩnh vực then chốt, nắm những doanh nghiệp trọng yếu, đảm đương những hoạt động mà các thành phần kinh tế khác không có điều kiện đầu tư kinh doanh. Theo hướng đó, khu vực quốc doanh phải được sắp xếp lại, đổi mới công nghệ và tổ chức quản lý, kinh doanh có hiệu quả, liên kết và hỗ trợ các thành phần kinh tế khác, thực hiện *vai trò chủ đạo* và chức năng của một công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước. Đối với những cơ sở không cần giữ hình thức quốc doanh, cần chuyển hình thức kinh doanh, hình thức sở hữu hoặc giải thể, đồng thời giải quyết việc làm và đời sống cho người lao động. Khuynh hướng coi nhẹ kinh tế quốc doanh, muốn tư nhân hoá tràn lan, cho rằng để chuyển sang cơ chế thị trường phải tư hữu hoá tất cả tư liệu sản xuất là sai lầm. Cố nhiên, nếu duy trì và phát triển kinh tế quốc doanh một cách tràn lan, kéo dài cơ chế bao cấp cũng không đúng.

Kinh tế tập thể cần đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động có hiệu quả thiết thực, phát triển rộng rãi và đa dạng trong các ngành nghề, với quy mô và mức độ tập thể hoá khác nhau. Để phát huy và kết hợp sức mạnh của tập thể và của xã viên trong các hợp tác xã nông nghiệp, chúng ta chủ trương các hộ xã viên là những đơn vị kinh tế tự chủ, đồng thời tăng cường vai trò của ban quản trị hợp tác xã trong việc quản lý, điều hành sản xuất và tổ chức dịch vụ ở những khâu và lĩnh vực mà hộ xã viên không có điều kiện làm hoặc làm

không hiệu quả bằng tập thể. Cùng với chính quyền và các đoàn thể, hợp tác xã góp phần thực hiện các chính sách xã hội và xây dựng nông thôn mới.

Ruộng đất thuộc sở hữu toàn dân, được Nhà nước giao cho hộ nông dân sử dụng lâu dài. Hội nghị Trung ương lần thứ 12 cho rằng không thể tư hữu hoá ruộng đất vì sẽ dẫn đến phân hoá lớn về giai cấp, cản trở việc quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng và các cơ sở vật chất khác và sẽ làm căng thẳng thêm vấn đề tranh chấp ruộng đất vốn đã phức tạp.

Kinh tế cá thể còn có phạm vi tương đối lớn, được phát triển trong các ngành nghề ở cả thành thị và nông thôn, không hạn chế việc mở rộng kinh doanh, có thể tồn tại độc lập, có thể tham gia các loại hình hợp tác xã hoặc liên kết với các doanh nghiệp lớn bằng nhiều hình thức. Con đường đi vào làm ăn hợp tác được thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, không gò ép.

Kinh tế tư bản tư nhân được kinh doanh trong những ngành có lợi cho quốc kế dân sinh được pháp luật quy định. Nhà nước có thể liên doanh bằng nhiều hình thức với tư nhân trong và ngoài nước, hình thành loại doanh nghiệp thuộc thành phần *tư bản nhà nước*.

Kinh tế gia đình không là một thành phần kinh tế độc lập nhưng được khuyến khích phát triển mạnh.

Sự chuyển hoá của các thành phần kinh tế trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội diễn ra dưới nhiều hình thức phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, có tác dụng thúc đẩy nền sản xuất xã hội phát triển mạnh mẽ và có hiệu quả.

Để phát huy tiềm năng to lớn của nền kinh tế nhiều thành phần, phải *tiếp tục xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của*

Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác. Hướng ra thị trường, các doanh nghiệp lựa chọn lĩnh vực hoạt động, mặt hàng, quy mô, công nghệ và hình thức tổ chức kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong môi trường hợp tác và cạnh tranh. Vai trò của Nhà nước rất quan trọng trong việc tạo lập các cân đối vĩ mô, điều tiết thị trường, ngăn ngừa và xử lý những đột biến xấu, tạo môi trường và điều kiện bình thường cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm sự thống nhất giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội. Với tư cách người chủ đại diện cho sở hữu toàn dân, Nhà nước còn có chức năng quản lý và kiểm soát việc sử dụng tài sản quốc gia nhằm bảo toàn và phát triển các tài sản đó, phân định rõ và có cơ chế thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn của người chủ sở hữu và các giám đốc điều hành trong các xí nghiệp quốc doanh.

Kinh tế hàng hoá phát triển đòi hỏi phải tiếp tục khắc phục tình trạng tự cấp tự túc, chia cắt, khép kín. Các đơn vị cơ sở, các ngành, các địa phương cho đến toàn bộ nền kinh tế phải phát huy lợi thế tương đối, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của sản xuất và đời sống, hướng mạnh về xuất khẩu, thay thế nhập khẩu những mặt hàng trong nước sản xuất có hiệu quả. Mở rộng, đa dạng hoá và đa phương hoá quan hệ kinh tế đối ngoại trên nguyên tắc giữ vững độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi, thu hút các nguồn lực bên ngoài để phát huy mạnh mẽ các lợi thế và nguồn lực bên trong.

Có ý kiến cho rằng sức ta đang rất yếu nên phải dựa vào nguồn lực bên ngoài là chính mới có thể phát triển nhanh. Cách suy nghĩ đó chưa thoát khỏi thói quen dựa dẫm vào viện trợ bên ngoài. Cần thấy rằng quan hệ kinh tế với bên ngoài phải trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi; do đó,

chỉ có thể mở rộng và đem lại hiệu quả tốt khi dựa trên cơ sở và hướng vào khai thác tối đa mọi nguồn lực và lợi thế bên trong. Ý chí tự lực tự cường không mâu thuẫn mà ngược lại là điều kiện cơ bản để thu hút các nguồn lực bên ngoài.

Sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với quá trình xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, *chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng từng bước công nghiệp hoá*, thoát khỏi tình trạng nông nghiệp lạc hậu. Nhiều ý kiến đề nghị tiếp tục coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu trong Chiến lược kinh tế - xã hội đến năm 2000. Trong hoàn cảnh nước ta, nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của nông nghiệp là đúng. Tuy nhiên để phát triển nông nghiệp, phải tăng cường tiềm năng công nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu của nông nghiệp cả ở “đầu vào” và “đầu ra”. Và cũng chỉ có như thế, nền kinh tế mới có tốc độ tăng trưởng cao, tạo nguồn tích lũy lớn, từng bước công nghiệp hoá đất nước. Các văn kiện diễn đạt quan điểm về chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong thập kỷ 90 như sau: phát triển nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội; đồng thời tăng tốc độ và tỷ trọng của công nghiệp, mở rộng kinh tế dịch vụ theo hướng huy động triệt để các khả năng sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; đẩy mạnh thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí và một số loại khoáng sản; phát triển có chọn lựa một số ngành công nghiệp tư liệu sản xuất khác và các cơ sở thuộc kết cấu hạ tầng, trong đó ưu tiên phát triển điện, giao thông, thủy lợi và thông tin liên lạc.

Quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước đòi hỏi có chính sách công nghệ thích hợp, tận dụng được lợi thế của nước đi sau trong điều kiện mới của cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới. Có ý kiến muốn đi ngay vào công

nghe hiện đại một cách phổ biến. Quan điểm của chúng ta là: trình độ lực lượng sản xuất ở nước ta còn thấp, lao động còn dư thừa, vốn còn hạn chế; ta phải kết hợp nhiều trình độ công nghệ, vừa tận dụng công nghệ sẵn có và từng bước cải tiến, nâng cao, vừa cố gắng tranh thủ nhanh công nghệ mới, lựa chọn từng mặt, từng khâu trong mỗi ngành, mỗi cơ sở có khả năng tiến thẳng vào công nghệ hiện đại. Chẳng hạn, trong điều kiện nông nghiệp phần lớn là lao động thủ công, vẫn có thể áp dụng công nghệ sinh học hiện đại, thay đổi giống cây, con, mùa vụ, quy trình chế biến... để tăng nhanh năng suất và chất lượng sản phẩm cuối cùng.

Đẩy mạnh hơn nữa *sự nghiệp giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ*, coi đó là quốc sách hàng đầu để phát huy nhân tố con người, động lực trực tiếp của sự phát triển. Trước mắt, phải phổ cập cấp I, nâng cao dân trí, đào tạo nghề cho phần lớn thanh niên, tăng nhanh số công nhân lành nghề, đào tạo cán bộ nhiều trình độ, đặc biệt là cán bộ quản lý, nhà kinh doanh, chuyên gia khoa học và công nghệ; chú ý phát hiện, bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài. Đổi mới nhanh cơ chế quản lý giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ phù hợp với nền kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, gắn chặt sự phát triển các lĩnh vực này với sản xuất và các mục tiêu kinh tế - xã hội. Một mặt, Nhà nước tăng đầu tư, mặt khác có chính sách để toàn dân, các thành phần kinh tế cùng làm và đóng góp vào sự nghiệp này.

Hầu hết các nước, trước sự phát triển mới của lực lượng sản xuất, đều phải tiến hành cải cách giáo dục để có đội ngũ lao động có trí tuệ thích ứng với bước tiến của khoa học và công nghệ. Chúng ta phải tổng kết cuộc cải cách giáo dục vừa qua để có chủ trương phù hợp cho thời gian tới. Đó là vấn đề chiến lược, đồng thời cũng là vấn đề bức xúc phải giải quyết.

III- VỀ ĐỔI MỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ VẤN ĐỀ DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Thưa các đồng chí,

Chúng ta hiểu được tầm quan trọng của đổi mới hệ thống chính trị. Nhưng vấn đề là phải tìm ra nội dung, hình thức và bước đi thích hợp. Ở giai đoạn đầu, Đảng lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, phát huy mọi tiềm năng nhằm giải phóng lực lượng sản xuất, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá, đáp ứng nhu cầu bức thiết của đời sống nhân dân. Đồng thời với đổi mới kinh tế, chúng ta thực hiện đổi mới từng bước hệ thống chính trị. Chính trị là lĩnh vực cực kỳ phức tạp. Khi chưa được chuẩn bị các tiền đề cần thiết mà đã vội vàng đẩy nhanh đổi mới chính trị và đổi mới không đúng sẽ dẫn đến tình trạng mất ổn định về chính trị, mà chính trị đã không ổn định thì toàn bộ công cuộc đổi mới sẽ gặp nhiều khó khăn, trắc trở. Đó là bài học lớn được rút ra từ thực tế nước ta cũng như từ kinh nghiệm cải tổ, cải cách ở một số nước anh em.

Trong hệ thống chính trị nước ta, Đảng là người lãnh đạo để bảo đảm mọi quyền lực thuộc về nhân dân. Nhân dân thực hiện quyền lực của mình trước hết thông qua các cơ quan dân cử. Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp phải thực sự có đầy đủ quyền lực được nhân dân uỷ nhiệm. Đã có những bước tiến bộ nhất định trên mặt này qua mấy năm đổi mới, song còn phải đổi mới nhiều hơn nữa mới đáp ứng điều nhân dân mong muốn.

Đảng kiên quyết khắc phục những tệ độc đoán, chuyên quyền, bao biện làm thay công việc của Nhà nước và các đoàn thể nhân dân. Song không thể từ đó lại dẫn đến sai lầm cực đoan khác là buông trôi sự lãnh đạo của Đảng. Mặt khác, không thể không cảnh giác trước một khẩu hiệu được những

kẻ mị dân tung ra đòi “Đảng phải trả mọi quyền lực cho Nhà nước và nhân dân”. Thực chất khẩu hiệu ấy không có gì khác là chia rẽ Đảng với nhân dân, là đòi xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng. Kinh nghiệm chỉ rõ: khi Đảng của giai cấp công nhân bị mất quyền lãnh đạo nhà nước thì chính quyền cũng không còn ở trong tay nhân dân và chế độ xã hội thay đổi.

Để bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng và mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, trước hết phải giải quyết tốt *mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước*. Nhà nước được nhân dân trao cho quyền lực và chịu trách nhiệm trước nhân dân quản lý mọi mặt đời sống xã hội. Đảng lãnh đạo phải bảo đảm phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của Nhà nước. Tính hiệu lực và sức mạnh của Nhà nước chính là thể hiện hiệu quả lãnh đạo của Đảng. Ở đây hoàn toàn không có sự đối lập giữa nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng với tăng cường hiệu lực của Nhà nước, không có sự hy sinh cái này cho cái kia mà chỉ có sự thống nhất làm tăng sức mạnh lẫn nhau giữa vai trò lãnh đạo của Đảng với vai trò quản lý của Nhà nước.

Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Quan hệ giữa Đảng với nhân dân bao giờ cũng là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp cách mạng. Nguồn sức mạnh làm nên thắng lợi của chúng ta chính là ở chỗ Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân thể hiện tập trung ở vai trò Nhà nước, vai trò Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Do đó chúng ta cần xúc tiến đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đổi mới cơ cấu bộ máy và phương thức quản lý của Nhà nước, đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, nhằm phát huy mọi tiềm lực vật chất, tinh thần và trí tuệ của tất cả các giai cấp và tầng lớp xã hội tập hợp

trong khối đại đoàn kết dân tộc, phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu nước mạnh, từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Thực chất của việc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị nước ta là xây dựng *nền dân chủ xã hội chủ nghĩa*. Dân chủ là quy luật hình thành, phát triển và tự hoàn thiện của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa; nó vừa là một mục tiêu vừa là một động lực của công cuộc đổi mới xã hội ta.

Dân chủ không thể có được nếu thiếu tập trung, thiếu kỷ cương, kỷ luật, thiếu trách nhiệm công dân. Dân chủ phải đi đôi với pháp chế. Dân chủ thực sự một mặt đối lập với độc đoán, chuyên quyền, mặt khác đối lập với chủ nghĩa tự do vô chính phủ. Cần phải cảnh giác với những thủ đoạn mị dân lợi dụng ngọn cờ dân chủ để gây rối.

Có ý kiến cho rằng chỉ có cơ chế chính trị đa nguyên với sự tồn tại của đảng phái đối lập thì mới có dân chủ. Thật ra dân chủ hay không dân chủ, điều đó không tùy thuộc ở chế độ một đảng hay nhiều đảng. Dưới chế độ nguy quyền Sài Gòn trước đây có hàng chục đảng phái, phe nhóm chính trị, song không ai cho rằng ở đó có nhiều dân chủ. Chế độ một đảng hay nhiều đảng là sự phản ánh và kết quả của so sánh lực lượng trong đấu tranh chính trị, đấu tranh giai cấp, vì vậy nó là sản phẩm của điều kiện lịch sử cụ thể của từng nước.

Trong điều kiện nước ta không có sự cần thiết khách quan để lập nên cơ chế chính trị đa nguyên, đa đảng đối lập. Thừa nhận đa đảng đối lập có nghĩa là tạo điều kiện cho sự ngóc đầu dậy ngay tức khắc và một cách hợp pháp các lực lượng phản động, phục thù trong nước và từ nước ngoài trở về hoạt động chống Tổ quốc, chống nhân dân, chống chế độ. Đó là điều mà nhân dân ta dứt khoát không chấp nhận.

Vấn đề còn lại ở chỗ: làm sao bảo đảm đầy đủ dân chủ trong điều kiện một đảng lãnh đạo. Vấn đề này đúng là phải

được suy nghĩ một cách nghiêm túc với đầy đủ ý thức trách nhiệm trước nhân dân. Nhận thức rõ điều đó, Đảng ta cố gắng tự đổi mới, ra sức tìm kiếm các cơ chế, hình thức và phương thức cụ thể, có hiệu quả, cho phép thực hiện đầy đủ dân chủ trong nội bộ Đảng và trong đời sống xã hội nhằm phát huy tối đa vai trò, lực lượng, tính tự giác và sức sáng tạo của mọi tầng lớp nhân dân trong sự nghiệp quản lý đất nước và xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cuối cùng cần lưu ý thêm một điểm: đánh giá một nền dân chủ không thể chỉ căn cứ vào những khẩu hiệu được nêu ra, mà phải xem nền dân chủ ấy được thực thi như thế nào trong đời sống thực tế. Nền dân chủ ấy thực chất hay chỉ là hình thức hoặc giả hiệu, dân chủ cho đa số nhân dân hay chỉ là thiểu số giai cấp thống trị bóc lột. Đây là nguyên tắc cơ bản không thể mơ hồ, lẫn lộn.

IV- VỀ VẤN ĐỀ ĐẢNG

Thưa các đồng chí,

Một trong những vấn đề được phát biểu nhiều nhất trong đợt góp ý kiến xây dựng các văn kiện Đại hội là vấn đề Đảng.

Nổi lên trước hết là vấn đề *bản chất giai cấp của Đảng*. Qua nhiều ý kiến tranh luận, dự thảo Cương lĩnh và Điều lệ (sửa đổi) lần này tiếp tục khẳng định Đảng ta là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

Kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin là vấn đề có tính nguyên tắc số một đối với Đảng ta. Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin

có nghĩa là nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng một cách đúng đắn, thích hợp với điều kiện nước ta, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo. Chúng ta phải đấu tranh chống những luận điệu và thủ đoạn đả kích, phủ nhận, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, từ phía những thế lực thù địch, những kẻ cơ hội.

Cái mới trong các văn kiện Đại hội lần này là cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng nêu cao *tư tưởng Hồ Chí Minh*. Điều đó là tự nhiên, bởi tư tưởng Hồ Chí Minh chính là kết quả sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của nước ta, và trong thực tế tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành một tài sản tinh thần quý báu của Đảng và của cả dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân trọn vẹn nhất cho sự kết hợp đó, là tiêu biểu sáng ngời cho sự kết hợp giai cấp và dân tộc, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với mỗi người Việt Nam là vô cùng gần gũi, gắn liền với tình cảm yêu thương vô hạn của nhân dân đối với Bác, bởi công lao to lớn và đạo đức cách mạng trong sáng của Người. Vì vậy, nói tư tưởng Hồ Chí Minh là phù hợp với thực tế cách mạng nước ta, phù hợp với tình cảm và nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân ta.

Khẳng định bản chất giai cấp công nhân của Đảng, chúng ta không tách rời Đảng và giai cấp với các tầng lớp nhân dân lao động khác, với toàn thể dân tộc. Ngay từ khi mới thành lập, Đảng đã mang trong mình tính thống nhất giữa yếu tố giai cấp và yếu tố dân tộc. Chính lập trường và lợi ích giai cấp công nhân đòi hỏi trước hết phải giải phóng dân tộc.

Đảng tìm thấy nguồn sức mạnh không chỉ ở giai cấp công nhân mà còn ở các tầng lớp nhân dân lao động, ở cả dân tộc. Cũng từ đó nhân dân lao động và cả dân tộc đã thừa nhận Đảng ta là người lãnh đạo, người đại biểu chân chính cho quyền lợi cơ bản và thiết thân của mình.

Để làm tròn trách nhiệm nặng nề mà lịch sử giao phó, Đảng ta coi việc *tự đổi mới, tự chỉnh đốn và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng* là yêu cầu quan trọng hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng, là công việc thường xuyên bảo đảm cho Đảng ta luôn ngang tầm nhiệm vụ cách mạng. Đó cũng là nguyện vọng và đòi hỏi của nhân dân. Việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng là nhằm làm cho Đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Vấn đề quan trọng trước hết là phải tiếp tục đổi mới tư duy, nâng trình độ trí tuệ của Đảng lên một bước phát triển mới. Hơn lúc nào hết, muốn lãnh đạo công cuộc đổi mới đi đến thắng lợi, Đảng ta phải nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực tổ chức thực tiễn, từ việc phát hiện và nắm vững quy luật vận động của đời sống xã hội ta, của bản thân Đảng, cho đến hiểu biết về thế giới, về thời đại. Chỉ trên cơ sở ấy Đảng mới có thể đưa ra được đường lối, chủ trương đúng đắn, tránh được sai lầm, khuyết điểm, và làm cho đường lối, chủ trương được thực hiện thắng lợi.

Đảng làm giàu trí tuệ của mình bằng cách không ngừng nâng cao trình độ lý luận, nắm vững và vận dụng sáng tạo những luận điểm cơ bản và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời phải không ngừng tổng kết kinh nghiệm thực tiễn sinh động, từ phong trào cách mạng của quần chúng. Phát triển công tác lý luận của Đảng bằng cách tổng kết thực tiễn, tổng kết những cái mới đang hằng ngày hằng giờ nảy sinh trong đời sống đất nước và cả thế giới, tiếp thu được những thành quả trí tuệ

của cả loài người, đó là phương hướng cơ bản để làm giàu trí tuệ của Đảng, để hoàn chỉnh và phát triển đường lối.

Một vấn đề nữa được mọi người quan tâm và góp nhiều ý kiến là *nguyên tắc tập trung dân chủ*. Đảng ta coi đây là nguyên tắc tổ chức cơ bản, phân biệt chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, đảng cách mạng chân chính, với các đảng phái khác. Phủ nhận nguyên tắc này là phủ nhận Đảng Cộng sản từ bản chất. Đảng chống tập trung quan liêu, độc đoán chuyên quyền, song triệt để tuân theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Chỉ có thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ mới có thể vừa chống được tập trung quan liêu vừa chống được tình trạng vô chính phủ và bè phái, bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động của Đảng, chỉ có như vậy Đảng mới có sức mạnh và sức chiến đấu. Dự thảo Điều lệ (sửa đổi) lần này nhấn mạnh thực hiện đầy đủ dân chủ trong Đảng. Trước hết, phải bảo đảm thực hiện quyền của đảng viên, nhất là quyền được thảo luận thẳng thắn, tự do trong tổ chức các vấn đề về đường lối, chính sách của Đảng; quyền được phê bình, chất vấn trong phạm vi tổ chức về hoạt động của tổ chức đảng và mọi đảng viên ở mọi cấp. Dự thảo Điều lệ (sửa đổi) bổ sung quyền được thông tin, làm rõ hơn quyền được bảo lưu ý kiến của đảng viên. Những quy định trên tạo điều kiện khắc phục tình trạng cấp uỷ vi phạm quyền của đảng viên, còn đảng viên thì thụ động, tiêu cực. Trong khi thực hiện đầy đủ dân chủ, dự thảo Điều lệ (sửa đổi) đồng thời nhấn mạnh phải bảo đảm kỷ luật, bảo đảm tính tập trung, thống nhất trong Đảng. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy hễ xa rời nguyên tắc tập trung dân chủ, Đảng sẽ trở thành một thứ câu lạc bộ, mở đường cho chủ nghĩa cơ hội, bè phái, vô chính phủ đủ loại; cuối cùng đưa đến chỗ tan rã Đảng về mặt tổ chức, cũng tức là thủ tiêu bản thân Đảng.

Các văn kiện dự thảo đặc biệt nhấn mạnh vấn đề tăng cường *đoàn kết thống nhất* trong Đảng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, Cương lĩnh chính trị và các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng. Đoàn kết là truyền thống quý báu của Đảng và nhân dân ta, là di sản vô giá mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho chúng ta, là nguồn sức mạnh tất thắng của cách mạng.

Để giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, cần thực hiện đầy đủ dân chủ trong sinh hoạt đảng, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình một cách trung thực, thẳng thắn với tình đồng chí, tôn trọng, thương yêu nhau. Cần đấu tranh không khoan nhượng chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cục bộ, bản vị, địa phương chủ nghĩa, chống chủ nghĩa cơ hội và mọi biểu hiện bè phái trong Đảng. Nghiêm cấm việc trù dập người phê bình; cũng nghiêm cấm việc lợi dụng phê bình để đả kích cá nhân, vu cáo, chia rẽ. Ngày nay, đứng trước nhiều vấn đề mới mẻ ở trong nước và trên thế giới, trong Đảng thường nảy sinh những ý kiến khác nhau. Đó là điều bình thường. Tranh luận vì mục đích và lợi ích chung, có nguyên tắc và vì chân lý thì không thể dẫn đến mất đoàn kết. Trái lại, sự nhất trí dễ dãi thường dẫn tới đoàn kết bề ngoài, không bền. Khi nào mỗi đảng viên không phân biệt cấp bậc, tuổi tác... đều ý thức được phải giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng như giữ gìn con người của mắt mình, tất cả vì chân lý và vì lợi ích chung của Đảng, có nguyên tắc và không vì động cơ cá nhân thì sẽ bảo vệ được truyền thống đoàn kết của Đảng ta.

Trong quá trình thảo luận văn kiện Đại hội, nhiều ý kiến đề cập đến *vấn đề cán bộ và đảng viên, vấn đề bộ máy tổ chức của Đảng và Nhà nước*, mong muốn Đảng ta phải đổi mới mạnh mẽ trên những mặt này.

Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, mỗi đảng viên dù ở cương vị công tác nào đều phải là một công dân

kiểu mẫu. Phấn đấu nâng cao trình độ mọi mặt cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới. Bằng lao động sáng tạo của mình góp phần xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu, nâng cao đời sống nhân dân, gương mẫu trong chấp hành luật pháp và về lối sống có đạo đức. Đảng viên phải làm tốt công tác vận động, tổ chức quần chúng thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tổ chức đảng và đảng viên phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Đảng viên cũng như mọi công dân đều bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi; không một ai được có đặc quyền, đặc lợi. Đảng viên phải lấy việc phục vụ nhân dân, phấn đấu cho lý tưởng của Đảng làm lẽ sống của mình.

Nâng cao chất lượng đảng viên là yêu cầu cấp bách hiện nay. Phải cương quyết xử lý những đảng viên thoái hóa biến chất. Kết nạp vào Đảng những người thực sự ưu tú trong công cuộc đổi mới. Làm trong sạch đội ngũ đảng viên, không những nâng cao được sức chiến đấu của Đảng mà còn nâng cao được lòng tin của nhân dân đối với Đảng.

Cán bộ và công tác cán bộ thực sự là một yêu cầu vừa cơ bản vừa bức xúc, đòi hỏi phải được đổi mới từ quan điểm, phương pháp, chính sách và tổ chức, chẳng những để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng đất nước hôm nay, mà còn phải chuẩn bị những thế hệ cách mạng kế tục sự nghiệp của Đảng ta và dân tộc ta trong tương lai. Phải chống bảo thủ, trì trệ, đồng thời cũng không nên giản đơn hóa trong việc đổi mới cán bộ và công tác cán bộ. Đất nước ta không thiếu nhân tài, vấn đề là phải có những chính sách, cơ chế thích hợp để phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng người tài.

Công cuộc đổi mới là một dịp sàng lọc và thử thách đội ngũ cán bộ. Đảng phải sáng suốt và tỉnh táo, có quan điểm khách quan và toàn diện, phải thông qua hoạt động thực

tiền, lấy kết quả hoàn thành nhiệm vụ làm thước đo chủ yếu để đánh giá đúng cán bộ. Kịp thời phát hiện những tiềm năng cán bộ trẻ, đồng thời biết sử dụng có hiệu quả những cán bộ lớn tuổi, từng trải, có kinh nghiệm. Phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa các thế hệ cán bộ, vừa phù hợp yêu cầu đổi mới hiện nay vừa chuẩn bị cho sự phát triển tương lai của đất nước.

V- KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI VÀ NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRONG NHỮNG NĂM TRƯỚC MẮT

Thưa các đồng chí,

Hơn bốn năm qua, thực hiện Nghị quyết của Đại hội VI, toàn Đảng, toàn dân ta đã tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện, khắc phục từng bước những sai lầm, khuyết điểm trước đây, mở ra những hướng mới, cách làm mới, nhằm thoát khỏi cuộc khủng hoảng về kinh tế - xã hội và từng bước tiến lên. Sự nghiệp đổi mới đầy khó khăn, đòi hỏi phải tìm tòi, sáng tạo và phải có những thử nghiệm dũng cảm, lại càng khó khăn hơn do trong mấy năm gần đây, nước ta chịu tác động bất lợi về nhiều mặt của những diễn biến phức tạp trên thế giới.

Trong quá trình đổi mới, chúng ta đã có những thành công, nhưng cũng có những khuyết điểm, vấp vấp. Việc đánh giá đúng thực chất và xu thế của tình hình, rút ra những kết luận đúng đắn làm cơ sở để xác định hướng đi cho những năm tới là rất cần thiết. Qua thảo luận các dự thảo văn kiện Đại hội, hầu hết ý kiến nhất trí nhận định: công cuộc đổi mới đã đạt những thành tựu bước đầu rất quan trọng, chứng tỏ

đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra là đúng đắn, bước đi của công cuộc đổi mới về cơ bản là phù hợp.

Các văn kiện Đại hội, nhất là Báo cáo chính trị đã trình bày cụ thể những thành tựu ấy. Ở đây chỉ phân tích thêm ý nghĩa của những thành tựu.

Chúng ta đã đạt được những tiến bộ bước đầu về kinh tế, trước hết là về nông nghiệp, đặc biệt là về lương thực; kiềm chế một bước đà lạm phát, giảm bớt một phần khó khăn về đời sống của nhân dân. Đã đạt được những tiến bộ về xuất khẩu và cải thiện đáng kể cán cân xuất nhập khẩu đúng vào lúc mà quan hệ kinh tế đối ngoại có những biến động đột ngột, viện trợ quốc tế giảm nhiều, nguồn vay nhập siêu không còn và khả năng nhập khẩu từ các thị trường truyền thống giảm mạnh. Có thể nói, những tiến bộ kinh tế vừa qua đã giúp cho nền kinh tế nước ta thoát khỏi một cơn thử thách hiểm nghèo. Tất nhiên, không nên quên rằng những tiến bộ kinh tế ấy đạt được không chỉ nhờ mấy năm đổi mới mà còn là sự phát huy kết quả của những chính sách đúng và nhiều công trình xây dựng từ nhiều năm trước.

Điều quan trọng là nền kinh tế đang có những chuyển biến có ý nghĩa cả về cơ cấu và cơ chế quản lý. Đã bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Cơ cấu đầu tư, cơ cấu sản xuất đã có điều chỉnh quan trọng theo hướng tập trung hơn cho ba chương trình kinh tế, đáp ứng có hiệu quả hơn những nhu cầu của thị trường trong nước và bước đầu mở rộng quan hệ với thị trường thế giới.

Những tiến bộ bước đầu về kinh tế, đời sống, về dân chủ hóa xã hội cùng với những thành tựu trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại... đã góp phần quan trọng khôi phục một bước niềm tin của nhân dân vào tiền đề chủ nghĩa

xã hội, vào sự lãnh đạo của Đảng ta. Đó là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm sự ổn định chính trị trước những tác động phức tạp của tình hình quốc tế và trong nước trong thời gian vừa qua. Bức tranh chung của đất nước ta hiện nay, nhìn trên bình diện kinh tế - xã hội cũng như trên bình diện chính trị và tư tưởng xã hội so với trước đã có sự thay đổi tiến bộ mà ai cũng nhận biết được, kể cả người nước ngoài.

Thành tựu đạt được trong hơn bốn năm qua đã làm giảm một phần mức độ gay gắt của cuộc khủng hoảng. Những kinh nghiệm đổi mới làm rõ dần con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Trên thực tế từ Đại hội VI, chúng ta đã chuyển hướng quan niệm và đường lối xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội cũng như nhiều chính sách lớn về đối nội và đối ngoại, theo đó, những thói quen, nếp nghĩ của cả xã hội cũng đang biến đổi. Nhiều cách làm mới đã và đang xuất hiện. Thực tiễn đã chứng minh sự chuyển hướng đó là đúng. Có thể nói đó là “cái được” lớn nhất, có ý nghĩa cơ bản và lâu dài của hơn bốn năm đổi mới.

Dương nhiên, không nên đánh giá quá mức những thành tựu. Không nên quên rằng đất nước chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Không thể coi thường những nhân tố có thể gây mất ổn định về chính trị. Mức độ lạm phát vẫn còn cao, những nguyên nhân của lạm phát chưa được xóa bỏ. Sản xuất còn nhiều mặt đình đốn. Lao động thất nghiệp hoặc không đủ việc làm ngày càng tăng. Đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn. Có những mặt trong lĩnh vực văn hóa xã hội chưa chặn đứng được tình trạng xuống cấp. Tham nhũng, bất công và tiêu cực trong xã hội còn nhiều; trật tự và an toàn xã hội còn phức tạp; pháp luật, kỷ cương xã hội chưa nghiêm.

Chúng ta khẳng định tính tất yếu của công cuộc đổi mới, đặc biệt là đổi mới về kinh tế, nhưng cũng cần thấy mặt trái của nhiệm vụ này. Việc chuyển nền kinh tế mang nặng tính tự cấp, tự túc với cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước là hoàn toàn đúng đắn và cần thiết để giải phóng và phát huy các tiềm năng sản xuất trong xã hội. Nhưng sẽ là sai lầm nếu cho rằng nền kinh tế thị trường là liều thuốc vạn năng. Cùng với sự kích thích sản xuất phát triển, kinh tế thị trường cũng là môi trường thuận lợi làm nảy sinh và phát triển nhiều loại tiêu cực xã hội. Đã xuất hiện khuynh hướng làm giàu bằng bất cứ giá nào, kể cả lừa đảo, gây tội ác, vi phạm pháp luật, sẵn sàng chà đạp lên lương tâm và nhân phẩm. Lối sống trụy lạc, chạy theo những thị hiếu thấp hèn, văn hóa không lành mạnh và những hủ tục, mê tín, dị đoan đang phục hồi và phát triển. Trong thế hệ trẻ có một bộ phận phai nhạt lý tưởng, chạy theo lối sống thực dụng. Một bộ phận không ít cán bộ, đảng viên có chức có quyền, trong đó có cả những người đã từng có đóng góp đáng kể cho cách mạng, cũng bị sa ngã và thoái hóa, biến chất. Để hạn chế và khắc phục những hiện tượng tiêu cực ấy, giữ cho công cuộc đổi mới đi đúng hướng và bản chất tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội được phát huy, Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cần thực hiện tốt vai trò lãnh đạo, quản lý, tổ chức và giáo dục của mình. Đây là một cuộc chiến đấu không dễ dàng nhưng nhất định không được buông lỏng mà phải tiến hành kiên quyết, kiên trì và có phương pháp.

Thực tiễn hơn bốn năm đổi mới cho thấy những ý kiến nói rằng chúng ta chỉ đổi mới hình thức, đổi mới nửa vời, là

không phù hợp với tình hình thực tế. Công cuộc đổi mới sẽ không tránh khỏi vấp vấp nếu không cân nhắc, tính toán bước đi. Còn những ai phủ nhận hoặc đánh giá thấp thành tựu của công cuộc đổi mới, muốn quay trở lại những cách làm lỗi thời trước đây (dù là xuất phát từ sự lo lắng và bất bình chính đáng đối với những hiện tượng tiêu cực mới nảy sinh trong quá trình đổi mới) cũng là hoàn toàn sai lầm.

Thưa các đồng chí,

Năm năm tới, đất nước ta đứng trước những thách thức gay gắt. Đòi hỏi cấp bách của nhân dân là sớm đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Trong khi đó viện trợ quốc tế giảm nhiều, nợ nước ngoài phải trả nhiều hơn, đất nước còn bị một số thế lực quốc tế cấm vận kinh tế. Các thế lực thù địch công khai và ngấm ngấm tiến hành phá hoại và gây sức ép từ nhiều phía, còn có âm mưu “diễn biến hòa bình” bằng nhiều thủ đoạn thâm độc. Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc còn nặng nề.

Cơ hội phát triển cũng rất lớn, nếu chúng ta đổi mới đúng đắn, có chính sách và cách làm phù hợp để tiếp tục giải phóng sức sản xuất, phát huy các tiềm năng của nền kinh tế, đồng thời sử dụng tốt những khả năng mở rộng quan hệ đối ngoại, tham gia ngày càng sâu vào phân công lao động quốc tế, thu hút nguồn vốn, kỹ thuật và kinh nghiệm của thế giới để xây dựng đất nước.

Mục tiêu đặt ra cho chúng ta trong 5 năm tới là: vượt qua những khó khăn gay gắt trước mắt, tăng cường ổn định chính trị, đưa đất nước cơ bản ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, thực hiện một phần mục tiêu của Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000. Phương hướng thực hiện mục tiêu ấy là *đoàn kết và động viên lực lượng của*

mọi tầng lớp nhân dân tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ các thành quả cách mạng; tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh đường lối đổi mới và thực hiện đổi mới một cách đồng bộ, nhất quán và có hiệu quả hơn, phát huy những ưu điểm và thành tựu, khắc phục những khuyết điểm và khó khăn, hạn chế những lệch lạc mới có thể phát sinh.

Trên cơ sở những nhiệm vụ chủ yếu được đề ra trong Báo cáo chính trị, tiếp thu nhiều ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên và nhân dân, Ban Chấp hành Trung ương xin kiến nghị *một số nhiệm vụ cần tập trung sức giải quyết là:*

1. Nhiệm vụ quan trọng nhất, vừa cơ bản, vừa cấp bách là *ra sức đẩy mạnh sản xuất*. Trên cơ sở tiếp tục xây dựng ngày càng đồng bộ nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa và vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, động viên mọi tiềm năng vật chất và tinh thần của xã hội, vai trò động lực của khoa học và công nghệ, vai trò của giáo dục và văn hóa, tư tưởng, đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế với năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao.

Tiếp tục coi phát triển nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, trước hết là bảo đảm lương thực, thực phẩm, là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội.

Trong phát triển các ngành kinh tế, cả sản xuất và dịch vụ, chú trọng huy động tiềm năng, phát huy lợi thế tương đối, đáp ứng tốt nhất nhu cầu sản xuất và đời sống trong nước, hướng mạnh về xuất khẩu.

Việc phát triển công nghiệp nặng và cơ sở hạ tầng phải có trọng điểm, bố trí vừa sức của nền kinh tế, trước hết hướng

vào phục vụ tốt ba chương trình kinh tế, đồng thời tạo cơ sở cho những bước phát triển tiếp theo.

Vấn đề cấp bách đối với sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp thuộc tất cả các thành phần kinh tế hiện nay là: tìm mọi nguồn để đáp ứng nhu cầu về nguyên liệu, vật liệu, thiết bị, phụ tùng, vốn cho sản xuất; mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu; quản lý chặt chẽ việc nhập khẩu và chống buôn lậu để bảo hộ sản xuất nội địa; thực hiện tiết kiệm, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế trong sản xuất kinh doanh; xử lý các cơ sở làm ăn thua lỗ kéo dài; tập trung vốn, vật tư cho những cơ sở trọng điểm, làm ăn có hiệu quả.

Đồng thời với việc đẩy mạnh sản xuất, cần chấn chỉnh lại các hoạt động trong lĩnh vực lưu thông, đổi mới, sắp xếp lại và nâng cao hiệu quả của thương nghiệp quốc doanh, hướng dẫn thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh hoạt động đúng hướng.

2. Tiếp tục *hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế mới*, trước hết là trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng nhằm tháo gỡ khó khăn cho các cơ sở sản xuất, tiếp tục kiềm chế lạm phát; ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ, và tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng hợp tác quốc tế.

Khẩn trương *xây dựng chính sách tài chính quốc gia* và thực hiện cải cách cơ bản tài chính nhà nước theo hướng vừa thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tạo nguồn vốn và tích tụ vốn ở đơn vị kinh tế, vừa bảo đảm tập trung thích đáng nguồn vốn cho Nhà nước; vừa tạo điều kiện, vừa gây sức ép buộc các đơn vị kinh tế tìm mọi biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh; thực hiện phân phối hợp lý thu nhập quốc dân, nâng cao dân tỷ lệ tích lũy, thực hành tiết kiệm và bảo đảm công bằng xã hội.

Tiếp tục đổi mới hoạt động của hệ thống *ngân hàng*, thực hiện đúng chức năng của ngân hàng nhà nước và ngân hàng kinh doanh; phân định rành mạch giữa tài chính và tín dụng. Áp dụng hình thức ngân hàng cổ phần. Ngân hàng vươn lên làm tốt chức năng là trung tâm tiền tệ, tín dụng và thanh toán của các thành phần kinh tế, điều hòa tiền mặt trong cả nước, thu hút mọi nguồn tiền nhàn rỗi trong xã hội và khuyến khích nhân dân tiết kiệm tiêu dùng để tích lũy phục vụ phát triển sản xuất. Lập lại trật tự về sử dụng và quản lý tiền mặt trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế. Giải quyết tình trạng các đơn vị sản xuất, kinh doanh chiếm dụng vốn của nhau, nợ nần dây dưa kéo dài. Từng bước ổn định giá trị đồng bạc Việt Nam. Thực hiện quản lý ngoại tệ qua ngân hàng; sử dụng ngoại tệ có kế hoạch, xây dựng thị trường hối đoái hợp pháp. Cho phép ngân hàng nước ngoài vào hoạt động theo luật pháp của Việt Nam.

Để góp phần chống lạm phát, một trong những biện pháp chủ yếu là *thực hành tiết kiệm nghiêm ngặt* trong sản xuất, xây dựng và trong tiêu dùng. Nhà nước và các đơn vị kinh tế, hành chính và sự nghiệp cần xây dựng những cơ chế và quy định cụ thể để thực hiện có hiệu quả chủ trương này.

3. Đảng viên và quần chúng ở cơ sở cũng như đại hội Đảng các cấp đều tỏ ra quan tâm, lo lắng nhiều đến những vấn đề thuộc *chính sách xã hội*. Sự quan tâm, lo lắng ấy là chính đáng. Các văn kiện đã trình bày những nội dung cơ bản về chính sách xã hội, trong đó nổi bật một *quan điểm lớn*: quan điểm coi mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người, trước hết là người lao động. Đó cũng là quan điểm về sự thống nhất giữa mục tiêu của chính sách kinh tế và chính sách xã hội - tất cả vì con người.

Các văn kiện cũng nêu ra những phương hướng, nhiệm vụ cụ thể của chính sách xã hội. Ở đây chỉ xin trình bày một số điểm:

Những vấn đề chính sách xã hội thật là đa dạng và phức tạp. Ở mỗi nước, mỗi trình độ phát triển đều có những vấn đề xã hội khác nhau cần giải quyết. Ở nước ta, khi bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, có hàng loạt vấn đề xã hội đặt ra mà vấn đề nào cũng cấp bách. *Trước hết*, đó là loại vấn đề do lịch sử và do hậu quả chiến tranh để lại như việc chăm sóc, đền ơn, trả nghĩa đối với những người có công với nước, với cách mạng; việc cứu trợ những nạn nhân chiến tranh, những trẻ mồ côi; những bệnh tật và tệ nạn xã hội... *Thứ hai*, đó là loại vấn đề nảy sinh từ nền kinh tế - xã hội lạc hậu, kém phát triển như thất nghiệp, mức sống thấp, tỷ lệ phát triển dân số cao, nạn mê tín dị đoan... *Thứ ba*, đó là loại vấn đề mới phát sinh như những vấn đề xã hội liên quan đến việc phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, chuyển sang cơ chế thị trường, giải quyết vấn đề ruộng đất ở nông thôn, chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội, việc phân bố lại dân cư, xây dựng các vùng kinh tế mới, việc giảm biên chế các cơ quan và giảm quân số, v.v..

Sẽ xử lý như thế nào những vấn đề ấy? Chúng ta cho rằng, không thể giải quyết hàng loạt vấn đề cấp bách ấy trong một lúc khi năng suất lao động xã hội còn thấp, nguồn thu ngân sách nhà nước thường xuyên thiếu hụt lớn so với yêu cầu chi. *Phải có thời gian để giải quyết từng bước, cùng với đà phát triển kinh tế.*

Cần huy động mọi khả năng của Nhà nước và của nhân dân, Trung ương và địa phương để cùng nhau giải quyết các vấn đề của chính sách xã hội. Xây dựng các quỹ bảo hiểm xã hội của nhân dân trong tất cả các thành phần kinh tế; phát

triển các hiệp hội từ thiện, nhân đạo để phát huy truyền thống nhân ái, tương trợ lẫn nhau của dân tộc ta, đồng thời hỗ trợ Nhà nước trong việc giải quyết những vấn đề xã hội.

Trong 5 năm tới, chúng ta cần tập trung sức giải quyết một số vấn đề gay gắt nhất trong hàng loạt vấn đề nói trên.

Đó là các vấn đề: giảm tỷ lệ phát triển dân số, giải quyết việc làm cho người lao động, trước hết là ở thành phố, bộ đội xuất ngũ và học sinh ra trường theo hướng Nhà nước tạo cơ chế, chính sách, môi trường, đào tạo nghề nghiệp, người lao động tự tìm việc làm thích hợp. Cải cách chế độ tiền lương sao cho đủ tái sản xuất sức lao động, tiền tệ hóa tiền lương, khắc phục tình trạng bình quân trong lương, gắn cải cách tiền lương với chỉnh đốn bộ máy tổ chức và giảm biên chế. Chăm sóc những người có công với nước. Cải thiện một bước điều kiện làm việc, ăn, ở, học tập, chữa bệnh, đi lại và nghỉ ngơi cho nhân dân lao động, đặc biệt chú trọng vùng núi, biên giới và đồng bào các dân tộc thiểu số.

4. *Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.* Cũng cố lực lượng vũ trang, các cơ quan luật pháp đủ sức giữ gìn kỷ cương xã hội, chủ động phòng ngừa và đập tan mọi thủ đoạn phá hoại từ bên trong và bên ngoài trên các lĩnh vực.

Thực hiện những nhiệm vụ kinh tế - xã hội cấp bách phải gắn với cuộc đấu tranh chống tham nhũng và buôn lậu. Cuộc đấu tranh ấy giờ đây trở thành một nhiệm vụ chính trị của toàn Đảng, toàn dân ta nhằm làm trong sạch bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Cần xử nghiêm những vụ tham nhũng, những vụ vi phạm pháp luật đã được phát hiện, tội trạng đã rõ đến đâu thì xử lý đến đó, không chần chờ. Mọi hành vi gây tổn hại đến lợi ích

của nhân dân và của xã hội đều phải được xem là tội ác, phải được xử lý nghiêm khắc theo luật pháp nhà nước, không miễn trừ bất kỳ ai.

5. Đảng và Nhà nước tiếp tục *đổi mới cán bộ và công tác cán bộ*, kịp thời thay thế những cán bộ kém năng lực, xử lý những cán bộ có quan điểm lệch lạc, vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đổi mới và hoàn thiện cơ chế tuyển chọn và đào tạo lại cán bộ, nhất là cán bộ quản lý các cấp, để đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và sự chuyển tiếp vững vàng các thế hệ cán bộ. Khẩn trương *kiện toàn hệ thống bộ máy nhà nước*, nâng cao hiệu lực quản lý, thiết lập trật tự, kỷ cương trong kinh tế và xã hội, làm cho Nhà nước thực sự là cơ quan quyền lực của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Xúc tiến việc sửa đổi Hiến pháp và lãnh đạo, tổ chức thực hiện tốt Hiến pháp sửa đổi. Cải cách hệ thống hành chính nhằm xây dựng một hệ thống hành pháp và quản lý hành chính nhà nước vững mạnh từ trung ương đến cơ sở. Sửa đổi những cơ chế, chính sách tạo kẽ hở gây ra tệ quan liêu, tham nhũng. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết kịp thời những vấn đề khi mới phát sinh.

Cùng với các cơ quan nhà nước, bộ máy đảng và các tổ chức đoàn thể nhân dân cũng cần được sắp xếp, tổ chức lại theo hướng gọn nhẹ, chất lượng cao và có hiệu quả.

6. *Nhiệm vụ đối ngoại* bao trùm trong thời gian tới là giữ vững hòa bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Chúng ta chủ trương hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình.

Trước sau như một tăng cường đoàn kết và hợp tác với Liên Xô, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hợp tác Việt - Xô nhằm đáp ứng lợi ích của mỗi nước.

Không ngừng củng cố, phát triển quan hệ đoàn kết và hữu nghị đặc biệt giữa Đảng và nhân dân ta với Đảng và nhân dân Lào, Đảng và nhân dân Campuchia anh em. Đổi mới phương thức hợp tác, chú trọng hiệu quả theo nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và lợi ích chính đáng của nhau. Phấn đấu góp phần sớm đạt được một giải pháp chính trị toàn bộ về vấn đề Campuchia, trên cơ sở tôn trọng chủ quyền của Campuchia và Hiến chương Liên hợp quốc.

Thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, từng bước mở rộng sự hợp tác Việt - Trung, giải quyết những vấn đề tồn tại giữa hai nước thông qua thương lượng.

Củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị, đoàn kết, hợp tác với Cuba và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Đảng Cộng sản Việt Nam tăng cường quan hệ với các đảng cộng sản và công nhân, góp phần tích cực vào sự hợp tác các đảng anh em trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin đấu tranh vì những mục tiêu cao cả của thời đại.

Đoàn kết với các lực lượng đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; sẵn sàng thiết lập và mở rộng quan hệ với các đảng xã hội - dân chủ, các phong trào dân chủ và tiến bộ trên thế giới.

Phát triển quan hệ đoàn kết, tin cậy và nâng cao hiệu quả hợp tác nhiều mặt với Ấn Độ. Tiếp tục mở rộng hợp tác

với các nước đang phát triển khác. Tích cực góp phần củng cố và tăng cường Phong trào Không liên kết.

Phát triển quan hệ hữu nghị với các nước ở Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương, phấn đấu cho một Đông Nam Á hòa bình, hữu nghị và hợp tác. Mở rộng sự hợp tác bình đẳng cùng có lợi với các nước Bắc Âu, Tây Âu, Nhật Bản và các nước phát triển khác. Thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ.

Góp phần làm cho Liên hợp quốc phục vụ đắc lực hơn những mục tiêu của nhân loại là hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Hợp tác với các tổ chức tài chính và tiền tệ quốc tế cũng như các tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc và các tổ chức phi chính phủ.

Với chính sách đối ngoại rộng mở, chúng ta tuyên bố rằng: Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Năm năm tới đối với nhân dân ta là thời gian đầy thử thách, nhưng cũng nhiều triển vọng. Với truyền thống yêu nước và bản chất cách mạng vốn có, với trí thông minh và tài năng sáng tạo, nhân dân ta không chịu cảnh nghèo nàn và lạc hậu. Đảng ta có trách nhiệm lịch sử to lớn lãnh đạo nhân dân vượt qua thử thách, tận dụng mọi thời cơ, tiếp tục thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, đưa nền kinh tế - xã hội thoát ra khỏi khủng hoảng, cải thiện đời sống nhân dân, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, tiến lên xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta theo con đường được vạch ra trong Cương lĩnh của Đảng. Đó là nguyện vọng tha thiết của toàn Đảng, toàn dân ta, của Bác Hồ muôn vàn kính yêu.

Thực hiện được trách nhiệm lịch sử đó, Đảng ta cùng nhân dân ta sẽ góp phần xứng đáng vào sự nghiệp chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Sự nghiệp của chúng ta nhất định thắng!

KẾT QUẢ THẢO LUẬN CÁC VĂN KIẾN ĐẠI HỘI VII

(Báo cáo của Đoàn Chủ tịch
do đồng chí Đào Duy Tùng trình bày,
ngày 27 tháng 6 năm 1991)

Qua việc lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân, qua việc thảo luận ở đại hội đảng bộ các cấp; ở các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương và trong Đại hội VII về các dự thảo văn kiện, có nhiều nội dung cơ bản của các văn kiện đã được đại đa số cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân bày tỏ sự đồng tình. Bên cạnh đó, cũng còn một số vấn đề mà ý kiến còn chưa nhất trí toàn bộ hoặc một phần. Đại hội, sau khi thảo luận một cách dân chủ với tinh thần trách nhiệm cao đã tiến hành biểu quyết bằng cách ghi vào phiếu một số vấn đề quan trọng còn có ý kiến khác nhau.

Trước khi Đại hội thông qua nghị quyết về các văn kiện và toàn văn Điều lệ Đảng (sửa đổi), Đoàn Chủ tịch báo cáo với Đại hội kết quả thảo luận và biểu quyết về một số vấn đề quan trọng như sau:

1. Về tên Cương lĩnh: Đã có nhiều tên gọi khác nhau được đề xuất. Tại Đại hội này cũng có một số đồng chí đưa ra những tên gọi mới. Sau khi thảo luận và biểu quyết, 97,8% số đại biểu trong Đại hội đã tán thành lấy tên gọi của Cương lĩnh là: “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ

lên chủ nghĩa xã hội”. Tên gọi này phản ánh được bản chất của Cương lĩnh, xác định rõ xã hội mà nhân dân ta xây dựng là xã hội xã hội chủ nghĩa, phạm vi thời gian của Cương lĩnh là thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2. Về đánh giá sai lầm trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta:

Trong quá trình thảo luận, có mấy loại ý kiến khác nhau:

Loại ý kiến thứ nhất tán thành nói như Đại hội VI, tức là Đảng ta có sai lầm về chủ trương chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược.

Loại ý kiến thứ hai cho rằng Đảng có sai lầm về đường lối.

Loại ý kiến thứ ba cho rằng Đảng có sai lầm về đường lối cụ thể hoặc sai lầm về đường lối trên một số mặt.

Loại ý kiến thứ tư đồng ý cách viết như trong dự thảo Cương lĩnh: “Đảng đã phạm sai lầm chủ quan duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan” (tiếp đó kể những sai lầm cụ thể).

Sau khi thảo luận, Đại hội đã tiến hành biểu quyết: 80,3% số đại biểu đã tán thành ghi vào Cương lĩnh như sau: “Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đã có nhiều cố gắng nghiên cứu, tìm tòi, xây dựng đường lối, xác định đúng mục tiêu và phương hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng Đảng đã phạm sai lầm chủ quan duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan” (với những biểu hiện như đã trình bày trong dự thảo Cương lĩnh). Cách trình bày như thế vừa khẳng định được mặt đúng, vừa nói lên được thực chất, nội dung và nguồn gốc chủ yếu của sai lầm.

3. Đánh giá thành tựu đổi mới:

a) *Về đánh giá tổng quát, trong quá trình thảo luận, có các loại ý kiến sau:*

- Đã đạt được “những thành tựu bước đầu rất quan trọng”.

- Đã đạt được “những thành tựu bước đầu quan trọng”.
- Ngoài ra còn một số ý kiến khác.

Đại hội đã biểu quyết có 77,3% số đại biểu đã tán thành đánh giá “sau hơn 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng”.

b) Về chính trị. Có các loại ý kiến đánh giá như sau:

Loại ý kiến thứ nhất: Tình hình chính trị ổn định, tuy vậy vẫn có những nhân tố có thể gây mất ổn định chính trị không thể xem thường.

Loại ý kiến thứ hai: Tình hình chính trị cơ bản ổn định.

Loại ý kiến thứ ba: Tình hình chính trị ổn định.

Ngoài ra còn có một số ý kiến đánh giá khác.

Đại hội đã thảo luận, phân tích: tuyệt đại đa số nhân dân ta ủng hộ đường lối đổi mới của Đảng; thừa nhận Đảng ta là tổ chức chính trị duy nhất lãnh đạo xã hội, không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng, đảng đối lập. Các lực lượng chuyên chính của chúng ta vững vàng. Qua hơn 4 năm thực hiện đổi mới, với những thành tựu bước đầu rất quan trọng đã đạt được, lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước có được nâng lên. Tình hình chính trị không có những biến động lớn, mặc dù bối cảnh quốc tế rất phức tạp và các thế lực phản động luôn tìm mọi thủ đoạn chống phá ta. Tuy vậy, chúng ta phải đề cao cảnh giác, không thể xem thường những nhân tố có thể gây mất ổn định và phải có phương án chủ động đối phó với mọi tình huống xấu nhất có thể xảy ra. Làm được như vậy sẽ bảo đảm tình hình chính trị của nước ta luôn luôn ổn định.

Trên cơ sở phân tích như trên, Đại hội đã biểu quyết, có 86,3% số đại biểu tán thành đánh giá: tình hình chính trị của

đất nước ổn định, tuy vẫn có những nhân tố có thể gây mất ổn định chính trị không thể xem thường.

4. Về đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng

Có 3 loại ý kiến:

Loại ý kiến thứ nhất: nêu các đặc trưng cơ bản như cách trình bày của dự thảo Cương lĩnh.

Loại ý kiến thứ hai: thêm, bớt hoặc ghép một số đặc trưng lại với nhau.

Loại ý kiến thứ ba: cho rằng chưa nên nói các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội vì còn có vấn đề chưa rõ. Do vậy chỉ cần trình bày các phương hướng cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội là đủ.

Sau khi thảo luận, Đại hội đã biểu quyết, 69,8% số đại biểu tán thành hoàn toàn và 24,3% số đại biểu tán thành về cơ bản với các đặc trưng nêu trong dự thảo Cương lĩnh.

5. Về mâu thuẫn cơ bản của xã hội nước ta trong thời kỳ quá độ:

Trong quá trình thảo luận có nhiều loại ý kiến khác nhau. Có ý kiến cho rằng cần nói mâu thuẫn cơ bản là mâu thuẫn giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Cũng có nhiều ý kiến đề xuất khác về cách trình bày mâu thuẫn cơ bản, nhưng chưa có được một công thức nào đủ sức thuyết phục.

Khi thảo luận nhiều ý kiến cho rằng:

a) Việc xác định mâu thuẫn cơ bản trong thời kỳ quá độ là cần thiết để từ đó xác định đúng phương hướng, nhiệm vụ cơ bản, có tác dụng chỉ đạo mọi mặt hoạt động.

b) Song vì vấn đề còn có chỗ chưa được nhất trí, nhất là về mặt học thuật, trong Cương lĩnh chưa cần dùng thuật ngữ

mâu thuẫn cơ bản và đề nghị trình bày như sau: *“Để thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa, điều quan trọng nhất là phải cải biến căn bản tình trạng kinh tế - xã hội kém phát triển, chiến thắng những lực lượng cản trở việc thực hiện mục tiêu đó, trước hết là các thế lực thù địch chống độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”*.

Có thể coi đó là mâu thuẫn cơ bản trong thời kỳ quá độ ở nước ta, đó là mâu thuẫn giữa hai con đường, nhưng được trình bày với những nội dung cụ thể để tránh lặp lại những sai lầm cũ do hiểu giản đơn về đấu tranh giữa hai con đường. Cách trình bày trên bao hàm được cả hai mặt độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đại hội đã biểu quyết và có 92,3% số đại biểu đã tán thành cách trình bày như dự thảo Cương lĩnh.

6. Về các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ, có các cách phân loại dưới đây:

Loại ý kiến thứ nhất cho rằng các thành phần kinh tế chủ yếu bao gồm: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước. (Kinh tế gia đình rất quan trọng nhưng không phải tồn tại với tư cách một thành phần kinh tế độc lập).

Loại ý kiến thứ hai phân loại các thành phần kinh tế như sau: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế hộ gia đình (bao gồm hộ xã viên, hộ cá thể, hộ tiểu chủ), kinh tế tư nhân (muốn nói tư bản tư nhân).

Ngoài ra có ý kiến cho rằng cần nêu thêm thành phần kinh tế tự nhiên tự cấp tự túc hiện đang tồn tại ở một số vùng dân tộc miền núi.

Đại hội đã thảo luận và biểu quyết, kết quả có 86,1% số đại biểu đã tán thành xác định các thành phần kinh tế *chủ*

yếu trong thời kỳ quá độ ở nước ta là: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước.

7. Về cơ chế vận hành nền kinh tế: Có 2 loại ý kiến:

- *Loại ý kiến thứ nhất* cho rằng ta đã khẳng định xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, thực hiện chế độ tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế; do đó nên nói rõ “cơ chế thị trường có sự quản lý vĩ mô của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch hoá, các chính sách kinh tế và những biện pháp khác” để tránh xu hướng can thiệp quá sâu của Nhà nước vào những việc thuộc quyền tự chủ kinh doanh của cơ sở.

- *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị dùng khái niệm “cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác”.

Loại ý kiến này chủ yếu khác với loại ý kiến thứ nhất ở chỗ không thêm từ “vĩ mô” vào sau từ “quản lý”, vì thông thường có quan niệm cho rằng quản lý vĩ mô là quản lý của Nhà nước Trung ương, không bao gồm vai trò quản lý của cơ quan nhà nước cấp tỉnh - thành, huyện - quận, xã - phường.

Đại hội đã thảo luận và biểu quyết với 95,7% số đại biểu tán thành cho rằng cơ chế vận hành nền kinh tế của nước ta là: “cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác”.

8. Mục tiêu:

a) *Về mục tiêu chặng đường đầu* của thời kỳ quá độ Đại hội đã thảo luận và biểu quyết, có 96,6% số đại biểu tán thành mục tiêu của chặng đường đầu là thông qua đổi mới

toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định vững chắc, tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau.

b) Về mục tiêu tổng quát của Chiến lược đến năm 2000:

Có những ý kiến cho rằng sau 10 năm tăng khoảng gấp đôi tổng sản phẩm trong nước, vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển là mục tiêu quá cao, khó thực hiện. Ngược lại cũng có ý kiến cho rằng mục tiêu đó quá thấp, tốc độ phát triển kinh tế như vậy không thể đuổi kịp các nước tiên tiến.

Đa số ý kiến cho rằng:

- Mức tăng khoảng gấp đôi tổng sản phẩm trong nước dựa trên sự tính toán khả năng khai thác và phát huy các nguồn lực trong nước và khả năng thu hút các nguồn lực bên ngoài có thể đánh giá được. Khi có điều kiện tiếp nhận thêm các nguồn lực mới bên ngoài, chúng ta sẽ điều chỉnh mục tiêu trong các kế hoạch 5 năm và hàng năm.

- Mục tiêu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển có yêu cầu cụ thể về mức cải thiện đời sống và tăng tích lũy trong nội bộ nền kinh tế, tương ứng với mức tăng khoảng gấp đôi tổng sản phẩm trong nước sau 10 năm.

- Trong bản Chiến lược, chúng ta nêu rất hạn chế chỉ tiêu định lượng, song những mục tiêu đã đề ra ở trên là rất cần thiết để động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phấn đấu đưa đất nước đi lên. Mức phấn đấu đó còn rất khiêm tốn so với sự phát triển của nhiều nước trong vùng. Chúng ta có khả năng thực hiện và phải quyết tâm thực hiện.

Đại hội đã biểu quyết, có 94,5% số đại biểu tán thành mục tiêu tổng quát của Chiến lược đến năm 2000 là: Ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội. Phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, cải thiện

đời sống nhân dân, củng cố quốc phòng và an ninh, tạo điều kiện cho đất nước phát triển nhanh hơn vào đầu thế kỷ 21. Tổng sản phẩm trong nước đến năm 2000 tăng khoảng gấp đôi so với năm 1990.

c) Về mục tiêu 5 năm 1991 - 1995:

Có các loại ý kiến sau:

- Chưa thể nói đến năm 1995 ra khỏi khủng hoảng hoặc về cơ bản ra khỏi khủng hoảng, vì vậy không nên ghi vào Báo cáo chính trị.

- Ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội vào năm 1995, từ 1996 trở đi là thời kỳ phát triển nhanh.

- Đến năm 1995 về cơ bản ra khỏi khủng hoảng hiện nay.

Trong khi thảo luận, nhiều ý kiến cho rằng để làm rõ vấn đề này, trước hết cần xác định các nội dung chủ yếu của khủng hoảng kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay:

- Sản xuất tăng trưởng chậm và chưa ổn định.

- Lạm phát còn ở mức cao; bội chi ngân sách lớn.

- Số lao động chưa có việc làm hoặc thiếu việc làm còn nhiều và ngày càng tăng.

- Đời sống của một bộ phận đáng kể nhân dân, đặc biệt là của những người sống bằng tiền lương hoặc trợ cấp xã hội có nhiều khó khăn, không đủ bảo đảm tái sản xuất sức lao động; nhiều lĩnh vực xã hội xuống cấp nghiêm trọng, tệ nạn xã hội tăng.

So với trước đây thì hiện nay mức độ khủng hoảng đã giảm được một phần, song đất nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Trên đà chuyển biến tích cực của hơn 4 năm thực hiện đổi mới vừa qua, chúng ta phải bằng mọi cách phấn đấu để về cơ bản ra khỏi khủng hoảng. Không làm được việc này thì toàn bộ mục tiêu đề ra trong các văn kiện của Đại hội không thể thực hiện được, nhân dân ta

không chấp nhận và hậu quả về các mặt chính trị, kinh tế, xã hội sẽ vô cùng lớn lao. Nhưng nếu cho rằng trong 5 năm 1991 - 1995 sẽ khắc phục được hoàn toàn khủng hoảng kinh tế - xã hội để từ năm 1996 trở đi là thời kỳ phát triển nhanh thì quá lạc quan.

Kết quả biểu quyết về vấn đề này có 94,7% số đại biểu tán thành mục tiêu đến năm 1995 là: vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay.

9. Về vấn đề ruộng đất:

Trong quá trình thảo luận ở đại hội các cấp cũng như trong Đại hội toàn quốc vấn đề ruộng đất rất được quan tâm và có những ý kiến khác nhau. Sau khi thảo luận, Đại hội đã biểu quyết, có 97% số đại biểu tán thành ghi vào văn kiện Đảng: ruộng đất thuộc quyền sở hữu toàn dân, giao cho nông dân quyền sử dụng lâu dài (các vấn đề khác như việc chuyển quyền sử dụng, kế thừa, thế chấp... do Nhà nước quy định).

10. Về bản chất giai cấp của Đảng: đây là vấn đề có tính nguyên tắc, được đại hội các cấp thảo luận nhiều. Đại hội chúng ta đã thảo luận và biểu quyết, có 98,8% số đại biểu tán thành: Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

11. Về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng

Về nền tảng tư tưởng của Đảng chỉ nên nói đó là chủ nghĩa Mác - Lênin hay nói chủ nghĩa Mác - Lênin và *tư tưởng Hồ Chí Minh*?

Trong quá trình thảo luận hầu hết đại biểu tán thành với tư tưởng Hồ Chí Minh chứ không chỉ nói *những giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh* và đã thống nhất hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam. Đi vào biểu quyết, có một số ít đại biểu muốn ghi vào Điều lệ công thức: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh”. Trong khi đó có 89,7% số đại biểu tán thành ghi: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”.

12. Về đại biểu của đại hội các cấp: Có 2 loại ý kiến khác nhau:

+ **Loại ý kiến thứ nhất:** thành phần đại hội đại biểu gồm các uỷ viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội và đại biểu do đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên cấp dưới bầu.

+ **Loại ý kiến thứ hai:** tất cả các đại biểu, kể cả cấp uỷ viên cấp triệu tập đại hội, đều phải qua bầu cử từ dưới lên.

Sau khi thảo luận Đại hội biểu quyết tán thành ý kiến thứ nhất với 71,8% số phiếu. Như vậy thành phần đại hội đại biểu gồm các uỷ viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội và đại biểu do đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên cấp dưới bầu.

13. Về hội nghị đại biểu các cấp:

Sau khi thảo luận, Đại hội đã biểu quyết:

- 62% số đại biểu tán thành giữa 2 nhiệm kỳ đại hội đại biểu, ban chấp hành đảng bộ các cấp triệu tập hội nghị đại biểu.

- 57,5% số đại biểu tán thành chỉ có cấp trên cơ sở mới có hội nghị đại biểu.

14. Về việc điều động, bổ sung cấp uỷ:

Đại hội đã biểu quyết, có 91,8% số đại biểu tán thành: trường hợp thật cần thiết, cấp uỷ cấp trên trực tiếp được điều động hoặc chỉ định bổ sung một số uỷ viên ban chấp hành cấp dưới, song không được quá 1/3 số uỷ viên do Đại hội đã bầu.

15. Về một số vấn đề cụ thể trong Điều lệ Đảng: Đại hội đã biểu quyết:

- Ở những bộ phận (phân xưởng ở xí nghiệp, khoa ở trường học, thôn, ấp ở xã...) có từ 30 đến 50 đảng viên có thể lập nhiều chi bộ. Trường hợp đặc biệt nếu có 50 đảng viên, nhưng xét thấy không cần thiết, thì có thể chỉ tổ chức 1 chi bộ, nhưng phải được đảng uỷ cấp trên cơ sở đồng ý, có 63,5% số đại biểu tán thành.

Hội nghị đảng uỷ cơ sở họp thường lệ mỗi tháng một lần, có 56,1% số đại biểu tán thành.

16. Về cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng:

Đại hội đã thảo luận và biểu quyết:

- Ban chấp hành đảng bộ các cấp từ cơ sở đến trung ương không có uỷ viên dự khuyết, chỉ có uỷ viên chính thức, có 82,4% số đại biểu tán thành.

- Uỷ ban Kiểm tra các cấp do ban chấp hành cùng cấp bầu, có 95,7% số đại biểu tán thành.

- Tổng Bí thư do Ban Chấp hành Trung ương bầu, có 95,4% số đại biểu tán thành.

- Có lập Ban Bí thư, ngoài số Uỷ viên Bộ Chính trị được Bộ Chính trị phân công tham gia Ban Bí thư, số thành viên còn lại của Ban Bí thư do Ban Chấp hành Trung ương bầu, có 84,1% số đại biểu tán thành.

- Tán thành lập Hội đồng Cố vấn, không do Đại hội bầu mà do Ban Chấp hành Trung ương quy định (không phải ghi vào Điều lệ), có 75,7% số đại biểu tán thành.

- Về nguyên tắc tính phiếu bầu: người trúng cử phải được số phiếu tín nhiệm bằng trên 1/2 số đại biểu, hoặc đảng viên được triệu tập, có 51,4% số đại biểu tán thành.

17. Về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam:

Đại hội biểu quyết:

- Đảng lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt, có 95,8% số đại biểu tán thành.

- Đảng uỷ Quân sự Trung ương (gọi tắt là Quân uỷ Trung ương) do Ban Chấp hành Trung ương chỉ định, có 78,1% số đại biểu tán thành.

- Về tổ chức Đảng trong Công an nhân dân Việt Nam do Ban Chấp hành Trung ương quy định, có 94,6% số đại biểu tán thành.

Quá trình thảo luận và tiến hành biểu quyết những vấn đề lớn trong các văn kiện Đại hội trên đây đã được tiến hành một cách dân chủ và nghiêm túc. Có thể nói kết quả biểu quyết của Đại hội về những vấn đề đó là sự kết tinh ý chí và trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, thể hiện sự nhất trí cao của Đại hội đối với những vấn đề trọng đại của Đảng và của dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Đó là cơ sở vững chắc để đoàn kết thống nhất toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, tiếp tục thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, đưa đất nước tiến lên.

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ VI TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VII CỦA ĐẢNG

Đại hội VI của Đảng đề ra đường lối đổi mới toàn diện, mở ra bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Ý nghĩa lịch sử của Đại hội VI là đã phân tích đúng đắn nguyên nhân của tình hình khủng hoảng kinh tế - xã hội từ nhiều năm trước, đề ra các định hướng lớn để từng bước thoát khỏi tình trạng đó.

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, những diễn biến quốc tế phức tạp đã tác động xấu đến tình hình chính trị, kinh tế và xã hội nước ta. Nhưng Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã nỗ lực khắc phục khó khăn, kiên trì tìm tòi, khai phá con đường đổi mới chưa có một khuôn mẫu cho trước, từng bước đưa đường lối Đại hội VI đi vào cuộc sống. Mặc dù tình hình còn nhiều khó khăn, kết quả đạt được xác nhận khả năng tự đổi mới của Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam.

Đại hội VII của Đảng có nhiệm vụ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, đánh giá những việc làm được, những việc chưa làm được, những vấn đề mới nảy sinh, chỉ ra những ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân và kinh nghiệm trên các

lĩnh vực chủ yếu. Trên cơ sở đó, hoàn chỉnh, bổ sung và phát triển các chủ trương đổi mới của Đại hội VI, đề ra các phương hướng, nhiệm vụ lớn cho 5 năm 1991 - 1995.

Phần thứ nhất

**THỰC HIỆN ĐỔI MỚI CÁC LĨNH VỰC
CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI**

Hơn bốn năm đưa Nghị quyết Đại hội VI vào cuộc sống là quá trình thử nghiệm, tìm tòi, từng bước cụ thể hoá, phát triển và tổ chức thực hiện những định hướng lớn của Nghị quyết Đại hội. Đảng và Nhà nước vừa tập trung giải quyết những vấn đề kinh tế, xã hội cấp bách, giữ vững ổn định chính trị, vừa thực hiện đổi mới các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Từ giữa năm 1988 trở đi, các chủ trương, chính sách đổi mới bắt đầu mang lại kết quả rõ rệt, tình hình kinh tế và đời sống nhân dân dần dần được cải thiện, sinh hoạt dân chủ trong xã hội ngày càng được phát huy, lòng tin của nhân dân vào công cuộc đổi mới tăng lên.

Tuy nhiên, những kết quả do đổi mới đem lại còn hạn chế và chưa vững chắc. Do những thiếu sót chủ quan và tác động bất lợi của những yếu tố khách quan, *từ quý II năm 1990 đến nay*, bên cạnh những nhân tố tích cực tiếp tục được phát huy, tình hình kinh tế - xã hội có những diễn biến phức tạp mới. Nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh đình đốn kéo dài, lạm phát ở mức cao, tình trạng tham nhũng, tiêu cực, bất công trong xã hội tiếp tục phát triển; đời sống của những người mà nguồn thu nhập chính dựa vào tiền lương hoặc trợ cấp xã hội và một bộ phận nông dân tiếp tục giảm sút; tâm trạng lo lắng trong một bộ phận nhân dân có chiều hướng tăng lên.

Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương đã phân tích sâu sắc tình hình của thời điểm quan trọng này, vạch ra phương hướng củng cố và phát huy những thắng lợi đã giành được, phấn đấu vượt qua những khó khăn mới về kinh tế, xã hội, giữ vững sự ổn định chính trị, tạo thế đi lên cho những năm sau. Hiện nay, những yêu cầu nói trên vẫn đang là những nhiệm vụ cấp bách của Đảng, Nhà nước và toàn dân ta.

Dưới đây sẽ kiểm điểm việc thực hiện đổi mới trên các lĩnh vực chủ yếu.

1. Về đổi mới kinh tế

Thành tựu đầu tiên trên lĩnh vực kinh tế là *đã đạt được những tiến bộ rõ rệt trong việc thực hiện các mục tiêu của ba chương trình kinh tế* (lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu).

Tình hình *lương thực - thực phẩm* có chuyển biến tốt. Từ chỗ thiếu ăn triền miên, năm 1988 còn phải nhập hơn 45 vạn tấn gạo, nay chúng ta đã vươn lên đáp ứng được nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, góp phần quan trọng ổn định đời sống của nhân dân và cải thiện cán cân xuất - nhập khẩu. Đó là kết quả tổng hợp của việc phát triển sản xuất, thực hiện chính sách khoán trong nông nghiệp, xoá bỏ chế độ bao cấp, tự do lưu thông và điều hoà cung cầu lương thực - thực phẩm trên phạm vi cả nước. Nhưng bình quân lương thực đầu người của nước ta còn thấp, việc điều hoà lương thực có lúc chưa tốt, quản lý dự trữ lương thực quốc gia có khuyết điểm lớn, giá cả lương thực - thực phẩm có những lúc tăng đột biến, vì nhiều nguyên nhân, tình trạng thiếu đói từng thời gian vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi. Chúng ta không thể chủ quan, coi nhẹ nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất và điều hoà lương thực - thực phẩm.

Hàng hoá trên thị trường, nhất là *hàng tiêu dùng*, dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi, trong đó nguồn hàng sản xuất trong nước tuy chưa đạt kế hoạch, nhưng cũng tăng hơn trước và có tiến bộ rõ rệt về mẫu mã, chất lượng. Một số sản phẩm tư liệu sản xuất tăng khá. Các cơ sở sản xuất gắn chặt hơn với nhu cầu thị trường, phần bao cấp của Nhà nước về vốn, giá vật tư, tiền lương... giảm đáng kể. Đó là kết quả của chủ trương phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần và đổi mới nhiều chính sách về sản xuất và lưu thông hàng hoá. Tuy nhiên, sản xuất công nghiệp nói chung, trong đó có sản xuất hàng tiêu dùng, phát huy tiềm năng còn thấp. Nhiều cơ sở sản xuất, nhất là các cơ sở tiểu, thủ công nghiệp và công nghiệp quốc doanh địa phương, đang gặp khó khăn, chủ yếu do trình độ trang bị kỹ thuật lạc hậu, chất lượng sản phẩm kém, giá thành sản phẩm cao, thiếu thị trường tiêu thụ và thiếu vốn, lại bị hàng ngoại chen ép.

Kinh tế đối ngoại phát triển nhanh, mở rộng hơn trước về quy mô, hình thức và góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội. Kim ngạch xuất khẩu tăng từ 439 triệu rúp và 384 triệu đôla năm 1986, lên 1.019 triệu rúp và 1.170 triệu đôla năm 1990. Đã giảm được khá lớn mức độ nhập siêu so với trước đây. Phần bù lỗ cho xuất khẩu giảm đáng kể. Từ năm 1989 có thêm các mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn như gạo, dầu thô và một số mặt hàng mới khác. Tuy nhiên, xuất khẩu còn phải vươn lên mạnh mới đáp ứng được nhu cầu nhập khẩu và trả nợ, thị trường mở ra còn chậm và bấp bênh, chưa có nhiều mặt hàng chủ lực có sức cạnh tranh để chiếm lĩnh thị trường vững chắc, tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm thô còn lớn. Quản lý hoạt động kinh tế đối ngoại còn nhiều sơ hở: hàng nhập lậu tràn lan; ngoại tệ thu được từ

xuất khẩu, nhất là ngoại tệ mạnh, chưa được quản lý thống nhất và sử dụng có hiệu quả; tranh mua hàng xuất khẩu đắt giá lên cao và tranh bán dẫn đến bị nước ngoài dìm giá.

Những kết quả thực hiện các mục tiêu của ba chương trình kinh tế gắn liền với những chuyển biến tích cực trong việc *điều chỉnh cơ cấu đầu tư và bố trí lại cơ cấu kinh tế*. Nhà nước đình và hoãn nhiều công trình đã ký với nước ngoài và của một số ngành, địa phương để tập trung vốn cho các công trình trọng điểm trực tiếp phục vụ ba chương trình kinh tế hoặc có ý nghĩa trọng yếu. Trong 5 năm 1986 - 1990 đã dành cho ba chương trình kinh tế hơn 60% vốn đầu tư của ngân sách trung ương, 75 - 80% vốn đầu tư của địa phương. Ngoài ra, phần đầu tư của nhân dân rất lớn, đồng thời cũng đã thu hút được một số vốn đầu tư của nước ngoài. Mặc dù vốn đầu tư của ngân sách trung ương giảm, nhưng xét tổng thể các thành phần kinh tế thì tổng vốn đầu tư trong nền kinh tế không giảm. Nhiều công trình công nghiệp nặng quan trọng được khởi công từ những năm trước đã được đưa vào sử dụng. Đã hình thành một số ngành sản xuất mới có triển vọng tốt như dầu khí, công nghiệp lắp ráp hàng điện tử, nuôi và chế biến tôm... Đã xuất hiện một số vùng sản xuất hàng hoá tập trung về lương thực, trồng cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày, đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản. Một số loại hình kinh tế dịch vụ mới ra đời và phát triển nhanh góp phần thúc đẩy kinh tế hàng hoá và phục vụ đời sống nhân dân. Nhưng việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư còn có tình trạng phân tán, không tập trung vào các công trình thiết yếu, còn nhiều lãng phí và kém hiệu quả. Mặt khác, do nguồn vốn ngân sách quá eo hẹp nên đã hạn chế việc dành thêm vốn cho ba chương trình kinh tế, cơ sở hạ tầng và đầu tư chiều sâu để đổi mới công nghệ, cho đầu tư vào một số ngành và vùng trọng điểm

mang lại hiệu quả nhanh. Nhiều cơ sở công nghiệp và thương nghiệp quốc doanh chậm được sắp xếp lại; một số hoạt động thương nghiệp, dịch vụ phát triển không hợp lý và lộn xộn; công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản chậm phát triển; cơ cấu kinh tế miền núi chưa có chuyển biến rõ rệt theo hướng sản xuất hàng hoá.

Một thành tựu khác về đổi mới kinh tế là *bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước*.

Phát triển quan điểm kinh tế của Đại hội VI, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương đã khẳng định phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần là một chủ trương chiến lược lâu dài trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chính sách này được nhân dân hưởng ứng rộng rãi và đã đi nhanh vào cuộc sống. Chính sách ấy đã góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân về kinh tế; khơi dậy được nhiều tiềm năng và sức sáng tạo của nhân dân để phát triển sản xuất, dịch vụ, tạo thêm việc làm và sản phẩm cho xã hội; thúc đẩy sự hình thành và phát triển nền kinh tế hàng hoá, tạo ra sự cạnh tranh sống động trên thị trường.

Để thích ứng và thúc đẩy phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, chúng ta đã từng bước đổi mới cơ chế quản lý kinh tế theo các định hướng cơ bản của Đại hội VI, chú trọng tập trung giải quyết những nhiệm vụ then chốt và cấp bách trong từng thời gian.

Trong toàn bộ các biện pháp đổi mới cơ chế quản lý, cuộc cải cách giá, chuyển từ hệ thống định giá hành chính sang cơ chế giá thị trường có vị trí trung tâm. Đi đôi với cải cách giá, việc đổi mới chính sách lưu thông và mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại đã thúc đẩy hình thành thị trường thống nhất

trong cả nước gắn với thị trường thế giới, góp phần điều hoà cung - cầu và giảm bớt chênh lệch về giá hàng hoá giữa các vùng trong nước. Nhờ giá cả phản ánh đúng hơn giá trị và quan hệ cung - cầu trên thị trường, thực hiện mua bán bình thường vật tư hàng hoá, xoá bỏ tem phiếu, đi liền với tiền tệ hoá một phần quan trọng tiền lương, đã giảm hẳn các nhu cầu giả tạo và nạn tích trữ vật tư, hàng hoá trong sản xuất và tiêu dùng, tình trạng ngân sách bù giá, tình trạng lãi giả lỗ thật.

Công tác kế hoạch hoá đã chuyển từ kế hoạch pháp lệnh sang kế hoạch định hướng là chủ yếu, bước đầu sử dụng các đòn bẩy kinh tế và lực lượng vật chất để bảo đảm cân đối tổng cung - tổng cầu trong nền kinh tế. Đã xây dựng chiến lược kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và vùng, mở rộng thông tin kinh tế, nâng cao vai trò của hợp đồng kinh tế.

Trong lĩnh vực tài chính, đã sửa đổi, bổ sung hệ thống thuế, thi hành pháp lệnh về kế toán và thống kê, động viên khá hơn các nguồn thu cho ngân sách; giảm các khoản chi có tính chất bao cấp, mở rộng quyền chủ động tài chính cho cơ sở, thu hẹp các khoản đầu tư theo phương thức cấp phát, mở rộng đầu tư qua tín dụng. Ngành ngân hàng đã tổ chức các ngân hàng kinh doanh, triển khai kinh doanh tiền tệ, ngoại tệ, vàng bạc, thực hiện chính sách lãi suất linh hoạt (tuy chưa nhất quán).

Bộ máy nhà nước từng bước chuyển sang thực hiện chức năng quản lý nhà nước, khắc phục dần sự can thiệp vào điều hành kinh doanh của cơ sở. Việc xây dựng pháp luật kinh tế được đẩy mạnh.

Cùng với những đổi mới cơ chế quản lý ở tầm vĩ mô, chúng ta đã tiếp tục điều chỉnh quan hệ sản xuất ở nông thôn, cải tiến chế độ khoán và cơ chế quản lý trong các hợp

tác xã nông nghiệp; mở rộng về nhiều mặt quyền tự chủ kinh doanh của các xí nghiệp quốc doanh, tạo điều kiện phát huy tính chủ động sáng tạo của các đơn vị kinh tế và của người lao động. Nhờ đó đã thúc đẩy các cơ sở sản xuất theo nhu cầu thị trường, phấn đấu áp dụng tiến bộ kỹ thuật và cải tiến quản lý, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

Cơ chế quản lý kinh tế mới đã bước đầu hình thành nhưng chưa đồng bộ, còn thiếu nhiều luật lệ, chính sách bảo đảm sản xuất, kinh doanh đúng hướng; chậm tổng kết để đề ra chương trình tiếp tục đổi mới quản lý kinh tế có hệ thống. Bên cạnh những tiến bộ, sự quản lý và điều hành vĩ mô của Nhà nước ở các cấp cũng bộc lộ nhiều mặt non yếu, chưa thực hiện nhất quán và có hiệu quả chức năng định hướng, kiểm soát và điều tiết các thành phần kinh tế.

Đáng chú ý là: hoạt động tài chính, ngân hàng, thương nghiệp quốc doanh còn nhiều yếu kém. Các chính sách tài chính chưa thực sự tạo điều kiện đẩy mạnh phát triển sản xuất và tạo nguồn thu; tình trạng thất thu thuế và bội chi ngân sách còn lớn; Nhà nước quản lý lỏng lẻo, hầu như thả nổi khâu phân phối thu nhập trong các đơn vị kinh tế quốc doanh. Ngân hàng chưa trở thành trung tâm thanh toán và tín dụng của xã hội, chưa có phương thức giải quyết thỏa đáng vốn cho các cơ sở kinh doanh; chính sách lãi suất cho vay và nhận gửi có nhiều bất hợp lý. Thương nghiệp quốc doanh còn lúng túng trong phương thức hoạt động, chưa làm tốt chức năng điều hoà cung - cầu và điều tiết giá cả những mặt hàng trọng yếu. Công tác quản lý thị trường có nhiều sơ hở, nạn buôn lậu, làm hàng giả trầm trọng và kéo dài, chậm ban hành các chính sách có hiệu lực để bảo hộ sản xuất trong nước. Công tác phân tích kinh tế, dự đoán các tình huống xảy ra và chuẩn bị các biện pháp ứng phó còn hạn chế. Công tác

thanh tra, kiểm tra thiếu chặt chẽ, phát hiện và xử lý những vụ vi phạm chưa kịp thời và chưa nghiêm (điển hình là các vụ tiêu cực lớn ở ngành dự trữ quốc gia, ngân hàng, tín dụng, xuất nhập khẩu, thuế, xây dựng cơ bản). Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp thiếu chặt chẽ, hiện tượng “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược” xảy ra không ít. Nhiều cấp, nhiều ngành còn bố trí những cán bộ kinh doanh thiếu hiểu biết về kinh tế và luật pháp, không tính đến năng lực nghiệp vụ chuyên môn, chậm phát hiện và xử lý những người thoái hoá biến chất về đạo đức. Đó là những khuyết điểm chủ yếu trong quản lý kinh tế cần sớm được khắc phục.

Trong quá trình chuyển sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, bên cạnh những mặt tích cực, *đã xuất hiện nhiều hiện tượng tiêu cực mới* mà chúng ta chưa lường hết, chậm phát hiện và chưa xử lý tốt. Đó là lối làm ăn chạy theo lợi nhuận bất kể giá nào, dẫn đến vi phạm pháp luật, lừa đảo, hối lộ, làm hàng giả, buôn lậu, trốn thuế, xâm phạm nghiêm trọng tài sản xã hội chủ nghĩa và của công dân; nợ nần dây dưa, chiếm dụng vốn của nhau, nhiều trường hợp không có khả năng thanh toán. Đó là xu hướng chạy theo buôn bán nhiều hơn sản xuất, thương mại hoá tràn lan, xâm nhập vào cả các cơ quan văn hoá, y tế, giáo dục, nội chính...; kỷ luật, kỷ cương và pháp luật không nghiêm, bất công xã hội tăng lên.

Kết quả đổi mới cơ chế quản lý kinh tế với những thành tựu và khuyết điểm như trên, thể hiện ở những mức độ khác nhau trong các thành phần kinh tế.

Kinh tế quốc doanh hiện đang nắm những bộ phận then chốt, có vị trí chi phối nền kinh tế, có tác dụng điều tiết thị trường và giá cả ở một mức độ nhất định. Gần một phần ba các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh vươn lên trong kinh

doanh và thích ứng được với cơ chế mới. Đã xuất hiện một số nông trường, lâm trường kinh doanh có hiệu quả. Điểm yếu nhất của kinh tế quốc doanh là hiệu quả hoạt động nhìn chung còn thấp. Một bộ phận khá lớn công nghiệp quốc doanh, nhất là các cơ sở do quận, huyện quản lý, đang rất khó khăn. Nhiều đơn vị thương nghiệp quốc doanh kinh doanh thua lỗ, không ít cơ sở bị tư nhân lợi dụng để làm ăn phi pháp.

Kinh tế tập thể trong nông nghiệp đã chuyển sang thực hiện rộng rãi cơ chế khoán, hộ gia đình xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ, được giao quyền sử dụng ruộng đất, bước đầu giải phóng sức sản xuất, khai thác tiềm năng lao động và vốn của nhân dân. Đã xuất hiện một số hình thức hợp tác mới thuộc nhiều lĩnh vực cùng hoạt động trên một địa bàn. Thực tiễn khẳng định Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị là đúng đắn, phù hợp với điều kiện kinh tế nước ta và nguyện vọng của nông dân. Nhưng hiện nay phần lớn các ban quản lý hợp tác xã và tập đoàn sản xuất đang lúng túng trong hoạt động, chưa thực hiện được việc tổ chức khâu dịch vụ sản xuất, tiêu thụ, một số nhiệm vụ quản lý cần thiết và tham gia thực hiện các chính sách xã hội ở nông thôn; tình trạng khoán trắng cho xã viên diễn ra phổ biến. Các vụ tranh chấp ruộng đất tuy đã được tích cực giải quyết, nhưng vẫn còn nhiều vấn đề phức tạp.

Trong lĩnh vực sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, khoảng 20% số hợp tác xã đã vươn lên thích nghi được với thị trường. Một bộ phận lớn đang rất khó khăn, khoảng 20% các hợp tác xã, trong đó có những đơn vị chỉ là kinh tế tập thể về hình thức, đã giải thể hoặc chuyển sang hoạt động dưới dạng tư nhân. Việc củng cố các hợp tác xã trong công nghiệp, xây

dựng, vận tải chưa được quan tâm đúng mức theo yêu cầu Nghị quyết 16 của Bộ Chính trị.

Phần lớn các hợp tác xã mua bán kinh doanh thua lỗ và lúng túng về phương hướng hoạt động. Khuyết điểm lớn là đã để phát triển các tổ chức tín dụng đô thị một cách tràn lan, thiếu chỉ đạo và quản lý chặt chẽ dẫn đến vỡ nợ khá phổ biến, trong đó không ít trường hợp làm ăn gian dối. Ở nông thôn nói chung các hợp tác xã tín dụng chỉ còn hình thức, tình trạng tư nhân cho vay nặng lãi đang phát triển.

Về kinh tế tư nhân, kết quả rõ nhất là nhiều hộ cá thể và tiểu chủ đã bỏ vốn kinh doanh vào nhiều ngành nghề. Nhưng cho đến nay, nhiều người có vốn lớn vẫn chưa mạnh dạn đầu tư, nhất là vào lĩnh vực sản xuất, vì môi trường kinh doanh chưa bảo đảm và có phần chưa tin vào sự ổn định của chính sách. Trong khi nhiều đơn vị kinh tế tư nhân đóng góp tích cực và làm giàu chính đáng, một số người đã hoạt động phi pháp, lừa đảo, trốn lậu thuế.

Một thành tựu quan trọng nữa là đã *kiềm chế được một bước đà lạm phát*. Đây là kết quả tổng hợp của việc thực hiện ba chương trình kinh tế và đổi mới cơ chế quản lý, đổi mới chính sách giá và lãi suất, mở rộng lưu thông và điều hoà cung - cầu hàng hoá. Nếu chỉ số tăng giá bình quân hàng tháng của thị trường xã hội năm 1986 là 20%, năm 1987 10%, năm 1988 14%, thì năm 1989 là 2,5% và năm 1990 là 4,4%. Điều có ý nghĩa là chúng ta đạt được kết quả này trong hoàn cảnh nguồn trợ giúp bên ngoài giảm so với trước, vừa chống lạm phát vừa thực hiện chuyển từ giá bao cấp sang giá kinh doanh.

Tuy nhiên, kết quả kiềm chế lạm phát chưa vững chắc, giá cả có những thời gian tăng cao, lên xuống không ổn định.

Cuộc đấu tranh để kiểm chế và đẩy lùi lạm phát vẫn đang là một nhiệm vụ cấp bách và cơ bản.

Trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội những năm qua, *khoa học và công nghệ* tiếp tục phát triển, bước đầu phát huy vai trò động lực, hướng vào nghiên cứu ứng dụng, góp phần phát triển sản xuất, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, nâng cao trình độ công nghệ của một số lĩnh vực sản xuất, tiếp thu và làm chủ được các công nghệ nhập từ nước ngoài. Tiềm lực khoa học và công nghệ tăng lên.

Lực lượng khoa học đã góp phần xây dựng luận cứ khoa học cho các chủ trương phát triển kinh tế; đóng góp tích cực vào việc soạn thảo Cương lĩnh, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ; nghiên cứu những vấn đề về lịch sử, ngôn ngữ, văn hoá...

Cơ chế quản lý khoa học và công nghệ đã bước đầu được đổi mới nhằm gắn khoa học với sản xuất và đời sống, mở rộng quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các tập thể và cơ quan khoa học.

Tuy nhiên, khoa học và công nghệ nước ta phát triển chậm, chưa đáp ứng được những yêu cầu bức xúc của công cuộc đổi mới. Khoa học xã hội chưa nghiên cứu sâu sắc và lý giải một cách thuyết phục những vấn đề cơ bản về thời đại, về chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Khoa học và công nghệ chưa đóng góp được nhiều vào việc tạo chuyển biến mạnh mẽ nền kinh tế về mặt năng suất, chất lượng và hiệu quả, thúc đẩy phát triển nhanh các ngành có hàm lượng khoa học và công nghệ cao.

Còn thiếu những chính sách cụ thể để tạo môi trường thuận lợi cho việc ứng dụng rộng rãi hơn nữa các thành tựu

khoa học và công nghệ. Việc chậm đổi mới chính sách sử dụng và đãi ngộ đối với cán bộ khoa học, kỹ thuật đã gây lãng phí lớn nguồn chất xám quý giá của đất nước. Đầu tư tài chính của Nhà nước cho hoạt động khoa học và công nghệ còn quá ít, không bảo đảm điều kiện cần thiết để triển khai các nhiệm vụ trọng điểm và xây dựng tiềm lực khoa học - công nghệ quốc gia. Chưa có cơ chế phù hợp để huy động được nhiều nguồn vốn cho hoạt động khoa học và công nghệ. Công tác kiểm tra, giám sát còn chưa thường xuyên và đầy đủ để hạn chế việc sử dụng lãng phí và kém hiệu quả các nguồn lực vật chất dành cho lĩnh vực này. Nhiều cán bộ lãnh đạo các ngành, các cấp và cơ sở chưa nhận thức đầy đủ vai trò động lực và chưa sử dụng khoa học và công nghệ để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

2. Thực hiện chính sách xã hội

Việc thực hiện chính sách xã hội tuy có một số tiến bộ, nhưng chưa được quan tâm đúng với tầm quan trọng của nó và còn nhiều thiếu sót.

Đời sống của một bộ phận nhân dân so với 5 năm trước ổn định hơn và có được cải thiện, nhưng nhìn chung còn khó khăn.

Từ cuối năm 1988 trở đi, vấn đề lương thực xét cân đối chung trên phạm vi cả nước đã được giải quyết tốt hơn. Thị trường thực phẩm dồi dào. Nhu cầu mặc được đáp ứng khá. Nhà ở của một bộ phận dân cư cả ở thành thị và nông thôn được cải thiện. Tiện nghi sinh hoạt trong nhiều gia đình tăng thêm. Việc đi lại của nhân dân dễ dàng hơn. Đời sống tinh thần của nhân dân có một số mặt được cải thiện như được tự do làm ăn theo pháp luật, làm chủ nguồn thu nhập hợp pháp, tham gia vào các quyết định lớn của Đảng và Nhà nước, nguồn thông tin và nhận thông tin được mở rộng hơn trước...

Một bộ phận nhân dân có thu nhập cao chính đáng nhờ biết kinh doanh, hoặc có lao động xuất khẩu.

Nhờ thực hiện các chính sách mới, tỷ lệ thu nhập của xã viên trong giá trị sản phẩm thu hoạch sau Khoán 10 đã tăng lên đáng kể. Tuy nhiên, vẫn có khoảng trên dưới 10% hộ nông dân còn thường xuyên gặp khó khăn, túng thiếu; ở những vùng hay bị thiên tai, một số vùng núi và vùng có đồng bào dân tộc thiểu số, ở những nơi có nhiều gia đình thuộc diện chính sách, các gia đình neo đơn thì tỷ lệ trên còn cao hơn. Nhà ở của nông dân một số vùng còn đơn sơ. Sinh hoạt văn hoá ở nông thôn nhiều nơi còn nghèo nàn.

Ở thành thị, người lao động ở những đơn vị sản xuất thua lỗ thì rất khó khăn, những người làm dịch vụ, buôn bán nhìn chung có thu nhập khá.

Một bộ phận không nhỏ nhân dân ta còn sống dưới nhu cầu tối thiểu. Số trẻ em suy dinh dưỡng còn lớn. Khó khăn gay gắt và mức sống bị giảm sút nhiều là những người mà nguồn thu nhập chính dựa vào tiền lương và trợ cấp xã hội.

Hơn bốn năm qua, để đáp ứng các nhu cầu đời sống nhân dân, chúng ta đã động viên và phát huy khả năng của toàn xã hội, khuyến khích người lao động tăng thu nhập và làm giàu chính đáng, chấp nhận sự chênh lệch trong thu nhập do năng suất và hiệu quả lao động. Đó là phương hướng đúng tạo động lực cho sự phát triển và nâng cao mức sống chung của xã hội. Khuyết điểm là còn thiếu chính sách, biện pháp có hiệu lực để ngăn chặn thu nhập phi pháp và điều tiết mức thu nhập. Tuy mức sống còn thấp nhưng trong tiêu dùng của một bộ phận nhân dân và cán bộ còn nhiều xa hoa, lãng phí, có một số mặt vượt quá trình độ và khả năng của nền kinh tế chung.

Nhiều khó khăn về kinh tế, xã hội của nước ta có nguyên nhân ở tốc độ phát triển dân số quá cao. Nhịp độ tăng dân số

năm 1990 khoảng 2,2%. Công tác tuyên truyền vận động nhân dân chưa tiến hành tốt, đầu tư phương tiện cho công tác này quá ít và còn thiếu những chính sách nhất quán, đồng bộ và có hiệu lực. Nhiều vùng nông thôn chưa có chuyển biến trong việc hạn chế sinh đẻ. Tốc độ tăng dân số quá nhanh tạo nên áp lực lớn về đời sống và việc làm, cản trở việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, nâng cao mức sống của nhân dân.

Vấn đề *việc làm* đặc biệt gay gắt. Trong hơn bốn năm qua, việc thực hiện chính sách kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đã tạo điều kiện quan trọng để giải quyết thêm việc làm. Đã phát triển nhiều hình thức đào tạo nghề nghiệp, giới thiệu việc làm do Nhà nước, các đoàn thể và cá nhân đứng ra tổ chức. Hình thức thanh niên xung phong đi xây dựng các khu kinh tế mới hoặc đảm nhiệm các công trình xây dựng tiếp tục phát triển. Các hình thức quân đội kết hợp làm kinh tế được mở rộng. Nhờ những biện pháp ấy, trong 5 năm 1986 - 1990 có thêm 4,2 triệu lao động đã tìm được việc làm. Tuy vậy, những cố gắng và tiến bộ trên mới chỉ đáp ứng một phần nhu cầu giải quyết việc làm cho toàn xã hội, số người không có việc làm từ nhiều nguồn tăng lên nhanh. Các chính sách và biện pháp giải quyết việc làm còn bị động, chắp vá.

Lĩnh vực *giáo dục và đào tạo* có một số tiến bộ trong việc xác định mục tiêu, nội dung và phương pháp cũng như cơ cấu hệ thống giáo dục. Những kết quả ban đầu được thể hiện ở việc từng bước đa dạng hoá loại hình giáo dục, đào tạo, dân chủ hoá quản lý nhà trường, tăng cường liên kết nhà trường với xã hội. Nội dung giáo dục phổ thông đã được đổi mới một phần, chất lượng lớp 1, lớp 2 và ở trường chuyên, lớp chọn có tiến bộ. Quá trình đào tạo đại học và chuyên nghiệp được tổ chức lại và có một số cải tiến. Nhờ sự nỗ lực của đội ngũ giáo

viên, sự đầu tư của Nhà nước cùng với sự đóng góp của nhân dân, sự nghiệp giáo dục, đào tạo được duy trì, có một số mặt ổn định hoặc phát triển. Số học sinh, sinh viên nước ta hiện nay là 15 triệu người, chiếm gần 1/4 dân số.

Nhưng nền giáo dục nước ta chưa thoát khỏi tình trạng yếu kém do trình độ kinh tế, do thiếu sự quan tâm đúng mức ở tầm chỉ đạo chiến lược, đồng thời do công tác quản lý của ngành giáo dục và đào tạo còn nhiều khuyết điểm và nhược điểm.

Chất lượng giáo dục, nhất là chất lượng giáo dục tư tưởng, đạo đức còn kém, một bộ phận học sinh, sinh viên mờ nhạt về lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Số học sinh phổ thông chán học và bỏ học ngày càng nhiều. Số người mù chữ tăng lên. Chính sách đối với giáo viên tuy có cải tiến, nhưng chưa hấp dẫn thanh niên học giỏi vào ngành sư phạm, đời sống của đa số các thầy cô giáo còn quá thấp, có nơi giáo viên bỏ nghề đến mức số mới được đào tạo ở các trường sư phạm không bù lại kịp. Trình độ chuyên môn của giáo viên chậm được nâng cao. Việc đầu tư cho giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số còn quá ít ỏi. Chậm sắp xếp lại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, và trường phổ thông.

Công tác bảo vệ sức khoẻ, nâng cao thể lực của nhân dân vẫn được duy trì trong điều kiện có nhiều khó khăn. Công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu có một số tiến bộ. Tiêm chủng mở rộng cho trẻ em được ngành y tế thực hiện tốt trên phạm vi cả nước, đạt kết quả đáng khích lệ, giảm nhiều số trẻ em chết dưới một tuổi. Chủ trương bảo vệ sức khoẻ nhân dân nhằm giải quyết các vấn đề cơ bản và cấp bách, nhất là chống các bệnh nhiễm trùng, chống suy dinh dưỡng và vệ sinh môi trường, đồng thời phòng chống những bệnh

tật của một nước đang phát triển công nghiệp, bước đầu đã thu được một số kết quả. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng được duy trì và mở rộng ở nhiều nơi.

Tuy nhiên, nhìn chung công tác phòng và chữa bệnh, bảo vệ sức khoẻ của nhân dân còn nhiều vấn đề phải giải quyết. Đa số các bệnh viện từ trung ương đến tỉnh, huyện xuống cấp nhiều. Bệnh sốt rét phát triển ở một số huyện, xã miền núi. Kinh phí của Nhà nước không đủ cho nhu cầu của y tế, nhưng chưa có những hình thức và biện pháp thích hợp để giải quyết. Việc thu viện phí chưa hợp lý, gây nhiều lộn xộn. Vệ sinh môi trường như cung cấp nước sạch, giải quyết chất thải công nghiệp, bảo vệ môi trường sống là những vấn đề tồn tại lớn.

Hoạt động văn hoá, văn nghệ phong phú hơn về nội dung, đa dạng hơn về hình thức và thể loại. Trong các ngành văn học, nghệ thuật đã có một số tác phẩm tốt. Đội ngũ văn nghệ sĩ thuộc các thế hệ có những đóng góp vào sự nghiệp đổi mới của đất nước. Trong hoạt động văn hoá, văn nghệ, dân chủ bước đầu được phát huy, tạo điều kiện thuận lợi cho sự sáng tạo.

Tuy nhiên, mức hưởng thụ văn hoá, văn nghệ của đông đảo nhân dân lao động còn thấp, nhất là ở nhiều vùng nông thôn, miền núi. Hoạt động văn hoá, văn nghệ thường tập trung ở các đô thị và có khuynh hướng chạy theo thị hiếu không lành mạnh. Đã xuất hiện một số tư tưởng lệch lạc: coi nhẹ văn nghệ dân tộc và cách mạng, nhìn xã hội toàn màu đen, “để cho quần chúng tự chọn món ăn”, v.v..

Công tác quản lý văn hoá tuy có đổi mới, nhưng còn nhiều khuyết điểm, chưa quản lý chặt chẽ công tác xuất bản, nhập phim, làm phim, để cho các văn hoá phẩm độc hại phổ biến tràn lan, gây hại lớn. Chưa có những biện pháp tích cực để

phổ biến rộng rãi trong nhân dân các tác phẩm có giá trị. Một số ngành nghệ thuật như điện ảnh, tuồng, chèo... đang gặp nhiều khó khăn, chưa có biện pháp khắc phục.

3. Về quốc phòng và an ninh

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và Nghị quyết Bộ Chính trị về nhiệm vụ quốc phòng, công tác *quân sự và quốc phòng* đã có những đổi mới quan trọng. Xuất phát từ quan điểm chiến tranh nhân dân đã thực hiện một cuộc điều chỉnh chiến lược lớn, bố trí lại lực lượng trên phạm vi cả nước, tạo ra thế phòng thủ hợp lý, tăng cường khả năng phòng thủ ở các khu vực trọng điểm; từng bước xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố. Đã chấn chỉnh một bước cơ bản tổ chức biên chế lực lượng vũ trang, giảm được hơn 60 vạn quân thường trực; đồng thời chú ý xây dựng lực lượng dự bị động viên và nâng cao chất lượng dân quân tự vệ.

Đã chú trọng nâng cao chất lượng tổng hợp của quân đội, trước hết là về mặt chính trị, bảo đảm quân đội vững vàng trước tình hình phức tạp ở trong nước và trên thế giới, kiên định mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, chấp hành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Khắc phục nhiều khó khăn để bảo đảm đời sống và chính sách đối với bộ đội.

Đã thực hiện tốt nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và cách mạng Campuchia, rút hết quân tình nguyện ở Campuchia về nước.

Các xí nghiệp quốc phòng và các tổ chức làm kinh tế của quân đội bước đầu chuyển sang thực hiện cơ chế quản lý mới, phấn đấu thực hiện được kế hoạch hằng năm, góp phần bảo đảm cho quốc phòng và tham gia xây dựng đất nước.

Những kết quả trên lĩnh vực quân sự và quốc phòng đã tác động tích cực đến việc thực hiện cả hai nhiệm vụ chiến

lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tạo điều kiện thuận lợi mới cho công cuộc xây dựng kinh tế.

Thiếu sót nổi lên là chất lượng tổng hợp các lực lượng vũ trang còn có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ. Sức chiến đấu, trình độ sẵn sàng chiến đấu, chất lượng huấn luyện của một số đơn vị chưa cao. Đời sống cán bộ và chiến sĩ còn nhiều khó khăn. Hiệu quả công tác đảng, đoàn, công tác chính trị còn hạn chế. Việc xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố, công tác quản lý và huấn luyện lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ còn nhiều vấn đề phải giải quyết. Nhiều xí nghiệp quốc phòng lúng túng trong quá trình chuyển sang thực hiện cơ chế quản lý mới.

Nghị quyết Bộ Chính trị về quốc phòng chưa được quán triệt sâu sắc trong cán bộ các cấp, các ngành. Sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng uỷ Quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng có mặt, có lúc còn thiếu biện pháp tích cực và đồng bộ. Chậm nghiên cứu chiến lược quốc phòng gắn với chiến lược kinh tế - xã hội. Đảng uỷ và người chỉ huy một số đơn vị quản lý bộ đội thiếu chặt chẽ.

Công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội đã có những đổi mới quan trọng về đường lối, chủ trương, phương pháp công tác và xây dựng lực lượng, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc đổi mới; phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế; xây dựng, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và mở rộng quan hệ đối ngoại; bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước, bảo vệ những thành quả cách mạng trong tình hình mới.

Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc được khôi phục và phát triển ở nhiều địa bàn, từng bước hình thành một số tuyến, khu

vực có phong trào liên hoàn, với nội dung, hình thức phong phú, phòng ngừa và tấn công bọn tội phạm. Đấu tranh kiên quyết chống âm mưu “diễn biến hoà bình”, ngăn chặn các hoạt động gián điệp, biệt kích, bảo vệ nội bộ, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, trừng trị bọn tội phạm hình sự, giữ gìn trật tự công cộng.

Tuy nhiên, tình hình an ninh, trật tự còn rất phức tạp. Các thế lực thù địch ở trong nước và ngoài nước câu kết với nhau, ra sức khai thác cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội và những sơ hở, yếu kém của chúng ta để phá ta bằng các thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt. An ninh nội bộ, an ninh kinh tế, tư tưởng, văn hoá, an ninh biên giới còn không ít sơ hở. Trật tự an toàn xã hội, nhất là ở các thành phố, thị xã, còn nhiều vấn đề phải giải quyết; tình hình thất thoát lớn tài sản xã hội chủ nghĩa, tham nhũng, buôn lậu, đạo đức suy đồi... đang là những vấn đề nóng bỏng.

Tình hình trên có nhiều nguyên nhân. Chúng ta chưa gắn chặt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ an ninh, trật tự; chưa quan tâm đúng mức giải quyết những nguyên nhân và điều kiện làm nảy sinh, phát triển tội phạm; còn buông lỏng pháp chế, kỷ cương; đấu tranh chưa mạnh mẽ, xử lý chưa nghiêm minh những kẻ phạm tội; còn có mặt hữu khuynh, mất cảnh giác.

Công an nhân dân, lực lượng xung kích, nòng cốt đấu tranh bảo vệ an ninh, trật tự, đã được củng cố một bước về chính trị, tư tưởng và tổ chức; đã có những đổi mới về quan điểm phục vụ nhân dân, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tinh thần chiến đấu, tác phong công tác, ý thức tổ chức kỷ luật được nâng lên, lực lượng cơ sở, lực lượng bán chuyên trách được củng cố, tăng cường hơn. Nhưng nhìn chung, lực lượng công an chưa được xây dựng thực sự vững

mạnh, chưa đáp ứng tốt yêu cầu của tình hình mới. Biểu hiện tiêu cực, quan liêu, cửa quyền còn nhiều. Việc bảo đảm cơ sở vật chất - kỹ thuật và chăm lo đời sống cho lực lượng công an chưa được quan tâm đúng mức.

4. Về công tác đối ngoại

Nghị quyết Đại hội VI, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị đã xác định mục tiêu của các hoạt động đối ngoại là giữ vững hoà bình, tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, góp phần tích cực vào sự nghiệp chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Trong những năm qua, chúng ta đã từng bước thực hiện thắng lợi phương hướng trên. Quan hệ giữa nước ta với Liên Xô đang được đổi mới phù hợp với lợi ích của nhân dân mỗi nước. Tình hữu nghị và đoàn kết đặc biệt giữa Đảng và nhân dân Việt Nam với Đảng và nhân dân Lào, Đảng và nhân dân Campuchia không ngừng phát triển; hiệu quả hợp tác đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau được nâng cao. Bằng những việc làm cụ thể, chúng ta đã và đang góp phần rất quan trọng vào quá trình giải quyết hoà bình vấn đề Campuchia. Quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân ta với Cuba và một số nước xã hội chủ nghĩa khác tiếp tục được tăng cường. Đã kiên trì thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc.

Chúng ta đã tăng cường tình đoàn kết chiến đấu với các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào, các tổ chức quốc gia và quốc tế bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc, vì hoà bình và tiến bộ.

Sự hợp tác nhiều mặt và tình hữu nghị, đoàn kết giữa nước ta với Ấn Độ cũng như với nhiều nước độc lập dân tộc và Phong trào Không liên kết tiếp tục phát triển.

Với các nước Đông Nam Á, chúng ta chủ trương mở rộng quan hệ về nhiều mặt theo nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào nội bộ của nhau, hai bên cùng có lợi. Những năm qua cũng đã ghi nhận những cố gắng lớn của Nhà nước ta trong việc cải thiện quan hệ với nhiều nước ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Tây Âu, Bắc Âu và một số nước khác.

Những thành tựu đối ngoại đã tạo môi trường quốc tế thuận lợi hơn cho công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy lùi một bước âm mưu bao vây, cô lập đối với nước ta, tăng thêm bầu bạn, nâng cao uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, công tác đối ngoại còn có khuyết điểm và những mặt yếu kém: khi tình hình thế giới và quan hệ quốc tế thay đổi, có việc chưa đánh giá đầy đủ và kịp thời để có chủ trương sát đúng; chưa tạo được sự thống nhất cao về nhận thức và hành động giữa một số ngành trong một số trường hợp.

5. Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, đổi mới hoạt động của Nhà nước và các đoàn thể nhân dân

Một trong những thành tựu của công cuộc đổi mới là *bước đầu thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa* trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Các cơ chế và chính sách mới đã mở rộng quyền tự chủ của các cơ sở kinh tế, phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế, tạo điều kiện cho mọi người được tự do kinh doanh theo pháp luật.

Các hoạt động văn hoá, thông tin, báo chí, xuất bản có bước phát triển mới về nội dung và phương pháp thông tin, về nghiên cứu và sáng tạo, về thảo luận dân chủ các ý kiến khác nhau, tự phê bình và phê bình, đấu tranh phê phán các hiện tượng tiêu cực.

Trong sinh hoạt Đảng, hoạt động của các cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân, cũng như trong xã hội, đã có không khí thảo luận cởi mở, thẳng thắn, phê phán khuyết điểm, sai lầm, khắc phục dần hiện tượng dân chủ hình thức. Nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật quan trọng đã được nhân dân tham gia ý kiến trước khi quyết định.

Tuy nhiên, những tiến bộ đó còn hạn chế. Quyền làm chủ của nhân dân chưa được tôn trọng và phát huy đầy đủ. Trong xã hội còn không ít hiện tượng mất dân chủ, dân chủ hình thức, có nơi rất nghiêm trọng. Bệnh quan liêu, tư tưởng phong kiến, gia trưởng còn nặng. Đồng thời cũng xuất hiện khuynh hướng dân chủ cực đoan, dân chủ không đi liền với thực hiện kỷ luật và pháp luật. Cơ chế và pháp luật bảo đảm thực hiện dân chủ chưa được cụ thể hoá đầy đủ.

Thực tế mấy năm qua cho thấy, để đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị, xây dựng và thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, *vấn đề mấu chốt là phân định rõ chức năng và giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước và các đoàn thể nhân dân*; kiên quyết chống quan liêu, chống những hành vi xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời phê phán và khắc phục những khuynh hướng lệch lạc khác.

Theo hướng đó, đã có những chủ trương, biện pháp sửa đổi *tổ chức và phương thức hoạt động của các cơ quan nhà nước*. Hoạt động lập pháp được đẩy mạnh. Bốn năm qua (tính đến hết năm 1990), Quốc hội, Hội đồng Nhà nước đã

ban hành 24 luật và 33 pháp lệnh. Các kỳ họp Quốc hội đã thể hiện rõ hơn tinh thần dân chủ, quyền hạn và trách nhiệm của các đại biểu nhân dân. Hoạt động giám sát của Quốc hội được tăng cường và có hiệu quả hơn trước.

Hội đồng Bộ trưởng và uỷ ban nhân dân các cấp đã bước đầu đổi mới phương thức hoạt động, có tiến bộ trong điều hành và quản lý nhà nước bằng pháp luật, giải quyết được nhiều vấn đề kinh tế, xã hội quan trọng. Hội đồng Bộ trưởng và các bộ đã coi trọng chỉ đạo các hoạt động ở tầm vĩ mô; đã sắp xếp một bước tổ chức bộ máy các bộ, tổng cục và các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, huyện.

Các cơ quan toà án, kiểm sát đã được kiện toàn một bước. Nhiều tổ chức bổ trợ cho công tác xét xử đã hình thành.

Tuy nhiên, sự điều hành và quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô nói chung còn lúng túng và có nhiều khuyết điểm, nhược điểm; một số quyết định còn sơ hở. Còn thiếu nhiều luật cần thiết. Không ít luật và pháp lệnh đã ban hành không được thực hiện nghiêm chỉnh và thống nhất. Nhiều vụ phạm pháp không được xét xử hoặc xét xử chậm, xử chưa nghiêm. Tổ chức các cơ quan xét xử còn yếu.

Chưa vận dụng tốt khoa học quản lý vào tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Sự phân công, phân nhiệm và các mối quan hệ giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp có những điểm chưa rõ. Sự phân cấp quản lý giữa trung ương với các địa phương và cơ sở vừa chưa đầy đủ, vừa chưa phù hợp với sự thay đổi của cơ chế quản lý. Đội ngũ cán bộ, viên chức nhà nước ít được đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức pháp luật và nghiệp vụ; thiếu kinh nghiệm về tổ chức và quản lý nhà nước, nhất là khi chuyển từ cơ chế quan liêu bao cấp sang cơ chế quản lý mới về kinh tế, xã hội; hiệu suất lao động và công tác còn thấp.

Tổ chức và biên chế của bộ máy nhà nước còn quá công kênh, nặng nề, chưa phù hợp với yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý và đổi mới phương thức hoạt động của Nhà nước. Việc sắp xếp lại tổ chức và giảm biên chế có những trường hợp còn hình thức, kém hiệu quả. Tóm lại, khuyết điểm lớn là đến nay *chưa thực hiện được cuộc cải cách cơ bản về tổ chức bộ máy nhà nước* như Đại hội VI đã đề ra.

Từ sau Đại hội VI của Đảng, nhất là từ sau Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương, *Mặt trận Tổ quốc* và *các đoàn thể nhân dân* đã cố gắng đổi mới tổ chức và hoạt động. Đại hội của nhiều đoàn thể đã được tiến hành theo tinh thần: đổi mới - dân chủ - đoàn kết. Các đoàn thể, các tổ chức xã hội đã coi trọng việc đoàn kết, tổ chức đoàn viên, hội viên cùng chăm lo giải quyết những lợi ích thiết thực. Bộ máy của các đoàn thể ở các cấp được sắp xếp lại một bước. Thêm nhiều tổ chức xã hội, tổ chức theo nghề nghiệp được thành lập, thu hút đông đảo hội viên, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, nhất là ở cơ sở.

Trước yêu cầu đổi mới hiện nay, nhiều đoàn thể chưa xác định được thật rõ chức năng, nhiệm vụ, còn lúng túng về phương thức hoạt động và xây dựng tổ chức. Lề lối làm việc còn nặng hành chính, hiệu quả giáo dục chính trị tư tưởng còn thấp. Nhiều tổ chức cơ sở của các đoàn thể hoạt động thất thường. Nhiều đoàn viên, hội viên không thiết tha gắn bó với tổ chức của mình. Một số cán bộ đoàn thể không yên tâm công tác.

6. Đảng trong công cuộc đổi mới

Từ Đại hội VI đến nay là thời gian có nhiều thử thách lớn đối với sự lãnh đạo của Đảng ta. Trong tình hình đất nước và quốc tế có những diễn biến nhanh và phức tạp,

Đảng đã kiên trì đường lối đổi mới, đề ra và lãnh đạo nhân dân thực hiện có kết quả một số chủ trương, chính sách lớn về đối nội và đối ngoại, mở ra hướng phát triển mới của đất nước; tích cực sửa chữa những khuyết điểm mà Đại hội VI đã chỉ ra. Trong quá trình đó, Đảng có bước trưởng thành mới, có thêm những kiến thức và kinh nghiệm mới, nhất là về lãnh đạo kinh tế, lãnh đạo nhà nước.

Nét nổi bật là trong Đảng đã có *sự đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế*. Với tinh thần độc lập sáng tạo, Đảng đã cụ thể hoá và phát triển Nghị quyết Đại hội VI, *bước đầu hình thành hệ thống các quan điểm và nguyên tắc chỉ đạo sự nghiệp đổi mới ở nước ta*. Trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, Đảng kịp thời khẳng định những vấn đề có tính nguyên tắc của công cuộc đổi mới, bảo đảm ổn định về chính trị để thực hiện đổi mới có kết quả. Những thành tựu đã đạt được trên các lĩnh vực chứng tỏ đường lối và bước đi của Đảng ta là đúng đắn, năng lực cụ thể hoá nghị quyết và tổ chức chỉ đạo thực hiện của các cấp, các ngành có tiến bộ.

Công tác tư tưởng đã được coi trọng, góp phần đổi mới tư duy, định hướng tư tưởng, bồi dưỡng những nhận thức đúng đắn cho đảng viên và nhân dân, tạo ra sự nhất trí đối với đường lối, quan điểm của Đảng. Đã chú ý mở rộng thông tin, thông tin nhiều chiều, tuyên truyền những nhân tố mới, phổ biến những kinh nghiệm tốt, đồng thời tích cực đấu tranh chống tiêu cực, chống những quan điểm và nhận thức sai trái, bảo vệ quan điểm đúng đắn của Đảng.

Về *công tác tổ chức và cán bộ*, đã sắp xếp lại một số tổ chức, điều chỉnh, thay đổi nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cơ quan, các ngành, các cấp. Thu gọn bớt một số ban, bộ, uỷ ban, tổng cục; bỏ nhiều vụ, cục, phòng trung gian. Bộ máy

chính quyền ở nhiều cơ sở, bộ máy quản lý ở nhiều xí nghiệp, hợp tác xã gọn nhẹ hơn trước. Các chi bộ đảng ở nông thôn được sắp xếp lại hợp lý hơn, chủ yếu theo địa bàn dân cư (thôn, xóm, ấp, bản). Trong số cán bộ mới, nhiều đồng chí đã phát huy tác dụng tốt. Công tác cán bộ có mặt đã được cải tiến theo hướng dân chủ và tập thể hơn. Việc kết hợp nhiều độ tuổi ở mỗi cơ quan lãnh đạo là một kinh nghiệm tốt bảo đảm tính liên tục và tính kế thừa trong đội ngũ cán bộ.

Việc thực hiện các nghị quyết về xây dựng Đảng, tiến hành cuộc vận động *chỉnh đốn làm trong sạch Đảng* nhất là đợt sinh hoạt chính trị, tiến hành đại hội đảng bộ các cấp gần đây, đã thúc đẩy phát triển dân chủ trong Đảng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng, nâng thêm trình độ nhận thức và năng lực công tác của đội ngũ đảng viên. Cho đến nay, tuy có một bộ phận đảng viên thoái hoá, hư hỏng, một số kém tác dụng, nhưng số đông đảng viên mà nòng cốt là đội ngũ cán bộ chủ chốt từ trung ương đến cơ sở vẫn giữ vững phẩm chất chính trị, nhất trí với quan điểm, đường lối của Đảng, có tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, phấn đấu thực hiện các nghị quyết của Đảng.

Phương thức lãnh đạo đã có những cải tiến trên cơ sở nhận thức rõ hơn chức năng lãnh đạo của Đảng, chức năng quản lý của Nhà nước và chức năng của các đoàn thể, tôn trọng vai trò và quyền hạn của cơ quan nhà nước và các đoàn thể; bớt được những hiện tượng ôm đồm, bao biện.

Tuy vậy, công tác xây dựng Đảng chuyển biến chậm. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ở các cấp chưa chuyển kịp theo yêu cầu đổi mới. Nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn nảy sinh trong công cuộc đổi mới chưa được làm sáng tỏ, một số quan điểm và chủ trương lớn của Đảng chưa được cụ thể hoá một cách đồng bộ. Hệ thống tổ chức của

Đảng trước yêu cầu đổi mới còn những mặt chưa hợp lý, bộ máy vẫn công kênh, hoạt động kém hiệu quả. Một số tổ chức cơ sở đảng quá yếu, có nơi gần như tê liệt. Trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ, đảng viên nói chung còn thấp. Sự suy thoái về phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên rất nghiêm trọng. Tình trạng mất đoàn kết nội bộ xảy ra trong nhiều tổ chức đảng. Trong Đảng vừa có những biểu hiện bảo thủ, không chịu đổi mới, vừa có khuynh hướng đổi mới nóng vội, rập khuôn cách làm của nước khác; cũng có cả tư tưởng dao động, cơ hội về chính trị. Phương thức lãnh đạo chậm được đổi mới, tình trạng nhiều cấp uỷ đảng (nhất là ở nông thôn) bao biện, làm thay công việc của chính quyền vẫn chưa được khắc phục một cách căn bản; đồng thời cũng còn những biểu hiện buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng trên một số lĩnh vực và ở một số loại hình cơ sở (như xí nghiệp, cơ quan, trường học...).

Nhiều cấp uỷ không đi sâu chỉ đạo công tác xây dựng Đảng. Một số nghị quyết, chỉ thị về xây dựng Đảng không được thực hiện đến nơi đến chốn. Công tác tư tưởng có lúc bị buông lỏng, thiếu chủ động và không sắc bén. Công tác giáo dục phẩm chất đạo đức, khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong cán bộ, đảng viên chưa được tiến hành một cách kiên quyết và có hiệu quả. Việc kiện toàn tổ chức, tinh giản biên chế đạt kết quả thấp là do thiếu những phương án tổng thể, khoa học, chỉ đạo không tập trung. Thực hiện kém việc quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Chưa có cơ chế hợp lý để phát hiện và lựa chọn nhân tài. Tư tưởng cá nhân, cục bộ, phong kiến đã gây trở ngại cho việc nhận xét, bố trí, đề bạt cán bộ. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu của cơ chế mới và nhiệm vụ mới.

7. Đánh giá tổng quát và kinh nghiệm tiến hành đổi mới

Tổng quát lại, sau hơn bốn năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, công cuộc đổi mới đã *đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng*.

Tình hình chính trị của đất nước ổn định.

Nền kinh tế có những chuyển biến tích cực: bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; nguồn lực sản xuất của xã hội được huy động tốt hơn; tốc độ lạm phát được kiềm chế bớt; đời sống vật chất và tinh thần của một bộ phận nhân dân có phần được cải thiện. So với trước đây thì hiện nay mức độ khủng hoảng đã giảm bớt.

Sinh hoạt dân chủ trong xã hội ngày càng được phát huy. Nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị có một số đổi mới theo hướng phát huy dân chủ nội bộ và quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường quyền lực của các cơ quan dân cử, nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp, bước đầu chỉnh đốn Đảng đi đôi với đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội.

Quốc phòng được giữ vững, an ninh quốc gia được bảo đảm. Từng bước phá thế bị bao vây về kinh tế và chính trị, mở rộng quan hệ quốc tế, tạo ra môi trường thuận lợi hơn cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Những thành tựu nói trên chứng tỏ đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra là đúng đắn, bước đi của công cuộc đổi mới về cơ bản là phù hợp. Qua thực tiễn, chúng ta có thêm những nhận thức mới và kinh nghiệm quan trọng về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm nước ta. Đó là cơ sở rất quan trọng để chúng ta tiếp tục tiến lên.

Mặt khác, cần nhận thức đầy đủ những yếu kém và khó khăn lớn: đất nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, công cuộc đổi mới còn những mặt hạn chế, nhiều vấn đề kinh tế - xã hội nóng bỏng chưa được giải quyết. Đáng chú ý là những vấn đề lớn sau đây:

Lạm phát còn ở mức cao, nhiều cơ sở sản xuất đình đốn kéo dài, lao động thiếu việc làm tăng lên. Chế độ lương quá bất hợp lý. Đời sống của những người sống chủ yếu bằng tiền lương hoặc trợ cấp xã hội và của một bộ phận nông dân bị giảm sút. Tốc độ tăng dân số còn cao.

Sự nghiệp văn hoá, xã hội có những mặt tiếp tục xuống cấp. Tình trạng tham nhũng, tiêu cực và bất công xã hội tăng thêm; lối sống thực dụng, hủ tục mê tín, dị đoan phát triển.

Tình trạng vi phạm dân chủ còn nhiều. Việc thực hiện pháp luật, kỷ cương chưa nghiêm. An ninh, trật tự và an toàn xã hội còn phức tạp. Vẫn có những nhân tố có thể gây mất ổn định chính trị không thể xem thường.

Bộ máy của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân công kênh, phong cách làm việc còn quan liêu, kém hiệu lực. Không ít cán bộ, đảng viên không đủ năng lực và phẩm chất đảm đương nhiệm vụ, thậm chí thoái hoá biến chất, không được quần chúng tín nhiệm. Việc nâng cao ý chí cách mạng trong Đảng, thanh lọc đảng viên; lựa chọn, bố trí, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cốt cán; cải cách căn bản hệ thống tổ chức là những vấn đề lớn đòi hỏi phải giải quyết.

Nhân tố quyết định đem lại những thành tựu đổi mới là sự lãnh đạo kiên định, vững vàng của Đảng, tinh thần cách mạng và sự nỗ lực phấn đấu của toàn dân. Hơn bốn năm qua, trong bối cảnh quốc tế và trong nước cực kỳ phức tạp, Đảng và Nhà nước ta đã kiên trì đổi mới theo những phương hướng và bước đi về cơ bản là đúng đắn; nhân dân ta với lòng yêu

nước nông nàn và niềm tin vào sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã chấp nhận thử thách, chịu đựng và vượt qua nhiều khó khăn trong quá trình đổi mới, từng bước làm chuyển biến tình hình.

Nguyên nhân của những mặt khó khăn và yếu kém có phần là hậu quả của nhiều năm trước đây để lại và là khó khăn của quá trình đi lên, vừa do những tác động bất lợi của tình hình thế giới, song cần nhấn mạnh những khuyết điểm chủ quan trong sự lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước. Những khuyết điểm có tính chất bao trùm là Đảng chậm xác định rõ yêu cầu và nội dung đổi mới phương thức lãnh đạo trong giai đoạn mới, chưa tập trung nghiên cứu đề ra phương hướng, chủ trương rõ ràng và chỉ đạo thực hiện tích cực việc tổ chức lại bộ máy, còn thiếu những biện pháp có hiệu lực để nâng cao chất lượng đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng ngang tầm đòi hỏi của sự nghiệp cách mạng; công tác cán bộ còn nhiều khuyết điểm. Nhà nước ta còn thiếu kiến thức và kinh nghiệm quản lý, có những việc làm chưa đúng với quy luật khách quan. Còn nhiều lúng túng, thiếu sót và sơ hở trong điều hành, quản lý vĩ mô nền kinh tế thị trường (nhất là trong các lĩnh vực tài chính, tiền tệ, tiền lương) cũng như trong quản lý văn hoá, xã hội. Vừa có tình trạng thiếu nhất quán trong một số chủ trương đổi mới, vừa có sự buông lỏng vai trò quản lý đối với xã hội.

Từ thực tiễn mấy năm qua, có thể nêu lên *mấy kinh nghiệm bước đầu* về tiến hành công cuộc đổi mới:

Một là, phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới, kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới. Đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường

tất yếu của nước ta. Chúng ta phê phán những khuyết điểm, sai lầm trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhưng không quan niệm những lệch lạc đó là khuyết tật của bản thân chế độ, coi khuyết điểm là tất cả, phủ định thành tựu, từ đó dao động về mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có kết quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, bằng những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp. Chính vì vậy, *phải giữ vững tư duy độc lập và sáng tạo* trong việc đề ra đường lối đổi mới phù hợp với đặc điểm tình hình của nước ta, đáp ứng đúng lợi ích và nguyện vọng của nhân dân ta. Coi trọng học tập, tham khảo kinh nghiệm của thế giới, nhưng không lúc nào được giáo điều, sao chép máy móc cách làm của nước ngoài. Các chủ trương đổi mới đều phải nhằm phục vụ mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cho dân giàu, nước mạnh, đều phải lấy kết quả xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam để kiểm nghiệm.

Điều kiện cốt yếu để công cuộc đổi mới giữ được định hướng xã hội chủ nghĩa và đi đến thành công là trong quá trình đổi mới Đảng *phải kiên trì và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ vững vai trò lãnh đạo xã hội*. Đảng phải tự đổi mới và chỉnh đốn, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình.

Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để, nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. Thực tiễn cho thấy đổi mới là cuộc cách mạng sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trên từng lĩnh vực, nội dung đổi mới cũng bao gồm nhiều mặt: từ đổi mới quan niệm đến đổi mới cơ chế, chính sách, tổ chức, cán bộ, phong cách và lề lối làm

việc. Nếu chỉ đổi mới một lĩnh vực hoặc một khâu nào đó thì công cuộc đổi mới không thể đạt kết quả mong muốn. Đồng thời trong mỗi bước đi lại phải xác định đúng *khâu then chốt* để tập trung sức giải quyết làm cơ sở đổi mới các khâu khác và lĩnh vực khác.

Về quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, phải tập trung sức làm tốt đổi mới kinh tế, đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của nhân dân về đời sống, việc làm và các nhu cầu xã hội khác, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, coi đó là điều kiện quan trọng để tiến hành thuận lợi đổi mới trong lĩnh vực chính trị. Đồng thời với đổi mới kinh tế, phải từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, phát huy ngày càng tốt quyền làm chủ và năng lực sáng tạo của nhân dân trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Vì chính trị đụng chạm đến các mối quan hệ đặc biệt phức tạp và nhạy cảm trong xã hội, nên việc đổi mới trong hệ thống chính trị nhất thiết phải trên cơ sở nghiên cứu và chuẩn bị rất nghiêm túc, không cho phép gây mất ổn định chính trị, dẫn đến sự rối loạn. Nhưng không vì vậy mà tiến hành chậm trễ đổi mới hệ thống chính trị, nhất là về tổ chức bộ máy và cán bộ, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, bởi đó là điều kiện để thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và thực hiện dân chủ.

Ba là, phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần phải đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước về kinh tế - xã hội. Đổi mới về kinh tế, chuyển nền kinh tế mang nặng tính tự cấp, tự túc với cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước là hoàn toàn cần thiết để giải phóng và phát huy được

các tiềm năng sản xuất trong xã hội. Song thực tế cho thấy, bản thân nền kinh tế thị trường không phải là liều thuốc vạn năng. Hơn nữa, cùng với sự kích thích sản xuất phát triển, kinh tế thị trường cũng là môi trường thuận lợi để nảy sinh và phát triển nhiều loại tệ nạn xã hội. Để hạn chế và khắc phục những hậu quả tiêu cực ấy, giữ cho công cuộc đổi mới đi đúng hướng và phát huy bản chất tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội, Nhà nước phải thực hiện tốt vai trò quản lý về kinh tế - xã hội bằng luật pháp, kế hoạch, chính sách, thông tin, tuyên truyền giáo dục và các công cụ khác.

Bốn là, chúng ta khẳng định tiếp tục phát huy ngày càng sâu rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhưng để phát huy dân chủ đúng hướng và đạt kết quả thì quá trình đó phải được lãnh đạo tốt, có bước đi vững chắc phù hợp với tình hình chính trị, xã hội nói chung. Có như vậy mới thực sự bảo đảm được quyền làm chủ của nhân dân, động viên toàn dân hăng hái xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chạy theo những đòi hỏi dân chủ cực đoan, thực hiện dân chủ mà không gắn liền với kỷ luật, kỷ cương hoặc không tính toán đầy đủ đến tình hình chính trị, xã hội, thì mọi ý định tốt đẹp về phát huy dân chủ không thể thực hiện thành công, ngược lại sẽ đưa đến những hậu quả làm tổn hại lợi ích của nhân dân.

Năm là, trong quá trình đổi mới, phải quan tâm dự báo tình hình, kịp thời phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề mới nảy sinh trên tinh thần kiên định thực hiện đường lối đổi mới; tăng cường tổng kết thực tiễn và không ngừng hoàn chỉnh lý luận về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Mỗi chủ trương, chính sách, biện pháp kinh tế, xã hội, dù là đúng đắn nhất, thì trong quá trình thực hiện, bên cạnh mặt tích cực là chủ yếu cũng thường có những hệ quả tiêu cực nhất định, những vấn đề mới nảy sinh, cần

phải dự kiến trước và theo dõi để chủ động ngăn ngừa, giải quyết. Tránh suy nghĩ đơn giản, một chiều, đến khi thấy có vấn đề mới nảy sinh, có mặt tiêu cực mới xuất hiện thì hoang mang, hốt hoảng. Không vì gặp khó khăn mà dao động và quay lại những cách làm sai lầm cũ.

Công cuộc đổi mới càng đi vào chiều sâu thì càng xuất hiện nhiều vấn đề mới liên quan đến nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chỉ có tăng cường tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận thì công cuộc đổi mới mới trở thành hoạt động tự giác, chủ động và sáng tạo, bớt được sai lầm và những bước đi quanh co, phức tạp.

Trong nhiệm kỳ Đại hội VI, nhờ sự phấn đấu của toàn Đảng và toàn dân, chúng ta đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, đồng thời còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết. Đổi mới là cuộc cách mạng đang trong quá trình vận động, chưa thể kết thúc trong một thời gian ngắn. Nhiệm kỳ Đại hội VII sẽ tiếp tục phát huy những ưu điểm đã đạt được, hoàn chỉnh, bổ sung và phát triển đường lối đổi mới, ngăn ngừa những lệch lạc phát sinh, khắc phục khó khăn trở ngại, tiến lên giành những thắng lợi mới.

Phần thứ hai

NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRONG 5 NĂM 1991 - 1995

1. Đặc điểm tình hình

Bước vào kế hoạch 5 năm 1991 - 1995, *bối cảnh quốc tế* có những thay đổi lớn và tác động sâu sắc đến nước ta.

Từ năm 1991, nguồn vay bên ngoài giảm mạnh, sự ưu đãi về giá đã chấm dứt, nợ nước ngoài phải trả hàng năm tăng

lên. Tình hình quốc tế cũng gây cho chúng ta những đảo lộn lớn và đột ngột về thị trường xuất khẩu và nhập khẩu, về nhiều chương trình hợp tác kinh tế và nhiều hợp đồng về lao động. Trong một thời gian ngắn, chúng ta phải chuyển một phần đáng kể khối lượng buôn bán từ các thị trường truyền thống sang các thị trường mới; chịu những tác động lớn về biến động cung - cầu và giá cả của thị trường thế giới. Trong khi đó một số nước còn bao vây về kinh tế nước ta. Tình hình trên đây gây nhiều khó khăn cho nền kinh tế nước ta trong thời gian qua và sắp tới.

Song chúng ta cũng có những thuận lợi mới. Quan hệ đối ngoại của nước ta ngày càng được mở rộng, trong đó quan hệ với một số nước gần đây có một số cải thiện, mở ra triển vọng từng bước bình thường hoá. Điều đó tạo thêm khả năng để chúng ta mở rộng thị trường, tham gia ngày càng sâu hơn vào sự phân công lao động quốc tế, thu hút nguồn vốn và kỹ thuật, học hỏi kinh nghiệm của thế giới để xây dựng đất nước. Có cơ sở để dự đoán rằng, những khả năng này sẽ ngày càng lớn lên. Đồng thời, việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại đòi hỏi chúng ta phải nhanh chóng vươn lên thích ứng với những yêu cầu khắt khe về chất lượng, hiệu quả, về quy chế và luật pháp kinh doanh của thị trường thế giới.

Tình hình chính trị thế giới, bên cạnh những thuận lợi có những mặt phức tạp mới tác động vào nước ta. Các thế lực thù địch thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình”, kích động việc thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng, xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng, truyền bá tư tưởng, văn hoá đồi trụy, độc hại, đưa lực lượng gián điệp, biệt kích vào phá hoại nước ta; câu kết với bọn phản động và các phần tử xấu trong nước tăng cường hoạt động hòng lật đổ chế độ. Nhiệm vụ bảo vệ đất nước còn nặng nề.

Ở trong nước, khủng hoảng kinh tế - xã hội vẫn chưa chấm dứt. Khó khăn hàng đầu phải giải quyết là tạo ra nguồn cân đối về vật chất, tài chính, mở rộng thị trường tiêu thụ, đáp ứng mục tiêu ổn định và phát triển kinh tế, khắc phục lạm phát đang ở mức cao. Trong khi đó, nền kinh tế về cơ bản chưa có tích lũy từ thu nhập quốc dân sản xuất, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, hàng triệu người, trong đó số đông là thanh niên, chưa có việc làm hoặc việc làm chưa ổn định. Trật tự, kỷ cương còn lỏng lẻo; tiêu cực và tham nhũng còn nhiều. Năng lực quản lý của Nhà nước, tổ chức bộ máy và cán bộ nhiều mặt chưa đáp ứng được đòi hỏi của tình hình.

Mặt khác, cần thấy rõ những thuận lợi lớn để phát huy. Đó là: những thành tựu bước đầu rất quan trọng và những kinh nghiệm đổi mới đã thu được trong những năm qua; đông đảo nhân dân ủng hộ đường lối đổi mới; cục diện chính trị nước ta ổn định. Nước ta còn nhiều tiềm năng để phát triển: đội ngũ lao động và cán bộ khoa học, kỹ thuật cần cù, thông minh, sáng tạo; khả năng thâm canh, tăng vụ và mở rộng diện tích trong nông nghiệp, phát triển nghề rừng và thủy sản còn lớn; công nghiệp dầu khí, công nghiệp hàng tiêu dùng và xuất khẩu có những điều kiện thuận lợi để mở rộng; vốn nhân rồi trong nhân dân còn nhiều...

Với những thành tựu và kinh nghiệm của hơn bốn năm đổi mới, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta chắc chắn có đủ bản lĩnh và khả năng đưa đất nước ta ra khỏi khủng hoảng, tiến lên giành những thắng lợi mới.

2. Mục tiêu tổng quát và phương châm chỉ đạo

Xuất phát từ tình hình nói trên và căn cứ vào mục tiêu của chặng đầu thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, *mục tiêu*

tổng quát của 5 năm tới là vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay.

Các mục tiêu cụ thể là:

- Tiếp tục kiểm chế và đẩy lùi lạm phát, giữ vững và phát triển sản xuất, bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế;

- Tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, giảm mạnh nhịp độ tăng dân số;

- Ổn định và từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Bảo đảm tiền lương tối thiểu đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của người lao động, ngăn chặn thu nhập phi pháp và bất công;

- Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, đổi mới tổ chức và cán bộ;

- Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội, bảo vệ thành quả cách mạng.

Trong 5 năm 1991 - 1995, năm 1991 và năm 1992 là hai năm có tính chất quyết định để chuyển nền kinh tế thích ứng với những biến động của tình hình quốc tế, giữ vững và phát huy thành tựu đổi mới.

Những phương châm chỉ đạo là:

- Tăng cường hơn nữa khối đoàn kết toàn dân, động viên được lực lượng của mọi tầng lớp nhân dân vào việc thực hiện mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Giữ vững đoàn kết trong Đảng, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân.

- Kết hợp động lực kinh tế với động lực tinh thần, thực hiện hài hoà lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy lòng yêu nước và tự hào dân tộc, truyền thống cách mạng và kháng

chiến, ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng đất nước, tạo ra phong trào quần chúng phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh.

- *Tiếp tục đổi mới toàn diện và đồng bộ, đưa công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu* với bước đi vững chắc, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời thúc đẩy mạnh mẽ việc đổi mới các lĩnh vực khác, nhất là về dân chủ hoá xã hội, tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, các chính sách giáo dục, văn hoá, xã hội.

- *Tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi, mở rộng và tăng cường quan hệ quốc tế* về chính trị, kinh tế, văn hoá và khoa học, kỹ thuật trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, cùng có lợi, bảo vệ sản xuất, kinh tế và an ninh quốc gia, gìn giữ và phát huy những truyền thống và bản sắc tốt đẹp của văn hoá dân tộc.

Dưới đây là *các nhiệm vụ chủ yếu* để thực hiện mục tiêu tổng quát nói trên.

3. Ổn định và phát triển kinh tế

Tập trung mọi nỗ lực *giải quyết các vấn đề cấp bách nhất về kinh tế, xã hội*, trên cơ sở đó thực hiện thắng lợi *mục tiêu kinh tế* của kế hoạch 5 năm 1991 - 1995: *đẩy lùi và kiểm soát được lạm phát, ổn định, phát triển và nâng cao hiệu quả nền sản xuất xã hội, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân và bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế*.

Để thực hiện nhiệm vụ trên, phải phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế; đẩy mạnh ba chương trình kinh tế với những nội dung cao hơn trước và từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế mới theo yêu cầu công nghiệp hoá; đẩy nhanh nhịp độ ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật; hình thành về cơ bản và vận hành tương đối thông suốt cơ chế quản lý mới.

Về cơ cấu ngành và vùng:

Tập trung đầu tư cả chiều rộng lẫn chiều sâu, tạo chuyển biến rõ nét về cơ cấu kinh tế, trước hết đối với những ngành và vùng trọng điểm, có hiệu quả nhanh. Các phương hướng lớn là:

- Phát triển *nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, phát triển toàn diện kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới* là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội. Xây dựng phương án tổng thể trên từng vùng, hình thành cơ cấu hợp lý về nông, lâm, ngư, công nghiệp phù hợp với sinh thái vùng, bảo vệ tài nguyên, gắn phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp với phát triển ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp và công nghiệp chế biến bằng công nghệ thích hợp; xây dựng các điểm kinh tế - kỹ thuật - dịch vụ ở từng vùng và tiểu vùng; xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và kết cấu hạ tầng xã hội ở nông thôn.

Trong sản xuất nông nghiệp, đặt trọng tâm vào chương trình lương thực - thực phẩm nhằm bảo đảm vững chắc nhu cầu trong nước và có khối lượng xuất khẩu lớn, nhất là gạo và sản phẩm chăn nuôi; phát triển cây công nghiệp dài ngày và ngắn ngày trên quy mô lớn để cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, xuất khẩu và thay thế nhập khẩu.

Quy hoạch khai thác, bảo vệ và sử dụng tài nguyên nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và đời sống, mở rộng tưới, tiêu nước cho nông nghiệp, phòng và giảm nhẹ tác động của thiên nhiên.

Khai thác tổng hợp *kinh tế biển*, nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thủy sản, nhất là các loại có khả năng xuất khẩu, gắn liền với chiến lược khai thác và bảo vệ vùng biển của đất nước.

Phát triển *kinh tế rừng*, trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi trọc, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng tài nguyên rừng, bảo vệ thiên nhiên và môi trường sinh thái.

- Đẩy mạnh sản xuất *hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu*, đáp ứng nhu cầu đa dạng, chất lượng ngày càng cao, phục vụ tốt tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, tăng thêm nhiều việc làm.

Đa dạng hoá và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại. Huy động tiềm năng của nền kinh tế, phát huy lợi thế tương đối, vừa đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và đời sống trong nước, vừa hướng mạnh về xuất khẩu. Tiếp tục coi trọng các thị trường truyền thống, đồng thời nhanh chóng thâm nhập thị trường mới, mở rộng thị trường khu vực. Cải tiến cơ cấu xuất khẩu theo hướng tăng tỷ trọng các mặt hàng chế biến, giảm tỷ trọng xuất khẩu nguyên liệu, tạo ra các sản phẩm xuất khẩu chủ lực như dầu mỏ, nông sản, thủy sản. Sớm tạo được một số mặt hàng gia công, lắp ráp, chế biến có công nghệ hiện đại, có sức cạnh tranh trong xuất khẩu. Phát triển du lịch, vận tải hàng không, thông tin, bưu điện quốc tế và các hoạt động dịch vụ thu ngoại tệ khác. Mở rộng hợp tác lao động và chuyên gia. Phát triển hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. Có chính sách thu hút tư bản nước ngoài đầu tư vào nước ta, trước hết vào lĩnh vực sản xuất, dưới nhiều hình thức.

- Phát triển một số ngành *công nghiệp nặng* trước hết phục vụ cho sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, đồng thời tạo cơ sở cho những bước phát triển tiếp theo; coi trọng khai thác các tài nguyên, góp phần tạo nguồn tích lũy ban đầu.

Trong 5 năm 1991 - 1995, đặc biệt chú trọng tăng nhanh sản lượng khai thác dầu khí; phát triển điện lực, nhất là ở

miền Trung và miền Nam; sắp xếp và đầu tư chiều sâu để phát triển ngành cơ khí nhằm trước hết phục vụ sản xuất và chế biến sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp; phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp điện tử - tin học; sớm xây dựng cơ sở lọc dầu, sản xuất phân đạm; khai thác đá quý, bôxít, đất hiếm...

- Phát triển *kết cấu hạ tầng*, sớm khắc phục tình trạng xuống cấp, mở rộng và hiện đại hoá có trọng điểm mạng lưới giao thông vận tải, chú trọng phát triển vận tải đường biển, đường sông, đường sắt và hàng không quốc tế, phát triển giao thông nông thôn và miền núi. Tiếp tục hiện đại hoá mạng bưu điện quốc tế và trong nước; phủ sóng phát thanh và truyền hình khắp cả nước; phát triển ngành sản xuất thiết bị bưu điện.

- Sắp xếp lại và phát triển các loại hình *dịch vụ kinh tế - kỹ thuật* đáp ứng yêu cầu sản xuất, đời sống và hợp tác quốc tế.

Tiếp tục xây dựng và thực hiện chiến lược *phát triển kinh tế vùng* phù hợp với chiến lược chung của cả nước. Phát huy thế mạnh của từng vùng, từng địa phương, khai thác các nguồn lực tại chỗ, đồng thời chủ động mở rộng quan hệ phân công, hợp tác, liên kết với các vùng khác trong nước và với nước ngoài. Xác định chính sách phát triển đô thị và hai trung tâm lớn nhất cả nước là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Lựa chọn những thành phố, thị xã có vị trí thích hợp, xây dựng thành các trung tâm kinh tế, văn hoá của từng vùng.

Trong 5 năm tới, có kế hoạch khai thác các thế mạnh của vùng *trung du, miền núi*, tạo chuyển biến rõ nét ở một số vùng. Có những chính sách và biện pháp riêng đối với miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Sắp xếp lại bộ máy chỉ đạo của Trung ương và địa phương đối với công tác này.

Tiếp tục xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần và đổi mới quản lý kinh tế:

Phát huy thế mạnh của các thành phần kinh tế, vừa cạnh tranh vừa hợp tác, bổ sung cho nhau trong nền kinh tế quốc dân thống nhất.

Cơ chế vận hành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa là *cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước* bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác.

Trong cơ chế đó, *các đơn vị kinh tế* có quyền tự chủ sản xuất kinh doanh, quan hệ bình đẳng, cạnh tranh hợp pháp, hợp tác và liên doanh tự nguyện; *thị trường* có vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn lĩnh vực hoạt động và phương án tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả; *Nhà nước* quản lý nền kinh tế nhằm định hướng, dẫn dắt các thành phần kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh theo cơ chế thị trường, kiểm soát chặt chẽ và xử lý các vi phạm pháp luật trong hoạt động kinh tế, bảo đảm sự hài hoà giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội.

Những công tác lớn cần tập trung tiến hành là:

- *Sắp xếp lại và củng cố các đơn vị kinh tế.*

Khẩn trương sắp xếp lại và đổi mới quản lý *kinh tế quốc doanh*, bảo đảm kinh tế quốc doanh phát triển có hiệu quả, nắm vững những lĩnh vực và ngành then chốt để phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Tập trung lực lượng củng cố và phát triển những cơ sở trọng điểm, những cơ sở làm ăn có hiệu quả và có ý nghĩa lớn đối với nền kinh tế quốc dân. Cho thuê, chuyển hình thức sở hữu hoặc giải thể các cơ sở thua lỗ kéo dài và không có khả năng vươn lên. Sắp xếp lại

các liên hiệp xí nghiệp, tổng công ty phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh trong cơ chế thị trường.

Tổng kết việc thực hiện các cơ chế, chính sách trong các đơn vị kinh tế quốc doanh và hợp tác xã. Sửa đổi và bổ sung các cơ chế, chính sách cần thiết để giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng, quan hệ giữa Nhà nước và xí nghiệp quốc doanh, quan hệ giữa tổ chức đảng, đoàn thể với giám đốc. Tiến hành việc giao vốn và áp dụng rộng rãi các hình thức khoán trong xí nghiệp quốc doanh. Sớm ban hành quy chế về doanh nghiệp quốc doanh. Xây dựng một số công ty hoặc liên hiệp xí nghiệp lớn, có uy tín và khả năng cạnh tranh trong quan hệ kinh tế với nước ngoài.

Tiếp tục đổi mới và kiện toàn *kinh tế tập thể* theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, phát huy và kết hợp hài hoà sức mạnh của tập thể và của xã viên. Phát triển các hình thức hợp tác đa dạng và mở rộng các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, mua bán, tín dụng (nông thôn) ở những nơi cần thiết và có điều kiện.

Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị; tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý các hợp tác xã nông nghiệp theo hướng vừa bảo đảm quyền tự chủ của hộ xã viên, vừa tăng cường vai trò của các ban quản trị trong một số việc quản lý, điều hành sản xuất, làm tốt những khâu dịch vụ cần thiết, cùng với chính quyền và các đoàn thể thực hiện các chính sách xã hội và xây dựng nông thôn mới. Gắn kinh tế hộ với quy hoạch vùng, phát triển công nghiệp chế biến, xây dựng công ty dịch vụ tổng hợp trên địa bàn. Giải quyết một cách cơ bản tình trạng tranh chấp ruộng đất. Trên cơ sở chế độ sở hữu toàn dân về đất đai, ruộng đất được giao cho nông dân sử dụng lâu dài. Nhà nước quy định bằng luật pháp các vấn đề thừa kế, chuyển quyền sử dụng ruộng đất...

Phát triển mạnh *kinh tế gia đình* bằng nhiều hình thức.

Kinh tế tư nhân được phát triển, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất, theo sự quản lý, hướng dẫn của Nhà nước; trong đó, kinh tế cá thể và tiểu chủ có phạm vi hoạt động tương đối rộng ở những nơi chưa có điều kiện tổ chức kinh tế tập thể, hướng kinh tế tư bản tư nhân phát triển theo con đường tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức.

Sớm chấn chỉnh về tổ chức và công tác quản lý đối với các cơ sở công nghiệp, xây dựng, vận tải ngoài quốc doanh.

Tổ chức từng bước việc thành lập các xí nghiệp, công ty cổ phần.

- *Từng bước hình thành và mở rộng đồng bộ các thị trường* hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất, dịch vụ, thị trường vốn và tiền tệ, thị trường ngoại hối, thị trường sức lao động... Phát triển các hình thức thu hút vốn và bảo đảm chu chuyển vốn nhanh. Xây dựng thí điểm thị trường chứng khoán khi có điều kiện.

Mở rộng giao lưu hàng hoá trong cả nước, chú trọng nông thôn và miền núi, xoá bỏ triệt để mọi hình thức chia cắt thị trường theo địa giới hành chính. Gắn thị trường trong nước với thị trường thế giới, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, có chính sách bảo vệ sản xuất nội địa, kiên quyết chống buôn lậu và các hiện tượng tiêu cực khác trong lưu thông. Tăng cường vai trò của hợp đồng kinh tế theo đúng pháp luật. Làm tốt công tác dự báo và chủ động cân đối về những mặt hàng thiết yếu, hạn chế đến mức thấp nhất và khắc phục kịp thời các đột biến về giá trên thị trường.

Sắp xếp và đổi mới hệ thống thương nghiệp quốc doanh, nâng cao hiệu quả, phát huy tác dụng tích cực trong việc ổn định và điều tiết giá cả thị trường. Tập trung làm tốt khâu bán buôn kết hợp với một phần bán lẻ những mặt

hàng thiết yếu. Có chính sách giải quyết vốn cho thương nghiệp quốc doanh để kinh doanh và dự trữ lưu thông cần thiết. Có cơ chế phối hợp và điều hoà giữa dự trữ quốc gia và dự trữ lưu thông.

Sắp xếp, thu gọn đầu mối các tổ chức xuất, nhập khẩu ở trung ương và địa phương; thành lập hiệp hội xuất, nhập khẩu trên cơ sở tự nguyện. Đổi mới và quản lý chặt chẽ việc cấp giấy phép và hạn ngạch xuất, nhập khẩu.

Kiên trì vận dụng cơ chế giá thị trường đối với giá hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất, tỉ giá hối đoái, lãi suất tín dụng; điều chỉnh từng bước mặt bằng giá và quan hệ tỉ giá cho phù hợp với sự thay đổi của giá quốc tế đối với các loại vật tư, nguyên liệu, thiết bị nhập khẩu, song phải chú ý bảo đảm sản xuất phát triển. Kiểm tra và giám sát giá các vật tư, hàng hoá, dịch vụ quan trọng nhất, giá của một số đơn vị độc quyền kinh doanh.

Tiếp tục xoá bỏ các hình thức phân phối hiện vật; tính đủ giá trị đối với đất đai, tài nguyên... đưa vào sử dụng.

- *Đổi mới và hoàn thiện các công cụ quản lý vĩ mô trọng yếu của Nhà nước.*

Tiếp tục đổi mới, bổ sung và đồng bộ hoá hệ thống *pháp luật kinh tế*. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc chấp hành các chính sách, chế độ của Nhà nước; các ngành, các cấp không được tự ý thay đổi khi chưa có sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

Nâng cao chất lượng *kế hoạch hoá* nền kinh tế quốc dân, lấy thị trường làm đối tượng và là căn cứ quan trọng nhất. Sử dụng các chương trình mục tiêu, chính sách đầu tư, tín dụng và các chính sách kinh tế khác để tạo điều kiện và hướng dẫn sự phát triển của các ngành, các địa phương và các thành phần kinh tế. Kế hoạch phải xác định những cân

đổi lớn của nền kinh tế quốc dân và có chính sách, biện pháp bảo đảm các cân đối đó. Nâng cao dần trình độ dự báo kinh tế - xã hội trong công tác kế hoạch hoá.

Xây dựng *chính sách tài chính quốc gia* và thực hiện cải cách cơ bản tài chính nhà nước theo hướng thúc đẩy khai thác tiềm năng thiên nhiên và của các tầng lớp nhân dân; vừa tích tụ vốn ở đơn vị kinh tế, vừa bảo đảm nguồn vốn tập trung của Nhà nước; vừa tạo điều kiện, vừa gây sức ép buộc các đơn vị kinh tế tìm mọi biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh; thực hiện phân phối hợp lý thu nhập quốc dân, đáp ứng các nhu cầu chi cần thiết đi liền với nâng cao dần tỷ lệ tích lũy, thực hành tiết kiệm và bảo đảm công bằng xã hội; góp phần tích cực kiểm chế và đẩy lùi lạm phát.

Tiếp tục đổi mới và bổ sung các luật thuế. Kiện toàn hệ thống thu thuế, chống thất thu và lạm thu, chống mọi biểu hiện tiêu cực trong công tác thuế. Phát triển đa dạng và quản lý tốt các hình thức bảo hiểm. Tăng cường thanh tra tài chính, kiểm soát việc chấp hành pháp lệnh kế toán - thống kê.

Hệ thống ngân hàng vươn lên làm tốt chức năng là trung tâm tiền tệ, tín dụng và thanh toán của các thành phần kinh tế, huy động mọi nguồn vốn nhàn rỗi trong xã hội thúc đẩy sản xuất phát triển có hiệu quả, góp phần từng bước ổn định giá trị đồng tiền Việt Nam. Phân định rõ chức năng của ngân hàng nhà nước và ngân hàng kinh doanh; ngân sách và tín dụng. Áp dụng hình thức ngân hàng cổ phần. Thực hiện quản lý và giao dịch ngoại tệ qua ngân hàng, xây dựng thị trường hối đoái hợp pháp. Cho phép ngân hàng nước ngoài vào hoạt động theo luật pháp của Việt Nam.

Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện hệ thống kế toán, thống kê và thông tin kinh tế phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và sản xuất kinh doanh.

- Cải tiến *công tác điều hành của Nhà nước về kinh tế* theo hướng bảo đảm sự nhất quán trong các quyết định; phối hợp đồng bộ giữa các cấp quản lý; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát; tiếp tục phân định rõ quản lý nhà nước về kinh tế và quản lý kinh doanh của các đơn vị cơ sở; cải tiến phân cấp quản lý kinh tế giữa trung ương và các cấp chính quyền địa phương.

4. Chính sách xã hội

Mục tiêu của chính sách xã hội thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế, đều nhằm phát huy sức mạnh của nhân tố con người và vì con người. Kết hợp hài hoà giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nhân dân. Coi phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện các chính sách xã hội, thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế.

- Phương hướng giải quyết *đời sống* 5 năm tới là:

Đáp ứng tốt hơn các nhu cầu thiết yếu và ngày càng đa dạng của các tầng lớp dân cư; bảo đảm vững chắc nhu cầu lương thực, khắc phục tình trạng thiếu đói thường xuyên và nạn đói giáp hạt ở một số vùng; nâng mức cung ứng và tiêu dùng thực phẩm, tăng thêm dinh dưỡng bữa ăn của đông đảo nhân dân.

Tạo điều kiện cho nhân dân cải thiện nhà ở, chú trọng các thành phố lớn, một số vùng nông thôn và các vùng hay gặp thiên tai. Từng bước cải thiện các điều kiện vệ sinh công cộng, bảo vệ môi trường, xây dựng nếp sống văn minh. Phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống giao thông công cộng.

Đổi mới *chính sách tiền lương và thu nhập*, khuyến khích mọi người tăng thu nhập và làm giàu dựa vào kết quả lao

động và hiệu quả kinh tế; bảo hộ các nguồn thu nhập hợp pháp; điều tiết hợp lý thu nhập giữa các bộ phận dân cư, các ngành và các vùng. Đấu tranh ngăn chặn thu nhập phi pháp.

Cải cách cơ bản chính sách tiền lương và tiền công theo các nguyên tắc: tiền lương và tiền công phải dựa trên số lượng và chất lượng lao động, bảo đảm tái sản xuất sức lao động; tiền tệ hoá tiền lương, xoá bỏ chế độ bao cấp ngoài lương dưới hình thức hiện vật; thực hiện mối tương quan hợp lý về tiền lương và thu nhập của các bộ phận lao động xã hội. Từ năm 1992 cải cách chính sách tiền lương với bước đi hợp lý gắn với tinh giản bộ máy, biên chế và tìm thêm việc làm cho số lao động dôi ra.

Đối với chiến sĩ quân đội và công an, thực hiện tốt chế độ cung cấp đủ tiêu chuẩn hiện vật theo định lượng. Có chế độ phụ cấp giúp sĩ quan và quân nhân xuất ngũ có thêm điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

Đổi mới *chính sách bảo hiểm xã hội* theo hướng: mọi người lao động và đơn vị kinh tế thuộc các thành phần kinh tế đều đóng góp vào quỹ bảo hiểm xã hội. Từng bước tách quỹ bảo hiểm xã hội đối với công nhân viên chức nhà nước khỏi ngân sách và hình thành quỹ bảo hiểm xã hội chung cho người lao động thuộc mọi thành phần kinh tế.

Quan tâm chăm sóc thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ và những người có công với cách mạng, coi đó vừa là trách nhiệm của Nhà nước, vừa là trách nhiệm của toàn dân; sớm ban hành chế độ toàn dân đóng góp vào quỹ đền ơn, trả nghĩa để chăm lo đời sống thương binh, gia đình liệt sĩ và những người có công với cách mạng.

Hình thành các tổ chức của người tàn tật và vì người tàn tật, các hội từ thiện, tổ chức việc giúp đỡ người già cô đơn và trẻ mồ côi, những người cơ nhỡ, bất hạnh trong cuộc sống.

Nhà nước dành một phần quỹ dự phòng của ngân sách để chủ động cứu giúp những người gặp tai nạn do thiên tai.

Bảo vệ sức khoẻ, nâng cao thể lực của nhân dân phải trở thành hoạt động tự giác của mỗi người, với sự quan tâm của Nhà nước và của toàn xã hội.

Phát triển các hoạt động y tế bằng khả năng của Nhà nước và của nhân dân, theo hướng dự phòng là chính; kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền dân tộc. Sắp xếp lại hệ thống y tế, củng cố y tế cơ sở, đặc biệt là ở miền núi. Xây dựng kế hoạch bảo vệ sức khoẻ theo vùng lãnh thổ. Từng bước khắc phục về cơ bản các bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng, khống chế bệnh sốt rét, hạn chế đến mức thấp nhất bệnh bướu cổ, ngăn ngừa và chống bệnh SIDA. Bảo vệ, chăm sóc bà mẹ và trẻ em, thực hiện tốt dự phòng tích cực ngay trong thời kỳ thai nhi.

Bảo đảm nhu cầu về thuốc chữa bệnh. Mở rộng công nghiệp trang thiết bị y tế, tích cực chuẩn bị xây dựng công nghiệp hoá dược và kháng sinh, phát triển nuôi trồng cây, con làm thuốc. Phát triển bảo hiểm khám chữa bệnh, tăng ngân sách cho hoạt động khám chữa bệnh.

Phát triển khoa học y dược học, xây dựng các mũi nhọn y dược học, y tế Việt Nam, chú trọng đào tạo cán bộ, tiếp nhận tiến bộ khoa học thế giới ứng dụng thích hợp vào nước ta trên cơ sở Đông - Tây y kết hợp.

Mở rộng hợp tác quốc tế về y tế, sử dụng có hiệu quả các nguồn viện trợ quốc tế trong lĩnh vực này.

Công tác *thể dục, thể thao* cần coi trọng nâng cao chất lượng giáo dục thể chất trong các trường học; tổ chức hướng dẫn và vận động đông đảo nhân dân tham gia rèn luyện thân thể hằng ngày; nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng vận động viên, nâng cao thành tích một số môn thể

thao. Cải tiến tổ chức, quản lý các hoạt động thể dục, thể thao theo hướng kết hợp chặt chẽ các tổ chức nhà nước và các tổ chức xã hội. Tạo các điều kiện về cán bộ, cơ sở vật chất và khoa học, kỹ thuật để phát triển nhanh một số môn thể thao Việt Nam có truyền thống và có triển vọng.

- Chính sách giải quyết *dân số và việc làm* được coi là một trong những mục tiêu rất quan trọng của kế hoạch 5 năm tới.

Giảm tốc độ tăng *dân số* là một quốc sách, phải trở thành cuộc vận động rộng lớn, mạnh mẽ và sâu sắc trong toàn dân. Tăng kinh phí, phương tiện, cán bộ, đồng thời thực hiện đồng bộ các biện pháp để đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch. củng cố các tổ chức chuyên trách công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình.

Phương hướng quan trọng nhất để giải quyết *việc làm* là thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, coi trọng cả phát triển sản xuất và dịch vụ. Kết hợp giữa giải quyết việc làm tại chỗ với phân bố lại lao động theo vùng lãnh thổ, xây dựng các khu kinh tế mới, hình thành các cụm kinh tế - kỹ thuật - dịch vụ nhỏ ở nông thôn, ở các thị trấn, thị tứ, đồng thời mở rộng xuất khẩu lao động. Đa dạng hoá việc làm và thu nhập để thu hút lao động của mọi thành phần kinh tế. Giải quyết việc làm là trách nhiệm của mọi ngành, mọi cấp, mọi đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế, của từng gia đình, từng người, với sự đầu tư của Nhà nước, các đơn vị kinh tế và nhân dân. Có chương trình đồng bộ giải quyết việc làm. Sớm ban hành Luật lao động và các quy chế cụ thể để bảo đảm quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động.

- Đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau giữa các *dân tộc*, cùng xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đồng thời giữ gìn

và phát huy bản sắc tốt đẹp của mỗi dân tộc là chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta. Có chính sách phát triển kinh tế hàng hoá ở các vùng dân tộc thiểu số phù hợp với điều kiện và đặc điểm từng vùng, từng dân tộc, bảo đảm cho đồng bào các dân tộc khai thác được thế mạnh của địa phương để làm giàu cho mình và đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Tôn trọng tiếng nói và có chính sách đúng đắn về chữ viết đối với các dân tộc. Đặc biệt có chính sách khắc phục tình trạng suy giảm dân số đối với một số dân tộc ít người.

Bảo đảm cho người Hoa hưởng mọi quyền và nghĩa vụ công dân, tôn trọng văn hoá, chữ viết, tạo điều kiện để bà con người Hoa yên tâm làm ăn, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam và vun đắp quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai nước Việt - Trung.

Tôn trọng văn hoá, tôn giáo của đồng bào Khơ-me, có chính sách giúp đỡ bà con người Khơ-me về đời sống, nhất là ở những vùng đồng bào có nhiều khó khăn.

Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đảng và Nhà nước ta tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, thực hiện bình đẳng, đoàn kết lương giáo và giữa các tôn giáo. Khắc phục mọi thái độ hẹp hòi, thành kiến, phân biệt đối xử với đồng bào có đạo, chống những hành động vi phạm tự do tín ngưỡng; đồng thời nghiêm cấm và ngăn chặn mọi hành vi lợi dụng tôn giáo phá hoại độc lập và đoàn kết dân tộc, chống phá chủ nghĩa xã hội, ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân.

Đối với *những công dân đã tham gia chính quyền và quân đội dưới các chế độ cũ*, Đảng, Nhà nước và xã hội ta đánh giá căn cứ vào thái độ và việc làm của họ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước ngày nay; xoá bỏ mọi thành kiến,

tạo điều kiện để họ đóng góp tài năng và sức lực vào sự nghiệp dân giàu, nước mạnh.

Hơn hai triệu *người Việt Nam định cư ở nước ngoài* có mối quan hệ gắn bó với thân nhân, với quê hương, đất nước. Đảng và Nhà nước ta hoan nghênh bà con giữ gìn bản sắc, truyền thống và giá trị văn hoá dân tộc, tình cảm gắn bó với quê hương, đất nước, nâng cao tính cộng đồng, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, xây dựng quan hệ tốt đẹp với nhân dân sở tại, đồng thời quan tâm theo dõi, ủng hộ và đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước. Cần tổ chức tốt việc thông tin tình hình trong nước và tạo điều kiện dễ dàng để bà con người Việt ở nước ngoài về thăm quê hương đất nước.

5. Khoa học, giáo dục, văn hoá

Phát triển sự nghiệp khoa học, giáo dục, văn hoá nhằm phát huy nhân tố con người và vì con người trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Khoa học và giáo dục đóng vai trò then chốt trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, là một động lực đưa đất nước thoát ra khỏi nghèo nàn, lạc hậu, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới.

Hoạt động *khoa học và công nghệ* phải bảo đảm cơ sở khoa học cho các quyết định quan trọng của các cơ quan lãnh đạo, quản lý, là công cụ chủ yếu để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của mọi hoạt động kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng nền văn hoá mới, con người mới, thúc đẩy công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.

Khoa học xã hội phải góp phần xứng đáng trong việc đổi mới tư duy, xây dựng luận cứ khoa học cho con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, xây dựng lập trường, quan điểm, ý thức và nhân cách đúng đắn, khắc phục những tư tưởng sai

lâm. Trong những năm tới, nhiệm vụ chủ yếu của các ngành khoa học xã hội là vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của nước ta và tiếp thu có chọn lọc những thành tựu khoa học của thế giới, nghiên cứu những vấn đề cơ sở lý luận để hoàn thiện và triển khai Cương lĩnh, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội và những văn kiện khác của Đại hội VII. Khắc phục sự chậm trễ của khoa học xã hội, đổi mới một cách căn bản nội dung và phương pháp giảng dạy các bộ môn khoa học Mác - Lênin, khoa học kinh tế, khoa học quản lý; phát triển nhanh các ngành kinh tế học, xã hội học, luật học, khoa học chính trị và khoa học quản lý, đặc biệt là khoa học quản lý kinh tế và quản lý nhà nước.

Các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ tập trung vào việc cải tạo, đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong nước hiện có, hiện đại hoá những công nghệ truyền thống có ý nghĩa kinh tế, xã hội cao, lựa chọn tiếp thu những công nghệ mới. Tập trung phát triển có trọng điểm một số hướng công nghệ hiện đại như điện tử, tin học, công nghệ sinh học, vật liệu mới. Nghiên cứu và phổ cập các giải pháp có hiệu quả nhằm sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Trong những năm trước mắt, cần thực hiện một số biện pháp quan trọng sau: xây dựng quy chế dân chủ, tăng cường sự hợp tác, khuyến khích tìm tòi và tranh luận trong sinh hoạt khoa học; chú trọng bồi dưỡng, tuyển chọn và phát huy năng lực đội ngũ cán bộ khoa học. Tăng mạnh đầu tư cho các hoạt động khoa học và công nghệ từ nhiều nguồn và quản lý việc sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư đó. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ. Kiện toàn hệ thống các tổ chức khoa học và công nghệ, có những hình thức linh hoạt gắn hoạt động nghiên cứu, ứng

dụng và triển khai với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý và chính sách khoa học, công nghệ phù hợp với yêu cầu phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần và yêu cầu mở rộng hợp tác quốc tế. Đẩy mạnh phong trào lao động sáng tạo và ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong nhân dân. Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế và chính sách quản lý kinh tế để thúc đẩy mạnh mẽ việc ứng dụng khoa học và công nghệ. Thành lập Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ quốc gia.

Mục tiêu *giáo dục và đào tạo* nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, hình thành đội ngũ lao động có tri thức và có tay nghề, có năng lực thực hành, tự chủ, năng động và sáng tạo, có đạo đức cách mạng, tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội. Nhà trường đào tạo thế hệ trẻ theo hướng toàn diện và có năng lực chuyên môn sâu, có ý thức và khả năng tự tạo việc làm trong nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần.

Nhiệm vụ của 5 năm tới là tiếp tục đổi mới, ổn định, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Coi trọng chất lượng giáo dục chính trị, đạo đức cho học sinh và sinh viên; hiện đại hoá một bước nội dung, phương pháp giáo dục; dân chủ hoá nhà trường và quản lý giáo dục; đa dạng hoá loại hình đào tạo và loại hình trường lớp; từng bước hình thành những trường bán công, dân lập, tư thục (dạy nghề), phát triển loại trường vừa học vừa làm. Mở rộng đào tạo nghề; bồi dưỡng nhiều người giỏi về khoa học, công nghệ, kinh doanh, về quản lý kinh tế, xã hội và nhiều công nhân lành nghề; nâng cao trình độ văn hoá, khoa học, kỹ thuật cho người lao động.

Củng cố, ổn định trường lớp hiện có của giáo dục mầm non. Tập trung thực hiện chương trình phổ cập giáo dục cấp I

và chống mù chữ; phát triển cấp II, cấp III phù hợp với yêu cầu và điều kiện của nền kinh tế. củng cố và phát triển trường phổ thông cho trẻ em có tật. Sắp xếp lại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Mở rộng một cách hợp lý quy mô đào tạo đại học, mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học. Tiếp tục cải tiến chế độ tuyển sinh và chế độ học bổng. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, thực nghiệm giáo dục, thể chế hoá cơ cấu của hệ thống giáo dục quốc dân.

Tăng đầu tư cho giáo dục ở miền núi và vùng dân tộc thiểu số, mở rộng các trường nội trú, quy hoạch đào tạo cán bộ và trí thức người dân tộc.

Trong những năm tới, cần tổng kết cuộc cải cách giáo dục vừa qua, chuẩn bị tiến hành cuộc cải cách giáo dục mới theo hướng đào tạo một đội ngũ lao động có trí tuệ thích ứng với nền kinh tế hàng hoá.

Tiếp tục xây dựng và phát triển *sự nghiệp văn hoá* Việt Nam, bảo tồn và phát huy truyền thống văn hoá tốt đẹp của các dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Vận động toàn dân thực hiện lối sống cần, kiệm, văn minh, lịch sự. Phổ biến rộng rãi trong nhân dân những kiến thức văn hoá cần thiết cho sản xuất và đời sống. Thực hiện nam nữ bình đẳng, bảo vệ nhân phẩm phụ nữ. Phát động phong trào quần chúng bài trừ mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội khác.

Xây dựng gia đình văn hoá mới có ý nghĩa rất quan trọng trong tình hình hiện nay, góp phần phát triển lực lượng sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống, thực hiện kế hoạch hoá dân số, giữ gìn và phát huy những truyền thống đạo đức, văn hoá tốt đẹp của dân tộc. Nâng cao ý thức về nghĩa vụ gia đình đối với mọi lớp người. Kết hợp và phát huy vai trò của xã hội, các đoàn thể, nhà trường, tập thể lao động và tập thể

dân cư trong việc chăm lo bồi dưỡng tình đồng chí, đồng đội, hình thành nhân cách cao đẹp và nếp sống có văn hoá.

Văn học, nghệ thuật là một bộ phận quan trọng trong nền văn hoá, gắn bó với đời sống nhân dân và sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo. Khuyến khích tự do sáng tạo văn học, nghệ thuật vì sự hoàn thiện con người, bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm cao đẹp, đề cao tinh thần tự hào dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, phấn đấu làm cho dân giàu, nước mạnh, phê phán những thói hư tật xấu, cái độc ác, thấp hèn. Vừa coi trọng những đề tài về truyền thống dân tộc, cách mạng và kháng chiến, vừa bám sát thực tiễn cuộc sống hiện nay. Qua phong trào sáng tạo văn học, nghệ thuật của quần chúng mà phát hiện, bồi dưỡng và phát huy mọi tài năng, chú ý tài năng trẻ. Nâng cao chất lượng công tác lý luận, nghiên cứu, giới thiệu và phê bình văn học, nghệ thuật; chọn lọc và tạo điều kiện công bố những tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật để phổ biến rộng rãi trong công chúng. Nghiêm trị những người truyền bá và kinh doanh văn hoá phẩm phản động, đồi trụy; chống văn hoá ngoại lai, không lành mạnh.

Phát triển sự nghiệp *thông tin, báo chí, xuất bản* theo hướng nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu thông tin và nâng cao kiến thức mọi mặt cho nhân dân. Tăng đầu tư phương tiện phát thanh, truyền hình, đưa thông tin đến mọi vùng của đất nước, đến phần lớn các gia đình, nhất là ở nông thôn và miền núi. Coi trọng công tác tuyên truyền đối ngoại. Quản lý chặt chẽ công tác xuất bản, thông tin, báo chí, phim ảnh.

Nhà nước có chính sách đúng đối với các loại sản phẩm văn hoá khác nhau; quan tâm thích đáng đào tạo nhân tài, chăm sóc các nhà văn hoá, các văn nghệ sĩ, các nhà báo có nhiều cống hiến; bồi dưỡng phẩm chất chính trị, lý luận,

ng nghiệp vụ cho cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các lĩnh vực này. Sắp xếp lại tổ chức và cải tiến công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thông tin, báo chí, xuất bản. Đổi mới phương thức hoạt động của các đơn vị văn hoá, nghệ thuật và của các hội sáng tạo văn học, nghệ thuật.

6. Quốc phòng và an ninh

Củng cố nền *quốc phòng* toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và lãnh thổ toàn vẹn của Tổ quốc, ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, hành động phá hoại và xâm lược của kẻ thù là nhiệm vụ quan trọng của toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị. *Đẩy mạnh* xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố trong thế trận quốc phòng toàn dân, có khả năng ngăn chặn, đập tan các âm mưu và hành động phản cách mạng tại địa phương và tích cực chiến đấu bảo vệ địa phương trong mọi tình huống. Xây dựng các công trình quốc phòng trọng điểm cần thiết. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế trong quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế của cả nước và trên từng địa phương; xây dựng, củng cố vững chắc các khu căn cứ hậu phương chiến lược; chuẩn bị các phương án động viên khi cần thiết.

Xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân với chất lượng ngày càng cao. Xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, từng bước hiện đại, tinh nhuệ, với cơ cấu tổ chức và quân số hợp lý; nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, được huấn luyện và quản lý tốt, bảo đảm khi cần thiết có thể động viên được nhanh chóng theo kế hoạch. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ rộng khắp, lấy chất lượng làm chính.

Sử dụng có hiệu quả tiềm năng lao động, lực lượng khoa học và cơ sở vật chất - kỹ thuật của quân đội để tham gia xây dựng kinh tế và củng cố hệ thống công nghiệp quốc phòng. Coi trọng đầu tư chiều sâu, phát huy năng lực sản xuất của các xí nghiệp công nghiệp quốc phòng hiện có. Xây dựng và từng bước thực hiện quy hoạch dài hạn và kế hoạch 5 năm về công nghiệp quốc phòng. Hoàn thành việc chuyển các xí nghiệp quốc phòng sang cơ chế quản lý mới. Hiệu quả làm kinh tế của quân đội được xem xét trên cả hai mặt kinh tế - xã hội và quốc phòng.

Chăm lo công tác đảng, công tác chính trị. Nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ. Bổ sung và thực hiện tốt các chính sách đối với quân đội và hậu phương quân đội phù hợp với tính chất lao động đặc thù của quân đội. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và sự nghiệp quốc phòng, bảo đảm quân đội luôn luôn là lực lượng trung thành với Tổ quốc, với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân, vững vàng trong mọi tình huống.

Giữ vững *an ninh quốc gia*, bảo đảm sự ổn định chính trị của đất nước, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực thù địch và các loại tội phạm khác; giữ gìn *trật tự an toàn xã hội*, bảo vệ vững chắc những thành quả của cách mạng, phục vụ đắc lực công cuộc đổi mới là một nhiệm vụ trọng yếu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kết hợp thành chiến lược thống nhất giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ an ninh, trật tự; kết hợp củng cố nền quốc phòng toàn dân với xây dựng thế trận an ninh nhân dân. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, tính tích cực cách mạng của khối đoàn kết toàn dân, phối hợp lực lượng quốc phòng và an ninh trong cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh, trật tự.

Phát động sâu rộng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng các tuyến và địa bàn an toàn về an ninh, trật tự, chủ động phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả chống các thế lực thù địch và bọn tội phạm. Sử dụng đồng bộ các biện pháp đấu tranh; kết hợp chặt chẽ phòng ngừa với tấn công, lấy phòng ngừa là cơ bản; nghiêm trị với khoan hồng, trấn áp với giáo dục cải tạo.

Xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là một lực lượng vũ trang xung kích trên mặt trận bảo vệ an ninh, trật tự; coi trọng củng cố lực lượng cơ sở, lực lượng nửa chuyên trách; nâng cao chất lượng của lực lượng biên phòng. Thông qua phong trào quần chúng mà phát triển công tác nghiệp vụ và rèn luyện cán bộ, chiến sĩ.

Tăng cường trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của lực lượng Công an nhân dân, chú trọng lực lượng thường xuyên hoạt động trên các tuyến biên giới, những vùng xa xôi hẻo lánh và địa bàn đặc biệt.

7. Chính sách đối ngoại

Nhiệm vụ đối ngoại bao trùm trong thời gian tới là giữ vững hoà bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Cần nhạy bén nhận thức và dự báo được những diễn biến phức tạp và thay đổi sâu sắc trong quan hệ quốc tế, sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất và xu hướng quốc tế hoá của nền kinh tế thế giới để có những chủ trương đối ngoại phù hợp. Trong điều kiện mới càng phải coi trọng vận

dụng bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế, yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại để phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta chủ trương hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình.

Trước sau như một tăng cường đoàn kết và hợp tác với Liên Xô, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hợp tác Việt - Xô nhằm đáp ứng lợi ích của mỗi nước.

Không ngừng củng cố, phát triển quan hệ đoàn kết và hữu nghị đặc biệt giữa Đảng và nhân dân ta với Đảng và nhân dân Lào, Đảng và nhân dân Campuchia anh em. Đổi mới phương thức hợp tác, chú trọng hiệu quả theo nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và lợi ích chính đáng của nhau. Phấn đấu góp phần sớm đạt được một giải pháp chính trị toàn bộ về vấn đề Campuchia, trên cơ sở tôn trọng chủ quyền của Campuchia và Hiến chương Liên hợp quốc.

Thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, từng bước mở rộng sự hợp tác Việt - Trung, giải quyết những vấn đề tồn tại giữa hai nước thông qua thương lượng.

Củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị, đoàn kết, hợp tác với Cuba và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Đảng Cộng sản Việt Nam tăng cường quan hệ với các đảng cộng sản và công nhân, góp phần tích cực vào sự đoàn kết và hợp tác giữa các đảng anh em trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, đấu tranh vì những mục tiêu cao cả của thời đại.

Đoàn kết với các lực lượng đấu tranh cho hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, sẵn sàng thiết lập và mở rộng quan hệ với các đảng xã hội - dân chủ, các phong trào dân chủ và tiến bộ trên thế giới.

Phát triển quan hệ đoàn kết, tin cậy và nâng cao hiệu quả hợp tác nhiều mặt với Ấn Độ. Tiếp tục mở rộng hợp tác với các nước đang phát triển khác. Tích cực góp phần củng cố và tăng cường Phong trào Không liên kết.

Phát triển quan hệ hữu nghị với các nước ở Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương, phấn đấu cho một Đông Nam Á hoà bình, hữu nghị và hợp tác. Mở rộng sự hợp tác bình đẳng cùng có lợi với các nước Bắc Âu, Tây Âu, Nhật Bản và các nước phát triển khác. Thúc đẩy quá trình bình thường hoá quan hệ với Hoa Kỳ.

Góp phần làm cho Liên hợp quốc phục vụ đắc lực hơn những mục tiêu của nhân loại là hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Hợp tác với các tổ chức tài chính và tiền tệ quốc tế cũng như các tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc và các tổ chức phi chính phủ.

8. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước và vai trò của các đoàn thể nhân dân

Thực hiện *dân chủ xã hội chủ nghĩa* là thực chất của việc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị. Đây vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới.

Điều kiện quan trọng để phát huy dân chủ là xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, nâng cao trình độ dân trí, trình độ hiểu biết pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật của nhân dân. Đổi mới công tác thông tin và quy trình ra các quyết định của Đảng và Nhà nước, để các quyết định ấy phản ánh được ý chí, nguyện vọng và trí tuệ của toàn Đảng và của nhân dân. Chống tệ quan liêu và những hành vi xâm phạm quyền dân chủ của nhân dân; ngăn chặn và khắc phục dân chủ hình

thức, dân chủ cực đoan, dân chủ tư sản. Nghiêm trị những hoạt động phá hoại, gây rối, thù địch.

Tiếp tục cải cách *bộ máy nhà nước* theo phương hướng: Nhà nước thực sự là của dân, do dân và vì dân. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, dưới sự lãnh đạo của Đảng; tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện thống nhất quyền lực nhưng phân công, phân cấp rành mạch; bộ máy tinh giản, gọn nhẹ và hoạt động có chất lượng cao trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật, quản lý.

Cần tập trung làm tốt một số việc:

- Sửa đổi Hiến pháp; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục sửa đổi và xây dựng hệ thống pháp luật về kinh tế, văn hoá, xã hội, về hình sự, dân sự, hành chính, về quyền và nghĩa vụ công dân... Nâng cao trình độ của các cơ quan nhà nước về xây dựng luật pháp, sớm ban hành luật về trình tự xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, bảo đảm cho Nhà nước quản lý mọi mặt của đời sống xã hội bằng pháp luật. Thường xuyên giáo dục pháp luật, xây dựng ý thức sống và làm việc theo pháp luật trong nhân dân.

- Cải tiến tổ chức và hoạt động của Quốc hội và hội đồng nhân dân để làm đúng chức năng quy định. Đổi mới tiêu chuẩn đại biểu, chế độ bầu cử và quy chế hoạt động của Quốc hội và hội đồng nhân dân.

- Sửa đổi cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của Chính phủ, coi trọng bàn bạc tập thể, đồng thời đề cao trách nhiệm và quyền hạn cá nhân của người đứng đầu Chính phủ, đứng đầu bộ trong quản lý và điều hành.

- Xác định lại chức năng, nhiệm vụ của cấp tỉnh, huyện, xã để sắp xếp lại tổ chức của mỗi cấp; đề cao quyền chủ động và trách nhiệm của địa phương, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo

thống nhất của nhà nước trung ương. Xây dựng chính quyền cấp xã, phường vững mạnh.

- Tăng cường hiệu lực của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Đổi mới hệ thống tổ chức và hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân. Bảo đảm các điều kiện và phương tiện cần thiết để các cơ quan bảo vệ pháp luật làm tốt nhiệm vụ.

- Kiên quyết sắp xếp lại tổ chức và tinh giản biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp ngay từ năm 1991, làm cho bộ máy gọn nhẹ và hoạt động có hiệu quả. Sớm ban hành quy chế viên chức nhà nước. Xây dựng đội ngũ viên chức nhà nước có phẩm chất chính trị, tinh thần trách nhiệm cao và thành thạo nghiệp vụ.

- Tiếp tục tiến hành kiên quyết và thường xuyên cuộc đấu tranh chống tệ tham nhũng. Phương hướng cơ bản để khắc phục tệ tham nhũng là phải xây dựng và hoàn chỉnh bộ máy, cơ chế quản lý và pháp luật; xử lý nghiêm minh những người vi phạm, đồng thời tăng cường giáo dục tư tưởng, quản lý chặt chẽ nội bộ.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cần được đổi mới về tổ chức và hoạt động để thực sự góp phần thực hiện dân chủ và đổi mới xã hội, chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân; tham gia các công việc quản lý nhà nước; giữ vững và tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và Nhà nước với nhân dân. Các đoàn thể có nhiệm vụ giáo dục chính trị tư tưởng và đạo đức mới, động viên, phát huy tính tích cực xã hội của các tầng lớp nhân dân, đoàn kết toàn dân, phấn đấu cho sự thành công của công cuộc đổi mới.

Hình thức tổ chức và sinh hoạt của đoàn thể phải đa dạng, đáp ứng nhu cầu chính đáng về nghề nghiệp và đời

sống nhân dân, ích nước lợi nhà, tương thân tương ái; thành lập và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng và tuân theo pháp luật của Nhà nước; hướng về cơ sở, sát với đoàn viên, hội viên. Khắc phục tình trạng nhà nước hoá, hành chính hoá.

Bộ máy của các đoàn thể phải rất gọn nhẹ, hoạt động đúng với tính chất tổ chức quần chúng. Cán bộ của các đoàn thể đại bộ phận không chuyên trách, được lựa chọn từ những người ưu tú trong phong trào, có năng lực, phẩm chất và có tín nhiệm với đoàn viên, hội viên.

Đổi mới và nâng cao hiệu quả lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác quần chúng và các đoàn thể nhân dân. Đặc biệt quan tâm xây dựng giai cấp công nhân, giáo dục bồi dưỡng thế hệ trẻ. Mỗi đảng viên đều phải làm công tác vận động quần chúng, hoạt động tích cực trong các đoàn thể, các tổ chức xã hội.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giữ vai trò rất quan trọng trong việc củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nhà nước cần thể chế hóa quyền hạn và trách nhiệm của Mặt trận, của các đoàn thể trong việc tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội; phối hợp chặt chẽ hoạt động của các đoàn thể với nhau và với các cơ quan nhà nước từng cấp.

9. Đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng

Để lãnh đạo thắng lợi công cuộc đổi mới cũng như toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta phải tự đổi mới và chỉnh đốn để có kiến thức, năng lực và sức chiến đấu mới, khắc phục có hiệu quả các hiện

tượng tiêu cực và các mặt yếu kém, khôi phục và nâng cao uy tín của Đảng trong nhân dân. Đảng phải được xây dựng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, thực sự là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Trong 5 năm tới cần giải quyết tốt những vấn đề quan trọng và bức xúc sau đây:

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, lý luận phục vụ tốt yêu cầu nâng cao trình độ trí tuệ trong Đảng, quán triệt và phát triển các nghị quyết Đại hội VII của Đảng, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phấn đấu thực hiện thắng lợi các kế hoạch kinh tế - xã hội, nâng cao hơn nữa lòng tin của nhân dân vào sự nghiệp đổi mới.

Tiếp tục bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, những quan điểm, đường lối của Đảng. Bồi dưỡng tinh thần độc lập tự chủ, ý chí tự lực, tự cường, kết hợp với mở rộng hợp tác quốc tế, cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nêu cao cảnh giác chống mọi âm mưu và thủ đoạn chia rẽ, phá hoại của kẻ thù đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Tổ chức tốt công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, nâng cao trình độ và năng lực vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, góp phần xây dựng chủ trương, chính sách của Đảng, lý giải những vấn đề mới mà cuộc sống đặt ra. Đổi mới căn bản công tác giáo dục chính trị, lý luận.

Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng theo phương hướng mà Cương lĩnh đã đề ra. Trước mắt cần tập trung làm tốt việc hoàn chỉnh và cụ thể hóa Cương lĩnh, Chiến lược, định hướng cho hoạt động của hệ thống chính trị

và toàn xã hội. Bổ sung, cụ thể hóa quan điểm về công tác tổ chức, cán bộ, lãnh đạo làm chuyển biến mạnh mẽ công tác tổ chức, cán bộ. Tổ chức tốt việc kiểm tra thực hiện các quyết định của Đảng. Mọi cán bộ là đảng viên trong cơ quan nhà nước phải phục tùng sự lãnh đạo của Đảng và thực hiện sáng tạo nghị quyết của Đảng, gương mẫu chấp hành luật pháp của Nhà nước.

Quy định cụ thể mối quan hệ và lề lối làm việc giữa Đảng với Nhà nước và các đoàn thể nhân dân ở các cấp, trước hết là ở trung ương.

Chấn chỉnh tổ chức và bộ máy của Đảng, tạo ra sự chuyển biến có ý nghĩa cách mạng trong tổ chức và bộ máy ở các cấp. Xây dựng các cấp ủy đảng từ Ban Chấp hành Trung ương đến cấp ủy đảng cơ sở thật sự có đủ trí tuệ và năng lực lãnh đạo phù hợp với yêu cầu ở mỗi cấp. Kịp thời thay đổi, bổ sung các cấp ủy viên khi cần thiết, không chờ hết nhiệm kỳ. Tiếp tục kiện toàn các ban chuyên môn của cấp ủy theo hướng tinh gọn về tổ chức và biên chế, cán bộ có chất lượng. Chấn chỉnh tổ chức và hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng cho phù hợp với sự thay đổi của các tổ chức kinh tế, xã hội và phương thức lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới. Khắc phục bằng được tổ chức cơ sở đảng kém nát. Chú ý củng cố tổ chức đảng ở các vùng tôn giáo, dân tộc thiểu số.

Phát huy dân chủ nội bộ, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Bảo đảm cho mọi đảng viên thực hiện quyền dân chủ thảo luận xây dựng đường lối, chính sách của Đảng; ứng cử, bầu cử các cơ quan lãnh đạo; giám sát, kiểm tra hoạt động của cấp ủy. Đảng viên được phát biểu hết ý kiến trong quá trình chuẩn bị ra nghị quyết, trình bày quan điểm trong tổ chức, được bảo lưu ý kiến, nhưng khi đã có nghị quyết thì phải

chấp hành nghiêm túc, không được tuyên truyền và hành động theo quan điểm riêng. Cấp ủy đảng cần lắng nghe ý kiến của đảng viên, không định kiến, trù dập.

Mọi cấp ủy viên có quyền và có trách nhiệm phát biểu ý kiến, tranh luận thẳng thắn, tham gia các quyết định của cấp ủy. Chống mọi biểu hiện độc đoán, gia trưởng, áp đặt ý kiến cá nhân, không dám đấu tranh với những quan điểm và việc làm sai trái.

Tăng quyền hạn của ủy ban kiểm tra các cấp, chú trọng kiểm tra việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, kiểm tra tư cách đảng viên kể cả cấp ủy viên cùng cấp, xem xét và xử lý kỷ luật đảng viên và các tổ chức đảng theo quy định của Điều lệ Đảng.

Đẩy mạnh hơn nữa tự phê bình và phê bình, từ cơ quan lãnh đạo cao nhất đến cơ sở. Bồi dưỡng tình đồng chí, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, tư tưởng bè phái, cục bộ.

Làm trong sạch và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Căn cứ vào tiêu chuẩn đảng viên trong giai đoạn hiện nay đã ghi trong Điều lệ Đảng (sửa đổi), mọi đảng viên phải ra sức rèn luyện, học tập để có đủ phẩm chất, kiến thức và năng lực phù hợp với nhiệm vụ được giao, nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu trong lao động và trong lối sống. Các cấp ủy đảng phải thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất và trình độ nhận thức về các mặt của đảng viên, làm tốt công tác rèn luyện và quản lý đảng viên.

Khai trừ khỏi Đảng những đảng viên thoái hóa, biến chất về chính trị và đạo đức, gây chia rẽ, bè phái, tham ô, hối lộ, ức hiếp quần chúng. Đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức thích hợp những đảng viên không tha thiết với

Đảng, giảm sút ý chí chiến đấu, thực sự không có tác dụng đối với công tác lãnh đạo của Đảng.

Việc kết nạp đảng viên mới nhất thiết phải bảo đảm chất lượng. Chú trọng trẻ hóa đội ngũ và tăng thêm thành phần công nhân trong Đảng.

Tiếp tục đổi mới cán bộ và công tác cán bộ, xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ vững mạnh và đồng bộ, bao gồm cán bộ lãnh đạo chính trị, cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ kinh doanh, chuyên gia trên các lĩnh vực, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, thực hiện được sự chuyển tiếp vững vàng các thế hệ cán bộ.

Tiêu chuẩn cơ bản của cán bộ lãnh đạo trong giai đoạn hiện nay là: có phẩm chất cách mạng và bản lĩnh chính trị vững vàng, có kiến thức và năng lực thực hiện đổi mới, biết tổ chức và điều hành công việc, trung thực, thẳng thắn, có lối sống lành mạnh, có khả năng đoàn kết, có phong cách dân chủ tập thể, có ý thức tổ chức kỷ luật, nói đi đôi với làm, được quần chúng tín nhiệm.

Khẩn trương xây dựng tiêu chuẩn cụ thể cho từng loại, từng chức danh cán bộ ở các cấp, các ngành và căn cứ vào đó để đào tạo, bố trí, sử dụng cán bộ, chấm dứt tình trạng bố trí cán bộ theo kiểu thân quen, cảm tính chủ quan.

Trong công tác cán bộ, cần coi trọng cả ba mặt: bồi dưỡng, bố trí đúng để phát huy lực lượng cán bộ hiện có; kịp thời thay những cán bộ kém năng lực, xử lý những cán bộ tham nhũng, thoái hóa, những cán bộ có quan điểm và tư tưởng chính trị lệch lạc vi phạm kỷ luật của Đảng; tích cực quy hoạch, đào tạo cán bộ dự bị ở các cấp.

Đổi mới quan điểm về cán bộ và công tác cán bộ. Thực hiện chính sách đoàn kết, động viên, phát huy mọi lực lượng cán bộ, cả ở trong Đảng và ngoài Đảng; không hẹp hòi, định

kiến về lý lịch và thành phần xuất thân. Xây dựng cơ chế phát hiện, đề bạt và bãi miễn cán bộ, bảo đảm tính dân chủ và tập thể trong công tác cán bộ. Áp dụng các hình thức thích hợp với từng lĩnh vực, từng cấp trong việc phát hiện, tìm hiểu, đánh giá, giới thiệu cán bộ. Khắc phục những hiện tượng gò ép, áp đặt, dân chủ hình thức.

Đổi mới các chế độ, chính sách đối với cán bộ, trước hết là chính sách tiền lương, bảo đảm ổn định đời sống của cán bộ, khuyến khích những người có tài, có cống hiến xuất sắc, quan tâm chăm sóc các cán bộ có công với cách mạng, cán bộ hưu trí, cán bộ hoạt động ở những vùng có nhiều khó khăn. Xoá bỏ các chế độ, chính sách mang tính bình quân và các quy định tạo ra đặc quyền đặc lợi.

Tăng cường sự lãnh đạo thống nhất của Đảng và trách nhiệm trực tiếp của các cơ quan nhà nước, các đoàn thể, các tổ chức sản xuất kinh doanh đối với công tác cán bộ. Cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi đơn vị phải đích thân chăm lo công tác cán bộ. Kiện toàn các cơ quan tham mưu về công tác cán bộ, không để những người không vững vàng về chính trị, không trung thực, kém phẩm chất và năng lực làm công tác cán bộ.

Các cấp ủy và tổ chức đảng cần tăng cường lãnh đạo *Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh*, nâng cao chất lượng đoàn viên và cán bộ Đoàn, phát huy vai trò Đoàn là nòng cốt trong phong trào thanh niên, xứng đáng là đội dự bị tin cậy của Đảng.

10. Một số nhiệm vụ kinh tế, xã hội cấp bách

Cùng với việc thực hiện các phương hướng đổi mới toàn diện đã nêu ở trên, để ổn định một bước tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục kiềm chế và đẩy lùi lạm phát, trong thời gian

trước mắt tập trung sức giải quyết một số nhiệm vụ cấp bách sau đây:

- Đẩy mạnh sản xuất lương thực, cả lúa và màu. Tăng sản lượng cây công nghiệp và chăn nuôi để tạo thêm nguồn hàng xuất khẩu. Giải quyết đủ và kịp thời các loại vật tư nông nghiệp. Giúp nông dân vốn sản xuất bằng cách mở rộng các hình thức tín dụng.

- Đối với sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp thuộc tất cả các thành phần kinh tế: tìm mọi nguồn để đáp ứng nhu cầu về nguyên liệu, vật liệu, thiết bị, phụ tùng, vốn cho sản xuất; mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu; quản lý chặt chẽ việc nhập khẩu và chống buôn lậu để bảo hộ sản xuất nội địa; thực hiện tiết kiệm, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế trong sản xuất kinh doanh; xử lý các cơ sở làm ăn thua lỗ kéo dài để tập trung vốn, vật tư cho những cơ sở trọng điểm, làm ăn có hiệu quả.

- Có chính sách huy động mọi nguồn vốn để bảo đảm thực hiện kế hoạch xây dựng cơ bản năm 1991 và chuẩn bị cho những công trình xây dựng trọng yếu của nền kinh tế quốc dân.

- Đẩy mạnh xuất khẩu, huy động các nguồn ngoại tệ để nhập khẩu các vật tư, hàng hóa thiết yếu cho sản xuất và đời sống, tích cực cân đối thanh toán quốc tế, góp phần duy trì các cân đối lớn của nền kinh tế.

- Mở rộng lưu thông và điều hòa hàng hóa giữa các vùng trong nước. Thương nghiệp quốc doanh làm tốt khâu bán buôn, điều hòa các loại hàng hóa thiết yếu nhất cho sản xuất và đời sống, góp phần tích cực cân đối cung - cầu và bình ổn giá cả.

- Tăng cường quản lý nhà nước về ngân hàng, quản lý chặt chẽ việc phát hành và lưu thông tiền tệ. Tiếp tục đổi

mới hoạt động ngân hàng theo hướng kinh doanh, làm tốt công tác tín dụng, tích cực tạo thêm nguồn vốn cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế; làm tốt công tác thanh toán trong nền kinh tế quốc dân.

- Ra sức phấn đấu thực hiện kế hoạch ngân sách nhà nước năm 1991. Khuyến khích phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, thu đúng và thu đủ thuế, chống thất thu thuế để tạo thêm nguồn thu cho tài chính nhà nước, đáp ứng các yêu cầu chi cần thiết trên cơ sở tiết kiệm, lấy thu để chi, giảm bớt bội chi ngân sách.

- Thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp để giải quyết đời sống cho những đối tượng đang gặp khó khăn.

Nhà nước hỗ trợ nông dân ở những nơi bị thiên tai nặng khôi phục sản xuất và ổn định đời sống, đi đôi với vận động nông dân tương trợ lẫn nhau.

Xúc tiến nghiên cứu cải cách cơ bản chế độ tiền lương, gắn với việc sắp xếp hợp lý tổ chức và biên chế, xây dựng các chế độ bảo hiểm, thực hiện việc toàn dân đóng góp vào quỹ đền ơn đáp nghĩa đối với những người có công với cách mạng.

Phấn đấu tạo thêm nhiều việc làm, kể cả cho những người dôi ra trong quá trình sắp xếp lại sản xuất, kinh doanh và bộ máy quản lý, chú trọng đào tạo lại nghề nghiệp và giúp một phần vốn cần thiết ban đầu.

- Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng và nạn buôn lậu; rà soát lại và sửa đổi, bổ sung các chính sách, quy định của Nhà nước để tạo điều kiện đấu tranh có kết quả chống tệ tham nhũng; kịp thời xử lý nghiêm minh những trường hợp đã phát hiện, loại bỏ khỏi guồng máy những cán bộ thoái hóa, biến chất.

- Tiếp tục cuộc vận động các tầng lớp nhân dân, với lực

lượng công an nhân dân làm nòng cốt, bảo đảm an ninh và trật tự an toàn xã hội.

*

* *

Đại hội VII của Đảng khẳng định quyết tâm của Đảng và nhân dân ta tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, đưa đất nước ta vượt qua những thử thách, đi dần vào thế ổn định và phát triển năng động, vững chắc.

Trước mắt chúng ta còn nhiều khó khăn trở ngại, song cũng có những thuận lợi mới. Trên cơ sở các thành tựu đã đạt được, với bản lĩnh chính trị và truyền thống cách mạng kiên cường của Đảng và nhân dân ta, chắc chắn sự nghiệp đổi mới sẽ tiếp tục giành được những thắng lợi to lớn hơn nữa.

Đi theo con đường của chủ nghĩa Mác - Lênin, con đường mà Bác Hồ đã lựa chọn, những người cộng sản Việt Nam và toàn thể nhân dân Việt Nam đồng tâm nhất trí, đoàn kết một lòng, quyết tâm phấn đấu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, vì hạnh phúc của nhân dân.

CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I- QUÁ TRÌNH CÁCH MẠNG VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Thực hiện Cương lĩnh năm 1930, trong suốt 45 năm, Đảng ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ và giành được những thắng lợi vĩ đại: làm cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do; đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, giải phóng nửa nước, miền Bắc chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa; kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Sau thắng lợi lịch sử mùa Xuân 1975, nhân dân ta tiếp tục nêu cao chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng và đã đạt những thành tựu to lớn: thiết lập chính quyền nhân dân ở cả miền Nam, thống nhất nước nhà; khôi phục kinh tế, khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh; từng bước xây dựng quan hệ sản xuất mới và cơ sở vật chất -

kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; bảo vệ vững chắc Tổ quốc; làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đã có nhiều cố gắng nghiên cứu, tìm tòi, xây dựng đường lối, xác định đúng mục tiêu và phương hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng Đảng đã phạm sai lầm chủ quan duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan: nóng vội trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ ngay nền kinh tế nhiều thành phần; có lúc đẩy mạnh quá mức việc xây dựng công nghiệp nặng; duy trì quá lâu cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp; có nhiều chủ trương sai trong việc cải cách giá cả, tiền tệ, tiền lương. Công tác tư tưởng và tổ chức cán bộ phạm nhiều khuyết điểm nghiêm trọng.

Tại Đại hội lần thứ VI, Đảng đã tự phê bình và đề ra đường lối đổi mới. Đại hội VI là cột mốc lịch sử quan trọng trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta. Công cuộc đổi mới qua hơn bốn năm đã đạt những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Tình hình kinh tế - xã hội có chuyển biến tích cực, tạo thế đi lên và khẳng định con đường chúng ta đang đi là đúng. Tuy nhiên khó khăn còn nhiều, đất nước chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

2. Từ thực tiễn cách mạng với những thành công và khuyết điểm, sai lầm, có thể rút ra những bài học lớn:

Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là bài học xuyên suốt quá trình cách mạng nước ta. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc vẫn là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ hữu cơ với nhau. Toàn Đảng, toàn dân tiếp tục nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, ngọn cờ vinh quang mà Chủ

tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau.

Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân chính của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời nhân dân sẽ đưa đến những tổn thất không lường được đối với vận mệnh của đất nước.

Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Đoàn kết là truyền thống quý báu và là bài học lớn của cách mạng nước ta như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết:

*“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,
Thành công, thành công, đại thành công!”.*

Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Ngày nay, trước cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, trước sự phát triển vũ bão của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại và quá trình quốc tế hoá mạnh mẽ nền kinh tế thế giới, càng cần phải kết hợp chặt chẽ yếu tố dân tộc với yếu tố quốc tế, yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại để đưa đất nước tiến lên.

Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo và góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, bản lĩnh chính trị và

năng lực tổ chức của mình để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan. Phải phòng và chống được những nguy cơ lớn: sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự thoái hoá, biến chất của cán bộ, đảng viên.

II- QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

3. Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong *hoàn cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc*.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ, cuốn hút tất cả các nước ở mức độ khác nhau. Nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hoá sâu sắc, ảnh hưởng lớn tới nhịp độ phát triển lịch sử và cuộc sống các dân tộc. Những xu thế đó vừa tạo thời cơ phát triển nhanh cho các nước, vừa đặt ra những thách thức gay gắt, nhất là đối với những nước lạc hậu về kinh tế.

Trong quá trình hình thành và phát triển, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã đạt những thành tựu to lớn về nhiều mặt, đã từng là chỗ dựa cho phong trào hoà bình và cách mạng thế giới, cho việc đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Nhưng, do duy trì quá lâu những khuyết tật của mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội, chậm trễ trong cách mạng khoa học và công nghệ, nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Ở một số nước, đảng cộng sản và công nhân không còn nắm vai trò lãnh đạo; chế độ xã hội đã thay đổi. Các thế lực đế

quốc lợi dụng những sai lầm và khó khăn đó đẩy mạnh cuộc phản kích quyết liệt nhằm xóa bỏ các nước xã hội chủ nghĩa. Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đang diễn ra gay gắt.

Trước mắt, chủ nghĩa tư bản còn có tiềm năng phát triển kinh tế, nhờ ứng dụng những thành tựu mới của khoa học và công nghệ, cải tiến phương pháp quản lý, thay đổi cơ cấu sản xuất, điều chỉnh các hình thức sở hữu và chính sách xã hội. Tuy vậy, chủ nghĩa tư bản vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa ngày càng sâu sắc. Mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân rộng rãi với giai cấp tư sản, giữa các tập đoàn tư bản độc quyền, các công ty xuyên quốc gia, các trung tâm tư bản lớn tiếp tục phát triển. Mâu thuẫn giữa các nước tư bản phát triển và các nước đang phát triển ngày càng tăng lên. Chính sự vận động của tất cả những mâu thuẫn đó và cuộc đấu tranh của nhân dân lao động các nước sẽ quyết định số phận của chủ nghĩa tư bản.

Các nước độc lập dân tộc và các nước đang phát triển phải tiến hành cuộc đấu tranh rất khó khăn và phức tạp, chống nghèo nàn và lạc hậu, chống chủ nghĩa thực dân mới dưới mọi hình thức, chống sự can thiệp và xâm lược của chủ nghĩa đế quốc nhằm bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc.

Nhân dân các nước đang đứng trước những vấn đề toàn cầu cấp bách có liên quan đến vận mệnh loài người. Đó là giữ gìn hoà bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, bảo vệ môi trường sống, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những bệnh tật hiểm nghèo. Việc giải quyết những vấn đề đó

đòi hỏi sự hợp tác và tinh thần trách nhiệm cao của tất cả các dân tộc.

Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc gay go, phức tạp của nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Chủ nghĩa xã hội hiện đứng trước nhiều khó khăn, thử thách. Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co; song, *loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hoá của lịch sử.*

4. Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản, từ một xã hội vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, lực lượng sản xuất rất thấp. Đất nước trải qua hàng chục năm chiến tranh, hậu quả để lại còn nặng nề. Những tàn dư thực dân, phong kiến còn nhiều. Các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại chế độ xã hội chủ nghĩa và nền độc lập dân tộc của nhân dân ta.

Nhưng chúng ta cũng có những thuận lợi: chính quyền thuộc về nhân dân, nước nhà đi vào giai đoạn hoà bình xây dựng. Dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, có ý chí vươn lên mãnh liệt. Nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, cần cù lao động và sáng tạo. Chúng ta đã xây dựng được một số cơ sở vật chất ban đầu. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, cùng với xu thế quốc tế hoá đời sống kinh tế thế giới là một thời cơ để phát triển.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong tình hình đất nước và thế giới như trên, chúng ta phải tiếp tục *nâng cao ý chí tự lực tự cường, phát huy mọi tiềm năng vật chất và trí tuệ của dân tộc đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tìm tòi bước đi, hình thức và biện pháp thích hợp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.*

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội:

- Do nhân dân lao động làm chủ.
- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.
- Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.
- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Để thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa, điều quan trọng nhất là phải cải biến căn bản tình trạng kinh tế - xã hội kém phát triển, chiến thắng những lực lượng cản trở việc thực hiện mục tiêu đó, trước hết là các thế lực thù địch chống độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, cần nắm vững *những phương hướng cơ bản* sau đây:

Một là, xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do đảng cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

Hai là, phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hoá đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền

nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

Ba là, phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu. Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu.

Bốn là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Chống tư tưởng, văn hoá phản tiến bộ, trái với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những giá trị cao quý của loài người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Năm là, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh. Thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước; trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công

nhân, đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, với tất cả các lực lượng đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Sáu là, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn luôn nâng cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng.

Bảy là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm cho Đảng làm tròn trách nhiệm lãnh đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Mục tiêu tổng quát phải đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hoá phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường. *Mục tiêu của chặng đường đầu* là: thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định vững chắc, tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau.

III- NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN VỀ CHÍNH SÁCH KINH TẾ, XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH, ĐỐI NGOẠI

5. Phát triển một nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được

củng cố và mở rộng. Kinh tế cá thể còn có phạm vi tương đối lớn, từng bước đi vào con đường làm ăn hợp tác trên nguyên tắc tự nguyện, dân chủ và cùng có lợi. Tư bản tư nhân được kinh doanh trong những ngành có lợi cho quốc kế dân sinh do luật pháp quy định. Phát triển kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức. Kinh tế gia đình được khuyến khích phát triển mạnh, nhưng không phải là một thành phần kinh tế độc lập. Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng. Các tổ chức kinh tế tự chủ và liên kết, hợp tác và cạnh tranh trong sản xuất và kinh doanh.

Khi kết thúc thời kỳ quá độ, hình thành về cơ bản nền kinh tế công nghiệp với *cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp - dịch vụ* gắn với phân công và hợp tác kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

Trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế lạc hậu lên cơ cấu kinh tế hiện đại, nền kinh tế quốc dân sẽ bao gồm nhiều ngành, nghề, nhiều quy mô, nhiều trình độ công nghệ. Phát triển nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, mở rộng kinh tế đối ngoại, phát triển kinh tế dịch vụ, xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng. Xây dựng nền công nghiệp nặng với bước đi thích hợp, trước hết là các ngành trực tiếp phục vụ nông nghiệp. Thực hiện chuyên môn hoá và liên kết kinh tế giữa các vùng, các địa phương. Xây dựng các trung tâm kinh tế của từng vùng, để tạo điều kiện liên kết công nghiệp với nông nghiệp, thành thị với nông thôn, phát triển giao lưu hàng hoá.

Xoá bỏ triệt để cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành *cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước*

bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác. Xây dựng và phát triển đồng bộ các thị trường hàng tiêu dùng, vật tư, dịch vụ, tiền vốn; sức lao động...; thực hiện giao lưu kinh tế thông suốt cả nước và với thị trường thế giới. Xác định quyền của người sở hữu, quyền của người sử dụng tư liệu sản xuất và quyền quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, bảo đảm cho mọi tư liệu sản xuất đều có người làm chủ, mọi đơn vị kinh tế đều tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình. Đổi mới và nâng cao hiệu lực hướng dẫn, kiểm soát và điều tiết của Nhà nước.

Khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong sự phát triển lực lượng sản xuất và nâng cao trình độ quản lý, bảo đảm chất lượng và tốc độ phát triển của nền kinh tế. Các chiến lược khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu công nghiệp hoá theo hướng hiện đại, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới. Sử dụng có hiệu quả và tăng nhanh tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước. Phát triển đồng bộ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật đi đôi với phát triển giáo dục và văn hoá, nâng cao dân trí.

Giáo dục và đào tạo gắn liền với sự nghiệp phát triển kinh tế, phát triển khoa học, kỹ thuật, xây dựng nền văn hoá mới và con người mới. Nhà nước có chính sách toàn diện thực hiện giáo dục phổ cập phù hợp với yêu cầu và khả năng của nền kinh tế, phát triển năng khiếu, bồi dưỡng nhân tài.

Khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo phải được xem là quốc sách hàng đầu.

6. Chính sách xã hội đúng đắn vì hạnh phúc con người là động lực to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Phương hướng lớn của chính sách xã hội là: phát huy

nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần; giữa đáp ứng các nhu cầu trước mắt với chăm lo lợi ích lâu dài; giữa cá nhân với tập thể và cộng đồng xã hội.

Chính sách xã hội bảo đảm và không ngừng nâng cao *đời sống vật chất* của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất. Nhà nước tạo môi trường và điều kiện cho mọi người lao động có việc làm, chăm lo cải thiện điều kiện lao động. Khuyến khích tăng thu nhập và làm giàu dựa vào kết quả lao động. Có chính sách bảo trợ và điều tiết hợp lý thu nhập giữa các bộ phận dân cư, các ngành và các vùng. Cải cách căn bản chế độ tiền lương trong khu vực nhà nước theo nguyên tắc phân phối theo lao động. Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của người mẹ và của thanh thiếu niên. Chăm sóc giáo dục và bảo vệ trẻ em. Phải thật sự coi việc giảm tốc độ tăng dân số là một quốc sách. Thiết lập một hệ thống đồng bộ và đa dạng về bảo hiểm và trợ cấp xã hội. Có chính sách thích đáng đối với các gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, cán bộ lão thành, những người về hưu. Chăm lo đời sống những người già cả, neo đơn, tàn tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi. Phát triển các công trình công cộng như trường học, bệnh viện, các công trình văn hoá, thể dục, thể thao... Khuyến khích và tạo điều kiện để tập thể và nhân dân đầu tư xây dựng nhà ở. Tuân thủ nghiêm ngặt việc bảo vệ môi trường, giữ gìn cân bằng sinh thái cho thế hệ hiện tại và mai sau.

Xây dựng nền văn hoá mới, tạo ra một *đời sống tinh thần* cao đẹp, phong phú và đa dạng, có nội dung nhân đạo, dân

chủ, tiến bộ. Phát huy vai trò văn học, nghệ thuật trong việc nuôi dưỡng, nâng cao tâm hồn Việt Nam. Khẳng định và biểu dương những giá trị chân chính, bồi dưỡng cái chân, cái thiện, cái mỹ theo quan điểm tiến bộ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém. Bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân. Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng, thông tin đa dạng, nhiều chiều, kịp thời, chân thực và bổ ích.

Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, các đoàn thể, nhà trường, gia đình, từng tập thể lao động và tập thể dân cư trong việc chăm lo bồi dưỡng hình thành *con người mới*. Đó là con người có ý thức làm chủ, ý thức trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khoẻ và lao động giỏi; sống có văn hoá và tình nghĩa; giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính. *Gia đình* là tế bào của xã hội, là cái nôi thân yêu nuôi dưỡng cả đời người, là môi trường quan trọng giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách. Các chính sách của Nhà nước phải chú ý tới xây dựng gia đình no ấm, hoà thuận, tiến bộ. Nâng cao ý thức về nghĩa vụ gia đình đối với mọi lớp người. *Đơn vị sản xuất, công tác, học tập, chiến đấu* phải là môi trường xây dựng phong cách lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất và hiệu quả cao, nơi thể hiện tình bạn, tình đồng chí, đồng đội, hình thành nhân cách con người mới và nền văn hoá mới.

Chính sách xã hội tác động trực tiếp đến việc hình thành một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó *các giai cấp, các tầng lớp dân cư* đều có nghĩa vụ, quyền lợi chính đáng, đoàn kết chặt chẽ, góp phần xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh. Phát triển giai cấp công nhân về số lượng và chất lượng để xứng đáng là giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng

chủ nghĩa xã hội. Xây dựng giai cấp nông dân về mọi mặt để xứng đáng là một lực lượng cơ bản trong việc xây dựng nông thôn mới, góp phần đắc lực vào sự nghiệp công nghiệp hoá. Đào tạo, bồi dưỡng và phát huy mọi tiềm năng của đội ngũ trí thức để tạo nguồn lực trí tuệ và nhân tài cho đất nước. Đặc biệt coi trọng việc xây dựng một đội ngũ công nhân lành nghề, những nhà kinh doanh có tài, những nhà quản lý giỏi và các nhà khoa học, kỹ thuật có trình độ cao. Quan tâm thích đáng lợi ích và phát huy khả năng của các tầng lớp dân cư khác vì sự nghiệp “ích nước lợi nhà”. Động viên sự cống hiến của đồng bào Việt Nam ở nước ngoài góp phần tích cực xây dựng quê hương xứ sở.

Thực hiện bình đẳng nam nữ về mọi mặt.

Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển đi lên con đường văn minh, tiến bộ, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Tôn trọng lợi ích, truyền thống, văn hoá, ngôn ngữ, tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc. Chống tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi, kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số.

Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng. Chống mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, đồng thời chống việc lợi dụng tín ngưỡng để làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

7. Nhiệm vụ của quốc phòng - an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, lãnh thổ toàn vẹn của Tổ quốc, bảo

vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, sự ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội, quyền làm chủ của nhân dân, làm thất bại mọi âm mưu và hành động của các thế lực đế quốc, phản động phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của toàn dân và của Nhà nước. Không ngừng nâng cao giác ngộ và cảnh giác chính trị của nhân dân, xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thể trận an ninh nhân dân trong điều kiện mới, với những lực lượng nòng cốt tinh nhuệ.

Sự ổn định và phát triển mọi mặt đời sống xã hội là nền tảng của quốc phòng - an ninh. Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế trong các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Từng bước xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang, trong đó có Công an nhân dân được trang bị kỹ thuật ngày càng hiện đại.

Xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân với số quân thường trực thích hợp theo hướng cách mạng, chính quy, từng bước hiện đại, tinh nhuệ, với lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ hùng hậu, có sức chiến đấu cao. Phát triển đường lối và nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân trong hoàn cảnh mới.

Xây dựng lực lượng công an nhân dân thật sự là một lực lượng vũ trang chính quy từng bước hiện đại, tinh nhuệ. Ngăn chặn, trừng trị kịp thời mọi hành động phá hoại của bọn phản cách mạng và tội phạm khác, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, giữ gìn tốt trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền lợi, tính mạng và tài sản

của nhân dân. Kết hợp lực lượng chuyên trách, nửa chuyên trách, các cơ quan bảo vệ pháp luật với phong trào quần chúng. Kết hợp biện pháp phòng ngừa, giáo dục là cơ bản với trấn áp, trừng trị các loại tội phạm.

Chăm lo nâng cao phẩm chất cách mạng, trình độ chính trị, quân sự, văn hoá, khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ cho các lực lượng vũ trang, cho đội ngũ sĩ quan và hạ sĩ quan chuyên nghiệp. Bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ và chiến sĩ phù hợp với tính chất hoạt động của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội và Công an nhân dân.

8. Mục tiêu của chính sách đối ngoại là tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình.

Không ngừng củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác truyền thống với các nước xã hội chủ nghĩa, các nước anh em trên bán đảo Đông Dương.

Đảng Cộng sản Việt Nam trước sau như một ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào cách mạng trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung của thời đại. Đảng Cộng sản Việt Nam sẵn sàng thiết lập và mở rộng quan hệ với các đảng và các lực lượng đấu tranh chống các thế lực hiếu chiến, xâm lược, áp bức bóc lột các nước chậm tiến, vì hoà bình thế giới và tiến bộ xã hội. Tham gia tích

cực các tổ chức quốc tế và Phong trào Không liên kết vì mục tiêu hoà bình, độc lập dân tộc và phát triển.

Phát triển quan hệ với các nước Đông Nam Á, tích cực góp phần xây dựng khu vực này thành khu vực hoà bình và hợp tác.

Phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị, giúp đỡ lẫn nhau với các nước đang phát triển.

Mở rộng sự hợp tác cùng có lợi với các nước phát triển.

IV- HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

9. Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện *nền dân chủ xã hội chủ nghĩa*, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Dân chủ gắn liền với công bằng xã hội phải được thực hiện trong thực tế cuộc sống trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội thông qua hoạt động của Nhà nước do nhân dân cử ra và bằng các hình thức dân chủ trực tiếp. Dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, phải được thể chế hoá bằng pháp luật và được pháp luật bảo đảm.

Nhà nước định ra các đạo luật nhằm xác định các quyền công dân và quyền con người, quyền đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm.

10. Là tổ chức thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, *Nhà nước* ta phải có đủ quyền lực và đủ khả năng định ra luật pháp và tổ chức, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật. Sửa đổi hệ thống tổ chức nhà nước, cải cách bộ máy hành chính, kiện toàn các cơ quan luật pháp để thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý của Nhà nước.

Nhà nước có mối liên hệ thường xuyên và chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân. Có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lộng quyền, vô trách nhiệm, xâm phạm quyền dân chủ của công dân. Tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất quyền lực, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của trung ương.

Nhà nước Việt Nam *thống nhất ba quyền* lập pháp, hành pháp và tư pháp, với sự *phân công rành mạch* ba quyền đó.

11. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên, thực hiện dân chủ và đổi mới xã hội, giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là liên minh chính trị của các đoàn thể nhân dân và cá nhân tiêu biểu của các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Mặt trận hoạt động theo phương thức hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên theo chương trình hành động chung.

Các đoàn thể nhân dân tùy theo tính chất, tôn chỉ và mục đích đã xác định, vừa vận động đoàn viên, hội viên giúp nhau chăm lo, bảo vệ các lợi ích thiết thực; vừa giáo dục nâng cao trình độ mọi mặt cho đoàn viên, hội viên; vừa tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Đảng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể. Nhà nước hỗ trợ, tạo điều kiện cho Mặt trận và các đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể. Đảng không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, *phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn*, ra sức nâng cao *trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo*. Giữ vững *truyền thống đoàn kết thống nhất* trong Đảng, bảo đảm đầy đủ dân chủ và kỷ luật trong sinh hoạt đảng. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội và mọi hành động chia rẽ, bè phái. Đảng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, có phẩm chất, năng lực, có sức chiến đấu

cao. Đảng quan tâm bồi dưỡng, đào tạo lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân.

*

* *

Cương lĩnh này là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng hiện nay và trong những thập kỷ tới. Thực hiện thắng lợi Cương lĩnh này, nước nhà nhất định trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh.

Đảng kêu gọi tất cả những người cộng sản, toàn thể đồng bào ở trong nước và ở nước ngoài mang hết tinh thần và nghị lực phấn đấu thực hiện thắng lợi Cương lĩnh.

CHIẾN LƯỢC ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2000

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC LỢI THẾ VÀ NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN

I- THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Nước ta bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội từ điểm xuất phát rất thấp, đến nay vẫn là một *nước nghèo và kém phát triển*.

Sau khi hoàn thành sự nghiệp giải phóng và thống nhất đất nước, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu to lớn trong công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, mở mang giáo dục, khoa học, văn hóa, y tế.

Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn ở tình trạng nông nghiệp lạc hậu, còn nặng tính chất tự cấp, tự túc. Trang bị kỹ thuật và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thấp kém. Cơ cấu kinh tế mất cân đối nặng. Cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp để lại nhiều hậu quả nặng nề. Nền kinh tế rất kém hiệu quả, năng suất lao động thấp, tích lũy trong nước chưa đáng kể, còn lệ thuộc nhiều vào bên ngoài.

Khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài nhiều năm nay: lạm phát nghiêm trọng; sản xuất bấp bênh; thất nghiệp tăng; tiền lương không đủ sống; trật tự an toàn xã hội không được bảo đảm; tham nhũng và nhiều tệ nạn xã hội khác lan rộng, công bằng xã hội bị vi phạm; nếp sống văn hóa, tinh thần và đạo đức bị xói mòn; lòng tin vào Đảng và Nhà nước giảm sút.

Thực trạng nêu trên có nguồn gốc sâu xa do lịch sử để lại và hậu quả nhiều năm chiến tranh, song chủ yếu là do chúng ta đã phạm sai lầm chủ quan, duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, trong tiến trình công nghiệp hóa và trong cơ chế quản lý kinh tế. Những sai lầm đó cùng với sự trì trệ trong công tác tổ chức, cán bộ đã kìm hãm lực lượng sản xuất và triệt tiêu nhiều động lực phát triển.

2. Những quan điểm và chính sách đổi mới về kinh tế - xã hội do Đại hội VI của Đảng đề ra được cụ thể hóa và phát triển trong quá trình thực hiện, đặc biệt là những giải pháp tích cực từ cuối năm 1988 đã đưa tới những thành tựu bước đầu rất quan trọng: hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; xóa bỏ về cơ bản cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, bước đầu chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; giảm tốc độ lạm phát; đáp ứng tốt hơn nhu cầu lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng; tăng nhanh xuất khẩu và có bước phát triển mới về kinh tế đối ngoại.

Tuy nhiên, bước tiến đó chưa vững chắc. Lạm phát còn ở mức cao; sản xuất chưa ổn định; tiêu cực xã hội vẫn trầm trọng. *Đất nước chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.*

Việc chuyển sang cơ chế thị trường còn thiếu nhất quán, chưa đồng bộ, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ; quản lý vĩ mô chưa thoát hẳn cơ chế cũ, lại buông lỏng

nhiều mặt; thể chế, bộ máy và đội ngũ cán bộ chưa theo kịp yêu cầu mới.

Hậu quả của những sai lầm cũ chưa khắc phục hết, lại thêm những khó khăn mới do những khuyết điểm trong quá trình đổi mới và những biến động bất lợi trong tình hình quốc tế.

Đất nước đang chuyển biến với những thành công bước đầu về cải cách kinh tế, có thêm thuận lợi mới, đồng thời đang đứng trước những thử thách rất gay gắt.

II- CÁC LỢI THẾ VÀ NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN

1. Nguồn nhân lực và con người Việt Nam

Bước vào thập kỷ 90, nước ta có 66 triệu dân với 33 triệu người trong tuổi lao động; đến năm 2000 có khoảng 80 triệu dân với hơn 40 triệu lao động.

Nguồn lao động dồi dào, con người Việt Nam có truyền thống yêu nước, cần cù, sáng tạo, có nền tảng văn hóa, giáo dục, có khả năng nắm bắt nhanh khoa học và công nghệ... *đó là nguồn lực quan trọng nhất.*

Mặt khác, dân số tăng nhanh gây sức ép lớn về đời sống và việc làm. Người Việt Nam đang có những hạn chế về thể lực, kiến thức, tay nghề, còn mang thói quen sản xuất lạc hậu và dấu ấn của cơ chế cũ. Khắc phục được những nhược điểm đó thì nguồn nhân lực và nhân tố con người mới thật sự trở thành thế mạnh của đất nước.

2. Tài nguyên thiên nhiên

Tài nguyên thiên nhiên nước ta tương đối phong phú, đa dạng.

Điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, tài nguyên sinh vật cho phép phát triển nông - lâm - ngư nghiệp nuôi được số dân đông và có nhiều loại sản phẩm xuất khẩu. Song thiên tai thường xảy ra cũng gây nhiều thiệt hại.

Đất canh tác ít, điều kiện mở rộng có hạn, nhưng khả năng tăng vụ và thâm canh còn lớn.

Rừng bị khai thác và đốt phá bừa bãi trở nên nghèo kiệt, song nếu có chính sách và giải pháp đúng sẽ khôi phục nhanh. Khoảng 9 triệu ha rừng còn lại được bảo vệ và khai thác tốt cùng với khoảng 10 triệu ha đất trống, đồi trọc được phủ xanh và sử dụng có hiệu quả sẽ là một thế mạnh về kinh tế và môi sinh.

Vùng biển và thềm lục địa rộng lớn có nhiều tiềm năng về thủy sản, dầu khí và sa khoáng, dịch vụ hàng hải và du lịch...

Tài nguyên nước đáp ứng được nhu cầu phát triển sản xuất và đời sống. Nguồn thủy năng có thể khai thác trên nhiều vùng, cung cấp một phần năng lượng đáng kể.

Tài nguyên khoáng sản là một nguồn lực và lợi thế quan trọng, nhưng chưa được khảo sát kỹ và mới được khai thác ở mức thấp. Một số loại có trữ lượng đáng kể như dầu khí, than, bôcxít, apatít, quặng sắt, đất hiếm, đá quý, các khoáng sản dùng làm vật liệu xây dựng... Nhiều loại khác phân bố rải rác, có thể khai thác theo quy mô và công nghệ thích hợp.

3. Vị trí địa lý

Ở vào khu vực đang phát triển kinh tế năng động nhất thế giới, lại nằm trên các tuyến giao thông quốc tế quan trọng, có nhiều cửa ngõ thông ra biển thuận lợi (kể cả cho một số nước và vùng trong khu vực), nước ta có lợi thế để mở

rộng kinh tế đối ngoại, thu hút đầu tư nước ngoài, phát triển thương mại và các dịch vụ hàng không, hàng hải, du lịch.

4. Cơ sở vật chất và tiềm lực khoa học - kỹ thuật

Cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có tuy thiếu đồng bộ và phần lớn lạc hậu về công nghệ, song là vốn ban đầu để đi lên, trong đó có một số cơ sở quan trọng.

Nguồn vốn của các đơn vị kinh tế và trong dân không nhỏ, có thể sớm khai thác và phát huy hiệu quả.

Đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật và công nhân cùng với mạng lưới các trường đào tạo, các viện nghiên cứu còn nhiều tiềm năng. Mặt khác, so với yêu cầu phát triển, chúng ta còn thiếu kiến thức và kinh nghiệm về kinh tế thị trường, thiếu những nhà kinh doanh và quản lý giỏi, những nhà khoa học và công nghệ có tài năng, những công nhân lành nghề.

5. Các nguồn lực ngoài nước

Trong thập kỷ 90, tình hình thế giới còn diễn biến phức tạp, đặt nước ta trước nhiều khó khăn gay gắt, đặc biệt là trong những năm đầu. Mặt khác, quá trình quốc tế hóa nền kinh tế thế giới, quan hệ giao lưu kinh tế và khoa học, kỹ thuật, xu thế hòa bình và hợp tác ở khu vực và trên thế giới ngày càng phát triển. Với đường lối đổi mới và cởi mở, nước ta có thể tận dụng được những khả năng to lớn về vốn, thị trường, công nghệ và kinh nghiệm quản lý của bên ngoài để bổ sung và phát huy sức mạnh trong nước.

Các nguồn lực và lợi thế nêu trên phần lớn còn ở dạng tiềm năng mà việc khai thác phải vượt qua nhiều trở ngại. Xác định đúng các quan điểm, mục tiêu và giải pháp chiến lược là điều kiện tiên quyết để biến tiềm năng thành hiện thực.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

I- Xuất phát từ mục tiêu, phương hướng cơ bản và lâu dài đã nêu trong Cương lĩnh của Đảng, Chiến lược đến năm 2000 được xây dựng theo các **quan điểm phát triển** dưới đây:

Phát triển kinh tế - xã hội theo con đường củng cố độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình thực hiện dân giàu, nước mạnh, tiến lên hiện đại trong một xã hội nhân dân làm chủ, nhân ái, có văn hóa, có kỷ cương, xóa bỏ áp bức, bất công, tạo điều kiện cho mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người. Chiến lược kinh tế - xã hội đặt con người vào vị trí trung tâm, giải phóng sức sản xuất, khơi dậy mọi tiềm năng của mỗi cá nhân, mỗi tập thể lao động và của cả cộng đồng dân tộc, động viên và tạo điều kiện cho mọi người Việt Nam phát huy ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước. Lợi ích của mỗi người, của từng tập thể và của toàn xã hội gắn bó hữu cơ với nhau, trong đó lợi ích cá nhân là động lực trực tiếp.

Mọi người được tự do kinh doanh theo pháp luật, được bảo hộ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp. Nền kinh tế có nhiều thành phần với nhiều dạng sở hữu và hình thức tổ chức kinh doanh phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển có hiệu quả nền sản xuất xã hội. Mọi đơn vị kinh tế, không phân biệt quan hệ sở hữu đều hoạt động theo cơ chế tự chủ kinh doanh, hợp tác và cạnh tranh với nhau bình đẳng trước pháp luật.

Nền kinh tế vận động theo *cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước* bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác. Khuyến khích tính năng động, sáng tạo đi đôi với thiết lập trật tự, kỷ cương trong hoạt động kinh tế. Phát huy lợi thế tương đối, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của sản xuất và đời sống, hướng mạnh về xuất khẩu, thay thế nhập khẩu những mặt hàng trong nước sản xuất có hiệu quả.

Mở rộng quan hệ kinh tế với tất cả các nước, các tổ chức quốc tế, các công ty và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc giữ vững độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi. Phát huy tinh thần độc lập tự chủ, không y lại vào bên ngoài, khai thác tối đa mọi lợi thế và nguồn lực của đất nước là điều kiện cơ bản để mở rộng có hiệu quả kinh tế đối ngoại, bảo đảm cho nền kinh tế luôn luôn phát triển trong thế chủ động.

Hiệu quả kinh tế - xã hội là tiêu chuẩn quan trọng nhất của sự phát triển. Các đơn vị kinh tế kinh doanh có hiệu quả, có lãi và thực hiện các trách nhiệm xã hội theo luật pháp. Nhà nước có chính sách khuyến khích và hỗ trợ cho các đơn vị kinh tế bị thua thiệt khi phục vụ lợi ích chung.

Phát triển mạnh *giáo dục và đào tạo*, không ngừng nâng cao năng lực *khoa học và công nghệ*, chú trọng nghiên cứu ứng dụng và triển khai để *công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước*. *Kết hợp nhiều trình độ công nghệ khác nhau*, tranh thủ tối đa công nghệ tiên tiến, tận dụng lợi thế của nước đi sau. Khai thác các yếu tố phát triển cả về *chiều rộng và chiều sâu*, ngày càng hướng mạnh vào chiều sâu. Tận dụng lợi thế của loại hình xí nghiệp *quy mô vừa và nhỏ*.

Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với *tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường*. Lấy phân phối theo lao động làm hình thức chính, khuyến khích làm

giàu đi đôi với giảm số người nghèo, nâng cao phúc lợi xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế, thực hiện nam nữ bình đẳng, tạo cơ hội cho mọi người đều được cống hiến và được hưởng thành quả của sự phát triển.

Dân chủ hóa đời sống xã hội; *quyền công dân, quyền con người và tự do cá nhân* được bảo đảm bằng pháp luật, được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật và chỉ bị ràng buộc bởi pháp luật.

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với *ổn định và đổi mới về chính trị, tăng cường củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội*.

II- **Mục tiêu tổng quát** của Chiến lược đến năm 2000 là: *ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, cải thiện đời sống của nhân dân, củng cố quốc phòng và an ninh, tạo điều kiện cho đất nước phát triển nhanh hơn vào đầu thế kỷ XXI*. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) đến năm 2000 tăng khoảng gấp đôi so với năm 1990.

Mục tiêu này bao gồm những nội dung dưới đây:

Một là, vượt qua những khó khăn gay gắt trước mắt, *ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội*. Đẩy lùi và khống chế lạm phát, ổn định và phát triển sản xuất, ổn định đời sống của nhân dân, thu hẹp chênh lệch trong thanh toán quốc tế; chấm dứt tình trạng xuống cấp về giáo dục, văn hóa, y tế, đẩy lùi các tệ nạn xã hội; tiếp tục đẩy mạnh cải cách kinh tế, hình thành đồng bộ cơ chế thị trường; chỉnh đốn và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy Nhà nước, chống tham nhũng, thiết lập trật tự, kỷ cương trong kinh tế và xã hội. Nhiệm vụ này là trọng tâm của kế hoạch 5 năm 1991 - 1995.

Hai là, phấn đấu xóa nạn đói, giảm số người nghèo khổ, giải quyết vấn đề việc làm, bảo đảm các nhu cầu cơ bản, cải thiện đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của nhân dân, tăng dần tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, thu hút nhiều nguồn lực bên ngoài; tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, chuyển dịch rõ rệt cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa.

Ba là, củng cố và xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao dân trí, năng lực khoa học và công nghệ đáp ứng nhu cầu của những năm 90 và chuẩn bị cho tương lai.

Bốn là, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh trong tình hình mới, bảo đảm trật tự, an toàn và môi trường hòa bình, ổn định, hợp tác cho sự nghiệp phát triển kinh tế.

Phần thứ ba

CƠ CẤU KINH TẾ

Để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu chiến lược, cơ cấu kinh tế trong những năm 90 phải chuyển dịch rõ rệt theo những hướng chính dưới đây:

- Khắc phục tính chất tự cấp tự túc, khép kín, chuyển mạnh sang nền kinh tế hàng hóa, gắn thị trường trong nước với ngoài nước, đẩy mạnh xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu nhập khẩu.

- Phát triển nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ *quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội*; tăng tốc độ và tỷ trọng của công nghiệp, mở rộng kinh tế dịch vụ, tăng cường cơ sở hạ tầng, bước đầu đưa nền kinh tế vượt khỏi tình trạng nông nghiệp lạc hậu. Tốc độ tăng trưởng bình quân

hàng năm của nông nghiệp đạt khoảng 4 - 5%, của công nghiệp khoảng 10 - 12%.

- Sắp xếp lại và đổi mới quản lý để bảo đảm sự phát triển có hiệu quả của kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể; khuyến khích mọi loại hình kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, tạo môi trường hợp tác và cạnh tranh bình đẳng giữa các đơn vị kinh tế.

- Hướng trọng điểm đầu tư và phát triển của nền kinh tế vào những ngành, những sản phẩm, những vùng đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội nhanh nhất và nhiều nhất, tạo nguồn tích lũy làm đòn xeo thúc đẩy và hỗ trợ các lĩnh vực và các vùng khác.

Quá trình chuyển dịch cơ cấu được thực hiện thông qua hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của mọi thành phần kinh tế dưới tác động của cơ chế thị trường được Nhà nước hướng dẫn và thúc đẩy bằng các công cụ quản lý vĩ mô và bằng chương trình đầu tư dựa vào nguồn vốn tập trung.

I- CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ

Trong nền kinh tế thị trường, với quyền tự do kinh doanh được pháp luật bảo đảm, từ ba loại hình sở hữu cơ bản (sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân), sẽ hình thành nhiều thành phần kinh tế với những hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng.

Kinh tế quốc doanh được củng cố và phát triển trong những ngành và lĩnh vực then chốt, nắm những doanh nghiệp trọng yếu và đảm đương những hoạt động mà các thành phần khác không có điều kiện hoặc không muốn đầu tư kinh doanh. Khu vực quốc doanh được sắp xếp lại, đổi mới công nghệ và tổ chức quản lý, kinh doanh có hiệu quả, liên

kết và hỗ trợ các thành phần kinh tế khác, thực hiện vai trò chủ đạo và chức năng của một công cụ điều tiết vĩ mô của Nhà nước.

Các xí nghiệp quốc doanh tồn tại và phát triển dưới hình thức 100% vốn Nhà nước hoặc hình thức doanh nghiệp cổ phần trong đó vốn Nhà nước chiếm tỷ lệ khống chế, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ kinh doanh, tự trang trải và tích lũy trong môi trường hợp tác, cạnh tranh; Nhà nước chỉ tài trợ có thời hạn cho một số cơ sở thật sự cần thiết.

Những cơ sở không cần giữ hình thức quốc doanh thì Nhà nước chuyển hình thức kinh doanh, hình thức sở hữu hoặc giải thể, đồng thời có chính sách giải quyết việc làm và đời sống cho người lao động.

Kinh tế tập thể, với hình thức phổ biến là hợp tác xã, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động, phát triển rộng rãi và đa dạng trong các ngành, nghề với quy mô và mức độ tập thể hóa khác nhau, trên cơ sở tự nguyện góp vốn, góp sức của những người lao động. Tổ chức và hoạt động của hợp tác xã không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Một hộ gia đình có thể tham gia các hợp tác xã khác nhau và có quyền rút ra khỏi hợp tác xã theo điều lệ.

Ở nông thôn, trên cơ sở tăng cường vai trò đơn vị kinh tế tự chủ của hộ xã viên, các hợp tác xã hướng hoạt động vào những khâu và lĩnh vực mà hộ xã viên không có điều kiện tự làm hoặc làm kém hiệu quả hơn kinh doanh tập thể; cùng với chính quyền và các đoàn thể chăm lo các vấn đề xã hội và xây dựng nông thôn mới.

Đất đai thuộc sở hữu toàn dân. Các hộ nông dân được Nhà nước giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài và cấp giấy chứng nhận. Luật pháp quy định cụ thể việc thừa kế và chuyển quyền sử dụng ruộng đất.

Kinh tế cá thể được khuyến khích phát triển trong các ngành nghề ở cả thành thị và nông thôn, không bị hạn chế việc mở rộng kinh doanh, có thể tồn tại độc lập, tham gia các loại hình hợp tác xã, liên kết với các doanh nghiệp lớn bằng nhiều hình thức.

Kinh tế tư bản tư nhân được phát triển không hạn chế về quy mô và địa bàn hoạt động trong những ngành, nghề mà luật pháp không cấm. Nhà nước có thể liên doanh bằng nhiều hình thức với tư nhân trong và ngoài nước, hình thành loại doanh nghiệp thuộc thành phần *tư bản nhà nước*.

Kinh tế gia đình không là một thành phần kinh tế độc lập nhưng được khuyến khích phát triển mạnh.

Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế có thể liên kết thành các liên hiệp hoặc tập đoàn kinh doanh theo nguyên tắc tự nguyện, trên cơ sở hiệu quả kinh tế và cùng có lợi.

Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, không phân biệt đối xử, không tước đoạt tài sản hợp pháp, không gò ép tập thể hóa tư liệu sản xuất, không áp đặt hình thức kinh doanh, khuyến khích các hoạt động có lợi cho quốc kế dân sinh.

II- CÁC NGÀNH VÀ LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, phát triển toàn diện kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới

Nông - lâm - ngư nghiệp phát triển theo hướng kinh tế hàng hóa, gắn với công nghiệp chế biến, đáp ứng nhu cầu trong nước, đẩy mạnh xuất khẩu, phát huy lợi thế sinh thái, bảo vệ môi trường và tài nguyên.

Sản xuất *nông nghiệp* đi vào chuyên canh kết hợp với kinh doanh tổng hợp nhằm đạt giá trị cao nhất trên một đơn vị diện tích. Thâm canh, tăng vụ là chính và mở thêm diện tích ở những nơi có điều kiện. Tăng sản lượng lương thực đủ nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu. Tăng nhanh tỷ trọng cây công nghiệp, cây thực phẩm và chăn nuôi. Hình thành một số vùng chuyên canh cây công nghiệp và chăn nuôi, có cả công nghiệp chế biến, dành cho thị trường ngoài nước.

Phát triển và hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi, giải quyết về căn bản vấn đề tưới tiêu nước cho những vùng trọng điểm lương thực và cây công nghiệp tập trung. Tận dụng phân hữu cơ, tăng mức đáp ứng nhu cầu phân hóa học, tích cực phòng trừ sâu bệnh. Áp dụng rộng rãi công nghệ và các biện pháp sinh học trong các khâu chính của quá trình sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, hạn chế ô nhiễm môi trường và thoái hóa đất. Từng bước cơ giới hóa có hiệu quả các khâu sản xuất chủ yếu.

Lâm nghiệp có nhiệm vụ hàng đầu là bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng và đất rừng. Đẩy nhanh việc trồng và khoanh nuôi rừng, phủ xanh và sử dụng đất trống, đồi trọc gắn liền với phân bố lao động lên trung du, miền núi, thực hiện định canh, định cư, ổn định đời sống của các dân tộc. Mọi đất rừng đều có người làm chủ trực tiếp, kể cả rừng kinh tế, rừng phòng hộ và các khu bảo tồn thiên nhiên. Kết hợp lâm nghiệp với nông nghiệp, gắn với công nghiệp khai thác và chế biến, kinh doanh tổng hợp đất rừng.

Ngư nghiệp phát triển đánh bắt và nuôi trồng các loại thủy, hải sản nhất là các loại có khả năng xuất khẩu. Thực hiện nghiêm quy chế bảo vệ nguồn lợi thủy, hải sản, ngăn

chặn việc khai thác hủy diệt tài nguyên. Xây dựng đội ngũ lao động giỏi nghề biển, cơ sở hạ tầng và chế biến, bảo hộ nghề cá nhân dân. Phát triển lực lượng tàu thuyền khai thác vùng biển xa.

Coi trọng các công nghệ sau thu hoạch. Phát triển rộng khắp *công nghiệp chế biến* nông, lâm, thủy sản, kết hợp nhiều hình thức, trình độ công nghệ, hợp tác, liên doanh với nước ngoài để hiện đại hóa công nghệ, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm. Giảm dần và tiến tới chấm dứt việc xuất khẩu dưới dạng nguyên liệu.

Phát triển kinh tế gắn với *xây dựng nông thôn mới*. Phát huy tối đa tiềm năng của kinh tế hộ nông dân, kết hợp với hoạt động có hiệu quả của các tổ chức kinh tế hợp tác thu hút phần lớn số hộ ở nông thôn và liên kết bằng nhiều hình thức với kinh tế quốc doanh.

Phát triển mạnh các ngành nghề, đặc biệt là công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn; đưa nhanh kỹ thuật nông nghiệp và công nghệ mới đến tận hộ gia đình; giải quyết việc làm và thay đổi cơ cấu lao động, giảm bớt số lao động sản xuất nông nghiệp. Hình thành các điểm công thương nghiệp và văn hóa ở nông thôn.

Nhà nước hỗ trợ xây dựng nông thôn mới chủ yếu là về xây dựng kết cấu hạ tầng và dùng các chính sách tài chính, tín dụng, giá cả, đầu tư để khuyến khích sản xuất, tăng thu nhập và sức mua của dân cư nông thôn.

Phát triển kinh tế kết hợp chặt chẽ với xây dựng văn hóa mới, thực hiện những tiến bộ xã hội, đặc biệt là về giáo dục, chăm sóc sức khỏe, thu hẹp diện những gia đình thiếu đói và vùng thiếu đói. Kiến thiết nông thôn mới theo quy hoạch, hết sức hạn chế mất đất canh tác.

2. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu

Tận dụng khả năng của tất cả các thành phần kinh tế, phát triển mạnh công nghiệp hàng tiêu dùng bằng nhiều hình thức, quy mô và công nghệ thích hợp để thỏa mãn nhu cầu về các loại hàng thông thường (hàng dệt và may mặc, giấy, thuốc chữa bệnh, kim khí tiêu dùng...), tăng mức đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của nhân dân và đẩy mạnh xuất khẩu.

Tích cực tạo nguồn nguyên liệu và tăng năng lực trang bị kỹ thuật trong nước, đồng thời đẩy mạnh nhập nguyên liệu và thiết bị mà sản xuất trong nước chưa đáp ứng được. Đổi mới thiết bị, công nghệ và bảo đảm chất lượng các loại nguyên liệu, vật liệu để tăng sức cạnh tranh của hàng hóa. Khuyến khích chế tạo mặt hàng mới.

Mở rộng các hình thức liên doanh, hợp tác với nước ngoài làm hàng xuất khẩu là một hướng ưu tiên để phát triển và hiện đại hóa các ngành công nghiệp hàng tiêu dùng.

3. Công nghiệp tư liệu sản xuất và khai thác, chế biến khoáng sản

Phát triển có chọn lựa một số ngành, trước hết hướng vào phục vụ sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Quy mô, thời điểm xây dựng và mức độ phát triển các ngành này căn cứ vào hiệu quả, khả năng đầu tư, nhất là khả năng tranh thủ vốn và kỹ thuật ngoài nước.

Xây dựng quy hoạch tổng thể và chính sách năng lượng quốc gia, ưu tiên phát triển ngành *năng lượng*.

Thực hiện quy hoạch phát triển *điện*, cân đối nguồn thủy điện và nhiệt điện cùng với mạng lưới chuyển tải và phân phối; chú ý đáp ứng nhu cầu điện ở miền Trung và miền Nam.

Xúc tiến mạnh việc hợp tác và liên doanh với nước ngoài thăm dò, khai thác và chế biến *dầu khí*. Xây dựng công nghiệp lọc, hóa dầu theo công nghệ hiện đại kéo theo sự phát triển một số ngành khác đi từ nguyên liệu dầu và khí.

Ổn định và phát triển sản xuất *than* đáp ứng nhu cầu nhiên liệu, chất đốt sinh hoạt và đẩy mạnh xuất khẩu; hợp tác với nước ngoài về khai thác, vận tải, sàng tuyển, chế biến than có kỹ thuật cao.

Phát triển một số ngành *công nghiệp nguyên liệu, vật liệu*, chủ yếu là hóa chất cơ bản, phân bón, thuốc trừ sâu, vật liệu xây dựng, một số kim loại đen và màu; hợp tác khai thác, chế biến quặng sắt, bôcxít, đất hiếm... Sớm phát triển các vật liệu mới và tranh thủ công nghệ hiện đại trong công nghiệp nguyên liệu, vật liệu.

Điều tra, bảo vệ và đưa nhanh vào khai thác một số khoáng sản quý hiếm.

Sắp xếp lại, đổi mới kỹ thuật, công nghệ và sản phẩm *ngành cơ khí* nhằm phục vụ trước hết nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp chế biến và vận tải; bảo đảm dịch vụ sửa chữa. Mở rộng hợp tác trong nước và với nước ngoài trong lĩnh vực cơ khí, tăng sức cạnh tranh với hàng ngoại, tận dụng khả năng làm hàng xuất khẩu.

Phát huy năng lực khoa học và công nghệ trong nước và tranh thủ hợp tác quốc tế để phát triển ngành công nghiệp *điện tử - tin học* đi thẳng vào hiện đại, góp phần đáp ứng nhu cầu về hàng điện tử thông dụng, nâng cao từng bước trình độ tự động hóa sản xuất và tin học hóa quản lý.

Nâng cao năng lực và trình độ công nghệ của ngành xây dựng đáp ứng các nhu cầu xây dựng trong nước và mở rộng hoạt động ở nước ngoài.

Xây dựng *công nghiệp quốc phòng* phù hợp với khả năng của nền kinh tế, làm nòng cốt cùng với các ngành công nghiệp dân dụng bảo đảm nhiệm vụ sửa chữa, phục hồi và sản xuất một phần trang bị cho lực lượng vũ trang; phân công hiệp tác giữa công nghiệp dân dụng và công nghiệp quốc phòng, đáp ứng yêu cầu động viên công nghiệp khi tình thế đòi hỏi; huy động năng lực của xí nghiệp quốc phòng làm hàng dân dụng với hiệu quả thiết thực.

4. Kinh tế dịch vụ

Mở mang kinh tế dịch vụ ở cả thành thị và nông thôn, tăng tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động.

Phát triển thương nghiệp nhiều thành phần trên cơ sở tự do lưu thông hàng hóa theo luật pháp; sắp xếp lại và củng cố thương nghiệp quốc doanh trong kinh doanh vật tư kỹ thuật và một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu. Phát triển nhanh các dịch vụ vận tải, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học và chuyển giao công nghệ, thông tin kinh tế và quảng cáo, đầu tư, pháp lý, xuất khẩu lao động và chuyên gia...

Khai thác sự hấp dẫn của thiên nhiên, di sản văn hóa phong phú và các lợi thế khác của đất nước, mở rộng hợp tác với nước ngoài để phát triển mạnh du lịch.

5. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Cải tạo, nâng cấp và mở rộng mạng lưới *giao thông vận tải*.

Ưu tiên đường thủy, tăng năng lực cảng biển, cảng sông hiện có, xây dựng thêm cảng biển nước sâu ở phía bắc và phía nam; phát triển các phương tiện vận tải thủy, tăng thêm tàu viễn dương.

Củng cố và nâng cấp các tuyến đường sắt Bắc - Nam và liên vận quốc tế.

Nâng cấp một số trục đường bộ chính, trước hết là quốc lộ số 1, số 5 và xây dựng một số cầu quan trọng trên các tuyến này; cải tạo các quốc lộ khác. Bảo đảm giao thông thông suốt bốn mùa trên các đường liên tỉnh, liên huyện. Phát triển giao thông nông thôn, miền núi.

Hợp tác với nước ngoài để phát triển hàng không dân dụng trong nước và trên một số tuyến quốc tế; hiện đại hoá các sân bay quốc tế.

Hiện đại hoá và nâng cao năng lực *bưu điện* quốc tế và trong nước, bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt đến nông thôn, miền núi, hải đảo; chú trọng xây dựng công nghiệp sản xuất thiết bị bưu điện.

Coi trọng xây dựng *kết cấu hạ tầng văn hoá và xã hội* ở cả thành thị và nông thôn, trước hết là nhà ở, nước sinh hoạt, cơ sở vật chất cho nghiên cứu khoa học, giáo dục, y tế và văn hoá.

Trong sự phát triển chung của nền kinh tế, mấy ngành và lĩnh vực dưới đây *có điều kiện và cần phải tăng trưởng mạnh* trong thập kỷ 90 để thúc đẩy và hỗ trợ các ngành khác:

- Sản xuất lương thực, thực phẩm.
- Chế biến nông, lâm, thuỷ sản và hàng công nghiệp xuất khẩu.
- Thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí và một số loại khoáng sản.
- Điện, giao thông, thuỷ lợi, thông tin liên lạc.

Trong quá trình thực hiện chiến lược sẽ xác định rõ thêm những sản phẩm mũi nhọn trong các ngành và lĩnh vực nêu trên và tuỳ theo khả năng mới về vốn, công nghệ và thị trường mà một số ngành và sản phẩm khác có thể trở thành mũi nhọn như điện tử - tin học, vật liệu mới, du lịch, v.v..

III- HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN CÁC VÙNG

Đồng bằng giữ vị trí hàng đầu trong sản xuất lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả, chăn nuôi, phát triển công nghiệp nông thôn, mở mang dịch vụ.

Tập trung sức phát triển lương thực, thực phẩm ở đồng bằng sông Cửu Long và sông Hồng; ưu tiên cho những địa bàn có ưu thế về hiệu suất đầu tư và tỷ suất hàng hoá.

Trung du và miền núi chuyển sang kinh tế hàng hoá, phát huy thế mạnh về lâm nghiệp, hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, gắn với công nghiệp chế biến, phát triển chăn nuôi, khai khoáng. Huy động mọi nguồn lực tại chỗ và của cả nước đi đôi với tranh thủ viện trợ quốc tế nhằm sử dụng triệt để và có hiệu quả đất trồng, đồi trọc. Khai thác đi đôi với bảo vệ, tái tạo các nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo đảm lợi ích của đồng bào các dân tộc. Đẩy mạnh việc khai thác khoáng sản và thuỷ năng, hình thành những trung tâm công thương nghiệp và đô thị gắn với các tổ hợp kinh tế lãnh thổ như than ở Đông Bắc, hoá chất, phân bón, luyện kim, điện ở Tây Bắc và trung du phía bắc, thuỷ điện và khai khoáng ở Tây Nguyên.

Đối với miền núi, Nhà nước hỗ trợ về đầu tư mở mang giao thông vận tải, bảo vệ môi trường, tài trợ cho y tế, giáo dục và đào tạo cán bộ người dân tộc, đồng thời thực hiện chính sách ưu đãi về tài chính, tín dụng, tiền lương... để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Vùng biển và hải đảo hướng vào khai thác, nuôi trồng và chế biến thuỷ sản, khai thác chế biến dầu khí và các sa khoáng, phát triển các ngành sản xuất và dịch vụ về hàng hải, mở mang du lịch... Từng bước khai thác toàn diện các tiềm năng to lớn của kinh tế biển, phát triển kinh tế ở hải

đảo, làm chủ lãnh hải và thêm lục địa, thực hiện chủ quyền đối với vùng đặc quyền kinh tế.

Các tỉnh ven biển phát huy thuận lợi mở cửa ra bên ngoài, điều chỉnh phương hướng sản xuất và xây dựng thích nghi với điều kiện bất lợi về thiên tai, phát triển và bảo vệ kinh tế gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

Các *thành phố, thị xã, thị trấn* là những trung tâm kinh tế và văn hoá, chủ yếu là trung tâm công nghiệp và thương mại trên từng vùng lớn, nhỏ. Phương hướng phát triển đô thị là hình thành nhiều trung tâm vừa và nhỏ, phân bố hợp lý, không tập trung dân quá đông vào các thành phố lớn.

Một số địa bàn có vị trí quan trọng đối với từng vùng lớn và đối với cả nước (ở phía bắc là khu vực Hà Nội - Hải Phòng, Quảng Ninh, phía nam là khu vực thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hoà - Vũng Tàu - Côn Đảo, miền Trung là Đà Nẵng và một số thành phố cảng khác) cần thu hút đầu tư của cả nước và của nước ngoài để phát huy mạnh mẽ vai trò trung tâm kinh tế, văn hoá, khoa học và kỹ thuật, đầu mối phát triển kinh tế đối ngoại, liên kết, thúc đẩy và lôi kéo các vùng khác phát triển. Hình thành trên các địa bàn này một số khu có quy chế đặc biệt về hành chính - kinh tế thuận lợi cho đầu tư làm hàng xuất khẩu và buôn bán với bên ngoài.

Từng tỉnh, thành phố căn cứ vào chiến lược cả nước và chiến lược vùng để xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn lãnh thổ, xây dựng nông thôn, đô thị, từ địa bàn dân cư nhỏ nhất (thôn, xã) tới thị trấn, thị xã, các khu phố và thành phố. Cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư hướng vào khai thác các thế mạnh, động viên các nguồn lực của tất cả các thành phần kinh tế ở địa phương và hợp tác, liên kết với các nơi khác, kể cả với nước ngoài; *kết hợp*

chặt chẽ kinh tế với quốc phòng. Trung ương và địa phương cùng đầu tư vào các vùng và cơ sở sớm đưa lại hiệu quả lớn, đồng thời trung ương hỗ trợ cho các địa bàn xung yếu về quốc phòng, một số địa phương miền núi và những nơi đang có nhiều khó khăn ở các vùng căn cứ cũ trong kháng chiến.

Phần thứ tư

CƠ CHẾ QUẢN LÝ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH LỚN

I - ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ

Tiếp tục xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, hình thành đồng bộ và vận hành có hiệu quả cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Thiết lập trật tự, kỷ cương theo cơ chế mới vừa là nội dung vừa là điều kiện để ra khỏi khủng hoảng, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

1. Thị trường trực tiếp hướng dẫn các doanh nghiệp lựa chọn lĩnh vực hoạt động, mặt hàng, quy mô, công nghệ và hình thức tổ chức sản xuất - kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong môi trường hợp tác và cạnh tranh.

Hình thành *thị trường hoàn chỉnh*, bao gồm cả sức lao động, vốn và tiền tệ... thông suốt trong cả nước và với thị trường thế giới. Xóa bỏ các quan hệ hiện vật còn lại trong trả lương, sử dụng nhà, đất, phương tiện đi lại...

Giá cả, tỷ giá hối đoái, lãi suất tín dụng hình thành theo cơ chế thị trường. Nhà nước dùng các biện pháp kinh tế là chủ yếu để tác động đến cung cầu trên thị trường, ổn định giá cả, chỉ định giá một số rất ít sản phẩm thuộc diện độc quyền và thiết yếu, có chính sách bảo hiểm giá cho một số nông sản và hàng xuất khẩu.

Hình thành thị trường ngoại hối chính thức tạo thuận lợi cho việc giao dịch và mua bán ngoại tệ thông qua ngân hàng theo tỷ giá thị trường. Có chính sách khuyến khích sử dụng ngoại tệ theo định hướng kế hoạch.

Phấn đấu cân bằng cán cân thanh toán quốc tế, trả được nợ đến hạn. Tạo dự trữ ngoại tệ ngày càng lớn để có thực lực điều tiết thị trường ngoại hối, làm cho tỷ giá hối đoái phản ánh đúng hơn sức mua thực tế của đồng tiền Việt Nam, tiến tới làm cho đồng tiền có khả năng chuyển đổi.

Gắn hệ thống giá nội địa với giá quốc tế; áp dụng chính sách bảo hộ hợp lý, có thời hạn đối với sản xuất nội địa, trong chừng mực không dẫn đến sự ỷ lại, làm giảm sức cạnh tranh của hàng hoá.

Tôn trọng nguyên tắc lãi suất tín dụng cao hơn mức lạm phát, lãi suất tiền vay cao hơn lãi suất tiền gửi, xoá bao cấp qua tín dụng, bảo đảm cho ngân hàng thương mại có điều kiện kinh doanh bình thường. Ngân hàng mở rộng hoạt động không phân biệt đối xử đến tất cả các thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư.

Tạo môi trường và điều kiện cho sự *cạnh tranh hợp pháp* và sự *hợp tác, liên doanh tự nguyện, bình đẳng* giữa các đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế ở trong nước và với nước ngoài. Xoá bỏ độc quyền và đặc quyền ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế. Đối với những trường hợp không thể tránh được độc quyền, Nhà nước có cơ chế kiểm soát để tránh của quyền, lũng đoạn. Chấp nhận sự phá sản của những đơn vị làm ăn thua lỗ, ban hành luật phá sản.

Cả nước chấp hành *luật kinh doanh thống nhất*, áp dụng các đơn vị đo lường và tiêu chuẩn chất lượng thống nhất. Phát triển giao thông vận tải và mạng lưới các chợ, các điểm mua bán, các cơ sở thương nghiệp trên khắp các địa bàn.

Phá bỏ mọi hàng rào chia cắt giao lưu hàng hoá giữa các ngành, các địa phương trong nước.

Nâng cao *khả năng tiếp thị* (marketing) của các doanh nghiệp. Xây dựng các hiệp hội kinh doanh, tăng cường phòng thương mại và công nghiệp làm đầu mối hỗ trợ quan hệ giao dịch giữa các nhà kinh doanh trong và ngoài nước. Phát triển nhiều hình thức dịch vụ thông tin kinh tế, quảng cáo, hội chợ, triển lãm... Tạo điều kiện thuận lợi cho người sản xuất trực tiếp tìm hiểu nhu cầu thị trường, giao dịch với bạn hàng trong và ngoài nước.

Các cơ sở thương nghiệp, đặc biệt là thương nghiệp quốc doanh làm tốt chức năng đại diện cho người tiêu dùng để đặt hàng cho người sản xuất. Mở rộng quan hệ hợp đồng. Tăng cường các bảo đảm pháp lý, kinh tế và tác động của dư luận xã hội nhằm đề cao chữ “tín” trong kinh doanh, chống hàng giả, đầu cơ buôn lậu.

2. Trên cơ sở bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh của các doanh nghiệp, Nhà nước tập trung thực hiện tốt những chức năng quản lý vĩ mô sau đây:

- *Tạo môi trường và điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh:*

Bảo đảm sự ổn định về chính trị, kinh tế, xã hội cho mọi người yên tâm sản xuất kinh doanh. Duy trì luật pháp, trật tự và an toàn xã hội; thi hành nhất quán các chính sách và thể chế theo hướng đổi mới; ổn định môi trường kinh tế vĩ mô, khống chế lạm phát, điều tiết thị trường, ngăn ngừa và xử lý những đột biến xấu.

Xây dựng cơ sở hạ tầng bảo đảm điều kiện cơ bản cho hoạt động kinh tế: cơ sở hạ tầng vật chất (như giao thông, điện, nước, thông tin, dự trữ quốc gia...), hệ thống tài

chính - tiền tệ, hệ thống pháp chế, cơ sở hạ tầng văn hoá - xã hội (giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, y tế, bảo vệ môi trường...).

- *Dẫn dắt và hỗ trợ những nỗ lực phát triển* thông qua kế hoạch và các chính sách kinh tế, sử dụng có trọng điểm các nguồn tài lực tập trung và lực lượng dự trữ, phát huy vai trò của kinh tế quốc doanh, khai thông các quan hệ bang giao và làm chỗ dựa cho các tổ chức và cá nhân trong kinh tế đối ngoại.

- *Hoạch định và thực hiện các chính sách xã hội*, bảo đảm sự thống nhất giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội.

- *Quản lý và kiểm soát việc sử dụng tài sản quốc gia* nhằm bảo tồn và phát triển các tài sản đó, trong đó có bộ phận tài sản giao cho kinh tế quốc doanh.

3. Đổi mới và hoàn thiện các công cụ quản lý vĩ mô trọng yếu của Nhà nước.

- *Đổi mới việc xây dựng, ban hành và thực thi luật pháp* đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội theo cơ chế thị trường. Bảo đảm tính hệ thống của luật và các văn bản dưới luật, chú ý đến luật pháp và thông lệ quốc tế. Khẩn trương xây dựng và ban hành hệ thống luật kinh tế, luật bảo vệ môi trường, luật dân sự... Phổ cập luật pháp cho toàn dân. Phát triển các hình thức dịch vụ pháp lý. Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo các luật gia, nhất là về luật kinh tế. Kiện toàn bộ máy kiểm tra và thi hành luật pháp. Nghiên cứu việc tổ chức tòa án kinh tế.

- *Tăng cường kế hoạch hoá vĩ mô trên cơ sở đổi mới kế hoạch hoá*, chuyển từ kế hoạch hoá tập trung quan liêu sang kế hoạch hoá định hướng, bảo đảm các cân đối tổng thể cơ bản của nền kinh tế (cung - cầu, tiền - hàng, thu - chi, xuất -

nhập, tích lũy - tiêu dùng...). Kế hoạch Nhà nước có chương trình, dự án đầu tư của Chính phủ bảo đảm điều kiện thực hiện các mục tiêu lớn, đi đôi với sử dụng các chính sách đòn bẩy kinh tế là chính để hướng dẫn và hỗ trợ các ngành, các địa phương và cơ sở phát triển theo định hướng kế hoạch.

Xây dựng hệ thống *kế toán, thống kê và thông tin kinh tế* phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và quản lý sản xuất kinh doanh đáp ứng yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và từng bước hiện đại hoá.

- **Đổi mới căn bản hệ thống *tài chính - tiền tệ*.**

Chính sách *tài chính* quốc gia hướng vào việc tạo vốn, và sử dụng vốn có hiệu quả trong toàn xã hội, tăng nhanh sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, điều tiết quan hệ tích lũy - tiêu dùng theo hướng nâng dần tỷ lệ tích lũy, cải thiện từng bước vững chắc đời sống của nhân dân, thực hiện công bằng xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế.

Phấn đấu cân bằng ngân sách Nhà nước một cách tích cực: nuôi dưỡng và phát triển các nguồn thu, chống thất thu, đáp ứng nhu cầu chi tiêu cần thiết phục vụ lợi ích chung của sự phát triển; nếu còn bội chi thì bù đắp bằng các nguồn vay, không dựa vào phát hành tiền.

Hoàn chỉnh pháp chế về thuế làm đòn bẩy kích thích và hướng dẫn sản xuất kinh doanh, bảo đảm nguồn thu ngân sách và điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội. Giáo dục toàn dân nghĩa vụ đóng thuế. Xây dựng bộ máy và phương thức thu thuế có hiệu lực, đúng luật.

Cải tổ hệ thống *ngân hàng* để hoạt động có hiệu quả, thực sự trở thành trung tâm tiền tệ, tín dụng, thanh toán, đóng vai trò nòng cốt trên thị trường vốn và tiền tệ.

Ngân hàng Nhà nước làm chức năng quản lý Nhà nước đối với mọi hoạt động kinh doanh tín dụng - tiền tệ, cung

ứng và điều hoà lưu thông tiền tệ, ổn định giá trị đồng tiền. Các ngân hàng thương mại làm chức năng đơn vị kinh doanh tín dụng - tiền tệ, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ tài chính, chịu sự kiểm soát của ngân hàng Nhà nước về chế độ chính sách tín dụng - tiền tệ. củng cố hoạt động của các ngân hàng thương mại quốc doanh, phát triển các tổ chức tín dụng nông thôn, xúc tiến hình thành các ngân hàng cổ phần, ngân hàng liên doanh với nước ngoài. Cho phép ngân hàng nước ngoài mở chi nhánh hoạt động ở Việt Nam và tạo điều kiện cho ngân hàng Việt Nam lập chi nhánh ở nước ngoài.

4. Thực hiện chế độ tự chủ sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp quốc doanh

Xí nghiệp quốc doanh có *trách nhiệm* tuân thủ luật pháp, bảo tồn và phát triển vốn được Nhà nước giao, thực hiện các nghĩa vụ do Nhà nước quy định, bao gồm cả nhiệm vụ và đơn đặt hàng mà Nhà nước giao khi thấy cần thiết.

Xí nghiệp được bảo đảm thực hiện đầy đủ *các quyền*: chủ động tổ chức sản xuất kinh doanh; tự chủ về tài chính; tuyển chọn, sắp xếp lao động, trả lương và cho thôi việc theo luật lao động; giao dịch với khách hàng trong và ngoài nước; lựa chọn hình thức liên kết, liên doanh với các đơn vị kinh tế khác, không bị hạn chế bởi địa giới hành chính.

Các liên hiệp sản xuất kinh doanh được tổ chức và hoạt động có hiệu quả, có lợi cho các đơn vị thành viên; liên hiệp không phải là cấp quản lý hành chính Nhà nước trung gian. Các xí nghiệp có tư cách pháp nhân là đơn vị tự chủ kinh doanh, được quyền tham gia hoặc rút khỏi liên hiệp theo điều lệ.

Mở rộng dần các hình thức doanh nghiệp cổ phần trong khu vực quốc doanh. Phân định rõ và có tổ chức, cơ chế bảo đảm thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn của chủ sở hữu tài sản và của giám đốc điều hành. Xây dựng quy chế hoạt động của tổ chức đảng và các đoàn thể trong các đơn vị kinh tế quốc doanh cho phù hợp với cơ chế mới.

II - CÁC CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP VỀ VỐN VÀ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

1. Chính sách và giải pháp về vốn

Tích cực *tạo vốn trong nước*. Nguồn tích lũy trong nước so với thu nhập quốc dân sản xuất từ 2 - 3% năm 1990 phải nâng lên 8 - 10% vào năm 1995 và khoảng 15% vào năm 2000, bảo đảm khoảng 1/2 đến 2/3 nhu cầu vốn phát triển trong 10 năm. Nâng dần tỷ lệ động viên thu nhập quốc dân vào ngân sách đồng thời dành phần tích lũy cần thiết cho các doanh nghiệp và nhân dân tự đầu tư.

Nguồn cơ bản để tạo vốn là làm ăn có hiệu quả, *cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng*. Mọi người có sức lao động có việc làm, mọi tài năng được trọng dụng, mọi tài nguyên, tài sản, tiền nhàn rỗi được đưa vào phát triển kinh tế, mọi doanh nghiệp hạch toán kinh doanh đầy đủ, tự trang trải, tự phát triển và đóng góp cho Nhà nước.

Đánh giá đúng và khai thác, sử dụng có hiệu quả tài sản, tài nguyên quốc gia. Thực hiện cơ chế bảo toàn và phát triển vốn của Nhà nước giao cho các đơn vị kinh doanh. Nhà nước cho thuê hoặc nhượng bán một số tài sản, tài nguyên chưa được khai thác hoặc sử dụng rất kém hiệu quả, để chuyển thành vốn sống, sinh lời, đầu tư vào những lĩnh vực cần thiết.

Đi đôi với việc cải tổ hệ thống ngân hàng, xúc tiến thành lập các tổ chức bảo hiểm, phát triển các loại doanh nghiệp cổ phần, các hình thức cổ phiếu, trái phiếu, tạo điều kiện hình thành thị trường chứng khoán. Ngăn chặn tệ cho vay nặng lãi, các hiện tượng lừa đảo và đầu cơ trên thị trường vốn và tiền tệ.

Khuyến khích và bảo đảm cho mọi tổ chức và cá nhân an tâm bỏ vốn đầu tư tự kinh doanh, mua cổ phiếu, trái phiếu, mua bảo hiểm, gửi quỹ tiết kiệm nhằm huy động mọi nguồn vốn trong xã hội vào chu chuyển kinh tế.

Tranh thủ mọi khả năng và dùng nhiều hình thức *thu hút vốn ngoài nước*.

Nắm vững nguyên tắc chính sách đối ngoại, kết hợp chính sách kinh tế cởi mở với sách lược ngoại giao mềm dẻo để phá thế bao vây, cấm vận về kinh tế đối với nước ta.

Tranh thủ viện trợ và vay dài hạn lãi suất thấp. Chú trọng hình thức công ty nước ngoài đầu tư trực tiếp vào nước ta, gắn với chuyển giao công nghệ tiên tiến và đẩy mạnh xuất khẩu.

Tạo điều kiện thuận tiện cho người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư phát triển kinh tế, trợ giúp người thân và đóng góp xây dựng quê hương, đất nước.

Các doanh nghiệp trong nước có thể vay vốn nước ngoài để tự đầu tư với điều kiện bảo đảm chắc chắn việc trả nợ, tranh thủ công nghệ tiên tiến.

Nhà nước quản lý chặt chẽ việc vay nợ, trả nợ nước ngoài. Điều đình với các chủ nợ về cách giải quyết trước mắt các khoản nợ đến hạn trả, bảo đảm thực hiện cam kết, tạo lập tín nhiệm, tranh thủ nguồn vay mới.

Nguồn vốn của Nhà nước được tập trung đầu tư cho các cơ sở chủ yếu thuộc kết cấu hạ tầng và những công trình

quan trọng khác. Các công trình đầu tư bằng vốn của Nhà nước phải được quản lý chặt chẽ từ luận chứng kinh tế kỹ thuật đến thiết kế, dự toán, thi công, kết toán... chống lãng phí và tham nhũng. Hoàn thiện cơ chế đấu thầu để áp dụng phổ biến trong xây dựng.

Các doanh nghiệp và nhân dân đầu tư sản xuất kinh doanh bằng nguồn vốn tự có, vốn cổ phần, vốn đi vay; góp phần cùng Nhà nước đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và công trình phúc lợi.

2. Chính sách kinh tế đối ngoại

Đa dạng hoá và đa phương hoá quan hệ kinh tế với mọi quốc gia, mọi tổ chức kinh tế trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi. củng cố và tăng cường vị trí ở các thị trường quen thuộc và với các bạn hàng truyền thống, tích cực thâm nhập, tạo chỗ đứng ở các thị trường mới, phát triển các quan hệ mới.

Tăng nhanh kim ngạch và cải tiến cơ cấu *xuất khẩu* theo hướng tăng các mặt hàng chế biến, giảm tỷ trọng các sản phẩm thô, tạo một số mặt hàng có khối lượng lớn và thị trường tương đối ổn định. Áp dụng các chính sách tỷ giá và thuế khuyến khích mạnh mẽ xuất khẩu. Kim ngạch xuất khẩu trong 5 năm 1991 - 1995 gấp 2 - 2,5 lần so với 5 năm trước, đến năm 2000 tăng khoảng 5 lần so với năm 1990.

Phát triển nhiều hình thức dịch vụ thu ngoại tệ, nhất là hoạt động du lịch.

Chính sách *nhập khẩu* phải phục vụ có hiệu quả cho phát triển sản xuất và đổi mới công nghệ, thúc đẩy nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hoá, đáp ứng nhu cầu cần thiết về đời sống.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý xuất nhập khẩu và quản lý ngoại tệ.

Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài vào nước ta *đầu tư, hợp tác kinh doanh*. Xây dựng thể chế đồng bộ, ổn định, thuận tiện và tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh; thống nhất đầu mối giải quyết các thủ tục và yêu cầu đầu tư của nước ngoài. Bảo đảm những điều kiện thiết yếu về cơ sở hạ tầng, phương tiện làm việc và sinh hoạt cho người nước ngoài, trước hết là ở các khu chế xuất và những địa bàn đầu mối trong quan hệ kinh tế đối ngoại. Tổ chức tốt thông tin kinh tế và chủ động chuẩn bị các dự án gọi vốn đầu tư nước ngoài. Đào tạo đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh tế đối ngoại theo cơ chế mới, với các đối tượng mới.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và quyền hạn thành viên của nước ta trong các tổ chức quốc tế; gia nhập các tổ chức và hiệp hội kinh tế quốc tế khác khi cần thiết và có điều kiện.

III- CÁC CHÍNH SÁCH VỀ DÂN SỐ VÀ VIỆC LÀM, VỀ THU NHẬP, BẢO ĐẢM XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ SỨC KHOẺ

1. Chính sách dân số và việc làm

Thực hiện đồng bộ chiến lược *dân số* trên cả ba mặt: quy mô dân số, cơ cấu dân số và sự phân bố dân số; giảm tỷ lệ phát triển dân số mỗi năm khoảng 0,4 - 0,6 phần nghìn.

Thực hiện chương trình kế hoạch hoá gia đình với những giải pháp mạnh mẽ, đồng bộ dựa trên cuộc vận động xã hội rộng lớn và sâu sắc, huy động mọi lực lượng, bằng nhiều hình thức tổ chức, bảo đảm tính tự nguyện, tính thuyết phục gắn với lợi ích của các đối tượng, với việc bảo vệ sức khoẻ bà mẹ và trẻ em, với sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Giảm tỷ lệ phát triển dân số hàng năm là một nhiệm vụ quan trọng của các cấp chính quyền và đoàn thể, nhất là ở những nơi, những

tầng lớp dân cư đang còn tỷ lệ sinh đẻ cao. Nhà nước đầu tư đúng mức cho chương trình này đồng thời huy động các hình thức tự nguyện góp công, góp của, tích cực tranh thủ và sử dụng có hiệu quả nguồn tài trợ của Quỹ dân số Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế khác.

Giải quyết việc làm, sử dụng tối đa tiềm năng lao động xã hội là mục tiêu quan trọng hàng đầu của chiến lược, là một tiêu chuẩn để định hướng cơ cấu kinh tế và lựa chọn công nghệ. Hướng ưu tiên là giải quyết việc làm cho những người đến tuổi lao động, đặc biệt ở thành phố và bộ đội xuất ngũ, học sinh ra trường.

Người lao động chủ động tạo việc làm và tìm việc làm. Mọi nghề mang lại thu nhập cho người lao động và có ích cho xã hội đều được tôn trọng. Nhà nước tạo điều kiện về cơ chế, chính sách, môi trường sản xuất kinh doanh và đào tạo nghề nghiệp. Tăng nhanh tỷ trọng lao động có nghề chuyên môn, khuyến khích biết nhiều nghề.

Ban hành Luật lao động, bảo đảm cho mọi người làm chủ sức lao động của mình. Trong khuôn khổ luật pháp, mọi người được tự do học nghề và hành nghề, lựa chọn việc làm và nơi làm việc, thuê mướn nhân công. Tổ chức thị trường sức lao động, các hình thức giao dịch về việc làm; đổi mới các chính sách cư trú và hộ khẩu; mở rộng chế độ hợp đồng lao động; có chính sách ưu đãi người làm việc ở những nơi điều kiện lao động và sinh hoạt khó khăn.

Chương trình quốc gia về việc làm hướng vào phát triển một số ngành và địa bàn trọng điểm tạo được nhiều việc làm như: nuôi trồng và chế biến nông, lâm, thủy sản, làm hàng xuất khẩu, các ngành công nghiệp dùng nhiều lao động, phủ xanh và sử dụng đất trống, đồi trọc, xây dựng kết cấu hạ tầng, mở mang các ngành dịch vụ, xuất khẩu lao động.

2. Chính sách thu nhập và bảo đảm xã hội

Khuyến khích mọi người làm ăn hợp pháp để tăng thu nhập. *Trả công lao động* theo năng suất lao động, hiệu quả sản xuất - kinh doanh và hiệu suất công tác; hình thành tương quan thu nhập phù hợp với thang bậc giá trị tiến bộ trong xã hội. Nhà nước dùng thuế thu nhập để góp phần thực hiện công bằng xã hội.

Cải cách chế độ tiền lương trong khu vực nhà nước theo hướng bảo đảm tái sản xuất sức lao động, tiền tệ hoá tiền lương, xoá bao cấp và khắc phục tính chất bình quân. Cải cách tiền lương gắn với việc cải tổ bộ máy; sắp xếp lại biên chế theo cơ chế mới, cải cách chế độ bảo hiểm. Khi giá cả biến động lớn, Nhà nước bù đắp kịp thời và thoả đáng cho những người hưởng lương và trợ cấp cố định.

Phát triển các dịch vụ bảo hiểm sản xuất và đời sống dựa trên đóng góp tự nguyện, hoạt động theo phương thức hạch toán kinh doanh, được Nhà nước bảo hộ.

Thực hiện chính sách toàn dân đóng góp để *đền ơn trả nghĩa* đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, những người có công với nước; chính sách *bảo trợ* trẻ mồ côi, người tàn tật, người già cô đơn; chính sách *cứu hộ* những vùng gặp thiên tai, rủi ro và những gia đình quá nghèo khổ. Nguồn kinh phí dựa vào các quỹ xã hội, các hội từ thiện, tranh thủ sự viện trợ của các tổ chức nhân đạo quốc tế và một phần dựa vào ngân sách nhà nước.

Đổi mới chính sách *nhà ở*. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân xây dựng nhà theo quy hoạch. Người có nhà được quyền cho thuê, nhượng, bán. Nhà ở thuộc sở hữu nhà nước được bán hoặc cho thuê đúng giá, tính đủ tiền nhà vào tiền lương. Các công ty nhà ở hoạt động

theo cơ chế hạch toán kinh doanh, thu hồi vốn để tái đầu tư. Phát triển ngân hàng nhà ở.

3. Chính sách bảo vệ sức khoẻ

Bảo vệ, nâng cao sức khoẻ và thể chất của nhân dân, chống suy dinh dưỡng trong trẻ em, tăng chiều cao, cân nặng của thể hệ trẻ, tăng tuổi thọ trung bình của người Việt Nam.

Xoá nạn đói kinh niên và giáp hạt còn tồn tại trên một số vùng; cải thiện bữa ăn, tăng thức ăn giàu năng lượng, chất dinh dưỡng; phát triển sản xuất thực phẩm chế biến sẵn; phấn đấu đến năm 2000 đạt mức ăn bình quân đầu người 2.400 kilôcalo/ngày.

Mở rộng và nâng cao chất lượng *phòng bệnh và chữa bệnh*; phát triển đồng bộ nền y học dự phòng, kết hợp y dược học truyền thống với y dược học hiện đại, tạo một số mũi nhọn của y học Việt Nam.

Củng cố và mở rộng mạng lưới y tế cơ sở, chăm sóc sức khoẻ ban đầu đến hộ gia đình. Thực hiện tốt các chương trình tiêm chủng miễn dịch cho trẻ em, chống bệnh sốt rét, bướu cổ. Thanh toán trên từng vùng các bệnh nhiễm trùng, ký sinh trùng, các bệnh xã hội nhiều người mắc, khống chế các bệnh phổ biến khác; ngăn chặn kịp thời bệnh SIDA. Thực hiện các chương trình cung cấp nước sạch, xử lý chất thải, xây dựng các công trình vệ sinh ở thành thị và nông thôn. Khắc phục tình trạng xuống cấp, trang bị thêm phương tiện, nâng cao chất lượng điều trị của các bệnh viện nhà nước. Phát triển các cơ sở điều dưỡng, phục hồi chức năng, chăm sóc sức khoẻ người già. Xây dựng một số trung tâm y tế hiện đại. Khuyến khích, hướng dẫn và kiểm soát hoạt động của các cơ sở dịch vụ y tế tập thể và tư nhân. Phát triển sản xuất

và đẩy mạnh xuất nhập khẩu đáp ứng nhu cầu dược liệu, thuốc chữa bệnh và phương tiện y tế.

Thu phí dịch vụ y tế hợp lý; đưa kinh phí bảo vệ sức khoẻ của công nhân, viên chức vào tiền lương; có chính sách trợ cấp trực tiếp cho một số đối tượng cần thiết. Mở rộng hình thức mua bảo hiểm sức khoẻ, bảo hiểm tai nạn.

Xây dựng phong trào toàn dân rèn luyện thân thể, hoạt động *thể dục, thể thao*, nhất là trong thanh, thiếu niên; kết hợp phổ cập và nâng cao. Phát triển các câu lạc bộ và hội thể dục, thể thao hoạt động theo nguyên tắc tự quản và tự bù đắp chi phí có sự quản lý và tài trợ một phần cần thiết của Nhà nước.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH VỀ VĂN HOÁ, GIÁO DỤC, KHOA HỌC, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Chính sách văn hoá

Nâng cao đời sống văn hoá và tinh thần của nhân dân, xây dựng nền văn hoá mới, lối sống mới, con người mới, bắt đầu từ mỗi gia đình.

Chọn lọc, giữ gìn và nâng cao tinh hoa văn hoá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và của từng dân tộc; bảo tồn và phát triển ngôn ngữ và chữ viết của các dân tộc; tiếp thu những giá trị văn hoá, khoa học của nhân loại. Dùng nhiều hình thức sinh động giáo dục lý tưởng, trau dồi đạo đức, bồi dưỡng tình cảm, tâm hồn và thẩm mỹ, nâng cao trình độ hiểu biết và hưởng thụ văn hoá, nghệ thuật của nhân dân, ngăn chặn các văn hoá phẩm và hoạt động nghệ thuật gây độc hại. Hình thành nếp sống và tâm lý xã hội có sức đề kháng chống những lề thói, tư tưởng lạc hậu, lối sống thấp hèn, suy đồi đạo đức. Bảo vệ nhân phẩm của phụ nữ.

Khuyến khích tự do sáng tạo các giá trị văn hoá, vun đắp các tài năng. Giữ gìn và nâng cao các loại hình văn hoá, nghệ thuật truyền thống, bảo vệ và tôn tạo các di tích văn hoá, lịch sử. Nhà nước đầu tư thích đáng và có cơ chế quản lý thích hợp với các hoạt động văn hoá, nghệ thuật.

Tăng cường và hiện đại hoá công tác thông tin đại chúng, nâng cao chất lượng, nội dung phù hợp với các loại đối tượng, các dân tộc và mở rộng tới các vùng xa xôi hẻo lánh; phủ sóng phát thanh, truyền hình trên cả nước.

Phát triển các hình thức hoạt động văn hoá của cả Nhà nước, tập thể và tư nhân. Khắc phục tình trạng hành chính hoá các đơn vị hoạt động văn hoá, nghệ thuật và xu hướng thương mại hoá đơn thuần trong lĩnh vực này.

2. Chính sách giáo dục và đào tạo

Chính sách giáo dục và đào tạo hướng vào bồi dưỡng nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài; xây dựng đội ngũ trí thức, nhà kinh doanh, người quản lý, chuyên gia công nghệ và công nhân lành nghề đảm đương nhiệm vụ trước mắt và chuẩn bị tốt cho đất nước và thế hệ trẻ Việt Nam bước vào thế kỷ XXI.

Đổi mới hệ thống giáo dục và đào tạo theo hướng nâng cao chất lượng và đạt hiệu quả thiết thực, mở rộng quy mô phù hợp với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Đánh giá cải cách *giáo dục phổ thông* trong thời gian qua để có chủ trương phù hợp với định hướng chiến lược. Tập trung sức phổ cập giáo dục cấp I; bảo đảm cho trẻ em đến tuổi đều đi học; đại bộ phận thanh niên có học vấn từ cấp II trở lên; chống mù chữ và mù chữ lại; củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục mầm non; đẩy mạnh bổ túc văn hoá.

Phát triển nhiều hình thức hướng nghiệp, dạy và truyền nghề của Nhà nước, tập thể và tư nhân, hình thành nền *giáo dục kỹ thuật* trong xã hội. Khuyến khích các doanh nghiệp tự tổ chức đào tạo, huấn luyện và dạy nghề. Phổ biến rộng rãi các nghề phổ thông, phát triển việc dạy các nghề kỹ thuật, nghiệp vụ bằng các lớp học ngắn hạn và dài hạn, học chính quy và không chính quy; đưa việc dạy nghề vào giáo dục phổ thông. Các phương tiện truyền thông đại chúng dành thời gian truyền bá kiến thức và giảng dạy theo chương trình.

Sắp xếp hợp lý hệ thống *đào tạo đại học và giáo dục chuyên nghiệp*; đổi mới và hiện đại hoá nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng, chú trọng trau dồi đạo đức, nhân cách và năng lực thực hành. Trường đại học đồng thời là trung tâm văn hoá, khoa học và công nghệ, đào tạo nhân tài. Mở rộng việc đào tạo và đào tạo lại sau đại học.

Khai thác mọi tiềm năng của toàn xã hội tham gia phát triển giáo dục và đào tạo. Đề cao vai trò và trách nhiệm của gia đình trong việc giáo dục con cái, chăm sóc và bồi dưỡng thế hệ trẻ. Tạo điều kiện và khuyến khích tự học; người tự học có quyền dự thi để được cấp bằng hoặc chứng chỉ. Bảo đảm cho mọi người, trong khuôn khổ pháp luật, có quyền được dạy, được học, được thi, được chọn nghề, chọn trường, chọn thầy, được đi học nước ngoài. Hoàn chỉnh chế độ học phí. Cấp học bổng cho những học sinh giỏi và các đối tượng cần trợ cấp xã hội. củng cố hệ thống trường quốc lập và mở rộng các hình thức trường, lớp dân lập.

Có chính sách đặc biệt để phát triển *giáo dục và đào tạo ở miền núi và vùng dân tộc thiểu số*; mở rộng và nâng cao chất lượng các trường, lớp nội trú; coi trọng việc đào tạo cán bộ và trí thức người dân tộc.

Bằng vốn ngân sách và các nguồn khác, *tăng kinh phí cho giáo dục và đào tạo*. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của đội ngũ giáo viên; củng cố các trường sư phạm, tôn vinh nghề dạy học và các giáo viên dạy giỏi, mẫu mực. Xây dựng và tu bổ trường sở, bảo đảm chất lượng và số lượng sách giáo khoa, tăng thêm phương tiện dạy và học, từng bước đưa kiến thức tin học vào nhà trường, kể cả trường phổ thông.

3. Chính sách khoa học và công nghệ

Khoa học và công nghệ cùng với giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu để phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao trình độ quản lý của Nhà nước và năng lực lãnh đạo của Đảng.

Phát triển đồng bộ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật, hướng vào thực hiện các chức năng cơ bản:

- Xây dựng luận cứ khoa học cho con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, cho các chính sách và kế hoạch lớn.

Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp thu những thành tựu mới của thế giới, nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản, đồng thời góp phần giải quyết các vấn đề cấp bách về kinh tế và xã hội. Chú trọng các vấn đề thuộc khoa học nhân văn.

- Làm đòn xeo phát triển lực lượng sản xuất, từng bước hiện đại hoá đất nước. Hướng trọng tâm vào nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Cải tạo, đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ của các cơ sở sản xuất hiện có, cải tiến, hiện đại hoá công nghệ truyền thống; xây dựng có trọng điểm một số hướng công nghệ hiện đại: điện tử và tin học, công

nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, các dạng năng lượng mới, công nghệ chế biến tiên tiến; hình thành một số ngành công nghiệp và dịch vụ có trình độ công nghệ cao.

- Kết hợp chặt chẽ với giáo dục và đào tạo, không ngừng nâng cao tiềm lực trí tuệ của dân tộc, xây dựng nền văn hoá mới, con người mới, xây dựng nền khoa học và công nghệ tiên tiến đủ sức giải quyết những vấn đề do cuộc sống đặt ra.

Đổi mới *cơ chế quản lý khoa học*, thoát ra khỏi phương thức hành chính, bao cấp; mở rộng quyền chủ động của các cơ sở nghiên cứu và triển khai.

Nhà nước giao đề tài nghiên cứu theo phương thức đặt hàng, đấu thầu. Các cơ sở nghiên cứu khoa học ký hợp đồng trực tiếp với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế để tiến hành các hoạt động nghiên cứu khác. Sản phẩm khoa học và công nghệ là một loại hàng hoá đặc biệt được trả giá xứng đáng. Nhà nước bảo hộ quyền tác giả các sản phẩm khoa học và quyền sở hữu công nghiệp.

Tăng đầu tư cho nghiên cứu khoa học và công nghệ bằng nhiều nguồn vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Ngân sách nhà nước chủ yếu được sử dụng để xây dựng các cơ sở nghiên cứu khoa học và triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu có ý nghĩa quốc gia.

Khuyến khích sáng tạo và tranh luận khoa học, phát huy dân chủ, chống độc quyền, độc tôn trong khoa học. Tổ chức tốt thông tin khoa học, đáp ứng nhu cầu thông tin cho công tác nghiên cứu. Các tổ chức và cá nhân đều có quyền nghiên cứu, làm dịch vụ khoa học và công nghệ theo pháp luật.

Sắp xếp lại các cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ theo cơ chế mới, liên kết khoa học với đào tạo và sản xuất - kinh doanh. Xây dựng một số tổ chức nghiên cứu - đào tạo -

sản xuất tầm cỡ quốc gia trong một số lĩnh vực công nghệ cao, tạo ra các mũi nhọn theo kịp trình độ quốc tế.

Có chính sách và quy chế tuyển chọn, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ xứng đáng nhân tài; bảo đảm điều kiện cho cán bộ khoa học chuyên tâm vào công việc nghiên cứu.

Mở rộng, đa dạng hoá và nâng cao hiệu quả *hợp tác quốc tế* về khoa học và công nghệ, tranh thủ sự hợp tác và tài trợ của các nước, các tổ chức và cá nhân, các nhà khoa học người Việt sống ở nước ngoài. Khuyến khích các quan hệ trực tiếp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ của các tổ chức và cá nhân với bên ngoài theo luật pháp.

Đẩy mạnh phong trào toàn dân học tập, tiếp thu, ứng dụng, làm chủ các tiến bộ khoa học và công nghệ.

Coi trọng việc nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở miền núi; đẩy mạnh việc ứng dụng kỹ thuật mới, chuyển giao công nghệ gắn với đào tạo cán bộ kỹ thuật cho miền núi.

4. Chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường

Bảo vệ và sử dụng hợp lý các tài nguyên, cải thiện môi trường, ngăn chặn tình trạng hủy hoại đang diễn ra nghiêm trọng, chống xu hướng chạy theo tốc độ tăng trưởng và lợi ích trước mắt, gây hại cho môi trường. Tích cực phòng chống thiên tai.

Mọi tài nguyên đưa vào sử dụng phải nộp thuế hoặc trả tiền thuê.

Đối với các nguồn tài nguyên tái tạo, khai thác phải đi đôi với bảo vệ, tận dụng những ưu thế của thiên nhiên nhiệt đới để bồi dưỡng, phục hồi và phát triển chúng; giữ gìn *quỹ gen* sinh vật. Giữ cho được vốn *rừng*, nhất là rừng đầu nguồn và phục hồi độ che phủ của rừng lên khoảng 40% vào năm 2000.

Sử dụng hợp lý tài nguyên *đất*, hạn chế việc dùng đất canh tác vào các mục đích phi nông nghiệp; chống xói mòn và thoái hoá đất. Lập quy hoạch khai thác và sử dụng tài nguyên *nước*; giải quyết nguồn nước cho công nghiệp và sinh hoạt ở thành thị và một số vùng nông thôn; thường xuyên kiểm tra các hệ thống xử lý nước thải. Khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên *biển*, ngăn chặn nguy cơ làm cạn kiệt nguồn hải sản; chủ động phòng ngừa ô nhiễm biển khi phát triển công nghiệp dầu khí. Khai thác và sử dụng tổng hợp, có hiệu quả nhất tài nguyên *khoáng sản*. Tất cả các xí nghiệp phải có luận chứng xử lý chất thải, không gây ô nhiễm hoặc gây tiếng ồn lớn cho các khu dân cư. Có biện pháp giảm bụi trong các thành phố.

Nhà nước quy định cụ thể quyền sở hữu, quyền và trách nhiệm sử dụng tài nguyên để chấm dứt tình trạng tài nguyên vô chủ. Ban hành Luật bảo vệ thiên nhiên. Giáo dục và tuyên truyền sâu rộng việc bảo vệ tài nguyên và môi trường ngay từ lứa tuổi trẻ em. Xây dựng tổ chức bảo vệ tài nguyên và môi trường từ trung ương đến địa phương, kết hợp với phong trào quần chúng trong lĩnh vực này. Sớm tham gia và phối hợp hoạt động với các tổ chức quốc tế và khu vực trong việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và cảnh quan.

V- TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC VÀ CÁN BỘ

1. Cải cách bộ máy Nhà nước nhằm nâng cao hiệu lực quản lý, tăng cường pháp quyền.

Bảo đảm quyền lực Nhà nước thống nhất, phân định chức năng và quyền hạn của các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp; phân biệt bộ máy quản lý Nhà nước và các tổ chức kinh doanh; đổi mới quan hệ làm việc giữa bộ máy Nhà

nước với hệ thống tổ chức đảng và các đoàn thể; xây dựng cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của bộ máy Nhà nước một cách khoa học, có đội ngũ cán bộ đủ năng lực. Trọng tâm *cải cách nhằm vào hệ thống hành chính* với nội dung chính là xây dựng một hệ thống hành pháp và quản lý hành chính nhà nước thông suốt từ trung ương xuống cơ sở, có đủ quyền lực, năng lực, hiệu lực.

Các bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành hoặc lĩnh vực trong phạm vi cả nước. Chức năng quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật đối với tất cả các đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế bao gồm việc xây dựng chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển ngành, quản lý khoa học và công nghệ, xây dựng và kiểm tra việc thực hiện các luật lệ, chính sách, thể chế quản lý và đào tạo cán bộ. Giảm bớt các bộ chuyên ngành, tăng cường sự điều phối hoạt động giữa các bộ.

Cơ quan *chính quyền nhà nước ở các cấp địa phương* dựa trên hệ thống thống nhất về luật pháp, chính sách và theo định hướng của kế hoạch nhà nước để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội đối với mọi tổ chức và cá nhân hoạt động trên lãnh thổ, bảo đảm thi hành pháp luật nghiêm minh, chăm lo đời sống nhân dân, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở địa phương, củng cố an ninh và quốc phòng.

Ngân sách nhà nước là một hệ thống thống nhất về chính sách, chế độ thu chi; nguồn thu và nhiệm vụ chi hàng năm có hiệu lực pháp luật, được phân cấp thực hiện tương ứng với trách nhiệm quản lý của chính quyền từng cấp. Các cơ quan chính quyền không được lập quỹ để ngoài sổ sách kế toán. Xoá bỏ sự chia cắt, cát cứ trong quản lý kinh tế và quản lý ngân sách. Xoá bỏ sự phân biệt kinh tế trung ương và kinh tế địa phương.

Giảm bớt cấp quản lý hành chính từ trung ương đến cơ sở, thu gọn chức năng và bộ máy của cấp huyện. Xác định hợp lý quy mô và địa giới các cấp hành chính.

Cải cách tổ chức và quy chế hoạt động của các loại công sở, loại bỏ những khâu trung gian không cần thiết, tinh giản biên chế. Cải cách các thủ tục và nghiệp vụ hành chính, từng bước hiện đại hoá kỹ thuật hành chính.

2. Đổi mới căn bản công tác cán bộ phù hợp với cơ chế mới

Phân định rõ *cán bộ dân cử* hoạt động theo nhiệm kỳ và các loại *công chức, viên chức chuyên nghiệp*.

Đối với cán bộ quản lý nhà nước do dân cử, tiêu chuẩn bầu cử bao gồm cả phẩm chất, kiến thức và năng lực cần thiết để đảm đương được trách nhiệm khi được bầu.

Xây dựng quy chế công chức, viên chức trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước, hoạt động sự nghiệp, sản xuất - kinh doanh nhằm hình thành đội ngũ cán bộ chuyên môn có phẩm chất, có kiến thức, thành thạo nghề nghiệp, nắm vững pháp luật.

Phát triển đội ngũ những nhà kinh doanh giỏi thuộc nhiều tầng cỡ, từ người chủ kinh tế hộ gia đình đến người quản lý các doanh nghiệp lớn. Tạo môi trường cho những người có khả năng kinh doanh phát huy được tài năng.

Đánh giá và sử dụng cán bộ qua hiệu quả công tác thực tiễn, không phân biệt đối xử giữa đảng viên và người ngoài Đảng; xoá bỏ những định kiến về thành phần xuất thân. Sửa đổi những cơ chế, chính sách tạo kẽ hở và điều kiện cho tệ quan liêu, tham nhũng. Thanh trừng những phần tử tham nhũng, áp chế dân ở bất cứ cương vị nào; kịp thời thay thế những người không đủ khả năng thực hành chức trách.

Thực hiện nguyên tắc người phụ trách công việc có quyền hạn và trách nhiệm chính trong việc tuyển chọn, sử dụng cán bộ dưới quyền.

Đổi mới công tác *đào tạo cán bộ*. Phát triển nhiều hình thức đào tạo lại, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước và các nhà kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế theo kịp yêu cầu của cơ chế quản lý mới và nắm bắt được kiến thức quản lý hiện đại.

*

* *

Chiến lược này là phương hướng hành động của nhân dân Việt Nam đến năm 2000 nhằm chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, làm giàu cho mình và cho đất nước.

Toàn Đảng, toàn dân ta khảng định quyết tâm thực hiện thành công chiến lược này, đáp ứng điều mong muốn cuối cùng của Bác Hồ để lại trong Di chúc là “*xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới*”.

Phụ lục

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU
ĐẾN NĂM 1995 VÀ NĂM 2000**

A- Các chỉ tiêu toàn kỳ:

Chỉ tiêu	Đơn vị	1991 - 1995	1996 - 2000	1991 - 2000
1. Nhịp độ tăng bình quân Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%			
- Phương án 1		5,0 - 5,5	8,0	6,9
- Phương án 2		6,0 - 6,5	8,5	7,5
2. Nhịp độ tăng bình quân Tổng sản lượng nông nghiệp	%			
- Phương án 1		3,7 - 4,0	4,0 - 4,5	4,0
- Phương án 2		4,0 - 4,5	4,0 - 4,5	4,2
3. Nhịp độ tăng bình quân Tổng sản lượng công nghiệp	%			
- Phương án 1		8,0 - 9,0	10,0 - 11,0	9,5
- Phương án 2		10 - 11	14 - 15	12,5
4. Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỉ USD			
- Phương án 1		12	25	37
- Phương án 2		15	30	45
5. Nhịp độ tăng quỹ tiêu dùng	%	3,5 - 4,1	5,0 - 6,0	4,5 - 5,0
6. Nhịp độ tăng quỹ tích lũy	%	10 - 15	16 - 20	14 - 18
7. Tổng đầu tư XDCB	Tỉ USD			
- Phương án 1		7,7	27,3	35
- Phương án 2		10,5	34,5	45
a) Vốn trong nước				
- Phương án 1		4,1	17,9	22
- Phương án 2		5,0	20,0	25
a1) Vốn Nhà nước				
- Phương án 1		2,4	7,6	10
- Phương án 2		3,0	9,0	12

Chỉ tiêu	Đơn vị	1991 - 1995	1996 - 2000	1991 - 2000
a2) Vốn các doanh nghiệp và nhân dân				
- Phương án 1		1,7	10,3	12
- Phương án 2		2,0	11	13
b) Vốn ngoài nước				
- Phương án 1		3,6	9,4	13
- Phương án 2		5,5	14,5	20

B. Các chỉ tiêu một số năm mốc:

Chỉ tiêu	Đơn vị	1990	1995	2000
1. Dân số	Triệu người	67,6	73,2	80 - 81
2. Lao động	"	32,7	37,4	42,0
3. Tỷ trọng các ngành trong thu nhập quốc dân sản xuất	%			
- Nông nghiệp		50,6	48,0	42,0
- Công nghiệp		20,2	22,0	28,0
4. Tích lũy từ nội bộ nền kinh tế	%	2,9	4,2 - 8,6	13 - 20
5. Cơ cấu tích lũy tiêu dùng	%			
- Quỹ tích lũy		8,1	14 - 18	23 - 30
- Quỹ tiêu dùng		91,9	82 - 86	70 - 77
6. Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu trong GDP	%	14,0	24 - 26	27 - 30

ĐIỀU LỆ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII
thông qua ngày 27 tháng 6 năm 1991)

Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân làm Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tiến hành thắng lợi các cuộc kháng chiến chống xâm lược, xóa bỏ chế độ thực dân phong kiến, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc, đưa cả nước chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam dân chủ, giàu mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa và cuối cùng là thực hiện lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.

Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của dân tộc và của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan và thực tiễn của đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn và phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân.

Đảng kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, ủng hộ sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới.

Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng quyền làm chủ và chịu sự giám sát của nhân dân, đoàn kết và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng tôn trọng vai trò của Nhà nước, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Đảng là một khối thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện lãnh đạo tập thể và cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình, thực hiện dân chủ đầy đủ và kỷ luật chặt chẽ trong sinh hoạt đảng; giữ vững đoàn kết, thống nhất trong Đảng trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng.

Đảng Cộng sản Việt Nam phải được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ lãnh đạo cách mạng Việt Nam và góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới.

CHƯƠNG I

ĐẢNG VIÊN

Điều 1:

Những công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên đều có thể được xét để kết nạp vào Đảng, nếu: thừa nhận và tự nguyện phấn đấu thực hiện Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng, hoạt động trong một tổ chức cơ sở của Đảng, phục tùng kỷ

luật Đảng, sẵn sàng nhận nhiệm vụ được giao; gương mẫu trong lao động, chiến đấu, học tập, có lối sống lành mạnh, không bóc lột; có kiến thức và năng lực thực hiện nhiệm vụ đảng viên; gắn bó mật thiết với quần chúng, được quần chúng tín nhiệm, qua thực tiễn chứng tỏ là người ưu tú.

Điều 2:

Nhiệm vụ của đảng viên:

1. Tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ được giao.

2. Tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; tích cực tham gia công tác quần chúng, công tác xã hội ở nơi làm việc và nơi ở; tuyên truyền vận động gia đình và nhân dân thực hiện đường lối, chính sách và pháp luật.

3. Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chính trị, kiến thức, năng lực công tác, phẩm chất đạo đức cách mạng; đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực.

4. Tham gia xây dựng, bảo vệ đường lối, chính sách và tổ chức của Đảng; phục tùng kỷ luật, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng; thường xuyên tự phê bình và phê bình, trung thực với Đảng; tuyên truyền phát triển ảnh hưởng của Đảng, làm công tác kết nạp đảng viên mới, tham gia sinh hoạt đảng và đóng đảng phí theo quy định.

Điều 3:

Quyền của đảng viên:

1. Được thông tin và thảo luận các vấn đề về đường lối, chính sách và công tác của Đảng; biểu quyết công việc của Đảng.

2. Được ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Được phê bình, chất vấn về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức; báo cáo, đề đạt ý kiến hoặc khiếu nại với các cơ quan lãnh đạo của Đảng và yêu cầu được trả lời.

4. Được trình bày ý kiến khi tổ chức đảng nhận xét, quyết định công tác hoặc thi hành kỷ luật đối với mình.

Đảng viên dự bị có các quyền trên đây, trừ quyền biểu quyết, ứng cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo của Đảng.

Điều 4:

Thủ tục kết nạp người vào Đảng:

a) Người xin vào Đảng phải:

- Có đơn tự nguyện xin vào Đảng;
- Báo cáo lý lịch với chi bộ;
- Được hai đảng viên giới thiệu;

Ở nơi có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thì người xin vào Đảng còn trong độ tuổi thanh niên phải là đoàn viên thanh niên, được ban chấp hành Đoàn cơ sở và một đảng viên giới thiệu.

b) Người giới thiệu phải:

- Có ít nhất hai tuổi đảng và cùng công tác với người xin vào Đảng ít nhất một năm.

- Báo cáo với chi bộ về lý lịch, phẩm chất, năng lực của người xin vào Đảng và chịu trách nhiệm về lời bảo đảm của mình. Có điều gì chưa rõ thì báo cáo để chi bộ và cấp trên xem xét.

c) Trách nhiệm của chi bộ và cấp ủy:

- Trước khi chi bộ xét và quyết định kết nạp, chi ủy phải kiểm tra lại điều kiện của người xin vào Đảng và lấy ý kiến

nhận xét của quần chúng về người đó. Nếu người xin vào Đảng có vấn đề lịch sử chính trị thì giải quyết theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

- Chi bộ tổ chức hội nghị xét và quyết định kết nạp từng người một, với sự đồng ý của ít nhất 2/3 số đảng viên chính thức trong chi bộ.

- Nghị quyết của chi bộ về kết nạp đảng viên phải được đảng ủy cơ sở (nếu có) tán thành, cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng hoặc đảng ủy cơ sở được ủy quyền chuẩn y từng người một.

d) Nơi chưa có tổ chức cơ sở đảng, chưa có đảng viên hoặc có đảng viên nhưng chưa đủ điều kiện giới thiệu thì cấp ủy cấp trên trực tiếp cử đảng viên về làm công tác tuyên truyền, thẩm tra, giới thiệu, để xem xét kết nạp người vào Đảng.

Điều 5:

Người được kết nạp vào Đảng phải trải qua thời kỳ dự bị 12 tháng, tính từ ngày chi bộ tuyên bố kết nạp. Trong thời kỳ dự bị, chi bộ tiếp tục giáo dục, rèn luyện và phân công đảng viên chính thức giúp đảng viên đó tiến bộ.

Khi hết thời kỳ dự bị, chi bộ xét công nhận đảng viên chính thức từng người một và biểu quyết như khi xét kết nạp; nếu thấy không đủ tư cách đảng viên thì quyết định xóa tên trong danh sách đảng viên dự bị và báo cáo lên cấp ủy đã chuẩn y kết nạp để thẩm tra lại.

Nghị quyết của chi bộ về việc công nhận đảng viên chính thức phải được cấp ủy có thẩm quyền chuẩn y theo điểm c Điều 4.

Tuổi đảng của đảng viên tính từ ngày được chi bộ công nhận là đảng viên chính thức.

Điều 6:

Việc phát và quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và thủ tục chuyển sinh hoạt đảng do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

Điều 7:

Đảng viên già yếu xin được miễn công tác và sinh hoạt đảng do chi bộ xem xét, quyết định.

Điều 8:

Đảng viên bỏ sinh hoạt chi bộ hoặc không đóng đảng phí 3 tháng trong năm mà không có lý do chính đáng, hoặc đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, không làm nhiệm vụ đảng viên, đã được chi bộ giáo dục và định thời hạn sửa chữa mà không tiến bộ thì chi bộ xem xét quyết định xóa tên trong danh sách đảng viên.

Đảng viên xin ra khỏi Đảng do chi bộ xem xét quyết định.

Các trường hợp trên, chi bộ báo cáo lên cấp ủy có thẩm quyền chuẩn y kết nạp đảng viên để thẩm tra lại.

CHƯƠNG II

**NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ
CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG**

Điều 9:

Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nội dung cơ bản của nguyên tắc đó là:

1. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng đều do bầu cử lập ra.
2. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng thực hiện nguyên tắc lãnh đạo tập thể, cá nhân phụ trách.

3. Ban chấp hành đảng bộ các cấp báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước đại hội cùng cấp, trước ban chấp hành đảng bộ cấp trên và cấp dưới; định kỳ thông báo tình hình hoạt động của mình đến các tổ chức đảng trực thuộc, thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình.

4. Nghị quyết của Đảng phải được chấp hành nghiêm chỉnh. Thiếu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc, Hội nghị đại biểu toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương.

5. Nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Đảng phải được biểu quyết với sự tán thành của trên một nửa số thành viên trong cơ quan đó. Trước khi biểu quyết, các đảng viên được phát biểu hết ý kiến của mình. Đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên cấp ủy cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, không được truyền bá ý kiến trái với nghị quyết của Đảng. Cấp ủy có thẩm quyền nghiên cứu xem xét ý kiến đó, nếu thấy thực tiễn chứng minh là đúng thì tiếp thu. Tổ chức đảng không được phân biệt đối xử với đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số.

6. Tổ chức đảng cấp dưới được quyền quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn của mình, song không được trái với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của cấp trên.

Điều 10:

Hệ thống tổ chức của Đảng về cơ bản được tổ chức theo hệ thống hành chính của Nhà nước; tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam theo quy định tại Điều 29; ngành có

đặc điểm riêng được tổ chức đảng bộ ngành dọc theo quyết định của Ban Chấp hành Trung ương.

Tổ chức cơ sở đảng được lập ra theo đơn vị cơ sở hành chính, kinh tế hoặc công tác, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Trường hợp cần thiết, Ban Chấp hành Trung ương có thể quyết định thành lập đảng bộ (gồm một số tổ chức cơ sở đảng có tính chất, đặc điểm riêng) trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương. Ở các tỉnh, thành phố nếu được sự đồng ý của Trung ương cũng được thành lập đảng bộ tương tự trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy. Cấp ủy quyết định thành lập đảng bộ quy định tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ của đảng bộ này với cấp ủy địa phương nơi đơn vị đóng theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

Thành lập hoặc giải thể một đảng bộ do cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định.

Điều 11:

Cơ quan lãnh đạo cao nhất của đảng bộ mỗi cấp là đại hội đại biểu; ở cơ sở là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên.

Các cấp ủy triệu tập đại hội đúng kỳ hạn, thông báo trước cho đảng bộ về thời gian và nội dung đại hội, nêu các vấn đề thảo luận ở đại hội để cấp dưới đóng góp ý kiến trước.

Khi ban chấp hành đảng bộ xét thấy cần, hoặc khi có trên một nửa số cấp ủy trực thuộc yêu cầu và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý thì triệu tập đại hội bất thường.

Cấp ủy triệu tập đại hội quyết định số lượng đại biểu và phân bổ cho các đảng bộ trực thuộc căn cứ vào số lượng đảng viên, số lượng đảng bộ trực thuộc, vị trí quan trọng của từng đảng bộ, theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

Đại biểu dự đại hội đại biểu gồm các ủy viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội và đại biểu do đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên cấp dưới bầu.

Việc chỉ định đại biểu chỉ thực hiện đối với tổ chức đảng hoạt động trong điều kiện đặc biệt không thể mở đại hội để bầu cử được, theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Đại biểu dự đại hội phải được đại hội thẩm tra về tư cách và biểu quyết công nhận. Cấp ủy triệu tập đại hội không được bác bỏ tư cách đại biểu do đại hội đảng bộ cấp dưới bầu, trừ trường hợp đại biểu bị đình chỉ sinh hoạt đảng, bị truy tố trước pháp luật hoặc bị tạm giam. Nếu bầu không đúng nguyên tắc, thủ tục thì phải bầu lại.

Đại hội hoặc hội nghị đại biểu, đại hội hoặc hội nghị đảng viên ở tổ chức cơ sở đảng chỉ có giá trị khi có ít nhất 2/3 số đại biểu hoặc đảng viên được triệu tập tham dự, thay mặt cho ít nhất 2/3 số tổ chức đảng trực thuộc.

Đại hội, hội nghị bầu đoàn chủ tịch hoặc chủ tịch để điều hành công việc của đại hội, hội nghị.

Điều 12:

Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo là ban chấp hành đảng bộ (gọi tắt là cấp ủy) do đại hội cùng cấp bầu ra.

Số lượng ủy viên Ban Chấp hành Trung ương do Đại hội đại biểu toàn quốc quyết định; số lượng ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp nào do đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên của đảng bộ cấp đó quyết định, theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

Ban chấp hành đảng bộ các cấp cần được đổi mới một bộ phận và bảo đảm tính kế thừa qua mỗi lần đại hội. Người được bầu vào ban chấp hành phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực, nhất là có bản lĩnh chính trị vững vàng và

tinh thần đổi mới, đã qua rèn luyện trong thực tế, có kiến thức và năng lực tham gia lãnh đạo tập thể và hoàn thành nhiệm vụ được giao, có khả năng quy tụ cán bộ để thực hiện nhiệm vụ, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm.

Đoàn chủ tịch đại hội tổ chức và hướng dẫn bầu cử. Đại biểu có quyền nhận xét, chất vấn về người ứng cử và người được đề cử. Danh sách bầu cử phải được đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua. Bầu cử bằng phiếu kín. Người trúng cử phải được số phiếu tín nhiệm bằng trên một nửa số đại biểu hoặc đảng viên được triệu tập.

Điều 13:

Nhiệm kỳ của ban chấp hành đảng bộ các cấp là thời gian giữa hai kỳ của đại hội từng cấp.

Ban chấp hành và bí thư ban chấp hành cấp dưới phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y.

Trường hợp thật cần thiết, cấp ủy cấp trên trực tiếp được điều động hoặc chỉ định bổ sung một số ủy viên ban chấp hành cấp dưới, song không được quá 1/3 số ủy viên do đại hội đã bầu. Trước khi điều động hoặc chỉ định bổ sung, cấp ủy cấp trên lấy ý kiến của cấp ủy cấp dưới. Hội nghị đại biểu được bầu bổ sung số ủy viên ban chấp hành thiếu và được bầu tăng thêm, nhưng số lượng bầu tăng thêm không quá 10% số ủy viên ban chấp hành do đại hội đảng bộ đã bầu.

Đối với đảng bộ mới thành lập, nếu chưa tiến hành đại hội ngay được, ban chấp hành cấp trên trực tiếp chỉ định ban chấp hành lâm thời; chậm nhất trong vòng một năm phải tổ chức đại hội bầu chính thức.

Điều 14:

Ban chấp hành các cấp lập các cơ quan giúp việc (ban,

tiểu ban) và quy định tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế làm việc của các cơ quan này theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương. Khi cần, cấp ủy có thể lập các cơ quan giúp việc và giải thể khi hoàn thành công việc.

Điều 15:

Giữa hai kỳ đại hội đại biểu, ban chấp hành đảng bộ các cấp (trừ đảng bộ cơ sở) triệu tập hội nghị đại biểu.

Thành phần hội nghị đại biểu gồm các ủy viên của ban chấp hành cấp triệu tập hội nghị và các đại biểu do ban chấp hành cấp dưới cử lên.

Hội nghị đại biểu có nhiệm vụ thảo luận báo cáo của ban chấp hành; quyết định những chủ trương, biện pháp đẩy mạnh việc thực hiện nghị quyết đại hội hoặc bổ sung nghị quyết đại hội cho phù hợp với tình hình mới trên cơ sở Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng, nghị quyết của cấp trên; bầu bổ sung hoặc bầu tăng thêm ủy viên ban chấp hành theo quy định tại Điều 13.

Nghị quyết của hội nghị đại biểu phải được cấp ủy triệu tập hội nghị, các tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên chấp hành.

Các ủy viên ban chấp hành được bầu bổ sung hoặc tăng thêm phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y.

CHƯƠNG III

**CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG
Ở TRUNG ƯƠNG**

Điều 16:

Đại hội đại biểu toàn quốc do Ban Chấp hành Trung ương

triệu tập thường lệ 5 năm một lần, khi có tình hình đặc biệt, có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, và thông báo rõ lý do cho toàn Đảng biết; thời gian triệu tập chậm không được quá một năm.

Điều 17:

Đại hội đại biểu toàn quốc có nhiệm vụ xét và chuẩn y báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương; quyết định đường lối đối nội, đối ngoại và nhiệm vụ cơ bản của Đảng; quyết định hoặc bổ sung sửa đổi Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng; bầu Ban Chấp hành Trung ương.

Điều 18:

Ban Chấp hành Trung ương có nhiệm vụ lãnh đạo công tác của Đảng giữa hai kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc, tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội và của Hội nghị đại biểu toàn quốc; quyết định những vấn đề quan trọng về công tác đối nội và đối ngoại, công tác quần chúng và công tác xây dựng Đảng; quan hệ với các đảng cộng sản và công nhân, các đảng phái và tổ chức chính trị tiến bộ trên thế giới; quyết định và thực hiện chính sách cán bộ và quản lý cán bộ; lập các ban, đảng đoàn, ban cán sự và chỉ đạo các cơ quan đó hoạt động; quy định các nguyên tắc thu nộp đảng phí và quản lý tài chính của Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương họp thường lệ sáu tháng một lần; khi cần, họp bất thường; sáu tháng một lần báo cáo tình hình chung và công việc đã làm cho cấp dưới; khi cần, nêu vấn đề đề cấp dưới góp ý kiến.

Điều 19:

Ban Chấp hành Trung ương bầu Bộ Chính trị, bầu Tổng

Bí thư trong số uỷ viên Bộ Chính trị; thành lập Ban Bí thư gồm một số uỷ viên Bộ Chính trị do Bộ Chính trị phân công và một số bí thư Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương bầu; bầu Uỷ ban Kiểm tra Trung ương. Số lượng uỷ viên Bộ Chính trị; bí thư Trung ương và uỷ viên Uỷ ban Kiểm tra Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

Bộ Chính trị lãnh đạo hoạt động của Đảng giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành Trung ương trên cơ sở nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc, nghị quyết của Hội nghị đại biểu toàn quốc và nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương; báo cáo công việc của mình trước hội nghị thường kỳ của Ban Chấp hành Trung ương hoặc theo yêu cầu của Ban Chấp hành Trung ương.

Ban Bí thư lãnh đạo công việc hằng ngày của Đảng, chỉ đạo và kiểm tra hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên trong việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng; chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, công tác cán bộ và công tác quần chúng; tổ chức chỉ đạo việc chuẩn bị các vấn đề đưa ra Bộ Chính trị thảo luận và quyết định.

CHƯƠNG IV

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG Ở ĐỊA PHƯƠNG

Điều 20:

Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương, đảng bộ huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh do cấp uỷ cùng cấp triệu tập thường lệ 5 năm một lần; khi có tình hình đặc biệt, được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý, có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn và thông báo rõ

lý do cho toàn đảng bộ biết; thời gian triệu tập chậm không được quá một năm.

Điều 21:

Đại hội đại biểu đảng bộ có nhiệm vụ thảo luận các vấn đề do cấp uỷ cấp trên nêu ra; xét và chuẩn y báo cáo của ban chấp hành; quyết định các nhiệm vụ, chủ trương công tác quan trọng thuộc phạm vi địa phương; bầu ban chấp hành đảng bộ và bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

Điều 22:

Ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương (gọi tắt là tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ), ban chấp hành đảng bộ huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi tắt là huyện uỷ, quận uỷ, thị uỷ, thành uỷ) có nhiệm vụ lãnh đạo hoạt động của đảng bộ giữa hai kỳ đại hội đại biểu; chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, các nghị quyết của đại hội đại biểu, hội nghị đại biểu và các nghị quyết, chỉ thị của cấp uỷ cấp trên; tham gia xây dựng và cụ thể hoá đường lối, chính sách của Đảng; quyết định những vấn đề về chủ trương, nhiệm vụ quan trọng của đảng bộ; lập các ban, đảng đoàn và chỉ đạo các cơ quan đó hoạt động; quản lý cán bộ; quản lý tài chính của đảng bộ.

Hội nghị tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ, huyện uỷ, quận uỷ... do ban thường vụ triệu tập ba tháng một lần; khi cần, có thể triệu tập bất thường.

Ban chấp hành đảng bộ các cấp báo cáo tình hình hoạt động của mình lên cấp trên theo quy định, ba tháng một lần báo cáo tình hình chung và công việc đã làm với tổ chức đảng cấp dưới; khi cần, nêu vấn đề để cấp dưới góp ý kiến.

Điều 23:

Hội nghị tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ, huyện uỷ, quận uỷ... bầu ban thường vụ, bầu bí thư và phó bí thư trong số uỷ viên thường vụ, bầu uỷ ban kiểm tra.

Số lượng uỷ viên ban thường vụ và uỷ viên uỷ ban kiểm tra do hội nghị ban chấp hành quyết định theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

Ban thường vụ lãnh đạo hoạt động của đảng bộ giữa hai kỳ họp ban chấp hành trên cơ sở các nghị quyết của đại hội đại biểu, hội nghị đại biểu, hội nghị ban chấp hành và các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên; báo cáo tình hình chung và công việc đã làm trong phiên họp thường lệ của ban chấp hành hoặc theo yêu cầu của ban chấp hành; chuẩn bị các vấn đề đưa ra hội nghị ban chấp hành thảo luận và quyết định.

Bí thư và phó bí thư căn cứ vào nghị quyết của ban chấp hành, của ban thường vụ và các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên để chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện; giải quyết công việc hàng ngày của đảng bộ; chuẩn bị các vấn đề đưa ra ban thường vụ thảo luận và quyết định.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC CƠ SỞ CỦA ĐẢNG

Điều 24:

Các chi bộ cơ sở và đảng bộ cơ sở (gọi chung là tổ chức cơ sở đảng) lập thành nền tảng của Đảng. Đơn vị cơ sở (xã, phường, thị trấn, cơ quan, hợp tác xã, xí nghiệp, công ty, trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu khoa học, đơn vị cơ

sở trong lực lượng vũ trang và các đơn vị cơ sở khác) có từ 3 đảng viên chính thức trở lên được thành lập chi bộ; nếu không đủ 3 đảng viên chính thức thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp giới thiệu đảng viên sinh hoạt ở một tổ chức cơ sở đảng gần đó.

Ở những đơn vị cơ sở hoặc một bộ phận trong đơn vị cơ sở (phân xưởng ở xí nghiệp, thôn ấp ở xã, khoa ở trường học, v.v.) có từ 30 đảng viên trở lên có thể lập nhiều chi bộ, đặt trực thuộc đảng uỷ cơ sở.

Những trường hợp sau đây, cấp uỷ cơ sở phải báo cáo và phải được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý mới được thực hiện:

- Tổ chức nhiều chi bộ trong một đơn vị cơ sở hoặc một bộ phận trong đơn vị cơ sở chưa đủ 30 đảng viên.
- Chỉ lập một chi bộ trong một đơn vị cơ sở hoặc một bộ phận trong đơn vị cơ sở có trên 50 đảng viên.
- Lập đảng bộ bộ phận trong đảng bộ cơ sở.

Đảng bộ xã, phường, thị trấn bao gồm các chi bộ ở các thôn, ấp, bản, đường phố và các đơn vị kinh tế - xã hội của xã, phường, thị trấn.

Tổ chức đảng ở những bộ phận hoạt động cách xa đơn vị cơ sở, đặt trực thuộc cấp uỷ địa phương nơi bộ phận ấy hoạt động.

Điều 25:

Đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên của tổ chức cơ sở đảng do cấp uỷ cơ sở triệu tập năm năm hai lần. Đại hội thảo luận các vấn đề do cấp trên đưa xuống; xét và chuẩn y báo cáo của cấp uỷ; quyết định nhiệm vụ, chủ trương công tác; bầu cấp uỷ; bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

Đảng uỷ cơ sở họp thường lệ mỗi tháng một lần và họp bất thường khi cần.

Đảng uỷ cơ sở có từ 9 uỷ viên trở lên bầu ban thường vụ; bầu bí thư, phó bí thư trong số uỷ viên thường vụ.

Điều 26:

Nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng:

1. Quán triệt đường lối, chính sách của Đảng và căn cứ vào tình hình của đơn vị đề ra chủ trương, nhiệm vụ của đảng bộ; kiểm tra việc thực hiện, bảo đảm cho nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước được chấp hành nghiêm chỉnh.

2. Lãnh đạo quần chúng hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của quần chúng, xây dựng mối liên hệ mật thiết với quần chúng; xây dựng chính quyền, bộ máy quản lý, lực lượng dân quân tự vệ, an ninh nhân dân và các đoàn thể nhân dân.

3. Xây dựng đảng bộ và đội ngũ cán bộ ở đơn vị: chăm lo công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, nâng cao trình độ kiến thức và năng lực công tác của đảng viên; tuyên truyền phát triển ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng và kết nạp đảng viên mới; nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình, kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, giữ gìn kỷ luật và tăng cường đoàn kết thống nhất của Đảng; xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên; thu nộp đảng phí.

4. Tham gia và lãnh đạo quần chúng tham gia xây dựng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nắm vững ý kiến, nguyện vọng của quần chúng để kịp thời giải quyết, báo cáo trung thực tình hình và hoạt động của đảng bộ lên cấp trên.

Cấp uỷ của đảng bộ cơ sở có từ 100 đảng viên trở lên, nếu được cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng quyết

định, được quyền như đảng uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng trong việc chuẩn y kết nạp người vào Đảng và thi hành kỷ luật khai trừ đảng viên.

Điều 27:

Chi bộ là nơi trực tiếp nối liền Đảng với quần chúng, được tổ chức theo nơi làm việc hoặc nơi ở của đảng viên. Chi bộ có nhiệm vụ giáo dục, rèn luyện, quản lý, phân công và kiểm tra công tác của đảng viên, kết nạp đảng viên mới và thi hành kỷ luật đảng viên, lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ trong phạm vi đơn vị.

Đại hội chi bộ do chi uỷ triệu tập mỗi năm một lần. Đại hội thảo luận các vấn đề do cấp trên đưa xuống và báo cáo của chi uỷ, quyết định nhiệm vụ của chi bộ; bầu cấp uỷ và bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

Chi bộ có dưới 9 đảng viên chính thức, bầu bí thư chi bộ; nếu cần, bầu phó bí thư. Chi bộ có 9 đảng viên chính thức trở lên, bầu ban chấp hành chi bộ (gọi tắt là chi uỷ); bầu bí thư và phó bí thư chi bộ trong số chi uỷ viên.

Bí thư chi bộ, chi uỷ phải được đảng uỷ cơ sở chuẩn y; nếu là chi uỷ của chi bộ cơ sở phải được cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng chuẩn y.

Chi uỷ họp thường lệ mỗi tháng một lần.

Chi bộ họp thường lệ mỗi tháng một lần để thảo luận quán triệt và bàn biện pháp thi hành nghị quyết, chỉ thị của cấp trên; kiểm điểm và đề ra nhiệm vụ công tác của chi bộ; phân công công tác cho đảng viên.

Chi bộ đông đảng viên có thể chia thành nhiều tổ đảng; tổ đảng bầu tổ trưởng; tổ trưởng làm việc dưới sự chỉ đạo của chi uỷ.

CHƯƠNG VI

**TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG QUÂN ĐỘI
NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ CÔNG AN
NHÂN DÂN VIỆT NAM**

Điều 28:

Đảng lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt theo quy chế do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

Đảng lãnh đạo xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tham gia xây dựng đất nước.

Các ban của cấp uỷ đảng theo chức năng giúp cấp uỷ đảng hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam.

Điều 29:

Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam được tổ chức theo hệ thống dọc, hoạt động theo Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương.

Đảng uỷ Quân sự Trung ương (Quân uỷ Trung ương) do Ban Chấp hành Trung ương chỉ định, gồm một số uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong quân đội và một số uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài quân đội, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà

thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Quân uỷ Trung ương có nhiệm vụ nghiên cứu đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, nhiệm vụ quân sự và quốc phòng, đồng thời lãnh đạo mọi mặt công tác trong quân đội.

Ban chấp hành đảng bộ cấp nào do đại hội cấp đó bầu, có nhiệm vụ lãnh đạo các đơn vị thuộc cấp mình về mọi mặt; trường hợp đặc biệt do đảng uỷ cấp trên chỉ định theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Tổng cục Chính trị đảm nhiệm công tác Đảng, công tác chính trị đối với toàn quân, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Ban Bí thư và trực tiếp thường xuyên của Quân uỷ Trung ương. Ở mỗi cấp có cơ quan chính trị và cán bộ chính trị đảm nhiệm công tác tư tưởng và công tác tổ chức dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp uỷ đảng cấp mình và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên.

Điều 30:

Tổ chức đảng ở cơ quan quân sự địa phương và đơn vị bộ đội địa phương đặt dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ địa phương về mọi mặt, đồng thời có nhiệm vụ chấp hành nghị quyết của đảng uỷ quân sự cấp trên về nhiệm vụ quốc phòng toàn dân và công tác quân sự địa phương. Cơ quan chính trị cấp trên phối hợp với cấp uỷ địa phương về chỉ đạo công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang địa phương.

Điều 31:

Tổ chức đảng trong lực lượng Công an nhân dân Việt Nam do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

CHƯƠNG VII

ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

Điều 32:

Ủy ban kiểm tra các cấp do ban chấp hành đảng bộ cùng cấp bầu, gồm một số đồng chí trong cấp uỷ và một số đồng chí ngoài cấp uỷ.

Chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp uỷ cấp trên trực tiếp chuẩn y, nếu điều động sang công tác khác phải được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý.

Ủy ban kiểm tra các cấp làm việc theo nguyên tắc tập thể dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ cùng cấp, báo cáo trước hội nghị thường kỳ của cấp uỷ và hoạt động theo nhiệm vụ, quyền hạn do Điều lệ Đảng quy định.

Điều 33:

Nhiệm vụ của uỷ ban kiểm tra các cấp:

1. Kiểm tra đảng viên (kể cả cấp uỷ viên cùng cấp) và tổ chức đảng cấp dưới chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng của đảng viên; xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật và căn cứ thẩm quyền quy định tại Điều 36 mà quyết định hoặc đề nghị cấp uỷ quyết định thi hành kỷ luật.

2. Kiểm tra việc chấp hành quy chế làm việc của cấp uỷ cấp dưới.

3. Kiểm tra việc thi hành kỷ luật của tổ chức đảng cấp dưới.

4. Kiểm tra tài chính của cấp uỷ cấp dưới và của cơ quan tài chính của cấp uỷ cùng cấp.

5. Giải quyết thư tố cáo về những nội dung quy định tại điểm 1 Điều 33 đối với đảng viên và tổ chức đảng cấp dưới.

6. Giải quyết thư khiếu nại về việc thi hành kỷ luật trong Đảng theo thẩm quyền quy định tại Điều 36.

Điều 34:

Ủy ban kiểm tra các cấp được quyền yêu cầu các tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên báo cáo những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra.

Ủy ban kiểm tra cấp trên được quyền kiểm tra hoạt động của ủy ban kiểm tra cấp dưới.

CHƯƠNG VIII

VIỆC THI HÀNH KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG

Điều 35:

Việc thi hành kỷ luật trong Đảng phải công minh, chính xác, kịp thời nhằm giữ vững sự thống nhất ý chí và hành động, tăng cường sức chiến đấu của Đảng và giáo dục đảng viên.

Tuỳ mức độ, tính chất sai lầm của đảng viên và của tổ chức đảng, áp dụng các hình thức kỷ luật sau đây:

Đối với đảng viên: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ.

Đối với tổ chức đảng: khiển trách, cảnh cáo, giải tán.

Điều 36:

Về thẩm quyền thi hành kỷ luật:

a) Đối với đảng viên:

1. Việc thi hành kỷ luật đảng viên phải được chi bộ chủ động xem xét. Chi bộ có quyền quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên; kỷ luật khai trừ đảng viên phải được hội nghị chi bộ biểu quyết với sự đồng ý của ít nhất 2/3 số đảng viên

chính thức của chi bộ và phải được đảng uỷ cơ sở (nếu có) tán thành, uỷ ban kiểm tra cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng hoặc đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền chuẩn y.

2. Đối với đảng viên là cán bộ do cấp uỷ cấp trên quản lý nhưng không phải là cấp uỷ viên các cấp, phạm kỷ luật trong việc thực hiện nhiệm vụ của chi bộ hoặc về lối sống, chi bộ có quyền thi hành kỷ luật như quy định tại điểm 1 Điều 36, song phải báo cáo với uỷ ban kiểm tra cấp quản lý cán bộ đó để thẩm tra lại.

3. Đối với đảng viên là cán bộ do cấp uỷ cấp trên quản lý nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp hoặc cấp uỷ viên cấp dưới trực tiếp, phạm kỷ luật trong việc thực hiện nhiệm vụ do cấp trên giao, chi bộ và đảng uỷ cơ sở có quyền đề nghị các hình thức kỷ luật; uỷ ban kiểm tra cấp quản lý cán bộ đó quyết định các hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo; cấp uỷ cấp quản lý cán bộ đó quyết định các hình thức kỷ luật cách chức, khai trừ.

4. Đối với đảng viên là uỷ viên ban chấp hành các cấp (kể cả uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương):

- Phạm kỷ luật trong việc thực hiện nhiệm vụ của chi bộ hoặc về lối sống thì chi bộ quyết định các hình thức khiển trách, cảnh cáo; nếu cần xử lý hình thức kỷ luật cao hơn thì chi bộ đề nghị lên cấp uỷ cấp trên.

- Phạm kỷ luật trong việc thực hiện nhiệm vụ do cấp uỷ giao, cấp uỷ nào giao nhiệm vụ thì cấp uỷ đó quyết định các hình thức kỷ luật; riêng kỷ luật khai trừ ra khỏi Đảng hoặc cách chức uỷ viên ban chấp hành, do ban chấp hành quyết định với sự đồng ý của ít nhất 2/3 số uỷ viên ban chấp hành, được cấp uỷ cấp trên trực tiếp chuẩn y và báo cáo với đại hội đảng bộ trong kỳ họp gần nhất; nếu đảng viên tham gia nhiều cấp uỷ thì cấp uỷ quyết định kỷ luật

phải báo cáo lên cấp uỷ cao nhất mà đảng viên đó tham gia để chuẩn y.

Các hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo do chi bộ hoặc cấp uỷ cấp dưới quyết định phải được báo cáo lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp và cấp uỷ cao nhất mà đảng viên đó tham gia để thẩm tra lại.

Việc thi hành kỷ luật chi uỷ viên do chi bộ quyết định; riêng kỷ luật cách chức chi uỷ viên phải được cấp uỷ cấp trên trực tiếp chuẩn y.

5. Trường hợp đảng viên vi phạm kỷ luật, tuy đã được cấp trên nhắc nhở, song tổ chức đảng cấp dưới không xử lý kỷ luật hoặc xử lý chưa đúng mức, thì cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên có thẩm quyền trực tiếp quyết định thi hành kỷ luật hoặc sửa đổi mức kỷ luật đối với đảng viên đó.

6. Khi giải quyết các khiếu nại về kỷ luật do tổ chức đảng cấp dưới quyết định đối với đảng viên (kể cả cấp uỷ viên cấp dưới) và khi kiểm tra việc thi hành kỷ luật của tổ chức đảng cấp dưới, uỷ ban kiểm tra cấp trên được quyết định chuẩn y, sửa đổi hoặc xoá bỏ hình thức kỷ luật do tổ chức đảng cấp dưới quyết định, trừ hình thức khai trừ ra khỏi Đảng và cách chức uỷ viên ban chấp hành đảng bộ cấp dưới trực tiếp.

7. Quyết định của cấp trên thi hành kỷ luật cấp uỷ viên và cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý được thông báo đến chi bộ, đảng bộ cơ sở nơi đảng viên đó sinh hoạt.

b) Đối với tổ chức đảng:

Kỷ luật khiển trách, cảnh cáo một tổ chức đảng do cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định.

Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng do cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định với sự đồng ý của ít nhất 2/3 số uỷ viên ban chấp hành và phải được cấp uỷ cấp trên cách một cấp chuẩn y.

Quyết định đó phải được báo cáo lên Ban Chấp hành Trung ương và Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Chỉ giải tán một chi bộ, đảng bộ hoặc ban chấp hành nếu vi phạm một trong ba trường hợp sau đây: có ít nhất 2/3 số đảng viên (đối với chi bộ, đảng bộ) hoặc ít nhất 2/3 số ủy viên ban chấp hành (đối với ban chấp hành) phạm sai lầm đến mức phải khai trừ; tập thể tổ chức đó đã có hành động chống lại đường lối, chính sách của Đảng một cách có ý thức; có đủ bằng chứng tập thể đó không đủ tin cậy về chính trị.

Ở chi bộ, đảng bộ bị giải tán, đảng viên không có khuyết điểm, hoặc có khuyết điểm nhưng chưa đến mức phải khai trừ, được cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định chuyển sinh hoạt đảng vào chi bộ mới thành lập, hoặc đến một chi bộ khác.

Điều 37:

Trước khi quyết định kỷ luật, tổ chức đảng có trách nhiệm nghe đảng viên hoặc người đại diện cho tổ chức đảng bị xem xét về kỷ luật trình bày ý kiến.

Sau khi quyết định về kỷ luật đã được công bố, nếu không đồng ý thì trong vòng 3 tháng, đảng viên hoặc tổ chức bị thi hành kỷ luật có quyền yêu cầu tổ chức đã quyết định kỷ luật đó xem xét lại và được khiếu nại lên cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương.

Khi nhận được thư khiếu nại kỷ luật, cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên báo cho người khiếu nại biết; trong vòng một tháng phải tổ chức xem xét. Ba tháng một lần, ủy ban kiểm tra cấp dưới báo cáo lên ủy ban kiểm tra cấp trên về tình hình giải quyết thư khiếu nại kỷ luật. Cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp trên thường xuyên kiểm tra việc giải quyết thư khiếu nại của cấp dưới.

Điều 38:

Trong khi nghị quyết về khai trừ đảng viên hoặc giải tán một tổ chức đảng chưa được cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra có thẩm quyền chuẩn y, đảng viên đó vẫn được sinh hoạt đảng, tổ chức đó vẫn hoạt động. Việc tạm đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên, hoạt động của tổ chức đảng chỉ được áp dụng trong trường hợp đặc biệt và phải được cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra có thẩm quyền chuẩn y theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Đảng viên bị hình phạt tù hình thức cải tạo không giam giữ trở lên phải khai trừ ra khỏi Đảng.

Điều 39:

Từ sáu tháng đến một năm, sau khi đảng viên bị thi hành kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, cách chức, chỉ bộ nghe đảng viên đó báo cáo để xem xét; nếu đảng viên đó thật sự đã sửa chữa khuyết điểm, chỉ bộ công nhận và báo cáo lên cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên; cấp nào quyết định thi hành kỷ luật thì cấp đó chuẩn y công nhận đảng viên đã sửa chữa khuyết điểm.

CHƯƠNG IX

**ĐẢNG ĐỐI VỚI TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC
VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN**

Điều 40:

Đảng lãnh đạo Nhà nước và các đoàn thể nhân dân bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và các chủ trương công tác; bằng công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ và kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Đảng giới thiệu những cán bộ đủ tiêu chuẩn để cơ quan nhà nước và đoàn thể nhân dân lựa chọn và sử dụng.

Tổ chức đảng và đảng viên công tác trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân phải nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết, chỉ thị của cấp uỷ; tôn trọng chức năng của các tổ chức đó; ủng hộ sáng kiến của quần chúng; gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân và nhiệm vụ được giao; góp phần tích cực xây dựng Nhà nước và các đoàn thể nhân dân.

Điều 41:

Trong các cơ quan lãnh đạo của Nhà nước và đoàn thể nhân dân do bầu cử lập ra, cấp uỷ cùng cấp lập đảng đoàn gồm một số đảng viên công tác trong tổ chức đó. Nơi không lập đảng đoàn, cấp uỷ phân công đảng viên công tác trong tổ chức đó làm nhiệm vụ của đảng đoàn.

Đảng đoàn có bí thư; nếu cần, có phó bí thư do cấp uỷ cùng cấp chỉ định. Đảng đoàn phục tùng sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng, làm việc tập thể và chịu trách nhiệm trước cấp uỷ.

Đảng đoàn có nhiệm vụ vận động, thuyết phục những thành viên trong cơ quan lãnh đạo và quần chúng trong tổ chức mình thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; tăng cường ảnh hưởng của Đảng và mối liên hệ mật thiết giữa đảng viên với người ngoài Đảng, nghiên cứu đề đạt với cấp uỷ đảng về phương hướng, nhiệm vụ và tổ chức, cán bộ của tổ chức đó.

Khi cần, đảng đoàn được triệu tập các đảng viên trong tổ chức đó để thảo luận chủ trương của cấp uỷ và bàn biện pháp thực hiện.

CHƯƠNG X

**ĐẢNG ĐỐI VỚI ĐOÀN THANH NIÊN
CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH**

Điều 42:

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy thường xuyên bổ sung lực lượng trẻ cho Đảng, kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; là lực lượng nòng cốt trong phong trào thanh niên; là trường học xã hội chủ nghĩa và đại diện quyền lợi của thanh niên.

Ban chấp hành đảng bộ các cấp lãnh đạo trực tiếp ban chấp hành đoàn cùng cấp.

Điều 43:

Đảng viên còn trong tuổi đoàn phải sinh hoạt và công tác trong tổ chức đoàn, tích cực góp phần xây dựng Đoàn vững mạnh.

CHƯƠNG XI

TÀI CHÍNH CỦA ĐẢNG

Điều 44:

Tài chính của Đảng gồm đảng phí do đảng viên đóng, thu từ các xí nghiệp sản xuất, kinh doanh của Đảng và các khoản thu khác.

Điều 45:

Ban Chấp hành Trung ương quy định thống nhất nguyên tắc, chế độ thu chi, quản lý tài chính của Đảng,

mức đóng đảng phí của đảng viên, chế độ thu nộp và sử dụng đảng phí.

Hàng năm, ban chấp hành các cấp nghe báo cáo và quyết định nhiệm vụ công tác tài chính của cấp mình.

CHƯƠNG XII

CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Điều 46:

Mọi đảng viên và tổ chức của Đảng có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh và kịp thời đấu tranh chống mọi biểu hiện vi phạm Điều lệ Đảng.

Điều 47:

Chỉ Đại hội đại biểu toàn quốc mới có quyền sửa đổi Điều lệ Đảng.

NGHỊ QUYẾT **ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VII** **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII họp từ ngày 24-6-1991 đến ngày 27-6-1991 quyết nghị:

1. Thông qua Cương lĩnh “Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”; giao cho Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) căn cứ vào ý kiến của Đại hội để chỉnh lý văn bản trước khi công bố chính thức.

2. Thông qua nội dung cơ bản của Chiến lược “Ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000”; giao cho Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) căn cứ vào ý kiến của Đại hội để bổ sung, hoàn chỉnh trước khi công bố chính thức.

3. Thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI) về đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu 5 năm 1991 - 1995; giao cho Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) căn cứ vào ý kiến của Đại hội để hoàn chỉnh trước khi công bố chính thức.

4. Thông qua Báo cáo “Xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng” của Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI) và thông qua toàn văn Điều lệ Đảng (sửa đổi).

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 1991
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VII
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

DIỄN VĂN BẾ MẠC
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VII
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Do đồng chí Đỗ Mười, Tổng Bí thư
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII trình bày,
ngày 27 tháng 6 năm 1991)

Thưa Đoàn Chủ tịch,
Thưa các đồng chí đại biểu,
Thưa các vị khách quốc tế,

Qua bốn ngày làm việc tích cực, khẩn trương và đầy tinh thần trách nhiệm trước toàn Đảng và trước nhân dân, hôm nay chúng ta đã hoàn thành toàn bộ chương trình Đại hội.

Đại hội đã thảo luận và thông qua các văn kiện quan trọng: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, Báo cáo chính trị, Báo cáo xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng, Điều lệ Đảng (sửa đổi).

Kết quả nổi bật của Đại hội chúng ta là sự nhất trí trên tất cả các vấn đề lớn thuộc về quan điểm, đường lối có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh đất nước trong thời kỳ 1991 - 1995 và cả tương lai lâu dài.

Kết quả này của Đại hội là sản phẩm trí tuệ của toàn Đảng và của nhân dân trong việc vận dụng sáng tạo chủ

nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những giá trị của loài người vào giai đoạn hiện nay của sự nghiệp cách mạng nước ta.

Những quyết định chính trị trọng đại của Đại hội ở một thời điểm lịch sử không đơn giản như hiện nay cho phép chúng ta khẳng định rằng Đại hội đánh dấu bước trưởng thành mới của Đảng, cột mốc mới trong tiến trình cách mạng nước ta; rằng Đại hội đã đáp ứng ý chí và nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân, đáp ứng lòng mong đợi và sự tin cậy của bạn bè gần xa trên thế giới.

Đại hội đã bầu được Ban Chấp hành Trung ương mới đảm đương trọng trách của nhiệm kỳ khoá VII. Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị khoá VII vừa thể hiện tính liên tục và tính kế thừa, vừa thể hiện quyết tâm đổi mới cán bộ Đảng ở một thời điểm có sự chuyển tiếp lớn giữa các thế hệ lãnh đạo. Đây cũng là một kết quả rất quan trọng của Đại hội chúng ta.

Với những kết quả nói trên, chúng ta có thể báo cáo với toàn Đảng, toàn dân: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII Đảng Cộng sản Việt Nam đã thành công tốt đẹp.

Thưa các đồng chí,

Đại hội chúng ta vô cùng xúc động về đề nghị của đồng chí Nguyễn Văn Linh, đồng chí Võ Chí Công, các đồng chí lão thành cách mạng khác trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư và trong Ban Chấp hành Trung ương khoá VI không ứng cử vào Ban Chấp hành Trung ương khoá VII vì tuổi cao, sức khoẻ giảm, nhưng vẫn sẵn sàng gánh vác trọng trách là Cố vấn cho Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị khoá VII hoặc những nhiệm vụ khác mà Đảng phân công. Các đồng chí đã nêu một tấm gương cao đẹp về tinh thần suốt đời tận

tự phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân, về tấm lòng trong sáng cộng sản chủ nghĩa.

Từ đáy lòng mình, chúng ta chân thành chúc các đồng chí Phạm Văn Đồng, Nguyễn Văn Linh, Võ Chí Công và các đồng chí lão thành cách mạng khác luôn luôn mạnh khoẻ, tiếp tục cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân.

Thưa các đồng chí,

Kết quả Đại hội VII của Đảng ta có ý nghĩa rất to lớn trong tình hình đất nước và bối cảnh quốc tế hiện nay.

Kết quả đó khẳng định, trong đường lối của mình, Đảng ta và nhân dân ta quyết tâm không gì lay chuyển nổi đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn. Đó là con đường duy nhất đúng đắn.

Kết quả đó khẳng định Đảng ta kiên trì và tích cực đẩy mạnh công cuộc đổi mới do chính bản thân Đảng khởi xướng theo những nguyên tắc đã được xác định. Trong khi tiếp tục lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, Đảng đẩy mạnh hơn nữa nhiệm vụ đổi mới hệ thống chính trị, dân chủ hoá sinh hoạt xã hội, đổi mới mọi mặt đời sống và hoạt động xã hội. Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có nguyên tắc và có bước đi vững chắc, đó là mệnh lệnh của cuộc sống, là quá trình không thể đảo ngược.

Để hoàn thành sự nghiệp đổi mới, bản thân Đảng phải tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình, vươn lên ngang tầm đòi hỏi của hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Thư các đồng chí,

Tại Đại hội này, các đồng chí đại biểu quốc tế đã đem đến cho Đại hội Đảng ta và nhân dân ta tình hữu nghị và đoàn kết, lòng tin cậy và sự ủng hộ mạnh mẽ của Đảng Cộng sản Liên Xô và nhân dân Liên Xô quang vinh; của Đảng và nhân dân Lào, Đảng và nhân dân Campuchia anh em đầy tình nghĩa trong sáng, đặc biệt thuỷ chung; của Đảng Cộng sản Cuba và nhân dân Cuba anh hùng.

Từ diễn đàn này của Đại hội, những tiếng nói chân tình, thấm thiết của các đoàn đại biểu quốc tế anh em đã vang vọng khắp đất nước ta, làm xúc động sâu sắc tình cảm những người cộng sản và nhân dân Việt Nam, góp phần quý báu vào thành công của Đại hội.

Cũng từ diễn đàn trọng thể này, Đại hội chúng ta bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc, tình cảm thấm thiết và tình đoàn kết trước sau như một của Đảng và nhân dân ta với Đảng và nhân dân các nước anh em, với tất cả bầu bạn khắp năm châu.

Chúng ta chân thành cảm ơn các đảng anh em, các tổ chức và cá nhân ở nhiều nước đang đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội đã gửi đến Đại hội Đảng ta những điện và thư chào mừng chứa chan tình cảm và đầy khích lệ đối với Đảng ta và nhân dân ta.

Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh đồng chí, đồng bào, chiến sĩ cả nước và đồng bào ở nước ngoài đã đóng góp trí tuệ xây dựng các văn kiện Đại hội, lập nhiều thành tích chào mừng Đại hội và đã gửi đến Đại hội nhiều điện, thư chúc mừng nồng nhiệt.

Đại hội nhiệt liệt biểu dương và cảm ơn đội ngũ cán bộ, chuyên viên, các chiến sĩ, anh chị em công nhân, nhân viên phục vụ đã ngày đêm làm việc tận tụy, góp phần cho Đại hội thành công.

Đại hội chân thành cảm ơn sự có mặt của đoàn ngoại giao, của đồng chí đại diện Đảng Cộng sản Nhật Bản, đại diện các tổ chức quốc gia và quốc tế, các tổ chức phi chính phủ tại Hà Nội; cảm ơn các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh và vô tuyến truyền hình trong nước và nước ngoài đến theo dõi và đưa tin kịp thời về Đại hội.

Thưa các đồng chí,

Thành công của Đại hội là nguồn sức mạnh mới hết sức to lớn để tăng cường hơn nữa sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng và khối đại đoàn kết toàn dân. Chặng đường trước mắt có những thuận lợi mới và cả những cơ hội mới, đồng thời cũng đầy khó khăn và thách thức mới, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân đoàn kết một lòng, nỗ lực phấn đấu vượt qua.

Trước mắt chúng ta là việc tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết của Đại hội, biến nghị quyết thành hành động trong cuộc sống.

Nhận thức đầy đủ trách nhiệm nặng nề mà Đại hội giao phó, Ban Chấp hành Trung ương khoá VII chúng tôi nguyện cố gắng hết sức mình, đồng tâm hiệp lực, lời nói đi đôi với việc làm, cùng toàn Đảng, toàn dân thực hiện thành công các nghị quyết của Đại hội.

Tôi xin long trọng tuyên bố bề mặt Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!
- Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

VĂN KIỆN
HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC GIỮA
NHIỆM KỲ KHÓA VII

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHOÁ VII

(Do đồng chí Đỗ Mười, Tổng Bí thư Ban Chấp hành
Trung ương Đảng khóa VII trình bày,
ngày 20 tháng 1 năm 1994)

*Thưa các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa các đồng chí đại biểu,
Thưa các đồng chí,*

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, tôi xin đọc Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương trình Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng.

Đại hội VI của Đảng đề ra đường lối đổi mới, tạo ra bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đại hội VII tổng kết 5 năm thực hiện đổi mới, thông qua Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chỉ ra phương hướng tiến hành công cuộc đổi mới sâu rộng và đồng bộ.

Từ sau Đại hội VII, tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng và phức tạp. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ. Độc lập, chủ quyền của một số quốc gia đang bị thách thức bởi chính sách cường quyền và áp đặt. Các thế lực thù địch ra sức hoạt động chống phá công cuộc

xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Sự nghiệp cách mạng của chúng ta một lần nữa lại trải qua những thử thách gay go.

Tuy nhiên, trên thế giới cũng xuất hiện những nhân tố thuận lợi mới: ý chí và sức mạnh đấu tranh cho độc lập, tự chủ của các dân tộc tăng lên; xu thế hợp tác phát triển mở rộng trong đời sống cộng đồng quốc tế; từ thất bại tạm thời, các lực lượng cách mạng rút ra những bài học quý giá. Những thành tựu đổi mới ở nước ta đã tạo thêm thế và lực để nhân dân ta khắc phục khó khăn, tranh thủ thời cơ xây dựng đất nước.

Trước thách thức mới và cơ hội mới, Đảng và nhân dân ta đã tỏ rõ bản lĩnh chính trị vững vàng. Các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2, 3, 4 và 5 đã cụ thể hoá và phát triển đường lối Đại hội VII, giải quyết một loạt vấn đề cụ thể trên nhiều lĩnh vực đối nội và đối ngoại, phù hợp với tình hình đang diễn biến và thực tiễn cuộc sống. Chúng ta đã kiên trì công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng dân chủ, giữ vững ổn định chính trị, củng cố an ninh, quốc phòng, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại, từng bước phá thế bị bao vây, cấm vận.

Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và tổng kết một bước thực tiễn đổi mới từ Đại hội VI đến nay, nhằm làm sáng tỏ thêm một số vấn đề trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, xác định những chủ trương và giải pháp lớn để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII, đưa sự nghiệp cách mạng nước ta tiếp tục tiến lên.

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VII

I- THÀNH TỰU

1. Thành tựu to lớn có ý nghĩa hàng đầu là đã khắc phục được một bước rất quan trọng tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội

Cuộc khủng hoảng nảy sinh từ cuối thập kỷ 70, đầu thập kỷ 80, kéo dài suốt mười mấy năm liền, gay gắt nhất là những năm 1986 - 1988 khi lạm phát lên tới mức phi mã, ở thời điểm năm 1991 lại thêm một lần thử thách hiểm nghèo.

Song, với cố gắng to lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, nền kinh tế nước ta không những đứng vững mà còn đạt được những thành tựu nổi bật, *khắc phục được nhiều mặt đình đốn, suy thoái, tốc độ tăng trưởng khá và liên tục trong ba năm qua.*

Lạm phát được đẩy lùi, từ 67% năm 1991 xuống 17,5% năm 1992 và còn 5,2% năm 1993.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng bình quân hàng năm 7,2% (mức đề ra cho 5 năm 1991 - 1995 là 5,5 - 6%). Sản xuất nông nghiệp phát triển tương đối toàn diện; vấn đề lương thực được giải quyết tốt, sản lượng lương thực năm 1993 xấp xỉ 25 triệu tấn, vượt mức đề ra cho năm 1995. Sản xuất công nghiệp đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân hàng năm 13%, cao hơn chỉ tiêu đề ra cho kế hoạch 5 năm 1991 - 1995 (8 - 10%). Năng lực sản xuất một số ngành và sản phẩm quan trọng như điện, dầu thô, thép, xi măng... được tăng thêm. Hệ thống thông tin liên lạc mở rộng nhanh với thiết bị công nghệ mới. Các ngành xây dựng, vận tải, thương nghiệp, du lịch và dịch vụ khác đều phát triển.

Cơ cấu nền kinh tế đang biến đổi. Một số ngành sản xuất kinh doanh mới xuất hiện.

Quan hệ kinh tế đối ngoại được mở rộng theo hướng đa dạng hoá và đa phương hoá. Đã khắc phục được hậu quả do thị trường truyền thống bị giảm sút đột ngột, mở rộng giao lưu với nhiều bạn hàng mới, tăng kim ngạch xuất khẩu hàng năm xấp xỉ 20%. Tính đến hết năm 1993, đã cấp 836 giấy phép đầu tư trực tiếp của bên ngoài với tổng vốn đăng ký là 7,5 tỉ USD; bước đầu thu hút thêm viện trợ phát triển và vốn vay ưu đãi từ các chính phủ; lập lại quan hệ bình thường với các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế.

Nền kinh tế bắt đầu có tích lũy nội bộ, tuy còn thấp. Đời sống số đông nhân dân được cải thiện.

Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần đang hình thành. Các doanh nghiệp nhà nước bước đầu được sắp xếp và đăng ký lại. Đã giảm bớt một số lượng lớn những doanh nghiệp làm ăn thua lỗ kéo dài. Số đơn vị kinh doanh có hiệu quả tăng lên. Khu vực kinh tế nhà nước nhìn chung vẫn phát triển, nắm những lĩnh vực then chốt và giữ vị trí chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, tỷ trọng trong GDP tăng từ 34% năm 1990 lên 39,9% năm 1992. Hợp tác xã nông nghiệp có phương hướng đổi mới rõ hơn kể từ Hội nghị Trung ương 5, vai trò tự chủ của các hộ nông dân được khẳng định. Một số loại hình kinh tế hợp tác mới xuất hiện. Luật đất đai chính thức giao quyền sử dụng ruộng đất ổn định, lâu dài cho nông dân đã giúp kinh tế hộ nông dân có thêm động lực phát triển mới. Kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư nhân phát triển đáng kể. Doanh nghiệp cổ phần và liên doanh thu hút vốn đầu tư thuộc nhiều hình thức sở hữu xuất hiện ngày càng nhiều.

Cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đang trở thành cơ chế vận hành của

nền kinh tế. Việc bổ sung pháp luật, tiếp tục đổi mới cơ chế và chính sách về kế hoạch hoá, về giá, tỷ giá, tài chính, ngân hàng, lao động, tiền công, đất đai... đã tạo môi trường thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp phát huy tính năng động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh.

Nhà nước tích lũy thêm kinh nghiệm, có tiến bộ trong việc quản lý, điều hành vĩ mô nền kinh tế quốc dân.

Cùng với phát triển kinh tế, *việc giải quyết các vấn đề xã hội và thực hiện chính sách xã hội được quan tâm hơn.*

Nhờ sản xuất, dịch vụ phát triển, giá cả thị trường tương đối ổn định, *đời sống nhân dân* ở nhiều vùng thành thị và nông thôn được cải thiện. Số hộ giàu tăng lên, số hộ nghèo, nhất là hộ đói ăn, giảm bớt. Những nhu cầu cơ bản về ăn, mặc của nhân dân được đáp ứng khá hơn. Việc xây dựng nhà ở, đường sá, điện, nước, trường học, cơ sở y tế... ở nhiều vùng nông thôn và đô thị có phát triển. Các quyền dân chủ, nhất là dân chủ về kinh tế, từng bước được phát huy. Nhân dân được tự do làm ăn theo pháp luật, yên tâm hơn trong việc bỏ vốn sản xuất, kinh doanh, tạo thêm công ăn việc làm.

Các chính sách giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo, chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng, chính sách giúp đỡ người tàn tật, cô đơn không nơi nương tựa, giúp đỡ học sinh nghèo trở lại trường lớp được thực hiện tốt hơn.

Hoạt động *giáo dục* đạt được một số tiến bộ trong việc chống xuống cấp, đa dạng hoá các loại hình giáo dục, sắp xếp lại mạng lưới trường học, củng cố hệ thống trường chuyên lớp chọn, các trường phổ thông dân tộc nội trú. Xã hội hoá giáo dục bước đầu được triển khai tốt. Việc học nghề, học ngoại ngữ và tin học phát triển ở các đô thị.

Khoa học và công nghệ đã bước đầu phát huy vai trò động lực, gắn việc nghiên cứu với nhu cầu của xã hội. Nhiều đề tài nghiên cứu ứng dụng, nhất là trong nông nghiệp, ngư nghiệp, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu... có giá trị thực tiễn làm tăng hiệu quả kinh tế, nâng cao trình độ công nghệ. Hệ thống chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước được bố trí tập trung hơn, trong đó lần đầu tiên có các chương trình về khoa học xã hội và nhân văn.

Hoạt động văn hoá sôi động hơn. Giao lưu văn hoá với nước ngoài được mở rộng. Các tác phẩm *văn học, nghệ thuật* phong phú hơn về nội dung và đề tài, đa dạng hơn về hình thức, thể loại và phong cách biểu hiện. Hệ thống thông tin có bước phát triển mới với việc phủ sóng truyền thanh, truyền hình đến phần lớn các huyện trong cả nước, kể cả một số vùng miền núi, vùng cao, đảo xa.

Công tác bảo vệ sức khoẻ, nâng cao thể lực của nhân dân có những mặt tiến bộ như chăm sóc sức khoẻ ban đầu, tiêm chủng mở rộng, khống chế bệnh dịch và bệnh xã hội, đáp ứng một phần nhu cầu về các thuốc thiết yếu. Phong trào thể dục thể thao đạt một số kết quả đáng khích lệ.

Công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình đi vào vận động đúng đối tượng, tăng số người tự nguyện hạn chế sinh đẻ.

2. Thành tựu quan trọng thứ hai là đã tiếp tục giữ vững và củng cố sự ổn định chính trị

Nhờ những thành tựu nhiều mặt trong công cuộc đổi mới, đặc biệt là những thành tựu về kinh tế - xã hội, nhờ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và giác ngộ chính trị của quần chúng nhân dân cả nước, chúng ta đã vượt qua được cơn chấn động chính trị trên thế giới vừa qua. Vai trò lãnh đạo của Đảng được củng cố, hiệu lực quản lý của Nhà nước được nâng cao hơn, dân

chủ được mở rộng, quốc phòng và an ninh được bảo đảm, lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, đối với công cuộc đổi mới tăng thêm, phong trào quần chúng trong một số lĩnh vực kinh tế, xã hội có bước phát triển.

Từ sau Đại hội VII, Đảng ta, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đã dành nhiều công sức cho *công tác xây dựng Đảng*, coi đây là nhiệm vụ có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nước ta và có ý nghĩa sống còn đối với Đảng ta. Hội nghị Trung ương 3 đã xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt; làm rõ hơn một số quan điểm về xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền; xác định một số vấn đề có tính nguyên tắc trong tổ chức và sinh hoạt đảng; đặt ra nhiệm vụ củng cố hơn nữa khối đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng; đổi mới và tăng cường công tác lý luận, tư tưởng; chấn chỉnh hệ thống tổ chức đảng.

Qua hơn một năm thực hiện, đã tạo được một số chuyển biến, nâng cao hơn nhận thức và trách nhiệm của các cấp uỷ và đảng viên đối với công tác xây dựng Đảng. Đã triển khai một số việc quan trọng về chỉnh đốn hệ thống tổ chức của Đảng. Lập lại ban cán sự và đảng đoàn ở cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân; xác định vai trò, chức năng của các tổ chức cơ sở đảng; xác lập quy chế lãnh đạo và quản lý cán bộ; thực hiện các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, nhằm lập lại trật tự kỷ cương trong Đảng. Phương thức lãnh đạo và phong cách công tác của Đảng có sự chấn chỉnh và đổi mới theo hướng dân chủ, tập thể, đúng nguyên tắc hơn, nhằm vừa bảo đảm sự lãnh đạo chặt chẽ và có hiệu quả của Đảng, vừa phát huy vai trò chủ động của cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân. Chú trọng hơn việc bồi dưỡng kết nạp đảng viên mới

(năm 1992 kết nạp tăng 3,9% so với năm 1991, năm 1993 kết nạp tăng 30,7% so với năm 1992).

Đảng tiếp tục đổi mới tư duy, quan tâm hơn công tác tư tưởng - lý luận, làm rõ các quan điểm và nguyên tắc chỉ đạo sự nghiệp đổi mới, tích lũy thêm kinh nghiệm lãnh đạo. Đội ngũ cán bộ có bước trưởng thành, năng động hơn, dần dần quen với công tác lãnh đạo và quản lý trong công cuộc đổi mới.

Hơn 2 năm qua, *nền dân chủ của xã hội ta đã có bước phát triển đáng kể, gắn liền với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.*

Sự kiện nổi bật là việc ban hành Hiến pháp năm 1992, kịp thời thể chế hoá đường lối của Đảng về xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc tổ chức thực hiện các quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị, chế độ kinh tế, về văn hoá, giáo dục, khoa học và công nghệ, về an ninh, quốc phòng, về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân cùng với việc ban hành hàng loạt văn bản luật và pháp lệnh mới đã thúc đẩy quá trình dân chủ hoá hơn nữa các sinh hoạt xã hội trên đất nước ta.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đã coi trọng các hình thức tập hợp đa dạng nhằm mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, động viên nhân dân thực hiện nhiệm vụ chính trị, đẩy mạnh các hoạt động xã hội, chăm lo và bảo vệ lợi ích thiết thực của nhân dân. Công tác dân vận được nhiều cấp uỷ đảng quan tâm hơn. Sự phối hợp giữa cơ quan nhà nước với Mặt trận và các đoàn thể trong công tác vận động nhân dân tham gia xây dựng luật pháp, chính sách, xây dựng chính quyền các cấp, thực hiện các chính sách kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng được tăng cường hơn trước.

Các lực lượng vũ trang cùng với toàn dân có nhiều cố gắng tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới trên lĩnh vực quốc

phòng và an ninh, xây dựng lực lượng, thực hiện có kết quả nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo đảm ổn định chính trị, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ nước ta.

Chúng ta đã tiếp tục thực hiện có kết quả cuộc điều chỉnh chiến lược lớn về quốc phòng, giảm quân số, củng cố thêm thế trận chiến tranh nhân dân, triển khai xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành. Đã điều chỉnh chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia và đổi mới phương pháp hoạt động cho phù hợp với tình hình mới, nắm tình hình và đấu tranh có hiệu quả hơn với hoạt động của các thế lực thù địch.

3. Thành tựu thứ ba là quan hệ đối ngoại được mở rộng, uy tín và vị trí của nước ta trên thế giới được nâng lên, tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đại hội VII đã xác định nhiệm vụ đối ngoại là giữ vững hoà bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Đại hội nhấn mạnh tính chất rộng mở của chính sách đối ngoại: Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.

Trước những diễn biến mới của tình hình thế giới và khu vực sau Đại hội VII, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương đã cụ thể hoá và phát triển đường lối đó. Chúng ta đã chủ động, tích cực *mở rộng hoạt động đối ngoại* và thu được những kết quả rất quan trọng:

Đã khôi phục quan hệ bình thường và phát triển một bước quan hệ hữu nghị, hợp tác với Cộng hoà nhân dân

Trung Hoa. Tăng cường và củng cố quan hệ đoàn kết đặc biệt với Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào. Tham gia ký kết và đấu tranh cho việc thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Pari về Campuchia, thiết lập quan hệ láng giềng hữu nghị với Vương quốc Campuchia.

Cải thiện và mở ra giai đoạn mới trong quan hệ hợp tác, hữu nghị với các nước ASEAN và tổ chức ASEAN, mở rộng quan hệ với các nước khác ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Gìn giữ, phát triển quan hệ truyền thống với Cuba, Ấn Độ, Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên.

Duy trì và thúc đẩy quan hệ hợp tác vốn có với Liên bang Nga, các nước thuộc Liên Xô trước đây và các nước Đông Âu.

Tiếp tục ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Palestín, các dân tộc Ả-rập và nhân dân Nam Phi. Mở rộng quan hệ với các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ Latinh. Tích cực góp phần củng cố và phát triển vai trò của Phong trào Không liên kết trong tình hình mới.

Cải thiện quan hệ với các nước Tây Âu, Bắc Âu và Cộng đồng kinh tế châu Âu, với Nhật Bản, Canada, Ô-xtrây-li-a, Niu Di-lân và các nước công nghiệp mới. Khôi phục quan hệ bình thường với các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế. Đạt một số tiến bộ trong quá trình đấu tranh đòi Mỹ bỏ cấm vận và thực hiện bình thường hoá quan hệ.

II- NHỮNG MẶT YẾU KÉM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ MỚI NẢY SINH

1. Nền kinh tế vẫn mang tính chất nông nghiệp lạc hậu. Công nghiệp còn nhỏ bé, kết cấu hạ tầng kém phát triển. Cơ sở vật chất - kỹ thuật chưa xây dựng được bao nhiêu. Tích lũy từ nội bộ nền kinh tế và đầu tư phát triển còn thấp và

chưa được quan tâm thích đáng. Kinh tế tuy có mức tăng trưởng khá nhưng năng suất, chất lượng và hiệu quả còn rất thấp. Năng lực sản xuất đang xây dựng gôi đầu để huy động vào sử dụng trong thời gian tới không nhiều, ảnh hưởng xấu tới nhịp độ tăng trưởng trong những năm tới.

Đầu tư cho khoa học và công nghệ có tăng hơn trước, nhưng còn quá thấp so với nhu cầu (khoảng 1% ngân sách nhà nước), sử dụng còn dàn trải, hiệu quả hạn chế. Còn thiếu các biện pháp và cơ chế để huy động các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp đầu tư cho lĩnh vực này. Chưa xây dựng được các tập thể khoa học mạnh; chưa có sự kết hợp hữu cơ giữa các cơ sở nghiên cứu khoa học và cơ sở đào tạo, cơ sở sản xuất. Quản lý việc nhập khẩu công nghệ có nhiều khuyết điểm, để xảy ra tình trạng nhập công nghệ và thiết bị lạc hậu, giá đắt, gây hậu quả tiêu cực lâu dài.

Khả năng kiềm chế lạm phát chưa vững chắc. Ngân sách thu không đủ chi, tỷ lệ bội chi ngân sách còn cao và có xu hướng tăng lên. Nợ nước ngoài đến hạn và quá hạn trả quá lớn so với kim ngạch xuất khẩu hàng năm. Trong khi đó nhiều ngành, nhiều địa phương và đơn vị, nhiều cán bộ lãnh đạo và quản lý chưa có ý thức cần kiệm xây dựng đất nước, làm thất thoát, lãng phí rất lớn tài sản công, tiêu xài hoang phí quá khả năng làm ra.

Kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác chậm được đổi mới và củng cố. Kinh tế quốc doanh chưa làm tốt vai trò chủ đạo cả trong sản xuất và trong lưu thông. Thương nghiệp quốc doanh bỏ trống một số lĩnh vực và địa bàn trọng yếu, để cho một bộ phận tư thương thao túng, làm phương hại cả người sản xuất và người tiêu dùng. Đối với kinh tế tư nhân, vừa chưa tháo gỡ hết những trở ngại, gây khó khăn cho sự phát

triển sản xuất, vừa thiếu sự quản lý, hướng dẫn. Tình trạng làm ăn trái pháp luật xảy ra khá phổ biến.

Cơ chế thị trường đang ở giai đoạn sơ khai, mang nhiều yếu tố tự phát. Hiệu lực quản lý nhà nước còn thấp, vừa chưa phát huy đầy đủ sức mạnh của cơ chế thị trường, vừa chưa hạn chế được nhiều mặt tiêu cực của cơ chế đó. Hệ thống pháp luật chưa hoàn chỉnh, thi hành chưa nghiêm. Công tác kế hoạch hoá, hoạt động của hệ thống tài chính, ngân hàng còn nhiều yếu kém và tiêu cực. Chế độ phân phối còn nhiều bất hợp lý, thực hiện tùy tiện và không thống nhất; nguyên tắc phân phối theo lao động chưa được tôn trọng.

2. Văn hoá, xã hội tuy đạt được một số thành tựu nhưng vẫn là lĩnh vực còn nhiều vấn đề lớn, bức xúc chưa được giải quyết.

Tình trạng không có hoặc thiếu việc làm, nhất là đối với thanh niên đến tuổi lao động, vẫn đang là vấn đề nóng bỏng và là một trong những nguyên nhân cơ bản làm nảy sinh các tiêu cực xã hội.

Thực hiện chính sách công bằng xã hội chưa tốt. Bên cạnh những người làm giàu chính đáng, còn nhiều người giàu lên nhanh chóng do làm ăn phi pháp. Trong khi đó, nhiều gia đình có công với nước, đã hy sinh, mất mát lớn trong kháng chiến, nay vẫn còn quá khó khăn. Số người nghèo đói còn chiếm tỷ lệ đáng kể. Đời sống nhân dân ở nhiều vùng, nhất là vùng cao, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn rất nghèo.

Giáo dục vẫn chưa ra khỏi tình trạng yếu kém cả về chất lượng và hiệu quả. Nhiều vấn đề về nội dung, chương trình, phương thức đào tạo chưa được xác định phù hợp với yêu cầu phát triển. Nhiều trường sở xuống cấp nghiêm trọng, thiết bị thí nghiệm, nghiên cứu khoa học thiếu thốn và lạc hậu.

Tình trạng yếu kém của hệ thống trường sư phạm và đội ngũ giáo viên rất đáng lo ngại. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp ít được đào tạo, bồi dưỡng. Chi phí học tập còn quá lớn, ảnh hưởng đến việc học hành của con em gia đình nghèo.

Tình hình văn hoá, văn nghệ còn nhiều điều đáng lo ngại: lối sống chạy theo đồng tiền, những thị hiếu không lành mạnh, những hủ tục, mê tín tăng nhanh; nhiều sản phẩm độc hại lan tràn trên thị trường. Trong sáng tác và lý luận, phê bình đã nảy sinh một số khuynh hướng lệch lạc như phủ nhận thành tựu cách mạng và văn hoá, văn nghệ cách mạng, tách văn nghệ khỏi đường lối chính trị của Đảng, khuynh hướng “thương mại hoá”, truyền bá văn hoá lai căng, lối sống sa đọa. Những khuyết điểm và lệch lạc đó đã được Hội nghị Trung ương lần thứ tư (khóa VII) nêu lên nhưng chậm được khắc phục. Sự chỉ đạo của cơ quan đảng và công tác quản lý nhà nước đối với văn hoá, văn nghệ còn yếu.

Công tác bảo vệ sức khoẻ vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu tối thiểu của xã hội. Y tế cơ sở yếu, nhiều bệnh viện kém cả về cơ sở vật chất và tinh thần, thái độ phục vụ.

Tỷ lệ tăng dân số đến nay vẫn còn trên 2,2%, là một nhân tố cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống, ảnh hưởng tới sự phát triển của giống nòi.

Mặc dầu có nhiều cố gắng ngăn chặn, song tệ nạn xã hội có xu hướng gia tăng, nhất là nghiện hút, cờ bạc, mại dâm, trộm cướp.

Tham nhũng và buôn lậu nghiêm trọng làm cho nhân dân rất bất bình, ảnh hưởng lớn đến niềm tin đối với Đảng và Nhà nước.

3. Ổn định chính trị được giữ vững song vẫn còn nhiều nhân tố phức tạp không thể xem thường.

Nhiều tổ chức đảng và nhà nước chưa được xây dựng

trong sạch, vững mạnh. An ninh chính trị chưa thật vững chắc; trật tự an toàn xã hội chưa được bảo đảm.

Chủ trương về đổi mới và chỉnh đốn Đảng chưa được thực hiện tốt. Bộ máy vẫn nặng nề, công kênh. Phương thức lãnh đạo và phong cách công tác chậm được đổi mới. Chất lượng lãnh đạo và hiệu quả hoạt động của nhiều cấp uỷ đảng còn thấp, có nơi còn đi chệch đường lối của Đảng.

Công tác cán bộ vẫn là một khâu yếu. Đội ngũ cán bộ nhìn chung chưa ngang tầm đòi hỏi của nhiệm vụ. Ở nhiều nơi vẫn có tình trạng hẫng hụt, lúng túng trong bố trí hạt nhân lãnh đạo. Thiếu những cán bộ giỏi và chuyên gia đầu ngành về công tác đảng, về quản lý nhà nước, về sản xuất - kinh doanh, kinh tế đối ngoại, về công tác tôn giáo, dân tộc thiểu số, công tác phụ nữ. Việc quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ làm chưa tốt.

Các cấp uỷ còn coi nhẹ việc kiểm tra thực hiện Điều lệ, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.

Việc cải cách bộ máy nhà nước còn chậm và kém hiệu quả. Tệ độc đoán chuyên quyền, ức hiếp, trù dập cá nhân, tình trạng quan liêu, cửa quyền, xem thường pháp luật, kỷ cương vẫn còn nặng ở nhiều nơi.

Mặt trận và các đoàn thể còn lúng túng trong nội dung và phương thức hoạt động. Đội ngũ cán bộ đoàn thể không ổn định, còn thiếu phần khởi công tác, chưa được chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ thoả đáng.

Trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, tình trạng mơ hồ, mất cảnh giác còn phổ biến, chưa nhận thức sâu sắc âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch hòng xoá bỏ Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Một số cán bộ, đảng viên bàng quan trước những quan điểm sai trái, những hoạt động kích động gây rối của kẻ thù. Một số dao động về

con đường xã hội chủ nghĩa, thậm chí muốn đi con đường khác. Trong khi đó, công tác tư tưởng, lý luận chưa sắc bén, thiếu kịp thời, tính chiến đấu chưa cao, chưa giải đáp có tính thuyết phục nhiều vấn đề do thực tiễn đặt ra. Nhiều cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ lãnh đạo chủ chốt, còn lười học tập, chưa cố gắng tu dưỡng, nâng cao trình độ, rèn luyện bản thân. Tình trạng mất đoàn kết ở một số tổ chức đảng còn nặng nề.

III- TỔNG QUÁT

Mặc dù còn nhiều mặt yếu kém phải khắc phục, những thành tựu quan trọng đạt được đã và **đang tạo ra những tiền đề đưa đất nước chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.** Những tiền đề ấy bao gồm một loạt nhân tố cả về thế và lực, cả về vật chất và tinh thần, về kinh tế, chính trị, xã hội và văn hoá, trong nước và ngoài nước.

Thực tiễn những năm qua cho phép khẳng định: đường lối, chủ trương và chính sách lớn của Đảng về đổi mới là đúng đắn, bước đi là thích hợp. Các Nghị quyết Đại hội VI và Đại hội VII đã và đang đi vào cuộc sống.

Tổng kết thực tiễn đổi mới đưa lại cho chúng ta nhiều bài học bổ ích. Cần khẳng định rằng, những bài học kinh nghiệm bước đầu về đổi mới mà Đại hội VII nêu lên cần được tiếp tục vận dụng trong thực tế. Đó là bài học về giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới, biết kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới. Đó là bài học về sự cần thiết đổi mới toàn diện, đồng bộ, nhưng phải có

bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. Đó còn là những bài học về việc giữ vững sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trong quá trình phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề mới nảy sinh trong đổi mới, coi trọng tổng kết thực tiễn và không ngừng bổ sung, từng bước hoàn chỉnh lý luận về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đổi mới là sự nghiệp khó khăn, chưa có tiền lệ, nhưng chúng ta đã mạnh dạn tìm tòi, dũng cảm tiến hành và giành thắng lợi rất quan trọng. Nguyên nhân cơ bản nhất, quyết định nhất là Đảng ta đã giữ vững vai trò lãnh đạo, không chấp nhận đa nguyên đa đảng, nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo, có đường lối, chính sách phù hợp với quy luật và thực tiễn Việt Nam, phát huy được sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, mở rộng hợp tác quốc tế.

Đại hội VII đã nêu lên sáu đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng. Đại hội cũng đã chỉ rõ bảy phương hướng cơ bản để từng bước thực hiện trên thực tế các đặc trưng ấy. Đó chính là *định hướng xã hội chủ nghĩa* mà các Hội nghị Trung ương (Khoá VII) đã cụ thể hoá để chỉ đạo thực tiễn. Dẫu sao, xây dựng chủ nghĩa xã hội còn là sự nghiệp rất mới mẻ, đòi hỏi nhiều công phu nghiên cứu, khám phá, tìm tòi. Chúng ta phải không ngừng thông qua tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận mà từng bước hình dung ngày càng sáng tỏ về chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, làm rõ những mô hình cụ thể trong từng lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá... Phải vận dụng sáng tạo và tiếp tục phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là tư tưởng của Lênin về chính sách kinh tế mới, về chủ nghĩa tư bản nhà

nước, sáng tạo nhiều hình thức quá độ, những nấc thang trung gian đa dạng, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể để đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội một cách vững chắc.

Phần thứ hai

**NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU
TRONG THỜI GIAN TỚI**

Trước mắt nhân dân ta là những thách thức lớn và những cơ hội lớn.

Những thách thức là: nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới do điểm xuất phát thấp, nhịp độ tăng trưởng chưa cao và chưa vững chắc, lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh gay gắt; nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa nếu không khắc phục được những lệch lạc trong chủ trương, chính sách và chỉ đạo thực hiện; nguy cơ về nạn tham nhũng và tệ quan liêu; nguy cơ “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch. Các nguy cơ đó có liên quan mật thiết với nhau, tác động lẫn nhau.

Nhưng chúng ta cũng có nhiều thuận lợi cơ bản: Đảng ta có đường lối đúng đắn, đoàn kết nhất trí; nhân dân ta cần cù và thông minh, giàu lòng yêu nước, có bản lĩnh và ý chí cách mạng kiên cường, tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng; các lực lượng vũ trang tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta; những thành tựu của công cuộc đổi mới đang tạo ra thế và lực mới; sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, xu thế mở rộng quan hệ hợp tác phát triển trên thế giới và trong khu vực đem lại cho chúng ta khả năng có thêm những nguồn lực quan trọng.

Mục tiêu tổng quát mà Đại hội VII đề ra cho đến năm 1995 là: “Vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa đất nước cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay”. Hai năm rưỡi vừa qua, chúng ta đã thực hiện được một phần quan trọng mục tiêu đó, nhất là mục tiêu về kinh tế. Trong những năm còn lại của nhiệm kỳ, phải *động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đồng tâm nhất trí, nỗ lực vượt bậc, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, mở rộng hợp tác quốc tế, thực hành cần kiệm liêm chính, ra sức khai thác thuận lợi, nắm bắt thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thử thách, thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát nêu trên, thúc đẩy nhanh hơn nhịp độ thực hiện những mục tiêu của chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.*

Sau đây là những nhiệm vụ chủ yếu:

1. Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Những tiến bộ về kinh tế, xã hội cùng với sự mở rộng và tăng cường hợp tác phát triển với các nước và các tổ chức quốc tế cho phép chúng ta đẩy tới một bước công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nhằm tạo thêm nhiều công ăn việc làm, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, cải thiện hơn nữa đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Đây là nhiệm vụ trung tâm có tầm quan trọng hàng đầu trong thời gian tới. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là con đường thoát khỏi nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước chung quanh, giữ được ổn định chính trị, xã hội, bảo vệ được độc lập, chủ quyền và định hướng phát triển xã hội chủ nghĩa.

Đương nhiên, chúng ta tiến hành công nghiệp hoá không theo kiểu cũ, không lặp lại sai lầm nóng vội, chủ quan mà Đại hội VI đã phê phán. Công nghiệp hoá thực chất là xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Đó không chỉ đơn giản là tăng thêm tốc độ và tỷ trọng của sản xuất công nghiệp trong nền kinh tế, mà là quá trình chuyển dịch cơ cấu gắn với đổi mới căn bản về công nghệ, tạo nền tảng cho sự tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và lâu bền của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Công nghiệp hoá phải đi đôi với hiện đại hoá, kết hợp những bước tiến tuần tự về công nghệ với việc tranh thủ những cơ hội đi tắt, đón đầu, hình thành những mũi nhọn phát triển theo trình độ tiên tiến của khoa học - công nghệ thế giới.

Phương hướng, quy mô, bước đi của tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải được cân nhắc kỹ trên cơ sở thấu suốt các quan điểm lớn sau đây:

- Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, xây dựng một nền kinh tế mở cả trong và ngoài nước, đa phương hoá và đa dạng hoá quan hệ với nước ngoài; kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh, gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường.

- Kiên trì chiến lược hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả, phát huy lợi thế so sánh của cả nước cũng như từng vùng, từng ngành, từng lĩnh vực, trong từng thời kỳ, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong nước, thị trường khu vực và thị trường quốc tế.

- Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương hướng phát triển, lựa chọn các dự án đầu tư và công nghệ.

- Khai thác nhanh thế mạnh của cả nước, của mỗi vùng, mỗi ngành, tập trung thích đáng nguồn lực cho các lĩnh vực, các địa bàn trọng điểm sớm đưa lại hiệu quả cao. Đồng thời quan tâm đáp ứng những nhu cầu thiết yếu, có chính sách, cơ chế, giải pháp thiết thực đối với những nơi khó khăn, đẩy mạnh hợp tác phát triển, bảo đảm cho các vùng và các thành phần dân cư đều có lợi ích và được hưởng thành quả của sự tăng trưởng.

- Chú trọng quy mô nhỏ và vừa, vốn đầu tư ít, thu hồi nhanh, theo phương châm “lấy ngắn nuôi dài”; xây dựng một số công trình quy mô lớn cần thiết và có hiệu quả.

- Đầu tư chiều sâu để khai thác tối đa năng lực sản xuất và công nghệ hiện có, tập trung vào những khâu quyết định khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, bảo đảm tính tiên tiến của thiết bị và công nghệ nhập khẩu, ưu tiên cho loại công nghệ tốn ít vốn, tạo nhiều việc làm trực tiếp hoặc gián tiếp.

Từ nay đến cuối thập kỷ, phải rất quan tâm đến công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và kinh tế nông thôn, phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Mở rộng thương nghiệp, du lịch, dịch vụ ở cả thành thị và nông thôn, đẩy mạnh các hoạt động kinh tế đối ngoại khác. Cải tạo, mở rộng, nâng cấp và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng vật chất ở những khâu ách tắc nhất, đang cản trở sự phát triển. Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng trong những ngành trọng yếu mà nhu cầu đòi hỏi bức bách và có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường để phát huy tác dụng nhanh và có hiệu quả cao. Phát triển sự nghiệp nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo,

y tế, bảo vệ môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển trước mắt cũng như lâu dài.

Trong khi ra sức khai thác các lợi thế so sánh trước mắt về nhân công rẻ, tài nguyên và vị trí địa lý thuận lợi, cần quan tâm nghiên cứu và dự báo chiều hướng phát triển trong khu vực và trên thế giới, chiến lược và chính sách của các bên đối tác và các đối thủ cạnh tranh; phát hiện những cơ hội, những lợi thế so sánh mới, bồi dưỡng để phát huy tối đa nguồn lực quyết định nhất là con người Việt Nam để định hướng phát triển lâu dài và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc phát triển theo định hướng đó.

Để công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cần huy động nhiều nguồn vốn, gắn với sử dụng vốn có hiệu quả. Trong đó, nguồn vốn trong nước là quyết định, nguồn vốn từ bên ngoài là quan trọng.

Để bảo đảm tăng trưởng bình quân hàng năm không dưới 8%, phải nhanh chóng đưa tổng vốn đầu tư tới mức trên 20% GDP hàng năm trong vài năm tới, và cao hơn trong những năm sau, đi đôi với nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Điều đó đòi hỏi nỗ lực lớn, có chủ trương, chính sách thích đáng để động viên toàn xã hội ra sức cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, dồn vốn cho đầu tư phát triển, nhất là cho lĩnh vực sản xuất vật chất.

Đầu tư tập trung của ngân sách nhà nước có ý nghĩa quyết định đối với sự tăng trưởng của toàn bộ nền kinh tế. Cần tăng nhanh hơn nữa nguồn vốn đầu tư tập trung bằng cách tăng mức huy động GDP vào ngân sách; thu hút các nguồn viện trợ và tín dụng ưu đãi của các chính phủ, các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế; kiểm kê, kiểm soát, quản lý chặt chẽ, phân bổ và sử dụng có hiệu quả những tài sản công hiện có, chống thất thoát, lãng phí.

Vốn đầu tư của Nhà nước chủ yếu dùng để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, xây dựng mới một số cơ sở công nghiệp mũi nhọn, then chốt, một số cơ sở công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, làm hàng hoá và dịch vụ xuất khẩu và dành một phần cho việc tài trợ các dự án giải quyết việc làm, nhất là để phủ xanh đất trống đồi trọc, đánh bắt thủy hải sản, tiến mạnh ra khơi.

Nhà nước chỉ cấp vốn đầu tư cho những công trình hoặc sự nghiệp thuộc kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng trực tiếp thu hồi vốn. Phần còn lại dùng làm vốn tín dụng đầu tư của Chính phủ mà người sử dụng phải hoàn trả.

Đổi mới cơ chế quản lý xây dựng cơ bản để ngăn chặn tiêu cực, lãng phí, thất thoát vốn nhà nước, nhất là các khâu thiết kế, xác định đơn giá xây dựng, nghiệm thu công trình. Sử dụng dịch vụ thẩm định chất lượng, giá cả vật tư thiết bị nhập khẩu và kiểm toán của các công ty trong nước và ngoài nước có uy tín trong lĩnh vực này. Mỗi công trình đều phải có người làm chủ cụ thể; nếu là công trình phải thu hồi vốn, thì phải thu hồi đủ và đúng hạn cho Nhà nước.

Khai thác mọi khả năng tiết kiệm và tự đầu tư phát triển của nhân dân, của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế bằng nhiều hình thức sao cho mọi tiềm năng đều được huy động, mọi đồng vốn đều sinh lời, nâng dần tỷ trọng của nguồn vốn này trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

Để mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả đầu tư, phải bổ sung, hoàn chỉnh những *chính sách vĩ mô* cần thiết, trước hết là:

+ Ổn định môi trường kinh tế vĩ mô, thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, bảo hộ mọi hình thức sở hữu hợp pháp và quyền tự do kinh doanh theo pháp luật; ban hành Luật đầu tư trong nước và các luật lệ, thể

chế cần thiết khác để khuyến khích và hỗ trợ các nỗ lực đầu tư phát triển.

+ Đổi mới chính sách tài chính quốc gia, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tài chính nhà nước với tài chính của doanh nghiệp và dân cư, xử lý thoả đáng nhu cầu động viên thu nhập tập trung vào ngân sách với nhu cầu tự đầu tư của từng doanh nghiệp và dân cư, bảo đảm lợi ích cho người đầu tư, tạo động lực mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh.

Hình thành và phát triển thị trường vốn mà nòng cốt là các ngân hàng đầu tư và ngân hàng thương mại, các công ty tài chính, các hãng bảo hiểm. Tiếp tục cải cách hệ thống ngân hàng, tuân thủ những nguyên tắc của cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế, nhằm huy động và cho vay vốn có hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu tăng trưởng cao của nền kinh tế quốc dân. Phát triển các hình thức công ty cổ phần, mở rộng từng bước việc phát hành và lưu thông các loại cổ phiếu, tín phiếu, trái phiếu, tạo tiền đề thiết lập thị trường chứng khoán.

+ Bổ sung, sửa đổi các cơ chế, chính sách nhằm thực hành nghiêm ngặt chế độ tiết kiệm trong mọi hoạt động của các cơ quan đảng, nhà nước, quân đội, công an, các đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân, dồn vốn cho đầu tư phát triển.

+ Song song với việc khai thác các nguồn lực trong nước, cần tạo các điều kiện để thu hút nhiều hơn và có hiệu quả hơn vốn và công nghệ bên ngoài. Thực hiện các chính sách rộng rãi để thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài. Xây dựng cơ chế và quy định trách nhiệm đối với việc vay nợ, trả nợ nước ngoài, bảo đảm sử dụng vốn vay có hiệu quả, không để nợ nần chồng chất. Quy hoạch các vùng, trước hết là các địa bàn trọng điểm, các khu chế xuất, khu kinh tế đặc biệt, khu công nghiệp tập trung. Xây dựng các dự án đầu tư, cân nhắc

thứ tự ưu tiên các công trình cần gọi vốn đầu tư của nước ngoài. Bảo đảm căn cứ khoa học cho việc bố trí các công trình quan trọng, tránh những sai lầm gây hậu quả lâu dài. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư cả về pháp luật, quy chế lẫn điều kiện sinh hoạt và làm việc cho các nhà đầu tư nước ngoài.

Việc khuyến khích đầu tư trực tiếp của nước ngoài phải đặt trong chiến lược phát triển và cơ chế quản lý đồng bộ, bảo đảm chủ quyền, khả năng kiểm soát và định hướng của Nhà nước đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng cơ chế quản lý nhà nước đối với việc thực hiện các dự án đầu tư có vốn nước ngoài và các công trình hoàn thành xây dựng đi vào hoạt động. Đi đôi với việc mở rộng nhiều hình thức đầu tư, cần tăng dần tỷ trọng tham gia của phía Việt Nam vào các công trình hợp tác liên doanh.

Các ngành khoa học và công nghệ phải tập trung nghiên cứu ứng dụng nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh, phục vụ yêu cầu chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đáp ứng đòi hỏi đổi mới trang bị trong nền kinh tế quốc dân, nâng cao trình độ công nghệ hiện có, hiện đại hoá những công nghệ truyền thống và tiếp thu công nghệ mới một cách thích hợp. Góp phần quản lý, thẩm định chặt chẽ công nghệ nhập khẩu. Chú trọng phát triển các lĩnh vực điện tử - tin học, công nghệ sinh học, vật liệu mới.

Bằng thực tiễn hoạt động đổi mới, bám sát cuộc sống, kịp thời phát hiện và nâng cao những sáng kiến của nhân dân, đẩy mạnh công tác nghiên cứu một cách thiết thực, tiếp tục làm sáng tỏ những vấn đề của chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

2. Thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, tạo động lực và môi trường thuận lợi hơn nữa cho các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp phát triển nhanh và có hiệu quả cao

Tiếp tục chấn chỉnh và xây dựng *khu vực doanh nghiệp nhà nước* hoạt động có hiệu quả, đảm nhiệm được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế là một việc hết sức quan trọng và cấp bách. Vai trò đó thể hiện ở chỗ mở đường và hỗ trợ cho các thành phần khác phát triển, thúc đẩy sự tăng trưởng nhanh và lâu bền của nền kinh tế, là một công cụ có sức mạnh vật chất để Nhà nước điều tiết và hướng dẫn nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phân biệt sở hữu nhà nước với hình thức doanh nghiệp nhà nước. Tài sản và vốn thuộc sở hữu nhà nước được sử dụng dưới nhiều hình thức, vừa bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội cao, vừa tăng cường khả năng thúc đẩy và kiểm soát trực tiếp của Nhà nước đối với các hoạt động kinh tế, như: đầu tư vào khu vực doanh nghiệp nhà nước (gồm những doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hay Nhà nước nắm một tỷ lệ cổ phần đủ sức khống chế); giao quyền sử dụng lâu dài (đất đai, rừng...); cho thuê, tô nhượng (hầm mỏ), liên doanh; góp cổ phần, mua cổ phiếu của các doanh nghiệp thuộc những thành phần khác.

Tập trung xây dựng doanh nghiệp nhà nước ở những ngành, những lĩnh vực, những khâu như kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hệ thống tài chính - ngân hàng, bảo hiểm, một số cơ sở sản xuất và dịch vụ trọng yếu, bảo đảm cho toàn bộ nền kinh tế phát triển với hiệu quả cao. Trong các lĩnh vực này, không loại trừ sự tham gia của các thành phần

kinh tế khác với hình thức và mức độ khác nhau. Theo yêu cầu đó, vừa giảm bớt những doanh nghiệp không cần giữ hình thức quốc doanh, vừa củng cố, mở rộng và xây dựng mới những doanh nghiệp nhà nước cần thiết.

Củng cố và phát triển doanh nghiệp nhà nước trong nông - lâm - ngư nghiệp theo hướng liên kết, hợp tác với các loại hình doanh nghiệp khác nhau để phát huy vai trò là trung tâm công nghiệp, dịch vụ (nhất là công nghiệp chế biến), trung tâm khoa học - kỹ thuật, trung tâm văn hoá - xã hội trên từng địa bàn.

Chấn chỉnh và tăng cường hệ thống thương nghiệp nhà nước, chủ yếu trên các lĩnh vực kinh doanh xuất - nhập khẩu các vật tư thiết yếu và bán buôn, giữ tỷ trọng cần thiết trong bán lẻ, cùng các thành phần khác ổn định và phát triển lành mạnh thị trường; làm cho giao lưu hàng hoá thông suốt, phục vụ và thúc đẩy sản xuất phát triển, bảo vệ lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng.

Đổi mới cơ bản tổ chức và cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước để vừa bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp trong cơ chế thị trường, vừa bảo đảm sự kiểm soát của Nhà nước. Nguyên nhân cơ bản của tình trạng nhiều doanh nghiệp nhà nước làm ăn kém hiệu quả, tiêu cực và lãng phí lớn là do tài sản của Nhà nước không có người làm chủ trực tiếp, có trách nhiệm và lợi ích rõ ràng đối với việc sử dụng có hiệu quả các tài sản đó; công nhân viên chức làm việc tại doanh nghiệp không có động lực thường xuyên và bền vững để gắn bó thiết thân với sự phát triển của doanh nghiệp, không có quyền hạn vật chất và tổ chức đủ mạnh để tham gia định đoạt các quyết sách làm ăn, ngăn chặn từ gốc tệ tham nhũng, làm thất thoát, hư hỏng tài sản công. Phải tìm giải pháp khắc phục bằng được tình trạng đó.

Để thu hút thêm các nguồn vốn, tạo nên động lực, ngăn chặn tiêu cực, thúc đẩy doanh nghiệp nhà nước làm ăn có hiệu quả, cần thực hiện các hình thức cổ phần hoá có mức độ phù hợp với tính chất và lĩnh vực sản xuất - kinh doanh; trong đó, sở hữu nhà nước chiếm tỷ lệ cổ phần chi phối.

+ Áp dụng từng bước vững chắc việc bán một tỷ lệ cổ phần cho công nhân viên chức làm việc tại doanh nghiệp.

+ Nghiên cứu, làm thí điểm và áp dụng từng bước vững chắc việc chia lợi nhuận của các doanh nghiệp nhà nước (sau khi nộp đủ thuế, dành quỹ tích lũy sản xuất và phúc lợi xã hội) theo lương cơ bản cho công nhân viên chức làm việc tại doanh nghiệp.

+ Thí điểm việc bán một phần cổ phần, cổ phiếu của một số doanh nghiệp nhà nước cho các tổ chức và cá nhân ngoài doanh nghiệp.

+ Trên cơ sở cổ phần hoá, tổ chức hội đồng quản trị gồm đại diện cho sở hữu nhà nước, sở hữu của công nhân doanh nghiệp và các chủ sở hữu khác. Định quy chế và tiêu chuẩn để hội đồng quản trị tuyển chọn giám đốc điều hành.

Hoàn thiện và áp dụng rộng rãi các hình thức khoán trong doanh nghiệp nhà nước.

Nhà nước hỗ trợ, khuyến khích và thực hiện từng bước vững chắc, phù hợp với yêu cầu phát triển của nền kinh tế, việc đổi mới các liên hiệp xí nghiệp, các tổng công ty theo hướng tổ chức các tập đoàn kinh doanh, khắc phục tính chất hành chính, trung gian.

Xoá bỏ dần (có qua làm thí điểm) chế độ bộ chủ quản, cấp hành chính chủ quản và sự phân biệt xí nghiệp trung ương và xí nghiệp địa phương.

Cơ quan nhà nước các ngành, các cấp phải chăm lo giúp đỡ doanh nghiệp nhà nước làm ăn có hiệu quả, nhất là giúp

xử lý các vấn đề vốn, công nghệ, thị trường và đào tạo, sử dụng cán bộ. Đối với những doanh nghiệp phục vụ lợi ích chung về kinh tế - xã hội nhưng mức sinh lợi trực tiếp thấp hoặc bị thua lỗ, Nhà nước có chính sách ưu đãi hợp lý, không gây ỷ lại. Có quy chế bảo đảm sự kiểm soát của Nhà nước theo đúng chức năng, đồng thời khắc phục tình trạng thanh tra, kiểm tra tùy tiện gây hậu quả xấu cho doanh nghiệp. Đối với những doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong những khâu và lĩnh vực không thiết yếu, thua lỗ kéo dài, không có điều kiện chấn chỉnh, thì xử lý dứt điểm theo những biện pháp mà Hội nghị Trung ương 2 (khoá VII) đã nêu ra.

Đổi mới kinh tế hợp tác xã, phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ xã viên. Nhà nước giúp đỡ, hỗ trợ và hướng dẫn phát triển các loại hình kinh tế hợp tác trong các ngành và lĩnh vực của nền kinh tế, trên nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ, kết hợp được sức mạnh của tập thể và sức mạnh của hộ xã viên.

Đổi mới hợp tác xã và phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong nông, lâm, ngư nghiệp theo Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VII); xử lý dứt điểm những hợp tác xã trì trệ kéo dài.

Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới và thúc đẩy các hình thức kinh tế hợp tác trong tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, vận tải, tín dụng, thương nghiệp, dịch vụ. Hợp tác xã có thể kinh doanh tổng hợp nhiều ngành nghề, trên nhiều địa bàn, không bị ràng buộc bởi ranh giới hành chính. Bên cạnh vốn góp cổ phần của xã viên, tài sản không chia của tập thể, hợp tác xã có thể huy động vốn và sức lao động ngoài các thành viên của mình. Xã viên được hưởng thu nhập từ hợp tác xã theo lao động và theo cổ phần. Hợp tác xã có nhiều mức độ về

tập thể hoá tư liệu sản xuất, tùy theo nhu cầu sản xuất kinh doanh, nguyện vọng và lợi ích của xã viên.

Kinh tế cá thể, tiểu chủ hoạt động phần lớn dưới hình thức hộ gia đình, đang là một bộ phận đông đảo và có tiềm năng to lớn, có vị trí quan trọng lâu dài. Phải có chính sách giúp đỡ, hỗ trợ thành phần này về vốn, về công nghệ, về thông tin thị trường, v.v. giúp họ làm ăn có hiệu quả, tạo thêm công ăn việc làm và đóng góp vào công cuộc phát triển đất nước. Đồng thời hướng dẫn, vận động kinh tế cá thể từng bước đi vào làm ăn hợp tác trên nguyên tắc tự nguyện.

Kinh tế tư bản tư nhân trong và ngoài nước đang ngày càng phát triển và có những đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng đất nước. Nhà nước tiếp tục khuyến khích kinh tế tư bản tư nhân phát triển trong những ngành và lĩnh vực mà pháp luật không cấm; bảo hộ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp của các nhà kinh doanh tư nhân; góp vốn cùng tư nhân đầu tư phát triển trên cơ sở thoả thuận; khuyến khích các chủ doanh nghiệp tư nhân dành cổ phần ưu đãi để bán cho công nhân viên làm việc trực tiếp tại doanh nghiệp; giúp đỡ, hướng dẫn họ khắc phục các khó khăn, làm ăn đúng pháp luật. Có quy chế và tổ chức cụ thể nhằm thực hiện đầy đủ các chức năng quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp của bên ngoài.

Đi đôi với kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước, cần phát triển cơ sở đảng, công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội của quần chúng trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp hợp tác - liên doanh trong nước và với nước ngoài, nhằm góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo vệ lợi ích hợp pháp của người lao động, ngăn chặn những việc làm phi pháp.

Tạo điều kiện và môi trường pháp lý cho hoạt động cạnh tranh hợp pháp, cho sự hợp tác, liên doanh một cách tự nguyện, cùng có lợi giữa các doanh nghiệp, không bị hạn chế bởi ranh giới ngành chủ quản hoặc địa phương; dựa vào những doanh nghiệp nhà nước lớn làm nòng cốt, hình thành những tập đoàn kinh doanh đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

3. Xây dựng đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa

Tiếp tục xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế mới, kiên trì quá trình chuyển đổi sang cơ chế thị trường đi đôi với tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước.

Hoàn thiện các cơ chế, chính sách, tạo điều kiện cần thiết cho cơ chế thị trường hoạt động có hiệu quả: bảo đảm quyền tự chủ của các chủ thể kinh doanh; giá cả chủ yếu do thị trường định đoạt; các tín hiệu thị trường là căn cứ rất quan trọng để phân bổ nguồn lực cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh; khuyến khích cạnh tranh hợp pháp, lành mạnh, hạn chế độc quyền; nhà kinh doanh được tìm kiếm lợi nhuận một cách hợp pháp...

Nhà nước chỉ trực tiếp định giá đối với một số ít những hàng hoá - dịch vụ hoặc vì ý nghĩa kinh tế - xã hội đặc biệt quan trọng, hoặc vì tính chất độc quyền cao, song cũng không thoát ly cơ sở thị trường. Xử lý đúng giá điện, nước, xăng dầu, cước phí vận tải... xoá bù lỗ, điều tiết thu nhập một cách hợp lý, tạo cơ sở để mở rộng tái sản xuất và hạn chế lãng phí trong sử dụng. Tuân thủ nguyên tắc lãi suất thực dương, theo sát mức biến động của chỉ số lạm phát, tạo thuận lợi cả cho thu hút vốn lẫn cho vay phát triển. Điều hành tốt tỷ giá hối đoái, bảo đảm mức tỷ giá thực tế, tương đối ổn định

nhưng không cứng nhắc, có tác dụng thúc đẩy xuất khẩu và kiểm soát nhập khẩu. Hình thành giá tiền công (tiền lương) hợp lý. Có chính sách trợ giá có chọn lọc đối với hàng nông sản, hàng xuất khẩu; bảo hộ đúng mức sản xuất nội địa, bảo hộ lợi ích của cả người sản xuất lẫn người tiêu dùng. Hình thành đồng bộ các loại thị trường: hàng hoá - dịch vụ, sức lao động, vốn, công nghệ, bất động sản, v.v..

Tăng cường quản lý vĩ mô của Nhà nước nhằm định hướng và chỉ đạo sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế - xã hội, tạo môi trường kinh tế và khuôn khổ pháp lý cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phát huy mặt tích cực, ngăn ngừa và khống chế những tác động tự phát, tiêu cực, khắc phục những mặt khiếm khuyết vốn có của cơ chế thị trường, làm cho thị trường thật sự trở thành công cụ quan trọng trong việc phân bổ và sử dụng có hiệu quả hơn các nguồn lực, phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân, bảo đảm quan hệ tích lũy - tiêu dùng, điều tiết lợi ích giữa các thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng nhanh hơn, ổn định vững chắc hơn, công bằng xã hội nhiều hơn.

Quản lý vĩ mô của Nhà nước phải bao quát toàn bộ nền kinh tế quốc dân, các thành phần kinh tế, chứ không riêng khu vực doanh nghiệp nhà nước. Tăng cường tính tập trung thống nhất của Chính phủ trong điều hành vĩ mô nền kinh tế, đi đôi với việc mở rộng trách nhiệm và quyền hạn của ngành và địa phương đối với những vấn đề mà các cấp này có khả năng xử lý có hiệu quả hơn; bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp.

Các bộ chuyên ngành tập trung làm tốt chức năng hoạch định chiến lược, quy hoạch, chính sách phát triển của toàn ngành, hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, kiểm soát các doanh

nghiệp thuộc mọi thành phần, trên mọi địa bàn, theo đúng chức năng quản lý nhà nước về ngành kinh tế - kỹ thuật mà bộ phụ trách. Tăng cường vai trò quản lý xuyên suốt các ngành và lĩnh vực của các bộ tổng hợp, làm cho mọi hoạt động kinh tế - xã hội đều nằm trong phạm vi quản lý vĩ mô có hiệu lực của Nhà nước.

Các cấp chính quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn đối với mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, không phân biệt kinh tế trung ương hay địa phương.

Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, làm cho pháp luật được thực hiện nghiêm minh.

Củng cố và tăng cường vai trò tham mưu của cơ quan kế hoạch, làm tốt các chức năng lập quy hoạch, kế hoạch để định hướng phát triển; tính toán và duy trì các cân đối vĩ mô; thực hiện các ý đồ về điều chỉnh cơ cấu đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; làm trung tâm điều phối các nguồn lực tập trung huy động được từ trong và ngoài nước để sử dụng có hiệu quả cho việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Tiếp tục cải cách sâu sắc và toàn diện hệ thống tài chính - tiền tệ.

Xử lý tốt các quan hệ sau đây theo hướng tăng tích lũy cho đầu tư phát triển, bảo đảm quản lý thống nhất nền tài chính quốc gia: tích lũy và tiêu dùng; tài chính nhà nước và tài chính của doanh nghiệp, của dân cư; ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; chi tiêu thường xuyên với chi đầu tư phát triển và bảo đảm quốc phòng, an ninh; huy động vốn trong nước và vốn bên ngoài; đáp ứng các nhu cầu trước mắt với tiết kiệm và đầu tư phát triển vì lợi ích lâu dài; quyền tự chủ tài chính của doanh nghiệp với sự kiểm kê, kiểm soát chặt chẽ về mặt tài chính của Nhà nước.

Khống chế bội chi ngân sách ở mức dưới 5% GDP, tăng thu để bảo đảm chi, không bù đắp bội chi ngân sách bằng phát hành tiền, tiến tới thăng bằng thu chi ngân sách.

Cải cách hệ thống kế toán. Phát triển hoạt động kiểm toán nhà nước và kiểm toán tư nhân.

Ngân hàng Trung ương có trách nhiệm xây dựng và thi hành chính sách tiền tệ, bảo đảm cung ứng vừa đủ lượng tiền cho lưu thông thông suốt; kiểm soát lạm phát, phối hợp với các cơ quan tài chính, thương mại, giá cả để giữ chỉ số tăng giá bình quân hàng năm ở mức một con số; phấn đấu cân đối cán cân thanh toán quốc tế, tăng quỹ dự trữ ngoại tệ.

Hệ thống tài chính, ngân hàng phải làm tốt chức năng tạo vốn, huy động và cho vay vốn có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế; chức năng trung tâm thanh toán và lưu thông tiền tệ của toàn xã hội.

Cải tiến cơ chế quản lý ngoại tệ, tạo điều kiện cho đồng tiền Việt Nam có thể chuyển đổi tự do, trở thành phương tiện thanh toán duy nhất trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

4. Chăm lo các vấn đề văn hoá, xã hội

Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về các lĩnh vực văn hoá, xã hội là chăm sóc, bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, với tư cách vừa là động lực, vừa là mục tiêu của cách mạng. Trong đó, việc làm, công bằng xã hội, nâng cao dân trí, lành mạnh hoá xã hội, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân là những vấn đề nổi lên hiện nay.

Phương hướng quan trọng nhất để *tạo công ăn việc làm* là Nhà nước cùng với toàn dân ra sức tiết kiệm để đầu tư phát triển, thực hiện tốt chiến lược kinh tế - xã hội. Khuyến

khích mọi thành phần kinh tế, mọi công dân, mọi nhà đầu tư trong và ngoài nước mở mang ngành nghề, tạo nhiều việc làm cho người lao động, giảm nhanh số người chưa có hoặc thiếu việc làm. Mở rộng kinh tế đối ngoại. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

Mở các lớp dạy nghề cho thanh niên, nâng cao kiến thức và tay nghề. Đối với những người dôi ra trong khu vực hành chính, sự nghiệp cũng như trong các đơn vị kinh tế, phải tổ chức đào tạo lại, dạy nghề, giúp vốn, hướng dẫn sản xuất kinh doanh, tìm việc làm mới. Đẩy mạnh hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm.

Trong các doanh nghiệp tư bản tư nhân, pháp luật phải bảo vệ lợi ích hợp pháp của cả người lao động và người chủ. Luật lao động, Luật tiền công, Luật bảo hiểm, Luật thuế... đã và sẽ được ban hành theo hướng vừa khuyến khích đầu tư phát triển, vừa hạn chế bất công xã hội; ngăn chặn làm ăn phi pháp. Nội quy, điều lệ và kỷ luật lao động do các doanh nghiệp đề ra không được trái với pháp luật.

Tăng trưởng kinh tế phải gắn với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển. Công bằng xã hội thể hiện cả ở khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất, lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất, cũng như ở điều kiện phát triển năng lực của mọi thành viên trong cộng đồng.

Thực hiện nguyên tắc ai làm việc có hiệu quả cao hơn, có đóng góp nhiều hơn thì thu nhập lớn hơn và ngược lại; chống chủ nghĩa bình quân, chống dựa dẫm, ỷ lại. Phân phối theo lao động là chủ yếu, khuyến khích và đãi ngộ xứng đáng các tài năng; đồng thời phân phối theo nguồn vốn đóng góp vào sản xuất, kinh doanh.

Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói giảm nghèo. Coi việc một bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết

cho sự phát triển. Đồng thời, có chính sách ưu đãi hợp lý về tín dụng, về thuế, đào tạo nghề nghiệp để tạo điều kiện cho người nghèo có thể tự mình vươn lên làm đủ sống và phấn đấu trở thành khá giả. Các vùng giàu, vùng phát triển trước phải cùng Nhà nước giúp đỡ, lôi cuốn các vùng nghèo, vùng phát triển sau để cùng vươn lên, nhất là những vùng đang có rất nhiều khó khăn, nghèo hơn các vùng nghèo khác như các vùng cao, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng trước đây. Đồng thời các vùng nói trên phải phấn đấu vươn lên, phát huy tiềm năng tại chỗ và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ. Động viên những người giàu góp sức cùng Nhà nước giúp đỡ người nghèo theo hướng tương trợ về vốn, công cụ, vật tư, truyền bá kinh nghiệm, chỉ dẫn cách thức làm ăn.

Lập quỹ toàn dân đền ơn, đáp nghĩa những người có công với nước.

Có chính sách điều tiết hợp lý đối với những người giàu; động viên các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân tự nguyện tham gia các hoạt động nhân đạo, ái hữu, từ thiện, giúp đỡ những nạn nhân chiến tranh, những nơi bị thiên tai, những người tàn tật, già cả, neo đơn không có khả năng lao động.

Đề cao trách nhiệm của mỗi công dân tự giải quyết những vấn đề của bản thân và gia đình mình; đồng thời tăng cường cộng đồng trách nhiệm của toàn xã hội, phát huy truyền thống nhân ái của dân tộc ta.

Tích cực thực hiện những mục tiêu và giải pháp đã nêu trong Nghị quyết Trung ương 4 (khoá VII) về giáo dục và đào tạo, văn hoá, văn nghệ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân và công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình.

Phấn đấu trong một số năm đạt được chuyển biến đáng kể trong *giáo dục*, làm cho giáo dục ngày càng thực hiện tốt

chức năng nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Trước mắt, phải thực hiện bằng được phổ cập tiểu học; những nơi có điều kiện thì thực hiện phổ cập cấp II. Có chính sách miễn, giảm học phí và giúp đỡ thích đáng nhằm bảo đảm việc học hành của con em các gia đình nghèo, nhất là ở vùng sâu, vùng cao, vùng căn cứ cách mạng trước đây. củng cố các trường dân tộc nội trú hiện có và mở thêm một số trường mới. Tổ chức lại hệ thống dạy nghề; củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống trường sư phạm; sắp xếp lại hệ thống đại học theo hướng gắn học chữ với học nghề, học đi đôi với hành, gắn đào tạo, nghiên cứu với sản xuất. Xây dựng các trung tâm đại học quốc gia. Thiết kế lại mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục cho phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước. Có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo lại đội ngũ giáo viên. Có chính sách ưu đãi thoả đáng đội ngũ thầy giáo. Tăng cường quản lý nhà nước của ngành giáo dục và đào tạo.

Chăm lo xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Giáo dục nếp sống, đạo đức và phong cách ứng xử có văn hoá cho mọi người. Phát triển văn hoá dân tộc đi đôi với mở rộng giao lưu văn hoá với nước ngoài, vừa giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, vừa tiếp thu tinh hoa văn hoá thế giới. Kiên quyết chống những hiện tượng và hành vi thô bạo, lai căng phản văn hoá, phi đạo đức và nhân tính. Kế thừa, phát huy truyền thống nhân ái, nghĩa tình, thuần phong mỹ tục đi đôi với bài trừ hủ tục, mê tín, dị đoan và các tệ nạn xã hội khác.

Củng cố, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá, văn nghệ. Bảo đảm dân chủ tự do cho mọi sự sáng tạo và hoạt động văn hoá đi đôi với đề cao trách nhiệm của văn nghệ sĩ trước công chúng và dân tộc. Bồi dưỡng tài năng, khuyến

khích sáng tạo những tác phẩm lành mạnh, có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao. Phấn đấu có nhiều tác phẩm tốt cổ vũ công cuộc đổi mới, biểu dương những nhân tố tích cực; đồng thời kiên quyết phê phán những hiện tượng tiêu cực, những khuynh hướng lệch lạc, chống mọi luận điệu và hành động thù địch. Phát triển các hoạt động văn hoá nghiệp dư, đẩy mạnh phong trào văn hoá quần chúng ở cơ sở. Tăng cường các phương tiện truyền thông đại chúng để kịp thời phổ biến, tuyên truyền về đường lối, chính sách và pháp luật; đưa đến từng gia đình các giá trị văn hoá, văn học và nghệ thuật, giáo dục cái tốt, cái đẹp, nâng cao hiểu biết và trình độ thẩm mỹ của nhân dân, ngăn chặn sự xâm nhập của những nọc độc văn hoá, những ấn phẩm phản động, đồi trụy.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chấn chỉnh và nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với hoạt động văn hoá, văn nghệ; bổ sung các chính sách, luật lệ cần thiết và thi hành nghiêm minh.

Chăm lo thích đáng công tác *chăm sóc sức khoẻ nhân dân*, nhất là chăm sóc sức khoẻ ban đầu, coi phòng bệnh là bước đi trước tích cực. Phục hồi, củng cố, mở thêm các trạm y tế cơ sở ở từng cụm dân cư, lập các đội y tế lưu động ở những nơi chưa có trạm y tế. Từng bước trang bị lại và nâng cấp các bệnh viện, xây dựng một số trung tâm y tế trình độ cao. Thực hiện tốt chế độ bảo hiểm y tế; ban hành chính sách miễn giảm viện phí cho các đối tượng chính sách và cho người nghèo. Đẩy lùi nạn suy dinh dưỡng của trẻ em, bệnh sốt rét, bấu cổ, bệnh phong. Bằng mọi biện pháp kiên quyết ngăn chặn nạn ma tuý, mại dâm và bệnh SIDA. Có biện pháp hữu hiệu để trong vài ba năm tới giảm bằng được tỷ lệ tăng dân số bình quân cả nước xuống dưới 2%, chú trọng các vùng có tỷ lệ sinh đẻ cao.

Phát triển rộng rãi phong trào *thể dục, thể thao* nhân dân trong cả nước, trước hết là trong thanh niên, học sinh, từng bước hình thành thể dục, thể thao chuyên nghiệp, đỉnh cao.

Đấu tranh chống tham nhũng là vấn đề nóng bỏng, bức bách hiện nay, phải được tiến hành một cách kiên quyết, triệt để, trong toàn bộ máy, ở tất cả các cấp, các ngành, từ trung ương đến địa phương và cơ sở. Thực hiện đồng bộ những biện pháp chủ yếu sau đây:

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật và quy tắc làm việc của mọi cơ quan và nhân viên nhà nước, khắc phục bằng được các kẽ hở trong cơ chế quản lý. Bảo đảm mọi tài sản của Nhà nước đều có người chịu trách nhiệm bảo vệ, sử dụng, phát triển và khi có hành động tham nhũng thì có thể sớm phát hiện để xử lý.

Đổi mới và tăng cường công tác tài vụ, kế toán. Sử dụng rộng rãi các dịch vụ tư vấn, thẩm định, kiểm toán.

Tinh giản bộ máy, cắt giảm những chi tiêu không thật thiết yếu, bảo đảm tiền lương đủ sống cho người hưởng lương.

- Tăng cường công tác giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên. Thủ trưởng ngành, địa phương và đơn vị phải chịu trách nhiệm đối với các vụ việc tham nhũng trong phạm vi mình trực tiếp phụ trách. Nâng cao trách nhiệm lãnh đạo của đảng bộ cơ sở, tổ chức, động viên đảng viên, quần chúng đấu tranh chống tham nhũng.

- Tiến hành nghiêm ngặt các biện pháp kiểm tra, thanh tra, giám sát của các cơ quan chức năng và của cả các tổ chức nhân dân, kịp thời phát hiện bọn tham nhũng. Xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng luật các vụ việc, nhất là các vụ nghiêm trọng, không phân biệt kẻ vi phạm ở cương vị, cấp bậc nào.

Trong đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, phải kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa tội phạm; coi trọng các biện pháp phòng ngừa; xây dựng chương trình quốc gia về phòng ngừa tội phạm, có ngân sách dành cho chương trình đó. Thực hiện nghiêm các hình phạt do luật định đối với kẻ phạm tội; đồng thời tích cực giáo dục, kết hợp với dạy nghề và tổ chức lao động sản xuất, cải thiện các điều kiện giam giữ để cải tạo, cảm hoá phạm nhân, tạo điều kiện đưa họ trở lại làm ăn lương thiện. Ngăn chặn và nghiêm trị các hành vi ngược đãi, ức hiếp người bị giam giữ.

5. Tăng cường quốc phòng và an ninh

Trong khi tập trung sức xây dựng đất nước, chúng ta phải coi trọng tăng cường quốc phòng và an ninh, chấp hành thật tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và định hướng phát triển xã hội chủ nghĩa.

Cần quán triệt và tiếp tục thực hiện tốt *nhiệm vụ chung về quốc phòng và an ninh*, nắm vững các quan điểm chỉ đạo mà Hội nghị Trung ương 3 đã đề ra. Tiến hành cuộc đấu tranh toàn dân, toàn diện, lâu dài nhằm làm thất bại mọi âm mưu và hành động “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ.

Trong mấy năm trước mắt, cần tập trung sức làm tốt một số công tác lớn dưới đây:

- Nâng cao cảnh giác cách mạng, tăng cường các cơ sở chính trị và phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng thế trận an ninh nhân dân gắn chặt với thế trận quốc phòng toàn dân.

- Xây dựng các khu vực phòng thủ vững mạnh, các phòng tuyến an ninh nhân dân, tăng cường tổ chức phòng thủ trên

các khu vực trọng điểm, bảo vệ vững chắc toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền và an ninh quốc gia.

- Bảo vệ vững chắc an ninh nội bộ, bảo vệ Đảng và chính quyền; phát hiện, ngăn chặn các hoạt động phá hoại.

- Tăng cường quản lý nhà nước về trật tự xã hội; chống tội phạm. Xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, trật tự an toàn xã hội.

- Tập trung sức xây dựng lực lượng quân đội nhân dân và công an nhân dân về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Bảo quản tốt trang bị kỹ thuật và từng bước hiện đại hoá có trọng điểm một số loại trang bị rất cần thiết. Chú trọng đầu tư cho xây dựng công nghiệp quốc phòng. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, bảo đảm cho lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ.

- Tăng cường lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp quốc phòng và an ninh. Kịp thời thể chế hoá về mặt nhà nước các chủ trương, chính sách về xây dựng nền quốc phòng và an ninh toàn dân. Nhanh chóng tổ chức, củng cố, nâng cao chất lượng các cơ quan và cán bộ chuyên trách giúp các cấp, các ngành triển khai nhiệm vụ quốc phòng và an ninh theo chức năng. Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ làm tốt chức năng quản lý nhà nước về quốc phòng và an ninh theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ Tổ quốc (Luật về quốc phòng, về an ninh quốc gia, Luật về biên giới, vùng biển, bổ sung Luật nghĩa vụ quân sự và các văn bản pháp quy khác). Tổ chức thi hành có hiệu quả các luật lệ đã ban hành.

6. Tiếp tục mở rộng quan hệ đối ngoại

Phát huy những kết quả đạt được trong lĩnh vực đối ngoại, tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chính sách đối ngoại

độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hoá và đa phương hoá, tranh thủ tối đa mặt đồng, hạn chế mặt bất đồng, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, cùng tồn tại hoà bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, giải quyết các tranh chấp bằng thương lượng, bảo đảm ổn định, an ninh và phát triển.

Tăng cường quan hệ với các tổ chức quốc tế, tích cực tham gia các hoạt động quốc tế như bảo vệ môi trường, chống các bệnh hiểm nghèo, khắc phục nạn nghèo đói...

Mở rộng hoạt động đối ngoại của Đảng và đối ngoại nhân dân nhằm tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của các tổ chức và nhân dân các nước đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Phải thấy rõ khó khăn và thách thức cũng như thuận lợi và cơ hội của nước ta, theo dõi sát diễn biến phức tạp trong quan hệ quốc tế để có chủ trương thích hợp, giữ vững nguyên tắc nhưng năng động, linh hoạt; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phối hợp có hiệu quả giữa các ngành trong hoạt động đối ngoại; chú trọng bồi dưỡng, đào tạo cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực.

7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

Tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Đó là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng

pháp luật, đưa đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước pháp quyền Việt Nam được xây dựng trên cơ sở tăng cường, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng ta lãnh đạo.

Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và cũng là bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta. Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân”. Nhà nước phải liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân. Kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, cửa quyền, chống tham ô, lãng phí, đặc quyền đặc lợi.

Bảo vệ quyền con người, các quyền cơ bản của công dân đã ghi trong Hiến pháp như quyền sở hữu, quyền sử dụng tư liệu sản xuất, quyền tự do kinh doanh hợp pháp; quyền được tự do thảo luận, tranh luận, phát biểu các ý kiến nhằm xây dựng đất nước; quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng...

Nghiêm chỉnh xem xét và giải quyết các đơn thư khiếu nại và tố cáo của công dân. Tổ chức để nhân dân tham gia công việc của đất nước, đóng góp ý kiến xây dựng các chủ trương, chính sách của Đảng, các dự án luật quan trọng của Nhà nước. Cải tiến việc bầu cử. Thông qua chế độ bầu cử và tuyển chọn dân chủ, đưa người có đức, có tài vào các cơ quan đại biểu cũng như bộ máy quản lý của Nhà nước.

Thiết lập trật tự, kỷ cương xã hội, chống các biểu hiện dân chủ cực đoan. Thực hiện chuyên chính đối với những phần tử có hành vi phản bội Tổ quốc, phá hoại an ninh quốc gia, xâm phạm lợi ích của nhân dân.

Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp, xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, nhất quán, thể chế hoá đường lối đổi mới của Đảng trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội.

Tăng cường giáo dục pháp luật, nâng cao hiểu biết và ý thức tôn trọng pháp luật, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm cho pháp luật được thi hành một cách nghiêm minh, thống nhất và công bằng.

Tiếp tục tinh giản và đổi mới bộ máy nhà nước, bảo đảm quyền lực thống nhất, phân công rõ và phát huy hiệu lực của cả ba quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp. Làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội để làm tốt hơn nữa chức năng lập pháp và giám sát. Tăng số đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách.

Xúc tiến cải cách hành chính. Đổi mới và tăng cường hệ thống hành pháp cả về tổ chức, cán bộ, cơ chế hoạt động. Phát huy vai trò điều hành của bộ máy hành pháp. Xác định vai trò và trách nhiệm của chính quyền địa phương trên cơ sở pháp luật thống nhất và sự điều hành tập trung của Chính phủ.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức và đổi mới hoạt động của hệ thống tư pháp. Phân định hợp lý thẩm quyền giữa các cơ quan tư pháp; từng bước xây dựng các cơ quan tư pháp mới theo yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm xử lý nghiêm minh, kịp thời, đúng luật mọi hành vi phạm pháp.

Xây dựng quy chế công chức, chế độ trách nhiệm công vụ. Tổ chức đào tạo lại cán bộ, viên chức trong bộ máy nhà nước, bảo đảm tính liên tục của nền hành chính.

8. Đổi mới và chỉnh đốn Đảng, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân

Tiếp tục quán triệt các quan điểm và thực hiện các chủ trương, biện pháp mà Hội nghị Trung ương 3 đã đề ra. Chú trọng các vấn đề:

- *Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, bảo đảm sự thống nhất về chính trị và tư tưởng trong toàn Đảng.* Thường xuyên bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên quan điểm, đường lối của Đảng, nâng cao trình độ nhận thức, kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những tinh hoa trí tuệ của thời đại, nhạy bén nắm bắt cái mới, xử lý đúng những vấn đề thực tiễn đặt ra.

Công tác lý luận trước hết hướng vào những vấn đề cấp bách đang cần giải quyết, thông qua nghiên cứu và tổng kết thực tiễn, làm rõ căn cứ khoa học cho các giải pháp về những vấn đề đang đặt ra của công cuộc đổi mới.

Uốn nắn những quan điểm lệch lạc, những nhận thức mơ hồ, dao động về tư tưởng; đấu tranh chống những biểu hiện cơ hội, hữu khuynh và giáo điều, bảo thủ. Cán bộ, đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không được lợi dụng dân chủ để truyền bá những quan điểm trái với đường lối của Đảng.

- *Tăng cường khối đoàn kết thống nhất trong Đảng.* Thực hiện các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Rèn luyện đạo đức cách mạng và lối sống lành mạnh, chống lãng phí, tham nhũng và làm ăn phi pháp. Chống chủ nghĩa cá nhân, vô kỷ luật, độc đoán, chuyên quyền, cục bộ, bè

phái. Coi trọng công tác bảo vệ Đảng. Giữ gìn bí mật nội bộ và bí mật quốc gia. Chống mọi âm mưu, thủ đoạn làm biến chất cán bộ. Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách và Điều lệ Đảng.

- *Mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.* Thấm nhuần tư tưởng của Bác Hồ, thực hiện đoàn kết rộng rãi mọi người Việt Nam tán thành công cuộc đổi mới, vì độc lập dân tộc, phấn đấu thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Lấy đại nghĩa dân tộc làm điểm tương đồng, đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau mà không trái với lợi ích chung, cùng nhau xoá bỏ mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai. Tư tưởng đại đoàn kết phải thể hiện trong mọi chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hoàn thiện các chính sách bảo đảm lợi ích và phát huy vai trò của công nhân, nông dân, trí thức. Bồi dưỡng, phát huy lực lượng thanh niên, phụ nữ. Bổ sung và thực hiện tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các nhà công thương, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Các cấp uỷ đảng, các đảng đoàn và ban cán sự phải tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện các nghị quyết của Trung ương và Bộ Chính trị về đại đoàn kết dân tộc, công tác Mặt trận và các đoàn thể nhân dân; xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chính quyền và các đoàn thể. Đổi mới nội dung, phương thức và phong cách hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể.

- *Đổi mới công tác cán bộ*, trước hết là đổi mới quan niệm và phương pháp công tác cán bộ trong đánh giá, tuyển chọn, sử dụng, bố trí cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt. Đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài; tạo môi trường thuận lợi cho mọi

người có đức, có tài, cả người trong Đảng và người ngoài Đảng, người ở trong nước và người sinh sống ở nước ngoài, đều có cơ hội cống hiến tốt nhất cho đất nước. Trẻ hoá đội ngũ cán bộ và trân trọng phát huy những cán bộ cao tuổi có nhiều kiến thức, kinh nghiệm, sức khoẻ tốt, lập trường chính trị vững vàng. Chú trọng cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số. Chống hẹp hòi, cục bộ, thành kiến, phân biệt đối xử.

Việc đánh giá, lựa chọn và sử dụng cán bộ lãnh đạo các cấp phải căn cứ vào những tiêu chuẩn cơ bản đã nêu trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3. Đặc biệt chú ý bản lĩnh chính trị, kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng; giữ gìn phẩm chất, đạo đức và lối sống lành mạnh; thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, không vướng vào tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng; có ý thức tổ chức kỷ luật, gần gũi quần chúng; có năng lực và phẩm chất ngang tầm nhiệm vụ.

Dân chủ hoá công tác cán bộ. Đánh giá cán bộ phải do tập thể cấp uỷ quản lý cán bộ và các cơ quan có liên quan tiến hành theo đúng quy trình chặt chẽ, dân chủ, thận trọng, công tâm. Mỗi cán bộ cần được biết và được phát biểu ý kiến về sự đánh giá của cấp uỷ, của thủ trưởng đối với mình.

Khảo sát, đánh giá lại toàn bộ đội ngũ cán bộ hiện có, trên cơ sở đó xây dựng quy hoạch cán bộ từ nay đến năm 2000 đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, số lượng, cơ cấu.

Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch. Đào tạo gắn với tiêu chuẩn từng chức danh và yêu cầu sử dụng cán bộ. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học. Đầu tư thích đáng cho việc đào tạo cán bộ đảng.

Đảng viên, nhất là cán bộ đảng các cấp, phải thường xuyên rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng, học tập trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ.

Khẩn trương chuẩn bị nhân sự cho Đại hội VIII và các năm tiếp theo.

Tiếp tục nghiên cứu, cải tiến hệ thống các chính sách, chế độ đãi ngộ cán bộ.

- *Đổi mới tư duy, nâng cao tính khoa học của công tác tổ chức, tiếp tục chấn chỉnh hệ thống tổ chức*, bảo đảm bộ máy tinh gọn, có hiệu lực và hiệu quả. Xúc tiến việc nghiên cứu, tổng kết các mô hình tổ chức, cụ thể hoá chức năng, nhiệm vụ, phương thức lãnh đạo của Đảng ở các cấp, các ngành, các loại hình cơ sở, từ đó có kế hoạch kiện toàn tổ chức, hợp lý hoá bộ máy của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể.

- *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng*. Đảng ta là Đảng cầm quyền, Đảng đề ra đường lối, chính sách xây dựng và bảo vệ đất nước; nắm vững tổ chức và cán bộ để bảo đảm thực hiện có kết quả đường lối của Đảng. Đảng lãnh đạo theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; lãnh đạo thông qua tổ chức đảng chứ không chỉ thông qua cá nhân đảng viên; lãnh đạo bằng các quyết định của tập thể và bằng cách theo dõi, cho ý kiến chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện, khuyến khích những mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc, nhằm phát huy mạnh mẽ vai trò và hiệu lực của Nhà nước, chứ không điều hành thay Nhà nước.

- *Củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên*. Sắp xếp lại chi bộ, đảng bộ cơ sở cho phù hợp với cơ chế quản lý mới, với việc cải cách bộ máy hành chính; chú trọng cơ sở xã, phường, cụm dân cư. Cụ thể hoá nội dung, phương thức lãnh đạo của các đảng bộ, chi bộ. Có chính sách và dành kinh phí thoả đáng cho việc đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ cán bộ.

Lúc này, tính kiên định chính trị, lòng trung thành với lý tưởng của Đảng, với lợi ích của nhân dân lao động và của dân

tộc, là phẩm chất hàng đầu của người đảng viên. Điều lệ Đảng đã quy định các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của đảng viên. Mọi đảng viên đều phải chấp hành thật tốt, gương mẫu và phấn đấu trở thành người sản xuất, công tác và quản lý giỏi, hoàn thành nhiệm vụ được giao; thường xuyên học tập nâng cao trình độ và năng lực công tác; có ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn sự thống nhất trong Đảng, chấp hành đúng pháp luật Nhà nước.

Đảng viên làm kinh tế phải theo đúng pháp luật và Điều lệ Đảng. Đối với một số đảng viên hiện nay đã là chủ các doanh nghiệp tư bản tư nhân, tổ chức đảng cần xem xét và giải quyết từng trường hợp cụ thể; hướng dẫn và giúp đỡ chuyển đổi thành dạng xí nghiệp, công ty cổ phần, có sự tham gia của người lao động, của Nhà nước; hoặc thành hình thức kinh tế hợp tác, để vừa tận dụng được vốn liếng và năng lực làm kinh tế của đảng viên, vừa bảo đảm bản chất giai cấp của Đảng.

Xử lý kịp thời và nghiêm minh những đảng viên thoái hoá biến chất, vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước. Tiếp tục đưa những người không còn tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Làm tốt công tác phát triển Đảng, nhất là trong thanh niên, phụ nữ, những cơ sở chưa có hoặc còn ít đảng viên.

Nhân dịp kỷ niệm 65 năm ngày thành lập Đảng và các ngày lễ lớn trong năm 1995, mở một đợt vận động giáo dục, bồi dưỡng phát triển Đảng, trước hết là trong thanh niên.

Tích cực tiến hành tổng kết công tác xây dựng Đảng, chuẩn bị Đại hội VIII của Đảng.

*

* *

Phía trước chúng ta là một thời kỳ mới với những triển vọng đầy hứa hẹn, những thách thức lớn lao mà chúng ta nhất định phải vượt qua và những thời cơ thuận lợi mà chúng ta cần tận dụng.

Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đồng tâm nhất trí, đoàn kết một lòng, quyết tâm phấn đấu thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội VII, đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên giành những thắng lợi to lớn hơn nữa.

NHIỆM VỤ KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 1994 - 1995, MỞ ĐẦU THỜI KỲ MỚI CỦA SỰ PHÁT TRIỂN

Báo cáo này bổ sung về tình hình và nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội trong hai năm tới, nhằm cụ thể hoá Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương do đồng chí Tổng Bí thư trình bày trước Hội nghị. Báo cáo bổ sung này chỉ tập trung vào một số vấn đề lớn, có ý nghĩa quan trọng đối với trách nhiệm lãnh đạo của toàn Đảng trong lĩnh vực kinh tế - xã hội trước yêu cầu của tình hình mới.

I- ĐẤT NƯỚC ĐỨNG TRƯỚC CƠ HỘI MỚI VÀ THÁCH THỨC LỚN, CÓ THỂ VÀ CẦN PHẢI CHUYỂN SANG THỜI KỲ MỚI CỦA SỰ PHÁT TRIỂN

1. Kết quả ba năm thực hiện nhiệm vụ ổn định và phát triển kinh tế - xã hội do Đại hội VII đề ra cho 5 năm 1991 - 1995

- Nhịp độ tăng trưởng bình quân hàng năm trong ba năm qua, so với kế hoạch đề ra cho 5 năm 1991 - 1995, như sau: tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 7,2% (kế hoạch 5,5 - 6%); tổng sản lượng nông nghiệp tăng 4,5% (kế hoạch 3,7 - 4,5%); tổng sản lượng công nghiệp tăng 13% (kế hoạch 8 - 10%); kim ngạch xuất khẩu tăng 20%, ba năm đạt 7,6 tỉ USD

(kế hoạch 5 năm 12 - 15 tỉ USD). Như vậy, các chỉ tiêu tổng hợp chủ yếu của nền sản xuất xã hội đều được thực hiện đạt và vượt dự kiến; một số sản phẩm quan trọng như lương thực, xi măng đến năm 1993 đã đạt mức phấn đấu đề ra cho năm 1995.

Đầu tư phát triển trong nền kinh tế sau nhiều năm giảm sút, từ ba năm qua đã có bước gia tăng, năm 1990 chỉ bằng 11,5% GDP, đến năm 1993 đã đạt trên 20%; trong đó phần đầu tư bằng tích lũy trong nước cũng tăng dần, từ 2,9% so với GDP năm 1990 tăng lên khoảng 12% năm 1993, vượt tỷ lệ dự kiến cho năm 1995.

Cơ cấu kinh tế theo ngành sau nhiều năm hầu như không thay đổi đã bắt đầu có một bước chuyển dịch theo hướng tiến bộ: tỷ trọng của ngành công nghiệp trong GDP tăng dần, từ 18,8% năm 1990 lên 20,9% năm 1993; các ngành dịch vụ cũng từ 36,3% tăng lên 38,2% trong thời gian tương ứng; sản lượng nông, lâm nghiệp năm 1993 tăng 14,1% so với năm 1990, song tỷ trọng giảm từ 40,3% xuống 36,6%.

Với nhịp độ tăng trưởng liên tục ba năm qua trong sản xuất và đầu tư, gắn với sự chuyển dịch từng bước cơ cấu ngành, *nền kinh tế đã khắc phục nhiều mặt suy thoái, thoát khỏi trì trệ và bước vào một thời kỳ mới của sự phát triển.*

- *Lạm phát được đẩy lùi, từ 67,5% trong những năm 1990, 1991 xuống 17,4% năm 1992 và 5,2% năm 1993. Trong việc giảm lạm phát, có tác động của hàng nhập lậu kim giá một số mặt hàng công nghiệp trong nước, song những nhân tố chính đưa tới sự ổn định giá là sản xuất và lưu thông hàng hoá phát triển, việc điều hành lưu thông tiền tệ có tiến bộ và Nhà nước có thêm dự trữ để can thiệp vào thị trường khi cần thiết. Mặc dù còn những yếu tố chưa vững chắc, song khả năng kiểm soát lạm phát được nâng cao hơn trước, đạt mức giảm chỉ số giá sớm hơn dự kiến.*

- *Quan hệ kinh tế với bên ngoài* được mở rộng nhanh mặc dù Mỹ chưa từ bỏ chính sách cấm vận. Ngoại thương tăng nhanh cả kim ngạch và bạn hàng, vượt qua được sự giảm sút đột ngột quan hệ kinh tế - thương mại với thị trường truyền thống. Cán cân thương mại được cải thiện; từ chỗ xuất khẩu trong những năm 1986 - 1990 chỉ trang trải được 68% kim ngạch nhập khẩu, ba năm qua đã nâng được tỷ lệ này lên trên 90%, với mức bảo đảm tốt hơn nhu cầu nhập khẩu vật tư, hàng hoá cho sản xuất và đời sống.

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài tiếp tục tăng nhanh; từ khi có Luật đầu tư đến cuối năm 1993, có hơn 800 dự án được cấp giấy phép với số vốn đăng ký 7,5 tỉ USD. Đáng chú ý là: bắt đầu có những dự án tương đối lớn, có mức vốn trên một trăm đến vài trăm triệu USD; 70% dự án đầu tư cho các lĩnh vực sản xuất và giao thông, bưu điện; tập trung vào các địa bàn kinh tế trọng điểm quốc gia ở cả ba miền; nhịp độ thực hiện vốn đầu tư cao hơn trước, năm 1993 đạt một tỉ USD, gấp năm lần năm 1990, hơn hai lần năm 1992, thu hút trên năm vạn lao động trực tiếp làm việc trong các doanh nghiệp đã đi vào hoạt động, tạo thêm việc làm cho hàng chục vạn người trong xây dựng cơ bản và trong các ngành nghề phụ trợ cho hoạt động của các doanh nghiệp đó.

Quan hệ tín dụng với các tổ chức tài chính quốc tế vừa được nối lại đã mở đường cho nguồn tài trợ từ bên ngoài tăng nhanh, được đánh dấu bằng Hội nghị 22 nước và 16 tổ chức quốc tế họp tại Pari tháng 11-1993 cam kết tài trợ cho Việt Nam 1,86 tỉ USD trong tài khoá 1993 - 1994. Tiếp đó, các nước chủ nợ trong Câu lạc bộ Pari đã thoả thuận cho nước ta được xoá và hoãn trả các khoản nợ cũ, khai thông nguồn tín dụng mới. Những việc đó mở ra khả năng

mới, rất to lớn cho việc thu hút các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước.

- Lĩnh vực *văn hoá, xã hội* cũng có một số mặt tiến bộ, nhất là từ sau Hội nghị lần thứ tư của Trung ương (khoá VII). Việc thực hiện các chương trình tạo việc làm đưa lại hiệu quả tốt hơn. Tất cả các cấp học đều tăng số học sinh và nâng dần chất lượng giáo dục. Các tỉnh và nhiều huyện miền núi có trường nội trú cho con em các dân tộc. Công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ có những thành tựu mới, gắn với sản xuất. Sóng truyền thanh, truyền hình được phủ rộng tới hầu khắp các huyện, kể cả ở vùng núi và hải đảo. Công tác tiêm chủng, phòng chống dịch bệnh được mở rộng. Hoạt động thể dục thể thao phát triển và đạt thành tích khá hơn. Cuộc vận động xoá đói, giảm nghèo và đền ơn đáp nghĩa được nhân dân hưởng ứng, đi vào giúp đỡ thiết thực đúng đối tượng. Số hộ giàu tăng lên, số hộ nghèo giảm đi; ở nhiều vùng không còn hộ đói ăn. Đời sống của đông đảo nhân dân được cải thiện; các nhu cầu về ăn, mặc, ở, đi lại, điện, nước và phương tiện truyền thông được đáp ứng tốt hơn trước.

Những thành tựu và tiến bộ trong ba năm qua, như Báo cáo chính trị khẳng định, *“đã khắc phục được một bước rất quan trọng tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội”*. Trong hoàn cảnh đầy khó khăn và thử thách, phải ứng phó với những chấn động bất lợi của tình hình quốc tế làm giảm mạnh nguồn viện trợ bên ngoài và gây đảo lộn quan hệ kinh tế - thương mại trong khi Mỹ vẫn duy trì cấm vận, *thành tựu đã đạt được là kết quả phấn đấu kiên cường của nhân dân ta, tỏ rõ sức sống và bản lĩnh của dân tộc và con người Việt Nam được khơi dậy và phát huy thông qua việc tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới theo đường lối, chính sách của Đảng*.

Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng và các kỳ Hội nghị Trung ương kế tiếp đã được thể chế hoá và đi vào cuộc sống, thúc đẩy công cuộc đổi mới về kinh tế trên ba mặt gắn bó với nhau:

Một là, hình thành cơ cấu kinh tế nhiều thành phần với quyền tự do kinh doanh được pháp luật bảo đảm và quy định rõ hơn phạm vi hoạt động.

Trong ba năm qua, khu vực doanh nghiệp nhà nước đã được sắp xếp và chấn chỉnh lại một bước, giảm hơn 4.000 doanh nghiệp thua lỗ kéo dài và không cần duy trì hình thức quốc doanh, tiếp tục củng cố và phát triển các doanh nghiệp trong những ngành và lĩnh vực then chốt, tăng tỷ trọng của khu vực này trong GDP từ 34% năm 1990 lên 40% năm 1993.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 và Luật đất đai mới được bổ sung, trong đó xác định việc Nhà nước trực tiếp giao ruộng đất cho hộ nông dân sử dụng ổn định lâu dài, vừa tạo thêm động lực cho kinh tế hộ nông dân, vừa định hướng rõ hơn cho việc đổi mới các hợp tác xã nông nghiệp và phát triển các hình thức kinh tế hợp tác mới ở nông thôn.

Chính sách phát triển kinh tế tư nhân không hạn chế về quy mô và địa bàn hoạt động trong những ngành nghề mà luật pháp không cấm đã được cụ thể hoá và thể chế hoá trong việc ban hành và tổ chức thực hiện Luật doanh nghiệp tư nhân và Luật công ty cổ phần, cùng với hai lần sửa đổi, bổ sung Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Đến cuối năm 1993 đã có 8.500 doanh nghiệp tư nhân, hơn 3.200 công ty trách nhiệm hữu hạn, hơn 100 công ty cổ phần đăng ký kinh doanh, gần 600 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chủ yếu là dưới hình thức liên doanh, đã đi vào hoạt động. Các tổ chức kinh tế dựa trên sự đan kết nhiều hình thức sở hữu xuất hiện ngày càng nhiều, tạo

nên bức tranh nhiều màu sắc của nền kinh tế nhiều thành phần đang phát triển.

Hai là, chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Tiếp theo việc thực hiện từ năm 1989 cơ chế giá thị trường đối với hầu hết hàng hoá và dịch vụ, chúng ta đã mở rộng việc áp dụng cơ chế này đối với tỷ giá hối đoái, đi liền với việc hình thành các trung tâm giao dịch ngoại tệ, và từng bước thực hiện lãi suất dương trong tín dụng. Chính sách thuế được áp dụng thống nhất đối với các thành phần kinh tế trong nước. Từ năm 1991 đã chấm dứt việc phát hành tiền để bù đắp bội chi ngân sách và tiếp đó, cho tín dụng. Cùng với sự phát triển sản xuất và lưu thông hàng hoá, những bước đổi mới trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ - tín dụng đã góp phần quan trọng đẩy lùi và kiểm soát lạm phát.

Việc xây dựng và bổ sung luật pháp đối với từng lĩnh vực hoạt động kinh tế được xúc tiến tích cực hơn. Công tác kế hoạch hoá chuyển sang tính hướng dẫn là chính, bước đầu triển khai xây dựng quy hoạch các địa bàn kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn, chuẩn bị các dự án đầu tư bằng nguồn vốn tập trung của Nhà nước.

Đến nay, cơ chế quản lý bằng kế hoạch pháp lệnh gắn với chế độ bao cấp đã được xoá bỏ về căn bản. Nền kinh tế đang được vận hành theo cơ chế thị trường và Nhà nước đã bước đầu có kinh nghiệm quản lý vĩ mô.

Ba là, khắc phục tình trạng khép kín, tự túc tự cấp, xây dựng hệ thống kinh tế mở với thị trường thông suốt cả nước và gắn với thị trường thế giới.

Chính sách tự do kinh doanh theo pháp luật đi liền với việc chuyển sang cơ chế thị trường đã phá bỏ hàng rào chia cắt hoạt động kinh tế theo địa giới hành chính và theo ngành

quản lý, bước đầu tạo các mối liên kết kinh tế theo chiều ngang. Việc giải quyết căn bản vấn đề lương thực cùng với sự giao lưu hàng hoá thông suốt trong cả nước đang tạo điều kiện cho các vùng, các đơn vị kinh tế thoát khỏi thế tự cấp, tự túc, đi vào khai thác các lợi thế so sánh để nâng cao hiệu quả kinh tế. Quá trình này mới ở bước đầu song đã xuất hiện những điển hình tốt về phát triển nền nông nghiệp hàng hoá đa dạng thay cho tình trạng thuần nông và độc canh lúa.

Chính sách xuất, nhập khẩu và hợp tác với bên ngoài được tiếp tục đổi mới, tạo thêm thuận lợi cho sản xuất trong nước gắn với thị trường thế giới, thúc đẩy xuất khẩu và mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại. Mặc dù còn bị hạn chế về khả năng và điều kiện vật chất - kỹ thuật, song xu hướng kinh tế mở đang tác động ngày càng mạnh tới quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

Từ sau Đại hội VII, công cuộc đổi mới trong lĩnh vực kinh tế đã có sự kết hợp khá hơn với việc giải quyết các vấn đề văn hoá, xã hội, nhằm khắc phục mâu thuẫn giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội, thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường.

Mặc dù có những mặt chưa đi kịp yêu cầu của cuộc sống, song công cuộc đổi mới về kinh tế - xã hội được tiếp tục đẩy mạnh trong thời gian qua theo Nghị quyết Đại hội VII là nhân tố chủ yếu đưa tới những thành tựu và tiến bộ về kinh tế - xã hội và góp phần quan trọng vào việc giữ vững sự ổn định chính trị, tạo đà cho sự phát triển mạnh mẽ hơn trong thời gian tới.

2. Những mặt yếu kém trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII

Mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu và tiến bộ rõ nét, tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều mặt yếu kém, chuyển biến chậm.

- Nền kinh tế còn nhiều yếu tố chưa vững chắc, chưa bảo đảm nhịp độ tăng trưởng nhanh và lâu bền, thậm chí có thể gây mất ổn định. Lạm phát được đẩy lùi, nhưng bội chi ngân sách còn lớn, dự trữ ngoại tệ còn mỏng; mối đe dọa tái lạm phát không thể xem thường. Tỷ lệ tiết kiệm và đầu tư trong tổng sản phẩm trong nước còn rất thấp. Trong nhân dân còn nhiều tiềm lực, nhưng cơ chế, chính sách chưa tạo được sự yên tâm, mạnh dạn đầu tư vào phát triển sản xuất. Tài sản công và vốn đầu tư của Nhà nước bị đục khoét và lãng phí lớn. Cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội chậm được cải thiện, có mặt tiếp tục xuống cấp. Khó khăn về vốn, công nghệ và thị trường đang cản trở sự phát triển sản xuất kinh doanh. Sức cạnh tranh của hàng hoá và hiệu quả của nền kinh tế còn thấp, hạn chế nguồn tích lũy đầu tư và khả năng cải thiện đời sống.

- Kinh tế thị trường đang ở trình độ sơ khai, vừa chưa được phát triển đồng bộ, vừa thiếu trật tự, kỷ cương, chủ yếu do hệ thống pháp chế chưa đầy đủ và thiếu nghiêm minh, năng lực và hiệu lực quản lý vĩ mô chưa theo kịp yêu cầu của cơ chế mới. Mặt khác, tình trạng quan liêu và sự can thiệp quá sâu bằng mệnh lệnh hành chính của các cơ quan chính quyền vào hoạt động kinh tế làm cho mặt tích cực của cơ chế thị trường không được phát huy đầy đủ, mặt tiêu cực rất khó ngăn chặn, tệ tham nhũng và “kinh tế ngầm” có đất phát triển. Trong khi đó, bộ máy nhà nước,

khu vực doanh nghiệp nhà nước và hệ thống tài chính, ngân hàng chuyển biến chậm, còn nhiều yếu kém và tiêu cực.

- Tình hình xã hội còn nhiều vấn đề gay gắt, khiến lòng dân chưa yên, đặc biệt là tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm, tệ tham nhũng, buôn lậu, nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm tăng lên; không ít kẻ làm giàu phi pháp trong khi nhiều người làm ăn lương thiện, người có công với nước phải sống nghèo khổ.

Những mặt yếu kém đó có phần do khó khăn khách quan chưa thể khắc phục trong một thời gian ngắn. Song nguyên nhân chủ yếu là do *những khuyết điểm trong công tác lãnh đạo và quản lý*.

Tiến trình đổi mới thiếu một cách nhìn tổng thể, chưa có chương trình tiến hành đồng bộ với bước đi và trình tự bảo đảm sự kết hợp giữa các khâu; trên một số mặt chưa có sự nhất quán, thông suốt về quan điểm. Khuyết điểm đó dẫn tới tình trạng chậm trễ, thiếu nhất quán trong chủ trương, thiếu kiên quyết và buông lỏng trong chỉ đạo thực hiện nhiều vấn đề quan trọng như: giải quyết chế độ sở hữu và cơ chế quản lý đối với các doanh nghiệp nhà nước, đổi mới hợp tác xã và thực hiện chính sách ruộng đất mới đối với nông dân, khuyến khích kinh tế tư nhân, đấu tranh với các hành vi phạm pháp trong hoạt động kinh tế, hình thành đồng bộ cơ chế thị trường với hệ thống kinh tế mở, đổi mới chức năng và các công cụ quản lý của Nhà nước...

Công cuộc đổi mới và phát triển đi vào chiều sâu và mở ra toàn diện vấp phải những chỗ khó hơn trước vì đụng tới lợi ích cục bộ, cá nhân, đồng thời lại đòi hỏi ý thức cách mạng, trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo và quản lý cao hơn. Trong khi đó, tình trạng thoái hoá, hư hỏng cùng với

sự bất cập về năng lực, sự lỏng lẻo về ý thức tổ chức, kỷ luật và tệ quan liêu, cửa quyền của không ít cán bộ trong các tổ chức đảng và chính quyền ở các ngành, các cấp, cả lĩnh vực quản lý nhà nước và lĩnh vực kinh doanh, đang vô hiệu hoá nhiều chủ trương, chính sách, cản trở công cuộc đổi mới, làm giảm lòng tin của nhân dân. Đây là *trở lực lớn nhất đối với công cuộc đổi mới và phát triển của đất nước ta, là thách thức gay gắt nhất đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.*

3. *Bối cảnh quốc tế và cục diện trong nước đang đặt vận nước trước cơ hội mới và thách thức lớn*

a) Thế giới đang chứng kiến những tiến bộ không ngừng của khoa học và công nghệ, đưa tới những bước nhảy vọt của lực lượng sản xuất, làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng của những ngành và lĩnh vực có hàm lượng trí tuệ cao, thúc đẩy quá trình quốc tế hoá đời sống của loài người, trước hết là về kinh tế, khoa học - kỹ thuật. Quan hệ quốc tế trước đây xoay quanh hai cực đối lập về chế độ chính trị - xã hội dựa trên thế cân bằng về quân sự, ngày nay đang trong quá trình hình thành trật tự mới với vai trò chi phối của nhiều trung tâm, trong khi khoảng cách về trình độ phát triển giữa các nước giàu và nước nghèo ngày càng rộng hơn. Nguy cơ chiến tranh huỷ diệt bị đẩy lùi, song những cuộc xung đột cục bộ và những tranh chấp chứa đựng nguy cơ bùng nổ đang diễn ra ở nhiều nơi. Cuộc chạy đua kinh tế trong môi trường cạnh tranh quyết liệt đang nổi lên, đi đôi với xu thế hoà bình, ổn định, đối thoại và hợp tác ngày càng phát triển. Xu thế đó thể hiện đậm nét ở khu vực đang phát triển năng động nhất thế giới là vùng Đông Á - Thái Bình Dương. Các nước Đông Nam Á ngày nay trở thành một khu

vực hoà bình, hợp tác, có nhịp độ tăng trưởng cao, nhưng vẫn còn tồn tại những tranh chấp tay đôi hoặc nhiều bên về chủ quyền và lợi ích quốc gia.

Trong xu thế chung của thế giới và khu vực, quan hệ quốc tế của nước ta đang ở thế thuận lợi mới nhờ đường lối và thành tựu đổi mới, chính sách đối ngoại rộng mở cùng với vị trí và các lợi thế so sánh của nước ta tạo nhiều cơ hội hợp tác cùng có lợi với các nước. Vị trí và hình ảnh của Việt Nam trên trường quốc tế được cải thiện khác trước. Chúng ta đã mở rộng quan hệ buôn bán và hợp tác đầu tư với trên 50 nước, tranh thủ được nguồn tài trợ đáng kể của hầu khắp các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức tài chính quốc tế, các tổ chức thuộc Liên hợp quốc và nhiều tổ chức quốc tế khác. Trên thực tế, chính sách cấm vận của Mỹ không ngăn cản được các nước và các tổ chức quốc tế mở rộng quan hệ với nước ta.

Trong quan hệ quốc tế, một mặt chúng ta đang có cơ hội tranh thủ hoà bình, hợp tác và phát triển để mở rộng quan hệ về nhiều mặt với mọi quốc gia và tổ chức quốc tế nhằm phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mặt khác, sự hội nhập với nền kinh tế và thị trường thế giới trong môi trường hợp tác và cạnh tranh toàn cầu đặt dân tộc ta, chế độ ta trước *thách thức lớn về nhịp độ và hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội* để thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển so với nhiều nước khác. Phải tìm ra hướng đi tối ưu cho đất nước đương đầu được thách thức ấy, chúng ta mới tránh khỏi nguy cơ bị tụt hậu xa hơn, trước hết là so với các nước xung quanh. Trong bối cảnh thế giới ngày nay, sự tụt hậu xa hơn về kinh tế không chỉ gây thua thiệt trong cạnh tranh và hợp tác quốc tế mà còn dễ dẫn đến sự lệ thuộc về kinh tế, làm mất ổn định

chính trị, xã hội, đồng thời hạn chế khả năng củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ độc lập, chủ quyền.

Có những thế lực không muốn Việt Nam ổn định và mạnh lên. An ninh và chủ quyền của nước ta còn phải đương đầu với nhiều thách thức trực tiếp do hoạt động phá hoại và mưu đồ “diễn biến hoà bình” của các lực lượng thù địch ở trong và ngoài nước, do những tranh chấp về lãnh thổ (kể cả đất liền, vùng biển, vùng trời) và về lợi ích kinh tế với một số nước lân bang...

b) Cục diện trong nước qua mấy năm đổi mới làm tăng thêm thế và lực, tạo ra những tiền đề cần thiết cho một thời kỳ mới của sự phát triển:

Công cuộc đổi mới được nhân dân đồng tình, hưởng ứng mạnh mẽ. Nền kinh tế đã có động lực, khơi dậy tính năng động, sáng tạo của mọi người trong xã hội thay thế tâm lý thụ động, ỷ lại của thời kỳ bao cấp.

Sự ổn định chính trị và quan hệ quốc tế thuận lợi; khả năng kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô; những bước mới trong việc hoàn thiện hệ thống pháp chế; đó là những yếu tố cơ bản tăng độ an toàn, giảm bất trắc cho môi trường đầu tư phát triển.

Điều kiện vật chất cho sự phát triển, tuy còn hạn chế về vốn, công nghệ, thị trường và cơ sở hạ tầng, song còn nhiều tiềm năng lớn có thể khai thác. Đó là khả năng đẩy mạnh tiết kiệm và tích lũy trong nước, khả năng huy động nguồn vốn còn lớn trong nhân dân vào đầu tư phát triển, khả năng tăng nhanh nguồn vốn tập trung của Nhà nước và dự trữ quốc gia, khả năng hiện thực mới trong việc thu hút vốn và công nghệ bên ngoài từ nguồn tài trợ cho phát triển cũng như nguồn đầu tư trực tiếp.

4. *Những yếu tố nêu trên, cả bên trong và bên ngoài, đang tạo cơ hội lớn cho sự phát triển. Cơ hội không tự nó đến mà do nỗ lực chủ quan của toàn Đảng, toàn dân ta với đường lối đúng đắn kết hợp được các nguồn lực trong nước với xu thế hoà bình, ổn định, hợp tác ở khu vực và trên thế giới. Cơ hội cũng không tự nó đem lại kết quả nếu chúng ta do dự, bỏ lỡ, không kịp thời nắm lấy và mạnh dạn phát huy.*

Làm thế nào đương đầu với thách thức, đẩy lùi và loại trừ các nguy cơ kéo đất nước tụt hậu xa hơn, tác động xấu tới sự ổn định chính trị và sự bền vững của chế độ? Chỉ có một lời giải đáp là Đảng và Nhà nước ta phải *phát huy cao độ sức mạnh quật cường của dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại, kịp thời nắm bắt và tận dụng cơ hội mới, phát triển kinh tế - xã hội với nhịp độ nhanh và vững chắc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển so với các nước xung quanh*. Đó là nguyện vọng và đòi hỏi bức xúc của nhân dân, là điều quyết định sự tín nhiệm và gắn bó của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ ta, bảo đảm cho đất nước ta phát triển theo con đường giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm thất bại mọi mưu mô, hành động “diễn biến hoà bình” và xâm phạm chủ quyền nước ta.

Nhân tố quyết định thành công là tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới cả về bề rộng và chiều sâu, phát huy cao hơn nữa tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, ra sức cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế. Phải tận lực phát huy sức mạnh bên trong mới có thể thu hút và sử dụng tốt nguồn lực bên ngoài để đẩy nhanh sự phát triển. Tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào bên ngoài chẳng

những dẫn tới tình trạng bị lệ thuộc mà còn kìm hãm sự phát triển đất nước.

Kết luận rút ra từ những điều phân tích trên là: *năm 1994 cần phải và có thể mở đầu một thời kỳ mới của sự phát triển kinh tế - xã hội trên đất nước ta*, tạo đà cho việc thực hiện vượt mức kế hoạch 5 năm 1991 - 1995 và mục tiêu chiến lược đến năm 2000.

Trong mấy năm trước, chúng ta phải tập trung cho nhiệm vụ khắc phục suy thoái và lạm phát, ổn định kinh tế, xã hội, chính trị. Từ năm 1994, trong khi tiếp tục chăm lo củng cố sự ổn định, chúng ta có điều kiện *chuyển trọng tâm vào nhiệm vụ đẩy nhanh sự phát triển kinh tế, đi đôi với tạo chuyển biến mạnh mẽ hơn về văn hoá, xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân, tăng cường thêm cơ sở bảo đảm sự ổn định chính trị và củng cố quốc phòng, an ninh*. Đó là con đường đưa đất nước thoát hẳn khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, vừa phát triển, vừa ổn định vững chắc.

Trong hai năm tới, nhịp độ tăng trưởng GDP phải đạt bình quân một năm 8,5%, sản lượng nông nghiệp 4,1%, sản lượng công nghiệp 11,5%, các ngành dịch vụ 12%, kim ngạch xuất khẩu 22%; đầu tư phát triển từ mọi nguồn vốn bằng 28% GDP, thu ngân sách trong nước chiếm khoảng 24 - 25% GDP, bội chi ngân sách giảm dần, đến năm 1995 xuống dưới 5% GDP; khống chế chỉ số giá ở mức một con số và tiếp tục nâng cao khả năng kiểm soát lạm phát.

Yêu cầu mới, rất hệ trọng mà tình thế hiện nay đặt ra đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước là không chỉ dồn sức cho việc xử lý những vấn đề cấp bách mang tính chất tình thế, mà phải đi vào giải quyết những

vấn đề cơ bản, có ý nghĩa chiến lược nhằm thúc đẩy nhanh hơn sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá, đưa nền kinh tế tăng trưởng nhanh hơn, đạt hiệu quả cao hơn, làm cho xã hội có kỷ cương, công bằng và tiến bộ tốt hơn.

Dưới đây, tôi xin trình bày một số giải pháp lớn nhằm bảo đảm thực hiện những nhiệm vụ, phương hướng về kinh tế - xã hội đã nêu trong Báo cáo chính trị.

II- ĐẨY MẠNH TIẾT KIỆM VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, TỪNG BƯỚC CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HOÁ VÀ HIỆN ĐẠI HOÁ

Chiến lược đến năm 2000 dự kiến mục tiêu tăng gấp đôi GDP trong 10 năm, với nhịp độ tăng trưởng bình quân hàng năm 7,2%, cần có tổng mức đầu tư khoảng 40 tỉ USD. Kế hoạch 5 năm 1991 - 1995 bố trí tổng mức đầu tư 12 - 14 tỉ USD, tương ứng với nhịp độ tăng trưởng 5,5 - 6%/năm. Ba năm qua, vốn đầu tư phát triển của toàn xã hội đạt 6,25 tỉ USD, bình quân một năm 2,08 tỉ; dự tính hai năm tới có thể đạt 8,4 tỉ, bình quân một năm 4,2 tỷ, gấp hơn hai lần ba năm trước và cộng chung 5 năm vượt dự kiến kế hoạch. Những con số đó được dự tính theo khả năng hiện thực, có thể phấn đấu đạt cao hơn, đánh dấu một bước tăng vọt về đầu tư phát triển trong hai năm tới.

Khai thác vốn đầu tư từ những nguồn nào và hướng đầu tư nhằm vào đâu cho có hiệu quả, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá?

1. *Nguồn vốn cơ bản nhất, quan trọng nhất là tiết kiệm và tích lũy trong nước, với tiềm năng lớn đang nằm trong dân và các doanh nghiệp*

Để khai thác tiềm năng này, Nhà nước phải tạo môi trường và điều kiện cho mọi người, mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế ra sức tiết kiệm, yên tâm, mạnh dạn đưa vốn vào đầu tư phát triển dưới nhiều hình thức và không ngừng nâng cao hiệu quả để tạo nguồn mở rộng tái đầu tư. Những biện pháp cần bổ sung và chỉ đạo thực hiện sát sao trong thời gian tới là:

a) Tiếp tục sắp xếp lại và chấn chỉnh khu vực doanh nghiệp nhà nước một cách kiên quyết và khẩn trương, phân biệt những doanh nghiệp phục vụ công cộng, đáp ứng những nhu cầu và lợi ích chung về kinh tế - xã hội mà Nhà nước cần có chính sách và cơ chế quản lý thích hợp, với những doanh nghiệp hoàn toàn theo cơ chế kinh doanh mà sự tồn tại và phát triển phụ thuộc vào hiệu quả kinh doanh trực tiếp; xử lý dứt điểm những doanh nghiệp không cần duy trì hình thức quốc doanh. Trong những ngành then chốt, với những cơ sở trọng yếu mà các thành phần kinh tế khác không có khả năng đầu tư thì vẫn cần phát triển các doanh nghiệp nhà nước mới. Xúc tiến từng bước việc hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và thế giới; mỗi tập đoàn bao gồm nhiều công ty có tư cách pháp nhân, tự nguyện liên kết các hoạt động sản xuất - thương mại - tài chính - dịch vụ... trên cơ sở gắn bó với nhau về lợi ích kinh tế và quan hệ sở hữu.

Thành lập tổ chức quản lý tài sản công ở các doanh nghiệp có vốn của Nhà nước đầu tư theo nhiều tỷ lệ khác nhau; tổ chức này được uỷ thác thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của người chủ sở hữu, với chức năng chính là bảo toàn

và phát triển tài sản công, hoạt động như một công ty tài chính quốc gia, hưởng cổ tức như mọi cổ đông, hạch toán và được kiểm toán như một doanh nghiệp.

Chính phủ lựa chọn doanh nghiệp nhà nước làm thí điểm cổ phần hoá, trực tiếp chỉ đạo sát sao, tìm các hình thức cho phép mọi công nhân, viên chức của doanh nghiệp đều có cổ phần, xây dựng và vận hành cơ chế Hội đồng quản trị đại diện cho các chủ sở hữu quản lý doanh nghiệp và thuê giám đốc. Năm 1994 phải đi tới kết luận để ban hành thể chế tiến hành cổ phần hoá trên diện rộng.

Kết quả tổng hợp của các biện pháp trên phải thể hiện ở hiệu quả thật sự, được hạch toán và kiểm toán đúng thực tế của các doanh nghiệp nhà nước, trước hết là các doanh nghiệp hoàn toàn theo cơ chế kinh doanh.

b) Triển khai thực hiện đồng bộ các chủ trương, biện pháp đề ra trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Trung ương, đã được cụ thể hoá và thể chế hoá thành các văn bản pháp quy, về phát triển kinh tế hộ nông dân, đổi mới hợp tác xã nông nghiệp và khuyến khích các hình thức hợp tác kiểu mới, liên kết với các doanh nghiệp nhà nước, tạo nên sức bật mới trong nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Thực tiễn cho thấy rõ: chủ trương khuyến khích mạnh kinh tế cá thể, kinh tế gia đình không loại trừ, mà ngược lại dẫn tới nhu cầu khách quan phải phát triển các hình thức kinh tế hợp tác đa dạng trên cơ sở tự nguyện để giải quyết các khâu trong quy trình sản xuất kinh doanh mà từng người không có khả năng làm hoặc làm kém hiệu quả, giúp cho những người sản xuất nhỏ trong nông nghiệp cũng như trong các ngành nghề khác có sức cạnh tranh trên thị trường.

c) Khuyến khích và tạo điều kiện dễ dàng hơn cho việc đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh của các thành phần

kinh tế dưới mọi hình thức sở hữu, kể cả kinh tế tư nhân, đồng thời tăng cường hiệu lực pháp chế chống buôn lậu, làm hàng giả, trốn thuế, chuyển các dạng kinh tế ngầm thành hoạt động công khai chịu sự kiểm soát của pháp luật.

Ban hành Luật đầu tư trong nước và chuẩn bị các điều kiện đi tới thống nhất Luật đầu tư đối với mọi nhà kinh doanh trong, ngoài nước.

Trừ một số ít ngành nghề cấm kinh doanh hoặc phải xin phép trước khi kinh doanh, mọi trường hợp đầu tư kinh doanh khác có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chỉ cần đăng ký theo đúng thủ tục, không phải xin phép. Người đăng ký kinh doanh phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, hợp thức của các tài liệu đăng ký và bảo đảm kinh doanh đúng đăng ký. Cơ quan nhà nước không được từ chối hoặc trì hoãn cấp đăng ký khi người muốn đăng ký kinh doanh đã làm đủ thủ tục hợp thức theo quy định của pháp luật. Việc cấp đăng ký kinh doanh phải dễ dàng, thuận tiện, không phân biệt hình thức sở hữu và nơi cư trú; xoá bỏ quy định phân biệt kinh tế cá thể và kinh tế tư nhân trong thủ tục đăng ký, dẫn tới tình trạng che giấu vốn hoặc trốn đăng ký như hiện nay.

Quan điểm các thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật phải được thể hiện trong thực tế, từ các chính sách kinh tế (nhất là thuế, tín dụng), các thủ tục đăng ký, xử lý các tranh chấp đến thái độ đối xử của các cơ quan, công chức và tâm lý xã hội. Bất cứ ai kinh doanh, làm giàu đúng pháp luật đều phải được khuyến khích. Cần đánh giá đúng vai trò của các nhà kinh doanh tư nhân hoạt động theo pháp luật là một lực lượng quan trọng để chấn hưng kinh tế, xoá bỏ các mặc cảm và nghi kỵ.

d) Phát triển thị trường vốn trên cơ sở khuyến khích tiết kiệm và huy động mọi đồng vốn trong xã hội vào kinh doanh sinh lời. Biện pháp mấu chốt hiện nay để huy động vốn trong nước là làm cho các doanh nghiệp và nhân dân yên tâm về giá trị ổn định của đồng tiền, được khuyến khích bởi lãi suất hợp lý, tin tưởng vào việc các ngân hàng, các quỹ tín dụng... bảo đảm thanh toán đúng hạn, thuận tiện trong mọi tình huống. Mở rộng các hình thức huy động vốn trung hạn và dài hạn đáp ứng nhu cầu tín dụng cho đầu tư phát triển, đặc biệt là các trái phiếu và cổ phiếu (trên cơ sở cổ phần hoá một số doanh nghiệp nhà nước và phát triển các công ty cổ phần). Việc lưu hành các chứng khoán như công trái, tín phiếu kho bạc, kỳ phiếu ngân hàng, cổ phiếu... dẫn tới nhu cầu mua bán, trao đổi chứng khoán. Cần xúc tiến việc chuẩn bị, trước hết là nghiên cứu, ban hành Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, để tổ chức thị trường chứng khoán, lúc đầu ở mức đơn giản, rồi tiếp tục phát triển và nâng cao theo kịp yêu cầu giao dịch và mua bán chứng khoán, không để việc này diễn ra ngấm, thiếu lành mạnh.

2. *Vốn đầu tư của Nhà nước* là một nguồn rất quan trọng không những do quy mô sẽ tăng nhanh (dựa vào tích lũy trong nước và vào nguồn tài trợ phát triển của bên ngoài có thể tranh thủ được nhiều hơn trong thời gian tới) mà còn do tính chất tập trung của nó cho phép đáp ứng các yêu cầu đầu tư quan trọng theo mục tiêu, phương hướng đã xác định. Vấn đề lớn nhất hiện nay là phải sử dụng nguồn vốn này có hiệu quả, trên cơ sở lựa chọn đúng phương án đầu tư và đổi mới cơ chế quản lý, khắc phục tình trạng tham nhũng và lãng phí đang rất nghiêm trọng.

Lâu nay, nguồn vốn của Nhà nước được đầu tư chủ yếu dưới hình thức ngân sách cấp phát, không có sự ràng buộc về

trách nhiệm và lợi ích vật chất đối với việc sử dụng vốn. Nay, cần kiên quyết hạn chế hình thức ngân sách cấp phát, chỉ áp dụng đối với một số công trình xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội không có khả năng trực tiếp thu hồi vốn; đồng thời đổi mới cơ chế quản lý đầu tư và quản lý xây dựng đối với các công trình được ngân sách cấp phát theo hướng: áp dụng quy trình bảo đảm lựa chọn đúng phương án đầu tư; xác định rõ trách nhiệm của người thay mặt Nhà nước quyết định đầu tư; áp dụng đồng bộ hình thức đấu thầu phù hợp với thông lệ quốc tế, từ việc lập luận chứng, thiết kế, dự toán đến việc mua thiết bị và việc thi công xây lắp; thực hiện quy chế giám sát, nghiệm thu và thanh toán theo công trình hoặc hạng mục công trình thay cho việc quản lý theo khối lượng xây lắp chi tiết vừa phức tạp vừa có nhiều sơ hở.

Nhà nước mở rộng nhanh việc áp dụng hai hình thức đầu tư khác: *một là* tín dụng với điều kiện ưu đãi tùy theo loại công trình; *hai là* góp cổ phần, mua cổ phiếu của một số cơ sở đã có hoặc xây dựng mới, kể cả cơ sở liên doanh với bên ngoài, với tỷ lệ tham gia tùy theo sự cần thiết và khả năng. Hai hình thức này có sự ràng buộc chặt chẽ hơn trách nhiệm và lợi ích của người sử dụng vốn, song cũng phải xây dựng quy chế rõ ràng trong việc lựa chọn đối tượng đầu tư và quản lý vốn. Việc Nhà nước bảo lãnh cho một số doanh nghiệp vay vốn đầu tư phải có điều kiện chặt chẽ, tránh tình trạng người vay không trả được nợ, buộc Nhà nước phải trả thay.

3. *Nguồn vốn bên ngoài*, có một phần là tài trợ song phương và đa phương cho phát triển do Nhà nước điều phối, còn một phần chiếm tỷ trọng lớn hơn là đầu tư trực tiếp của các nhà kinh doanh nước ngoài, được quản lý bằng Luật đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Trong điều kiện cạnh tranh giữa các nước trong khu vực về thu hút vốn bên ngoài, chúng ta phải cải thiện môi trường đầu tư thuận lợi, giảm rủi ro, phiền hà, sách nhiễu cho các nhà kinh doanh nước ngoài. Bổ sung chính sách hấp dẫn nước ngoài đầu tư vào những lĩnh vực và địa bàn mà ta mong muốn, tăng tỷ lệ góp vốn liên doanh của phía Việt Nam bằng nhiều hình thức huy động vốn của nhiều đối tượng trong nước; đối với những dự án đầu tư không đòi hỏi thiết bị và công nghệ phức tạp, có khả năng tiêu thụ sản phẩm và sinh lời nhanh (như chế biến thực phẩm, kinh doanh khách sạn, dịch vụ...) thì khuyến khích đầu tư trong nước là chính; nếu cần liên doanh với bên ngoài thì phần vốn trong nước phải chiếm tỷ lệ cao.

Đã tới lúc không chỉ quan tâm gọi vốn mà phải thúc đẩy nhanh việc thực hiện các cam kết đầu tư, nhất là góp vốn, chuyển giao công nghệ, bảo vệ môi trường; đối với các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài đã đi vào hoạt động, cần tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật, với sự phân công kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng, thay cho hình thức cơ quan “chủ quản”. Từ nay chỉ tiêu chính phản ánh đầu tư trực tiếp của nước ngoài phải là số vốn đã thực hiện và hiệu quả đối với nền kinh tế.

Nghiên cứu áp dụng các hình thức nước ngoài đầu tư gián tiếp như cho vay theo dự án đầu tư hoặc góp cổ phần nhưng không tham gia quản lý...

4. Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ đầu tư nhằm từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo yêu cầu công nghiệp hoá và hiện đại hoá

Để xác định đúng đắn phương hướng chuyển dịch cơ cấu, bảo đảm tốc độ tăng trưởng nhanh và lâu bền của nền kinh tế, yêu cầu quan trọng hàng đầu là phải khẩn trương nghiên

cứu, xây dựng chiến lược công nghiệp hoá và hiện đại hoá. Nên phát triển những ngành công nghiệp nào, chọn ngành nào, sản phẩm nào là mũi nhọn, nên trồng nên bỏ cây nào, cơ cấu công nghệ trong từng ngành và lĩnh vực như thế nào là thích hợp?... Hàng loạt câu hỏi không chỉ căn cứ vào khả năng thực tế của đất nước, mà còn phải nghiên cứu, dự báo sự phát triển của khoa học và công nghệ, sự biến động của thị trường trên thế giới và trong khu vực mới tìm được lời giải. Hội nghị Trung ương giữa năm 1994 sẽ bàn chuyên vấn đề này, xác định những quan điểm và phương hướng lớn làm cơ sở cho việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch dài hạn của các ngành, các địa bàn trọng điểm và các vùng, song chắc chắn là việc hoạch định chiến lược công nghiệp hoá và hiện đại hoá còn phải được liên tục bổ sung, phát triển và điều chỉnh.

Trong những năm trước mắt, cần chú trọng những chủ trương và biện pháp lớn dưới đây để thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo phương hướng đã nêu trong Báo cáo chính trị:

a) Khuyến khích các thành phần kinh tế, kể cả nhà kinh doanh nước ngoài, đầu tư vào khai thác và chế biến tài nguyên, phủ xanh đồi núi trọc, phát triển các cơ sở sản xuất, dịch vụ hướng về xuất khẩu, tạo nhiều việc làm ở cả thành thị và nông thôn.

Đặc biệt coi trọng tạo chuyển biến mạnh mẽ trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp, từng bước công nghiệp hoá nông nghiệp và kinh tế nông thôn; phát triển nông nghiệp hàng hoá trên cơ sở khai thác lợi thế và điều kiện sinh thái của từng vùng, phù hợp với nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước. Phát huy tác dụng mở rộng diện khí hoá để đẩy nhanh sự phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và các ngành, nghề khác ở nhiều trình độ công nghệ phù

hợp với các vùng nông thôn. Phát triển các mô hình kinh tế nông - công nghiệp liên kết nhiều thành phần kinh tế.

Tăng dần tỷ trọng của công nghiệp, chủ yếu là công nghiệp chế biến, và các ngành dịch vụ (kể cả công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn), giảm dần tỷ trọng của nông nghiệp trong GDP, tuy sản lượng nông nghiệp vẫn tăng số tuyệt đối.

b) Để hướng dẫn, thúc đẩy và hỗ trợ đầu tư phát triển của toàn xã hội, ngoài việc bổ sung cơ chế, chính sách đã nêu ở trên, Nhà nước phải làm tốt mấy việc:

- Tập trung nguồn vốn đầu tư của Nhà nước cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội và một số công trình công nghiệp then chốt đã chuẩn bị được điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường, đồng thời dành một phần vốn hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất kinh doanh có hiệu quả (hình thức đầu tư tùy theo tính chất của công trình hoặc dự án như đã nêu ở trên).

Các dự án đầu tư về năng lượng và cơ sở hạ tầng phải được lựa chọn trên cơ sở xây dựng và hoàn chỉnh quy hoạch có căn cứ khoa học.

Kế hoạch năm 1994 - 1995 bố trí các công trình quan trọng dưới đây, trong đó các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng chủ yếu là dựa vào nguồn vốn ODA:

+ Về năng lượng: hoàn thành các nhà máy thủy điện Hoà Bình, Thác Mơ, Vĩnh Sơn và đường dây 500KV, xây dựng thêm các nguồn điện mới (thủy điện, nhiệt điện, tuốcbin khí) cả ở phía Nam và phía Bắc cùng với hệ thống đường dây tải điện, lưới điện phân phối và các trạm.

+ Về giao thông vận tải: cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới đường quốc lộ xuyên Việt, hệ thống đường trục của các vùng kinh tế trọng điểm; đường sắt Bắc - Nam và Lào Cai -

Cái Lân; các cầu đường bộ, đường sắt; các cảng nước sâu Cái Lân, Thị Vải, các cảng Hải Phòng, Sài Gòn, Đà Nẵng và một số cảng biển khác; các sân bay quốc tế Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng; dành một phần vốn hỗ trợ, chủ yếu là trang bị và vật liệu, cho việc xây dựng mạng lưới đường giao thông và cầu ở các vùng nông thôn, miền núi.

+ Về thủy lợi, nông, lâm, ngư nghiệp: cải tạo và nâng cấp hệ thống thủy lợi đồng bằng sông Hồng, miền Trung, phát triển hệ thống thủy lợi đồng bằng sông Cửu Long, thực hiện một số dự án thủy lợi nhỏ ở miền núi. Xây dựng một số cảng cá cho các vùng tập trung ngư dân. Trồng rừng phòng hộ bảo vệ môi trường sinh thái.

+ Về thông tin liên lạc: phát triển hệ thống điện thoại thành phố, nông thôn và xây dựng hệ thống thông tin ven biển; hoàn thiện công trình quản lý không lưu (FIR) Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Về giáo dục và đào tạo: thực hiện dự án cải cách giáo dục tiểu học, trung học và dạy nghề; xây dựng hai trung tâm đại học tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, một số trường đại học ở các khu vực khác; xây dựng trường học cho miền núi, các vùng bị bão lụt.

+ Về y tế và kế hoạch hoá gia đình: thực hiện dự án chăm sóc sức khỏe ban đầu; thiết lập hai trung tâm y tế tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; tăng cường năng lực cho mạng lưới y tế tỉnh, huyện, xã; thực hiện chương trình quốc gia về dân số và kế hoạch hoá gia đình.

+ Về các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường, môi sinh: cải thiện điều kiện nước sinh hoạt ở các thành phố, thị xã, khu tập trung dân cư và ở miền núi, một số vùng nông thôn; tài trợ chương trình tạo việc làm, tái hoà nhập cho những người hồi hương, xoá đói, giảm nghèo; thực hiện một số dự án xử lý

chất thải, nạo vét hồ, kênh rạch ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số đô thị khác.

+ Về khoa học và công nghệ, kể cả lĩnh vực quản lý: xây dựng hệ thống thông tin kinh tế và kỹ thuật quốc gia; trang bị cho một số cơ sở nghiên cứu khoa học; thực hiện chương trình cải cách kinh tế, cải cách hành chính; đào tạo cán bộ chuyên môn và cán bộ quản lý.

+ Về các công trình công nghiệp lớn: hệ thống thu gom và vận chuyển khí đốt Bạch Hổ - Thủ Đức, các nhà máy xi măng Hoàng Thạch II, Bút Sơn, một số dự án khai thác và chế biến dầu, khí; chuẩn bị một số dự án khai thác và chế biến khoáng sản.

- Nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch dài hạn và quy hoạch phát triển các địa bàn làm cơ sở cho việc hướng dẫn đầu tư trong nước, chuẩn bị các dự án đầu tư để sử dụng và tranh thủ tiếp nguồn tài trợ của bên ngoài cũng như cho việc thẩm định các dự án lớn do bên ngoài đầu tư trực tiếp. Phân tích kỹ tính hợp lý, khả thi và hiệu quả của các dự án đầu tư, phối hợp các dự án trên từng địa bàn, hết sức tránh sai sót, nhất là đối với các dự án lớn. Đây là nhiệm vụ chính mà Ủy ban Kế hoạch Nhà nước phải chủ trì thực hiện với sự đổi mới về tổ chức và phương thức hoạt động cho phù hợp.

Trước mắt, cần đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện quy hoạch các địa bàn kinh tế trọng điểm ở ba vùng, phát huy tác dụng đầu tàu lôi kéo các vùng khác cùng phát triển. Quy hoạch và kế hoạch phát triển của các vùng khác phải tận dụng lợi thế của mình theo phương hướng đã nêu trong chiến lược đến năm 2000 và liên kết với các địa bàn trọng điểm. Nhà nước hỗ trợ và ưu tiên dành nguồn viện trợ không hoàn lại của bên ngoài cho các vùng còn nhiều khó khăn, trước hết

là vùng biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cũ trong kháng chiến. Sự hỗ trợ đó tập trung vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế và giáo dục, y tế, đi đôi với cơ chế, chính sách thích hợp và giúp công tác điều tra, quy hoạch nhằm tạo điều kiện cho từng vùng, từng địa phương khai thác nguồn lực và thế mạnh của mình để phát triển.

- Nhà nước sử dụng bộ máy của mình phối hợp với các tổ chức thông tin, nghiên cứu khoa học, với Phòng thương mại và công nghiệp và các hiệp hội kinh doanh để hỗ trợ cho các nhà kinh doanh nâng cao năng lực tiếp thị, gắn sản xuất với nhu cầu thị trường. Các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại và sản xuất phải phối hợp tổ chức nghiên cứu, dự báo nhu cầu của thị trường trong, ngoài nước, tổ chức công tác thông tin thị trường và hướng dẫn đầu tư cho các nhà kinh doanh. Ngành thống kê phải đổi mới nội dung và phương pháp thống kê phù hợp với quốc tế và tổ chức lại thông tin kinh tế đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu khoa học và cả yêu cầu kinh doanh. Nhà nước ban hành quy chế đối với các dịch vụ đầu tư để các hoạt động này phát triển đúng hướng, lành mạnh.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và công nghệ trong nước, chú trọng nghiên cứu ứng dụng, gắn với các cơ sở sản xuất; hỗ trợ các nhà đầu tư lựa chọn, ứng dụng công nghệ thích hợp; phát triển công tác khuyến nông tới hộ nông dân. Có quy chế kiểm soát và thẩm định việc nhập khẩu thiết bị kỹ thuật và công nghệ, tránh nhập khẩu loại lỗi thời, gây ô nhiễm, giá đắt.

Yêu cầu tạo nhiều việc làm không mâu thuẫn với việc tranh thủ tối đa công nghệ hiện đại theo điều kiện cho phép. Công nghệ hiện đại tuy thường chỉ sử dụng ít lao động trực tiếp, nhưng lại tạo ra nhiều việc làm ở các khâu, các ngành

nghe có liên quan theo tác động dây chuyền. Mặt khác, công nghệ hiện đại đưa lại hiệu quả cao, tăng được tích lũy để tái đầu tư, mở rộng sản xuất, đồng thời tăng thu nhập và nhu cầu của xã hội, tạo thêm nhiều công ăn việc làm mới.

III- TĂNG CƯỜNG HƠN NỮA VAI TRÒ CỦA CÔNG CỤ TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ TRONG VIỆC NÂNG CAO HIỆU LỰC QUẢN LÝ VĨ MÔ, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU MỚI CỦA SỰ PHÁT TRIỂN

Trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường, lĩnh vực tài chính - tiền tệ đã có nhiều đổi mới, góp phần quan trọng vào thành tựu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Song so với yêu cầu thiết lập và vận hành đồng bộ cơ chế thị trường, bảo đảm sự quản lý có hiệu lực của Nhà nước, và đứng trước đòi hỏi tăng trưởng kinh tế với nhịp độ cao và bền vững, gắn với công bằng và tiến bộ xã hội, thì lĩnh vực này vẫn còn là một trong những khâu yếu nhất và khó khăn nhất mà chúng ta phải nỗ lực khắc phục trong thời gian tới.

Mục tiêu đặt ra là phải tiếp tục đổi mới để làm cho tài chính - tiền tệ thật sự là một công cụ trọng yếu và nhạy bén của Nhà nước trong việc ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thiết lập trật tự, kỷ cương trong hoạt động kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng, phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã nêu trong Báo cáo chính trị. Dưới đây là một số giải pháp chính trong thời gian trước mắt:

1. Trong *lĩnh vực tài chính*, trước hết cần tập trung cải cách cơ bản hệ thống thuế. Khắc phục cách nhìn hạn hẹp, chỉ lo thu mà ít quan tâm nuôi dưỡng, phát triển nguồn thu và không quản lý chặt chẽ các khoản chi; gán cho các sắc thuế

phải đảm nhiệm đồng thời quá nhiều chức năng kinh tế - xã hội, dẫn tới hình thành một hệ thống thuế quá phức tạp, nhiều mức thuế suất, nhiều khoản thu trùng chéo, nhiều ngoại lệ miễn giảm, tạo nhiều kẽ hở cho việc vận dụng tùy tiện. Việc tính thuế, thu thuế, kiểm tra thực hiện các luật thuế trở nên quá rắc rối cho cả người đóng thuế và người thu thuế. Rút cuộc, hệ thống thuế hiện hành chưa đáp ứng được yêu cầu tập trung nguồn thu cần thiết cho ngân sách, khuyến khích sản xuất, hướng dẫn tiêu dùng, điều tiết thu nhập. Nạn buôn lậu, trốn thuế rất nghiêm trọng. Tệ sách nhiễu, phụ thu, lạm bổ tùy tiện, trái luật, thông đồng để xà xẻo tiền thuế, không nộp đủ các khoản thu vào ngân sách cũng rất phổ biến.

Cần thiết kế một hệ thống thuế trong đó mỗi sắc thuế đảm nhiệm một chức năng chính, còn toàn bộ các yêu cầu về chính sách thuế phải dựa vào cả hệ thống với sự bổ sung, phối hợp giữa các sắc thuế. Từng sắc thuế phải đơn giản, dễ tính, dễ thu, dễ kiểm tra, phù hợp với năng lực của bộ máy thu thuế cũng như thực trạng kế toán - thống kê và trình độ văn hoá của người nộp thuế. Giảm bớt số lượng thuế suất, các mức thuế co dãn, các ngoại lệ miễn giảm trong từng sắc thuế; ổn định mức thuế hợp lý để nuôi dưỡng và tạo thêm nguồn thu, chống thất thu.

Xúc tiến làm thủ và mở rộng việc áp dụng thuế trị giá gia tăng thay cho thuế doanh thu hiện hành, nhằm loại trừ việc đánh thuế trùng lặp nhưng vẫn bảo đảm nguồn thu ổn định cho ngân sách.

Cải tiến nội dung và cách thu thuế xuất, nhập khẩu theo danh mục hàng hoá phù hợp với thông lệ quốc tế, có tác dụng thật sự khuyến khích xuất khẩu, hướng dẫn và kiểm soát

nhập khẩu, bảo hộ đúng mức sản xuất nội địa; xoá bỏ sự phân biệt xuất nhập khẩu chính ngạch và tiểu ngạch.

Thuế trực thu cần được cải tiến và tổ chức thu tốt để góp phần tích cực thực hiện chính sách điều tiết thu nhập phù hợp với những nguyên tắc bảo đảm công bằng và tiến bộ xã hội.

Tăng nguồn thu ngân sách từ lợi nhuận của đồng vốn do Nhà nước đầu tư, đồng thời cho doanh nghiệp nhà nước được giữ lại khấu hao cơ bản để tái đầu tư duy trì và mở rộng sản xuất nhưng không được dùng vào mục đích khác. Xác định rõ chủ trương và phạm vi cho thuê hoặc nhượng, bán một số loại tài sản công để sử dụng có hiệu quả hơn và tránh thất thoát (đất đô thị, nhà ở, cơ sở kinh doanh và một số tài sản khác); Chính phủ quy định cách làm thống nhất; tiền cho thuê hoặc nhượng, bán tài sản công phải tập trung vào ngân sách nhà nước.

Bằng việc đổi mới hệ thống thuế, chỉnh đốn và chống tiêu cực trong bộ máy thu thuế, cần đưa mức huy động GDP vào ngân sách lên khoảng 25%, đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên, trả nợ và dành một phần ngày càng tăng để chi cho đầu tư phát triển.

Giải quyết thoả đáng quan hệ tài chính giữa Chính phủ với các cấp chính quyền địa phương theo hướng tạo điều kiện và khuyến khích các tỉnh, thành phố đều vươn lên tự trang trải được nhu cầu chi của địa phương bằng các khoản thu được phân cấp và đóng góp ngày càng lớn cho ngân sách trung ương. Xúc tiến việc ban hành Luật ngân sách.

Đổi mới hệ thống hạch toán kế toán và thống kê phù hợp với thông lệ quốc tế, bảo đảm khả năng kiểm soát của Nhà nước, tạo dần nền nếp kinh doanh văn minh, trung thực.

Phát triển các dịch vụ kiểm toán, dịch vụ thẩm định chất lượng và giá cả hàng hoá, thiết bị và xây dựng quy chế về việc sử dụng các dịch vụ này. Tăng cường kỷ luật tài chính nhà nước; thực hành nghiêm ngặt chế độ tiết kiệm trong bộ máy nhà nước, Đảng và các đoàn thể; soát xét và cấm chỉ ngay việc dùng công quỹ để tiêu xài lãng phí, xa hoa. Tiếp tục xoá bỏ các khoản còn bao cấp qua vốn, qua giá cho các doanh nghiệp.

Giảm dần mức bội chi ngân sách nhà nước; việc bù đắp bội chi hoàn toàn dựa vào tiền vay với sự tính toán chắc chắn khả năng trả nợ; đối với bên ngoài chỉ vay những khoản có điều kiện ưu đãi về lãi suất và thời hạn trả; đối với trong nước, tăng tỷ lệ vay trung hạn và dài hạn.

Yêu cầu mở rộng nguồn thu và tiết kiệm chi đối với ngân sách năm 1994 hết sức gay gắt, vì tỷ lệ bội chi còn ở mức trên 5% GDP và nguồn bù đắp chưa bảo đảm chắc chắn. Trong khi chính sách thuế đang được nghiên cứu và chuẩn bị điều kiện đổi mới từng bước, các ngành, các cấp phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định hiện hành để bảo đảm nguồn thu, đi đôi với tiết kiệm chi. Đó là những biện pháp có tính nguyên tắc để làm lành mạnh nền tài chính quốc gia, ngăn ngừa nguy cơ tái lạm phát cao.

2. Cải cách sâu sắc hơn nữa *hệ thống ngân hàng* theo kịp yêu cầu của cơ chế thị trường, phục vụ mục tiêu ổn định vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng, mở rộng giao lưu quốc tế.

Ngân hàng trung ương phải tập trung thực hiện nhiệm vụ chính là áp dụng một chính sách tiền tệ bảo đảm kiểm soát lạm phát, tạo môi trường vĩ mô thuận lợi cho đầu tư phát triển kinh tế. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được Chính phủ trao quyền hạn và trách nhiệm chủ động điều

hành hoạt động cung ứng tiền tệ căn cứ vào tín hiệu của thị trường, bảo đảm đủ và kịp thời lượng tiền cần thiết cho lưu thông kinh tế, không để xảy ra ách tắc trong thanh toán và phải khống chế được lạm phát trong giới hạn cho phép. Làm tốt chức năng ngân hàng của các ngân hàng, sử dụng các công cụ nghiệp vụ để điều hoà lượng tiền trong lưu thông, nhằm mục tiêu cao nhất là ổn định giá cả và sức mua của đồng tiền, bảo đảm tỷ giá hối đoái phù hợp với thực tế (tính đến biến động của đồng tiền trong nước và các ngoại tệ), có lợi cho việc đẩy mạnh xuất khẩu và kiểm soát nhập khẩu, song không gây đột biến giá cả trong nước.

Các ngân hàng thương mại (ngân hàng kinh doanh) quốc doanh phải được tách khỏi Ngân hàng trung ương, trở thành đơn vị kinh doanh tiền tệ và dịch vụ tín dụng có quyền tự chủ kinh doanh, tìm kiếm lợi nhuận hợp pháp như mọi doanh nghiệp khác. Chấm dứt việc Ngân hàng trung ương in tiền cấp vốn tín dụng cho ngân hàng thương mại. Quan hệ giữa Ngân hàng trung ương và các ngân hàng thương mại là quan hệ vay mượn, mua bán trên thị trường tiền tệ.

Bên cạnh việc xây dựng hệ thống ngân hàng thương mại quốc doanh mạnh, có vai trò chi phối trên thị trường tiền tệ, cần và có thể phát triển các ngân hàng thương mại cổ phần, các quỹ tín dụng nhân dân, một số chi nhánh ngân hàng nước ngoài, cùng hoạt động và cạnh tranh bình đẳng trước pháp luật trong việc cung ứng các dịch vụ ngân hàng cho xã hội.

Các ngân hàng thương mại áp dụng cơ chế tín dụng lấy hiệu quả kinh tế và khả năng trả nợ làm tiêu chuẩn, không phân biệt thành phần kinh tế. Tôn trọng nguyên tắc lãi suất thực dương, được điều chỉnh theo tương quan cung -

cầu trên thị trường vốn và phù hợp với mức lạm phát, bảo đảm huy động vốn và cho vay vốn có hiệu quả. Giải quyết hợp lý tương quan giữa lãi suất tín phiếu kho bạc (là loại tín dụng có độ tin cậy cao nhất) và lãi suất ngân hàng; lãi suất thực (trừ tỷ lệ lạm phát) không chỉ nhằm thu hút vốn mà phải giúp cho các nhà kinh doanh, nhất là người sản xuất vay được vốn. Ngân hàng trung ương không trực tiếp ấn định lãi suất vay và cho vay của ngân hàng thương mại mà thông qua các công cụ nghiệp vụ ngân hàng để tác động đến sự hình thành lãi suất trên thị trường vốn phù hợp với mục tiêu cụ thể của chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ. Việc cho vay ưu đãi bằng nguồn tài trợ của bên ngoài, nguồn vốn tín dụng của ngân sách... phải có cơ chế riêng với hình thức tổ chức thích hợp.

Xây dựng quy chế quản lý chặt chẽ việc vay và trả nợ nước ngoài của các doanh nghiệp, các ngành và địa phương. Ban hành quy chế bảo lãnh vay nợ và quy chế tự vay, tự trả của các doanh nghiệp.

Tiếp tục hoàn chỉnh cơ chế quản lý ngoại hối, tạo điều kiện cho đồng tiền Việt Nam sớm được chuyển đổi tự do và là phương tiện thanh toán duy nhất trên đất Việt Nam.

Cải tiến tổ chức và hoạt động của hệ thống ngân hàng theo hướng hiện đại, mở rộng nhanh việc áp dụng các phương thức lưu thông tiền tệ không dùng tiền mặt, bảo đảm dịch vụ ngân hàng an toàn, thuận tiện, nhanh chóng, có lợi cho người sử dụng, tạo được tín nhiệm đối với các doanh nghiệp và dân cư. Biện pháp quan trọng nhất là xoá bỏ độc quyền, cửa quyền, tạo môi trường cạnh tranh buộc các ngân hàng thương mại phải dựa vào khả năng thu hút vốn và cho vay vốn có hiệu quả, vào sự tín nhiệm của khách hàng để tồn tại và phát triển.

IV- MỞ RỘNG VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

Ba năm qua, hoạt động kinh tế đối ngoại đã có bước phát triển mạnh mẽ, góp phần quan trọng vào những thành tựu đổi mới và tăng trưởng của nền kinh tế. Yêu cầu mới của sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước đòi hỏi kinh tế đối ngoại phải phát triển nhanh và đạt hiệu quả cao hơn nữa. Trong hai năm tới, kim ngạch xuất khẩu phải tăng trưởng trên 20%/năm, với cơ cấu được cải thiện một bước, có thêm nhiều mặt hàng đạt kim ngạch trên 100 triệu USD. Mức thu hút và thực hiện nguồn vốn tài trợ và đầu tư trực tiếp của bên ngoài bình quân một năm tăng 40 - 50% so với năm 1993 và phát huy rõ hơn tác dụng đối với nền kinh tế. Đó là những mục tiêu hiện thực nhiều triển vọng nhưng cũng đòi hỏi những nỗ lực cao hơn trong công tác quản lý kinh tế đối ngoại cũng như trong việc huy động các nguồn lực trong nước.

Điều quan trọng hàng đầu là chúng ta cần có ý thức đầy đủ về cuộc chạy đua quyết liệt với những nước trong khu vực bao gồm gần hai tỉ người đang ở trình độ phát triển cao hơn ta, sản xuất những mặt hàng đồng dạng với ta, cũng có nhu cầu về vốn, công nghệ và thị trường như ta. Để giành được thắng lợi, phải tận dụng khả năng mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại để khai thác những lợi thế so sánh của nước ta, trước hết là tiềm năng về sức lao động và con người Việt Nam, về nền nông nghiệp nhiệt đới và tài nguyên thiên nhiên đa dạng, về những điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch, dịch vụ... Kinh tế đối ngoại không đi ngược mà phải là một đòn bẩy phát huy sức mạnh trong nước, tăng thêm khả năng tự lực tự cường; càng mở cửa với bên ngoài càng phải

nâng cao ý chí độc lập tự chủ, giữ gìn bản sắc dân tộc, bảo vệ an ninh và môi trường sinh thái.

Báo cáo chính trị đã nhấn mạnh quan điểm chiến lược hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu những sản phẩm sản xuất trong nước có hiệu quả. Đó cũng là kinh nghiệm thành công của những nước công nghiệp mới.

Hướng về xuất khẩu không có nghĩa là coi nhẹ nhu cầu trong nước, không chú ý thay thế nhập khẩu. Nội dung cốt lõi của quan điểm hướng về xuất khẩu là đặt sản phẩm trong nước, đặc biệt là sản phẩm chế biến, trong quan hệ so sánh với sản phẩm nước ngoài, bảo đảm sức cạnh tranh của hàng nội địa cả trên thị trường quốc tế và thị trường trong nước. Nâng cao sức mua của thị trường trong nước đi đôi với mở rộng thị trường xuất khẩu là yếu tố quan trọng hàng đầu để khai thác mọi năng lực sản xuất trong nước, nhất là hàng nông sản chế biến và hàng công nghiệp nhẹ, đồng thời đẩy nhanh quá trình tích lũy để đổi mới công nghệ và cơ cấu sản xuất. Chỉ có như vậy mới thúc đẩy được việc không ngừng nâng cao trình độ công nghệ, dần dần đuổi kịp các nước khác. Sự phát triển để tránh nguy cơ bị tụt hậu xa hơn không chỉ thể hiện ở mức GDP bình quân đầu người mà điều quan trọng hơn là ở trình độ công nghệ gắn với trình độ văn hoá, giáo dục.

Quan điểm hướng mạnh về xuất khẩu không loại trừ việc thay thế nhập khẩu, nhưng không phải thay thế với bất cứ giá nào theo xu hướng tự cấp tự túc mà phải cân nhắc về hiệu quả kinh tế - xã hội. Hiệu quả đó thể hiện ở sản phẩm có khả năng hoặc có triển vọng cạnh tranh về chất lượng và giá thành với sản phẩm bên ngoài, có điều kiện tiêu thụ, tạo được nhiều việc làm, cho phép sử dụng tối ưu các nguồn lực và lợi thế so sánh của nền kinh tế. Không đáp ứng được các

yêu cầu ấy thì sản xuất thay thế nhập khẩu, nhất là đối với những sản phẩm công nghiệp nặng tốn nhiều vốn, sẽ trở thành gánh nặng kìm hãm nền kinh tế, với những hậu quả không dễ khắc phục.

Chính sách bảo hộ sản xuất trong nước là cần thiết, nhất là đối với sản phẩm mới và những ngành sản xuất quan trọng còn non trẻ, song phải theo tinh thần thúc đẩy cơ sở sản xuất không ngừng nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá, không ỷ lại vào chính sách bảo hộ mà sinh ra trì trệ. Theo tinh thần đó, chính sách bảo hộ của Nhà nước phải có lựa chọn, không chỉ quan tâm đến sản xuất mà coi nhẹ lợi ích của người tiêu dùng. Biện pháp bảo hộ không chỉ dựa vào hàng rào thuế quan và chống nhập lậu; kinh nghiệm cho thấy rõ mức thuế quan quá cao vừa gây ỷ lại cho sản xuất trong nước, vừa kích thích buôn lậu. Mặt quan trọng, tích cực hơn, là xử lý đúng đắn tỷ giá hối đoái và giúp cho cơ sở sản xuất nâng cao khả năng cạnh tranh như cho vay ưu đãi để đổi mới thiết bị, công nghệ, giúp đỡ “tiếp thị”, đáp ứng các nhu cầu, thị hiếu rất đa dạng và linh hoạt của các đối tượng tiêu dùng; giúp nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, đào tạo cán bộ, công nhân... Điều này càng quan trọng khi chúng ta chuẩn bị tham gia cơ chế mậu dịch tự do khu vực và Hiệp định chung về thuế quan và thương mại thế giới (GATT).

Chính phủ đang triển khai một số chủ trương, biện pháp cụ thể nhằm thực hiện các nhiệm vụ về kinh tế đối ngoại nêu trong Báo cáo chính trị:

1. Bổ sung, sửa đổi cơ chế hiện hành về quản lý xuất, nhập khẩu: thu hẹp danh mục các mặt hàng cấm hoặc quy định hạn ngạch xuất, nhập; đơn giản hoá các thủ tục hành chính, xoá bỏ các thủ tục không cần thiết, trước hết là trong việc cấp giấy phép xuất, nhập khẩu; lập quỹ hỗ trợ nông

phẩm xuất khẩu và thưởng các mặt hàng khuyến khích xuất khẩu; sử dụng tốt hơn nữa các công cụ kinh tế như thuế, tín dụng, lãi suất, và đặc biệt là tỷ giá để đẩy mạnh xuất khẩu, điều tiết nhập khẩu; tích cực xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh có khả năng cạnh tranh quốc tế, có thể đầu tư ra nước ngoài.

2. Về thu hút vốn và công nghệ bên ngoài từ nguồn tài trợ phát triển và đầu tư trực tiếp theo phương hướng, chính sách đã nêu ở phần trên, cần thực hiện một số biện pháp nhằm cải thiện mạnh hơn nữa môi trường đầu tư và nâng cao năng lực của phía ta trong hợp tác, liên doanh với bên ngoài:

- Hoàn thiện hệ thống luật pháp và tổ chức thực hiện thống nhất, nghiêm minh; kiên quyết thực hiện cơ chế “một cửa” trong thủ tục đầu tư, xoá bỏ các thủ tục phiền hà, gây tiêu cực trong các khâu lập và xét dự án, cấp giấy phép và thực thi dự án, khắc phục các hiện tượng tranh chấp, giành giật trong nội bộ ta.

- Phát triển các dịch vụ (kể cả sử dụng chuyên gia và cơ sở dịch vụ của nước ngoài) trong các khâu thẩm định đối tác và dự án, kiểm tra công nghệ và giá cả của thiết bị nhập, kiểm toán, tổ chức đấu thầu... nhằm hạn chế thua thiệt và chống tiêu cực trong hợp tác liên doanh với bên ngoài.

- Thực hiện cổ phần hoá các xí nghiệp liên doanh có điều kiện theo hình thức phát hành cổ phiếu để nâng dần tỷ lệ góp vốn của phía ta. Chú ý áp dụng hình thức này đối với các dự án liên doanh mới.

- Áp dụng cơ chế tuyển chọn và đẩy mạnh việc đào tạo theo hệ chính quy, việc bồi dưỡng thường xuyên các cán bộ tham gia các công trình hợp tác, liên doanh với bên ngoài;

nâng cao trình độ của phía ta trong đàm phán, tham gia Hội đồng quản trị liên doanh và quản lý điều hành doanh nghiệp.

3. Trong những năm tới, số khách nước ngoài vào nước ta và người Việt Nam ở các nước về thăm quê hương sẽ tăng nhanh, đòi hỏi ngành du lịch quốc tế phải phát triển vượt bậc cả về điều kiện vật chất và chất lượng phục vụ, phát huy lợi thế về cảnh quan, về truyền thống văn hoá và lịch sử, kiên quyết chống du lịch tình dục. Việc xây dựng các cơ sở mới về du lịch và khách sạn phải chú trọng huy động các nguồn vốn trong nước bằng nhiều hình thức; Nhà nước có thể hỗ trợ một phần bằng vốn tín dụng hoặc góp cổ phần. Xúc tiến việc chuyển các nhà khách, nhà nghỉ thuộc các cơ quan, xí nghiệp nhà nước và các đoàn thể sang cơ chế hạch toán kinh doanh; cải tạo và nâng cấp một số cơ sở có điều kiện thành khách sạn du lịch.

V- TẠO CHUYỂN BIẾN RÕ NÉT HƠN VỀ VĂN HOÁ - XÃ HỘI

Đất nước bước vào thời kỳ mới của sự phát triển, công cuộc đổi mới càng triển khai sâu rộng, chính sách đại đoàn kết dân tộc càng phát huy tiềm năng của mỗi người và mọi người Việt Nam, thì cuộc sống càng đòi hỏi và thúc đẩy sự phát triển cân đối và kết hợp hài hoà kinh tế với văn hoá - xã hội.

Cách nhìn văn hoá - xã hội là “phi sản xuất”, chỉ thụ hưởng chứ không tác động đến kinh tế, chỉ có thể phát triển như kết quả đến sau, phụ thuộc hoàn toàn vào tăng trưởng kinh tế là trái với quan điểm của Đảng. Sự phát triển của đất nước, suy đến cùng là sự phát triển con người với tư cách cộng đồng và tư cách cá nhân. Chiến lược con người là sự kết

hợp hài hoà tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá - xã hội, trong đó văn hoá - xã hội là nhân tố bên trong với những giá trị nhân văn vừa là mục tiêu, vừa là động lực và hệ điều tiết tăng trưởng kinh tế. Mặt khác, bản thân sự phát triển kinh tế cũng trực tiếp giải quyết nhiều vấn đề xã hội rất quan trọng như tạo việc làm, tăng thêm và điều hoà thu nhập của dân cư, xoá đói, giảm nghèo..., đồng thời tạo thêm điều kiện vật chất và môi trường thuận lợi cho mọi hoạt động văn hoá - xã hội. Sự kết hợp hữu cơ kinh tế với văn hoá - xã hội là một nét truyền thống và bản sắc của dân tộc ta, một nội dung cơ bản trong định hướng xã hội chủ nghĩa của chế độ ta, phù hợp với xu thế tiến bộ của thời đại ngày nay.

Nhà nước và toàn xã hội cho đến từng gia đình, từng người phải chăm lo và góp sức giải quyết các vấn đề văn hoá - xã hội bằng cả tấm lòng và trí tuệ, công sức và tiền của, cả tâm lý và dư luận xã hội.

Ngân sách nhà nước năm 1994 tăng chi cho các lĩnh vực văn hoá - xã hội cao hơn các khoản chi thường xuyên khác (toàn bộ chi thường xuyên tăng hơn năm 1993 là 24,1%, trong đó chi cho giáo dục, đào tạo tăng 32,7%, cho y tế tăng 31,8%, cho văn hoá tăng 57%, cho dân số và kế hoạch hoá gia đình tăng 125,8%...).

Để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ngân sách, các khoản chi cho các ngành trong lĩnh vực này được phân bổ theo định mức tiêu chuẩn có tính đến đặc điểm của từng vùng, đồng thời áp dụng cách chi theo các chương trình mục tiêu, thông qua quy chế cấp vốn gắn với trách nhiệm cụ thể và quyết toán theo kết quả thực hiện chương trình; tăng quyền hạn và trách nhiệm của bộ trưởng đối với ngân sách chi sự nghiệp dành cho toàn ngành. Nhà nước bổ sung cơ chế, chính sách để thực hiện tốt hơn phương châm “Nhà nước và

nhân dân cùng làm”, “xã hội hoá các hoạt động văn hoá - xã hội”. Thực tiễn thời gian qua cho thấy còn nhiều tiềm năng khai thác và nâng cao hiệu quả sự đóng góp của nhân dân bằng rất nhiều hình thức vào sự nghiệp phát triển giáo dục, bảo vệ sức khoẻ, hoạt động văn hoá, làm việc nghĩa và từ thiện... và có thể tranh thủ được nhiều hơn sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế trong các lĩnh vực này.

Trong những nhiệm vụ và mục tiêu phát triển của từng ngành thuộc lĩnh vực văn hoá - xã hội đã được trình bày trong Báo cáo kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1994 - 1995, tôi xin nhấn mạnh một số điểm dưới đây:

1. *Nâng cao dân trí, đào tạo đội ngũ lao động và cán bộ, bồi dưỡng thế hệ nối tiếp* là một nhiệm vụ rất hệ trọng đối với sự phát triển trước mắt và tương lai của dân tộc. Năm 1994 phải chấm dứt sự xuống cấp, đánh dấu một bước phát triển mới cả về bề rộng cũng như về chất lượng dạy và học trong tất cả các cấp học, ngành học và hình thức giáo dục, đào tạo, ở tất cả các vùng. Kinh phí bổ sung thêm của ngân sách cùng với nguồn tài trợ của bên ngoài được tập trung một phần quan trọng cho sự phát triển tiểu học, các trường sư phạm và giảm bớt khó khăn về đời sống của giáo viên.

Đảng và Nhà nước phải huy động mọi lực lượng trong xã hội từ gia đình đến đoàn thể, các phương tiện thông tin đại chúng và các binh chủng trên mặt trận văn hoá cùng hợp lực nâng cao trình độ văn hoá và tinh thần của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là hun đúc hoài bão và chí tiến thủ cho thế hệ thanh niên, thiếu niên dốc lòng học tập, trau dồi đạo đức, chuẩn bị hành trang cho con đường lập thân, lập nghiệp của mình gắn liền với sự phồn vinh của đất nước. Một yếu tố rất quan trọng để thực hiện điều này là giải quyết việc làm cho thanh niên đã tốt nghiệp. Chương trình tạo việc làm của

Nhà nước và của Đoàn Thanh niên phải đặc biệt quan tâm và có biện pháp thiết thực giúp đỡ, tạo điều kiện cho thanh niên mới ra trường tìm việc làm, bổ sung kiến thức và tay nghề phù hợp với đòi hỏi của kinh tế thị trường.

Nhà nước cùng với toàn xã hội chăm lo phát hiện, bồi dưỡng các tài năng trẻ, tạo điều kiện cho đội ngũ trí thức cống hiến tài năng và được đãi ngộ xứng đáng. Đảng và Nhà nước đánh giá cao lòng yêu nước và khả năng của các trí thức người Việt định cư ở nước ngoài, mở rộng các hình thức và tạo thuận lợi cho anh chị em tham gia xây dựng nước nhà.

2. Bảo vệ sức khoẻ của nhân dân và kế hoạch hoá phát triển dân số cần được tiếp tục đẩy mạnh ở tất cả các vùng, trong các tầng lớp dân cư bằng ý thức tự giác của mỗi người, sự cổ vũ và ủng hộ của xã hội, sự chỉ đạo và giúp đỡ của Nhà nước.

Chú trọng các biện pháp chăm sóc sức khoẻ ban đầu, vệ sinh phòng bệnh, mở rộng tiêm chủng và các hoạt động thể dục, thể thao; đặc biệt chăm lo cho các bà mẹ và trẻ em, giảm nhanh tỷ lệ suy dinh dưỡng trong các cháu nhỏ. Đẩy lùi một số bệnh xã hội như sốt rét, bấu cổ, tiêu chảy, lao... với các mục tiêu cụ thể ở từng tỉnh, từng huyện, nhất là ở các vùng núi. Trong hai năm 1994 - 1995, xoá tình trạng “xã trắng” về cơ sở y tế. Khắc phục tình trạng xuống cấp của các cơ sở điều trị, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; triển khai dự án tổ chức hai trung tâm y tế trình độ cao tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Đưa dịch vụ bảo hiểm y tế vào nền nếp.

Công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình phải kết hợp mở rộng hoạt động truyền thông với việc đi sâu vào các đối tượng dân cư và các vùng có tỷ lệ sinh đẻ cao, áp dụng nhiều biện pháp tránh thai thích hợp để giảm cho được tốc độ phát triển dân số 0,6 phần nghìn mỗi năm.

3. *Ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội*, trước hết là tệ mại dâm, nghiện ma túy và gắn liền với nó là hiểm hoạ nhiễm HIV và bệnh SIDA đang lan tràn tới mức báo động khẩn cấp. Đi đôi với những biện pháp cơ bản, lâu dài là tạo việc làm, nâng cao dân trí và bảo vệ sức khoẻ nhân dân, chính quyền các cấp cần phối hợp với các đoàn thể, các tổ chức xã hội và báo chí điều tra nghiên cứu tình hình, phân tích sâu sắc nguyên nhân đạt kết quả thấp trong cuộc vận động chống các tệ nạn xã hội, bài trừ văn hoá đồi trụy, đề xuất các chính sách, biện pháp thiết thực, có hiệu lực. Chính phủ tăng cường chỉ đạo và bổ sung các điều kiện cần thiết, song điều quan trọng hàng đầu là các cấp chính quyền địa phương phải thi hành đúng chức trách với ý thức trách nhiệm đầy đủ về tình trạng tệ nạn xã hội trong địa phương mình.

VI- KẾT HỢP CẢI CÁCH KINH TẾ VÀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Chức năng quản lý nhà nước đối với nền kinh tế thị trường đòi hỏi bộ máy nhà nước phải đủ năng lực, trong sạch, thực hiện đúng chức trách theo luật định. Trong bộ máy nhà nước, hệ thống hành chính là bộ phận đông đảo nhất, trực tiếp thực thi quyền lực điều hành theo luật pháp mọi mặt của đời sống xã hội, trước hết là các hoạt động kinh tế.

Công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu không thể tiến triển thuận lợi với bộ máy nhà nước nói chung và hệ thống hành chính nói riêng có nhiều nhược điểm như hiện nay. Vì vậy, trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền thực sự của dân, do dân và vì dân, yêu cầu bức bách hiện nay là phải xúc tiến và kết hợp chặt chẽ cải cách kinh tế

với cải cách hành chính. Công việc này quan hệ mật thiết với nội dung đổi mới hệ thống chính trị, trong đó nhiều vấn đề còn phải nghiên cứu. Cách giải quyết của chúng ta là tiến hành cải cách hành chính theo một chương trình phù hợp với điều kiện và khả năng thực tế, nhằm vào những việc có thể và cần phải làm ngay để khắc phục các trở lực đang kìm hãm công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế.

Dưới đây là một số việc chính trong chương trình của Chính phủ về cải cách thể chế kinh tế (theo nội dung đổi mới đã trình bày ở các phần trên), kết hợp chặt chẽ với cải cách hành chính:

1. *Đẩy mạnh việc thể chế hoá các chủ trương, chính sách đổi mới, tạo đủ khuôn khổ pháp lý cho mọi hoạt động kinh tế trong cơ chế thị trường.* Việc xây dựng luật pháp cần được xúc tiến khẩn trương theo hai hướng kết hợp với nhau: sửa đổi, bổ sung, ban hành các luật về từng mặt, đồng thời xây dựng các bộ luật có ý nghĩa bao trùm, làm xương sống cho hệ thống luật, đặc biệt là Luật dân sự, Luật kinh doanh (Luật thương mại). Công việc này phải được các cơ quan chính quyền trung ương coi là nhiệm vụ hàng đầu trong chức năng quản lý nhà nước; đồng thời phải huy động một lực lượng chuyên gia trong nước và một số chuyên gia người Việt ở nước ngoài tập trung nghiên cứu, soạn thảo, phản biện, bảo đảm hoàn thành chương trình xây dựng luật đã đề ra. Quốc hội cần tăng thêm thời gian và nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp theo kịp yêu cầu cải cách thể chế kinh tế. Chính phủ phải có quy chế bảo đảm việc ban hành kịp thời, thống nhất các văn bản pháp quy giải thích và thi hành luật.

Trong quy trình soạn thảo luật và các văn bản pháp quy khác, việc tổ chức lấy ý kiến, trước hết là của những

người thuộc đối tượng thực hiện chính, phải đặt thành yêu cầu bắt buộc.

Luật và các văn bản thi hành luật phải công khai hoá; trách nhiệm của các cơ quan chính quyền trong việc giải thích và phổ biến luật pháp sau khi ban hành phải được quy định rõ và phải kiểm tra việc thực hiện. Công báo phải là tài liệu nghiên cứu bắt buộc đối với cán bộ lãnh đạo và công chức các cấp chính quyền. Bộ Tư pháp cùng các bộ quản lý ngành phải có kế hoạch hệ thống hoá và xuất bản kịp thời các văn bản pháp quy về từng lĩnh vực, biên soạn tài liệu phổ biến những quy định mà đông đảo nhân dân cần biết về các văn bản pháp quy đã ban hành trong từng thời gian. Phải tìm các hình thức thuận tiện nhất đáp ứng yêu cầu của mọi người dân khi có vấn đề cần tìm hiểu luật pháp, coi đây là một nghĩa vụ của cơ quan chính quyền đối với dân.

2. *Cải cách thủ tục hành chính* là khâu đột phá trong chương trình cải cách hành chính, gắn bó chặt chẽ với cải cách kinh tế. Hiện nay, các thủ tục hành chính quá rườm rà, phiền phức, do nhiều cấp chính quyền ban hành, xuất phát từ yêu cầu quản lý còn nặng quan liêu, cửa quyền của cơ quan nhà nước, không quan tâm đến sự thuận tiện, dễ dàng cho người dân. Việc niêm yết, giải thích, hướng dẫn làm thủ tục không được quy định thành trách nhiệm rõ ràng của các cơ quan và công chức. Tình trạng đó đang nuôi dưỡng tệ sách nhiễu, tham nhũng của không ít công chức có chức trách giải quyết công việc của dân, gây khó khăn, tốn kém cho nhân dân, tạo ra bất bình lớn trong xã hội.

Trên nguyên tắc bảo đảm yêu cầu quản lý hành chính với sự tốn kém thì giờ, công sức, chi phí của công dân được giảm đến mức thấp nhất, phải soát xét, loại bỏ những thủ tục

không cần thiết (kể cả giảm bớt những việc phải xin phép, phải kê khai), quy định rõ thẩm quyền ban hành thủ tục và lệ phí (tập trung quyền ban hành vào các bộ, có sự uỷ nhiệm cho chính quyền tỉnh, thành phố đối với các quy định cần sát hợp với đặc điểm của địa phương), xác định cụ thể trách nhiệm của người dân và của cơ quan, công chức trong việc chấp hành thủ tục. Tập trung cải cách thủ tục ở những lĩnh vực có quan hệ nhiều với dân, đang có nhiều hiện tượng tiêu cực, như đăng ký kinh doanh, đăng ký hộ khẩu, đăng ký phương tiện cơ giới, xuất nhập khẩu, đầu tư của người nước ngoài, cấp và cho thuê đất, xây dựng nhà ở, xuất nhập cảnh, công chứng... Công việc phải được tiến hành có kế hoạch, được chỉ đạo, kiểm tra chặt chẽ, với sự tham gia của các đoàn thể và của nhân dân, đặc biệt là trong việc góp ý kiến sửa đổi thủ tục và quy trình chấp hành thủ tục.

3. *Phân định rõ thẩm quyền của từng cấp hành chính*, trước hết là quyền lập quy (ban hành các văn bản pháp quy dưới luật và pháp lệnh, có giá trị thi hành phổ biến) và quyền thu chi ngân sách. Yêu cầu cải cách trong lĩnh vực này là bảo đảm sự chỉ đạo tập trung, thống nhất về chính sách, tăng cường kỷ luật chấp hành các quyết định của Chính phủ, đồng thời nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của từng cấp hành chính địa phương trong việc giải quyết các vấn đề của địa phương, khắc phục tình trạng lập quy tùy tiện, phân tán, thậm chí trái với quyết định của Chính phủ, làm suy yếu hiệu lực của hệ thống hành chính; trong yêu cầu này, có vấn đề xác định vai trò của Hội đồng nhân dân, chức năng của chính quyền cấp quận, huyện và cấp phường.

Thẩm quyền hành chính được xác định trên cơ sở phân biệt chức năng quản lý hành chính của bộ máy nhà nước với

chức năng quản lý tài sản quốc gia của người chủ sở hữu đại diện cho toàn dân. Với việc thành lập tổ chức chuyên trách thực hiện chức năng của người chủ sở hữu tài sản công trong các doanh nghiệp, cơ chế “chủ quản” của các bộ và các sở quản lý ngành, cũng như sự phân biệt kinh tế trung ương với kinh tế địa phương sẽ không còn lý do tồn tại. Các bộ và sở chỉ còn chức năng quản lý nhà nước trong từng lĩnh vực đối với toàn xã hội (bao gồm tất cả các đơn vị cơ sở không phân biệt quan hệ sở hữu); chức năng đó sẽ khó thực hiện tốt nếu phân tán ra nhiều bộ. Do đó, cần thu gọn các bộ và cơ quan thuộc Chính phủ cũng như bộ máy các cấp hành chính địa phương để giảm bớt tình trạng bộ máy chồng chéo, trùng lặp và góp phần khắc phục tính cục bộ trong hệ thống hành chính.

4. Việc cải cách thủ tục hành chính, phân định hệ cấp thẩm quyền và tinh giản bộ máy hành chính đòi hỏi *đội ngũ công chức* phải có ý thức phục vụ nhân dân, nắm vững luật pháp và làm việc theo đúng luật, thông thạo nghiệp vụ, biết sử dụng các phương tiện hiện đại để nâng cao hiệu suất công tác và được đãi ngộ xứng đáng. Cần khẩn trương nghiên cứu, ban hành Luật hành chính làm cơ sở cho việc xây dựng chế độ công vụ, quy chế công chức. Tiêu chuẩn hoá các chức danh trong bộ máy hành chính, phân biệt các chức danh do dân cử với đội ngũ công chức chuyên nghiệp; bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống thang, bậc lương mới và nâng dần mức lương theo đà phát triển kinh tế, bảo đảm tương quan hợp lý về thang, bậc giá trị trong xã hội. Mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo và công chức bộ máy hành chính đủ trình độ đảm nhiệm công việc theo chức danh.

Cùng với việc tổ chức các toà án kinh tế, cần xúc tiến việc thành lập cơ quan tài phán hành chính để giải quyết các

khieu nại, tranh chấp của dân đối với cơ quan và công chức hành chính.

Việc đổi mới chế độ sở hữu và cơ chế quản lý tài sản công, hoàn thiện thể chế kinh tế và tiến hành cải cách hành chính theo nội dung trên tạo cơ sở cho cuộc đấu tranh ngăn chặn từ gốc tệ tham nhũng và tệ buôn lậu móc ngoặc với tham nhũng. Đồng thời phải đẩy mạnh việc phát hiện, xử lý nghiêm minh và kịp thời theo pháp luật những vụ tham nhũng và cả những người dung túng, bao che cho kẻ tham nhũng.

*

* *

Đảng ta là đảng cầm quyền. Phần lớn cán bộ lãnh đạo và công chức trong bộ máy nhà nước từ trung ương đến cơ sở đều là đảng viên. Trong các đơn vị thuộc mọi lĩnh vực hoạt động đều có chi bộ đảng. Ở thời điểm mang tính chất bước ngoặt đối với vận nước, toàn Đảng, mỗi cấp bộ đảng, mỗi cán bộ, đảng viên đều có trách nhiệm rất lớn đối với dân tộc.

Từ những chuyển biến thực tế trong cuộc sống, nhân dân ta tăng thêm niềm tin vào đường lối của Đảng, nhưng còn nghi ngại, thậm chí bất bình về tình trạng tha hoá, biến chất của một bộ phận không nhỏ trong đội ngũ cán bộ, đảng viên đang cản trở và vô hiệu hoá đường lối, chính sách của Đảng và luật pháp của Nhà nước. Nhân dân mong mỏi và đòi hỏi Đảng ta phải kiên quyết làm trong sạch đội ngũ của mình, các cán bộ, đảng viên phải giữ nghiêm phép nước, làm đúng chức trách, không ngừng nâng cao phẩm chất và năng lực theo kịp yêu cầu mới của công cuộc đổi mới và phát triển đất nước. Hiện nay, đó là điều mấu chốt, quyết định sự tín nhiệm và gắn bó của nhân dân đối với Đảng.

Khi nhân dân kết thành một khối với Đảng thì chúng ta sẽ vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đẩy lùi và ngăn chặn mọi nguy cơ, hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Hội nghị toàn quốc của Đảng đề ra, đưa đất nước và con người Việt Nam phát triển vượt bậc, dần dần đi kịp thời đại.

Truyền thống vẻ vang của dân tộc và của Đảng cho phép chúng ta tin tưởng và quyết tâm thực hiện điều đó.

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC GIỮA NHIỆM KỲ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng họp từ ngày 20-1-1994 đến ngày 25-1-1994, tại Hà Nội.

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương do đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười trình bày tại Hội nghị.

2. Giao cho Ban Chấp hành Trung ương căn cứ vào kết quả biểu quyết và những ý kiến của Hội nghị mà Đoàn Chủ tịch đề nghị tiếp thu để chỉnh lý văn bản trước khi công bố chính thức.

Hà Nội, ngày 25 tháng 1 năm 1994

**HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC GIỮA NHIỆM KỲ
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

VĂN KIẾN
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ VIII

.

**DIỄN VĂN KHAI MẠC
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ VIII**

(Do đồng chí Lê Đức Anh, Ủy viên Bộ Chính trị
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII trình bày,
ngày 28 tháng 6 năm 1996)

Thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội,

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Hôm nay, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam khai mạc tại Thủ đô Hà Nội. Trước hết, thay mặt Đoàn Chủ tịch Đại hội và Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII, tôi nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đại biểu, những đảng viên ưu tú đã cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân làm nên thắng lợi vẻ vang của trên 50 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thân yêu của chúng ta.

Đại hội chúng ta nhiệt liệt chào mừng và chân thành cảm ơn các đoàn đại biểu quốc tế, các vị khách quý đến dự Đại hội, mang đến cho Đảng ta và nhân dân Việt Nam tình hữu nghị thắm thiết và sự cổ vũ lớn lao.

Đại hội nhiệt liệt chào mừng và biết ơn các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương đã tận tụy làm việc,

góp phần tích cực, có hiệu quả vào công việc của Đảng và Nhà nước.

Đại hội nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đại biểu lão thành cách mạng, các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, các nhân sĩ, trí thức đã cống hiến rất nhiều cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Trong giờ phút trọng thể này, Đại hội chúng ta thành kính tưởng nhớ và biết ơn vô hạn Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ vĩ đại muôn vàn kính yêu của Đảng và dân tộc ta, người bạn thân thiết của nhân dân các dân tộc trên thế giới đấu tranh cho hoà bình, độc lập, tự do, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đại hội chúng ta tưởng nhớ đến các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII đã qua đời: Nguyễn Thái Ninh, Đỗ Chính, Bùi Thanh Vân, Lê Mai cùng nhiều đảng viên, cán bộ, chiến sĩ và đồng bào yêu quý đã hy sinh từ sau Đại hội VII đến nay vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Năm năm qua, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã không ngừng phấn đấu vượt mọi khó khăn thử thách, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện đất nước và đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Đời sống vật chất của phần lớn nhân dân được cải thiện; đất nước ổn định và phát triển, đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Chúng ta vui mừng và tự hào về điều đó. Bầu bạn quốc tế ghi nhận và chia vui cùng chúng ta.

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, trên cơ sở trân trọng những thành tựu của 20 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vừa qua, Đại hội VIII sẽ đi sâu kiểm điểm kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII;

tổng kết 10 năm đổi mới; đề ra những mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong thời kỳ mới.

Đại hội VIII cũng sẽ kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng, vạch ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng, sửa đổi Điều lệ Đảng, bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới tiêu biểu về phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, có đủ trí tuệ và năng lực thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII.

Trong quá trình chuẩn bị Đại hội, chúng ta đã nhận được rất nhiều ý kiến phong phú, quý báu của các đảng bộ và các tầng lớp nhân dân góp cho Đại hội về đường lối, phương hướng, mục tiêu và các nhiệm vụ chủ yếu để phát triển đất nước. Các văn kiện quan trọng trình Đại hội hôm nay là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Đại hội chúng ta nhiệt liệt cảm ơn Mặt trận Tổ quốc các cấp, các ngành, các đoàn thể nhân dân, các giới nhân sĩ, trí thức, tôn giáo, dân tộc, văn học, nghệ thuật, đồng bào ta ở nước ngoài và các bạn bè quốc tế về sự đóng góp tích cực vào thành công của Đại hội.

Đại hội VIII có ý nghĩa lịch sử, đánh dấu bước ngoặt chuyển đất nước ta sang thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân ta, vì tình hữu nghị và sự hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**TIẾP TỤC SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH
CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ
VÌ MỤC TIÊU DÂN GIÀU, NƯỚC MẠNH,
XÃ HỘI CÔNG BẰNG, VĂN MINH,
VỮNG BƯỚC ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

(Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
khoá VII về các Văn kiện Đại hội VIII
do đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười trình bày,
ngày 28 tháng 6 năm 1996)

Thưa Đoàn Chủ tịch,

Thưa các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương,

Thưa các đồng chí đại biểu,

Thưa các vị khách quý,

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đánh dấu cột mốc mới trong tiến trình phát triển của cách mạng nước ta. Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội VII, tổng kết 10 năm đổi mới; đề ra mục tiêu, phương hướng, giải pháp thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2000 và 2020; bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

Trong quá trình chuẩn bị các văn kiện, đảng bộ các cấp, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội, các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương, các đồng

chí lão thành cách mạng, các nhân sĩ, trí thức đã góp nhiều ý kiến quan trọng và xác đáng. Sau khi dự thảo Báo cáo chính trị được công bố rộng rãi, đông đảo các tầng lớp nhân dân trong cả nước và đồng bào sinh sống ở nước ngoài đã sôi nổi đóng góp nhiều ý kiến quý báu, đầy tâm huyết, thể hiện ý chí, nguyện vọng và quyết tâm của toàn dân đoàn kết chung quanh Đảng Cộng sản Việt Nam, cùng Đảng bàn việc nước. Có thể nói, các văn kiện trình ra Đại hội lần này là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân ta.

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII, tôi xin trình bày những nội dung chủ yếu trong các văn kiện đó.

I- ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VII VÀ 10 NĂM ĐỔI MỚI

Đại hội VIII phải đánh giá đúng đắn kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và 10 năm thực hiện đường lối đổi mới được đề ra từ Đại hội VI của Đảng, rút ra những bài học lớn, làm cơ sở xác định đúng đắn mục tiêu, nhiệm vụ cho chặng đường sắp tới.

Mười năm trước, khi Đảng đề ra đường lối đổi mới toàn diện, nước ta đang trong tình trạng trầm trọng nhất của khủng hoảng kinh tế - xã hội: sản xuất đình đốn, lạm phát tăng vọt, đất nước bị bao vây về kinh tế, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, lòng tin giảm sút. Sau gần 5 năm phấn đấu gian khổ, kiên cường thực hiện đường lối đổi mới, nhân dân ta đã giành được những thắng lợi bước đầu rất quan trọng cả về kinh tế, xã hội, chính trị, đối nội và đối ngoại. Mức độ gay gắt của cuộc khủng hoảng đã giảm được một

phần. Đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra được Đại hội VII bổ sung và phát triển, thể hiện ở Cương lĩnh, Chiến lược và Báo cáo chính trị mà Đại hội VII đã thông qua.

Song lúc bấy giờ, thành tựu đổi mới còn hạn chế. Tăng trưởng kinh tế còn chậm, lạm phát còn cao, nhiều vấn đề xã hội mới nảy sinh, có mặt nghiêm trọng. Mỹ vẫn tiếp tục bao vây cấm vận. Một số thế lực thù địch đẩy mạnh hoạt động hòng gây mất ổn định chính trị, phá rối an ninh quốc gia, làm phương hại đến độc lập, chủ quyền của đất nước. Nước ta lại đứng trước những thử thách rất gay gắt.

Trong tình thế đó, Đảng và nhân dân ta đã thể hiện trí tuệ và bản lĩnh cách mạng của mình, phát huy truyền thống đoàn kết, đấu tranh kiên cường, lao động sáng tạo, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thử thách, đưa sự nghiệp đổi mới tiếp tục tiến lên.

Nhìn tổng quát, công cuộc đổi mới 10 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ do Đại hội VII đề ra cho 5 năm 1991 - 1995 đã được hoàn thành về cơ bản.

Tình trạng đình đốn trong sản xuất, rối ren trong lưu thông được khắc phục. Kinh tế tăng trưởng nhanh, nhịp độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân hằng năm thời kỳ 1991 - 1995 đạt 8,2%. Lạm phát bị đẩy lùi từ 774,7% năm 1986 xuống còn 67,1% năm 1991, 12,7% năm 1995. Đầu tư toàn xã hội bằng nguồn vốn trong và ngoài nước so với GDP năm 1990 là 15,8%, năm 1995 là 27,4%. Lương thực không những đủ ăn mà còn xuất khẩu được mỗi năm khoảng 2 triệu tấn gạo. Nhiều công trình thuộc kết cấu hạ tầng và cơ sở công nghiệp trọng yếu được xây dựng, tạo thêm sức mạnh vật chất và thế cân đối mới cho bước phát triển tiếp theo.

Quan hệ sản xuất được điều chỉnh phù hợp hơn với tính chất, trình độ và yêu cầu phát triển của sức sản xuất, giải phóng và phát huy tiềm năng to lớn trong nước, tạo thuận lợi khai thác nguồn lực bên ngoài. Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng một cách đồng bộ hơn và có hiệu quả hơn.

Số việc làm tạo thêm hằng năm gần đây đã xấp xỉ số người mới bổ sung vào lực lượng lao động. Đời sống vật chất của đại bộ phận nhân dân được cải thiện. Trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân khá hơn trước. Các phong trào đền ơn đáp nghĩa, xoá đói giảm nghèo được toàn dân hưởng ứng. Dân chủ được phát huy. Lòng tin của nhân dân đối với chế độ và tiền đồ đất nước, với Đảng và Nhà nước được khẳng định.

Ổn định chính trị - xã hội được giữ vững. Quốc phòng, an ninh được củng cố. Quan hệ đối ngoại phát triển mạnh mẽ; phá được thế bị bao vây, cô lập; mở rộng hợp tác và tham gia tích cực đời sống cộng đồng quốc tế.

Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tăng cường đại đoàn kết toàn dân có nhiều chuyển biến tích cực.

Trong khi đánh giá đúng thành tựu, chúng ta cần thấy rõ những tồn tại và yếu kém: nước ta còn nghèo và kém phát triển; chúng ta lại chưa thực hiện tốt cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, dành vốn cho đầu tư, phát triển. Tình hình xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết. Việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới có phần vừa lúng túng, vừa buông lỏng. Quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội còn nhiều thiếu sót. Hệ thống chính trị còn nhiều nhược điểm.

Tuy vậy, đến nay, thế và lực của đất nước ta đã có sự biến đổi rõ rệt về chất. *Nước ta đã ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội* nghiêm trọng và kéo dài hơn 15 năm, tuy còn một số mặt chưa vững chắc, song đã tạo được tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới: đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Từ những bài học thành công và chưa thành công, chúng ta đã điều chỉnh và bổ sung nhận thức, làm cho quan niệm về chủ nghĩa xã hội ngày càng cụ thể; đường lối, chủ trương, chính sách ngày càng đồng bộ, có căn cứ khoa học và thực tiễn. *Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn.*

Đại hội VI đề ra đường lối đổi mới toàn diện. Đại hội VII thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*. Các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và của Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII đã cụ thể hoá cương lĩnh, chiến lược trên hầu hết các lĩnh vực, từ kinh tế đến văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước. Các văn kiện trình Đại hội VIII kế thừa và phát triển hơn nữa những đường lối, chủ trương đúng đắn đó.

Xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta phải nắm vững và kiên trì đường lối đó, thường xuyên nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để có những điều chỉnh, bổ sung và phát triển cần thiết, đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên giành những thắng lợi to lớn hơn nữa.

Tuy vậy, trong quá trình thực hiện, chúng ta đã phạm một số khuyết điểm, lệch lạc lớn và kéo dài, dẫn đến *chệch*

hướng ở lĩnh vực này hay lĩnh vực khác, ở mức độ này hay mức độ khác. Nếu không được khắc phục có hiệu quả thì những khuyết điểm, lệch lạc đó sẽ làm suy yếu Đảng, làm một ruồng bộ máy Nhà nước, biến chất chế độ, đưa đất nước đi chệch con đường xã hội chủ nghĩa. Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa là cuộc đấu tranh khó khăn, phức tạp, diễn ra thường xuyên. Điều quan trọng là sớm phát hiện sai lầm, khuyết điểm, đề ra biện pháp sửa chữa đúng đắn, kịp thời.

Tổng kết chặng đường đổi mới 10 năm qua, Đảng ta rút ra *một số bài học chủ yếu:*

- Trong quá trình đổi mới, phải giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm vững 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt, sáng tạo trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới.

- Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị. Phát huy dân chủ, khắc phục những hiện tượng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời chống mọi khuynh hướng dân chủ cực đoan, quá khích, mọi âm mưu lợi dụng chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” nhằm gây rối chính trị, chống phá chế độ, can thiệp vào nội bộ nước ta.

- Xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường phải đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, động viên sức mạnh của cả dân tộc nỗ lực phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

- Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại. Động viên mọi nguồn lực bên trong là chính, đồng thời khai thác tốt những điều kiện thuận lợi mới trong quan hệ đối ngoại, tạo môi trường quốc tế thuận lợi và tranh thủ những nhân tố tích cực phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Việc mở rộng quan hệ đối ngoại phải trên cơ sở giữ vững độc lập tự chủ, giữ gìn, phát huy bản sắc và truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Đảng ta phải luôn tự đổi mới và chỉnh đốn. củng cố và xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ; tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng; đổi mới phương thức, lề lối làm việc, nâng cao trình độ và hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Nắm vững và vận dụng sáng tạo những bài học trên đây là bảo đảm cho thành công của sự nghiệp phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

II- THỜI KỲ PHÁT TRIỂN MỚI - ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC

Đảng ta nhận định rằng sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước tiếp tục phát triển trong tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp và chứa đựng những yếu tố khó lường.

Nêu lên 5 đặc điểm của tình hình thế giới và 5 xu thế chủ yếu trong quan hệ quốc tế hiện nay, Đảng ta khẳng định: sau những biến cố chính trị ở Liên Xô và Đông Âu, chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào, nhưng điều đó không làm thay đổi tính chất của thời đại; loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn, nội dung và hình thức biểu hiện có nhiều nét mới. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp diễn ra dưới nhiều hình thức.

Cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển nhanh với trình độ ngày càng cao, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thế giới, quốc tế hoá nền kinh tế và đời sống xã hội. Các nước đều có những cơ hội để phát triển. Tuy nhiên, do ưu thế về vốn, công nghệ, thị trường thuộc về các nước phát triển, khiến các nước chậm phát triển và đang phát triển đứng trước những thách thức to lớn.

Châu Á - Thái Bình Dương đang là khu vực phát triển năng động với nhịp độ tăng trưởng cao. Đồng thời khu vực này cũng đang tiềm ẩn một số nhân tố có thể gây mất ổn định.

Trong quan hệ quốc tế, hoà bình, ổn định và hợp tác để phát triển ngày càng trở thành đòi hỏi bức xúc của các dân tộc và các quốc gia trên thế giới. Các nước dành ưu tiên cho phát triển kinh tế, coi phát triển kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với việc tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia; tham gia ngày càng nhiều vào quá trình hợp tác và liên kết khu vực, liên kết quốc tế về kinh tế, thương mại và nhiều lĩnh vực hoạt động khác. Hợp tác ngày càng tăng nhưng cạnh tranh cũng rất gay gắt.

Các dân tộc nâng cao ý thức độc lập, tự chủ, đấu tranh chống lại sự áp đặt và can thiệp của nước ngoài, bảo vệ nền

văn hoá dân tộc. Các lực lượng xã hội chủ nghĩa, cách mạng và tiến bộ trên thế giới kiên trì đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Các nước có chế độ chính trị xã hội khác nhau vừa hợp tác vừa đấu tranh cùng tồn tại hoà bình.

Trước mắt chúng ta có cả *thời cơ lớn và những thách thức lớn*.

Thời cơ lớn được tạo ra trước hết do những thành tựu của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời cũng do sự tác động của nhiều xu thế tích cực trên thế giới.

Thách thức lớn nảy sinh từ bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ nêu lên. Các nguy cơ đó có mối liên hệ tác động lẫn nhau và đều nguy hiểm, không thể xem nhẹ nguy cơ nào.

Thuận lợi và khó khăn, thời cơ và nguy cơ đan xen nhau. Chúng ta phải chủ động nắm thời cơ, vươn lên phát triển nhanh và vững chắc, tạo ra thế và lực mới, đồng thời luôn luôn tỉnh táo, kiên quyết đẩy lùi và khắc phục các nguy cơ, kể cả những nguy cơ mới nảy sinh, bảo đảm phát triển đúng hướng.

Xuất phát từ kết quả 10 năm đổi mới, từ những tiền đề đã được tạo ra, Đảng ta nhận định rằng nước ta đã chuyển sang thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đây là một nhận định cực kỳ quan trọng, có ý nghĩa chỉ đạo đối với việc đề ra phương hướng, nhiệm vụ sắp tới.

Mục tiêu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất,

đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

Lực lượng sản xuất đến lúc đó sẽ đạt trình độ tương đối hiện đại, phần lớn lao động thủ công được thay thế bằng lao động sử dụng máy móc, điện khí hoá cơ bản được thực hiện trong cả nước, năng suất lao động xã hội và hiệu quả sản xuất kinh doanh cao hơn nhiều so với hiện nay. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng từ 8 đến 10 lần so với năm 1990.

Về quan hệ sản xuất, chế độ sở hữu, cơ chế quản lý và chế độ phân phối gắn kết với nhau, giải phóng sức sản xuất, tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện công bằng xã hội.

Kinh tế nhà nước thực hiện tốt vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế hợp tác xã trở thành nền tảng. Kinh tế tư bản nhà nước dưới các hình thức khác nhau tồn tại phổ biến. Kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân chiếm tỷ trọng đáng kể.

Về đời sống vật chất và văn hoá, nhân dân có cuộc sống no đủ, có nhà ở tương đối tốt, có điều kiện thuận lợi về đi lại, học hành, chữa bệnh, có mức hưởng thụ văn hoá khá. Quan hệ xã hội lành mạnh, lối sống văn minh; phát huy những giá trị cao đẹp và truyền thống vẻ vang của dân tộc.

Làm được những việc nói trên sẽ là một bước tiến lớn trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Giai đoạn từ nay đến năm 2000 là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nhiệm vụ của nhân dân ta là tập trung mọi

lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu được đề ra trong Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000: tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau.

III- PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ XÂY DỰNG QUAN HỆ SẢN XUẤT MỚI THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, Đảng ta luôn xác định xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ. Trong những năm tiến hành công nghiệp hoá trước đây, mặc dù có những sai lầm, thiếu sót, song chúng ta đã đạt được một số thành tựu đáng kể. Một số công trình lớn đã được xây dựng và phát huy tác dụng. Chúng ta phải kế thừa thành tựu của thời kỳ trước, rút kinh nghiệm từ những sai lầm, thiếu sót để bổ sung, phát triển nhận thức, đề ra những bước đi, giải pháp thích hợp, nhằm triển khai có hiệu quả hơn sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong thời kỳ mới.

Ngày nay, công nghiệp hoá luôn gắn liền với hiện đại hoá, với việc ứng dụng rộng rãi những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của thời đại. Khoa học và công nghệ trở

thành nền tảng của công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nâng cao dân trí, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực to lớn của con người Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Trong hoàn cảnh mới, chúng ta chủ trương xây dựng một nền kinh tế mở, đa phương hoá và đa dạng hoá quan hệ kinh tế đối ngoại, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu những mặt hàng trong nước sản xuất có hiệu quả, tranh thủ vốn, công nghệ và thị trường quốc tế để tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nhưng kinh nghiệm cho thấy, nếu không tạo lập được một vị thế độc lập, tự chủ, không có đủ nội lực cần thiết, thì không thể tham gia hợp tác quốc tế một cách thật sự bình đẳng và có lợi, không thể khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn lực bên ngoài. Vì vậy, phải xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý, bảo đảm khả năng giữ vững độc lập, tự chủ về kinh tế, quốc phòng, an ninh, chủ động tham gia phân công lao động và hợp tác quốc tế. Luôn luôn nêu cao phương châm dựa vào nguồn lực trong nước là chính, đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài, động viên mọi người, mọi nhà, mọi cấp, mọi ngành cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, dành vốn cho đầu tư phát triển.

Trong những năm trước mắt, khả năng vốn còn có hạn, nhu cầu việc làm rất bức bách, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, tình hình kinh tế, xã hội chưa thật ổn định vững chắc. Chúng ta cần tránh sai lầm chủ quan nóng vội, quá thiên về công nghiệp nặng, ham quy mô lớn. Phải đặc biệt coi trọng công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn, ra sức phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, các ngành công nghiệp chế biến nông - lâm - thuỷ sản, công nghiệp hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, các ngành du lịch, dịch vụ; khôi phục, phát triển,

từng bước hiện đại hoá các ngành nghề tiểu thủ công truyền thống đi đôi với mở mang những ngành nghề mới.

Cần nhắc, lựa chọn những dự án cũng như thời điểm khởi công các công trình công nghiệp nặng trọng yếu mà nhu cầu đòi hỏi bức bách và có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường, có khả năng phát huy tác dụng nhanh và có hiệu quả cao. Nâng cấp, cải tạo, mở rộng và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng kinh tế ở những khâu ách tắc nhất đang cản trở sự phát triển.

Xây dựng quy hoạch phát triển tổng thể dài hạn các ngành, các lĩnh vực, các địa bàn để có bước đi thích hợp, kết hợp giữa nhu cầu trước mắt và mục tiêu lâu dài, giữa điểm và diện, giữa kinh tế và quốc phòng, an ninh, giữa công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ. Phát triển các loại hình doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa là chính, với công nghệ thích hợp, vốn đầu tư ít, tạo ra nhiều việc làm, thời gian thu hồi vốn nhanh. Chú trọng đầu tư chiều sâu, đổi mới trang thiết bị nhằm khai thác có hiệu quả năng lực sản xuất hiện có. Đồng thời xây dựng hoặc tích cực chuẩn bị để xây dựng một số công trình lớn thật sự cần thiết.

Chính sách phát triển công nghiệp phải gắn kết chặt chẽ với chính sách và giải pháp phát triển các ngành và các lĩnh vực khác, hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau, tạo nên sự phát triển đồng bộ trong đời sống kinh tế, xã hội. Đặc biệt quan tâm xây dựng quan hệ hợp tác bình đẳng, cùng có lợi, giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa công nghiệp và nông nghiệp, thành thị và nông thôn, công nhân, nông dân và trí thức trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Nếu công nghiệp hoá, hiện đại hoá tạo nên lực lượng sản xuất cần thiết cho chế độ xã hội mới, thì việc *phát triển nên*

kinh tế nhiều thành phần chính là để xây dựng hệ thống quan hệ sản xuất phù hợp.

Chính sách kinh tế nhiều thành phần đã góp phần to lớn giải phóng và phát triển sức sản xuất, đưa đến những thành tựu kinh tế - xã hội quan trọng qua 10 năm đổi mới. Văn kiện Đại hội VIII khẳng định tiếp tục thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách này, khuyến khích mọi doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước khai thác các tiềm năng, ra sức đầu tư phát triển, yên tâm làm ăn lâu dài, hợp pháp, có lợi cho quốc kế dân sinh; đối xử bình đẳng với mọi thành phần kinh tế trước pháp luật, không phân biệt sở hữu và hình thức tổ chức kinh doanh.

Nền kinh tế nhiều thành phần mà Đảng ta chủ trương là nền kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Do đó, văn kiện nhấn mạnh sự cần thiết phải chăm lo đổi mới và phát triển kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác, làm cho kinh tế nhà nước thực sự làm ăn có hiệu quả, phát huy tốt vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác xã phấn đấu dần dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân.

Tập trung nguồn lực để phát triển kinh tế nhà nước trong những ngành, những lĩnh vực trọng yếu như kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hệ thống tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, những cơ sở sản xuất và thương mại, dịch vụ quan trọng, một số doanh nghiệp thực hiện những nhiệm vụ có quan hệ đến quốc phòng, an ninh.

Đổi mới tổ chức quản lý doanh nghiệp nhà nước, phát huy cao độ quyền tự chủ của doanh nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Thực hiện tốt chủ trương cổ phần hoá một bộ phận doanh nghiệp nhà nước để huy động thêm vốn, tạo thêm động lực thúc đẩy doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, làm cho tài sản thuộc sở hữu nhà nước ngày càng tăng lên.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và có chính sách ưu đãi, giúp đỡ kinh tế hợp tác mà nòng cốt là các hợp tác xã phát triển tốt. Kết hợp một cách tự nguyện sức mạnh của từng thành viên với sức mạnh tập thể để giải quyết có hiệu quả hơn những vấn đề của sản xuất kinh doanh và đời sống của người lao động.

Phát triển rộng rãi các hình thức kinh tế tư bản nhà nước. Áp dụng nhiều phương thức hợp tác, liên doanh giữa Nhà nước với các nhà tư bản trong nước và các công ty tư bản nước ngoài. Tạo thế và lực cho doanh nghiệp Việt Nam phát triển, tăng khả năng hợp tác và cạnh tranh. Cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao năng lực quản lý để thu hút có hiệu quả vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

Giúp đỡ kinh tế cá thể, tiểu chủ giải quyết các khó khăn về vốn, về khoa học và công nghệ, về thị trường tiêu thụ sản phẩm, hướng dẫn họ từng bước đi vào làm ăn hợp tác một cách tự nguyện, hoặc làm vệ tinh cho các doanh nghiệp nhà nước hay hợp tác xã.

Khuyến khích tư bản tư nhân đầu tư vào sản xuất, yên tâm làm ăn lâu dài, bảo hộ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp, tạo điều kiện thuận lợi đi đôi với tăng cường quản lý, hướng dẫn làm ăn đúng pháp luật, có lợi cho quốc kế dân sinh.

Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần không thể tách rời việc *xây dựng đồng bộ và vận hành có hiệu quả cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa*.

Cơ chế thị trường đã phát huy tác dụng tích cực to lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội. Nó chẳng những không đối lập mà còn là một nhân tố khách quan cần thiết của việc xây dựng và phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Mặt khác, cơ chế thị trường có những tác động tiêu cực mâu thuẫn với bản chất của chủ nghĩa xã hội. Vận dụng cơ

chế thị trường đòi hỏi phải nâng cao năng lực quản lý vĩ mô của Nhà nước, nhằm phát huy tác dụng tích cực đi đôi với ngăn ngừa, hạn chế và khắc phục những mặt tiêu cực. Phải xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, hình thành đồng bộ các yếu tố của thị trường, đồng thời xây dựng và hoàn thiện các công cụ pháp luật, kế hoạch, các thiết chế tài chính, tiền tệ và những phương tiện vật chất và tổ chức cần thiết cho sự quản lý của Nhà nước, tạo điều kiện cho cơ chế thị trường hoạt động hữu hiệu.

Xử lý tốt mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường. Thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của kế hoạch. Kế hoạch phải quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng để đưa ra một hệ thống các mục tiêu vĩ mô, xác định tốc độ tăng trưởng, cơ cấu và các cân đối lớn, lựa chọn phương án, chính sách và giải pháp để định hướng phát triển cho toàn bộ nền kinh tế.

Cơ chế thị trường đòi hỏi phải hình thành một môi trường cạnh tranh lành mạnh, hợp pháp, văn minh. Cạnh tranh vì lợi ích phát triển đất nước, chứ không phải làm phá sản hàng loạt, lãng phí các nguồn lực, thôn tính lẫn nhau.

Thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và chức năng chủ sở hữu tài sản công của Nhà nước. Tôn trọng và phát huy đầy đủ quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp trong cơ chế thị trường. Các cơ quan chính quyền không can thiệp vào những việc thuộc chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp.

IV- CHĂM LO PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC CON NGƯỜI, THỰC HIỆN CÔNG BẰNG XÃ HỘI

Cương lĩnh của Đảng ta chỉ rõ: “Chính sách xã hội đúng đắn vì hạnh phúc con người là động lực to lớn phát huy mọi

tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội”.

Hàng loạt vấn đề xã hội đang được đặt ra, hoặc do hậu quả nặng nề của nhiều năm chiến tranh, của nền kinh tế kém phát triển, hoặc mới nảy sinh trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế. Không thể cùng một lúc giải quyết mọi vấn đề trong lúc năng suất lao động xã hội còn thấp, nguồn thu ngân sách còn hạn hẹp, lại phải tích lũy cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Vì vậy, Báo cáo chính trị chỉ đề cập một số vấn đề bức bách nhất về con người và về xã hội.

Báo cáo chính trị trình bày các phương hướng chủ yếu *phát triển trí tuệ* của người Việt Nam thể hiện trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Các ngành khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và công nghệ phải được quan tâm đầu tư phát triển, chú trọng nghiên cứu và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các thành tựu khoa học và công nghệ của nhân loại để góp phần đắc lực vào việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực con người.

Giáo dục và đào tạo phải thực sự trở thành quốc sách hàng đầu. Bằng nhiều hình thức đa dạng bảo đảm cho mọi người được học, nhất là người nghèo và con em các gia đình thuộc diện chính sách. Động viên phong trào toàn dân thi đua xoá mù chữ, hoàn thành phổ cập tiểu học trong cả nước và phổ cập trung học cơ sở ở những nơi có điều kiện. Cải tiến chất lượng dạy và học, khắc phục những tiêu cực, yếu kém trong ngành giáo dục để hoàn thành tốt việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn lực con người cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá

đất nước. Cùng với đổi mới nội dung giáo dục theo hướng cơ bản, hiện đại, phải tăng cường giáo dục công dân, giáo dục thế giới quan khoa học, lòng yêu nước, ý chí vươn lên vì tương lai của bản thân và tiền đồ của đất nước.

Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội. Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, các hoạt động văn hoá - văn nghệ có vị trí quan trọng trong việc hình thành nhân cách, làm phong phú đời sống tinh thần con người Việt Nam. Bản sắc dân tộc và tính chất tiên tiến của nền văn hoá phải được thấm đậm không chỉ trong công tác văn hoá - văn nghệ, mà cả trong mọi hoạt động xây dựng, sáng tạo vật chất, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ, giáo dục và đào tạo... sao cho trong mọi lĩnh vực chúng ta có cách tư duy độc lập, có cách làm vừa hiện đại vừa mang sắc thái Việt Nam. Đi vào kinh tế thị trường, mở rộng giao lưu quốc tế, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, tiếp thụ những tinh hoa của nhân loại, song phải luôn luôn coi trọng những giá trị truyền thống và bản sắc dân tộc, quyết không được tự đánh mất mình, trở thành bóng mờ hoặc bản sao chép của người khác.

Sự *cường tráng về thể chất* là nhu cầu của bản thân con người, đồng thời là vốn quý để tạo ra tài sản trí tuệ và vật chất cho xã hội. Chăm lo cho con người về thể chất là trách nhiệm của toàn xã hội, của tất cả các cấp, các ngành, các đoàn thể. Song song với phát triển kinh tế, chăm lo cho việc ăn, ở của dân ngày càng tốt hơn, các ngành y tế, thể dục thể thao, dân số và kế hoạch hoá gia đình phải làm tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khoẻ của nhân dân. Trong đó, phải rất quan tâm xây dựng và củng cố hệ thống y tế cơ sở, làm tốt công tác y tế dự phòng, phòng chống các bệnh dịch, chăm sóc sức khoẻ bà mẹ và trẻ em,

phát động rộng rãi phong trào thể dục thể thao quần chúng. Phải đổi mới cơ chế và thái độ phục vụ, động viên thoả đáng và sử dụng có hiệu quả những nguồn tài chính dành cho hoạt động y tế. Bảo đảm cho những người nghèo, những người trong diện chính sách được chăm sóc sức khoẻ, khám chữa bệnh được giảm hoặc miễn phí.

Qua thực tiễn 10 năm đổi mới, chúng ta nhận thức rõ là không chờ kinh tế phát triển cao rồi mới giải quyết các vấn đề xã hội, mà ngay trong từng bước và suốt trong quá trình phát triển, tăng trưởng kinh tế phải luôn gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội. Công bằng xã hội không chỉ được thực hiện trong phân phối kết quả sản xuất, mà còn được thực hiện ở khâu phân phối tư liệu sản xuất, ở việc tạo ra những điều kiện cho mọi người phát huy tốt năng lực của mình. Khuyến khích làm giàu hợp pháp, chống làm giàu phi pháp đi đôi với chăm lo xoá đói, giảm nghèo, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, về mức sống giữa các vùng, giữa các dân tộc, giữa các tầng lớp dân cư, đặc biệt quan tâm đến các vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến cũ, các gia đình thuộc diện chính sách, làm cho mọi người, mọi nhà đều tiến tới cuộc sống ấm no, hạnh phúc, ai cũng có việc làm, có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành và chữa bệnh, từng bước thực hiện điều Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong ước.

Xuất phát từ nhận thức chăm lo cho con người, cho cộng đồng xã hội là trách nhiệm của toàn xã hội, của mỗi đơn vị, của từng gia đình, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, chúng ta chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội theo tinh thần *xã hội hoá*, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt. Theo trình độ phát triển kinh tế, Nhà nước tăng dần nguồn đầu tư cho khoa học, giáo dục, văn hoá, chăm sóc sức khoẻ và các vấn đề xã hội; đồng thời khai thác mọi tiềm năng

của nhân dân, của địa phương, của các hội, đoàn, tranh thủ các nguồn viện trợ từ nước ngoài và sử dụng có hiệu quả để chăm lo cho con người và xã hội. Sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, Nhà nước và nhân dân cùng làm, mọi việc đều phải dựa vào dân..., đó là những quan điểm và kinh nghiệm trong lịch sử chiến tranh nhân dân và trong 10 năm đổi mới cần nắm vững và phát huy để tạo nguồn lực giải quyết vấn đề con người và xã hội trong thời kỳ hiện nay.

V- MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI LỚN TRONG KẾ HOẠCH 5 NĂM 1996 - 2000

Đất nước ta bước vào 5 năm cuối cùng của thế kỷ này với những khả năng và cơ hội lớn hơn nhiều so với 5 năm trước, đồng thời cũng đứng trước những thử thách hết sức gay gắt.

Kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 được xây dựng trên cơ sở quán triệt những tư tưởng chỉ đạo sau đây:

- *Một là*, thực hiện đồng thời 3 mục tiêu về kinh tế: đẩy mạnh công nghiệp hoá với nhịp độ tăng trưởng cao, bền vững và có hiệu quả; ổn định vững chắc kinh tế vĩ mô; chuẩn bị các tiền đề cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000, chủ yếu là phát triển nguồn nhân lực, khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, hoàn thiện thể chế.

- *Hai là*, tiếp tục thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách kinh tế nhiều thành phần, phát huy mọi nguồn lực để phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời hoàn thiện cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- *Ba là*, kết hợp hài hoà tăng trưởng kinh tế với phát triển xã hội, tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc nhằm tạo được chuyển biến rõ về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

- *Bốn là*, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực vừa phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế vừa phục vụ quốc phòng, an ninh.

- *Năm là*, kết hợp phát triển các vùng kinh tế trọng điểm với các vùng khác, tạo điều kiện cho các vùng đều phát triển; phát huy lợi thế của mỗi vùng, tránh chênh lệch quá xa về nhịp độ tăng trưởng giữa các vùng.

Trong 5 năm tới, chúng ta tập trung sức cho mục tiêu phát triển, đạt tốc độ tăng GDP bình quân hàng năm 9 - 10%; đến năm 2000 GDP bình quân đầu người gấp đôi năm 1990. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 14 - 15%/năm, nông nghiệp 4,5 - 5%, dịch vụ 12 - 13% và trong chỉ đạo thực hiện phải tranh thủ mọi khả năng mới, phấn đấu đạt cao hơn.

Việc xác định các mục tiêu trên xuất phát từ khả năng thực tế và yêu cầu bức bách của cuộc sống, của thời đại nhằm nâng cao mọi mặt đời sống các tầng lớp dân cư, thay đổi bộ mặt đất nước, tạo thế vững vàng cho nước ta tham gia cạnh tranh và hợp tác trong tiến trình hội nhập cộng đồng quốc tế.

Phương hướng và giải pháp lớn nhằm thực hiện các mục tiêu trên được thể hiện trong 11 chương trình và lĩnh vực phát triển của kế hoạch 5 năm tới mà nội dung chủ yếu có thể tóm tắt như sau:

- *Nhóm các chương trình và lĩnh vực phát triển về nông nghiệp, kinh tế nông thôn, vùng lãnh thổ, vùng miền núi và dân tộc thiểu số* tập trung vào các mục tiêu và phương hướng chính là: phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, đổi mới cơ cấu

kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Bảo đảm an toàn lương thực quốc gia trong mọi tình huống. Tạo điều kiện cho các vùng đều phát triển trên cơ sở phát huy thế mạnh và tiềm năng của mỗi vùng, liên kết giữa các vùng, làm cho mỗi vùng đều có chuyển biến rõ rệt, giảm sự chênh lệch quá xa về nhịp độ tăng trưởng giữa các vùng. Trước hết là ưu tiên giúp đỡ những địa bàn xung yếu, những khu căn cứ cách mạng, các vùng miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, tạo điều kiện ban đầu để các vùng đó từng bước tự vươn lên. Khai thác tối đa tiềm năng và lợi thế của vùng biển, ven biển để phát triển kinh tế, kết hợp với quốc phòng, an ninh, bảo vệ và làm chủ vùng biển của Tổ quốc.

- *Nhóm các chương trình và lĩnh vực phát triển về công nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng và dịch vụ tập trung vào các mục tiêu và phương hướng chính là: phát triển nhanh một số ngành công nghiệp có lợi thế, có sức cạnh tranh trên thị trường, hướng mạnh về xuất khẩu, hình thành một số ngành và sản phẩm mũi nhọn trong các lĩnh vực như chế biến lương thực, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, khai thác và chế biến dầu khí, công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin, cơ khí chế tạo, sản xuất vật liệu. Nâng cấp và cải tạo các cơ sở công nghiệp hiện có, hình thành các khu công nghiệp tập trung, tạo địa bàn thuận lợi cho việc xây dựng các cơ sở công nghiệp mới; phát triển mạnh công nghiệp ở nông thôn và ven đô thị. Phát triển giao thông đường bộ, đường sắt, đường thuỷ, đường hàng không. Bảo đảm giao lưu thông thoát trong mọi thời tiết trên các tuyến giao thông huyết mạch, tuyến xương sống và các tuyến nhánh đến các vùng, các trung tâm miền núi. Chú trọng phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở miền núi, nông thôn, đặc*

biệt là đường, điện, trường học, trạm y tế, nước sạch, thông tin liên lạc...

Các ngành dịch vụ, thương mại vươn lên bảo đảm lưu thông hàng hoá thông suốt trong cả nước, chú trọng vùng nông thôn, vùng sâu, miền núi; mở rộng thương mại quốc tế. củng cố và phát triển thương nghiệp nhà nước trong những ngành hàng thiết yếu, những địa bàn còn bỏ trống, nắm bán buôn, chi phối bán lẻ. Từng bước tổ chức hợp tác xã mua bán và mạng lưới đại lý để cùng thương nghiệp nhà nước đủ sức ngăn ngừa những biến động bất thường, góp phần ổn định thị trường, giá cả. Phát triển du lịch và các dịch vụ tài chính, kiểm toán, ngân hàng, bảo hiểm, thông tin, tư vấn về công nghệ, pháp luật...

- *Chương trình kinh tế đối ngoại* nhằm phát triển và nâng cao hiệu quả các hoạt động về ngoại thương, về thu hút vốn, công nghệ từ bên ngoài và các dịch vụ thu ngoại tệ khác, đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Mở rộng thị trường xuất nhập khẩu; tăng tỷ trọng xuất khẩu các mặt hàng đã qua chế biến, tạo thêm những nhóm hàng, mặt hàng có khối lượng và giá trị lớn. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm khoảng 28%; kim ngạch nhập khẩu tăng khoảng 24%; thay thế nhập khẩu một số mặt hàng trong nước sản xuất có hiệu quả.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tận dụng thời cơ tăng nhanh khả năng tiếp nhận, thu hút và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư và công nghệ tiên tiến, hiện đại của nước ngoài; đồng thời nâng dần tỷ lệ góp vốn của phía Việt Nam trong các cơ sở liên doanh.

- *Nhóm các chương trình về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo* tập trung vào các mục tiêu và hướng chính là:

Phát triển khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực nội sinh để thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá; nắm bắt các thành tựu khoa học và công nghệ thế giới, lựa chọn và làm chủ công nghệ chuyển giao vào Việt Nam. Bước đầu phát triển một số lĩnh vực công nghệ cao về điện tử, thông tin, sinh học, vật liệu mới và tự động hoá. Nâng tỷ lệ đổi mới thiết bị trong các ngành sản xuất mỗi năm từ 10% trở lên. Tranh thủ tối đa công nghệ tiến bộ, từng bước đưa công nghệ nước ta đạt tới trình độ trung bình của khu vực. Tuân thủ nghiêm ngặt yêu cầu bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

Nâng cao mặt bằng dân trí. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tăng tỷ lệ người lao động được đào tạo trong tổng số lao động lên 22 - 25% vào năm 2000.

Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ vững mạnh. Phát hiện, bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ, văn hoá - nghệ thuật, quản lý kinh tế - xã hội và quản trị sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu trước mắt và chuẩn bị cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000.

- *Nhóm các chương trình về phát triển văn hoá - xã hội* tập trung vào những mục tiêu và phương hướng sau:

Giải quyết việc làm. Nhà nước đầu tư tạo thêm chỗ làm việc và tạo điều kiện cho mọi người tự mình và giúp đỡ người khác tạo việc làm, giảm tỷ lệ người chưa có việc làm ở thành thị xuống còn 5% và nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn lên 75% vào năm 2000.

Xoá đói, giảm tỷ lệ nghèo từ 20 - 25% hiện nay xuống khoảng 10% tổng số hộ cả nước vào năm 2000.

Mở rộng các hoạt động đền ơn đáp nghĩa những người có công với nước, đảm bảo cho người có công và gia đình có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình của xã, phường nơi cư trú.

Thực hiện phương châm đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục thể thao, y tế, dân số, kế hoạch hoá gia đình và các mặt xã hội khác, hướng vào nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất, tinh thần và thể lực của nhân dân. Kết hợp hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong việc giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc, đẩy lùi tiêu cực, bất công và các tệ nạn xã hội.

Phấn đấu thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng; đặc biệt quan tâm đầu tư phát triển các lĩnh vực xã hội ở những vùng còn nhiều khó khăn, vùng sâu, vùng xa... nhất là về y tế, giáo dục, phát thanh, truyền hình, văn hoá văn nghệ...

VI- CÙNG CỐ QUỐC PHÒNG, AN NINH

Trong khi đặt trọng tâm vào nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta không một chút lơ là nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, luôn luôn coi trọng quốc phòng, an ninh, coi đó là hai nhiệm vụ chiến lược gắn bó chặt chẽ.

Nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong những năm tới là: phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, từng bước tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh của đất nước, xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn

vận lãnh thổ của đất nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa; ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động gây mất ổn định chính trị xã hội, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, gây tổn hại cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước; ngăn chặn có hiệu quả và nghiêm trị mọi loại tội phạm, bảo đảm tốt trật tự, an toàn xã hội.

Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế. Gắn chặt nhiệm vụ quốc phòng với nhiệm vụ an ninh, hai mặt có mối quan hệ khăng khít trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ trong tình hình mới. Phối hợp chặt chẽ hoạt động quốc phòng, an ninh với hoạt động đối ngoại.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ Tổ quốc; thể chế hoá các chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. Thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và công an, đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh. Tăng cường quản lý nhà nước về quốc phòng và an ninh.

VII- MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI

Nhiệm vụ đối ngoại trong thời gian tới là củng cố môi trường hoà bình và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi hơn nữa để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Tiếp tục thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá và đa dạng hoá với tinh thần Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.

Mở rộng quan hệ quốc tế, hợp tác nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, thông qua thương lượng để tìm những giải pháp phù hợp giải quyết các vấn đề tồn tại và các tranh chấp, bảo đảm hoà bình, ổn định, an ninh, hợp tác và phát triển.

Tăng cường quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong tổ chức ASEAN, không ngừng củng cố quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, coi trọng quan hệ với các nước phát triển và các trung tâm kinh tế - chính trị trên thế giới, đồng thời luôn luôn nêu cao tinh thần đoàn kết anh em với các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh, với Phong trào Không liên kết.

Tăng cường quan hệ với các tổ chức của Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế khác. Tích cực hoạt động ở các diễn đàn quốc tế, tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu. Ủng hộ cuộc đấu tranh loại trừ vũ khí hạt nhân và các phương tiện giết người hàng loạt khác.

Phát triển quan hệ với các đảng cộng sản và công nhân, các lực lượng cách mạng, độc lập dân tộc và tiến bộ; thiết lập và mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền và các đảng khác.

Mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân, quan hệ với các tổ chức phi chính phủ, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của nhân dân các nước, góp phần thúc đẩy xu thế hoà bình, hợp tác, phát triển.

VIII- TĂNG CƯỜNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC,
PHÁT HUY VAI TRÒ LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN,
XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIÊN NHÀ NƯỚC
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Sự nghiệp xây dựng đất nước đòi hỏi mở rộng hơn nữa khối đại đoàn kết dân tộc, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, đoàn kết mọi người trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay đang định cư ở nước ngoài. Phát huy sức mạnh của cả cộng đồng, nêu cao truyền thống yêu nước và lòng tự hào dân tộc, lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh làm điểm tương đồng; đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, cùng nhau xoá bỏ định kiến, mặc cảm, hướng tới tương lai, xây dựng tinh thần đại đoàn kết, cởi mở và tin cậy.

Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân. Chế độ ta là chế độ do nhân dân làm chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là một vấn đề có ý nghĩa chiến lược.

Thực hiện đại đoàn kết dân tộc, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trước hết phải thể hiện ở các chính sách cụ thể, thiết thực, đáp ứng lợi ích hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, tạo ra động lực mới thúc đẩy phong trào cách mạng. Trong đó, chăm lo xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh về mọi mặt có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là một nội dung cơ bản của đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta. Phải có cơ chế và cách làm cụ thể để thực hiện phương châm “dân biết,

dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước. Thực hiện tốt cơ chế làm chủ của nhân dân: làm chủ thông qua đại diện, làm chủ trực tiếp cùng các hình thức tự quản tại cơ sở.

Tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, làm cho Mặt trận và các tổ chức thành viên thực sự là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Nhà nước ta là cột trụ của hệ thống chính trị, là công cụ thực hiện quyền lực của nhân dân. Việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước phải được tiến hành trên cơ sở quán triệt các quan điểm cơ bản sau đây:

- Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng. Thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

- Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

- Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước.

- Tăng cường pháp chế, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Để Nhà nước ta thực sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân, một nhà nước trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực và hiệu quả, phải thực hiện tốt, đồng bộ các nhiệm vụ: đổi mới, nâng cao chất lượng công tác lập pháp và giám sát tối cao

của Quốc hội đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước; cải cách nền hành chính nhà nước, bao gồm cải cách thể chế hành chính, tổ chức bộ máy và kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức; cải cách tổ chức và hoạt động tư pháp.

Hiện nay, cán bộ, đảng viên và nhân dân ta hết sức quan tâm đến cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Nạn tham nhũng đang là một nguy cơ trực tiếp quan hệ đến sự sống còn của hệ thống chính trị. Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã có những biện pháp khắc phục, song hiệu quả còn thấp.

Phải tiến hành đấu tranh kiên quyết, thường xuyên và có hiệu quả chống nạn tham nhũng trong bộ máy nhà nước, trong các ngành, các cấp từ trung ương đến cơ sở. Kết hợp những biện pháp cấp bách với những giải pháp có tầm chiến lược nhằm vừa hoàn thiện cơ chế, chính sách, kiện toàn tổ chức, chấn chỉnh công tác quản lý, khắc phục sơ hở, vừa xử lý nghiêm, kịp thời mọi vi phạm, tội phạm, huy động và phối hợp chặt chẽ mọi lực lượng đấu tranh nhằm ngăn chặn, đẩy lùi và loại trừ tham nhũng. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, cán bộ chủ chốt các cấp phải gương mẫu đi đầu trong đấu tranh chống tham nhũng, trước hết là đối với bản thân.

Đấu tranh chống tham nhũng phải gắn với đấu tranh chống buôn lậu, lãng phí, quan liêu; tập trung vào các hành vi tham ô, chiếm đoạt, làm thất thoát tài sản nhà nước, đòi hối lộ, đưa và nhận hối lộ; chú ý một số lĩnh vực trọng điểm.

IX- XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Xây dựng Đảng ngày càng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức là nhiệm vụ then chốt, nhất là trong tình hình hiện nay, khi đất nước chuyển sang thời kỳ phát triển mới.

Mọi thành tựu và khuyết điểm trong quá trình đổi mới gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo và hoạt động của Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng là một nhân tố quyết định tạo ra những thành tựu đổi mới; đồng thời Đảng có trách nhiệm trong việc để kéo dài nhiều mặt yếu kém, tiêu cực trong bộ máy đảng, nhà nước và trong xã hội. Chính trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng ta ngày càng trưởng thành, nhận rõ hơn những mặt yếu kém của mình để có biện pháp khắc phục.

Phải kiên định sự lãnh đạo của Đảng, vì ở nước ta, không có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản thì không thể có độc lập dân tộc, không có quyền làm chủ thực sự của nhân dân, không có Nhà nước của dân, do dân, vì dân, không thể thực hiện được công bằng xã hội, không thể có chủ nghĩa xã hội. Lúc bình thường, vai trò lãnh đạo của Đảng đã rất quan trọng; ở những bước chuyển giai đoạn, vai trò đó lại càng quan trọng.

Đương nhiên, để làm tốt vai trò lãnh đạo, Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn. Là đảng cầm quyền, lại hoạt động trong điều kiện mới hết sức phức tạp, Đảng ta ý thức sâu sắc về điều đó, coi đây là một quy luật phát triển của Đảng.

Đổi mới và chỉnh đốn Đảng là nhằm nâng cao phẩm chất và năng lực lãnh đạo của Đảng, xây dựng, củng cố và bảo vệ Đảng, làm cho Đảng luôn luôn trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới. Vì vậy, nó phải gắn với đổi mới các lĩnh vực kinh tế, xã hội, với việc kiện toàn hệ thống chính trị, với phát huy óc sáng tạo và khơi dậy phong trào hành động cách mạng của nhân dân.

Trong quá trình tự đổi mới và chỉnh đốn, Đảng phải kiên định và phát triển sáng tạo những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng.

Phải xuất phát từ thực tiễn để đề ra giải pháp về xây dựng Đảng. Chống các khuynh hướng cơ hội, bảo thủ, cực đoan.

Điểm xuyên suốt có ý nghĩa quan trọng hàng đầu đối với Đảng ta trong giai đoạn hiện nay là *giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng*. Bản chất ấy thể hiện trước hết ở mục đích, lý tưởng của Đảng; ở Cương lĩnh chính trị và đường lối cán bộ của Đảng; ở mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân và dân tộc, ở sự kết hợp đúng đắn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

Cần thống nhất nhận thức: Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Mục đích của Đảng là xây dựng một nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản. Nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Nguyên tắc tổ chức của Đảng là tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Một quy luật cơ bản trong phát triển, tiến bộ của Đảng là thường xuyên tự phê bình và phê bình.

Bản chất giai cấp, mục tiêu, lý tưởng của Đảng đòi hỏi mọi đảng viên phải nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu, có lao động, không bóc lột, không làm kinh tế tư bản tư nhân; có đạo đức cách mạng và lối sống lành mạnh, có ý thức tổ chức kỷ luật, gắn bó với nhân dân... Mọi hành vi trái với những quy định nêu trên đều không phù hợp với yêu cầu về tư cách đảng viên.

Trong tình hình hiện nay, phải *rất chú trọng việc giáo dục, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất cách mạng và trình độ trí tuệ* của cán bộ, đảng viên. Uốn nắn

những nhận thức lệch lạc, những quan điểm mơ hồ, những biểu hiện dao động về tư tưởng, suy giảm niềm tin vào chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng. Phê phán và bác bỏ những quan điểm sai trái, thù địch. Mọi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt, phải gương mẫu học tập, rèn luyện, phấn đấu nâng cao trình độ mọi mặt, giữ gìn đạo đức cách mạng, khắc phục chủ nghĩa cá nhân. Các tổ chức đảng phải thường xuyên giáo dục, quản lý đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ lãnh đạo. Xử lý kịp thời và nghiêm minh những đảng viên thoái hoá, biến chất.

Càng đi vào cơ chế thị trường, mở rộng giao lưu quốc tế, hệ thống tổ chức của Đảng càng phải khoa học, vững mạnh, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Muốn thế, một mặt phải *thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ* trong sinh hoạt Đảng, phát huy dân chủ và giữ gìn kỷ luật, tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng; mặt khác phải *kiện toàn hệ thống tổ chức của Đảng* và của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, có cơ chế và phương thức hoạt động thích hợp, vừa bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy vai trò chủ động, tích cực, năng động của Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị kinh tế, các đoàn thể nhân dân.

Trong việc xây dựng hệ thống tổ chức của Đảng, cùng với việc kiện toàn tổ chức đảng các cấp, đặc biệt là ở cấp trung ương, phải rất quan tâm củng cố *tổ chức cơ sở đảng*. Phát huy kết quả và kinh nghiệm thực hiện Nghị quyết Trung ương ba (Khoá VII), cần nâng cao tính tiên phong chiến đấu của các cơ sở đảng và của đảng viên trong công cuộc đổi mới, trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; xây dựng cơ sở đảng trong sạch,

vững mạnh, chấn chỉnh các cơ sở yếu kém, khắc phục sự buông lỏng công tác đảng, cải tiến nội dung sinh hoạt đảng, gắn với thực tế tại địa bàn. Hiện nay, trong điều kiện kinh tế nhiều thành phần, áp dụng cơ chế quản lý mới có rất nhiều loại hình cơ sở đảng với những chức năng, nhiệm vụ không hoàn toàn giống nhau. Cần có kế hoạch khảo sát, đánh giá đúng từng loại hình cơ sở để có biện pháp đổi mới, chỉnh đốn phù hợp, bảo đảm cho mỗi loại hình hoạt động theo đúng chức năng và nhiệm vụ của mình.

Tình hình và nhiệm vụ mới đòi hỏi toàn Đảng phải *chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ*, chú trọng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, chuẩn bị tốt đội ngũ cán bộ kế cận. Sớm xây dựng cho được một chiến lược cán bộ của thời kỳ mới. Là đảng cầm quyền, Đảng phải chăm lo đào tạo, bố trí cán bộ cho cả hệ thống chính trị. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị. Bảo đảm nguyên tắc tập thể đi đôi với phát huy trách nhiệm cá nhân trong công tác cán bộ.

Trên cơ sở nắm vững tiêu chuẩn, thực hiện trẻ hoá đội ngũ cán bộ đồng thời kết hợp tốt các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục và tính phát triển trong đội ngũ cán bộ. Có cơ chế, chính sách đoàn kết, tập hợp rộng rãi đội ngũ cán bộ, phát hiện và trọng dụng nhân tài của đất nước. Cán bộ của thời kỳ mới phải là những người có phẩm chất chính trị vững vàng, trung thành với lý tưởng cách mạng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có trình độ chuyên môn và năng lực thực tiễn, có ý thức tổ chức kỷ luật, gương mẫu trong đạo đức và lối sống; tóm lại là phải có đủ đức và tài, trong đó đức là gốc.

Đổi mới quan niệm và phương pháp tiến hành công tác cán bộ theo hướng thật sự dân chủ, theo một quy trình chặt chẽ.

Một vấn đề được nhấn mạnh trong các văn kiện kỳ này là *tăng cường và đổi mới công tác kiểm tra của Đảng*. Đề cao trách nhiệm kiểm tra của các cấp uỷ đảng, các ban của cấp uỷ. Xác định cụ thể nhiệm vụ, tăng cường quyền hạn và trách nhiệm của uỷ ban kiểm tra các cấp. Điều lệ Đảng khẳng định: kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng. Tổ chức đảng phải thường xuyên tiến hành công tác kiểm tra. Tổ chức đảng và đảng viên phải chịu sự kiểm tra của Đảng. Các cấp uỷ đảng lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Các cấp uỷ và tổ chức đảng phải trực tiếp kiểm tra và sử dụng các ban để kiểm tra. Thông qua kiểm tra để phát hiện nhân tố mới, phát huy ưu điểm, ngăn ngừa và khắc phục khuyết điểm; bổ sung, phát triển hoặc điều chỉnh chủ trương, chính sách...

Uỷ ban kiểm tra các cấp tập trung vào việc kiểm tra đảng viên có biểu hiện vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, vi phạm tiêu chuẩn cấp uỷ viên và việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên; kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới có biểu hiện vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị và nguyên tắc tổ chức của Đảng; xử lý và giúp cấp uỷ xử lý công minh, kịp thời đảng viên và tổ chức đảng có hành động vi phạm.

Đặc biệt quan tâm làm tốt công tác *bảo vệ chính trị nội bộ Đảng* trong tình hình mới.

Thư các đồng chí,

Đại hội VIII của Đảng là Đại hội tiếp tục đổi mới theo con đường xã hội chủ nghĩa. Những phương hướng và nhiệm vụ nêu trong các văn kiện trình Đại hội Đảng lần này là sự cụ thể hoá và phát triển hơn nữa đường lối đổi mới được xác định qua các Đại hội VI và Đại hội VII của Đảng. Thực hiện thắng lợi những phương hướng, nhiệm vụ đó là cách tốt nhất để tạo đà cho những bước tiến lớn hơn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chuẩn bị hành trang cho dân tộc ta đi vào thế kỷ XXI.

Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc, trí tuệ và bản lĩnh của con người Việt Nam, nêu cao ý chí độc lập tự chủ, tự lực tự cường, nắm chắc vận hội, tranh thủ thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thử thách, quyết tâm biến nội dung Nghị quyết Đại hội VIII thành hiện thực; tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

**BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHOÁ VII TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ VIII CỦA ĐẢNG**

*Kính thưa Đại hội,
Thưa các đồng chí và các bạn,*

Đại hội lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam họp vào thời điểm lịch sử có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Công cuộc đổi mới toàn diện mở đầu từ Đại hội VI đã trải qua gần 10 năm. Từ đó đến nay, nước ta đã có những thay đổi to lớn và sâu sắc. Đại hội VIII có nhiệm vụ kiểm điểm kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, tổng kết 10 năm đổi mới, đề ra những mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của toàn Đảng và toàn dân ta trong thời kỳ mới của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc mà nhiệm vụ trung tâm là đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Phần thứ nhất
ĐẤT NƯỚC SAU 10 NĂM ĐỔI MỚI

Từ cuối những năm 70, khi nước ta lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội, Đảng ta, trên cơ sở tổng kết thực tiễn và những kinh nghiệm sáng tạo của nhân dân, đã đề ra nhiều

chủ trương đổi mới từng phần. Tuy vậy, những nhược điểm của mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội lúc đó về căn bản chưa được khắc phục. Đất nước bị bao vây, cấm vận. Trong quá trình thực hiện những biện pháp cải cách, chúng ta lại phạm một số sai lầm mới nên khủng hoảng kinh tế - xã hội diễn ra ngày càng gay gắt, tỷ lệ lạm phát lên đến 774,7% vào năm 1986.

Cuối năm 1986, tại Đại hội VI, với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”, Đảng ta đã nghiêm khắc kiểm điểm sự lãnh đạo của mình, khẳng định những mặt làm được, phân tích những sai lầm, khuyết điểm, đề ra đường lối đổi mới toàn diện, mở ra bước ngoặt trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Sau Đại hội VI, công cuộc đổi mới được triển khai mạnh mẽ. Nhưng tình hình diễn biến phức tạp, có lúc khó khăn tưởng chừng khó vượt qua: ba năm liên lạm phát ở mức ba con số; đời sống của những người hưởng lương và trợ cấp xã hội giảm sút mạnh; nhiều xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp đình đốn, thua lỗ, sản xuất cầm chừng, thậm chí phải đóng cửa; hàng chục vạn công nhân buộc phải rời xí nghiệp; hàng vạn giáo viên phải bỏ nghề; những vụ đổ vỡ quỹ tín dụng xảy ra ở nhiều nơi. Những diễn biến quốc tế phức tạp tác động xấu đến tình hình nước ta.

Trong hoàn cảnh đó, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã tỏ rõ bản lĩnh vững vàng, ra sức khắc phục khó khăn, giữ vững ổn định chính trị, giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội cấp bách, từng bước đưa Nghị quyết Đại hội VI vào cuộc sống. Đầu năm 1988 có nạn đói lớn ở nhiều vùng và lạm phát còn ở mức 393,8%, nhưng từ năm 1989 trở đi nước ta đã bắt đầu xuất khẩu được mỗi năm 1 - 1,5 triệu tấn gạo; lạm phát giảm dần, đến năm 1990 còn 67,4%. Việc thực hiện ba

chương trình kinh tế lớn đạt những tiến bộ rõ rệt. Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bước đầu hình thành. Đời sống của nhân dân được cải thiện, dân chủ trong xã hội được phát huy. Quốc phòng, an ninh được giữ vững; hoạt động đối ngoại được mở rộng, đẩy lùi tình trạng bị bao vây, cô lập. Công tác xây dựng Đảng có tiến bộ. Lòng tin của nhân dân từng bước được khôi phục.

Tuy vậy, những kết quả đạt được còn hạn chế và chưa vững chắc, nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh. Đại hội VII của Đảng nhận định: **Công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, nhưng nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.**

Đại hội VII đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, Báo cáo chính trị và Điều lệ Đảng (sửa đổi). Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát cho 5 năm 1991 - 1995 là: **vượt qua khó khăn, thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng.** Đại hội long trọng tuyên bố: Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.

Sau Đại hội VII, sự tan rã của Liên Xô đã tác động sâu sắc đến nước ta. Đông đảo cán bộ và nhân dân lo lắng, một số người dao động, hoài nghi về tiền đồ của chủ nghĩa xã hội. Quan hệ kinh tế giữa nước ta với các thị trường truyền thống bị đảo lộn. Trong khi đó, Mỹ vẫn tiếp tục cấm vận. Một số thế lực thù địch đẩy mạnh những hoạt động gây mất ổn định

chính trị và bạo loạn lật đổ. Nước ta một lần nữa lại đứng trước những thử thách hiểm nghèo.

Đảng ta và nhân dân ta kiên trì đường lối đổi mới, ra sức thực hiện Nghị quyết của Đại hội VII, vượt qua khó khăn, trở ngại, giành nhiều thắng lợi mới to lớn.

I- THÀNH TỰU

1. Đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, hoàn thành vượt mức nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm

Trong 5 năm 1991 - 1995, nhịp độ tăng bình quân hàng năm về tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt 8,2% (kế hoạch là 5,5 - 6,5%), về sản xuất công nghiệp là 13,3%, sản xuất nông nghiệp 4,5%, kim ngạch xuất khẩu 20%. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển đổi: tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP từ 22,6% năm 1990 lên 29,1% năm 1995; dịch vụ từ 38,6% lên 41,9%. Bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Vốn đầu tư cơ bản toàn xã hội năm 1990 chiếm 15,8% GDP; năm 1995 là 27,4% (trong đó nguồn đầu tư trong nước chiếm 16,7% GDP). Đến cuối năm 1995, tổng vốn đăng ký của các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài đạt trên 19 tỉ USD, gần 1/3 đã được thực hiện. Lạm phát từ mức 67,1% năm 1991 giảm xuống còn 12,7% năm 1995.

Hoạt động khoa học và công nghệ gắn bó hơn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thích nghi dần với cơ chế thị trường.

Quan hệ sản xuất được điều chỉnh phù hợp hơn với yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất. Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có

sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng.

2. Tạo được một số chuyển biến tích cực về mặt xã hội

Đời sống vật chất của phần lớn nhân dân được cải thiện. Số hộ có thu nhập trung bình và số hộ giàu tăng lên, số hộ nghèo giảm. Mỗi năm thêm hơn 1 triệu lao động có việc làm. Nhiều nhà ở và đường giao thông được nâng cấp và xây dựng mới ở cả nông thôn và thành thị.

Trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân được nâng lên. Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khoẻ, các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao, thông tin đại chúng, công tác kế hoạch hoá gia đình và nhiều hoạt động xã hội khác có những mặt phát triển và tiến bộ.

Người lao động được giải phóng khỏi ràng buộc của nhiều cơ chế không hợp lý, phát huy được quyền làm chủ và tính năng động sáng tạo, chủ động hơn trong tìm việc làm, tăng thu nhập, tham gia các sinh hoạt chung của cộng đồng xã hội.

Chủ trương đền ơn đáp nghĩa đối với người có công với nước được toàn dân hưởng ứng; phong trào xoá đói, giảm nghèo và các hoạt động từ thiện ngày càng mở rộng, đang trở thành một nét đẹp mới trong xã hội ta.

Lòng tin của nhân dân vào chế độ và tiền đồ của đất nước, vào Đảng và Nhà nước được nâng lên.

3. Giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh

Chúng ta đã giữ vững ổn định chính trị, độc lập chủ quyền và môi trường hoà bình của đất nước, tạo điều kiện thuận lợi cơ bản cho công cuộc đổi mới.

Đảng đã định rõ phương hướng, nhiệm vụ và quan điểm chỉ đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; tiếp tục thực hiện có kết quả việc điều chỉnh chiến lược quốc phòng, an ninh. Các nhu cầu củng cố quốc phòng, an ninh, cải thiện đời sống lực lượng vũ trang được đáp ứng tốt hơn. Chất lượng và sức chiến đấu của quân đội và công an được nâng lên. Thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân được củng cố. Công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được tăng cường.

4. Thực hiện có kết quả một số đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị

Trên cơ sở Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã từng bước cụ thể hoá đường lối đổi mới trên các lĩnh vực, củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong xã hội; đã ban hành Hiến pháp mới năm 1992, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới nhiều văn bản pháp luật quan trọng, tiến hành cải cách một bước nền hành chính Nhà nước, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị, xã hội từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đạt hiệu quả thiết thực hơn. Quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị, tư tưởng, văn hoá được phát huy. Các tầng lớp nhân dân, đồng bào các dân tộc đoàn kết, gắn bó trong sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đồng bào ta ở nước ngoài cũng ngày càng hướng về quê hương vì đại nghĩa ấy.

5. Phát triển mạnh mẽ quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây cấm vận, tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng quốc tế

Chúng ta đã triển khai tích cực và năng động đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hóa. Khôi phục và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác nhiều mặt với Trung Quốc; tăng cường quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt với Lào; xây dựng quan hệ tốt với Campuchia; phát triển quan hệ với các nước trong khu vực, trở thành thành viên đầy đủ của tổ chức ASEAN; củng cố quan hệ hữu nghị truyền thống với nhiều nước, từng bước đổi mới quan hệ với Liên bang Nga, các nước trong Cộng đồng các quốc gia độc lập và các nước Đông Âu; mở rộng quan hệ với các nước công nghiệp phát triển; bình thường hoá quan hệ với Mỹ; thiết lập và mở rộng quan hệ với nhiều nước Nam Á, Nam Thái Bình Dương, Trung Đông, châu Phi và Mỹ Latinh; mở rộng quan hệ với Phong trào Không liên kết, các tổ chức quốc tế và khu vực.

Đảng ta tiếp tục phát triển quan hệ đoàn kết, hữu nghị với các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào độc lập dân tộc, các tổ chức và phong trào tiến bộ trên thế giới; thiết lập quan hệ với các đảng cầm quyền ở một số nước. Mở rộng hoạt động đối ngoại của các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội. Phát triển quan hệ với các tổ chức phi chính phủ trên thế giới.

Đến nay nước ta đã có quan hệ ngoại giao với hơn 160 nước, có quan hệ buôn bán với trên 100 nước. Các công ty của hơn 50 nước và vùng lãnh thổ đã đầu tư trực tiếp vào nước ta. Nhiều chính phủ và tổ chức quốc tế dành cho ta viện trợ không hoàn lại hoặc cho vay để phát triển.

Thành tựu trên lĩnh vực đối ngoại là một nhân tố quan trọng góp phần giữ vững hoà bình, phá thế bị bao vây,

cấm vận, cải thiện và nâng cao vị thế của nước ta trên thế giới, tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Đó cũng là sự đóng góp tích cực của nhân dân ta vào sự nghiệp chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

II- KHUYẾT ĐIỂM VÀ YẾU KÉM

Cùng với việc đánh giá đúng thành tựu, cần nhận rõ những khuyết điểm và yếu kém.

1. Nước ta còn nghèo và kém phát triển. Chúng ta lại chưa thực hiện tốt cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, dồn vốn cho đầu tư phát triển

Đến nay nước ta vẫn còn là một trong những nước nghèo nhất trên thế giới; trình độ phát triển kinh tế, năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp, cơ sở vật chất - kỹ thuật còn lạc hậu, nợ nần nhiều. Trong khi nhu cầu vốn đầu tư phát triển rất lớn và cấp bách, một số cơ quan nhà nước, Đảng, đoàn thể, tổ chức kinh tế, một bộ phận cán bộ và nhân dân lại tiêu xài lãng phí, quá mức mình làm ra, chưa tiết kiệm để dồn vốn cho đầu tư phát triển. Nhà nước còn thiếu chính sách để huy động có hiệu quả nguồn vốn trong dân. Năm 1995, đầu tư xây dựng cơ bản bằng vốn trong nước (kể cả nguồn vốn khấu hao cơ bản) chỉ chiếm 16,7% GDP, trong đó phần vốn ngân sách chỉ chiếm 4,2% GDP, còn rất thấp so với yêu cầu phát triển kinh tế. Sử dụng nguồn lực còn phân tán, kém hiệu quả, chưa kiên quyết tập trung cho các chương trình, dự án kinh tế - xã hội cấp thiết.

2. Tình hình xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết

Nạn tham nhũng, buôn lậu, lãng phí của công chưa ngăn chặn được. Tiêu cực trong bộ máy nhà nước, Đảng và đoàn thể, trong các doanh nghiệp nhà nước, nhất là trên các lĩnh vực nhà đất, xây dựng cơ bản, hợp tác đầu tư, thuế, xuất nhập khẩu và cả trong hoạt động của nhiều cơ quan thi hành pháp luật,... nghiêm trọng kéo dài. Việc làm đang là vấn đề gay gắt. Sự phân hoá giàu nghèo giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn và giữa các tầng lớp dân cư tăng nhanh. Đời sống một bộ phận nhân dân, nhất là ở một số vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến cũ, vùng đồng bào dân tộc, còn quá khó khăn. Chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế ở nhiều nơi rất thấp. Người nghèo không đủ tiền để chữa bệnh và cho con em đi học. Trong khi đó các nguồn tài chính từ ngân sách và những nguồn lực khác có thể huy động được cho yêu cầu phúc lợi xã hội vừa rất hạn chế vừa chưa được sử dụng có hiệu quả. Tình trạng ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường sinh thái, huỷ hoại tài nguyên ngày càng tăng. Văn hoá phẩm độc hại lan tràn. Tệ nạn xã hội phát triển. Trật tự an toàn xã hội còn nhiều phức tạp.

3. Việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới có phần vừa lúng túng vừa buông lỏng

Chậm tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách để tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhà nước nâng cao hiệu quả hoạt động, phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Việc thí điểm cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước làm chậm. Chưa quan tâm tổng kết thực tiễn, kịp thời chỉ ra phương hướng, biện pháp đổi mới kinh tế hợp tác, để hợp tác xã ở nhiều nơi tan rã hoặc chỉ

còn là hình thức, cản trở sản xuất phát triển; chưa kịp thời đúc kết kinh nghiệm, giúp đỡ các hình thức kinh tế hợp tác mới phát triển. Chưa giải quyết tốt một số chính sách để khuyến khích kinh tế tư nhân phát huy tiềm năng, đồng thời chưa quản lý tốt thành phần kinh tế này. Quản lý kinh tế hợp tác liên doanh với nước ngoài có nhiều sơ hở.

4. Quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội còn yếu

Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách chưa đồng bộ và nhất quán, thực hiện chưa nghiêm.

Công tác tài chính, ngân hàng, giá cả, kế hoạch hoá, quy hoạch xây dựng, quản lý đất đai còn nhiều yếu kém; thủ tục hành chính... đổi mới chậm. Thương nghiệp nhà nước bỏ trống một số trận địa quan trọng, chưa phát huy tốt vai trò chủ đạo trên thị trường. Quản lý xuất nhập khẩu có nhiều sơ hở, tiêu cực, một số trường hợp gây tác động xấu đối với sản xuất. Chế độ phân phối thu nhập còn nhiều bất hợp lý. Bội chi ngân sách và nhập siêu còn lớn. Lạm phát tuy được kiềm chế nhưng chưa vững chắc.

Quản lý nhà nước đối với các hoạt động khoa học và công nghệ, bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái, giáo dục, đào tạo, thông tin, báo chí, xuất bản, văn hoá, văn nghệ chưa tốt.

5. Hệ thống chính trị còn nhiều nhược điểm

Năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước, hiệu quả hoạt động của các đoàn thể chính trị, xã hội chưa nâng lên kịp với đòi hỏi của tình hình. Bộ máy đảng, nhà nước, đoàn thể chậm được sắp xếp lại, tinh giản và nâng cao chất lượng; còn nhiều biểu hiện quan liêu, vi phạm nghiêm trọng quyền dân chủ của nhân dân.

Công tác tuyển chọn, bồi dưỡng, thay đổi, trẻ hoá cán bộ, chuẩn bị cán bộ kế cận còn lúng túng, chậm trễ. Năng lực và phẩm chất của đội ngũ cán bộ chưa tương xứng với yêu cầu của nhiệm vụ. Điều đáng lo ngại là không ít cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng cách mạng, tha hoá về phẩm chất, đạo đức; sức chiến đấu của một bộ phận tổ chức cơ sở đảng suy yếu.

III- ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

Sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, đất nước đã vượt qua một giai đoạn thử thách gay go. Trong những hoàn cảnh hết sức phức tạp, khó khăn, nhân dân ta không những đứng vững mà còn vươn lên, đạt những thắng lợi nổi bật trên nhiều mặt.

Công cuộc đổi mới trong 10 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ do Đại hội VII đề ra cho 5 năm 1991 - 1995 đã được hoàn thành về cơ bản.

Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc.

Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hoá đã cơ bản hoàn thành cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn.

Xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, tuy trong quá trình thực hiện có một số khuyết điểm, lệch lạc

lớn và kéo dài dẫn đến chênh hướng ở lĩnh vực này hay lĩnh vực khác, ở mức độ này hay mức độ khác.

IV- NHỮNG BÀI HỌC CHỦ YẾU

Những thành tựu đạt được trên đây là kết quả cả một quá trình tìm tòi, đổi mới, bám sát thực tiễn, phấn đấu gian khổ của Đảng và nhân dân ta. Đó là: Nghị quyết Hội nghị Trung ương sáu (Khoá IV) với những chính sách làm cho sản xuất “bung ra”; Chỉ thị 100 của Ban Bí thư (Khoá IV) về khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp; các Quyết định 25, 26-CP của Thủ tướng Chính phủ về nhiều nguồn cân đối và ba phần kế hoạch; Đại hội V của Đảng với việc xác định lại thứ tự ưu tiên trong phát triển kinh tế, khẳng định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu; Nghị quyết Hội nghị Trung ương tám (Khoá V) tháng 6-1985 về giá, lương, tiền; Kết luận của Bộ Chính trị (Khoá V) tháng 8-1986 về một số vấn đề lớn thuộc quan điểm kinh tế...

Những thử nghiệm ban đầu về đổi mới nói trên là tiền đề dẫn tới đường lối đổi mới toàn diện tại Đại hội VI. Đường lối ấy hình thành trên cơ sở phát huy tinh thần độc lập, tự chủ, tổng kết những kinh nghiệm sáng tạo của nhân dân, của các cấp, các ngành, hợp quy luật, thuận lòng người, nên đã nhanh chóng đi vào cuộc sống.

Trong quá trình đổi mới, đặc biệt vào những thời điểm có tính bước ngoặt, Đảng ta đã có những quyết sách rất quan trọng. Đó là những kết luận kịp thời của Hội nghị Trung ương sáu (Khoá VI) khẳng định 5 nguyên tắc của công cuộc đổi mới; là sự bác bỏ kiên quyết của Ban Chấp hành Trung ương khoá VI tại các Hội nghị Trung ương sáu, bảy, tám đối

với những mầm mống đầu tiên về đa nguyên chính trị chớm xuất hiện trong Đảng; những nghị quyết Trung ương nhận định sắc bén và kịp thời về diễn biến của tình hình quốc tế vào những năm cuối thập kỷ 80, đầu thập kỷ 90; việc thông qua Cương lĩnh, Chiến lược, Điều lệ Đảng (sửa đổi) tại Đại hội VII; thông qua Hiến pháp mới năm 1992; chỉ rõ thời cơ và nguy cơ, xác định nhiệm vụ đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước ở Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ; các nghị quyết Trung ương khoá VII và nhiều nghị quyết, quyết định lớn khác của Đảng và Nhà nước cụ thể hoá, bổ sung và phát triển đường lối đổi mới trên hầu hết các lĩnh vực. Với những quyết định đúng đắn ấy, toàn Đảng, toàn dân ta đã vượt qua khó khăn, trở ngại, đưa công cuộc đổi mới đi đến thắng lợi hôm nay.

Tổng kết chặng đường đổi mới 10 năm qua, có thể rút ra một số **bài học chủ yếu** sau đây:

1. Giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới; nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Xác định rõ đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là quan niệm đúng đắn hơn về chủ nghĩa xã hội và thực hiện mục tiêu ấy bằng những hình thức, bước đi và biện pháp phù hợp. Kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt, sáng tạo trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới.

Đổi mới phải được thực hiện trên cơ sở bảo vệ, kế thừa và phát huy truyền thống quý báu của dân tộc và những thành tựu cách mạng đã đạt được. Phê phán nghiêm túc sai lầm, khuyết điểm phải đi đôi với khẳng định những

việc làm đúng, không phủ nhận sạch trơn quá khứ, không hoang mang, mất phương hướng, từ thái cực này chuyển sang thái cực khác.

2. Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị

Xét trên tổng thể, Đảng ta bắt đầu công cuộc đổi mới từ đổi mới về tư duy chính trị trong việc hoạch định đường lối và các chính sách đối nội, đối ngoại. Không có sự đổi mới đó thì không có mọi sự đổi mới khác. Song, Đảng ta đã đúng khi tập trung trước hết vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đổi mới kinh tế, khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo tiền đề cần thiết về vật chất và tinh thần để giữ vững ổn định chính trị, xây dựng và củng cố niềm tin của nhân dân, tạo thuận lợi để đổi mới các mặt khác của đời sống xã hội.

Trong việc đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị, chúng ta đã đi những bước thận trọng và vững chắc, bắt đầu từ giải quyết những vấn đề cấp bách nhất và đã chín muồi, với nhận thức đây là việc rất cần thiết nhưng đặc biệt phức tạp, nhạy cảm và nếu vội vã dễ xảy ra sai lầm sẽ phải trả giá rất đắt, có khi không cứu vãn được.

Mục tiêu chủ yếu của đổi mới hệ thống chính trị là nhằm thực hiện tốt dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Bài học lớn là dân chủ nhất thiết phải đi đôi với kỷ luật, kỷ cương. Khắc phục những hiện tượng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời chống khuynh hướng dân chủ cực đoan, quá khích. Dứt khoát bác bỏ mọi mưu toan lợi dụng “dân chủ”, “nhân quyền” nhằm gây rối về chính trị, chống phá chế độ, hoặc can thiệp vào nội bộ nước ta. Không chấp nhận đa nguyên, đa đảng.

3. Xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái

Vận dụng các hình thức kinh tế và phương pháp quản lý nền kinh tế thị trường là để sử dụng mặt tích cực của nó phục vụ mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội chứ không đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Kinh tế thị trường có những mặt tiêu cực mâu thuẫn với bản chất của chủ nghĩa xã hội. Đó là xu thế phân hoá giàu nghèo quá mức, là tâm lý sùng bái đồng tiền, vì đồng tiền mà chà đạp lên đạo đức, nhân phẩm... Đi vào kinh tế thị trường, phải kiên quyết đấu tranh khắc phục, hạn chế tối đa những khuynh hướng tiêu cực đó.

Để phát triển sức sản xuất, cần phát huy khả năng của mọi thành phần kinh tế, thừa nhận trên thực tế còn có bóc lột và sự phân hoá giàu nghèo nhất định trong xã hội, nhưng phải luôn quan tâm bảo vệ lợi ích của người lao động, vừa khuyến khích làm giàu hợp pháp, chống làm giàu phi pháp, vừa coi trọng xoá đói, giảm nghèo, từng bước thực hiện công bằng xã hội, tiến tới làm cho mọi người, mọi nhà đều khá giả.

4. Mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc

Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến

của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Cũng do nhân dân hưởng ứng đường lối đổi mới, dũng cảm phấn đấu, vượt qua biết bao khó khăn, thử thách mà công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu hôm nay. Để tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên, giành những thành tựu lớn hơn, cần thực hiện tốt hơn nữa việc mở rộng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, cả ở trong nước và nước ngoài, phát huy dân chủ, động viên tối đa sức mạnh của toàn thể dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

5. Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại

Công cuộc đổi mới của nhân dân ta ngày nay phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân các nước. Đi đôi với phát huy cao độ ý chí tự lực tự cường, động viên mọi nguồn lực bên trong, cần khai thác tốt những điều kiện thuận lợi mới trong quan hệ đối ngoại, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước vì hoà bình, độc lập và phát triển, tạo môi trường quốc tế thuận lợi và tranh thủ những nhân tố tích cực phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Mở rộng quan hệ quốc tế phải trên cơ sở giữ vững độc lập tự chủ, bình đẳng và cùng có lợi, giữ gìn, phát huy bản sắc và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Thực hiện đa phương hoá và đa dạng hoá quan hệ đối ngoại. Coi trọng và tiếp tục phát huy những quan hệ truyền thống.

6. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt

Sự nghiệp cách mạng của nước ta do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Đảng ta là đảng cầm quyền. Những thắng lợi và thành tựu, những thất bại và tổn thất của cách mạng đều gắn liền với trách nhiệm của Đảng. Trong quá trình đổi mới đất nước, Đảng phải nghiêm túc xem xét những sai lầm, khuyết điểm và yếu kém của mình, đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo. Các thế lực chống chủ nghĩa xã hội và độc lập dân tộc luôn chĩa mũi nhọn vào Đảng, tập trung sức phá hoại nền tảng tư tưởng và tổ chức của Đảng. Thủ đoạn họ thường dùng là xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phủ nhận sự hy sinh và công lao của những người cộng sản, thổi phồng sai lầm, khuyết điểm của Đảng, đòi thực hiện nhân quyền và dân chủ kiểu tư sản, đòi phi chính trị hoá bộ máy nhà nước, đòi đa nguyên, đa đảng nhằm tước bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng. Họ lợi dụng những kẻ cơ hội, phản bội về chính trị, hoặc thoái hoá về phẩm chất đạo đức để chia rẽ, làm suy yếu, phá hoại Đảng từ bên trong.

Nhận rõ yêu cầu mới của cách mạng và âm mưu thủ đoạn chống phá Đảng nói trên, Đảng ta xác định trong giai đoạn hiện nay lãnh đạo kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Coi trọng tổng kết công tác xây dựng Đảng. củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ. Tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng. Ngăn chặn khuynh hướng hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng. Đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao trình độ và hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2020 VÀ NĂM 2000

I- BỐI CẢNH CHUNG

1. Đặc điểm tình hình thế giới

Sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước tiếp tục phát triển trong tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp và chứa đựng những yếu tố khó lường.

Những đặc điểm nổi bật là:

- Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ khiến chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào, nhưng điều đó không làm thay đổi tính chất của thời đại; loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn, nội dung và hình thức biểu hiện có nhiều nét mới. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức.

- Nguy cơ chiến tranh thế giới huỷ diệt bị đẩy lùi, nhưng xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, xung đột về dân tộc, sắc tộc và tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn xảy ra ở nhiều nơi.

- Cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển với trình độ ngày càng cao, tăng nhanh lực lượng sản xuất, đồng thời thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thế giới, quốc tế hoá nền kinh tế và đời sống xã hội.

Các nước đều đứng trước những cơ hội để phát triển. Nhưng do ưu thế về vốn, công nghệ, thị trường, v.v. thuộc về các nước tư bản chủ nghĩa phát triển và các công ty đa quốc gia, cho nên các nước chậm phát triển và đang phát triển đứng trước những thách thức to lớn. Chênh lệch giàu nghèo

giữa các nước ngày càng mở rộng. Cuộc cạnh tranh kinh tế, thương mại, khoa học - công nghệ diễn ra gay gắt.

- Cộng đồng thế giới đứng trước nhiều vấn đề có tính toàn cầu (bảo vệ môi trường, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những bệnh tật hiểm nghèo...), không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết, mà cần phải có sự hợp tác đa phương.

- Khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang phát triển năng động và tiếp tục phát triển với tốc độ cao. Đồng thời khu vực này cũng tiềm ẩn một số nhân tố có thể gây mất ổn định.

Trong quan hệ quốc tế, đã và đang nổi lên **những xu thế chủ yếu** sau đây:

- Hoà bình, ổn định và hợp tác để phát triển ngày càng trở thành đòi hỏi bức xúc của các dân tộc và quốc gia trên thế giới. Các nước dành ưu tiên cho phát triển kinh tế, coi phát triển kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với việc tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia.

- Các quốc gia lớn, nhỏ tham gia ngày càng nhiều vào quá trình hợp tác và liên kết khu vực, liên kết quốc tế về kinh tế, thương mại và nhiều lĩnh vực hoạt động khác. Hợp tác ngày càng tăng nhưng cạnh tranh cũng rất gay gắt.

- Các dân tộc nâng cao ý thức độc lập tự chủ, tự lực tự cường, đấu tranh chống lại sự áp đặt và can thiệp của nước ngoài, bảo vệ độc lập chủ quyền và nền văn hoá dân tộc.

- Các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng cộng sản và công nhân, các lực lượng cách mạng, tiến bộ trên thế giới kiên trì đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau vừa hợp tác vừa đấu tranh trong cùng tồn tại hoà bình.

Các đặc điểm và xu thế nêu trên đã làm nảy sinh tính đa phương, đa dạng trong quan hệ quốc tế và trong chính sách đối ngoại của các nước.

Tình hình thế giới và khu vực tác động sâu sắc đến các mặt đời sống xã hội nước ta, đưa đến những thuận lợi lớn đồng thời cũng làm xuất hiện những thách thức lớn.

2. Thời cơ và thách thức

Những thành tựu của công cuộc đổi mới đã và đang tạo ra thế và lực mới, cả ở bên trong và bên ngoài để chúng ta bước vào một thời kỳ phát triển mới. Nhiều tiền đề cần thiết cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã được tạo ra. Quan hệ của nước ta với các nước trên thế giới mở rộng hơn bao giờ hết. Khả năng giữ vững độc lập tự chủ và hội nhập với cộng đồng thế giới tăng thêm. Đó là thời cơ lớn.

Nhưng bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (1-1994) nêu lên cho đến nay vẫn là những thách thức lớn. Các nguy cơ ấy có mối liên hệ tác động lẫn nhau và đều nguy hiểm, không thể xem nhẹ nguy cơ nào.

Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực vẫn là thách thức to lớn và gay gắt do điểm xuất phát của ta quá thấp, lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh quyết liệt. Có những thế lực vẫn tiếp tục mưu toan thực hiện diễn biến hoà bình, thường xuyên dùng chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” hòng can thiệp vào nội bộ nước ta. Tình hình khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Biển Đông còn diễn biến phức tạp. Chệch hướng xã hội chủ nghĩa và quan liêu, tham nhũng vẫn đang thật sự là những nguy cơ lớn. Tệ quan liêu, tham nhũng và suy thoái về phẩm chất, đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên làm cho bộ máy đảng và nhà nước suy yếu, lòng tin của nhân dân đối với

Đảng, đối với chế độ bị xói mòn, các chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước bị thi hành sai lệch dẫn tới chệch hướng; đó là mảnh đất thuận lợi cho diễn biến hoà bình.

Thuận lợi và khó khăn, thời cơ và nguy cơ đan xen nhau. Chúng ta phải chủ động nắm thời cơ, vươn lên phát triển nhanh và vững chắc, tạo ra thế và lực mới; đồng thời luôn luôn tỉnh táo, kiên quyết đẩy lùi và khắc phục các nguy cơ, kể cả những nguy cơ mới nảy sinh, bảo đảm phát triển đúng hướng.

II- MỤC TIÊU

Xuất phát từ tình hình nói trên và căn cứ vào Cương lĩnh của Đảng, cần **tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.**

Mục tiêu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

Lực lượng sản xuất đến lúc đó sẽ đạt trình độ tương đối hiện đại, phần lớn lao động thủ công được thay thế bằng lao động sử dụng máy móc, điện khí hoá cơ bản được thực hiện trong cả nước, năng suất lao động xã hội và hiệu quả sản xuất kinh doanh cao hơn nhiều so với hiện nay. GDP tăng từ 8 đến 10 lần so với năm 1990. Trong cơ cấu kinh tế,

tuy nông nghiệp tiếp tục phát triển mạnh, song công nghiệp và dịch vụ sẽ chiếm tỷ trọng rất lớn trong GDP và trong lao động xã hội.

Khoa học tự nhiên và công nghệ có khả năng nắm bắt và vận dụng được nhiều thành tựu mới nhất của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ. Khoa học xã hội và nhân văn có khả năng làm cơ sở cho việc xây dựng hình thái ý thức xã hội mới. Sự phát triển của khoa học đủ sức cung cấp luận cứ cho việc hoạch định các chính sách, chiến lược và quy hoạch phát triển.

Về *quan hệ sản xuất*, chế độ sở hữu, cơ chế quản lý và chế độ phân phối gắn kết với nhau, phát huy được các nguồn lực, tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện công bằng xã hội.

Kinh tế nhà nước thực hiện tốt vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế hợp tác xã trở thành nền tảng trong nền kinh tế. Kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân chiếm tỷ trọng đáng kể. Kinh tế tư bản nhà nước dưới các hình thức khác nhau tồn tại phổ biến.

Về *đời sống vật chất và văn hoá*, nhân dân có cuộc sống no đủ, có nhà ở tương đối tốt, có điều kiện thuận lợi về đi lại, học hành, chữa bệnh, có mức hưởng thụ văn hoá khá. Quan hệ xã hội lành mạnh, lối sống văn minh, gia đình hạnh phúc.

Làm được những việc nói trên sẽ là một bước tiến lớn trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Giai đoạn từ nay đến năm 2000 là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới - đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nhiệm vụ của nhân dân ta là tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền

kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu được đề ra trong Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000: tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, cải thiện đời sống của nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau.

- Đến năm 2000, GDP bình quân đầu người tăng gấp đôi năm 1990. Nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm đạt khoảng 9 - 10%; sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp khoảng 4,5 - 5%, công nghiệp 14 - 15%, dịch vụ 12 - 13%, xuất khẩu khoảng 28%. Tỷ lệ đầu tư/GDP khoảng 30%. Năm 2000, nông nghiệp chiếm khoảng 19 - 20%, công nghiệp và xây dựng 34 - 35%, dịch vụ 45 - 46% GDP.

Phát triển và phát huy tốt tiềm lực khoa học và công nghệ; lựa chọn và làm chủ các loại hình công nghệ nhập và tích cực chuẩn bị cho bước phát triển cao hơn ở giai đoạn sau. Tốc độ đổi mới công nghệ đạt 10%/năm trở lên.

Đổi mới căn bản tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả khu vực doanh nghiệp nhà nước. Đổi mới và phát triển đa dạng các hình thức kinh tế hợp tác từ thấp đến cao, mà nòng cốt là các hợp tác xã. Phát triển các hình thức liên doanh, liên kết trực tiếp giữa các doanh nghiệp nhà nước với nhau, giữa kinh tế nhà nước với kinh tế hợp tác, kinh tế tư bản tư nhân, cá thể và các công ty nước ngoài.

- Tạo việc làm nhiều hơn số lao động tăng thêm hằng năm, giảm đáng kể thất nghiệp; xoá đói, tiếp tục giảm nghèo.

Cải thiện điều kiện ăn, ở, học hành, chữa bệnh, đi lại, nâng cao mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân, đặc biệt các vùng nông thôn, miền núi. Tới năm 2000, nhịp độ tăng dân số dưới 1,8%. Khắc phục tình trạng suy dinh dưỡng nặng ở trẻ em dưới 5 tuổi. Thanh toán nạn mù chữ cho người trong độ tuổi 15 - 35, phổ cập giáo dục tiểu học, tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 22 - 25%. Ngăn chặn tình trạng ô nhiễm môi trường. Đẩy lùi tiêu cực và các tệ nạn xã hội.

- Giữ vững sự ổn định chính trị và định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển. Tạo chuyển biến căn bản trong việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước, trọng tâm là cải cách nền hành chính, nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước; mở rộng dân chủ, thiết lập kỷ cương, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh.

Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động tham gia các tổ chức quốc tế và khu vực, củng cố và nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

Phần thứ ba

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC CHỦ YẾU

I- PHÁT TRIỂN VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ

Quán triệt các quan điểm dưới đây về công nghiệp hoá, hiện đại hoá:

- Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế,

đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại. Dựa vào nguồn lực trong nước là chính đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài. Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả.

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo.

- Lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. Động viên toàn dân cần kiệm xây dựng đất nước, không ngừng tăng tích lũy cho đầu tư phát triển. Tăng trưởng kinh tế gắn với cải thiện đời sống nhân dân, phát triển văn hoá, giáo dục, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

- Khoa học và công nghệ là động lực của công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại; tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định.

- Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ. Đầu tư chiều sâu để khai thác tối đa năng lực sản xuất hiện có. Trong phát triển mới, ưu tiên quy mô vừa và nhỏ, công nghệ tiên tiến, tạo nhiều việc làm, thu hồi vốn nhanh; đồng thời xây dựng một số công trình quy mô lớn thật cần thiết và có hiệu quả. Tạo ra những mũi nhọn trong từng bước phát triển. Tập trung thích đáng nguồn lực cho các lĩnh vực, các địa bàn trọng điểm; đồng thời quan tâm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của mọi vùng trong nước; có chính sách hỗ trợ những vùng khó khăn, tạo điều kiện cho các vùng đều phát triển.

- Kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh.

Nội dung cơ bản của công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong những năm còn lại của thập kỷ 90 là:

Đặc biệt coi trọng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn; phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản; phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Nâng cấp, cải tạo, mở rộng và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng kinh tế, trước hết ở những khâu ách tắc và yếu kém nhất đang cản trở sự phát triển. Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng trọng yếu và hết sức cấp thiết, có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường, phát huy tác dụng nhanh và có hiệu quả cao. Mở rộng thương nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đẩy mạnh các hoạt động kinh tế đối ngoại. Hình thành dần một số ngành mũi nhọn như chế biến nông, lâm, thuỷ sản, khai thác và chế biến dầu - khí, một số ngành cơ khí chế tạo, công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin, du lịch. Phát triển mạnh sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

1- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn.

- Phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp, hình thành các vùng tập trung chuyên canh, có cơ cấu hợp lý về cây trồng, vật nuôi, có sản phẩm hàng hoá nhiều về số lượng, tốt về chất lượng, bảo đảm an toàn về lương thực trong xã hội, đáp ứng được yêu cầu của công nghiệp chế biến và của thị trường trong, ngoài nước.

- Thực hiện thuỷ lợi hoá, điện khí hoá, cơ giới hoá, sinh học hoá...

- Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản với công nghệ ngày càng cao, gắn với nguồn nguyên liệu và liên kết với công nghiệp ở đô thị.

- Phát triển các ngành nghề, làng nghề truyền thống và các ngành nghề mới bao gồm tiểu, thủ công nghiệp, công

nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, công nghiệp khai thác và chế biến các nguồn nguyên liệu phi nông nghiệp, các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, từng bước hình thành nông thôn mới văn minh, hiện đại.

Hoàn thành cơ bản việc giao đất, khoán rừng cho hộ nông dân. Điều chỉnh việc phân bổ vốn và huy động thêm nhiều nguồn vốn cho phát triển nông, lâm, ngư nghiệp và kinh tế nông thôn. Có chính sách khuyến khích và trợ giúp nông dân trong xây dựng kết cấu hạ tầng, chuyển giao công nghệ, giải quyết các khó khăn về vốn, về giá cả vật tư nông nghiệp và hàng nông sản, về thị trường tiêu thụ sản phẩm...

2- Phát triển công nghiệp, ưu tiên các ngành chế biến lương thực - thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin. Phát triển có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng (năng lượng - nhiên liệu, vật liệu xây dựng, cơ khí chế tạo, đóng và sửa tàu thủy, luyện kim, hoá chất), tăng thêm năng lực sản xuất tương ứng với yêu cầu tăng trưởng kinh tế, nâng cao khả năng độc lập tự chủ về kinh tế và quốc phòng.

Kết hợp kinh tế với quốc phòng, xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng nhằm đáp ứng những nhu cầu tối thiểu cần thiết trong từng thời kỳ.

Cải tạo các khu công nghiệp hiện có về kết cấu hạ tầng và công nghệ sản xuất. Xây dựng mới một số khu công nghiệp, phân bố rộng trên các vùng.

3- Xây dựng kết cấu hạ tầng.

Khắc phục tình trạng xuống cấp của hệ thống giao thông hiện có; khôi phục, nâng cấp và mở thêm một số

tuyến giao thông trọng yếu, kết hợp giao thông với thuỷ lợi, tận dụng giao thông đường thuỷ; mở thêm đường đến các vùng sâu, vùng xa; cải thiện giao thông ở các thành phố lớn. Cải tạo, nâng cấp một số cảng sông, cảng biển, sân bay; xây dựng dần cảng biển nước sâu.

Tiếp tục phát triển và hiện đại hoá mạng *thông tin liên lạc* quốc gia, mở liên lạc điện thoại đến hầu hết các xã.

Phát triển nguồn điện; cải tạo và mở rộng lưới *điện* đáp ứng nhu cầu và cung cấp điện ổn định. Cải thiện việc cấp thoát *nước* ở đô thị, thêm nguồn nước sạch cho nông thôn.

Tăng đầu tư cho *kết cấu hạ tầng xã hội* (giáo dục, y tế, khoa học, văn hoá - thông tin, thể thao...).

4- *Phát triển nhanh du lịch, các dịch vụ* hàng không, hàng hải, bưu chính - viễn thông, thương mại, vận tải, tài chính, ngân hàng, kiểm toán, bảo hiểm, công nghệ, pháp lý, thông tin... và các dịch vụ phục vụ cuộc sống nhân dân.

Từng bước đưa nước ta trở thành một trung tâm du lịch, thương mại - dịch vụ có tầm cỡ trong khu vực.

5- *Phát triển hợp lý các vùng lãnh thổ*.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế lãnh thổ trên cơ sở khai thác triệt để các lợi thế, tiềm năng của từng vùng, liên kết hỗ trợ nhau, làm cho tất cả các vùng đều phát triển.

Đầu tư ở mức cần thiết cho các vùng kinh tế trọng điểm để thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế. Dành nguồn lực thích đáng cho việc giải quyết những nhu cầu cấp bách, đặc biệt là về kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, để những vùng còn kém phát triển, nhất là các vùng cao, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc ít người, vùng sâu, vùng căn cứ cách mạng có bước tiến nhanh hơn, dần dần giảm bớt sự chênh lệch quá lớn về trình độ phát triển kinh tế - xã hội

giữa các vùng, coi đây là một trọng tâm chỉ đạo của các ngành, các cấp. Đặc biệt quan tâm phát triển kinh tế biển, kết hợp với an ninh - quốc phòng.

Từng bước hình thành mạng lưới đô thị hợp lý, tránh không tạo thành các siêu đô thị. Tăng cường công tác quy hoạch và quản lý đô thị.

6- Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Đẩy mạnh xuất khẩu, coi xuất khẩu là hướng ưu tiên và là trọng điểm của kinh tế đối ngoại. Tạo thêm các mặt hàng xuất khẩu chủ lực. Nâng sức cạnh tranh của hàng xuất khẩu trên thị trường. Giảm tỷ trọng sản phẩm thô và sơ chế, tăng tỷ trọng sản phẩm chế biến sâu và tinh trong hàng xuất khẩu. Tăng nhanh xuất khẩu dịch vụ. Nâng cao tỷ trọng phần giá trị gia tăng trong giá trị hàng xuất khẩu. Giảm dần nhập siêu, ưu tiên việc nhập khẩu để phát triển sản xuất phục vụ xuất khẩu, hạn chế nhập những hàng tiêu dùng chưa thiết yếu. Có chính sách bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước.

Điều chỉnh cơ cấu thị trường để vừa hội nhập khu vực vừa hội nhập toàn cầu, xử lý đúng đắn lợi ích giữa ta với các đối tác.

Chủ động tham gia cộng đồng thương mại thế giới, các diễn đàn, các tổ chức, các định chế quốc tế một cách có chọn lọc, với bước đi thích hợp.

Việc sử dụng vốn vay và thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài phải theo quy hoạch và kế hoạch phát triển ngành và vùng lãnh thổ, bảo đảm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Tính toán kỹ khả năng vay, sử dụng vốn vay có hiệu quả, trả được nợ. Cải thiện cán cân thanh toán. Tăng dự trữ ngoại tệ. Làm rõ và thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn của cơ

quan quản lý nợ nước ngoài, của người đi vay và người sử dụng vốn vay.

Thử nghiệm để tiến tới thực hiện việc đầu tư ra nước ngoài.

II- CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ

Nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong việc xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần:

- Thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. Lấy việc giải phóng sức sản xuất, động viên tối đa mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả kinh tế và xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân làm mục tiêu hàng đầu trong việc khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế và hình thức tổ chức kinh doanh.

- Chủ động đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác. Kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác xã dần dần trở thành nền tảng. Tạo điều kiện kinh tế và pháp lý thuận lợi để các nhà kinh doanh tư nhân yên tâm đầu tư làm ăn lâu dài. Mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với các thành phần kinh tế khác cả trong và ngoài nước. Áp dụng phổ biến các hình thức kinh tế tư bản nhà nước.

- Xác lập, củng cố và nâng cao địa vị làm chủ của người lao động trong nền sản xuất xã hội, thực hiện công bằng xã hội ngày một tốt hơn.

- Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác

vào kết quả sản xuất - kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội. Thừa nhận sự tồn tại lâu dài của các hình thức thuê mướn lao động nhưng không để biến thành quan hệ thống trị, dẫn tới sự phân hoá xã hội thành hai cực đối lập. Phân phối và phân phối lại hợp lý các thu nhập; khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói, giảm nghèo, không để diễn ra chênh lệch quá đáng về mức sống và trình độ phát triển giữa các vùng, các tầng lớp dân cư.

- Tăng cường hiệu lực quản lý vĩ mô của Nhà nước, khai thác triệt để vai trò tích cực đi đôi với khắc phục và ngăn ngừa, hạn chế những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường. Bảo đảm sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trước pháp luật của mọi doanh nghiệp và cá nhân không phân biệt thành phần kinh tế.

- Giữ vững độc lập, chủ quyền và bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc trong quan hệ kinh tế với bên ngoài.

Thực hiện những chủ trương, chính sách sau đây đối với từng thành phần kinh tế:

1- Tiếp tục đổi mới và phát triển có hiệu quả *kinh tế nhà nước* để làm tốt vai trò chủ đạo: làm đòn bẩy đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế và giải quyết những vấn đề xã hội; mở đường, hướng dẫn, hỗ trợ các thành phần khác cùng phát triển; làm lực lượng vật chất để Nhà nước thực hiện chức năng điều tiết và quản lý vĩ mô; tạo nền tảng cho chế độ xã hội mới.

Tập trung nguồn lực để phát triển kinh tế nhà nước trong những ngành, những lĩnh vực trọng yếu như kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, hệ thống tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, những cơ sở sản xuất và thương mại, dịch vụ quan trọng, một số doanh nghiệp thực hiện những nhiệm vụ có quan hệ đến

quốc phòng - an ninh. Doanh nghiệp nhà nước nói chung có quy mô vừa và lớn, công nghệ tiến bộ, kinh doanh có hiệu quả, tạo nguồn thu lớn cho ngân sách.

Lấy suất sinh lời trên vốn làm một trong những tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp kinh doanh; lấy kết quả thực hiện các chính sách xã hội làm tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp công ích.

Đổi mới và tăng cường hoạt động của kinh tế nhà nước trong lĩnh vực phân phối lưu thông. Phát huy vai trò trung tâm kinh tế, khoa học - công nghệ, văn hoá - xã hội của doanh nghiệp nhà nước trong nông, lâm, ngư nghiệp, nhất là ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc ít người.

Triển khai tích cực và vững chắc việc cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước để huy động thêm vốn, tạo thêm động lực thúc đẩy doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, làm cho tài sản nhà nước ngày càng tăng lên, không phải để tư nhân hoá. Bên cạnh những doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sẽ có nhiều doanh nghiệp nhà nước nắm đa số hay nắm tỷ lệ cổ phần chi phối. Gọi thêm cổ phần hoặc bán cổ phần cho người lao động tại doanh nghiệp, cho các tổ chức và cá nhân ngoài doanh nghiệp tùy từng trường hợp cụ thể; vốn huy động được phải dùng để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

Tổ chức hợp lý các tổng công ty, bảo đảm vừa tránh phân tán lực lượng, vừa chống độc quyền hoặc trở thành cấp hành chính trung gian.

2- *Kinh tế hợp tác mà nòng cốt là các hợp tác xã* là hình thức liên kết tự nguyện của những người lao động nhằm kết hợp sức mạnh của từng thành viên với sức mạnh tập thể để giải quyết có hiệu quả hơn những vấn đề của sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Phát triển kinh tế hợp tác với nhiều hình thức đa dạng, từ thấp đến cao, từ tổ nhóm hợp tác đến hợp tác xã; tuân thủ nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, quản lý dân chủ.

Hợp tác xã được tổ chức trên cơ sở đóng góp cổ phần và sự tham gia lao động trực tiếp của xã viên, phân phối theo kết quả lao động và theo cổ phần, mỗi xã viên có quyền như nhau đối với công việc chung.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và có chính sách khuyến khích, ưu đãi, giúp đỡ kinh tế hợp tác phát triển có hiệu quả. Thực hiện tốt Luật hợp tác xã.

3- *Kinh tế tư bản nhà nước* bao gồm các hình thức hợp tác liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản tư nhân trong nước và hợp tác liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản nước ngoài. Kinh tế tư bản nhà nước có vai trò quan trọng trong việc động viên tiềm năng to lớn về vốn, công nghệ, khả năng tổ chức quản lý... của các nhà tư bản vì lợi ích của bản thân họ, cũng như của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Áp dụng nhiều phương thức góp vốn liên doanh giữa Nhà nước với các nhà kinh doanh tư nhân trong nước nhằm tạo thế, tạo lực cho các doanh nghiệp Việt Nam phát triển, tăng sức hợp tác và cạnh tranh với bên ngoài.

Cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao năng lực quản lý để thu hút có hiệu quả vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động trong các xí nghiệp hợp tác, liên doanh.

4- *Kinh tế cá thể, tiểu chủ* có vị trí quan trọng, lâu dài. Giúp đỡ về kinh tế cá thể, tiểu chủ giải quyết các khó khăn về vốn, về khoa học và công nghệ, về thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Hướng dẫn kinh tế cá thể, tiểu chủ, vì lợi ích thiết thân và nhu cầu phát triển của sản xuất, từng bước đi vào làm ăn hợp tác một cách tự nguyện, hoặc làm vệ tinh cho các doanh nghiệp nhà nước hay hợp tác xã.

5- *Kinh tế tư bản tư nhân* có khả năng góp phần xây dựng đất nước. Khuyến khích tư bản tư nhân đầu tư vào sản xuất, yên tâm làm ăn lâu dài; bảo hộ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp, tạo điều kiện thuận lợi đi đôi với tăng cường quản lý, hướng dẫn làm ăn đúng pháp luật, có lợi cho quốc kế dân sinh.

III- TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ

Từ thực tiễn hơn 10 năm qua, có thể khẳng định một số nhận thức về cơ chế quản lý kinh tế mới:

- Sản xuất hàng hoá không đối lập với chủ nghĩa xã hội, mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng.

- Trong nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần ở nước ta, thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một thể thống nhất với nhiều lực lượng tham gia sản xuất và lưu thông, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Thị trường trong nước gắn với thị trường thế giới.

- Thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của kế hoạch. Kế hoạch chủ yếu mang tính định hướng và đặc biệt quan trọng trên bình diện vĩ mô. Thị trường có vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn lĩnh vực hoạt động và phương án tổ chức sản xuất kinh doanh.

- Vận dụng cơ chế thị trường đòi hỏi phải nâng cao năng lực quản lý vĩ mô của Nhà nước, đồng thời xác lập

đầy đủ chế độ tự chủ của các đơn vị sản xuất kinh doanh, nhằm phát huy tác động tích cực to lớn đi đôi với ngăn ngừa, hạn chế và khắc phục những mặt tiêu cực của thị trường. Nhà nước quản lý thị trường bằng pháp luật, kế hoạch, cơ chế, chính sách, các công cụ đòn bẩy kinh tế và bằng các nguồn lực của khu vực kinh tế nhà nước.

Từ nay đến năm 2000, tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế với mục tiêu xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành tương đối đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

1. Tạo lập đồng bộ các yếu tố của thị trường

- Phát triển mạnh *thị trường hàng hoá và dịch vụ*.

Mở rộng thị trường, thực hiện giao lưu hàng hoá thông suốt trong cả nước. Phát triển thị trường công nghệ, các dịch vụ thông tin, tư vấn, tiếp thị, pháp lý, tài chính, ngân hàng, kiểm toán, bảo hiểm, bảo lãnh...

Khắc phục tình trạng kinh doanh trái phép, trốn lậu thuế. Kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm minh các vi phạm. Tạo môi trường hợp tác và cạnh tranh lành mạnh trong sản xuất, kinh doanh. Thực hiện độc quyền nhà nước trong một số ngành, một số lĩnh vực nhất định vì lợi ích của đất nước; hạn chế độc quyền kinh doanh, không để lợi dụng địa vị độc quyền để duy trì đặc quyền, đặc lợi, lũng đoạn thị trường.

Chỉnh đốn hoạt động của các tổ chức thương nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Đổi mới hệ thống thương nghiệp nhà nước để làm tốt vai trò chủ đạo; khắc phục tình trạng buông lỏng thị trường nông thôn, miền núi.

- Tổ chức quản lý và hướng dẫn tốt việc *thuê mướn và sử dụng lao động*.

Bảo đảm công ăn, việc làm cho dân là một mục tiêu xã hội hàng đầu, không để thất nghiệp trở thành căn bệnh kinh niên.

Nhà nước chú trọng đầu tư tạo việc làm, đồng thời tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế và người lao động tạo thêm chỗ làm việc và tự tạo việc làm; khuyến khích các tổ chức và cá nhân cùng Nhà nước tổ chức tốt dịch vụ giới thiệu việc làm, đào tạo nghề nghiệp.

Trong việc thuê mướn lao động, người lao động và người sử dụng lao động bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước, với sự tham gia của công đoàn, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, phải kiểm tra, kiểm soát việc thuê mướn, sử dụng và trả công lao động, cải thiện điều kiện lao động; bảo đảm thực hiện những quy định về bảo hộ, an toàn lao động; giải quyết tốt mối quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động theo pháp luật, bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động.

Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương trong khu vực nhà nước. Có chính sách hướng dẫn và điều tiết tiền lương và thu nhập cá nhân trong toàn xã hội. Thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động thuộc mọi thành phần kinh tế.

- *Quản lý chặt chẽ đất đai và thị trường bất động sản.*

Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, không tư nhân hoá, không cho phép mua bán đất đai. Thực hiện đúng Luật đất đai; bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật và chính sách về đất đai. Trong việc giao quyền sử dụng hay cho thuê đất phải xác định đúng giá các loại đất để sử dụng đất có hiệu quả, duy trì và phát triển quỹ đất, bảo đảm lợi ích của toàn dân. Khắc phục tình trạng đầu cơ đất và những tiêu cực, yếu kém trong quản lý và sử dụng đất.

Tổ chức, quản lý tốt thị trường bất động sản. Chăm lo giải quyết vấn đề nhà ở cho nhân dân, nhất là ở các vùng đô thị; phát triển các doanh nghiệp nhà nước xây dựng và kinh doanh nhà ở. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia

xây dựng và kinh doanh nhà theo sự hướng dẫn và quản lý của Nhà nước.

- Xây dựng *thị trường vốn*, từng bước hình thành *thị trường chứng khoán*.

Phát triển thị trường vốn, thu hút các nguồn vốn trung, dài hạn qua ngân hàng và các công ty tài chính để đáp ứng nhu cầu cho vay đầu tư phát triển.

Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để từng bước xây dựng thị trường chứng khoán phù hợp với điều kiện Việt Nam và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Hoàn chỉnh hệ thống luật pháp về kinh tế

Ban hành một số luật mới và sửa đổi, bổ sung một số luật và pháp lệnh hiện hành để tiếp tục thể chế hoá Cương lĩnh, Chiến lược và các chủ trương, chính sách của Đảng, hình thành khuôn khổ pháp lý đồng bộ, cần thiết cho các hoạt động kinh tế.

3. Tiếp tục đổi mới công tác kế hoạch hoá

Kế hoạch nhà nước phải quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng để đưa ra một hệ thống các mục tiêu vĩ mô, xác định tốc độ phát triển, cơ cấu và các cân đối lớn, các chính sách, giải pháp để dẫn dắt nền kinh tế theo định hướng kế hoạch.

Tập trung sức xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển, các chương trình và dự án lớn cho cả nước và cho từng ngành, từng vùng, từng lĩnh vực. Chuyển dần sang kế hoạch 5 năm là chính, có phân ra từng năm; giảm nhẹ việc xây dựng và xét duyệt kế hoạch hàng năm.

Kế hoạch phải bao quát các ngành, các vùng, các lĩnh vực và thành phần kinh tế.

4. Đổi mới các chính sách tài chính, tiền tệ, giá cả

- *Chính sách tài chính* phải nhằm mục tiêu thúc đẩy sản xuất phát triển; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; tăng tích lũy để tạo vốn cho đầu tư phát triển; đáp ứng những nhu cầu chi thường xuyên thật sự cần thiết, cấp bách; bảo đảm quản lý thống nhất nền tài chính quốc gia; giảm bội chi ngân sách, góp phần khống chế và kiểm soát lạm phát. Xử lý đúng đắn các mối quan hệ: tích lũy và tiêu dùng; tài chính nhà nước, tài chính doanh nghiệp và tài chính dân cư; ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển, chi bảo đảm quốc phòng - an ninh; huy động vốn trong nước và vốn bên ngoài; vay và trả nợ...

Để tạo vốn đầu tư phát triển, giải pháp cơ bản và lâu dài là phải làm ăn có hiệu quả, phát triển kinh tế, thực hành triệt để tiết kiệm cả trong chi tiêu của Nhà nước, trong sản xuất kinh doanh và trong tiêu dùng của dân cư; khuyến khích mạnh tiết kiệm và đầu tư, đa dạng hoá các kênh huy động vốn.

Có tầm nhìn dài hạn trong chính sách thu, tính đến nhu cầu chi cấp thiết trước mắt, nhưng phải chú trọng bồi dưỡng nguồn thu lâu dài. Đổi mới chính sách thuế theo hướng đơn giản, ổn định, công bằng, khuyến khích làm ăn hợp pháp; bảo đảm tỷ lệ động viên hợp lý vào ngân sách nhà nước, đồng thời tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tích tụ vốn để đầu tư phát triển. Thực hiện chính sách ưu đãi hơn nữa về thuế đối với đầu tư phát triển và đối với những vùng có nhiều khó khăn.

Thực hiện chặt chẽ chế độ kế toán, kiểm toán và chế độ kiểm tra, thanh tra tài chính.

- Chuyển mạnh *chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng* phù hợp với cơ chế thị trường, góp phần ổn định sức mua của đồng Việt Nam, kiềm chế lạm phát ở mức thấp, huy động và cho vay vốn có hiệu quả... Ngân hàng trung ương có trách nhiệm chính trong việc kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền, quản lý ngoại tệ, vàng.

Tổ chức tốt hệ thống quỹ tín dụng nhân dân. Quản lý chặt chẽ hoạt động của các ngân hàng thương mại và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Có biện pháp đồng bộ để giảm dần lãi suất, tạo điều kiện cho đầu tư phát triển.

Có chính sách tỷ giá hối đoái và quản lý ngoại hối hợp lý thúc đẩy xuất khẩu và điều tiết được nhập khẩu, từng bước làm cho đồng Việt Nam có giá trị chuyển đổi đầy đủ và là phương tiện lưu thông duy nhất trong nước.

- Tiếp tục hoàn thiện *hệ thống giá cả* và đổi mới công tác quản lý giá.

Tăng cường lực lượng dự trữ quốc gia, đổi mới cơ chế dự trữ lưu thông, cơ chế hình thành và hoạt động của quỹ bình ổn giá, phương thức can thiệp để bình ổn giá một số mặt hàng hết sức thiết yếu.

5. Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý kinh tế của Nhà nước

Nhà nước thực hiện tốt các chức năng: định hướng sự phát triển; trực tiếp đầu tư vào một số lĩnh vực để dẫn dắt nỗ lực phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa; thiết lập khuôn khổ luật pháp, có hệ thống chính sách nhất quán để tạo môi trường ổn định và thuận lợi cho giới kinh doanh làm ăn phát đạt; khắc phục, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường; phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân;

quản lý tài sản công và kiểm kê, kiểm soát toàn bộ hoạt động kinh tế, xã hội.

Thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và chức năng chủ sở hữu tài sản công của Nhà nước. Các bộ và các cấp chính quyền không can thiệp vào chức năng quản trị kinh doanh và quyền tự chủ hạch toán của doanh nghiệp.

IV- PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Khoa học và công nghệ

Hoạt động khoa học và công nghệ của nước ta trong giai đoạn tới cần tập trung vào các phương hướng chủ yếu sau đây:

- Vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; phát triển và kết hợp chặt chẽ các ngành khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và công nghệ... làm chỗ dựa khoa học cho việc triển khai thực hiện Cương lĩnh, Hiến pháp, xác định phương hướng, bước đi của công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng pháp luật, các chính sách, kế hoạch và chương trình kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học tự nhiên và công nghệ tiên tiến trong tất cả các ngành sản xuất kinh doanh, dịch vụ, quản lý và quốc phòng - an ninh.

Nắm bắt các công nghệ cao như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, những công nghệ mới trong chế tạo máy... để có thể đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định.

Đánh giá chính xác tài nguyên quốc gia, từ đó đề xuất một chiến lược đúng đắn về khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên. Bảo đảm cơ sở khoa học và công nghệ cho việc

khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái. Áp dụng các công nghệ hiện đại trong việc kiểm soát, đánh giá và xử lý tác động môi trường. Ưu tiên các công nghệ sạch, tốn ít nguyên, nhiên liệu. Đề xuất các phương pháp khoa học và ứng dụng các phương tiện kỹ thuật để hạn chế hậu quả thiên tai.

- Chú trọng đúng mức nghiên cứu cơ bản về khoa học xã hội, khoa học nhân văn và khoa học tự nhiên, làm chỗ dựa lâu bền cho nghiên cứu ứng dụng, triển khai và tiếp nhận các thành tựu mới về khoa học và công nghệ.

- Xây dựng tiềm lực nhằm phát triển một nền khoa học và công nghệ tiên tiến. Đẩy mạnh các hình thức đào tạo cán bộ khoa học ở trong và ngoài nước. Gấp rút đào tạo lớp chuyên gia đầu đàn. Sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ hiện có; bổ sung cán bộ trẻ cho các cơ quan nghiên cứu triển khai, các trường đại học. Bố trí lại lực lượng khoa học và công nghệ theo hướng gắn khoa học và công nghệ với giáo dục đào tạo, gắn nghiên cứu - triển khai với sản xuất và dịch vụ.

Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho các ngành khoa học và công nghệ; chú trọng xây dựng hệ thống các phòng thí nghiệm hiện đại ở các trường đại học và các viện nghiên cứu; xây dựng và nâng cấp mạng lưới dịch vụ kỹ thuật như đo lường, tiêu chuẩn, thẩm định công nghệ, thông tin khoa học và công nghệ.

- Xây dựng và thực hiện tốt hệ thống chính sách và cơ chế đồng bộ cho phát triển khoa học và công nghệ, cụ thể là:

Phát huy sự tìm tòi, sáng tạo trong nghiên cứu, đồng thời đề cao trách nhiệm xã hội của những người làm công tác khoa học và công nghệ đối với đất nước. Tạo lập thị trường cho các hoạt động khoa học và công nghệ. Kiểm soát các công nghệ nhập. Thúc đẩy các doanh nghiệp, nhất là các doanh

nghiệp lớn của Nhà nước đổi mới công nghệ, thu hút lực lượng nghiên cứu - triển khai về các doanh nghiệp.

Có chính sách chăm lo điều kiện làm việc, lợi ích vật chất và tinh thần của người nghiên cứu, phát minh và ứng dụng khoa học, công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; ưu đãi nhân tài có cống hiến quan trọng; khuyến khích cán bộ khoa học làm việc ở vùng sâu, vùng xa. Ngăn chặn tình trạng “chảy chất xám”.

Đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư cho các hoạt động khoa học và công nghệ. Xây dựng quỹ tín dụng và ngân hàng đầu tư phát triển khoa học và công nghệ. Nâng dần mức đầu tư của ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ.

Khơi dậy trong nhân dân lòng yêu nước, ý chí quật cường, phát huy tài trí của người Việt Nam, quyết tâm đưa nước nhà ra khỏi nghèo nàn và lạc hậu bằng khoa học và công nghệ.

2. Giáo dục và đào tạo

Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là *quốc sách hàng đầu* nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Coi trọng cả ba mặt: mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả. Phương hướng chung của lĩnh vực giáo dục, đào tạo trong 5 năm tới là phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tạo điều kiện cho nhân dân, đặc biệt là thanh niên, có việc làm; khắc phục những tiêu cực, yếu kém trong giáo dục và đào tạo.

Đến năm 2000 bảo đảm đại bộ phận trẻ em 5 tuổi được hưởng chương trình giáo dục mầm non; thanh toán nạn mù chữ ở những người trong độ tuổi từ 15 đến 35, thu hẹp diện

người mù chữ ở độ tuổi khác; cơ bản hoàn thành phổ cập tiểu học trong cả nước, trước hết là đối với trẻ em trong độ tuổi từ 6 đến 14; phổ cập trung học cơ sở ở những thành phố lớn, khu công nghiệp tập trung và những nơi mà điều kiện cho phép. Có chính sách bảo đảm cho con em các gia đình trong diện chính sách, gia đình nghèo được đi học, động viên và giúp đỡ những học sinh giỏi, có nhiều triển vọng. Mở cuộc vận động rộng rãi trong toàn dân kiên quyết xoá mù chữ và chống nạn thất học.

Xây dựng hệ thống trường chuyên, trường trọng điểm, trung tâm chất lượng cao ở các bậc học. Coi trọng việc dạy ngoại ngữ và tin học từ cấp phổ thông. Mở thêm các trường phổ thông nội trú ở những vùng khó khăn, vùng đồng bào thiểu số. Coi trọng giáo dục gia đình.

Đổi mới hệ thống giáo dục chuyên nghiệp và đại học, kết hợp đào tạo với nghiên cứu, tạo nguồn nhân lực đủ khả năng tiếp cận công nghệ tiên tiến. củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông. Phát triển các hình thức giáo dục từ xa. Mở rộng hệ thống các trường lớp dạy nghề và đào tạo công nhân lành nghề. Trong khi tập trung sức xây dựng hệ thống trường công, có chính sách giúp đỡ, hướng dẫn phát triển và quản lý tốt các trường, lớp bán công, dân lập, tư thục. Khuyến khích dạy nghề tại doanh nghiệp. Phát triển đào tạo sau đại học; tăng số lượng đào tạo đại học và sau đại học ở nước ngoài và tại các trung tâm đào tạo quốc tế ở trong nước. Khuyến khích du học tự túc. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa đào tạo với sử dụng. Xây dựng đội ngũ trí thức đồng bộ về các lĩnh vực khoa học và công nghệ, văn hoá văn nghệ, quản lý kinh tế, quản lý xã hội... Nhanh chóng xây dựng đội ngũ công chức và nhân viên của hệ thống hành chính các cấp. Đào tạo đội ngũ các nhà quản trị doanh nghiệp giỏi. Nâng tỷ lệ lao

động qua đào tạo từ 10% hiện nay lên khoảng 22 - 25%. Nâng cao kiến thức văn hoá, nghề nghiệp cho phụ nữ; bồi dưỡng lực lượng cán bộ nữ.

Xác định rõ hơn mục tiêu, thiết kế nội dung, chương trình, đổi mới phương pháp giáo dục, đào tạo, lựa chọn những nội dung có tính cơ bản, hiện đại. Tăng cường giáo dục công dân, giáo dục lòng yêu nước, chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục đạo đức và nhân văn, lịch sử dân tộc và bản sắc văn hoá dân tộc; ý chí vươn lên vì tương lai của bản thân và tiền đồ của đất nước. Từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương tiện hiện đại vào quá trình đào tạo; phát triển mạnh phong trào tự học, tự đào tạo thường xuyên và rộng khắp. Ngăn chặn và xử lý nghiêm những tiêu cực trong giảng dạy, học tập, thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ.

Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Sử dụng giáo viên đúng năng lực, đãi ngộ đúng công sức và tài năng với tinh thần ưu đãi và tôn vinh nghề dạy học.

Tổng kết cải cách giáo dục; xây dựng chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp và chính sách của Nhà nước về giáo dục, đào tạo. Tăng cường quản lý nhà nước đối với các loại hình trường lớp giáo dục và đào tạo.

Nâng dần tỷ trọng chi ngân sách cho giáo dục, đào tạo. Động viên đúng mức sự đóng góp của mỗi nhà, mỗi người, đồng thời thu hút nguồn đầu tư từ các cộng đồng, các giới, trong và ngoài nước cho giáo dục, đào tạo. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo.

Phát huy trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, các cấp chính quyền, đoàn thể, các doanh nghiệp đối với sự nghiệp giáo dục, đào tạo.

V- XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC

Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Mọi hoạt động văn hoá, văn nghệ phải nhằm xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh cho sự phát triển xã hội.

Kế thừa và phát huy các giá trị tinh thần, đạo đức và thẩm mỹ, các di sản văn hoá, nghệ thuật của dân tộc. Bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh của đất nước. Trong điều kiện kinh tế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế, phải đặc biệt quan tâm gìn giữ và nâng cao bản sắc văn hoá dân tộc, kế thừa và phát huy truyền thống đạo đức, tập quán tốt đẹp và lòng tự hào dân tộc. Tiếp thu tinh hoa của các dân tộc trên thế giới, làm giàu đẹp thêm nền văn hoá Việt Nam; đấu tranh chống sự xâm nhập của các loại văn hoá độc hại, những khuynh hướng sùng ngoại, lai căng, mất gốc. Khắc phục tâm lý sùng bái đồng tiền, bất chấp đạo lý, coi thường các giá trị nhân văn.

Củng cố, tăng cường mạng lưới văn hoá cơ sở. Quản lý tốt các hoạt động văn hoá, văn nghệ. Khai thác và phát triển mọi sắc thái và giá trị văn hoá, nghệ thuật của các dân tộc trên đất nước ta; tạo ra sự thống nhất trong tính đa dạng và phong phú của nền văn hoá Việt Nam.

Nâng cao hiểu biết và mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân ở mọi vùng đất nước. Hướng dẫn nhân dân về nếp sống văn hoá, văn minh; chống các hủ tục, mê tín dị đoan.

Phát triển đi đôi với quản lý tốt mạng lưới thông tin, báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, điện ảnh và các hình thức nghệ thuật khác. Sớm hoạch định một chiến lược quốc gia về thông tin; coi trọng việc nâng cao chất lượng thông tin đại chúng, tính chân thật, tính chiến đấu và tính đa dạng của thông tin; coi trọng việc phát hiện và đề cao các nhân tố mới đồng thời với việc phát hiện và phê phán các hiện tượng tiêu cực. Tăng cường công tác thông tin đối ngoại.

Bảo đảm dân chủ, tự do cho mọi sự sáng tạo và hoạt động văn hoá, vun đắp các tài năng, đồng thời đề cao trách nhiệm của văn nghệ sĩ trước công chúng, dân tộc và thời đại. Khuyến khích, tạo điều kiện thúc đẩy sáng tác văn học, nghệ thuật phản ánh các nhân tố mới trong xã hội, cổ vũ cái tốt, cái đẹp trong quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với xã hội, với thiên nhiên, phê phán cái sai, lên án cái xấu, cái ác, hướng tới chân, thiện, mỹ. Phổ biến kịp thời các tác phẩm tốt, đưa các nhân tố văn hoá, tinh thần nhân văn thấm sâu vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ cách ứng xử trong gia đình, trường học, xã hội đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh, giao tiếp...

Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc, làm cho gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là tổ ấm của mỗi người. Phát huy trách nhiệm của gia đình trong việc lưu truyền những giá trị văn hoá dân tộc từ thế hệ này sang thế hệ khác. Thực hiện tốt Luật hôn nhân và gia đình.

Phát huy người tốt, việc tốt. Hình thành hệ giá trị và chuẩn mực xã hội mới phù hợp với truyền thống, bản sắc dân tộc và yêu cầu của thời đại.

Xây dựng văn hoá là nhiệm vụ chung của toàn xã hội. Có chính sách đầu tư thích đáng cho văn hoá, văn nghệ. Phát triển các hoạt động văn hoá, văn nghệ của Nhà nước, tập thể và cá nhân theo đường lối của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

VI- CHÍNH SÁCH GIẢI QUYẾT MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Hệ thống chính sách xã hội được hoạch định trên những quan điểm sau đây:

- Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển. Công bằng xã hội phải thể hiện ở cả khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất, ở việc tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình.

- Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác vào kết quả sản xuất kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội, đi đôi với chính sách điều tiết hợp lý, bảo hộ quyền lợi của người lao động.

- Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xoá đói giảm nghèo. Thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, về mức sống giữa các vùng, các dân tộc, các tầng lớp dân cư.

- Phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc “uống nước nhớ nguồn”, “đền ơn đáp nghĩa”, nhân hậu, thủy chung.

- Các vấn đề chính sách xã hội đều giải quyết theo tinh thần xã hội hoá. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt đồng thời động viên mỗi người dân, các doanh nghiệp, các tổ chức trong xã hội, các cá nhân và tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết những vấn đề xã hội.

Trong những năm trước mắt, phải giải quyết tốt một số vấn đề xã hội sau đây:

- Tập trung sức tạo việc làm

Phương hướng quan trọng nhất là Nhà nước cùng toàn dân ra sức đầu tư phát triển, thực hiện tốt kế hoạch và các chương trình kinh tế - xã hội. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi công dân, mọi nhà đầu tư mở mang ngành nghề, tạo nhiều việc làm cho người lao động. Mọi công dân đều được tự do hành nghề, thuê mướn nhân công theo pháp luật. Phát triển dịch vụ việc làm. Tiếp tục phân bố lại dân cư và lao động trên địa bàn cả nước, tăng dân cư trên các địa bàn có tính chiến lược về kinh tế, an ninh - quốc phòng. Mở rộng kinh tế đối ngoại, đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Giảm đáng kể tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn.

- Thực hiện xoá đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, bảo hiểm xã hội và các hoạt động nhân đạo, từ thiện

Thực hiện tốt chương trình *xoá đói giảm nghèo*, nhất là đối với vùng căn cứ cách mạng, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng và phát triển quỹ xoá đói giảm nghèo bằng nhiều nguồn vốn trong và ngoài nước; quản lý chặt chẽ, đầu tư đúng đối tượng và có hiệu quả.

Tổ chức tốt đời sống xã hội trên từng địa bàn để trong điều kiện thu nhập bình quân đầu người còn thấp vẫn tạo được một cuộc sống khá hơn cho nhân dân. Mở rộng diện

các xã có điện, có đường, có trường học, có trạm y tế, có nước sạch...

Tổ chức tốt việc thi hành Pháp lệnh về người có công, bảo đảm cho những người có công với đất nước và cách mạng có đời sống vật chất và tinh thần ít nhất bằng mức sống trung bình của nhân dân ở nơi cư trú; bồi dưỡng và tạo điều kiện cho con em những người có công với cách mạng tiếp nối sự nghiệp của cha anh. Mở rộng phong trào *đền ơn đáp nghĩa*, chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ.

Thực hiện và hoàn thiện chế độ *bảo hiểm xã hội*, bảo đảm đời sống người nghỉ hưu được ổn định, từng bước cải thiện. Xây dựng Luật bảo hiểm xã hội.

Đẩy mạnh các hoạt động *nhân đạo, từ thiện*. Thực hiện các chính sách bảo trợ trẻ mồ côi, lang thang cơ nhỡ, người già neo đơn, nạn nhân chiến tranh, người tàn tật; xây dựng quỹ tình thương trích từ ngân sách một phần và động viên toàn xã hội tham gia đóng góp; tiến tới xây dựng Luật về bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi. Giúp đỡ những người bị thiên tai và những rủi ro khác.

- Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, nâng cao thể chất của nhân dân

Phấn đấu đến năm 2000 giảm hẳn tỷ lệ mắc bệnh truyền nhiễm gây dịch, các bệnh do ký sinh trùng và suy dinh dưỡng. Khắc phục các hậu quả của chiến tranh trên lĩnh vực sức khỏe. Cải thiện các chỉ tiêu cơ bản về sức khỏe của người dân, nhất là sức khỏe bà mẹ, trẻ em, nâng cao tuổi thọ bình quân và giảm tỷ lệ tử vong.

Tiếp tục củng cố hệ thống y tế nhà nước, đặc biệt là y tế xã, huyện. Mở rộng, đa dạng hoá, nâng cao chất lượng và hiệu quả các dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Đổi mới và tăng

cường công tác quản lý bệnh viện, kiện toàn hệ thống khám chữa bệnh đủ sức đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của nhân dân. Thực hiện khám chữa bệnh miễn phí cho các gia đình chính sách, cho người nghèo. Tăng đầu tư của Nhà nước kết hợp với tạo thêm nguồn kinh phí khác cho y tế như phát triển bảo hiểm, mở rộng hợp tác quốc tế. Khuyến khích và quản lý tốt hoạt động chăm sóc sức khoẻ nhân dân của các tổ chức và cá nhân. Phát triển y học cổ truyền dân tộc; kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại. Xây dựng chính sách về quản lý và phát triển công nghiệp dược, thiết bị y tế, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Có chính sách đãi ngộ để sử dụng tốt cán bộ y tế, nhất là ở những nơi khó khăn. Ngăn chặn tình trạng xuống cấp trong ngành y tế, từ cơ sở vật chất, trang thiết bị đến chất lượng và thái độ phục vụ. Chấn chỉnh việc thu và sử dụng viện phí. Chống tiêu cực trong các dịch vụ y dược. Đề cao y đức “thầy thuốc như mẹ hiền”.

Đẩy mạnh công tác y học dự phòng. Thực hiện rộng rãi các biện pháp vệ sinh môi trường, vệ sinh thực phẩm và cung cấp nước sạch.

Phát triển phong trào *thể dục thể thao* sâu rộng trong cả nước, trước hết là trong thanh, thiếu niên; tạo chuyển biến tích cực về chất lượng và hiệu quả giáo dục thể chất trong trường học, trong các lực lượng dự bị quốc phòng và lực lượng vũ trang. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về thể dục, thể thao. Từng bước hình thành lực lượng thể thao chuyên nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình

Kiến toàn hệ thống tổ chức làm công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình. Phát triển mạng lưới dịch vụ kế hoạch hoá gia đình đến tận cơ sở, nhất là nông thôn miền núi.

Hướng vào mục tiêu mỗi cặp vợ chồng chỉ có 1 hoặc 2 con, tỷ lệ tăng dân số dưới 1,8% vào năm 2000; tiến tới ổn định quy mô dân số trong nửa đầu thế kỷ sau.

- Đẩy lùi tệ nạn xã hội

Thực hiện đồng bộ các biện pháp giáo dục, kinh tế, hành chính và pháp luật để phòng, chống có hiệu quả các tệ nạn xã hội, nhất là tệ trộm cướp, cờ bạc, ma túy, mua bán dâm...

VII- QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Nhiệm vụ về quốc phòng và an ninh trong những năm tới là:

Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, từng bước tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh của đất nước, xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền An ninh nhân dân và thế trận An ninh nhân dân, nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang, bảo vệ vững chắc độc lập, an ninh, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa; ngăn ngừa và làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động gây mất ổn định chính trị xã hội, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, gây tổn hại cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước; ngăn chặn và trừng trị có hiệu quả mọi loại tội phạm, bảo đảm tốt trật tự, an toàn xã hội.

Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh trong tình hình mới, cần nắm vững *các tư tưởng chỉ đạo* sau đây:

- Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

- Kết hợp quốc phòng và an ninh với kinh tế.

- Gắn nhiệm vụ quốc phòng với nhiệm vụ an ninh, hai mặt có quan hệ khăng khít với nhau của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và chế độ xã hội chủ nghĩa; phối hợp chặt chẽ hoạt động quốc phòng và an ninh với hoạt động đối ngoại.

- Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn quân, toàn dân. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị để tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh; xây dựng lực lượng quân đội và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp chặt chẽ với thế trận An ninh nhân dân; quán triệt tư tưởng cách mạng tiến công, tích cực, chủ động, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá ta.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ Tổ quốc; thể chế hoá các chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và An ninh nhân dân. Tăng cường quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh.

- Thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và công an, đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng và an ninh.

VIII- CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI

Nhiệm vụ đối ngoại trong thời gian tới là củng cố môi trường hoà bình và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi hơn nữa để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá và đa dạng hoá các quan hệ đối ngoại với tinh thần Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển. Hợp tác nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, giải quyết các vấn đề tồn tại và các tranh chấp bằng thương lượng.

Ra sức tăng cường quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong tổ chức ASEAN, không ngừng củng cố quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, coi trọng quan hệ với các nước phát triển và các trung tâm kinh tế - chính trị trên thế giới, đồng thời luôn luôn nêu cao tinh thần đoàn kết anh em với các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh, với Phong trào Không liên kết.

Tăng cường hoạt động ở Liên hợp quốc, tổ chức các nước sử dụng tiếng Pháp, các tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế, tổ chức thương mại thế giới và các tổ chức quốc tế khác. Tích cực đóng góp cho hoạt động ở các diễn đàn quốc tế, tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu. Ủng hộ cuộc đấu tranh nhằm loại trừ hoàn toàn vũ khí hạt nhân và những phương tiện giết người hàng loạt khác.

Phát triển quan hệ với các đảng cộng sản và công nhân, các lực lượng cách mạng, độc lập dân tộc và tiến bộ; mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền và các đảng khác.

Mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân, quan hệ với các tổ chức phi chính phủ, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của nhân dân các nước, góp phần thúc đẩy xu thế hoà bình, hợp tác, phát triển.

IX- THỰC HIỆN ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC, PHÁT HUY VAI TRÒ LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN

Trong thời kỳ mới của công cuộc xây dựng đất nước, nhân dân ta càng có điều kiện mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng. Đoàn kết các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi người trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay đang định cư ở nước ngoài. Phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc, truyền thống yêu nước và lòng tự hào dân tộc vì mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, lấy mục tiêu đó làm điểm tương đồng, đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, cùng nhau xoá bỏ định kiến, mặc cảm, hướng tới tương lai, xây dựng tinh thần đại đoàn kết, cởi mở, tin cậy lẫn nhau.

Trong những năm tới, cần động viên mọi tiềm năng sáng tạo, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân nhằm đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội 1996 - 2000.

- Bằng các chính sách cụ thể đối với các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc trong nước, tạo ra những động lực mới thúc đẩy phong trào cách mạng của nhân dân

Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh về mọi mặt, phát triển về số lượng, giác ngộ về giai cấp, nâng cao trình độ học vấn và tay nghề, có năng lực ứng dụng và sáng tạo công nghệ mới, có tác phong công nghiệp và ý thức tổ chức, kỷ luật, lao động

đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao, làm nòng cốt trong việc xây dựng khối liên minh công nhân, nông dân, trí thức và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

Tạo thêm việc làm, cải thiện điều kiện lao động, thực hiện an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp, hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp. Tổ chức tốt việc đào tạo và đào tạo lại nghề nghiệp. Tiếp tục nghiên cứu bổ sung, hoàn chỉnh chính sách tiền công lao động và các chính sách bảo đảm về mặt xã hội. Tạo điều kiện cho công nhân có cổ phần trong các doanh nghiệp. Đẩy mạnh việc phát triển Đảng trong công nhân; quan tâm bồi dưỡng, đào tạo cán bộ xuất thân từ công nhân.

Đối với *giai cấp nông dân*, thực hiện tốt chính sách giao đất, khoán rừng; ngăn chặn và khắc phục tình trạng nông dân không có ruộng đất sản xuất; giúp đỡ về vốn, kỹ thuật, các dịch vụ cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm, phát triển công nghiệp chế biến và các nghề tiểu, thủ công. Phát triển tín dụng nông thôn, mở rộng việc cho nông dân nghèo vay vốn sản xuất, chống nạn cho vay nặng lãi, mua lúa non, buôn bán trái phép ruộng đất. Giúp đỡ nông dân phát triển các hình thức kinh tế hợp tác. Có chính sách bảo hộ sản xuất cho nông dân.

Đối với *tầng lớp trí thức*, tạo điều kiện thu nhận thông tin, tiếp cận với các thành tựu mới của khoa học và văn hoá thế giới, nâng cao kiến thức chuyên môn, trình độ chính trị; khuyến khích tự do sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; phổ biến các tác phẩm và công trình văn học nghệ thuật có giá trị; phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ xứng đáng các tài năng. Tổ chức tốt lực lượng cán bộ khoa học và văn hoá, nghệ thuật thực hiện các chương trình, đề tài nghiên cứu của Nhà nước. Phát huy vai trò của trí thức trong việc xây dựng luật pháp và chính sách.

Đối với *thanh niên*, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ở mọi cấp, mọi ngành. Coi trọng hơn nữa việc giáo dục, rèn luyện thế hệ trẻ về chính trị, tư tưởng, văn hoá, nghề nghiệp, đạo đức, lối sống. Quan tâm đào tạo nghề và giải quyết việc làm, đáp ứng nhu cầu học tập, lao động sáng tạo, hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể thao và giải trí lành mạnh cho thanh, thiếu niên. Tạo điều kiện cho Đoàn Thanh niên thực hiện tốt trách nhiệm đối với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Tạo môi trường xã hội lành mạnh, ngăn ngừa các tệ nạn xã hội và văn hoá phẩm độc hại. Chăm lo giáo dục, đào luyện thế hệ trẻ là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, các tổ chức trong hệ thống chính trị, của gia đình, nhà trường và của toàn xã hội. Nghiên cứu ban hành Luật thanh niên.

Đối với *phụ nữ*, xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đến năm 2000.

Đặc biệt coi trọng việc đào tạo nghề nghiệp, giúp đỡ chị em có việc làm, phát triển kinh tế gia đình, cải thiện đời sống, bảo vệ sức khoẻ của phụ nữ và trẻ em.

Quan tâm phát triển Đảng và đào tạo bồi dưỡng cán bộ nữ; tăng tỷ lệ cán bộ nữ trong cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước ở các cấp, các ngành.

Đối với *các nhà doanh nghiệp tư nhân*, thực thi chính sách bảo hộ sở hữu tài sản và vốn, khuyến khích đầu tư mở rộng sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh doanh, thực hiện tốt các nghĩa vụ mà luật pháp quy định.

Vấn đề *dân tộc* có vị trí chiến lược lớn. Thực hiện “bình đẳng, đoàn kết, tương trợ” giữa các dân tộc trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Xây dựng Luật dân tộc. Từ nay đến năm 2000, bằng nhiều biện pháp tích cực và vững chắc, thực hiện cho được 3 mục tiêu chủ yếu:

xoá được đói, giảm được nghèo, ổn định và cải thiện được đời sống, sức khoẻ của đồng bào các dân tộc, đồng bào vùng cao, vùng biên giới; xoá được mù chữ, nâng cao dân trí, tôn trọng và phát huy bản sắc văn hoá tốt đẹp của các dân tộc; xây dựng được cơ sở chính trị, đội ngũ cán bộ và đảng viên của các dân tộc ở các vùng, các cấp trong sạch và vững mạnh.

- Về tôn giáo, thi hành nhất quán chính sách tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào của công dân. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật.

Bảo đảm cho sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật Nhà nước. Nghiêm cấm việc xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước. Nhà nước chăm lo phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, giúp đỡ đồng bào có đạo xoá đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống, tham gia các công việc xã hội, từ thiện.

Đồng bào theo đạo và các vị chức sắc tôn giáo có nghĩa vụ làm tròn trách nhiệm công dân đối với Tổ quốc, sống “tốt đời đẹp đạo”.

- Đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, một bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta chủ trương bảo hộ quyền lợi chính đáng, giúp đỡ nâng cao ý thức cộng đồng, tăng cường đoàn kết tương trợ, giữ gìn bản sắc văn hoá và truyền thống dân tộc; tạo điều kiện thuận lợi cho kiều bào về thăm quê hương, giúp đỡ gia đình, đóng góp ngày càng nhiều hơn vào sự nghiệp xây dựng đất nước thông qua việc hợp tác với các ngành, các địa phương trong nước trên các lĩnh vực kinh tế, khoa học và công nghệ, văn hoá nghệ thuật...

- Xây dựng cơ chế cụ thể để thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước.

Thực hiện tốt các cơ chế làm chủ của nhân dân: làm chủ thông qua đại diện là các cơ quan dân cử và các đoàn thể; làm chủ trực tiếp bằng các hình thức nhân dân tự quản, bằng các quy ước, hương ước tại cơ sở phù hợp với luật pháp của Nhà nước.

Đảng và Nhà nước tiếp tục đổi mới phong cách, bảo đảm dân chủ trong quá trình chuẩn bị ra quyết định và thực hiện các quyết định.

- Tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

Củng cố, mở rộng tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, một tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của các đoàn thể chính trị - xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo. Mặt trận và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nơi phối hợp thống nhất hành động của các tầng lớp nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tham gia với Đảng và Nhà nước thực hiện và giám sát việc thực hiện dân chủ, chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân; bảo vệ Đảng và chính quyền, thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; góp phần tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Thực hiện thành nền nếp việc Đảng và Nhà nước cùng bàn bạc và tham khảo ý kiến của Mặt trận về những quyết định, chủ trương lớn.

Tổng Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh... cần tập hợp rộng rãi các hội viên, đoàn viên dưới nhiều hình thức tổ chức đa dạng; thực hiện tốt chức năng giáo dục, vận động quần chúng thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ cụ thể; chăm lo thiết thực lợi ích của hội viên, đoàn viên; đại diện cho tầng lớp mình tham gia công việc của Nhà nước. Hướng mạnh về cơ sở để phát triển tổ chức, củng cố sinh hoạt, xã hội hoá các hoạt động, đào tạo, bồi dưỡng rèn luyện cán bộ, khắc phục bệnh quan liêu, hành chính trong hoạt động của các đoàn thể. Nhà nước cần ban hành luật về lập hội và tạo điều kiện cần thiết cho hoạt động của các đoàn thể nhân dân.

- Mọi cán bộ, đảng viên đều phải làm công tác dân vận theo chức trách của mình. Mọi cấp bộ đảng chăm lo công tác dân vận, đổi mới phương thức lãnh đạo đối với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các hội quần chúng.

X- TIẾP TỤC CẢI CÁCH BỘ MÁY NHÀ NƯỚC, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Quán triệt các quan điểm cơ bản sau đây:

- Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân,

giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

- Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

- Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước.

- Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Để xây dựng, kiện toàn bộ máy nhà nước vững mạnh, trong sạch, có hiệu lực và hiệu quả, trong 5 năm tới, phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác lập pháp và giám sát tối cao của Quốc hội đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước

- *Về hoạt động lập pháp:* Ban hành các đạo luật cần thiết để điều chỉnh các lĩnh vực của đời sống xã hội. Ưu tiên xây dựng các luật về kinh tế, về các quyền công dân và các luật điều chỉnh công cuộc cải cách bộ máy nhà nước, các luật điều chỉnh các hoạt động văn hoá, thông tin. Coi trọng tổng kết thực tiễn Việt Nam, nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật, ban hành các văn bản luật với những quy định cụ thể, dễ hiểu, dễ thực hiện. Giảm dần các luật, pháp lệnh chỉ dừng lại ở những nguyên tắc chung, muốn thực hiện được phải có nhiều văn bản hướng dẫn thi hành.

- *Về hoạt động giám sát:* Nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội và hội đồng nhân dân. Xác định rõ phạm vi, nội dung, cơ chế giám sát của

Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội và của hội đồng nhân dân các cấp; phân định rõ tính chất, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác nhau giữa hoạt động giám sát của Quốc hội và hội đồng nhân dân với hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm sát của các cơ quan và tổ chức khác. Cùng với việc bảo đảm thực hiện các quyền khiếu nại, tố cáo của công dân, cần nghiên cứu, hướng dẫn để mọi công dân có điều kiện phát hiện, đề xuất, kiến nghị, giúp cho hoạt động giám sát có hiệu quả.

Cải cách nền hành chính nhà nước

Là trọng tâm của việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước trong những năm trước mắt, công cuộc cải cách hành chính phải dựa trên cơ sở pháp luật và tiến hành đồng bộ trên các mặt: cải cách thể chế hành chính, tổ chức bộ máy và xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức hành chính.

- *Về cải cách thể chế hành chính*: Thực hiện cải cách cơ bản các thủ tục hành chính, cả về thể chế và tổ chức thực hiện; loại bỏ những khâu bất hợp lý và phiền hà, ngăn chặn tệ cửa quyền, tham nhũng, hối lộ, vi phạm pháp luật.

- *Về tổ chức bộ máy*: Chấn chỉnh cơ cấu tổ chức, biên chế, quy chế hoạt động của bộ máy hành chính các cấp. Làm cho bộ máy tinh gọn, bảo đảm sự điều hành tập trung, thống nhất, thông suốt, có hiệu lực từ Chính phủ đến chính quyền địa phương, cơ sở; đồng thời phát huy tính chủ động, năng động của địa phương, cơ sở. Xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mỗi cấp chính quyền địa phương. Kiện toàn bộ máy chính quyền cấp huyện và cơ sở đủ sức quản lý, giải quyết kịp thời, đúng thẩm quyền những vấn đề cuộc sống đặt ra và nhân dân đòi hỏi.

- *Về đội ngũ cán bộ, công chức hành chính*: Xây dựng và ban hành văn bản pháp quy về chế độ công vụ và công chức.

Định rõ nghĩa vụ, trách nhiệm, thẩm quyền, quyền lợi và kỷ luật công chức hành chính. Quy định các chế độ đào tạo, tuyển dụng, sử dụng công chức. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước vừa có trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cao vừa giác ngộ về chính trị, có tinh thần trách nhiệm, tận tụy, công tâm, vừa có đạo đức liêm khiết khi thừa hành công vụ.

Cải cách tổ chức và hoạt động tư pháp

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật làm cơ sở cho tổ chức và hoạt động của hệ thống các cơ quan tư pháp, bảo đảm mọi vi phạm pháp luật đều phải xử lý, mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật.

- củng cố, kiện toàn bộ máy các cơ quan tư pháp. Phân định lại thẩm quyền xét xử của toà án nhân dân, từng bước mở rộng thẩm quyền xét xử sơ thẩm cho toà án nhân dân huyện. Đổi mới tổ chức, hoạt động của viện kiểm sát nhân dân, các cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án và các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp.

- Xây dựng đội ngũ thẩm phán, thư ký toà án, điều tra viên, kiểm sát viên, chấp hành viên, công chứng viên, giám định viên, luật sư... có phẩm chất chính trị và đạo đức chí công vô tư, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, bảo đảm cho bộ máy trong sạch, vững mạnh.

Đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng

Tiến hành đấu tranh kiên quyết, thường xuyên và có hiệu quả chống tệ tham nhũng trong bộ máy nhà nước, trong các ngành, các cấp từ trung ương đến cơ sở. Kết hợp những biện pháp cấp bách với những giải pháp có tầm chiến lược nhằm vừa hoàn thiện cơ chế, chính sách, kiện toàn

tổ chức, chấn chỉnh công tác quản lý, khắc phục sơ hở vừa xử lý nghiêm, kịp thời mọi vi phạm, tội phạm, huy động và phối hợp chặt chẽ mọi lực lượng đấu tranh nhằm ngăn chặn, đẩy lùi và loại trừ tệ tham nhũng.

Đấu tranh chống tham nhũng phải gắn với đấu tranh chống buôn lậu, lãng phí, quan liêu; tập trung vào các hành vi lợi dụng chức quyền tham ô, làm thất thoát tài sản nhà nước, nhận hối lộ; chú ý những lĩnh vực trọng điểm như đất đai, nhà ở, xây dựng cơ bản, hợp tác đầu tư, tài chính, ngân hàng, xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, hải quan, hoạt động tư pháp, quản lý tài sản công, quản lý vốn trong các doanh nghiệp nhà nước...

Phải làm tốt những việc sau đây:

1- Tiếp tục kiện toàn bộ máy nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường quản lý nhà nước. Thực hiện công khai và dân chủ trong phân bổ ngân sách, kinh phí, duyệt các chương trình, dự án đầu tư. Kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng, chi tiêu ngân sách nhà nước. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý vốn trong doanh nghiệp nhà nước, quản lý tài sản công trong cơ quan nhà nước. Hoàn thiện các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật; chấn chỉnh chế độ thống kê, kế toán, kiểm toán. Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương, bảo đảm cho công chức có thể sống bằng thu nhập từ tiền lương. Có kế hoạch triển khai việc kê khai thu nhập và nhà đất của công chức và cán bộ đảng từ trung ương đến các cấp.

2- Xử lý nghiêm minh, kịp thời các vụ tham nhũng ở mọi nơi, mọi cấp, đối với mọi cương vị.

3- Kiện toàn các cơ quan bảo vệ pháp luật, kiên quyết đưa ra khỏi ngành những cán bộ, nhân viên tham nhũng hoặc bao che, tiếp tay cho bọn tham nhũng, làm cho bộ máy thực sự trong sạch, vững mạnh.

4- Tăng cường giáo dục chính trị và phẩm chất, đạo đức cho cán bộ, đảng viên. Quản lý và kiểm tra chặt chẽ đảng viên cả ở nơi công tác và nơi cư trú để mỗi cán bộ, đảng viên, công chức ở bất cứ cương vị nào đều phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, không để đồng tiền cám dỗ sa vào tham nhũng dưới bất cứ hình thức hoặc mức độ nào.

5- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải gương mẫu không tham nhũng và phải chịu trách nhiệm về tệ tham nhũng trong cơ quan, đơn vị của mình. Lựa chọn người trong sạch, có bản lĩnh chính trị, có kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn tham gia công tác chống tham nhũng. Xây dựng cơ chế để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên, nhân dân phát hiện và tích cực tham gia chống tham nhũng; bảo vệ những người thật sự công tâm và kiên quyết chống tham nhũng, nghiêm trị những tổ chức và cá nhân bao che, tiếp tay cho bọn tham nhũng, đồng thời ngăn ngừa những hành vi lợi dụng chống tham nhũng để bôi xấu và phá rối nội bộ. Phát huy vai trò của các cơ quan thông tin đại chúng trong cuộc đấu tranh này.

Phần thứ tư

XÂY DỰNG ĐẢNG NGANG TÂM ĐÒI HỎI CỦA THỜI KỲ MỚI

Toàn bộ thành tựu và khuyết điểm của công cuộc đổi mới gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo và hoạt động của Đảng ta. Sự lãnh đạo và hoạt động của Đảng là một nhân tố quyết định tạo ra những thành tựu đổi mới. Đồng thời, chính trong quá trình lãnh đạo đổi mới mà Đảng ngày càng trưởng thành, nhận rõ hơn những mặt yếu kém của mình để có biện pháp khắc phục.

Thắng lợi của công cuộc đổi mới chứng tỏ: Đảng ta tiếp tục giữ vững và phát huy được bản lĩnh và kinh nghiệm của các thời kỳ trước, lãnh đạo có kết quả công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước trong những tình huống mới hết sức phức tạp.

Nhìn một cách tổng quát, trong 10 năm qua, công tác xây dựng Đảng đạt được những thành tựu sau đây:

- Đảng đã đề ra và từng bước bổ sung, hoàn thiện dần đường lối đổi mới một cách đúng đắn, sáng tạo, hình thành ngày càng rõ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Ở những bước ngoặt của cách mạng, trước những diễn biến phức tạp của tình hình, Đảng kịp thời có định hướng tư tưởng chính trị đúng đắn, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, chống những luận điệu thù địch, tạo cơ sở cho sự thống nhất tư tưởng trong toàn Đảng và trong nhân dân.

- Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Có tiến bộ về thực hiện dân chủ trong Đảng và lãnh đạo thực hiện dân chủ trong xã hội, phát huy trí tuệ của tập thể, sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân.

- Đã có chủ trương và biện pháp đổi mới, chỉnh đốn Đảng gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, kiện toàn hệ thống chính trị. Đổi mới một bước tổ chức và cán bộ, nâng cao trình độ và sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên; ngăn chặn được sự sa sút, yếu kém của nhiều tổ chức cơ sở đảng; bước đầu cải tiến phương thức lãnh đạo và phong cách công tác. Công tác kiểm tra việc chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, kiểm tra việc giữ gìn phẩm chất, đạo đức

cách mạng của cán bộ, đảng viên và việc xử lý kỷ luật đảng có tiền bộ.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng vừa qua còn nhiều khuyết điểm. Hiện nay, đang nổi lên một số vấn đề lớn:

- Trong điều kiện cơ chế thị trường, kinh tế nhiều thành phần, mở cửa với bên ngoài, cán bộ, đảng viên hằng ngày, hằng giờ chịu sự tác động của nhiều nhân tố rất phức tạp, kể cả những hoạt động chống phá Đảng, vấn đề giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng đứng trước những thách thức mới. Song, Đảng thiếu sự chuẩn bị đầy đủ cho bước chuyển này, chưa chú ý đúng mức vấn đề giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị và đạo đức đối với cán bộ, đảng viên. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng bản thân, phai nhạt lý tưởng, mất cảnh giác, giảm sút ý chí, kém ý thức tổ chức kỷ luật, sa đọa về đạo đức và lối sống. Một số thoái hoá về chính trị, tuy rất ít nhưng hoạt động của họ gây hậu quả hết sức xấu.

- Trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo của Đảng có mặt chưa theo kịp yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Còn nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn chưa được làm sáng tỏ.

- Tổ chức cơ sở đảng ở nhiều nơi yếu kém, có nơi tê liệt; phương thức lãnh đạo và sinh hoạt lúng túng, có tình trạng vừa kém dân chủ vừa thiếu kỷ luật, kỷ cương. Một số cán bộ và cấp uỷ chưa tôn trọng và thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; bệnh quan liêu, độc đoán, cục bộ, địa phương, kèn cựa, địa vị, cá nhân chủ nghĩa rất nặng. Không ít nơi nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng.

- Công tác kiểm tra việc chấp hành đường lối, quan điểm, chỉ thị, nghị quyết của Đảng chưa được chú trọng.

Để thực hiện những mục tiêu và nhiệm vụ mà Đại hội VIII nêu ra, Đảng ta phải tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao

hơn nữa sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của mình, khắc phục cho được các khuyết điểm, các biểu hiện tiêu cực và yếu kém. Đảng phải mạnh từ trung ương đến cơ sở, ở tất cả các cấp, các ngành.

Trong công tác xây dựng Đảng, phải thường xuyên nắm vững và tập trung làm tốt những điều cơ bản sau đây:

1. Giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng

Đây là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng hàng đầu đối với Đảng ta. Trong điều kiện hiện nay, giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng là phải:

- Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong bất kỳ tình huống khó khăn nào cũng không dao động, xa rời mục tiêu đó.

- Kiên định và vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất phát đầy đủ từ thực tiễn Việt Nam, trên cơ sở đó xây dựng đường lối, chủ trương và các chính sách đúng đắn.

- Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thường xuyên tự phê bình và phê bình, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

- Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng lập trường, quan điểm, ý thức tổ chức của giai cấp công nhân; xây dựng đội ngũ cán bộ và đảng viên theo quan điểm của giai cấp công nhân.

- củng cố mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Chăm lo đời sống, thực sự phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- Trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Trong toàn bộ tiến trình cách mạng, lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích dân tộc. Đảng đại biểu cho lợi ích giai cấp công nhân đồng thời đại biểu cho lợi ích toàn dân tộc. Sức mạnh của Đảng là ở sự kết hợp nhuần nhuyễn hệ tư tưởng tiên tiến của giai cấp công nhân với khí phách, tinh hoa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc và điều này tập trung thể hiện sáng ngời ở tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực cán bộ, đảng viên

Căn cứ vào Cương lĩnh và các nghị quyết của Đảng, thường xuyên bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên đường lối, chủ trương của Đảng, các vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, những kiến thức mới của thời đại, bảo đảm sự thống nhất về chính trị và tư tưởng trong toàn Đảng.

Công tác lý luận trước hết hướng vào những vấn đề do cuộc sống đặt ra, làm rõ căn cứ khoa học của các giải pháp, dự báo các xu hướng phát triển, góp phần bổ sung, hoàn thiện đường lối của Đảng, làm cho ngày càng sáng tỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Mọi cán bộ, đảng viên, trước hết là các cán bộ lãnh đạo chủ chốt, phải có kế hoạch thường xuyên học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn. Học tập là nghĩa vụ bắt buộc đối với mọi cán bộ, đảng viên và phải được quy định thành chế độ. Lười học tập, lười suy nghĩ, không thường xuyên tiếp nhận những thông tin mới, những hiểu biết mới, cũng là biểu hiện của sự thoái hoá.

Uốn nắn những nhận thức lệch lạc, những quan điểm mơ hồ, những biểu hiện dao động về tư tưởng, suy giảm niềm tin vào chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng. Phê phán và

bác bỏ những quan điểm sai trái, thù địch. Đảng viên có quyền được phát biểu ý kiến trong tổ chức, được bảo lưu ý kiến, nhưng phải chấp hành nghị quyết của Đảng, không được truyền bá những quan điểm trái với quan điểm, đường lối của Đảng, không được làm lộ bí mật của Đảng và của Nhà nước. Tổ chức đảng cần quản lý, có biện pháp xử lý kịp thời đối với những đảng viên vi phạm nguyên tắc đảng hoặc lợi dụng dân chủ để tuyên truyền chống Đảng.

Khắc phục tình trạng một bộ phận cán bộ, đảng viên sa sút phẩm chất đạo đức. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu tự rèn luyện, tự phấn đấu nâng cao đạo đức cách mạng “cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư”, khắc phục chủ nghĩa cá nhân. Không được lợi dụng việc luật pháp chưa đồng bộ hoặc cơ chế, chính sách còn những chỗ sơ hở để làm ăn bất chính, đục khoét của công. Các tổ chức đảng phải thường xuyên giáo dục, rèn luyện, quản lý đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ cao cấp. Xác định rõ những việc liên quan đến kinh doanh tư nhân, đến việc làm cho người nước ngoài mà công chức không được phép làm; quy định chặt chẽ việc nhận quà biếu, tiếp khách; quy định chế độ cán bộ, công chức, đảng viên, trước hết là những người giữ cương vị lãnh đạo chủ chốt ở các cấp, phải báo cáo và chịu sự kiểm tra về thu nhập, về tài sản. Những người giàu lên một cách bất thường phải có sự kiểm tra của tổ chức đảng. Quy định trách nhiệm của những cán bộ, đảng viên có vợ, chồng và con làm ăn phi pháp; định rõ những hoạt động kinh doanh mà vợ, chồng, con của cán bộ lãnh đạo chủ chốt đương chức ở trung ương và địa phương không được phép làm. Đảng viên không làm hoặc mượn danh nghĩa người thân để làm kinh tế tư bản tư nhân.

Xử lý kịp thời và nghiêm minh những cán bộ, đảng viên thoái hoá, biến chất, bất kể là ai, ở cương vị nào.

3. Củng cố Đảng về tổ chức, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ

Có quy định cụ thể bảo đảm cho mọi đảng viên được thảo luận và tham gia quyết định các chủ trương công tác của tổ chức đảng; thiếu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Ban Chấp hành Trung ương và Đại hội toàn quốc của Đảng. Những quyết định thuộc thẩm quyền của tập thể phải biểu quyết theo đa số; mọi thành viên phải chấp hành quyết định của tập thể.

Đảng viên, cán bộ phải rèn luyện tính tổ chức, tính kỷ luật, tự giác đặt mình trong sự quản lý của chi bộ, tham gia đầy đủ sinh hoạt chi bộ, tuân thủ kỷ luật của Đảng. Không để một đảng viên nào đứng ngoài sự quản lý của tổ chức.

Thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình; chống cách làm hình thức, chiếu lệ, không sửa chữa khuyết điểm. Nghiêm cấm hiện tượng trấn áp, trù dập người phê bình cũng như hiện tượng lợi dụng phê bình để vu cáo, đả kích cá nhân, gây rối nội bộ.

Mọi hoạt động vô tổ chức, vô kỷ luật, không chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, gây chia rẽ bè phái trong Đảng đều phải bị xử lý nghiêm minh.

Tiếp tục cải tiến bộ máy đảng, nhà nước và đoàn thể theo hướng tinh giản và nâng cao hiệu quả; xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa các tổ chức, kiện toàn các cấp uỷ đảng, giải quyết các mối quan hệ và nâng cao chất lượng hoạt động của các ban đảng, các đảng đoàn, ban cán sự, đảng uỷ khối, đảng uỷ cơ quan.

Đoàn kết thống nhất trong Đảng, trước hết là ở cơ quan lãnh đạo, có ý nghĩa quyết định sự thành công của cách mạng. Cán bộ, đảng viên giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng trên cơ sở đường lối chính trị, nguyên tắc tổ chức và tình thương yêu đồng chí. Tập trung sức giải quyết cho được tình trạng mất đoàn kết nghiêm trọng ở một số ngành và địa phương, phân tích đúng nguyên nhân, có biện pháp giải quyết phù hợp. Đặc biệt cần:

- Bố trí đúng người đứng đầu tổ chức đảng và cơ quan chính quyền cùng cấp;
- Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ;
- Có quy chế công tác rõ ràng, chặt chẽ, nhất là về công tác cán bộ;
- Thường xuyên tự phê bình và phê bình; đấu tranh chống kèn cựa địa vị, cơ hội, cục bộ, bản vị, bè phái;
- Bồi dưỡng tình thương yêu đồng chí, tôn trọng lẫn nhau;
- Phát hiện sớm hiện tượng mất đoàn kết, tập trung giải quyết và xử lý dứt điểm.

Không đồng nhất việc trong Đảng có những ý kiến khác nhau khi thảo luận, tranh luận trong tổ chức với tình trạng mất đoàn kết. Trước sự phát triển của cách mạng, có nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn rất phức tạp, chưa sáng tỏ, trong Đảng cần có sự thảo luận, tranh luận. Mọi cán bộ, đảng viên phải biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của nhau, thật sự vì chân lý, lẽ phải. Đồng thời không “đoàn kết” hình thức, một chiều, nể nang, không dám đấu tranh.

4. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ

Tình hình và nhiệm vụ mới đặt ra rất nhiều yêu cầu cho công tác cán bộ. Toàn Đảng phải hết sức chăm lo xây dựng thật tốt đội ngũ cán bộ, chú trọng đội ngũ cán bộ kế cận

vững vàng, đủ bản lĩnh về các mặt. Sớm xây dựng chiến lược cán bộ của thời kỳ mới.

Đảng phải lo cán bộ cho cả hệ thống chính trị, trên tất cả các lĩnh vực. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên hệ thống chính trị trong công tác cán bộ. Bảo đảm nguyên tắc tập thể, dân chủ đi đôi với phát huy trách nhiệm cá nhân trong công tác cán bộ.

Trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn, thực hiện trẻ hoá đội ngũ cán bộ đồng thời kết hợp tốt các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, tính phát triển trong đội ngũ cán bộ. Có chính sách đoàn kết, tập hợp rộng rãi các loại cán bộ, trọng dụng mọi nhân tài của đất nước, trong Đảng và ngoài Đảng.

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ toàn diện cả về lý luận chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn và năng lực thực tiễn. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cả cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, các nhà doanh nghiệp và các chuyên gia, trước hết là đội ngũ cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị; coi trọng cả đức và tài, đức là gốc. Việc học tập của cán bộ phải được quy định thành chế độ và phải được thực hiện nghiêm ngặt. Mọi cán bộ phải thường xuyên nâng cao trình độ mọi mặt, rèn luyện, trau dồi phẩm chất chính trị, lòng trung thành với lý tưởng cách mạng, ý chí kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, ý thức tổ chức kỷ luật, gương mẫu trong đạo đức và lối sống, kết hợp hài hoà giữa lợi ích cá nhân và lợi ích chung, khi lợi ích cá nhân mâu thuẫn với lợi ích chung thì phải biết đặt lợi ích chung lên trên hết, trước hết.

Chăm lo tạo nguồn cán bộ trong phong trào thực tiễn và ngay từ trong các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề.

Coi trọng bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cho thế hệ trẻ.

Đổi mới quan niệm và phương pháp đánh giá, bố trí cán bộ, bảo đảm thật sự dân chủ, với một quy trình chặt chẽ. Mỗi cấp uỷ cần có biện pháp quản lý và nắm chắc quá trình phát triển của cán bộ. Đánh giá, nhận xét cán bộ phải căn cứ vào những việc làm cụ thể của mỗi người cả ưu điểm và khuyết điểm, trong từng thời gian nhất định. Những nhận xét, kết luận về cán bộ, mọi công việc về nhân sự nhất thiết phải do tập thể có thẩm quyền quyết định. Khắc phục cách làm đơn giản, thành kiến, thiếu công tâm, dân chủ hình thức.

Bố trí và sử dụng cán bộ phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn và sở trường. Đề bạt, bổ nhiệm đúng lúc, giao việc đúng tầm, thay thế kịp thời khi cần thiết. Xây dựng quy chế bầu cử có nhiệm kỳ, bổ nhiệm có thời hạn. Có chế độ cho cán bộ được từ chức hoặc rút chức để nhận công việc thích hợp.

Xây dựng quy chế tuyển chọn cán bộ, tuyển chọn nhân tài.

Có chính sách sử dụng đúng đắn, chính sách tiền lương và đãi ngộ hợp lý đối với các loại cán bộ. Khắc phục tình trạng không muốn công tác ở cơ quan đảng, đoàn thể, tình trạng “chảy chất xám” của khu vực nhà nước. Có biện pháp tích cực và chủ động bảo vệ cán bộ, không để cán bộ bị các thế lực đen tối mua chuộc, lôi kéo, khống chế hoặc bôi nhọ.

5. Nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng

Khảo sát kỹ từng loại tổ chức cơ sở đảng, đánh giá đúng thực trạng và nguyên nhân để có biện pháp đổi mới, chỉnh đốn phù hợp. Bảo đảm cho mỗi loại hình hoạt động theo đúng chức năng và nhiệm vụ của mình.

Phát huy kết quả và kinh nghiệm của việc thực hiện Nghị quyết Trung ương ba (Khoá VII), chỉ đạo tốt cuộc vận động xây dựng cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh; chấn chỉnh các cơ sở yếu kém; khắc phục sự buông lỏng công tác đảng. Những nơi nội bộ mất đoàn kết, cán bộ chủ chốt có nhiều biểu hiện tiêu cực thì cấp trên phải chỉ đạo, giúp đỡ trực tiếp. Tạo ra một bước chuyển biến mới của các cơ sở đảng vùng đồng bào tôn giáo, dân tộc.

Hướng chủ yếu củng cố, chỉnh đốn các tổ chức cơ sở đảng là phải làm cho các cơ sở này quán triệt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đề ra được chủ trương, giải pháp đúng và lãnh đạo tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ của đơn vị, phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo, cải thiện đời sống của người lao động, chống tham nhũng, ức hiếp quần chúng, lãnh đạo giải quyết những nguyện vọng chính đáng, thiết thực, bức xúc của nhân dân. Chấn chỉnh và cải tiến sinh hoạt Đảng; có quy định chặt chẽ đối với những trường hợp đảng viên đi công tác, làm việc lưu động ở nơi xa, ở nước ngoài. Thực hiện có nền nếp việc quản lý đảng viên.

Ở các doanh nghiệp tư nhân, các cơ sở liên doanh với nước ngoài, những nơi chưa có hoặc có ít đảng viên phải đi từ việc xây dựng các đoàn thể, tập hợp và giáo dục quần chúng, phát triển đoàn viên, hội viên, đảng viên, tiến tới xây dựng các tổ đảng và chi bộ đảng. Sớm có quy định hướng dẫn hoạt động của các tổ chức đảng ở khu vực này.

Dành kinh phí thoả đáng cho việc đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ cán bộ cơ sở; chú ý kiện toàn và tăng cường đội ngũ cốt cán.

Các tổ chức cơ sở đảng phải động viên và tổ chức nhân dân thường xuyên tham gia xây dựng Đảng: đóng góp ý kiến xây dựng các nghị quyết của Đảng; giám sát, phê bình cán bộ,

đảng viên; giới thiệu những người xứng đáng để kết nạp vào Đảng, bầu vào các cấp uỷ và chính quyền; giúp tổ chức đảng làm tốt công tác kiểm tra, phát hiện, đấu tranh với những hành vi tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn khác...

Đổi mới cách phân công, tạo điều kiện để mọi đảng viên đều gắn với nhiệm vụ cụ thể. Đối với những đồng chí già yếu, cán bộ nghỉ hưu, phải chăm lo giúp đỡ bảo đảm đời sống và tạo điều kiện để các đồng chí đó tiếp tục phát huy khả năng và kinh nghiệm đóng góp cho công việc chung.

Đẩy mạnh công tác phát triển đảng, bảo đảm tiêu chuẩn và chất lượng. Bồi dưỡng, giáo dục thanh niên, tạo nguồn phát triển Đảng.

6. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị; đề ra đường lối, chính sách xây dựng và bảo vệ đất nước; nắm vững tổ chức và cán bộ để bảo đảm thực hiện có kết quả đường lối của Đảng. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng chứ không chỉ thông qua cá nhân đảng viên; lãnh đạo bằng các quyết định của tập thể và bằng cách theo dõi, cho ý kiến chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện, khuyến khích những mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc. Đảng lãnh đạo phát huy mạnh mẽ vai trò và hiệu lực của Nhà nước chứ không điều hành thay Nhà nước. Đảng và mọi đảng viên đều hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và chịu trách nhiệm về các hoạt động của mình.

Đảng đoàn, ban cán sự đảng trong các cơ quan nhà nước và đoàn thể chịu trách nhiệm trước cấp uỷ về quán triệt đường lối, chính sách của Đảng trong hoạt động của các cơ quan và đoàn thể đó; phối hợp với đảng uỷ khối và cấp uỷ đảng địa phương trong công tác xây dựng Đảng ở các cơ sở thuộc ngành mình quản lý.

Đảng uỷ, đảng đoàn, ban cán sự đảng làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, có chế độ sinh hoạt định kỳ với nội dung rõ ràng, không lẫn lộn với sinh hoạt của chính quyền.

7. Đổi mới công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng

Công tác kiểm tra có vị trí cực kỳ quan trọng trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo của Đảng. Kiểm tra và giữ gìn kỷ luật của Đảng là nhiệm vụ của toàn Đảng.

Nội dung kiểm tra bao gồm việc kiểm tra chấp hành đường lối, chính sách và nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng của đảng viên. Thông qua kiểm tra mà phát huy ưu điểm, phát hiện nhân tố mới, khắc phục khuyết điểm, bổ sung, phát triển hoặc điều chỉnh chủ trương, chính sách, xử lý sai phạm.

Các tổ chức đảng, trước hết là các cấp uỷ đảng, Bộ Chính trị và các ban thường vụ cấp uỷ, cần tự mình tiến hành kiểm tra và sử dụng các ban để tổ chức thường xuyên việc kiểm tra.

Công tác kiểm tra kỷ luật phải có chương trình, kế hoạch, có trọng tâm trọng điểm; phải kết hợp chặt chẽ với công tác thanh tra của Nhà nước, thanh tra nhân dân để có kết luận rõ ràng và có chủ trương xử lý đúng đắn, nhất là đối với những đảng viên vi phạm pháp luật.

Củng cố, kiện toàn bộ máy kiểm tra các cấp, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ kiểm tra về đường lối, quan điểm, pháp luật, kinh tế, về nghiệp vụ và phong cách làm việc. Xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra có phẩm chất chính trị tốt, công tâm, trong sạch, đủ năng lực, kể cả năng lực kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng.

Đặc biệt coi trọng làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

*

* *

Kính thưa Đại hội,

Thưa các đồng chí và các bạn,

Đại hội VIII của Đảng là Đại hội tiếp tục đổi mới theo con đường xã hội chủ nghĩa. Những phương hướng và nhiệm vụ nêu trên đây là sự cụ thể hoá và phát triển hơn nữa đường lối đổi mới được xác định qua các Đại hội VI và Đại hội VII của Đảng. Thực hiện thắng lợi những phương hướng, nhiệm vụ này là cách tốt nhất để chuẩn bị hành trang cho dân tộc ta vững bước đi vào thế kỷ XXI, vượt qua đói nghèo, tạo đà cho những bước tiến lớn hơn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đoàn kết một lòng, phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc, trí tuệ và bản lĩnh của con người Việt Nam, nêu cao ý chí độc lập tự chủ, tự lực tự cường, nắm chắc thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, khắc phục mọi khó khăn thử thách, quyết tâm đưa những nghị quyết của Đại hội VIII vào cuộc sống, thực hiện thắng lợi sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 1996 - 2000

(Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
khoá VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc
lần thứ VIII của Đảng)

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM 1991 - 1995

Bước vào thập kỷ 90, công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng; tuy nhiên nền kinh tế tăng trưởng chậm, chưa ổn định và còn suy thoái trong một số lĩnh vực. Mặt khác, tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp. Đất nước ta vẫn trong tình thế còn nhiều khó khăn, thử thách gay gắt.

Đại hội lần thứ VII của Đảng đã đề ra mục tiêu tổng quát của 5 năm 1991 - 1995 là: *vượt qua khó khăn, thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng.*

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, với cố gắng to lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân, nền kinh tế nước ta không những đứng vững trước những thử thách gay gắt mà

còn đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Tuy nhiên, tình hình kinh tế, xã hội vẫn còn nhiều mặt yếu kém.

I- NHỮNG MẶT LÀM ĐƯỢC

1. Nền kinh tế đã khắc phục được tình trạng trì trệ, suy thoái; đạt mức tăng trưởng khá cao, liên tục và tương đối toàn diện; thực hiện vượt mức hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1991 - 1995

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng bình quân hàng năm 8,2% (kế hoạch là 5,5 - 6,5%).

Công nghiệp tăng bình quân hàng năm 13,3% (kế hoạch là 7,5 - 8,5%). Một số ngành có mức tăng cao: năm 1995 so với năm 1990, công nghiệp nhiên liệu (kể cả dầu, khí) gấp 3,2 lần, điện gấp 1,6 lần, vật liệu xây dựng gấp 2,7 lần, chế biến thực phẩm gấp 1,9 lần...

Nông nghiệp tăng bình quân hàng năm 4,5% (mức đề ra 3,7 - 4,5%). Sản lượng lương thực 5 năm qua tăng 26% so với 5 năm trước đó, tạo điều kiện cơ bản để ổn định đời sống nhân dân, phát triển ngành nghề, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Nuôi trồng và đánh bắt thủy, hải sản tăng khá; kim ngạch xuất khẩu thủy, hải sản năm 1995 gấp 3 lần năm 1990. Tỷ lệ đất có rừng che phủ bất đầu tăng nhờ đẩy mạnh trồng, khoanh nuôi và bảo vệ rừng, hạn chế khai thác gỗ.

Các ngành dịch vụ năm 1995 tăng 80% so với năm 1990 (bình quân hàng năm tăng 12%). Giao thông vận tải có chuyển biến tiến bộ, vận tải hàng hóa tăng 62%; viễn thông phát triển nhanh, doanh thu bưu điện và doanh thu du lịch

đều gấp 10 lần; thị trường hàng hoá trong nước phát triển, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội về số lượng, chất lượng, chủng loại.

Lĩnh vực tài chính, tiền tệ đạt tiến bộ đáng kể, nổi bật nhất là đã chặn được nạn lạm phát cao, từng bước đẩy lùi lạm phát. Chỉ số giá hàng tiêu dùng và dịch vụ giảm từ 67,4% năm 1991 xuống còn 17,5% năm 1992; 5,2% năm 1993; 14,4% năm 1994 và 12,7% năm 1995.

Đã hình thành được hệ thống thuế áp dụng thống nhất cho các thành phần kinh tế, nâng dần tỷ lệ động viên thuế và phí trong GDP, tạo thành nguồn thu chính của ngân sách nhà nước, bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên và tăng dần phần dành cho đầu tư phát triển. Tỷ lệ thiếu hụt ngân sách đã được kiềm chế; chấm dứt việc phát hành tiền để bù đắp bội chi, thay bằng vay của dân, của nước ngoài.

Trong lĩnh vực tiền tệ, tín dụng, đã phân định chức năng quản lý nhà nước của ngân hàng nhà nước và chức năng kinh doanh của ngân hàng thương mại. Việc điều hoà lưu thông tiền tệ, ổn định giá trị đồng tiền Việt Nam, quản lý ngoại hối, xây dựng thị trường hối đoái hợp pháp và các hoạt động tín dụng, thanh toán đều có bước tiến.

Quy mô đầu tư phát triển toàn xã hội tăng khá. Trong 5 năm, ước tính vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 18 tỉ USD (theo mặt bằng giá 1995), trong đó phần của Nhà nước chiếm 43% (bao gồm cả đầu tư qua ngân sách, tín dụng nhà nước và doanh nghiệp nhà nước tự đầu tư), đầu tư của nhân dân chiếm trên 30%, đầu tư trực tiếp của nước ngoài chiếm 27%. Đối với các doanh nghiệp nhà nước, đã chuyển mạnh từ hình thức ngân sách cấp phát có tính chất bao cấp sang hình thức tín dụng đầu tư, mở rộng liên doanh liên kết, vay vốn trong nước và ngoài nước... Đã tập trung nhiều hơn

vốn đầu tư của ngân sách nhà nước cho hạ tầng kinh tế, xã hội. Vốn đầu tư của dân phát triển ở cả nông thôn và thành thị. Tốc độ thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài trong 5 năm qua tăng bình quân hàng năm 50%; phần vốn được thực hiện đạt khoảng 1/3 tổng số vốn đăng ký theo dự án.

Những kết quả về đầu tư phát triển đã làm tăng năng lực sản xuất trong nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, đưa vào hoạt động một số công trình quan trọng của nền kinh tế, nhất là giao thông, thủy lợi, dầu khí, thép, xi măng và các cơ sở du lịch, dịch vụ.

2. Cơ cấu kinh tế theo ngành và vùng đã bắt đầu chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá; hình thành nền kinh tế nhiều thành phần

Cơ cấu ngành:

Trong GDP, nông, lâm, ngư nghiệp tăng khá về số tuyệt đối, nhưng tỷ trọng giảm từ 38,7% năm 1990 xuống 29% năm 1995; công nghiệp và xây dựng từ 22,6% tăng lên 29,1%; dịch vụ từ 38,6% tăng lên 41,9%. Cơ cấu sản xuất của nông nghiệp, công nghiệp cũng có những thay đổi theo hướng có hiệu quả hơn; các ngành dịch vụ phát triển đa dạng.

Cơ cấu vùng kinh tế:

Cơ cấu vùng đang hình thành từng bước theo quy hoạch kinh tế - xã hội của các địa phương, các đô thị, các địa bàn lãnh thổ, đặc biệt là các vùng kinh tế trọng điểm. Các khu công nghiệp, khu chế xuất đang được xây dựng. Một số địa bàn kinh tế, đặc biệt là một số thành phố lớn, phát huy lợi thế của mình đã đẩy mạnh đầu tư, đạt nhịp độ tăng trưởng cao. Một số vùng nông thôn đã có bước phát triển nhanh nhờ chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng khai thác lợi thế so sánh, gắn với thị trường.

Cơ cấu thành phần kinh tế:

Khu vực kinh tế nhà nước chiếm vị trí quan trọng trong nền kinh tế, đảm nhận các khâu then chốt và các lĩnh vực trọng yếu, nhất là trong công nghiệp, cơ sở hạ tầng và tài chính, tín dụng. Nhiều doanh nghiệp nhà nước đã tiếp cận thị trường, đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, hoạt động có hiệu quả hơn trước.

Các hợp tác xã trong các lĩnh vực nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, mua bán, tín dụng trong thời kỳ đầu chuyển sang cơ chế mới, do nhiều nguyên nhân, bị suy giảm mạnh. Đến nay một số ít đã đổi mới tổ chức, quy mô và phương thức hoạt động, khôi phục và phát triển sản xuất, kinh doanh. Đã xuất hiện các hình thức kinh tế hợp tác kiểu mới, tuy chưa phổ biến.

Kinh tế cá thể, tiểu chủ phát triển nhanh trong nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ, đã góp phần quan trọng vào các thành tựu kinh tế - xã hội.

Kinh tế tư bản tư nhân trong nước bước đầu phát triển, tập trung phần lớn vào lĩnh vực thương mại, dịch vụ và kinh doanh bất động sản; đầu tư vào sản xuất còn ít. Các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa là chủ yếu, có một số doanh nghiệp quy mô tương đối lớn, sử dụng nhiều lao động.

Kinh tế tư bản nhà nước bao gồm các hình thức liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản tư nhân trong nước và với tư bản nước ngoài đang phát triển. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã bắt đầu đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế, tăng thêm kim ngạch xuất khẩu, tạo nhiều việc làm trực tiếp và gián tiếp.

3. Kinh tế đối ngoại phát triển trên nhiều mặt; thị trường xuất, nhập khẩu được củng cố và mở rộng; nguồn vốn đầu tư của nước ngoài tăng nhanh

Trong 5 năm (1991 - 1995) tổng kim ngạch *xuất khẩu* đạt trên 17 tỉ USD (kế hoạch là 12 - 15 tỉ USD), bảo đảm nhập các loại vật tư, thiết bị và hàng hoá đáp ứng nhu cầu của sản xuất và đời sống, góp phần cải thiện cán cân thanh toán thương mại. Trong cơ cấu hàng xuất khẩu đã có thêm một số mặt hàng chế biến và tăng số mặt hàng có khối lượng xuất khẩu lớn như dầu thô, gạo, cà phê, hải sản, may mặc...

Tổng kim ngạch nhập khẩu trên 21 tỉ USD, kể cả phần nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; tỷ trọng nhập khẩu vật tư, thiết bị tăng lên, đáp ứng được nhu cầu phát triển. Quan hệ mậu dịch đã mở rộng với trên 100 nước và tiếp cận nhiều thị trường mới.

Nhà nước đã mở rộng quyền xuất, nhập khẩu cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, ban hành một số chính sách khuyến khích xuất khẩu...

Vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) tăng nhanh, đến cuối năm 1995, các dự án được cấp giấy phép đạt trên 19 tỉ USD vốn đăng ký. Tỷ trọng đầu tư vào công nghiệp chiếm 40% tổng số vốn theo dự án (nếu kể cả dầu, khí thì chiếm trên 60%), trong đó hơn 60% là đầu tư chiều sâu. Địa bàn đầu tư phân bố rộng hơn trên các vùng lãnh thổ. Hình thức đầu tư chủ yếu là xí nghiệp liên doanh, chiếm trên 65% tổng số vốn; xí nghiệp 100% vốn nước ngoài chiếm gần 18%; hợp đồng hợp tác kinh doanh chiếm gần 17%. Nhà nước đã bổ sung, hoàn thiện từng bước khuôn khổ pháp lý cho đầu tư nước ngoài.

Mối quan hệ hợp tác phát triển đã được khôi phục, khai thông và mở rộng với nhiều nước và các tổ chức tài chính quốc tế; cơ chế thu hút nguồn tài trợ phát triển song phương

và đa phương đã được thiết lập. Nguồn tài trợ phát triển chính thức (ODA) tăng dần lên trong những năm gần đây và được tập trung chủ yếu cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội.

4. Khoa học và công nghệ có bước phát triển mới

Đã tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới và phát triển của nước ta, phục vụ cho việc xây dựng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Về khoa học tự nhiên và công nghệ, đã chú trọng hơn việc nghiên cứu ứng dụng, tập trung vào những lĩnh vực công nghệ ưu tiên như vật liệu mới, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin... Việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tiến bộ vào sản xuất, kinh doanh được đẩy mạnh hơn trước.

5. Lĩnh vực văn hoá - xã hội có chuyển biến tích cực, đời sống nhân dân được cải thiện một bước

Công tác giáo dục và đào tạo có bước phát triển mới, sau một số năm giảm sút. Tỷ lệ người biết chữ trong dân đã nâng lên đạt mức 90%; tỷ lệ trẻ em đi học trong độ tuổi phổ cập tiểu học và số học sinh phổ thông các cấp học đều tăng; tỷ lệ lưu ban, bỏ học giảm. Mạng lưới trường phổ thông mở rộng đến khắp các xã, phường; cơ sở vật chất được cải thiện. Các tỉnh và nhiều huyện miền núi có trường nội trú cho con em người dân tộc. Hình thức trường chuyên, lớp chọn phát triển ở nhiều địa phương. Nhiều trường bán công và dân lập ra đời, hoạt động có hiệu quả.

Các trường, lớp dạy nghề phát triển dưới nhiều hình thức. Hệ thống giáo dục đại học, trung học chuyên nghiệp mở rộng hơn trước cả về quy mô, ngành nghề và loại hình đào tạo.

Các trường đại học và cao đẳng đang được sắp xếp lại; các trung tâm đại học quốc gia ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và ba trung tâm đại học khu vực đang hình thành.

Công tác thông tin đại chúng, các hoạt động văn hoá, nghệ thuật phát triển phong phú cả về thể loại, hình thức và nội dung, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin và hưởng thụ văn hoá của các tầng lớp nhân dân, góp phần tích cực trong công tác tuyên truyền, giáo dục, đặc biệt là giáo dục truyền thống cách mạng, đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực, đẩy lùi ảnh hưởng văn hoá độc hại. Diện phủ sóng truyền thanh, truyền hình được mở rộng, chất lượng thu phát tốt hơn.

Trong lĩnh vực *bảo vệ sức khoẻ*, đã có những cố gắng và tiến bộ về vệ sinh phòng bệnh, thực hiện có kết quả các chương trình chăm sóc và bảo vệ trẻ em, chương trình phòng chống sốt rét, bướu cổ, phòng chống suy dinh dưỡng; tăng tỷ lệ số dân được dùng nước sạch, được cung cấp dịch vụ y tế tại xã, phường. Một số trung tâm y tế được đầu tư nâng cấp và trang bị lại. Chế độ bảo hiểm y tế được mở rộng. Thể dục thể thao có bước phát triển. Công tác bảo vệ môi trường, môi sinh được triển khai.

Giải quyết việc làm mỗi năm từ 1 đến 1,2 triệu người.

Công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình phát triển sâu rộng, đạt được một số kết quả rõ nét. Tỷ lệ sinh mấy năm nay giảm mỗi năm gần 1 phần nghìn.

Các cuộc vận động xoá đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động từ thiện, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ngày càng được đông đảo nhân dân hưởng ứng.

Thu nhập và đời sống của các tầng lớp nhân dân ở các vùng đều được cải thiện với mức độ khác nhau; số hộ nghèo giảm đi. Nhiều địa phương đã thanh toán được nạn đói.

6. Quốc phòng, an ninh được giữ vững

Việc điều chỉnh chiến lược về quốc phòng, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân được thực hiện có kết quả. Các khu vực phòng thủ được tăng cường một bước. Sự kết hợp giữa kinh tế và quốc phòng được tiến hành dưới nhiều hình thức và đã bước đầu mang lại kết quả.

An ninh, quốc gia được giữ vững, thế trận an ninh nhân dân được củng cố. Việc xử lý kiên quyết các vụ vi phạm pháp luật trong một số lĩnh vực mở ra khả năng thiết lập và củng cố trật tự, an toàn xã hội, xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật.

II- NHỮNG MẶT YẾU KÉM

1. Chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế còn thấp, nguy cơ tụt hậu xa hơn còn lớn

Lực lượng sản xuất còn nhỏ bé, cơ sở vật chất, nhất là kết cấu hạ tầng còn lạc hậu; trình độ khoa học và công nghệ chuyển biến chậm; nguồn nhân lực có kiến thức, tay nghề, năng lực kinh doanh còn ít, lại chưa được sử dụng tốt; năng suất lao động xã hội tăng chậm. Chất lượng sản phẩm và chất lượng công trình nhìn chung còn thấp. Nhiều hàng hoá kém sức cạnh tranh với hàng nước ngoài.

Tỷ lệ tiết kiệm và đầu tư còn thấp, nền kinh tế rất thiếu vốn. Đầu tư của ngân sách nhà nước còn dàn trải, bị lãng phí, thất thoát, hiệu quả thấp. Đầu tư của nhân dân vào sản xuất còn ít. Nguồn tài trợ cho phát triển và đầu tư nước ngoài thực hiện chậm.

GDP bình quân đầu người vẫn còn rất thấp so với một số nước xung quanh.

2. Việc xây dựng quan hệ sản xuất mới có phần vừa lúng túng, vừa buông lỏng

Khu vực kinh tế nhà nước chưa bảo đảm hiệu quả và chưa thực hiện tốt vai trò chủ đạo. Các thành phần kinh tế khác vừa chưa được phát huy mạnh mẽ các tiềm năng, vừa chưa bảo đảm hoạt động có trật tự, kỷ cương theo luật pháp.

3. Tài chính, tiền tệ chưa ổn định và thiếu lành mạnh

Ngân sách nhà nước thường xuyên căng thẳng, còn bội chi lớn. Hệ thống thuế phức tạp, chồng chéo, chưa hợp lý, vừa ít khuyến khích sản xuất, vừa có nhiều kẽ hở dễ bị lợi dụng. Phân cấp ngân sách chưa hợp lý, vừa phân tán lại vừa tập trung quá mức, thiếu ổn định phát sinh nhiều tiêu cực, hạn chế tính năng động, sáng tạo. Tài sản quốc gia, tài chính công và tài chính doanh nghiệp nhà nước chưa được quản lý chặt chẽ, còn sơ hở để xảy ra nhiều thất thoát, lãng phí.

Thị trường tiền tệ, thị trường vốn chậm phát triển. Lãi suất tín dụng chưa phù hợp với cơ chế thị trường và hạn chế đầu tư phát triển. Các công cụ điều tiết lưu thông tiền tệ chưa được sử dụng đồng bộ, có hiệu quả. Tỷ lệ dùng tiền mặt còn quá lớn, thanh toán không qua ngân hàng còn phổ biến. Ngoại tệ còn được sử dụng nhiều trong lưu thông nội địa. Mầm mống tái lạm phát cao chưa được loại bỏ hẳn.

Công tác quản lý xuất nhập khẩu, quản lý các dự án đầu tư nước ngoài vừa thiếu khuyến khích đúng hướng, vừa có phần lỏng lẻo.

4. Các mặt văn hoá - xã hội còn nhiều vấn đề phải giải quyết

Chất lượng giáo dục, đào tạo thấp; công tác giáo dục ở những vùng sâu, vùng xa, miền núi còn rất nhiều khó khăn.

Hệ thống khám chữa bệnh phần lớn bị xuống cấp cả về cơ sở vật chất lẫn chất lượng, tinh thần và thái độ phục vụ. Mức độ ô nhiễm và huỷ hoại về môi trường, môi sinh rất đáng lo ngại. Một số bệnh dịch, bệnh xã hội vẫn còn đe dọa một số vùng và có nguy cơ phát triển; số người nhiễm HIV tiếp tục tăng. Những hoạt động văn hoá không lành mạnh và các tệ nạn xã hội vẫn phát triển. Nhịp độ phát triển dân số vẫn còn cao. Số người chưa có việc làm ở khu vực thành thị còn chiếm khoảng 7%, thời gian lao động ở nông thôn mới được sử dụng ở mức thấp.

Tỷ lệ người nghèo, hộ nghèo, xã nghèo còn cao. Sự phân hoá giàu nghèo diễn ra không bình thường. Chỉ số giá tiêu dùng trên 10%/năm càng gây thêm khó khăn cho những người có thu nhập thấp. Tình trạng tham nhũng, buôn lậu, làm ăn phi pháp chưa ngăn chặn được, có chỗ nghiêm trọng hơn. Kỷ cương, kỷ luật và trật tự xã hội còn nhiều chỗ chưa tốt.

*

* *

Nhìn chung, nhiệm vụ ổn định và phát triển kinh tế - xã hội do Đại hội VII đề ra cho 5 năm 1991 - 1995 đã được thực hiện thắng lợi. Các mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm được thực hiện vượt mức. Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc. Đã tạo được những tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới - đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Tuy nhiên, nước ta vẫn đang ở trình độ phát triển rất thấp về kinh tế và công nghệ. Các mặt văn hóa, xã hội vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề bức xúc.

Những thành tựu trong 5 năm qua có phần do huy động được kết quả đầu tư xây dựng cơ sở vật chất từ những

năm trước, song nhân tố quyết định là đường lối, chính sách đổi mới của Đảng đã tạo động lực thúc đẩy hàng vạn doanh nghiệp, hàng chục triệu lao động ở nông thôn và thành thị chủ động khai thác các nguồn lực, phát triển sản xuất kinh doanh. Mặt khác, những sự bất cập, những thiếu sót, khuyết điểm trong tiến trình đổi mới cũng là nguyên nhân chính hạn chế sự phát triển.

Cần nhấn mạnh rằng, tiến trình đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn về kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, chặng đường đổi mới tiếp theo có phạm vi sâu rộng hơn, có nhiều khó khăn hơn, phải tiếp cận và giải quyết nhiều vấn đề phức tạp của kinh tế thị trường và sự hội nhập quốc tế.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 1996 - 2000

I - NHIỆM VỤ VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Nhiệm vụ tổng quát

Giai đoạn từ nay đến năm 2000 là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước. Nhiệm vụ của nhân dân ta là tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu được đề ra trong Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến

năm 2000: tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, cải thiện đời sống của nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau.

Nhiệm vụ tổng quát nêu trên đòi hỏi việc xây dựng và thực hiện kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 phải thấu suốt **tư tưởng chỉ đạo** dưới đây:

- Thực hiện đồng thời ba mục tiêu về kinh tế: tăng trưởng cao, bền vững và có hiệu quả; ổn định vững chắc kinh tế vĩ mô; chuẩn bị các tiền đề cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000, chủ yếu là phát triển nguồn nhân lực, khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, hoàn thiện thể chế.

- Tiếp tục thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát huy mọi nguồn lực để phát triển lực lượng sản xuất, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đổi mới căn bản tổ chức và quản lý, nâng cao hiệu quả khu vực kinh tế nhà nước để phát huy vai trò chủ đạo. Đổi mới và phát triển đa dạng các hình thức kinh tế hợp tác từ thấp đến cao, triển khai thực hiện Luật hợp tác xã. Mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư nhân trong và ngoài nước. Phát huy khả năng của kinh tế cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân. Xác lập, củng cố và nâng cao địa vị làm chủ của người lao động trong nền sản xuất xã hội, thực hiện công bằng xã hội ngày một tốt hơn.

- Kết hợp hài hòa tăng trưởng kinh tế với phát triển xã hội - văn hoá, tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc nhằm tạo được chuyển biến rõ nét về thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội.

- Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực vừa phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, vừa phục vụ quốc phòng, an ninh.

- Kết hợp phát triển các vùng kinh tế trọng điểm với các vùng khác, tạo điều kiện cho các vùng đều phát triển, phát huy được lợi thế của mỗi vùng, tránh chênh lệch quá xa về nhịp độ tăng trưởng giữa các vùng.

2. Nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu

Tập trung sức cho mục tiêu phát triển, đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm 9 - 10%; đến năm 2000, GDP bình quân đầu người gấp đôi năm 1990 (trong chỉ đạo thực hiện phấn đấu đạt cao hơn).

Phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp, gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và đổi mới cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp bình quân hàng năm 4,5 - 5%.

Phát triển các ngành công nghiệp, chú trọng trước hết công nghiệp chế biến, công nghiệp hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng về dầu khí, than, xi măng, cơ khí, điện tử, thép, phân bón, hoá chất, một số cơ sở công nghiệp quốc phòng. Tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hàng năm 14 - 15%.

Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng, trước hết ở những khâu ách tắc và yếu kém nhất đang cản trở sự phát triển.

Phát triển các ngành dịch vụ, tập trung vào các lĩnh vực vận tải, thông tin liên lạc, thương mại, du lịch, các dịch vụ tài chính, ngân hàng, công nghệ, pháp lý... Tốc độ tăng giá trị dịch vụ bình quân hàng năm 12 - 13%.

Tăng nhanh đầu tư phát triển toàn xã hội. Chú trọng tăng cả tích lũy và đầu tư trong nước thông qua ngân sách, cũng như của doanh nghiệp và nhân dân. Giải quyết tốt quan hệ tích lũy - tiêu dùng theo hướng cần kiệm để công nghiệp hoá, hiện đại hoá, không tiêu dùng quá khả năng nền kinh tế cho phép; tăng năng suất và hiệu quả để vừa cải thiện được đời sống, vừa có tích lũy ngày càng nhiều cho đầu tư phát triển. Chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng. Huy động tối đa mọi nguồn lực trong nước, đồng thời thu hút mạnh các nguồn vốn bên ngoài để đưa tỷ lệ đầu tư phát triển toàn xã hội năm 2000 lên khoảng 30% GDP.

Khai thác thế mạnh của cả nước, của mỗi vùng, mỗi ngành tạo ra sự phát triển hài hoà giữa các vùng lãnh thổ. Tập trung thích đáng nguồn lực cho các lĩnh vực, các địa bàn trọng điểm có điều kiện sớm đưa lại hiệu quả cao. Đồng thời dành nguồn vốn để giải quyết những nhu cầu bức xúc của các vùng khác, nhất là phát triển kết cấu hạ tầng và hỗ trợ vốn tín dụng, tạo điều kiện để các vùng còn kém phát triển, các vùng nông thôn, miền núi có thể phát triển nhanh hơn, khắc phục dần tình trạng chênh lệch quá lớn về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng.

Đến năm 2000 tỷ trọng công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 34 - 35% trong GDP; nông, lâm, ngư nghiệp chiếm khoảng 19 - 20%; dịch vụ chiếm khoảng 45 - 46%.

Tăng nhanh khả năng và tiềm lực tài chính của đất nước, lành mạnh hoá nền tài chính quốc gia. Huy động 20 - 21% GDP vào ngân sách thông qua thuế và phí; kiểm chế bội chi ngân sách không quá 4,5% GDP; thực hiện cam kết trả nợ. Tiếp tục thực hiện mục tiêu kiểm chế và

kiểm soát lạm phát, loại trừ các nguy cơ tái lạm phát cao, giữ chỉ số giá tiêu dùng dưới 10%/năm. Cải thiện cán cân thanh toán quốc tế.

Phát triển thị trường tiền tệ và thị trường vốn, hình thành từng bước thị trường chứng khoán. Tăng khả năng chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam, thu hẹp việc sử dụng ngoại tệ ở trong nước; ổn định tỷ giá hối đoái phù hợp với sức mua thực tế của đồng tiền.

Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, tăng khả năng xuất khẩu các mặt hàng đã qua chế biến sâu; tăng sức cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm khoảng 28% (chưa kể phần xuất khẩu tại chỗ), nâng mức xuất khẩu bình quân đầu người năm 2000 lên trên 200 USD; phát triển mạnh du lịch và các dịch vụ thu ngoại tệ. Kim ngạch nhập khẩu tăng bình quân hàng năm khoảng 24%.

Tăng khả năng tiếp nhận vốn đầu tư và công nghệ từ bên ngoài.

Giải quyết tốt một số vấn đề xã hội.

Thanh toán nạn mù chữ và hoàn thành cơ bản phổ cập tiểu học trong cả nước, phổ cập trung học cơ sở (lớp 9) ở thành phố lớn và những nơi có điều kiện. Số lao động qua đào tạo chiếm khoảng 22 - 25% tổng số lao động. Chuyển mạnh về chất lượng giáo dục, đào tạo. Phát triển và nâng cao năng lực, hiệu quả nghiên cứu, triển khai khoa học và công nghệ. Phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá, thông tin, y tế, thể dục thể thao, mở rộng tới các vùng sâu, vùng xa.

Giảm nhịp độ phát triển dân số vào năm 2000 xuống dưới 1,8%. Xoá nạn đói. Đến năm 2000, tỷ lệ người thu nhập quá thấp giảm xuống một nửa so với hiện nay, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm xuống dưới 30%. Dân cư thành thị và 80% dân số ở nông thôn được cung cấp nước sạch. Tăng tuổi thọ bình quân lên khoảng 70 tuổi.

Giải quyết việc làm cho 6,5 - 7 triệu người, giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống dưới 5% và tăng thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn trên 75%. Điều chỉnh tiền lương và giải quyết những bất hợp lý trong chính sách tiền lương. Từng bước hình thành quỹ bảo trợ thất nghiệp ở thành thị. Bảo đảm mức sống của người về hưu và các gia đình có công với nước.

Hoàn thành căn bản định canh định cư và ổn định đời sống của đồng bào các dân tộc ít người.

Ngăn chặn và giảm ô nhiễm môi trường ở thành phố, khu công nghiệp.

Đẩy lùi tham nhũng, các tệ nạn xã hội, loại trừ văn hoá độc hại.

Bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh của Tổ quốc, giữ vững ổn định chính trị và an toàn xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vững mạnh, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống.

Tích cực chuẩn bị và tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000, chủ yếu là phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực khoa học và công nghệ, xây dựng kết cấu hạ tầng và một số công trình công nghiệp then chốt, hình thành đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

II- CÁC CHƯƠNG TRÌNH VÀ LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN

1. Chương trình phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn

Mục tiêu:

Phát triển nông nghiệp toàn diện hướng vào bảo đảm an toàn lương thực quốc gia trong mọi tình huống, tăng nhanh nguồn thực phẩm và rau quả, cải thiện chất lượng bữa ăn, giảm suy dinh dưỡng.

Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn có hiệu quả. Trên cơ sở bảo đảm vững chắc nhu cầu lương thực, chủ yếu là lúa, mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, tăng nhanh đàn gia súc, gia cầm, phát triển kinh tế biển, đảo, kinh tế rừng, khai thác có hiệu quả tiềm năng của nền nông nghiệp sinh thái, tăng nhanh sản lượng hàng hoá gắn với công nghiệp chế biến và xuất khẩu, mở rộng thị trường nông thôn; tăng thu nhập của nông dân. Đẩy mạnh việc xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội.

Nhiệm vụ và giải pháp:

Tăng nhanh sản lượng *lương thực* hàng hoá ở những vùng đồng bằng có năng suất và hiệu quả cao. Bố trí lại mùa vụ để né tránh thiên tai, chuyển sang các vụ có năng suất cao hoặc sang các cây khác có hiệu quả hơn. Nhân nhanh những giống mới có năng suất cao, phẩm chất tốt, thích ứng với từng vùng sinh thái, đặc biệt là giống lúa lai, ngô lai. Quy hoạch và phát triển một số vùng sản xuất các loại lúa gạo ngon có giá trị cao. Dự kiến năm 2000, sản lượng lương thực đạt khoảng 30 triệu tấn, bình quân đầu người 360 - 370kg.

Phát triển mạnh các loại *cây công nghiệp, cây ăn quả và rau đậu* có hiệu quả kinh tế cao; hình thành những vùng sản xuất tập trung gắn với công nghiệp chế biến tại chỗ.

Trồng cây công nghiệp kết hợp với chương trình phủ xanh đất trống, đồi trọc theo hình thức nông lâm kết hợp. Coi trọng các biện pháp thâm canh tăng năng suất; áp dụng các biện pháp sinh học hiện đại và công nghệ sinh học, không sử dụng hoá chất; sản xuất các loại nông sản sạch. Đến năm 2000 đưa tỷ trọng cây công nghiệp chiếm khoảng 45% giá trị sản phẩm ngành trồng trọt.

Hình thành và phát triển các vùng *chăn nuôi* tập trung gắn với công nghiệp chế biến thực phẩm. Khuyến khích và nhân rộng các hộ chăn nuôi giỏi, các nông trại chăn nuôi. Đổi mới hệ thống giống có năng suất cao, chất lượng tốt. Thực hiện chương trình nạc hoá đàn lợn, cải tạo đàn bò, phát triển bò sữa, bò thịt và thanh toán một số bệnh nhiệt đới. Phát triển nghề chăn nuôi các loại động vật đặc sản. Mở rộng mạng lưới chế biến thức ăn gia súc, thú y, bảo hiểm vật nuôi và các dịch vụ khác. Phấn đấu đến năm 2000, đưa tỷ trọng ngành chăn nuôi trong giá trị sản phẩm nông nghiệp lên khoảng 30 - 35%.

Phát triển nghề nuôi trồng *thủy hải sản* cả ở nước ngọt, nước lợ và nước mặn. Bảo vệ và khôi phục rừng ngập mặn. Chuyển một số ruộng trũng, thường bị úng lụt hoặc bị nhiễm mặn, năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản. Cải tạo con giống, tổ chức tốt dịch vụ hậu cần về thức ăn, phòng chống dịch bệnh, từng bước áp dụng phương thức nuôi công nghiệp. Đến năm 2000, diện tích nuôi trồng thủy sản trên 60 vạn ha.

Quản lý việc đánh bắt trong từng ngư trường để bảo tồn sự sinh sản và phát triển đàn cá. Khuyến khích ngư dân tự sắm phương tiện và tổ chức khai thác tốt các nguồn lợi thủy hải sản. Phát triển mạnh nghề đánh bắt xa bờ thông qua việc hỗ trợ cho ngư dân vay vốn và phát triển lực lượng quốc doanh. Chống ô nhiễm môi trường biển, sông ngòi, ao hồ và

ng nghiêm cấm khai thác thuỷ hải sản bằng phương pháp huỷ diệt. Tiếp tục điều tra tài nguyên và sinh vật biển để có kế hoạch khai thác, bảo vệ.

Sản lượng thuỷ hải sản vào năm 2000 khoảng 1,6 - 1,7 triệu tấn, trong đó sản lượng nuôi trồng khoảng 50 - 55 vạn tấn; xuất khẩu thuỷ hải sản 1 - 1,1 tỉ USD.

Phát triển nghề *rừng* gắn với việc ổn định và cải thiện đời sống của dân cư ở miền núi; tăng tốc độ phủ xanh đất trống, đồi núi trọc; khoanh nuôi, tái sinh, bảo vệ rừng; tạo điều kiện cho miền núi phát huy thế mạnh về lâm nghiệp. Hoàn thành việc giao rừng, giao đất đến hộ nông dân. Tăng cường công tác kiểm lâm để bảo vệ vốn rừng, bảo vệ hệ sinh thái bền vững, bảo vệ quỹ gen, ngăn chặn tệ đốt phá rừng, săn thú bừa bãi. Quản lý chặt chẽ việc khai thác gỗ, tiếp tục cấm xuất khẩu gỗ nguyên liệu. Quy hoạch và phát triển công nghiệp chế biến gỗ có hiệu quả.

Trong 5 năm 1996 - 2000, phải bảo vệ 9,3 triệu ha rừng hiện có và tạo thêm 2,5 triệu ha rừng, trong đó có 1 triệu ha rừng trồng mới, đưa diện tích đất đai được che phủ bằng rừng và cây lâu năm khác lên 40%. Tạo việc làm ổn định cho 1 triệu hộ với 2 triệu lao động và 6 - 7 triệu nhân khẩu.

Phát triển đa dạng *công nghiệp chế biến và tiểu thủ công nghiệp* ở nông thôn, thị tứ, thị trấn, liên kết với công nghiệp ở đô thị lớn và khu công nghiệp tập trung. Phát triển các làng nghề, nhất là các làng nghề làm hàng xuất khẩu; mở mang các loại hình dịch vụ. Xây dựng thêm đường sá, mạng lưới cấp điện, cấp nước, điện thoại, trường học, cơ sở y tế, văn hoá ở nông thôn.

Phát triển nhanh *hệ thống thuỷ lợi* ở tất cả các vùng, đặc biệt là khôi phục, sửa chữa, nâng cấp và mở rộng hệ thống thuỷ lợi đã có ở hai đồng bằng lớn của đất nước; thực hiện

chương trình chống nhiễm mặn, chua phèn và chống lũ toàn diện ở đồng bằng sông Cửu Long. Xây dựng các hồ chứa nước ở một số vùng trung du, miền núi vừa phục vụ sản xuất, vừa cải thiện nguồn nước sinh hoạt cho dân cư. Dự kiến trong 5 năm, năng lực tưới tăng thêm 20 vạn ha, năng lực tiêu úng tăng thêm 25 vạn ha, tạo nguồn nước tưới ở Nam Bộ 50 vạn ha, ngăn mặn 10 vạn ha.

Bảo đảm đủ phân bón kịp thời vụ với giá ổn định. Mở rộng việc ứng dụng các biện pháp sinh học trong bảo vệ thực vật. Phát triển mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, chuyển giao kỹ thuật và dịch vụ cung ứng vật tư kỹ thuật. Tổ chức chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp. Thực hiện chính sách bảo hiểm và khuyến khích về giá đối với nông sản, đặc biệt là lúa và cây công nghiệp xuất khẩu. Điều chỉnh việc phân bổ vốn của Nhà nước, huy động thêm nguồn vốn để tăng đáng kể vốn đầu tư và tín dụng cho nông, lâm, ngư nghiệp và kinh tế nông thôn.

2. Chương trình phát triển công nghiệp

Mục tiêu:

Đổi mới công nghệ của phần lớn doanh nghiệp. Phát triển nhanh một số ngành có lợi thế, hình thành một số ngành mũi nhọn trong các lĩnh vực chế biến lương thực - thực phẩm, khai thác và chế biến dầu khí, công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin, cơ khí chế tạo, sản xuất vật liệu.

Hình thành các khu công nghiệp tập trung (bao gồm cả khu chế xuất và khu công nghệ cao), tạo địa bàn thuận lợi cho việc xây dựng các cơ sở công nghiệp mới. Phát triển mạnh công nghiệp nông thôn và ven đô thị. Ở các thành phố, thị xã, nâng cấp, cải tạo các cơ sở công nghiệp hiện có, đưa các cơ sở không có khả năng xử lý ô nhiễm ra ngoài

thành phố, hạn chế việc xây dựng cơ sở công nghiệp mới xen lẫn với khu dân cư.

Nhiệm vụ và giải pháp:

Phát triển *công nghiệp chế biến thực phẩm và công nghiệp hàng tiêu dùng* nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước, đồng thời hướng mạnh về xuất khẩu, ưu tiên phát triển những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và hiệu quả cao.

Kết hợp hài hoà nhiều loại quy mô, nhiều trình độ công nghệ thích hợp, với sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài, bảo đảm chế biến phần lớn nông, lâm, thủy sản của các vùng. Đầu tư chiều sâu, mở rộng công suất và đổi mới công nghệ các cơ sở hiện có, đồng thời xây dựng mới một số cơ sở sản xuất với công nghệ hiện đại.

Nâng cấp các cơ sở *xay xát gạo* hiện có, xây dựng thêm một số cơ sở xay xát, đánh bóng gạo xuất khẩu, đưa công suất xay xát lên khoảng 15 triệu tấn thóc vào năm 2000. củng cố lại và xây dựng thêm hệ thống sân phơi, kho bảo quản, dự trữ lương thực; giảm hao hụt sau thu hoạch. Phát triển các cơ sở chế biến màu, thức ăn chăn nuôi, tinh bột nguyên liệu.

Đầu tư chiều sâu, mở rộng các nhà máy *đường* hiện có. Xây dựng mới một số nhà máy có quy mô vừa và nhỏ ở những vùng nguyên liệu nhỏ; ở những vùng nguyên liệu tập trung lớn, xây dựng nhà máy có thiết bị công nghệ tiên tiến, hiện đại, kể cả liên doanh với nước ngoài. Sản lượng đường năm 2000 khoảng 1 triệu tấn.

Đổi mới thiết bị và công nghệ các nhà máy *chè* hiện có để bảo đảm sản phẩm xuất khẩu được; liên doanh, hợp tác với nước ngoài xây dựng một số nhà máy chè hiện đại. Khuyến khích phát triển các cụm sơ chế quy mô hộ, liên hộ, liên kết với các nhà máy tinh chế.

Cho dân vay vốn đầu tư để phát triển mạnh *cà phê*. Tăng công suất chế biến, nâng cao chất lượng và đa dạng hoá sản phẩm *cà phê*.

Trong việc thực hiện dự án phát triển *cao su*, cần bảo đảm yêu cầu đầu tư để nâng công suất chế biến *mủ cao su* từ 20.000 tấn hiện nay lên 70.000 tấn/năm. Phát triển các ngành công nghiệp chế biến sản phẩm từ *cao su*.

Phát triển *chế biến thịt, sữa, thủy hải sản, rau, quả* theo nhiều quy mô. Cải tạo các cơ sở hiện có và xây dựng các cơ sở mới hiện đại, nhất là để phục vụ cho xuất khẩu.

Phát triển mạnh *công nghiệp nhẹ*, nhất là dệt, may, da giày, giấy, các mặt hàng thủ công mỹ nghệ. Đầu tư hiện đại hoá dây chuyền công nghệ, nâng chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm. Chuyển dần việc nhận gia công dệt may, đồ da sang mua nguyên liệu, vật liệu để sản xuất hàng xuất khẩu; coi trọng nâng cao năng lực tiếp thị để mở rộng thị trường. Khắc phục sự lạc hậu của ngành sợi, dệt; phấn đấu đến năm 2000 sản xuất 800 triệu mét vải, lụa gắn với phát triển bông và tơ tằm. Đầu tư chiều sâu các nhà máy hiện có và xây dựng mới một số nhà máy gắn với phát triển vùng nguyên liệu để đưa sản lượng giấy năm 2000 lên 30 vạn tấn. Sản xuất đồ dùng kim khí, đồ dùng bằng nhựa, chất tẩy rửa, mỹ phẩm đủ cho nhu cầu trong nước và có phần xuất khẩu.

Tiếp tục đẩy mạnh tìm kiếm, thăm dò, khai thác *dầu và khí*, năm 2000 đạt khoảng 20 triệu tấn dầu quy đổi, trong đó khoảng 16 triệu tấn dầu thô và 4 tỉ m³ khí. Đa dạng hoá các hình thức hợp tác, liên doanh; nâng cao năng lực công nghiệp dầu khí quốc gia cả trong thăm dò, khai thác, chế biến và dịch vụ. Xây dựng quy hoạch tổng thể sử dụng khí thiên nhiên, khí đồng hành. Hoàn thành hai công trình đường ống

dẫn khí để sử dụng 4,5 - 5 tỉ m³/năm. Xây dựng nhà máy lọc dầu số 1 (6,5 triệu tấn/năm). Chuẩn bị xây dựng nhà máy lọc dầu số 2 (hoặc mở rộng nhà máy số 1) và xây dựng ngành công nghiệp hoá dầu.

Tăng nhanh nguồn *điện*; hoàn thành xây dựng và xây dựng gói đầu một số cơ sở phát điện lớn để tăng thêm khoảng 3.000 MW công suất huy động trong 5 năm tới và gói đầu khoảng 1.000 MW công suất cho sau năm 2000. Sản lượng điện vào năm 2000 khoảng 30 tỉ KWh. Xây dựng, cải tạo hệ thống các trạm biến áp và đường dây tải điện đồng bộ với nguồn. Có chính sách và biện pháp tích cực, hữu hiệu để sử dụng điện hợp lý, tiết kiệm.

Phát triển ngành *than* hướng vào tăng công suất hiện có bằng phục hồi, cải tạo, mở rộng một số mỏ. Duy trì công suất các mỏ đang khai thác. Năm 2000 đạt khoảng 10 triệu tấn than sạch.

Tăng thêm công suất sản xuất *phân lân*, đạt sản lượng 1,2 triệu tấn vào năm 2000. Cải tạo, mở rộng nhà máy phân đạm Hà Bắc. Xây dựng nhà máy phân đạm số 1 từ khí có công suất 60 - 80 vạn tấn/năm. Xây dựng gói đầu nhà máy phân đạm số 2 có công suất tương tự đưa vào vận hành trong kế hoạch 5 năm sau.

Đưa vào sản xuất các nhà máy *xi măng* đang xây dựng; huy động và vay vốn để mở rộng, xây dựng mới một số nhà máy xi măng, kể cả lò đứng; liên doanh với nước ngoài xây thêm một số nhà máy. Sản lượng xi măng năm 2000 đạt khoảng 18 - 20 triệu tấn.

Đầu tư hoàn chỉnh các dây chuyền sản xuất *thép* hiện có, khởi công xây dựng mới một số nhà máy thép, chú trọng khâu tạo phôi. Năm 2000 sản xuất 2 triệu tấn thép.

Chuẩn bị xây dựng mỏ sắt Thạch Khê và nhà máy thép tổ hợp quy mô lớn.

Đổi mới thiết bị và công nghệ để hiện đại hoá một bước các nhà máy *cơ khí* hiện có. Kết hợp chế tạo trong nước với nhập khẩu để trang bị một phần máy móc, các dây chuyền, thiết bị cho nền kinh tế và có sản phẩm xuất khẩu. Trước mắt, hướng vào sản xuất thiết bị toàn bộ cho công nghiệp chế biến nông sản, các loại phương tiện vận tải, thiết bị sản xuất xi măng lò đứng, thiết bị sản xuất gạch ngói, các phụ tùng, phụ kiện thay thế... Phát triển mạnh công nghiệp đóng và sửa chữa tàu biển, lắp ráp và chế tạo ô tô, xe máy, chế tạo thiết bị điện trung và hạ thế. Bắt đầu chế tạo thiết bị cao áp, động cơ công suất lớn, động cơ cho tàu thuỷ hoạt động xa bờ. Đáp ứng nhu cầu dụng cụ cầm tay. Tăng năng lực sửa chữa, phục hồi máy móc thiết bị và phát triển dịch vụ sau khi bán sản phẩm.

Xây dựng và phát triển nhanh *công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin*, chọn một số hướng đi sớm vào hiện đại phục vụ chế tạo máy và tự động hoá một số khâu có sản phẩm xuất khẩu. Nâng dần mức chế tạo linh kiện, phụ tùng trong nước. Phát triển dịch vụ tin học, nhất là phần mềm ứng dụng trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, sản xuất, quản lý và đời sống.

Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng trong việc quy hoạch và phát triển các vùng kinh tế, các ngành công nghiệp, lấy hiệu quả kinh tế gắn với yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh làm cơ sở cho những chủ trương cụ thể.

Xây dựng, phát triển *công nghiệp quốc phòng*, phấn đấu dần dần tự sản xuất được trang thiết bị quan trọng, đáp ứng những nhu cầu tối thiểu cần thiết bảo đảm sức chiến đấu của

lực lượng vũ trang, từng bước tăng cường tiềm lực quốc phòng, đủ sức bảo vệ Tổ quốc.

Nâng cao năng lực của các ngành và các cơ sở kinh tế trong việc đáp ứng các nhu cầu vật chất, kỹ thuật cho quốc phòng, an ninh. Bảo đảm có thể nhanh chóng huy động được mọi tiềm lực kinh tế phục vụ quốc phòng, an ninh khi tình thế đòi hỏi.

Khai thác có hiệu quả tiềm năng của các cơ sở công nghiệp quốc phòng để tham gia xây dựng kinh tế. Có cơ chế, chính sách quản lý các xí nghiệp quốc phòng và lực lượng quân đội, công an làm kinh tế theo đúng pháp luật và phù hợp với tính chất đặc thù của quốc phòng và an ninh.

3. Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng

Mục tiêu:

Phát triển kết cấu hạ tầng vừa bảo đảm các điều kiện cần thiết cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000, vừa chuẩn bị những điều kiện cho bước phát triển sau năm 2000.

Bảo đảm sự giao lưu thông thoát trong mọi thời tiết trên các tuyến giao thông huyết mạch, tuyến xương sống và các tuyến nhánh đến các vùng, các trung tâm miền núi. Trong từng vùng, điện, nước, giao thông, thông tin được đáp ứng tùy theo yêu cầu của mức độ phát triển. Phát triển kết cấu hạ tầng vùng miền núi, nông thôn, trước hết là đường sá, thông tin, điện, nước sạch, trường học, trạm xá. Tập trung sức giải quyết nước cho các tỉnh miền Trung, đường giao thông cho vùng núi và đồng bằng sông Cửu Long.

Nhiệm vụ và giải pháp:

Khắc phục sự xuống cấp, từng bước nâng cấp các công trình và các tuyến *giao thông* trọng yếu. Đầu tư xây dựng

mới theo hướng đồng bộ, hiện đại các công trình giao thông tại các cửa khẩu (sân bay, hải cảng quốc tế), các hành lang quan trọng nối cửa khẩu với nội địa, tại các vùng kinh tế trọng điểm, tuyến trục Bắc - Nam.

Tập trung khôi phục, nâng cấp từng đoạn các tuyến đường bộ trọng yếu, đặc biệt là các tuyến quốc lộ; xây dựng một số cầu lớn. Mở rộng, nâng cấp các tuyến trục, các đường phố chính và đường vành đai ở Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Nâng cấp các tuyến đường bộ ở các tỉnh biên giới, miền núi; các tuyến đường đến trung tâm các huyện vùng sâu, vùng xa.

Nâng cấp, củng cố mạng đường sắt hiện có, bảo đảm chạy tàu an toàn, thuận lợi. Trang bị hệ thống thông tin tín hiệu bán tự động và điện thoại tự động ở các ga lớn để bảo đảm điều hành chạy tàu an toàn. Chuẩn bị xây dựng tuyến Hà Nội - Hạ Long, Thành phố Hồ Chí Minh - Vũng Tàu, cải tạo tuyến đường Bắc - Nam qua đèo Hải Vân.

Mở rộng và nâng cấp ba sân bay quốc tế đạt dần trình độ hiện đại, có thể tiếp nhận 12 - 13 triệu lượt hành khách/năm. Nâng cấp các sân Cát Bi, Phú Bài, Nha Trang, Cam Ly, Cà Mau, Cần Thơ... Mở thêm các đường bay mới, tăng thêm máy bay bảo đảm nhu cầu bay quốc tế và trong nước.

Củng cố, mở rộng để tăng năng lực các cảng biển hiện có, cải tạo, mở rộng cảng Hải Phòng, chuẩn bị và từng bước xây dựng các cảng Cái Lân, Chân Mây, Liên Chiểu, Dung Quất, Bến Đình - Sao Mai. Xây dựng cảng Cần Thơ thành cảng trung tâm của đồng bằng sông Cửu Long. Nạo vét, chỉnh trị các luồng sông và nâng cấp các cảng sông chính, bảo đảm hệ thống đường sông ở đồng bằng Bắc Bộ có thể chạy sà lan tới 1.000 tấn và ở đồng bằng Nam Bộ có thể cho tàu 2.000 tấn đi sâu vào nội địa.

Phát triển mạng lưới *bưu chính viễn thông* hiện đại, đồng bộ, thống nhất, đều khắp và đa dịch vụ, đáp ứng tối đa nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng với chất lượng cao, giá thành hạ. Phát triển công nghiệp bưu chính viễn thông. Năm 2000 đạt mật độ điện thoại 6 máy/100 dân và hầu hết các xã ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa đều có máy điện thoại.

Phát triển và nâng cấp mạng lưới điện, bảo đảm *cấp điện* đầy đủ, ổn định cho các đô thị và khu công nghiệp. Đến năm 2000 sẽ có 100% huyện và 80% số xã có điện lưới và điện tại chỗ.

Xây dựng quy hoạch bảo vệ và khai thác hợp lý *nguồn nước*, đáp ứng yêu cầu của sản xuất và đời sống. Cải thiện từng bước tình hình cấp, thoát nước ở các đô thị, ưu tiên những nơi chưa có hệ thống cấp, thoát nước. Giải quyết cơ bản hệ thống cấp nước Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Hạ Long và một số thị xã, khu vực trục đường 51, các khu chế xuất và khu công nghiệp. Tiếp tục thực hiện chương trình nước sạch nông thôn, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long và vùng núi.

4. Chương trình phát triển khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường sinh thái

Mục tiêu:

Phát triển khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực nội sinh, coi đó là nhân tố quan trọng để thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá. Xây dựng luận cứ khoa học cho các định hướng phát triển đất nước, các chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước; tiếp thu được các thành tựu khoa học và công nghệ thế giới, lựa chọn và làm chủ công nghệ chuyển giao vào Việt Nam. Bước đầu phát triển một số lĩnh vực công

nghe cao như: điện tử - tin học, công nghệ sinh học, vật liệu mới và tự động hoá.

Thúc đẩy đổi mới công nghệ trong các ngành sản xuất từ 10%/năm trở lên, đặc biệt chú ý chất lượng công nghệ; tập trung vào việc ứng dụng công nghệ tiên bộ, đưa công nghệ nước ta từng bước đạt trình độ trung bình của khu vực.

Tạo bước chuyển biến rõ nét về bảo vệ môi trường sinh thái.

Nhiệm vụ và giải pháp:

Đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong các ngành sản xuất và dịch vụ chủ yếu, đi thẳng vào công nghệ hiện đại đối với các lĩnh vực sản xuất then chốt có tác động đến nhiều ngành khác, các lĩnh vực sản xuất sản phẩm xuất khẩu, các lĩnh vực đầu tư mới. Tổ chức tốt việc giám định các công nghệ nhập khẩu. Tiếp tục hoàn thiện và đổi mới công nghệ trong một số ngành nghề truyền thống. Đổi mới phương tiện kỹ thuật kiểm tra, đo lường, điều khiển, áp dụng kỹ thuật tự động hoá để nâng cao chất lượng sản phẩm của các ngành sản xuất.

Phát triển các công nghệ cao. Đến năm 2000 xây dựng được cơ sở hạ tầng truyền thông tin học quốc gia. Ứng dụng **công nghệ thông tin** trong tất cả các lĩnh vực kinh tế quốc dân, tạo ra sự chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả; hình thành mạng thông tin quốc gia, liên kết với một số mạng thông tin quốc tế. Phát triển **công nghệ sinh học** nhằm tạo ra và nhân nhanh các giống cây trồng, vật nuôi mới; chế biến nông, lâm, thủy sản; sản xuất các loại vắc xin và kháng huyết thanh, các chế phẩm chẩn đoán bệnh nhanh và chính xác; phát triển các công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường. Phát triển **công nghệ vật liệu**, nghiên cứu chế tạo một số vật liệu mới có hiệu quả cao, phát triển các loại vật liệu có độ bền lớn và chịu được điều kiện khí hậu nhiệt

đổi khắc nghiệt. Phát triển kỹ thuật tự động hoá đồng bộ ở một số nhà máy then chốt, ứng dụng công nghệ tự động hoá ở các khâu quyết định đến chất lượng sản phẩm.

Xây dựng các khu công nghệ cao tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, là nơi hội tụ các cơ quan khoa học và các doanh nghiệp trong và ngoài nước, nhằm tạo ra các công nghệ cao và các ngành công nghiệp dựa trên công nghệ cao.

Phát triển khoa học xã hội và nhân văn, nắm vững những luận điểm cơ bản của học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nghiên cứu những vấn đề lý luận của công cuộc đổi mới và phát triển trong thời kỳ mới; làm rõ bản chất của nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa; làm rõ vấn đề Nhà nước pháp quyền trong điều kiện Đảng cầm quyền, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ mới; xây dựng các phương án cho tiến trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá; xác định hệ thống chính sách xã hội trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá; xây dựng các mục tiêu chiến lược phát triển toàn diện con người Việt Nam; xác định các giải pháp tổ chức quản lý xã hội, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; nghiên cứu đề xuất chiến lược an ninh - quốc phòng...

Phát triển các ngành khoa học tự nhiên, nghiên cứu một số vấn đề cơ bản có triển vọng của khoa học hiện tại và tương lai, nhằm tiếp cận được với trình độ thế giới trong các lĩnh vực về toán học, điều khiển học và khoa học tính toán, về vật lý học, cơ học, hoá học, sinh học và các khoa học về trái đất.

Áp dụng các biện pháp khoa học - công nghệ và đổi mới thể chế, chính sách quản lý nhằm nâng cao *chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm* cả trên thị trường trong nước và nước ngoài, tạo ra các sản phẩm xuất khẩu đạt tiêu chuẩn

quốc tế, tập trung vào một số mặt hàng chủ yếu như: gạo, cà phê, cao su, thủy sản, hàng may mặc, dầu khí, cơ khí lắp ráp... Xây dựng hệ thống thể chế quản lý chất lượng và chứng nhận chất lượng sản phẩm.

Đẩy mạnh việc *bảo hộ sở hữu công nghiệp*, bảo đảm sự cạnh tranh lành mạnh trong cơ chế thị trường và khuyến khích sáng tạo của các nhà khoa học và những người lao động.

Sớm xây dựng và ban hành Luật khoa học và công nghệ, tạo lập thị trường cho hoạt động khoa học và công nghệ; các doanh nghiệp cần coi trọng phát triển khoa học và công nghệ, dựa vào khoa học, công nghệ để phát triển sản xuất có hiệu quả. Nhà nước có chính sách khuyến khích ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật thông qua các biện pháp ưu đãi về thuế, tín dụng, xuất nhập khẩu... Hỗ trợ cho các thành phần kinh tế có nhu cầu nghiên cứu khoa học và sáng tạo công nghệ. Tiếp tục sắp xếp lại các cơ quan khoa học và công nghệ theo hướng tập trung hơn cho các lĩnh vực khoa học và công nghệ chiến lược, gắn nghiên cứu khoa học với giáo dục, đào tạo, chuyển một số viện nghiên cứu chuyên ngành về trực thuộc các tổng công ty; gắn kết các chương trình khoa học và công nghệ với các chương trình kinh tế - xã hội, với quy hoạch phát triển các vùng lãnh thổ.

Thu hút nhiều nguồn vốn để tăng nhanh đầu tư cho khoa học và công nghệ. Ngoài nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách, cần hình thành các cơ chế chính sách huy động thêm nguồn vốn của các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế, các nguồn viện trợ quốc tế, vốn từ các chương trình kinh tế - xã hội và từ các công trình xây dựng cơ bản để đầu tư cho khoa học và công nghệ.

Sử dụng hợp lý tài nguyên và *bảo vệ môi trường sinh thái*. Tiến hành khẩn trương việc điều tra ô nhiễm môi trường;

điều tra, đánh giá việc khai thác không hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên gây tổn hại đến môi trường và đề ra các biện pháp khắc phục hữu hiệu. Thực hiện các dự án về cải tạo, bảo vệ môi trường, xây dựng các vườn quốc gia, khu rừng cấm, trồng cây xanh ở đô thị và các khu công nghiệp; áp dụng các kỹ thuật tiên tiến để xử lý các chất độc hại, chất thải. Các quy hoạch, các dự án phát triển kinh tế - xã hội, các dự án đầu tư nước ngoài và các công trình xây dựng cơ bản đều phải được xem xét đánh giá về mặt tác động đối với môi trường và có biện pháp xử lý. Giải quyết dứt điểm tình trạng suy thoái môi trường do các cơ sở sản xuất gây ra. Ngăn chặn tận gốc việc gây ô nhiễm môi trường, trước hết là nước và không khí trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đưa diện tích phủ xanh đất nước lên đạt mức an toàn sinh thái, bảo toàn đa dạng sinh học ở đất liền và ở biển. Bảo đảm môi trường lao động, sinh hoạt cho con người ở các khu công nghiệp, các đô thị, vệ sinh môi trường nông thôn. Tăng cường công tác quản lý môi trường ở tất cả các lĩnh vực, tăng cường điều kiện bảo đảm thực hiện Luật bảo vệ môi trường.

5. Chương trình phát triển kinh tế dịch vụ

Mục tiêu:

Phát triển mạnh các loại dịch vụ, mở thêm những loại hình mới đáp ứng nhu cầu đa dạng của sản xuất kinh doanh và đời sống.

Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong dịch vụ. Giữ ổn định giá cả, nhất là đối với các mặt hàng và dịch vụ thiết yếu.

Nhiệm vụ và giải pháp:

Phát triển *thương nghiệp*, bảo đảm lưu thông hàng hóa thông suốt, dễ dàng trong cả nước, nhất là vùng nông thôn,

vùng sâu và miền núi, chú trọng công tác tiếp thị trong và ngoài nước. Thương nghiệp quốc doanh được củng cố và phát triển trong những ngành hàng thiết yếu đối với sản xuất và đời sống, trước hết là ở những địa bàn còn bỏ trống, nắm bán buôn, chi phối bán lẻ. Từng bước tổ chức hợp tác xã mua bán và mạng lưới đại lý để cùng thương nghiệp quốc doanh đủ sức ngăn ngừa những biến động bất thường, ổn định thị trường và giá cả.

Tăng cường quản lý thị trường, hướng dẫn các thành phần kinh tế trong thương nghiệp phát triển đúng hướng, đúng chính sách, pháp luật, cạnh tranh lành mạnh; chống trốn thuế, lậu thuế, lưu thông hàng giả.

Tăng cường vai trò điều tiết vĩ mô của Nhà nước, xử lý kịp thời mọi diễn biến bất lợi của thị trường. Hoàn thiện hệ thống *dự trữ quốc gia*, dự trữ lưu thông.

Giá trị hàng hóa bán ra trên thị trường đến năm 2000 gấp 2,5 lần năm 1995, tăng bình quân hàng năm 20% (tính theo mặt bằng giá năm 1995).

Tăng nhanh khối lượng, nâng cao chất lượng và độ an toàn vận tải hành khách, hàng hoá, trên tất cả các loại hình vận tải. Nâng cao năng lực đủ sức đảm nhiệm tỷ lệ thị phần theo luật pháp và thông lệ quốc tế trong vận tải hàng không, viễn dương.

Triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển *du lịch* tương xứng với tiềm năng du lịch to lớn của đất nước theo hướng du lịch văn hoá, sinh thái môi trường. Xây dựng các chương trình và các điểm du lịch hấp dẫn về văn hoá, di tích lịch sử và khu danh lam thắng cảnh. Huy động các nguồn lực tham gia kinh doanh du lịch, ưu tiên xây dựng kết cấu hạ tầng ở những khu vực du lịch tập trung, ở các trung tâm lớn. Nâng cao trình độ văn hoá và chất lượng dịch vụ phù hợp với các loại khách du lịch khác nhau.

Đẩy mạnh việc huy động vốn trong nước đầu tư vào khách sạn. Cổ phần hóa một số khách sạn hiện có để huy động các nguồn vốn vào việc đầu tư cải tạo, nâng cấp.

Liên doanh với nước ngoài xây dựng các khu du lịch và các khách sạn lớn, chất lượng cao, đòi hỏi nhiều vốn. Chuyển các nhà nghỉ, nhà khách sang kinh doanh khách sạn và du lịch.

Phát triển mạnh các dịch vụ thông tin, tư vấn về công nghệ, pháp luật, tài chính, kiểm toán, ngân hàng, bảo hiểm... Mở rộng các loại dịch vụ đa dạng đáp ứng nhu cầu về đời sống, phù hợp với mức sinh hoạt của các tầng lớp dân cư.

6. Chương trình phát triển kinh tế đối ngoại

Mục tiêu:

Tổng kim ngạch *xuất khẩu* tăng bình quân hàng năm khoảng 28% (chưa kể phần xuất khẩu tại chỗ). Tăng nhanh tỷ trọng hàng đã qua chế biến trong kim ngạch xuất khẩu, giảm tỷ trọng xuất khẩu nguyên liệu và hàng sơ chế.

Hướng *nhập khẩu* là tập trung vào nguyên liệu, vật liệu, các loại thiết bị công nghệ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Từng bước thay thế nhập khẩu những mặt hàng có thể sản xuất có hiệu quả ở trong nước. Tổng kim ngạch nhập khẩu tăng bình quân hàng năm 24%.

Trong 5 năm thu hút và sử dụng có hiệu quả khoảng 7 tỉ USD từ nguồn tài trợ phát triển chính thức (ODA) và 13 - 15 tỉ USD (tính theo mặt bằng giá 1995) từ nguồn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI).

Cải thiện cán cân thanh toán quốc tế.

Nhiệm vụ và giải pháp:

Mở rộng thị trường *xuất khẩu*, đổi mới cơ cấu và nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu. Tăng tỷ trọng sản phẩm chế biến

sâu và tinh, giảm mạnh việc xuất khẩu hàng thô. Dự kiến đến năm 2000 sản phẩm xuất khẩu đã qua chế biến chiếm 80%, trong đó chế biến sâu và tinh 50%. Tạo thêm mặt hàng, nhóm hàng xuất khẩu có khối lượng và giá trị lớn. Tăng khối lượng các mặt hàng đặc sản có giá trị. Nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản xuất khẩu tăng bình quân hàng năm 33%, nhóm hàng công nghiệp nhẹ 38%, nhóm hàng nông, lâm, thủy sản 16%.

Cơ cấu *nhập khẩu*: dự kiến máy móc thiết bị và phụ tùng chiếm khoảng 39% và tăng bình quân hàng năm 25%; nguyên, nhiên, vật liệu chiếm khoảng 52% và tăng bình quân 25%; hàng tiêu dùng chiếm khoảng 9% và tăng 14%.

Củng cố vị trí ở các thị trường quen thuộc, khôi phục quan hệ với thị trường truyền thống, tìm thị trường và bạn hàng mới, giảm sự tập trung quá mức vào một vài thị trường. Tạo một số thị trường và bạn hàng lâu dài về những mặt hàng xuất, nhập khẩu chủ yếu, giảm xuất, nhập qua thị trường trung gian. Thực hiện nhất quán các chính sách khuyến khích xuất khẩu, bao gồm cả việc bảo hiểm về giá cho hàng xuất khẩu, điều tiết tỷ giá hối đoái hợp lý, có lợi cho xuất khẩu.

Tiếp theo việc gia nhập ASEAN và chuẩn bị cho việc tham gia Khối mậu dịch tự do (AFTA), cần xúc tiến việc tham gia Diễn đàn kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Tổ chức Thương mại quốc tế (WTO), từng bước tham gia các hoạt động của Hệ thống toàn cầu về ưu đãi thương mại với các nước đang phát triển (GSTP), áp dụng các chuẩn mực thương mại quốc tế và lựa chọn tham gia một số hiệp hội xuất khẩu quốc tế về từng mặt hàng xuất khẩu.

Tranh thủ thu hút nguồn *tài trợ phát triển chính thức* (ODA) đa phương và song phương, tập trung chủ yếu cho việc

xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ và quản lý, đồng thời dành một phần vốn tín dụng đầu tư cho các ngành nông, lâm, ngư nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng. Ưu tiên dành viện trợ không hoàn lại cho những vùng chậm phát triển. Các dự án sử dụng vốn vay phải có phương án trả nợ vững chắc, xác định rõ trách nhiệm trả nợ, không được gây thêm gánh nặng nợ nần không trả được. Phải sử dụng nguồn vốn ODA có hiệu quả và kiểm tra, quản lý chặt chẽ, chống lãng phí, tiêu cực.

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) hướng vào những lĩnh vực, những sản phẩm và dịch vụ có công nghệ tiên tiến, có tỷ lệ xuất khẩu cao. Đối với những ngành không đòi hỏi nhiều vốn và công nghệ cao, có thể sinh lợi nhanh thì phải dùng nhiều hình thức để huy động vốn trong nước đầu tư toàn bộ hoặc chiếm tỷ lệ góp vốn cao nếu cần liên doanh. Về địa bàn đầu tư, cần có chính sách và biện pháp hữu hiệu để thu hút vào những nơi có tiềm năng nhưng trước mắt còn khó khăn. Hình thức đầu tư cần tiếp tục đa dạng hoá, chú ý thêm những hình thức mới, như đầu tư tài chính (bên ngoài góp vốn, mua cổ phần, nhưng không tham gia quản lý như xí nghiệp liên doanh). Về đối tác đầu tư, cần tăng cường quan hệ hợp tác với các công ty đa quốc gia để tranh thủ được công nghệ nguồn, tiếp cận cách quản lý hiện đại và thâm nhập nhanh vào thị trường quốc tế, mở rộng được thị trường mới.

Đi đôi với những cố gắng thu hút thêm nguồn vốn bên ngoài, cần chú trọng nhiều hơn việc đưa vào thực hiện những dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài đã được cấp giấy phép, khắc phục các trở lực để đưa nhanh vào sử dụng nguồn vốn ODA đã được các nhà tài trợ cam kết.

7. Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo

Mục tiêu:

Nâng cao mặt bằng *dân trí*, bảo đảm những tri thức cần thiết để mọi người gia nhập cuộc sống xã hội và kinh tế theo kịp tiến trình đổi mới và phát triển đất nước.

Đào tạo bồi dưỡng và nâng cao chất lượng nguồn *nhân lực* để đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá. Tăng tỷ trọng số người tốt nghiệp phổ thông cơ sở (lớp 9) trong độ tuổi lao động lên 55 - 60% và tỷ lệ những người lao động qua đào tạo trong tổng số lao động lên 22 - 25% vào năm 2000, bảo đảm nguồn lao động có chất lượng cho các lĩnh vực ứng dụng công nghệ tiên tiến. Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ vững mạnh, đủ sức giải quyết những vấn đề được đặt ra trong chương trình phát triển khoa học và công nghệ.

Phát hiện, bồi dưỡng và trọng dụng *nhân tài*, chú trọng các lĩnh vực khoa học và công nghệ, văn hoá - nghệ thuật, quản lý kinh tế, xã hội và quản trị sản xuất kinh doanh.

Nhiệm vụ và giải pháp:

Phát triển *giáo dục mầm non*, tăng tỷ lệ trẻ em được chăm sóc ở các nhà trẻ hoặc nhóm trẻ, nâng cao hiểu biết cho những người chăm sóc trẻ em ở gia đình. Đưa hầu hết trẻ em trong độ tuổi vào lớp mẫu giáo lớn để chuẩn bị vào tiểu học.

Thanh toán nạn mù chữ cho những người lao động ở độ tuổi 15 - 35 và thu hẹp diện mù chữ ở các độ tuổi khác. Tích cực xoá mù chữ cho nhân dân ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa và những vùng còn khó khăn.

Hoàn thành cơ bản *phổ cập giáo dục tiểu học* trong cả nước và phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở các thành phố lớn

và những nơi có điều kiện. Có chính sách giúp đỡ con em người dân tộc thiểu số, gia đình nghèo, người tàn tật có điều kiện học tập. Phát triển trường lớp nội trú, bán trú. củng cố và tăng cường các trường chuyên, lớp chọn. Mở thêm trường dân lập, bán công ở các cấp học phổ thông. Thực hiện giáo dục toàn diện ở bậc tiểu học (đặc biệt là các môn nhạc, hoạ, thể dục thể thao). Mở rộng và nâng cao chất lượng dạy ngoại ngữ, tin học từ cấp phổ thông. Tập trung sức nâng cao chất lượng dạy và học, trang bị đủ kiến thức cần thiết đi đôi với tạo ra năng lực tự học, sáng tạo của học sinh, khắc phục tình trạng phải dạy thêm quá nhiều ngoài giờ học chính khoá.

Thông qua việc cải tiến hệ thống thông tin về lao động và thông qua các chính sách, các quy định của Nhà nước để điều chỉnh cơ cấu đào tạo một cách hợp lý, nhằm đạt tới sự cân đối giữa đào tạo và sử dụng ở các trình độ và các ngành nghề khác nhau, đặc biệt bảo đảm được nhân lực cho các ngành mũi nhọn và các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm; tăng nhanh tỷ trọng đào tạo ngành nghề dưới bậc đại học.

Kiên toàn, phát triển mạnh và bảo đảm chất lượng các cơ sở *đào tạo nghệ*, kể cả các cơ sở dân lập, tư nhân, các doanh nghiệp đi đôi với tăng cường quản lý Nhà nước.

Mở rộng quy mô một cách hợp lý và nâng cao chất lượng *đào tạo đại học*, kết hợp đào tạo mới và đào tạo lại, phát triển giáo dục - đào tạo đỉnh cao nhằm lựa chọn, xây dựng đội ngũ chuyên gia khoa học, công nghệ, văn hoá và những nhà kinh doanh giỏi, đội ngũ công chức và cán bộ lãnh đạo quản lý kinh tế - xã hội có năng lực.

Thực hiện quy hoạch sắp xếp lại các trường đại học, cao đẳng và các viện nghiên cứu, xây dựng các đại học đa lĩnh vực ở các trung tâm kinh tế, văn hóa của cả nước. Phát triển các đại học và cao đẳng địa phương để đáp ứng nhu cầu học

tập và phát huy nguồn nhân lực tại chỗ. Tranh thủ các nguồn tài trợ học bổng và khuyến khích du học tự túc để tăng nhanh số người đi học đại học, sau đại học ở nước ngoài.

Hoàn chỉnh và củng cố các *trường sư phạm* về mọi mặt, khắc phục nhanh chóng tình trạng thiếu giáo viên và nâng cao chất lượng giáo viên ở tất cả các cấp học. Bổ sung chính sách đãi ngộ giáo viên và có chính sách khuyến khích giáo viên tình nguyện đến các vùng khó khăn. Sử dụng giáo viên đúng năng lực và đãi ngộ đúng công sức với tinh thần ưu đãi nghề dạy học, chú trọng giáo viên vùng núi, vùng sâu và các vùng có khó khăn.

Tăng cường nghiên cứu khoa học giáo dục; tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học. Kết hợp giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

Cụ thể hoá và thể chế hoá chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về *xã hội hoá sự nghiệp giáo dục đào tạo*, trước hết là về đầu tư phát triển và bảo đảm kinh phí hoạt động. Ngoài việc ngân sách dành một tỷ lệ thích đáng cho sự nghiệp phát triển giáo dục đào tạo, cần thu hút thêm các nguồn đầu tư từ các cộng đồng, các thành phần kinh tế, các giới kinh doanh trong và ngoài nước đi đôi với việc sử dụng có hiệu quả nguồn đầu tư cho giáo dục đào tạo. Những doanh nghiệp sử dụng người lao động được đào tạo có nghĩa vụ đóng góp vào ngân sách giáo dục, đào tạo. Đổi mới chế độ học phí phù hợp với sự phân tầng thu nhập trong xã hội, loại bỏ những đóng góp không hợp lý, nhằm bảo đảm tốt hơn kinh phí giáo dục, đồng thời cải thiện điều kiện học tập cho học sinh nghèo.

Nghiên cứu việc tổ chức và phối hợp chỉ đạo chương trình phát triển giáo dục - đào tạo phục vụ công cuộc hiện đại hóa

đất nước. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp nhà nước về giáo dục, sớm xây dựng và ban hành Luật giáo dục. Định rõ trách nhiệm, mở rộng quyền hạn và nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở đào tạo, trước hết là các trường đại học. Đổi mới và tăng cường công tác quản lý giáo dục, đặc biệt ở các cấp vĩ mô, để kiểm soát được chất lượng đào tạo, điều hành được bộ máy giáo dục ở quy mô ngày càng lớn và bảo đảm được hiệu quả đào tạo đúng mục tiêu mong muốn.

8. Chương trình giải quyết các vấn đề văn hoá - xã hội

Mục tiêu:

Giải quyết việc làm, phát triển toàn diện các mặt hoạt động về văn hoá, thông tin, thể dục thể thao, y tế, dân số, kế hoạch hoá gia đình và các mặt xã hội khác nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất, tinh thần và thể lực của dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và hội nhập vào cộng đồng quốc tế.

Kết hợp hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng, tiến bộ xã hội, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong việc giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc, đẩy lùi tiêu cực, bất công và các tệ nạn xã hội.

Nhiệm vụ và giải pháp:

Nhanh chóng triển khai *chương trình quốc gia giải quyết việc làm, tạo điều kiện cho mọi người lao động tự tạo, tự tìm việc làm.* Mỗi năm thu hút thêm 1,3 - 1,4 triệu lao động có chỗ làm việc. Trong chỉ đạo thực hiện sẽ tạo thêm cơ hội cho người lao động tự tạo và tìm việc làm để có thể đưa mức thu hút lao động hàng năm lên cao hơn. Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống dưới 5% và nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn lên 75%.

Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thi hành *Luật lao động*, tăng cường việc bảo vệ người lao động, trọng tâm là ở các doanh nghiệp. Tiếp tục cải tiến chế độ lương, làm cho tiền lương thật sự gắn liền với năng suất, chất lượng, hiệu quả; trở thành thu nhập chính và là động lực đối với người lao động.

Mở rộng chế độ *bảo hiểm xã hội* đối với người lao động thuộc các thành phần kinh tế, áp dụng bắt buộc đối với các cơ quan, các doanh nghiệp. Tổ chức quản lý và sử dụng tốt các quỹ bảo hiểm; bảo đảm đời sống của người nghỉ hưu. Mở rộng các quỹ làm việc nghĩa, việc thiện của nhân dân.

Phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động *văn hoá, văn nghệ, thông tin đại chúng* và các phương tiện vui chơi giải trí đáp ứng nhu cầu đời sống văn hoá - tinh thần của nhân dân. Chú trọng các vùng miền núi, biên giới, hải đảo và các vùng nông thôn có nhiều khó khăn.

Tăng nhanh số lượng các sản phẩm văn hoá, văn học nghệ thuật, báo chí có chất lượng cao về nội dung tư tưởng và giá trị nghệ thuật. Tăng cường đầu tư cải tạo và xây dựng hệ thống các cơ sở văn hoá thông tin từ trung ương đến địa phương được quy hoạch lại theo hướng hoạt động đa năng, gắn hoạt động văn hoá với du lịch, thể thao và vui chơi giải trí. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình văn hóa có tầm cỡ quốc gia ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và tại các trung tâm lớn của đất nước.

Từng bước hiện đại hoá các ngành phát thanh, truyền hình, điện ảnh, in, xuất bản. Nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh và truyền hình, tăng công suất phát sóng truyền thanh, truyền hình, kể cả ra nước ngoài. Đến năm 2000, phấn đấu để có khoảng 80% số hộ có thể xem truyền

hình Trung ương; 95% số hộ được nghe Đài Tiếng nói Việt Nam. Tiếp tục thực hiện ba chương trình quốc gia về văn hoá - thông tin: bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử và các di sản văn hoá dân tộc; phát triển điện ảnh Việt Nam; xây dựng đời sống văn hoá cơ sở, trong đó chú trọng vấn đề gia đình văn hoá, làng bản văn hoá, nếp sống văn minh đô thị. Mở rộng giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao với các dân tộc, nhất là với các nước trong khu vực. Tăng cường các biện pháp và phối hợp lực lượng của toàn xã hội, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, đấu tranh bền bỉ và mạnh mẽ nhằm ngăn chặn, loại trừ các văn hoá phẩm độc hại và các tệ nạn xã hội.

Đổi mới cơ chế quản lý theo hướng xã hội hoá các hoạt động văn hoá - thông tin, đồng thời tiếp tục xây dựng và hoàn chỉnh các chế độ chính sách phù hợp với đặc điểm của ngành (như trợ giá, đặt hàng, vốn, thuế đối với sản phẩm văn hoá; chế độ thu sự nghiệp văn hoá, chính sách huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước...) nhằm bảo đảm sự nghiệp văn hoá - thông tin phát triển nhanh trong quá trình đổi mới, giữ được định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Có chính sách chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của đội ngũ những người làm công tác văn hoá, văn nghệ.

Cải thiện các chỉ tiêu cơ bản về *sức khoẻ cho mọi người*, từng bước nâng cao thể trạng và tầm vóc, trước hết là nâng cao thể lực bà mẹ, trẻ em.

Tạo chuyển biến nhanh trong việc thực hiện *chiến lược dân số* cả về quy mô, cơ cấu và sự phân bố, tập trung trước hết vào mục tiêu mỗi cặp vợ chồng không có quá hai con và được nuôi dạy tốt; giảm nhanh tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ ba trở lên. Ngoài việc đầu tư thêm kinh phí và phương tiện

kỹ thuật, cần tăng cường giáo dục truyền thông, bổ sung các chính sách về hạn chế sinh đẻ, củng cố hệ thống quản lý dân số, kế hoạch hoá gia đình các cấp có mạng lưới đến tận thôn xóm, đường phố. Giảm nhịp độ phát triển dân số xuống dưới 1,8% vào năm 2000.

Thực hiện chương trình *dinh dưỡng quốc gia*, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi từ 42% hiện nay xuống còn dưới 30% năm 2000 và không còn suy dinh dưỡng nặng, đưa tỷ lệ dân số có mức ăn dưới 2.100 Kcalo/ngày xuống dưới 10%, chăm sóc phụ nữ có thai, sinh đẻ, giảm tỷ lệ tử vong của phụ nữ khi đẻ xuống 0,5 phần nghìn, của trẻ em dưới 1 tuổi xuống dưới 30 phần nghìn, của trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 55 phần nghìn.

Giảm hẳn tỷ lệ mắc bệnh và tỷ lệ chết do các bệnh nhiễm khuẩn, ký sinh trùng như sốt rét, lao, bệnh ỉa chảy và viêm phổi ở trẻ em. Mở rộng việc phòng, chống bệnh bướu cổ, thực hiện toàn dân ăn muối có trộn iốt. Thanh toán bệnh bại liệt, phong, uốn ván ở trẻ sơ sinh, nhanh chóng dập tắt các ổ dịch, phòng chống bệnh dại. Chống tệ nghiện hút, mại dâm; ngăn chặn nhiễm HIV/AIDS và tổ chức điều trị những người đã mắc.

Phát triển các dịch vụ *khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ ban đầu* của y tế nhà nước, y tế dân lập. Thí điểm hình thức liên doanh giữa cơ sở y tế nhà nước với nước ngoài cả về y và dược. Phát triển y học cổ truyền dân tộc, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại. Chấn chỉnh tổ chức quản lý ngành dược, đổi mới công nghệ, mở rộng mặt hàng và nâng cao chất lượng sản phẩm của các cơ sở sản xuất và cung ứng thuốc, thiết bị y tế.

Tăng chi ngân sách và huy động nhiều nguồn vốn khác để đầu tư xây dựng và nâng cấp các cơ sở y tế. Đến năm 2000,

tất cả các xã trong nước đều có trạm y tế, 40% trạm có bác sĩ, tất cả các trạm có y sĩ sản, nhi hoặc nữ hộ sinh, các thôn có y tá. Tất cả các huyện đều có trung tâm y tế đủ sức làm nhiệm vụ của tuyến hỗ trợ thứ nhất. Trung tâm y tế của tất cả các tỉnh có đủ thiết bị chủ yếu cho các khoa, đủ sức làm nhiệm vụ của tuyến hỗ trợ thứ hai. Tiếp tục xây dựng hai trung tâm y tế chuyên sâu tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Cải thiện chính sách và chế độ thù lao đối với cán bộ y tế, nhất là cán bộ y tế cơ sở và ở miền núi. Đa dạng hoá các loại hình bảo hiểm y tế. Xoá bỏ sự phân biệt giữa khám chữa bệnh theo chế độ bảo hiểm và theo chế độ thu phí dịch vụ. Có chính sách giải quyết viện phí cho người nghèo và nhân dân các vùng xa xôi, hẻo lánh.

Giảm đáng kể nhà ở chuột ở thành thị. Phần lớn *nhà ở* nông thôn được xây dựng chắc chắn và có công trình vệ sinh, chú ý vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Tạo bước tiến mới của phong trào *thể dục thể thao*, đạt 8 - 10% số dân tập luyện thể dục thể thao, 50% trường học các cấp thực hiện giáo dục thể chất có nền nếp, hình thành hệ thống đào tạo tài năng quốc gia, nâng cao thành tích các môn thể thao. Xây dựng quy hoạch và xúc tiến đầu tư phát triển các cơ sở vật chất về thể dục thể thao cho các trường học và các địa bàn dân cư. Xây dựng các trung tâm thể thao quốc gia. Tăng cường đào tạo cán bộ và nghiên cứu khoa học của ngành thể dục thể thao.

Phát triển các *hoạt động tình nghĩa* trong xã hội, chăm sóc tốt hơn người có công với nước, gia đình liệt sĩ, thương binh, những người có khó khăn trong cuộc sống, người tàn tật, người già không nơi nương tựa và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

9. Chương trình phát triển các vùng lãnh thổ

Mục tiêu:

Tạo điều kiện cho tất cả các vùng đều phát triển trên cơ sở khai thác thế mạnh và tiềm năng của mỗi vùng để hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý và liên kết giữa các vùng, tạo nên sự phát triển kinh tế - xã hội mạnh mẽ của cả nước.

Kết hợp sự phát triển có trọng điểm với sự phát triển toàn diện các vùng lãnh thổ, giảm bớt chênh lệch về nhịp độ phát triển giữa các vùng.

Nhiệm vụ và giải pháp:

Miền núi và các vùng có nhiều khó khăn, trước hết những địa bàn xung yếu, những khu căn cứ cách mạng, những vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người cần được ưu tiên đầu tư, tạo những điều kiện ban đầu để khai thác được các lợi thế và nguồn lực tại chỗ, tăng sức thu hút đầu tư, chất xám từ các nơi khác. Nhà nước dành viện trợ không hoàn lại và vốn vay theo điều kiện ưu đãi của nước ngoài để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, trước hết là đường giao thông, mạng lưới điện, giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe. Áp dụng chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, chuyển giao kỹ thuật, sử dụng đất đai. Khuyến khích hình thành những tụ điểm kinh tế có khả năng thúc đẩy kinh tế hàng hoá, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đa dạng hoá ngành nghề, phát triển công nghiệp chế biến; đẩy mạnh giao lưu hàng hoá, mở mang dịch vụ. Tích cực thực hiện chương trình xoá đói, giảm nghèo, định canh định cư, thiết lập trật tự trong việc di dân. Đặc biệt quan tâm nâng cao dân trí. Trong chỉ đạo điều hành phải có quyết tâm cao và biện pháp

mạnh mẽ để đưa miền núi đi lên, thu hẹp dần tình trạng cách biệt với các vùng phát triển.

Những vùng nông thôn đồng bằng có nhiệm vụ chiến lược là bảo đảm vững chắc an toàn lương thực quốc gia, cung cấp đầy đủ thực phẩm với chất lượng ngày càng cao cho các thành phố, khu công nghiệp và tăng nhanh xuất khẩu, kể cả xuất khẩu tại chỗ. Chú trọng phát triển đồng đều giữa các vùng đồng bằng và nâng cao hiệu quả kinh tế. Khắc phục tình trạng vùng chuyên canh lúa bị nghèo và thiệt hơn các vùng nông thôn khác, trước hết bằng chính sách tín dụng, giá cả và thuế. Khuyến khích phát triển chăn nuôi hàng hoá (kể cả nuôi trồng thuỷ sản), công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản, cơ khí sửa chữa và chế tạo ở trình độ thích hợp, sản xuất vật liệu xây dựng, phát triển các ngành nghề truyền thống kết hợp với ngành nghề mới; đẩy mạnh công nghiệp làm hàng xuất khẩu, vệ tinh gia công cho các trung tâm công nghiệp; phát triển tổng hợp các ngành dịch vụ. Chuyển bớt lao động nông nghiệp sang khu vực phi nông nghiệp tại chỗ, giảm bớt sức ép về lao động và dân số đối với các đô thị lớn.

Vùng biển và ven biển là địa bàn chiến lược về kinh tế và an ninh quốc phòng, có nhiều lợi thế phát triển và là cửa mở lớn của cả nước để đẩy mạnh giao lưu quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài. Khai thác tối đa tiềm năng và các lợi thế của vùng biển, ven biển, kết hợp với an ninh, quốc phòng, tạo thế và lực để phát triển mạnh kinh tế - xã hội, bảo vệ và làm chủ vùng biển của Tổ quốc.

Xây dựng cơ cấu kinh tế trong vùng hướng mạnh về xuất khẩu, kết hợp khai thác kinh tế ven biển, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc quyền tài phán quốc gia, theo

quy ước Luật biển quốc tế. Chú trọng kinh tế hải đảo và các căn cứ xuất phát ven biển. Quy hoạch phát triển kinh tế biển trong một *chương trình liên kết* các ngành kinh tế quan trọng như dầu khí, hải sản, vận tải biển, công nghiệp, khoáng sản biển, đóng và sửa chữa tàu biển, dân khoan, du lịch và dịch vụ biển, hình thành một số ngành mũi nhọn có công nghệ tiên tiến hiện đại, có giá trị xuất khẩu lớn, tạo nguồn tích lũy cao và ổn định cho nền kinh tế quốc dân.

Phát triển đồng bộ và hiện đại hoá kết cấu hạ tầng ven biển và các huyện đảo, gắn với vùng kinh tế trọng điểm. Hình thành các *trung tâm kinh tế biển*, các đô thị lớn, các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu du lịch và thương mại với hệ thống các cảng biển được mở rộng và xây dựng mới, nhất là các cảng nước sâu. Phát triển các hành lang kinh tế ven biển, trước hết là các dải Hải Phòng - Hạ Long - Móng Cái, Huế - Quảng Ngãi, Vũng Tàu - Bà Rịa...

Quy hoạch và xây dựng chương trình phát triển *kinh tế hải đảo*, trước hết tập trung vào một số đảo quan trọng về kinh tế và quốc phòng, an ninh như: Phú Quốc, Thổ Chu, Côn Sơn, Phú Quý, Lý Sơn, Cát Bà, Cô Tô, Vĩnh Thực, Bạch Long Vĩ... Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng như các công trình thiết yếu về cầu cảng, đường sá, cấp điện, nước, thông tin liên lạc... Có chính sách ưu đãi đặc biệt để khuyến khích dân ra định cư phát triển kinh tế đảo, nâng cao đời sống và bảo đảm điều kiện cần thiết cho các chiến sĩ trên đảo. Nhà nước dành thêm vốn tín dụng ưu đãi cho dân vay để phát triển nghề cá biển khơi. Tăng cường các hoạt động điều tra cơ bản, khoa học và công nghệ về biển. Đặc biệt quan tâm bảo vệ tài nguyên và môi trường ven biển và biển. Đầu tư thích đáng cho việc tăng cường, củng cố an ninh, quốc phòng, bảo vệ vững chắc chủ quyền và lợi ích quốc gia trên vùng biển, đảo.

Bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách về quản lý, khai thác biển, ven biển và các hải đảo.

Khu vực đô thị có lợi thế và điều kiện phát triển nhanh; các thành phố lớn đóng vai trò trung tâm giao lưu kinh tế trong vùng và quốc tế. Hình thành mạng lưới đô thị mang chức năng trung tâm khu vực hay tiểu vùng để phát huy tác động của công nghiệp và dịch vụ đến các vùng khác, nhờ đó mà có thể khai thác nhiều hơn, có hiệu quả hơn các tiềm năng của mỗi vùng. Tùy điều kiện từng nơi, tất cả các thị xã, thị trấn đều phải được phát triển trên cơ sở đẩy mạnh công nghiệp và dịch vụ mang ý nghĩa tiểu vùng. Hình thành các thị tứ làm trung tâm kinh tế, văn hoá cho mỗi xã hoặc cụm xã.

Phát triển các đô thị vệ tinh xung quanh các thành phố lớn để dẫn dắt công nghiệp và dân cư, tránh sự tập trung quá mức vào Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạo điều kiện cần thiết để thu hút công nghiệp và phát triển đô thị mới lên vùng đồi trung du, tránh sử dụng nhiều diện tích đất lúa. Hạn chế mở rộng quy mô các thành phố lớn. Sớm quy hoạch mạng lưới đô thị lớn, vừa và nhỏ trong toàn quốc phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển đô thị phải đi đôi với việc xây dựng đồng bộ và quản lý các công trình công cộng (điện, cấp thoát nước, cây xanh...).

Coi trọng việc kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và văn hoá, giữ gìn bản sắc và truyền thống dân tộc với tiến lên hiện đại trong phát triển đô thị.

Ba vùng kinh tế trọng điểm ở ba miền Bắc, Trung, Nam có điều kiện tăng trưởng kinh tế nhanh hơn nhịp độ chung của cả nước, cung ứng cho cả nước nhiều sản phẩm và dịch vụ cần thiết, phát huy vai trò trung tâm về công nghiệp, dịch vụ, thương mại, tài chính, khoa học kỹ thuật, là cửa ngõ giao

lưu quốc tế. Phát triển ba vùng trọng điểm phải kết hợp chặt chẽ, phục vụ và thúc đẩy cho sự phát triển các vùng khác và cả nước, tạo điều kiện để các doanh nghiệp ở vùng trọng điểm mở rộng kinh doanh và đầu tư ra các vùng khác.

10. Chương trình phát triển kinh tế - xã hội miền núi và vùng đồng bào dân tộc

Mục tiêu:

Khai thác mọi nguồn lực ở địa phương và huy động sức của cả nước để tạo bước tiến nhanh hơn về kinh tế - xã hội, ổn định đời sống, cải thiện môi trường, môi sinh.

Phấn đấu tăng trưởng kinh tế với tốc độ bằng hoặc cao hơn mức bình quân chung của cả nước; năm 2000 GDP bình quân đầu người đạt gấp đôi năm 1994.

Các khu vực miền núi và vùng đồng bào dân tộc đều phải có bước phát triển, khu vực có điều kiện thuận lợi phải phát triển với tốc độ cao hơn để thúc đẩy, hỗ trợ các khu vực khác cùng phát triển.

Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hoà với phát triển xã hội - văn hoá, bảo đảm an ninh - quốc phòng, phấn đấu giảm bớt khoảng cách giữa các vùng về mặt tiến bộ xã hội.

Nhiệm vụ:

Công nghiệp.

Phát triển công nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu. Sắp xếp và đầu tư chiều sâu các cơ sở hiện có.

Phát triển công nghiệp nhỏ, thủ công nghiệp ở những vùng sâu, vùng xa, khuyến khích các nghề thủ công truyền thống.

Xây dựng các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, đẩy mạnh công tác thăm dò và khai thác khoáng sản.

Hoàn thành đúng tiến độ các công trình thuỷ điện đang xây dựng và chuẩn bị một số công trình mới ở Sơn La, Sông Gâm, Tây Nguyên...

Nông - lâm nghiệp.

Giải quyết lương thực theo quan điểm kinh tế hàng hoá. Mở rộng diện tích lương thực ở vùng có điều kiện thuỷ lợi, chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý đi đôi với thâm canh tăng năng suất bằng áp dụng tiến bộ kỹ thuật về giống, phân. Bảo đảm tốc độ lương thực sản xuất tại chỗ tăng hằng năm 3,5 - 4% và năm 2000 đạt bình quân đầu người 250 - 280kg. Mở rộng giao lưu với các vùng để bảo đảm an toàn lương thực.

Đưa độ che phủ rừng vào năm 2000 trên 40%. Hình thành hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn xung yếu và vùng nguyên liệu giấy, gỗ trụ mỏ.

Đưa diện tích cây công nghiệp dài ngày từ 179 nghìn ha năm 1994 lên gấp đôi vào năm 2000, trong đó cao su 166 nghìn ha; cà phê 101 nghìn ha và chè 97 nghìn ha. Phát triển mạnh chăn nuôi, nhất là chăn nuôi đại gia súc.

Gắn phát triển lâm nghiệp với công tác định canh, định cư. Ổn định sản xuất và đời sống của các hộ mới định canh, định cư. Tiếp tục đầu tư để hoàn thành các dự án của Chương trình 327, ưu tiên hằng năm mở thêm 80 - 100 dự án cho vùng đang còn du canh, du cư. Năm 2000 cơ bản hoàn thành công tác định canh, định cư trong cả nước.

Kết cấu hạ tầng và dịch vụ.

Về giao thông, đầu tư nâng cấp các đường quốc lộ; tuyến đường dọc biên giới và các tuyến đường đến các huyện, xã vùng cao. Gắn việc phân bố lại dân cư với việc xây dựng đường sá để giao thông phục vụ tốt các điểm dân cư. Đến năm 2000, hầu hết các xã hoặc cụm xã đều có đường ô tô đến trung tâm.

Về năng lượng, năm 2000 có 100% huyện lỵ có điện và khoảng 60 - 70% xã có điện.

Về thủy lợi, đẩy mạnh công tác xây dựng các hồ chứa nước bảo đảm tuổi tiêu cho các vùng sản xuất lương thực và cây công nghiệp tập trung, cung cấp nước cho công nghiệp và đô thị, kết hợp với phát điện nếu có điều kiện. Tiếp tục thực hiện chương trình nước sạch nông thôn, năm 2000 có 80% số dân được dùng nước sạch.

Xây dựng và phát triển đô thị, thị trấn, thị tứ để thúc đẩy và hỗ trợ vùng nông thôn miền núi phát triển, đưa tỷ lệ dân đô thị từ 14% năm 1994 lên 18% năm 2000. Hình thành các điểm thương mại cấp vùng, thị xã, huyện và cụm xã. Nhà nước trợ giá một số mặt hàng cơ bản (muối iốt, dầu, giấy học sinh...). Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư và cung cấp hàng hoá trong vùng. Phấn đấu xuất khẩu đạt tốc độ tăng bình quân hàng năm 20 - 30%.

Bảo tồn và khai thác vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên và các di tích lịch sử để phát triển du lịch.

Thực hiện chương trình phát thanh, truyền hình, chương trình phát triển thông tin liên lạc; năm 2000 đạt 100% số huyện có trạm phát lại truyền hình, hầu hết số xã có trạm điện thoại.

Phát triển mạng lưới y tế, giáo dục ở xã, bản: năm 2000 có 100% số xã có trạm y tế, có cơ sở được, bảo đảm cung cấp đủ các loại thuốc thông thường cho nhân dân, có đủ phương tiện khám và chữa các loại bệnh thông thường; phổ cập giáo dục tiểu học và xoá mù chữ cho những người trong độ tuổi. Mở rộng các hình thức giáo dục, củng cố và phát triển các trường dân tộc nội trú, bán trú.

Giảm tỷ lệ nghèo vào năm 2000 xuống dưới 30% số hộ, không còn hộ đói.

Giải pháp chủ yếu:

Khu vực I, gồm các trung tâm đô thị, thị trấn và khu công nghiệp, hiện nay chiếm khoảng 0,1% diện tích tự nhiên và 15% dân số của các tỉnh và huyện miền núi. GDP bình quân đầu người cao hơn mức bình quân chung cả nước. Cơ chế đầu tư ở đây chủ yếu là huy động từ cộng đồng và vốn vay, tạo nên thị trường nội vùng và làm đầu mối giao lưu giữa miền núi với các vùng khác trong cả nước; phát triển với nhịp độ cao hơn mức bình quân cả nước để thúc đẩy sự phát triển của vùng.

Khu vực II, gồm các vùng đệm giữa các khu vực đô thị và vùng sâu, vùng xa, vùng cao, hiện nay chiếm gần 15% diện tích tự nhiên và 25% dân số của các tỉnh và huyện miền núi; GDP bình quân đầu người năm 1994 bằng 70% mức trung bình cả nước. Mật độ đường giao thông còn thấp, mới có 0,18 km/km². Cơ chế đầu tư đối với khu vực này là có sự hỗ trợ tích cực của Nhà nước về hạ tầng, huy động vốn từ cộng đồng và vốn tín dụng. Xoá đói và định canh, định cư 100%; giảm tỷ lệ nghèo xuống dưới 30% trước năm 2000.

Khu vực III, là khu vực khó khăn nhất, hiện chiếm 85% diện tích tự nhiên và 60% dân số của các tỉnh và huyện miền núi, gồm khu vực vùng cao, vùng sâu, điều kiện sống và dịch vụ, hạ tầng cực kỳ khó khăn; đất nông nghiệp thiếu, chưa đủ điều kiện tiến lên sản xuất hàng hoá; GDP bình quân đầu người năm 1994 chỉ bằng 31% mức trung bình cả nước. Mật độ đường giao thông chỉ có 0,09 km/km², còn 464 xã chưa có đường ô tô đến. Mục tiêu của khu vực này đến năm 2000 là xoá đói, giảm nghèo, đưa số hộ nghèo từ 70% hiện nay xuống dưới 40%; 100% định cư. Nhà nước phải có biện pháp tập trung vốn ngân sách đầu tư theo chương trình tổng hợp và có sự chỉ đạo chặt chẽ giúp cho khu vực này phát triển nhanh, giúp các tỉnh biên giới phía bắc trụ dân lại.

Vốn đầu tư ngân sách cho miền núi và vùng đồng bào dân tộc sẽ được tập trung hỗ trợ xây dựng các cơ sở giao thông, điện, giống cây con, trường học, trạm y tế, bệnh viện. Vốn tín dụng tập trung hỗ trợ phát triển nông - lâm nghiệp, xoá đói, giảm nghèo.

Lồng ghép các chương trình phát triển trên địa bàn miền núi và vùng đồng bào dân tộc để đầu tư một cách đồng bộ, thiết thực đối với lợi ích của đồng bào các dân tộc. Áp dụng cách quản lý đặc thù về đầu tư đối với miền núi trong từng khu vực cụ thể. Có chính sách ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc, nâng cao năng lực cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo ở các cấp chính quyền, cán bộ quản lý kinh tế. Tăng cường cán bộ cho cơ sở. Ban hành các chính sách khuyến khích cán bộ công tác ở vùng cao, vùng sâu, các cán bộ miền xuôi lên công tác ở miền núi. Tổ chức các đội trí thức mới ra trường tình nguyện xuống các bản, làng giúp đồng bào dân tộc.

11. Chương trình về xoá đói, giảm nghèo

Mục tiêu:

Giảm tỷ lệ nghèo đói trong tổng số hộ của cả nước từ 20 - 25% hiện nay xuống còn khoảng 10% vào năm 2000, bình quân giảm 300 nghìn hộ/năm.

Trong 2 - 3 năm đầu của kế hoạch 5 năm, tập trung xoá về cơ bản nạn đói kinh niên.

Cơ chế chính sách đối với người nghèo và xã nghèo:

Hiện nay có 14 chương trình quốc gia và dự án được thực hiện có nội dung gắn với xoá đói, giảm nghèo. Từ năm 1996 sẽ lồng ghép chương trình xoá đói, giảm nghèo với các chương trình khác, trong đó lấy chương trình quốc gia về giải quyết việc làm và về phủ xanh đất trống đồi núi trọc làm nòng cốt.

Bổ sung các chính sách giúp cho người nghèo, hộ nghèo, xã nghèo tổ chức sản xuất, bảo đảm cuộc sống và nâng lên khá giả, trước mắt tập trung vào các chính sách sau đây:

Ủy ban nhân dân các cấp tỉnh, huyện rà soát lại toàn bộ diện tích đất đai trên địa bàn lãnh thổ, thu hồi đất đai đã cấp không đúng đối tượng, không đúng chính sách; thu hồi đất đai đã cấp cho các doanh nghiệp, các cơ quan sử dụng không đúng mục đích, để giao cho các hộ nông dân nghèo chưa được giao đất hoặc giao chưa đủ mức. Vận động và giúp đỡ hộ nông dân nghèo đến các vùng kinh tế mới mau chóng ổn định sản xuất và đời sống.

Mở rộng các quỹ tín dụng cho các hộ nghèo vay vốn sản xuất, với lãi suất ưu đãi. Các hộ nghèo được ủy ban nhân dân xã, phường chứng nhận được vay vốn không phải thế chấp. Thông qua ngân hàng phục vụ người nghèo và các quỹ hỗ trợ của các tổ chức đoàn thể bảo đảm 90 - 95% số hộ nghèo được vay vốn sản xuất, trong đó các hộ thuộc đối tượng chính sách, các hộ đói nghèo nhất được ưu tiên vay trước. Nguồn vốn để thực hiện mục tiêu này bao gồm vốn tự có của ngân hàng, vốn của các chương trình, vốn của quỹ xóa đói, giảm nghèo, vốn tài trợ quốc tế kể cả vốn vay, vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước...

Các cơ sở đào tạo và các trung tâm dạy nghề của Nhà nước thực hiện việc đào tạo nghề miễn phí đối với con em các hộ nghèo; đồng thời hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp nhận tuyển con em các hộ nghèo vào đào tạo và làm việc.

Xây dựng đội ngũ những người tình nguyện, bao gồm các cán bộ kỹ thuật, sinh viên mới tốt nghiệp và những nông dân làm ăn giỏi trong vùng, để hướng dẫn cách làm ăn và phổ biến các biện pháp kỹ thuật giúp đỡ người nghèo sản xuất kinh doanh.

Đối với các vùng cao, vùng sâu, vùng xa sản phẩm tiêu thụ khó khăn, giá thấp, Nhà nước thông qua các doanh nghiệp nhà nước bao tiêu sản phẩm và trợ giá.

Xây dựng chính sách tài trợ đầu tư 6 loại công trình xã hội thiết yếu cho 1.300 xã nghèo nhất (đường ô tô và đường dây điện đến trung tâm xã; nước sạch cho dân cư; phòng học cho học sinh cấp I, II, xoá lớp ca 3; trạm y tế; chợ tại xã hoặc liên xã).

Con em các hộ nghèo đi học các trường phổ thông đều được miễn học phí (hoặc được cấp học bổng để đóng học phí); ở bậc tiểu học được mượn sách giáo khoa, cấp không vở viết và được miễn mọi khoản đóng góp khác. Đối với các hộ quá khó khăn có thể xét trợ cấp thêm học bổng. Tổ chức các lớp học tình thương cho con em người nghèo do những giáo viên tình nguyện giảng dạy.

Các học sinh giỏi là con em các hộ nghèo, nhất là con em đồng bào các dân tộc ít người, được ưu tiên xét chọn vào các trường dân tộc nội trú, các trường đại học, cao đẳng và ưu tiên xét học bổng hằng năm.

Cấp miễn phí thẻ bảo hiểm y tế cho các hộ nghèo theo số người trong gia đình. Các tỉnh, thành phố có điều kiện, có thể thành lập cơ sở khám chữa bệnh nhân đạo cho người nghèo.

Phối hợp các chương trình xã hội khác như: Dân số, kế hoạch hoá gia đình, chống sốt rét, bấu cổ, tiêm chủng mở rộng, phòng chống tệ nạn xã hội và chương trình hành động quốc gia vì trẻ em 1991 - 2000 để chăm sóc sức khoẻ cho người nghèo.

Tổ chức điều tra xác định số hộ nghèo đói do mất khả năng lao động và xây dựng tiêu chuẩn chính sách trợ cấp cụ thể theo chính sách cứu tế xã hội nhằm ổn định đời sống lâu dài cho họ.

Phần thứ ba

CÁC GIẢI PHÁP VÀ CHÍNH SÁCH CHỦ YẾU

**I- MỘT SỐ CÂN ĐỐI LỚN CỦA KẾ HOẠCH
5 NĂM 1996 - 2000**

1. Cân đối tài chính

Cân đối tích lũy - tiêu dùng:

Đổi mới các cơ chế chính sách về kinh tế và xã hội để hướng dẫn tiêu dùng của dân cư phù hợp với khả năng của nền kinh tế. Dự kiến 5 năm tới tiêu dùng bình quân đầu người tăng hằng năm khoảng 6%, gần gấp đôi nhịp độ tăng của 5 năm trước và đến năm 2000 bằng 1,5 lần so với năm 1990. Tích lũy và đầu tư phát triển tăng bình quân hằng năm 15%. Toàn bộ tích lũy tài sản gộp của 5 năm bằng khoảng 33% so với GDP (5 năm 1991 - 1995, tỷ lệ này là 24,6%) bao gồm: tích lũy tài sản cố định chiếm phần chủ yếu (khoảng 90%), tích lũy tài sản lưu động và tăng dự trữ tài sản quý hiếm.

Về ngoại tệ:

Trong 5 năm 1996 - 2000 dự kiến nguồn ngoại tệ vào nước ta khoảng 88 - 90 tỉ USD; trong đó, từ xuất khẩu khoảng 58 - 60 tỉ USD, nếu kể cả xuất khẩu tại chỗ (cả hàng hoá lẫn dịch vụ) thì tổng ngoại tệ thu từ xuất khẩu khoảng 64,5 đến 67 tỉ USD; từ nguồn vay nợ và viện trợ khoảng 7 - 8 tỉ USD; còn lại là nguồn đầu tư trực tiếp, kiều hối...

Tổng chi ngoại tệ trong 5 năm dự kiến 86 - 87 tỉ USD, trong đó, chi nhập khẩu 75 tỉ USD; chi phí dịch vụ của các ngành hàng không, bưu điện, du lịch... khoảng 2 tỉ USD; còn lại là chi trả nợ, các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển lợi nhuận về nước...

Như vậy theo dự báo ban đầu, trong 5 năm 1996 - 2000, nguồn ngoại tệ vào nước ta sẽ tăng nhanh. Tuy còn nhập siêu lớn nhưng cán cân thanh toán quốc tế có thể vẫn bội thu. Vì vậy, sức mua của đồng tiền Việt Nam so với ngoại tệ mạnh có tăng lên, nhưng chưa lành mạnh và không lợi cho xuất khẩu, cần phải có các giải pháp hữu hiệu để hạn chế tình trạng này.

2. Cân đối ngân sách nhà nước

Dự kiến bố trí cân đối ngân sách như sau:

Tổng thu ngân sách nhà nước trong 5 năm 1996 - 2000 khoảng 21 - 22% GDP, trong đó thu thuế và phí khoảng 20 - 21% GDP (1991 - 1995 là 20%, riêng 1995: 21,6%).

Tổng chi ngân sách nhà nước khoảng 24 - 25% GDP (1991 - 1995 là 25,5%); trong đó, chi tiêu dùng thường xuyên khoảng 14% GDP; trả nợ khoảng 3,5% GDP, dành cho đầu tư phát triển khoảng 6,5 - 7% GDP (1991 - 1995 là 6,4%) và bằng 26% tổng số chi ngân sách nhà nước. Bội chi ngân sách khoảng 3 - 3,5% GDP và dự kiến bù đắp bằng nguồn vay trong nước trên 50%, vay dài hạn ngoài nước dưới 50%.

Các chính sách và giải pháp thực hiện:

Tiếp tục cải cách hệ thống thuế bước 2, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới nền kinh tế và phù hợp với thông lệ quốc tế, nhưng không làm giảm nguồn thu ngân sách. Trong chỉ đạo điều hành, ngoài việc tận thu thuế và phí theo luật định, phải vừa nuôi dưỡng, làm tăng nguồn thu, vừa triệt để khai thác các nguồn thu khác (đất đai, tài nguyên, nhà cửa, trụ sở...) để tăng thu ngân sách, đáp ứng tốt hơn nhu cầu chi tiêu ngày càng tăng của Nhà nước. Đồng thời, để từng bước

thực hiện công bằng xã hội, cần sửa đổi, bổ sung các sắc thuế, điều tiết có hiệu quả thu nhập của các tầng lớp dân cư.

Bảo đảm chỉ tiêu dùng thường xuyên ở mức cần thiết hợp lý, tiết kiệm, ưu tiên cho nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, tiếp thu công nghệ hiện đại, bảo vệ sức khoẻ nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh và giải quyết các vấn đề bức xúc trong lĩnh vực xã hội...

Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất và triệt để tiết kiệm trong sản xuất cũng như trong tiêu dùng mà tăng nhanh vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Đối với vốn từ nước ngoài, phải bảo đảm sử dụng có hiệu quả và trả được nợ.

Tốc độ tăng chi cho tiêu dùng thường xuyên phải thấp hơn tốc độ tăng chi cho đầu tư và thấp hơn tốc độ tăng chi ngân sách.

Đề chủ động hơn trong điều hành, ngân sách hằng năm phải có dự phòng thích đáng và có quỹ dự trữ tài chính gối đầu cho năm sau.

Từng bước giảm dần bội chi ngân sách, không bù đắp bội chi bằng phát hành tiền dưới bất kỳ hình thức nào. Vay dân, vay nước ngoài phải tính toán hiệu quả, đặc biệt phải nhanh chóng chấm dứt tình trạng vay ngắn hạn với lãi suất cao làm tăng gánh nặng trả nợ cho ngân sách.

3. Cân đối vốn đầu tư

Trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước theo đường lối đổi mới, Đảng và Nhà nước ta chủ trương huy động mọi nguồn vốn trong và ngoài nước để đầu tư phát triển, trong đó vốn trong nước có ý nghĩa quyết định, vốn ngoài nước có ý nghĩa quan trọng, kết hợp tiềm năng sức mạnh bên trong với khả năng có thể tranh thủ ở bên ngoài. Chiến lược lâu dài là phải huy động tối đa nguồn vốn trong nước để

chiếm tỷ lệ cao trong đầu tư. Tuy nhiên, những năm đầu thời kỳ công nghiệp hoá đòi hỏi nguồn vốn lớn, mà vốn trong nước còn hạn hẹp, nên phải huy động thêm nguồn vốn bên ngoài cho nhu cầu đầu tư phát triển, trên nguyên tắc bảo đảm hiệu quả kinh tế và trả được nợ. Để bảo đảm tốc độ GDP tăng 9 - 10%/năm thì vốn đầu tư xã hội trong 5 năm tới phải đạt 41 - 42 tỉ USD (tính theo mặt bằng giá 1995), trong đó vốn trong nước chiếm trên 50%. Tăng nhanh mức huy động vốn thông qua các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển và mở rộng thị trường vốn bằng nhiều hình thức như: tiền gửi tiết kiệm dài hạn, phát hành trái phiếu, cổ phiếu, kể cả việc phát hành trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, mở rộng các quỹ đầu tư và các hình thức huy động nguồn vốn nước ngoài. Từng bước hình thành thị trường chứng khoán.

Dự kiến cơ cấu các nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội như sau:

Tổng vốn đầu tư từ ngân sách (bao gồm cả nguồn tích lũy từ thu ngân sách trong nước và một phần vốn ODA) chiếm 21%; vốn tín dụng nhà nước 7%; vốn doanh nghiệp nhà nước tự đầu tư 24% (bao gồm khấu hao cơ bản để lại, lợi nhuận sau thuế, vay một phần ODA và vay trên thị trường vốn); vốn đầu tư của dân khoảng 17%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) khoảng 31%.

Nếu tính riêng cơ cấu vốn đầu tư trong nước, thì vốn đầu tư ngân sách chiếm 25%, vốn tín dụng nhà nước chiếm 14%, vốn doanh nghiệp chiếm 28%, vốn của dân chiếm 33%.

Định hướng đầu tư phát triển toàn xã hội đối với các ngành và lĩnh vực kinh tế chủ yếu như sau: nông, lâm, ngư nghiệp, thủy lợi chiếm 20%; công nghiệp chiếm 43%; hạ tầng

giao thông, bưu điện chiếm 18%; hạ tầng xã hội, giáo dục, y tế, văn hoá, môi trường, khoa học công nghệ chiếm 14%; và đầu tư khác 5%.

Phần vốn nhà nước có thể chi phối trực tiếp được bao gồm: ngân sách nhà nước, tín dụng nhà nước và doanh nghiệp nhà nước đầu tư chiếm trên 52%; trong đó cơ cấu nguồn vốn từ ngân sách được định hướng như sau: nông, lâm, ngư nghiệp, thủy lợi chiếm 22%; giao thông, bưu điện chiếm 35%; hạ tầng xã hội chiếm 35%; các ngành khác gần 10%.

Vốn đầu tư của các doanh nghiệp ưu tiên cho đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ. Đối với vốn đầu tư của dân và nguồn vốn FDI, Nhà nước thông qua cơ chế chính sách để định hướng, nhằm thực hiện cơ cấu đầu tư toàn xã hội đã nêu trên.

Một số quan hệ lớn về phân bổ nguồn vốn đầu tư:

Giữa vùng kinh tế trọng điểm với các vùng khác:

Trong khi tập trung đúng mức cho 3 vùng kinh tế trọng điểm, phải đặc biệt coi trọng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng biên giới, vùng biển, đảo, vùng đồng bào dân tộc, vùng căn cứ cách mạng, dành nguồn lực thích đáng để giải quyết những nhu cầu bức xúc của các vùng khác.

Vốn ngân sách nhà nước và vốn ODA dành cho các dự án do các ngành trung ương trực tiếp quản lý sẽ được phân bổ đều cho các vùng để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội. Vốn đầu tư của ngân sách do địa phương quản lý bố trí khoảng 30% cho 3 vùng kinh tế trọng điểm và 70% cho các vùng khác. Riêng vốn đầu tư của các doanh nghiệp, của dân cư và đầu tư trực tiếp của nước ngoài, tỷ lệ đầu tư ở các vùng trọng điểm có thể cao hơn.

Giữa các ngành công nghiệp:

Vốn đầu tư cho các ngành công nghiệp nhẹ và công nghiệp chế biến cho tiêu dùng và xuất khẩu chiếm 12% tổng vốn đầu tư toàn xã hội (khoảng 30% vốn đầu tư cho các ngành công nghiệp).

Vốn đầu tư cho các ngành công nghiệp nặng chiếm 30% vốn đầu tư toàn xã hội (khoảng 70% vốn đầu tư cho các ngành công nghiệp) để xây dựng có chọn lọc một số công trình có nhu cầu cấp bách đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, có điều kiện về vốn, về thị trường và hoạt động có hiệu quả như điện, dầu và khí, xi măng, thép...

II- CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ VÀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ

1. Thực hiện tốt chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần

Tiếp tục đổi mới và phát triển có hiệu quả khu vực *kinh tế nhà nước* để làm tốt vai trò chủ đạo. Xác định những ngành và lĩnh vực cần tập trung nguồn lực để củng cố và phát triển doanh nghiệp nhà nước; phân định rõ và có cơ chế quản lý thích hợp đối với doanh nghiệp công ích và doanh nghiệp kinh doanh. Tiếp tục tổ chức lại và sắp xếp các doanh nghiệp nhà nước phù hợp với quy hoạch ngành, lãnh thổ. Tổng kết kinh nghiệm, hoàn chỉnh khuôn khổ pháp lý để triển khai tích cực và vững chắc việc cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước nhằm tạo thêm động lực mới trong quản lý, huy động thêm vốn cho yêu cầu phát triển và điều chỉnh cơ cấu doanh nghiệp nhà nước. Trong quá trình cổ phần hoá, tiền thu được do bán cổ phần của Nhà nước phải đầu tư lại

để mở rộng sản xuất kinh doanh làm cho tài sản thuộc sở hữu của Nhà nước ngày càng tăng lên, chứ cổ phần hoá không đồng nghĩa với tư nhân hoá. Có chính sách cụ thể tạo điều kiện và khuyến khích người lao động trong doanh nghiệp mua cổ phần hoặc góp vốn vào doanh nghiệp. Bảo đảm các nguyên tắc công khai, đấu thầu, đấu giá trong cổ phần hoá, ngăn ngừa việc xâm phạm tài sản nhà nước. Xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và sự phối hợp giữa các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước và thực hiện vai trò chủ sở hữu của Nhà nước đối với các doanh nghiệp mà Nhà nước có góp vốn.

Tổng kết, rút kinh nghiệm và mở rộng các hình thức *kinh tế hợp tác* đa dạng của người lao động trong các ngành nghề trên cơ sở góp cổ phần và lao động trực tiếp của xã viên, phân phối theo kết quả lao động và theo cổ phần, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện và cơ chế quản lý dân chủ, công khai về tài chính và kinh doanh. Thực hiện tốt Luật hợp tác xã. Nhà nước khuyến khích, giúp đỡ kinh tế hợp tác phát triển có hiệu quả. Tranh thủ nguồn vốn tài trợ quốc tế cho khu vực kinh tế này.

Phát triển đa dạng các hình thức *kinh tế tư bản nhà nước*, bao gồm các hình thức hợp tác, liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản tư nhân trong nước và với tư bản nước ngoài, nhằm động viên tiềm năng to lớn về vốn, công nghệ, khả năng tổ chức quản lý... của các nhà tư bản vì lợi ích của công cuộc xây dựng đất nước. Áp dụng nhiều phương thức góp vốn liên doanh giữa kinh tế nhà nước với các nhà kinh doanh tư nhân trong nước nhằm tạo thế, tạo lực cho các doanh nghiệp Việt Nam phát triển, tăng sức hợp tác và cạnh tranh với bên ngoài. Khuyến khích các ngân hàng thương mại, các công ty tài chính và các doanh nghiệp nhà nước hùn

vốn và huy động các thành phần kinh tế khác cùng góp vốn thực hiện các dự án, hoặc để tăng tỷ lệ góp vốn của phía Việt Nam trong các công trình hợp tác, liên doanh với bên ngoài.

Giúp đỡ *kinh tế cá thể, tiểu chủ* giải quyết các khó khăn về vốn, công nghệ, thị trường và kinh nghiệm quản lý để mở rộng và nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Hướng dẫn và có chính sách thích hợp khuyến khích họ tự tổ chức hoặc tham gia vào các tổ chức kinh tế hợp tác và các hình thức liên doanh, liên kết với kinh tế nhà nước.

Thực hiện các biện pháp chính sách để khuyến khích *kinh tế tư bản tư nhân* đầu tư vào sản xuất trong các ngành, các lĩnh vực phù hợp với mục tiêu và chiến lược phát triển của đất nước. Bảo hộ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp, tạo điều kiện thuận lợi đi đôi với tăng cường quản lý, hướng dẫn làm ăn đúng pháp luật, có lợi cho quốc kế dân sinh. Khuyến khích các chủ doanh nghiệp dành cổ phần ưu đãi để bán cho người lao động tại doanh nghiệp. Xây dựng quan hệ hợp tác giữa chủ và thợ trên cơ sở thực hiện Luật lao động, bảo đảm lợi ích hợp pháp của cả hai bên.

2. Hoàn thiện cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới các công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước

Xây dựng đồng bộ các loại thị trường, tạo môi trường cho sự vận động năng động và có trật tự của cơ chế thị trường.

Chăm lo giải quyết việc làm cho người lao động đi đôi với việc tăng cường vai trò của Nhà nước trong tổ chức quản lý và hướng dẫn việc sử dụng và thuê mướn lao động. Cụ thể hoá và thực hiện các quy định trong Bộ luật lao động, bảo đảm quyền của người lao động tự do tìm việc làm. Thực hiện rộng rãi chế độ hợp đồng lao động và trả

lương theo hợp đồng ký kết giữa người lao động và người sử dụng lao động.

Ban hành những quy định cụ thể về sở hữu và sử dụng bất động sản, về quyền sử dụng đất. Quy định việc tính giá chuyển quyền sử dụng đất trong giá trị bất động sản. Tiên tệ hoá bất động sản thuộc sở hữu nhà nước làm cơ sở cho việc thực hiện chính sách đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, chính sách cổ phần hoá một số doanh nghiệp nhà nước, chính sách phát triển các khu công nghiệp và khu dân cư mới, chính sách về nhà ở. Đối với đất nông nghiệp, ban hành quy định cụ thể cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, trên nguyên tắc tuân theo quy hoạch và bảo đảm an toàn lương thực. Kiểm soát việc tích tụ ruộng đất canh tác, vừa khuyến khích sản xuất hàng hoá vừa ngăn chặn tình trạng người làm nông nghiệp không có đất sản xuất. Khuyến khích các thành phần kinh tế khai hoang, phục hoá, mở rộng diện tích đất nông nghiệp.

Phát triển thị trường công nghệ đi đôi với triển khai thực hiện pháp lệnh về sở hữu công nghiệp và xúc tiến việc ban hành thể chế về quyền tác giả.

Phát triển thị trường vốn bằng nhiều hình thức thu hút tiền gửi trung, dài hạn qua ngân hàng và các công ty tài chính để cho vay đầu tư phát triển. Mở rộng việc phát hành trái phiếu, cổ phiếu và xúc tiến chuẩn bị về thể chế, cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc thiết lập thị trường chứng khoán và bảo đảm sự hoạt động lành mạnh của thị trường này.

Tiếp tục hoàn thiện và mở thêm nhiều loại hình thị trường hàng hoá và dịch vụ, với sự tham gia bình đẳng của các thành phần kinh tế. Nghiên cứu ban hành luật bảo đảm cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong kinh doanh, chống

cạnh tranh không lành mạnh và chống hạn chế thương mại. Mở rộng đi đôi với tổ chức lại thị trường nội địa trên các vùng đô thị, nông thôn và miền núi.

Tiếp tục đổi mới công tác kế hoạch hoá, hướng vào nâng cao chất lượng xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển các ngành, các vùng và toàn bộ nền kinh tế. Xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn. Nâng cao chất lượng các cân đối lớn và dự báo những khả năng và xu hướng phát triển làm cơ sở cho việc đề ra các mục tiêu kinh tế, các chính sách, giải pháp và định hướng về phân bổ nguồn lực để thực hiện. Nâng cao chất lượng xây dựng, thẩm định các dự án đầu tư. Thiết lập quy chế kết hợp chặt chẽ việc xây dựng kế hoạch, quy hoạch với việc hoạch định chính sách và thể chế để dẫn dắt, điều hành nền kinh tế theo định hướng kế hoạch, xử lý kịp thời những mất cân đối và những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch.

Tiếp tục cải cách và xây dựng hệ thống tài chính, tiền tệ thành công cụ điều tiết vĩ mô nhạy bén và phù hợp với tiến trình hội nhập quốc tế. Tiếp tục đổi mới chính sách thuế theo hướng vừa bảo đảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước, vừa khuyến khích sản xuất kinh doanh và thúc đẩy thực hành tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng để tăng tích lũy. Đơn giản hoá hệ thống thuế và biểu thuế suất; nâng tính ổn định của thuế, áp dụng thuế TVA thay cho thuế doanh thu; bổ sung thuế và phí sử dụng tài nguyên thiên nhiên không tái tạo. Xây dựng quy chế bảo đảm chi ngân sách tiết kiệm và có hiệu quả, nâng dần tỷ lệ chi cho đầu tư phát triển, kiềm chế bội chi. Thực hiện chế độ kiểm soát chi ngân sách và tài chính công thông qua kho bạc và kiểm toán nhà nước. Sớm hoàn thiện chính sách tài chính quốc gia, thực hiện tốt

Luật ngân sách nhà nước, đặc biệt là những quy định về phân cấp ngân sách.

Hoàn thiện cơ chế phát hành tiền và kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện. Mở rộng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt. Tiếp tục chuyển các ngân hàng thương mại sang cơ chế kinh doanh đầy đủ. Phát triển ngân hàng phục vụ người nghèo với lãi suất ưu đãi và thể thức cho vay thích hợp. Sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh ngân hàng và nâng lên thành luật. Cho phép các định chế tài chính kinh doanh đa dạng, phát triển mạnh các dịch vụ tài chính, ngân hàng theo đúng pháp luật và các quy định quản lý của Ngân hàng nhà nước. Khuyến khích phát triển, đa dạng hoá hoạt động kinh doanh bảo hiểm của các thành phần kinh tế và mở ra hợp tác với nước ngoài; đổi mới cơ chế và tổ chức quản lý bảo hiểm xã hội. Quy định rõ quy mô và phạm vi hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, phát huy tác dụng tích cực của họ trong việc đổi mới công nghệ ngân hàng, đồng thời bảo đảm sự kiểm soát của Ngân hàng nhà nước.

Đổi mới từng bước cơ chế quản lý ngoại hối phù hợp với điều kiện thực tế. Xác định tỷ giá hợp lý của đồng tiền Việt Nam với một số ngoại tệ có quan hệ nhiều trong giao dịch, từng bước làm cho đồng tiền Việt Nam có giá trị chuyển đổi đầy đủ.

3. Tiếp tục đổi mới cơ chế kinh tế đối ngoại, đẩy nhanh quá trình hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới

Trên cơ sở xác định những mặt hàng luật pháp cấm kinh doanh, một số mặt hàng chỉ Nhà nước được kinh doanh và một số mặt hàng phải quy định hạn ngạch, cho phép các đơn vị, chủ yếu là các đơn vị sản xuất có đăng ký kinh doanh

được tham gia hoạt động xuất, nhập khẩu với sự quản lý và hướng dẫn của Nhà nước. Cải tiến phương thức và cơ chế phân bổ hạn ngạch xuất, nhập khẩu.

Xây dựng đồng bộ chính sách khuyến khích xuất khẩu, bao gồm sự giúp đỡ về điều kiện sản xuất kinh doanh, chuyển giao công nghệ, tiếp thị và ưu đãi về thuế; hoàn thiện quy chế hoạt động của quỹ hỗ trợ xuất khẩu. Tách thuế nhập khẩu, không nhập làm một với thuế doanh thu (hoặc TVA) và thuế tiêu thụ đặc biệt; thu hẹp biểu thuế suất và giảm dần mức thuế nhập khẩu. Áp dụng danh mục và sự phân loại hàng hoá, quy chế hải quan phù hợp với thông lệ quốc tế và quy định chung của các nước ASEAN, chuẩn bị cho tiến trình gia nhập khối mậu dịch tự do AFTA. Thực hiện bảo hộ sản xuất có chọn lọc và có thời hạn bằng các biện pháp thích hợp, hỗ trợ các cơ sở sản xuất nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá và ngăn chặn buôn lậu.

Thống nhất từng bước chính sách đối với đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài. Thử nghiệm việc cho phép công ty và người nước ngoài mua cổ phiếu của các công ty cổ phần trong nước kể cả các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá, trong hạn mức quy định theo ngành nghề kinh doanh.

Xây dựng quy chế và xác định rõ trách nhiệm của cơ quan hành chính các cấp trong việc kiểm tra thực hiện các dự án đã được cấp giấy phép, giải quyết các trở ngại đối với việc thực hiện dự án, kiểm soát các doanh nghiệp đã đi vào hoạt động. Bổ sung quy chế thành lập và hoạt động của các văn phòng đại diện công ty nước ngoài tại Việt Nam, tạo thuận lợi cho công ty nước ngoài xúc tiến đầu tư, kinh doanh, đồng thời bảo đảm sự quản lý của Nhà nước, ngăn chặn và xử lý kịp thời những hoạt động trái pháp luật Việt Nam.

4. Cải cách hành chính

Nội dung cải cách nền hành chính đề ra trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) cần được triển khai thực hiện tích cực theo chương trình, kế hoạch. Tiếp tục xây dựng hệ thống pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Ban hành các luật mới như: Luật thương mại, Luật ngân hàng, Luật hải quan, Luật bưu chính viễn thông, Luật điện, Luật xây dựng, Luật khoa học và công nghệ, Luật tài nguyên nước... Sửa đổi bổ sung các luật và pháp lệnh hiện hành về thuế, về khuyến khích đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, về công ty, về doanh nghiệp tư nhân... Cải tiến việc ban hành văn bản pháp quy thi hành luật; bảo đảm tính thống nhất về nội dung, tính kịp thời và hiệu lực thi hành luật sau khi ban hành. Đẩy mạnh cải cách cơ bản thủ tục hành chính. Hoàn thành sớm việc ban hành và công bố các văn bản pháp quy về thủ tục hành chính đã được sửa đổi. Rà soát văn bản pháp quy ở các cấp, xoá bỏ các quy định do ngành, địa phương ban hành trái với các văn bản pháp quy của Quốc hội và Chính phủ; xây dựng quy chế thông tin đối với dân về các quyết định và công việc của Nhà nước. Triển khai mạnh mẽ công tác tuyên truyền và giáo dục pháp luật; huy động lực lượng của các đoàn thể chính trị, xã hội, nghề nghiệp, các phương tiện thông tin đại chúng tham gia các đợt vận động thiết lập trật tự, kỷ cương và các hoạt động thường xuyên xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật trong cơ quan nhà nước và trong xã hội.

Sắp xếp lại bộ máy hành chính ở trung ương và địa phương, hợp nhất một số cơ quan quản lý chuyên ngành về kinh tế trên cơ sở xác định rõ và thực hiện đúng chức năng

quản lý nhà nước của các bộ, ngành. Cụ thể hoá sự phân cấp quản lý nhà nước giữa các cơ quan của Chính phủ với các cấp chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của từng cấp hành chính; cụ thể hoá nguyên tắc tập trung dân chủ phù hợp với yêu cầu nâng cao hiệu lực chỉ đạo, điều hành thống nhất và thông suốt của hệ thống hành chính nhà nước và của thủ trưởng cơ quan hành chính. Bổ sung quy định về kiểm tra hành chính, chú trọng việc kiểm tra thường xuyên thông qua chế độ báo cáo, kế toán, kiểm toán; khắc phục tình trạng nhiều đoàn kiểm tra, thanh tra chồng chéo lên nhau, gây phiền hà và tốn kém cho cơ sở.

Ban hành quy chế công chức và chế độ công vụ, quy chế thi tuyển hoặc kiểm tra, sát hạch khi tuyển dụng hoặc đề bạt chức vụ. Tăng cường bồi dưỡng, đào tạo mới và trẻ hoá đội ngũ cán bộ, công chức. Thực hiện quy hoạch bồi dưỡng và sắp xếp lại theo tiêu chuẩn chức danh; bố trí lại công việc hoặc đưa ra khỏi bộ máy những người không đủ năng lực thực thi nhiệm vụ; kiên quyết xử lý và sa thải những người thoái hoá, biến chất. Tăng cường biện pháp và phối hợp lực lượng đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, cửa quyền trong bộ máy quản lý nhà nước và các tổ chức kinh tế nhà nước.

Xúc tiến thành lập Tòa hành chính trong Tòa án nhân dân, bổ sung thể chế làm căn cứ cho việc xét xử. Xác định mô hình tổ chức và thủ tục tố tụng phù hợp với đặc điểm của các vụ kiện hành chính. Tuyển chọn và đào tạo bồi dưỡng thẩm phán hành chính.

ĐIỀU LỆ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII
thông qua ngày 1 tháng 7 năm 1996)

Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân tiến hành Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược, xóa bỏ chế độ thực dân phong kiến, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc.

Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản.

Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn của đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị,

đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân.

Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình, thương yêu đồng chí, kỷ luật nghiêm minh, đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ, chịu sự giám sát của nhân dân; dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; đoàn kết và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng lãnh đạo, tôn trọng và phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Đảng kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân, góp phần tích cực vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới.

Đảng Cộng sản Việt Nam được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, không ngừng nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo cách mạng.

CHƯƠNG I

ĐẢNG VIÊN

Điều 1:

1. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam là chiến sĩ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam,

suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng của Đảng, đặt lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động lên trên lợi ích cá nhân; chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có lao động, không bóc lột, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; có đạo đức và lối sống lành mạnh; gắn bó mật thiết với nhân dân; phục tùng tổ chức, kỷ luật của Đảng, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng.

2. Công dân Việt Nam từ mười tám tuổi trở lên; thừa nhận và tự nguyện: thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ đảng viên, hoạt động trong một tổ chức cơ sở đảng; qua thực tiễn chứng tỏ là người ưu tú, được nhân dân tín nhiệm, đều có thể được xét để kết nạp vào Đảng.

Điều 2:

Đảng viên có nhiệm vụ:

1. Tuyệt đối trung thành với mục đích lý tưởng cách mạng của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; phục tùng tuyệt đối sự phân công và điều động của Đảng.

2. Không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ kiến thức, năng lực công tác, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, có lối sống lành mạnh; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, cục bộ, quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác.

3. Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân; tích cực tham gia công tác quần chúng, công tác xã hội ở

nơi làm việc và nơi ở; tuyên truyền vận động gia đình và nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Tham gia xây dựng, bảo vệ đường lối, chính sách và tổ chức của Đảng; phục tùng kỷ luật, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng; thường xuyên tự phê bình và phê bình, trung thực với Đảng; làm công tác phát triển đảng viên; sinh hoạt đảng và đóng đảng phí đúng quy định.

Điều 3:

Đảng viên có quyền:

1. Được thông tin và thảo luận các vấn đề về Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; biểu quyết công việc của Đảng.

2. Ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng theo quy định của Bộ Chính trị.

3. Phê bình, chất vấn về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức; báo cáo, kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời.

4. Trình bày ý kiến khi tổ chức đảng nhận xét, quyết định công tác hoặc thi hành kỷ luật đối với mình.

Đảng viên dự bị có các quyền trên đây, trừ quyền biểu quyết, ứng cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo của Đảng.

Điều 4:

Thủ tục kết nạp đảng viên (kể cả kết nạp lại):

1. Người vào Đảng phải:

- Có đơn tự nguyện xin vào Đảng;
- Báo cáo trung thực lý lịch với chi bộ;
- Được hai đảng viên chính thức giới thiệu.

Nơi có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, người vào Đảng trong độ tuổi thanh niên phải là đoàn viên, được ban chấp hành đoàn cơ sở và một đảng viên chính thức giới thiệu.

2. Người giới thiệu phải:

- Là đảng viên chính thức và cùng công tác với người vào Đảng ít nhất một năm;

- Báo cáo với chi bộ về lý lịch, phẩm chất, năng lực của người vào Đảng và chịu trách nhiệm về sự giới thiệu của mình. Có điều gì chưa rõ thì báo cáo để chi bộ và cấp trên xem xét.

3. Trách nhiệm của chi bộ và cấp ủy:

- Trước khi chi bộ xét và đề nghị kết nạp, chi ủy kiểm tra lại điều kiện của người vào Đảng và lấy ý kiến nhận xét của tổ chức đoàn thể nơi người đó sinh hoạt.

Vấn đề lịch sử chính trị của người vào Đảng phải thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

- Chi bộ xét và đề nghị kết nạp từng người một, khi được ít nhất hai phần ba số đảng viên chính thức trong chi bộ tán thành thì đề nghị lên cấp ủy cấp trên; khi có quyết định của cấp ủy cấp trên, chi bộ tổ chức lễ kết nạp từng người một.

- Đảng ủy cơ sở xét, nếu được ít nhất hai phần ba số cấp ủy viên tán thành kết nạp thì đề nghị lên cấp ủy cấp trên trực tiếp.

- Ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng hoặc cấp ủy cơ sở được ủy quyền xét, quyết định kết nạp từng người một.

4. Nơi chưa có đảng viên hoặc có đảng viên nhưng chưa đủ điều kiện giới thiệu thì cấp ủy cấp trên trực tiếp cử đảng viên về làm công tác tuyên truyền, xem xét, giới thiệu kết nạp Đảng.

Trường hợp đặc biệt do Bộ Chính trị quy định.

Điều 5:

1. Người được kết nạp vào Đảng phải trải qua thời kỳ dự bị mười hai tháng, tính từ ngày chi bộ tổ chức lễ kết nạp. Trong thời kỳ dự bị, chi bộ tiếp tục giáo dục, rèn luyện và phân công đảng viên chính thức giúp đảng viên đó tiến bộ.

2. Khi hết thời kỳ dự bị, chi bộ xét công nhận đảng viên chính thức từng người một và biểu quyết như khi xét kết nạp; nếu không đủ tư cách đảng viên thì đề nghị lên cấp ủy có thẩm quyền quyết định xóa tên trong danh sách đảng viên dự bị.

3. Nghị quyết của chi bộ về đề nghị công nhận đảng viên chính thức phải được cấp ủy có thẩm quyền quyết định.

4. Tuổi đảng của đảng viên tính từ ngày ghi trong quyết định công nhận đảng viên chính thức.

Điều 6:

Việc phát và quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và thủ tục chuyển sinh hoạt đảng do Bộ Chính trị quy định.

Điều 7:

Đảng viên tuổi cao, sức yếu, tự nguyện xin giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng do chi bộ xem xét, quyết định.

Điều 8:

1. Đảng viên bỏ sinh hoạt chi bộ hoặc không đóng đảng phí ba tháng trong năm mà không có lý do chính đáng; đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, không làm nhiệm vụ đảng viên, đã được chi bộ giáo dục mà không tiến bộ thì chi bộ xem xét, đề nghị lên cấp có thẩm quyền xóa tên trong danh sách đảng viên.

2. Các trường hợp trên nếu đảng viên có khiếu nại thì chi bộ báo cáo cấp ủy có thẩm quyền xem xét.

3. Đảng viên xin ra khỏi Đảng do chi bộ xem xét, đề nghị cấp có thẩm quyền chuẩn y kết nạp quyết định.

CHƯƠNG II

NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG

Điều 9:

Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nội dung cơ bản của nguyên tắc đó là:

1. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng do bầu cử lập ra, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

2. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi cấp là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp ủy).

3. Cấp ủy các cấp báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước đại hội cùng cấp, trước cấp ủy cấp trên và cấp dưới; định kỳ thông báo tình hình hoạt động của mình đến các tổ chức đảng trực thuộc, thực hiện tự phê bình và phê bình.

4. Tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghị quyết của Đảng. Thiếu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương.

5. Nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Đảng chỉ có giá trị thi hành khi có hơn một nửa số thành viên trong cơ quan đó tán thành. Trước khi biểu quyết, mỗi thành viên được phát biểu ý kiến của mình. Đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên cấp ủy cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, không được truyền bá ý kiến trái với nghị quyết của Đảng. Cấp ủy có thẩm quyền nghiên cứu xem xét ý kiến đó; không phân biệt đối xử với đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số.

6. Tổ chức đảng quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn của mình, song không được trái với nguyên tắc, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của cấp trên.

Điều 10:

1. Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức của Nhà nước.

2. Tổ chức cơ sở đảng được lập tại đơn vị cơ sở hành chính, sự nghiệp, kinh tế hoặc công tác, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh. Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam theo quy định tại Chương VI. Việc lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng theo quy định của Bộ Chính trị.

3. Cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định lập hoặc giải thể đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

Điều 11:

1. Cấp ủy triệu tập đại hội khi hết nhiệm kỳ, thông báo trước cho cấp dưới về thời gian và nội dung đại hội.

2. Cấp ủy triệu tập đại hội quyết định số lượng đại biểu và phân bổ cho các đảng bộ trực thuộc căn cứ vào số lượng đảng viên, số lượng đảng bộ trực thuộc, vị trí quan trọng của từng đảng bộ, theo hướng dẫn của Bộ Chính trị.

3. Đại biểu dự đại hội gồm các ủy viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội và đại biểu do đại hội cấp dưới bầu.

4. Việc chỉ định đại biểu chỉ thực hiện đối với tổ chức đảng hoạt động trong điều kiện đặc biệt không thể mở đại hội để bầu cử được, theo quy định của Bộ Chính trị.

5. Đại biểu dự đại hội phải được đại hội thẩm tra tư cách và biểu quyết công nhận. Cấp ủy triệu tập đại hội không được bác bỏ tư cách đại biểu do đại hội cấp dưới bầu, trừ trường hợp đại biểu đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy, bị khởi tố, truy tố, tạm giam.

6. Đại hội chỉ hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba số đại biểu hoặc đảng viên được triệu tập tham dự và có ít nhất hai phần ba số tổ chức đảng trực thuộc có đại biểu tham dự.

7. Đại hội bầu đoàn chủ tịch (chủ tịch) để điều hành công việc của đại hội.

Điều 12:

1. Cấp ủy viên phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh; chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có kiến thức và năng lực tham gia lãnh đạo tập thể, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đoàn kết cán bộ, đảng viên, được quần chúng tín nhiệm.

2. Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương do Đại hội đại biểu toàn quốc quyết định; số lượng cấp ủy viên cấp nào do đại hội cấp đó quyết định, theo hướng dẫn của

Bộ Chính trị. Cấp uỷ các cấp cần được đổi mới, bảo đảm tính kế thừa và phát triển qua mỗi lần đại hội.

3. Đoàn chủ tịch (chủ tịch) hướng dẫn bầu cử:

- Đại biểu có quyền nhận xét, chất vấn về người ứng cử và người được đề cử;

- Danh sách bầu cử do đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua;

- Bầu cử bằng phiếu kín;

- Người trúng cử phải được số phiếu bầu quá một nửa so với tổng số đại biểu được triệu tập hoặc so với tổng số đảng viên chính thức của đảng bộ, chi bộ.

Trường hợp số người có số phiếu quá một nửa nhiều hơn số lượng cần bầu thì lấy số người có số phiếu cao hơn; nếu ở cuối danh sách trúng cử có nhiều người ngang phiếu nhau và nhiều hơn số lượng cần bầu thì bầu lại số người ngang phiếu đó để lấy người có số phiếu cao hơn, không cần phải quá một nửa. Trường hợp bầu lại mà số phiếu vẫn ngang nhau, có bầu nữa hay không do đại hội quyết định.

Nếu bầu một lần mà chưa đủ số lượng quy định, có bầu thêm nữa hay không do đại hội quyết định.

Điều 13:

1. Cấp uỷ khoá mới nhận sự bàn giao từ cấp uỷ khoá trước, điều hành công việc ngay sau khi được bầu và được công nhận chính thức khi có quyết định chuẩn y của cấp uỷ cấp trên trực tiếp.

2. Việc bổ sung cấp uỷ viên thiếu do cấp uỷ đề nghị, cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định; số lượng cấp uỷ viên sau khi bổ sung không vượt quá tổng số cấp uỷ viên do đại hội đã bầu. Khi thật cần thiết, cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định tăng thêm một số cấp uỷ viên cấp dưới.

3. Khi thật cần thiết, cấp uỷ cấp trên có quyền điều động một số cấp uỷ viên cấp dưới, nhưng không quá một phần ba tổng số cấp uỷ viên do đại hội đã bầu.

4. Cấp uỷ viên xin rút khỏi cấp uỷ, do cấp uỷ xem xét đề nghị lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định; đối với uỷ viên Trung ương, do Ban Chấp hành Trung ương quyết định. Cấp uỷ viên đương nhiệm ở đảng bộ nào, khi có quyết định nghỉ hoặc chuyển công tác đến đơn vị khác ngoài đảng bộ thì thôi tham gia cấp uỷ đương nhiệm ở đảng bộ đó.

5. Đối với tổ chức đảng mới thành lập, cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định cấp uỷ lâm thời; chậm nhất trong vòng một năm, kể từ ngày có quyết định chỉ định, tổ chức đảng đó phải tiến hành đại hội; nếu kéo dài thêm thời gian phải được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý.

6. Đối với tổ chức đảng không thể mở đại hội được, cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định cấp uỷ của tổ chức đảng đó.

Điều 14:

1. Cấp uỷ mỗi cấp lập các cơ quan tham mưu giúp việc theo hướng dẫn của Bộ Chính trị.

2. Khi cần, cấp uỷ lập tiểu ban, hội đồng, tổ công tác và giải thể khi hoàn thành nhiệm vụ.

CHƯƠNG III

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG Ở TRUNG ƯƠNG

Điều 15:

1. Đại hội đại biểu toàn quốc do Ban Chấp hành Trung ương triệu tập thường lệ năm năm một lần; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm.

2. Đại hội đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết của nhiệm kỳ vừa qua; quyết định đường lối, chính sách của Đảng nhiệm kỳ tới; bầu Ban Chấp hành Trung ương; bổ sung, sửa đổi Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng khi cần.

3. Khi Ban Chấp hành Trung ương xét thấy cần hoặc khi có hơn một nửa số cấp uỷ trực thuộc yêu cầu thì Ban Chấp hành Trung ương triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường. Đại biểu dự Đại hội bất thường là các Uỷ viên Trung ương đương nhiệm, đại biểu đã dự Đại hội đại biểu toàn quốc đầu nhiệm kỳ, đủ tư cách.

Điều 16:

1. Ban Chấp hành Trung ương tổ chức chỉ đạo thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đại hội; quyết định những chủ trương, chính sách về đối nội, đối ngoại, công tác quần chúng và công tác xây dựng Đảng; chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng nhiệm kỳ tiếp theo, Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường (nếu có).

2. Ban Chấp hành Trung ương họp thường lệ sáu tháng một lần; họp bất thường khi cần.

Điều 17:

1. Ban Chấp hành Trung ương bầu Bộ Chính trị; bầu Tổng Bí thư trong số Uỷ viên Bộ Chính trị; bầu Uỷ ban Kiểm tra Trung ương; bầu Chủ nhiệm Uỷ ban Kiểm tra Trung ương trong số Uỷ viên Uỷ ban Kiểm tra Trung ương.

Số lượng Uỷ viên Bộ Chính trị và Uỷ viên Uỷ ban Kiểm tra Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

Bộ Chính trị cử Thường vụ Bộ Chính trị.

2. Bộ Chính trị lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc, nghị quyết của Ban Chấp hành

Trung ương; quyết định những vấn đề về chủ trương, chính sách, tổ chức, cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương; báo cáo công việc đã làm trước hội nghị Ban Chấp hành Trung ương hoặc theo yêu cầu của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Thường vụ Bộ Chính trị thay mặt Bộ Chính trị lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Đảng; chuẩn bị các vấn đề trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định; chỉ đạo thực hiện các chủ trương về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, công tác đảng, công tác cán bộ, công tác quần chúng; giải quyết công việc hàng ngày của Đảng.

CHƯƠNG IV

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG Ở CÁC CẤP ĐỊA PHƯƠNG

Điều 18:

1. Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đảng bộ huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh do cấp uỷ cùng cấp triệu tập thường lệ năm năm một lần; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm.

2. Đại hội thảo luận văn kiện của cấp uỷ cấp trên; đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua; quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới; bầu cấp uỷ; bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

Điều 19:

1. Cấp uỷ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là tỉnh uỷ, thành uỷ), cấp uỷ huyện, quận, thị xã, thành phố

trực thuộc tỉnh (gọi tắt là huyện uỷ, quận uỷ, thị uỷ, thành uỷ) lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu; nghị quyết, chỉ thị của cấp trên.

2. Hội nghị tỉnh uỷ, thành uỷ, huyện uỷ, quận uỷ, thị uỷ do ban thường vụ triệu tập thường lệ ba tháng một lần; họp bất thường khi cần.

Điều 20:

1. Hội nghị tỉnh uỷ, thành uỷ, huyện uỷ, quận uỷ, thị uỷ bầu ban thường vụ; bầu bí thư và phó bí thư trong số uỷ viên thường vụ; bầu uỷ ban kiểm tra; bầu chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra trong số uỷ viên uỷ ban kiểm tra.

2. Số lượng uỷ viên ban thường vụ và uỷ viên uỷ ban kiểm tra do cấp uỷ quyết định theo hướng dẫn của Bộ Chính trị.

3. Ban thường vụ lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của đại hội đại biểu, nghị quyết, chỉ thị của cấp uỷ cùng cấp và cấp trên; quyết định những vấn đề về chủ trương, tổ chức, cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của cấp uỷ.

4. Thường trực cấp uỷ gồm bí thư, các phó bí thư, chỉ đạo kiểm tra thực hiện nghị quyết, chỉ thị của cấp uỷ, của ban thường vụ và cấp uỷ cấp trên; giải quyết công việc hằng ngày của đảng bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của ban thường vụ.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

Điều 21:

1. Tổ chức cơ sở đảng (chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở) là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở.

2. Ở xã, phường, thị trấn, cơ quan, hợp tác xã, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đơn vị cơ sở trong quân đội, công an và các đơn vị cơ sở khác có từ ba đảng viên chính thức trở lên, lập tổ chức cơ sở đảng; nếu chưa đủ ba đảng viên chính thức thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp giới thiệu đảng viên sinh hoạt ở tổ chức cơ sở đảng thích hợp.

3. Tổ chức cơ sở đảng dưới ba mươi đảng viên, lập chi bộ cơ sở, có các tổ đảng trực thuộc.

4. Tổ chức cơ sở đảng có từ ba mươi đảng viên trở lên, lập đảng bộ cơ sở, có các chi bộ trực thuộc đảng uỷ.

5. Những trường hợp sau đây, cấp uỷ cấp dưới phải báo cáo và được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý mới được thực hiện:

- Lập đảng bộ cơ sở trong đơn vị cơ sở chưa đủ ba mươi đảng viên.

- Lập chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở có hơn ba mươi đảng viên.

- Lập đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng uỷ cơ sở.

Điều 22:

1. Đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên của tổ chức cơ sở đảng do cấp uỷ cơ sở triệu tập: cơ sở xã, phường, thị trấn năm năm một lần; các cơ sở khác năm năm hai lần; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm đối với xã, phường và sáu tháng đối với các cơ sở khác.

2. Đại hội thảo luận văn kiện của cấp trên; đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua; quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới; bầu cấp uỷ; bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

3. Đảng uỷ, chi uỷ cơ sở họp thường lệ mỗi tháng một lần; họp bất thường khi cần.

4. Đảng uỷ cơ sở có từ chín uỷ viên trở lên bầu ban thường vụ; bầu bí thư, phó bí thư trong số uỷ viên thường vụ; dưới chín uỷ viên chỉ bầu bí thư, phó bí thư.

Điều 23:

Tổ chức cơ sở đảng có nhiệm vụ:

1. Chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đề ra chủ trương, nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, chi bộ và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả.

2. Xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ luật và tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng; thường xuyên giáo dục, rèn luyện và quản lý cán bộ, đảng viên, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, tính chiến đấu, trình độ kiến thức, năng lực công tác; làm công tác phát triển đảng viên.

3. Lãnh đạo xây dựng chính quyền, các tổ chức kinh tế, hành chính, sự nghiệp, quốc phòng, an ninh và các đoàn thể chính trị - xã hội trong sạch, vững mạnh; chấp hành đúng pháp luật và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

4. Liên hệ mật thiết với nhân dân, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân; lãnh đạo nhân dân tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

5. Kiểm tra việc thực hiện, bảo đảm các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước được chấp hành nghiêm chỉnh; kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng.

Đảng uỷ cơ sở nếu được cấp uỷ cấp trên trực tiếp uỷ quyền thì được quyết định kết nạp và khai trừ đảng viên.

Điều 24:

1. Chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở được tổ chức theo nơi làm việc hoặc nơi ở của đảng viên; mỗi chi bộ ít nhất có ba đảng viên chính thức. Chi bộ đông đảng viên có thể chia thành nhiều tổ đảng; tổ đảng bầu tổ trưởng, nếu cần thì bầu tổ phó; tổ đảng hoạt động dưới sự chỉ đạo của chi uỷ.

2. Chi bộ lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị; giáo dục, quản lý và phân công công tác cho đảng viên; làm công tác vận động quần chúng và công tác phát triển đảng viên; kiểm tra, thi hành kỷ luật đảng viên; thu, nộp đảng phí. Chi bộ, chi uỷ họp thường lệ mỗi tháng một lần.

3. Đại hội chi bộ do chi uỷ triệu tập mỗi năm một lần; nơi chưa có chi uỷ thì do bí thư chi bộ triệu tập. Khi được đảng uỷ cơ sở đồng ý có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá ba tháng.

4. Chi bộ có dưới chín đảng viên chính thức, bầu bí thư chi bộ; nếu cần, bầu phó bí thư. Chi bộ có chín đảng viên chính thức trở lên, bầu chi uỷ, bầu bí thư và phó bí thư chi bộ trong số chi uỷ viên.

CHƯƠNG VI

**TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG QUÂN ĐỘI
NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ CÔNG AN
NHÂN DÂN VIỆT NAM**

Điều 25:

1. Đảng lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt; xây dựng Quân đội và Công an trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tuyệt đối trung thành với Đảng,

với Tổ quốc, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tham gia xây dựng đất nước.

2. Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam hoạt động theo Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Các ban của cấp uỷ đảng theo chức năng giúp cấp uỷ hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam.

Điều 26:

1. Đảng uỷ Quân sự Trung ương (gọi tắt là Quân uỷ Trung ương) do Bộ Chính trị chỉ định, gồm một số Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Quân đội và một số Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài Quân đội, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà thường xuyên là Bộ Chính trị.

2. Quân uỷ Trung ương nghiên cứu đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, nhiệm vụ quân sự và quốc phòng; lãnh đạo mọi mặt trong Quân đội.

3. Tổng cục Chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị trong toàn quân, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Bộ Chính trị và trực tiếp, thường xuyên của Quân uỷ Trung ương. Ở mỗi cấp có cơ quan chính trị và cán bộ chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên.

Điều 27:

1. Cấp uỷ đảng trong bộ đội chủ lực và bộ đội biên phòng ở cấp nào do đại hội cấp đó bầu, lãnh đạo các đơn vị thuộc cấp mình về mọi mặt; trường hợp đặc biệt do cấp uỷ cấp trên chỉ định.

2. Đảng uỷ quân khu gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân khu do đại hội cùng cấp bầu và các đồng chí bí thư tỉnh, thành uỷ trên địa bàn quân khu được chỉ định tham gia; lãnh đạo thực hiện nghị quyết của cấp trên, nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; phối hợp với cấp uỷ địa phương thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trong quân khu.

3. Tổ chức đảng quân sự địa phương ở cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ địa phương cấp đó về mọi mặt, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng uỷ quân sự cấp trên về nhiệm vụ quốc phòng toàn dân và công tác quân sự địa phương. Cơ quan chính trị cấp trên phối hợp với cấp uỷ địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang địa phương.

4. Đảng uỷ quân sự tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân sự địa phương do đại hội cùng cấp bầu, đồng chí bí thư cấp uỷ địa phương và một số đồng chí ngoài đảng bộ quân sự địa phương được chỉ định tham gia theo quy định của Bộ Chính trị.

Điều 28:

1. Đảng uỷ Công an Trung ương do Bộ Chính trị chỉ định gồm một số Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Công an nhân dân và một số Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài Công an nhân dân, một số đồng

chỉ công tác thuộc Đảng bộ Công an Trung ương, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên của Bộ Chính trị. Đảng uỷ Công an Trung ương nghiên cứu đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, chính sách, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; lãnh đạo mọi mặt công tác trong công an.

2. Cấp uỷ công an cấp nào do đại hội cấp đó bầu, trường hợp thật cần thiết do cấp uỷ cấp trên chỉ định. Cấp uỷ lãnh đạo các đơn vị thuộc cấp mình về mọi mặt.

3. Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong các đơn vị thuộc đảng bộ công an, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ Công an Trung ương; phối hợp với cấp uỷ địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an địa phương.

4. Cơ quan xây dựng lực lượng công an mỗi cấp đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng trong đảng bộ, hoạt động dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan xây dựng lực lượng cấp trên.

Điều 29:

1. Tổ chức đảng Công an nhân dân địa phương cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp uỷ cấp đó, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng uỷ công an cấp trên về giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; lãnh đạo xây dựng lực lượng Công an nhân dân ở địa phương và xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

2. Đảng uỷ công an tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã do đại hội cùng cấp bầu và đồng chí uỷ viên thường vụ cấp uỷ tỉnh, thành, huyện, quận, thị uỷ được chỉ định tham gia.

CHƯƠNG VII

CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA ĐẢNG VÀ ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

Điều 30:

1. Kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng. Tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra. Tổ chức đảng và đảng viên chịu sự kiểm tra của Đảng.

2. Các cấp uỷ đảng lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Điều 31:

1. Ủy ban kiểm tra các cấp do cấp uỷ cùng cấp bầu, gồm một số đồng chí trong cấp uỷ và một số đồng chí ngoài cấp uỷ.

2. Các thành viên uỷ ban kiểm tra và chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp uỷ cấp trên trực tiếp chuẩn y, nếu điều động chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra sang công tác khác phải được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý.

3. Ủy ban kiểm tra làm việc theo chế độ tập thể, dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ cùng cấp và sự chỉ đạo, kiểm tra của uỷ ban kiểm tra cấp trên.

Điều 32:

Ủy ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ:

1. Kiểm tra đảng viên, kể cả cấp uỷ viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

2. Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng,

ng nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các nguyên tắc tổ chức của Đảng; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng.

3. Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, quyết định hoặc đề nghị cấp uỷ thi hành kỷ luật.

4. Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên; giải quyết khiếu nại về kỷ luật Đảng.

5. Kiểm tra tài chính của cấp uỷ cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp uỷ cùng cấp.

Điều 33:

Ủy ban kiểm tra có quyền yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra.

CHƯƠNG VIII

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 34:

Tổ chức đảng và đảng viên có thành tích được khen thưởng theo quy định của Bộ Chính trị.

Điều 35:

1. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật phải xử lý công minh, chính xác, kịp thời.

2. Hình thức kỷ luật:

- Đối với tổ chức đảng: khiển trách, cảnh cáo, giải tán;
- Đối với đảng viên chính thức: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ;
- Đối với đảng viên dự bị: khiển trách, cảnh cáo.

Điều 36:

Thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm:

1. Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ.

Đảng uỷ cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ, cách chức cấp uỷ viên cấp dưới.

Đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền quyết định kết nạp đảng viên thì có quyền quyết định khai trừ đảng viên, nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý.

2. Cấp uỷ tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên cùng cấp.

Ban thường vụ cấp uỷ quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp và cấp trên.

3. Ban Chấp hành Trung ương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương, Uỷ viên Bộ Chính trị.

Bộ Chính trị quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị quản lý, nhưng không phải là Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương.

4. Uỷ ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp; quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý và cấp uỷ viên cấp dưới trực tiếp.

5. Cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra cấp trên có quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xoá bỏ hình thức kỷ luật do cấp dưới quyết định.

6. Đảng viên giữ nhiều chức vụ bị kỷ luật cách chức thì tùy mức độ, tính chất vi phạm mà cách một hay nhiều chức vụ.

Điều 37:

Thẩm quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng vi phạm:

1. Cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định khiển trách, cảnh cáo tổ chức đảng cấp dưới.

2. Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng do cấp uỷ cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp uỷ cấp trên cách một cấp quyết định. Quyết định này phải báo cáo lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp và Uỷ ban Kiểm tra Trung ương.

3. Chỉ giải tán một tổ chức đảng khi tổ chức đó phạm một trong các trường hợp: có hành động chống đường lối, chính sách của Đảng; vi phạm đặc biệt nghiêm trọng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng hoặc pháp luật của Nhà nước.

Điều 38:

1. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm không thuộc thẩm quyền quyết định kỷ luật của cấp mình thì đề nghị lên cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới không xử lý hoặc xử lý không đúng mức đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm thì cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên quyết định các hình thức kỷ luật theo thẩm quyền, đồng thời xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng đó.

3. Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng và khai trừ đảng viên phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của tổ chức đảng cấp dưới đề nghị và do tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định.

Điều 39:

1. Đảng viên vi phạm phải kiểm điểm trước chi bộ, tự nhận hình thức kỷ luật; nếu từ chối kiểm điểm hoặc bị tạm giam, tổ chức đảng vẫn tiến hành xem xét kỷ luật. Trường hợp cần thiết, cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra cấp có thẩm quyền trực tiếp xem xét kỷ luật.

2. Tổ chức đảng vi phạm phải kiểm điểm, tự nhận hình thức kỷ luật và báo cáo lên cấp uỷ cấp trên quyết định.

3. Trước khi quyết định kỷ luật, đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền nghe đảng viên vi phạm hoặc đại diện tổ chức đảng vi phạm trình bày ý kiến.

4. Quyết định của cấp dưới về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải báo cáo lên cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp trên trực tiếp; nếu đảng viên vi phạm tham gia nhiều cơ quan lãnh đạo của Đảng thì phải báo cáo đến các cơ quan lãnh đạo cấp trên mà đảng viên đó là thành viên.

5. Quyết định của cấp trên về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải được thông báo đến cấp dưới, nơi có tổ chức đảng và đảng viên vi phạm; trường hợp cần thông báo rộng hơn thì do cấp uỷ có thẩm quyền quyết định.

6. Kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm có hiệu lực ngay sau khi công bố quyết định.

7. Tổ chức đảng, đảng viên không đồng ý với quyết định kỷ luật thì trong vòng một tháng, kể từ ngày nhận quyết định, có quyền khiếu nại với cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương.

Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật, thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

8. Khi nhận khiếu nại kỷ luật, cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra thông báo cho tổ chức đảng hoặc đảng viên khiếu nại biết;

chậm nhất ba tháng đối với cấp tỉnh, thành phố, huyện, quận và tương đương, sáu tháng đối với cấp Trung ương, kể từ ngày nhận được khiếu nại, phải xem xét, giải quyết, trả lời cho tổ chức đảng và đảng viên khiếu nại biết.

9. Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức đảng và đảng viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật.

Điều 40:

1. Đảng viên bị hình phạt tù cải tạo không giam giữ trở lên phải khai trừ ra khỏi Đảng.

2. Tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán, cấp uỷ cấp trên trực tiếp lập tổ chức đảng mới hoặc giới thiệu sinh hoạt đảng cho số đảng viên còn lại.

3. Đảng viên bị kỷ luật cách chức, trong vòng một năm, kể từ ngày có quyết định, không được bầu vào cấp uỷ, không được bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương và cao hơn.

4. Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng phải được cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra có thẩm quyền quyết định theo quy định của Bộ Chính trị.

CHƯƠNG IX

**ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÀ NƯỚC VÀ
ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI**

Điều 41:

1. Đảng lãnh đạo Nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội bằng Cương lĩnh chính trị, chiến lược, chính sách, chủ trương;

bằng công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ và kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

2. Đảng giới thiệu cán bộ đủ tiêu chuẩn để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội.

3. Tổ chức đảng và đảng viên công tác trong cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, chỉ thị của Đảng; tổ chức đảng lãnh đạo việc cụ thể hoá thành các văn bản luật pháp của Nhà nước, chủ trương của đoàn thể; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả.

Điều 42:

1. Trong cơ quan lãnh đạo của Nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội cấp trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, do bầu cử lập ra, cấp uỷ cùng cấp lập đảng đoàn gồm một số đảng viên công tác trong tổ chức đó. Nơi không lập đảng đoàn thì tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan đó thực hiện chức năng lãnh đạo theo quy định của Bộ Chính trị.

2. Đảng đoàn do cấp uỷ cùng cấp chỉ định; có bí thư, nếu cần, có phó bí thư. Đảng đoàn làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm trước cấp uỷ.

3. Đảng đoàn lãnh đạo, thuyết phục các thành viên trong tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; liên hệ mật thiết với nhân dân; đề xuất với cấp uỷ về phương hướng, nhiệm vụ, tổ chức, cán bộ và quyết định theo thẩm quyền; kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng.

4. Khi cần, đảng đoàn triệu tập các đảng viên trong tổ chức để thảo luận chủ trương của cấp uỷ và bàn biện pháp thực hiện.

Điều 43:

1. Trong cơ quan hành pháp, tư pháp cấp trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cấp uỷ cùng cấp lập ban cán sự đảng gồm một số đảng viên công tác trong tổ chức đó. Nơi không lập ban cán sự đảng thì tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan đó thực hiện chức năng lãnh đạo theo quy định của Bộ Chính trị.

2. Ban cán sự đảng do cấp uỷ cùng cấp chỉ định; có bí thư, nếu cần, có phó bí thư. Ban cán sự đảng làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm trước cấp uỷ.

3. Ban cán sự đảng lãnh đạo quán triệt và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; đề xuất với cấp uỷ về phương hướng, nhiệm vụ, tổ chức, cán bộ và quyết định theo thẩm quyền; kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng.

CHƯƠNG X

**ĐẢNG LÃNH ĐẠO ĐOÀN THANH NIÊN
CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH**

Điều 44:

1. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng, thường xuyên bổ sung lực lượng trẻ cho Đảng, kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; là lực lượng nòng cốt trong phong trào thanh niên; là trường học xã hội chủ nghĩa; đại diện quyền lợi của thanh niên; phụ trách Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh.

2. Cấp uỷ đảng lãnh đạo trực tiếp tổ chức đoàn cùng cấp về phương hướng, nhiệm vụ, tư tưởng, tổ chức, cán bộ.

Điều 45:

Đảng viên còn trong độ tuổi đoàn phải sinh hoạt và công tác trong tổ chức đoàn.

CHƯƠNG XI
TÀI CHÍNH CỦA ĐẢNG

Điều 46:

1. Tài chính của Đảng gồm đảng phí do đảng viên đóng, thu từ các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp của Đảng, ngân sách nhà nước và các khoản thu khác.

2. Bộ Chính trị quy định thống nhất nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng, mức đóng đảng phí của đảng viên.

3. Hằng năm, cấp uỷ nghe báo cáo và quyết định nhiệm vụ tài chính của cấp mình.

CHƯƠNG XII
CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Điều 47:

Tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Đảng.

Điều 48:

Chỉ Đại hội đại biểu toàn quốc mới có quyền sửa đổi Điều lệ Đảng.

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam họp từ ngày 28-6-1996 đến ngày 1-7-1996 tại Hà Nội,

QUYẾT NGHỊ:

1- Thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khoá VII trình Đại hội; giao Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII căn cứ vào kết quả biểu quyết và những kết luận của Đại hội để hoàn chỉnh và chính thức ban hành.

2- Thông qua Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000; giao Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII căn cứ vào kết quả biểu quyết và kết luận của Đại hội để hoàn chỉnh và chính thức ban hành.

3- Thông qua toàn văn Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đã được bổ sung sửa đổi.

4- Giao Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII và các cấp ủy Đảng xây dựng chương trình hành động thiết thực để tổ chức thực hiện những chủ trương đã nêu trong các văn kiện được Đại hội thông qua.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đoàn kết một lòng, vượt mọi khó khăn, hăng hái phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, đưa công cuộc đổi mới lên tầm cao mới, đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc mà nhiệm vụ trung tâm là công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hà Nội, ngày 1 tháng 7 năm 1996
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

DIỄN VĂN BẾ MẠC ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII

(Do đồng chí Đỗ Mười, Tổng Bí thư
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII trình bày,
ngày 1 tháng 7 năm 1996)

*Thưa Đoàn Chủ tịch,
Thưa các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
Thưa các đồng chí đại biểu,
Thưa các vị khách quốc tế,*

Sau những ngày làm việc khẩn trương, hôm nay chúng ta đã hoàn thành toàn bộ chương trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII.

Đại hội đã thảo luận và thông qua các văn kiện quan trọng: Báo cáo chính trị; Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000; Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi) và Nghị quyết Đại hội.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII có đủ năng lực và phẩm chất gánh vác trọng trách mà Đảng và nhân dân giao phó, thể hiện tính liên tục, kế thừa, tiếp tục đổi mới vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đại hội mong mỏi và tin tưởng rằng các đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII sẽ ra sức học tập nâng cao trình độ, phấn đấu hoàn thành xuất

sắc trọng trách được giao, gương mẫu giữ gìn tư cách, phẩm chất, xứng đáng là Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đại hội đánh giá cao sự cống hiến vừa qua và rất cảm kích về đề nghị của nhiều đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương khoá VII không tái cử vào Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII, tạo điều kiện trẻ hoá cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng trong nhiệm kỳ mới. Chúng ta chúc các đồng chí luôn mạnh khoẻ, tiếp tục cống hiến khả năng và kinh nghiệm của mình cho sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới.

Đại hội chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh sự đóng góp quý báu của các đồng chí Cố vấn và các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương khoá VII. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII đã trân trọng đề nghị ba đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng và Võ Chí Công tiếp tục làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đại hội chân thành cảm ơn các đồng chí lão thành cách mạng, các nhân sĩ, trí thức, các vị chức sắc tôn giáo, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, đồng chí, đồng bào, chiến sĩ cả nước và đồng bào ở nước ngoài đã góp phần tích cực vào thành công của Đại hội.

Đại hội chân thành cảm ơn các đoàn đại biểu quốc tế đã đem đến Đại hội, đến Đảng và nhân dân Việt Nam những tình cảm quý báu, chân tình, góp phần quan trọng vào thành công của Đại hội.

Đại hội chân thành cảm ơn sự có mặt của đoàn ngoại giao, đại diện các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ tại Hà Nội, các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình trong nước và nước ngoài đến dự và đưa tin kịp thời về Đại hội.

Đại hội biểu dương và cảm ơn Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội VIII cùng toàn thể cán bộ, chiến sĩ, công nhân, nhân viên đã làm việc tận tụy phục vụ Đại hội, góp phần tích cực vào thành công của Đại hội.

Thưa các đồng chí,

Đại hội VIII đã thành công tốt đẹp. Thành công đó là niềm vui lớn và nguồn cổ vũ đối với toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Kết quả của Đại hội có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh dân tộc và tương lai đất nước vào lúc chúng ta sắp bước vào thế kỷ XXI.

Đại hội VIII của Đảng là đại hội tiếp tục đổi mới vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Đại hội đã quyết định nhiều vấn đề trọng đại, cần được tổ chức thực hiện có hiệu quả. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta hãy tăng cường đoàn kết, đồng tâm nhất trí, ra sức phấn đấu hoàn thành mục tiêu và những công việc do Đại hội VIII đề ra.

Trước mắt chúng ta có nhiều thuận lợi, đồng thời cũng không ít khó khăn, thử thách. Mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi công dân hãy nâng cao quyết tâm và hành động thiết thực góp phần phát huy thuận lợi, tranh thủ thời cơ, khắc phục khó khăn, vượt qua thử thách, nỗ lực thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Để làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình trong thời kỳ mới, Đảng ta phải tự đổi mới và chỉnh đốn, xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo. Hơn lúc nào hết, chúng ta ghi nhớ và quyết làm theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại: “Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự

cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”.

Đây chính là nhân tố quyết định thắng lợi trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII.

Trong niềm hân hoan, phấn khởi về thành công của Đại hội, tôi xin long trọng tuyên bố bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam.

VĂN KIẾN
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ IX

DIỄN VĂN KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ IX

(Do đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Thường vụ
Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng
khóa VIII trình bày, ngày 19 tháng 4 năm 2001)

*Kính thưa Đoàn Chủ tịch,
Thưa các vị khách quý,
Thưa Đại hội,*

Hôm nay, ngày 19-4-2001, chúng ta trọng thể tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thay mặt Đoàn Chủ tịch Đại hội, tôi xin gửi lời chào mừng nồng nhiệt nhất đến 1.168 đại biểu, những đảng viên ưu tú được bầu ra từ Đại hội Đảng các cấp, tiêu biểu cho trí tuệ, bản lĩnh chính trị và sức mạnh đoàn kết của toàn Đảng. Các đại biểu đã mang đến Đại hội ý chí, niềm tin và nguyện vọng của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta trong một thời điểm lịch sử trọng đại, cả dân tộc vững bước tiến vào thế kỷ XXI dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đại hội chúng ta nhiệt liệt chào mừng và chân thành cảm ơn các đoàn đại biểu quốc tế đã mang đến cho chúng ta tình hữu nghị thắm thiết, tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác tin cậy lẫn nhau cùng phấn đấu vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đại hội nhiệt liệt chào mừng các đồng chí Cố vấn, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương, các đồng chí nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Trung ương Đảng; nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ; đại biểu lão thành cách mạng, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các đại biểu của công nhân, nông dân, trí thức, các nhân sĩ đã cống hiến rất quý báu cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Đại hội nhiệt liệt chào mừng các đại biểu đại diện cho thế hệ trẻ đầy ý chí và giàu tài năng của đất nước.

Với niềm tự hào và kính yêu vô hạn, Đại hội chúng ta thành kính tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của Đảng và của dân tộc, người Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà Văn hoá kiệt xuất của thế giới, Người đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta một di sản vô cùng quý giá là tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin hợp thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam. Trong thời điểm trọng đại này, mỗi đảng viên của Đảng khắc ghi lời căn dặn của Người: “Đảng ta là một đảng cầm quyền, mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thực sự cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư, phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”.

Đại hội chúng ta dành phút mặc niệm tưởng nhớ những đảng viên, cán bộ, chiến sĩ và đồng bào yêu quý đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tưởng nhớ các đồng chí Nguyễn Văn Linh, nguyên Tổng Bí thư, đồng chí Phạm Văn Đồng, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương; các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị Đoàn Khuê, Nguyễn Đình Tứ, các đồng chí Ủy viên Trung ương Nguyễn Văn Rốp,

Đinh Hữu Khoá, Bùi Hữu Hải, Hoàng Thừa, Đào Trọng Lịch, Lê Văn Tu, Lương Công Đoan, Võ Nhân Huân đã từ trần từ sau Đại hội VIII (phút mặc niệm bắt đầu).

Kính thưa Đại hội,

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng họp vào thời điểm có ý nghĩa lịch sử trọng đại. Loài người đã kết thúc thế kỷ XX và bước sang thế kỷ XXI. Nhân dân Việt Nam, đất nước Việt Nam đã đi qua một thế kỷ đấu tranh gian nan, oanh liệt giành lại độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thế kỷ XX là thế kỷ của những chiến công hiển hách và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại của dân tộc Việt Nam. Đó là thắng lợi vĩ đại của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 lập nên Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á; đó là thắng lợi vĩ đại của các cuộc kháng chiến thần thánh đánh thắng những tên thực dân đế quốc hung hãn, giải phóng dân tộc, bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Những thắng lợi to lớn của sự nghiệp xây dựng đất nước sau chiến tranh, của sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong những năm qua đã tạo ra thế và lực mới cho cách mạng Việt Nam, tạo ra điều kiện tiên đề rất quan trọng để dân tộc ta bước vào thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhằm xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bước vào thời kỳ mới, cách mạng nước ta vừa đứng trước thời cơ vận hội lớn, vừa phải đối mặt với những nguy cơ, thách thức lớn không thể xem thường. Nắm bắt cơ hội, tận dụng thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thách thức với tinh thần cách mạng tiến công đưa cách mạng Việt Nam tiến lên

manh mẽ, đó là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với chúng ta trong thời kỳ mới.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng có nhiệm vụ lịch sử: nhìn lại chặng đường 71 năm cách mạng Việt Nam, đi sâu tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, 15 năm đổi mới, 10 năm thực hiện chiến lược kinh tế - xã hội, rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc, từ đó phát triển và hoàn thiện đường lối, định ra chiến lược phát triển đất nước trong hai thập kỷ đầu của thế kỷ XXI. Đại hội cũng có nhiệm vụ kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng, vạch ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng ta ngang tầm với đòi hỏi của dân tộc trong thời kỳ mới; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng, bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới thực sự tiêu biểu về phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, có đủ trí tuệ và năng lực thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX.

Kính thưa Đại hội,

Từ nhiều tháng nay, các địa phương, đơn vị trong cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài đã sôi nổi thi đua lập thành tích xuất sắc chào mừng Đại hội. Đặc biệt là sự đóng góp đầy tâm huyết của các tầng lớp nhân dân vào các dự thảo văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội. Các văn kiện trình Đại hội Đảng hôm nay là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta.

Đại hội chúng ta biểu dương những thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước của các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị. Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh và chân thành cảm ơn Mặt trận Tổ quốc, các cấp, các ngành, các đoàn thể nhân dân, giới trí thức, các nhân sĩ, tôn giáo, dân tộc, đồng bào ta ở nước ngoài và bạn bè quốc tế về sự đóng góp đầy tâm huyết, trí tuệ cho sự thành công của Đại hội.

Đại hội IX của Đảng là **Đại hội của trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới**, thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc!

Đại hội IX là mốc son lịch sử đánh dấu thời kỳ phát triển mới của cách mạng Việt Nam, thời kỳ phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trong tinh thần và niềm tin tưởng sâu sắc đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN TỘC,
TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH
CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ,
XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

(Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII
về các Văn kiện tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX
của Đảng do đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu trình bày,
ngày 19 tháng 4 năm 2001)

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng họp vào thời điểm có ý nghĩa trọng đại. Thế kỷ XX đã kết thúc. Thế kỷ XXI vừa bắt đầu. Toàn Đảng, toàn dân ta đã trải qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng, 10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000 và 15 năm đổi mới.

Đại hội IX có nhiệm vụ kiểm điểm và đánh giá những thành tựu và khuyết điểm thời gian qua, đề ra những quyết sách cho thời kỳ tới. Chủ đề của Đại hội là: phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Ban Chấp hành Trung ương xin trình Đại hội bốn văn kiện: *Báo cáo chính trị; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010; Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2005; và Báo cáo về việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.*

Trong quá trình chuẩn bị các văn kiện, đảng bộ các cấp, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, các đồng chí lão thành cách mạng, các nhân sĩ, trí thức đã góp nhiều ý kiến phong phú và sâu sắc. Sau khi Dự thảo Báo cáo chính trị được công bố rộng rãi, đông đảo các tầng lớp nhân dân trong cả nước và đồng bào định cư ở nước ngoài đã sôi nổi đóng góp nhiều ý kiến đầy tâm huyết, thể hiện ý chí, nguyện vọng và quyết tâm của toàn dân đoàn kết chung quanh Đảng Cộng sản Việt Nam, cùng Đảng bàn việc nước. Các văn kiện trình Đại hội Đảng lần này là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân ta.

Từ điển đàn trọng thể này, Đại hội chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh và bày tỏ lòng biết ơn chân thành về sự đóng góp quý báu ấy của đồng chí, đồng bào.

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII, tôi xin trình bày những nội dung chủ yếu trong các văn kiện trình Đại hội.

I- VIỆT NAM TRONG THẾ KỶ XX VÀ TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN TRONG THẾ KỶ XXI

Báo cáo chính trị khẳng định thế kỷ XX là thế kỷ ghi đậm trong lịch sử loài người những dấu ấn cực kỳ sâu sắc. Đó là thế kỷ khoa học và công nghệ tiến nhanh chưa từng thấy, giá trị sản xuất vật chất tăng hàng chục lần so với thế kỷ trước; kinh tế phát triển mạnh mẽ xen lẫn những cuộc khủng

hoảng lớn của chủ nghĩa tư bản thế giới và sự phân hoá gay gắt về giàu nghèo giữa các nước, các khu vực. Đó là thế kỷ diễn ra hai cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu cùng hàng trăm cuộc xung đột vũ trang. Đó cũng là thế kỷ chứng kiến một phong trào cách mạng sâu rộng trên phạm vi toàn thế giới, với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga - cuộc cách mạng vĩ đại mở ra thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một loạt nước châu Âu, châu Á và Mỹ Latinh; sự giải phóng hầu hết các nước thuộc địa của chủ nghĩa thực dân; sự phát triển của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và phong trào hoà bình, dân chủ, mặc dù vào thập niên cuối, chủ nghĩa xã hội hiện thực tạm thời lâm vào thoái trào.

Đối với nước ta, thế kỷ XX là thế kỷ của những biến đổi to lớn, thế kỷ đấu tranh oanh liệt giành lại độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thế kỷ của những chiến công và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại.

Sau các phong trào yêu nước ba mươi năm đầu thế kỷ XX, năm 1930 Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu bước ngoặt của cách mạng Việt Nam. Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta giành được những thắng lợi vĩ đại: thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc; thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Với những thắng lợi giành được trong thế kỷ XX, nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Nhân dân ta từ thân

phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất nước ta từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu đã bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Chúng ta tự hào về dân tộc ta - một dân tộc anh hùng, thông minh và sáng tạo; tự hào về Đảng ta - Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện - một lòng một dạ chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

Thế kỷ XXI sẽ tiếp tục có nhiều biến đổi. Khoa học và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt. Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Toàn cầu hoá kinh tế là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác, vừa có đấu tranh. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra gay gắt. Thế giới đứng trước nhiều vấn đề toàn cầu mà không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết nếu không có sự hợp tác đa phương. Chủ nghĩa tư bản hiện đại đang nắm ưu thế về vốn, khoa học và công nghệ, thị trường, song không thể khắc phục nổi những mâu thuẫn vốn có. Các quốc gia độc lập ngày càng tăng cường cuộc đấu tranh để tự lựa chọn và quyết định con đường phát triển của mình. Chủ nghĩa xã hội trên thế giới, từ những bài học thành công và thất bại cũng như từ khát vọng và sự thức tỉnh của các dân tộc, có điều kiện và khả năng tạo ra bước phát triển mới. Theo quy luật tiến hoá của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Trong một vài thập kỷ tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới. Nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang,

xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ, khủng bố còn xảy ra ở nhiều nơi với tính chất phức tạp ngày càng tăng. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, phản ánh đòi hỏi bức xúc của các quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, dân sinh, tiến bộ và công bằng xã hội sẽ có những bước tiến mới. Khu vực Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương, sau khủng hoảng tài chính - kinh tế, có khả năng phát triển năng động nhưng vẫn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định.

Những nét mới ấy trong tình hình thế giới và khu vực tác động mạnh mẽ đến tình hình nước ta. Trước mắt nhân dân ta có cả *cơ hội lớn và thách thức lớn*.

Ngày nay, thế và lực của nước ta đã lớn mạnh lên nhiều. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế được tăng cường. Đất nước còn nhiều tiềm năng lớn về tài nguyên, lao động. Nhân dân ta có phẩm chất tốt đẹp. Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định. Môi trường hoà bình, sự hợp tác, liên kết quốc tế và những xu thế tích cực trên thế giới tạo điều kiện để chúng ta tiếp tục phát huy nội lực và lợi thế so sánh, tranh thủ ngoại lực. Đó là cơ hội lớn.

Đồng thời, đất nước ta phải đối mặt với nhiều thách thức. Bốn nguy cơ mà Đảng ta từng chỉ rõ - tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, chênh hướng xã hội chủ nghĩa, nạn tham nhũng và tệ quan liêu, "diễn biến hoà bình" do các thế lực thù địch gây ra - đến nay vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp, đan xen, tác động lẫn nhau, không thể xem nhẹ nguy cơ nào. Điều cần nhấn mạnh là: tình trạng tham nhũng và sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đang cản trở việc thực hiện đường lối, chủ trương,

chính sách của Đảng, gây bất bình và làm giảm lòng tin trong nhân dân; nước ta vẫn còn là nước kinh tế kém phát triển, mức sống nhân dân còn thấp, trong khi đó cuộc cạnh tranh quốc tế ngày càng quyết liệt, nếu chúng ta không nhanh chóng vươn lên thì sẽ càng tụt hậu xa hơn về kinh tế.

Nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ mới, đó là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và nhân dân ta.

II- TÌNH HÌNH ĐẤT NƯỚC 5 NĂM QUA VÀ NHỮNG BÀI HỌC CHỦ YẾU CỦA 15 NĂM ĐỔI MỚI

Năm năm qua, bên cạnh một số thuận lợi, nước ta gặp nhiều khó khăn: những yếu kém vốn có của nền kinh tế, những thiên tai lớn liên tiếp, cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế ở một số nước châu Á, tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp. Trong hoàn cảnh đó, toàn Đảng và toàn dân ta ra sức thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, **đạt được những thành tựu quan trọng**:

Kinh tế tăng trưởng khá. Văn hoá, xã hội có những tiến bộ; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định; quốc phòng và an ninh được tăng cường. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chú trọng; hệ thống chính trị được củng cố. Quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng, hội nhập kinh tế quốc tế được tiến hành chủ động và đạt nhiều kết quả tốt.

Những thành tựu 5 năm qua đã tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

Đạt được những thành tựu nói trên là do Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng và đường lối lãnh đạo đúng đắn; Nhà nước có cố gắng lớn trong việc điều hành, quản lý; toàn dân và toàn quân phát huy lòng yêu nước và tinh thần dũng cảm, đoàn kết nhất trí, cần cù, năng động, sáng tạo, tiếp tục thực hiện đổi mới, ra sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII có những **yếu kém, khuyết điểm**:

Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Một số vấn đề văn hoá, xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết. Cơ chế, chính sách không đồng bộ và chưa tạo động lực mạnh để phát triển. Tình trạng tham nhũng, suy thoái ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng.

Ban Chấp hành Trung ương xin tự phê bình trước Đại hội và trước nhân dân về việc chậm khắc phục những khuyết điểm trên, làm hạn chế những thành tựu lẽ ra đã có thể đạt được nhiều hơn.

Sở dĩ có tình trạng đó là do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chính: việc tổ chức thực hiện nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng chưa tốt; kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm. Một số quan điểm, chủ trương chưa rõ, chưa có sự nhận thức thống nhất và chưa được thông suốt ở các cấp, các ngành. Cải cách hành chính tiến hành chậm, thiếu kiên quyết, hiệu quả thấp. Công tác tư tưởng, công tác lý luận, công tác tổ chức, cán bộ có nhiều yếu kém, bất cập.

Tuy một số chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm (1996 - 2000) không đạt, một số nhiệm vụ do Nghị quyết Đại hội VIII đề ra chưa được thực hiện tốt, nhưng **10 năm thực hiện Chiến**

***lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội (1991 - 2000)
đã đạt những thành tựu to lớn và rất quan trọng:***

Tổng sản phẩm trong nước năm 2000 tăng gấp đôi so với năm 1990. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và năng lực sản xuất tăng nhiều. Nền kinh tế từ tình trạng hàng hoá khan hiếm nghiêm trọng nay sản xuất đã đáp ứng được các nhu cầu thiết yếu của nhân dân và nền kinh tế; từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp đã chuyển sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; từ chỗ chủ yếu chỉ có hai thành phần là kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể đã chuyển sang nền kinh tế có nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện. Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, vượt qua được cơn chấn động chính trị và sự hẫng hụt về thị trường do những biến động ở Liên Xô và Đông Âu gây ra; phá được thế bị bao vây cấm vận, mở rộng được quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; không để bị cuốn sâu vào cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế ở một số nước châu Á mặc dù hậu quả của nó đối với nước ta cũng khá nặng nề; tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định; quốc phòng và an ninh được tăng cường. Sức mạnh về mọi mặt của nước ta đã lớn hơn nhiều so với mười năm trước.

15 năm đổi mới (1986 - 2000) đã cho chúng ta nhiều kinh nghiệm quý báu. Những bài học đổi mới do các Đại hội VI, VII, VIII của Đảng nêu lên đến nay vẫn còn có giá trị lớn, nhất là những bài học chủ yếu sau đây: Một là, trong quá trình đổi mới, phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Hai là, đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo. Ba là, đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức

mạnh thời đại. Bốn là, đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới.

III- VỀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

Thực tiễn phong phú và những thành tựu thu được qua 15 năm đổi mới đã chứng minh tính đúng đắn của Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội VII của Đảng, đồng thời giúp chúng ta nhận thức ngày càng rõ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Chúng ta một lần nữa khẳng định: Cương lĩnh là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng hiện nay và trong những thập kỷ tới. *Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về phát triển kinh tế và văn hoá, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về đạo

đức cách mạng, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân...

Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta.

Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại. Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ. Trong các lĩnh vực của đời sống xã hội diễn ra sự đan xen và đấu tranh giữa cái mới và cái cũ.

Trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, nhưng cơ cấu, tính chất, vị trí của các giai cấp trong xã hội ta đã thay đổi nhiều cùng với những biến đổi to lớn về kinh tế, xã hội. Mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích của toàn dân tộc trong mục tiêu chung là *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội*,

dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hoà các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.

Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

IV- ĐƯỜNG LỐI VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Xuất phát từ tình hình hiện nay và yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới, đường lối kinh tế của Đảng ta được xác định là: *Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành*

một nước công nghiệp; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hoá, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh.

Mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 là: *Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao.*

Năm 2010, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng ít nhất gấp đôi so với năm 2000; chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp xuống còn khoảng 50%.

Chiến lược nêu rõ: *Phát triển kinh tế, công nghiệp hoá, hiện đại hoá là nhiệm vụ trung tâm. Con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá của nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian so với các nước đi trước, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt. Phát huy những lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ công nghệ tiên tiến, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tranh thủ*

ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu mới về khoa học và công nghệ, từng bước phát triển kinh tế tri thức.

Tư tưởng của Chiến lược là *phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường*. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách, đồng thời có tiềm lực kinh tế đủ mạnh. Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ phải đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước.

Định hướng cho việc phát triển các ngành và các vùng, các văn kiện chỉ rõ:

Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nâng cao chất lượng và hiệu quả phát triển kinh tế, tăng sức cạnh tranh. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư dựa trên cơ sở phát huy các thế mạnh và các lợi thế so sánh của đất nước, gắn với nhu cầu thị trường trong nước và ngoài nước; nhu cầu đời sống nhân dân và quốc phòng, an ninh. Tạo thêm sức mua của thị trường trong nước và mở rộng thị trường ngoài nước, đẩy mạnh xuất khẩu.

Tăng cường sự chỉ đạo và huy động các nguồn lực cần thiết để đẩy nhanh *công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn*. Tiếp tục phát triển và đưa *nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp* lên một trình độ mới bằng việc ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ sinh học; đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tăng giá trị thu được trên đơn vị diện tích; quy hoạch sử dụng đất hợp lý;

đẩy mạnh thuỷ lợi hoá, cơ giới hoá, điện khí hoá; giải quyết tốt vấn đề tiêu thụ nông sản hàng hoá; phát triển kết cấu hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo nhiều việc làm mới và cải thiện đời sống nông dân và dân cư nông thôn.

Công nghiệp vừa phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động, vừa đi nhanh vào một số ngành, lĩnh vực có công nghệ hiện đại, công nghệ cao. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản, thuỷ sản, may mặc, da - giấy, một số sản phẩm cơ khí, điện tử, công nghiệp phần mềm... Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng quan trọng sản xuất tư liệu sản xuất cần thiết để trang bị cho các ngành kinh tế và quốc phòng. Chú trọng phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ; xây dựng một số tập đoàn doanh nghiệp lớn đi đầu trong cạnh tranh và hiện đại hoá.

Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng các ngành *dịch vụ*: thương mại, hàng không, hàng hải, bưu chính - viễn thông, du lịch, tài chính, ngân hàng, kiểm toán, bảo hiểm. Xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hoá hệ thống *kết cấu hạ tầng*: giao thông, điện lực, thông tin, thuỷ lợi, cấp thoát nước. Phát triển mạng lưới *đô thị* phân bố hợp lý trên các vùng.

Trong *chiến lược phát triển các vùng*, chúng ta chủ trương phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm có mức tăng trưởng cao, tích lũy lớn; đồng thời tạo điều kiện để phát triển các vùng khác trên cơ sở phát huy thế mạnh của từng vùng. Quan tâm phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh ở các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, chú trọng các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam. Có chiến lược phát triển vùng

biên giới. Phát triển mạnh kinh tế biển kết hợp với bảo vệ vùng biển.

Từng bước hiện đại hoá công tác nghiên cứu, dự báo *khí tượng - thủy văn và vật lý địa cầu*; tích cực chủ động phòng chống thiên tai.

Sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên, *bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học*.

Kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 là bước rất quan trọng trong việc thực hiện Chiến lược 2001 - 2010. Mục tiêu là: Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Mở rộng kinh tế đối ngoại. Tạo chuyển biến mạnh về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát huy nhân tố con người. Tạo nhiều việc làm; cơ bản xoá đói, giảm số hộ nghèo; đẩy lùi các tệ nạn xã hội; ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Tiếp tục tăng cường kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội; hình thành một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia.

Các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 là:

- Nhịp độ tăng GDP bình quân 7,5%/năm. Tổng GDP năm 2005 gấp 2 lần so với năm 1995.

- Đến năm 2005, tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp là 20 - 21% GDP; công nghiệp và xây dựng 38 - 39%, các ngành dịch vụ 41 - 42%.

- Giảm tỷ lệ sinh bình quân hàng năm 0,5‰, nhịp độ phát triển dân số vào năm 2005 khoảng 1,22%.

- Tạo việc làm, giải quyết thêm việc làm cho khoảng 7,5 triệu lao động, bình quân 1,5 triệu lao động/năm; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 30% vào năm 2005.

- Cơ bản xóa hộ đói, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 10% vào năm 2005.

Về *quan hệ sản xuất*, Đảng ta chủ trương thực hiện nhất quán *chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần*. Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.

Trong nền kinh tế của ta, *kinh tế nhà nước* phát huy vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng và là công cụ để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Trong 5 năm tới, cơ bản hoàn thành việc củng cố, sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu, đổi mới và nâng cao hiệu quả các doanh nghiệp nhà nước hiện có, đồng thời phát triển thêm doanh nghiệp mà Nhà nước đầu tư 100% vốn hoặc có cổ phần chi phối ở một số ngành, lĩnh vực then chốt và địa bàn quan trọng. Thực hiện tốt chủ trương cổ phần hoá và đa dạng hoá sở hữu đối với những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm 100% vốn. Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách đối với doanh nghiệp nhà nước để tạo động lực phát triển và nâng cao hiệu quả.

Kinh tế tập thể phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt. Phát triển hợp tác xã kinh doanh tổng hợp đa ngành hoặc chuyên ngành. Nhà nước giúp hợp tác xã đào tạo cán bộ, ứng dụng khoa học công nghệ, nắm bắt thông tin, mở rộng thị trường, xây dựng các quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, giải quyết nợ tồn đọng. Khuyến khích việc tích lũy, phát triển có hiệu quả vốn tập thể trong hợp tác xã.

Kinh tế cá thể, tiểu chủ cả ở nông thôn và thành thị có vị trí quan trọng lâu dài. Nhà nước tạo điều kiện và giúp đỡ để phát triển; khuyến khích các hình thức hợp tác tự nguyện, làm vệ tinh cho các doanh nghiệp hoặc phát triển lớn hơn.

Khuyến khích phát triển *kinh tế tư bản tư nhân* rộng rãi trong những ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi về chính sách, pháp lý để kinh tế tư bản tư nhân phát triển trên những hướng ưu tiên của Nhà nước, kể cả đầu tư ra nước ngoài; chuyển thành doanh nghiệp cổ phần, bán cổ phần cho người lao động; liên doanh, liên kết với nhau, với kinh tế tập thể và kinh tế nhà nước.

Phát triển đa dạng *kinh tế tư bản nhà nước* dưới các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư bản tư nhân trong nước và ngoài nước, mang lại lợi ích thiết thực cho các bên đầu tư kinh doanh.

Ngoài các thành phần kinh tế nói trên, các văn kiện lần này nêu lên một thành phần mới xuất hiện và hình thành ngày càng rõ nét trong những năm gần đây: thành phần *kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài*. Thành phần này bao gồm phần vốn đầu tư của nước ngoài vào các cơ sở sản xuất, kinh doanh ở nước ta. Chủ trương của ta là tạo điều kiện để thành phần kinh tế này phát triển thuận lợi, hướng vào xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội gắn với thu hút công nghệ hiện đại, tạo thêm nhiều việc làm.

Trong chính sách phát triển các thành phần kinh tế, Đảng ta chủ trương phát triển các hình thức tổ chức kinh doanh đan xen, hỗn hợp nhiều hình thức sở hữu, giữa các thành phần kinh tế với nhau, giữa trong nước và ngoài nước; phát triển hình thức tổ chức kinh tế cổ phần nhằm huy động và sử dụng rộng rãi vốn đầu tư xã hội; nhân rộng mô hình

hợp tác, liên kết công nghiệp và nông nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và kinh tế hộ nông thôn; phát triển các loại hình trang trại với quy mô phù hợp trên từng địa bàn.

Để nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vận hành thông suốt, cần *tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường, đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước.*

Thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt quan tâm các thị trường quan trọng nhưng hiện chưa có hoặc còn sơ khai như: thị trường lao động, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường khoa học và công nghệ.

Tiếp tục đổi mới các công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế. Đổi mới hơn nữa công tác kế hoạch hoá, nâng cao chất lượng công tác xây dựng các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Bảo đảm tính minh bạch, công bằng trong chi ngân sách nhà nước. Thực hiện đầu tư vốn phát triển từ ngân sách nhà nước căn cứ vào hiệu quả kinh tế - xã hội. Tiếp tục cải cách hệ thống thuế phù hợp với tình hình đất nước và các cam kết quốc tế; nuôi dưỡng nguồn thu và thu đúng, thu đủ theo quy định của pháp luật. Xây dựng hệ thống ngân hàng thương mại nhà nước thành những doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ tự chủ, đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Thành lập các ngân hàng chính sách.

Cùng với đẩy mạnh phát triển kinh tế, Đảng ta chủ trương *giải quyết tốt các vấn đề xã hội*, coi đây là một hướng chiến lược thể hiện bản chất ưu việt của chế độ ta. Thực hiện các chính sách xã hội hướng vào phát triển và lành mạnh hoá xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực

mạnh mẽ để phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội, thực hiện bình đẳng trong quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp.

Các văn kiện đã nêu lên nhiều biện pháp nhằm giải quyết các vấn đề xã hội: tạo ra nhiều việc làm mới; mở rộng hệ thống bảo hiểm xã hội và an sinh xã hội; cải cách cơ bản chế độ tiền lương; đẩy nhanh các chương trình xoá đói, giảm nghèo; thực hiện chính sách ưu đãi xã hội và vận động toàn dân tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn đối với các lão thành cách mạng, những người có công với nước, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, thương binh và cha mẹ, vợ con liệt sĩ, gia đình chính sách; kiểm soát quy mô dân số và từng bước nâng cao chất lượng dân số, chăm sóc sức khoẻ nhân dân, mở rộng và hoàn thiện mạng lưới y tế; chăm sóc và bảo vệ trẻ em; đẩy mạnh phong trào toàn dân tập luyện thể dục - thể thao v.v.. Đồng thời, đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn trật tự, kỷ cương xã hội, ngăn chặn và bài trừ các tệ nạn xã hội; ngăn chặn, tiến tới đẩy lùi đại dịch HIV/AIDS. Xây dựng lối sống văn minh, lành mạnh.

Các chính sách xã hội được tiến hành theo tinh thần xã hội hoá, đề cao trách nhiệm của chính quyền các cấp, huy động các nguồn lực trong nhân dân và sự tham gia của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội.

V- PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, XÂY DỰNG NỀN VĂN HOÁ TIỀN TIẾN, ĐẠM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC

Các chính sách về văn hoá của Đảng ta thể hiện quan điểm: văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục

tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu.

Về giáo dục và đào tạo: Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp và hệ thống quản lý giáo dục; thực hiện “chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá”. Phát huy tinh thần độc lập suy nghĩ và sáng tạo của học sinh, sinh viên, đề cao năng lực tự học, tự hoàn thiện học vấn và tay nghề. Đẩy mạnh phong trào học tập trong nhân dân bằng những hình thức chính quy và không chính quy, thực hiện “giáo dục cho mọi người”, “cả nước trở thành một xã hội học tập”. Thực hiện phương châm “học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với đời sống xã hội”. Chăm lo phát triển giáo dục mầm non; củng cố thành tựu xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; đẩy nhanh tiến độ phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Tăng ngân sách nhà nước cho giáo dục, đào tạo theo nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Hiện đại hoá một số trường dạy nghề, tăng nhanh tỷ lệ lao động được đào tạo trong toàn bộ lao động xã hội. Khuyến khích phát triển hệ thống các trường, lớp dạy nghề dân lập và tư thục. Mở rộng hợp lý quy mô giáo dục đại học, làm chuyển biến rõ nét về chất lượng và hiệu quả đào tạo. Từng bước xúc tiến việc nối mạng thông tin quốc tế (internet) ở trường học.

Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện cho người nghèo có cơ hội học tập. Tăng ngân sách nhà nước cho việc cử người đi đào tạo ở các nước có nền khoa học và công nghệ tiên tiến. Khuyến khích việc du học tự túc. Trong những năm trước mắt, giải quyết dứt điểm những vấn đề bức xúc: sửa đổi chương trình đào tạo, cải tiến chế độ thi cử, khắc phục khuynh hướng “thương mại hoá” giáo dục, quản lý chặt

chế việc cấp văn bằng, công nhận học hàm, học vị; chấn chỉnh công tác quản lý hệ thống trường học cả công lập và ngoài công lập.

Về khoa học và công nghệ: Khoa học xã hội và nhân văn hướng vào việc giải đáp các vấn đề lý luận và thực tiễn, dự báo các xu thế phát triển, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng con người. Khoa học tự nhiên hướng vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn, xây dựng cơ sở khoa học của sự phát triển các lĩnh vực công nghệ trọng điểm và khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, dự báo, phòng chống thiên tai. Khoa học công nghệ hướng vào việc nâng cao năng suất lao động, đổi mới sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hoá trên thị trường, xây dựng năng lực công nghệ quốc gia. Tạo thị trường cho khoa học và công nghệ, đổi mới cơ chế tài chính nhằm khuyến khích sáng tạo và gắn ứng dụng khoa học và công nghệ với sản xuất, kinh doanh, quản lý dịch vụ. Coi trọng việc nghiên cứu cơ bản trong các ngành khoa học. Tăng đầu tư ngân sách và huy động các nguồn lực khác cho khoa học và công nghệ. Hoàn thành xây dựng những khu công nghệ cao và hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia. Sắp xếp lại và đổi mới hệ thống nghiên cứu khoa học, phối hợp chặt chẽ việc nghiên cứu khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật với khoa học xã hội và nhân văn. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và công nghệ. Thực hiện tốt chính sách bảo hộ sở hữu trí tuệ, đãi ngộ đặc biệt đối với nhà khoa học có công trình nghiên cứu xuất sắc.

Về xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc: Hướng mọi hoạt động văn hoá vào việc xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư

tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống có văn hoá, quan hệ hài hoà trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Tạo điều kiện để nhân dân ngày càng nâng cao trình độ thẩm mỹ và thưởng thức nghệ thuật, trở thành những chủ thể sáng tạo văn hoá, đồng thời là người hưởng thụ ngày càng nhiều các thành quả văn hoá. Nâng cao chất lượng hệ thống bảo tàng; đẩy mạnh xây dựng thư viện, nhà văn hoá, nhà thông tin, câu lạc bộ sức khoẻ, sân bãi thể dục thể thao, khu vui chơi giải trí... Bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá dân tộc, các giá trị văn học, nghệ thuật, ngôn ngữ, chữ viết và thuần phong mỹ tục của các dân tộc; tôn tạo các di tích lịch sử, văn hoá. Tiếp thu tinh hoa và góp phần làm phong phú thêm nền văn hoá của nhân loại.

Bảo đảm tự do, dân chủ cho mọi sáng tạo văn hoá, văn học nghệ thuật, tạo điều kiện thuận lợi để phát huy hiệu quả của lao động nghệ thuật. Văn nghệ sĩ nêu cao trách nhiệm trước nhân dân, trước Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, có tác dụng giáo dục, xây dựng con người. Chăm sóc đời sống văn nghệ sĩ, đãi ngộ thoả đáng đối với những văn nghệ sĩ tài năng.

Hướng báo chí, xuất bản làm tốt chức năng tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phát hiện những nhân tố mới, cái hay, cái đẹp trong xã hội, giới thiệu gương người tốt, việc tốt, những điển hình tiên tiến, phê phán các hiện tượng tiêu cực, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, đấu tranh với những quan điểm sai trái. Nâng cao tính chân thật, tính giáo dục và tính

chiến đấu của thông tin; khắc phục khuynh hướng “thương mại hoá” trong hoạt động báo chí, xuất bản. Nêu cao trách nhiệm của gia đình trong việc xây dựng và bồi dưỡng các thành viên có lối sống văn hoá, làm cho gia đình thật sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội.

Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”.

VI- TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc.

Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thế trận an ninh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, quốc phòng và an ninh với kinh tế trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Phối hợp hoạt động quốc phòng và an ninh với hoạt động đối ngoại.

Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.

Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có bản lĩnh chính trị vững vàng; trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với

Đảng và nhân dân; có trình độ học vấn và chuyên môn, nghiệp vụ ngày càng cao; quý trọng và hết lòng phục vụ nhân dân; có phẩm chất, đạo đức, lối sống lành mạnh, giản dị; kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang; có năng lực chỉ huy và tác chiến thắng lợi trong bất cứ tình huống nào; có trình độ sẵn sàng chiến đấu và sức chiến đấu ngày càng cao; thường xuyên cảnh giác, kịp thời đập tan mọi âm mưu và hành động xâm phạm độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và an ninh quốc gia; ngăn chặn và đẩy lùi các tội phạm nguy hiểm và các tệ nạn xã hội, bảo đảm tốt trật tự an toàn xã hội.

Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội, thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; coi trọng xây dựng thế trận trên các địa bàn chiến lược trọng yếu; xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ và công an, bảo vệ cơ sở.

Hoàn thiện hệ thống luật pháp về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Đầu tư thích đáng cho công nghiệp quốc phòng, trang bị kỹ thuật hiện đại cho quân đội, công an. Tận dụng năng lực công nghiệp dân sinh phục vụ quốc phòng và an ninh. Từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của các lực lượng vũ trang, thực hiện tốt chính sách hậu phương đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

Thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, đối với sự nghiệp quốc phòng và an ninh.

VII- MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Thực hiện nhất quán *đường lối đối ngoại* độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế.

Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.

Nhiệm vụ đối ngoại là tiếp tục giữ vững môi trường hoà bình và tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm độc lập và chủ quyền quốc gia, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Mở rộng quan hệ với các nước và vùng lãnh thổ, các trung tâm chính trị, kinh tế quốc tế lớn, các tổ chức quốc tế và khu vực theo các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; bình đẳng và cùng có lợi; giải quyết các bất đồng và tranh chấp bằng thương lượng hoà bình; phản đối mọi âm mưu và hành động gây sức ép, áp đặt và cưỡng quyền.

Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường.

Coi trọng và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước láng giềng. Nâng cao hiệu quả và chất lượng hợp tác với các nước ASEAN. Tiếp tục mở rộng quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, các nước độc lập dân tộc, các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Trung Đông và Mỹ Latinh, các nước trong Phong trào Không liên kết. Thúc đẩy quan hệ đa dạng với các nước phát triển và các tổ chức quốc tế.

Tích cực tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu. Ủng hộ và cùng nhân dân thế giới đấu tranh bảo vệ hoà bình, chống nguy cơ chiến tranh và chạy đua vũ trang; góp phần xây dựng trật tự chính trị, kinh tế quốc tế dân chủ, công bằng.

Củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết và hợp tác với các đảng cộng sản và công nhân, với các đảng cánh tả, các phong trào giải phóng và độc lập dân tộc, với các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới.

Tiếp tục mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền.

Mở rộng hơn nữa công tác đối ngoại nhân dân, tăng cường quan hệ song phương và đa phương với các tổ chức nhân dân các nước, nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế.

Tăng cường và nâng cao hiệu quả của công tác thông tin đối ngoại và văn hoá đối ngoại. Bồi dưỡng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, năng lực, đạo đức, phẩm chất của đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại, kể cả kinh tế đối ngoại. Hoàn thiện cơ chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại, tạo thành sức mạnh tổng hợp, nâng cao hiệu quả của công tác đối ngoại.

VIII- PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN

Kế thừa truyền thống quý báu của dân tộc, Đảng ta luôn luôn giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân. Đó là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng,

người đang công tác và người đã nghỉ hưu, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống ở trong nước hay ở nước ngoài. Phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc, truyền thống yêu nước, ý chí tự lực tự cường và lòng tự hào dân tộc, lấy mục tiêu giữ vững độc lập dân tộc, thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, xoá bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai. Khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam luôn luôn được củng cố và phát triển sâu rộng trên cơ sở liên minh vững chắc giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân gắn với việc phát huy dân chủ trong đời sống xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện dân chủ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội ở tất cả các cấp, các ngành.

Chính sách và pháp luật của Nhà nước là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân và sinh hoạt dân chủ trong xã hội. Xây dựng đồng bộ các chính sách kinh tế - xã hội đúng đắn, phát huy mọi khả năng sáng tạo của nhân dân. Đổi mới và hoàn thiện các chính sách cụ thể đối với các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo. Chú trọng các chính sách đối với giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, thế hệ trẻ, phụ nữ, cựu chiến binh, các lão thành cách mạng, những người có công với nước, các cán bộ nghỉ hưu, những người cao tuổi, các nhà doanh nghiệp, đồng bào định cư ở nước ngoài, v.v..

Thực hiện tốt chính sách các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển; xây dựng kết cấu hạ

tăng kinh tế - xã hội, phát triển sản xuất hàng hoá; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xoá đói, giảm nghèo, mở mang dân trí, giữ gìn, làm giàu và phát huy bản sắc văn hoá và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc.

Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật; đoàn kết và chăm lo phát triển kinh tế, văn hoá, nâng cao đời sống của đồng bào. Từng bước hoàn thiện luật pháp về tín ngưỡng, tôn giáo.

Nghiêm cấm lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát huy quyền và trách nhiệm làm chủ của nhân dân, thắt chặt mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước, thực hiện giám sát của nhân dân đối với công tác, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, đại biểu dân cử và cơ quan nhà nước, giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân.

Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, khắc phục tình trạng hành chính hoá, phô trương, hình thức, quan liêu, xa dân. Tổ chức các phong trào nhân dân thi đua yêu nước gắn liền với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng địa phương và địa bàn dân cư. Hướng mạnh các hoạt động về cơ sở, cộng đồng dân cư và từng gia đình.

IX- ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC, PHÁT HUY DÂN CHỦ, TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ

Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước gắn liền với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn.

Thực hiện cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước. Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; tăng cường công tác lập pháp, xây dựng chương trình dài hạn về lập pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật, đổi mới quy trình ban hành và hướng dẫn thi hành luật. Khẩn trương nghiên cứu, đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 phù hợp với tình hình mới. Xây dựng một nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hoá. Điều chỉnh chức năng và cải tiến phương thức hoạt động của Chính phủ theo hướng thống nhất quản lý vĩ mô việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong cả nước bằng hệ thống pháp luật, chính sách hoàn chỉnh, đồng bộ. Cải cách tổ chức, nâng cao chất lượng và hoạt động của các cơ quan tư pháp. Viện kiểm sát nhân dân thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Sắp xếp lại hệ thống Toà án nhân dân, phân định hợp lý

thẩm quyền của toà án các cấp. Thực hiện tinh giản biên chế trong các cơ quan nhà nước.

Phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế. Hoàn thiện những quy định về bầu cử, ứng cử, về tiêu chuẩn, cơ cấu các đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân trên cơ sở phát huy dân chủ. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở. Chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người. Giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo của công dân.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực. Hoàn thiện chế độ công vụ, quy chế cán bộ, công chức, coi trọng cả năng lực và đạo đức. Đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức theo đúng chức danh, tiêu chuẩn. Tăng cường cán bộ cho cơ sở.

Hiện nay, cán bộ, đảng viên và nhân dân ta hết sức quan tâm đến cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Nạn tham nhũng diễn ra nghiêm trọng, kéo dài gây bất bình trong nhân dân và là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta. Phải tăng cường về tổ chức và cơ chế, tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị, ở các cấp, các ngành, từ trung ương đến cơ sở. Gắn chống tham nhũng với chống lãng phí, quan liêu, buôn lậu, đặc biệt chống các hành vi lợi dụng chức quyền để làm giàu bất chính.

Các biện pháp chống tham nhũng phải được thực hiện đồng bộ: bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy chế, quy định của Đảng và Nhà nước về quản lý kinh tế - tài chính, quản lý tài sản công, không để sơ hở cho kẻ xấu lợi dụng. Tiếp tục xoá bỏ các thủ tục hành chính phiền hà. Thanh tra, kiểm tra, kiểm kê, kiểm soát việc sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản công. Các đảng viên và chi bộ đảng,

Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng và toàn xã hội giám sát, kiểm tra cán bộ, công chức, phát hiện, tố cáo, lên án những kẻ tham nhũng. Xử lý nghiêm minh theo pháp luật và Điều lệ Đảng những cán bộ, đảng viên, công chức ở bất cứ cấp nào, lĩnh vực nào lợi dụng chức quyền để tham nhũng. Cụ thể hoá và thực hiện nghiêm những điều cấm đối với cán bộ, công chức, trước hết là cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý. Đồng thời phải cải cách cơ bản chế độ tiền lương, nâng cao đời sống người hưởng lương, chống đặc quyền, đặc lợi. Thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức về chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng.

X- XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

Những thành tựu và yếu kém trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo của Đảng và những ưu điểm, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng.

Từ Đại hội VIII đến nay, Đảng ta đã có nhiều cố gắng tiến hành nhiệm vụ then chốt là xây dựng, chỉnh đốn Đảng và nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế. Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) đã ra Nghị quyết về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng; mở cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tiến hành tự phê bình và phê bình trong toàn Đảng. Qua gần hai năm thực hiện, cuộc vận động đã thu được một số kết quả và kinh nghiệm bước đầu nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu đề ra. Trong công tác xây dựng Đảng, bên cạnh những ưu điểm, đang nổi lên một số mặt yếu kém và khuyết điểm, nhất là khuyết điểm về công tác giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên, chưa ngăn chặn và

đẩy lùi được sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống. Một số tổ chức đảng ở các cấp chưa được chỉnh đốn; dân chủ bị vi phạm, kỷ luật, kỷ cương lỏng lẻo, nội bộ không đoàn kết. Công tác tư tưởng, công tác lý luận còn yếu kém, bất cập. Công tác tổ chức, cán bộ còn một số biểu hiện trì trệ. Tổ chức chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước còn yếu.

Nguyên nhân trực tiếp và chủ yếu của những tồn tại trên là do nhiều cấp uỷ và tổ chức đảng, kể cả Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị chưa chỉ đạo tập trung và kiên quyết công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; chủ trương, biện pháp thiếu đồng bộ; chưa chỉ đạo kết hợp tiến hành tự phê bình và phê bình với kiện toàn tổ chức, đổi mới cơ chế, chính sách, chỉnh đốn các khâu quản lý kinh tế tài chính và tăng cường công tác giáo dục cán bộ, đảng viên.

Trong những năm tới, toàn Đảng phải tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nghị quyết về xây dựng Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Trước hết, **phải tăng cường công tác giáo dục tư tưởng chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân.** Toàn Đảng nghiêm túc học tập chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Các cấp uỷ và chi bộ tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra đảng viên học tập, rèn luyện, không ngừng nâng cao trình độ chính trị, học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức lãnh đạo, quản lý và công tác vận động nhân dân, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu. Trên cơ sở tổng kết hai năm tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện có nền nếp việc tự phê bình và phê bình trong các cấp uỷ và tổ chức đảng từ trung ương đến cơ sở. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa

cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng, tệ tham nhũng, quan liêu, làm trong sạch đội ngũ đảng viên. củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan kiểm tra đảng, thanh tra nhà nước và thanh tra nhân dân. Tiếp tục coi trọng và làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, thảo luận dân chủ, sớm kết luận những vấn đề mới và bức xúc từ thực tiễn đặt ra, nâng cao sự thống nhất về quan điểm, đường lối của Đảng; đấu tranh với những khuynh hướng tư tưởng sai trái.

Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp, vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có trí tuệ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, sáng tạo, gần bó với nhân dân. Có cơ chế và chính sách phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; trọng dụng những người có đức, có tài. Thực hiện đúng đắn nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ... Làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ. Đánh giá, bồi dưỡng, lựa chọn, sử dụng cán bộ trên cơ sở tiêu chuẩn, lấy hiệu quả công tác thực tế và sự tín nhiệm của nhân dân làm thước đo chủ yếu. Đổi mới, trẻ hoá đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển. Thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý. Xây dựng, chỉnh đốn hệ thống các học viện, trường và trung tâm chính trị, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Từ nay đến năm 2005, phần lớn cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ cấp huyện trở lên học xong chương trình lý luận cao cấp và có kiến thức, trình độ đại học về một chuyên ngành nhất định.

Xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng. Tất cả các đảng bộ, chi bộ đều phải phấn đấu thực hiện đúng chức năng là hạt nhân lãnh đạo chính trị ở cơ sở. Các cấp uỷ cấp trên phải tập trung chỉ đạo củng cố các đảng bộ, chi bộ yếu kém, kịp thời kiện toàn cấp uỷ và tăng cường cán bộ ở những nơi có nhiều khó khăn, nội bộ mất đoàn kết. Nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp uỷ, chi bộ. Phân công, hướng dẫn, kiểm tra đảng viên chấp hành nhiệm vụ, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu; giữ mối liên hệ với quần chúng ở nơi công tác, với chi bộ và nhân dân nơi cư trú. Phát triển đảng viên theo đúng tiêu chuẩn. Đổi mới việc phân tích, đánh giá chất lượng các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Phát huy dân chủ trong sinh hoạt đảng. Tăng cường chế độ lãnh đạo tập thể đi đôi với phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cá nhân của từng thành viên. Từng đảng bộ giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong tập thể lãnh đạo. Tăng cường vai trò lãnh đạo và tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Kiện toàn hệ thống tổ chức của Đảng gắn liền với kiện toàn tổ chức, bộ máy của các cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội. Phát huy vai trò, trách nhiệm và khả năng của các tổ chức đảng, đảng viên, cấp uỷ viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước trong việc nghiên cứu, đề xuất các chủ trương, chính sách của Đảng. Các cấp uỷ viên, nhất là cán bộ chủ chốt của cấp uỷ, phải có chương trình công tác ở cơ sở, tiếp xúc, lắng nghe ý kiến và trả lời chất vấn của đảng viên và nhân dân. Chăm lo xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng, tập trung vào các nội dung chủ yếu: thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, chấp hành

nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; củng cố đoàn kết nội bộ, giáo dục rèn luyện, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên.

Về Điều lệ Đảng, Ban Chấp hành Trung ương đề nghị giữ lại về cơ bản các điều quy định có tính nguyên tắc về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, về giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt Đảng; đồng thời đề nghị bổ sung, sửa đổi một số điểm cho phù hợp với yêu cầu công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới như sau:

- Bổ sung để làm rõ thêm quy định về hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống hành chính của Nhà nước và những quy định về lập các tổ chức cơ sở đảng và các tổ chức đảng có tính đặc thù.

- Các cấp uỷ viên khi có quyết định nghỉ công tác để về hưu hoặc chuyển công tác đến đơn vị khác ngoài đảng bộ thì thôi tham gia các cấp uỷ đương nhiệm ở đảng bộ đó. Đối với Uỷ viên Trung ương khi có quyết định thôi giữ chức vụ trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể để nghỉ hưu thì thôi tham gia Ban Chấp hành Trung ương đương nhiệm.

- Thành lập Ban Bí thư, không lập Thường vụ Bộ Chính trị. Đồng chí Tổng Bí thư giữ chức vụ Tổng Bí thư không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp. Ban Bí thư gồm một số Uỷ viên Bộ Chính trị do Bộ Chính trị phân công và một số Uỷ viên Ban Bí thư do Ban Chấp hành Trung ương bầu trong số Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương. Nhiệm vụ của Ban Bí thư là lãnh đạo công việc hằng ngày của Đảng: chỉ đạo công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng; kiểm tra việc thực

hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; chỉ đạo sự phối hợp hoạt động giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị; quyết định một số vấn đề về tổ chức, cán bộ và một số vấn đề khác theo sự phân công của Ban Chấp hành Trung ương; chỉ đạo hoặc kiểm tra việc chuẩn bị các vấn đề đưa ra Bộ Chính trị thảo luận và quyết định.

- Bổ sung quy định về Đại hội đại biểu bất thường các cấp: khi cấp uỷ xét thấy cần hoặc khi có trên một nửa số tổ chức đảng trực thuộc yêu cầu và được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý thì triệu tập Đại hội đại biểu bất thường. Đại biểu dự Đại hội đại biểu bất thường là các cấp uỷ viên đương nhiệm, đại biểu đã dự Đại hội đại biểu đảng bộ đầu nhiệm kỳ, đang sinh hoạt tại đảng bộ, đủ tư cách. Dự Đại hội đảng viên bất thường là những đảng viên của đảng bộ đó.

- Cấp uỷ cấp trên trực tiếp chuẩn y các thành viên uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm và phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp dưới.

- Tài chính của Đảng gồm đảng phí do đảng viên đóng, từ ngân sách nhà nước và các khoản thu khác.

*

* *

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam là Đại hội của *Trí tuệ, Dân chủ, Đoàn kết, Đổi mới*, thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc ta trong thời điểm lịch sử trọng đại bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quyết tâm phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng, của dân tộc và chủ nghĩa

anh hùng cách mạng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi tới tương lai.

**PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN TỘC,
TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH
CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ,
XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

(Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
khoá VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc
lần thứ IX của Đảng)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng họp vào thời điểm có ý nghĩa trọng đại. Thế kỷ XX đã kết thúc. Thế kỷ XXI vừa bắt đầu. Toàn Đảng, toàn dân ta đã trải qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng, 10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000 và 15 năm đổi mới.

Đại hội IX có nhiệm vụ kiểm điểm và đánh giá những thành tựu và khuyết điểm thời gian qua, đề ra những quyết sách cho thời kỳ tới, phấn đấu nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, động viên và phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vững bước đi vào thế kỷ mới.

I- VIỆT NAM TRONG THẾ KỶ XX VÀ TRIỂN VỌNG TRONG THẾ KỶ XXI

Thế kỷ XX ghi đậm trong lịch sử loài người những dấu ấn cực kỳ sâu sắc. Đó là thế kỷ khoa học và công nghệ tiến nhanh chưa từng thấy, giá trị sản xuất vật chất tăng hàng chục lần so với thế kỷ trước; kinh tế phát triển mạnh mẽ xen lẫn những cuộc khủng hoảng lớn của chủ nghĩa tư bản thế giới và sự phân hoá gay gắt về giàu nghèo giữa các nước, các khu vực. Đó là thế kỷ diễn ra hai cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu cùng hàng trăm cuộc xung đột vũ trang. Đó cũng là thế kỷ chứng kiến một phong trào cách mạng sâu rộng trên phạm vi toàn thế giới, với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga - cuộc cách mạng vĩ đại mở ra thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một loạt nước châu Âu, châu Á và Mỹ Latinh; sự giải phóng hầu hết các nước thuộc địa của chủ nghĩa thực dân; sự phát triển của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và phong trào hoà bình, dân chủ, mặc dù vào thập niên cuối, chủ nghĩa xã hội hiện thực tạm thời lâm vào thoái trào.

Đối với nước ta, thế kỷ XX là thế kỷ của những biến đổi to lớn, thế kỷ đấu tranh oanh liệt giành lại độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thế kỷ của những chiến công và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại.

Từ cuối thế kỷ XIX đến những thập niên đầu thế kỷ XX, nhân dân ta liên tiếp nổi dậy chống chủ nghĩa thực dân. Tiếp nối các phong trào Văn Thân và Cần Vương, phong trào yêu nước ba mươi năm đầu thế kỷ XX diễn ra vô cùng anh dũng, từ khởi nghĩa Yên Thế và các phong trào Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, Duy Tân đến khởi nghĩa Yên Bái... nhưng đều không thành công vì thiếu một đường lối đúng.

Năm 1930, kế thừa “Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên” và các tổ chức cộng sản tiền thân, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu bước ngoặt của Cách mạng Việt Nam. Trong 71 năm xây dựng và trưởng thành, Đảng đã lãnh đạo nhân dân giành được những thắng lợi vĩ đại:

Một là, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Đây là kết quả tổng hợp của các phong trào cách mạng liên tục diễn ra trong 15 năm sau ngày thành lập Đảng, từ cao trào Xôviết Nghệ - Tĩnh, cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 đến phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945, mặc dù cách mạng có những lúc bị chìm trong máu lửa. Chế độ thuộc địa nửa phong kiến ở nước ta bị xoá bỏ, một kỷ nguyên mới mở ra, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Hai là, thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ và mới, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Ba là, thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Kế thừa những thành tựu và kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc khi còn chiến tranh và trong những năm đầu sau khi nước nhà thống nhất, trải qua nhiều tìm tòi, khảo nghiệm sáng kiến của nhân dân, Đảng đã đề ra và lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc phù hợp với thực tiễn Việt Nam và bối cảnh quốc tế mới.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng có lúc phạm sai lầm, khuyết điểm nhưng đã nghiêm túc tự phê bình, tích cực sửa chữa và rút ra những bài học quý báu.

Với những thắng lợi giành được trong thế kỷ XX, nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất nước ta từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu đã bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Chúng ta tự hào về dân tộc ta - một dân tộc anh hùng, thông minh và sáng tạo; tự hào về Đảng ta - Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện - một lòng một dạ chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

Thế kỷ XXI sẽ tiếp tục có nhiều biến đổi. Khoa học và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt. Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Toàn cầu hoá kinh tế là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia; xu thế này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn kinh tế tư bản xuyên quốc gia chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có đấu tranh. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra gay gắt. Thế giới đứng trước nhiều vấn đề toàn cầu mà không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết nếu không có sự hợp tác đa phương như: bảo vệ môi trường, hạn chế sự bùng nổ về dân số, đẩy lùi những dịch bệnh hiểm nghèo, chống tội phạm quốc

tế... Chủ nghĩa tư bản hiện đại đang nắm ưu thế về vốn, khoa học và công nghệ, thị trường, song không thể khắc phục nổi những mâu thuẫn vốn có, đặc biệt là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hoá ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, mâu thuẫn giữa các nước tư bản phát triển và các nước đang phát triển. Các quốc gia độc lập ngày càng tăng cường cuộc đấu tranh để tự lựa chọn và quyết định con đường phát triển của mình. Chủ nghĩa xã hội trên thế giới, từ những bài học thành công và thất bại cũng như từ khát vọng và sự thúc tỉnh của các dân tộc, có điều kiện và khả năng tạo ra bước phát triển mới. Theo quy luật tiến hoá của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Trong một vài thập kỷ tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới. Nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ, khủng bố còn xảy ra ở nhiều nơi với tính chất phức tạp ngày càng tăng. Hoà bình, hợp tác và phát triển là xu thế lớn, phản ánh đòi hỏi bức xúc của các quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, dân sinh, tiến bộ và công bằng xã hội sẽ có những bước tiến mới. Khu vực Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương sau khủng hoảng tài chính - kinh tế có khả năng phát triển năng động nhưng vẫn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định.

Những nét mới ấy trong tình hình thế giới và khu vực tác động mạnh mẽ đến tình hình nước ta. Trước mắt nhân dân ta có cả *cơ hội lớn và thách thức lớn*.

Cùng với những thắng lợi đã giành được từ trước trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, những thành tựu to lớn và rất quan trọng của 15 năm đổi mới làm cho thế và lực của nước ta lớn mạnh lên nhiều. Cơ sở vật chất - kỹ thuật

của nền kinh tế được tăng cường. Đất nước còn nhiều tiềm năng lớn về tài nguyên, lao động. Nhân dân ta có phẩm chất tốt đẹp. Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định. Môi trường hoà bình, sự hợp tác, liên kết quốc tế và những xu thế tích cực trên thế giới tạo điều kiện để chúng ta tiếp tục phát huy nội lực và lợi thế so sánh, tranh thủ ngoại lực - nguồn vốn, công nghệ mới, kinh nghiệm quản lý, mở rộng thị trường - phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đó là cơ hội lớn.

Đồng thời, đất nước ta phải đối mặt với nhiều thách thức. Bốn nguy cơ mà Đảng ta từng chỉ rõ - tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, chênh hướng xã hội chủ nghĩa, nạn tham nhũng và tệ quan liêu, “diễn biến hoà bình” do các thế lực thù địch gây ra - đến nay vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp, đan xen, tác động lẫn nhau, không thể xem nhẹ nguy cơ nào. Điều cần nhấn mạnh là: tình trạng tham nhũng và sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đang cản trở việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, gây bất bình và làm giảm lòng tin trong nhân dân; nước ta vẫn còn là nước kinh tế kém phát triển, mức sống nhân dân còn thấp, trong khi đó cuộc cạnh tranh quốc tế ngày càng quyết liệt, nếu chúng ta không nhanh chóng vươn lên thì sẽ càng tụt hậu xa hơn về kinh tế.

Nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ mới, đó là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và nhân dân ta. Thế kỷ XX là thế kỷ đấu tranh oanh liệt và chiến thắng vẻ vang của dân tộc ta. Thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ nhân dân ta tiếp tục giành thêm nhiều thắng lợi to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đưa nước ta sánh vai cùng các nước phát triển trên thế giới.

II- TÌNH HÌNH ĐẤT NƯỚC 5 NĂM QUA VÀ NHỮNG BÀI HỌC CHỦ YẾU CỦA 15 NĂM ĐỔI MỚI

Đại hội VIII của Đảng đề ra nhiệm vụ từ năm 1996 đến năm 2000 là: tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ XXI.

Năm năm qua, bên cạnh một số thuận lợi, nước ta gặp nhiều khó khăn: những yếu kém vốn có của nền kinh tế, những thiên tai lớn liên tiếp, cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế ở một số nước châu Á, tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp. Trong hoàn cảnh đó, toàn Đảng và toàn dân ta ra sức thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, **đạt được những thành tựu quan trọng**:

Kinh tế tăng trưởng khá. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng bình quân hàng năm 7%. Nông nghiệp phát triển liên tục, đặc biệt là sản xuất lương thực. Việc nuôi trồng và khai thác thủy sản, hải sản được mở rộng. Giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hàng năm tăng 13,5%. Hệ thống kết cấu hạ tầng: bưu chính - viễn thông, đường sá, cầu, cảng, sân bay, điện, thủy lợi... được tăng cường. Các ngành dịch vụ, xuất khẩu và nhập khẩu đều phát triển. Năm 2000 đã chặn được đà giảm sút mức tăng trưởng kinh tế, các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra.

Văn hoá, xã hội có những tiến bộ; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Giáo dục và đào tạo phát triển về quy mô và cơ sở vật chất. Trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên. Nước ta đã đạt chuẩn quốc gia về xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Khoa học xã hội và nhân

văn, khoa học tự nhiên và công nghệ chuyển biến tích cực, gắn bó hơn với phát triển kinh tế - xã hội. Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, báo chí, xuất bản góp phần tích cực động viên toàn dân tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao kiến thức và chất lượng cuộc sống. Những nhu cầu thiết yếu của nhân dân về ăn, ở, mặc, chăm sóc sức khỏe, nước sạch, điện sinh hoạt, học tập, đi lại, giải trí... được đáp ứng tốt hơn. Phong trào thể dục, thể thao phát triển; một số bộ môn đạt thành tích cao trong nước và quốc tế. Việc chăm sóc sức khỏe của nhân dân được đẩy mạnh.

Mỗi năm hơn 1,2 triệu lao động có việc làm mới. Công tác xoá đói, giảm nghèo trên phạm vi cả nước đạt kết quả nổi bật, được dư luận thế giới đánh giá cao. Công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình có nhiều thành tích, được Liên hợp quốc tặng giải thưởng. Các hoạt động uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc các lão thành cách mạng, người có công với nước, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, thương binh và gia đình liệt sĩ được mở rộng, thu hút sự tham gia của các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, đoàn thể và doanh nghiệp. Toàn dân góp nhiều tiền của, công sức cứu trợ đồng bào các vùng bị thiên tai lớn; tham gia nhiều hoạt động nhân đạo - từ thiện giúp đỡ những người bị ảnh hưởng chất độc màu da cam, người tàn tật, người già không nơi nương tựa và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định; quốc phòng và an ninh được tăng cường. Các lực lượng vũ trang nhân dân làm tốt nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh quốc gia. Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, nhất là trên các địa bàn chiến lược, biên giới, biển, đảo được phát huy. Tổ chức quân đội và công an được điều chỉnh theo yêu cầu mới.

Việc kết hợp quốc phòng và an ninh với phát triển kinh tế và công tác đối ngoại có tiến bộ.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chú trọng; hệ thống chính trị được củng cố. Nhiều nghị quyết Trung ương đã đề ra những chủ trương, giải pháp củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng. Toàn Đảng tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII. Nhà nước tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện, nền hành chính được cải cách một bước. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động. Quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực được phát huy; một số chính sách và quy chế bảo đảm quyền dân chủ của nhân dân, trước hết ở cơ sở, bước đầu được thực hiện.

Quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng, hội nhập kinh tế quốc tế được tiến hành chủ động và đạt nhiều kết quả tốt. Nước ta đã tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác nhiều mặt với các nước xã hội chủ nghĩa, các nước láng giềng, các nước bạn bè truyền thống; tham gia tích cực các hoạt động thúc đẩy sự hợp tác cùng có lợi trong Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) và Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC); tăng cường quan hệ với các nước phát triển và nhiều nước, nhiều tổ chức khu vực và quốc tế khác; có quan hệ thương mại với hơn 140 nước, quan hệ đầu tư với gần 70 nước và vùng lãnh thổ, thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài.

Đảng ta tiếp tục củng cố tình đoàn kết, hữu nghị với các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào độc lập dân tộc và tiến bộ trên thế giới; thiết lập quan hệ với các đảng cầm quyền ở một số nước. Các đoàn thể nhân dân, các tổ chức

chính trị - xã hội, uỷ ban hoà bình và các hội hữu nghị đẩy mạnh ngoại giao nhân dân cả về quy mô và địa bàn, góp phần tích cực vào thắng lợi của Đảng và Nhà nước ta trên mặt trận đối ngoại.

Những thành tựu 5 năm qua đã tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

Đạt được những thành tựu nói trên là do Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng và đường lối lãnh đạo đúng đắn; Nhà nước có cố gắng lớn trong việc điều hành, quản lý; toàn dân và toàn quân phát huy lòng yêu nước và tinh thần dũng cảm, đoàn kết nhất trí, cần cù, năng động, sáng tạo, tiếp tục thực hiện đổi mới, ra sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII có những **yếu kém, khuyết điểm** sau đây:

Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế 5 năm qua chậm dần, năm 2000 đã tăng trở lại nhưng vẫn chưa đạt mức tăng trưởng cao như những năm giữa thập niên 90. Nhịp độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) và GDP bình quân đầu người, nhịp độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ, kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu... không đạt chỉ tiêu do Đại hội VIII đề ra. Nhìn chung, năng suất lao động thấp, chất lượng sản phẩm chưa tốt, giá thành cao. Nhiều sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp thiếu thị trường tiêu thụ cả ở trong nước và nước ngoài, một phần do thiếu sức cạnh tranh. Rừng và tài nguyên khác bị xâm hại nghiêm trọng. Nạn buôn lậu, làm

hàng giả, gian lận thương mại tác động xấu đến tình hình kinh tế - xã hội. Hệ thống tài chính - ngân hàng còn yếu kém và thiếu lành mạnh. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Cơ cấu đầu tư chưa hợp lý; đầu tư còn phân tán, lãng phí và thất thoát nhiều. Nhịp độ thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài giảm, công tác quản lý, điều hành lĩnh vực này còn nhiều vướng mắc và thiếu sót. Quan hệ sản xuất trên một số mặt chưa phù hợp. Kinh tế nhà nước chưa được củng cố tương xứng với vai trò chủ đạo, chưa có chuyển biến đáng kể trong việc sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước. Kinh tế tập thể chưa mạnh.

Một số vấn đề văn hoá - xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết. Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn còn ở mức cao, đang là một trong những vấn đề nổi cộm nhất của xã hội. Chất lượng giáo dục và đào tạo thấp so với yêu cầu. Mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học, sách giáo khoa, thi cử, cơ cấu đào tạo, trình độ quản lý có nhiều thiếu sót; trong giáo dục và đào tạo có những hiện tượng tiêu cực đáng lo ngại. Đào tạo chưa gắn với sử dụng, gây lãng phí. Chi phí học tập cao so với khả năng thu nhập của dân, nhất là của người nghèo. Giáo dục và đào tạo ở miền núi, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Các hoạt động khoa học và công nghệ chưa đáp ứng tốt yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Môi trường đô thị, nơi công nghiệp tập trung và một số vùng nông thôn bị ô nhiễm ngày càng nặng. Công tác quản lý báo chí, văn hoá, xuất bản nhiều mặt buông lỏng, để nảy sinh những khuynh hướng không lành mạnh. Một số giá trị văn hoá và đạo đức xã hội suy giảm. Mê tín, hủ tục phát triển. Cơ sở vật chất của ngành y tế còn thiếu thốn và lạc hậu, nhất là ở tuyến huyện và xã. Việc

khám và chữa bệnh cho nhân dân, nhất là cho đồng bào nghèo, còn phiền hà và tiêu cực.

Mức sống nhân dân, nhất là nông dân ở một số vùng quá thấp. Chính sách tiền lương và phân phối trong xã hội còn nhiều bất hợp lý. Sự phân hoá giàu nghèo giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn, giữa các tầng lớp dân cư tăng nhanh chóng. Tình trạng khiếu kiện của nhân dân ở nhiều nơi kéo dài và phức tạp, chưa được các cấp, các ngành giải quyết kịp thời.

Tai nạn giao thông xảy ra ở mức nghiêm trọng. Các tệ nạn xã hội, nhất là nạn ma tuý và mại dâm lan rộng. Số người nhiễm HIV và mắc bệnh AIDS tăng. Trật tự an toàn xã hội chưa được bảo đảm vững chắc.

Cơ chế, chính sách không đồng bộ và chưa tạo động lực mạnh để phát triển. Một số cơ chế, chính sách còn thiếu, chưa nhất quán, chưa sát với cuộc sống, thiếu tính khả thi. Nhiều cấp, nhiều ngành chưa thay thế, sửa đổi những quy định về quản lý nhà nước không còn phù hợp; chưa bổ sung những cơ chế, chính sách mới có tác dụng giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất, khai thác nhiều hơn nữa các nguồn lực dồi dào trong các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp, các vùng và toàn xã hội. Có những chính sách đúng bị biến dạng qua nhiều tầng nấc hành chính quan liêu. Việc ban hành các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành luật rất chậm.

Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng. Nạn tham nhũng kéo dài trong bộ máy của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta. Tình trạng lãng phí, quan liêu còn khá phổ biến.

Ban Chấp hành Trung ương xin tự phê bình trước Đại hội và trước nhân dân về việc chậm khắc phục những khuyết điểm trên, làm hạn chế những thành tựu lẽ ra đã có thể đạt được nhiều hơn.

Sở dĩ có tình trạng đó là do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chính:

Việc tổ chức thực hiện nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng chưa tốt; kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm. Tình trạng tùy tiện, thiếu ý thức tổ chức, kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, không chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước, báo cáo không trung thực, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, làm cho một số nghị quyết của Đảng khó vào cuộc sống. Công tác chỉ đạo, điều hành ở các cấp, các ngành còn nhiều bất cập, thiếu kiểm tra, đôn đốc và chưa có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu lực và hiệu quả chưa cao. Nhiều nhiệm vụ công tác lớn đã được đề ra nhưng thực hiện không đến nơi đến chốn hoặc chỉ nói mà không làm. Nhiều cán bộ, đảng viên, công chức vi phạm pháp luật và Điều lệ Đảng chưa được xử lý thật kiên quyết.

Một số quan điểm, chủ trương chưa rõ, chưa có sự nhận thức thống nhất và chưa được thông suốt ở các cấp, các ngành. Trong cán bộ, đảng viên có những cách hiểu và cách làm không thống nhất về những vấn đề như: xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, chính sách về đất đai, kinh tế trang trại, nội dung và bước đi công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế...

Cải cách hành chính tiến hành chậm, thiếu kiên quyết, hiệu quả thấp. Tổ chức bộ máy nhà nước công kênh, trùng

lắp chức năng với nhiều tầng nấc trung gian và những thủ tục hành chính phiền hà, không ít trường hợp trên và dưới, trung ương và địa phương hành động không thống nhất, gây khó khăn cho việc phát triển kinh tế - xã hội và làm giảm động lực phát triển. Một số người và cơ quan do lợi ích cá nhân, cục bộ không muốn đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tổ chức bộ máy nhà nước. Không ít cán bộ, công chức vừa kém về đạo đức, phẩm chất vừa yếu về năng lực, trình độ chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ.

Công tác tư tưởng, công tác lý luận, công tác tổ chức, cán bộ có nhiều yếu kém, bất cập. Công tác tư tưởng thiếu sắc bén, tính chiến đấu không cao, phương pháp tiến hành chưa linh hoạt, chưa tạo được nhận thức đúng và sự nhất trí cao đối với đường lối, quan điểm của Đảng; chưa thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, chưa phê phán mạnh và đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, những quan điểm mơ hồ, sai trái, khuynh hướng “thương mại hoá”, lai căng, chạy theo thị hiếu tầm thường trên báo chí, phát thanh, truyền hình, trong văn hoá, văn nghệ và xuất bản. Công tác tư tưởng chưa gắn với công tác tổ chức, xây dựng cơ chế, chính sách. Nhiều tổ chức đảng chưa thật sự lãnh đạo công tác tư tưởng.

Công tác lý luận chưa theo kịp sự phát triển của thực tiễn và yêu cầu của cách mạng, chưa làm sáng tỏ nhiều vấn đề quan trọng trong công cuộc đổi mới để phục vụ việc hoạch định chiến lược, chủ trương, chính sách của Đảng, tăng cường sự nhất trí về chính trị, tư tưởng trong xã hội.

Công tác tổ chức, cán bộ chậm đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước trong thời kỳ mới. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, nhất là bộ máy hành chính nhà nước,

có quá nhiều đầu mối, trách nhiệm tập thể và cá nhân không rõ ràng, chất lượng hoạt động và hiệu quả thấp. Chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của nhiều cơ quan còn chồng chéo; cơ chế vận hành và nhiều mối quan hệ còn bất hợp lý. Tổ chức cơ sở đảng ở nhiều nơi quá yếu, kém sức chiến đấu. Việc tuyển chọn, đào tạo, sắp xếp, sử dụng và đánh giá cán bộ còn nhiều thiếu sót, có khi dựa vào một số quan niệm cũ, định kiến và theo cảm tính; cách làm thiếu quy hoạch, không sâu sát, không theo đúng quy trình, chưa dân chủ lắng nghe ý kiến của nhân dân và tập thể. Công tác quản lý cán bộ, đảng viên thiếu chặt chẽ. Chưa tích cực phát hiện, đào tạo và bồi dưỡng những cán bộ có đức, có tài.

Tuy một số chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm (1996 - 2000) không đạt, một số nhiệm vụ do Nghị quyết Đại hội VIII đề ra chưa được thực hiện tốt nhưng ***10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội (1991 - 2000) đã đạt những thành tựu to lớn và rất quan trọng:***

Tổng sản phẩm trong nước năm 2000 tăng hơn gấp đôi so với năm 1990. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và năng lực sản xuất tăng nhiều. Nền kinh tế từ tình trạng hàng hoá khan hiếm nghiêm trọng nay sản xuất đã đáp ứng được các nhu cầu thiết yếu của nhân dân và nền kinh tế; từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp đã chuyển sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; từ chỗ chủ yếu chỉ có hai thành phần là kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể đã chuyển sang có nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện. Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, vượt qua được cơn chấn động chính trị và sự hẫng hụt về thị trường do những biến động ở Liên Xô và Đông Âu gây ra; phá được thế bị bao vây cấm vận, mở rộng được quan hệ đối ngoại

và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; không để bị cuốn sâu vào cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế ở một số nước châu Á mặc dù hậu quả của nó đối với nước ta cũng khá nặng nề; tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định; quốc phòng và an ninh được tăng cường. Sức mạnh về mọi mặt của nước ta đã lớn hơn nhiều so với mười năm trước.

15 năm đổi mới (1986 - 2000) đã cho chúng ta nhiều kinh nghiệm quý báu. Những bài học đổi mới do các Đại hội VI, VII, VIII của Đảng nêu lên đến nay vẫn còn có giá trị lớn, nhất là những bài học chủ yếu sau đây:

Một là, trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đứng trước những khó khăn, thách thức, những biến động phức tạp của tình hình thế giới và khu vực, Đảng ta luôn kiên định xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách đổi mới đúng đắn, phát huy những truyền thống quý báu của dân tộc và những thành tựu cách mạng đã đạt được, giữ vững độc lập dân tộc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hai là, đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo. Tiến hành đổi mới xuất phát từ thực tiễn và cuộc sống của xã hội Việt Nam, tham khảo kinh nghiệm tốt của thế giới, không sao chép bất cứ một mô hình có sẵn nào; đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để với những bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. Có những điều chỉnh, bổ sung và phát triển cần thiết về chủ trương, phương pháp, biện pháp; tìm và lựa chọn những giải pháp mới, linh hoạt, sáng tạo, nhạy bén nắm bắt cái mới, tận dụng thời cơ, khắc phục sự trì trệ, làm chuyển biến tình hình.

Nhân dân tích cực thực hiện đổi mới trên mọi lĩnh vực, tạo ra nhiều điển hình tiên tiến, kinh nghiệm hay và nhân tố mới, từ đó Đảng có cơ sở để tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận, đẩy mạnh công cuộc đổi mới. Đổi mới là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Để công cuộc đổi mới thành công phải động viên được mọi tầng lớp nhân dân và các thành phần kinh tế tham gia.

Ba là, đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Công cuộc đổi mới diễn ra vào lúc cách mạng khoa học - công nghệ trên thế giới phát triển như vũ bão, toàn cầu hoá kinh tế ảnh hưởng đến cuộc sống các dân tộc, cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội diễn ra sôi nổi. Tiến hành đổi mới, nhân dân ta ra sức tranh thủ tối đa cơ hội tốt do những xu thế nói trên tạo ra.

Bốn là, đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới. Đảng khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới, tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, hoàn thiện đường lối đổi mới; thường xuyên xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tạo ra sự thống nhất về quan điểm, ý chí và hành động trong toàn Đảng; lãnh đạo tổ chức thực hiện, xây dựng và kiện toàn bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh.

III- VỀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

Thực tiễn phong phú và những thành tựu thu được qua 15 năm đổi mới đã chứng minh tính đúng đắn của Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội VII của Đảng, đồng thời giúp chúng ta nhận thức ngày càng rõ hơn về con đường đi

lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Chúng ta một lần nữa khẳng định: Cương lĩnh là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng hiện nay và trong những thập kỷ tới. *Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về phát triển kinh tế và văn hoá, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân...

Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta.

Khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động là

bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta.

Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, *cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ.* Trong các lĩnh vực của đời sống xã hội diễn ra sự đan xen và đấu tranh giữa cái mới và cái cũ. Từ Đại hội VIII của Đảng năm 1996, đất nước ta đã chuyển sang chặng đường mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Trong chặng đường hiện nay còn phải tiếp tục hoàn thành một số nhiệm vụ của chặng đường trước.

Trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, nhưng cơ cấu, tính chất, vị trí của các giai cấp trong xã hội ta đã thay đổi nhiều cùng với những biến đổi to lớn về kinh tế, xã hội. Mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích toàn dân tộc trong mục tiêu

chung là: *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*. Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.

Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đó chính là *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*.

Mục đích của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Phát triển lực lượng sản xuất hiện đại gắn liền với xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp trên cả ba mặt sở hữu, quản lý và phân phối.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước

cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc.

Chế độ sở hữu công cộng (công hữu) về tư liệu sản xuất chủ yếu từng bước được xác lập và sẽ chiếm ưu thế tuyệt đối khi chủ nghĩa xã hội được xây dựng xong về cơ bản. Xây dựng chế độ đó là một quá trình phát triển kinh tế - xã hội lâu dài qua nhiều bước, nhiều hình thức từ thấp đến cao. Phải từ thực tiễn tìm tòi, thử nghiệm để xây dựng chế độ sở hữu công cộng nói riêng và quan hệ sản xuất mới nói chung với bước đi vững chắc. Tiêu chuẩn căn bản để đánh giá hiệu quả xây dựng quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa là thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện công bằng xã hội.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước. Nhà nước ta là Nhà nước xã hội chủ nghĩa, quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, sử dụng cơ chế thị trường, áp dụng các hình thức kinh tế và phương pháp quản lý của kinh tế thị trường để kích thích sản xuất, giải phóng sức sản xuất, phát huy mặt tích cực, hạn chế và khắc phục mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo vệ lợi ích của nhân dân lao động, của toàn thể nhân dân.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội.

Tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển.

Tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa và giáo dục, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng

Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân, nâng cao dân trí, giáo dục và đào tạo con người, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực của đất nước.

Chủ trương xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện tư duy, quan niệm của Đảng ta về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Đó là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

IV- ĐƯỜNG LỐI VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Đường lối kinh tế của Đảng ta là: *Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hoá, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh.*

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 nhằm: *Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế,*

quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao.

Năm 2010, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng ít nhất gấp đôi so với năm 2000; chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp xuống còn khoảng 50%.

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 là bước rất quan trọng trong việc thực hiện Chiến lược 10 năm 2001 - 2010 nhằm: *Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững; ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Mở rộng kinh tế đối ngoại. Tạo chuyển biến mạnh về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát huy nhân tố con người. Tạo nhiều việc làm; cơ bản xoá đói, giảm số hộ nghèo; đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Tiếp tục tăng cường kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội; hình thành một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia.*

Trong 5 năm 2001 - 2005 phấn đấu đạt nhịp độ tăng tổng sản phẩm trong nước bình quân 7,5%/năm.

1. Phát triển kinh tế, công nghiệp hoá, hiện đại hoá là nhiệm vụ trung tâm

Con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá của nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt. Phát huy những lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ công nghệ tiên tiến, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tranh thủ

ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu mới về khoa học và công nghệ, từng bước phát triển kinh tế tri thức. Phát huy nguồn lực trí tuệ và sức mạnh tinh thần của người Việt Nam; coi phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước phải bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách, đồng thời có tiềm lực kinh tế đủ mạnh: có mức tích lũy ngày càng cao từ nội bộ nền kinh tế; có cơ cấu kinh tế hợp lý, có sức cạnh tranh; kết cấu hạ tầng ngày càng hiện đại và có một số ngành công nghiệp nặng then chốt; có năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ; giữ vững ổn định kinh tế - tài chính vĩ mô; bảo đảm an ninh lương thực, an toàn năng lượng, tài chính, môi trường... Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước.

Phát triển kinh tế nhanh, có hiệu quả và bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Mọi hoạt động kinh tế được đánh giá bằng hiệu quả tổng hợp về kinh tế, tài chính, xã hội, môi trường, quốc phòng và an ninh. Trước mắt, tập trung nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sử dụng vốn. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư dựa trên cơ sở phát huy các thế mạnh và các lợi thế so sánh của đất nước, tăng sức cạnh tranh, gắn với nhu cầu thị trường trong nước và ngoài nước, nhu cầu đời sống nhân dân và quốc phòng, an ninh. Tạo thêm sức mua của thị trường trong nước và mở rộng thị trường ngoài nước, đẩy mạnh xuất khẩu.

Tăng cường sự chỉ đạo và huy động các nguồn lực cần thiết để đẩy nhanh *công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn*. Tiếp tục phát triển và đưa nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp lên một trình độ mới bằng ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ sinh học; đẩy mạnh thuỷ lợi hoá, cơ giới hoá, điện khí hoá; quy hoạch sử dụng đất hợp lý; đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tăng giá trị thu được trên đơn vị diện tích; giải quyết tốt vấn đề tiêu thụ nông sản hàng hoá. Đầu tư nhiều hơn cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội ở nông thôn. Phát triển công nghiệp, dịch vụ, các ngành nghề đa dạng, chú trọng công nghiệp chế biến, cơ khí phục vụ nông nghiệp, các làng nghề, chuyển một bộ phận quan trọng lao động nông nghiệp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ, tạo nhiều việc làm mới; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện đời sống nông dân và dân cư ở nông thôn.

Công nghiệp vừa phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động, vừa đi nhanh vào một số ngành, lĩnh vực có công nghệ hiện đại, công nghệ cao. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản, thuỷ sản, may mặc, da - giấy, một số sản phẩm cơ khí, điện tử, công nghiệp phần mềm... Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng quan trọng sản xuất tư liệu sản xuất cần thiết để trang bị cho các ngành kinh tế và quốc phòng. Khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên dầu khí, khoáng sản, vật liệu xây dựng. Chú trọng phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ; xây dựng một số tập đoàn doanh nghiệp lớn đi đầu trong cạnh tranh và hiện đại hoá.

Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng các ngành *dịch vụ*: thương mại, kể cả thương mại điện tử, các loại hình vận tải, bưu chính - viễn thông, du lịch, tài chính, ngân hàng, kiểm toán, bảo hiểm, chuyển giao công nghệ, tư vấn pháp

lý, thông tin thị trường... Sớm phổ cập sử dụng tin học và mạng thông tin quốc tế (internet) trong nền kinh tế và đời sống xã hội.

Xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hoá hệ thống *kết cấu hạ tầng*: giao thông, điện lực, thông tin, thuỷ lợi, cấp nước, thoát nước...

Phát triển mạng lưới *đô thị* phân bố hợp lý trên các vùng. Hiện đại hoá dần các thành phố lớn, thúc đẩy quá trình đô thị hoá nông thôn. Không tập trung quá nhiều cơ sở công nghiệp và dân cư vào các đô thị lớn. Khắc phục tình trạng ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường. Tăng cường công tác quy hoạch và quản lý đô thị, nâng cao thẩm mỹ kiến trúc.

Về *chiến lược phát triển các vùng*, phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm có mức tăng trưởng cao, tích lũy lớn; đồng thời tạo điều kiện phát triển các vùng khác trên cơ sở phát huy thế mạnh của từng vùng, liên kết với vùng trọng điểm tạo mức tăng trưởng khá. Quan tâm phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường quốc phòng - an ninh ở các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, chú trọng các vùng Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam. Có chính sách hỗ trợ nhiều hơn cho các vùng khó khăn để phát triển kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, xoá đói giảm nghèo, đưa các vùng này vượt qua tình trạng kém phát triển. Có chiến lược phát triển các vùng biên giới.

Phát triển mạnh và phát huy vai trò chiến lược của *kinh tế biển kết hợp với bảo vệ vùng biển*: mở rộng nuôi trồng và đánh bắt, chế biến hải sản, tiến ra biển xa; khai thác và chế biến dầu khí; phát triển công nghiệp đóng tàu và vận tải biển, du lịch, dịch vụ; phát triển các vùng dân cư trên biển, giữ vững an ninh vùng biển.

Từng bước hiện đại hoá công tác nghiên cứu, dự báo *khí tượng - thủy văn và vật lý địa cầu*; có kế hoạch và biện pháp tích cực chủ động phòng chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn.

Sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, coi đây là một nội dung quan trọng của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường công tác quản lý ở tất cả các lĩnh vực, các vùng; thực hiện nghiêm Luật bảo vệ môi trường.

2. Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần

Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh; trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Từ các hình thức sở hữu cơ bản: *sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân* hình thành nhiều thành phần kinh tế với những hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng, đan xen, hỗn hợp.

Kinh tế nhà nước phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, là lực lượng vật chất quan trọng và là công cụ để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Doanh nghiệp nhà nước giữ những vị trí then chốt; đi đầu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; nêu gương về năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội và chấp hành pháp luật.

Trong 5 năm tới, cơ bản hoàn thành việc củng cố, sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động

các doanh nghiệp nhà nước hiện có, đồng thời phát triển thêm doanh nghiệp mà Nhà nước đầu tư 100% vốn hoặc có cổ phần chi phối ở một số ngành, lĩnh vực then chốt và địa bàn quan trọng. Xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh trên cơ sở các tổng công ty nhà nước, có sự tham gia của các thành phần kinh tế. Thực hiện tốt chủ trương cổ phần hoá và đa dạng hoá sở hữu đối với những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm 100% vốn; giao, bán, khoán, cho thuê... các doanh nghiệp loại nhỏ Nhà nước không cần nắm giữ; sáp nhập, giải thể, cho phá sản những doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả và không thực hiện được các biện pháp trên. Khẩn trương cải thiện tình hình tài chính và lao động của các doanh nghiệp nhà nước; củng cố và hiện đại hoá một bước các tổng công ty nhà nước.

Phân biệt quyền của chủ sở hữu và quyền kinh doanh của doanh nghiệp. Thực hiện chế độ quản lý công ty đối với các doanh nghiệp kinh doanh dưới dạng công ty trách nhiệm hữu hạn một chủ sở hữu là Nhà nước và công ty cổ phần có vốn Nhà nước; giao cho hội đồng quản trị doanh nghiệp quyền đại diện trực tiếp chủ sở hữu gắn với quyền tự chủ trong kinh doanh; quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách đối với doanh nghiệp nhà nước để tạo động lực phát triển và nâng cao hiệu quả theo hướng: xoá bao cấp; doanh nghiệp cạnh tranh bình đẳng trên thị trường, tự chịu trách nhiệm về sản xuất, kinh doanh; nộp đủ thuế và có lãi. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong doanh nghiệp. Có cơ chế phù hợp về kiểm tra, kiểm soát, thanh tra của Nhà nước đối với doanh nghiệp.

Kinh tế tập thể phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt. Các hợp tác xã dựa

trên sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể, liên kết rộng rãi những người lao động, các hộ sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, không giới hạn quy mô, lĩnh vực và địa bàn. Phát triển hợp tác xã kinh doanh tổng hợp đa ngành hoặc chuyên ngành. Nhà nước giúp hợp tác xã đào tạo cán bộ, ứng dụng khoa học công nghệ, nắm bắt thông tin, mở rộng thị trường, xây dựng các quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, giải quyết nợ tồn đọng. Khuyến khích việc tích lũy, phát triển có hiệu quả vốn tập thể trong hợp tác xã. Tổng kết việc chuyển đổi và phát triển hợp tác xã theo Luật hợp tác xã.

Kinh tế cá thể, tiểu chủ cả ở nông thôn và thành thị có vị trí quan trọng lâu dài. Nhà nước tạo điều kiện và giúp đỡ để phát triển; khuyến khích các hình thức tổ chức hợp tác tự nguyện, làm vệ tinh cho các doanh nghiệp hoặc phát triển lớn hơn.

Khuyến khích phát triển *kinh tế tư bản tư nhân* rộng rãi trong những ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi về chính sách, pháp lý để kinh tế tư bản tư nhân phát triển trên những định hướng ưu tiên của Nhà nước, kể cả đầu tư ra nước ngoài; khuyến khích chuyển thành doanh nghiệp cổ phần, bán cổ phần cho người lao động, liên doanh, liên kết với nhau, với kinh tế tập thể và kinh tế nhà nước. Xây dựng quan hệ tốt giữa chủ doanh nghiệp và người lao động.

Phát triển đa dạng *kinh tế tư bản nhà nước* dưới các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư bản tư nhân trong nước và ngoài nước, mang lại lợi ích thiết thực cho các bên đầu tư kinh doanh.

Tạo điều kiện để *kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài* phát triển thuận lợi, hướng vào xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội gắn với thu hút công nghệ hiện đại, tạo

thêm nhiều việc làm. Cải thiện môi trường kinh tế và pháp lý để thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài.

Chú trọng phát triển các hình thức tổ chức kinh doanh đan xen, hỗn hợp nhiều hình thức sở hữu, giữa các thành phần kinh tế với nhau, giữa trong nước và ngoài nước. Phát triển mạnh hình thức tổ chức kinh tế cổ phần nhằm huy động và sử dụng rộng rãi vốn đầu tư xã hội. Nhân rộng mô hình hợp tác, liên kết công nghiệp và nông nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và kinh tế hộ nông thôn. Phát triển các loại hình trang trại với quy mô phù hợp trên từng địa bàn.

3. Tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường; đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước

Thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt quan tâm các thị trường quan trọng nhưng hiện chưa có hoặc còn sơ khai như: thị trường lao động, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường khoa học và công nghệ.

Phát triển thị trường hàng hoá và dịch vụ; phát huy vai trò nòng cốt, định hướng và điều tiết của kinh tế nhà nước trên thị trường. Đáp ứng nhu cầu đa dạng và nâng cao sức mua của thị trường trong nước, cả ở thành thị và nông thôn, chú ý thị trường các vùng có nhiều khó khăn. Mở thêm thị trường mới ở nước ngoài. Xác định thời hạn bảo hộ hợp lý và có hiệu quả đối với một số sản phẩm cần thiết, tích cực chuẩn bị để mở rộng hội nhập thị trường quốc tế. Hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh doanh.

Mở rộng thị trường lao động trong nước có sự kiểm tra, giám sát của Nhà nước, bảo vệ lợi ích của người lao động và của người sử dụng lao động; đẩy mạnh xuất khẩu lao động có

tổ chức và có hiệu quả. Hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách tạo cơ hội bình đẳng về việc làm cho người lao động, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích người lao động tự tìm việc làm, nâng cao trình độ, đào tạo lại, học nghề mới.

Khẩn trương tổ chức thị trường khoa học và công nghệ, thực hiện tốt bảo hộ sở hữu trí tuệ; đẩy mạnh phát triển các dịch vụ về thông tin, chuyển giao công nghệ.

Phát triển nhanh và bền vững thị trường vốn, nhất là thị trường vốn dài hạn và trung hạn. Tổ chức và vận hành thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm an toàn, hiệu quả. Hình thành đồng bộ thị trường tiền tệ; tăng khả năng chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam.

Hình thành và phát triển thị trường bất động sản, bao gồm cả quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; từng bước mở thị trường bất động sản cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia đầu tư.

Trong 5 năm tới hình thành tương đối đồng bộ cơ chế quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục những yếu kém, tháo gỡ những vướng mắc.

Đổi mới sâu rộng cơ chế quản lý kinh tế, phát huy những yếu tố tích cực của cơ chế thị trường, triệt để xóa bỏ bao cấp trong kinh doanh, tăng cường vai trò quản lý và điều tiết vĩ mô của Nhà nước, đấu tranh có hiệu quả chống các hành vi tham nhũng, lãng phí, quan liêu, sách nhiễu gây phiền hà.

Nhà nước tạo môi trường pháp lý thuận lợi, bình đẳng cho các doanh nghiệp cạnh tranh và hợp tác để phát triển; bằng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách, kết hợp với sử dụng lực lượng vật chất của Nhà nước để định hướng phát triển kinh tế - xã hội, khai thác hợp lý các nguồn lực của đất nước, bảo đảm cân đối vĩ mô nền kinh tế, điều tiết thu nhập; kiểm tra, kiểm soát, thanh tra mọi hoạt động kinh

doanh theo quy định của pháp luật, chống buôn lậu, làm hàng giả, gian lận thương mại.

Tiếp tục đổi mới các công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế.

Đổi mới hơn nữa công tác kế hoạch hoá, nâng cao chất lượng công tác xây dựng các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường thông tin kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế, công tác kế toán, thống kê; ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và công nghệ trong dự báo, kiểm tra tình hình thực hiện ở cả cấp vĩ mô và doanh nghiệp.

Bảo đảm tính minh bạch, công bằng trong chi ngân sách nhà nước. Phân cấp mạnh đi đôi với tăng cường trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc thu và chi ngân sách địa phương. Tăng tỷ lệ chi ngân sách theo tốc độ tăng trưởng kinh tế và hiệu quả quản lý kinh tế, tài chính. Tăng chi ngân sách cho các mục tiêu xã hội trọng điểm. Nâng cao hiệu quả các chương trình quốc gia, tập trung vốn cho các chương trình trọng điểm, thực hiện có kết quả chương trình giúp đỡ các xã đặc biệt khó khăn.

Nhà nước đầu tư vốn phát triển từ ngân sách nhà nước căn cứ vào hiệu quả kinh tế - xã hội. Chuyển cơ chế phân bổ nguồn vốn vay nhà nước mang tính hành chính sang cho vay theo cơ chế thị trường, xoá bỏ bao cấp thông qua tín dụng đầu tư, đồng thời phát triển các quỹ hỗ trợ phát triển. Hoàn thiện phương thức quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, cải cách các thủ tục, phân công, phân cấp rõ ràng, rành mạch trong thực hiện các dự án đầu tư. Tăng cường quản lý nợ chính phủ; hoàn thiện cơ chế quản lý nợ nước ngoài cho phù hợp với tình hình mới.

Tiếp tục cải cách hệ thống thuế phù hợp với tình hình đất nước và các cam kết quốc tế; đơn giản hoá các sắc thuế; từng bước áp dụng hệ thống thuế thống nhất, không phân biệt đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài. Nuôi dưỡng nguồn thu và thu đúng, thu đủ theo quy định của pháp luật. Hiện đại hoá công tác quản lý thuế của Nhà nước.

Xây dựng hệ thống ngân hàng thương mại đáp ứng nhu cầu tín dụng, cung ứng các dịch vụ ngân hàng thuận lợi cho xã hội. Kiện toàn các ngân hàng thương mại nhà nước thành những doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ tự chủ, tự chịu trách nhiệm, có uy tín, đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Xoá bỏ sự can thiệp hành chính của các cơ quan nhà nước đối với hoạt động cho vay của các ngân hàng thương mại nhà nước. Nâng cao năng lực giám sát của Ngân hàng Nhà nước và công tác kiểm tra nội bộ của các ngân hàng thương mại. Tách tín dụng ưu đãi theo chính sách khỏi tín dụng thương mại. Thực hiện chính sách tỷ giá linh hoạt theo cung cầu ngoại tệ, từng bước thực hiện tự do hoá tỷ giá hối đoái có sự quản lý vĩ mô của Nhà nước.

4. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội

Thực hiện các chính sách xã hội hướng vào phát triển và lành mạnh hoá xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp.

Giải quyết việc làm là một chính sách xã hội cơ bản. Bằng nhiều giải pháp, tạo ra nhiều việc làm mới, tăng quỹ thời gian lao động được sử dụng, nhất là trong nông nghiệp và nông thôn. Các thành phần kinh tế mở mang các ngành nghề, các cơ sở sản xuất, dịch vụ có khả năng sử dụng nhiều

lao động. Chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, bảo đảm an toàn và vệ sinh lao động, phòng chống tai nạn và bệnh nghề nghiệp cho người lao động. Khôi phục và phát triển các làng nghề, đẩy mạnh phong trào lập nghiệp của thanh niên và đào tạo lao động có nghề. Tổ chức, quản lý chặt chẽ hoạt động xuất khẩu lao động và bảo vệ quyền lợi người lao động ở nước ngoài. Khẩn trương mở rộng hệ thống bảo hiểm xã hội và an sinh xã hội. Sớm xây dựng và thực hiện chính sách bảo hiểm đối với người lao động thất nghiệp.

Cải cách cơ bản chế độ tiền lương cán bộ, công chức theo hướng tiền tệ hoá đầy đủ tiền lương; điều chỉnh tiền lương tương ứng với nhịp độ tăng thu nhập trong xã hội; hệ thống thang bậc lương bảo đảm tương quan hợp lý, khuyến khích người có tài, người làm việc giỏi. Khắc phục tình trạng bất hợp lý về trợ cấp của người nghỉ hưu, thương binh, bệnh binh và những người có hoàn cảnh khó khăn.

Các doanh nghiệp được tự chủ trong việc trả lương và tiền thưởng trên cơ sở năng suất lao động và hiệu quả của doanh nghiệp. Nhà nước và xã hội tôn trọng thu nhập hợp pháp của người kinh doanh.

Thực hiện chương trình xoá đói, giảm nghèo thông qua những biện pháp cụ thể, sát với tình hình từng địa phương, sớm đạt mục tiêu không còn hộ đói, giảm mạnh các hộ nghèo. Tiếp tục tăng tổng nguồn vốn xoá đói, giảm nghèo, mở rộng các hình thức tín dụng trợ giúp người nghèo sản xuất, kinh doanh. Có chính sách trợ giá nông sản, phát triển việc làm và nghề phụ nhằm tăng thu nhập của các hộ nông dân. Thực hiện các chính sách xã hội bảo đảm an toàn cuộc sống mọi thành viên cộng đồng, bao gồm bảo hiểm xã hội đối với người lao động thuộc các thành phần kinh tế, cứu trợ xã hội những người gặp rủi ro, bất hạnh.

Thực hiện chính sách ưu đãi xã hội và vận động toàn dân tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn đối với các lão thành cách mạng, những người có công với nước, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, thương binh và cha mẹ, vợ con liệt sĩ, người được hưởng chính sách xã hội.

Đẩy mạnh việc xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng ở nông thôn như trường học, trạm y tế, điện, nước sạch, chợ và đường giao thông. Đầu tư nhiều hơn cho những xã đặc biệt khó khăn. Có chính sách thiết thực khuyến khích cán bộ khoa học, kỹ thuật đến công tác tại các vùng sâu, vùng xa.

Chính sách dân số nhằm chủ động kiểm soát quy mô và tăng chất lượng dân số phù hợp với những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản - kế hoạch hoá gia đình; giải quyết tốt mối quan hệ giữa phân bố dân cư hợp lý với quản lý dân số và phát triển nguồn nhân lực.

Thực hiện đồng bộ chính sách bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ nhân dân, nhằm giảm tỷ lệ mắc bệnh, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ và phát triển giống nòi. củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế, đặc biệt là ở cơ sở. Xây dựng một số trung tâm y tế chuyên sâu. Đẩy mạnh sản xuất dược phẩm, bảo đảm các loại thuốc thiết yếu đến mọi địa bàn dân cư. Thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khoẻ; đổi mới cơ chế và chính sách viện phí; có chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người nghèo, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Nhà nước ban hành chính sách quốc gia về y học cổ truyền. Kết hợp chặt chẽ y học hiện đại với y học cổ truyền từ khâu đào tạo đến khâu khám bệnh và điều trị.

Chính sách chăm sóc, bảo vệ trẻ em tập trung vào thực hiện quyền trẻ em, tạo điều kiện cho trẻ em được sống trong môi trường an toàn và lành mạnh, phát triển hài hoà về thể

chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức; trẻ em mồ côi, bị khuyết tật, sống trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn có cơ hội học tập và vui chơi.

Phát động phong trào toàn dân tập luyện thể dục, thể thao, nâng cao sức khoẻ và tầm vóc người Việt Nam; phổ biến rộng rãi kiến thức về tự bảo vệ sức khoẻ. Tăng đầu tư của Nhà nước cho lĩnh vực thể thao thành tích cao.

Tăng cường lãnh đạo và quản lý phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn trật tự và kỷ cương xã hội, ngăn chặn và bài trừ các tệ nạn xã hội, nhất là nạn mại dâm, ma tuý; ngăn chặn, tiến tới đẩy lùi đại dịch HIV/AIDS. Xây dựng lối sống văn minh, lành mạnh.

Các chính sách xã hội được tiến hành theo tinh thần xã hội hoá, đề cao trách nhiệm của chính quyền các cấp, huy động các nguồn lực trong nhân dân và sự tham gia của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội.

V- PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, XÂY DỰNG NỀN VĂN HOÁ TIỀN TIẾN, ĐẠM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC

1. Phát triển giáo dục và đào tạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp và hệ thống quản lý giáo dục; thực hiện “chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá”. Phát huy tinh thần độc lập suy nghĩ và sáng tạo của học sinh, sinh viên, đề cao năng lực tự học, tự hoàn thiện

học vấn và tay nghề, đẩy mạnh phong trào học tập trong nhân dân bằng những hình thức giáo dục chính quy và không chính quy, thực hiện “giáo dục cho mọi người”, “cả nước trở thành một xã hội học tập”. Thực hiện phương châm “học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn với xã hội”. Coi trọng công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học, chuẩn bị cho thanh niên, thiếu niên đi vào lao động nghề nghiệp phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong cả nước và từng địa phương. Xây dựng quy hoạch đào tạo nhân lực theo phương thức kết hợp học tập trung, học từ xa, học qua máy tính.

Chăm lo phát triển giáo dục mầm non, mở rộng hệ thống nhà trẻ và trường lớp mẫu giáo trên mọi địa bàn dân cư, đặc biệt là ở nông thôn và những vùng có khó khăn.

Củng cố thành tựu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, phấn đấu để ngày càng có nhiều trường tiểu học đủ điều kiện học hai buổi mỗi ngày tại trường, được học ngoại ngữ và tin học. Đẩy nhanh tiến độ phổ cập giáo dục trung học cơ sở, tạo điều kiện cho những địa phương có khả năng hoàn thành sớm việc phổ cập giáo dục bậc trung học thông qua việc mở rộng quy mô đào tạo và phát triển đa dạng các loại hình trường phổ thông trung học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Tăng ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo theo nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Hiện đại hoá một số trường dạy nghề, tăng nhanh tỷ lệ lao động được đào tạo trong toàn bộ lao động xã hội, khuyến khích phát triển hệ thống trường lớp dạy nghề dân lập và tư thục, trang bị cho thanh niên những kiến thức sản xuất, kỹ năng lao động và năng lực tiếp thu công nghệ mới để tự tạo việc làm, chủ động tìm kiếm cơ hội lập nghiệp.

Mở rộng hợp lý quy mô giáo dục đại học, làm chuyển biến rõ nét về chất lượng và hiệu quả đào tạo. Tập trung đầu tư xây dựng hai đại học quốc gia thành những trung tâm đào tạo chất lượng cao; xây dựng một số trường sư phạm trọng điểm. Từng bước xúc tiến việc nối mạng Internet ở trường học, tạo điều kiện học tập, nghiên cứu trên mạng.

Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên. Cải tiến việc giảng dạy và học tập các bộ môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện cho người nghèo có cơ hội học tập, tiếp tục phát triển các trường phổ thông nội trú dành cho con em dân tộc thiểu số, chú trọng quyền được học tập của nhân dân ở trên hai nghìn xã nghèo nhất. Có chính sách hỗ trợ đặc biệt những học sinh có năng khiếu, hoàn cảnh sống khó khăn được theo học ở các bậc học cao. Có quy hoạch và chính sách tuyển chọn người giỏi, đặc biệt chú ý trong con em công nhân và nông dân, để đào tạo ở các bậc đại học và sau đại học. Tăng ngân sách nhà nước cho việc cử người đi đào tạo ở các nước có nền khoa học và công nghệ tiên tiến. Khuyến khích việc du học tự túc.

Thực hiện chủ trương xã hội hoá giáo dục, phát triển đa dạng các hình thức đào tạo, đẩy mạnh việc xây dựng các quỹ khuyến khích tài năng, các tổ chức khuyến học, bảo trợ giáo dục.

Trong những năm trước mắt, giải quyết dứt điểm những vấn đề bức xúc: sửa đổi chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá; cải tiến chế độ thi cử, khắc phục khuynh hướng “thương mại hoá” giáo dục, ngăn chặn những tiêu cực trong

giáo dục; quản lý chặt chẽ việc cấp văn bằng, công nhận học hàm, học vị; chấn chỉnh công tác quản lý hệ thống trường học cả công lập và ngoài công lập.

2. Phát triển khoa học và công nghệ cùng với phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Khoa học xã hội và nhân văn hướng vào việc giải đáp các vấn đề lý luận và thực tiễn, dự báo các xu thế phát triển, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng con người, phát huy những di sản văn hoá dân tộc, sáng tạo những giá trị văn hoá mới của Việt Nam.

Khoa học tự nhiên hướng vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn, xây dựng cơ sở khoa học của sự phát triển các lĩnh vực công nghệ trọng điểm và khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, dự báo, phòng chống thiên tai.

Khoa học - công nghệ hướng vào việc nâng cao năng suất lao động, đổi mới sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hoá trên thị trường, xây dựng năng lực công nghệ quốc gia, ứng dụng một cách sáng tạo những công nghệ nhập khẩu, từng bước tạo ra công nghệ mới. Đi nhanh vào một số ngành, lĩnh vực sử dụng công nghệ hiện đại, công nghệ cao (tin học, sinh học, vật liệu mới, tự động hoá). Tạo thị trường cho khoa học và công nghệ, đổi mới cơ chế tài chính nhằm khuyến khích sáng tạo và gắn ứng dụng khoa học và công nghệ với sản xuất, kinh doanh, quản lý, dịch vụ. Có chính sách khuyến khích và buộc các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu đổi mới công nghệ.

Coi trọng nghiên cứu cơ bản trong khoa học.

Tăng đầu tư của ngân sách và huy động các nguồn lực khác cho khoa học và công nghệ.

Sắp xếp, đổi mới hệ thống nghiên cứu khoa học, phối hợp chặt chẽ nghiên cứu khoa học tự nhiên, khoa học - công nghệ với khoa học xã hội và nhân văn. Hoàn thành xây dựng những khu công nghệ cao và hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia. Sử dụng có hiệu quả các quỹ hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ. Cải tiến công tác quản lý khoa học, thực hiện quy chế dân chủ trong nghiên cứu và sáng tạo khoa học, bảo đảm chất lượng của các chương trình và đề tài nghiên cứu khoa học, khắc phục tình trạng trùng lặp, gây lãng phí ngân sách.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và công nghệ. Thực hiện tốt chính sách bảo hộ sở hữu trí tuệ. Có chính sách đãi ngộ đặc biệt đối với nhà khoa học có công trình nghiên cứu xuất sắc; khuyến khích cán bộ khoa học, kỹ thuật công tác tại các vùng khó khăn, vùng nông thôn; động viên các nhà khoa học bám sát cơ sở sản xuất, hướng dẫn nhân dân nắm bắt và làm chủ những tri thức mới về khoa học và công nghệ.

3. Xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Mọi hoạt động văn hoá nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống có văn hoá, quan hệ hài hoà trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Văn hoá trở thành nhân tố thúc đẩy con người tự hoàn thiện nhân cách, kế thừa truyền thống cách mạng của dân tộc, phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tăng nhanh mức đầu tư của Nhà nước và của xã hội cho sự nghiệp phát triển văn hoá. Tạo điều kiện để nhân dân

ngày càng nâng cao trình độ thẩm mỹ và thưởng thức nghệ thuật, trở thành những chủ thể sáng tạo văn hoá, đồng thời hưởng thụ ngày càng nhiều các thành quả văn hoá. Nâng cao chất lượng hệ thống bảo tàng lịch sử, bảo tàng cách mạng; đẩy mạnh xây dựng thư viện, nhà văn hoá, nhà thông tin, câu lạc bộ sức khoẻ, sân bãi thể dục thể thao, khu vui chơi giải trí... Bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá dân tộc, các giá trị văn học, nghệ thuật, ngôn ngữ, chữ viết và thuần phong mỹ tục của các dân tộc; tôn tạo các di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh; khai thác các kho tàng văn hoá cổ truyền. Tiếp thu tinh hoa và góp phần làm phong phú thêm nền văn hoá của nhân loại. Đấu tranh chống sự xâm nhập của văn hoá độc hại.

Bảo đảm tự do, dân chủ cho mọi sáng tạo văn hoá, văn học nghệ thuật, tạo điều kiện làm việc thuận lợi để phát huy hiệu quả của lao động nghệ thuật. Văn nghệ sĩ nêu cao trách nhiệm trước nhân dân, trước Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, có tác dụng giáo dục, xây dựng con người. Văn nghệ cổ vũ cái đúng, cái tốt, cái đẹp trong quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với xã hội, với thiên nhiên; phê phán những thói hư tật xấu, lên án cái ác, cái thấp hèn. Phát huy vai trò thẩm định tác phẩm, hướng dẫn dư luận của phê bình văn học nghệ thuật. Tiếp tục đấu tranh chống các khuynh hướng sáng tác trái với đường lối văn hoá, văn nghệ của Đảng. Chăm sóc đời sống vật chất, tinh thần của văn nghệ sĩ, nhất là những người cao tuổi; đãi ngộ thoả đáng đối với các văn nghệ sĩ tài năng. Chú trọng bồi dưỡng, đào tạo thế hệ văn nghệ sĩ trẻ. Làm tốt công tác bảo vệ bản quyền tác giả.

Phát triển đi đôi với quản lý tốt hệ thống thông tin đại chúng. Báo chí, xuất bản... làm tốt chức năng tuyên truyền thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; phát hiện những nhân tố mới, cái hay, cái đẹp trong xã hội, giới thiệu gương người tốt việc tốt, những điển hình tiên tiến, phê phán các hiện tượng tiêu cực, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, đấu tranh với những quan điểm sai trái; coi trọng nâng cao tính chân thật, tính giáo dục và tính chiến đấu của thông tin. Sử dụng Internet đẩy mạnh thông tin đối ngoại, đồng thời hạn chế, ngăn chặn những hoạt động tiêu cực qua mạng. Khắc phục khuynh hướng “thương mại hoá” trong hoạt động báo chí, xuất bản. Nâng cao bản lĩnh chính trị, tư tưởng, ý thức trách nhiệm, trình độ văn hoá và nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức của đội ngũ báo chí, xuất bản.

Nêu cao trách nhiệm của gia đình trong việc xây dựng và bồi dưỡng các thành viên của mình có lối sống văn hoá, làm cho gia đình thực sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội. Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”; ngăn chặn việc phục hồi các hủ tục, khắc phục tình trạng mê tín đang có xu hướng lan rộng trong xã hội.

VI- TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc.

Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh

đạo của Đảng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thế trận an ninh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, quốc phòng và an ninh với kinh tế trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Phối hợp hoạt động quốc phòng và an ninh với hoạt động đối ngoại.

Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.

Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có bản lĩnh chính trị vững vàng; trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân; có trình độ học vấn và chuyên môn nghiệp vụ ngày càng cao; quý trọng và hết lòng phục vụ nhân dân; có phẩm chất, đạo đức, lối sống lành mạnh, giản dị; kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang; có năng lực chỉ huy và tác chiến thắng lợi trong bất cứ tình huống nào; có trình độ sẵn sàng chiến đấu và sức chiến đấu ngày càng cao; thường xuyên cảnh giác, kịp thời đập tan mọi âm mưu và hành động xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và an ninh quốc gia; ngăn chặn và đẩy lùi các tội phạm nguy hiểm và các tệ nạn xã hội, bảo đảm tốt trật tự an toàn xã hội.

Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội, thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; coi trọng xây dựng thế trận trên các địa bàn chiến lược trọng yếu; xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ và công an, bảo vệ cơ sở.

Hoàn thiện hệ thống luật pháp về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường quản lý nhà nước về quốc phòng và an ninh

trên phạm vi cả nước và từng địa phương, cơ sở, đưa nhiệm vụ đó vào chương trình chính khoá đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. Thể chế hoá các chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

Đầu tư thích đáng cho công nghiệp quốc phòng, trang bị kỹ thuật hiện đại cho quân đội, công an. Tận dụng năng lực công nghiệp dân sinh phục vụ quốc phòng và an ninh. Từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của các lực lượng vũ trang, thực hiện tốt chính sách hậu phương đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

Thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, đối với sự nghiệp quốc phòng và an ninh.

VII- MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.

Nhiệm vụ đối ngoại là tiếp tục giữ vững môi trường hoà bình và tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm độc lập và chủ quyền quốc gia, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Mở rộng quan hệ nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước và vùng lãnh thổ, các trung tâm chính trị, kinh

tế quốc tế lớn, các tổ chức quốc tế và khu vực theo các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; bình đẳng và cùng có lợi; giải quyết các bất đồng và tranh chấp bằng thương lượng hoà bình; làm thất bại mọi âm mưu và hành động gây sức ép, áp đặt và cường quyền.

Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường. Chính phủ cùng các bộ, ngành và các doanh nghiệp khẩn trương xây dựng và thực hiện kế hoạch hội nhập kinh tế quốc tế với lộ trình hợp lý và chương trình hành động cụ thể, phát huy tính chủ động của các cấp, các ngành và các doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, hoàn chỉnh hệ thống luật pháp, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và nền kinh tế.

Coi trọng và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước láng giềng. Nâng cao hiệu quả và chất lượng hợp tác với các nước ASEAN, cùng xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực hoà bình, không có vũ khí hạt nhân, ổn định, hợp tác cùng phát triển.

Tiếp tục mở rộng quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, các nước độc lập dân tộc, các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Trung Đông và Mỹ Latinh, các nước trong Phong trào Không liên kết, ủng hộ lẫn nhau cùng phát triển, phối hợp bảo vệ lợi ích chính đáng của nhau.

Thúc đẩy quan hệ đa dạng với các nước phát triển và các tổ chức quốc tế. Đẩy mạnh hoạt động ở các diễn đàn đa phương.

Tích cực tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu. Ủng hộ và cùng nhân dân thế giới đấu tranh nhằm loại trừ hoàn toàn vũ khí hạt nhân, vũ khí sinh học và mọi phương tiện chiến tranh hiện đại khác giết người hàng loạt, bảo vệ hoà bình, chống nguy cơ chiến tranh và chạy đua vũ trang; tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự lựa chọn con đường phát triển của mỗi dân tộc trên thế giới; góp phần xây dựng trật tự chính trị, kinh tế quốc tế dân chủ, công bằng.

Củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết và hợp tác với các đảng cộng sản và công nhân, với các đảng cánh tả, các phong trào giải phóng và độc lập dân tộc, với các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới.

Tiếp tục mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền.

Mở rộng hơn nữa công tác đối ngoại nhân dân, tăng cường quan hệ song phương và đa phương với các tổ chức nhân dân các nước, nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế, góp phần tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân ta và nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới.

Đẩy mạnh công tác thông tin phục vụ nghiên cứu, làm tốt công tác dự báo tình hình khu vực và thế giới, kịp thời có những chủ trương, chính sách đối ngoại thích hợp khi tình hình thay đổi. Tăng cường hơn nữa công tác thông tin đối ngoại và văn hoá đối ngoại.

Bồi dưỡng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, năng lực, đạo đức, phẩm chất của đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại, kể cả kinh tế đối ngoại.

Phối hợp chặt chẽ hoạt động ngoại giao của Nhà nước, hoạt động đối ngoại của Đảng và hoạt động đối ngoại nhân dân. Hoàn thiện cơ chế quản lý thống nhất các hoạt động đối

ngoại, tạo thành sức mạnh tổng hợp thực hiện có kết quả nhiệm vụ công tác đối ngoại, làm cho thế giới hiểu rõ hơn đất nước, con người, công cuộc đổi mới của Việt Nam, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và hợp tác ngày càng rộng rãi của thế giới.

VIII- PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN

Kế thừa truyền thống quý báu của dân tộc, Đảng ta luôn luôn gương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân. Đó là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Thực hiện đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay ở nước ngoài. Phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc, truyền thống yêu nước, ý chí tự lực tự cường và lòng tự hào dân tộc, lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, xoá bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai. Khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam luôn luôn được củng cố và phát triển sâu rộng trên cơ sở liên minh vững chắc giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân gắn với việc phát huy dân chủ trong đời sống xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện dân chủ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội ở tất cả các cấp, các ngành.

Chính sách và pháp luật của Nhà nước là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân và sinh hoạt dân chủ trong xã hội. Xây dựng đồng bộ các chính sách kinh tế - xã hội đúng đắn, phát huy mọi khả năng sáng tạo của nhân dân. Đổi mới và hoàn thiện các chính sách cụ thể đối với các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, đặc biệt là các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, phân phối, tiêu dùng, bảo đảm quyền lợi và trách nhiệm của công dân...

Đối với *giai cấp công nhân*, coi trọng phát triển về số lượng và chất lượng, nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn và nghề nghiệp, thực hiện “trí thức hoá công nhân”, nâng cao năng lực ứng dụng và sáng tạo công nghệ mới, lao động đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao, xứng đáng là một lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và vai trò lãnh đạo cách mạng trong thời kỳ mới. Bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của giai cấp công nhân trong điều kiện thực hiện cơ chế thị trường. Tăng cường đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý và kết nạp đảng viên từ những công nhân ưu tú; tăng thành phần công nhân trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành.

Đối với *giai cấp nông dân*, ra sức bồi dưỡng sức dân ở nông thôn và phát huy vai trò giai cấp nông dân trong sự nghiệp đổi mới, tập trung sự chỉ đạo và các nguồn lực cần thiết cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, phát triển nông thôn; thực hiện tốt các chính sách về ruộng đất,

phát triển nông nghiệp toàn diện, tiêu thụ nông sản hàng hoá, bảo hiểm sản xuất và bảo hiểm xã hội; phát huy lợi thế từng vùng, giúp đỡ vùng khó khăn; phân bố dân cư theo quy hoạch, phát triển ngành nghề, giải quyết việc làm, xoá đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống, nâng cao dân trí, xây dựng nông thôn mới.

Đối với *trí thức*, tạo điều kiện thuận lợi để thu nhận thông tin, tiếp cận các thành tựu mới của khoa học, công nghệ và văn hoá thế giới, nâng cao trình độ chính trị, kiến thức chuyên môn. Khuyến khích tự do sáng tạo, phát minh, cống hiến. Phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng đúng và đãi ngộ xứng đáng các tài năng. Phát huy năng lực của trí thức trong việc thực hiện các chương trình, đề tài nghiên cứu của Nhà nước và xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật.

Đối với *thế hệ trẻ*, chăm lo giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, văn hoá, sức khoẻ, nghề nghiệp; giải quyết việc làm, phát triển tài năng và sức sáng tạo, phát huy vai trò xung kích trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đối với *phụ nữ*, thực hiện tốt luật pháp và chính sách bình đẳng giới, bồi dưỡng, đào tạo nghề nghiệp, nâng cao học vấn; có cơ chế, chính sách để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các cơ quan lãnh đạo và quản lý ở các cấp, các ngành; chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ bà mẹ và trẻ em; tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt thiên chức người mẹ; xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

Đối với *cựu chiến binh*, phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa; giúp nhau cải thiện đời sống; góp phần giáo dục truyền thống và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ.

Đối với *các lão thành cách mạng, những người có công với nước, các cán bộ nghỉ hưu, những người cao tuổi*, thực hiện chính sách đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc sức khoẻ, nâng cao đời sống tinh thần và vật chất trong điều kiện mới; đáp ứng nhu cầu được thông tin, phát huy khả năng tham gia đời sống chính trị của đất nước và các hoạt động xã hội; nêu gương tốt, giáo dục lý tưởng và truyền thống cách mạng cho thanh niên, thiếu niên.

Đối với *các nhà doanh nghiệp*, nêu cao vai trò và trách nhiệm đối với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích và tạo môi trường thuận lợi để kinh doanh và cạnh tranh theo pháp luật; có những hình thức biểu dương công sức của những người quản lý sản xuất, kinh doanh giỏi.

Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc luôn luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng. Thực hiện tốt chính sách các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, phát triển sản xuất hàng hoá, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xoá đói, giảm nghèo, mở mang dân trí, giữ gìn, làm giàu và phát huy bản sắc văn hoá và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; thực hiện công bằng xã hội giữa các dân tộc, giữa miền núi và miền xuôi, đặc biệt quan tâm vùng gặp nhiều khó khăn, vùng trước đây là căn cứ cách mạng và kháng chiến. Tích cực thực hiện chính sách ưu tiên trong việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số. Động viên, phát huy vai trò của những người tiêu biểu, có uy tín trong dân tộc và ở địa phương. Chống kỳ thị, chia rẽ dân tộc; chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan; khắc phục tư tưởng tự ti, mặc cảm dân tộc.

Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Chăm lo phát triển kinh tế, văn hoá, nâng cao đời sống của đồng bào. Đồng bào theo đạo và các vị chức sắc tôn giáo có nghĩa vụ làm tròn trách nhiệm công dân đối với Tổ quốc, sống “tốt đời, đẹp đạo”, phát huy những giá trị tốt đẹp về văn hoá, đạo đức của tôn giáo. Từng bước hoàn thiện luật pháp về tín ngưỡng, tôn giáo.

Nghiêm cấm lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

Đồng bào định cư ở nước ngoài là bộ phận không tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Đảng và Nhà nước chăm lo cung cấp thông tin về tình hình đất nước, bảo hộ quyền lợi chính đáng của đồng bào, nâng cao lòng yêu nước và trách nhiệm công dân, ý thức cộng đồng, tinh thần tự trọng và tự hào dân tộc, giữ gìn bản sắc văn hoá và truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, tôn trọng pháp luật nước sở tại và góp phần tăng cường đoàn kết hữu nghị với nhân dân các nước. Có những chính sách tạo điều kiện thuận lợi để kiều bào về thăm quê hương, mở mang các hoạt động văn hoá, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, sản xuất, kinh doanh, góp phần thiết thực xây dựng đất nước.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân xây

dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; phát huy dân chủ, nâng cao trách nhiệm công dân của hội viên, đoàn viên, giữ gìn kỷ cương phép nước, thúc đẩy công cuộc đổi mới, thắt chặt mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước. Nhân dân vừa thực hiện quyền dân chủ trực tiếp vừa thực hiện quyền dân chủ thông qua đại diện là các cơ quan nhà nước, các đại biểu nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Đảng và Nhà nước xây dựng và hoàn chỉnh các quy chế để Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân phát huy quyền làm chủ của nhân dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, qua đó tăng cường đoàn kết toàn dân, củng cố sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong xã hội.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, góp sức xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh; phát huy khả năng tham gia bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện giám sát của nhân dân đối với công tác và đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, đại biểu dân cử và các cơ quan nhà nước; giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân.

Mở rộng và đa dạng hoá các hình thức tập hợp nhân dân tham gia các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, các hội nghề nghiệp, văn hoá, hữu nghị, từ thiện - nhân đạo... Sớm ban hành Luật về hội.

Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, khắc phục tình trạng hành chính hoá, phô trương, hình thức, quan liêu, xa dân. Thực hiện tốt Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Tổ chức các phong trào nhân dân thi đua yêu nước, đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, xây dựng đời sống văn hoá, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, gắn liền với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng địa phương và địa bàn dân cư. Hướng mạnh các hoạt động về cơ sở, cộng đồng dân cư và từng gia đình.

IX- ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC, PHÁT HUY DÂN CHỦ, TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ

1. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng

Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật.

Cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước gắn liền với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn; nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan nhà nước.

2. Cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước

Kiến toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội, trọng tâm là tăng cường công tác lập pháp, xây dựng chương trình dài hạn về lập pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật, đổi mới quy trình ban hành và hướng dẫn thi hành luật. Quốc hội làm tốt chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, quyết định và phân bổ ngân sách nhà nước, thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước, trước mắt tập trung vào những vấn đề bức xúc như sử dụng vốn và tài sản nhà nước, chống tham nhũng, quan liêu.

Khẩn trương nghiên cứu, đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 phù hợp với tình hình mới.

Xây dựng một nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hoá. Điều chỉnh chức năng và cải tiến phương thức hoạt động của Chính phủ theo hướng thống nhất quản lý vĩ mô việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong cả nước bằng hệ thống pháp luật, chính sách hoàn chỉnh, đồng bộ. Định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ theo hướng bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực trên phạm vi toàn quốc, cung cấp dịch vụ công.

Phân công, phân cấp, nâng cao tính chủ động của chính quyền địa phương, kết hợp chặt chẽ quản lý ngành và quản lý lãnh thổ, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; tổ chức hợp lý Hội đồng nhân dân; kiện toàn các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân và bộ máy chính quyền cấp xã, phường, thị trấn.

Cải cách tổ chức, nâng cao chất lượng và hoạt động của các cơ quan tư pháp, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cơ quan và cán bộ tư pháp trong công tác điều tra, bắt, giam, giữ, truy tố, xét xử, thi hành án, không để xảy ra những trường hợp oan, sai. Viện kiểm sát nhân dân thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Sắp xếp lại hệ thống toà án nhân dân, phân định hợp lý thẩm quyền của toà án các cấp. Tăng cường đội ngũ thẩm phán và hội thẩm nhân dân cả về số lượng và chất lượng. Tổ chức lại cơ quan điều tra và cơ quan thi hành án theo nguyên tắc gọn đầu mối. Thành lập cảnh sát tư pháp.

Thực hiện tinh giản biên chế trong các cơ quan nhà nước.

3. Phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế

Nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, hoàn thiện những quy định về bầu cử, ứng cử, về tiêu chuẩn và cơ cấu các đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân trên cơ sở thật sự phát huy dân chủ. Tăng thêm tỷ lệ đại biểu Quốc hội chuyên trách. Thực hiện tốt quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng. Khắc phục mọi biểu hiện dân chủ hình thức. Xây dựng Luật trưng cầu ý dân.

Chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

Đổi mới cơ chế, xác định trách nhiệm của các cấp, các cơ quan, cán bộ, công chức trong việc giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo của công dân.

Phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế, quản lý xã hội bằng pháp luật, tuyên truyền, giáo dục toàn dân, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

4. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực

Hoàn thiện chế độ công vụ, quy chế cán bộ, công chức, coi trọng cả năng lực và đạo đức; bảo đảm tính nghiêm túc, trung thực trong thi tuyển cán bộ, công chức. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, trước hết là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, về đường lối, chính sách, về kiến thức và kỹ năng quản lý hành chính nhà nước. Sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức theo đúng chức danh, tiêu chuẩn. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng cán bộ, công chức, kịp thời thay thế những cán bộ, công chức yếu kém và thoái hoá. Tăng cường cán bộ cho cơ sở. Có chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ đối với cán bộ xã, phường, thị trấn.

5. Đấu tranh chống tham nhũng

Tăng cường tổ chức và cơ chế, tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị, ở các cấp, các ngành, từ Trung ương đến cơ sở. Gắn chống tham nhũng với chống lãng phí, quan liêu, buôn lậu, đặc biệt chống các hành vi lợi dụng chức quyền để làm giàu bất chính.

Bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy chế, quy định của Đảng và Nhà nước về quản lý kinh tế - tài chính, quản lý tài sản công, không để sơ hở cho kẻ xấu lợi dụng.

Tiếp tục xoá bỏ các thủ tục hành chính phiền hà, nhất là ở những lĩnh vực, những khâu dễ xảy ra tham nhũng, sách nhiễu. Thanh tra, kiểm tra, kiểm kê, kiểm soát bảo đảm tính

minh bạch trong việc sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản công, tài chính Đảng, đoàn thể, tài chính các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ do nhân dân đóng góp và do nước ngoài tài trợ.

Các đảng viên và chi bộ đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng và toàn xã hội có trách nhiệm giám sát, kiểm tra cán bộ, công chức, phát hiện, tố cáo, lên án những kẻ tham nhũng. Xử lý nghiêm minh theo pháp luật và theo Điều lệ Đảng những cán bộ, đảng viên, công chức ở bất cứ cấp nào, lĩnh vực nào lợi dụng chức quyền để tham nhũng. Có những biện pháp cụ thể bảo vệ và khen thưởng những người kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng.

Cải cách cơ bản chế độ tiền lương, nâng cao đời sống người hưởng lương, chống đặc quyền đặc lợi.

Thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức về chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng.

Cụ thể hoá và thực hiện nghiêm những điều cấm đối với cán bộ, công chức, trước hết là cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý. Cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước kê khai tài sản của cá nhân và gia đình mình (nhà đất, cơ sở sản xuất, kinh doanh, cổ phiếu...). Kịp thời kiểm tra và kết luận, có biện pháp xử lý những cán bộ, công chức có tài sản bất minh.

Xem xét trách nhiệm hình sự hoặc có hình thức kỷ luật thích đáng đối với những người đứng đầu cơ quan, đơn vị ở nơi xảy ra những vụ tham nhũng lớn, gây hậu quả nghiêm trọng.

X- XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

Những thành tựu và yếu kém trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc gắn liền với trách nhiệm lãnh

đạo của Đảng và những ưu điểm, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng.

Từ Đại hội VIII đến nay, Đảng đã có nhiều cố gắng tiến hành nhiệm vụ then chốt là xây dựng, chỉnh đốn Đảng và nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế. Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII đã ra Nghị quyết về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng, mở cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng; tiến hành tự phê bình và phê bình trong các cấp uỷ, tổ chức đảng và cán bộ chủ chốt từ Trung ương đến cơ sở. Qua gần hai năm thực hiện, cuộc vận động thu một số kết quả và kinh nghiệm bước đầu song chưa đạt yêu cầu đề ra.

Trong công tác xây dựng Đảng, bên cạnh những ưu điểm, đang nổi lên một số mặt yếu kém và khuyết điểm, nhất là khuyết điểm về công tác giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên, chưa ngăn chặn và đẩy lùi được sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống. Một số tổ chức đảng ở các cấp chưa được chỉnh đốn; dân chủ bị vi phạm, kỷ luật, kỷ cương lỏng lẻo, nội bộ không đoàn kết; chất lượng sinh hoạt đảng giảm sút. Công tác tư tưởng, công tác lý luận còn yếu kém, bất cập; công tác tổ chức, cán bộ còn một số biểu hiện trì trệ. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng còn lúng túng, chưa đi sâu làm rõ đặc điểm và yêu cầu về sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền, chưa phát huy đầy đủ hiệu lực quản lý của các cơ quan nhà nước, tính tích cực của các đoàn thể và quyền làm chủ của nhân dân. Tổ chức chỉ đạo thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước còn yếu.

Những khuyết điểm nêu trên là do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trực tiếp và chủ yếu là do nhiều cấp uỷ và tổ chức đảng, kể cả Ban Chấp hành Trung ương và

Bộ Chính trị, tuy đã có nhiều cố gắng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhưng chỉ đạo chưa tập trung và kiên quyết; chủ trương, biện pháp thiếu đồng bộ; chưa chỉ đạo tốt việc kết hợp tự phê bình và phê bình với kiện toàn tổ chức, đổi mới cơ chế, chính sách, chỉnh đốn các khâu quản lý kinh tế, tài chính và tăng cường công tác giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên...

Trong những năm tới, toàn Đảng tiếp tục thực hiện các nghị quyết về xây dựng Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII, *tập trung làm tốt những công tác quan trọng sau đây:*

1. Giáo dục tư tưởng chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân

Toàn Đảng nghiêm túc học tập chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Mỗi cấp uỷ, mỗi chi bộ có kế hoạch định kỳ kiểm điểm việc thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân. Chống tư tưởng cơ hội, thực dụng. Trên cơ sở tổng kết hai năm thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tiếp tục đưa việc tự phê bình và phê bình trong các cấp uỷ và tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở thành nền nếp thường xuyên và theo định kỳ, không làm qua loa, chiếu lệ, hình thức; vận động nhân dân góp ý phê bình cán bộ, đảng viên.

Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, làm trong sạch đội ngũ đảng viên. Các cấp uỷ tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra đảng viên học tập, không ngừng nâng cao trình độ chính trị, học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức lãnh đạo, quản lý và vận động nhân dân, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu. Cán bộ, đảng viên ở bất cứ cương vị

nào đều phải chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh, Điều lệ, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Thi hành kỷ luật nghiêm khắc mọi vi phạm về nguyên tắc, nhất là đối với những vấn đề về quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Trong các hoạt động kinh tế, đảng viên phải chấp hành đúng pháp luật của Nhà nước và các quy định của Đảng.

Kiên toàn tổ chức và cán bộ ở những cơ quan, đơn vị để xảy ra những biểu hiện không chấp hành nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, làm việc trì trệ, độc đoán, chuyên quyền, kéo bè, kéo cánh, mất đoàn kết nội bộ. Cùng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan kiểm tra đảng, thanh tra nhà nước và thanh tra nhân dân. Tiếp tục coi trọng và làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, thảo luận dân chủ, sớm làm rõ và kết luận những vấn đề mới, bức xúc nảy sinh từ thực tiễn; từng bước cụ thể hoá, bổ sung, phát triển đường lối, chính sách của Đảng; đấu tranh với những khuynh hướng tư tưởng sai trái.

2. Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ

Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp, vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có trí tuệ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, gắn bó với nhân dân. Có cơ chế và chính sách phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; trọng dụng những người có đức, có tài. Thực hiện đúng đắn nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ. Làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn

cán bộ, chú ý cán bộ nữ và cán bộ các dân tộc thiểu số, chuyên gia trên các lĩnh vực.

Đánh giá và sử dụng đúng cán bộ trên cơ sở tiêu chuẩn, lấy hiệu quả công tác thực tế và sự tín nhiệm của nhân dân làm thước đo chủ yếu; có phương pháp khoa học, khách quan, công tâm, theo quy trình chặt chẽ, phát huy dân chủ, dựa vào tập thể và nhân dân để tuyển chọn cán bộ. Đổi mới, trẻ hoá đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển.

Thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý theo quy hoạch ở các ngành và địa phương; cán bộ chủ chốt từ cấp huyện trở lên giữ một chức vụ lãnh đạo ở một đơn vị không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp; khắc phục tư tưởng cục bộ, khép kín trong đơn vị, ngành và địa phương.

Xây dựng, chỉnh đốn hệ thống các học viện, trường và trung tâm chính trị, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trước hết đối với cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp; chống các biểu hiện tiêu cực trong giảng dạy và học tập. Từ nay đến năm 2005, phần lớn cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ cấp huyện trở lên học xong chương trình cao cấp về lý luận chính trị và có trình độ đại học về một chuyên ngành nhất định.

3. Xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng

Tất cả các đảng bộ, chi bộ ở cơ sở đều nắm vững và thực hiện đúng chức năng là hạt nhân lãnh đạo chính trị đối với chính quyền, đoàn thể, các tổ chức kinh tế, sự nghiệp, các mặt công tác và các tầng lớp nhân dân ở cơ sở, nâng cao tính chiến đấu, khắc phục tình trạng thụ động, ỷ lại, buông lỏng vai trò lãnh đạo. Cấp uỷ cấp trên tập trung chỉ đạo củng cố các đảng bộ, chi bộ yếu kém, kịp thời kiện toàn cấp uỷ và

tăng cường cán bộ ở những nơi có nhiều khó khăn, nội bộ mất đoàn kết. Nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp uỷ, chi bộ. Phân công, hướng dẫn, kiểm tra đảng viên chấp hành nhiệm vụ, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu trong công tác, học tập và lối sống; giữ mối liên hệ với quần chúng nơi công tác, với chi bộ và nhân dân nơi cư trú. Phát triển đảng viên theo đúng tiêu chuẩn quy định, chú ý những người ưu tú trong công nhân, trí thức, lao động thuộc các thành phần kinh tế, đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, những nơi còn ít hoặc chưa có đảng viên. Đổi mới việc phân tích, đánh giá chất lượng các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

4. Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Phát huy dân chủ trong sinh hoạt đảng, từ sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp uỷ ở cơ sở đến Ban Chấp hành Trung ương, trong công tác cán bộ và trong xây dựng, hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Đảng viên có quyền được bảo lưu ý kiến nhưng phải nói và làm theo nghị quyết của Đảng. Chống dân chủ hình thức, dân chủ cục bộ hoặc lợi dụng dân chủ để mưu cầu lợi ích riêng, cục bộ, bản vị.

Từng đảng bộ giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong tập thể lãnh đạo. Đối với những cấp uỷ, tổ chức đảng vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, cán bộ lãnh đạo độc đoán, chuyên quyền, kéo bè, kéo cánh, gây mất đoàn kết nội bộ, cấp uỷ cấp trên phải chỉ đạo kiểm điểm làm rõ đúng sai, xử lý nghiêm những người có khuyết điểm, kiện toàn tổ chức cán bộ; nơi không có khả năng khắc phục khuyết điểm thì giải tán về tổ chức, lập tổ chức mới theo quy định của Điều lệ Đảng.

Tăng cường vai trò lãnh đạo và tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước thông qua việc đề ra đường lối, chủ trương, các chính sách lớn, định hướng cho sự phát triển và kiểm tra việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước. Ban Chấp hành Trung ương, tập thể cấp uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn thảo luận dân chủ, biểu quyết và ra nghị quyết theo đa số những vấn đề quan trọng về đường lối, chủ trương, chính sách, về tổ chức, cán bộ. Tăng cường chế độ lãnh đạo tập thể đi đôi với phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cá nhân.

Kiến toàn hệ thống tổ chức đảng gắn với cải cách, đổi mới tổ chức, bộ máy của các cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội. Sắp xếp tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của các ban, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ khối theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII). Phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đảng, đảng viên, cấp uỷ viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước trong việc nghiên cứu, đề xuất các chủ trương, chính sách của Đảng. Tiếp tục thực hiện chủ trương cấp uỷ đảng giới thiệu bí thư hoặc phó bí thư cấp uỷ để được bầu vào Hội đồng nhân dân và làm chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Các cấp uỷ viên, nhất là cán bộ chủ chốt, có chương trình công tác ở cơ sở, tiếp xúc, lắng nghe ý kiến và trả lời chất vấn của đảng viên và nhân dân; cấp uỷ định kỳ làm việc với ban chấp hành các đoàn thể, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ, vai trò chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Chăm lo xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh, phát huy vai trò của Đoàn là đội quân xung kích và là lực lượng dự bị, kế tục sự nghiệp cách mạng lâu dài của Đảng.

Lãnh đạo việc đổi mới và tăng cường công tác thanh tra của Chính phủ và các cơ quan hành pháp; phát huy vai trò giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân theo đúng chức năng và thẩm quyền của các cơ quan đó. Tăng cường công tác kiểm tra của các cấp uỷ, của uỷ ban kiểm tra các cấp, tập trung vào các nội dung chủ yếu: thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; củng cố đoàn kết nội bộ, giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên.

*

* *

Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam là Đại hội của *Trí tuệ, Dân chủ, Đoàn kết, Đổi mới*, thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc ta trong thời điểm lịch sử trọng đại bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quyết tâm phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng, của dân tộc và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi tới tương lai.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 2001 - 2010

(Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII
tại Đại hội đại biểu toàn quốc
lần thứ IX của Đảng)

Đại hội VII của Đảng quyết định Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000. Đại hội IX đánh giá việc thực hiện chiến lược đó và quyết định Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm đầu của thế kỷ XXI - ***Chiến lược đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp.***

I- TÌNH HÌNH ĐẤT NƯỚC VÀ BỐI CẢNH QUỐC TẾ

1. Đánh giá việc thực hiện Chiến lược kinh tế - xã hội 1991 - 2000

Chiến lược 10 năm 1991 - 2000 được thực hiện khi nền kinh tế đang có một số chuyển biến tích cực, nhưng đất nước vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội; chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu tan vỡ; Mỹ tiếp tục bao vây, cấm vận nước ta; các thế lực thù địch tìm cách chống phá ta

về nhiều mặt; những năm cuối thập kỷ 90, nước ta lại chịu tác động bất lợi của cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế khu vực và bị thiệt hại lớn do thiên tai liên tiếp xảy ra trên nhiều vùng.

Mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức gay gắt, nhìn chung việc thực hiện Chiến lược 1991 - 2000 đã đạt được những ***thành tựu to lớn và rất quan trọng***:

(1)- Sau mấy năm đầu thực hiện Chiến lược, đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) sau 10 năm tăng hơn gấp đôi (2,07 lần). Tích lũy nội bộ của nền kinh tế từ mức không đáng kể, đến năm 2000 đã đạt 27% GDP. Từ tình trạng hàng hoá khan hiếm nghiêm trọng, nay sản xuất đã đáp ứng được các nhu cầu thiết yếu của nhân dân và nền kinh tế, tăng xuất khẩu và có dự trữ. Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội phát triển nhanh. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch tích cực. Trong GDP, tỷ trọng nông nghiệp từ 38,7% giảm xuống 24,3%, công nghiệp và xây dựng từ 22,7% tăng lên 36,6%, dịch vụ từ 38,6% tăng lên 39,1%.

(2)- Quan hệ sản xuất đã có bước đổi mới phù hợp hơn với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và thúc đẩy sự hình thành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế; doanh nghiệp nhà nước được sắp xếp lại một bước, thích nghi dần với cơ chế mới, hình thành những tổng công ty lớn trên nhiều lĩnh vực then chốt. Kinh tế tập thể có bước chuyển đổi và phát triển đa dạng theo phương thức mới. Kinh tế hộ phát huy tác dụng rất quan trọng trong nông nghiệp; kinh tế cá thể, tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển nhanh. Cơ chế quản lý và phân phối có nhiều đổi mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

(3)- Từ chỗ bị bao vây, cấm vận, nước ta đã phát triển quan hệ kinh tế với hầu khắp các nước, gia nhập và có vai trò ngày càng tích cực trong nhiều tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực, chủ động từng bước hội nhập có hiệu quả với kinh tế thế giới. Nhịp độ tăng kim ngạch xuất khẩu gần gấp ba nhịp độ tăng GDP. Thu hút được một khối lượng khá lớn vốn từ bên ngoài cùng nhiều công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến.

(4)- Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực và tính năng động trong xã hội được nâng lên đáng kể. Đã hoàn thành mục tiêu xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học trong cả nước; bắt đầu phổ cập trung học cơ sở ở một số thành phố, tỉnh đồng bằng. Số sinh viên đại học, cao đẳng tăng gấp 6 lần. Đào tạo nghề được mở rộng. Năng lực nghiên cứu khoa học được tăng cường, ứng dụng nhiều công nghệ tiên tiến. Các hoạt động văn hoá, thông tin phát triển rộng rãi và nâng cao chất lượng.

Mỗi năm tạo thêm hơn 1,2 triệu việc làm mới. Tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chuẩn của nước ta) từ trên 30% giảm xuống 10%. Người có công với nước được quan tâm chăm sóc. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm từ 2,3% giảm xuống 1,4%. Tuổi thọ bình quân từ 65,2 tuổi tăng lên 68,3 tuổi. Việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em, chăm lo sức khoẻ cộng đồng, phòng, chống dịch bệnh có nhiều tiến bộ. Phong trào thể dục rèn luyện sức khoẻ phát triển; thành tích thi đấu thể thao trong nước và quốc tế được nâng lên.

Trong hoàn cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn, những thành tựu và tiến bộ về văn hoá, xã hội là sự cố gắng rất lớn của toàn Đảng, toàn dân ta.

(5)- Cùng với những nỗ lực to lớn của lực lượng vũ trang nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, những thành

tự phát triển kinh tế - xã hội đã tạo điều kiện tăng cường tiềm lực, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Đánh giá tổng quát, phần lớn các mục tiêu chủ yếu đề ra trong Chiến lược kinh tế - xã hội 1991 - 2000 đã được thực hiện. Nền kinh tế có bước phát triển mới về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và hội nhập kinh tế quốc tế; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt, văn hoá xã hội không ngừng tiến bộ; thế và lực của đất nước hơn hẳn 10 năm trước, khả năng độc lập tự chủ được nâng lên, tạo thêm điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa.

Nguyên nhân của những thành tựu là đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng cùng những cố gắng và tiến bộ trong công tác quản lý của Nhà nước đã phát huy được nhân tố có ý nghĩa quyết định là ý chí kiên cường, tính năng động, sáng tạo và sự nỗ lực phấn đấu của nhân dân ta.

Tuy nhiên, những thành tựu và tiến bộ đã đạt được chưa đủ để vượt qua tình trạng nước kém phát triển, chưa tương xứng với tiềm năng của đất nước. Trình độ phát triển kinh tế của nước ta còn thấp xa so với mức trung bình của thế giới và kém nhiều nước xung quanh. Thực trạng kinh tế - xã hội vẫn còn những mặt **yếu kém, bất cập**, chủ yếu là:

(1)- Nền kinh tế kém hiệu quả và sức cạnh tranh còn yếu. Tích lũy nội bộ và sức mua trong nước còn thấp. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, gắn sản xuất với thị trường; cơ cấu đầu tư còn nhiều bất hợp lý. Tình trạng bao cấp và bảo hộ còn nặng. Đầu tư của Nhà nước còn thất thoát và lãng phí. Nhịp độ thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài giảm mạnh. Tăng trưởng kinh tế

những năm gần đây giảm sút, năm 2000 tuy đã tăng lên nhưng còn thấp hơn mức bình quân của thập kỷ 90.

(2)- Quan hệ sản xuất có mặt chưa phù hợp, hạn chế việc giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất. Chưa có chuyển biến đáng kể trong việc đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước. Kinh tế tập thể phát triển chậm, việc chuyển đổi các hợp tác xã theo luật ở nhiều nơi còn mang tính hình thức, hiệu quả thấp. Các thành phần kinh tế khác chưa phát huy hết năng lực, chưa thực sự được bình đẳng và yên tâm đầu tư kinh doanh. Cơ chế quản lý, chính sách phân phối có mặt chưa hợp lý, chưa thúc đẩy tiết kiệm, tăng năng suất, kích thích đầu tư phát triển; chênh lệch giàu nghèo tăng nhanh.

(3)- Kinh tế vĩ mô còn những yếu tố thiếu vững chắc. Hệ thống tài chính, ngân hàng, kế hoạch đổi mới chậm, chất lượng hoạt động hạn chế; môi trường đầu tư, kinh doanh còn nhiều vướng mắc, chưa tạo điều kiện và hỗ trợ tốt cho các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh.

(4)- Giáo dục, đào tạo còn yếu về chất lượng, cơ cấu đào tạo chưa phù hợp, có nhiều tiêu cực trong dạy, học, và thi cử... Khoa học và công nghệ chưa thật sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội. Cơ sở vật chất của các ngành y tế, giáo dục, khoa học, văn hoá, thông tin, thể thao còn nhiều thiếu thốn. Việc đổi mới cơ chế quản lý và thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực này triển khai chậm.

(5)- Đời sống của một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn, nhất là ở vùng núi, vùng sâu, vùng thường bị thiên tai. Số lao động chưa có việc làm và thiếu việc làm còn lớn. Nhiều tệ nạn xã hội chưa được đẩy lùi, nạn ma túy, mại dâm, lây nhiễm HIV/AIDS có chiều hướng lan rộng. Tai nạn giao thông ngày càng tăng. Môi trường sống bị ô nhiễm ngày càng nhiều.

Những mặt yếu kém, bất cập nói trên có phần do điều kiện khách quan, nhưng chủ yếu là do những khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, nổi lên là:

Công tác tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật và chính sách của Nhà nước chưa nghiêm, kém hiệu lực, hiệu quả. Sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành có phần thiếu nhanh nhạy, chưa thật chủ động tranh thủ thời cơ. Vai trò lãnh đạo của Đảng, chức năng quản lý, điều hành của Nhà nước ở các cấp chưa được phân định rành mạch và phát huy đầy đủ. Nguyên tắc tập trung dân chủ chưa được thực hiện tốt, trách nhiệm tập thể chưa được xác định rõ ràng, vai trò cá nhân phụ trách chưa được đề cao; kỷ luật không nghiêm.

Một số vấn đề về quan điểm như sở hữu và thành phần kinh tế, vai trò của Nhà nước và thị trường, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, hội nhập kinh tế quốc tế... chưa được làm rõ, chưa có sự thống nhất trong nhận thức và thông suốt trong thực hiện, làm cho việc hoạch định chủ trương, chính sách và thể chế hoá thiếu dứt khoát, thiếu nhất quán, chậm trễ, gây trở ngại cho công cuộc đổi mới và công tác tổ chức thực hiện.

Công tác cải cách hành chính tiến hành chậm, thiếu kiên quyết cả về xây dựng và hoàn thiện thể chế, kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực và làm trong sạch đội ngũ cán bộ, công chức.

Công tác tư tưởng, công tác lý luận, công tác tổ chức, cán bộ có nhiều yếu kém, bất cập. Việc tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận không theo kịp yêu cầu. Tổ chức bộ máy chồng chéo, kém hiệu lực và hiệu quả. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức thoái hoá biến chất, thiếu năng lực. Tình trạng mất dân chủ, tệ quan liêu, cửa quyền,

tham nhũng, sách nhiễu dân, lãng phí còn nặng, đang là lực cản của sự phát triển và gây bất bình trong nhân dân.

2. Bối cảnh quốc tế

Bối cảnh quốc tế trong thời gian tới có nhiều thời cơ lớn đan xen với nhiều thách thức lớn. Khả năng duy trì hoà bình, ổn định trên thế giới và khu vực cho phép chúng ta tập trung sức vào nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế; đồng thời đòi hỏi phải đề cao cảnh giác, chủ động đối phó với những tình huống bất trắc, phức tạp có thể xảy ra. Một số xu thế tác động trực tiếp tới sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta 10 năm tới là:

Khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tiếp tục có những bước nhảy vọt, ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, thúc đẩy sự phát triển kinh tế tri thức, làm chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế và biến đổi sâu sắc các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tri thức và sở hữu trí tuệ có vai trò ngày càng quan trọng. Trình độ làm chủ thông tin, tri thức có ý nghĩa quyết định sự phát triển. Chu trình luân chuyển vốn, đổi mới công nghệ và sản phẩm ngày càng được rút ngắn; các điều kiện kinh doanh trên thị trường thế giới luôn thay đổi đòi hỏi các quốc gia cũng như doanh nghiệp phải rất nhanh nhạy nắm bắt, thích nghi. Các nước đang phát triển, trong đó có nước ta, có cơ hội thu hẹp khoảng cách so với các nước phát triển, cải thiện vị thế của mình; đồng thời đứng trước nguy cơ tụt hậu xa hơn nếu không tranh thủ được cơ hội, khắc phục yếu kém để vươn lên.

Toàn cầu hoá kinh tế là xu thế khách quan, lôi cuốn các nước, bao trùm hầu hết các lĩnh vực, vừa thúc đẩy hợp tác, vừa tăng sức ép cạnh tranh và tính tuỳ thuộc lẫn nhau giữa

các nền kinh tế. Quan hệ song phương, đa phương giữa các quốc gia ngày càng sâu rộng cả trong kinh tế, văn hoá và bảo vệ môi trường, phòng chống tội phạm, thiên tai và các đại dịch... Các công ty xuyên quốc gia tiếp tục cấu trúc lại, hình thành những tập đoàn khổng lồ chi phối nhiều lĩnh vực kinh tế. Sự cách biệt giàu nghèo giữa các quốc gia ngày càng tăng.

Toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế là một quá trình vừa hợp tác để phát triển, vừa đấu tranh rất phức tạp, đặc biệt là đấu tranh của các nước đang phát triển bảo vệ lợi ích của mình, vì một trật tự kinh tế quốc tế công bằng, chống lại những áp đặt phi lý của các cường quốc kinh tế, các công ty xuyên quốc gia. Đối với nước ta, tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian tới được nâng lên một bước mới gắn với việc thực hiện các cam kết quốc tế, đòi hỏi chúng ta phải ra sức nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế, tham gia có hiệu quả vào phân công lao động quốc tế.

Châu Á - Thái Bình Dương vẫn là khu vực phát triển năng động, trong đó Trung Quốc có vai trò ngày càng lớn. Sau khủng hoảng tài chính - kinh tế, nhiều nước ASEAN và Đông Á đang khôi phục đà phát triển với khả năng cạnh tranh mới. Tình hình đó tạo thuận lợi cho chúng ta trong hợp tác phát triển kinh tế, đồng thời cũng gia tăng sức ép cạnh tranh cả trong và ngoài khu vực.

II- MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC VÀ QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Tình hình đất nước và bối cảnh quốc tế đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân ta phải phát huy cao độ tinh thần cách mạng tiến công, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, đưa đất nước tiến nhanh và

vững chắc theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Không làm được như vậy, sẽ tụt hậu xa hơn về trình độ phát triển kinh tế so với các nước xung quanh, ảnh hưởng trực tiếp tới niềm tin của nhân dân, sự ổn định chính trị, xã hội và an ninh quốc gia.

1. Mục tiêu chiến lược

Mục tiêu tổng quát của Chiến lược 10 năm 2001 - 2010 là:

Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân; tạo nên tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao.

Mục tiêu cụ thể của Chiến lược là:

- Đưa GDP năm 2010 lên ít nhất gấp đôi năm 2000. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và nền kinh tế; đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng thiết yếu, một phần đáng kể nhu cầu sản xuất và đẩy mạnh xuất khẩu. Ổn định kinh tế vĩ mô; cân cân thanh toán quốc tế lành mạnh và tăng dự trữ ngoại tệ; bội chi ngân sách, lạm phát, nợ nước ngoài được kiểm soát trong giới hạn an toàn và tác động tích cực đến tăng trưởng. Tích lũy nội bộ nền kinh tế đạt trên 30% GDP. Nhịp độ tăng xuất khẩu gấp trên 2 lần nhịp độ tăng GDP. Tỷ trọng trong GDP của nông nghiệp 16 - 17%, công nghiệp 40 - 41%, dịch vụ 42 - 43%. Tỷ lệ lao động nông nghiệp còn khoảng 50%.

- Nâng lên đáng kể chỉ số phát triển con người (HDI) của nước ta. Tốc độ tăng dân số đến năm 2010 còn khoảng 1,1%. Xoá hộ đói, giảm nhanh hộ nghèo. Giải quyết việc làm ở cả thành thị và nông thôn (thất nghiệp ở thành thị dưới 5%, quỹ thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn khoảng 80 - 85%); nâng tỷ lệ người lao động được đào tạo nghề lên khoảng 40%. Trẻ em đến tuổi đi học đều được đến trường; hoàn thành phổ cập trung học cơ sở trong cả nước. Người có bệnh được chữa trị; giảm tỷ lệ trẻ em (dưới 5 tuổi) suy dinh dưỡng xuống khoảng 20%; tăng tuổi thọ trung bình lên 71 tuổi. Chất lượng đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần được nâng lên rõ rệt trong môi trường xã hội an toàn, lành mạnh; môi trường tự nhiên được bảo vệ và cải thiện.

- Năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ đủ khả năng ứng dụng các công nghệ hiện đại, tiếp cận trình độ thế giới và tự phát triển trên một số lĩnh vực, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hoá.

- Kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và có bước đi trước. Hệ thống giao thông bảo đảm lưu thông an toàn, thông suốt quanh năm và hiện đại hoá một bước. Mạng lưới giao thông nông thôn được mở rộng và nâng cấp. Hệ thống đê xung yếu được củng cố vững chắc; hệ thống thủy nông phát triển và phần lớn được kiên cố hóa. Hầu hết các xã được sử dụng điện, điện thoại và các dịch vụ bưu chính - viễn thông cơ bản, có trạm xá, trường học kiên cố, nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao. Bảo đảm về cơ bản cơ sở vật chất cho học sinh phổ thông học cả ngày tại trường. Có đủ giường bệnh cho bệnh nhân.

- Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước được tăng cường, chi phối các lĩnh vực then chốt của nền kinh tế; doanh nghiệp

nhà nước được đổi mới, phát triển, sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đều phát triển mạnh và lâu dài. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản và vận hành thông suốt, có hiệu quả.

2. Quan điểm phát triển

- Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.

Phát huy mọi nguồn lực để phát triển nhanh và có hiệu quả những sản phẩm, ngành, lĩnh vực mà nước ta có lợi thế, đáp ứng nhu cầu trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước. Tăng nhanh năng suất lao động xã hội và nâng cao chất lượng tăng trưởng. Triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tăng tích lũy cho đầu tư phát triển.

Các vùng kinh tế trọng điểm có nhịp độ tăng trưởng cao hơn mức bình quân chung, đóng góp lớn vào tăng trưởng của cả nước và lôi kéo, hỗ trợ các vùng khác, nhất là các vùng có nhiều khó khăn, cùng phát triển.

Tăng nhanh năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đẩy mạnh việc ứng dụng có hiệu quả các công nghệ nhập khẩu. Đi nhanh vào công nghệ hiện đại ở những ngành và lĩnh vực then chốt để tạo bước nhảy vọt về công nghệ và kinh tế, tạo tốc độ tăng trưởng vượt trội ở những sản phẩm và dịch vụ chủ lực. Công nghiệp hoá gắn với hiện đại hoá ngay từ đầu và trong suốt các giai đoạn phát triển. Nâng cao hàm lượng tri thức trong

các nhân tố phát triển kinh tế - xã hội, từng bước phát triển kinh tế tri thức ở nước ta.

Nâng cao năng lực và tạo cơ hội cho mọi người đều có thể phát huy hết tài năng, tham gia vào quá trình phát triển và thụ hưởng thành quả phát triển, đồng thời nâng cao trách nhiệm của mỗi người góp sức thực hiện *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*, giữ gìn và phát triển nền văn hóa dân tộc, đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân về ăn, mặc, ở, đi lại, phòng và chữa bệnh, học tập, làm việc, tiếp nhận thông tin, sinh hoạt văn hóa. Khuyến khích làm giàu hợp pháp, đồng thời ra sức xoá đói giảm nghèo, tạo điều kiện về hạ tầng và năng lực sản xuất để các vùng, các cộng đồng đều có thể tự phát triển, tiến tới thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Thiết thực chăm lo sự bình đẳng về giới, sự tiến bộ của phụ nữ; đặc biệt chăm lo sự phát triển và tiến bộ của trẻ em.

Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường, bảo đảm sự hài hoà giữa môi trường nhân tạo với môi trường thiên nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học. Chủ động phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai, của sự biến động khí hậu bất lợi và tiếp tục giải quyết hậu quả chiến tranh còn lại đối với môi trường. Bảo vệ và cải tạo môi trường là trách nhiệm của toàn xã hội, tăng cường quản lý nhà nước đi đôi với nâng cao ý thức trách nhiệm của mọi người dân. Chủ động gắn kết yêu cầu cải thiện môi trường trong mỗi quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội, coi yêu cầu về môi trường là một tiêu chí quan trọng đánh giá các giải pháp phát triển.

- Coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng đồng bộ nền tảng cho một nước công nghiệp là yêu cầu cấp thiết.

Bằng sức mạnh tổng hợp của đất nước, kết hợp các nguồn lực trong nước và ngoài nước, tập trung sức phát triển kinh tế để xây dựng đồng bộ nền tảng cho một nước công nghiệp theo hướng hiện đại với những nội dung chủ yếu như sau:

Xây dựng tiềm lực kinh tế và cơ sở vật chất - kỹ thuật đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, bao gồm: kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội; nền công nghiệp, trong đó có công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp quốc phòng; nền nông nghiệp hàng hoá lớn; các dịch vụ cơ bản; tiềm lực khoa học và công nghệ. Trên cơ sở hiệu quả tổng hợp về kinh tế - xã hội, trước mắt và lâu dài, triển khai xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu và xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng quan trọng, cấp thiết, có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường, phát huy nhanh tác dụng, đáp ứng yêu cầu phát triển của các ngành kinh tế và quốc phòng, an ninh.

Phát triển mạnh nguồn lực con người Việt Nam với yêu cầu ngày càng cao.

Hình thành về cơ bản và vận hành thông suốt, có hiệu quả thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước.

- Đẩy mạnh công cuộc đổi mới, tạo động lực giải phóng và phát huy mọi nguồn lực.

Tiếp tục đổi mới sâu rộng, đồng bộ về kinh tế, xã hội và bộ máy nhà nước hướng vào hình thành và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

nhằm giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, phát huy sức mạnh vật chất, trí tuệ và tinh thần của toàn dân tộc, tạo động lực và nguồn lực phát triển nhanh, bền vững.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo. Tập trung tháo gỡ mọi vướng mắc, xoá bỏ mọi trở lực để khơi dậy nguồn lực to lớn trong dân, cổ vũ các nhà kinh doanh và mọi người dân ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư để thu hút tốt hơn và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài. Nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng, gắn kết với nhau thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước.

- Gắn chặt việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Độc lập tự chủ về kinh tế tạo cơ sở cho hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả. Hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả tạo điều kiện cần thiết để xây dựng kinh tế độc lập tự chủ.

Xây dựng kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tạo tiềm lực kinh tế, khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất - kỹ thuật đủ mạnh; có cơ cấu kinh tế hợp lý, có hiệu quả và sức cạnh tranh; có thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; bảo đảm nền kinh tế đủ sức đứng vững và ứng phó được với các tình huống phức tạp, tạo điều kiện thực hiện có hiệu quả các cam kết hội nhập quốc tế.

Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tranh thủ mọi thời cơ để phát triển trên nguyên tắc giữ vững độc lập tự chủ và

định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ quyền quốc gia và bản sắc văn hoá dân tộc; bình đẳng cùng có lợi, vừa hợp tác vừa đấu tranh; đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ kinh tế đối ngoại; đề cao cảnh giác trước mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch.

Trong quá trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, chú trọng phát huy lợi thế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, không ngừng tăng năng lực cạnh tranh và giảm dần hàng rào bảo hộ. Nâng cao hiệu quả hợp tác với bên ngoài; tăng cường vai trò và ảnh hưởng của nước ta đối với kinh tế khu vực và thế giới.

- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh.

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng tiềm lực và thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, được thể hiện trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, của các ngành, các địa phương và trong các dự án đầu tư lớn. Phân bổ hợp lý việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật trên các vùng của đất nước, vừa phát huy hiệu quả kinh tế - xã hội, vừa sử dụng được cho quốc phòng, an ninh khi cần thiết. Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, ổn định dân cư các vùng xung yếu, vùng biên giới, cửa khẩu, hải đảo phù hợp với chiến lược quốc phòng và chiến lược an ninh quốc gia. Hoàn chỉnh chiến lược quốc phòng và chiến lược an ninh quốc gia phù hợp với tình hình mới, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng kinh tế đối ngoại. Phát triển công nghiệp quốc phòng và kết hợp sử dụng năng lực đó để tham gia phát triển kinh tế - xã hội. Coi trọng sản xuất một số mặt hàng vừa phục vụ kinh tế, vừa phục vụ quốc phòng - an ninh.

III- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ VÀ CÁC VÙNG

A. Định hướng phát triển các ngành

1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và kinh tế nông thôn

(1)- Đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn theo hướng hình thành nền nông nghiệp hàng hoá lớn phù hợp với nhu cầu thị trường và điều kiện sinh thái của từng vùng; chuyển dịch cơ cấu ngành, nghề, cơ cấu lao động, tạo việc làm thu hút nhiều lao động ở nông thôn. Đưa nhanh tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, đạt mức tiên tiến trong khu vực về trình độ công nghệ và về thu nhập trên một đơn vị diện tích; tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm. Mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản trong và ngoài nước, tăng đáng kể thị phần của các nông sản chủ lực trên thị trường thế giới.

Chú trọng điện khí hoá, cơ giới hoá ở nông thôn. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu, cơ khí phục vụ nông nghiệp, công nghiệp gia công và dịch vụ; liên kết nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ trên từng địa bàn và trong cả nước.

Tăng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội nông thôn. Quy hoạch hợp lý và nâng cao hiệu quả việc sử dụng quỹ đất, nguồn nước, vốn rừng gắn với bảo vệ môi trường. Quy hoạch các khu dân cư, phát triển các thị trấn, thị tứ, các điểm văn hoá ở làng xã; nâng cao đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần, xây dựng cuộc sống dân chủ, công bằng, văn minh ở nông thôn.

(2)- Xây dựng hợp lý cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

Điều chỉnh quy hoạch sản xuất lương thực phù hợp với nhu cầu và khả năng tiêu thụ, tăng năng suất đi đôi với nâng cấp chất lượng. Bảo đảm an ninh lương thực trong mọi tình huống. Xây dựng các vùng sản xuất tập trung lúa hàng hoá và ngô làm thức ăn chăn nuôi; tận dụng điều kiện thích hợp của các địa bàn khác để sản xuất lương thực có hiệu quả. Nâng cao giá trị và hiệu quả xuất khẩu gạo. Có chính sách bảo đảm lợi ích của người sản xuất lương thực.

Phát triển theo quy hoạch và chú trọng đầu tư thâm canh các vùng cây công nghiệp như cà phê, cao su, chè, điều, hạt tiêu, dừa, dâu tằm, bông, mía, lạc, thuốc lá..., hình thành các vùng rau, hoa, quả có giá trị cao gắn với phát triển cơ sở bảo quản, chế biến.

Phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả chăn nuôi gia súc, gia cầm; mở rộng phương pháp nuôi công nghiệp gắn với chế biến sản phẩm; tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi trong nông nghiệp.

Phát huy lợi thế về thủy sản, tạo thành một ngành kinh tế mũi nhọn, vươn lên hàng đầu trong khu vực. Phát triển mạnh nuôi, trồng thủy sản nước ngọt, nước lợ và nước mặn, nhất là nuôi tôm, theo phương thức tiến bộ, hiệu quả và bền vững môi trường. Tăng cường năng lực và nâng cao hiệu quả khai thác hải sản xa bờ; chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp, ổn định khai thác gần bờ; nâng cao năng lực bảo quản, chế biến sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường quốc tế và trong nước. Mở rộng và nâng cấp các cơ sở hạ tầng, dịch vụ nghề cá. Giữ gìn môi trường biển và sông, nước, bảo đảm cho sự tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản.

Bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, nâng độ che phủ của rừng lên 43%. Hoàn thành việc giao đất, giao rừng ổn

định và lâu dài theo hướng xã hội hoá lâm nghiệp, có chính sách bảo đảm cho người làm rừng sống được bằng nghề rừng. Kết hợp lâm nghiệp với nông nghiệp và có chính sách hỗ trợ để định canh, định cư, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân miền núi. Ngăn chặn nạn đốt, phá rừng. Đẩy mạnh trồng rừng kinh tế, tạo nguồn gỗ trụ mỏ, nguyên liệu cho công nghiệp bột giấy, công nghiệp chế biến gỗ và làm hàng mỹ nghệ xuất khẩu; nâng cao giá trị sản phẩm rừng.

(3)- Tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ trong nông nghiệp, nhất là công nghệ sinh học kết hợp với công nghệ thông tin. Chú trọng tạo và sử dụng giống cây, con có năng suất, chất lượng và giá trị cao. Đưa nhanh công nghệ mới vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Ứng dụng công nghệ sạch trong nuôi, trồng và chế biến rau quả, thực phẩm. Hạn chế việc sử dụng hoá chất độc hại trong nông nghiệp. Xây dựng một số khu nông nghiệp công nghệ cao. Tăng cường đội ngũ, nâng cao năng lực và phát huy tác dụng của cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư.

(4)- Tiếp tục phát triển và hoàn thiện về cơ bản hệ thống thuỷ lợi ngăn mặn, giữ ngọt, kiểm soát lũ, bảo đảm tưới, tiêu an toàn, chủ động cho sản xuất nông nghiệp (kể cả cây công nghiệp, nuôi, trồng thuỷ sản) và đời sống nông dân. Đối với những khu vực thường bị bão, lũ, cùng với các giải pháp hạn chế tác hại thiên tai, phải điều chỉnh quy hoạch sản xuất và dân cư thích nghi với điều kiện thiên nhiên. Nâng cao năng lực dự báo thời tiết và khả năng chủ động phòng chống thiên tai, hạn chế thiệt hại.

(5)- Phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn. Hình thành các khu vực tập trung công nghiệp, các điểm công nghiệp ở nông thôn, các làng nghề gắn với thị trường

trong nước và xuất khẩu. Chuyển một phần doanh nghiệp gia công (may mặc, da - giấy...) và chế biến nông sản ở thành phố về nông thôn. Có chính sách ưu đãi để thu hút đầu tư của mọi thành phần kinh tế vào phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn.

Trên cơ sở chuyển một bộ phận lao động nông nghiệp sang các ngành, nghề khác, từng bước tăng quỹ đất canh tác cho mỗi lao động nông nghiệp, mở rộng quy mô sản xuất, tăng việc làm và thu nhập cho dân cư nông thôn.

Giá trị gia tăng nông nghiệp (kể cả thủy sản, lâm nghiệp) tăng bình quân hàng năm 4,0 - 4,5%. Đến năm 2010, tổng sản lượng lương thực có hạt đạt khoảng 40 triệu tấn. Tỷ trọng nông nghiệp trong GDP khoảng 16 - 17%; tỷ trọng ngành chăn nuôi trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp tăng lên khoảng 25%. Thủy sản đạt sản lượng 3,0 - 3,5 triệu tấn (trong đó khoảng 1/3 là sản phẩm nuôi, trồng). Bảo vệ 10 triệu ha rừng tự nhiên, hoàn thành chương trình trồng 5 triệu ha rừng. Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt 9 - 10 tỉ USD, trong đó thủy sản khoảng 3,5 tỉ USD.

2. Công nghiệp, xây dựng

2.1. Phát triển công nghiệp

Phát triển nhanh các ngành công nghiệp có khả năng phát huy lợi thế cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, như chế biến nông, lâm, thủy sản, may mặc, da - giấy, điện tử - tin học, một số sản phẩm cơ khí và hàng tiêu dùng...

Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng: dầu khí, luyện kim, cơ khí chế tạo, hoá chất cơ bản, phân bón, vật liệu xây dựng... với bước đi hợp lý, phù hợp điều kiện vốn, công nghệ, thị trường, phát huy được hiệu quả.

Phát triển mạnh các ngành công nghiệp công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin, viễn thông, điện tử, tự động hoá. Chú trọng phát triển công nghiệp sản xuất phần mềm tin học thành ngành kinh tế có tốc độ tăng trưởng vượt trội.

Phát triển các cơ sở công nghiệp quốc phòng cần thiết, kết hợp công nghiệp quốc phòng với công nghiệp dân dụng.

Quy hoạch phân bố hợp lý công nghiệp trên cả nước. Phát triển có hiệu quả các khu công nghiệp, khu chế xuất, xây dựng một số khu công nghệ cao, hình thành các cụm công nghiệp lớn và khu kinh tế mở.

Phát triển rộng khắp các cơ sở sản xuất công nghiệp nhỏ và vừa với ngành, nghề đa dạng. Đổi mới, nâng cấp công nghệ trong các cơ sở hiện có để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả. Sử dụng phù hợp các công nghệ có khả năng thu hút nhiều lao động. Phát triển nhiều hình thức liên kết giữa các doanh nghiệp nhỏ, vừa và lớn, giữa sản xuất nguyên liệu với chế biến, tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở đảm bảo hài hoà về lợi ích. Tăng tỷ lệ nội địa hoá trong công nghiệp gia công, lắp ráp. Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, bảo hộ sở hữu công nghiệp, bảo vệ môi trường.

2.2. Phát triển ngành xây dựng đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, đáp ứng nhu cầu xây dựng trong nước và có năng lực đấu thầu công trình xây dựng ở nước ngoài. Ứng dụng công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng và hiệu lực quy hoạch, năng lực thiết kế, xây dựng và thẩm mỹ kiến trúc. Phát triển các hoạt động tư vấn và các doanh nghiệp xây dựng, trong đó chú trọng các doanh nghiệp mạnh theo từng lĩnh vực thuỷ điện, thuỷ lợi, cảng, cầu đường... Tăng cường quản lý nhà nước về quy hoạch, kiến trúc và xây dựng.

Nhịp độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp (kể cả xây dựng) bình quân trong 10 năm tới đạt khoảng 10 - 10,5%/năm. Đến năm 2010, công nghiệp và xây dựng chiếm 40 - 41% GDP và sử dụng 23 - 24% lao động. Giá trị xuất khẩu công nghiệp chiếm 70 - 75% tổng kim ngạch xuất khẩu. Bảo đảm cung cấp đủ và an toàn năng lượng (điện, dầu khí, than); đáp ứng đủ nhu cầu về thép xây dựng, phân lân, một phần phân đạm; cơ khí chế tạo đáp ứng 40% nhu cầu trong nước, tỷ lệ nội địa hoá trong sản xuất xe cơ giới, máy và thiết bị đạt 60 - 70%; công nghiệp điện tử - thông tin trở thành ngành mũi nhọn; chế biến hầu hết nông sản xuất khẩu; công nghiệp hàng tiêu dùng đáp ứng được nhu cầu trong nước và tăng nhanh xuất khẩu.

3. Kết cấu hạ tầng

Phát triển năng lượng đi trước một bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an toàn năng lượng quốc gia. Sử dụng tốt các nguồn thuỷ năng (kết hợp với thuỷ lợi), khí và than để phát triển cân đối nguồn điện. Xây dựng các cụm khí - điện - đạm ở Phú Mỹ và khu vực Tây Nam. Xúc tiến nghiên cứu, xây dựng thuỷ điện Sơn La. Nghiên cứu phương án sử dụng năng lượng nguyên tử. Đồng bộ hóa, hiện đại hóa mạng lưới phân phối điện quốc gia. Đa dạng hoá phương thức đầu tư và kinh doanh điện; có chính sách thích hợp về sử dụng điện ở nông thôn, miền núi. Tăng sức cạnh tranh về giá điện so với khu vực.

Phát triển mạng lưới thông tin hiện đại và đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là trong hệ thống lãnh đạo, quản lý và các dịch vụ tài chính, thương mại, giáo dục, y tế, tư vấn... Mở rộng khả năng hoà mạng viễn thông với chi phí có khả năng

cạnh tranh quốc tế; phủ sóng phát thanh, truyền hình đến các xã, thôn trong cả nước và mở rộng đến nhiều nơi trên thế giới với chất lượng ngày càng cao.

Về đường bộ, hoàn thành nâng cấp quốc lộ 1 và xây dựng đường Hồ Chí Minh. Nâng cấp, xây dựng các tuyến quốc lộ khác, chú trọng các tuyến đường biên giới, các tuyến đường vành đai và tuyến đường nối các vùng tới các trung tâm phát triển lớn, các cầu vượt sông lớn, các tuyến nối với các nước thuộc tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng. Phát triển, nâng cấp hệ thống giao thông trên từng vùng, kể cả giao thông nông thôn, bảo đảm thông suốt quanh năm. Nâng cấp hệ thống đường sắt hiện có, mở thêm tuyến mới đến các trung tâm kinh tế. Hoàn thiện hệ thống cảng biển quốc gia và mạng lưới các cảng địa phương theo quy hoạch. Phát triển vận tải thủy, tăng năng lực vận tải biển gắn với phát triển công nghiệp đóng và sửa chữa tàu. Hiện đại hoá các sân bay quốc tế, nâng cấp các sân bay nội địa.

Cung cấp đủ nước sạch cho đô thị, khu công nghiệp và cho trên 90% dân cư nông thôn. Giải quyết cơ bản vấn đề thoát nước và xử lý chất thải ở các đô thị.

4. Các ngành dịch vụ

Phát triển mạnh *thương mại*, nâng cao năng lực và chất lượng hoạt động để mở rộng thị trường trong nước và hội nhập quốc tế có hiệu quả. Hình thành các trung tâm thương mại lớn, các chợ nông thôn, nhất là ở miền núi, bảo đảm cung cấp một số sản phẩm thiết yếu cho vùng sâu, vùng xa và hải đảo; tạo thuận lợi cho việc tiêu thụ nông sản. Phát triển thương mại điện tử. Nhà nước, các hiệp hội, các doanh nghiệp phối hợp tìm kiếm, mở rộng thị trường cho sản phẩm Việt Nam.

Phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ *vận tải* hàng hoá, hành khách ngày càng hiện đại, an toàn, có sức cạnh tranh, vươn nhanh ra thị trường khu vực và thế giới. Dành thị phần lớn cho doanh nghiệp trong nước trong vận chuyển hàng hoá Việt Nam theo đường biển và đường hàng không quốc tế. Phát triển mạnh vận chuyển hành khách công cộng ở các thành phố lớn.

Tiếp tục phát triển nhanh và hiện đại hoá dịch vụ *bưu chính - viễn thông*; phổ cập sử dụng Internet. Điều chỉnh giá cước để khuyến khích sử dụng rộng rãi. Đến năm 2010, số máy điện thoại, số người sử dụng Internet trên 100 dân đạt mức trung bình trong khu vực.

Phát triển *du lịch* thật sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động trên cơ sở khai thác lợi thế về điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hoá, lịch sử, đáp ứng nhu cầu du lịch trong nước và phát triển nhanh du lịch quốc tế, sớm đạt trình độ phát triển du lịch của khu vực. Xây dựng và nâng cấp cơ sở vật chất, hình thành các khu du lịch trọng điểm, đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các nước.

Mở rộng các *dịch vụ tài chính - tiền tệ* như tín dụng, bảo hiểm, kiểm toán, chứng khoán,... đi thẳng vào công nghệ hiện đại, áp dụng các quy chuẩn quốc tế. Từng bước hình thành trung tâm dịch vụ tài chính lớn trong khu vực.

Phát triển mạnh các *dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phục vụ đời sống*, đáp ứng nhu cầu đa dạng trong sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội.

Toàn bộ các hoạt động dịch vụ tính theo giá trị gia tăng đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân 7 - 8%/năm và đến 2010 chiếm 42 - 43% GDP, 26 - 27% tổng số lao động.

B. Định hướng phát triển các vùng

Các vùng, khu vực đều phát huy lợi thế để phát triển, tạo nên thế mạnh của mình theo cơ cấu kinh tế mở, gắn với nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước. Nhà nước tiếp tục thúc đẩy các vùng kinh tế trọng điểm phát huy vai trò đầu tàu tăng trưởng nhanh, đồng thời tạo điều kiện và đầu tư thích đáng hơn cho vùng nhiều khó khăn. Thống nhất quy hoạch phát triển trong cả nước, giữa các vùng, tỉnh, thành phố, tạo sự liên kết trực tiếp về sản xuất, thương mại, đầu tư, giúp đỡ kỹ thuật và nguồn nhân lực. Nâng cao trình độ dân trí và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng và khu vực. Gắn chặt phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ, cải thiện môi trường và quốc phòng, an ninh. Coi trọng chiến lược phát triển các vùng biên giới.

Khu vực đô thị: phát huy vai trò của các trung tâm hành chính, kinh tế, văn hoá trên từng vùng và địa phương, đi nhanh trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ, đi đầu trong việc phát triển kinh tế tri thức. Tạo vành đai nông nghiệp hiện đại ở các thành phố lớn.

Quy hoạch mạng lưới đô thị với một số ít thành phố lớn, nhiều thành phố vừa và hệ thống đô thị nhỏ phân bố hợp lý trên các vùng; chú trọng phát triển đô thị ở miền núi. Xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng đồng bộ theo quy hoạch. Đưa việc quy hoạch và quản lý đô thị vào nền nếp, ngày càng xanh, sạch đẹp, văn minh. Hoàn thiện quy hoạch giao thông lâu dài, hợp lý ở tất cả các đô thị; khắc phục tình trạng ách tắc giao thông ở các đô thị lớn. Cung cấp đủ nước sạch, thoát nước và xử lý chất thải; xoá nhà tạm bợ. Đẩy lùi các tệ nạn xã hội, xây dựng đời sống văn hoá, tinh thần lành mạnh.

Khu vực nông thôn đồng bằng: phát triển nông nghiệp sinh thái đa dạng trên nền cây lúa, cây rau, quả, chăn nuôi, thủy sản và ứng dụng phổ biến các tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm. Hoàn thành điện khí hoá và thực hiện cơ giới hoá ở những khâu cần thiết. Nâng cao nhanh thu nhập trên một đơn vị diện tích nông nghiệp. Chuyển nhiều lao động sang khu vực công nghiệp và dịch vụ. Phát triển mạnh tiểu, thủ công nghiệp, các làng nghề, mạng lưới công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và các dịch vụ.

Khu vực nông thôn trung du, miền núi: phát triển mạnh cây dài ngày, chăn nuôi đại gia súc và công nghiệp chế biến. Bảo vệ và phát triển vốn rừng. Hoàn thành và ổn định vững chắc định canh, định cư. Bố trí lại dân cư, lao động và đất đai theo quy hoạch đi đôi với xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội để khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên. Phát triển kinh tế trang trại. Giảm bớt khoảng cách phát triển với nông thôn đồng bằng. Có chính sách đặc biệt để phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng sâu, vùng xa, biên giới, cửa khẩu.

Khu vực biển và hải đảo: xây dựng chiến lược phát triển kinh tế biển và hải đảo, phát huy thế mạnh đặc thù của hơn 1 triệu km² thêm lục địa. Tăng cường điều tra cơ bản làm cơ sở cho các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế biển. Đẩy mạnh nuôi, trồng, khai thác, chế biến hải sản; thăm dò, khai thác và chế biến dầu khí; phát triển đóng tàu thuyền và vận tải biển; mở mang du lịch; bảo vệ môi trường; tiến mạnh ra biển và làm chủ vùng biển. Phát triển tổng hợp kinh tế biển và ven biển, khai thác lợi thế của các khu vực cửa biển, hải cảng để tạo thành vùng phát triển cao, thúc đẩy các vùng khác. Xây dựng căn cứ hậu cần ở một số đảo để tiến ra biển

khơi. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo vệ an ninh trên biển.

Trong 10 năm tới, phát triển từng vùng lớn tập trung vào những định hướng quan trọng như sau:

1. Đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ

Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, đưa nhiều lao động nông nghiệp sang các ngành công nghiệp, dịch vụ và đi lập nghiệp nơi khác.

Phát triển nông nghiệp hàng hóa đa dạng. Cùng với lương thực, đưa vụ đông thành một thế mạnh, hình thành các vùng chuyên canh rau, cây ăn quả, thịt, hoa; mở rộng nuôi, trồng thủy sản. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến và cơ khí phục vụ nông nghiệp, các cụm, điểm công nghiệp, dịch vụ và làng nghề ở nông thôn.

Trong vùng kinh tế trọng điểm, phát triển các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, công nghiệp xuất khẩu, công nghiệp điện tử, thông tin và một số cơ sở cơ khí đóng tàu, luyện kim, phân bón; các dịch vụ có hàm lượng tri thức cao; các trung tâm mạnh của vùng và cả nước về đào tạo, khoa học và công nghệ, thương mại, y tế, văn hoá, du lịch.

Hoàn thiện và nâng cấp kết cấu hạ tầng, trước hết là các tuyến trục quốc lộ, các cảng khu vực Hải Phòng, Cái Lân, các sân bay.

2. Miền Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

Hình thành và phát huy vai trò các trung tâm thương mại, xuất khẩu, viễn thông, du lịch, tài chính, ngân hàng, khoa học và công nghệ, văn hoá, đào tạo đối với khu vực phía

Nam và cả nước. Đẩy mạnh công nghiệp khai thác dầu khí; sản xuất điện, phân bón và hoá chất từ dầu khí. Hoàn chỉnh và nâng cấp các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao. Mở mang công nghiệp ở các tỉnh, không tập trung quá mức vào các đô thị lớn.

Phát triển mạnh cây công nghiệp (cao su, cà phê, điều, mía đường, bông...), cây ăn quả, chăn nuôi công nghiệp, chăn nuôi đại gia súc, hình thành các vùng chuyên canh tập trung gắn với công nghiệp chế biến, tạo điều kiện thu hút thêm lao động từ đồng bằng sông Cửu Long.

Nâng cấp các tuyến quốc lộ nối với các vùng và quốc tế; nâng cấp và xây dựng mới một số cảng biển, sân bay. Xây dựng đô thị trên các trục phát triển gắn với khu công nghiệp. Giải quyết tốt hệ thống giao thông đô thị, cấp và thoát nước, khắc phục ô nhiễm môi trường.

3. Bắc Trung Bộ, duyên hải Trung Bộ và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Phát huy lợi thế biển và ven biển, khai thác có hiệu quả các tuyến đường trục Bắc - Nam, các tuyến đường ngang, các tuyến đường xuyên Á, các cảng biển. Hình thành các khu công nghiệp ven biển, các khu công nghiệp - thương mại tổng hợp và phát triển kinh tế trên các cửa khẩu và hành lang dọc các tuyến đường. Phát triển các ngành công nghiệp lọc, hoá dầu, vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến và chế tạo khác, các loại hình dịch vụ. Xây dựng theo quy hoạch một số cảng nước sâu, với tiến độ hợp lý. Đẩy nhanh việc xây dựng khu kinh tế Dung Quất - Chu Lai. Phát triển mạnh du lịch biển và ven biển, gắn liền với các khu di tích, danh lam thắng cảnh của cả vùng, đặc biệt là trên tuyến Huế - Đà Nẵng - Hội An - Nha Trang.

Phát triển nông nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, tăng nhanh sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc, kết hợp với công nghiệp chế biến, đẩy mạnh trồng rừng. Có giải pháp hạn chế tác hại của thiên tai lũ lụt, hạn hán nặng, kết hợp với bố trí lại sản xuất và dân cư. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ và cải thiện môi trường toàn dải ven biển. Khai thác có hiệu quả vùng đất phía Tây, chú ý xây dựng các hồ chứa nước chống lũ và làm thủy điện.

Từng bước tạo điều kiện để vùng Bắc Trung Bộ, duyên hải Trung Bộ liên kết với Tây Nguyên tham gia có hiệu quả việc hợp tác kinh tế với Lào, Campuchia, nhất là các tỉnh biên giới.

4. Trung du và miền núi Bắc Bộ (Tây Bắc và Đông Bắc)

Phát triển mạnh cây công nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu, cây đặc sản, chăn nuôi đại gia súc gắn với chế biến. Tạo các vùng rừng phòng hộ đầu nguồn sông Đà, rừng nguyên liệu công nghiệp, gỗ trụ mỏ.

Xúc tiến nghiên cứu và xây dựng thủy điện Sơn La. Phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản, nông sản, lâm sản, chú trọng chế biến xuất khẩu. Hình thành một số cơ sở công nghiệp lớn theo tuyến đường 18 gắn với vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Phát triển nhanh các loại dịch vụ, chú trọng thương mại. Nâng cấp các tuyến đường trục từ Hà Nội đi các tỉnh biên giới, hoàn thành các tuyến đường vành đai biên giới và các đường nhánh. Phát triển thủy lợi nhỏ gắn với thủy điện nhỏ, giải quyết việc cấp nước sinh hoạt và điện cho đồng bào vùng cao. Phát triển các đô thị trung tâm, các đô

thị gắn với khu công nghiệp. Nâng cấp các cửa khẩu biên giới và phát triển kinh tế cửa khẩu.

Thực hiện tốt chính sách dân tộc, định canh, định cư vững chắc, ổn định và cải thiện đời sống cho đồng bào dân tộc.

5. Tây Nguyên

Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng của cả nước cả về kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh, có lợi thế để phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp sản xuất hàng hoá lớn kết hợp với công nghiệp chế biến, phát triển công nghiệp năng lượng và công nghiệp khai thác khoáng sản. Có chiến lược và quy hoạch xây dựng Tây Nguyên giàu về kinh tế, vững mạnh về quốc phòng, an ninh, tiến tới thành vùng kinh tế động lực.

Phát triển nhanh theo hướng thâm canh là chính đối với các cây công nghiệp gắn với thị trường xuất khẩu (cà phê, cao su, chè, bông...), chăn nuôi đại gia súc, trồng và bảo vệ rừng, cây dược liệu, cây đặc sản và công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Phát triển thủy điện lớn và vừa, các hồ chứa nước cho thủy lợi. Khai thác và chế biến quặng bôxít. Phát triển công nghiệp giấy. Nâng cấp, khai thác tốt các tuyến đường trục và đường ngang nối xuống vùng Duyên hải. Phát triển sự hợp tác liên kết kinh tế - thương mại - dịch vụ với các nước láng giềng Lào, Campuchia. Có chính sách thu hút vốn đầu tư, bố trí dân cư, lao động và đất đai theo quy hoạch, nâng cao dân trí và trình độ công nghệ. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, thật sự cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của đồng bào dân tộc.

6. Đồng bằng sông Cửu Long

Tiếp tục phát huy vai trò của vùng lúa và nông sản, thủy sản xuất khẩu lớn nhất cả nước; đẩy mạnh sản xuất và nâng

cao chất lượng lương thực, rau quả, chăn nuôi, thủy sản hàng hoá. Phát triển công nghiệp chế biến, cơ khí phục vụ nông nghiệp, các ngành, nghề tiểu, thủ công nghiệp và các dịch vụ. Triển khai xây dựng các cụm công nghiệp sử dụng khí Tây Nam. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, tăng tỷ trọng lao động công nghiệp, dịch vụ.

Hoàn chỉnh mạng lưới đường bộ và mạng giao thông thủy. Nâng cấp và mở rộng quốc lộ 1A, mở thêm một số tuyến trục để phát triển giao thông phía Tây Nam. Nâng cấp các quốc lộ đến các tỉnh lỵ. Xây dựng cầu qua sông Hậu và có đủ cầu trên các tuyến này. Phát triển mạng đường liên huyện và giao thông nông thôn, xây cầu kiên cố thay “cầu khỉ”. Hoàn chỉnh các cảng sông, nâng cấp các sân bay. Quy hoạch và xây dựng khu dân cư, kết cấu hạ tầng phù hợp với điều kiện chống lũ hàng năm và ngăn mặn.

IV- HÌNH THÀNH ĐỒNG BỘ THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu

Đổi mới và hoàn thiện khung pháp lý, tháo gỡ mọi trở ngại về cơ chế, chính sách và thủ tục hành chính để huy động tối đa mọi nguồn lực, tạo sức bật mới cho phát triển sản xuất, kinh doanh của mọi thành phần kinh tế với các hình thức sở hữu khác nhau. Mọi doanh nghiệp, mọi công dân được đầu tư kinh doanh theo các hình thức do luật định và được pháp luật bảo vệ. Mọi tổ chức kinh doanh theo các hình thức sở hữu khác nhau hoặc đan xen hỗn hợp đều được khuyến khích phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng và là bộ

phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển mạnh các doanh nghiệp nhỏ và vừa; từng bước hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh.

Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế nhà nước để thực hiện tốt vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Kinh tế nhà nước là lực lượng vật chất quan trọng và là công cụ để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế; tập trung đầu tư cho kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và một số cơ sở công nghiệp quan trọng. Doanh nghiệp nhà nước giữ những vị trí then chốt trong nền kinh tế; đi đầu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; nêu gương về năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế - xã hội và chấp hành pháp luật.

Phát triển doanh nghiệp nhà nước trong những ngành sản xuất và dịch vụ quan trọng; xây dựng các tổng công ty nhà nước đủ mạnh để làm nòng cốt trong những tập đoàn kinh tế lớn, có năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế như dầu khí, điện, than, hàng không, đường sắt, vận tải viễn dương, viễn thông, cơ khí, luyện kim, hoá chất, vật liệu xây dựng, xuất nhập khẩu, ngân hàng, bảo hiểm, kiểm toán...

Đổi mới cơ chế quản lý, phân biệt quyền của chủ sở hữu và quyền kinh doanh của doanh nghiệp. Chuyển các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh sang hoạt động theo cơ chế công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần. Bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm đầy đủ trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, cạnh tranh bình đẳng trước pháp luật; xoá bỏ bao cấp của Nhà nước đối với doanh nghiệp.

Thực hiện chủ trương cổ phần hoá những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ 100% vốn để huy động thêm vốn, tạo động lực và cơ chế quản lý năng động thúc đẩy

doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả. Ưu tiên cho người lao động được mua cổ phần và từng bước mở rộng bán cổ phần cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Thực hiện việc giao, bán, khoán, cho thuê các doanh nghiệp loại nhỏ mà Nhà nước không cần nắm giữ. Sáp nhập, giải thể, phá sản những doanh nghiệp không hiệu quả và không thực hiện được các biện pháp trên.

Phấn đấu trong khoảng 5 năm cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước; củng cố và hiện đại hoá một bước các tổng công ty nhà nước.

Phát triển *kinh tế tập thể* với các hình thức hợp tác đa dạng. Chuyển đổi hợp tác xã cũ theo Luật hợp tác xã đạt hiệu quả thiết thực. Phát triển hợp tác xã kinh doanh tổng hợp đa ngành hoặc chuyên ngành để sản xuất hoặc kinh doanh dịch vụ, tạo điều kiện mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh phù hợp quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Trong nông nghiệp, trên cơ sở phát huy tính tự chủ của hộ gia đình, chú trọng phát triển các hình thức hợp tác và hợp tác xã cung cấp dịch vụ, vật tư và tiêu thụ sản phẩm cho kinh tế hộ gia đình và trang trại. Mở rộng các hình thức kinh tế hỗn hợp, liên kết, liên doanh giữa hợp tác xã với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Nhà nước giúp hợp tác xã đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật và quản lý, mở rộng thị trường, ứng dụng công nghệ mới, phát triển vốn tập thể, giải quyết nợ tồn đọng của hợp tác xã cũ.

Kinh tế cá thể và tiểu chủ ở nông thôn và thành thị được Nhà nước tạo điều kiện để phát triển.

Kinh tế tư bản tư nhân được khuyến khích phát triển không hạn chế về quy mô trong những ngành, nghề, lĩnh vực và địa bàn mà pháp luật không cấm; khuyến khích hợp

tác, liên doanh với nhau và với doanh nghiệp nhà nước, chuyển thành doanh nghiệp cổ phần và bán cổ phần cho người lao động.

Kinh tế tư bản nhà nước dưới các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư nhân trong và ngoài nước ngày càng phát triển đa dạng.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận của nền kinh tế Việt Nam, được khuyến khích phát triển, hướng mạnh vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá và dịch vụ xuất khẩu, hàng hoá và dịch vụ có công nghệ cao, xây dựng kết cấu hạ tầng.

2. Tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường, đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước

Hình thành đồng bộ và tiếp tục phát triển, hoàn thiện các loại thị trường đi đôi với xây dựng khuôn khổ pháp lý và thể chế, để thị trường hoạt động năng động, có hiệu quả, có trật tự, kỷ cương trong môi trường cạnh tranh lành mạnh, công khai, minh bạch, hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh doanh. Có giải pháp hữu hiệu chống buôn lậu và gian lận thương mại.

Phát triển thị trường vốn và tiền tệ, nhất là thị trường vốn trung hạn và dài hạn. Tổ chức và vận hành an toàn, hiệu quả thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm, từng bước mở rộng quy mô và phạm vi hoạt động, kể cả việc thu hút vốn nước ngoài. Hình thành và phát triển thị trường bất động sản, bao gồm cả quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; từng bước mở thị trường bất động sản cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia đầu tư. Phát triển thị trường lao động; người lao động được tìm và tạo việc làm ở mọi nơi trong nước; đẩy mạnh xuất khẩu lao

động với sự tham gia của các thành phần kinh tế. Phát triển các loại thị trường dịch vụ khoa học, công nghệ, sản phẩm trí tuệ, dịch vụ bảo hiểm, các dịch vụ tư vấn và phục vụ sản xuất kinh doanh...

Nhà nước tôn trọng nguyên tắc và cơ chế hoạt động khách quan của thị trường, tạo điều kiện phát huy mặt tích cực, đồng thời khắc phục, hạn chế những tác động tiêu cực của thị trường. Nhà nước tập trung làm tốt chức năng hoạch định chiến lược, quy hoạch và kế hoạch định hướng phát triển, thực hiện những dự án trọng điểm bằng nguồn lực tập trung; đổi mới thể chế quản lý, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; điều tiết thu nhập hợp lý; xây dựng pháp luật và kiểm tra giám sát việc thực hiện; giảm mạnh sự can thiệp trực tiếp bằng biện pháp hành chính vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đơn giản hóa các thủ tục hành chính; công khai hóa và thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong quan hệ với doanh nghiệp và nhân dân; kiên quyết xoá bỏ những quy định và thủ tục mang nặng tính hành chính quan liêu, bao cấp, kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất, gây phiền hà, sách nhiễu cho doanh nghiệp và nhân dân.

3. Đổi mới chính sách và kiện toàn hệ thống tài chính - tiền tệ

Tích cực đổi mới và hoàn thiện hệ thống *chính sách tài chính - tiền tệ quốc gia*, động viên hợp lý và phân phối có hiệu quả mọi nguồn lực nhằm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện nguyên tắc công bằng, hiệu quả trong chính sách phân phối và phân phối lại nguồn thu nhập trong xã hội. Tạo lập môi trường tài chính lành mạnh, thông thoáng nhằm giải phóng và phát triển các nguồn lực

tài chính và tiềm năng sản xuất của các doanh nghiệp, các tầng lớp dân cư; bồi dưỡng và mở rộng nguồn thu ngân sách, thu hút các nguồn vốn bên ngoài; đa dạng hóa các công cụ và hình thức tổ chức tài chính, tiền tệ phi ngân hàng và các quỹ đầu tư nhằm động viên các nguồn lực cho phát triển kinh tế, xã hội. Kết hợp chặt chẽ kế hoạch hoá với các chính sách kinh tế, tài chính để định hướng và khuyến khích nhân dân, doanh nghiệp tiết kiệm đầu tư, kinh doanh.

Bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của thị trường tài chính - tiền tệ trong toàn bộ nền kinh tế.

Tiếp tục cải cách hệ thống thuế phù hợp với tình hình đất nước và các cam kết quốc tế. Bổ sung, hoàn thiện, đơn giản hoá các sắc thuế, từng bước áp dụng hệ thống thuế thống nhất, không phân biệt doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác nhau, doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Áp dụng thuế thu nhập cá nhân thống nhất và thuận lợi cho mọi đối tượng chịu thuế, bảo đảm công bằng xã hội và tạo động lực phát triển. Hiện đại hoá công tác thu thuế và tăng cường quản lý của Nhà nước.

Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước, tăng dần tỷ lệ tích lũy cho đầu tư phát triển, phân định rõ hoạt động sự nghiệp và quản lý hành chính công để có chính sách tài chính thích hợp; thực hiện cải cách tiền lương đi liền với tinh giản biên chế bộ máy và cải cách thủ tục hành chính; giảm mạnh và tiến tới xoá bỏ những khoản chi mang tính chất bao cấp trong ngân sách. Sử dụng ngân sách nhà nước phải chủ động và có hiệu quả, tăng cường kiểm soát các khoản chi, kiên quyết chống lãng phí, thất thoát. Nâng cao hiệu quả đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước từ xác định chủ trương, lập và duyệt dự án đến thực hiện dự án. Bảo đảm nguồn tài

chính cho những nhiệm vụ ưu tiên của chiến lược. Thực hiện chính sách khuyến khích phát triển đối với các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời quan tâm đầu tư nhiều hơn cho các vùng khó khăn. Tiếp tục đổi mới chính sách tài trợ giải quyết việc làm, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, giúp đỡ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; thúc đẩy xã hội hoá khu vực sự nghiệp, đồng thời bảo đảm cho người nghèo được hưởng các phúc lợi cơ bản.

Đổi mới và hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý tài chính và ngân sách nhà nước, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống tài chính quốc gia và vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương; đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương và các ngành trong việc quản lý tài chính và ngân sách đã được phân cấp.

Thực hiện chế độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tài chính của doanh nghiệp; tách biệt tài chính nhà nước và tài chính doanh nghiệp. Thực hiện công khai hoá tài chính doanh nghiệp và tài chính công. Nhà nước giám sát, điều tiết tài chính doanh nghiệp thông qua chế độ kế toán, kiểm toán và hệ thống thuế, bảo hộ các nguồn thu nhập hợp pháp, khuyến khích tất cả các tầng lớp dân cư, các thành phần kinh tế cần kiệm đầu tư kinh doanh, làm giàu chính đáng.

Cân đối ngân sách một cách tích cực, tăng dần dự trữ, giữ bội chi ở mức hợp lý, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô. Quản lý chặt chẽ việc vay nợ và trả nợ nước ngoài, giữ mức nợ quốc gia trong giới hạn an toàn; bảo đảm nghiêm ngặt hiệu quả sử dụng vốn vay; quy định rõ và thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ.

Thực thi *chính sách tiền tệ* bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng, kích thích đầu tư phát triển. Sử dụng linh hoạt, có hiệu quả các công cụ chính sách tiền tệ như tỷ giá, lãi suất, nghiệp vụ

thị trường mở theo các nguyên tắc của thị trường. Nâng dần và tiến tới thực hiện đầy đủ tính chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam.

Hình thành môi trường minh bạch, lành mạnh và bình đẳng cho hoạt động tiền tệ - ngân hàng. Ứng dụng phổ biến công nghệ thông tin, mở rộng nhanh các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt và thanh toán qua ngân hàng. Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, cho vay, cung ứng các dịch vụ và tiện ích ngân hàng thuận lợi và thông thoáng đến mọi doanh nghiệp và dân cư, đáp ứng kịp thời các nhu cầu vốn tín dụng cho sản xuất, kinh doanh và đời sống, chú trọng khu vực nông nghiệp, nông thôn.

Hình thành đồng bộ khuôn khổ pháp lý, áp dụng đầy đủ hơn các thiết chế và chuẩn mực quốc tế về an toàn trong kinh doanh tiền tệ - ngân hàng. Giải quyết nợ tồn đọng đi đôi với tăng cường những chế định pháp lý, kinh tế và hành chính về nghĩa vụ trả nợ của người đi vay và bảo vệ quyền thu nợ hợp pháp của người cho vay. Tăng cường năng lực tự kiểm tra của các tổ chức tín dụng và công tác thanh tra, giám sát của các cơ quan chức năng, không để xảy ra đổ vỡ tín dụng.

Cơ cấu lại hệ thống ngân hàng. Phân biệt chức năng của Ngân hàng Nhà nước và ngân hàng thương mại nhà nước, chức năng cho vay của ngân hàng chính sách với chức năng kinh doanh tiền tệ của ngân hàng thương mại. Bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của ngân hàng thương mại trong kinh doanh. Giúp đỡ và thúc đẩy các tổ chức tín dụng trong nước nâng cao năng lực quản lý và trình độ nghiệp vụ, có khả năng cạnh tranh với các chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Bảo đảm quyền kinh doanh của các ngân hàng và các tổ chức tài chính nước ngoài theo các cam kết của nước ta với quốc tế. Gắn cải cách ngân hàng với cải cách

doanh nghiệp nhà nước. Sắp xếp lại các ngân hàng cổ phần, xử lý các ngân hàng yếu kém. Đưa hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân đi đúng hướng và bảo đảm an toàn.

4. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại

Tiếp tục mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp với điều kiện của nước ta và bảo đảm thực hiện những cam kết trong quan hệ song phương và đa phương như AFTA, APEC, Hiệp định thương mại Việt - Mỹ, tiến tới gia nhập WTO...

Nhà nước có chính sách khuyến khích mạnh mẽ mọi thành phần kinh tế tham gia sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ. Nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển mạnh những sản phẩm hàng hoá và dịch vụ có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế; giảm mạnh xuất khẩu sản phẩm thô và sơ chế, tăng nhanh tỷ trọng sản phẩm chế biến và tỷ lệ nội địa hoá trong sản phẩm; nâng dần tỷ trọng sản phẩm có hàm lượng trí tuệ, hàm lượng công nghệ cao. Xây dựng các quỹ hỗ trợ xuất khẩu, nhất là đối với hàng nông sản. Khuyến khích sử dụng thiết bị, hàng hoá sản xuất trong nước. Tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu, tiến tới cân bằng xuất nhập. Thực hiện chính sách bảo hộ có lựa chọn, có thời hạn đối với sản phẩm sản xuất trong nước.

Đẩy mạnh các lĩnh vực dịch vụ thu ngoại tệ: du lịch, xuất khẩu lao động, vận tải, bưu chính - viễn thông, tài chính - tiền tệ, dịch vụ kỹ thuật, tư vấn, thu hút kiều hối...

Chủ động và tích cực thâm nhập thị trường quốc tế, chú trọng thị trường các trung tâm kinh tế thế giới, duy trì và mở rộng thị phần trên các thị trường quen thuộc, tranh thủ mọi

cơ hội mở thị trường mới. Từng bước hiện đại hoá phương thức kinh doanh phù hợp với xu thế mới của thương mại thế giới. Đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, xúc tiến thương mại, thông tin thị trường bằng nhiều phương tiện và tổ chức thích hợp, kể cả các cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia các hoạt động môi giới, khai thác thị trường quốc tế.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, hoàn thiện các hình thức đầu tư, nâng cao khả năng cạnh tranh trong việc thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Giảm mạnh, tiến tới xoá bỏ sự phân biệt về chính sách và pháp luật giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài. Cải tiến nhanh các thủ tục hành chính để đơn giản hoá việc cấp phép đầu tư, thực hiện từng bước cơ chế đăng ký đầu tư. Chú trọng thu hút đầu tư của các công ty nắm công nghệ nguồn và có thị phần lớn trên thị trường thế giới. Tăng cường hỗ trợ và quản lý sau cấp giấy phép, tạo điều kiện cho các dự án đã được cấp phép triển khai thực hiện có hiệu quả. Nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp, khu chế xuất và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Thực hiện cổ phần hoá những doanh nghiệp có điều kiện. Triển khai từng bước vững chắc các hình thức đầu tư gián tiếp của nước ngoài ở nước ta.

Khuyến khích người Việt Nam định cư ở nước ngoài về nước đầu tư kinh doanh, doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài và có chính sách hỗ trợ công dân Việt Nam kinh doanh hợp pháp ở nước ngoài.

Tiếp tục tranh thủ nguồn tài trợ của các chính phủ và các tổ chức tài chính quốc tế, các tổ chức phi chính phủ. Đẩy nhanh tốc độ giải ngân, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, gắn chặt việc sử dụng vốn vay với trách nhiệm trả nợ.

V- PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Giáo dục và đào tạo

Để đáp ứng yêu cầu về con người và nguồn nhân lực là nhân tố quyết định sự phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cần tạo chuyển biến cơ bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo.

Bồi dưỡng thế hệ trẻ tinh thần yêu nước, yêu quê hương, gia đình và tự tôn dân tộc, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, lòng nhân ái, ý thức tôn trọng pháp luật, tinh thần hiếu học, chí tiến thủ lập nghiệp, không cam chịu nghèo hèn. Đào tạo lớp người lao động có kiến thức cơ bản, làm chủ kỹ năng nghề nghiệp, quan tâm hiệu quả thiết thực, nhạy cảm với cái mới, có ý thức vươn lên về khoa học và công nghệ. Xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề, các chuyên gia và nhà khoa học, nhà văn hoá, nhà kinh doanh, nhà quản lý. Chính sách sử dụng lao động và nhân tài phải tận dụng mọi năng lực, phát huy mọi tiềm năng của các tập thể và cá nhân phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Để thực hiện mục tiêu đó, trong 10 năm tới cần:

Phát triển giáo dục mầm non. củng cố vững chắc kết quả xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, tiến hành phổ cập trung học cơ sở trong cả nước; phần lớn thanh, thiếu niên trong độ tuổi ở thành thị và vùng nông thôn đồng bằng được học hết trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp hoặc đào tạo nghề. Tạo điều kiện cho mọi người, ở mọi lứa tuổi được học tập thường xuyên, suốt đời.

Điều chỉnh hợp lý cơ cấu bậc học, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng trong hệ thống giáo dục và đào tạo phù hợp yêu cầu học tập của nhân dân, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và

các mục tiêu của Chiến lược. Chú trọng giáo dục hướng nghiệp thiết thực trong trường phổ thông. Mở rộng đào tạo công nhân, kỹ thuật viên và nhân viên nghiệp vụ theo nhiều trình độ. Phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo đại học, sau đại học; tập trung đầu tư xây dựng một số trường đại học trọng điểm quốc gia ngang tầm khu vực, tiến tới đạt trình độ quốc tế. Phát triển giáo dục thường xuyên và đào tạo từ xa. Nhà nước dành ngân sách đưa người giỏi đi đào tạo ở các nước phát triển; khuyến khích, tạo thuận lợi cho việc học tập và nghiên cứu ở nước ngoài. Coi trọng đào tạo đội ngũ công nhân tay nghề cao, kỹ sư thực hành và nhà kinh doanh giỏi. Ưu tiên đào tạo nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn, miền núi, xuất khẩu lao động, một số ngành mũi nhọn. Phát triển và nâng cao chất lượng các trường dân tộc nội trú; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc.

Khẩn trương biên soạn và đưa vào sử dụng ổn định trong cả nước bộ chương trình và sách giáo khoa phổ thông phù hợp với yêu cầu phát triển mới. Ngoài tiếng phổ thông, các dân tộc có chữ viết riêng được khuyến khích học chữ dân tộc. Đổi mới chương trình đào tạo đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề theo hướng thiết thực, hiện đại. Chú trọng trang bị và nâng cao kiến thức tin học, ngoại ngữ cho học sinh, sinh viên.

Đổi mới phương pháp dạy và học, phát huy tư duy sáng tạo và năng lực tự đào tạo của người học, coi trọng thực hành, thực nghiệm, ngoại khoá, làm chủ kiến thức, tránh nhồi nhét, học vẹt, học chay. Đổi mới và tổ chức thực hiện nghiêm minh chế độ thi cử. Đề cao tính tự chủ của trường đại học.

Phát triển đội ngũ giáo viên, coi trọng chất lượng và đạo đức sư phạm, cải thiện chế độ đãi ngộ. Bảo đảm về cơ bản đội

ngũ giáo viên đạt chuẩn quốc gia và tỷ lệ giáo viên so với học sinh theo yêu cầu của từng cấp học. Có cơ chế, chính sách bảo đảm đủ giáo viên cho các vùng miền núi cao, hải đảo.

Tăng cường cơ sở vật chất và từng bước hiện đại hoá nhà trường (lớp học, sân chơi, bãi tập, phòng thí nghiệm, máy tính nối mạng Internet, thiết bị giảng dạy và học tập hiện đại, thư viện, ký túc xá...). Phấn đấu đến năm 2010 phần lớn các trường phổ thông có đủ điều kiện cho học sinh học tập và hoạt động cả ngày tại trường.

Tăng đầu tư cho giáo dục từ ngân sách nhà nước và đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, đào tạo. Khuyến khích mạnh mẽ các thành phần kinh tế đầu tư phát triển giáo dục ở tất cả các bậc học, đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội. Ngân sách nhà nước tập trung nhiều hơn cho các bậc giáo dục phổ cập, cho vùng nông thôn, miền núi, cho đào tạo trình độ cao và những ngành khó thu hút đầu tư ngoài ngân sách nhà nước; bảo đảm điều kiện học tập cho con em người có công và gia đình nghèo. Tăng cường quản lý nhà nước, đặc biệt là hệ thống thanh tra giáo dục, thiết lập kỷ cương, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực. Tăng cường quản lý và giúp đỡ người đi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài.

2. Khoa học và công nghệ

Tăng cường tiềm lực và đổi mới cơ chế quản lý để khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực phát triển đất nước.

Khoa học xã hội và nhân văn đặt trọng tâm vào tổng kết thực tiễn, đi sâu nghiên cứu những vấn đề lớn của đất nước, khu vực và toàn cầu, giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, cung cấp luận cứ cho việc hoạch định đường lối, chiến lược, chính sách

phát triển kinh tế - xã hội, phát huy nhân tố con người và văn hoá Việt Nam. *Khoa học tự nhiên* chú trọng hướng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, nghiên cứu cơ sở khoa học của sự phát triển các lĩnh vực công nghệ trọng điểm và khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, dự báo, phòng, tránh, giảm nhẹ hậu quả thiên tai. *Khoa học công nghệ* tập trung vào đáp ứng yêu cầu nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh, bảo vệ môi trường và bảo đảm an ninh quốc phòng; coi trọng phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hoá.

Đẩy mạnh đổi mới công nghệ trong sản xuất, kinh doanh và các lĩnh vực hoạt động khác, thu hẹp khoảng cách về trình độ công nghệ so với các nước tiên tiến trong khu vực. Đi thẳng vào công nghệ hiện đại đối với các ngành mũi nhọn, đồng thời lựa chọn các công nghệ thích hợp, không gây ô nhiễm và khai thác được lợi thế về lao động. Chú trọng nhập khẩu công nghệ mới, hiện đại, thích nghi công nghệ nhập khẩu, cải tiến từng bộ phận, tiến tới tạo ra những công nghệ đặc thù Việt Nam. Hiện đại hoá công nghệ trong quản lý. Hoàn thành xây dựng hai khu công nghệ cao ở gần Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, xây dựng một số phòng thí nghiệm trọng điểm đạt trình độ tiên tiến của khu vực.

Thực hiện cơ chế kết hợp chặt chẽ giữa khoa học xã hội và nhân văn với khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ, giữa nghiên cứu khoa học với đào tạo và sản xuất, kinh doanh; ứng dụng nhanh các kết quả nghiên cứu. Khẩn trương đổi mới tổ chức, sắp xếp hợp lý các viện, trung tâm, các cơ sở nghiên cứu trong cả nước. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các viện nghiên cứu quốc gia, các hội, liên hiệp hội khoa học và kỹ thuật.

Đẩy mạnh xã hội hoá, đa dạng hoá các nguồn đầu tư phát triển khoa học và công nghệ. Dành vốn đầu tư thích đáng cho nghiên cứu cơ bản trong các ngành khoa học. Tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức khoa học, doanh nghiệp và cá nhân được hoạt động khoa học theo luật định. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ, tạo môi trường cạnh tranh, bảo hộ sở hữu trí tuệ và quyền tác giả. Có cơ chế thúc đẩy doanh nghiệp tăng đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất và đặt hàng cho cơ quan nghiên cứu.

Phát huy tính sáng tạo, tính dân chủ trong hoạt động khoa học và công nghệ. Đổi mới chính sách đào tạo, sử dụng và đãi ngộ trí thức, trọng dụng và tôn vinh nhân tài, kể cả người Việt Nam ở nước ngoài. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, thu hút chuyên gia giỏi của thế giới đóng góp vào sự phát triển đất nước bằng nhiều hình thức thích hợp.

VI- PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ, XÃ HỘI

1. Phát triển văn hóa, nghệ thuật, thông tin, thể dục thể thao

Mở rộng và nâng cao hiệu quả cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”*, *“Xây dựng nếp sống văn minh và gia đình văn hoá”*, phong trào *“Người tốt, việc tốt”*, làm cho văn hoá thấm sâu vào từng khu dân cư, từng gia đình, từng người, hoàn thiện hệ giá trị mới của con người Việt Nam, kế thừa các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hoá của loài người, tăng sức đề kháng chống văn hoá đồi trụy, độc hại. Nâng cao tính văn

hoá trong mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và sinh hoạt của nhân dân.

Chú trọng gìn giữ, phát triển các di sản văn hoá phi vật thể, tôn tạo và quản lý tốt các di sản văn hoá vật thể, các di tích lịch sử; nâng cấp các bảo tàng. Phát triển mạng lưới thư viện, hiện đại hoá công tác thư viện, lưu trữ. Xây dựng các công trình văn hoá, các khu vui chơi công cộng.

Khuyến khích sáng tác những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị theo các chủ đề lớn về chiến tranh và cách mạng, về sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, về xã hội và con người Việt Nam. Nâng cao chất lượng nền điện ảnh Việt Nam, phấn đấu xây dựng nhiều bộ phim hay và tốt. Chú trọng thể hiện bản sắc văn hoá Việt Nam trong các công trình xây dựng, kiến trúc mới.

Phát triển và hiện đại hoá mạng lưới thông tin đại chúng, nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ phát thanh, truyền hình, báo chí, xuất bản. Đến năm 2010 hoàn thành cơ bản việc phổ cập các phương tiện phát thanh, truyền hình đến mỗi gia đình. Phát triển các điểm văn hoá kết hợp với hệ thống bưu cục khắp các xã trong cả nước. Dùng tiếng nói dân tộc và chữ viết của các dân tộc có chữ viết trên các phương tiện thông tin đại chúng ở vùng đồng bào dân tộc.

Ban hành và thực hiện chính sách thể hiện rõ sự quan tâm và chăm sóc đối với văn nghệ sĩ và những người hoạt động trong các lĩnh vực nghệ thuật, nhất là nghệ thuật truyền thống.

Đẩy mạnh hoạt động thể dục, thể thao, nâng cao thể trạng và tầm vóc của người Việt Nam. Phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng với mạng lưới cơ sở rộng khắp. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ vận động viên thể thao thành tích

cao, đưa thể thao Việt Nam lên trình độ chung trong khu vực Đông Nam Á và có vị trí cao trong nhiều bộ môn.

Đẩy mạnh xã hội hoá, khuyến khích nhân dân và các tổ chức tham gia thiết thực, có hiệu quả các hoạt động văn hoá, thể thao. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư và bảo trợ các hoạt động văn hoá, thể thao. Phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hoá, thể thao phong phú, lành mạnh.

Tăng đầu tư ngân sách cho văn hoá tương ứng với tăng trưởng kinh tế, tập trung xây dựng một số trung tâm lớn gắn kết văn hoá, thể thao, du lịch như Làng văn hoá các dân tộc Việt Nam, Trung tâm thể thao quốc gia và các trung tâm đào tạo về văn hoá, thể thao ngang tầm khu vực.

Mở rộng giao lưu văn hoá, thể thao quốc tế. Đầu tư thích đáng cho việc truyền bá ở trong nước các giá trị văn hoá của loài người và giới thiệu đất nước, văn hoá, con người Việt Nam với thế giới.

2. Dân số và việc làm

Tiếp tục giảm tốc độ tăng dân số, sớm ổn định quy mô dân số ở mức hợp lý (khoảng 88 - 89 triệu người vào năm 2010); giải quyết đồng bộ, từng bước và có trọng điểm chất lượng dân số, cơ cấu dân số và phân bố dân cư.

Giải quyết việc làm là yếu tố quyết định để phát huy nhân tố con người, ổn định và phát triển kinh tế, làm lành mạnh xã hội, đáp ứng nguyện vọng chính đáng và yêu cầu bức xúc của nhân dân. Đến năm 2010, nước ta có 56,8 triệu người ở độ tuổi lao động, tăng gần 11 triệu người so với năm 2000. Để giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động, phải tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho tất cả các thành phần kinh tế đầu tư phát triển rộng rãi các cơ sở sản xuất, kinh doanh, tạo nhiều việc làm và phát triển thị

trường lao động. Thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động xã hội phù hợp với cơ cấu kinh tế. Chú trọng bảo đảm an toàn lao động.

Đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Xây dựng và thực hiện đồng bộ, chặt chẽ cơ chế, chính sách về đào tạo nguồn lao động, đưa lao động ra nước ngoài, bảo vệ quyền lợi và tăng uy tín của người lao động Việt Nam ở nước ngoài.

3. Xóa đói, giảm nghèo

Bằng nguồn lực của Nhà nước và của toàn xã hội, tăng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, cho vay vốn, trợ giúp đào tạo nghề, cung cấp thông tin, chuyển giao công nghệ, giúp đỡ tiêu thụ sản phẩm... đối với những vùng nghèo, xã nghèo và nhóm dân cư nghèo. Chủ động di dời một bộ phận nhân dân không có đất canh tác và điều kiện sản xuất đến lập nghiệp ở những vùng còn tiềm năng. Nhà nước tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích mọi người dân vươn lên làm giàu chính đáng và giúp đỡ người nghèo. Thực hiện trợ cấp xã hội đối với những người có hoàn cảnh đặc biệt không thể tự lao động, không có người bảo trợ, nuôi dưỡng.

Phấn đấu đến năm 2010 về cơ bản không còn hộ nghèo. Thường xuyên củng cố thành quả xóa đói, giảm nghèo.

4. Tiền lương và thu nhập

Các doanh nghiệp, kể cả doanh nghiệp nhà nước, được tự chủ trong việc trả lương và tiền thưởng trên cơ sở hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp và năng suất lao động của mỗi người. Nhà nước và xã hội tôn trọng thu nhập hợp pháp của người kinh doanh. Xác định hợp lý thuế thu nhập cá nhân.

Cải cách cơ bản tiền lương đối với cán bộ, công chức nhà nước. Tiền tệ hoá đầy đủ tiền lương, điều chỉnh tiền lương

bảo đảm mức sống tương ứng với nhịp độ tăng thu nhập trong xã hội. Hệ thống thang, bậc lương bảo đảm tương quan hợp lý, khuyến khích người giỏi, lao động có năng suất cao. Thay đổi cơ chế tài chính đối với khu vực sự nghiệp, tạo điều kiện đổi mới chế độ tiền lương của khu vực này. Thông qua cải cách chế độ tiền lương, thúc đẩy việc tinh giản biên chế bộ máy công quyền.

Từng bước mở rộng vững chắc hệ thống bảo hiểm và an sinh xã hội. Tiến tới áp dụng chế độ bảo hiểm cho mọi người lao động, mọi tầng lớp nhân dân. Kết hợp sự trợ giúp của Nhà nước với việc phát triển các quỹ từ thiện, quỹ xã hội, quỹ đền ơn đáp nghĩa, nhằm giúp đỡ có hiệu quả người được hưởng chính sách xã hội, nạn nhân chiến tranh, thiên tai, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, những người tàn tật và người già không nơi nương tựa. Bảo đảm người có công với nước có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình của dân cư cùng xã, phường.

5. Phát triển sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân

Nâng cao tính công bằng và hiệu quả trong tiếp cận và sử dụng các dịch vụ chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

Tiếp tục thực hiện các chương trình mục tiêu về y tế quốc gia. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khoẻ ở tất cả các tuyến. Đặc biệt coi trọng tăng cường dịch vụ y tế, chăm sóc sức khoẻ cho trẻ em, người bị di chứng chiến tranh, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng, vùng sâu, vùng xa. Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi, tỷ lệ tử vong của bà mẹ có liên quan đến thai sản. Giảm tỷ lệ mắc bệnh và tử vong do các bệnh truyền nhiễm, không để xảy ra dịch lớn. Tích cực

phòng, chống các bệnh không do nhiễm trùng, khắc phục hậu quả tai nạn và thương tích. Bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm và an toàn truyền máu.

Hoàn chỉnh quy hoạch, củng cố và nâng cấp mạng lưới y tế cơ sở, có bác sĩ làm việc ở tất cả các trạm y tế xã đồng bằng và trung du, phần lớn xã miền núi. Nâng cấp bệnh viện huyện, tỉnh; phát triển các bệnh viện đa khoa khu vực (liên huyện) ở các địa bàn xa trung tâm tỉnh. Hoàn thiện hai trung tâm y tế chuyên sâu tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, xây dựng trung tâm y tế chuyên sâu tại miền Trung và phát triển các trung tâm y tế vùng. Từng bước hiện đại hoá trang bị y tế, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến. Kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền dân tộc, kết hợp quân - dân y; phấn đấu có một số lĩnh vực y, dược học có thể mạnh trở thành trung tâm của khu vực Đông Nam Á. Tiêu chuẩn hoá và tăng cường đào tạo cán bộ y tế, chú ý người dân tộc thiểu số; phân bố cán bộ theo vùng phù hợp nhu cầu. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển các cơ sở khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe, đáp ứng yêu cầu đa dạng của xã hội. Đề cao y đức gắn với xây dựng và thực hiện quy chế hành nghề, xóa bỏ các tiêu cực.

Thực hiện chính sách quốc gia về thuốc, tăng cường khả năng sản xuất và cung ứng thuốc đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Đổi mới cơ chế, chính sách viện phí; mở rộng y tế tự nguyện, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Có chính sách trợ giúp cho người nghèo được khám chữa bệnh.

6. Đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội và bệnh dịch AIDS

Phòng chống, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, đặc biệt là ma túy. Thực hiện cơ chế, giải pháp đồng bộ về tuyên truyền,

giáo dục, chữa trị, đào tạo nghề, tạo việc làm. Xử lý nghiêm theo pháp luật những hành động gây tệ nạn xã hội.

Xây dựng nếp sống lành mạnh trong toàn xã hội, ngăn chặn lây nhiễm HIV/AIDS. Tổ chức chữa cho bệnh nhân AIDS và người nghiện ma túy, giúp những người này sống, lao động có ý nghĩa trong cộng đồng.

Có biện pháp đồng bộ ngăn chặn tai nạn giao thông.

Đề cao trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể đối với tình trạng tệ nạn xã hội trên từng địa bàn. Phát huy vai trò của từng người dân, từng cộng đồng tham gia đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi những tệ nạn này.

VII- ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, XÂY DỰNG BỘ MÁY NHÀ NƯỚC TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

1. Đổi mới thể chế

Hình thành về cơ bản và vận hành thông suốt, có hiệu quả thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới thể chế và thủ tục hành chính, tập trung trước hết vào xoá bỏ những quy định mang nặng tính hành chính quan liêu, bao cấp, gây phiền hà, sách nhiễu doanh nghiệp và nhân dân, kìm hãm sự phát triển lực lượng sản xuất. Xây dựng và thực hiện chương trình đổi mới thể chế trong từng năm. Bảo đảm các văn bản pháp quy có nội dung đúng đắn, nhất quán, khả thi. Chỉ đạo sát từ khâu soạn thảo, thông qua đến phổ biến, thực hiện và tổng kết.

Đổi mới phương thức và quy trình xây dựng thể chế, cải tiến sự phối hợp giữa các ngành, các cấp có liên quan, coi trọng sử dụng các chuyên gia liên ngành và dành vai trò rất quan trọng cho tiếng nói của nhân dân, của doanh nghiệp.

Đặc biệt tăng cường việc chỉ đạo, kiểm tra, nâng cao kỷ luật và hiệu lực thi hành pháp luật trong bộ máy nhà nước và trong xã hội.

2. Kiện toàn hợp lý tổ chức bộ máy nhà nước

Trên cơ sở tách chức năng quản lý nhà nước với hoạt động kinh doanh, xúc tiến việc đổi mới tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động và quy chế làm việc của các cơ quan nhà nước. Thực hiện mạnh mẽ việc phân cấp trong hệ thống hành chính đi đôi với nâng cao tính tập trung, thống nhất trong việc ban hành thể chế. Quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng cấp, từng tổ chức, từng cá nhân. Đề cao trách nhiệm cá nhân, khen thưởng, kỷ luật nghiêm minh. Khắc phục tình trạng trùng chéo, đùn đẩy trách nhiệm, gây khó khăn, chậm trễ trong công việc và giải quyết khiếu kiện của dân. Nâng cao vai trò của toà hành chính trong việc giải quyết khiếu kiện hành chính.

Tách cơ quan hành chính công quyền với tổ chức sự nghiệp. Khuyến khích và hỗ trợ các tổ chức hoạt động không vì lợi nhuận mà vì nhu cầu và lợi ích của nhân dân; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức thực hiện một số dịch vụ công với sự giám sát của cộng đồng như vệ sinh môi trường, tham gia giữ gìn trật tự trị an xóm, phường...

Xúc tiến nhanh và có hiệu quả việc hiện đại hoá công tác hành chính, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin. Kiện toàn bộ máy và tinh giản biên chế một cách cơ bản. Có chính sách giải quyết thỏa đáng số người dôi ra.

3. Nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức

Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức với chương trình, nội dung sát hợp; chú trọng đội ngũ cán bộ xã,

phường. Đổi mới và đưa vào nền nếp việc thực hiện quy chế tuyển chọn, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu. Thực hiện nguyên tắc người phụ trách công việc có quyền hạn và trách nhiệm trong việc tuyển chọn, sử dụng cán bộ, công chức dưới quyền. Thanh lọc những kẻ tham nhũng, vô trách nhiệm; chuyển đổi công tác những người không đủ năng lực.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở, bảo đảm cho dân tiếp xúc dễ dàng các cơ quan công quyền, có điều kiện kiểm tra cán bộ, công chức, nhất là những người trực tiếp làm việc với dân.

4. Ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng, quan liêu

Nghiêm trị những kẻ tham nhũng, vô trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng; người lãnh đạo cơ quan dễ xảy ra tham nhũng cũng phải bị xử lý về trách nhiệm. Bảo vệ những người kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng; khen thưởng người phát hiện đúng những vụ tham nhũng. Thực hiện các biện pháp ngăn chặn tham nhũng, quan liêu:

- Đổi mới và hoàn thiện thể chế, thủ tục hành chính, kiên quyết chống tệ của quyền, sách nhiễu, “xin - cho” và sự tắc trách, vô kỷ luật trong công việc. Thực hiện nghiêm những điều cấm đối với cán bộ, công chức đã quy định trong pháp luật.

- Tăng cường quản lý, kiểm tra, ngăn chặn lãng phí, tham nhũng tiền và tài sản công, nhất là trong khu vực doanh nghiệp nhà nước.

- Thực hiện quy chế dân chủ và công khai tài chính ở cơ sở và các cấp chính quyền; thực hiện chế độ kê khai tài sản đối với cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành. Phát huy vai trò của các đoàn thể nhân dân và phương tiện thông tin đại chúng.

- Cải cách tiền lương đi đôi với tăng cường giáo dục và kiểm tra việc thực hiện công vụ của cán bộ, công chức.

VIII- TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

1. Đột phá những lĩnh vực then chốt

Tập trung sức đột phá những lĩnh vực then chốt để làm chuyển động toàn bộ tình hình kinh tế - xã hội:

- Xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà trọng tâm là đổi mới cơ chế, chính sách nhằm giải phóng triệt để lực lượng sản xuất, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

- Tạo bước chuyển mạnh về phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

- Đổi mới tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, trọng tâm là cải cách hành chính, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh.

2. Cải tiến các biện pháp tổ chức thực hiện

Nâng tầm hoạch định chính sách để thực hiện nghị quyết của Đảng; chú ý tới tính đặc thù của các ngành và các vùng.

Đổi mới cơ bản công tác kế hoạch hoá theo hướng tăng cường dự báo, nâng cao chất lượng kế hoạch định hướng, giữ vững các cân đối vĩ mô, kết hợp chặt chẽ với việc sử dụng các công cụ chính sách kinh tế, luật pháp, tạo điều kiện cho thị trường hoạt động có hiệu quả, nhằm bảo đảm mục tiêu của chiến lược.

Nâng cao chất lượng các quy hoạch. Xây dựng kế hoạch 5 năm trở thành công cụ kế hoạch chủ yếu, được điều chỉnh, bổ sung hàng năm phù hợp với tiến độ thực hiện kế hoạch và những diễn biến mới của tình hình trong, ngoài nước. Trong

xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch, phải quán triệt tư tưởng và nội dung của chiến lược.

Tăng cường theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện chiến lược của các cấp uỷ đảng và cơ quan nhà nước. Đồng thời, phát huy vai trò giám sát, góp ý kiến của nhân dân, thu hút trí tuệ của nhân dân trong quá trình thực hiện chiến lược.

3. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng

Thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân, các ngành, các đoàn thể từ Trung ương đến cơ sở. Các cấp uỷ đảng cần quán triệt sâu sắc nội dung chiến lược này trong toàn Đảng, toàn dân, thống nhất ý chí và hành động, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện có hiệu quả trong các lĩnh vực hoạt động ở mọi cấp, gắn chặt với nhiệm vụ xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Đây là vấn đề có ý nghĩa quyết định bảo đảm cho Chiến lược được thực hiện thắng lợi.

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2001 - 2005

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 là bước mở đầu quan trọng trong việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 - ***Chiến lược đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp.***

I- TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI QUA 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ VIII

Kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 được xây dựng trong bối cảnh có nhiều thuận lợi, hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1991 - 1995 đều đạt và vượt mức kế hoạch đề ra, nước ta đã *ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và chuyển sang thời kỳ mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.* Kế hoạch đặt ra mức phấn đấu cao, thực hiện đồng thời 3 mục tiêu về kinh tế - xã hội: *tăng trưởng cao, bền vững và có hiệu quả; ổn định vững chắc kinh tế vĩ mô; chuẩn bị tiền đề cho bước phát triển cao hơn sau*

năm 2000, chủ yếu là phát triển nguồn nhân lực, khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, hoàn thiện thể chế.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch, nhất là từ giữa năm 1997 đến năm 1999, tác động tiêu cực của khủng hoảng tài chính - kinh tế khu vực, cùng với thiên tai nghiêm trọng liên tiếp xảy ra đã đặt nền kinh tế nước ta trước những thử thách quyết liệt.

Trong bối cảnh đó, toàn Đảng, toàn dân ta đã nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn thách thức, duy trì được nhịp độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) 7%/năm; ***công cuộc phát triển kinh tế - xã hội tiếp tục đạt được những thành tựu quan trọng.***

1. Nền kinh tế vẫn giữ được nhịp độ tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực

1.1. Nổi bật là nông nghiệp phát triển liên tục, góp phần quan trọng vào mức tăng trưởng chung và giữ vững ổn định kinh tế - xã hội

Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân hàng năm 5,7% so với mục tiêu đề ra 4,5 - 5%, trong đó nông nghiệp tăng 5,6%, lâm nghiệp 0,4%, ngư nghiệp 8,4%.

Cơ cấu mùa vụ đã chuyển dịch theo hướng tăng diện tích lúa đông xuân và lúa hè thu có năng suất cao, ổn định. Các loại giống lúa mới đã được sử dụng trên 87% diện tích gieo trồng. Sản lượng lương thực có hạt tăng bình quân hàng năm trên 1,6 triệu tấn; lương thực bình quân đầu người đã tăng từ 360kg năm 1995 lên trên 444kg năm 2000.

Nhiều vùng sản xuất nông sản hàng hoá tập trung gắn với công nghiệp chế biến bước đầu được hình thành; sản phẩm nông nghiệp đa dạng hơn. So với năm 1995, diện tích

một số cây công nghiệp tăng khá: cà phê gấp hơn 2,7 lần, cao su tăng 46%, mía tăng khoảng 35%, bông tăng 8%, thuốc lá tăng trên 18%, rừng nguyên liệu giấy tăng 66%,... Một số loại giống cây công nghiệp có năng suất cao đã được đưa vào sản xuất đại trà.

Giá trị sản xuất nông nghiệp trên một đơn vị đất nông nghiệp tăng từ 13,5 triệu đồng/ha năm 1995 lên 17,5 triệu đồng/ha năm 2000.

Chăn nuôi tiếp tục phát triển. Sản lượng thịt lợn hơi năm 2000 ước trên 1,4 triệu tấn, bằng 1,4 lần so với năm 1995.

Nghề nuôi, trồng và đánh bắt thủy sản phát triển khá. Sản lượng thủy sản năm 2000 đạt trên 2 triệu tấn so với mục tiêu kế hoạch 1,6 - 1,7 triệu tấn; xuất khẩu đạt 1.475 triệu USD.

Công tác trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng có tiến bộ. Trong 5 năm đã trồng 1,1 triệu ha rừng tập trung, bảo vệ 9,3 triệu ha rừng hiện có, khoanh nuôi tái sinh 700 nghìn ha. Độ che phủ tăng từ 28,2% năm 1995 lên 33% năm 2000.

Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản năm 2000 đạt 4,3 tỉ USD, gấp hơn 1,7 lần so với năm 1995, bình quân hàng năm chiếm khoảng 30% kim ngạch xuất khẩu của cả nước; đã tạo được 3 mặt hàng xuất khẩu chủ lực là gạo (đứng thứ 2 thế giới), cà phê (đứng thứ 3) và hàng thủy sản chiếm 34% trị giá kim ngạch xuất khẩu toàn ngành.

Những thành tựu đạt được nêu trên là kết quả thực hiện các chính sách đổi mới về phát triển nông nghiệp và nông thôn, đẩy mạnh đầu tư, ứng dụng những tiến bộ về khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đa dạng hoá sản phẩm, gắn sản xuất với thị trường.

1.2. Công nghiệp và xây dựng vượt qua những khó khăn, thách thức, đạt được nhiều tiến bộ

Nhịp độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hàng năm 13,5%; trong đó công nghiệp quốc doanh tăng 9,5%, công

ngoại quốc doanh tăng 11,5%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 21,8%.

Một số ngành công nghiệp tiếp tục tổ chức và sắp xếp lại sản xuất, lựa chọn các sản phẩm ưu tiên và có lợi thế, có nhu cầu của thị trường để đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, đạt chất lượng cao hơn, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Năng lực sản xuất các sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng khá: năm 2000 so với năm 1995, công suất điện gấp 1,5 lần (tăng 2.715MW); xi măng gấp 2,1 lần (tăng 8,7 triệu tấn); phân bón gấp trên 3,0 lần (tăng 1,5 triệu tấn); thép gấp 1,7 lần (tăng 1,0 triệu tấn); mía đường gấp hơn 5 lần (tăng hơn 60.000 tấn mía/ngày).

Sản lượng một số sản phẩm quan trọng tăng nhanh. Năm 2000 so với năm 1995, sản lượng dầu thô gấp 2,1 lần; điện gấp 1,8 lần; than sạch vượt ngưỡng 10 triệu tấn, trong đó xuất khẩu trên 3,0 triệu tấn; thép cán gấp hơn 3 lần; xi măng gấp hơn 2 lần; vải các loại gấp 1,5 lần; giấy các loại gấp 1,7 lần,...

Xuất khẩu sản phẩm công nghiệp (kể cả tiểu, thủ công nghiệp) tăng nhanh, năm 2000 đạt 10,0 tỉ USD, gấp hơn 3,4 lần năm 1995, chiếm khoảng 70% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước.

Cơ cấu các ngành công nghiệp đã có chuyển dịch đáng kể, hình thành một số sản phẩm mũi nhọn, một số khu công nghiệp, khu chế xuất với nhiều cơ sở sản xuất có công nghệ hiện đại. Đến năm 2000, công nghiệp khai thác dầu thô, khí tự nhiên và dịch vụ khai thác dầu khí chiếm khoảng 11,2% tổng giá trị sản xuất toàn ngành, công nghiệp sản xuất thực phẩm và đồ uống chiếm khoảng 20,0%,

công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước chiếm khoảng 5,4%.

Ngành xây dựng đã tiếp nhận công nghệ xây dựng mới, trang bị thêm nhiều thiết bị hiện đại, đáp ứng được nhu cầu phát triển trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp, có thể đảm đương việc thi công những công trình quy mô lớn, hiện đại về công nghệ; năng lực đấu thầu các công trình xây dựng cả trong và ngoài nước được tăng cường.

Đáp ứng đủ nhu cầu xi măng, tấm lợp; cơ bản đáp ứng được nhu cầu về thép xây dựng thông thường. Một số loại vật liệu xây dựng chất lượng cao (gạch lát nền, gạch ốp lát) sản xuất trong nước đạt tiêu chuẩn châu Âu và khu vực.

1.3. Các ngành dịch vụ tiếp tục phát triển trong điều kiện khó khăn hơn trước, góp phần tích cực cho tăng trưởng kinh tế và phục vụ đời sống

Giá trị các ngành dịch vụ tăng 6,8%/năm.

Thương mại phát triển khá, bảo đảm lưu chuyển, cung ứng vật tư, hàng hoá trong cả nước và trên từng vùng. Thương mại quốc doanh được sắp xếp lại theo hướng nắm bán buôn, tham gia kinh doanh bán lẻ đối với một số mặt hàng thiết yếu; mạng lưới trao đổi hàng hoá với nông thôn, miền núi bước đầu được tổ chức lại. Tổng mức hàng hoá bán lẻ tăng bình quân 6,2%/năm (đã loại trừ yếu tố biến động giá).

Du lịch phát triển đa dạng, phong phú, chất lượng dịch vụ được nâng lên. Tổng doanh thu du lịch tăng 9,7%/năm.

Dịch vụ vận tải về cơ bản đáp ứng được nhu cầu giao lưu hàng hoá và đi lại của nhân dân. Khối lượng luân chuyển hàng hoá tăng 12%/năm và luân chuyển hành khách tăng 5,5%/năm.

Dịch vụ bưu chính - viễn thông có bước phát triển và hiện đại hoá nhanh. Giá trị doanh thu bưu điện tăng bình quân hàng năm 11,3%.

Các dịch vụ tài chính, kiểm toán, ngân hàng, bảo hiểm,... được mở rộng. Thị trường dịch vụ bảo hiểm đã được hình thành với sự tham gia của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước; dịch vụ tài chính, ngân hàng đã có những đổi mới quan trọng, tăng bình quân hàng năm 7,0%.

Các loại dịch vụ khác như tư vấn pháp luật, khoa học và công nghệ,... bắt đầu phát triển.

1.4. Cơ cấu kinh tế đã có bước chuyển dịch tích cực

Cơ cấu các ngành kinh tế đã từng bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp trong GDP đã giảm từ 27,2% năm 1995 xuống còn 24,3% năm 2000; công nghiệp và xây dựng từ 28,7% tăng lên 36,6% và dịch vụ từ 44,1% năm 1995 còn 39,1%. Mặc dù vậy vẫn chưa đạt được mục tiêu đề ra trong Nghị quyết Đại hội VIII (cơ cấu vào năm 2000 tương ứng là 19 - 20%, 34 - 35% và 45 - 46%).

Cơ cấu thành phần kinh tế đã có sự dịch chuyển theo hướng sắp xếp lại và đổi mới khu vực kinh tế nhà nước, phát huy tiềm năng khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.

Đến năm 2000, tỷ trọng khu vực kinh tế nhà nước trong GDP vào khoảng 39%; khu vực kinh tế tập thể 8,5%; khu vực kinh tế tư nhân 3,3%; khu vực kinh tế cá thể 32%; khu vực kinh tế hỗn hợp 3,9% và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 13,3%.

Các vùng kinh tế gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, các đô thị, các địa bàn, lãnh thổ, đặc biệt là các vùng kinh tế trọng điểm ở 3 miền đang được xây dựng và hình thành từng bước.

Đến năm 2000, các tỉnh vùng núi phía Bắc đóng góp khoảng trên 9% GDP của cả nước; vùng đồng bằng sông Hồng khoảng 19%; Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung khoảng gần 15%; vùng Tây Nguyên gần 3%; vùng Đông Nam Bộ khoảng 35% và đồng bằng sông Cửu Long khoảng 19%.

Các vùng kinh tế trọng điểm đóng góp khoảng 50% giá trị GDP cả nước; 75 - 80% giá trị gia tăng công nghiệp và 60 - 65% giá trị gia tăng khu vực dịch vụ. Nhịp độ tăng trưởng của các vùng trọng điểm đều đạt trên mức trung bình cả nước, đóng vai trò tích cực lôi cuốn và kích thích các vùng khác cùng phát triển.

2. Các cân đối chủ yếu trong nền kinh tế đã được điều chỉnh thích hợp để duy trì khả năng tăng trưởng kinh tế và ổn định đời sống nhân dân

2.1. Đã cải thiện một bước quan hệ tích lũy và tiêu dùng theo hướng tăng tích lũy cho phát triển

Tỷ lệ tiết kiệm trong nước so với GDP từ 18,2% năm 1995 tăng lên 27% năm 2000. Tổng quỹ tích lũy tăng bình quân hàng năm trên 9,5%; toàn bộ tích lũy tài sản so với GDP từ 27,2% năm 1995 được nâng lên 29,5% năm 2000 (bình quân 5 năm 1996 - 2000 là 28,5%).

Tổng quỹ tiêu dùng tăng bình quân hàng năm hơn 5%, tiêu dùng bình quân đầu người tăng hàng năm gần 3,5%.

Tỷ lệ tích lũy trong tổng tích lũy - tiêu dùng bình quân 5 năm là 26,8%; riêng năm 2000 khoảng 28,7%, tỷ lệ tiêu dùng tương ứng khoảng 71,3%.

2.2. Các cân đối tài chính - tiền tệ có tiến bộ, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và khai thác tốt các nguồn lực

Ngân sách nhà nước bước đầu được cơ cấu lại theo hướng tích cực và hiệu quả hơn.

Việc cải cách thuế giai đoạn 2 và triển khai thực hiện Luật ngân sách đã góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, tăng nguồn thu cho ngân sách. Tổng thu ngân sách nhà nước tăng bình quân hằng năm trên 8,7%, cao hơn mức tăng bình quân GDP; trong đó thu từ thuế và phí chiếm 94,2%; mức động viên bình quân hằng năm bằng 20,3% GDP.

Chi tiêu ngân sách nhà nước được cơ cấu lại theo hướng tiếp tục xoá bao cấp trong chi ngân sách, tăng chi đầu tư phát triển, xoá đói, giảm nghèo, giáo dục và đào tạo, nghiên cứu khoa học, y tế...; thu hút thêm nguồn lực của dân cư thông qua việc xã hội hoá một số mặt hoạt động kinh tế, xã hội, nhờ đó nhiều nhu cầu chi được đáp ứng tốt hơn. Tổng chi ngân sách nhà nước bình quân hằng năm bằng khoảng 24,2% GDP; trong đó chi cho đầu tư phát triển tăng bình quân hằng năm khoảng 14,6%, chiếm khoảng 27% tổng chi ngân sách; chi thường xuyên tăng bình quân hằng năm là 6%, chiếm 59%; chi trả nợ, viện trợ hằng năm chiếm khoảng 14%.

Mức bội chi ngân sách bình quân hằng năm khoảng 4% GDP.

Các chính sách tiền tệ, tín dụng tiếp tục được đổi mới; việc điều hành các cân đối tiền tệ theo tín hiệu thị trường bước đầu đạt được các kết quả tích cực. Cơ chế quản lý và điều hành lãi suất ngoại hối, tỷ giá từng bước được đổi mới theo các nguyên tắc của thị trường. Hệ thống ngân hàng bước đầu được chấn chỉnh và đổi mới; các tổ chức tín dụng phát triển, chất lượng và hiệu quả tín dụng được nâng lên. Đã hình thành thị trường tiền tệ liên ngân hàng, bắt đầu áp dụng công cụ thị trường mở và thành lập trung tâm chứng khoán.

Cân đối ngoại tệ được cải thiện, từ chỗ thâm hụt lớn, đến nay, cán cân vãng lai và cán cân thanh toán quốc tế đều có kết dư; tuy nhiên chưa thật ổn định, vững chắc.

2.3. Đã có nhiều cố gắng trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển, nhất là nguồn vốn trong nước. Số công trình được đưa vào sử dụng nhiều hơn bất cứ thời kỳ nào trước đây; năng lực của hầu hết các ngành sản xuất, dịch vụ và kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội được nâng lên rõ rệt

Tổng nguồn vốn đầu tư xã hội thực hiện trong 5 năm qua khoảng 440 nghìn tỉ đồng, tương đương gần 40 tỉ USD (theo mặt bằng giá 1995), tốc độ tăng bình quân 8,6%/năm; trong đó: vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước chiếm 22,7%; vốn tín dụng đầu tư chiếm 14,2%; vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước chiếm 17,8%; vốn đầu tư của tư nhân và dân cư chiếm 21,3%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm 24%.

Nguồn vốn trong nước đã được khai thác khá hơn, chiếm trên 60% tổng vốn đầu tư, tạo điều kiện tốt hơn để tập trung đầu tư vào những mục tiêu phát triển nông nghiệp và nông thôn, xoá đói, giảm nghèo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển khoa học và công nghệ, đặc biệt là xây dựng kết cấu hạ tầng.

Nguồn vốn đầu tư toàn xã hội được tập trung cho nông nghiệp khoảng 11,4% so tổng nguồn; các ngành công nghiệp khoảng 43,7%, trong đó đầu tư cho các ngành công nghiệp chế biến và công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng chiếm khoảng 30,0% tổng vốn đầu tư ngành công nghiệp; giao thông vận tải và bưu chính - viễn thông khoảng 15,7%; lĩnh vực khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hoá khoảng 6,7%; các ngành khác (công cộng, cấp thoát nước, quản lý nhà nước, thương mại, du lịch, xây dựng...) khoảng 22,5%.

Do điều chỉnh chính sách và cơ cấu đầu tư, nên quy mô đầu tư ở các vùng đều tăng. So với 5 năm trước, vốn đầu tư cho vùng miền núi phía Bắc gấp trên 1,8 lần, vùng đồng bằng sông Hồng gấp 1,3 lần; vùng Bắc Trung Bộ gấp 1,5 lần; vùng Duyên hải miền Trung gấp 1,7 lần, vùng Tây Nguyên gấp 1,9 lần, vùng Đông Nam Bộ gấp 1,7 lần và vùng đồng bằng sông Cửu Long gấp gần 2 lần.

Riêng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, ước thực hiện trong 5 năm (1996 - 2000) khoảng 100 nghìn tỉ đồng (theo giá 1995), đã tập trung hơn cho lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; trong đó đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp khoảng 22,5%; cho công nghiệp 9,5%; cho giao thông vận tải và bưu chính - viễn thông 29,8%; cho khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hoá, thể dục thể thao 18,7%, cho các ngành khác 19,5%.

Nhờ tăng đầu tư, số công trình được đưa vào sử dụng và năng lực của hầu hết các ngành tăng nhiều, kết cấu hạ tầng có bước phát triển khá, đáp ứng yêu cầu trước mắt và tạo được những năng lực gối đầu cho thời kỳ sau năm 2000:

Các công trình và các tuyến trục giao thông quan trọng, các tuyến từ Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh đi các khu công nghiệp, các vùng kinh tế, các tuyến lên Tây Nguyên, miền núi, các tuyến nằm trong vùng kinh tế trọng điểm,... được tập trung đầu tư nâng cấp, bảo đảm giao thông thông suốt trên cả nước.

Trong 5 năm đã xây dựng mới 1.200km và nâng cấp 3.790km đường quốc lộ; sửa chữa phần lớn các cầu yếu trên các tuyến trục giao thông, làm mới 11,5km cầu; sửa chữa và nâng cấp 200km đường sắt, khôi phục 8 cầu, với tổng chiều dài là 2.600m trên tuyến đường sắt Thống Nhất; mở rộng và

hiện đại hoá một số cảng biển quan trọng như Hải Phòng, Sài Gòn, Cửa Lò, Đà Nẵng, Quy Nhơn,... nâng tổng năng lực thông qua hệ thống cảng biển lên 45 triệu tấn/năm; nâng cấp các sân bay quốc tế Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng và một số sân bay nội địa khác, nâng tổng năng lực thông qua hệ thống sân bay lên 6,5 triệu hành khách/năm.

Hệ thống bưu chính - viễn thông có bước phát triển khá, được hiện đại hoá về cơ bản. Tất cả các tỉnh và các huyện được trang bị tổng đài điện tử, được nối với nhau qua các tuyến cáp quang và viba số. Mật độ điện thoại đạt trên 4 máy/100 dân, gấp 22 lần so với năm 1991. Các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh đạt xấp xỉ 20 máy/100 dân, trên 85% số xã trong toàn quốc đã có điện thoại; trên 82% số xã có báo đến trong ngày; 61,5% số xã có điểm bưu điện, văn hoá xã. Mạng viễn thông quốc tế và công nghiệp viễn thông có bước phát triển nhanh, hiện đại hơn.

Hệ thống thuỷ lợi được nâng cấp và phát triển trên các vùng, đặc biệt là vùng đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng. Diện tích được tưới nước và tạo nguồn nước tăng thêm 82 vạn ha, tiêu úng tăng 43,4 vạn ha, không những góp phần tăng diện tích và nâng cao năng suất cây trồng, mà còn tạo điều kiện và khả năng hạn chế, phòng tránh thiên tai, ổn định sản xuất lâu dài.

Kết cấu hạ tầng ở nhiều thành phố, đô thị và nông thôn được đầu tư cải tạo nâng cấp. Đến năm 2000 đạt được mục tiêu 100% số huyện và 80% số xã, phường trên toàn quốc có điện. Tỷ lệ số dân ở nông thôn được cung cấp nước sạch mới đạt 40%, thấp xa so với mục tiêu; trên 95% số xã đã có đường ô tô vào đến trung tâm.

Cơ sở vật chất của các ngành giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế, văn hoá, du lịch, thể dục thể thao và các ngành khác đều được tăng cường đáng kể.

3. Kinh tế đối ngoại tiếp tục phát triển

3.1. Hoạt động xuất nhập khẩu tiếp tục phát triển khá

Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm đạt trên 51,6 tỉ USD, tăng bình quân hàng năm trên 21%, gấp 3 lần mức tăng GDP. Khối lượng các mặt hàng xuất khẩu chủ lực đều tăng khá. Cơ cấu hàng xuất khẩu đã có sự thay đổi một bước. Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng nông, lâm, thủy sản tuy vẫn chiếm vị trí quan trọng nhưng có xu hướng giảm dần, từ 42,3% năm 1996 xuống còn 30% năm 2000; tỷ trọng của nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp tăng tương ứng từ 29% lên 34,3%; nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản từ 28,7% lên 35,7%.

Năm 2000, kim ngạch xuất khẩu đạt trên 186 USD/người, tuy còn ở mức thấp, nhưng đã thuộc loại các nước có nền ngoại thương phát triển.

Thị trường xuất, nhập khẩu được củng cố và mở rộng thêm. Thị trường châu Á chiếm gần 58% tổng kim ngạch xuất khẩu và trên 80% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam; riêng thị trường các nước ASEAN tương ứng chiếm trên 18% và 29%. Trên một số thị trường khác như EU, châu Mỹ, Trung Đông, hàng xuất khẩu của ta đã có mặt và đang tăng dần.

Tuy chưa tính vào cân đối xuất nhập khẩu hàng năm, nhưng các dịch vụ thu ngoại tệ như kiều hối, xây dựng các công trình ở nước ngoài (trúng thầu), xuất khẩu lao động, dịch vụ, trao đổi chuyên gia... đã tăng lên nhanh chóng trong thời gian qua.

Tổng kim ngạch nhập khẩu 5 năm khoảng 61 tỉ USD, tăng bình quân hàng năm khoảng 13,3%; tỷ trọng hàng tiêu dùng trong tổng kim ngạch nhập khẩu giảm đáng kể, từ 13% năm 1996 còn 5,2% năm 2000.

Mức chênh lệch xuất nhập khẩu so với kim ngạch xuất khẩu đã từ 49,6% năm 1995 giảm xuống còn 6,3% vào năm 2000.

3.2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục gia tăng, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội

Trong 5 năm 1996 - 2000, tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đưa vào thực hiện (không kể phần góp vốn trong nước) đạt khoảng 10 tỉ USD (theo giá 1995), gấp 1,5 lần so với 5 năm trước. Tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cấp mới và bổ sung đạt 24,6 tỉ USD, tăng so với thời kỳ trước 34%.

Cơ cấu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ngày càng phù hợp với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước ta; tỷ lệ vốn FDI thu hút vào lĩnh vực sản xuất vật chất, kết cấu hạ tầng kinh tế tăng từ 62% năm 1995 lên 85% vào năm 2000.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các nước thuộc Liên minh châu Âu (EU), ASEAN có chiều hướng tăng hơn 5 năm trước (tỷ lệ vốn đăng ký của các dự án từ EU bình quân chiếm 23,2% thời kỳ 1991 - 1995, tăng lên 25,8% thời kỳ 1996 - 2000; tỷ lệ vốn đăng ký các dự án từ các nước ASEAN đã tăng tương ứng từ 17,3% lên 29,8%). Riêng các nước thuộc EU, Mỹ, Nhật Bản chiếm 44% tổng vốn đăng ký tại Việt Nam.

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã tạo ra 34% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp, khoảng 23% kim ngạch xuất khẩu (chưa kể dầu khí) và đóng góp trên 12% GDP của cả nước. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã thu hút trên 35 vạn lao động trực tiếp và hàng chục vạn lao động gián tiếp làm việc trong các ngành xây dựng, thương mại, dịch vụ liên quan; góp phần quan trọng vào

chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao trình độ công nghệ, trình độ quản lý và mở rộng thị trường.

Ngoài ra, các doanh nghiệp Việt Nam cũng đã từng bước mở rộng đầu tư ra nước ngoài. Đến nay, đã có trên 40 dự án đầu tư vào 12 nước và vùng lãnh thổ, chủ yếu trong các ngành xây dựng, chế biến thực phẩm, thương mại, dịch vụ... Tuy quy mô còn nhỏ, nhưng qua hoạt động đầu tư ra nước ngoài, các doanh nghiệp Việt Nam có điều kiện nâng cao hiệu quả, đẩy mạnh được xuất khẩu hàng hoá, dịch vụ và lao động ra nước ngoài.

3.3. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) tiếp tục tăng, góp phần quan trọng phát triển kết cấu hạ tầng

Hàng năm, nguồn vốn ODA cam kết tăng đáng kể; việc giải ngân ngày càng được cải thiện. Tính chung trong 5 năm, nguồn vốn ODA đưa vào thực hiện khoảng 6,1 tỉ USD, tập trung hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế như điện, giao thông, thuỷ lợi, cấp thoát nước; phát triển nông nghiệp và nông thôn, xoá đói, giảm nghèo; phát triển y tế, giáo dục và đào tạo; tăng cường năng lực và thể chế trong các lĩnh vực cải cách hành chính, luật pháp, quản lý kinh tế; hỗ trợ một số lĩnh vực sản xuất như chế biến thuỷ sản, nông sản,...

Nhiều dự án đầu tư bằng vốn ODA đã được đưa vào sử dụng, góp phần tăng trưởng kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân.

4. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo có bước phát triển mới cả về quy mô, chất lượng, hình thức đào tạo và cơ sở vật chất

Quy mô giáo dục và đào tạo tiếp tục tăng ở tất cả các bậc học, ngành học, đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng lớn của nhân dân.

Năm học 1999 - 2000 so với năm 1994 - 1995, quy mô học sinh mẫu giáo gấp 1,2 lần, học sinh trung học cơ sở gấp 1,6 lần, học sinh trung học phổ thông gấp 2,3 lần, đào tạo đại học gấp 3 lần, đào tạo nghề gấp 1,8 lần.

Đến hết năm 2000 có 100% tỉnh, thành phố đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và xoá mù chữ, một số tỉnh, thành phố đã bắt đầu thực hiện chương trình phổ cập trung học cơ sở.

Phong trào học tập văn hoá, khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ quản lý, ngoại ngữ... phát triển nhanh. Số sinh viên trên 1 vạn dân vào năm 2000 đạt 117 người, số năm đi học trung bình của dân cư là 7,3 năm.

Cơ sở vật chất - kỹ thuật các trường được nâng cấp, cải thiện. Mạng lưới trường phổ thông đã được sắp xếp tương đối ổn định. Hầu hết các xã đã có trường tiểu học; phần lớn các xã ở vùng đồng bằng có trường trung học cơ sở. Các trường ngoài công lập đã hình thành và bắt đầu phát triển mạnh. Hệ thống các trường dân tộc nội trú tỉnh, huyện được củng cố và mở rộng.

Mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, các trường chuyên nghiệp đang từng bước được tổ chức, sắp xếp lại. Hệ thống các trường đào tạo nghề phát triển rộng khắp.

Chất lượng giáo dục và đào tạo có chuyển biến bước đầu. Số đông học sinh, sinh viên có năng lực tiếp thu nhanh các kiến thức, nhất là về khoa học tự nhiên, kỹ thuật, ngoại ngữ và tin học. Tỷ lệ giáo viên phổ thông đạt tiêu chuẩn tăng lên. Hệ thống đào tạo, bồi dưỡng giáo viên được cải tiến, hằng năm trên 80% giáo viên được đào tạo nâng cao và chuẩn hoá. Việc xã hội hoá trong lĩnh vực này bước đầu được triển khai.

5. Khoa học và công nghệ có bước chuyển biến tích cực

Khoa học xã hội và nhân văn đã bước đầu cung cấp được các luận cứ khoa học phục vụ yêu cầu hoạch định chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội và đổi mới các cơ chế chính sách.

Khoa học tự nhiên và công nghệ tập trung triển khai nghiên cứu những đề tài cấp nhà nước và cấp bộ, tỉnh, thành phố. Nhiều kết quả nghiên cứu được ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh và trong đời sống xã hội. Trình độ công nghệ trong một số ngành sản xuất, xây dựng, dịch vụ đã được nâng lên và đổi mới đáng kể.

Trong công nghiệp và xây dựng đã cải tiến, hoàn thiện một số dây chuyền sản xuất, xây dựng; khai thác và sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước; lựa chọn và khai thác các công nghệ nhập khẩu như: công nghệ tự động hoá thiết kế, công nghệ đóng tàu, công nghệ xử lý nền móng công trình trong điều kiện địa hình phức tạp xây nhà cao tầng, công nghệ gia công cơ khí độ chính xác cao,...

Trong nông nghiệp, đã ứng dụng một số thành tựu của công nghệ sinh học; đưa một số giống mới vào sản xuất đại trà trên cơ sở áp dụng các kết quả nghiên cứu, tuyển chọn, lai tạo giống cây trồng, vật nuôi bằng công nghệ mới và công nghệ cao.

Cơ sở vật chất - kỹ thuật của các viện nghiên cứu, các trung tâm khoa học và công nghệ được tăng cường một bước, có nhiều cải thiện, góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu. Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ được chú trọng đào tạo chuyên sâu và đồng bộ, nâng cao trình độ chuyên môn, có khả năng tiếp thu và làm chủ một số công nghệ hiện đại.

6. Trong hoàn cảnh kinh tế có nhiều khó khăn, các lĩnh vực văn hoá, xã hội đã có bước phát triển khá, thể hiện sự nỗ lực rất lớn của toàn Đảng, toàn dân

6.1. Giải quyết có kết quả vấn đề việc làm cho người lao động. Chính phủ đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách thúc đẩy đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất, dịch vụ, đa dạng hoá ngành nghề, khuyến khích các thành phần kinh tế bỏ vốn đầu tư, thực hiện các chương trình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, đã tạo thêm nhiều chỗ làm việc mới và tăng thêm việc làm cho người lao động.

Mạng lưới các trung tâm xúc tiến việc làm, trung tâm dạy nghề, hướng nghiệp của các ngành, các cấp, các doanh nghiệp và các đoàn thể quần chúng đã đóng góp phần tích cực trong việc tạo cơ hội để người lao động có thể tiếp cận việc làm hoặc tự tạo việc làm, kết hợp với sự hỗ trợ của Nhà nước và của cộng đồng.

Trong 5 năm qua đã có thêm khoảng 6,1 triệu lao động được thu hút vào làm việc và tạo thêm việc làm trong các ngành kinh tế, xã hội, bình quân mỗi năm thu hút khoảng hơn 1,2 triệu người; trong đó khu vực kinh tế tư nhân, kinh tế hợp tác đã đóng góp phần đáng kể, tạo ra nhiều chỗ làm việc mới.

6.2. Công tác xoá đói, giảm nghèo đã được triển khai mạnh mẽ ở hầu hết các tỉnh, nhất là ở các vùng nghèo, xã nghèo; đã thu hút được nhiều nguồn lực hỗ trợ và đạt được kết quả khá.

Từ khi có chủ trương xoá đói, giảm nghèo (năm 1992) đến nay, Nhà nước đã đầu tư thông qua các chương trình quốc gia có liên quan đến mục tiêu xoá đói, giảm nghèo khoảng trên 21 nghìn tỉ đồng. Trong 2 năm gần đây, bên cạnh việc

tăng cường đầu tư cho các địa bàn khó khăn, Nhà nước đã dành riêng cho phần xây dựng kết cấu hạ tầng thuộc chương trình xoá đói, giảm nghèo khoảng 2.000 tỉ đồng.

Các ngành, các cấp, các đoàn thể và tổ chức xã hội đã triển khai nhiều công việc cụ thể giúp các hộ nghèo đói giảm bớt khó khăn, từng bước tự vươn lên, ổn định cuộc sống. Tỷ lệ hộ đói nghèo trên tổng số hộ trong cả nước đã từ 20% năm 1995 giảm xuống còn 10% năm 2000, đạt được mục tiêu đề ra và nước ta được cộng đồng quốc tế đánh giá là một trong những nước giảm tỷ lệ đói nghèo tốt nhất.

Đời sống dân cư nhiều vùng được cải thiện rõ rệt. Mức tiêu dùng bình quân đầu người tính theo giá hiện hành tăng từ 2,6 triệu đồng năm 1995 lên 4,3 triệu đồng năm 2000.

6.3. Công tác văn hoá, thông tin có nhiều đóng góp tích cực trong việc động viên toàn dân tham gia vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội. Các cơ quan và phương tiện thông tin đại chúng đã tích cực tuyên truyền đường lối đổi mới của Đảng, động viên và cổ vũ các nhân tố tích cực, đấu tranh chống các mặt tiêu cực và các tệ nạn xã hội, khơi dậy và phát huy truyền thống nhân ái, giúp đỡ lẫn nhau trong những khi hoạn nạn, thiên tai.

Chương trình đưa văn hoá về cơ sở, mở rộng diện phủ sóng phát thanh và truyền hình, đưa đến những vùng cao, biên giới và hải đảo được thực hiện có kết quả khá. Đến hết năm 2000, sóng truyền hình đã phủ trên 85%, sóng phát thanh đã phủ 95% diện tích cả nước và đưa đến nhiều nơi trên thế giới.

Nhiều cơ chế quản lý văn hoá, thông tin đã được đổi mới theo hướng xã hội hoá, huy động được thêm nhiều nguồn lực cho các hoạt động này.

6.4. Công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình và bảo vệ chăm sóc trẻ em, đạt được kết quả tích cực. Tỷ lệ sinh bình quân mỗi năm giảm 0,78‰ (mục tiêu là 0,6‰). Tỷ lệ tăng dân số năm 1995 là 1,7%, năm 2000 là 1,4%, vượt mục tiêu đề ra. Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình được tăng cường đáng kể; bình quân mỗi huyện đã có 2 trung tâm liên xã làm dịch vụ kế hoạch hoá gia đình, bảo đảm 100% tuyến tỉnh, huyện và 70% tuyến xã có trang thiết bị phù hợp. Với các tiến bộ trên, năm 1999 Việt Nam đã được Liên hợp quốc tặng giải thưởng về công tác dân số.

Tạo được phong trào toàn xã hội chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em; thực hiện các mục tiêu của chương trình hoạt động quốc gia về trẻ em; 51% quận, huyện có điểm văn hoá, vui chơi cho trẻ em; 70% trẻ em mồ côi không nơi nương tựa được chăm sóc.

6.5. Công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân có nhiều tiến bộ, đặc biệt là trong lĩnh vực y tế dự phòng. Các chỉ số sức khoẻ cộng đồng được nâng lên. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm từ 38% năm 1995 xuống 33 - 34% năm 2000; tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi giảm từ 81‰ xuống còn 42‰; các bệnh bại liệt, bệnh thiếu vitamin A, bệnh uốn ván sơ sinh cơ bản được thanh toán vào năm 2000. Các bệnh sốt rét, bấu cổ năm 2000 đã giảm gần 60% so với năm 1995.

Một số bệnh viện được nâng cấp, cải tạo hoặc xây dựng mới; hầu hết các xã đã có trạm y tế. Trung tâm y tế chuyên sâu ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh được hình thành bước đầu; trang thiết bị y tế đã được nâng cấp ở các tuyến. Các cơ sở khám, chữa bệnh tư nhân được phát triển. Các chính sách về bảo hiểm y tế và chế độ thu một phần viện phí đã góp phần khắc phục những khó khăn của ngành.

Nhiều nơi đã triển khai tốt chính sách khám, chữa bệnh cho người nghèo, gia đình có công với dân, với nước.

6.6. Các hoạt động về xã hội, chăm sóc người có công, đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn... được mở rộng, thu hút sự tham gia rộng rãi của các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, đoàn thể.

Trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn và ngay trong những năm nhịp độ tăng trưởng kinh tế bị giảm sút, chúng ta đã thực hiện mạnh mẽ hơn các chính sách bảo đảm xã hội (nâng lương tối thiểu, tăng phụ cấp hưu trí, người có công,...), mức sống của cán bộ, công chức, người về hưu, gia đình có công với cách mạng đã được nâng lên một bước.

Đến nay đã có 100% Bà mẹ Việt Nam Anh hùng được các đơn vị, tổ chức nhận phụng dưỡng đến cuối đời; hàng chục vạn thân nhân của liệt sĩ được đỡ đầu. Phong trào xây dựng nhà tình nghĩa, lập sổ tiết kiệm tặng cho các gia đình chính sách có khó khăn phát triển rộng khắp; xây dựng và đưa vào sử dụng 8 khu nuôi dưỡng thương binh nặng, 6 trung tâm chỉnh hình và phục hồi chức năng.

Các nghĩa trang lớn như Hàng Dương (Côn Đảo), Trường Sơn, Đường 9 (Quảng Trị), Điện Biên Phủ (Lai Châu), Việt - Lào (Nghệ An), Bến Dược (Thành phố Hồ Chí Minh) và các nghĩa trang của các tỉnh, thành phố khác đã được xây dựng và nâng cấp khang trang. Việc tìm kiếm hài cốt các liệt sĩ đã được quan tâm và có nhiều kết quả, đáp ứng tình cảm thiêng liêng của nhân dân đối với những người đã hy sinh vì Tổ quốc.

Quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ từ thiện đã được thành lập, huy động được sự đóng góp chung của cộng đồng. Các hoạt động từ thiện giúp đỡ người tàn tật, các nạn nhân chiến tranh, người già không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi lang thang, cơ nhỡ đã đem lại nhiều kết quả thiết thực. Việc cứu

trợ đồng bào bị thiên tai đã được quan tâm và thực hiện kịp thời, có hiệu quả, thể hiện truyền thống tốt đẹp tương thân tương ái trong cơn hoạn nạn của dân tộc ta.

6.7. *Phong trào thể dục thể thao* phát triển rộng rãi ở các địa phương, trong các trường học, lực lượng vũ trang và các doanh nghiệp, cơ quan,... Các hoạt động thể thao thành tích cao đã có bước tiến bộ trong việc xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ vận động viên và phát triển những bộ môn mới để nâng cao thành tích thi đấu trong nước và quốc tế, bước đầu thu được những kết quả đáng khích lệ.

7. Cơ chế quản lý kinh tế đang được đồng bộ hoá và hoàn thiện bước đầu

Trong 5 năm qua, nhiều đạo luật về kinh tế, xã hội được ban hành đã thể chế, cụ thể hoá đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, hình thành về cơ bản khuôn khổ pháp lý cho nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành trong cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cơ chế quản lý kinh tế, hệ thống luật pháp, cơ chế chính sách được đồng bộ hoá và hoàn thiện dần, đang phát huy tích cực trong quản lý kinh tế và trong đời sống xã hội.

Trong quá trình triển khai thực hiện các Luật, Pháp lệnh, các Chỉ thị, Nghị quyết... đã kịp thời điều chỉnh, bổ sung những nội dung mới phù hợp với tiến trình phát triển, tạo ra môi trường vĩ mô thuận lợi để thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế, xã hội.

Thị trường hàng hoá, dịch vụ; thị trường vốn, tiền tệ; thị trường bất động sản... đang được hình thành với những cơ chế chính sách quản lý phù hợp đã tạo thêm động lực cho sự phát triển, khơi dậy tính năng động của nền kinh tế.

8. Quốc phòng và an ninh được giữ vững

Cùng với phát triển kinh tế, xã hội, tiềm lực quốc phòng và an ninh của đất nước đã được tăng cường, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu thiết yếu trong lĩnh vực bảo đảm kỹ thuật, giữ gìn, bảo quản và từng bước cải tiến vũ khí, trang thiết bị hiện có; cải thiện đáng kể đời sống bộ đội, công an; đáp ứng ngày càng tốt hơn các nhu cầu về doanh trại, cấp điện, cấp nước và các nhu cầu về đời sống tinh thần.

Các tuyến phòng thủ biên giới, các địa bàn trọng điểm về kinh tế, an ninh, quốc phòng, đặc biệt là vùng biển, hải đảo đã được tăng cường. Việc kết hợp giữa phát triển kinh tế, xã hội với quốc phòng và an ninh được chú trọng hơn trong công tác quy hoạch và kế hoạch. Thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân ngày càng được củng cố, phát triển; trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

Đạt được thành tựu phát triển kinh tế - xã hội nêu trên chủ yếu là nhờ tinh thần đoàn kết phấn đấu của toàn dân, toàn Đảng, của các ngành, các cấp; sự đúng đắn của các Nghị quyết Trung ương cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội VIII phù hợp với tình hình mới; sự chỉ đạo của Bộ Chính trị và điều hành của Chính phủ, đặc biệt là việc đề ra các cơ chế chính sách phù hợp, tạo thêm thế và lực mới để vượt qua khó khăn, thách thức thực hiện các mục tiêu kế hoạch.

Tuy nhiên, những thành tựu đạt được trong 5 năm qua vẫn còn thấp so với tiềm năng và khả năng phát triển. **Tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều mặt khó khăn, yếu kém:**

(1) *Chất lượng và hiệu quả phát triển kinh tế còn thấp; nhiều lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chưa đủ sức cạnh tranh.*

Trong nông nghiệp, kỹ thuật và phương thức canh tác tiên tiến chậm đưa vào thực hiện trên diện rộng; chưa chú

trọng đầu tư phát triển công nghệ sau thu hoạch, công nghiệp chế biến; chậm mở rộng các ngành, nghề và thị trường ở nông thôn...

Một số ngành công nghiệp sản xuất còn khó khăn, tốc độ đổi mới công nghệ chậm. Một số dự án, chương trình phát triển công nghiệp đề ra trong kế hoạch 5 năm qua được triển khai chậm hoặc chưa triển khai được do các yếu tố khách quan từ phía đối tác và do nguyên nhân chủ quan về tổ chức quản lý, điều hành,... Khu vực doanh nghiệp nhà nước chậm được sắp xếp, củng cố và đổi mới; các thành phần kinh tế đầu tư vào công nghiệp còn dè dặt, cầm chừng. Còn một bộ phận không ít doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước làm ăn kém hiệu quả, thiếu năng động, trông chờ vào sự bảo hộ của Nhà nước.

Một số sản phẩm nông, công nghiệp tính theo đầu người còn rất thấp, nhưng vẫn bị tồn đọng không tiêu thụ hết; nguyên nhân do chất lượng thấp, giá thành cao; mặt khác do sức mua của các tầng lớp dân cư còn thấp.

Lĩnh vực xuất khẩu có những hạn chế về tạo nguồn hàng, chất lượng và sức cạnh tranh. Xuất khẩu hàng nông sản thô, nguyên liệu thô còn chiếm tỷ trọng lớn. Nhiều mặt hàng còn phải xuất khẩu qua trung gian hoặc chỉ là gia công, nên hiệu quả không cao.

Mức tăng trưởng giá trị các ngành dịch vụ chỉ đạt trên 50% kế hoạch, trong khi lĩnh vực này chiếm tỷ trọng lớn trong GDP, nên hạn chế mức tăng trưởng chung của nền kinh tế.

(2) Cơ chế, chính sách về thị trường tài chính, tiền tệ chưa đồng bộ.

Chính sách thuế chưa thật hợp lý, chưa bao quát hết các nguồn thu. Thất thu ngân sách, nợ thuế và kê đọng thuế

còn lớn. Việc sử dụng và quản lý nguồn tài chính quốc gia còn lãng phí, kém hiệu quả. Tài chính doanh nghiệp nhà nước còn nhiều yếu kém. Các khoản chi bị dàn trải cho nhiều mục tiêu, hạn chế hiệu quả sử dụng ngân sách.

Hoạt động của các ngân hàng thương mại còn nhiều yếu kém. Chất lượng tín dụng thấp, tỷ lệ nợ quá hạn lớn; tình hình tài chính của một số ngân hàng thương mại khó khăn. Thị trường vốn phát triển chậm; tỷ lệ sử dụng tiền mặt còn lớn; các loại dịch vụ tài chính, ngân hàng chưa phát triển. Thị trường chứng khoán đã mở ra, song hoạt động còn lúng túng.

Nguồn vốn trong dân cư chưa được huy động đúng mức, chưa có chính sách đủ mạnh để khuyến khích dân bỏ vốn đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện trong 5 năm qua thấp hơn mức dự kiến; công tác quản lý trong lĩnh vực này còn nhiều vướng mắc, yếu kém. Một số dự án ODA giải ngân chậm.

Đầu tư còn phân tán, làm cho hiệu quả sử dụng đồng vốn, nhất là vốn từ ngân sách chưa cao. Trong nông nghiệp ít chú ý đầu tư vào khâu nghiên cứu, ứng dụng giống mới có năng suất và giá trị hàng hoá lớn. Trong công nghiệp, chưa tập trung đầu tư đổi mới công nghệ theo hướng hiện đại; chưa đầu tư đúng mức cho phát triển ngành cơ khí chế tạo. Cơ cấu đầu tư theo vùng lãnh thổ chưa phát huy tốt thế mạnh của từng vùng, nhất là những vùng có tiềm năng nhưng chưa có điều kiện khai thác.

(3) Công tác giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ còn nhiều bất cập.

Chất lượng, hiệu quả của giáo dục và đào tạo tuy đã có những chuyển biến, nhưng nhìn chung còn thấp so với yêu

cầu; cơ cấu đào tạo chưa hợp lý, mất cân đối về bậc học, về ngành nghề, về vùng lãnh thổ; việc giáo dục đạo đức, chính trị trong các trường học chưa được quan tâm đúng mức. Trình độ học vấn ở một số vùng còn quá thấp. Các hiện tượng tiêu cực trong ngành giáo dục và đào tạo còn nhiều, nhưng chậm được khắc phục.

Giáo dục ở vùng sâu, vùng xa tuy có phát triển nhưng vẫn còn nhiều khó khăn. Chi phí học tập còn cao so với khả năng thu nhập của dân cư, quy chế đóng góp chưa rõ ràng, hợp lý là trở ngại lớn đối với học sinh, nhất là các gia đình nghèo.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo mới ở mức 20% (so với 50% trở lên ở nhiều nước và chưa đạt mục tiêu 22 - 25%) làm cho khả năng tiếp thu kỹ thuật công nghệ mới gặp nhiều khó khăn.

Các hoạt động khoa học và công nghệ chưa thực sự gắn kết với nhu cầu và hoạt động của các ngành kinh tế, xã hội, chậm đưa vào ứng dụng những kết quả đã nghiên cứu được. Trình độ công nghệ của nước ta còn thấp nhiều so với các nước xung quanh, chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Năng lực tự tạo ra công nghệ mới còn rất có hạn.

Các cơ quan nghiên cứu khoa học chậm được sắp xếp cho đồng bộ, còn phân tán, thiếu phối hợp, do đó đạt hiệu quả thấp. Các viện nghiên cứu và các doanh nghiệp, các trường đại học chưa gắn kết với nhau. Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật thiếu tập trung và dứt điểm cho từng mục tiêu. Cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao tuy còn ít, song chưa được sử dụng tốt.

(4) Nhiều vấn đề xã hội và môi trường đặt ra rất bức xúc.

Lực lượng lao động tăng tự nhiên mỗi năm khoảng 1,2 triệu người, trong khi tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị năm 2000

còn ở mức 6,4% và tỷ lệ thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn mới đạt 73,8% so với mục tiêu là 75%, đang trở thành vấn đề gay gắt, nổi cộm nhất hiện nay.

Tỷ lệ đói nghèo trong toàn quốc mấy năm gần đây tuy đã giảm mạnh, nhưng chưa vững chắc, nếu gặp thiên tai, mất mùa thì nhiều hộ vẫn có thể rơi vào tình trạng đói nghèo trở lại. Đời sống của nhân dân ở một số vùng sâu, vùng xa, vùng thường bị thiên tai còn rất khó khăn. Tình trạng khiếu kiện kéo dài trở thành rất bức xúc.

Cơ sở vật chất của ngành y tế tuy có được cải thiện, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, nhất là ở tuyến huyện, xã. Cơ sở y tế ở vùng sâu, vùng xa, các vùng biên giới, vùng cao... còn quá thiếu thốn, lạc hậu. Tình hình dịch bệnh cục bộ vẫn xảy ra ở một số nơi, số người nhiễm HIV tiếp tục tăng. Việc khám và chữa bệnh cho người nghèo là vấn đề nổi cộm hiện nay.

Tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại và tệ tham nhũng không giảm. Các tệ nạn xã hội như mại dâm, cờ bạc, nhất là nạn ma túy, tiếp tục tăng và lan rộng đang là vấn đề nhức nhối, ảnh hưởng lớn đến trật tự, an toàn xã hội. Tai nạn giao thông xảy ra nghiêm trọng và có xu hướng tăng nhanh. Tội phạm kinh tế, tội phạm hình sự tuy có giảm nhưng chưa cơ bản, vững chắc. Cuộc đấu tranh chống các thói hư, tật xấu, nọc độc văn hoá, hủ tục mê tín dị đoan, thoái hoá đạo đức,... còn mang nhiều tính hình thức, chậm đưa lại hiệu quả thiết thực.

Môi trường đô thị, khu công nghiệp tập trung và một số vùng nông thôn bị ô nhiễm ngày càng nặng. Cơ chế chính sách về môi trường còn thiếu đồng bộ, nhận thức về bảo vệ môi trường của cộng đồng dân cư còn nhiều hạn chế.

Những tồn tại yếu kém và những mặt chưa làm được trong thời gian qua do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chính, chủ yếu là:

Công tác chỉ đạo điều hành của Chính phủ, các bộ ngành ở Trung ương và các cấp chính quyền địa phương còn nhiều bất cập, thiếu ráo riết, thiếu kiểm tra, đôn đốc và chưa có sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ nên hiệu lực và hiệu quả chưa cao. Các giải pháp đề ra thực hiện thường quá chậm làm cho nhiều giải pháp mang tính thời sự, tình thế còn ít ý nghĩa trong thực tế. Công tác quản lý sản xuất kinh doanh ở cấp cơ sở thiếu chủ động, nhạy bén.

Một số Nghị quyết của Đảng chưa được các ngành, các cấp nhận thức thống nhất và chấp hành nghiêm chỉnh; chậm trễ trong việc làm rõ và cụ thể hoá một số chủ trương quan trọng như sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp nhà nước, phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, thu hút vốn đầu tư nước ngoài... Một số cơ chế, chính sách có xu hướng trở lại bao cấp như khoanh nợ, xoá nợ, giảm thuế, miễn thuế, bù lãi suất, bao cấp qua giá và các hình thức bảo hộ quá mức của Nhà nước đã làm cho các cơ sở sản xuất kinh doanh thiếu năng động, sáng tạo và có phần ỷ lại.

Cải cách hành chính chậm, thiếu kiên quyết, thực hiện chưa đồng bộ, hiệu quả thấp; ý thức trách nhiệm, kỷ luật và năng lực tổ chức thực hiện ở các ngành, các cấp còn rất yếu, còn mang tính bản vị cục bộ, sợ trách nhiệm, cấp dưới chờ đợi, đùn đẩy lên cấp trên. Tập trung, dân chủ, kỷ luật, kỷ cương trong thi hành nhiệm vụ còn kém, tinh thần sáng tạo, vượt khó chưa cao.

Một bộ phận không nhỏ đội ngũ cán bộ công chức còn nhiều yếu kém, bất cập về trình độ chuyên môn và năng lực

điều hành công việc, chưa tương xứng với cương vị và trách nhiệm được giao; một số không ít cán bộ thoái hoá về phẩm chất, chạy theo sự cám dỗ vật chất, sống thực dụng, cửa quyền, hối lộ, sách nhiễu, tham nhũng,... ảnh hưởng rất xấu tới uy tín của Đảng và Nhà nước, nhân dân chê trách, gây cản trở lớn cho sự nghiệp phát triển đất nước.

Ngoài ra, nguyên nhân khách quan từ cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế khu vực và thiên tai nặng nề trên nhiều miền của đất nước, cũng gây ra nhiều khó khăn cho nền kinh tế nước ta, làm chậm quá trình phát triển, gây trở ngại cho việc thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

II- MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, NHIỆM VỤ VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2001 - 2005

Bước vào kế hoạch 5 năm đầu tiên của thế kỷ mới, tình hình trong nước và bối cảnh quốc tế có nhiều thuận lợi, cơ hội lớn đan xen với nhiều khó khăn, thách thức lớn.

Thế và lực của nước ta mạnh hơn nhiều so với trước. Chính trị - xã hội tiếp tục ổn định; quan hệ sản xuất được đổi mới phù hợp hơn; thể chế kinh tế thị trường đã bước đầu hình thành và vận hành có hiệu quả. Hệ thống luật pháp, cơ chế chính sách phù hợp đang phát huy trong phát triển kinh tế và đời sống xã hội.

Năng lực sản xuất và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đã tạo ra tiền đề cần thiết cho bước phát triển mới. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch tích cực. Quan hệ kinh tế, ngoại giao của nước ta đã được mở rộng trên trường quốc tế.

Năm 2000, nền kinh tế đã bắt đầu lấy lại được nhịp độ tăng trưởng tương đối khá, tạo đà phát triển trong những năm tiếp theo.

Tuy vậy, trình độ phát triển kinh tế của nước ta còn thấp; chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh còn kém, quy mô sản xuất nhỏ bé, các cân đối nguồn lực còn hạn hẹp; mức thu nhập và tiêu dùng của dân cư thấp, chưa đủ tạo sức bật mới đối với sản xuất và phát triển thị trường. Lĩnh vực xã hội tồn tại nhiều vấn đề bức xúc. Cải cách hành chính tiến hành còn chậm.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học; xu thế toàn cầu hoá; khả năng ổn định và phục hồi của nền kinh tế khu vực và thế giới trong thập kỷ tới có những tác động tích cực, tạo điều kiện cho nước ta mở ra khả năng hợp tác kinh tế, khai thác lợi thế so sánh, tranh thủ nguồn lực bên ngoài để phát huy tốt hơn nội lực, tạo thành sức mạnh tổng hợp phát triển đất nước. Đồng thời cũng có những yếu tố không thuận, tăng sức ép cạnh tranh đối với nền kinh tế nước ta.

Vấn đề đặt ra là phải phát huy cao độ sức mạnh của toàn dân tộc, đặc biệt là trí tuệ và kỹ năng lao động của người Việt Nam, nguồn lực của mọi thành phần kinh tế, khắc phục những khó khăn, yếu kém, tận dụng mọi thuận lợi và thời cơ để phát triển kinh tế, xã hội nhanh và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

1. Mục tiêu tổng quát và nhiệm vụ chủ yếu

Kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 thể hiện các quan điểm phát triển và mục tiêu chiến lược 10 năm tới mà nội dung cơ bản là: *Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế*

thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao.

Theo đó, mục tiêu tổng quát của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 là:

Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững; ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Mở rộng kinh tế đối ngoại. Tạo chuyển biến mạnh về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát huy nhân tố con người. Tạo nhiều việc làm; cơ bản xoá đói, giảm số hộ nghèo; đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Tiếp tục tăng cường kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội; hình thành một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia.

Mục tiêu tổng quát nêu trên được cụ thể hoá thành định hướng phát triển và các nhiệm vụ chủ yếu như sau:

1.1. Phấn đấu đạt nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm cao hơn 5 năm trước và có bước chuẩn bị cho 5 năm tiếp theo.

1.2. Phát triển kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước có vai trò chủ đạo; củng cố kinh tế tập thể; hình thành một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, tăng nhanh hàm lượng công nghệ trong sản phẩm.

1.3. Tăng nhanh vốn đầu tư phát triển kinh tế, xã hội; xây dựng cơ cấu kinh tế có hiệu quả và nâng cao sức cạnh tranh. Hoàn chỉnh một bước cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng.

Đầu tư thích đáng cho các vùng kinh tế trọng điểm; hỗ trợ đầu tư nhiều hơn cho các vùng còn nhiều khó khăn.

1.4. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Củng cố thị trường đã có và mở rộng thêm thị trường mới. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để tăng nhanh xuất khẩu, thu hút vốn, công nghệ từ bên ngoài. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả, thực hiện các cam kết song phương và đa phương.

1.5. Tiếp tục đổi mới và lành mạnh hoá hệ thống tài chính - tiền tệ, tăng tiềm lực và khả năng tài chính quốc gia, thực hành triệt để tiết kiệm; tăng tỷ lệ chi ngân sách dành cho đầu tư phát triển; duy trì ổn định các cân đối vĩ mô; phát triển thị trường vốn đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

1.6. Tiếp tục đổi mới, tạo chuyển biến cơ bản, toàn diện về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực với cơ cấu hợp lý; triển khai thực hiện chương trình phổ cập trung học cơ sở; ứng dụng nhanh các công nghệ tiên tiến, hiện đại; từng bước phát triển kinh tế tri thức.

1.7. Giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc: tạo nhiều việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp ở cả thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn; cải cách cơ bản chế độ tiền lương; cơ bản xoá đói, giảm nhanh hộ nghèo; chăm sóc tốt người có công; an ninh xã hội; chống tệ nạn xã hội. Phát triển mạnh văn hoá, thông tin, y tế và thể dục thể thao; nâng cao mức sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

1.8. Đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính, đổi mới và nâng cao hiệu lực của bộ máy nhà nước. Đẩy lùi tình trạng quan liêu, tham nhũng. Thực hiện tốt dân chủ, nhất là dân chủ ở xã, phường và các đơn vị cơ sở.

1.9. Thực hiện nhiệm vụ củng cố quốc phòng và an ninh; bảo đảm trật tự kỷ cương trong các hoạt động kinh tế, xã hội.

2. Các chỉ tiêu định hướng phát triển kinh tế, xã hội chủ yếu

2.1. Các chỉ tiêu kinh tế:

- Đưa GDP năm 2005 gấp 2 lần so với năm 1995. Nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm thời kỳ 5 năm 2001 - 2005 là 7,5%, trong đó nông, lâm, ngư nghiệp tăng 4,3%, công nghiệp và xây dựng tăng 10,8%, dịch vụ tăng 6,2%.

- Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng 4,8%/năm.

- Giá trị sản xuất ngành công nghiệp tăng 13%/năm.

- Giá trị dịch vụ tăng 7,5%/năm.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 16%/năm.

Cơ cấu ngành kinh tế trong GDP đến năm 2005 dự kiến:

- Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp 20 - 21%.

- Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng khoảng 38 - 39%.

- Tỷ trọng các ngành dịch vụ 41 - 42%.

2.2. Các chỉ tiêu xã hội:

Tỷ lệ học sinh trung học cơ sở đi học trong độ tuổi đạt 80%, tỷ lệ học sinh phổ thông trung học đi học trong độ tuổi đạt 45% vào năm 2005.

Tiếp tục củng cố và duy trì mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học. Thực hiện chương trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Giảm tỷ lệ sinh bình quân hằng năm 0,5%; tốc độ tăng dân số vào năm 2005 khoảng 1,2%.

Tạo việc làm, giải quyết thêm việc làm cho khoảng 7,5 triệu lao động, bình quân 1,5 triệu lao động/năm; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 30% vào năm 2005.

Cơ bản xoá hộ đói, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 10% vào năm 2005.

Đáp ứng 40% nhu cầu thuốc chữa bệnh sản xuất trong nước.

Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống còn 22 - 25% vào năm 2005.

Nâng tuổi thọ bình quân vào năm 2005 lên 70 tuổi.

Cung cấp nước sạch cho 60% dân số nông thôn.

III- DỰ BÁO VỀ CÁC CÂN ĐỐI LỚN THỜI KỲ 5 NĂM 2001 - 2005

Những dự báo và tính toán các cân đối lớn trong nền kinh tế dựa vào các yếu tố sau đây:

- Bước đột phá mới về cơ chế, chính sách, nhằm tăng khả năng khai thác các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực trong nước để phát triển như nguồn vốn từ đất đai và từ việc chuyển dịch mục tiêu sử dụng đất (khai hoang, thâm canh tăng vụ, tăng năng suất và giá trị cây trồng, vật nuôi trên mỗi đơn vị diện tích...); từ lao động (cơ cấu lại nguồn lao động, trình độ tay nghề, phân bố lại lao động, dân cư...); từ nguồn đầu tư vật chất, trí tuệ và tinh thần của mọi người dân; từ công suất sản xuất của các ngành đã tạo được; từ khả năng khai thác nguồn tài nguyên và lợi thế của đất nước. Đồng thời tranh thủ tối đa khả năng đóng góp của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, đặc biệt là nguồn lực chất xám và tài chính.

- Khả năng phát triển khoa học và công nghệ cùng với việc đưa nhanh các tiến bộ khoa học và công nghệ vào phát triển các ngành, các lĩnh vực.

- Khả năng hình thành và mở rộng các loại thị trường trong nước, đặc biệt là thị trường vốn; phát triển kinh tế đối ngoại, nhất là việc thu hút nguồn vốn bên ngoài, phát triển thị trường xuất khẩu.

Những dự báo này sẽ được cập nhật, hiệu chỉnh trong xây dựng kế hoạch hằng năm và điều hành thực hiện kế hoạch.

1. Dự báo lao động và việc làm

Theo tính toán ban đầu, số lao động cần giải quyết việc làm trong 5 năm 2001 - 2005 là 15 triệu người, bao gồm lao động mới tăng thêm mỗi năm khoảng 1,2 triệu và số lao động chưa được giải quyết việc làm từ 5 năm trước chuyển sang; trong đó ở nông thôn (tính theo ngày công quy đổi) khoảng 12,5 triệu người, ở thành thị khoảng 2,5 triệu người.

Trong 5 năm tới, dự tính thu hút và tạo việc làm thêm cho khoảng trên 7,5 triệu lao động trong các ngành kinh tế, xã hội, bình quân mỗi năm khoảng trên 1,5 triệu người; trong đó:

Ở khu vực nông thôn, với việc chuyển đổi mạnh cơ cấu sản xuất, mùa vụ, cây trồng, vật nuôi; phát triển đa dạng ngành nghề trong các lĩnh vực công nghiệp, thủ công mỹ nghệ, dịch vụ... dự kiến có thể thu hút và tạo thêm việc làm cho khoảng trên 9 triệu lao động (tính theo ngày công quy đổi), đưa số lao động có việc làm ở nông thôn vào năm 2005 khoảng 28 triệu người.

Ở khu vực thành thị, dự kiến trong 5 năm có thể thu hút và tạo việc làm thêm khoảng 1,78 triệu người trong các ngành sản xuất công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, đưa tổng số lao động có việc làm ở thành thị vào khoảng trên 11 triệu người.

Tính đến năm 2005, tỷ lệ thời gian sử dụng lao động ở nông thôn vào khoảng 80%; tỷ lệ lao động chưa có việc làm ở thành thị chiếm khoảng 5,4% số lao động trong độ tuổi.

2. Về khả năng tích lũy và tiêu dùng trong nền kinh tế

Tổng GDP được tạo ra trong 5 năm tới vào khoảng 2.650 - 2.660 nghìn tỉ đồng (tính theo giá năm 2000), tương đương

190 tỉ USD; tổng quỹ tiêu dùng dự báo tăng khoảng 5,5%/năm, tỉ lệ tích lũy nội địa sẽ có khả năng nâng lên 28 - 30% GDP, trong đó tích lũy từ khu vực ngân sách khoảng 6% GDP; tích lũy khu vực dân cư, doanh nghiệp khoảng 22 - 24% GDP. Khả năng huy động đưa vào đầu tư khoảng 80% tổng số tích lũy nội địa trong năm; đó là chưa tính đến nguồn vốn để dành từ các thời kỳ trước.

3. Về khả năng đưa vào thực hiện các nguồn vốn từ bên ngoài

Toàn bộ nguồn vốn bên ngoài có thể thu hút cho đầu tư phát triển là 18 - 20 tỉ USD, trong đó:

Khả năng thu hút nguồn vốn ODA.

Trong 5 năm tới, khả năng thực hiện nguồn vốn ODA khoảng 10 - 11 tỉ USD, bao gồm cả các dự án có vốn ODA được hợp thức hoá bằng các hiệp định vay vốn nhưng chưa giải ngân và các khoản có thể cam kết mới trong thời gian tới.

Về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Dự kiến vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được thực hiện trong 5 năm tới khoảng 9 - 10 tỉ USD, bao gồm vốn các dự án đã được cấp phép chưa được thực hiện của các năm trước; vốn thực hiện các dự án cấp phép mới và vốn bổ sung các dự án đã thực hiện.

Ngoài ra còn có khả năng thu hút vốn đầu tư nước ngoài khác khoảng 1 - 2 tỉ USD thông qua phát hành trái phiếu, cổ phiếu ra nước ngoài, mở thị trường chứng khoán và tìm thêm các nguồn vay khác để đầu tư trung và dài hạn.

4. Dự báo khả năng cân đối ngân sách nhà nước

Tiếp tục thực hiện một số nguyên tắc cơ bản trong cân đối ngân sách nhà nước:

Tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước bình quân hằng năm là 20 - 21% GDP, trong đó thuế và phí khoảng 18 - 19% GDP. Bội chi ngân sách và chỉ số lạm phát được khống chế ở mức độ hợp lý.

Trên cơ sở đó, dự báo cân đối ngân sách 5 năm (2001 - 2005) như sau:

Với dự kiến tổng sản phẩm trong nước 5 năm tới tăng 7,5%/năm, và theo các tỷ lệ huy động như trên, thì dự kiến tổng thu ngân sách nhà nước 5 năm khoảng 620 nghìn tỉ đồng, trong đó thu từ thuế và phí khoảng 560 nghìn tỉ đồng.

Tổng chi ngân sách 5 năm dự kiến là 720 - 750 nghìn tỉ đồng, trong đó dự kiến chi đầu tư phát triển chiếm 25 - 26%; chi thường xuyên chiếm 57 - 58%; chi trả nợ trong, ngoài nước chiếm 17 - 18% tổng chi ngân sách.

5. Dự báo khả năng thanh toán quốc tế

Trên cơ sở các tính toán ban đầu về khả năng xuất khẩu, nhập khẩu, các dịch vụ thu chi ngoại tệ, kiều hối; thu nhập từ đầu tư, đầu tư trực tiếp nước ngoài, khả năng thu hút nguồn vốn ODA; đồng thời dự kiến mức trả nợ theo tiến độ các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn thì cán cân thanh toán quốc tế trong 5 năm tới được cải thiện nhiều hơn so với 5 năm trước.

6. Dự báo vốn đầu tư phát triển

6.1. Theo tính toán và dự báo ban đầu, khả năng huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển trong 5 năm tới vào khoảng 830 - 850 nghìn tỉ đồng (theo giá năm 2000), tương đương 59 - 61 tỉ USD, tăng khoảng 11 - 12%/năm, trong đó nguồn vốn trong nước chiếm khoảng 2/3. Tỷ lệ đầu tư so với GDP chiếm khoảng 31 - 32%, bảo đảm tốc độ tăng

trưởng kinh tế 7,5%/năm và có công trình gối đầu cho kế hoạch 5 năm tiếp theo.

Trong tổng vốn đầu tư xã hội, đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước chiếm 20 - 21%; đầu tư bằng tín dụng nhà nước chiếm 17 - 18%; khu vực doanh nghiệp nhà nước đầu tư chiếm 19 - 20%; khu vực dân cư, doanh nghiệp tư nhân đầu tư trực tiếp 24 - 25%; đầu tư trực tiếp nước ngoài theo dự báo và tính toán ban đầu, dự kiến đưa vào thực hiện chiếm 16 - 17%.

6.2. Tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội nêu trên sẽ được *định hướng đầu tư* vào một số ngành và lĩnh vực chủ yếu như sau:

- Tiếp tục tập trung đầu tư cho nông nghiệp, nâng tỷ lệ đầu tư lên đạt khoảng 13% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

- Đầu tư vào các ngành công nghiệp, nhất là các ngành mũi nhọn, để tăng năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh một số sản phẩm hàng hoá, dự kiến tỷ trọng chiếm khoảng 44% đầu tư toàn xã hội.

- Đầu tư cho lĩnh vực giao thông vận tải, bưu điện khoảng 15% vốn đầu tư toàn xã hội.

- Đầu tư vào các ngành khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hoá xã hội khoảng 8% vốn đầu tư toàn xã hội.

- Đầu tư cho các ngành khác như công cộng, cấp và thoát nước, quản lý nhà nước, thương mại, du lịch, xây dựng... khoảng 20%.

6.3. *Vốn đầu tư từ ngân sách và tín dụng* mà Nhà nước có thể trực tiếp và chủ động bố trí theo cơ cấu chiếm bình quân hằng năm vào khoảng 35 - 39% tổng vốn (khoảng trên 10% GDP).

Vốn ngân sách nhà nước sẽ dành khoảng 65 - 70% trong tổng nguồn để tập trung đầu tư cho một số lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế và khoảng 30 - 35% kết cấu hạ tầng xã hội.

Việc đầu tư để tạo ra năng lực sản xuất mới và nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm sẽ huy động từ nguồn vốn vay dưới nhiều hình thức, nguồn vốn tự tích lũy của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước. Điều đó đòi hỏi cần đổi mới mạnh mẽ các chính sách, cơ chế huy động các nguồn vốn, khuyến khích tích lũy cao trong nước cho đầu tư và thu hút nguồn vốn bên ngoài.

7. Dự báo quan hệ cung - cầu một số vật tư hàng hoá chủ yếu

7.1. Quan hệ cung - cầu về lương thực

Tổng sản lượng lương thực có hạt 5 năm dự kiến 165 - 170 triệu tấn, tăng bình quân hằng năm trên 2%.

Lương thực hàng hoá trong 5 năm chiếm 43% tổng sản lượng, bình quân mỗi năm có khoảng 14 triệu tấn.

Lượng lương thực hàng hoá được đưa vào tiêu dùng ở thị trường thành thị và các khu vực công nghiệp tập trung trong 5 năm bằng khoảng 38 - 42% sản lượng lương thực hàng hoá; dự kiến xuất khẩu khoảng 42 - 45% sản lượng lương thực hàng hoá; tăng thêm dự trữ quốc gia hợp lý để bảo đảm an toàn lương thực quốc gia.

7.2. Quan hệ cung - cầu về điện năng

Nhu cầu điện thương phẩm đến năm 2005 dự báo khoảng trên 37 tỉ kWh, tăng 11%/năm, trong đó ngành công nghiệp chiếm 45%, tăng 13,2%/năm; ngành nông nghiệp chiếm 2,5%, tăng 5%/năm; các ngành dịch vụ chiếm 8%, tăng 14%/năm; điện cho sinh hoạt chiếm 45%, tăng 10,5%/năm.

Dự báo đến năm 2005, tổng công suất nguồn có khoảng 11.400MW, đáp ứng nhu cầu phụ tải khoảng 8.000MW, bảo đảm sản lượng điện phát ra năm 2005 khoảng 44 tỉ kWh, tăng bình quân 12%/năm; điện thương phẩm khoảng 37,0 tỉ kWh.

Như vậy, theo dự báo ban đầu thì mức độ an toàn và cân đối năng lượng trong 5 năm tới có thể bảo đảm được.

7.3. Quan hệ cung - cầu về xăng dầu

Nhu cầu tiêu dùng xăng dầu các loại trong 5 năm khoảng 55 triệu tấn, tăng bình quân hằng năm khoảng 10%/năm.

Sản lượng xăng dầu thành phẩm sản xuất trong nước do nhà máy lọc dầu số 1 bắt đầu hoạt động từ năm 2004 đến năm 2005 khoảng 7,5 triệu tấn. Cần bố trí kế hoạch nhập khẩu trong 5 năm khoảng 47,5 triệu tấn.

7.4. Quan hệ cung - cầu về thép

Dự báo nhu cầu thép thành phẩm 5 năm khoảng 15 - 16 triệu tấn, tăng bình quân hằng năm 10%. Sản lượng thép cán sản xuất trong nước trong 5 năm tới có khả năng đạt trên 10 triệu tấn. Lượng thép cần nhập khẩu trong 5 năm khoảng 5,7 triệu tấn, bình quân mỗi năm nhập khẩu trên 1,1 triệu tấn các loại thép mà trong nước chưa sản xuất được.

7.5. Quan hệ cung - cầu về xi măng

Dự báo nhu cầu xi măng 5 năm khoảng 80 - 85 triệu tấn, tăng 55 - 60% so với thời kỳ 1996 - 2000. Bình quân mỗi năm nhu cầu tiêu dùng khoảng 16 - 17 triệu tấn. Sản lượng xi măng sản xuất trong nước 5 năm tới có khả năng trên 85 triệu tấn. Như vậy lượng xi măng sản xuất trong nước có thể đáp ứng được nhu cầu.

7.6. Quan hệ cung - cầu về phân bón

Dự báo nhu cầu phân bón các loại bình quân hằng năm khoảng 7 triệu tấn, trong đó phân urê trên 2,4 triệu tấn, phân

lân các loại khoảng 1,4 triệu tấn, phân NPK khoảng 2 triệu tấn... Dự kiến trong 5 năm tới, sản xuất đủ đáp ứng nhu cầu về phân lân các loại, phân NPK, các loại phân vi sinh và một phần phân urê. Cần nhập khẩu trong 5 năm tới trên 9 triệu tấn phân urê, khoảng 2,5 triệu tấn DAP và một số loại phân vi lượng khác.

IV- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ VÙNG

Căn cứ vào định hướng phát triển của chiến lược, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và vùng trong kế hoạch 5 năm tới là:

1. Định hướng phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn

Chuyển đổi nhanh chóng cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn; xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh phù hợp với tiềm năng và lợi thế về khí hậu, đất đai và lao động của từng vùng, từng địa phương. Ứng dụng nhanh khoa học và công nghệ vào sản xuất, nhất là ứng dụng công nghệ sinh học; gắn nông nghiệp với công nghiệp chế biến; gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ; hình thành sự liên kết nông - công nghiệp - dịch vụ ngay trên địa bàn nông thôn.

Tích cực khai hoang mở rộng diện tích canh tác ở những nơi còn đất hoang hoá chưa được sử dụng, phân bố lại lao động dân cư; giảm nhẹ tác động của thiên tai đối với sản xuất.

Phát triển mạnh ngành, nghề và kết cấu hạ tầng ở nông thôn, tạo thêm việc làm mới để chuyển lao động nông nghiệp sang làm ngành, nghề phi nông nghiệp, nâng cao đời

sống của dân cư nông thôn. Phấn đấu đến năm 2005 thu nhập bình quân của nông dân gấp 1,7 lần so với hiện nay; không còn hộ đói, giảm đáng kể tỷ lệ hộ nghèo.

Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất lương thực theo hướng thâm canh, tăng năng suất và tăng nhanh lúa đặc sản, chất lượng cao. Sản lượng lương thực có hạt năm 2005 dự kiến 37 triệu tấn, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.

Tập trung phát triển các cây công nghiệp chủ lực có khả năng cạnh tranh như cao su, cà phê chè, chè, điều,... Ngoài ra cần đặc biệt chú trọng phát triển các loại rau quả và các sản phẩm đặc trưng khác.

Phát triển chăn nuôi, dự kiến năm 2005, sản lượng thịt hơi các loại khoảng 2,5 triệu tấn. Hướng chính là tổ chức lại sản xuất, khuyến khích phát triển hộ hoặc nông trại chăn nuôi quy mô lớn; đầu tư cải tạo đàn giống, tăng cường công tác thú y; chế biến thức ăn chăn nuôi; phát triển đàn bò thịt, sữa và các cơ sở chế biến thịt, sữa; tìm kiếm thị trường xuất khẩu.

Bảo vệ và phát triển rừng, tiếp tục thực hiện dự án 5 triệu ha rừng. Tăng nhanh diện tích trồng rừng mới, kết hợp với khoanh nuôi, bảo vệ tái sinh rừng. Trồng mới 1,3 triệu ha rừng tập trung, nâng độ che phủ rừng lên khoảng 38 - 39% vào năm 2005; hoàn thành cơ bản công tác định canh định cư và ổn định đời sống nhân dân vùng núi.

Phát triển khai thác hải sản xa bờ và điều chỉnh nghề cá ven bờ hợp lý. Đầu tư phát triển mạnh ngành nuôi, trồng thủy sản, xây dựng vùng nuôi, trồng tập trung, gắn với phát triển công nghiệp chế biến chất lượng cao; đẩy mạnh nuôi tôm xuất khẩu theo phương thức tiến bộ, bảo vệ môi trường. Xây dựng đồng bộ công nghiệp khai thác cả về đội tàu, cảng, bến cá, đóng và sửa tàu thuyền, dệt lưới, dịch vụ hậu cần, an

toàn trên biển. Phấn đấu đạt sản lượng thuỷ sản năm 2005 vào khoảng 2,4 triệu tấn, giá trị xuất khẩu thuỷ sản khoảng 2,5 tỉ USD.

Phát triển mạng lưới thuỷ lợi, bảo đảm cải tạo đất, thâm canh, tăng vụ và khai thác các vùng đất mới. Hoàn thành xây dựng các công trình thuỷ lợi kết hợp với phòng tránh lũ ở miền Trung như hệ thống thuỷ lợi sông Chu; hệ thống thuỷ lợi Bang (Quảng Bình); thuỷ điện, thuỷ lợi Rào Quán (Quảng Trị); hồ Tả Trạch (Thừa Thiên Huế); hồ Định Bình (Bình Định). Khởi công xây dựng thuỷ điện sông Ba Hạ kết hợp với phòng chống lũ đồng bằng Tuy Hoà (Phú Yên). Xây dựng và củng cố hệ thống đê biển và các công trình ngăn mặn, thuỷ lợi cho nuôi, trồng thuỷ sản ở đồng bằng sông Cửu Long. Kiên cố hoá các tuyến đê xung yếu; tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hoá kênh mương. Phấn đấu đến năm 2005, đưa năng lực tưới lên 6,5 triệu ha gieo trồng lúa và 1,5 triệu ha rau màu, cây công nghiệp (tăng 60 vạn ha).

Phát triển nhanh cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn, tiếp tục đầu tư xây dựng đường giao thông đến hơn 500 xã hiện chưa có đường ô tô đến trung tâm, mở rộng mạng lưới cung cấp điện, thực hiện tốt chương trình quốc gia về nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn, đến năm 2005 có 60% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

Mở mang các làng nghề, phát triển các điểm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, đưa công nghiệp sơ chế và chế biến về nông thôn và vùng nguyên liệu; phát triển lĩnh vực dịch vụ cung ứng vật tư kỹ thuật, trao đổi nông sản hàng hoá ở nông thôn,... tăng nhanh việc làm cho khu vực phi nông nghiệp. Tiếp tục chương trình xoá đói, giảm nghèo, chú trọng phát triển các đô thị nhỏ, các điểm bưu điện, văn hoá ở làng, xã, các trung tâm văn hoá

cụm xã. Đảm bảo an toàn xã hội, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở nông thôn.

Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân 4,8%/năm. Đến năm 2005, ngành nông nghiệp chiếm khoảng 75 - 76% giá trị sản xuất toàn ngành; lâm nghiệp khoảng 5 - 6%; thủy sản khoảng 19 - 20%.

2. Định hướng phát triển công nghiệp

Phát triển với nhịp độ cao, có hiệu quả, coi trọng đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị công nghệ tiên tiến và tiến tới hiện đại hoá từng phần các ngành sản xuất công nghiệp.

Phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, chú trọng công nghiệp chế biến và công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu; các ngành công nghiệp phục vụ phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Xây dựng có lựa chọn, có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường, và hiệu quả một số cơ sở công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất: dầu khí, luyện kim (thép, alumin, nhôm, kim loại quý hiếm...), cơ khí, điện tử, hoá chất cơ bản...

Phát triển mạnh công nghiệp công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin, viễn thông, điện tử. Phát triển một số cơ sở công nghiệp quốc phòng cần thiết.

Kết hợp hài hoà giữa phát triển công nghiệp đáp ứng yêu cầu trong nước và xuất khẩu; có những biện pháp bảo hộ hợp lý, bảo đảm công nghiệp phát triển với khả năng cạnh tranh cao, thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp với nhiều quy mô, nhiều trình độ; chú trọng các doanh nghiệp vừa và nhỏ, phù hợp định hướng chung và lợi thế của từng vùng, từng địa phương; trước hết, tập trung cho công nghiệp chế biến, công

nghiệp sử dụng nhiều lao động và công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, phát triển mạnh mẽ tiểu thủ công nghiệp.

Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 13%/năm.

Định hướng phát triển một số ngành công nghiệp:

Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, phát triển mạnh theo hướng đầu tư công nghệ hiện đại, sản xuất ra các sản phẩm đủ khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và nước ngoài; chú trọng các mặt hàng như chế biến thủy sản, chế biến lương thực, thịt, sữa, đường mật, nước giải khát, dầu thực vật...

Phấn đấu đến năm 2005 đạt 8 - 10 lít sữa/người/năm và đưa kim ngạch xuất khẩu sản phẩm sữa gấp 2 lần so với năm 2000, nâng tỷ lệ sử dụng nguyên liệu trong nước lên 20%. Tiếp tục quy hoạch phát triển đồng bộ ngành mía đường cả về vùng nguyên liệu và cơ sở chế biến; dự kiến sản lượng đường mật các loại bình quân đầu người vào năm 2005 khoảng 14,4kg. Chú trọng đầu tư sản xuất dầu thực vật, phát triển các cơ sở chế biến rau, quả gắn với phát triển vùng nguyên liệu.

Ngành giấy, đầu tư mở rộng các cơ sở sản xuất giấy hiện có, nghiên cứu xây dựng thêm một số cơ sở sản xuất bột giấy và giấy để có thể tăng công suất thêm 20 vạn tấn, trong đó có nhà máy bột giấy ở Kon Tum công suất 13 vạn tấn/năm, đưa tổng năng lực sản xuất lên 60 vạn tấn và đạt sản lượng 50 vạn tấn vào năm 2005.

Ngành dệt may và da giày, chú trọng tìm kiếm và mở thêm thị trường trong nước và nước ngoài. Tăng cường đầu tư, hiện đại hoá một số khâu sản xuất, tập trung đầu tư sản xuất sợi, dệt, thuộc da; chú trọng phát triển nguồn bông và khai thác nguồn da các loại, tăng phân sản xuất trong nước về các nguyên liệu và phụ liệu trong ngành dệt may và da giày

để nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm xuất khẩu. Đến năm 2005, đạt sản lượng 2,5 - 3 vạn tấn bông xơ, 750 triệu mét vải, nâng sản lượng giấy dếp lên trên 410 triệu đôi.

Ngành công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin, viễn thông, thực hiện đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, hiện đại hoá những cơ sở sản xuất điện tử đã có, xây dựng một số cơ sở mới để đáp ứng nhu cầu trong nước, giảm dần nhập khẩu và tăng dần xuất khẩu; tăng nhanh tỷ lệ nội địa hoá sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao. Tập trung đầu tư và có chính sách để phát triển mạnh công nghiệp phần mềm phục vụ nhu cầu trong nước và tham gia xuất khẩu, đưa giá trị sản phẩm phần mềm đạt trên 500 triệu USD vào năm 2005, trong đó xuất khẩu khoảng 200 triệu USD.

Ngành cơ khí, tập trung đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, thiết bị, hiện đại hoá một số khâu then chốt trong chế tạo, chú trọng phát triển công nghiệp đóng tàu và sửa chữa tàu, đặc biệt là các loại tàu có trọng tải lớn. Tăng khả năng chế tạo các dây chuyền thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ cho công nghiệp chế biến; nông cụ và máy nông nghiệp; các loại thiết bị cho các cơ sở công nghiệp vừa và nhỏ; phương tiện vận tải, máy công cụ, máy xây dựng, cơ khí tiêu dùng. Phát triển một số lĩnh vực hiện đại như cơ điện tử; từng bước đưa ngành cơ khí thành ngành công nghiệp mạnh, đáp ứng khoảng 25% nhu cầu chế tạo thiết bị cho nền kinh tế và nội địa hoá khoảng 70 - 80% các loại phụ tùng xe máy và 30% phụ tùng lắp ráp ô tô.

Ngành dầu khí, tiếp tục tìm nguồn vốn hợp tác thăm dò, tìm kiếm khai thác để tăng thêm khả năng khai thác dầu khí. Sản lượng khai thác dầu năm 2005 đạt 27 - 28 triệu tấn quy đổi. Đẩy mạnh công tác phát triển mỏ và xây dựng đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn để đưa vào vận hành

năm 2002; nhà máy lọc dầu số 1 đưa vào vận hành năm 2004 nhằm đạt sản lượng 6 triệu tấn xăng, dầu và các sản phẩm dầu vào năm 2005. Ngoài ra, sẽ tiến hành một số công tác chuẩn bị cho việc xây dựng nhà máy lọc dầu số 2, đường ống dẫn khí và cơ sở chế biến, sử dụng khí ở khu vực Tây Nam, ở đồng bằng sông Hồng. Tận dụng khả năng để đầu tư ra nước ngoài nhằm phát triển lâu dài ngành dầu khí nước ta.

Ngành điện, sản lượng điện phát ra năm 2005 khoảng 44 tỉ kWh, tăng bình quân 12%/năm, đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp, nông nghiệp, phát triển các ngành dịch vụ và phục vụ dân sinh.

Trong 5 năm tới, công suất nguồn điện tăng thêm khoảng 5.200MW, đến năm 2005 tổng công suất nguồn điện khoảng 11.400MW, trong đó thủy điện chiếm 40%, nhiệt điện khí trên 44%, nhiệt điện than trên 15%,... Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống tải điện. Tích cực chuẩn bị cho công trình thủy điện Sơn La, phấn đấu tạo đủ điều kiện để khởi công xây dựng trong kế hoạch 5 năm này.

Ngành than, mở rộng thị trường tiêu thụ than trong và ngoài nước để tăng nhu cầu sử dụng than, bố trí sản xuất than hợp lý giữa cung và cầu. Thực hiện chủ trương đầu tư có trọng điểm, đổi mới công nghệ, nâng cao tính an toàn trong sản xuất và cải thiện điều kiện làm việc của công nhân ngành than. Dự kiến sản lượng than năm 2005 khoảng 15 - 16 triệu tấn.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng *các nhà máy xi măng* để đưa vào khai thác trong 5 năm tới; nghiên cứu xây dựng mới một vài nhà máy xi măng để tăng thêm 8 - 9 triệu tấn công suất. Đến năm 2005 dự kiến tổng công suất đạt trên 24,5 triệu tấn. Phát triển các ngành sản xuất vật liệu xây dựng

khác như tấm lợp, gạch, ngói, khai thác và chế biến đá granit, sản xuất các thiết bị trang trí nội thất... để phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Ngành hoá chất phân bón, nghiên cứu các điều kiện để sớm khởi công xây dựng nhà máy sản xuất DAP công suất 33 vạn tấn phân diamon phốt phát; tăng năng lực khai thác và tuyển quặng apatít lên 76 vạn tấn/năm, đưa tổng năng lực sản xuất phân lân các loại đến năm 2005 khoảng 2,2 triệu tấn. Triển khai xây dựng nhà máy sản xuất phân đạm từ khí để có thể huy động một phần công suất vào năm 2004. Tích cực thực hiện các công tác chuẩn bị để sớm khởi công xây dựng nhà máy sản xuất đạm đi từ khí hoá than, gởi đầu công suất cho 5 năm sau. Dự kiến sản lượng phân urê năm 2005 vào khoảng 80 - 90 vạn tấn.

Nâng cao năng lực sản xuất một số hoá chất cơ bản như xút, soda; đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm cao su, trong đó sản lượng lốp ô tô, máy kéo đạt 1,2 triệu bộ/năm.

Ngành thép, tiếp tục triển khai đầu tư chiều sâu các cơ sở luyện và cán thép hiện có. Đầu tư xây dựng mới 1 - 2 cơ sở sản xuất phôi thép, nâng năng lực sản xuất phôi từ 40 vạn tấn năm 2000 lên 1 - 1,4 triệu tấn năm 2005. Xây dựng nhà máy cán thép nguội và nhà máy cán thép nóng để sản xuất thép tấm, thép lá. Nghiên cứu và chuẩn bị xây dựng cơ sở luyện thép liên hợp từ quặng trong nước và nhập khẩu. Sản lượng thép cán các loại năm 2005 vào khoảng 2,7 triệu tấn.

Khai thác và chế biến các loại khoáng sản, phát triển công nghiệp khai thác bôxít, luyện nhôm và chế biến nhôm theo 1 trong 2 phương án: sản xuất 300 nghìn tấn/năm nhôm để điện phân 75 nghìn tấn nhôm sử dụng trong nước; sản xuất 1 triệu tấn nhôm cho xuất khẩu, giai đoạn sau nâng lên 3 triệu tấn. Đầu tư khai thác và tuyển quặng đồng,

khai thác imenhit, đá quý, vàng, đất hiếm; xây dựng nhà máy luyện kẽm Thái Nguyên, luyện đồng ở Lào Cai.

3. Định hướng phát triển các ngành dịch vụ

Đa dạng hoá các ngành dịch vụ, mở rộng thị trường tiêu dùng các sản phẩm dịch vụ, đáp ứng tốt nhu cầu phát triển kinh tế và đời sống xã hội.

Phát triển thương mại, cả nội thương và ngoại thương, bảo đảm hàng hoá lưu thông suốt trong thị trường nội địa và giao lưu buôn bán với nước ngoài. Chú trọng công tác tiếp thị và mở rộng thị trường nông thôn, thị trường miền núi; tạo liên kết chặt chẽ giữa các vùng trong nước. củng cố thương mại nhà nước; tăng cường vai trò điều tiết của Nhà nước. Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ trên thị trường tăng khoảng 11 - 14%/năm.

Nâng cao chất lượng, quy mô và hiệu quả hoạt động du lịch. Liên kết chặt chẽ các ngành liên quan đến hoạt động du lịch để đầu tư phát triển một số khu du lịch tổng hợp và trọng điểm; đưa ngành du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn. Phát triển và đa dạng hoá các loại hình và các điểm du lịch sinh thái, du lịch văn hoá, lịch sử, thể thao hấp dẫn du khách trong và ngoài nước. Xây dựng và nâng cấp cơ sở vật chất và đẩy mạnh hợp tác liên kết với các nước trong hoạt động du lịch.

Nâng cao chất lượng, tăng khối lượng và độ an toàn vận tải hành khách, hàng hoá trên tất cả các loại hình vận tải; có các biện pháp tích cực để giải quyết tốt vận tải hành khách công cộng ở các thành phố lớn Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, phấn đấu để giảm thiểu tai nạn giao thông... Nâng tỷ lệ thị phần vận tải quốc tế bằng hàng không, đường biển... Khối lượng luân chuyển hàng hoá tăng 9 - 10%/năm.

Luân chuyển hành khách tăng 5 - 6%/năm. Nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính - viễn thông. Năm 2005 mật độ điện thoại đạt 7 - 8 máy/100 dân. Phổ cập dịch vụ điện thoại đến 100% số xã trong toàn quốc.

Phát triển nhanh các loại hình dịch vụ tài chính, ngân hàng, kiểm toán, tư vấn pháp luật, dịch vụ trí tuệ, tin học, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục thể thao...

Nhịp độ tăng trưởng bình quân giá trị gia tăng các ngành dịch vụ trên 7,5%/năm.

4. Định hướng phát triển kinh tế đối ngoại

Về xuất khẩu, nhập khẩu.

Tăng nhanh tổng kim ngạch xuất khẩu, bảo đảm nhập khẩu những vật tư, thiết bị chủ yếu, có tác động tích cực đến sản xuất kinh doanh. Tạo thị trường ổn định cho một số loại mặt hàng nông sản thực phẩm và hàng công nghiệp có khả năng cạnh tranh; tìm kiếm các thị trường cho mặt hàng xuất khẩu mới. Nâng cao chất lượng các mặt hàng xuất khẩu, tăng thêm thị phần ở các thị trường truyền thống, tiếp cận và mở mạnh các thị trường mới.

Tiếp tục đầu tư, nâng cao chất lượng để tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng chủ lực như dầu thô, gạo, cà phê, cao su, hàng thủy sản, dệt may, da giày, hàng thủ công mỹ nghệ, điện tử và linh kiện điện tử, phần mềm máy tính,...
Đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm khoảng 114 tỉ USD, tăng 16%/năm. Nhóm hàng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chiếm 70% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng bình quân hàng năm là 15,9%; trong đó, nhóm hàng công nghiệp tiêu dùng và tiểu thủ công nghiệp chiếm 43% kim ngạch xuất

khẩu công nghiệp, tăng bình quân hàng năm 22%. Nhóm hàng nông, lâm, thủy sản chiếm 30% *tổng kim ngạch xuất khẩu*, tăng bình quân hàng năm 16,2%.

Tổng kim ngạch nhập khẩu 5 năm khoảng 118 tỉ USD, *tăng bình quân hàng năm 15%*, trong đó nhóm hàng máy móc, thiết bị và phụ tùng chiếm 32,6% *tổng kim ngạch nhập khẩu*, tăng bình quân hàng năm 17,2%; nhóm hàng nguyên nhiên vật liệu chiếm 63,5%, tăng bình quân hàng năm 13,9%; nhóm hàng tiêu dùng chiếm khoảng 3,9%, bằng 5 năm trước.

Về thu hút nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài.

Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Khuyến khích đầu tư nước ngoài vào các ngành công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, công nghiệp chế biến, các ngành công nghệ cao, vật liệu mới, điện tử, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và các ngành Việt Nam có lợi thế, gắn với công nghiệp hiện đại và tạo việc làm.

Tập trung thu hút vốn FDI vào các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; tiếp tục nghiên cứu đề án xây dựng khu kinh tế mở để đưa vào kế hoạch 5 năm. Thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA). Định hướng trong 5 năm tới dành khoảng 15% vốn ODA vào các ngành nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp, thủy sản, kết hợp mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn, xóa đói giảm nghèo; khoảng 25% cho ngành năng lượng và công nghiệp; khoảng 25% cho các ngành giao thông, bưu điện, cấp, thoát nước và đô thị. Coi trọng sử dụng vốn ODA trong các lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực, xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường.

Ngoài ra cần tăng cường đầu tư ra nước ngoài; phát triển các dịch vụ thu ngoại tệ; du lịch và các dịch vụ khác.

5. Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng

Tập trung nâng cấp và hoàn thiện bước cơ bản các trục đường giao thông trên các tuyến Bắc - Nam (kể cả đường hầm qua đèo Hải Vân), các tuyến từ Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh đi các khu công nghiệp, các vùng kinh tế quan trọng; nâng cấp quốc lộ 1A, mở thêm tuyến trục song song để giải toả ách tắc giao thông, củng cố các tuyến liên tỉnh thuộc đồng bằng Nam Bộ; nâng cấp các tuyến lên Tây Nguyên, miền núi. Thông tuyến giai đoạn I đường Hồ Chí Minh. Xây dựng các cầu lớn: cầu Thanh Trì, cầu Cần Thơ, cầu Bính, cầu Bãi Cháy. Tiếp tục nâng cấp tuyến đường sắt Thống Nhất, tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Lạng Sơn, bảo đảm an toàn chạy tàu. Hoàn thành cải tạo, nâng cấp, mở rộng hoặc xây dựng mới theo quy hoạch các cảng Cái Lân, Hải Phòng, Nghi Sơn, Cửa Lò, Tiên Sa, Dung Quất, Liên Chiểu, Chân Mây, Quy Nhơn, Nha Trang, Thị Vải, Cần Thơ. Nâng cấp một số tuyến đường sông và hệ thống các cảng sông chính. Hoàn thiện sân bay quốc tế Nội Bài, xây dựng nhà ga sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, nâng cấp các nhà ga tuyến nội địa.

Tiếp tục thực hiện chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, bảo đảm 60% dân số nông thôn được cung cấp nước sạch. Hoàn thành các dự án cải tạo nâng cấp hạ tầng đô thị ở Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, các thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng... như các dự án cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải, nâng cao năng lực giao thông đô thị, cung cấp nguồn nước cho công nghiệp và đô thị gấp 2 lần

so với hiện nay. Tiếp tục thực hiện chương trình xây dựng đường giao thông nông thôn.

Phát triển kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin và mạng lưới thông tin liên lạc quốc gia và quốc tế hiện đại, dung lượng lớn, chất lượng cao; đầu tư để nâng dần tỷ lệ nội địa hoá trong việc sản xuất, lắp ráp thiết bị thông tin liên lạc.

6. Định hướng phát triển giáo dục và đào tạo

Tiếp tục quán triệt quan điểm giáo dục là quốc sách hàng đầu và tạo sự chuyển biến cơ bản, toàn diện trong phát triển giáo dục và đào tạo. Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật giáo dục. Định hình quy mô giáo dục và đào tạo, điều chỉnh cơ cấu đào tạo, nhất là cơ cấu cấp học, ngành nghề và cơ cấu theo lãnh thổ phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên các cấp.

Củng cố và duy trì thành quả phổ cập giáo dục tiểu học và xoá mù chữ, đặc biệt ở các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa; thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xây dựng thêm trường học ở các cấp học phổ thông, bảo đảm số học sinh trong lớp ở từng cấp học theo tiêu chuẩn, nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Đưa số học sinh trung học tăng 7%/năm.

Xây dựng hoàn chỉnh, phát triển các trường đại học và cao đẳng theo mạng lưới hợp lý để hình thành một số trường đại học có chất lượng đào tạo ngang tầm với những trường đại học có chất lượng cao trong khu vực.

Số học sinh tuyển mới vào đại học và cao đẳng tăng 5%/năm. Đặc biệt chú trọng đào tạo chất lượng cao một số ngành công nghệ, kinh tế và quản lý nhà nước để đáp ứng nhu cầu nhân lực và nhân tài của đất nước.

Tiếp tục đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy và phương thức đào tạo đội ngũ lao động có chất lượng cao, đặc biệt là trong các ngành kinh tế, kỹ thuật mũi nhọn, công nghệ cao. Gắn việc hình thành các khu công nghiệp, khu công nghệ cao với hệ thống các trường đào tạo nghề. Phát triển nhanh và phân bố hợp lý hệ thống trường dạy nghề trên địa bàn cả nước; mở rộng các hình thức đào tạo nghề đa dạng, linh hoạt, năng động.

Số học sinh công nhân kỹ thuật tăng 11 - 12%/năm.

Đổi mới cơ bản công tác quản lý và tổ chức giáo dục; xây dựng hệ thống giáo dục nhằm tạo điều kiện cho mọi người có thể học tập suốt đời theo hướng thiết thực, hiện đại, gắn chặt với yêu cầu của xã hội. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và luật pháp để bảo đảm sự nghiệp giáo dục phát triển ổn định, chất lượng, hiệu quả đáp ứng nhu cầu về con người và nguồn nhân lực cho đất nước phát triển nhanh và bền vững. Ngăn chặn và đẩy lùi những hiện tượng tiêu cực trong ngành giáo dục, xây dựng một nền giáo dục lành mạnh.

Nhà nước dành tỷ lệ ngân sách thích đáng, kết hợp đẩy mạnh xã hội hoá phát triển giáo dục và đào tạo. Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về phát triển giáo dục và đào tạo. Chủ động dành một lượng kinh phí thích đáng của ngân sách để tăng nhanh số học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh được đào tạo ở một số nước phát triển.

7. Định hướng phát triển khoa học và công nghệ

Trong 5 năm tới cần tạo bước phát triển mới, có hiệu quả trong các lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng các thành quả khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, nâng cao tỷ trọng đóng góp của khoa học và công nghệ vào tăng trưởng

trong từng ngành, từng sản phẩm, từng lĩnh vực và từng vùng kinh tế.

Khoa học xã hội và nhân văn tập trung nghiên cứu những luận cứ cho việc tạo động lực phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới sâu rộng, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nhằm thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Khoa học tự nhiên chú trọng nghiên cứu cơ sở khoa học cho sự phát triển các lĩnh vực công nghệ trọng điểm và khai thác các tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, dự báo, phòng tránh, giảm nhẹ hậu quả thiên tai.

Việc đổi mới công nghệ sẽ hướng vào chuyển giao công nghệ, tiếp thu, làm chủ những công nghệ mới; đặc biệt lựa chọn những công nghệ cơ bản, có vai trò quyết định đối với nâng cao trình độ công nghệ của nhiều ngành, tạo ra bước nhảy vọt về chất lượng và hiệu quả phát triển của nền kinh tế.

Trong nông nghiệp tập trung nghiên cứu ứng dụng để có bước đột phá về giống cây, con có năng suất và giá trị cao; nghiên cứu và đưa vào ứng dụng tốt công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản sau thu hoạch, công nghệ chế biến nông sản.

Trong công nghiệp và xây dựng, tập trung nghiên cứu và ứng dụng nhanh các công nghệ hiện đại, hàm lượng trí tuệ cao để tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá, coi trọng nghiên cứu phát triển lĩnh vực công nghệ thông tin viễn thông, công nghệ tự động hoá, công nghệ vật liệu mới.

Tập trung xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước, tăng năng lực tiếp thu, làm chủ, thích nghi, cải tiến các công nghệ hiện đại nhập từ nước ngoài trong một số lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, kết cấu hạ

tăng, rút ngắn thời gian chuyển giao công nghệ, sớm đưa vào ứng dụng trong sản xuất.

Xây dựng các khu công nghệ cao ở Hoà Lạc và ở Thành phố Hồ Chí Minh. Trang bị một số phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia đạt trình độ khu vực và thế giới; đưa nhiều cán bộ khoa học và công nghệ đi đào tạo tại các nước có khoa học và công nghệ tiên tiến.

8. Định hướng phát triển văn hoá

Đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”; “Xây dựng nếp sống văn minh và gia đình văn hoá”; phong trào “Người tốt, việc tốt”. Thực hiện tốt phong trào thi đua yêu nước, động viên toàn dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội, phát huy tài năng, lao động sáng tạo để xây dựng cuộc sống mới ấm no, hạnh phúc, thoát cảnh nghèo nàn, lạc hậu. Nhân rộng những điển hình tốt trên các mặt sản xuất, kinh doanh và các hoạt động xã hội; kiên quyết đấu tranh loại trừ các hiện tượng tiêu cực và các tệ nạn xã hội.

Phát huy bản sắc văn hoá dân tộc; bảo tồn và tôn tạo các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể làm nền tảng cho sự giao lưu văn hoá giữa các cộng đồng, giữa các vùng cả nước và giao lưu văn hoá với bên ngoài. Tiếp tục đưa các hoạt động văn hoá thông tin về cơ sở, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc; phát động phong trào toàn dân tham gia thực hiện nếp sống văn minh, gia đình, bản, làng văn hoá; tiến tới hoàn chỉnh hệ thống thiết chế văn hoá bằng nguồn lực nhà nước và mở rộng xã hội hoá, làm cho văn hoá thấm sâu vào từng khu dân cư, từng gia đình, từng người. Phấn đấu 80% gia đình đạt chuẩn gia đình văn hoá; 50% làng xóm, khu phố

đạt chuẩn văn hoá quốc gia; 78% xã, phường có nhà văn hoá; bình quân mỗi người dân có 4 bản sách/năm.

Đầu tư thích đáng để đào tạo nhân tài, nghệ sĩ; có chính sách động viên lực lượng văn học nghệ thuật sáng tác, xây dựng các công trình, các tác phẩm có giá trị về nội dung và nghệ thuật. Xây dựng làng văn hoá các dân tộc Việt Nam thành trung tâm giáo dục văn hoá, nghệ thuật dân tộc.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống phủ sóng phát thanh, truyền hình trên cả nước, bảo đảm trên 90% các hộ gia đình xem được Đài Truyền hình Việt Nam và nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam. Phát triển và hiện đại hoá mạng lưới thông tin đại chúng, mở rộng mạng lưới khai thác Internet với sự quản lý của Nhà nước.

Phát triển mạnh các hoạt động thể dục, thể thao cả về quy mô và chất lượng, góp phần nâng cao thể lực và phát huy tinh thần dân tộc của con người Việt Nam; chuẩn bị tốt các điều kiện cho việc đăng cai tổ chức và tham gia SEAGAMES 2003 tại Việt Nam; thực hiện xã hội hoá các hoạt động thể thao mang tính chuyên nghiệp.

9. Định hướng phát triển các lĩnh vực xã hội

Trong 5 năm tới, tập trung tạo *việc làm và ổn định việc làm* cho khoảng 7,5 triệu người, bình quân trên 1,5 triệu người/năm; phấn đấu đến năm 2005 giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống còn khoảng 5,4% và nâng quỹ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn lên 80%.

Phát triển sản xuất, kinh doanh và các loại hình dịch vụ, thực hiện tốt các chương trình kinh tế - xã hội, tăng chất lượng xuất khẩu lao động được xem là những khâu quan trọng trong giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng lao động cho sản xuất công nghiệp, xây dựng từ 16% năm 2000 lên 20 - 21% năm 2005, lao động trong các ngành dịch vụ từ 21% lên 22 - 23%. Giảm lao động nông, lâm, ngư nghiệp cả về số tuyệt đối và tỷ trọng từ 63% xuống còn 56 - 57%. Tăng nhanh lao động kỹ thuật từ 20% năm 2000 lên 30% vào năm 2005.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình xoá đói, giảm nghèo. Quan tâm xây dựng kết cấu hạ tầng cho các vùng nghèo, xã nghèo; đồng thời nâng cấp, cải tạo các tuyến trục giao thông nối vùng nghèo, xã nghèo với các trung tâm của những vùng khác, nhằm tạo thêm điều kiện thuận lợi cho vùng nghèo, vùng khó khăn để phát triển. Đi đôi với việc xây dựng kết cấu hạ tầng, phải rất coi trọng việc tạo nguồn lực cần thiết để dân cư ở các vùng nghèo, xã nghèo đẩy mạnh sản xuất, phát triển ngành nghề, tăng nhanh thu nhập. Phấn đấu đến năm 2005 về cơ bản không còn hộ đói và chỉ còn khoảng 10% số hộ thuộc diện nghèo. Các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, các huyện đồng bằng miền Trung và các tỉnh Nam Bộ về cơ bản không còn hộ nghèo. Nâng dần mức sống của các hộ đã thoát nghèo, tránh tình trạng tái nghèo.

Giảm mức sinh bình quân hằng năm 0,5‰; tốc độ tăng dân số vào năm 2005 vào khoảng 1,2‰; quy mô dân số đến năm 2005 khoảng 83 triệu người, trong đó ở nông thôn khoảng 60 triệu, ở thành thị khoảng 23 triệu; phân bố dân cư hợp lý giữa các vùng; từng bước nâng cao chất lượng dân số, chất lượng cuộc sống của các tầng lớp dân cư, hạn chế việc mở rộng chênh lệch mức sống giữa các tầng lớp dân cư và các nhóm xã hội khác nhau, đưa các yếu tố tích cực của dân số vào các kế hoạch phát triển.

Phát động phong trào *toàn xã hội bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em*. Thực hiện các mục tiêu vì trẻ em, giảm tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi xuống còn 30‰, tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi xuống còn 35‰, mở rộng tiêm chủng trẻ em từ 8 - 10 loại vắc-xin, tỷ lệ tử vong của bà mẹ liên quan đến thai sản xuống còn 0,9‰; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi xuống còn 22 - 25% vào năm 2005; không còn trẻ em bị mù chữ ở tuổi 15; 70% trẻ em được phổ cập trung học cơ sở; 50% cơ sở có điểm văn hoá vui chơi cho trẻ em; 80% trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được bảo vệ, chăm sóc.

Phát triển *y tế dự phòng*, cải thiện các chỉ tiêu sức khoẻ, nâng thể trạng và tầm vóc của người Việt Nam và tăng tuổi thọ bình quân lên khoảng 70 tuổi vào năm 2005. Phát triển công nghiệp dược phẩm, nâng cao chất lượng sản xuất thuốc chữa bệnh; bảo đảm 40% nhu cầu thuốc chữa bệnh được sản xuất từ trong nước với chất lượng cao.

Hoàn chỉnh quy hoạch, củng cố và nâng cấp mạng lưới y tế cơ sở; có bác sĩ làm việc ở tất cả các trạm y tế xã đồng bằng và trung du, phần lớn các xã miền núi. Tiếp tục củng cố và phát triển thêm bệnh viện ở một số tuyến, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, giải quyết một bước tình trạng thiếu giường bệnh; bảo đảm sự bình đẳng thụ hưởng các dịch vụ về y tế trong các tầng lớp dân cư. Hiện đại hoá một số bệnh viện đầu ngành, các trung tâm y tế chuyên sâu và một số bệnh viện khu vực.

Từng bước ngăn chặn và giảm tốc độ phát triển bệnh dịch AIDS. Tập trung sức cho việc phòng trừ và giải quyết trọng điểm tệ nạn xã hội.

Chăm lo tốt hơn đối với các gia đình chính sách và những người có công với cách mạng, bảo đảm tất cả các gia đình chính sách đều có cuộc sống bằng hoặc khá hơn mức sống trung bình

so với người dân địa phương trên cơ sở kết hợp 3 nguồn lực: Nhà nước, cộng đồng và cá nhân các đối tượng chính sách tự vươn lên.

Chăm sóc, giúp đỡ người già không nơi nương tựa, những người tàn tật và những nạn nhân do hậu quả chiến tranh để lại.

Thực hiện *cải cách cơ bản tiền lương*. Tiền lương phải cơ bản bảo đảm đủ sống cho người lao động và phù hợp với sự phát triển kinh tế. Trên cơ sở cải cách tiền lương, đẩy mạnh việc sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế.

10. Bảo vệ và cải thiện môi trường

Kết hợp hài hoà giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ và cải thiện môi trường theo hướng phát triển bền vững; tiến tới bảo đảm cho mọi người dân đều được sống trong môi trường có chất lượng tốt về không khí, đất, nước, cảnh quan và các nhân tố môi trường tự nhiên khác đạt chuẩn mực tối thiểu do Nhà nước quy định. Trước mắt, tập trung giải quyết tình trạng suy thoái môi trường ở các khu công nghiệp, các khu dân cư đông đúc, chật chội ở các thành phố lớn và một số vùng nông thôn. Kiểm soát ô nhiễm và ứng cứu sự cố môi trường do thiên tai lũ lụt gây ra; có kế hoạch cải tạo, khắc phục sự cố ô nhiễm môi trường trên các dòng sông, hồ ao, kênh mương... Thực hiện các dự án về cải tạo, bảo vệ môi trường: xây dựng vườn quốc gia, khu rừng cấm, trồng cây xanh, giữ gìn đa dạng sinh học, bảo tồn các nguồn gen di truyền, xây dựng các công trình làm sạch môi trường.

Đảm bảo sử dụng hợp lý tài nguyên, phục vụ có hiệu quả cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá; tiết kiệm và tiết chế sử dụng tài nguyên không tái tạo được. Tăng cường kiểm tra và giám sát môi trường trong từng dự án đầu tư và từng

quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, các vùng lãnh thổ. Áp dụng các công nghệ và quy trình sản xuất ít chất thải, ít gây ô nhiễm môi trường.

11. Định hướng phát triển các vùng lãnh thổ

11.1. Trung du và miền núi Bắc Bộ (Tây Bắc và Đông Bắc)

Phát huy thế mạnh về đất và rừng, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tăng diện tích cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc gắn với công nghiệp chế biến. Phát triển mạnh kinh tế trang trại. Đối với những vùng có khả năng trồng cây lương thực thì đầu tư thuỷ lợi nhỏ, đưa các loại giống mới phù hợp với điều kiện sinh thái trong vùng để phát triển sản xuất lương thực tại chỗ, không phá rừng làm nương rẫy sản xuất lương thực.

Tái tạo vốn rừng kết hợp với phát triển các vùng rừng nguyên liệu công nghiệp, gỗ trụ mỏ. Trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc, đặc biệt trồng rừng phòng hộ khu vực đầu nguồn sông Đà gắn với việc bảo vệ cảnh quan. Phát triển các vùng cây công nghiệp tập trung, tạo ra khối lượng hàng hoá lớn như chè, cây ăn quả, phát triển các vùng cây đặc sản, gỗ trụ mỏ,... Thực hiện chương trình xoá đói, giảm nghèo, định canh định cư kết hợp với phủ xanh đất trống đồi núi trọc. Chấm dứt tình trạng phá rừng làm nương rẫy trồng lương thực và các cây khác.

Phát triển công nghiệp chế biến lâm sản; công nghiệp vật liệu xây dựng; khai thác và chế biến khoáng sản; xây dựng thuỷ điện quy mô lớn cung cấp cho cả nước, đồng thời phát triển thuỷ điện nhỏ đáp ứng nhu cầu ở những vùng sâu, vùng xa...; công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và tiểu thủ công nghiệp ở các đô thị và nông thôn; công nghiệp luyện kim; chế tạo cơ khí; phân bón; hoá chất... Xúc tiến nghiên

cứu và xây dựng thủy điện Sơn La. Cải tạo và mở rộng các khu vực tập trung công nghiệp hiện có, đồng thời hình thành tuyến hành lang công nghiệp theo đường 18 gắn với vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

Tập trung đầu tư nâng cấp các quốc lộ 6, 2, 3, 1, 70, 37, 4D, 279, 32, 42. Khôi phục và nâng cấp các đường vành đai quốc lộ 4, N1, N2 để tạo ra mạng lưới đường hoàn chỉnh cho cả vùng. Cải tạo đường thủy, nâng cấp các cảng sông chuyên dùng như Vạn Yên, Tà Hộc, Sơn La. Phát triển tuyến hành lang biên giới trên cơ sở phát triển các đô thị gắn với kinh tế cửa khẩu, nâng cấp các đường giao thông tới vùng biên quan trọng. Từng bước xây dựng các vùng biên giới đủ mạnh để giữ vững biên cương, bảo đảm quốc phòng và an ninh.

Phát triển nhanh các loại hình dịch vụ, trước hết là thương mại, phát triển mạng bưu chính - viễn thông an toàn, thông suốt, cấp điện, cấp nước, xây dựng các trung tâm cụm xã, các đô thị trung tâm gắn với các khu công nghiệp, nâng cấp các cửa khẩu biên giới.

Phát triển mạnh du lịch, chú trọng du lịch sinh thái, cảnh quan thiên nhiên như hồ Ba Bể, hồ Thác Bà, hồ Núi Cốc, Sapa...; tôn tạo các di tích lịch sử, văn hoá trong vùng gắn với phát triển du lịch.

Có quy hoạch cụ thể để ổn định dân cư, định canh, định cư, nâng cao dân trí, đặc biệt đối với đồng bào dân tộc.

11.2. Đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ

Phát huy thế mạnh về nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng tương đối đồng bộ, giao lưu quốc tế và trong nước thuận tiện để chuyển mạnh cơ cấu, tiến tới sử dụng hết lực lượng lao động (kể cả chuyển một bộ phận đi vùng khác). Tiếp tục thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp hiện có; xây dựng khu

công nghệ cao Hoà Lạc. Chuẩn bị điều kiện để hình thành từng bước các điểm công nghiệp mới dọc tuyến đường 5, đường 18, đường 10, khu vực các tỉnh lân cận phía Bắc và Tây Bắc Hà Nội...

Phát triển công nghiệp với trình độ công nghệ cao, hiện đại, trên các lĩnh vực như cơ khí chế tạo, sản xuất hàng xuất khẩu và hàng tiêu dùng, sản xuất phần mềm tin học, sản xuất các loại vật liệu xây dựng,... kết hợp với sử dụng được nhiều lao động.

Tiếp tục xây dựng và nâng cấp các tuyến giao thông như quốc lộ 1, 5, 10, 18; hoàn thành việc nâng cấp và mở rộng cảng Hải Phòng; xây dựng cảng nước sâu Cái Lân; xây dựng cầu Thanh Trì, cầu Bính, cầu Bãi Cháy; hoàn thành xây dựng nhà ga hàng không quốc tế Nội Bài. Hoàn chỉnh một bước hệ thống giao thông công cộng ở thành phố Hà Nội, Hải Phòng. Hiện đại hoá mạng lưới bưu chính - viễn thông; cải tạo, nâng cấp và xây dựng hệ thống cấp nước ở các đô thị Hà Nội, Hải Phòng, Hạ Long... Xây dựng tháp truyền hình Việt Nam.

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá; hình thành các vùng lúa chất lượng cao ở các tỉnh đồng bằng sông Hồng. Tiếp tục phát triển thế mạnh của vụ đông, phát triển cây thực phẩm và chăn nuôi gắn với công nghiệp chế biến nhiều trình độ công nghệ; hình thành các vùng chuyên canh sản xuất rau, thịt, trái cây, hoa... phục vụ cho đô thị, du lịch và xuất khẩu. Khai thác và sử dụng hợp lý dải ven biển trong vùng, phát triển nghề nuôi, trồng và đánh bắt thủy, hải sản, từng bước phát triển nghề nuôi thủy sản trên biển.

Phát huy vai trò các trung tâm thương mại, y tế, giáo dục, đào tạo của cả nước. Phát triển mạnh du lịch trong

vùng, đầu tư xây dựng khu du lịch tổng hợp Hạ Long - Cát Bà, khu du lịch Đồ Sơn. Phát triển các điểm du lịch ở các tỉnh gắn với các trung tâm du lịch ở trong và ngoài vùng để hình thành rõ nét các tuyến du lịch nội vùng và liên vùng.

Dành một phần vốn đầu tư đáng kể để hoàn thiện và nâng cấp chất lượng môi trường đô thị; nghiên cứu, chỉnh trị, nạo vét và mở rộng một số cửa sông ven biển ở phía nam đồng bằng sông Hồng. Chú trọng quy hoạch xây dựng nhà ở tại các đô thị vệ tinh.

11.3. Bắc Trung Bộ, duyên hải Trung Bộ và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Xây dựng công nghiệp lọc hoá dầu và sớm hình thành khu kinh tế Dung Quất - Chu Lai. Thu hút các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh vào các khu công nghiệp đã được cấp phép. Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất xi măng (Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Bình), khai thác thiếc Quỳnh Hợp (Nghệ An), khai thác đá ốp lát, chế biến nông, lâm, thủy sản. Phát triển cơ khí sửa chữa và đóng tàu thuyền; công nghiệp dệt, da, may... Hình thành các khu công nghiệp ven biển.

Thâm canh cây lúa nước ở đồng bằng ven biển. Phát triển chăn nuôi, chú trọng các loại đặc sản chăn nuôi của vùng như hươu, dê... để tạo nên đặc trưng có giá trị cao. Phát triển mạnh nuôi, trồng thủy, hải sản, gắn với công nghiệp đánh bắt và chế biến hải sản.

Tái tạo vốn rừng, trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc. Phát triển các loại cây công nghiệp ngắn ngày như lạc, mía, bông, dâu tằm, thuốc lá, cói... và các cây công nghiệp dài ngày phù hợp với điều kiện sinh thái cây trồng. Trồng rừng chắn gió, chắn cát ven biển, hình thành các vành đai xanh quanh thành phố, thị xã, khu công nghiệp.

Hoàn thành việc xây dựng các công trình lớn về cơ sở hạ tầng để gắn kết khu vực này với các vùng lân cận, góp phần thực hiện chương trình hành lang Đông Tây của tiểu vùng Mê Kông mở rộng, gắn với nhiệm vụ phát triển khu tam giác biên giới ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia. Xây dựng đường hầm qua đèo Hải Vân và đường tránh phía Tây qua thành phố Huế. Nâng cấp và xây dựng theo quy hoạch các cảng biển Nghi Sơn, Cửa Lò, Vũng Áng, Tiên Sa, Dung Quất, Liên Chiểu, Chân Mây, Quy Nhơn, Nha Trang. Từng bước hiện đại hoá những sân bay trọng điểm trong vùng. Nâng cấp các quốc lộ 7, 9, 12 (mới), 19, 24. Xây dựng một số tuyến giao thông trục ngang nối trục quốc lộ 1. Xây dựng các khu kinh tế cửa khẩu biên giới. Khai thác điều kiện thuận lợi của đường Hồ Chí Minh để phát triển miền đất phía Tây của vùng.

Xây dựng hệ thống cấp, thoát nước ở các khu công nghiệp, nâng cấp và phát triển cơ sở hạ tầng ở các đô thị.

Hoàn thành xây dựng các công trình thuỷ lợi kết hợp với phòng tránh lũ như hệ thống thuỷ lợi sông Chu, thuỷ lợi An Mã (Quảng Bình), thuỷ điện, thuỷ lợi Rào Quán (Quảng Trị), hồ Tả Trạch (Thừa Thiên Huế), Định Bình (Bình Định). Nghiên cứu đưa vào xây dựng một số công trình phòng chống lũ lụt theo quy hoạch phát triển khu vực lũ lụt miền Trung, thực hiện các biện pháp dự phòng và hạn chế tác hại của thiên tai lũ lụt, hạn hán nặng.

Phát triển giáo dục và đào tạo, xây dựng kiên cố các trường lớp ở vùng thường bị thiên tai, bão lụt. củng cố và phát triển hệ thống các trường đại học trong vùng.

Khai thác thế mạnh du lịch văn hoá, lịch sử và du lịch biển, ven biển; phát triển các trung tâm du lịch ở từng tỉnh trong vùng và các điểm du lịch hấp dẫn như: cố đô Huế,

Hội An, Mỹ Sơn, Phong Nha, Cảnh Dương, Lăng Cô, Non Nước, Văn Phong, Đại Lãnh... Phối hợp sự phát triển của các đô thị, khu, cụm công nghiệp với phát triển du lịch, nhất là du lịch biển. Phát huy vai trò trung tâm kinh tế - văn hoá vùng của cụm đô thị Đà Nẵng - Huế.

11.4. Tây Nguyên

Với vị trí chiến lược và ưu thế về đất đai, tài nguyên, xây dựng Tây Nguyên giàu về kinh tế, vững mạnh về quốc phòng, an ninh, tiến tới có vùng kinh tế động lực.

Phát triển với tốc độ nhanh theo hướng thâm canh cây công nghiệp xuất khẩu (cà phê, chè, cao su, điều, hồ tiêu...) và các loại cây công nghiệp khác như bông, dâu tằm, cây dược liệu, cây ăn quả, rừng nguyên liệu giấy, và các loại cây đặc sản... Gắn việc trồng rừng mới, trồng cây công nghiệp, cây ăn quả với việc khôi phục và bảo vệ, chăm sóc rừng, giữ vững môi trường sinh thái và tăng nhanh độ che phủ của rừng. Mở rộng diện tích và thâm canh cây ngô, phát triển các loại cây công nghiệp ngắn ngày, hạn chế tiến tới chấm dứt việc phá rừng làm nương rẫy. Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, phát triển kinh tế trang trại,...

Tập trung phát triển công nghiệp chế biến cà phê, cao su, công nghiệp thực phẩm. Lựa chọn, trang bị một số dây chuyền công nghệ hiện đại để sản xuất các sản phẩm có chất lượng cao từ cây công nghiệp, lâm sản, chăn nuôi... Xây dựng nhà máy bột giấy Kon Tum gắn với quy hoạch vùng nguyên liệu, phát triển cơ khí sửa chữa, công nghiệp vật liệu xây dựng; khai thác và chế biến bôxit; hoàn thành xây dựng thủy điện Yaly.

Từng bước hình thành một số khu công nghiệp tập trung.

Phát triển các tuyến đường trong khu vực và các tuyến sang Lào và Campuchia. Coi trọng việc xây dựng hệ thống

thuỷ lợi, nhất là đập thuỷ điện, đập chứa nước gắn với hệ thống kênh mương của các vùng sản xuất tập trung. Kết hợp xây dựng giao thông với hoàn chỉnh hệ thống thuỷ lợi, cầu cống và các công trình phục vụ sản xuất và đời sống. Phát triển mạng lưới bưu chính - viễn thông an toàn, thông suốt.

Xây dựng các trung tâm thương mại tập trung ở các thành phố, thị xã tạo mối giao lưu hàng hoá với các vùng khác và với các nước Lào, Campuchia, Thái Lan. Phát triển du lịch, xây dựng các trung tâm du lịch Đan Kia, Suối Vàng, Hồ Lắk, Buôn Đôn... Hình thành các tuyến du lịch nội vùng và liên vùng. Xây dựng các cửa khẩu biên giới.

Nâng cấp và xây dựng mới hệ thống trường học, trạm xá, bệnh viện, điểm sinh hoạt văn hoá, vui chơi giải trí nhằm đáp ứng nhu cầu dân sinh. Chú trọng phát triển hệ thống giáo dục và đào tạo, đầu tư nâng cấp Đại học Tây Nguyên, Đại học Đà Lạt. Cải tạo và xây dựng mới các cơ sở y tế. Triển khai xây dựng các vùng kinh tế mới theo quy hoạch.

Nâng cao dân trí và đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ đi đôi với tiếp tục thu hút vốn, phân bố dân cư và lao động theo quy hoạch.

11.5. Miền Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp khai thác dầu khí, công nghiệp năng lượng, phân bón, hoá chất từ dầu khí; phát triển công nghiệp kỹ thuật hiện đại; phát triển mạnh công nghiệp ở các tỉnh, tránh tập trung quá mức công nghiệp vào các đô thị lớn. Khuyến khích đầu tư vào 32 khu công nghiệp và khu chế xuất được cấp giấy phép; xây dựng khu công nghệ cao ở Thành phố Hồ Chí Minh; tập trung đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng ngoài hàng rào để đưa các khu công nghiệp vào hoạt động có hiệu quả.

Tiếp tục đầu tư xây dựng trục đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Nai - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành, nâng cấp quốc lộ 22. Tập trung hoàn chỉnh các tuyến quốc lộ 50, quốc lộ 1 và xây dựng đường quốc lộ N1 nối khu vực Đông Nam Bộ với đồng bằng sông Cửu Long. Nâng cấp cụm cảng Sài Gòn, từng bước đầu tư xây dựng mới cụm cảng Thị Vải và các cảng sông hiện có. Cải tạo đầu mối đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh, nghiên cứu xây dựng các tuyến đường sắt từ Thành phố Hồ Chí Minh đi Vũng Tàu, Phnom Penh, Tây Nam Bộ và Tây Nguyên. Cải tạo, nâng cấp và xây dựng hệ thống thoát nước ở các đô thị lớn, các khu công nghiệp tập trung. Đẩy nhanh việc xây dựng các đô thị vệ tinh mới gắn với các khu công nghiệp xung quanh Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện đại hoá ga hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.

Phát triển lâm nghiệp, phủ xanh đất trống đồi núi trọc (tập trung ở Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai); tăng nhanh việc trồng và sớm ổn định rừng phòng hộ ven biển, đặc biệt giữ diện tích rừng ngập mặn của huyện Cần Giờ (Thành phố Hồ Chí Minh) và ven biển của Bà Rịa - Vũng Tàu, chú trọng rừng nguyên liệu giấy, rừng quốc gia và rừng đầu nguồn Trị An.

Phát huy thế mạnh đất đai để phát triển mạnh cây công nghiệp (cao su, cà phê, điều, mía đường, bông...), cây ăn quả, cây nguyên liệu giấy. củng cố các điểm dân cư gắn với các vùng chuyên canh tập trung lớn về cà phê và cao su, tạo điều kiện thu hút thêm lao động từ đồng bằng sông Cửu Long.

Phát triển khai thác, nuôi, trồng, chế biến và các dịch vụ nghề cá.

Hình thành hệ thống các trung tâm thương mại có quy mô và trình độ ngang tầm với các nước trong khu vực. Ngoài trung tâm du lịch và dịch vụ lớn ở Thành phố Hồ Chí Minh,

tập trung phát triển du lịch, dịch vụ biển ở Vũng Tàu, Côn Đảo, Mũi Né. Hình thành các đô thị vệ tinh của Thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hoà.

Phát huy vai trò các trung tâm công nghiệp, khoa học, văn hoá, dịch vụ (thương mại, xuất khẩu, viễn thông, tài chính, ngân hàng) của Thành phố Hồ Chí Minh và các vùng phụ cận, tiến tới có tầm cỡ trong khu vực Đông Nam Á.

11.6. Đồng bằng sông Cửu Long

Phát huy lợi thế của vùng sản xuất lương thực, rau quả, thuỷ sản hàng hoá lớn nhất của cả nước, tăng nhanh diện tích gieo trồng, năng suất và chất lượng sản phẩm đi đôi với phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản xuất khẩu và các dịch vụ.

Tăng cường kết cấu hạ tầng, trước hết là mạng lưới đường bộ gắn với mạng giao thông thuỷ cùng với việc nâng cấp quốc lộ 1A và xây dựng cầu Cần Thơ, mở thêm tuyến để giải toả ách tắc giao thông. Nạo vét luồng lạch, đặc biệt là luồng cửa Định An, cửa Tiên, cửa Trần Đề. Nâng cấp và xây dựng một số cảng sông. Nâng cấp các sân bay trong vùng.

Nâng cấp các quốc lộ đến tỉnh lỵ, mở thêm tuyến dọc biên giới phía Tây Nam. Xây dựng đường giao thông ở các vùng nông thôn, xoá cơ bản cầu khỉ. Có biện pháp hạn chế tác hại của lũ lụt hàng năm, bảo vệ môi trường sinh thái, môi trường sống, quy hoạch và xây dựng nhà ở trong các vùng lũ lụt.

Nâng cấp và xây dựng mới hệ thống cấp, thoát nước cho các khu đô thị, các khu công nghiệp. Thực hiện chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, xử lý ô nhiễm môi trường ở các khu dân cư tập trung và dọc các kênh rạch.

Phát triển công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm; công nghiệp may mặc, dệt, da giày, chế biến thức ăn gia súc,

cơ khí, vật liệu xây dựng, hoá chất. Phát triển các khu công nghiệp hiện có. Triển khai xây dựng các cụm công nghiệp sử dụng khí Tây Nam; xây dựng các khu, cụm công nghiệp ở các địa bàn thích hợp.

Ổn định diện tích trồng lúa. Coi trọng thâm canh, nghiên cứu chuyển đổi mùa vụ một số loại cây trồng để phòng tránh lũ lụt, hạn hán. Hình thành các vùng chuyên canh lúa đặc sản và một số cây công nghiệp ngắn ngày có năng suất, chất lượng cao. Tập trung khai thác vùng tứ giác Long Xuyên, Đồng Tháp Mười, Tây sông Hậu và bán đảo Cà Mau.

Khôi phục tuyến rừng bảo vệ bờ biển; giữ vững diện tích cây tràm, ổn định diện tích dừa nước, bảo vệ rừng ngập mặn và rừng phòng hộ vùng Bảy Núi. Xây dựng và củng cố hệ thống đê biển phía Đông và phía Tây, các công trình ngăn mặn, thuỷ lợi, cho nuôi, trồng thuỷ sản. Phát triển mạnh ngành khai thác và nuôi, trồng thuỷ sản có giá trị xuất khẩu cao, đặc biệt là tôm, cua và các loại đặc sản khác để có thể đóng góp 50% giá trị xuất khẩu thuỷ, hải sản của cả nước.

Phát huy thế mạnh kinh tế của đảo Phú Quốc và Thổ Chu. Xây dựng và phát huy vai trò trung tâm kinh tế - văn hoá vùng của thành phố Cần Thơ. Xây dựng mới kết hợp với nâng cấp hệ thống các trường học, bệnh viện, nhà văn hoá. Đầu tư nâng cấp trường Đại học Cần Thơ, hình thành một số trường đại học ở những tỉnh có điều kiện. Tập trung sức nâng cao dân trí và đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ đáp ứng yêu cầu phát triển của vùng.

Tiến hành xây dựng một số trung tâm thương mại ở các thành phố, thị xã trong vùng. Khai thác lợi thế về vị trí địa lý để phát triển nhanh các loại hình du lịch miệt vườn, sinh

thái, du lịch biển, đảo... gắn với Thành phố Hồ Chí Minh, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và các tuyến du lịch liên vùng Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.

12. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng và an ninh

Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với củng cố quốc phòng và an ninh là nhiệm vụ rất quan trọng trong bối cảnh phát triển, cạnh tranh và hội nhập kinh tế khu vực và thế giới trong thập kỷ tới.

Việc kết hợp kinh tế, xã hội với quốc phòng và an ninh được tiến hành xuyên suốt trong quá trình nghiên cứu xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, trong chỉ đạo thực hiện kế hoạch 5 năm, hằng năm ở mỗi ngành, lĩnh vực, vùng, và từng tỉnh thành phố. Các công trình được xây dựng trong các ngành kinh tế, các vùng kinh tế, nhất là các vùng trọng điểm, vùng biển và ven biển, vùng cửa khẩu và những vùng kinh tế đặc biệt khác phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế trong từng ngành, từng vùng; khi cần thiết có thể tăng cường khả năng chủ động ứng phó với mọi tình huống để bảo vệ chủ quyền và an ninh của đất nước. Đồng thời nghiên cứu xây dựng một số cơ sở công nghiệp quốc phòng cần thiết, chú trọng những cơ sở vừa phục vụ cho quốc phòng, an ninh, vừa sử dụng cho phát triển kinh tế. Huy động mạnh các cơ sở công nghiệp quốc phòng và tổ chức cho lực lượng vũ trang tham gia phát triển kinh tế - xã hội. Chú trọng tăng cường những trọng điểm về kinh tế, những địa bàn xung yếu về quốc phòng, an ninh, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững trong mọi tình huống.

**V- ĐỊNH HƯỚNG CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH
VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU
THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM 2001 - 2005**

1. Tiếp tục thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp và công dân đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh

Trong giai đoạn 2001 - 2005 tập trung sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật, đổi mới công tác chỉ đạo thực hiện để bảo đảm các thành phần kinh tế đều được khuyến khích phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh lành mạnh, thực sự là bộ phận cấu thành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hoàn thành về cơ bản việc sắp xếp, tổ chức lại và đổi mới quản lý doanh nghiệp nhà nước, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh, bảo đảm vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước.

Bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh; thực hiện việc tách quyền chủ sở hữu nhà nước của các cơ quan nhà nước với quyền sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, xóa bỏ chế độ cơ quan, cấp hành chính chủ quản; chuyển một bộ phận doanh nghiệp nhà nước sang hoạt động theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần. Tăng cường đầu tư chiều sâu và đổi mới công nghệ, tập trung cho những doanh nghiệp hoạt động trong một số ngành và lĩnh vực then chốt như công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng, công nghiệp công nghệ cao; đồng thời nâng cao chất lượng hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực công ích.

Hoàn thành cơ bản việc cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước mà Nhà nước không cần nắm giữ 100% sở hữu vốn. Ưu tiên bán cổ phần cho người lao động, mở rộng việc bán cổ phần cho nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Tiếp tục thực hiện việc giao, bán, khoán, cho thuê những doanh nghiệp nhà nước có quy mô nhỏ mà Nhà nước không cần nắm giữ và không cổ phần hoá được; sáp nhập, giải thể hoặc phá sản các doanh nghiệp nhà nước hoạt động không hiệu quả và không thực hiện được các biện pháp trên. Có chính sách để kiên quyết giải quyết nợ tồn đọng và lao động dôi dư trong quá trình sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước.

Kiên toàn tổ chức, nâng cao hiệu quả các tổng công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con, kinh doanh đa ngành tổng hợp trên cơ sở ngành chuyên môn hoá, gọi vốn thuộc nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia kinh doanh, làm nòng cốt để hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh ở một số ngành và lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế quốc dân như viễn thông, hàng không, dầu khí,...

Nhà nước thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tập thể. Hoàn thành quá trình chuyển đổi các hợp tác xã cũ, đồng thời nghiên cứu bổ sung Luật hợp tác xã cho phù hợp với tình hình mới. Phát triển các loại hình hợp tác xã bao gồm các thể nhân và pháp nhân. Khuyến khích hình thức liên doanh, liên kết giữa hợp tác xã với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân. Có chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho hợp tác xã.

Kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư nhân được khuyến khích phát triển mạnh. Thực hiện quyền tự do kinh doanh theo pháp luật của mỗi công dân nhằm phát huy tối đa nội lực, phát triển lực lượng sản xuất. Sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật nhằm bảo đảm sự bình đẳng về cơ hội cho mọi tổ

chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế. Xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử, bảo đảm cơ hội và khả năng lựa chọn bình đẳng của các thành phần kinh tế trong tiếp cận về vốn, đất đai, lao động, công nghệ, trong sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu. Tiếp tục phát huy những tác động tích cực của Luật doanh nghiệp, tiến tới xây dựng một luật áp dụng thống nhất cho các loại hình doanh nghiệp khác nhau thuộc các thành phần kinh tế. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp vừa và nhỏ, kinh tế trang trại.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển và là một bộ phận của nền kinh tế Việt Nam.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư vào nước ta, nhất là sản xuất hàng xuất khẩu và sản phẩm công nghệ cao. Từng bước thống nhất khung luật pháp, chính sách và điều kiện kinh doanh áp dụng đối với doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Tạo ra khuôn khổ pháp lý nhằm khuyến khích hoạt động đầu tư ra nước ngoài để phát huy lợi thế so sánh của đất nước.

2. Hình thành đồng bộ các yếu tố thị trường

Xúc tiến việc hình thành đồng bộ các loại thị trường đi đôi với việc tạo lập khung pháp luật bảo đảm sự quản lý và giám sát của Nhà nước. Coi trọng công tác tiếp thị và tổ chức thị trường. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp và cá nhân tiếp cận thị trường, ký kết hợp đồng, tự chủ và tự chịu trách nhiệm kinh doanh; giảm đến mức tối đa sự can thiệp hành chính của các cơ quan nhà nước vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch trong kinh doanh. Thực hiện nghiêm túc Luật doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung Luật pháp sản doanh

ngiệp; chống đặc quyền và lũng đoạn thị trường, ban hành Luật cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong kinh doanh phù hợp với những điều kiện thực tế của Việt Nam.

Phát triển thị trường vốn và tiền tệ với các hình thức đa dạng thích hợp, bao gồm hệ thống ngân hàng, thể chế tài chính phi ngân hàng, công ty bảo hiểm, các quỹ đầu tư và bảo lãnh đầu tư... nhằm thu hút các nguồn vốn trong xã hội, mở rộng nguồn vốn dài hạn và trung hạn. Giảm mạnh các hình thức bao cấp về vốn, tín dụng. Cải cách hệ thống ngân hàng thương mại, tách chức năng tín dụng, chính sách ra khỏi chức năng kinh doanh của các ngân hàng thương mại quốc doanh, đặt các ngân hàng thương mại quốc doanh hoạt động trong môi trường cạnh tranh; lành mạnh hoá toàn bộ hệ thống ngân hàng thương mại cổ phần và ngân hàng thương mại quốc doanh. Hiện đại hoá và đổi mới công nghệ của hệ thống ngân hàng, đẩy nhanh việc áp dụng công nghệ thông tin, phấn đấu để hệ thống tài chính - ngân hàng đạt trình độ trung bình của khu vực. Triển khai an toàn và từng bước mở rộng phạm vi hoạt động của thị trường chứng khoán.

Tiếp tục hoàn thiện khung pháp luật và chính sách nhằm *mở rộng thị trường lao động*, tạo cơ hội bình đẳng và tiếp cận trực tiếp về đào tạo và việc làm cho mỗi công dân, khuyến khích người lao động học tập, đào tạo và tự kiếm việc làm. Bảo đảm sự dịch chuyển linh hoạt của người lao động trong khu vực kinh tế nhà nước. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đào tạo nghề, hoạt động dịch vụ giới thiệu việc làm và xuất khẩu lao động. Có chính sách thích hợp thu hút nhân tài và lao động có trình độ chuyên môn cao ở trong nước và ngoài nước. Sửa đổi, bổ sung Bộ luật lao động phản ánh những thực tế đã thay đổi, bảo vệ lợi ích hợp lý của người lao động, đồng thời khuyến khích người sử dụng lao động tạo

thêm việc làm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc dịch chuyển lao động, tìm việc làm trong nước và ngoài nước. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động, nhất là lao động có đào tạo. Thu hút mọi nguồn lực để phát triển mạnh mẽ và hiện đại hoá hệ thống đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu của thị trường và sự phát triển khoa học, công nghệ. Cải cách hệ thống bảo hiểm xã hội, tạo sự bình đẳng về cơ hội được bảo hiểm xã hội đối với người lao động trong các thành phần kinh tế; giải quyết thoả đáng quyền lợi của người lao động và người sử dụng lao động.

Phát triển thị trường bất động sản, trong đó có thị trường quyền sử dụng đất, tạo điều kiện thuận lợi để chuyển quyền sử dụng đất; mở rộng cơ hội cho các công dân và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế được dễ dàng có đất và sử dụng đất lâu dài cho sản xuất kinh doanh. Tính đủ giá trị của đất, sử dụng có hiệu quả quỹ đất của các doanh nghiệp nhà nước, cơ quan nhà nước và lực lượng vũ trang, ngăn chặn sử dụng đất lãng phí, kém hiệu quả. Hoàn thành dứt điểm việc đăng ký và cấp giấy phép chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà trên toàn quốc, trước hết là ở các đô thị. Tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tích tụ và tập trung đất canh tác trong một số vùng có điều kiện. Sửa đổi các quy định về việc chuyển quyền sử dụng đất và sở hữu nhà, thúc đẩy quá trình bán nhà ở của Nhà nước tại các đô thị, mở rộng các hình thức kinh doanh bất động sản. Giải quyết dứt điểm các tranh chấp về quyền sử dụng đất canh tác, đất thổ cư và nhà ở còn tồn đọng. Có chính sách xử lý đất canh tác và việc làm cho nông dân.

Từng bước mở rộng thị trường bất động sản cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia đầu tư. Quy hoạch sử dụng đất đai, nhất là ở các đô thị, theo hướng

văn minh, hiện đại, công bố công khai quy hoạch này để doanh nghiệp và người dân thực hiện.

Phát triển các *thị trường dịch vụ* như dịch vụ khoa học công nghệ; dịch vụ tư vấn pháp luật, tư vấn quản lý, thị trường sản phẩm trí tuệ; dịch vụ tài chính - tiền tệ, dịch vụ bảo hiểm... Xúc tiến nhanh việc ứng dụng thương mại điện tử. Khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài tham gia các thị trường dịch vụ nói trên.

3. Tăng cường hiệu lực của các công cụ, chính sách quản lý vĩ mô, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật

Đổi mới mạnh mẽ công tác kế hoạch hoá, nâng cao tính định hướng và dự báo, nâng cao chất lượng của các quy hoạch và kế hoạch, gắn quy hoạch, kế hoạch với thị trường. Hoàn thiện hệ thống thông tin và dự báo, phục vụ kế hoạch, gắn kế hoạch với cơ chế chính sách. Tăng cường chế độ trách nhiệm và sự phối hợp giữa các bộ, ngành và giữa các cấp trong xây dựng, điều hành thực hiện kế hoạch. *Đổi mới nội dung và phương pháp lập và thực hiện kế hoạch* theo hướng huy động tối đa nội lực, khai thác mọi tiềm năng của ngành, của địa phương gắn với sử dụng có hiệu quả cao nguồn lực bên ngoài. Công bố công khai chiến lược kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể và kế hoạch phát triển để tạo cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch của từng ngành, từng cấp và kế hoạch sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp. Có định hướng phát triển phù hợp cho từng vùng kinh tế để phát huy cao nhất mọi tiềm năng trong vùng.

Chính sách đầu tư nhà nước được điều chỉnh theo hướng tăng đầu tư phát triển nguồn nhân lực, đầu tư kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế,

cơ cấu lao động; thúc đẩy các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, qua đó nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của đầu tư nhà nước.

Tiếp tục xoá bỏ bao cấp trong đầu tư phát triển. Ngân sách nhà nước tập trung đầu tư vào kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các dự án không có khả năng thu hồi vốn; hỗ trợ đầu tư cho những vùng khó khăn, các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình kinh tế trọng điểm của Nhà nước.

Huy động các nguồn vốn trong xã hội để đầu tư vào các dự án phát triển sản xuất, kinh doanh bằng các hình thức thích hợp, Nhà nước chỉ hỗ trợ đầu tư vào một số dự án ở những ngành, lĩnh vực và những vùng ưu tiên phát triển trong từng thời kỳ.

Tăng cường hiệu lực và đổi mới cơ chế quản lý ngân sách nhà nước theo hướng triệt để tiết kiệm, nâng cao quyền hạn và trách nhiệm của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp trong việc quyết định và thực hiện ngân sách, thực hiện công khai, minh bạch trong chi tiêu ngân sách.

Tiếp tục cải cách hệ thống chính sách thuế theo hướng nuôi dưỡng nguồn thu, thực hiện công khai, minh bạch, giải quyết hài hoà mối quan hệ lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và dân cư; khuyến khích phát triển sản xuất và bảo đảm công bằng xã hội. Tiến hành cải cách thuế giai đoạn 3 theo hướng thu hẹp dần các mức thuế suất, giảm tỷ trọng thuế gián thu, áp dụng các sắc thuế mới như thuế thu nhập cá nhân, thuế bất động sản. Thực hiện các cam kết quốc tế về giảm thuế. Cải tiến hình thức thu phí, lệ phí qua ngân sách; đổi mới phương thức thu thuế, đơn giản hoá thủ tục hành chính. Bảo đảm thu đúng, thu đủ vào ngân sách nhà nước, chống thất thu và lạm thu. Cơ quan thuế thực hiện chức năng kiểm tra, xử lý vi phạm.

Đổi mới và hoàn thiện chính sách và cơ cấu chi tiêu ngân sách nhà nước theo hướng tích cực; triệt để xoá bao cấp đối với doanh nghiệp nhà nước thông qua ngân sách nhà nước và các công cụ chính sách khác. Gắn việc đổi mới chính sách chi tiêu ngân sách nhà nước với việc thực hiện mạnh mẽ chủ trương xã hội hoá các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá, thể dục thể thao... Tăng cường các biện pháp thực hiện triệt để tiết kiệm chi tiêu ngân sách nhà nước.

Tăng cường quản lý nợ, nhất là nợ nước ngoài; xử lý nợ của doanh nghiệp nhà nước. Đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của các quỹ hỗ trợ sản xuất, kinh doanh của Nhà nước theo hướng chuyển từ tiền ưu đãi sang hậu đãi. Đổi mới chế độ kế toán, kiểm toán, thanh tra tài chính, chế độ báo cáo, thông tin, bảo đảm hoạt động kinh doanh phải công khai, minh bạch đối với tài chính doanh nghiệp. Xây dựng Luật quản lý vốn và tài sản của Nhà nước. Ứng dụng rộng rãi khoa học - công nghệ mới trong quản lý tài chính, nâng cấp và từng bước áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về công khai và nghiệp vụ kế toán, kiểm toán đối với hệ thống tài chính. Thiết lập cơ chế giám sát tài chính - tiền tệ nhằm bảo đảm an ninh tài chính quốc gia, kiểm soát các luồng vốn, các khoản vay nợ, trả nợ, mở rộng các hình thức công khai tài chính. Nâng cao hiệu lực pháp lý và chất lượng kiểm toán nhà nước như một công cụ mạnh của Nhà nước.

Xây dựng và thực hiện chính sách tiền tệ nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy sản xuất, tiêu dùng, kích thích đầu tư phát triển, bảo đảm nền kinh tế tăng trưởng cao và bền vững. Đổi mới chính sách tiền tệ theo hướng vận dụng các công cụ chính sách gián tiếp. Thực hiện chính sách tỷ giá, lãi suất, nghiệp vụ thị trường mở theo cung cầu trên thị trường, từng bước nâng cao khả năng

chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam, trước hết là đối với những tài khoản vãng lai. Nâng cao vai trò của Ngân hàng Nhà nước trong lĩnh vực điều hành, quản lý tiền tệ, giám sát các hoạt động tín dụng; tăng cường năng lực của Ngân hàng Nhà nước về tổ chức, thể chế và cán bộ.

Đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện khung pháp luật phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung pháp luật hiện hành phù hợp với yêu cầu thực hiện chiến lược kinh tế - xã hội và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là các luật: Luật thương mại, Luật phá sản doanh nghiệp, Bộ luật lao động, Luật các tổ chức tín dụng, Luật ngân sách nhà nước, Luật đất đai,... Xây dựng một số luật mới như: Luật doanh nghiệp trên cơ sở thống nhất Luật doanh nghiệp nhà nước và Luật doanh nghiệp hiện hành; Luật đầu tư trên cơ sở thống nhất Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Luật khuyến khích đầu tư trong nước; Luật khuyến khích cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong kinh doanh, v.v.. Đổi mới và hoàn thiện quy trình xây dựng luật, ban hành và thực thi pháp luật, trong đó chú trọng việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật và tổ chức thi hành luật một cách nghiêm minh.

4. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả, mở rộng kinh tế đối ngoại

Tiếp tục chính sách mở cửa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển, tích cực chuẩn bị các điều kiện về kinh tế, thể chế, cán bộ... để thực hiện thành công quá trình hội nhập trên cơ sở phát huy nội lực, bảo đảm độc lập, tự chủ, bình đẳng và cùng có lợi. Thực hiện nghiêm chỉnh các cam kết trong quá trình hội nhập, trước hết là lộ trình giảm thuế quan. Thực hiện chính sách bảo hộ có trọng điểm, có điều

kiện và có thời hạn phù hợp với tiến trình hội nhập. Tích cực thực hiện các cam kết đối với các cơ chế hợp tác song phương và đa phương mà nước ta đã tham gia, đặc biệt chú ý tới các cam kết trong khuôn khổ ASEAN (như AFTA, AICO, AIA,...), APEC, ASEM; xúc tiến đàm phán để gia nhập WTO. Từng ngành, từng doanh nghiệp phải xây dựng kế hoạch, giải pháp để thực hiện các cam kết quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế, mở rộng thị phần trên những thị trường truyền thống, khai thông và mở rộng thị trường mới.

Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế hoạt động xuất, nhập khẩu mà pháp luật cho phép, bao gồm cả xuất, nhập khẩu dịch vụ. Nhà nước khuyến khích xuất khẩu, nhất là các mặt hàng chủ lực có lợi thế so sánh, thông qua vận hành quỹ hỗ trợ tín dụng xuất khẩu, cũng như các biện pháp bảo lãnh tín dụng xuất khẩu, các biện pháp hỗ trợ về thông tin, tìm kiếm khách hàng, tham dự triển lãm, hội chợ... Đầu tư đồng bộ từ nghiên cứu, sản xuất, chế biến, vận chuyển, tiếp thị... nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, giảm tỷ trọng hàng hoá xuất khẩu thô trong kim ngạch xuất khẩu, tăng số lượng các mặt hàng và kim ngạch xuất khẩu sản phẩm chế biến và chế tạo có giá trị gia tăng cao. Đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính, giảm các chi phí giao dịch phục vụ hoạt động xuất nhập khẩu.

Xây dựng chiến lược thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và sử dụng hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) phù hợp yêu cầu phát triển đất nước. Nghiên cứu để tiến tới áp dụng một khung pháp luật thống nhất chung cho doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Khuyến khích và hỗ trợ cho các doanh nghiệp và cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.

5. Chính sách phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ

Tăng cường đầu tư vào phát triển con người thông qua phát triển mạnh giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ. Đảm bảo nguồn nhân lực về số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đặt giáo dục hoạt động trong môi trường sư phạm lành mạnh, nhanh chóng tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế.

Đổi mới chính sách đào tạo, sử dụng và đãi ngộ trí thức, trọng dụng và tôn vinh nhân tài. Chú trọng sử dụng và phát huy tiềm năng trí thức của người Việt Nam ở nước ngoài. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ.

Đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với giáo dục và đào tạo, thu hút các nguồn lực trong nước và ngoài nước; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển giáo dục ở tất cả các bậc học. Ngân sách nhà nước tập trung hơn cho các bậc giáo dục phổ cập ở vùng nông thôn, miền núi. Đẩy mạnh công tác giáo dục hướng nghiệp ở các trường phổ thông. Khuyến khích hình thành và mở rộng các quỹ khuyến học ở các ngành, các địa phương, các hiệp hội, tiếp tục mở rộng hình thức tín dụng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng. Mở rộng đào tạo công nhân, kỹ thuật viên và nhân viên nghiệp vụ theo nhiều trình độ, phù hợp với nhu cầu của xã hội.

Tăng cường tiềm lực và đóng góp của khoa học và công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội. Đổi mới cơ chế đầu tư và quản lý khoa học và công nghệ, huy động mọi nguồn vốn

trong nước và ngoài nước để phát huy tiềm năng và tăng tác dụng của khoa học và công nghệ trong sản xuất và đời sống. Hỗ trợ nhập khẩu công nghệ mới, mũi nhọn, tổ chức tốt việc tiếp thu và làm chủ các công nghệ đó. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức khoa học, các trường đại học, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và cá nhân được tổ chức các hoạt động nghiên cứu, triển khai, được bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ, quyền công bố, trao đổi, chuyển giao, chuyển nhượng kết quả nghiên cứu theo quy định của pháp luật. Sửa đổi những quy định liên quan đến việc chuyển giao công nghệ theo hướng đơn giản hoá các thủ tục hành chính, giảm thuế (đặc biệt là thuế thu nhập đối với các chuyên gia có trình độ cao của Việt Nam và của nước ngoài), giảm chi phí giao dịch đối với các hoạt động chuyển giao công nghệ.

Tiếp tục tăng đầu tư thích đáng từ ngân sách nhà nước, đồng thời phát huy mọi nguồn lực cho nghiên cứu những lĩnh vực khoa học công nghệ mới như công nghệ tin học, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới và nghiên cứu cơ bản có lựa chọn. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng Internet, đặc biệt là chính sách giá, nhằm giúp các cá nhân, các doanh nghiệp khai thác thông tin công nghệ và thị trường trên thế giới. Nghiên cứu đề xuất những biện pháp xúc tiến thương mại điện tử, hỗ trợ cho các doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, tiếp cận với khách hàng và thị trường, kể cả thị trường ngoài nước. Xây dựng quỹ tín dụng và hỗ trợ đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và các tổ chức tài chính, tín dụng với mục tiêu tài trợ cho việc đưa ra những sản phẩm, dịch vụ mới trên cơ sở ứng dụng những thành tựu của khoa học và công nghệ.

Phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, khuyến

khích chuyển giao công nghệ, hợp đồng khoa học, công nghệ và tạo lập thị trường lao động khoa học, công nghệ. Ban hành các chính sách hỗ trợ, khuyến khích mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ vào mọi hoạt động kinh tế, xã hội. Đổi mới cơ bản, toàn diện công tác quản lý khoa học, công nghệ và môi trường từ Trung ương đến tỉnh, thành phố.

Ban hành chính sách khuyến khích các doanh nghiệp nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp kết hợp với các cơ sở nghiên cứu, các trường đại học trong việc nghiên cứu chuyển giao công nghệ và đào tạo. Thí điểm mô hình dạy nghề có sự phối hợp giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp với nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước và từ doanh nghiệp. Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng hệ thống tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế.

Đổi mới cơ chế, chính sách đối với các hoạt động văn hoá, thể dục thể thao. Có chính sách thích hợp đối với các loại hình và hoạt động khác nhau (như bảo tồn, bảo tàng, điện ảnh, văn hoá dân tộc v.v.), sử dụng có hiệu quả đầu tư và hỗ trợ của Nhà nước với đóng góp của xã hội nhằm phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Phát triển mạnh mẽ phong trào thể dục thể thao quần chúng, nâng cao sức khoẻ toàn dân, đồng thời tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ vận động viên thành tích cao ở những bộ môn có lợi thế của Việt Nam.

6. Tiếp tục đổi mới chính sách xã hội, chính sách bảo vệ môi trường

Có các chính sách thích hợp tạo công bằng về cơ hội và bình đẳng trước pháp luật cho mọi công dân, mọi doanh nghiệp và nhà đầu tư trong hoạt động sản xuất kinh doanh,

trong tìm và tự tạo việc làm, trong tiếp cận với thông tin kinh tế, thông tin thị trường,... Khuyến khích và tôn vinh những người làm giàu chính đáng đi đôi với chống làm giàu phi pháp, tham nhũng, gian lận thương mại.

Cải cách cơ bản hệ thống tiền lương, hợp thức hoá các thu nhập mang tính chất lương. Thực hiện công khai, minh bạch về thu nhập, điều tiết thu nhập cao, hoàn thiện chính sách tiền lương và thu nhập. Cải cách cơ chế bảo hiểm xã hội và bảo đảm xã hội, cải cách và tăng cường chất lượng hệ thống bảo hiểm xã hội, cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản cho nhân dân, nhất là cho người nghèo, vùng nghèo. Ban hành Luật bảo hiểm xã hội.

Tăng cường sự trợ giúp của Nhà nước cùng với phát triển các quỹ đền ơn đáp nghĩa, các quỹ xã hội, chăm sóc người có công, các đối tượng chính sách, nạn nhân chiến tranh, thiên tai.

Cải cách và nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước đối với bảo đảm xã hội, gắn với đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động này. Thể chế hoá và thực hiện tốt các chính sách chế độ về xoá đói, giảm nghèo.

Tiếp tục phòng, chống các tệ nạn xã hội, nhất là nạn ma tuý và tai nạn giao thông.

Tăng cường công tác quản lý môi trường ở các vùng kinh tế trọng điểm, vùng dân cư tập trung. Lồng ghép kế hoạch bảo vệ môi trường vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, gắn mục tiêu bảo vệ môi trường với mục tiêu nâng cao mức sống của cộng đồng dân cư. Tăng cường đầu tư để ngăn ngừa sự cố môi trường và xử lý ô nhiễm môi trường; trước hết xử lý nước thải, chất thải rắn, tập trung ở các bệnh viện lớn; nghiên cứu tái sử dụng chất thải và áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn. Tăng khả năng dự báo các sự cố thiên nhiên, thời tiết, bão lụt, động đất, giảm thiểu các thiệt hại do thiên tai gây ra.

Hình thành khung *pháp luật, chính sách về bảo vệ và cải thiện môi trường* theo hướng gắn chính sách kinh tế với chính sách bảo vệ môi trường; huy động sự tham gia và đóng góp của mọi tầng lớp dân cư, của doanh nghiệp và các tổ chức xã hội vào lĩnh vực bảo vệ môi trường; tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về môi trường, các chính sách môi trường thích hợp, nhất là chính sách thuế, phí môi trường, các loại quỹ môi trường,...

7. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh

Cải cách hành chính nhà nước là một công việc quan trọng quyết định thành công của công cuộc đổi mới giai đoạn 2001 - 2005. Tổ chức và cải cách bộ máy nhà nước theo hướng tinh gọn, trong sạch, có đủ phẩm chất và năng lực phục vụ nhân dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tăng cường kỷ cương nhà nước và chế độ trách nhiệm cá nhân: coi trọng chính sách cán bộ trên cả 2 mặt bồi dưỡng và rèn luyện, có biện pháp ngăn chặn hiện tượng tiêu cực, thiếu dân chủ. Xử lý vi phạm về mặt Đảng và pháp luật Nhà nước một cách nghiêm minh và bình đẳng đối với cán bộ, công chức nhà nước. Tách hệ thống cơ quan hành chính công quyền với hệ thống cơ quan sự nghiệp, áp dụng các cơ chế tài chính thích hợp.

Công khai hoá các nội dung và cơ chế, phương thức giám sát của các cơ quan chức năng, các đoàn thể quần chúng và nhân dân về thực hiện pháp luật, chính sách, chế độ của Nhà nước. Minh bạch và công khai các thông tin, các quy định của Nhà nước, nghiêm túc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở nhằm đẩy lùi những hiện tượng tham nhũng, tiêu cực. Thực hiện nghiêm túc chế độ tiếp dân ở các cơ quan công quyền.

Nâng cao hiệu quả trong hoạt động lập pháp và hiệu lực trong giám sát của Quốc hội.

Phân cấp mạnh và toàn diện giữa các cấp trong hệ thống hành chính nhà nước trên cơ sở gắn trách nhiệm với quyền hạn, nghĩa vụ với quyền lợi. Phân cấp nhiệm vụ phải được gắn với phân cấp về tài chính và ngân sách. Tăng cường phối hợp hoạch định, điều hành cơ chế, chính sách và chương trình. Hiện đại hoá hệ thống thông tin, các phương tiện quản lý hiện đại, báo cáo đáng tin cậy và nhanh nhạy giữa các cơ quan và giữa các cấp. Tăng cường chế độ giám sát, kiểm tra việc thực hiện các chính sách, cơ chế đã được ban hành. Tiếp tục đẩy mạnh chống tham nhũng.

Cải cách hệ thống tư pháp, bảo đảm các quyền dân chủ của công dân, tăng cường các tổ chức hỗ trợ tư pháp. Nâng cao việc giám sát của công dân đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước. Xử lý nghiêm những cán bộ có hành vi tham nhũng, tiêu cực, không phân biệt vị trí, cấp bậc.

Có chương trình, kế hoạch *đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng thường xuyên cán bộ, công chức nhà nước*. Thực hiện chế độ bổ nhiệm công chức có thời hạn, chế độ luân chuyển công chức, tạo điều kiện cho công chức nâng cao trình độ chuyên môn và sát với dân. Tinh giản bộ máy hành chính một cách cơ bản. Có chính sách giải quyết thoả đáng số người dôi ra. Đổi mới và tăng cường hệ thống cơ quan nghiên cứu và tư vấn chính sách cho Nhà nước.

Hỗ trợ và khuyến khích các tổ chức hoạt động không vì lợi nhuận mà vì nhu cầu và lợi ích của nhân dân. Những tổ chức này có thể được Nhà nước uỷ quyền thực hiện một số nhiệm vụ, cung cấp một số dịch vụ công với sự giám sát của cộng đồng. Thông qua đó Nhà nước có thể tập trung sức lực để thực hiện những nhiệm vụ quan trọng hơn.

ĐIỀU LỆ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX
thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2001)

Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân tiến hành Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược, xóa bỏ chế độ thực dân phong kiến, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc.

Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản.

Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn của đất nước để đề ra Cương lĩnh chính

trị, đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân.

Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình, thương yêu đồng chí, kỷ luật nghiêm minh, đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ, chịu sự giám sát của nhân dân; dựa vào nhân dân để xây dựng đảng; đoàn kết và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng lãnh đạo, tôn trọng và phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Đảng kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân, góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới.

Đảng Cộng sản Việt Nam được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo cách mạng của Đảng.

Chương I

ĐẢNG VIÊN

Điều 1:

1. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam là chiến sĩ cách

mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng của Đảng, đặt lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động lên trên lợi ích cá nhân; chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có lao động, không bóc lột, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; có đạo đức và lối sống lành mạnh; gắn bó mật thiết với nhân dân; phục tùng tổ chức, kỷ luật của Đảng, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng.

2. Công dân Việt Nam từ mười tám tuổi trở lên thừa nhận và tự nguyện: thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ đảng viên, hoạt động trong một tổ chức cơ sở đảng; qua thực tiễn chứng tỏ là người ưu tú, được nhân dân tín nhiệm, đều có thể được xét để kết nạp vào Đảng.

Điều 2:

Đảng viên có nhiệm vụ:

1. Tuyệt đối trung thành với mục đích lý tưởng cách mạng của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; phục tùng tuyệt đối sự phân công và điều động của Đảng.

2. Không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ kiến thức, năng lực công tác, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, có lối sống lành mạnh; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, cục bộ, quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác.

3. Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân; tích

cực tham gia công tác quần chúng, công tác xã hội nơi làm việc và nơi ở; tuyên truyền vận động gia đình và nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Tham gia xây dựng, bảo vệ đường lối, chính sách và tổ chức của Đảng; phục tùng kỷ luật, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng; thường xuyên tự phê bình và phê bình, trung thực với Đảng; làm công tác phát triển đảng viên; sinh hoạt đảng và đóng đảng phí đúng quy định.

Điều 3:

Đảng viên có quyền:

1. Được thông tin và thảo luận các vấn đề về Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; biểu quyết công việc của Đảng.

2. Ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Phê bình, chất vấn về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức; báo cáo, kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời.

4. Trình bày ý kiến khi tổ chức đảng nhận xét, quyết định công tác hoặc thi hành kỷ luật đối với mình.

Đảng viên dự bị có các quyền trên đây, trừ quyền biểu quyết, ứng cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo của Đảng.

Điều 4:

Thủ tục kết nạp đảng viên (kể cả kết nạp lại):

1. Người vào Đảng phải:

- Có đơn tự nguyện xin vào Đảng;
- Báo cáo trung thực lý lịch với chi bộ;
- Được hai đảng viên chính thức giới thiệu.

Nơi có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, người vào Đảng trong độ tuổi thanh niên phải là đoàn viên, được ban chấp hành đoàn cơ sở và một đảng viên chính thức giới thiệu.

2. Người giới thiệu phải:

- Là đảng viên chính thức và cùng công tác với người vào Đảng ít nhất một năm;

- Báo cáo với chi bộ về lý lịch, phẩm chất, năng lực của người vào Đảng và chịu trách nhiệm về sự giới thiệu của mình. Có điều gì chưa rõ thì báo cáo để chi bộ và cấp trên xem xét.

3. Trách nhiệm của chi bộ và cấp ủy:

- Trước khi chi bộ xét và đề nghị kết nạp, chi ủy kiểm tra lại điều kiện của người vào Đảng và lấy ý kiến nhận xét của tổ chức đoàn thể nơi người đó sinh hoạt.

Vấn đề lịch sử chính trị của người vào Đảng phải thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

- Chi bộ xét và đề nghị kết nạp từng người một, khi được ít nhất hai phần ba số đảng viên chính thức trong chi bộ tán thành thì đề nghị lên cấp ủy cấp trên; khi có quyết định của cấp ủy cấp trên, chi bộ tổ chức lễ kết nạp từng người một.

- Đảng ủy cơ sở xét, nếu được ít nhất hai phần ba số cấp ủy viên tán thành kết nạp thì đề nghị lên cấp ủy cấp trên trực tiếp.

- Ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng hoặc cấp ủy cơ sở được ủy quyền xét, quyết định kết nạp từng người một.

4. Nơi chưa có đảng viên hoặc có đảng viên nhưng chưa đủ điều kiện giới thiệu thì cấp ủy cấp trên trực tiếp cử đảng viên về làm công tác tuyên truyền, xem xét, giới thiệu kết nạp vào Đảng.

Trường hợp đặc biệt do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

Điều 5:

1. Người được kết nạp vào Đảng phải trải qua thời kỳ dự bị mười hai tháng, tính từ ngày chi bộ tổ chức lễ kết nạp. Trong thời kỳ dự bị, chi bộ tiếp tục giáo dục, rèn luyện và phân công đảng viên chính thức giúp đảng viên đó tiến bộ.

2. Khi hết thời kỳ dự bị, chi bộ xét công nhận đảng viên chính thức từng người một và biểu quyết như khi xét kết nạp; nếu không đủ tư cách đảng viên thì đề nghị lên cấp ủy có thẩm quyền quyết định xóa tên trong danh sách đảng viên dự bị.

3. Nghị quyết của chi bộ về đề nghị công nhận đảng viên chính thức phải được cấp ủy có thẩm quyền quyết định.

4. Tuổi đảng của đảng viên tính từ ngày ghi trong quyết định công nhận đảng viên chính thức.

Điều 6:

Việc phát và quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và thủ tục chuyển sinh hoạt đảng do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

Điều 7:

Đảng viên tuổi cao, sức yếu, tự nguyện xin giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng do chi bộ xem xét, quyết định.

Điều 8:

1. Đảng viên bỏ sinh hoạt chi bộ hoặc không đóng đảng phí ba tháng trong năm mà không có lý do chính đáng; đảng

viên giảm sút ý chí phấn đấu, không làm nhiệm vụ đảng viên, đã được chi bộ giáo dục mà không tiến bộ thì chi bộ xem xét, đề nghị lên cấp có thẩm quyền xóa tên trong danh sách đảng viên.

2. Các trường hợp trên nếu đảng viên có khiếu nại thì chi bộ báo cáo cấp ủy có thẩm quyền xem xét.

3. Đảng viên xin ra khỏi Đảng do chi bộ xem xét, đề nghị cấp có thẩm quyền chuẩn y kết nạp quyết định.

Chương II

NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG

Điều 9:

Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nội dung cơ bản của nguyên tắc đó là:

1. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng do bầu cử lập ra, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

2. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi cấp là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp ủy).

3. Cấp ủy các cấp báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước đại hội cùng cấp, trước cấp ủy cấp trên và cấp dưới; định kỳ thông báo tình hình hoạt động của mình đến các tổ chức đảng trực thuộc, thực hiện tự phê bình và phê bình.

4. Tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghị quyết của Đảng. Thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục

tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương.

5. Nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Đảng chỉ có giá trị thi hành khi có hơn một nửa số thành viên trong cơ quan đó tán thành. Trước khi biểu quyết, mỗi thành viên được phát biểu ý kiến của mình. Đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên cấp ủy cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, không được truyền bá ý kiến trái với nghị quyết của Đảng. Cấp ủy có thẩm quyền nghiên cứu xem xét ý kiến đó; không phân biệt đối xử với đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số.

6. Tổ chức đảng quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn của mình, song không được trái với nguyên tắc, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của cấp trên.

Điều 10:

1. Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước.

2. Tổ chức cơ sở đảng được lập tại đơn vị cơ sở hành chính, sự nghiệp, kinh tế hoặc công tác, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh. Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam theo quy định tại Chương VI. Việc lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định lập hoặc giải thể đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

Điều 11:

1. Cấp ủy triệu tập đại hội khi hết nhiệm kỳ, thông báo trước cho cấp dưới về thời gian và nội dung đại hội.

2. Cấp ủy triệu tập đại hội quyết định số lượng đại biểu và phân bổ cho các đảng bộ trực thuộc căn cứ vào số lượng đảng viên, số lượng đảng bộ trực thuộc, vị trí quan trọng của từng đảng bộ, theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Đại biểu dự đại hội gồm các ủy viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội và đại biểu do đại hội cấp dưới bầu.

4. Việc chỉ định đại biểu chỉ thực hiện đối với tổ chức đảng hoạt động trong điều kiện đặc biệt không thể mở đại hội để bầu cử được, theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

5. Đại biểu dự đại hội phải được đại hội thẩm tra tư cách và biểu quyết công nhận. Cấp ủy triệu tập đại hội không được bác bỏ tư cách đại biểu do đại hội cấp dưới bầu, trừ trường hợp đại biểu đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy, bị khởi tố, truy tố, tạm giam.

6. Đại hội chỉ hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba số đại biểu hoặc đảng viên được triệu tập tham dự và có ít nhất hai phần ba số tổ chức đảng trực thuộc có đại biểu tham dự.

7. Đại hội bầu đoàn chủ tịch (chủ tịch) để điều hành công việc của đại hội.

Điều 12:

1. Cấp ủy viên phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh; chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có kiến thức và năng lực tham gia lãnh đạo tập thể, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đoàn kết cán bộ, đảng viên, được quần chúng tín nhiệm.

2. Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương do Đại hội đại biểu toàn quốc quyết định; số lượng cấp ủy viên cấp nào do đại hội cấp đó quyết định, theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương. Cấp ủy các cấp cần được đổi mới, bảo đảm tính kế thừa và phát triển qua mỗi lần đại hội.

3. Đoàn chủ tịch (chủ tịch) hướng dẫn bầu cử:

- Đại biểu có quyền nhận xét, chất vấn về người ứng cử và người được đề cử;

- Danh sách bầu cử do đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua;

- Bầu cử bằng phiếu kín;

- Người trúng cử phải được số phiếu bầu quá một nửa so với tổng số đại biểu được triệu tập hoặc so với tổng số đảng viên chính thức của đảng bộ, chi bộ.

Trường hợp số người có số phiếu quá một nửa nhiều hơn số lượng cần bầu thì lấy số người có số phiếu cao hơn; nếu ở cuối danh sách trúng cử có nhiều người ngang phiếu nhau và nhiều hơn số lượng cần bầu thì bầu lại số người ngang phiếu đó để lấy người có số phiếu cao hơn, không cần phải quá một nửa. Trường hợp bầu lại mà số phiếu vẫn ngang nhau, có bầu nữa hay không do đại hội quyết định.

Nếu bầu một lần mà chưa đủ số lượng quy định, có bầu thêm nữa hay không do đại hội quyết định.

Điều 13:

1. Cấp ủy khóa mới nhận sự bàn giao từ cấp ủy khóa trước, điều hành công việc ngay sau khi được bầu và được công nhận chính thức khi có quyết định chuẩn y của cấp ủy cấp trên trực tiếp.

2. Việc bổ sung cấp ủy viên thiếu do cấp ủy đề nghị, cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định; số lượng cấp ủy viên sau khi

bổ sung không vượt quá tổng số cấp ủy viên do đại hội đã bầu. Khi thật cần thiết, cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định tăng thêm một số cấp ủy viên cấp dưới.

3. Khi thật cần thiết, cấp ủy cấp trên có quyền điều động một số cấp ủy viên cấp dưới, nhưng không quá một phần ba tổng số cấp ủy viên do đại hội đã bầu.

4. Cấp ủy viên xin rút khỏi cấp ủy, do cấp ủy xem xét đề nghị lên cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định; đối với Ủy viên Trung ương, do Ban Chấp hành Trung ương quyết định. Cấp ủy viên đương nhiệm ở đảng bộ từ cấp tỉnh trở xuống, khi có quyết định nghỉ công tác để nghỉ hưu hoặc chuyển công tác đến đơn vị khác ngoài đảng bộ thì thôi tham gia các cấp ủy đương nhiệm ở đảng bộ đó.

Đối với Ủy viên Trung ương khi có quyết định thôi giữ chức vụ trong các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể để nghỉ hưu thì thôi tham gia Ban Chấp hành Trung ương đương nhiệm.

5. Đối với tổ chức đảng mới thành lập, cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định cấp ủy lâm thời; chậm nhất trong vòng một năm kể từ ngày có quyết định chỉ định, tổ chức đảng đó phải tiến hành đại hội; nếu kéo dài thêm thời gian phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý.

6. Đối với tổ chức đảng không thể mở đại hội được, cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định cấp ủy của tổ chức đảng đó.

Điều 14:

1. Cấp ủy mỗi cấp lập các cơ quan tham mưu giúp việc theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

2. Khi cần, cấp ủy lập tiểu ban, hội đồng, tổ công tác và giải thể khi hoàn thành nhiệm vụ.

Chương III

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG Ở CẤP TRUNG ƯƠNG

Điều 15:

1. Đại hội đại biểu toàn quốc do Ban Chấp hành Trung ương triệu tập thường lệ năm năm một lần; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm.

2. Đại hội đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết của nhiệm kỳ vừa qua; quyết định đường lối, chính sách của Đảng nhiệm kỳ tới; bầu Ban Chấp hành Trung ương; bổ sung, sửa đổi Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng khi cần.

3. Khi Ban Chấp hành Trung ương xét thấy cần hoặc khi có hơn một nửa số cấp ủy trực thuộc yêu cầu thì Ban Chấp hành Trung ương triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường. Đại biểu dự Đại hội bất thường là các Ủy viên Trung ương đương nhiệm, đại biểu đã dự Đại hội đại biểu toàn quốc đầu nhiệm kỳ, đủ tư cách.

Điều 16:

1. Ban Chấp hành Trung ương tổ chức chỉ đạo thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đại hội; quyết định những chủ trương, chính sách về đối nội, đối ngoại, công tác quần chúng và công tác xây dựng đảng; chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng nhiệm kỳ tiếp theo, Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường (nếu có).

2. Ban Chấp hành Trung ương họp thường lệ sáu tháng một lần; họp bất thường khi cần.

Điều 17:

1. Ban Chấp hành Trung ương bầu Bộ Chính trị; bầu Tổng Bí thư trong số Ủy viên Bộ Chính trị; thành lập Ban Bí

thư gồm Tổng Bí thư, một số Ủy viên Bộ Chính trị do Bộ Chính trị phân công và một số Ủy viên Ban Bí thư do Ban Chấp hành Trung ương bầu trong số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương; bầu Ủy ban Kiểm tra Trung ương; bầu Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong số Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Số lượng Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư và Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

Đồng chí Tổng Bí thư giữ chức vụ Tổng Bí thư không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

2. Bộ Chính trị lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương; quyết định những vấn đề về chủ trương, chính sách, tổ chức, cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương; báo cáo công việc đã làm trước hội nghị Ban Chấp hành Trung ương hoặc theo yêu cầu của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Ban Bí thư lãnh đạo công việc hằng ngày của Đảng: chỉ đạo công tác xây dựng đảng và công tác quần chúng; kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; chỉ đạo sự phối hợp hoạt động giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị; quyết định một số vấn đề về tổ chức, cán bộ và một số vấn đề khác theo sự phân công của Ban Chấp hành Trung ương; chỉ đạo hoặc kiểm tra việc chuẩn bị các vấn đề đưa ra Bộ Chính trị thảo luận và quyết định.

Chương IV

**CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG
Ở CÁC CẤP ĐỊA PHƯƠNG**

Điều 18:

1. Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đảng bộ huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh do cấp ủy cùng cấp triệu tập thường lệ năm năm một lần; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm.

2. Đại hội thảo luận văn kiện của cấp ủy cấp trên; đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua; quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới; bầu cấp ủy; bầu đại biểu đi dự Đại hội cấp trên.

3. Khi cấp ủy xét thấy cần hoặc khi có trên một nửa số cấp ủy trực thuộc yêu cầu và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý thì triệu tập đại hội đại biểu bất thường.

Đại biểu dự đại hội đại biểu bất thường là các cấp ủy viên đương nhiệm, đại biểu đã dự đại hội đại biểu đảng bộ đầu nhiệm kỳ, đang sinh hoạt tại đảng bộ, đủ tư cách.

Điều 19:

1. Cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là tỉnh ủy, thành ủy), cấp ủy huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi tắt là huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy) lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu; nghị quyết, chỉ thị của cấp trên.

2. Hội nghị tỉnh ủy, thành ủy, huyện ủy, quận ủy, thị ủy do ban thường vụ triệu tập thường lệ ba tháng một lần; họp bất thường khi cần.

Điều 20:

1. Hội nghị tỉnh ủy, thành ủy, huyện ủy, quận ủy, thị ủy bầu ban thường vụ; bầu bí thư và phó bí thư trong số ủy viên thường vụ; bầu ủy ban kiểm tra; bầu chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trong số ủy viên ủy ban kiểm tra.

2. Số lượng ủy viên ban thường vụ và ủy viên ủy ban kiểm tra do cấp ủy quyết định theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Ban thường vụ lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của đại hội đại biểu, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy cùng cấp và cấp trên; quyết định những vấn đề về chủ trương, tổ chức, cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của cấp ủy.

4. Thường trực cấp ủy gồm bí thư, các phó bí thư, chỉ đạo kiểm tra thực hiện nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy, của ban thường vụ và cấp ủy cấp trên; giải quyết công việc hằng ngày của đảng bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của ban thường vụ.

Chương V

TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

Điều 21:

1. Tổ chức cơ sở đảng (chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở) là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở.

2. Ở xã, phường, thị trấn, cơ quan, hợp tác xã, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đơn vị cơ sở trong quân đội, công an và các đơn vị cơ sở khác có từ ba đảng viên chính thức trở lên, lập tổ chức cơ sở đảng; nếu chưa đủ ba đảng viên chính thức

thì cấp ủy cấp trên trực tiếp giới thiệu đảng viên sinh hoạt ở tổ chức cơ sở đảng thích hợp.

3. Tổ chức cơ sở đảng dưới ba mươi đảng viên, lập chi bộ cơ sở, có các tổ đảng trực thuộc.

4. Tổ chức cơ sở đảng có từ ba mươi đảng viên trở lên, lập đảng bộ cơ sở, có các chi bộ trực thuộc đảng ủy.

5. Những trường hợp sau đây, cấp ủy cấp dưới phải báo cáo và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý mới được thực hiện:

- Lập đảng bộ cơ sở trong đơn vị cơ sở chưa đủ ba mươi đảng viên.

- Lập chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở có hơn ba mươi đảng viên.

- Lập đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng ủy cơ sở.

Điều 22:

1. Đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên của tổ chức cơ sở đảng do cấp ủy cơ sở triệu tập: cơ sở xã, phường, thị trấn năm năm một lần; các cơ sở khác năm năm hai lần; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm đối với xã, phường và sáu tháng đối với các cơ sở khác.

2. Đại hội thảo luận văn kiện của cấp trên; đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua; quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới; bầu cấp ủy; bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

3. Khi cấp ủy xét thấy cần hoặc khi có trên một nửa số tổ chức đảng trực thuộc yêu cầu và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý thì triệu tập đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên bất thường.

Đại biểu dự đại hội đại biểu bất thường là các cấp ủy viên đương nhiệm, đại biểu đã dự đại hội đại biểu đảng bộ đầu nhiệm kỳ, đang sinh hoạt tại đảng bộ, đủ tư cách. Dự đại hội đảng viên bất thường là những đảng viên của đảng bộ đó.

4. Đảng ủy, chi ủy cơ sở họp thường lệ mỗi tháng một lần; họp bất thường khi cần.

5. Đảng ủy cơ sở có từ chín ủy viên trở lên bầu ban thường vụ; bầu bí thư, phó bí thư trong số ủy viên thường vụ; dưới chín ủy viên chỉ bầu bí thư, phó bí thư.

Điều 23:

Tổ chức cơ sở đảng có nhiệm vụ:

1. Chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đề ra chủ trương, nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, chi bộ và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả.

2. Xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ luật và tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng; thường xuyên giáo dục, rèn luyện và quản lý cán bộ, đảng viên, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, tính chiến đấu, trình độ kiến thức, năng lực công tác; làm công tác phát triển đảng viên.

3. Lãnh đạo xây dựng chính quyền, các tổ chức kinh tế, hành chính, sự nghiệp, quốc phòng, an ninh và các đoàn thể chính trị - xã hội trong sạch, vững mạnh; chấp hành đúng pháp luật và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

4. Liên hệ mật thiết với nhân dân, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân; lãnh đạo nhân dân tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

5. Kiểm tra việc thực hiện, bảo đảm các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước được chấp hành nghiêm chỉnh; kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng.

Đảng ủy cơ sở nếu được cấp ủy cấp trên trực tiếp ủy quyền thì được quyết định kết nạp và khai trừ đảng viên.

Điều 24:

1. Chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở được tổ chức theo nơi làm việc hoặc nơi ở của đảng viên; mỗi chi bộ ít nhất có ba đảng viên chính thức. Chi bộ đông đảng viên có thể chia thành nhiều tổ đảng; tổ đảng bầu tổ trưởng, nếu cần thì bầu tổ phó; tổ đảng hoạt động dưới sự chỉ đạo của chi ủy.

2. Chi bộ lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị; giáo dục, quản lý và phân công công tác cho đảng viên; làm công tác vận động quần chúng và công tác phát triển đảng viên; kiểm tra, thi hành kỷ luật đảng viên; thu, nộp đảng phí. Chi bộ, chi ủy họp thường lệ mỗi tháng một lần.

3. Đại hội chi bộ do chi ủy triệu tập mỗi năm một lần; nơi chưa có chi ủy thì do bí thư chi bộ triệu tập. Khi được đảng ủy cơ sở đồng ý có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá ba tháng.

4. Chi bộ có dưới chín đảng viên chính thức, bầu bí thư chi bộ; nếu cần, bầu phó bí thư. Chi bộ có chín đảng viên chính thức trở lên, bầu chi ủy, bầu bí thư và phó bí thư chi bộ trong số chi ủy viên.

Chương VI

**TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
VIỆT NAM VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM**

Điều 25:

1. Đảng lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt; xây

dựng Quân đội và Công an trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tham gia xây dựng đất nước.

2. Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam hoạt động theo Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Các ban của cấp ủy đảng theo chức năng giúp cấp ủy hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng đảng và công tác quần chúng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam.

Điều 26:

1. Đảng ủy Quân sự Trung ương (gọi tắt là Quân ủy Trung ương) do Bộ Chính trị chỉ định, gồm một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Quân đội và một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài Quân đội, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Quân ủy Trung ương nghiên cứu đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, nhiệm vụ quân sự và quốc phòng; lãnh đạo mọi mặt trong Quân đội.

3. Tổng cục Chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị trong toàn quân, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Ban Bí thư và trực tiếp, thường xuyên của Quân ủy Trung ương. Ở mỗi cấp có cơ quan chính trị và cán bộ chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị dưới sự lãnh

đạo của cấp ủy đảng cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên.

Điều 27:

1. Cấp ủy đảng trong bộ đội chủ lực và bộ đội biên phòng ở cấp nào do đại hội cấp đó bầu, lãnh đạo các đơn vị thuộc cấp mình về mọi mặt; trường hợp đặc biệt do cấp ủy cấp trên chỉ định.

2. Đảng ủy quân khu gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân khu do đại hội cùng cấp bầu và các đồng chí bí thư tỉnh, thành ủy trên địa bàn quân khu được chỉ định tham gia; lãnh đạo thực hiện nghị quyết của cấp trên, nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; phối hợp với cấp ủy địa phương thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trong quân khu.

3. Tổ chức đảng quân sự địa phương ở cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương cấp đó về mọi mặt, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng ủy quân sự cấp trên về nhiệm vụ quốc phòng toàn dân và công tác quân sự địa phương. Cơ quan chính trị cấp trên phối hợp với cấp ủy địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang địa phương.

4. Đảng ủy quân sự tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân sự địa phương do đại hội cùng cấp bầu, đồng chí bí thư cấp ủy địa phương và một số đồng chí ngoài đảng bộ quân sự địa phương được chỉ định tham gia theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Điều 28:

1. Đảng ủy Công an Trung ương do Bộ Chính trị chỉ định gồm một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác

trong Công an nhân dân và một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài Công an nhân dân, một số đồng chí công tác thuộc Đảng bộ Công an Trung ương, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Đảng ủy Công an Trung ương nghiên cứu đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, chính sách, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; lãnh đạo mọi mặt công tác trong công an.

2. Cấp ủy công an cấp nào do đại hội cấp đó bầu, trường hợp thật cần thiết do cấp ủy cấp trên chỉ định. Cấp ủy lãnh đạo các đơn vị thuộc cấp mình về mọi mặt.

3. Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong các đơn vị thuộc đảng bộ công an, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Công an Trung ương; phối hợp với cấp ủy địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an địa phương.

4. Cơ quan xây dựng lực lượng công an mỗi cấp đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng trong đảng bộ, hoạt động dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan xây dựng lực lượng cấp trên.

Điều 29:

1. Tổ chức đảng Công an nhân dân địa phương cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy cấp đó, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng ủy công an cấp trên về giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; lãnh đạo xây dựng lực lượng Công an nhân dân ở địa phương và xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

2. Đảng ủy công an tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã do đại hội cùng cấp bầu và đồng chí ủy viên thường vụ cấp ủy tỉnh, thành, huyện, quận, thị ủy được chỉ định tham gia.

Chương VII

CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA ĐẢNG VÀ ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

Điều 30:

1. Kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng. Tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra. Tổ chức đảng và đảng viên chịu sự kiểm tra của Đảng.

2. Các cấp ủy đảng lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Điều 31:

1. Ủy ban kiểm tra các cấp do cấp ủy cùng cấp bầu, gồm một số đồng chí trong cấp ủy và một số đồng chí ngoài cấp ủy.

2. Các thành viên ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y, nếu điều động chủ nhiệm ủy ban kiểm tra sang công tác khác phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý.

3. Ủy ban kiểm tra làm việc theo chế độ tập thể, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy cùng cấp và sự chỉ đạo, kiểm tra của ủy ban kiểm tra cấp trên.

Điều 32:

Ủy ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ:

1. Kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.
2. Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các nguyên tắc tổ chức của Đảng; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng.
3. Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, quyết định hoặc đề nghị cấp ủy thi hành kỷ luật.
4. Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên; giải quyết khiếu nại về kỷ luật Đảng.
5. Kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp.

Điều 33:

Ủy ban kiểm tra có quyền yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra.

Chương VIII

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 34:

Tổ chức đảng và đảng viên có thành tích được khen thưởng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Điều 35:

1. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật phải xử lý công minh, chính xác, kịp thời.

2. Hình thức kỷ luật:

- Đối với tổ chức đảng: khiển trách, cảnh cáo, giải tán;
- Đối với đảng viên chính thức: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ;
- Đối với đảng viên dự bị: khiển trách, cảnh cáo.

Điều 36:

Thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm:

1. Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ.

Đảng ủy cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ, cách chức cấp ủy viên cấp dưới.

Đảng ủy cơ sở được ủy quyền quyết định kết nạp đảng viên thì có quyền quyết định khai trừ đảng viên, nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý.

2. Cấp ủy tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên cùng cấp.

Ban thường vụ cấp ủy quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp và cấp trên.

3. Ban Chấp hành Trung ương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, nhưng không phải là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

4. Ủy ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp; quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý và cấp ủy viên cấp dưới trực tiếp.

5. Cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp trên có quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật do cấp dưới quyết định.

6. Đảng viên giữ nhiều chức vụ bị kỷ luật cách chức thì tùy mức độ, tính chất vi phạm mà cách một hay nhiều chức vụ.

Điều 37:

Thẩm quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng vi phạm:

1. Cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định khiển trách, cảnh cáo tổ chức đảng cấp dưới.

2. Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng do cấp ủy cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp ủy cấp trên cách một cấp quyết định. Quyết định này phải báo cáo lên cấp ủy cấp trên trực tiếp và Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

3. Chỉ giải tán một tổ chức đảng khi tổ chức đó phạm một trong các trường hợp: có hành động chống đường lối, chính sách của Đảng; vi phạm đặc biệt nghiêm trọng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng hoặc pháp luật của Nhà nước.

Điều 38:

1. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm không thuộc thẩm quyền quyết định kỷ luật của cấp mình thì đề nghị lên cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới không xử lý hoặc xử lý không đúng mức đối với tổ chức đảng và đảng viên vi

phạm thì cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên quyết định các hình thức kỷ luật theo thẩm quyền, đồng thời xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng đó.

3. Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng và khai trừ đảng viên phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của tổ chức đảng cấp dưới đề nghị và do tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định.

Điều 39:

1. Đảng viên vi phạm phải kiểm điểm trước chi bộ, tự nhận hình thức kỷ luật; nếu từ chối kiểm điểm hoặc bị tạm giam, tổ chức đảng vẫn tiến hành xem xét kỷ luật. Trường hợp cần thiết, cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp có thẩm quyền trực tiếp xem xét kỷ luật.

2. Tổ chức đảng vi phạm phải kiểm điểm, tự nhận hình thức kỷ luật và báo cáo lên cấp ủy cấp trên quyết định.

3. Trước khi quyết định kỷ luật, đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền nghe đảng viên vi phạm hoặc đại diện tổ chức đảng vi phạm trình bày ý kiến.

4. Quyết định của cấp dưới về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải báo cáo lên cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp; nếu đảng viên vi phạm tham gia nhiều cơ quan lãnh đạo của Đảng thì phải báo cáo đến các cơ quan lãnh đạo cấp trên mà đảng viên đó là thành viên.

5. Quyết định của cấp trên về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải được thông báo đến cấp dưới, nơi có tổ chức đảng và đảng viên vi phạm; trường hợp cần thông báo rộng hơn thì do cấp ủy có thẩm quyền quyết định.

6. Kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm có hiệu lực ngay sau khi công bố quyết định.

7. Tổ chức đảng, đảng viên không đồng ý với quyết định kỷ luật thì trong vòng một tháng, kể từ ngày nhận quyết định, có quyền khiếu nại với cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương.

Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật, thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

8. Khi nhận khiếu nại kỷ luật, cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra thông báo cho tổ chức đảng hoặc đảng viên khiếu nại biết; chậm nhất ba tháng đối với cấp tỉnh, thành phố, huyện, quận và tương đương, sáu tháng đối với cấp Trung ương, kể từ ngày nhận được khiếu nại, phải xem xét, giải quyết, trả lời cho tổ chức đảng và đảng viên khiếu nại biết.

9. Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức đảng và đảng viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật.

Điều 40:

1. Đảng viên bị hình phạt tù cải tạo không giam giữ trở lên phải khai trừ ra khỏi Đảng.

2. Tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán, cấp ủy cấp trên trực tiếp lập tổ chức đảng mới hoặc giới thiệu sinh hoạt đảng cho số đảng viên còn lại.

3. Đảng viên bị kỷ luật cách chức, trong vòng một năm, kể từ ngày có quyết định, không được bầu vào cấp ủy, không được bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương và cao hơn.

4. Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng phải được cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra có

thẩm quyền quyết định theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Chương IX

ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÀ NƯỚC VÀ ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Điều 41:

1. Đảng lãnh đạo Nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội bằng Cương lĩnh chính trị, chiến lược, chính sách, chủ trương; bằng công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ và kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

2. Đảng giới thiệu cán bộ đủ tiêu chuẩn để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội.

3. Tổ chức đảng và đảng viên công tác trong cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, chỉ thị của Đảng; tổ chức đảng lãnh đạo việc cụ thể hóa thành các văn bản luật pháp của Nhà nước, chủ trương của đoàn thể; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả.

Điều 42:

1. Trong cơ quan lãnh đạo của Nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội cấp trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, do bầu cử lập ra, cấp ủy cùng cấp lập đảng đoàn gồm một số đảng viên công tác trong tổ chức đó. Nơi không lập đảng đoàn thì tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan đó thực hiện chức năng lãnh đạo theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

2. Đảng đoàn do cấp ủy cùng cấp chỉ định; có bí thư, nếu cần, có phó bí thư. Đảng đoàn làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm trước cấp ủy.

3. Đảng đoàn lãnh đạo, thuyết phục các thành viên trong tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; liên hệ mật thiết với nhân dân; đề xuất với cấp ủy về phương hướng, nhiệm vụ, tổ chức, cán bộ và quyết định theo thẩm quyền; kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng.

4. Khi cần, đảng đoàn triệu tập các đảng viên trong tổ chức để thảo luận chủ trương của cấp ủy và bàn biện pháp thực hiện.

Điều 43:

1. Trong cơ quan hành pháp, tư pháp cấp trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cấp ủy cùng cấp lập ban cán sự đảng gồm một số đảng viên công tác trong tổ chức đó. Nơi không lập ban cán sự đảng thì tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan đó thực hiện chức năng lãnh đạo theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

2. Ban cán sự đảng do cấp ủy cùng cấp chỉ định; có bí thư, nếu cần, có phó bí thư. Ban cán sự đảng làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm trước cấp ủy.

3. Ban cán sự đảng lãnh đạo quán triệt và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; đề xuất với cấp ủy về phương hướng, nhiệm vụ, tổ chức, cán bộ và quyết định theo thẩm quyền; kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng.

Chương X

**ĐẢNG LÃNH ĐẠO ĐOÀN THANH NIÊN
CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH**

Điều 44:

1. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng, thường xuyên bổ sung lực lượng trẻ cho Đảng, kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; là lực lượng nòng cốt trong phong trào thanh niên; là trường học xã hội chủ nghĩa; đại diện quyền lợi của thanh niên; phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.

2. Cấp uỷ đảng lãnh đạo trực tiếp tổ chức đoàn cùng cấp về phương hướng, nhiệm vụ, tư tưởng, tổ chức, cán bộ.

Điều 45:

Đảng viên còn trong độ tuổi đoàn phải sinh hoạt và công tác trong tổ chức đoàn.

Chương XI

TÀI CHÍNH CỦA ĐẢNG

Điều 46:

1. Tài chính của Đảng gồm đảng phí do đảng viên đóng, từ ngân sách nhà nước và các khoản thu khác.

2. Ban Chấp hành Trung ương quy định thống nhất nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng, mức đóng đảng phí của đảng viên.

3. Hằng năm, cấp uỷ nghe báo cáo và quyết định nhiệm vụ tài chính của cấp mình.

Chương XII

CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Điều 47:

Tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Đảng.

Điều 48:

Chỉ Đại hội đại biểu toàn quốc mới có quyền sửa đổi Điều lệ Đảng.

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ IX ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam họp từ ngày 19-4-2001 đến ngày 22-4-2001 tại Thủ đô Hà Nội,

QUYẾT NGHỊ

1. Thông qua Báo cáo chính trị, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 và Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 của Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII trình Đại hội; giao cho Ban Chấp hành Trung ương khoá IX căn cứ vào kết quả biểu quyết và những kết luận của Đại hội để hoàn chỉnh và chính thức ban hành.

2. Thông qua toàn văn Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đã được bổ sung, sửa đổi.

3. Giao cho Ban Chấp hành Trung ương khoá IX và các cấp uỷ đảng xây dựng kế hoạch và chương trình hành động cụ thể để tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối và những chủ trương đã nêu trong các văn kiện Đại hội.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, phát huy truyền thống về

vang và sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc, của toàn Đảng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước tiến lên trong thế kỷ XXI.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2001

**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ IX
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

DIỄN VĂN BẾ MẠC
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ IX
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Do đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX trình bày,
ngày 22 tháng 4 năm 2001)

Thưa Đoàn Chủ tịch,

Thưa các đồng chí đại biểu,

Thưa các vị khách quốc tế và các vị khách mời của Đại hội,

Sau những ngày làm việc tích cực, khẩn trương và đầy tinh thần trách nhiệm trước toàn Đảng và toàn dân, chúng ta đã hoàn thành toàn bộ chương trình của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Đại hội đã thảo luận và nhất trí thông qua các văn kiện quan trọng: Báo cáo chính trị; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010; Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005; Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi).

Các văn kiện được thông qua tại Đại hội là sản phẩm kết tinh trí tuệ, thể hiện ý chí và quyết tâm của toàn Đảng và toàn dân ta; là sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những giá trị của nhân loại vào giai đoạn cách mạng hiện nay của nước ta.

Đường lối do Đại hội IX đề ra là một bước phát triển và cụ thể hóa Cương lĩnh chính trị năm 1991, tiếp tục phát triển đường lối của Đại hội VI, Đại hội VII và Đại hội VIII của Đảng. Những quyết định chính trị trọng đại của Đại hội thể hiện trong các văn kiện cho phép chúng ta khẳng định rằng Đại hội đánh dấu một bước trưởng thành mới của Đảng, đáp ứng ý chí và nguyện vọng của toàn Đảng và toàn dân.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm những đồng chí có đủ tiêu chuẩn, phẩm chất và năng lực, tiêu biểu cho hơn 2 triệu đảng viên của Đảng, thể hiện tính liên tục, kế thừa và đổi mới. Đại hội mong muốn và tin tưởng mỗi thành viên và toàn thể Ban Chấp hành Trung ương khóa IX hãy xứng đáng với sự ủy thác của toàn Đảng, trên mỗi cương vị được giao hãy ra sức rèn luyện, phấn đấu về mọi mặt, thực sự là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân như lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến, góp phần tích cực xây dựng Ban Chấp hành Trung ương - Bộ Tham mưu chiến đấu cao nhất của Đảng ta - thực sự có đủ phẩm chất, bản lĩnh, trí tuệ, năng lực lãnh đạo toàn Đảng và toàn dân thực hiện thắng lợi đường lối do Đại hội đề ra.

Với những kết quả nói trên, chúng ta có thể báo cáo với toàn Đảng, toàn dân: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam đã thành công tốt đẹp.

Thưa các đồng chí,

Kết quả Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng ta có ý nghĩa rất to lớn, mở ra một thời kỳ mới phát triển đất nước trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI.

Tương lai của dân tộc ta rất sáng lạn, song con đường đi tới còn không ít khó khăn, thử thách. Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới trong thời kỳ mới tùy thuộc vào khả năng

nhận rõ và chủ động nắm bắt thời cơ, khắc phục nguy cơ của đất nước và của từng ngành, từng lĩnh vực và địa bàn cụ thể. Vì vậy, trong nhận thức và trong hành động của mỗi cán bộ, đảng viên và mỗi người dân phải quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm và các quyết sách do Đại hội IX đề ra, nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường của dân tộc, đồng thời mở rộng quan hệ với bạn bè trên thế giới; rèn luyện bản lĩnh, nắm vững thời cơ, khắc phục nguy cơ, bảo đảm ổn định và phát triển đất nước. Vì vậy, các cấp uỷ và tổ chức đảng cần tập trung chỉ đạo quá trình tổ chức nghiên cứu, quán triệt sâu sắc và quyết tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, biến Nghị quyết Đại hội thành hiện thực.

Để làm tròn nhiệm vụ trước dân tộc trong thời kỳ mới, yêu cầu vừa cơ bản, vừa cấp bách đối với Đảng ta là phải tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng luôn luôn trong sạch và vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, về phẩm chất đạo đức, trí tuệ, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu; phát huy ưu điểm và nhân tố mới, kiên quyết sửa chữa khuyết điểm và đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các tiêu cực, nhất là tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh từ chi bộ, cơ sở. Đó là yếu tố quyết định thành công của quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và là yếu tố sống còn đối với vận mệnh của Đảng.

Đại hội kêu gọi mỗi đảng viên của Đảng dù ở cương vị công tác nào, hãy ra sức rèn luyện phẩm chất đạo đức, trí tuệ, năng lực lãnh đạo và hoạt động thực tiễn để luôn luôn xứng đáng với danh hiệu quang vinh là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng được Chủ tịch Hồ Chí Minh xây dựng và rèn luyện, gương mẫu đi đầu và vận động nhân dân thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật

của Nhà nước. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta hãy tăng cường đoàn kết, phát huy truyền thống yêu nước trong thời kỳ mới, năng động và sáng tạo, ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ do Đại hội IX đề ra, làm cho đất nước ta sớm ra khỏi cảnh đói nghèo, kém phát triển, cơ bản trở thành nước công nghiệp theo mục tiêu mà Đại hội IX đã xác định, giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Thưa các đồng chí,

Đại hội đánh giá cao sự cống hiến trong nhiệm kỳ qua và rất cảm kích về đề nghị của nhiều đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị khóa VIII không tái ứng cử vào Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, tạo điều kiện trẻ hóa cơ quan lãnh đạo của Đảng trong nhiệm kỳ mới. Xin chúc các đồng chí mạnh khỏe, tiếp tục cống hiến khả năng và kinh nghiệm của mình cho sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới.

Thưa Đại hội,

Từ khi nhận nhiệm vụ Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương đến nay, các đồng chí Cố vấn Đỗ Mười, Lê Đức Anh và Võ Văn Kiệt đã tiếp tục có những cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của đất nước. Các đồng chí đã góp nhiều ý kiến quan trọng vào sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ Đại hội VIII đã đề ra. Từ đáy lòng mình, chúng ta chân thành chúc các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc, tiếp tục cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân.

Đại hội chúng ta trân trọng ghi nhận những đóng góp quan trọng của đồng chí Lê Khả Phiêu, kể từ khi nhận nhiệm vụ Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng đến nay, đã có những đóng góp tích cực trong việc tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, bảo đảm sự ổn định và phát triển của đất nước, mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao vị thế của nước ta trong khu vực và trên thế giới. Đồng chí đã có đóng góp quan trọng trong việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về xây dựng và chỉnh đốn Đảng, đoàn kết nội bộ, phát huy dân chủ trong sinh hoạt của Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương; tích cực chống tham nhũng. Đồng chí luôn kiên định lập trường cách mạng, sống giản dị, gần gũi và lắng nghe ý kiến nhân dân. Chúng ta xin chúc đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc, tiếp tục cống hiến cho Đảng, cho đất nước.

Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh và chân thành cảm ơn các đồng chí lão thành cách mạng, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các nhân sĩ, trí thức, các vị chức sắc tôn giáo, đồng bào, chiến sĩ cả nước và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đã đóng góp trí tuệ xây dựng các văn kiện Đại hội, lập nhiều thành tích chào mừng Đại hội và gửi đến Đại hội nhiều điện, thư chúc mừng nồng nhiệt.

Đại hội chân thành cảm ơn các đoàn đại biểu các Đảng Cộng sản, công nhân, các Đảng cầm quyền đã đem đến Đại hội, đến Đảng ta và nhân dân ta những tình cảm hữu nghị, chân tình, góp phần quý báu vào thành công của Đại hội.

Đại hội chân thành cảm ơn sự có mặt của đoàn ngoại giao, đại diện các tổ chức quốc tế tại nước ta, các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình trong nước và nước ngoài đã đến dự và đưa tin kịp thời về Đại hội.

Cũng từ diễn đàn trọng thể này, Đại hội chúng ta bày tỏ lòng biết ơn và tình đoàn kết sâu sắc của Đảng và nhân dân ta với các Đảng Cộng sản và công nhân cùng nhân dân và bầu bạn xa gần đã hết lòng ủng hộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta hơn bảy thập kỷ qua và trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

Đại hội biểu dương và cảm ơn Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội và toàn thể cán bộ, chuyên viên, các chiến sĩ, công nhân, nhân viên đã tận tụy ngày đêm phục vụ Đại hội, góp phần tích cực vào thành công của Đại hội.

Thưa các đồng chí,

Thành công của Đại hội là nguồn sức mạnh mới hết sức to lớn để tăng cường hơn nữa sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng và khối đại đoàn kết dân tộc. Chặng đường trước mắt có những thuận lợi mới và những cơ hội mới, đồng thời cũng đầy khó khăn và thách thức mới, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân đoàn kết một lòng, nỗ lực phấn đấu vượt qua.

Trước mắt chúng ta là việc tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết Đại hội, biến Nghị quyết của Đảng thành hành động của quần chúng, tạo ra những bước tiến mới trong tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội IX.

Được Đại hội trao cho gánh vác trọng trách trước Đảng và dân tộc, nhận rõ đầy đủ trách nhiệm nặng nề mà Đại hội giao cho, Ban Chấp hành Trung ương khóa IX và cá nhân tôi nguyện đem hết sức mình, đồng tâm hiệp lực, gương mẫu trong sinh hoạt và công tác, không ngừng nâng cao bản lĩnh và trí tuệ, nói đi đôi với làm, cùng toàn Đảng, toàn dân và toàn quân thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội.

Thưa các đồng chí,

Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam là Đại hội của trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới, thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc ta trong thời điểm trọng đại bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quyết tâm phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng, của dân tộc và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Với niềm phấn khởi và tin tưởng vào tương lai tươi sáng của đất nước, của dân tộc ta trong thế kỷ XXI, tôi xin long trọng tuyên bố bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Chú dẫn của Nhà xuất bản</i>	5
VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VI	7
- Diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam (Do đồng chí Nguyễn Văn Linh, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá V trình bày, ngày 15 tháng 12 năm 1986)	9
- Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá V tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (Do đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá V, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước trình bày, ngày 15 tháng 12 năm 1986)	14
- Phương hướng, mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế, xã hội trong 5 năm 1986 - 1990 (Do đồng chí Võ Văn Kiệt, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá V, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng trình bày, ngày 15 tháng 12 năm 1986)	142
- Đại hội VI tuyên dương công trạng to lớn vì Đảng, vì dân của các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ (Do đồng chí Phạm Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá V, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, thay mặt Đoàn Chủ tịch Đại hội trình bày, ngày 17 tháng 12 năm 1986)	200
	1135

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam về bổ sung và sửa đổi một số điểm cụ thể trong Điều lệ Đảng, ngày 18 tháng 12 năm 1986 202
- Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV thông qua, đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V và lần thứ VI bổ sung 213
- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 18 tháng 12 năm 1986 266
- Diễn văn bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam (Do đồng chí Nguyễn Văn Linh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI trình bày, ngày 18 tháng 12 năm 1986) 287

VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VII

291

- Diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII Đảng Cộng sản Việt Nam (Do đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI trình bày, ngày 24 tháng 6 năm 1991) 293
- Tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa (Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI về các Văn kiện Đại hội VII do đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh trình bày, ngày 24 tháng 6 năm 1991) 301
- Kết quả thảo luận các văn kiện Đại hội VII (Báo cáo của Đoàn Chủ tịch do đồng chí Đào Duy Tùng trình bày, ngày 27 tháng 6 năm 1991) 338
- Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng 350
- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 423
- Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 443

- Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII thông qua ngày 27 tháng 6 năm 1991) 488
- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII Đảng Cộng sản Việt Nam 517
- Diễn văn bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII Đảng Cộng sản Việt Nam (Do đồng chí Đỗ Mười, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII trình bày, ngày 27 tháng 6 năm 1991) 519

**VĂN KIẾN HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
GIỮA NHIỆM KỲ KHÓA VII**

525

- Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khoá VII (Do đồng chí Đỗ Mười, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII trình bày, ngày 20 tháng 1 năm 1994) 527
- Nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1994 - 1995, mở đầu thời kỳ mới của sự phát triển 576
- Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ Đảng Cộng sản Việt Nam 623

**VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ VIII**

625

- Diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (Do đồng chí Lê Đức Anh, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII trình bày, ngày 28 tháng 6 năm 1996) 627
- Tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội (Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII về các Văn kiện Đại hội VIII do đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười trình bày, ngày 28 tháng 6 năm 1996) 630
- Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng 666

- Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000 (Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng) 743
- Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII thông qua ngày 1 tháng 7 năm 1996) 812
- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam 841
- Diễn văn bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (Do đồng chí Đỗ Mười, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII trình bày, ngày 1 tháng 7 năm 1996) 843

**VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ IX**

847

- Diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (Do đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII trình bày, ngày 19 tháng 4 năm 2001) 849
- Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về các Văn kiện tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng do đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu trình bày, ngày 19 tháng 4 năm 2001) 854
- Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng) 891
- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 (Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng) 955

- Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005	1009
- Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2001)	1095
- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam	1126
- Diễn văn bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam (Do đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX trình bày, ngày 22 tháng 4 năm 2001)	1128

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Đảng Cộng sản Việt Nam

* VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XII

* VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẢNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI
PHẦN II (ĐẠI HỘI X, XI, XII)



SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẤT HẰNG